

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

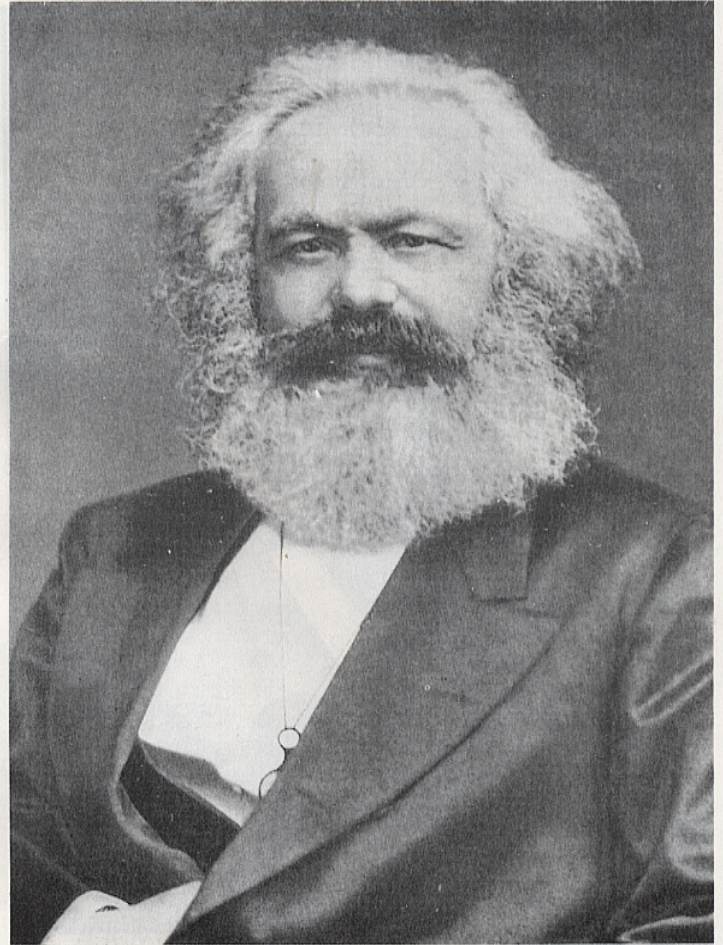
GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS. PTS. Trần Ngọc Hiên	Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, uỷ viên
PGS. Hà Học Hợi	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS. PTS. Phạm Xuân Nam	Phó giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Nhâm	Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản chính trị quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, uỷ viên

TOÀN TẬP

TẬP 4

(THÁNG NĂM 1846 - THÁNG BA 1848)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 1995



Karl Marx



F. Engels

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 4 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ bao gồm các tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong thời gian từ tháng Năm 1846 đến tháng Ba 1848.

Đây là thời kỳ hoàn thành về cơ bản quá trình hình thành chủ nghĩa Mác.

Những tác phẩm in trong tập này chứa đựng những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở triết học của chủ nghĩa cộng sản khoa học. Đi sâu phân tích các quan hệ kinh tế trong xã hội tư bản chủ nghĩa và nghiên cứu một cách có phê phán các tác phẩm của các nhà kinh tế học tư sản, hai nhà kinh điển đã tiến thêm một bước mới: xây dựng khoa kinh tế chính trị mác-xít, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác.

Trên cơ sở khái quát về mặt lý luận kinh nghiệm của phong trào công nhân cách mạng, hai ông đã xây dựng nên một cách cụ thể hơn những luận điểm chủ yếu của chủ nghĩa Mác về vai trò lịch sử toàn thể giới của giai cấp vô sản, về chuyên chính vô sản, về đảng cộng sản, về sách lược đấu tranh của giai cấp công nhân, v.v..

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ, t.4, do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1955. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 5-1995

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

THÔNG TRI CHỐNG CRI-GHÊ¹

Cuộc họp của những người cộng sản có tên sau đây: *Ăng-ghen, Gi-gô, Hanh-béc, Mác, Dai-lơ, Vai-tlinh, Phôn Ve-xtơ-pha-len* và *Vôn-phơ* để bàn về tờ báo tiếng Đức xuất bản ở Niu Oóc.

*"Volks - Tribun"*² do *Héc-man Cri-ghê* chủ biên

đã nhất trí - trừ có một mình *Vai-tlinh* là người "đã biểu quyết phản đối" - thông qua nghị quyết dưới đây, được trình bày rõ trong phần phụ lục.

Nghị quyết:

1) Xu hướng mà *Héc-man Cri-ghê*, tổng biên tập báo "*Volks - Tribun*" tuyên truyền trên báo đó không phải là xu hướng cộng sản.

2) Cái cách phô trương kiểu con nít mà *Cri-ghê* dùng để tuyên truyền cho xu hướng đó, hết sức làm tổn hại đến uy tín của đảng cộng sản ở châu Âu cũng như ở châu Mỹ, vì rằng *Cri-ghê* được coi là một đại biểu của giới trước tác của chủ nghĩa cộng sản Đức ở Niu Oóc.

3) Những lời nhảm nhí hoang đường, đa cảm mà *Cri-ghê* nhân danh "chủ nghĩa cộng sản" truyền bá ở Niu Oóc, sẽ làm cho công

nhân ngã lòng nản chí một cách cao độ, nếu như họ tiếp thu chúng.

4) Bản nghị quyết này cùng phần luận chứng của nó sẽ được thông báo tới những người cộng sản ở Đức, ở Pháp và ở Anh.

5) Một bản được gửi tới ban biên tập báo "Volks - Tribun" kèm theo yêu cầu cho đăng nghị quyết này cùng phần luận chứng của nó trên những số báo sắp tới của tờ báo.

Bruy-xen, ngày 11 tháng Năm 1846

*Ăng-ghen, Ph.Gi-gô,
Lu-i Hanh-béc, C.Mác, Dai-lơ,
Phôn Ve-xtơ-pha-len, Vôn-phơ*

PHẦN THỨ NHẤT VIỆC BIẾN CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN THÀNH NHỮNG LỜI MÊ SẢNG VỀ TÌNH YÊU

Báo "Volks - Tribun" số 13 có một bài nhan đề "Gửi chị em phụ nữ".

- 1) "Phụ nữ là những đệ tử của *tình yêu*".
- 2) "Chính là *tình yêu* đã phái chúng ta tới đây".
- 3) "Những môn đệ của *tình yêu*".

a) Một bản in-te-mét-xô^{1*} bằng văn xuôi: "Những ánh mắt nồng cháy của lòng nhân đạo"; "những âm thanh của chân lý".

b) Tính chất giả dối và dốt nát của captatio benevolentiae^{2*} của người phụ nữ: "Thậm chí trong bộ trang phục nữ hoàng chị em cũng vẫn cứ là *phụ nữ*... chị em cũng chưa học được cách lợi dụng nước mắt những kẻ bất hạnh. Các bạn quá ư tốt bụng cho nên không thể vì lợi ích của mình mà mặc cho đứa trẻ bất hạnh chết đói trên tay *bà mẹ*".

4) "Tương lai của đứa trẻ *được yêu thương*".

5) "Những chị em *được yêu*".

6) "Ồ, hãy nghe chúng tôi, *tình yêu* sẽ bị chị em phản bội, nếu như chị em không làm điều đó".

7) "Dành cho *tình yêu*".

^{1*} - bản nhạc xen kẽ giữa hai lớp trong vở nhạc kịch

^{2*} - mưu toan gây được sự cảm tình

8) "Bằng *tình yêu*".

9) "Vì *tình yêu*".

10) "Sự nghiệp thiêng liêng nhất của *tình yêu* mà chúng tôi kêu gọi chị em hướng tới" (mong mỏi).

c) Một đoạn văn tầm thường mang tinh thần kinh thánh: "Phụ nữ vốn mang sứ mạng đẻ ra những đứa con của nhân loại", điều này tương đồng với sự khẳng định: đàn ông không đẻ con.

11) "*Tình thân thiêng liêng* cộng đồng tất phải phát triển từ *trái tim* chứa chan *yêu thương*".

d) Ave Maria^{1*} như một câu đệm: "Chị em phụ nữ, chị em là những người có *phúc*, có *đại phúc* vì rằng chị em được trao bốn phần đem lại *sự thiêng liêng đầu tiên* cho cái vương quốc hạnh phúc *đã được tiên đoán từ lâu*".

12) "Những chị em *được yêu*":

13) "Thay cho *tình yêu* là lòng hận thù" (sự tương phản giữa xã hội tư sản với xã hội cộng sản).

14) "Ôi *những người được yêu!*".

15) "Đưa *tình yêu* lên ngai vàng".

16) "Những con người hăng hái được gắn bó bởi *tình yêu thương* lẫn nhau".

17) "Những đệ tử chân chính của *tình yêu*".

e) Pa-ran-te^{2*} thâm mỹ học: "Nếu như tâm hồn rung động của chị em hãy còn chưa quên thực hiện những chuyến bay kỳ diệu" (trò ảo thuật mà khả năng thực hiện nó còn cần phải chứng minh).

18) "Thế giới của *tình yêu*".

^{1*} - Lạy Đức bà Ma-ri-a (câu đầu trong bài cầu nguyện của đạo Thiên chúa)

^{2*} - mấy lời trong ngoặc đơn, phụ chú

19) "Vương quốc của lòng hận thù và vương quốc của *tình yêu*".

f) Đã có mưu toan lường gạt phụ nữ: "Bởi thế mà cả trong lĩnh vực chính trị chị em cũng có tiếng nói rất có trọng lượng. Chỉ cần chị em sử dụng ảnh hưởng của mình - thế là toàn bộ cái vương quốc rệu rã của lòng hận thù sẽ đổ sụp để dọn chỗ cho một vương quốc mới của *tình yêu*".

g) Tiếng kèn chào mừng mang tinh thần triết học mà mục đích của nó là át tiếng nói của lý trí: "một tâm trạng tự thỏa mãn yên bình muôn thuở của toàn nhân loại - đây là mục tiêu cuối cùng của hoạt động của chị em".

20) "*Tình yêu* của chị em". Đó là lý do để đòi hỏi ở phụ nữ một tình yêu "khá lớn" để "họ làm cho tình yêu đó đến với tất cả mọi người, với một tinh thần quên mình như nhau" - một đòi hỏi thật là quá quắt và bất nhã.

h) Điệp khúc: "Hàng ngàn trẻ em mồ côi bị bỏ rơi đang diệt trừ những tình cảnh khủng khiếp mà chúng bị đẩy vào". Cái "khủng khiếp" ở đây là ở chỗ nào? Có phải ở chỗ "những trẻ mồ côi" đang diệt trừ "những tình cảnh", hay là ở chỗ "những tình cảnh" đang giết chết "trẻ mồ côi"?

i) Một chính sách cộng sản mới được bộc lộ rõ: "Chúng ta không muốn xâm phạm tới tài sản riêng dù là của bất kỳ ai; hãy mặc cho kẻ cho vay nặng lãi giữ lấy những gì đã thuộc về y; chúng ta chỉ muốn ngăn ngừa việc tiếp tục lấy cắp tài sản quốc dân và ngăn chặn tư bản rồi đây vẫn cứ tước đoạt của lao động tài sản hợp pháp của lao động". Mục đích này cần phải đạt được bằng cách như sau: "Mỗi người nghèo lập tức biến thành một thành viên hữu ích của xã hội loài người một khi người ta đảm bảo cho anh ta có khả năng lao động sản xuất". (Theo cách nói đó, thì không một ai lại có công lao to lớn đối với "xã hội loài người" hơn là các nhà tư bản, kể cả những nhà tư bản Niu Oóc mà Cri-ghê vô cùng căm ghét.) "Cái khả năng ấy sẽ được đảm bảo vĩnh viễn

đôi với anh ta, nếu như xã hội cấp cho anh ta một mảnh đất, trên đó anh ta có thể nuôi sống bản thân và gia đình... Nếu như số diện tích đất đai rộng lớn này" (tức là 1 400 triệu a-cơ-rơ ruộng đất của nhà nước Bắc Mỹ) "được *tách khỏi lưu thông thương mại* và được cấp cho lao động với *số lượng hạn chế*, thì khi đó cảnh khốn cùng ở Mỹ sẽ được chấm dứt ngay lập tức, vì mỗi người sẽ có được khả năng dùng đôi bàn tay của mình xây dựng cho mình một tổ ấm bất khả xâm phạm". Có thể trông đợi một sự nhận thức rằng các nhà lập pháp không thể dùng những sắc lệnh để ngăn chặn việc chế độ gia trưởng, - mà Cri-ghê mong muốn, - phát triển thành chế độ công nghiệp hoặc đẩy những bang công nghiệp và thương nghiệp trên bờ biển phía đông lùi trở lại tình trạng dã man gia trưởng. Trong khi đó thì để đón cái giờ phút mà niềm hạnh phúc mô tả ở trên sẽ tới, Cri-ghê lại chuẩn bị bài thuyết giáo kiểu cha cố miền đồng quê như sau: "Và khi đó chúng ta sẽ có thể dạy cho con người *sống hoà thuận với nhau*, làm giảm nhẹ cho nhau tất cả những nỗi cực nhọc và khó khăn trong cuộc sống và

21) dựng xây trên trái đất những thôn xóm đầu tiên của *tình yêu thiên đường*" (mỗi thôn xóm rộng vừa đúng bằng 160 a-cơ-rơ).

Cri-ghê kết thúc lời kêu gọi của ông ta gửi các chị em đã có chồng bằng những lời lẽ sau đây: "Trước hết chị em hãy hướng về

22) những người chồng *đầy yêu thương* của mình,

hãy *cầu xin* họ từ bỏ chính sách cũ... hãy chỉ cho họ thấy những đứa con của họ, hãy van xin họ nên vì những đứa con" (thiếu trí khôn) "*của họ* mà tỉnh ngộ lại". Tiếp đó, hướng về những "*cô gái trẻ*", Cri-ghê nói: "Mong rằng đối với

23) *những người yêu* của chị em

việc giải phóng ruộng đất sẽ là hòn đá thử vàng đối với nhân phẩm của họ, và đừng có cả tin vào

24) *tình yêu* của họ,

chừng nào họ còn chưa thể trung thành với nhân loại". (Điều này nghĩa là thế nào?) Và nếu như các cô gái trẻ sẽ có một thái độ đúng đắn thì ông ta đảm bảo với họ rằng con cái của họ

25) "sẽ là những người *giàu tình yêu thương*, như chính họ" (có ý muốn nói tới "những con chim trên thiên đường"), và kết thúc bài ca đơn điệu của ông ta bằng việc lại nhắc tới

26) "những đệ tử chân chính của *tình yêu*", tới "vương quốc vĩ đại của tinh thần cộng đồng" và tới "sự thiêng liêng".

"Volks - Tribun" số 13 - "*Trả lời Dôn-tơ*":

27) "Nó" (tinh thần cộng đồng vĩ đại), "như ngọn lửa *tình yêu*, bùng cháy trong ánh mắt người anh em".

28) "Người phụ nữ sẽ là thế nào nếu thiếu người đàn ông mà cô ta có thể *yêu*, mà cô ta có thể trao tặng cả *tâm hồn rung động* của mình?"

29) "*Lấy tình yêu* đoàn kết tất cả mọi người".

30) "*Tình yêu* của người mẹ".

31) "*Lòng thương* người".

32) "Mọi âm thanh đầu tiên của *tình yêu*".

33) "Những tia sáng của *tình yêu*".

k) Mục đích của chủ nghĩa cộng sản là làm cho "toàn bộ cuộc sống của loài người phục tùng những nhịp đập của nó" (trái tim nhạy cảm).

34) "Tiếng nói của *tình yêu* câm lặng trước tiếng kêu của đồng tiền".

35) "Bằng *tình yêu* và lòng hy sinh quên mình có thể đạt được mọi cái".

Như vậy riêng chỉ trên *một* số báo này, theo những tính toán

sơ sài nhất, chúng ta gặp tình yêu dưới ba mươi lăm dạng. Phù hợp với những lời huyền thuyên về tình yêu đó, trong bài "Trả lời Dôn-tơ" và ở những chỗ khác, Cri-ghê đã miêu tả chủ nghĩa cộng sản như một cái gì chứa chan tình yêu và đối lập với chủ nghĩa ích kỷ, và quy phong trào cách mạng có ý nghĩa lịch sử toàn thể giới vào mấy từ: tình yêu - lòng căm thù, chủ nghĩa cộng sản - chủ nghĩa ích kỷ. Ở đây còn có cả thái độ hèn nhát mà ông ta thể hiện ra khi ông ta quy lụy trước tên cho vay nặng lãi, hứa để nguyên cho hấn những gì đã thuộc về hấn, hoặc khi ông ta thề thốt ở dưới đây rằng ông ta không có ý định "phá vỡ tình gắn bó êm ái với cuộc sống gia đình, với tổ quốc, với dân tộc", mà "chỉ" muốn "thể hiện nó vào đời sống". Sự miêu tả một cách hèn nhát và giả dối đó về chủ nghĩa cộng sản, coi chủ nghĩa đó không phải là "sự phá hoại" mà là "sự thể hiện vào đời sống" những quan hệ xấu xa hiện đang tồn tại, cùng với tất cả những ảo tưởng về chúng mà các nhà tư sản tạo ra cho mình - sự miêu tả ấy đã quán triệt trong tất cả các số báo "Volks - Tribun". Ăn khớp với thái độ giả dối và hèn nhát đó là lập trường mà Cri-ghê bám giữ trong những cuộc tranh luận với các nhà chính trị. Ông ta coi (trong số 10) việc viết bài chống lại các chính khách có đầu óc ảo tưởng say mê với đạo Thiên chúa, kiểu như La-mơ-ne và Bóc-nơ, là một lỗi lầm chống lại chủ nghĩa cộng sản; từ đó ta thấy rõ rằng những người như Pru-đông, Ca-bê, Đê-da-mi, - tóm lại, tất cả những người cộng sản Pháp, - đều "chỉ" là "những người mang cái tên cộng sản mà thôi". Về việc những người cộng sản Đức đã tách xa khỏi Bóc-nơ, cũng như những người cộng sản Pháp tách xa La-mơ-ne thì về việc này Cri-ghê cũng có thể tìm hiểu ngay ở Đức, ở Bruy-xen và Luân Đôn.

Mong rằng ông Cri-ghê tự suy nghĩ xem những lời mê sảng về tình yêu đó sẽ gây tác động làm suy yếu như thế nào đối với cả

hai giới và làm cho "các cô gái trẻ" mắc bệnh loạn thần kinh phổ biến và bệnh thiếu máu tới mức nào.

PHẦN THỨ HAI
KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ
CỦA TỜ "VOLKS-TRIBUN" VÀ THÁI ĐỘ CỦA NÓ
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC "NƯỚC MỸ TRẺ"³

Chúng ta hoàn toàn thừa nhận phong trào của những nhà cải lương dân tộc Mỹ là hợp lý về mặt lịch sử. Chúng ta biết rằng phong trào này nhằm đạt tới một kết quả mà thực ra, trong giờ phút này sẽ thúc đẩy chủ nghĩa công nghiệp của xã hội tư sản hiện đại phát triển, nhưng là thành quả của phong trào vô sản, kết quả đó - với tư cách là đòn tấn công vào chế độ sở hữu ruộng đất nói chung và đặc biệt là trong những điều kiện đang tồn tại hiện nay ở Mỹ - tất nhiên phải đi xa hơn nữa, do những hậu quả của bản thân nó, tới chủ nghĩa cộng sản. Cri-ghê là người đã cùng những người cộng sản Đức ở Niu Oóc tham gia phong trào chống địa tô [Anti-Rent-Bewegung], Cri-ghê lại đem những lời văn cộng sản, khoa trương hợp thời thượng khoác cho cái sự kiện đơn giản đó mà không đi sâu nghiên cứu chính nội dung của phong trào. Qua việc này, ông ta chứng tỏ rằng ông ta hoàn toàn không hiểu rõ mối liên hệ giữa tổ chức "Nước Mỹ trẻ" và những điều kiện xã hội ở Mỹ. Ngoài những chỗ cá biệt mà chúng tôi đã có dịp trích dẫn, chúng tôi lấy thêm một thí dụ nữa chứng tỏ ông ta dùng những lời văn khoa trương về phúc lợi của toàn thể nhân loại để tô vẽ cho những kế hoạch chia ruộng đất thành những mảnh nhỏ

trên phạm vi cả nước Mỹ mà phong trào đòi cải cách ruộng đất đề xướng ra.

Trong số 10 của báo "Volks - Tribun" bài "Chúng ta muốn gì" có nói:

"Họ" - tức là những nhà cải lương dân tộc Mỹ - "gọi ruộng đất là tài sản chung của tất cả mọi người... và yêu cầu cơ quan lập pháp của nhân dân thi hành những biện pháp nhằm *duy trì* 1400 triệu a-cơ-rơ ruộng đất còn chưa rơi vào tay bọn đầu cơ - ăn cướp - để làm tài sản chung và không thể chuyển nhượng cho toàn thể nhân loại".

Và thế là để "duy trì cho toàn thể nhân loại" "số tài sản chung và không thể chuyển nhượng" đó, ông ta chấp nhận kế hoạch của các nhà cải lương dân tộc: "cấp cho mỗi nông dân, dù anh ta xuất thân từ nước nào đi nữa, 160 a-cơ-rơ ruộng đất ở Mỹ để nuôi sống anh ta". Trong số 14, trong bài "Trả lời Côn-tơ", kế hoạch này được trình bày như sau:

"Trong số tài sản quốc dân còn chưa bị động chạm tới đó không một ai được lĩnh quá 160 a-cơ-rơ, và ngay cả số ruộng đất này cũng chỉ được lĩnh với điều kiện là anh ta phải tự canh tác chúng".

Như vậy, nhằm mục đích duy trì ruộng đất làm "tài sản chung không thể chuyển nhượng" mà lại là của "toàn thể nhân loại", thì phải bắt đầu ngay từ việc *phân chia* số ruộng đất ấy. Cri-ghê tưởng tượng rằng ông ta có thể dùng một đạo luật nào đó để *cấm* xuất hiện những hậu quả tất yếu của việc phân lại này: sự tích tụ hoá, sự tiến bộ của công nghiệp, v.v.. Ông ta hình dung 160 a-cơ-rơ ruộng đất như một cái gì tự nó đã ngang bằng nó, như thể giá trị của mỗi khoảnh đất như thế sẽ chẳng khác nhau xét về chất lượng của nó. Cái mà "nông dân" sẽ đem trao đổi với nhau và với những người khác nếu như không phải là bản thân ruộng đất, thì là những sản phẩm của ruộng đất. Mà một khi đã đi tới tình trạng đó thì lập tức sẽ có tình hình là một "nông dân", dù cho không có tư bản, nhưng nhờ vào lao động của anh ta và 160 a-cơ-rơ ruộng đất của anh ta có độ phì nhiêu tự nhiên lớn thì vẫn

sẽ đẩy người nông dân khác xuống địa vị người *cố nông* làm thuê cho anh ta. Rồi sau nữa, dù là "ruộng đất" hay *sản phẩm* của ruộng đất "sẽ rơi vào tay bọn đầu cơ - ăn cướp" - thì hai điều đó chẳng lẽ lại không như nhau cả hay sao?

Ta hãy xem xét kỹ cái món quà mà Cri-ghê đem tặng cho nhân loại.

1 400 triệu a-cơ-rơ phải được "duy trì làm tài sản chung không thể chuyển nhượng của toàn thể nhân loại". Đồng thời mỗi "nông dân" cần được cấp 160 a-cơ-rơ. Bởi vậy, chúng ta có thể tính được "nhân loại" của Cri-ghê lớn đến chừng nào: đúng $8\frac{3}{4}$ triệu "nông dân" hoặc, nếu cho rằng mỗi gia đình có 5 người, thì sẽ có $43\frac{3}{4}$ triệu người. Chúng ta cũng có thể tính được "thời gian vĩnh viễn" này, - trong đó "giai cấp vô sản với tư cách là đại diện cho nhân loại", ít ra là ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ, phải "chiếm hữu toàn bộ đất đai", - sẽ kéo dài được bao lâu. Nếu như dân số Hợp chúng quốc Bắc Mỹ sẽ tăng lên gấp đôi cũng nhanh như từ trước tới nay (tức là cứ sau 25 năm lại tăng gấp đôi) thì khi ấy "thời gian vĩnh viễn" này sẽ kéo dài không đầy 40 năm. Trong 40 năm con số 1 400 triệu a-cơ-rơ đó sẽ bị chiếm hữu hết cả, và các thế hệ kế tiếp sẽ *chẳng còn gì* để mà "chiếm hữu". Nhưng vì việc cấp không món quà ruộng đất sẽ thúc đẩy rất mạnh làn sóng nhập cư, nên "thời gian vĩnh viễn" của Cri-ghê có thể còn kết thúc sớm hơn, đặc biệt nếu tính đến một điều là số ruộng đất để chia cho 44 triệu người thậm chí cũng không đủ giải quyết được tình trạng bản cùng hiện nay ở châu Âu với tính cách là lối thoát cho tình trạng bản cùng đó. Ở châu Âu cứ 10 người thì có một người bản cùng: riêng trên các đảo nước Anh đã có tới 7 triệu người bản cùng. Sự ngây thơ như vậy về mặt kinh tế chính trị ta còn thấy trên số báo 13, trong bài "Gửi chị em phụ nữ", trong đó Cri-ghê nói rằng nếu như thành phố Niu Oóc cho đi 52 000 a-cơ-rơ đất đai của mình ở Lông-Ai-len thì ngay chuyện đó cũng sẽ đủ để "lập

tức" giải thoát vĩnh viễn cho Niu Oóc khỏi mọi cảnh bần cùng, nghèo đói và phạm tội ác.

Nếu như Cri-ghê nhìn nhận phong trào nhằm giải phóng ruộng đất như một hình thức ban đầu và tất yếu trong những điều kiện nhất định của phong trào vô sản, nếu như ông ta đánh giá phong trào đó như một phong trào mà do tình hình đời sống của cái giai cấp khởi xướng ra nó, tất yếu phải phát triển lên nữa thành phong trào cộng sản, nếu như ông ta vạch ra cho thấy rằng những khuynh hướng cộng sản ở Mỹ ban đầu phải được thể hiện như thế nào dưới hình thức ruộng đất mà mới thoát nhìn thì hình thức ấy mâu thuẫn với bất kỳ chủ nghĩa cộng sản nào, nếu vậy thì chẳng có gì để phản đối điều đó. Đảng này Cri-ghê lại tuyên bố rằng hình thức phong trào này của một số người thực sự nào đó - chỉ có ý nghĩa thứ yếu - là sự nghiệp của nhân loại *nói chung*. Cri-ghê gọi sự nghiệp đó - mặc dù ông ta thừa biết là điều này mâu thuẫn với sự thật, - là mục tiêu cuối cùng, cao nhất của bất kỳ phong trào nào nói chung, qua đó biến những mục tiêu nhất định của phong trào thành những lời phô trương hoàn toàn vô nghĩa.

Cũng trong bài báo đăng trên số 10 ông ta ca vang những khúc khải hoàn như:

"Như vậy là rút cục, những ước mơ từ lâu đời của người châu Âu sẽ được thực hiện, ở bên này bờ đại dương sẽ chuẩn bị sẵn sàng cho họ số ruộng đất mà họ sẽ chỉ còn có việc nhận lấy và dùng sức lao động của đôi bàn tay mình làm cho nó khai hoa kết quả, để ném vào mặt tất cả bọn bạo chúa trên thế giới lời tuyên bố đầy tự hào:

Đây nếp nhà *của tôi*,

Không phải do các người dựng xây,

Đây tổ ấm *của tôi*,

Làm cho lòng các người ghen tỵ ứ đầy".

Cri-ghê lẽ ra có thể bổ sung: đây đồng phân *của tôi* do tôi, vợ con tôi, cổ nông của tôi và gia súc của tôi tạo ra. Và những người châu Âu nào sẽ thấy ở đó sự thực hiện "những ước mơ" của mình?

Có điều đó không phải là những công nhân cộng sản! Có chăng thì đó chính là những chủ hiệu nhỏ và những thợ cả phường hội bị vỡ nợ hoặc những nông dân bị phá sản, đang cố vươn tới cái hạnh phúc được trở lại thành những người tiểu tư sản và nông dân ở Mỹ! Và cái "ước mơ" được thực hiện nhờ vào 1 400 triệu a-cơ-rơ đó, là gì? Chẳng phải cái gì khác hơn là biến *tất cả mọi người thành những kẻ tư hữu*. Điều ước mơ như thế cũng không thể thực hiện được và cũng chỉ mang tính chất cộng sản như ước mơ muốn biến tất cả mọi người thành những ông vua, ông chúa và giáo hoàng. Ở đây còn có thể lấy đoạn dưới đây làm đoạn kết cho những gì mà Cri-ghê đã quan niệm về những phong trào cách mạng cộng sản chủ nghĩa và về những quan hệ kinh tế:

"Trong mỗi nghề mỗi người ít ra phải luyện được tay nghề thuần thực để anh ta - trong trường hợp nếu như anh ta bị một tai họa nào đó đẩy ra khỏi xã hội loài người - thì khi cần có thể tự sống trong một thời gian mà không cần tới sự giúp đỡ của người khác".

Dĩ nhiên là, cái việc kẻ tràng giang đại hải về "tình yêu" và về "lòng hy sinh quên mình" thì dễ hơn nhiều so với việc nghiên cứu sự phát triển của các quan hệ hiện thực và những vấn đề thực tiễn.

PHẦN THỨ BA NHỮNG LỜI HUÊNH HOANG SIÊU HÌNH

Báo "Volks - Tribun" số 13 - "Trả lời Dôn-tơ".

1) Trong bài báo này Cri-ghê khẳng định rằng ông ta "không quen làm trò nhào lộn thăng bằng về lô-gích trong bãi sa mạc cần cỗi của các khái niệm trừu tượng". Tuy nhiên bất kỳ số báo "Volks -

Tribun" nào cũng đều chứng minh được rằng Cri-ghê đang chơi đúng cái "trò nhào lộn trên cầu thăng bằng" - tuy không phải là về "lô-gích" - bằng những câu văn triết lý và đa cảm.

2) Luận điểm "con người riêng biệt sống một cách cá thể" (điều này đã là vô nghĩa) được Cri-ghê diễn tả bằng "trò nhào lộn thăng bằng" phi lô-gích sau đây: "hiện giờ loài người nói chung vẫn chỉ được hiện thân qua những cá nhân mà thôi".

3) "Việc chấm dứt tình trạng hiện nay của các sự vật" phải phụ thuộc vào "sự suy xét của tinh thần sáng tạo của nhân loại" - cái tinh thần không tồn tại ở đâu cả.

4) Lý tưởng của con người cộng sản là như sau: "Anh ta mang trên mình dấu ấn của loài người" (thì bây giờ đối với người nào mà không thể nói chính cái điều ấy?), "xác định những mục đích của chính anh ta phù hợp với những mục tiêu của loài người" (như thể loài người là một cá nhân nào đấy có thể có những mục tiêu của mình!) "và cố gắng trở nên hoàn toàn là bản thân mình chỉ vì để có khả năng hiến dâng cho loài người toàn bộ bản thân anh ta trong tư thế hiện nay và sau này" (một sự quyên sinh và tự hạ mình hoàn toàn trước một bóng ma tưởng tượng nào đó).

5) Mọi quan hệ giữa một con người riêng lẻ với loài người cũng được nhận định bằng những lời phô trương vô nghĩa sau đây: "Tất cả chúng ta, cũng như hoạt động cá nhân của chúng ta, chỉ là những triệu chứng của một quá trình vận động vĩ đại diễn ra ở sâu trong lòng nhân loại". "Sâu trong lòng nhân loại" - ở đâu vậy? Theo như câu nói này thì những con người thực chỉ là những "triệu chứng", những dấu hiệu phân biệt của "sự vận động" diễn ra trong "lòng" một thể giới hoang đường.

6) Cuộc đấu tranh cho xã hội cộng sản chủ nghĩa bị vị mục sư nhà quê ấy biến thành "những cuộc tìm kiếm tinh thần cộng đồng vĩ đại" mà ông ta bắt tinh thần đó phải "phát ra những màu sắc diệu kỳ trong chiếc chén dâng đồ cúng tế" và giống như "vị thần linh thiêng bùng cháy trong ánh mắt của người anh em".

Sau khi phong trào cộng sản cách mạng bị biến như vậy thành "những cuộc tìm kiếm" thần linh và bánh thánh linh thiêng, hẳn là Cri-ghê cũng có thể khẳng định rằng "*chỉ cần nhận thức được*" cái tinh thần đó "để dùng tình yêu đoàn kết tất cả mọi người lại".

7) Đi trước cái kết luận siêu hình đó là sự lẫn lộn giữa *chủ nghĩa cộng sản với bánh thánh*^{1*} như sau: "Cái tinh thần chiến thắng thế giới, cái tinh thần chế ngự bão tố và mưa dông (!!!), cái tinh thần làm sáng mắt người mù, làm người hủi khỏi bệnh, cái tinh thần cho tất cả mọi người uống cùng *một* thứ rượu" (chúng ta ưa thích các loại rượu khác nhau hơn) "và ăn chung một thứ bánh mì" (các nhà cộng sản Pháp và Anh khó tính hơn), "cái tinh thần *vĩnh cửu và có mặt khắp nơi*, - đây chính là tinh thần cộng đồng". Nếu như cái "tinh thần" đó đúng thực là "*vĩnh cửu và có mặt khắp nơi*" thì hoàn toàn không thể hiểu nổi là, nếu hiểu theo Cri-ghê, lấy gì để có thể giải thích sự tồn tại lâu dài đến như vậy của quyền tư hữu. Thực ra, cái tinh thần đó không được "nhận thức" và vì vậy chỉ là "*vĩnh cửu và có mặt khắp nơi*" trong trí tưởng tượng của riêng bản thân Cri-ghê mà thôi.

Như vậy, ở đây Cri-ghê dưới *danh nghĩa cộng sản* đang tuyên truyền cái luận điệu triết học hoang đường cũ, mang tính chất tôn giáo của Đức, luận điệu này *trực tiếp mâu thuẫn với chủ nghĩa cộng sản. Niềm tin*, mà chính là niềm tin vào "tinh thần cộng đồng thiêng liêng", - đó là cái mà chủ nghĩa cộng sản ít cần đến nhất cho sự thực hiện chủ nghĩa cộng sản.

^{1*} Chơi chữ: "Kommunismus" - "chủ nghĩa cộng sản", "Kommunion" - "bánh thánh".

PHẦN THỨ TƯ SỰ VE VẮN TÔN GIÁO

Những lời huyền thuyên của Cri-ghe về tình yêu và những lời ông ta công kích chủ nghĩa ích kỷ, hiển nhiên, chẳng phải là cái gì khác mà chỉ là những lời bộc bạch phô trương của một tâm hồn hoàn toàn thấm đượm tôn giáo. Ngay dưới đây chúng ta sẽ thấy Cri-ghe, một người ở châu Âu luôn luôn tỏ ra mình là nhà vô thần, ở đây đương mưu toan, núp dưới chiêu bài rêu tiền chủ nghĩa cộng sản, thực hiện tất cả những điều đề tiện của đạo Thiên chúa và kết thúc - một cách hoàn toàn nhất quán - bằng *sự tự xỉ nhục của con người*.

Trong số 10, những bài "Chúng ta muốn gì" và "Héc-man Cri-ghe gửi Ha-rô Ha-rinh" khẳng định mục đích của cuộc đấu tranh cộng sản chủ nghĩa như sau:

1) "Làm cho *tôn giáo của tình yêu* trở thành chân lý và biến cộng đồng của những kẻ an lạc trên thượng giới mà ta hằng trông đợi từ lâu thành hiện thực". Chỉ có điều là Cri-ghe không nhận thấy rằng những ước mơ mang tính chất Cơ Đốc giáo này chỉ là sự biểu hiện một cách hoang đường cho cái thế giới hiện tại, rằng vì thế mà "tính hiện thực" của những ước mơ đó *đã thể hiện ra* trong những quan hệ xấu xa của cái thế giới hiện tại này.

2) "Nhân danh *tôn giáo của tình yêu* đó, chúng ta đòi hỏi để kẻ đói được ăn, kẻ khát được uống, kẻ không tấm áo manh quần được tấm áo manh quần" - cái đòi hỏi được nhắc đi nhắc lại đến mụ cả người đã 1 800 năm nay mà không mấy may kết quả gì.

3) "Chúng ta dạy cách thể hiện *tình yêu*", để

4) "tiếp thụ *tình yêu*".

5) "Trong *ương quốc tình yêu* của họ không thể có ma quỷ gì cả".

6) "Nhu cầu *thiên liêng nhất* của anh ta" (con người) "là ở chỗ hoàn toàn đem cả cá nhân mình hoà vào xã hội của *những con người yêu thương* mà đối với họ anh ta không giữ lại gì, ngoài

7) *lòng yêu vô hạn* của anh ta". Có thể nghĩ rằng trong cái vô hạn đó, lý luận về tình yêu đã đạt tới tột đỉnh của nó, cao đến mức không còn có thể nghĩ ra được cái gì cao hơn nữa; nhưng hoá ra lại còn có một cái gì đầy cao hơn.

8) "Sự thổ lộ tình yêu một cách nồng nhiệt đó, tinh thần sẵn sàng xả thân vì mọi người đó, cái *chí hướng cao đẹp* vươn tới cộng đồng đó là gì, - đó là gì nếu không phải *thứ tôn giáo thâm kín nhất* của những người cộng sản, thứ tôn giáo mà chỉ còn thiếu có thể giới bên ngoài thích hợp để nó có thể được biểu hiện trong toàn bộ cuộc sống của loài người". Tuy nhiên, "thế giới bên ngoài" hiện đại dường như tạo cho Cri-ghe đầy đủ khả năng để "tôn giáo thâm kín nhất" của ông ta, "chí hướng cao đẹp" của ông ta, "tinh thần sẵn sàng xả thân vì mọi người" của ông ta và "sự thổ lộ một cách nồng nhiệt" của ông ta được "biểu hiện" rộng rãi nhất trong "toàn bộ cuộc sống của loài người".

9) "Chẳng lẽ chúng ta lại không có quyền quan tâm thật sự tới những mong muốn bấy lâu bị nén lại của trái tim tôn giáo và vì những người nghèo khổ, những kẻ bất hạnh, những kẻ bị hất hủi mà bắt đầu cuộc đấu tranh để thực hiện cho kỳ được cái vương quốc tuyệt đẹp của tình hữu ái anh em hay sao?" Và thế là Cri-ghe bắt đầu đấu tranh cho việc quan tâm thật sự tới những mong muốn của trái tim, nhưng trái tim này không phải là bình thường, thấp hèn, mà là trái tim tôn giáo; nó không bị cảnh thiếu thốn trong thực tế giày vò, mà là chứa chan những mơ tưởng êm đềm. "Tinh thần tôn giáo của trái tim ông ta" lập tức được ông ta chứng minh bằng sự việc là ông ta giống như vị mục sư, nhân danh người khác, tức là nhân danh "những người nghèo khổ" mà lên tiếng. Mở đầu cuộc đấu tranh bằng cách đó, ông ta cho thấy rõ rằng bản thân ông ta không cần đến chủ nghĩa cộng sản, rằng

ông ta tham gia vào cuộc đấu tranh này chỉ vì tinh thần xả thân cao thượng, quên mình, lơ mờ vì "những người nghèo khổ, những kẻ bất hạnh, những kẻ bị hắt hủi" cần tới sự giúp đỡ của ông ta. Cái tình cảm cao đẹp này chan chứa trong tim con người đức độ đó vào những giờ phút cô đơn và buồn tẻ, là liều thuốc giải độc cho ông ta khỏi tất cả những nỗi đắng cay của cái thế giới tồi tệ.

10) "Đối với kẻ nào không ủng hộ một đảng như thế thì, theo lẽ công bằng, người ta có thể đối xử như đối xử với kẻ thù của nhân loại", - Cri-ghê kết thúc bài diễn văn hùng hồn của ông ta như vậy. Câu văn đầy tính chất không khoan nhượng này dường như mâu thuẫn với "tinh thần sẵn sàng xả thân vì *mọi người*", cũng như với "tôn giáo của lòng yêu thương" mọi người. Nhưng nó là một kết luận hoàn toàn nhất quán rút ra từ thứ tôn giáo mới đó, là thứ tôn giáo, cũng như bất kỳ tôn giáo nào khác, căm thù không đội trời chung và truy nã những kẻ thù của nó. Ở đây kẻ thù của đảng được biến hoàn toàn triệt để thành kẻ dị giáo, bởi lẽ từ kẻ thù của một *đảng* tồn tại trên thực tế, - kẻ thù mà người ta đang *đấu tranh* chống lại, - người ta biến nó thành một kẻ tội phạm đáng bị *trừng phạt*, kẻ đã mắc tội với *nhân loại* chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng mà thôi.

11) Trong thư gửi Ha-rô Ha-rinh có đoạn viết: "Chúng tôi dự định phát động tất cả những người nghèo nổi dậy chống lại thần tài mà dưới ách của nó họ đã phải chịu số phận cực nhục; khi nào chúng tôi lật đổ được tên bạo chúa đáng sợ khỏi chiếc ngai vàng lâu đời của hắn, chúng tôi sẽ dùng *tình yêu thương* để *đoàn kết* nhân loại lại, *dạy* họ cùng nhau lao động và cùng nhau hưởng thụ những thành quả lao động để cho, cuối cùng cái vương quốc của hoan lạc, đã được tiên đoán từ lâu, sẽ đến". Để thâm nhuần lòng phần nộ trước uy lực ngày nay của đồng tiền, trước hết Cri-ghê phải biến uy lực của đồng tiền thành thần tượng - thần tài. Thần tượng ấy sẽ bị lật đổ - bằng cách nào thì chưa rõ;

phong trào cách mạng của giai cấp vô sản tất cả các nước thì bị quy thành một cuộc khởi nghĩa đơn nhất; khi việc lật đổ thần tượng đó hoàn thành thì lúc đó các nhà tiên tri - "chúng tôi" - sẽ lên tiếng "dạy" cho giai cấp vô sản biết cách tiếp tục hành động ra sao. Những nhà tiên tri này "sẽ dạy" cho những tín đồ của họ - lúc này đang tỏ ra không hiểu gì về quyền lợi của bản thân họ - cần phải "cùng nhau lao động và cùng nhau hưởng thụ những thành quả lao động" ra sao, và hơn nữa không chỉ đề "cùng nhau lao động và cùng nhau hưởng thụ những thành quả lao động" mà chủ yếu là để cho những lời dạy trong kinh thánh được thực hiện và những lời tiên tri của một số nhà ảo tưởng từng tiên đoán 1 800 năm trước đây, không bị uổng phí. - Cái kiểu dùng tới thuật tiên tri đó còn gặp ở cả những chỗ khác nữa, thí dụ trong số 8, ở các bài "Giai cấp vô sản là gì?" và "An-đrê-ác Đích". Đây là những đoạn tiêu biểu:

a) "Hỡi những người vô sản, giờ giải phóng các bạn đã tới".

b) "Hàng nghìn trái tim hân hoan đập rộn ràng đón chào thời kỳ vĩ đại thực hiện lời thề", tức là: đón chào cái "vương quốc vĩ đại của tình yêu thương... vương quốc của tình yêu thương mà ta hằng trông đợi bấy lâu".

c) Số báo 12, "Trả lời Cốc-xơ, kẻ thù của các cha cổ":

"Thế là kinh Phúc âm đời đời cứu vớt thế giới được truyền tụng, với lòng thành kính, từ miệng người này qua miệng người khác" và - thậm chí - "từ tay này qua tay khác". Phép màu đó diễn ra cùng với "kinh Phúc âm được truyền đi, với lòng thành kính", những lời nhảm nhí đó về sự "đời đời cứu vớt thế giới" hoàn toàn phù hợp với một phép màu khác là, trái với sự mong đợi, những lời tiên tri của những người viết ra kinh Phúc âm thời cổ đã bị vứt bỏ từ lâu lại được thực hiện ở Cri-ghê.

12) Nếu như đứng trên quan điểm tôn giáo đó thì lời giải đáp cho tất cả mọi *vấn đề đời sống thực tế* chỉ có thể bao gồm một

số hình tượng tôn giáo - bóng bẩy làm lu mờ hết thảy mọi ý nghĩa, một số nhãn hiệu hào nhoáng đại loại như "nhân loại", "lòng nhân đạo", "loài người" v.v.; lời giải đáp đó chỉ có thể được quy vào việc biến mọi hoạt động thực tế thành câu nói hão huyền mà thôi. Điều này đặc biệt thể hiện rõ trong bài báo đăng trên số 8: "Giai cấp vô sản là gì?". Câu hỏi đặt ra ở nhan đề được giải đáp như sau: "Giai cấp vô sản - đó là *nhân loại*" - một sự dối trá có chủ tâm, từ đó thấy rằng những người cộng sản tuồng như có ý định tiêu diệt nhân loại. Lời giải đáp này - "nhân loại" - phải chăng làm cho người ta nhớ lại câu trả lời của Xi-ây-ét đối với câu hỏi: đẳng cấp thứ ba là gì⁴? Điều này chứng tỏ rằng Cri-ghê đã phủ một màn sương mù lên các sự kiện lịch sử. Ngay lập tức Cri-ghê còn chứng minh thêm cho sự việc đó qua sự mô tả một cách đạo đức giả của ông ta về phong trào chống địa tô ở Mỹ. "Sau hết, nếu như chính giai cấp vô sản đó, với tư cách là nhân loại" (ở đây ông ta muốn nói tới chiếc mặt nạ đặc trưng cần thiết mà giai cấp vô sản phải núp sau nó mà lên tiếng; vừa mới đây thôi giai cấp vô sản được tuyên bố là nhân loại, mà bây giờ thì nhân loại lại chỉ biến thành cái chất giai cấp vô sản), "sẽ lên tiếng yêu cầu vĩnh viễn chiếm hữu toàn bộ ruộng đất như một thứ tài sản bất di bất dịch của họ thì sao?" Chúng ta thấy là một phong trào thực tiễn, hết sức đơn giản, bị biến thành những lời trống rỗng như các từ "nhân loại", "tài sản bất di bất dịch", "tính vĩnh viễn" v.v. và do vậy mà công việc không tiến xa hơn mức "yêu cầu". - Ngoài những hình dung từ thông thường như "bị hắt hủi" v.v., cùng với chúng còn có thêm một hình dung từ tôn giáo "đáng nguyên rủa" nữa, tất cả những gì mà Cri-ghê thông báo về giai cấp vô sản, đều bị giới hạn ở những hình tượng thần thoại trong kinh thánh sau đây:

"Prô-mê-tê bị xiềng",

"Con chiên của Thượng đế gánh chịu tội lỗi của thế gian",

"Người Do Thái suốt đời lang thang".

Còn để kết luận, ông ta đặt ra một câu hỏi thật là kỳ quái:

"Phải chăng nhân loại phải suốt đời lang thang trên trái đất như một kẻ lang thang vô gia cư?" Trong khi ấy thì chính cái sự thật là một phần "nhân loại" đó đã định cư rất chắc trên trái đất, lại là một sự thật rành rành trước mắt ông ta!

13) Thực chất của tôn giáo Cri-ghê được thể hiện rõ nét hơn cả trong câu sau đây: "Chúng ta cần làm một cái gì đó to lớn hơn là chỉ quan tâm đến *cái cá nhân đê tiện của riêng mình*, - chúng ta thuộc về nhân loại". Thái độ xu nịnh đáng hổ thẹn, đáng ghê tởm đó đối với cái "nhân loại" đã bị tách rời khỏi cái "cá nhân của riêng mình" và đối lập lại với cá nhân ấy - cái "nhân loại" đã bị người ta biến như vậy thành điều hư vô siêu hình - mà ở Cri-ghê thì thậm chí còn biến thành điều hư vô tôn giáo, thái độ tự ti một cách nô lệ, cực kỳ "đê tiện" đó là kết luận cuối cùng của tôn giáo Cri-ghê, cũng như của bất kỳ thứ tôn giáo nào khác. Cái học thuyết đi tuyên truyền cho cảnh an lạc sung sướng bằng thái độ quy lụy kẻ khác và miệt thị chính mình đó hoàn toàn thích hợp với... *bọn thầy tu* dửng dưng cảm, nhưng không bao giờ thích hợp với những con người cương quyết, đặc biệt là trong lúc tranh đấu. Chỉ còn thiếu một điều là làm cho những thầy tu dửng dưng cảm đó đem thiên đi "cái cá nhân đê tiện của riêng mình" của họ để chứng minh một cách thích đáng lòng tin của họ vào khả năng của "nhân loại" tự tái tạo ra chính mình! - Nếu như Cri-ghê không nghĩ ra được cái gì hay hơn, ngoài cái tính đa cảm được biểu hiện một cách thâm hại như vậy, thì ông ta sẽ xử sự một cách thông minh hơn nhiều nếu như trên mỗi số báo "Volks - Tribun" ông ta cứ việc dịch đi dịch lại mãi "cha La-mơ-ne" của ông ta.

Cái tôn giáo Cri-ghê mang lòng thương hại vô biên và lòng hy sinh quên mình vô hạn dẫn tới những hậu quả thực tế gì, điều này có thể thấy rõ qua việc lạy lức van xin việc làm hầu như đều thấy trên mỗi số báo "Volks - Tribun". Chẳng hạn, trên số 8 chúng ta đọc thấy:

"Việc làm! Việc làm! Việc làm!"

"Có lẽ nào trong số tất cả những vị anh minh lại không tìm ra được một người nào sẽ không coi việc đem lại miếng cơm cho những gia đình lương thiện và cứu vớt những thanh niên bất lực trước cảnh đói nghèo và tuyệt vọng là việc làm phí công vô ích? Chẳng hạn, đây anh I-ô-han Stéc-nơ, người ở Mếch-clen-bua, cho tới nay vẫn chưa có việc làm, trong khi anh ta chỉ vèn vện yêu cầu được vất kiệt sức mình vì lợi ích của nhà tư bản và bằng cách đó kiếm lấy mẫu bánh mì đủ để duy trì năng lực làm việc của anh ta. Chẳng lẽ đó là một yêu cầu quá đáng trong xã hội văn minh? - Còn Các-lơ Ghê-sây-dle người vùng Ba-đen thì sao? Đó là một thanh niên có năng lực xuất sắc và không phải là vô học thức; anh ta trông có vẻ trung thành và hiền lành đến nỗi tôi sẵn sàng đảm bảo rằng anh ta là hiện thân của lòng thành thực... Tiếp nữa, một ông già và nhiều thanh niên khác đang van xin việc làm để kiếm miếng bánh cầm hơi. - Ai có thể giúp đỡ họ thì hãy đừng chậm trễ, nếu không lương tâm cắn rứt sẽ làm người đó có lần phải mất ngủ, khi người đó đặc biệt cần tới giấc ngủ. Thật ra các vị có thể nói: hàng nghìn người đang uổng công kêu xin việc làm, chúng tôi đâu có thể giúp đỡ tất cả bọn họ. Ồ, các vị rất có thể làm tốt việc này, nhưng các vị là những tên nô lệ của chủ nghĩa ích kỷ, và táng tận lương tâm đến mức không làm việc đó đầy thôi. Nhưng nếu các vị không muốn giúp đỡ tất cả mọi người thì ít ra các vị hãy chứng minh rằng các vị hãy còn chút ít tình người và hãy giúp đỡ lấy một số kẻ cô đơn mà các vị có thể cứu giúp".

Ồ, dĩ nhiên là chỉ cần họ muốn, và họ rất có thể giúp đỡ cho một số người đông vượt khả năng của họ! Đó là khía cạnh thực tiễn, là biểu hiện thực tế của cái thái độ tự nhục mạ và tự bôi xấu mà thứ tôn giáo mới dạy bảo.

PHẦN THỨ NĂM

SỰ PHÁT BIỂU CỦA CÁ NHÂN CRI-GHÊ

Sự phát biểu của cá nhân Cri-ghê trên cơ quan ngôn luận của ông ta mang tính chất gì, tất nhiên đã rõ ràng qua những đoạn dẫn ở trên. Bởi vậy ở đây chúng tôi chỉ đề cập tới một số điểm.

Cri-ghê lên tiếng với tư cách *nhà tiên tri*, do đó mà nhất định

cả với tư cách một phái viên của Đồng minh bí mật E-xe-i⁵- "Liên đoàn chính nghĩa". Vì vậy, khi ông ta hùng biện không phải nhân danh "những người bị áp bức", thì ông ta hùng biện vì "chính nghĩa", nhưng đây không phải là thứ chính nghĩa thông thường mà là thứ chính nghĩa của "Liên đoàn chính nghĩa". Ông ta chẳng những thần bí hoá *chính bản thân mình*, mà còn thần bí hoá cả *lịch sử*. Ông ta thần bí hoá quá trình phát triển lịch sử thực sự của chủ nghĩa cộng sản ở các nước châu Âu, quá trình mà ông ta chẳng hiểu biết gì, coi sự phát sinh và các thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản là những âm mưu bịa đặt, hoang đường, của Đồng minh E-xe-i đó hết như trong tiêu thuyết. Về vấn đề này có thể đọc thấy trên tất cả các số báo, đặc biệt là trong bài trả lời Ha-rô Ha-rinh, trong đó có thấy cả những câu hoang đường phi lý nhất về sự hùng mạnh của đồng minh này.

Với tư cách là *môn đệ* chân chính của *tình yêu*, Cri-ghê trước tiên hướng tới chị em phụ nữ, những người mà ông ta không coi là hư hỏng đến nỗi họ có thể đứng vững trước cơn tim nồng cháy tình yêu; tiếp đó với tư cách là "con", là "người anh em", là "người anh em thân yêu", với "lời nói làm lành kiểu cha con" ông ta kêu gọi các nhà tuyên truyền mới xuất hiện và, sau hết với tư cách *con người* ông ta kêu gọi các nhà giàu. Vừa mới đến Niu Oóc ông ta liền viết thư gửi tất cả các thương gia Đức giàu có, dọa sẽ đem tình yêu thương của ông ta làm cho họ phải choáng váng, nhưng tránh sự thô lộ quá còi mớ cái điều mà ông ta muốn ở họ; ông ta dùng khi thì "con người", khi thì "bạn của con người", khi thì "thằng ngốc" để ký tên và - "các vị có tin không, hỏi những người bạn của tôi?" - không ai hưởng ứng những lời huyền truyền phô trương kiểu thằng hề của ông ta. Điều này không thể làm ai ngạc nhiên cả, trừ chính bản thân ông Cri-ghê. - Những câu đã được trích dẫn về tình yêu và quen thuộc với chúng ta đôi khi được ông ta tô điểm thêm bằng những tiếng reo hò đại loại như: "Hoan

hồ! Tinh thần cộng đồng muôn năm, tinh thần bình đẳng muôn năm, tình yêu muôn năm!" (Số 12, "Trả lời Cốc-xơ"). Những câu hỏi thực tiễn còn đầy vướng mắc và những điều hồ nghi (Số 14, "Trả lời Côn-tơ") được ông ta giải thích chẳng phải bằng cách nào khác hơn là bằng cách cho rằng những câu hỏi ấy bắt nguồn từ sự tức tối và sự ngoan cố sẵn có. Với tư cách là một nhà tiên tri chân chính và một người báo trước về tình yêu, ông ta tỏ thái độ cực kỳ phần nộ mang tính chất loạn thần kinh của một tâm hồn trong trắng bị lừa dối đối với những kẻ hay chế nhạo, những kẻ vô đạo và những người của thế giới cũ không muốn sử dụng tới hơi ấm ngọt ngào của tình yêu thương của ông ta để biến một cách kỳ diệu thành "những kẻ an lạc trên thiên đường". Với tâm trạng chán chường - đa cảm như vậy, trên số báo 11, trong bài viết nhan đề "Mùa xuân" ông ta đã kêu gọi họ: "Và các người hôm nay giễu cợt chúng tôi, chẳng bao lâu nữa các người sẽ trở nên *ngoan đạo*, vì các người hãy biết rằng: mùa xuân đang tới!".

Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 11 tháng Năm 1846

Công bố thành sách riêng in li-tô vào tháng Năm 1846

Ký tên: Ăng-ghen, C.Mác và những người khác

*In theo bản in li-tô
Nguyên văn là tiếng Đức*



PH. ĂNG-GHEN

VIỆC VI PHẠM HIẾN PHÁP PHỔ

Ở Phổ có đạo luật ngày 17 tháng Giêng 1820 cấm nhà vua vay bất cứ khoản quốc trái nào, nếu không được sự phê chuẩn của Hội nghị ba đẳng cấp, tức là của cái quốc hội mà cho tới nay, như mọi người đều biết rõ, vẫn chưa hề có ở Phổ. Đạo luật này là sự đảm bảo duy nhất đối với người dân Phổ rằng tới một lúc nào đó họ sẽ có bản hiến pháp như đã hứa với họ ngay từ năm 1815. Do chỗ bên ngoài nước Phổ không phải ai cũng biết có đạo luật đó nên năm 1823 chính phủ đã vay được *ba triệu pao xtéc-linh* ở Anh - đây là lần vi phạm thứ nhất đối với hiến pháp. Sau cách mạng Pháp năm 1830, do buộc phải ráo riết chuẩn bị cho cuộc chiến tranh tương như phải nổ ra khi đó và, vì không có tiền, Chính phủ Phổ đã buộc "Hội thương mại hải ngoại"⁶, một doanh nghiệp của chính phủ, phải cho vay mười hai triệu ta-le (1 700 000 p.xt.); khoản tiền này đương nhiên được chính phủ đảm bảo và cũng chính chính phủ đã chi tiêu hết - đây là lần vi phạm thứ hai đối với hiến pháp. Không kể những vi phạm nhỏ, như những lần đi vay, thông qua chính cái tổ chức đó, hàng trăm nghìn pao xtéc-linh, hiện nay vua Phổ đã vi phạm thô bạo hiến pháp đến

lần thứ ba. Vì tín dụng của tổ chức nói trên chắc là đã cạn, nên nhà vua đã uỷ quyền phát hành mười triệu ta-le tiền giấy (1350000 p.xt.) cho Ngân hàng Phổ, cũng là một cơ quan thuần tuý của chính phủ. Trừ $3\frac{1}{3}$ triệu để đảm bảo cho số tiền giấy này và $2\frac{1}{3}$ triệu để bù vào những khoản chi tăng lên của ngân hàng, "khoản vay gián tiếp" này - mà trên thực tế nó là như vậy, - là sáu triệu ta-le, hoặc xấp xỉ một triệu pao xtéc-linh. Chính phủ sẽ phải chịu trách nhiệm về khoản vay này, vì cho đến nay không một nhà tư bản tư nhân nào là cổ đông của Ngân hàng Phổ. Cần nhớ rằng người Phổ - đặc biệt là giai cấp tư sản vẫn thiết tha hơn cả với bản hiến pháp - sẽ không bỏ qua vấn đề này mà lại không kiên quyết phản đối.

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào tháng Năm 1846
Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 446,
ngày 30 tháng Năm 1846 với lời chú thích của
ban biên tập:
"Theo phóng viên của bản báo
ở Đức"*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

THƯ CỦA ỦY BAN THÔNG TIN CỘNG SẢN Ở BRUY-XEN GỬI G.A.QUẾT-GHEN⁷

Bruy-xen, ngày 15 tháng Sáu 1846

KÍNH GỬI ĐỒNG CHÍ G.A.QUẾT-GHEN ĐỂ CHUYỂN TIẾP

Đáp lại lời kêu gọi của đồng chí được chuyển đến chúng tôi mấy ngày trước đây, chúng tôi xin thông báo ngay như sau:

Chúng tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của đồng chí rằng những người cộng sản Đức cần chấm dứt tình trạng tách biệt vẫn tồn tại từ trước tới nay giữa họ với nhau và cần thiết lập những mối quan hệ qua lại thường xuyên; chúng tôi cũng tán thành cả việc cần lập ra những hội đọc sách và hội thảo, bởi vì những người cộng sản trước hết phải đạt được sự rõ ràng trong chính hàng ngũ của mình; không thể đạt được điều đó ở mức độ đầy đủ nếu không có những cuộc họp thường xuyên được triệu tập để thảo luận các vấn đề về chủ nghĩa cộng sản. Chúng tôi cũng hoàn toàn đồng ý với đồng chí là cần phổ biến những tác phẩm và những tập sách mỏng phổ thông, được xuất bản với giá rẻ, mang nội dung cộng sản chủ nghĩa. Cần tích cực bắt tay ngay vào thực hiện cả việc này lẫn việc kia. Đồng chí thừa nhận rằng cần phải quy định việc đóng tiền hội phí thường kỳ; nhưng nhân việc này, về phía mình,

chúng tôi phản đối đề nghị của đồng chí là dùng khoản hội phí đó giúp đỡ các tác gia và đảm bảo đời sống cho họ. Theo chúng tôi, hội phí chỉ được chi vào việc in truyền đơn và những tập sách mỏng giá rẻ về chủ nghĩa cộng sản, cũng như vào việc trang trải những khoản chi tiêu về thông tin, trong đó có việc thông tin từ đây ra nước ngoài. Sẽ phải quy định mức hội phí tối thiểu hàng tháng để bất cứ lúc nào cũng có thể tính được chính xác là có thể chi tiêu bao nhiêu cho những mục đích chung. Tiếp theo, đồng chí nhất thiết phải báo cho chúng tôi biết tên các hội viên của đoàn thể cộng sản của đồng chí, vì chúng tôi cần biết chúng tôi đang quan hệ với ai, cũng như để đồng chí được thông báo về chúng tôi. Sau hết, chúng tôi chờ đồng chí cho chúng tôi biết mức độ hội phí hàng tháng dùng vào những mục đích chung để có thể bắt đầu nhanh chóng in một số tập sách mỏng phổ thông. Không thể xuất bản những tập sách mỏng này ở Đức, điều đó đã rõ và không cần phải chứng minh.

Về Quốc hội hiệp bang, về nhà vua Phổ và về hội nghị đẳng cấp địa phương v.v. thì đồng chí quả thực có những ảo tưởng lớn. Bản kiến nghị chỉ có thể gây ảnh hưởng trong trường hợp nếu như ở Đức giờ đây đã có đảng cộng sản mạnh và có tổ chức, điều này trên thực tế không có. Đơn thỉnh nguyện chỉ có ích khi nó đồng thời cũng là sự đe dọa và đằng sau nó là khối quân chúng đoàn kết chặt chẽ và có tổ chức. Điều duy nhất đồng chí có thể làm được, nếu như điều kiện địa phương thuận lợi cho việc đó, đó là việc đưa đơn thỉnh nguyện mang chữ ký của lực lượng công nhân *đông đảo* và hùng hậu.

Chúng tôi cho rằng việc triệu tập đại hội cộng sản vào thời gian này là chưa đúng lúc. Chỉ sau khi trên khắp nước Đức đã thành lập được các tổ chức cộng sản và tập hợp được các phương tiện để đấu tranh thì mới có hy vọng triệu tập thành công các

đại biểu của các đoàn thể riêng lẻ về dự đại hội. Vì vậy không thể làm được việc này trước sang năm.

Cho tới khi đó biện pháp duy nhất để tiến hành hoạt động chung là thảo luận các vấn đề qua trao đổi thư từ thông tin đều đặn.

Từ nơi đây chúng tôi đã bắt đầu thỉnh thoảng lại trao đổi thư từ với những người cộng sản Anh và Pháp, cũng như với những người cộng sản Đức sống ở nước ngoài. Mỗi lần nhận được những tin tức về phong trào cộng sản ở Anh và Pháp, chúng tôi sẽ thông báo cho đồng chí biết và qua việc chúng ta trao đổi thư từ đều đặn với nhau chúng tôi sẽ báo cho đồng chí biết tất cả những gì chúng tôi vừa nắm được.

Yêu cầu cho chúng tôi địa chỉ *chắc chắn* (và từ nay đừng ghi đầy đủ họ tên, chẳng hạn như: "G.A. Quét-ghen", điều này lập tức tiết lộ cả người gửi lẫn người nhận).

Hãy viết thư cho chúng tôi theo địa chỉ *hoàn toàn chắc chắn* sau đây:

Gửi ông Ph.Gi-gô, phố Bô-đem-brúc, Bruy-xen.

C.Mác, Ăng-ghen, Ph.Gi-gô, Ph.Vôn-phơ

Véc-thơ gửi lời thăm Đồng chí, giờ đây đồng chí ấy ở Am-mi-en.

Nếu như đồng chí thực hiện ý định của đồng chí về đơn thỉnh nguyện, thì điều này sẽ chỉ dẫn tới tình trạng là đảng cộng sản công khai bộc lộ chỗ yếu của mình và đồng thời chỉ cho chính phủ biết tên những người mà nó cần đặc biệt theo dõi. Nếu đồng chí không thể thu được ít ra là 500 chữ ký vào đơn thỉnh nguyện của công nhân, thì tốt nhất là hãy gửi đơn thỉnh nguyện về thuế thu

nhập lũy tiền, như các nhà tư sản ở Tơ-ria định làm, còn nếu các nhà tư sản ở đó không hưởng ứng ngay cả đơn thỉnh nguyện này, - thì thôi đành vậy, bây giờ sẽ thỉnh thoảng tham gia các cuộc biểu tình công khai của họ, hãy giả vờ hành động cùng với họ, hãy rũ bỏ thái độ nghiêm trang, tính cả tin và thái độ nhìn đời qua màu hồng kiêu người Đức chính công; hãy ký tên và ủng hộ những đơn thỉnh nguyện của giai cấp tư sản về tự do báo chí, về hiến pháp v.v.. Nếu mà đạt được điều đó thì sẽ bắt đầu một thời đại mới đối với công cuộc tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản. Các phương tiện của ta sẽ được nhân lên, sự đối kháng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản sẽ càng trở nên sâu sắc. Trong nội bộ đảng thì cần ủng hộ tất cả những gì giúp đảng tiến lên và đồng thời không được sa vào việc tranh cãi về đạo đức một cách nhạt nhẽo. Ngoài ra, để tiến hành công tác thông tin, các đồng chí cần bầu ra một ban thường trực, ban này sẽ biên soạn và thảo luận các bản dự thảo thư từ gửi cho chúng tôi và họp đều đặn. Nếu không thì công việc sẽ bị lộn xộn. Để soạn thảo thư từ, các đồng chí cần cử ra một người mà các đồng chí coi là thích hợp hơn cả. Các quan điểm cá nhân cần vứt bỏ hoàn toàn, chúng sẽ làm hỏng mọi việc. Tên của các uỷ viên ban thường trực, tất nhiên, cần được báo cho chúng tôi biết.

Xin gửi tới đồng chí lời chào.
Những người ký tên trên đây

*Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 15
tháng Sáu 1846
Công bố lần đầu tiên trên tạp chí "Người
bôn-sê-vích" số 3, tháng Hai 1933*

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH. ĂNG-GHEN

VẤN ĐỀ NGÂN HÀNG PHỔ

Có lẽ Ngài đã biết rằng ý đồ in tiền giấy của vua Phổ được coi là không thể thực hiện được. Hai trong số các quan chức phụ trách vấn đề quốc trái đã từ chối ký vào các tín phiếu mới mà việc phát hành chúng, theo ý kiến họ, có nghĩa là tăng thêm quốc trái và, do đó, cần được Hội nghị ba đẳng cấp đảm bảo. Phri-đrich-Vin-hem IV muốn tỏ ra là ông ta có thể tùy ý kiểm bao nhiêu tiền cũng được, nên giờ đây ông ta đã nghĩ ra một kế hoạch hay hơn nhiều. Thay vào mười triệu ông ta muốn có được ba mươi triệu: hai mươi triệu tiền giấy và mười triệu bằng tiền vàng và bạc chắc chắn, có giá trị. Ông ta dự kiến thu một số tư bản là mười triệu dựa vào cổ phiếu mà "số cổ phiếu này rõ ràng là sẽ không được trả lãi cổ phiếu mà sẽ chỉ được trả $3\frac{1}{2}$ phần trăm lãi suất đồng niên và để khỏi trở thành đối tượng đầu cơ, các cổ phiếu này chỉ được chuyển nhượng cho người khác trong trường hợp người có cổ phiếu chết đi"!!! Có thể gọi những tờ giấy đó là *cổ phiếu* được không? Mà sao lại không kia chứ? Đáng chí tôn Phổ ra sắc lệnh rằng chúng là cổ phiếu và ôm ấp niềm hy vọng mù quáng sẽ tìm được một số lớn nhà tư bản có đủ đầu óc ngu ngốc để đầu tư mười triệu ta-le vào những cổ phiếu ngân hàng cố định, không thể chuyển nhượng, với lãi suất 3,5% đó! Và việc này lại diễn ra vào lúc khi mà thực hiện đầu cơ cổ phiếu đường sắt thì các nhà tư bản có thể thu được lãi suất phần trăm cao

hơn nhiều. Nếu như nhà vua tìm ra được một số kẻ ngu ngốc mà ông ta cần có và vay được của họ mười triệu *tiền kim loại* thì lúc ấy ông ta sẽ phát hành số tín phiếu trị giá *hai mươi* triệu và sẽ tăng thêm số quốc trái lên một khoản tổng cộng là ba mươi triệu. Đây thật là cách kiếm bao nhiêu tiền tùy ý! Ngay 10 triệu cũng chả kiếm nổi, huống hồ lại theo đuổi 30 triệu!

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào cuối tháng Sáu 1846
Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 451,
ngày 4 tháng Bảy 1846 với lời chú thích của ban
biên tập:
"Theo phóng viên của bản báo"*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

THƯ CHÚC MỪNG CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ-CỘNG SẢN ĐỨC Ở BRUY-XEN GỬI NGÀI PHÉC-GIUÝT Ô' CÔ-NO

Thưa Ngài!

Nhân dịp Ngài giành được thắng lợi rực rỡ trong cuộc bầu cử ở Nốt-tinh-hêm, chúng tôi xin chúc mừng Ngài và qua Ngài chúng tôi xin chúc mừng phái Hiến chương Anh đã đạt được thắng lợi tuyệt vời. Thưa Ngài, chúng tôi coi thất bại của ngài bộ trưởng thuộc phái mậu dịch tự do^{1*} đã bị đa số tuyệt đối phái Hiến chương loại bỏ trong cuộc giơ tay biểu quyết⁸ đúng vào lúc mà những nguyên tắc mậu dịch tự do đã thắng thế về mặt lập pháp⁹, như một dấu hiệu chứng tỏ giai cấp công nhân Anh hiểu rất rõ là sau khi những nguyên tắc mậu dịch tự do đã thắng, nó phải giữ lập trường nào. Sự kiện này cho chúng tôi thấy giai cấp công nhân hiểu rất rõ rằng, giờ đây khi mà giai cấp tư sản đã thi hành biện pháp chính của nó và để trở thành giai cấp cầm quyền được thừa nhận ở nước Ngài, thì nó chỉ cần thay các nội các thoả hiệp, nhu nhược hiện nay bằng một nội các tư sản thực thụ, có nghị lực, - rằng giờ đây cuộc đấu tranh vĩ đại giữa tư bản và lao động, giữa *tư sản* và *vô sản* phải bước vào giai đoạn quyết định. Từ nay

^{1*} - G.C.Hốp-hau-dơ

bãi chiến trường đã được dọn sạch do tầng lớp quý tộc ruộng đất đã rút lui; giai cấp tư sản và giai cấp công nhân - đó là những giai cấp duy nhất có thể tiến hành đấu tranh với nhau mà thôi. Mỗi bên tham chiến đều có khẩu hiệu chiến đấu của riêng nó được quy định bởi những quyền lợi và địa vị của nó đối với phía bên kia: khẩu hiệu của giai cấp tư sản là "mở rộng mậu dịch bằng mọi cách và một nội các gồm những nhà quý tộc ngành dệt sợi bông ở Lan-kê-sia để thực hiện điều đó"; khẩu hiệu của giai cấp công nhân là "cải cách dân chủ bán hiến pháp trên cơ sở bản Hiến chương nhân dân"¹⁰, nhờ đó giai cấp công nhân sẽ trở thành giai cấp cầm quyền ở Anh. Chúng tôi vui mừng nhận thấy rằng công nhân Anh hoàn toàn hiểu được tình hình so sánh lực lượng đã thay đổi đó; họ hiểu rằng với thất bại cuối cùng của phe thứ ba - của tầng lớp quý tộc - là đã bắt đầu thời kỳ cổ động mới cho phong trào Hiến chương, rằng phong trào Hiến chương từ nay phải đóng và sẽ đóng một vai trò xuất sắc, bất chấp sự "im hơi lặng tiếng" của báo chí tư sản, và, sau hết, rằng trong những điều kiện mới đó công nhân đã đứng trước những nhiệm vụ mới. Ý định *tham gia bỏ phiếu* trong thời gian tổng tuyển cử tới đây chúng tôi hoàn toàn hiểu rõ những nhiệm vụ mới ấy.

Thưa Ngài, chúng tôi phải đặc biệt chúc mừng Ngài về bài diễn văn tuyệt vời của Ngài tại cuộc bầu cử ở Nốt-tinh-hêm, trong đó Ngài đã nêu lên một cách hết sức rõ ràng sự đối lập giữa nền dân chủ của giai cấp công nhân và chủ nghĩa tự do của giai cấp tư sản.

Chúng tôi cũng xin chúc mừng Ngài về cuộc bỏ phiếu nhất trí tín nhiệm, theo sáng kiến riêng, của tất cả các tổ chức Hiến chương đối với Ngài, trước những lời phát biểu có tính chất vu khống của Tô-mát Cu-pơ, một nhân vật *đứng đắn* - giả hiệu đó. Đảng Hiến chương chỉ có lợi khi loại trừ được khỏi hàng ngũ mình những tên tư sản đeo mặt nạ, mạo xưng là những nhà Hiến chương để mưu cầu tiếng tăm, đồng thời cố tìm cách lấy lòng giai cấp tư sản bằng cách nịnh nọt cá nhân những đại biểu văn chương của

nó (như các bá tước phu nhân Ble-xinh-ton, Sác-lơ Đích-ken-xơ, Giê-rôn và những "bạn bè" khác của Cu-pơ) và bằng cách gieo rắc những học thuyết bi ối, nhục nhã, chỉ dùng được cho các bà già, như thuyết "không phản kháng".

Và sau hết, thưa Ngài, chúng tôi phải tỏ lòng cảm ơn Ngài và những người cộng sự của Ngài về hoạt động cao cả và sáng suốt trong việc lãnh đạo tờ "Northern Star"¹¹. Chúng tôi có thể tuyên bố không một chút do dự rằng báo "Star" là một tờ báo Anh duy nhất (có lẽ không kể tờ "People's Journal" - một cơ quan ngôn luận mà chúng tôi chỉ được biết đến qua tờ "Star") am hiểu thực trạng của các đảng phái ở Anh, một tờ báo về thực chất là tờ báo dân chủ chân chính, không mang những định kiến dân tộc và tôn giáo, đồng tình với những người dân chủ và công nhân trên toàn thế giới (trong thời đại chúng ta nhà dân chủ và công nhân hầu như chỉ là một); trên tất cả những vấn đề ấy, tờ báo nói lên được ý kiến của giai cấp công nhân Anh và do vậy là tờ báo Anh duy nhất thật sự xứng đáng để cho các nhà dân chủ trên lục địa đọc nó. Nhân đây chúng tôi xin tuyên bố là chúng tôi sẽ đem hết sức mình tăng cường phổ biến tờ "Northern Star" trên lục địa và cho đăng các bài dịch từ báo đó trên thật nhiều tờ báo ở lục địa.

Thưa Ngài, chúng tôi xin bày tỏ với Ngài những tình cảm đó với tư cách những đại biểu được công nhận của nhiều người cộng sản Đức ở nước Đức trong tất cả mọi quan hệ của họ với các nhà dân chủ ở nước ngoài.

Thay mặt những người dân chủ - cộng sản Đức ở Bruy-xen

Ủy ban: **Ăng-ghen**
Ph.Gi-gô
Mác

Bruy-xen, ngày 17 tháng Bảy 1846

Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết
Đã đăng trên báo "The Northern Star" số
454, ngày 25 tháng Bảy 1846

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

PH. ĂNG-GHEN

CHÍNH PHỦ VÀ PHÁI ĐỐI LẬP Ở PHÁP¹²

Vậy là hai viện đang họp. Thượng nghị viện đã kết thúc vụ án Giô-dép Hăng-ri, một kẻ mưu sát vua mới xuất hiện, và giờ đây, cũng như mọi khi, nó chẳng còn việc gì để làm nữa. Hạ nghị viện đang bận kiểm tra tính chất đúng đắn của các cuộc bầu cử thành viên của nó và lợi dụng cơ hội này để biểu lộ những tình cảm khích lệ nó. Ngay trong thời kỳ sau cách mạng năm 1830 cũng chưa khi nào thái độ vô liêm sỉ trắng trợn, thái độ coi thường dư luận xã hội lại được phô bày ra như vậy. Ít ra thì ba phần năm số nghị sĩ vẫn là những người bạn trung thành với nội các; nói cách khác, đó hoặc là những nhà tư bản lớn, những kẻ xoay sở và bộn bề cơ sở phiếu đường sắt của Sở giao dịch Pa-ri, các chủ ngân hàng, các nhà công nghiệp lớn v.v., hoặc là bọn đầy tớ ngoan ngoãn của chúng. Hơn bất kỳ quyền lập pháp nào trước đây, quyền lập pháp hiện nay là hiện thân của những lời mà Láp-phít-tơ nói vào ngày hôm sau khi Cách mạng tháng Bảy đã xảy ra: "Từ nay kẻ cai trị nước Pháp sẽ là chúng ta, những chủ ngân hàng". Nó là một bằng chứng hùng hồn nhất cho thấy việc cai trị nước Pháp đang nằm trong tay tầng lớp quý tộc tài chính lớn, trong tay haute bourgeoisie^{1*}. Số phận của nước Pháp được quyết định không phải

^{1*} - bọn trùm tư sản.

tại các phòng làm việc ở cung Tuyn-lơ-ri, không phải dưới những mái vòm của thượng nghị viện, thậm chí cũng chẳng phải ở dưới những mái vòm của hạ nghị viện, mà là ở Sở giao dịch Pa-ri. Các bộ trưởng chính công - đó không phải các ngài Ghi-dô và Đuy-sa-ten, mà là các ngài Rôt-sin, Phun-đơ và các chủ ngân hàng lớn khác ở Pa-ri mà số tài sản khổng lồ của họ làm cho họ trở thành những đại biểu nổi tiếng nhất của bộ phận còn lại của giai cấp họ. Họ điều khiển nội các, và nội các thì quan tâm sao cho chỉ có những kẻ trung thành với chế độ hiện hành và những kẻ kiếm được lợi lộc từ cái chế độ đó, mới thắng được tại những cuộc bầu cử. Lần này họ đạt được kết quả rất đáng kể: sự nâng đỡ của chính phủ và tất cả những hình thức mua chuộc kết hợp với ảnh hưởng của giới tư bản chớp bu đối với cử tri mà số lượng cử tri thì có hạn (số này chưa đầy 200 000 người) và ở mức độ này hay mức độ khác tất cả số cử tri ấy đều thuộc về giai cấp các nhà tư bản; nỗi khủng khiếp mà vụ mưu sát nhà vua - vụ này xảy đến rất đúng lúc - đã gây ra cho những người khá giả; và, sau hết, niềm tin rằng Lu-i- Phi-líp sẽ không thọ lâu hơn các viện hiện nay (quyền hành của hai viện sẽ chấm dứt vào năm 1851) - tất cả những cái đó đủ để đè bẹp bất kỳ phái đối lập quan trọng nào trong phần lớn các cuộc hội nghị bầu cử. Và giờ đây, khi mà cái nghị viện quý giá đó họp lại, họ quyết định quan tâm đến bản thân mình một cách thích đáng. Những cử tri độc lập hàng trăm lần đệ đơn thỉnh nguyện và tuyên bố phản đối việc bầu các nghị sĩ là tay chân của nội các, họ khẳng định và chứng minh, hoặc tỏ ý sẵn sàng chứng minh rằng hầu như trong mọi trường hợp, tại các cuộc bầu cử, các quan chức chính phủ đã vi phạm pháp luật một cách hết sức thô bạo; họ chứng minh rằng trong khi bầu cử, những trò hồi lộ, mua chuộc, dọa dẫm, đủ mọi hình thức nâng đỡ đều được tung ra sử dụng. Nhưng đa số trong nghị viện chẳng hề chú ý gì đến những sự thật ấy. Mỗi nghị sĩ thuộc phái đối lập toan lên tiếng phản đối những trò bỉ ổi đó liền bị người ta buộc

phải yên lặng bởi những tiếng huýt sáo, tiếng ồn ào và những tiếng la ó: "bỏ phiếu, bỏ phiếu!". Thế là tất cả những điều phi pháp được che đậy bằng cái việc biểu quyết thần thánh hoá đó. Bọn tài phiệt say sưa với quyền lực của chúng nhưng cũng linh cảm rằng quyền lực ấy sẽ kéo dài chẳng còn lâu nữa, nên vội vã tận dụng cái thời cơ trước mắt.

Người ta có thể dễ dàng hình dung được rằng bên ngoài số ít các nhà tư bản đó là một phái đối lập rộng khắp chống lại chính phủ hiện nay và những kẻ mà lợi ích của chúng được chính phủ ấy phục vụ. Trung tâm của phái đối lập này là Pa-ri, nơi mà ảnh hưởng của bọn tài phiệt đối với cử tri nhỏ đến mức là trong số mười bốn nghị sĩ tỉnh Xen thì chỉ có hai người là ủng hộ nội các, còn mười hai người thì thuộc phái đối lập. Đa số cử tri tư sản ở Pa-ri thuộc phái của Chi-e và Ô. Ba-rô. Những cử tri này mong muốn kết liễu ách thống trị độc quyền của Rốt-sin và đồng bọn, khôi phục lại địa vị độc lập và vinh quang của nước Pháp trong những quan hệ đối ngoại của nó và có thể là tranh thủ đạt được một số cải cách nhỏ về bầu cử. Đa số các chủ xưởng thủ công, chủ hiệu buôn nhỏ v.v. không có quyền bầu cử thì có đầu óc cấp tiến hơn và đòi hỏi một cuộc cải cách bầu cử sẽ đem lại cho họ quyền bỏ phiếu; nhiều người trong số họ thuộc số người ủng hộ các tờ báo "National" hoặc "Réforme"¹³ và đi theo đảng dân chủ, đảng này bao gồm một bộ phận đáng kể của giai cấp công nhân. Đảng này chia thành mấy phái, mà phái đông người nhất, ít ra là ở Pa-ri, là gồm những người cộng sản. Tất cả những phái khác nhau đó - tất nhiên là mỗi phái có cách thức riêng của nó - đều tiến hành đấu tranh chống lại chế độ hiện hành. Cách đây không lâu bắt đầu có một phương thức đấu tranh mới, rất đáng được nhắc tới. Một công nhân đã viết bài đã kích kẻ đầu sỏ của chế độ này, - không phải đã kích Lu-i- Phi-líp, mà là đã kích "Rốt-sin I, vua của những kẻ cho vay nặng lãi"¹⁴. Thành công của bài đã kích này (nó đã được xuất bản gần hai mươi lần) cho thấy là hướng

đã kích đã được chọn đúng như thế nào. Vua Rốt-sin đã phải lên tiếng trên báo chí hai lần, tự biện hộ trước những đòn tấn công đó của một người chẳng ai biết tới, mà món tài sản duy nhất của anh ta là chiếc áo trên người. Công chúng rất thích thú theo dõi cuộc bút chiến này. Đã có tới ba mươi cuốn sách mỏng được xuất bản pro và contra^{1*}. Lòng căm thù Rốt-sin và các bọn tài phiệt khác thật là mạnh mẽ và, theo một tờ báo Đức, qua lời cảnh cáo này Rốt-sin phải rút ra kết luận là tốt hơn hết ông ta nên chuyển tổng hành dinh của ông ta đến nơi nào đó cách xa ngọn núi lửa sục sôi muôn thuở là Pa-ri.

Do Ph. Ăng-ghen viết khoảng ngày 1 tháng Chín 1846

Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 460, ngày 5 tháng Chín 1846, với lời chú thích của ban biên tập.

"Theo phóng viên của báo báo"

*In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu tiên trên tạp chí "Cách mạng vô sản" số 4, năm 1940*

^{1*} - tấn thành và phản đối

PH. ĂNG-GHEN

HIẾN PHÁP PHỔ

Thế là cuối cùng cái tác phẩm nghệ thuật được chờ đợi từ lâu đó đã ra đời!¹⁵ Thế là cuối cùng, nếu tin theo báo "Times", báo "Globe"¹⁶, một số tờ báo Pháp và một số tờ báo Đức thì nước Phổ đã gia nhập hàng ngũ những quốc gia lập hiến. Tuy nhiên tờ "Northern Star" đã chứng minh một cách có sức thuyết phục rằng cái gọi là hiến pháp đó chẳng qua chỉ là cái mồi lừa nhân dân Phổ nhằm mục đích tước đoạt của họ những quyền lợi mà vị vua quá cố^{1*} đã hứa với họ trong lúc nhà vua cần được nhân dân ủng hộ. Sự thể chính là ở chỗ Phri-đrich-Vin-hem mưu toan dùng cái gọi là hiến pháp đó để kiếm tiền và đồng thời lẫn tránh một số nhượng bộ nào đó cần phải có đối với dư luận xã hội, - điều này, tất nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa. Các báo dân chủ ở tất cả các nước - nói riêng ở Pháp là tờ "National" và tờ "Réforme" và thậm chí cả tờ báo của chính phủ "Journal des Débats"¹⁷ - đều tán thành ý kiến đó. Thậm chí báo chí Đức, bị trói buộc hoàn toàn cũng bật ra những lời nói qua đó chỉ có thể rút ra một kết luận là phái tiến bộ ở Phổ hiểu rất rõ những ý đồ giáo quyền của vị vua "chân thành, cao thượng". Vậy là, vấn đề là như sau: nhà vua sẽ thực hiện được những kế hoạch của mình hay không? Cái

^{1*} - Phri-đrich - Vin-hem III

quốc hội đẳng cấp trung ương có tỏ ra đủ ngu ngốc hoặc đủ hèn nhát để không đảm bảo cho nhân dân những quyền tự do rộng rãi mà lại đi đảm bảo cho một trái khoáy mới và qua đó tạo cho nhà vua khả năng duy trì chế độ cai trị hiện nay trong một thời gian vô hạn định hay không?

Chúng ta trả lời: không, nó sẽ không muốn thế, nó cũng sẽ chẳng thể đi tới chỗ làm như thế.

Cách cai trị tồn tại cho tới nay ở Phổ được quyết định bởi tình hình so sánh lực lượng đã hình thành giữa tầng lớp quý tộc Phổ và giai cấp tư sản Phổ. Tầng lớp quý tộc đã bị mất thế lực, sự giàu có và ảnh hưởng trước đây của nó, đến nỗi đã không thể bắt nhà vua phục tùng nó như trước đây. Giai cấp tư sản hãy còn chưa đủ mạnh để tự giải phóng mình khỏi cái xác chết đã trở thành gánh nặng - tầng lớp quý tộc - vẫn kìm hãm sự phát triển thương nghiệp và công nghiệp của nó. Như vậy, nhà vua đại biểu cho chính quyền trung ương trong nước và được sự ủng hộ của giai cấp đông đảo các quan chức dân sự và quân sự trong chính phủ, hơn nữa lại nắm được quân đội trong tay, có thể dùng tầng lớp quý tộc để khống chế giai cấp tư sản, và dùng giai cấp tư sản để khống chế tầng lớp quý tộc, thoả mãn quyền lợi hoặc của giai cấp này, hoặc của giai cấp kia và cố cân bằng ảnh hưởng của cả hai. Giai đoạn quân chủ chuyên chế đó, hầu hết các nước văn minh ở châu Âu đều trải qua, và tại các nước phát triển hơn cả trong số các nước ấy giờ đây giai đoạn ấy đã nhường chỗ cho sự thống trị của giai cấp tư sản.

Nước Phổ, một quốc gia phát triển nhất trong số các quốc gia Đức, cho tới nay hãy còn thiếu một giai cấp tư sản đủ giàu có, mạnh mẽ, đoàn kết nhất trí và đủ nghị lực để lật đổ ách thống trị của chế độ chuyên chế và thủ tiêu những tàn tích của tầng lớp quý tộc phong kiến. Nhưng hai thành phần đối địch nhau - tầng lớp quý tộc và giai cấp tư sản - được đặt trong những điều kiện khiến cho trong quá trình phát triển tự nhiên của công nghiệp

và nền văn minh, một trong hai thành phần đó (giai cấp tư sản) tất nhiên sẽ trở nên giàu có hơn và có thể lực hơn, trong khi đó thì thành phần kia (tầng lớp quý tộc) tất nhiên bị suy yếu, phá sản và ngày càng bị mất ảnh hưởng của mình. Và đây, trong khi địa vị của tầng lớp quý tộc Phổ và địa chủ lớn bị sút kém đi hết năm này qua năm khác - trước hết là do những cuộc chiến tranh hao người tốn của với Pháp vào hồi đầu thế kỷ, sau đó là do những đạo luật về ngũ cốc của Anh bịt kín đường của họ vào thị trường Anh, tiếp đến là do cuộc cạnh tranh với Áo về mặt sản xuất một trong những sản phẩm chủ yếu của họ là len và còn do nhiều tình hình khác nữa, thì cũng trong thời gian đó giai cấp tư sản Phổ đã gia tăng của cải của nó một cách phi thường, phát triển lực lượng sản xuất và tăng cường ảnh hưởng của nó xét về toàn cục. Những cuộc chiến tranh với Pháp, việc các thị trường trên lục địa đóng cửa đối với hàng công nghiệp Anh đã tạo ra ở Phổ một nền công nghiệp công xưởng; còn khi hoà bình trở lại thì các nhà công nghiệp mới xuất hiện đã đủ mạnh để bắt chính phủ phải ban thưởng cho họ chế độ thuế quan bảo hộ (năm 1818). Sau đó ít lâu đã thành lập Liên minh thuế quan là một tổ chức hầu như chỉ đáp ứng quyền lợi của giai cấp tư sản¹⁸. Nhưng điều chủ yếu là cuộc cạnh tranh tàn khốc bùng lên trong vòng ba chục năm hoà bình vừa qua giữa các quốc gia công thương nghiệp đã buộc giai cấp tư sản Phổ còn ít nhiều sức ỳ phải có sự lựa chọn: hoặc để cho cuộc cạnh tranh với nước ngoài làm cho giai cấp tư sản Phổ phá sản hoàn toàn, hoặc nghiêm túc bắt tay vào cuộc, theo gương các nước láng giềng của nó.

Sự lớn mạnh của giai cấp tư sản diễn ra hầu như không thấy rõ mãi tới năm 1840, khi mà nó coi lễ đăng quang của nhà vua mới là thời cơ thích hợp để cho thấy ở Phổ có một cái gì đó đã thay đổi từ năm 1815. Không cần phải nhắc lại rằng phong trào của giai cấp tư sản từ ngày ấy đã phát triển có kết quả như thế nào, nó đã lan rộng ra tất cả mọi miền của vương quốc như thế

nào, vì vậy cuối cùng đã thu hút toàn bộ giai cấp tư sản, một bộ phận to lớn nông dân và thậm chí không ít nhà quý tộc. Chế độ đại nghị, tự do báo chí, thủ tục tố tụng công khai, chế độ không thay đổi các thẩm phán, toà án bồi thẩm - đó là những yêu sách của giai cấp tư sản. Nông dân và những tiểu điền chủ - ít ra là ở những miền nào có trình độ văn hoá cao hơn trong vương quốc, - hiểu rất rõ rằng những biện pháp này đáp ứng cả với lợi ích của họ, bởi vì chỉ có dựa vào những biện pháp ấy họ mới có thể hy vọng thoát khỏi những tàn dư phong kiến và có được một ảnh hưởng đối với chế độ lập pháp mà họ muốn có. Bộ phận quý tộc nghèo hơn thì cho rằng có thể là chế độ lập hiến sẽ bảo đảm cho nó có một địa vị tương xứng với lợi ích của nó trong các cơ quan lập pháp, rằng bất luận thế nào, chế độ mới này cũng sẽ không đến nỗi làm cho nó phá sản như cái chế độ trong đó nó đang sống. Xuất phát từ những lý do đó mà tham gia phong trào tự do, chủ yếu là giới quý tộc ở ngay Phổ và Pô-dơ-nan, đặc biệt đang vô cùng khốn đốn vì không có thị trường tiêu thụ các sản phẩm của mình.

Tình hình của chính giai cấp tư sản ngày càng trở nên khó khăn hơn. Nó đã phát triển các xí nghiệp công nghiệp và khai khoáng, cũng như ngành hàng hải của nó tới quy mô lớn; nó trở thành người cung ứng chính của toàn bộ thị trường thuộc địa bản của Liên minh thuế quan; của cải của nó và số lượng của nó tăng lên mạnh mẽ. Nhưng sự phát triển khổng lồ của công nghiệp công xưởng và khai khoáng ở Anh trong vòng mười - mười lăm năm vừa qua đã đặt giai cấp tư sản Phổ trước nguy cơ cạnh tranh cực kỳ nguy hiểm. Mỗi lần thị trường Anh thừa ứ hàng hoá thì những miền thuộc địa bản của Liên minh thuế quan lại tràn ngập rất nhiều hàng hoá của Anh, được bán theo những giá cả tai hại đối với người Đức hơn là đối với người Anh, vì rằng trong những thời kỳ thương nghiệp phồn vinh người Anh đã thu được những khoản lợi nhuận cao ở các thị trường châu Mỹ và các thị trường khác,

trong khi ấy thì trong bất kỳ hoàn cảnh nào người Phổ cũng không thể bán hàng của họ tại một nơi nào đó ngoài phạm vi biên giới thuế quan của riêng họ. Tàu của họ hầu như không được vào các cảng nước ngoài, trong khi ấy thì tàu của bất kỳ nước nào đều vẫn cập bến cảng của Phổ một cách bình đẳng với tàu của Phổ. Như vậy, mặc dù ở Phổ có tương đối ít tư bản, nhưng tìm được nơi đầu tư chúng một cách có lợi lại là chuyện khó. Thương nghiệp ở trong tình trạng dường như bị kìm kẹp thường xuyên; các nhà máy, máy móc, hàng hóa sụt giá dần dần, nhưng liên tục; và tình trạng bị kìm hãm phổ biến đó chỉ được phá tung trong một thời gian ngắn do có những vụ đầu cơ về đường sắt lan tràn ở Phổ trong tám năm gần đây. Những vụ đầu cơ này nâng giá trị tiền mặt lên, đã đẩy nhanh tốc độ sụt giá hàng và tự nó nhìn chung lại không có lợi lắm, vì trên phần lớn đất nước dân cư tương đối thưa và thương nghiệp ở đó phát triển yếu. Song tất cả các vụ đầu cơ này vẫn cứ đem lại nhiều hy vọng thu được lợi nhuận hơn là đầu tư vốn vào các ngành công nghiệp khác; vì vậy tất cả những ai có số tư bản dù ít dù nhiều cũng đều lao vào đầu cơ cả. Như thường vẫn xảy ra, những vụ đầu cơ này rất nhanh chóng mang tính chất cuồng nhiệt và kết thúc bằng một cuộc khủng hoảng mà gánh nặng thì thị trường tiền tệ của Phổ phải chịu đựng đã gần mười hai tháng nay. Như vậy, vào đầu năm nay giai cấp tư sản bị lâm vào tình trạng cực kỳ khó khăn: các thị trường tiền tệ phải chịu cảnh thiếu tiền mặt chưa từng thấy; hơn bất kỳ lúc nào, các vùng công nghiệp cần có các hình thức thuế quan bảo hộ mà chính phủ từ chối; các thành phố cảng cần có các đạo luật hàng hải là phương sách duy nhất có khả năng giảm nhẹ tình trạng khó khăn của những thành phố ấy; mà điều chủ yếu là trên các thị trường lương thực giá cả bắt đầu lên, đưa đất nước đến tình trạng gần như đói kém. Tất cả những nguyên nhân gây nên tâm trạng bất mãn, đồng thời đã ảnh hưởng, trên mức độ mạnh mẽ hơn nhiều, đến tình hình đời sống nhân dân: những người thợ dệt Xi-lê-di phải chịu cảnh thiếu thốn cùng cực; các xưởng dệt vải sợi bông



BIỂM HỌA CỦA PH. ĂNG-GHEN VỀ SẮC TỬ CỦA PHRI-ĐRÍCH-VIN-HEM IV
TRONG BUỔI KHAI MẠC
NGHỊ VIỆN LIÊN HỢP Ở BÉC-LIN NGÀY 11 THÁNG TƯ NĂM 1847
Đã in thành phụ trương đặc biệt của tờ
"Deutsche - Brüssler - Zeitung" số ra ngày 6 tháng Năm 1847

đóng cửa; tại vùng công nghiệp rộng lớn tỉnh Ranh hầu hết công nhân đều không có việc làm, phần lớn vụ thu hoạch khoai tây bị hỏng, và lúa mì được bán ra đắt như những năm đói kém. Rõ ràng là đã tới lúc giai cấp tư sản phải trước đoạt quyền cai quản đất nước từ tay ông vua kém thông minh, từ tay tầng lớp quý tộc bất lực và bọn quan lại kiêu ngạo, và nắm lấy quyền cai quản đó.

Một sự kiện thật lý thú, lặp đi lặp lại trong tất cả các thời kỳ cách mạng là: đúng vào lúc giai cấp lãnh đạo phong trào đang ở trong những điều kiện thuận lợi nhất để đưa phong trào đó đến đích cuối cùng thì chính phủ cũ đã hết thời thường đành phải đi cầu cứu chính giai cấp lãnh đạo đó. Chẳng hạn, năm 1789 ở Pháp, khi mà nạn đói, thương nghiệp tiêu điều, những cuộc cãi vã trong giới quý tộc có thể nói là đã thúc đẩy giai cấp tư sản làm cách mạng, chính vào lúc đó chính phủ, do cạn nguồn tài chính, đã đành phải mở đầu cho cuộc cách mạng bằng việc triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp. Chính điều này cũng diễn ra ở Phổ năm 1847. Chính vào lúc giai cấp tư sản Phổ mang nặng sức ỳ hơn, do tình thế ép thúc, đã sắp sửa buộc phải thay đổi chế độ cai trị thì vì túng tiền, nhà vua đành phải tự mình mở đầu cho việc thay đổi chế độ ấy và, đến lượt mình, buộc phải triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp của Phổ. Không nghi ngờ gì nữa, Hội nghị ba đẳng cấp sẽ phản đối nhà vua một cách yếu ớt hơn nhiều so với việc họ sẽ làm hiện nay, nếu như trên thị trường tiền tệ ngự trị cảnh bình yên, các nhà máy hoạt động hết công suất (mà muốn vậy thì cần có một nền thương nghiệp phồn vinh và việc tiêu thụ được bảo đảm, do đó giá cả hàng công nghiệp ở Anh phải cao) và mức giá lúa mì đã hạ. Nhưng có điều thường xảy ra là: vào những thời kỳ cách mạng đang đến gần, các giai cấp tiến bộ trong xã hội bao giờ cũng có mọi ưu thế của mình.

Trong khoảng thời gian năm 1845 và 1846 tôi đã từng nhiều lần chỉ cho bạn đọc của báo "Star" thấy là vua Phổ đang ở trong tình trạng tài chính rất eo hẹp; đồng thời tôi cũng lưu ý họ tới

những dự án khôn ngoan khác nhau mà các vị bộ trưởng của nhà vua toan dùng để giúp nhà vua thoát khỏi cảnh khó khăn, và đã từng dự đoán rằng mọi chuyện tất sẽ không tránh khỏi kết thúc bằng việc triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp. Như vậy, sự kiện này không phải là chuyện bất ngờ và cũng không phải là sự biểu lộ thiện chí của đức đại đế đã khánh kiệt, như hiện nay người ta vẫn miêu tả; chỉ có sự thiếu thốn cùng cực, sự túng bấn và phá sản mới có thể đẩy nhà vua đi một bước như vậy, và ở Phổ điều này trở nên hiển nhiên đối với bất kỳ một đứa bé con nào. Do đó toàn bộ vấn đề là ở chỗ giai cấp tư sản Phổ có đồng ý đảm bảo một trái khoán mới và qua đó cho phép nhà vua tiếp tục thi hành chính sách cũ của nhà vua và phớt lờ những yêu sách và nhu cầu của giai cấp tư sản thêm bảy năm nữa hay không?

Chúng tôi đã giải đáp câu hỏi này rồi. Giai cấp tư sản Phổ không thể làm như vậy. Chúng tôi đã xuất phát từ tình hình của từng giai cấp mà chứng minh điều đó, còn bây giờ chúng tôi sẽ chứng minh bằng cách xuất phát từ thành phần của bản thân Hội nghị ba đẳng cấp, trong đó:

số đại biểu của giới quý tộc thuộc tầng lớp trên và tầng lớp dưới - 311;

số đại biểu của thành thị và nông dân - 306.

Do chỗ nhà vua tuyên bố là dự định tăng thêm số đại biểu của giới quý tộc tầng lớp trên (cả thầy gồm 80 người) bằng cách phong những nguyên lão nghị viên mới, chúng ta có thể cộng thêm ba mươi người nữa vào hàng ngũ các nhà quý tộc; vậy là, - 341 đại biểu quý tộc, hay là phe chính phủ. Hãy loại khỏi số này những phần tử tự do của giới quý tộc lớp dưới, cụ thể là tất cả giới quý tộc của chính nước Phổ, hai phần ba giới quý tộc của Pô-dơ-nan, và một số đại biểu của giới quý tộc vùng Ranh, Xi-lê-di, Bran-đen-buốc và Ve-xtơ-pha-li, cứ cho là tổng cộng có 70 nghị sĩ tự do, biểu quyết nhất trí với các đại biểu của thành thị và nông dân, và tỷ lệ giữa hai bên sẽ như sau:

quý tộc, tức là phe chính phủ - 271;

các thành thị và nông dân, tức là

phe đối lập tự do - 376.

Như vậy, dù có giả định rằng ba mươi hay bốn mươi đại biểu của thành thị và nông dân ở các miền hẻo lánh sẽ biểu quyết ủng hộ chính phủ đi nữa, thì vẫn cứ có thể coi phe tự do sẽ chiếm được đa số phiếu, từ hai mươi lăm đến năm mươi phiếu, và, nếu như phe tự do sẽ tỏ ra tích cực một chút, thì họ sẽ dễ dàng đưa ra yêu sách thi hành những thể chế tự do, để đáp lại mỗi lần xin tiền. Ngoài ra, không còn nghi ngờ gì nữa là trong hoàn cảnh hiện nay nhân dân sẽ ủng hộ giai cấp tư sản và với sức ép của họ từ bên ngoài, - sức ép này rất và rất cần thiết - sẽ củng cố lòng dũng cảm và tăng cường nghị lực của phe đối lập trong quốc hội.

Như vậy, bản thân bản hiến pháp Phổ, tự bản thân nó chẳng đáng kể gì, nhưng vẫn mở ra một thời đại mới cho quốc gia Phổ, cũng như cho toàn nước Đức. Nó đánh dấu sự sụp đổ của chế độ chuyên chế và tầng lớp quý tộc và việc giai cấp tư sản lên cầm quyền; nó mở đầu một phong trào sẽ nhanh chóng dẫn đến việc thiết lập chế độ đại nghị cho giai cấp tư sản, đến việc thi hành chế độ tự do báo chí, thậm chí độc lập, toà án bồi thẩm, và thậm chí khó mà nói được phong trào này sẽ kết thúc bằng cái gì. Nó có nghĩa là sự tái diễn năm 1789 ở Phổ. Và thậm chí nếu như chỉ có giai cấp tư sản là trực tiếp thiết tha với phong trào cách mạng hiện đã bắt đầu, thì phong trào này vẫn hoàn toàn không xa lạ đối với lợi ích của nhân dân. Chính là từ khi thiết lập chính quyền của giai cấp tư sản đã bắt đầu một phong trào dân chủ riêng biệt, độc lập. Trong cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế và tầng lớp quý tộc, thì nhân dân, phái dân chủ, chỉ có thể đóng vai trò phụ thuộc - vị trí hàng đầu trong cuộc đấu tranh này thuộc về giai cấp tư sản. Nhưng từ sau khi giai cấp tư sản thiết lập sự thống trị của nó, trở thành hiện thân của chế độ chuyên chế mới, của tầng lớp quý tộc mới, đối lập với nhân dân,-

từ lúc đó phái dân chủ xuất hiện với tư cách một phái tiên bộ độc nhất và duy nhất; từ lúc đó cuộc đấu tranh trở nên giản đơn hơn, trở thành cuộc đấu tranh chỉ của hai phía và do đó mà biến thành cuộc "đấu tranh sống mái". Lịch sử các phái dân chủ ở Pháp và Anh hoàn toàn khẳng định điều này.

Cần chỉ ra một tình hình nữa. Việc giai cấp tư sản Phổ giành được chính quyền sẽ làm thay đổi tình hình chính trị ở tất cả các nước châu Âu. Liên minh các cường quốc phương Bắc sẽ tan vỡ. Áo và Nga, những kẻ cướp chính của Ba Lan, sẽ hoàn toàn bị cô lập với phần còn lại của châu Âu. Bởi vì quốc gia Phổ sẽ lôi kéo theo mình những quốc gia nhỏ hơn ở Đức, tất cả những quốc gia này đều sẽ thiết lập chế độ lập hiến. Như vậy, những hậu quả của bản hiến pháp nhỏ mọn này - ba phần tư nước Đức chuyển từ phe Đông Âu mang nặng sức ỷ sang phe Tây Âu tiên bộ - là sẽ hoàn toàn làm thay đổi so sánh lực lượng ở châu Âu. Tháng Hai 1846 nổ ra cuộc khởi nghĩa cuối cùng ở Ba Lan¹⁹. Tháng Hai 1847 Phri-drích-Vin-hem triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp của mình.

Giờ phút Ba Lan sẽ được rửa thù sắp đến!

Do Ph. Ăng-ghen viết vào cuối tháng Hai 1847

Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 489, ngày 6 tháng Ba 1847, với lời chú thích của ban biên tập.

"Theo phóng viên bản báo ở Đức"

Ký tên: Ă.

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC

TIÊU LUẬN CHỐNG CÁC GRUN²⁰

Báo "Trier'sche Zeitung"²¹ đã đăng một bài đề "Béc-lin, ngày 20 tháng Ba" về cuốn sách mỏng còn chưa được in xong của tôi "Những mâu thuẫn trong hệ thống mâu thuẫn kinh tế học của ông Pru-đông, hay là Sự khốn cùng của triết học". Phóng viên Béc-lin biến tôi thành tác giả bản tin đăng trên tờ "Rhein-und Mosel-Zeitung" và trên những tờ báo khác về cuốn sách này, về tác phẩm của Pru-đông²² và về hoạt động của người dịch tác phẩm này, ông Grun. Phóng viên cứ tôn hoài tôi lên làm "tổng biên tập của tờ Rheinische Zeitung"²³ trước đây - tên gọi vay mượn của một phóng viên ở Bruy-xen, tức là của tác giả bản tin đã nhắc ở trên. Ông bạn đó của chúng ta tung ra những lời phỉ báng của mình, "dựa vào sự am hiểu tình hình báo chí hiện nay ở Đức". Theo tôi, ông ta có thể "dựa vào sự am hiểu tình hình báo chí hiện nay ở Đức" chẳng những trong những lời phỉ báng mà còn trong toàn bộ hoạt động văn đàn của mình. Tôi xin nhường chỗ cho ông ta về mặt "am hiểu tình hình báo chí hiện nay ở Đức" đó, đã được thử thách qua thực tiễn một cách xuất sắc như vậy. Nhưng lần này nó không làm "chỗ dựa" cho ông ta.

Cái gọi là phóng viên Béc-lin chỉ cần đọc những ý kiến của tôi về Pru-đông trong "Sự phê phán có tính phê phán"²⁴ là đủ tin rằng bản tin mà ông ta công kích, mặc dù có thể là được gửi từ

Bruy-xen, nhưng không khi nào lại có thể do tôi viết chỉ nguyên vì một lẽ là trong đó Pru-đông và ông Grun "*được coi như những đại lượng có giá trị ngang nhau*".

Bài phê phán Pru-đông của tôi viết *bằng tiếng Pháp*. Pru-đông sẽ đủ sức tự mình trả lời nó. Bức thư mà ông viết gửi tôi ngay trước khi cuốn sách của ông ra đời, tuyệt nhiên không nói gì về việc ông có ý định uy thác cho ông Grun và bọn tay chân trả thù cho ông trong trường hợp bị tôi phê bình.

"Còn về người dịch tác phẩm của Pru-đông về kinh tế chính trị học", thì ông bạn ở Béc-lin chỉ còn mỗi việc là lập biên bản ghi ý kiến của ông ta là "*Chúng tôi những người ở Béc-lin rút ra được rất nhiều kiến thức đủ loại*" ở cuốn sách của ông Grun "Phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ", nên giá trị của tác phẩm này chẳng còn phải nghi ngờ gì nữa. Chỉ có điều cần quan niệm cho rõ: câu nói "chúng tôi, những người ở Béc-lin" nhìn chung thu lượm được "*những kiến thức*" nào đó và đặc biệt là chúng tôi đã rút ra được "rất nhiều kiến thức đủ loại", nhờ đó mà thoáng một lúc chúng tôi đã được mở mang cả về phương diện lượng cũng như chất, câu nói đó có ý gì mới được chứ! Chúng tôi, những người ở Béc-lin!

Sau khi coi tôi là phóng viên Bruy-xen hoặc phóng viên đã nhắc ở trên, vị phóng viên Béc-lin, tức là vị Béc-lin giả hiệu tuyên bố:

Grun "chắc phải trả giá vì đã gặp điều bất hạnh là giới thiệu các thành tựu của chủ nghĩa xã hội ở nước ngoài với xã hội Đức *sớm hơn* tiên sĩ Mác "tổng biên tập của tờ Rheinische - Zeitung" *trước đây*".

Không cần phải bàn cãi gì nữa, ông bạn của chúng ta tỏ ra thật có tài dựng lên những lời phỏng đoán của mình! Tôi muốn mách sub rosa^{1*} với ông ta là, theo ý tôi, "Phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ" của ông Grun và phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ chẳng có gì giống nhau cả, trừ một số tên người và ngày tháng.

^{1*} - kín, riêng

Nhưng đồng thời tôi cũng cần cam đoan với ông ta rằng tôi thật không thiết tha gì đến việc "giới thiệu với xã hội Đức những thành tựu" của tôi trong việc nghiên cứu cuốn sách của ông Grun nói về phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ đến nỗi tôi đã thân nhiên để cho tập bản thảo bài phê bình tỷ mỉ tác phẩm của ông Grun mà tôi viết một năm trước đây được nằm nguyên tại chỗ, và chỉ giờ đây mới gửi đăng nó trên tờ "*Das Westphälische Dampfboot*"²⁵, do bị ông bạn Béc-lin thúc ép phải làm chuyện này. Bài phê bình là phần bổ sung của tác phẩm "*Hệ tư tưởng Đức*" (phê phán triết học hiện đại Đức qua các đại biểu của nó là Phoi-ơ-bắc, B.Bau-ơ và Stiéc-nơ và phê phán chủ nghĩa xã hội Đức qua các nhà tiên tri khác nhau của nó)²⁶ do Ph. Ăng-ghe-nơ cộng tác viết cùng tôi. Những hoàn cảnh đã cản trở và hiện vẫn còn cản trở việc in tập bản thảo này có thể sẽ được trình bày với bạn đọc ở một chỗ khác, với tính cách là phần bổ sung cho nhận định "tình hình báo chí hiện nay ở Đức". Tuy nhiên, việc công bố riêng bài phê bình cuốn sách của ông Grun - bài này không có gì mâu thuẫn với quy định về kiểm duyệt - cũng không gặp khó khăn gì cả; một trở ngại nhỏ duy nhất là chúng tôi coi cuốn sách này không đáng được phê phán riêng, chỉ có trong lúc điếm lại toàn bộ sách báo xã hội chủ nghĩa Đức tầm thường, dung tục mới không nên bỏ qua cuốn sách này, khi nhắc tới ông Grun. Nhưng giờ đây, sau khi ông bạn ở Béc-lin đã lên tiếng thì việc công bố riêng bài phê bình này mang ít nhiều ý nghĩa hài hước: nó phải cho thấy là "xã hội Đức tìm hiểu các thành tựu của chủ nghĩa xã hội ở nước ngoài" ra sao, và đặc biệt là phải cho thấy "*chúng tôi, những người ở Béc-lin*" khao khát và có năng lực tiếp thu "rất nhiều kiến thức đủ loại" như thế nào. Qua đây cũng sẽ rõ là tôi có cần phải dùng tới những đòn công kích nhẹ nhàng trên những bài báo nhỏ hay không, cho dù tôi có ý định ngăn trở sự tiến triển của "Phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ" của ông Grun đi nữa. Sau hết, dù ông bạn ở Béc-lin

sẽ không thể cự tuyệt không xác nhận một cách công khai rằng nếu như đúng thực là tôi có ý đồ "giới thiệu với xã hội Đức những thành tựu của chủ nghĩa xã hội ở nước ngoài" theo ý nghĩa mà ông ta hiểu và thật sự sợ gặp đối thủ là vị tiền bối của tôi thì từng giờ từng phút tôi sẽ phải cầu nguyện cho số mệnh mình: "Hãy phù hộ cho con đừng gặp phải một vị tiền bối nào đó, hay là - điều đó lại còn tốt hơn - hãy ban cho con ông Grun làm bậc tiền bối!".

Tôi xin thêm đôi lời nữa nhân chuyện tôi có "tham vọng ngông cuồng coi mình đã đạt tới bậc thang cao nhất của trí tuệ loài người".

Còn ai khác nữa có thể gán cho tôi căn bệnh này, nếu như không phải ông Grun là người (chẳng hạn, xem lời tựa cuốn sách "Những viên đá xây dựng"²⁷ của ông ta) cho rằng những bài nghiên cứu của tôi trên tờ "Deutsch - Französische Jahrbücher"²⁸ đã giải đáp những điều bí ẩn cuối cùng của thế giới, y hệt như hiện nay trong khoa kinh tế chính trị của Pru-đông; cũng như hiện nay ông ta tán dương Pru-đông là người có quan điểm chân chính, về tôi ông ta đã từng cam đoan (xem "Neue Anekdoten" của Grun²⁹) rằng tôi "đã thủ tiêu quan điểm lập hiến và cấp tiến". Ông Grun đã cho tôi uống thuốc độc trước, để rồi sau đấy có cớ mà trách tôi về cái tác hại do chất thuốc độc đó gây ra! Nhưng xin ông bạn Béc-lin cứ yên tâm! Tôi vẫn hoàn toàn khỏe mạnh.

Bruy-xen, ngày 3 tháng Tư 1847

Các Mác

Đã đăng trên báo "Deutsche - Brüsseler-Zeitung" số 28 ngày 8 tháng Tư 1847, và trên báo "Trier'sche Zeitung" số 99, ngày 9 tháng Tư 1847

In theo bản đăng trên báo "Trier'sche Zeitung", có đối chiếu với bản đăng trên báo "Deutsche - Brüsseler-Zeitung" Nguyên văn là tiếng Đức

PH. ĂNG-GHEN

VẤN ĐỀ HIẾN PHÁP Ở ĐỨC³⁰

I

Sách báo xã hội chủ nghĩa Đức xâu đi từng tháng một. Nó càng ngày càng bị hạn chế ở những lời huyền thuyên đầy hứa hẹn của *những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính"* mà toàn bộ sự thông thái của họ là ở chỗ pha trộn triết học Đức và tính đa cảm phi-li-xtanh kiểu Đức với mấy khẩu hiệu cộng sản đã bị xuyên tạc. Nó phô bày một thứ tinh thần yêu hoà bình đã đem lại cho nó khả năng nói lên những tư tưởng thâm kín nhất của nó ngay cả trong những xuất bản phẩm đã qua kiểm duyệt. Thậm chí cảnh sát Đức cũng không thể khiển trách nó nhiều - một bằng chứng đầy đủ cho thấy nó không thuộc vào những nhân tố tiến bộ, cách mạng, mà thuộc vào những nhân tố bảo thủ, phản động trong giới sách báo Đức.

Những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" đó bao gồm không chỉ những kẻ tự xưng là những người xã hội chủ nghĩa par excellence^{1*} mà cả đại bộ phận các nhà văn Đức tự gán cho mình cái danh hiệu trong đảng là *"những người cộng sản"*. Số nhà văn

^{1*} - chủ yếu, với nghĩa thật của từ này

này còn xấu xa hơn loại người thứ nhất, nếu như nói chung còn có một cái gì có thể xấu xa hơn.

Trong tình hình như vậy, hiển nhiên là soi-disant^{1*} nhà văn cộng sản đó tuyệt đối không thể đại biểu được cho *đảng* của những người cộng sản Đức. Đảng cũng không thừa nhận họ là những đại biểu văn học của đảng, họ cũng không đại biểu cho lợi ích của đảng. Trái lại, họ bảo vệ những lợi ích hoàn toàn khác, họ bảo vệ những nguyên tắc hoàn toàn khác mà về mọi phương diện đối lập với những nguyên tắc của đảng cộng sản.

Những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" - trong số đó, như đã nói ở trên, còn bao gồm cả đại bộ phận soi-disant các nhà văn cộng sản Đức, - qua các nhà cộng sản Pháp, đã được biết rằng sự quá độ từ chế độ quân chủ chuyên chế lên chế độ đại nghị hiện đại hoàn toàn không thủ tiêu tình trạng nghèo khổ của đông đảo quần chúng nhân dân, mà chỉ đưa một giai cấp mới - giai cấp tư sản - lên nắm chính quyền. Tiếp đến, họ được biết, qua những người cộng sản Pháp, rằng chính giai cấp tư sản này dùng tư bản của nó chèn ép quần chúng nhân dân hơn ai hết và vì vậy là kẻ thù par excellence của những người cộng sản hoặc những người xã hội chủ nghĩa là những đại biểu của quần chúng nhân dân. Họ chẳng buồn bỏ công sức so sánh trình độ phát triển xã hội và chính trị của Đức với trình độ phát triển xã hội và chính trị của Pháp hoặc nghiên cứu những điều kiện hiện tồn thực tế ở Đức quyết định toàn bộ sự phát triển tiếp theo, và mới suy nghĩ một cách nông cạn, họ đã vội vã đem vận dụng những tri thức thân nhận một cách vội vàng vào nước Đức. Nếu như họ là các nhà hoạt động của đảng, là những người cố gắng đạt tới một kết quả thực tế, cụ thể và đại biểu cho những lợi ích nhất định,

^{1*} - cái gọi là

có tính chất chung cho toàn thể giai cấp, thì ít ra họ cũng sẽ chú ý xem các đối thủ của giai cấp tư sản ở Pháp, từ các biên tập viên của tờ "Réforme" cho tới những người cộng sản cực đoan, đang tiến hành cuộc luận chiến chống lại giai cấp ấy như thế nào, đặc biệt là ông già Ca-bê, người đại biểu được thừa nhận của đông đảo quần chúng vô sản Pháp, tiến hành luận chiến ra sao. Một việc đập ngay vào mắt họ là các đại biểu đó của đảng chẳng những thường xuyên đề cập tới những vấn đề chính trị cấp bách mà thậm chí họ hoàn toàn không có thái độ kiêu căng kiêu ông hoàng đối với những biện pháp chính trị, chẳng hạn như các dự án cải cách luật bầu cử thường là không đại biểu cho lợi ích *trực tiếp* của giai cấp vô sản. Tuy nhiên những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" của chúng ta không phải là những nhà hoạt động của đảng, mà là những nhà lý luận Đức. Đối với họ vấn đề không phải ở những lợi ích và kết quả thực tiễn mà là ở chân lý vĩnh cửu. Những lợi ích mà họ cố bảo vệ là những lợi ích của "con người" nói chung; những kết quả mà họ cố nhằm đạt tới thì chỉ đóng khung ở "những thành tựu" về triết học. Như vậy, họ chỉ còn cần làm cho những quan niệm mới của họ phù hợp với lương tâm triết học của riêng họ để rồi sau đó loan báo đi khắp nước Đức rằng tiến bộ chính trị, cũng hết như mọi thứ chính trị, là điều tác hại, rằng chính ngay quyền tự do theo hiến pháp đã đưa cái giai cấp nguy hiểm nhất đối với nhân dân - giai cấp tư sản - lên ngai vàng, rằng nói chung, dù giai cấp tư sản có bị công kích thế nào đi nữa thì điều đó vẫn cứ còn chưa đủ.

Đã mười bảy năm rồi, ở Pháp giai cấp tư sản độc quyền thống trị - điều này không hề có ở bất cứ nước nào khác trên thế giới. Vì vậy những hành động của những người vô sản Pháp, của các lãnh tụ đảng và các đại biểu văn đàn của họ chống lại giai cấp tư sản là những hành động chống lại giai cấp thống trị, chống lại chế độ chính trị hiện hành; đó là những hành động *mang tính chất cách mạng kiên quyết*. Giai cấp tư sản thống trị nhận thức

rõ điều này tới mức nào, điều đó có thể thấy được qua vô số các vụ án chống lại báo chí và chống lại các hội liên hiệp, những lần cấm hội họp và tiệc tùng, hàng trăm vụ hoạn hộc của cảnh sát mà qua đó giai cấp tư sản khủng bố những nhà cải cách³¹ và những người cộng sản. Ở Đức tình hình hoàn toàn khác hẳn. Ở Đức giai cấp tư sản chẳng những không thống trị, mà thậm chí nó còn là kẻ thù nguy hiểm nhất của các chính phủ hiện hành. Đối với các chính phủ này vụ phá hoại do những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" tiến hành, là rất kịp thời. Cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản đối với những người cộng sản Pháp rất thường hay kéo theo cảnh bị đi tù hoặc đi đày thì đối với những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" của chúng ta nó chẳng kéo theo cái gì, ngoài sự tán thành của cơ quan kiểm duyệt. Trong lòng ngực lạnh lẽo của các nhà lý luận Đức, nhiệt tình cách mạng của cuộc luận chiến vô sản Pháp nguội lạnh tới mức được cơ quan kiểm duyệt cho phép, mà dưới hình thức trống rỗng như vậy nó được các chính phủ Đức rất thích và họ đã lợi dụng nó làm đồng minh để chống lại giai cấp tư sản đang lấn tới. "Chủ nghĩa xã hội chân chính" đã khôn ngoan biến những luận điểm cách mạng nhất trong số tất cả những luận điểm đã được đề ra trước đây thành bức tường bảo vệ cho cái vững bền của status quo^{1*} Đức. "Chủ nghĩa xã hội chân chính" là phản động hoàn toàn.

Từ lâu giai cấp tư sản đã nhận thấy khuynh hướng phản động đó của "chủ nghĩa xã hội chân chính". Nhưng nó không quan co úp mở gì cả, coi khuynh hướng đó là đại biểu văn đàn của cả chủ nghĩa cộng sản Đức nữa, nó công khai và giấu mặt kết tội *những người cộng sản* rằng bằng cuộc luận chiến chống lại chế độ đại nghị, tòa án bồi thẩm, tự do báo chí, bằng những lời gào thét

^{1*} - trật tự hiện hữu, hiện trạng, nguyên trạng

chống lại giai cấp tư sản, thì những người cộng sản chỉ tiếp tay cho các chính phủ, bọn quan lại, tầng lớp quý tộc mà thôi.

Đã tới lúc những người cộng sản Đức, rút cục, phải trút bỏ cái trách nhiệm về những hành vi và ước muốn phản động của những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" mà người ta gán cho họ. Đã tới lúc những người cộng sản Đức, những người đại biểu cho giai cấp vô sản Đức với những yêu cầu rất rõ ràng, rất cụ thể của nó, phải thật kiên quyết tách khỏi bè lũ văn đàn nói trên, - vì nó chẳng qua chỉ là một bè lũ, - một bè lũ tự nó không biết nó đại biểu cho ai, và vì vậy mà nhảy vào vòng tay của các chính phủ Đức trái với lòng mong muốn của bản thân, một bè lũ tưởng rằng nó "làm cho con người trở thành hiện thực", còn trên thực tế thì chẳng làm gì ngoài việc tôn sùng sự nghèo nàn về tinh thần của đám tiểu thị dân Đức. Trên thực tế, chúng ta, những người cộng sản, không có gì giống với những điều bịa đặt và hoài nghi về lý luận mê sảng của cái nhóm giáo hoạt đó. Những lời phát biểu của chúng ta chống lại giai cấp tư sản cũng khác hẳn những lời phát biểu của những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" chống lại giai cấp này, cũng như chúng khác với những lời phát biểu chống giai cấp này của bọn quý tộc phản động như phe chính thống ở Pháp hoặc hội "Nước Anh trẻ"³². Những kẻ đại biểu cho status quo Đức tuyệt nhiên không thể lợi dụng được những lời phát biểu của chúng ta, bởi vì những lời phát biểu ấy nhằm chống lại status quo đó nhiều hơn là chống lại giai cấp tư sản. Nếu giai cấp tư sản, như người ta nói, là kẻ thù *tự nhiên* của chúng ta, một kẻ thù mà việc lật đổ nó sẽ đưa đảng ta lên nắm chính quyền, thì chúng ta còn có một kẻ thù lớn nữa, đó là status quo Đức, vì nó đứng giữa chúng ta và giai cấp tư sản và cản trở chúng ta đánh vào giai cấp tư sản. Vì vậy, bất kể thế nào chúng ta cũng không được tách mình ra khỏi quần chúng đông đảo đối lập với status quo Đức ấy. Chúng ta chỉ thành lập bộ phận tiên

tiến nhất của phe đối lập đó - một bộ phận cũng chính trong thời gian đó có một vị trí hoàn toàn xác định nhờ có những ý đồ không cần che giấu của nó là chống lại giai cấp tư sản.

Với việc triệu tập Nghị viện liên hợp Phổ, cuộc đấu tranh chống status quo Đức đã đi tới một bước ngoặt. Status quo này tiếp tục tồn tại hay sẽ tiêu vong là phụ thuộc vào thái độ của nghị viện đó. Vì vậy mà các đảng phái ở Đức, hãy còn rất không ổn định, xen kẽ nhau một cách lộn xộn và tách rời nhau vì những triết lý hão về mặt tư tưởng, buộc phải định rõ những lợi ích mà chúng đại biểu và sách lược mà chúng cần tuân theo; các đảng phái phải phân rõ ranh giới với nhau và bắt đầu hành động thực tế. Đảng trẻ nhất trong số các đảng phái đó, đảng cộng sản, không thể lẫn tránh điều tất yếu này. Đồng thời đảng này cũng phải định rõ lập trường của mình, kế hoạch chiến đấu và các biện pháp của mình. Và bước đầu để làm việc này là vạch mặt những tên xã hội chủ nghĩa phản động đang cố chui vào hàng ngũ đảng. Đảng cần làm bước này càng nhanh càng tốt, vì đảng đã đủ mạnh cho nên có thể từ chối hợp tác với tất cả những đồng minh bôi nhọ đảng.

II

STATUS QUO VÀ GIAI CẤP TƯ SẢN

Status quo ở Đức như sau.

Trong khi ở Pháp và Anh giai cấp tư sản đã tỏ ra đủ mạnh để lật đổ tầng lớp quý tộc và vươn lên tới địa vị giai cấp thống trị trong nước thì giai cấp tư sản Đức cho tới nay vẫn chưa có được sức mạnh như vậy. Mặc dù nó có gây được một số ảnh hưởng đối với các chính phủ, song trong mọi trường hợp khi lợi ích xung đột nhau thì trước ảnh hưởng của bọn quý tộc - địa chủ, ảnh hưởng đó phải lùi về phía sau. Trong khi ở Pháp và Anh *thành*

thị thống trị *nông thôn*, thì ở Đức nông thôn thống trị thành thị, nông nghiệp thống trị thương nghiệp và công nghiệp. Chẳng riêng gì trong các chính thể quân chủ lập hiến ở Đức, chẳng riêng gì ở Áo và Phổ mà cả ở Dắc-den, ở Vuyéc-tem-béc và ở Ba-den tình hình đều như vậy.

Nguyên nhân của tình hình đó là, so với các nước phương Tây, về mức độ văn minh thì nước Đức hiện lạc hậu hơn. Tại các nước phương Tây thì thương nghiệp và công nghiệp, còn ở nước ta thì nông nghiệp là nguồn sống chủ yếu của quần chúng nhân dân. Nước Anh không xuất khẩu bất kỳ thứ nông phẩm nào mà phải thường xuyên nhập nông phẩm của nước ngoài; nước Pháp, ít ra nhập bao nhiêu nông phẩm thì cũng xuất bấy nhiêu, và cơ sở giàu có của hai nước này trước hết là xuất khẩu sản phẩm công nghiệp của mình. Trái lại, nước Đức xuất khẩu sản phẩm công nghiệp thì ít mà ngũ cốc, lông cừu, gia súc v.v. thì nhiều. Khi chế độ chính trị hiện nay ở Đức còn trong quá trình được thiết lập, tức là vào năm 1815, thì nông nghiệp còn chiếm ưu thế ở mức độ lớn hơn so với hiện nay, và bây giờ ưu thế đó càng mạnh do có tình hình là hầu như tất cả các vùng nông nghiệp của Đức đều tham gia sốt sắng nhất vào việc lật đổ đế chế Pháp.

Đại biểu chính trị của nền nông nghiệp ở Đức, cũng như ở phần lớn các nước châu Âu, là *tầng lớp quý tộc*, giai cấp địa chủ. Chế độ chính trị phù hợp với quyền thống trị tuyệt đối của tầng lớp quý tộc là chế độ phong kiến. Chế độ phong kiến đi vào bước đường suy vong ở khắp mọi nơi, tùy theo mức độ nền nông nghiệp không còn là ngành sản xuất quyết định trong nước, ở đó bên cạnh giai cấp làm nông nghiệp còn hình thành giai cấp làm công nghiệp, bên cạnh nông thôn đã xuất hiện thành thị.

Giai cấp mới hình thành đó, xuất hiện bên cạnh tầng lớp quý tộc và những nông dân lệ thuộc ở mức độ này hay mức độ khác vào quý tộc, không phải là giai cấp tư sản hiện đang thống trị ở

các nước văn minh và đang cố vươn tới quyền thống trị ở Đức, mà là giai cấp *những người tiểu tư sản*.

Chế độ nhà nước hiện giờ ở Đức không phải cái gì khác mà là sự thoả hiệp giữa tầng lớp quý tộc và giai cấp tiểu tư sản mà kết quả là quyền cai trị chuyển sang giai cấp thứ ba - sang tầng lớp quan lại. Cả hai bên cấp cao thoả thuận với nhau ấy đều tham gia vào việc hình thành giai cấp này một cách tương xứng với địa vị mà hai bên có được trong quan hệ đối với nhau: tầng lớp quý tộc đại biểu cho ngành sản xuất quan trọng hơn thì dành cho mình những chức vị cao hơn; giai cấp tiểu tư sản thì hài lòng với những chức vị thấp hơn và chỉ trong những trường hợp đặc biệt mới đưa những ứng cử viên vào những chức vụ hành chính cao cấp. Ở những nơi mà tầng lớp quan lại, chẳng hạn như ở các quốc gia lập hiến ở Đức, phải phục tùng sự kiểm soát trực tiếp thì tầng lớp quý tộc và giai cấp tiểu tư sản cũng chia nhau quyền kiểm soát đó theo kiểu ấy, và rất dễ hiểu là cả ở đây nữa tầng lớp quý tộc cũng dành cho mình phần hơn. Những người tiểu tư sản không bao giờ lật đổ nổi tầng lớp quý tộc, thậm chí không thể trở nên ngang hàng với nó. Họ chỉ có thể làm cho nó suy yếu đi. Để lật đổ tầng lớp quý tộc, cần phải có một giai cấp khác, có những quyền lợi rộng lớn hơn, nhiều của cải hơn và một bản lĩnh kiên quyết hơn, đó là giai cấp *tư sản*.

Giai cấp tư sản ở tất cả mọi nước đều xuất thân từ hàng ngũ giai cấp tiểu tư sản, xuất hiện cùng với sự phát triển của thương nghiệp thế giới và nền đại công nghiệp, cùng với sự cạnh tranh tự do do sự phát triển đó sinh ra và việc tập trung tài sản. Người tiểu tư sản đại biểu cho thương nghiệp nội địa và ven biển, cho nghề thủ công, công trường thủ công mà cơ sở là lao động thủ công, đại biểu cho những ngành kinh tế phát triển trên một địa bàn hạn chế, đòi hỏi số tư bản không lớn có vòng chu chuyển chậm và chỉ đề ra tình trạng cạnh tranh mang tính chất địa

phương và yếu ớt. Nhà tư sản đại biểu cho nền thương mại thế giới, cho việc trao đổi sản phẩm trực tiếp giữa mọi miền trên trái đất, cho việc buôn tiền, cho nền công nghiệp công xưởng lớn mà cơ sở là lao động bằng máy móc, đại biểu cho những ngành kinh tế đòi hỏi địa bàn hết sức rộng, số tư bản thật lớn và vòng chu chuyển thật nhanh và đề ra tình trạng cạnh tranh phổ biến và mãnh liệt. Người tiểu tư sản đại biểu cho lợi ích *địa phương*, nhà tư sản đại biểu cho lợi ích *phổ biến*. Người tiểu tư sản thấy rằng địa vị của mình đủ được đảm bảo, nếu như với ảnh hưởng gián tiếp đối với pháp luật nhà nước anh ta được trực tiếp tham gia vào việc quản lý tỉnh nhà và làm chủ cơ quan thị chính địa phương. Nhà tư sản không thể đảm bảo được quyền lợi của mình nếu không kiểm soát trực tiếp, thường xuyên, bộ máy quản lý trung ương, chính sách đối ngoại và pháp luật nhà nước mình. Công trình sáng tạo điển hình của người tiểu tư sản là những thành thị đế quốc Đức; công trình sáng tạo điển hình của nhà tư sản là nhà nước đại nghị Pháp. Người tiểu tư sản mang tính bảo thủ chừng nào giai cấp thống trị còn có những nhượng bộ nào đó đối với anh ta; nhà tư sản mang tính cách mạng chừng nào anh ta còn chưa nắm được địa vị thống trị.

Giai cấp tư sản Đức đối xử như thế nào đối với hai giai cấp chia nhau quyền thống trị chính trị?

Trong khi ở Anh từ thế kỷ XVII, ở Pháp từ thế kỷ XVIII đã hình thành giai cấp tư sản giàu có và lớn mạnh thì ở Đức chỉ có thể nói tới giai cấp tư sản từ đầu thế kỷ XIX. Tất nhiên, ngay trước đây lẽ lẽ cũng đã có những chủ tàu giàu có ở các thành thị Hano, một số chủ ngân hàng giàu có ở trong nước, song chưa có giai cấp các nhà tư bản lớn, và càng khó có thể nói về một giai cấp các nhà tư bản *công nghiệp* lớn. Người tạo ra giai cấp tư sản Đức là Na-pô-lê-ông. Nhờ có hệ thống lục địa³³ của ông ta và nhờ quyền tự do khai khoáng trở thành tất yếu ở Phổ do ách

thống trị của ông ta, mà người Đức đã có được nền công nghiệp và mở rộng việc khai thác các mỏ của họ. Mới qua mấy năm mà các ngành sản xuất mới này, hoặc đã được phát triển này đã mang một ý nghĩa quan trọng, còn giai cấp tư sản được hình thành nhờ vào các ngành sản xuất đó đã có ảnh hưởng lớn đến mức là năm 1818 Chính phủ Phổ buộc phải quy định chế độ thuế quan bảo hộ cho họ. Biểu thuế quan Phổ năm 1818 này là sự ghi nhận lần đầu tiên chính phủ chính thức công nhận giai cấp tư sản. Nó công nhận rằng, - thực ra thì tìm thấy lại và rất gượng gạo, - giai cấp tư sản đã trở thành giai cấp cần thiết cho đất nước. Sự nhượng bộ tiếp theo đối với giai cấp tư sản là việc thành lập Liên minh thuế quan. Mặc dù việc đưa phần lớn các quốc gia ở Đức vào hệ thống thuế quan Phổ lúc đầu chỉ xuất phát từ những lý do tài chính và chính trị, nhưng không ai được hưởng lợi ích của nó bằng giai cấp tư sản Đức, đặc biệt là giai cấp tư sản Phổ. Dù Liên minh thuế quan về mặt nào đó có đem lại cho tầng lớp quý tộc và giai cấp tiểu tư sản một số lợi ích cục bộ, nhưng nhìn chung nó vẫn cứ gây thiệt hại cho họ với mức độ lớn hơn nhiều vì giai cấp tư sản phát triển mạnh mẽ, vì có sự cạnh tranh sôi động và các tư liệu sản xuất trước đây bị loại bỏ. Từ đó giai cấp tư sản phát triển khá nhanh, đặc biệt là ở Phổ. Mặc dù trong vòng ba mươi năm qua nó còn xa mới đạt tới bước phát triển như giai cấp tư sản Anh và Pháp, nhưng nó cũng đã xây dựng được phần lớn các ngành công nghiệp hiện đại, đẩy lùi chế độ gia trưởng nông dân hoặc tiểu tư sản tại một số vùng, tích tụ tư bản tới mức độ nào đấy, tạo ra một giai cấp vô sản nào đó và xây dựng được một mạng lưới đường sắt khá lớn. Ít ra nó cũng đưa sự việc tới chỗ là giờ đây phải, hoặc là tiếp tục tiến lên, trở thành giai cấp thống trị, hoặc là từ bỏ những thành tựu trước đây của nó, tức là tiến tới tình hình trong đó nó là giai cấp duy nhất hiện nay có khả năng thực hiện sự tiến bộ ở Đức, hiện nay có khả năng quản lý nước Đức. Trên thực tế nó đã là giai cấp lãnh đạo ở Đức, và toàn

bộ sự tồn tại của nó phụ thuộc vào chỗ nó có trở thành như vậy cả về mặt pháp lý hay không.

Thực vậy, sự bất lực ngày càng tăng của các giai cấp thống trị chính thức từ trước tới nay luôn gắn liền với việc giai cấp tư sản vươn lên và có ảnh hưởng ngày càng lớn. Từ thời Na-pô-lê-ông tầng lớp quý tộc càng ngày càng nghèo túng đi và số nợ của nó ngày một lớn thêm. Việc cho chuộc tô lao dịch đã làm cho chi phí sản xuất ngũ cốc của tầng lớp quý tộc tăng lên và tạo ra cho nó một đối thủ cạnh tranh là giai cấp mới, giai cấp những người tiểu nông tự do. Tồn thất do việc này gây ra, tầng lớp quý tộc tuyệt nhiên không thể bù đắp lại bằng những gì nó cướp bóc được của nông dân trong khi cho chuộc, dù là với thời hạn dài bao lâu đi nữa. Cuộc cạnh tranh của Nga và Mỹ hạn chế tầng lớp quý tộc tiêu thụ ngũ cốc, cuộc cạnh tranh của Áo, mà vào những năm khác lại thêm cả cuộc cạnh tranh của miền Nam nước Nga nữa, hạn chế nó tiêu thụ len. Chi phí sản xuất và cạnh tranh càng tăng lên thì càng bộc lộ rõ là tầng lớp quý tộc không có khả năng canh tác ruộng đất của nó một cách có lợi, áp dụng ở đó những thành tựu mới nhất trong lĩnh vực nông nghiệp. Giống như tầng lớp quý tộc Pháp và Anh thế kỷ trước, nó sử dụng sự phát triển của nền văn minh chỉ để thoả mái vùng xài tiền của của nó tại các thành phố lớn theo kiểu trường giả. Giữa tầng lớp quý tộc và giai cấp tư sản bắt đầu một cuộc cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục xã hội và tri thức, một cuộc ganh đua về của cải và ăn tiêu xảy ra ở khắp nơi trước khi giai cấp tư sản nắm quyền thống trị chính trị và, cũng như bất kỳ cuộc cạnh tranh nào khác, đều được kết thúc bằng thắng lợi của bên giàu hơn. Tầng lớp quý tộc hàng tinh biến thành quý tộc cung đình để mà phá sản chóng hơn và chắc chắn hơn. Khoản ba phần trăm tạo nên thu nhập của tầng lớp quý tộc thì không chịu nổi cuộc đấu tranh chống lại con số mười lăm phần trăm tạo nên lợi nhuận của giai cấp tư sản; ba phần trăm dẫn tới vay nợ có cầm cố bất động sản, tới các quỹ tín dụng

quý tộc v.v. để có khả năng kiếm được những khoản chi tiêu làm đẹp mặt cho đẳng cấp chúng, và như vậy chỉ có đẩy nhanh sự phá sản của chúng. Để tránh khỏi bị phá sản, một số đại địa chủ hàng tinh tỏ ra đủ khôn ngoan, đã cùng các địa chủ tư sản mới xuất hiện hình thành nên một giai cấp mới *những địa chủ - chủ xí nghiệp*. Giai cấp này làm nông nghiệp mà không có những ảo tưởng vốn thấy ở bọn chúa phong kiến và không có tính căm thù quý tộc; nó làm nông nghiệp như một nghề kinh doanh, như làm công nghiệp, có sử dụng tới những phương cách tư sản - tư bản, kiến thức nghiệp vụ và lao động. Nó sống hoà thuận với nền thống trị của giai cấp tư sản, tốt đẹp đến mức như ở Pháp, nó hoàn toàn yên ổn cùng tồn tại bên cạnh giai cấp tư sản và tham dự vào nền thống trị tư sản một cách tương xứng với sự giàu có của nó. Đó là một bộ phận của giai cấp tư sản kinh doanh nông nghiệp.

Vậy là tầng lớp quý tộc đã trở nên bất lực tới mức một bộ phận đã tự chuyển sang hàng ngũ giai cấp tư sản.

Những người tiểu tư sản đã trở nên suy yếu ngay như so với tầng lớp quý tộc; họ lại càng có ít khả năng đương đầu với giai cấp tư sản. Cũng như nông dân, giai cấp tiểu tư sản là một giai cấp thảm hại nhất trong số các giai cấp đã từng để lại dấu vết của mình trong lịch sử. Với những lợi ích địa phương nhỏ nhen của nó, ngay cả trong những thời kỳ oanh liệt nhất của nó, vào thời kỳ sau của thời trung cổ, nó cũng chỉ dám thành lập những tổ chức địa phương, chỉ dám tiến hành cuộc đấu tranh địa phương và đạt được những kết quả chỉ có tính chất địa phương, tức là đạt được một điều là người ta chỉ *chịu đựng* sự tồn tại của nó bên cạnh tầng lớp quý tộc mà thôi; nhưng nó không đạt tới quyền thống trị chính trị toàn diện ở đâu hết. Với sự xuất hiện của giai cấp tư sản, nó mất đi ngay cả *cái vẻ bề ngoài* của tính năng động lịch sử. Bị kẹp vào hai gọng kìm giữa tầng lớp quý tộc và giai cấp tư sản, bị chèn ép bởi ưu thế chính trị của tầng lớp

quý tộc, cũng như bởi cuộc cạnh tranh của các khoản tư bản kénh sù của giai cấp tư sản, nó bị phân hoá thành hai bộ phận. Một bộ phận gồm số tiểu tư sản giàu có hơn sống ở các thành phố lớn ít nhiều dám liên kết với giai cấp tư sản cách mạng, bộ phận khác gồm số tiểu thị dân nghèo hơn, chủ yếu là ở các thị trấn nhỏ thì bám lấy trật tự hiện hành và ủng hộ tầng lớp quý tộc với tất cả sức ỳ vốn có ở nó. Giai cấp tư sản càng phát triển thì tình cảnh của những người tiểu tư sản càng xấu đi. Dần dà bộ phận tiểu tư sản thứ hai này cũng bắt đầu hiểu ra rằng trong những điều kiện hiện tại, sự phá sản của nó là không tránh khỏi, trong khi đó thì dưới ách thống trị của giai cấp tư sản, bên cạnh *khả năng* bị phá sản như vậy ít ra trước mắt nó cũng còn mở ra *khả năng* tiến lên hàng ngũ giai cấp tư sản. Sự phá sản của nó càng trở nên không tránh khỏi thì nó càng chạy sang đứng dưới ngọn cờ của giai cấp tư sản đông hơn. Ngay khi giai cấp tư sản vừa đạt được chính quyền, giữa những người tiểu tư sản lại có sự phân hoá. Giai cấp tiểu tư sản cung cấp quân hậu bị cho từng nhóm của giai cấp tư sản và ngoài ra còn tạo nên ở giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản - từ nay đã đưa ra những quyền lợi và đòi hỏi của mình - một loạt phái chính trị và xã hội chủ nghĩa ít nhiều mang tính chất cấp tiến mà ta có thể hiểu rõ tại Hạ nghị viện Anh hoặc Pháp và trên báo chí định kỳ. Bằng trọng pháo tư bản của mình, bằng những đạo quân trùng điệp các công ty cổ phần của mình, giai cấp tư sản càng dồn ép những toán quân tiểu tư sản vô kỷ luật và trang bị tồi đó mạnh bao nhiêu thì những toán quân đó càng trở nên bất lực và càng rút chạy tán loạn bấy nhiêu, cho tới khi họ không còn lối thoát nào khác hơn là hoặc tập hợp lại ở phía sau những đội hình chiến đấu đã được triển khai của giai cấp vô sản và đứng dưới ngọn cờ của nó, hoặc đầu hàng trông chờ vào lòng đại lượng của giai cấp tư sản. Cái cảnh tượng hấp dẫn này có thể quan sát thấy ở Anh trong bất kỳ cuộc khủng hoảng thương nghiệp nào, còn ở Pháp thì hiện vào lúc này.

Ở Đức, chúng ta mới chỉ đi tới giai đoạn mà giai cấp tiểu tư sản trong lúc tuyệt vọng và thiếu tiền cấp bách đã có một quyết định anh hùng là đoạn tuyệt với tầng lớp quý tộc và trồng cây vào giai cấp tư sản.

Như vậy, giống như tầng lớp quý tộc, những người tiểu tư sản cũng không đủ năng lực để trở thành giai cấp thống trị ở Đức. Ngược lại, họ ngày càng phụ thuộc vào giai cấp tư sản nhiều hơn.

Còn lại nông dân và những giai cấp không có của.

Nông dân mà chúng tôi nói ở đây chỉ là những tiểu nông, những người lĩnh canh hoặc những người sở hữu ruộng đất nhỏ không kể những người làm công nhật và cổ nông, - nông dân là một giai cấp cũng bắt lực như những người tiểu tư sản, song họ có một ưu điểm khác những người tiểu tư sản là dũng cảm hơn. Thế nhưng họ tỏ ra hoàn toàn không có tính chủ động lịch sử gì hết. Thậm chí công cuộc giải phóng họ khỏi xích xiềng của chế độ nông nô cũng chỉ được thực hiện dưới sự bảo hộ của giai cấp tư sản. Ở những nơi mà sự vắng bóng của tầng lớp quý tộc và giai cấp tư sản làm cho quyền thống trị của họ có thể được thực hiện, như ở các bang miền núi của Thụy Sĩ và ở Na Uy, thì cùng thống trị với họ là tình trạng man rợ tiền phong kiến, tính chất cục bộ địa phương, thái độ đạo đức giả ngu muội, cuồng tín, lòng trung thành và thái độ ngay thật mù quáng. Ở những nơi như ở Đức chẳng hạn, bên cạnh nông dân còn có tầng lớp quý tộc tiếp tục tồn tại thì họ, cũng hoàn toàn như những người tiểu tư sản, bị kẹp giữa tầng lớp quý tộc và giai cấp tư sản. Để bảo vệ những lợi ích nông nghiệp khỏi bị nguy ngập trước sức mạnh ngày một tăng của công nghiệp và thương nghiệp, họ phải liên kết với tầng lớp quý tộc. Để tránh bị cuộc cạnh tranh của tầng lớp quý tộc và đặc biệt là của các địa chủ tư sản đè bẹp, họ phải liên kết với giai cấp tư sản. Họ sẽ ngã hẳn về bên nào là tùy thuộc vào tình hình tài sản của họ. Những nông dân khá giả miền Đông nước Đức mà bản

thân cũng được hưởng đôi chút quyền hành phong kiến đối với cổ nông của họ, thì họ lại quá gắn bó với tầng lớp quý tộc bởi tất cả lợi ích của họ, cho nên họ không thể đoạn tuyệt thật sự với nó được. Các địa chủ nhỏ ở miền Tây, xuất hiện do có sự chia nhỏ của trang trại quý tộc, và những tiểu nông ở miền Đông hãy còn phải phục tùng quyền xét xử kiểu cha truyền con nối và một phần hãy còn phải làm nghĩa vụ lao dịch thì bị tầng lớp quý tộc áp bức trực tiếp quá đỗi, hoặc giữa họ và tầng lớp quý tộc có sự đối lập quá sâu sắc khiến cho họ không đứng về phía giai cấp tư sản. Các hội đồng dân biểu hàng tỉnh ở Phổ chứng minh rằng tình hình thực tế đúng là như vậy.

Như vậy, thực là may mắn, quyền thống trị của nông dân cũng không thể có được. Bản thân những người nông dân suy nghĩ về vấn đề này ít đến nỗi là hiện giờ phần lớn họ đã để cho giai cấp tư sản chi phối.

Còn các giai cấp không có của, *vulgo*^{1*}, đó là các giai cấp lao động thì sao? Sắp tới đây ta sẽ phải bàn đến các giai cấp này một cách kỹ hơn; còn bây giờ thì chỉ cần vạch ra tính chất phân liệt của chúng là đủ. Ngay sự phân chia thành cổ nông, công nhân công nhật, thợ học nghề, công nhân công xưởng và tầng lớp vô sản lưu manh, cùng với tình trạng họ sống tản mạn trên một vùng đất rộng lớn với số dân thưa thớt, với một số trung tâm nhỏ, khiến họ không thể nào làm cho nhau hiểu rõ tính chất đồng nhất của những lợi ích của họ, thỏa thuận cùng nhau, tổ chức lại thành một giai cấp *thống nhất*. Do tình trạng phân liệt và tản mạn đó mà họ không còn cách gì khác hơn là chỉ bó hẹp ở những lợi ích trước mắt hàng ngày, chỉ mong sao nhận được số tiền công cao trả cho một việc làm tốt. Nói một cách khác, tình hình đó làm cho công nhân trở thành những người thiên cận đến mức là họ

^{1*} - như người ta thường nói

nhìn lợi ích của họ trùng hợp với lợi ích của những kẻ thuê họ làm việc, và, như vậy là mỗi bộ phận công nhân riêng lẻ trở thành đội quân trợ chiến của giai cấp thuê mướn nó. Cổ nông và công nhân công nhật ủng hộ lợi ích của nhà quý tộc hay của người nông dân mà ruộng đất của họ do những cổ nông và công nhân công nhật này đang canh tác. Về phương diện tri thức và chính trị người thợ học nghề lệ thuộc vào người thợ cả của anh ta. Người công nhân công xưởng để cho chủ xưởng lợi dụng mình vào việc tuyên truyền cho chế độ thuế quan bảo hộ. Vì một vài đồng ta-le mà người vô sản lưu manh vung quã đấm của mình ra để giải quyết những vụ cãi lộn nhỏ nhất giữa giai cấp tư sản, tầng lớp quý tộc và cảnh sát. Và ở những nơi mà hai giai cấp chủ phải bảo vệ những lợi ích đối lập thì giữa các nhóm công nhân được họ thuê mướn cũng diễn ra cuộc đấu tranh y hệt vậy.

Đây, quần chúng công nhân ở Đức đã ít được chuẩn bị như thế nào để nắm lấy quyền quản lý các công việc xã hội vào tay mình.

Ta hãy tóm tắt những điều đã trình bày ở trên. Tầng lớp quý tộc đã quá ư suy đồi, những người tiểu tư sản và nông dân, do toàn bộ tình hình đời sống của họ mà quá nhu nhược, công nhân thì còn xa mới đủ trưởng thành để có khả năng bước lên với tư cách là giai cấp thống trị ở Đức. Chỉ còn lại giai cấp tư sản.

Tính chất thảm hại của status quo Đức chủ yếu là ở chỗ từ trước tới nay chưa có một giai cấp nào mạnh tới mức biến ngành sản xuất của nó thành ngành sản xuất quốc dân par excellence và nhờ đó mà trở thành người đại diện cho quyền lợi của toàn dân tộc. Tất cả các đẳng cấp và giai cấp đã xuất hiện trên vũ đài lịch sử từ thế kỷ X, - quý tộc, nông nô, nông dân lao dịch, nông dân tự do, tiểu tư sản, thợ bạc, công nhân công trường thủ công, tư sản và vô sản - đều tồn tại bên nhau. Trong số đó, những đẳng cấp hay giai cấp nhờ vào tài sản của mình mà trở thành người đại biểu cho một ngành sản xuất nào đó, tức tầng lớp quý

tộc, nông dân tự do, tiểu tư sản và tư sản, đã chia nhau quyền thống trị chính trị một cách tương xứng với số người, với số của cải của họ và với sự tham gia của họ vào nền sản xuất chung của đất nước. Kết quả của việc phân chia đó là, như đã nói ở trên, tầng lớp quý tộc nhận được phần lớn nhất, còn những người tiểu tư sản nhận phần nhỏ nhất; các nhà tư sản chỉ được *chính thức* công nhận với tư cách là những người tiểu tư sản, còn nông dân với *tư cách* đó nói chung không được tính đến, vì rằng do thể lực của họ nhỏ bé họ bị phân tán vào các giai cấp còn lại. Cái chế độ này mà đại biểu là tầng lớp quan liêu, là biểu hiện của sự bất lực và thấp hèn phổ biến về mặt chính trị, của sự buồn tẻ và sự bần thiêu ngu muội của xã hội Đức. Trong nước, tương ứng với nó là việc chia nhỏ nước Đức thành 38 quốc gia địa phương và hàng tỉnh, cùng với việc chia nhỏ Áo và Phổ thành các tỉnh độc lập; trong các quan hệ đối ngoại là sự bất lực nhục nhã trước sự bóc lột và những cú đá của bên ngoài. Cái nguồn gốc của tình hình thảm hại chung này là thiếu tư bản một cách phổ biến. Ở nước Đức nghèo xác xơ, mỗi giai cấp riêng biệt ngay từ đầu đã mang trên mình dấu ấn của thói tầm thường tiểu thị dân, nó nghèo nàn và thấp hèn so với giai cấp tương ứng ở các nước khác. Bên cạnh tầng lớp quý tộc Pháp và Anh giàu có, vô tư, yêu đời và kiên quyết trong mọi hành động của nó, kể từ thế kỷ XII đến nay, tầng lớp quý tộc lớp trên và lớp dưới ở Đức tỏ ra tiểu tư sản biết chừng nào! Bên cạnh các nhà tư sản Pa-ri mạnh mẽ thế kỷ XIV và XV, bên cạnh các tín đồ Thanh giáo Luân Đôn thế kỷ XVII, các thị dân Đức ở các thành phố đế quốc và các thành thị Han-dơ tỏ ra thật là bé nhỏ, tũn mủn và thiển cận kiểu tỉnh lẻ biết chừng nào! So với bọn trùm các sở giao dịch Pa-ri, Ly-ông, Luân Đôn, Li-vóc-pun và Man-se-xtơ, thì ngay cả bây giờ đây các nhà công nghiệp, các chủ ngân hàng, các chủ tàu lớn nhất của ta vẫn cứ mang tính chất tiểu tư sản làm sao! Thậm chí các giai cấp lao

động ở Đức cũng mang tính chất tiểu tư sản từ đầu đến chân. Như vậy là ở cái địa vị chính trị và xã hội thấp hèn của nó, giai cấp tiểu tư sản ít ra vẫn cứ có được niềm an ủi rằng nó là giai cấp điển hình của nước Đức, rằng nó đã truyền cho tất cả mọi giai cấp khác cái tính hèn hạ đặc thù của nó và đức tính lo toan tới cả những công việc đời sống vụn vặt hằng ngày.

Làm sao tìm được lối thoát khỏi tình trạng thảm hại này đây? Chỉ có thể có một con đường. *Một* giai cấp phải trở nên đủ mạnh để đặt sự vươn mình của toàn dân tộc lệ thuộc vào sự vươn mình *của nó*, sự tăng cường lợi ích của mọi giai cấp khác lệ thuộc vào sự tiến bộ và sự tăng cường các lợi ích của nó. Lợi ích của *một* giai cấp đó lúc này phải trở thành lợi ích dân tộc, bản thân giai cấp đó lúc này - phải trở thành người đại biểu cho dân tộc. Từ lúc ấy sẽ nảy sinh sự mâu thuẫn giữa một bên là giai cấp đó và đa số dân tộc đi cùng với nó, với một bên là status quo chính trị. Status quo chính trị phù hợp với cái tình hình đã không còn tồn tại nữa: tình trạng xung đột về lợi ích giữa các giai cấp khác nhau. Những lợi ích mới bị chèn ép, và thậm chí có một bộ phận trong các giai cấp mà status quo được thiết lập ra vì lợi ích của các giai cấp ấy, cũng thấy rằng lợi ích của nó cũng không còn do status quo đại biểu nữa. Việc thủ tiêu status quo bằng biện pháp hoà bình hay bạo lực là kết quả tất yếu của tình hình đó. Thay cho status quo là quyền thống trị của giai cấp lúc này là người đại biểu cho đa số dân tộc, mà sự thống trị của nó sẽ mở đầu một giai đoạn phát triển mới.

Cũng như tình trạng thiếu tư bản là nguồn gốc của status quo, tức là của tình trạng yếu kém phổ biến, - chỉ có việc nắm được tư bản, tập trung nó vào tay *một* giai cấp mới có thể đem lại cho giai cấp ấy cái sức mạnh cần thiết để thủ tiêu status quo.

Ở Đức, liệu có tồn tại một giai cấp như vậy, một giai cấp có thể lật đổ được status quo hay không? Có, nó có tồn tại, mặc dù

so với giai cấp tương ứng ở Anh và ở Pháp thì nó là một thứ gì đó mang tính chất tiểu tư sản cao độ, nhưng nó vẫn cứ tồn tại, và đó chính là giai cấp tư sản.

Giai cấp tư sản là giai cấp mà ở tất cả mọi nước nó đều thủ tiêu sự thoả hiệp được hình thành giữa tầng lớp quý tộc và giai cấp tiểu tư sản trong chế độ quân chủ quan liêu và bằng cách đó trước hết là giành lấy chính quyền về tay mình.

Giai cấp tư sản là giai cấp duy nhất ở Đức hướng được vào lợi ích của mình và thống nhất được dưới ngọn cờ của mình ít ra là phần lớn các địa chủ - chủ xí nghiệp, tiểu tư sản, nông dân, công nhân và thậm chí một số ít quý tộc nữa.

Đảng của giai cấp tư sản là chính đảng duy nhất ở Đức biết đích xác rằng nó phải thiết lập cái gì thay cho status quo; là đảng duy nhất không bị bó hẹp bởi những nguyên tắc trừu tượng và những suy diễn lịch sử, mà muốn thi hành những biện pháp hoàn toàn xác định, cụ thể và có thể thực hiện không trì hoãn gì hết; là đảng duy nhất được tổ chức tới một trình độ nào đó ít ra là trong phạm vi địa phương và hàng tỉnh và có một cái gì đó kiểu như kế hoạch chiến đấu, - tóm lại, đó là một đảng đấu tranh ở hàng đầu chống lại status quo và trực tiếp tham gia lật đổ nó.

Như vậy, đảng của giai cấp tư sản là đảng duy nhất có nhiều triển vọng thành công trước hết.

Bởi vậy, vấn đề chỉ là ở chỗ giai cấp tư sản có đứng trước tính tất yếu phải giành lấy chính quyền cho mình bằng cách lật đổ status quo hay không, và dựa vào sức mạnh bản thân và do kẻ thù của nó bị suy yếu, liệu nó có đủ mạnh để có thể lật đổ status quo hay không?

Ta hãy xét vấn đề này.

"Bộ phận quyết định của giai cấp tư sản Đức là các chủ xưởng. Sự phồn vinh của toàn bộ ngành nội thương, của ngành thương mại đường biển của Hăm-buốc và Brê-men và một phần là cả của

Stét-tin, của ngành ngân hàng đều phụ thuộc vào sự phồn vinh của công nghiệp; các nguồn thu nhập về đường sắt, và đồng thời cả một phần đáng kể của việc đầu cơ chứng khoán cũng phụ thuộc vào sự phồn vinh ấy. Không phụ thuộc vào công nghiệp chỉ có các nhà xuất khẩu ngũ cốc và len ở các thành phố ven biển Ban-tích và một nhóm nhỏ các nhà nhập khẩu sản phẩm công nghiệp nước ngoài. Như vậy, những nhu cầu của các chủ xưởng là nhu cầu của toàn thể giai cấp tư sản và của giai cấp lệ thuộc vào nó trong lúc này.

Đến lượt nó, các chủ xưởng được chia thành hai loại: loại thứ nhất sơ chế nguyên liệu và bán nó dưới hình thức bán thành phẩm, loại thứ hai mua bán thành phẩm và cung cấp cho thị trường bán thành phẩm đó với tính cách là thành phẩm. Loại thứ nhất gồm các chủ xưởng sợi, loại thứ hai gồm các chủ xưởng dệt. Ở Đức loại thứ nhất còn gồm cả các chủ xí nghiệp ngành công nghiệp chế tạo sắt thép...^{1*}

Để có thể sử dụng những phương tiện phụ trợ mới được phát minh, xây dựng những tuyến giao thông tốt, mua được máy móc và nguyên liệu rẻ, có số công nhân thạo nghề thì cần có một hệ thống công nghiệp hoàn chỉnh; muốn có hệ thống này thì cần có liên hệ chặt chẽ giữa tất cả các ngành công nghiệp, cần có những thành phố ven biển, dựa vào bộ phận công nghiệp nội địa của đất nước và tiến hành buôn bán sầm uất. Luận điểm này các nhà kinh tế học đã xác định từ lâu. Nhưng hiện nay, khi mà có lẽ chỉ riêng người Anh là không sợ một sự cạnh tranh nào cả, để có một hệ thống công nghiệp như vậy thì cần phải có một chính sách bảo hộ mậu dịch phát triển, bao trùm mọi ngành bị sự cạnh tranh của nước ngoài đe dọa, và phải thường xuyên sửa đổi chính sách này cho phù hợp với tình hình công nghiệp. Một chính sách như

^{1*} Bản thảo thiếu mất bốn trang.

vậy Chính phủ Phổ hiện hành *không thể* đưa ra nổi, mà tất cả những chính phủ gia nhập Liên minh thuế quan cũng không thể đưa ra nổi. Một chính sách như vậy chỉ có bản thân giai cấp tư sản cầm quyền mới có thể đặt ra và vận dụng mà thôi. Cũng vì thế mà giai cấp tư sản Đức không thể cứ tiếp tục không nắm chính quyền nữa.

Ở Đức, chính sách bảo hộ mậu dịch như vậy càng cần thiết vì công trường thủ công ở đây đang tiến gần tới chỗ diệt vong. Thiếu một chế độ thuế quan bảo hộ được quy định một cách có hệ thống thì công trường thủ công sẽ không chịu nổi cuộc cạnh tranh của máy móc Anh, và tất cả các nhà tư sản, tiểu tư sản và công nhân từ trước đến nay vẫn lấy công trường thủ công làm nguồn sinh sống, sẽ bị chết. Đó là cơ sở đầy đủ để các nhà tư sản Đức thấy là nên chọn cách làm phá sản những tàn tích của công trường thủ công bằng máy móc *Đức* thì hơn.

Như vậy, chế độ thuế quan bảo hộ rất cần cho giai cấp tư sản Đức và chỉ có thể do chính nó thi hành. Cho nên, chính vì lẽ đó mà nó cần phải nắm lấy chính quyền nhà nước.

Chẳng phải chỉ có những biểu thuế không cao, mà ngay cả *bộ máy quan liêu* cũng gây khó khăn cho các chủ xưởng trong việc sử dụng tư bản của họ một cách hoàn toàn có lợi. Nếu như, về mặt lập pháp thuế quan họ vấp phải thái độ thờ ơ lạnh nhạt, thì ở đây, trong quan hệ qua lại giữa họ với bọn quan liêu, họ vấp phải thái độ thù địch trực tiếp của chính phủ.

Tầng lớp quan liêu được lập ra để cai trị những người tiểu tư sản và nông dân. Các giai cấp này sống phân tán ở các thành phố nhỏ hoặc các làng xã, lợi ích của họ không vượt khỏi khuôn khổ địa phương hết sức nhỏ hẹp và vì vậy tầm nhìn của họ không sao tránh khỏi bị bó hẹp, tương ứng với những điều kiện sinh hoạt bị hạn chế của họ. Họ không thể quản lý nổi một nhà nước lớn, họ không thể có được tầm nhìn đủ rộng lẫn những hiểu biết đầy đủ

để thoả thuận với nhau về mọi lợi ích xung đột với nhau. Và chính ở trình độ phát triển *ấy* của nền văn minh - mà thời kỳ rực rỡ của giai cấp tiểu tư sản nằm trong đó - đã xảy ra sự xen kẽ các lợi ích khác nhau một cách dị thường (ta chỉ cần nhớ lại các phường hội và những vụ xung đột giữa chúng với nhau là đủ rõ). Như vậy, những người tiểu tư sản và nông dân không thể thiếu được tầng lớp quan liêu hùng mạnh và đông đảo. Họ đành phải để cho người ta bảo hộ mình nhằm tránh tình trạng hỗn loạn cực độ và cảnh phá sản do hàng trăm hàng nghìn vụ kiện cáo gây nên.

Nhưng tầng lớp quan liêu mà những người tiểu tư sản cần đến, chẳng bao lâu sau đã trở thành những chiếc gông cùm không thể chịu nổi đối với các nhà tư sản. Ngay từ thời kỳ công trường thủ công, sự giám sát và can thiệp của các quan lại đã trở nên gò bó người ta; với tình trạng giám sát như vậy vị tất có thể có được nền công nghiệp công xưởng. Từ trước tới nay các chủ xưởng Đức cố sức thoát khỏi tầng lớp quan liêu bằng cách hối lộ, điều mà không thể chê trách gì họ. Nhưng thủ đoạn này chỉ cắt được cho họ một phần rất nhỏ gánh nặng; đây là chưa nói tới khả năng không thể mua chuộc được *tất cả* mọi viên quan lại mà người chủ xưởng phải tiếp xúc, thủ đoạn mua chuộc không làm cho anh ta thoát khỏi những chi phí phụ, khỏi việc trả thù lao cho các luật sư, kiến trúc sư, kỹ sư cơ khí và khỏi những khoản chi phí khác do việc giám sát gây ra, khỏi những công việc không lường được trước và khỏi tình trạng công việc ngừng trệ. Mà công nghiệp càng phát triển thì càng xuất hiện nhiều "quan chức tận tụy với nhiệm vụ", tức là những kẻ hoặc chỉ vì đầu óc thiển cận, hoặc chỉ xuất phát từ lòng thù ghét của tầng lớp quan lại đối với giai cấp tư sản mà gây phiền phức cho các chủ xưởng bằng nhiều chuyện bói móc cực kỳ khó chịu.

Vì vậy, giai cấp tư sản buộc phải đập tan cái uy thế của tầng lớp quan liêu kèn kiệu và hay bẻ họe đó. Từ khi việc quản lý

nhà nước và việc lập pháp chuyển sang giai cấp tư sản kiểm soát thì tầng lớp quan liêu không còn là một lực lượng độc lập nữa; chính từ lúc đó những kẻ hãm hại giai cấp tư sản lại biến thành những kẻ tội tởn ngao ngao của nó. Những quy định và chỉ dụ trước đây, chỉ cốt để giảm nhẹ công việc cho các viên quan lại, làm thiệt hại đến các nhà công nghiệp tư sản đã nhường chỗ cho những quy định mới giảm nhẹ hoạt động của các nhà công nghiệp làm thiệt hại đến các viên quan lại.

Giai cấp tư sản càng buộc phải làm việc đó càng nhanh càng tốt, bởi lẽ mọi bộ phận của nó, như ta đã thấy, đều trực tiếp quan tâm đến sự phát triển nhanh chóng nhất của nền công nghiệp công xưởng, mà dưới chế độ soi mói, bẻ họe của tầng lớp quan liêu thì nền công nghiệp công xưởng không thể phát triển nổi.

Đặt hệ thống thuế quan và bộ máy quan liêu phục tùng lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp - đó là hai biện pháp mà giai cấp tư sản quan tâm trực tiếp nhất đến việc thi hành chúng. Tuy nhiên nhu cầu của nó hoàn toàn không dừng lại ở đó. Nó phải sửa đổi một cách căn bản toàn bộ hệ thống lập pháp, hành chính và tư pháp của hầu hết các quốc gia ở Đức, vì rằng toàn bộ hệ thống này chỉ cốt dùng để duy trì và giữ vững cái chế độ xã hội mà giai cấp tư sản không ngừng ra sức tìm cách phá bỏ. Những điều kiện trong đó tầng lớp quý tộc và giai cấp tiểu tư sản có thể tồn tại bên nhau thì hoàn toàn khác hẳn những điều kiện sống mà giai cấp tư sản cần; mà tại các quốc gia ở Đức chỉ có những điều kiện thứ nhất mới được chính thức thừa nhận. Ta hãy xét, chẳng hạn, status quo Phổ. Nếu như những người tiểu tư sản có thể phục tùng tầng lớp quan liêu cả ngành hành chính lẫn ngành tư pháp, nếu như họ có thể phó thác tài sản của họ và cá nhân họ cho sự độc đoán và sự thờ ơ của tầng lớp quan toà "độc lập", tức là độc lập một cách quan liêu, bọn này vì thế mà bênh vực họ những khi họ bị tầng lớp quý tộc phong kiến, mà đôi khi cả tầng lớp quan lại hành chính nữa, xâm phạm thì các nhà tư sản

không thể làm như thế. Các nhà tư sản cần ít ra phải có một sự đảm bảo, như tính chất công khai, đối với những vụ kiện tụng về tài sản, còn đối với những vụ kiện tụng về hình sự thì, ngoài tính chất công khai ra, còn cần có tòa án bồi thẩm, cần có sự kiểm soát thường xuyên của các đại biểu của giai cấp tư sản đối với ngành tư pháp. - Người tiểu tư sản có thể cam phận trước việc không bắt các quý tộc và các quan lại phải chịu những sự xét xử thông thường, vì rằng sự hạ mình công khai đó của anh ta hoàn toàn phù hợp với địa vị xã hội thấp kém của anh ta. Nhà tư sản, - người hoặc là phải chết, hoặc là phải phẫn đấu cho giai cấp mình đứng hàng đầu trong xã hội và nhà nước, - thì không thể cam chịu như vậy. - Người tiểu tư sản có thể nhường hết quyền lập pháp trong lĩnh vực nông nghiệp cho một mình tầng lớp quý tộc mà không gây tổn hại cho cuộc sống bình yên của mình; anh ta phải làm thế vì rằng anh ta đã đủ tất bật với việc bảo vệ những lợi ích của mình ở thành thị chống lại ảnh hưởng và sự xâm phạm của tầng lớp quý tộc. Nhà tư sản không khi nào lại có thể nhường việc điều tiết những quan hệ tài sản ở nông thôn cho tầng lớp quý tộc được tự quyền xử lý, bởi vì việc phát triển hết cỡ những lợi ích của bản thân nhà tư sản đòi hỏi phải sử dụng phương thức kinh doanh xí nghiệp với mức độ càng nhiều càng tốt ngay cả trong việc kinh doanh nông nghiệp, đòi hỏi phải tạo nên giai cấp những nhà kinh doanh nông nghiệp, tự do bán và huy động tài sản ruộng đất. Việc các địa chủ cần vay tiền có đảm bảo bằng bất động sản tạo điều kiện cho các nhà tư sản lợi dụng việc này và buộc tầng lớp quý tộc đồng ý cho giai cấp tư sản có ảnh hưởng đến việc lập pháp về sở hữu ruộng đất, ít ra là trên phương diện các đạo luật về cầm cố. - Nếu như người tiểu tư sản với những hoạt động kinh doanh nhỏ của mình, với những vòng chu chuyển chậm chạp, với số khách hàng có hạn tập trung trong một vùng không rộng, - không đến nỗi phải khốn quẫn vì cái pháp chế thương nghiệp thâm hại của nước Phổ cũ và thậm chí còn rất biết ơn nó vì nó đem lại cho anh ta những điều đảm bảo nhỏ nhất,

thì nhà tư sản không tài nào chịu đựng nổi cái pháp chế đó. Người tiểu tư sản, mà những sự giao dịch tối giản đơn của y rất ít khi là những nghiệp vụ thương nghiệp giữa các thương gia và hầu như bao giờ cũng chỉ là việc bán hàng do những người bán lẻ hoặc do các nhà sản xuất bán trực tiếp cho người tiêu dùng, - người tiểu tư sản hiếm khi trở thành kẻ vỡ nợ và có thể dễ dàng tuân thủ các đạo luật cũ của Phổ về tình trạng vỡ nợ. Theo các đạo luật này, khi thanh toán tài sản của người mắc nợ thì các khoản nợ theo kỳ phiếu được trả trước tất cả các khoản nợ khác có chứng từ; nhưng thông thường thì toàn bộ tài sản bị các cơ quan tư pháp nuốt mất. Những đạo luật này được đặt ra trước hết vì lợi ích của các quan chức tư pháp quản lý tài sản của người mắc nợ, kể đến là vì lợi ích của tất cả những người không phải tư sản chống lại các nhà tư sản. Những đạo luật này đặc biệt bảo hộ cho tầng lớp quý tộc, là tầng lớp cường đoạt hoặc thu nhận những kỳ phiếu đứng tên người mua hay tên người môi giới về số ngũ cốc mà nó đã gửi đi, và nói chung bảo hộ cho tất cả những ai dù trong một năm chỉ một lần có gì đó đem bán và những ai nhận tiền bán theo kỳ phiếu và qua đó kết thúc toàn bộ hợp đồng thương mại. Trong số người làm thương nghiệp, lại vẫn cứ các chủ ngân hàng, những người bán buôn được hưởng sự bảo hộ, còn lợi ích của các chủ nhà máy thì gần như bị xem thường. Nhà tư sản - là người *chỉ toàn* giao thiệp với các thương gia và có khách hàng sống ở các địa điểm khác nhau, là người nhận kỳ phiếu từ khắp các miền trên trái đất - phải dùng tới một hệ thống hợp đồng khác nhau hết sức phức tạp và bất kỳ lúc nào cũng có thể bị lôi cuốn vào một vụ vỡ nợ nào đó, - nhà tư sản đó đứng trước những đạo luật quái đản như vậy thì chỉ có thể bị phá sản mà thôi. - Người tiểu tư sản quan tâm đến chính sách chung của nước mình chỉ ở chừng mực anh ta mong muốn hoà bình; phạm vi nhỏ hẹp của lợi ích về đời sống của anh ta làm cho anh ta không có năng lực theo dõi quan hệ giữa các quốc gia. Nhà tư sản là người buôn bán với các nước ngoài xa xôi nhất hoặc phải cạnh tranh với họ sẽ không thể thành công nếu không gây ảnh

hưởng trực tiếp nhất đối với chính sách đối ngoại của nước mình. - Người tiểu tư sản có thể để cho tầng lớp quan liêu và quý tộc thu các thứ thuế của anh ta cũng là do chính những nguyên nhân khiến anh ta phải phục tùng chế độ quan liêu. Nhà tư sản quan tâm một cách trực tiếp nhất đến việc phân chia gánh nặng xã hội sao cho nó ít động chạm đến lợi nhuận của anh ta nhất.

Tóm lại, nếu như người tiểu tư sản có thể thoả mãn với việc anh ta đem tính thụ động và tính cứng nhắc của mình đối lập lại với tầng lớp quý tộc và quan lại và giành được cho mình chút ảnh hưởng nào đó đối với quyền lực xã hội, nhờ vào cái vis inertiae^{1*} vốn có của mình, thì nhà tư sản không thể thế được. Nhà tư sản phải làm cho giai cấp của mình thành giai cấp thống trị, mà lợi ích của anh ta thì thành lợi ích quyết định về các mặt lập pháp, hành chính, tư pháp, thuế khoá và chính sách đối ngoại. Để khỏi bị diệt vong, giai cấp tư sản phải được phát triển không bị trở ngại, tăng số tư bản của mình lên từng ngày, giảm chi phí sản xuất hàng hoá của mình xuống từng ngày, mở rộng quan hệ thương mại của mình, thị trường của mình từng ngày, cải tiến các tuyến giao thông của mình từng ngày. Cuộc cạnh tranh trên thị trường thế giới thôi thúc nó phải làm như vậy. Mà để có điều kiện phát triển tự do và đầy đủ, nó cần có chính cái quyền thống trị chính trị, cần buộc tất cả các lợi ích khác phải phục tùng lợi ích của nó.

Nhưng vấn đề giai cấp tư sản Đức chính bây giờ đây cần nắm quyền thống trị chính trị để khỏi bị diệt vong, thì chúng tôi đã chỉ ra ở trên, nêu các vấn đề về thuế quan bảo hộ và về thái độ của giai cấp tư sản đối với tầng lớp quan liêu. Tuy nhiên, bằng chứng hùng hồn nhất cho vấn đề này là tình hình thị trường tiền tệ và thị trường hàng hoá ở Đức hiện nay.

^{1*} - sức ỳ

Sự phồn vinh của công nghiệp Anh vào năm 1845 và những vụ đầu cơ đường sắt do nó gây ra, lần này đã tác động đến nước Pháp và Đức mạnh mẽ hơn nhiều so với bất cứ thời kỳ hưng thịnh nào trước đó. Các chủ xưởng của Đức thực hiện được công việc kinh doanh có lãi, mà cùng với tình hình đó là hoạt động thương nghiệp của toàn nước Đức bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Các vùng nông nghiệp tìm thấy ở Anh một thị trường tốt cho số ngũ cốc của chúng. Sự phồn vinh phổ biến đã làm cho thị trường tiền tệ náo nhiệt hẳn lên, làm cho việc vay vốn được dễ dàng và thu hút ra thị trường rất nhiều tư bản nhỏ mà trong số ấy ở Đức có rất nhiều khoản hầu như không tìm được nơi sử dụng^{1*}.

Do Ph. Ăng-ghen viết vào tháng Ba - tháng Tư 1847

Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin công bố lần đầu tiên vào năm 1929

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} Những trang tiếp theo của bản thảo không còn giữ được.

PH. ĂNG-GHEN

CHẾ ĐỘ THUẾ QUAN BẢO HỘ HAY LÀ CHẾ ĐỘ MẬU DỊCH TỰ DO

Từ lúc vua Phổ cảm thấy cần tiền và vay nợ, phải ban bố những sắc chỉ ngày 3 tháng Hai³⁴ thì không một người nào có đầu óc tỉnh táo lại còn nghi ngờ rằng chế độ quân chủ chuyên chế ở Đức, tức nền thống trị "Cơ Đốc giáo-Đức", trước đây cũng nổi tiếng với tên gọi "nền cai trị phụ quyền", sắp sửa vĩnh viễn chấm dứt, bắt chấp tất cả mọi sự chống đối và tất cả những bài triều cáo mang tính chất đe dọa. Như vậy, cái ngày mà giai cấp tư sản ở Đức có thể coi là khởi đầu quyền trị vì của nó đã tới. Bản thân những sắc chỉ này không phải cái gì khác mà là sự thừa nhận sức mạnh của giai cấp tư sản, song sự thừa nhận này hãy còn được che bọc bởi lớp sương mù Pốt-xđam dày đặc. Một phần khá lớn lớp mây mù đó đã bị xua tan chỉ bởi một hơi thổi nhẹ từ Nghị viện liên hợp, và sắp tới đây thổi tắt cả những bóng ma Cơ Đốc giáo-Đức đó sẽ hoàn toàn biến khỏi mặt đất.

Nhưng bởi lẽ quyền thống trị của các giai cấp trung gian đã bắt đầu, nên đầu tiên cũng phải đặt ra yêu cầu là toàn bộ chính sách thương mại của Đức, và tương ứng là của Liên minh thuế quan, phải được tước khỏi những bàn tay bắt tài của các vua chúa Đức, của các vị bộ trưởng của họ và bọn quan lại kênh kiệu nhưng hết sức đần độn và dốt nát trong các vấn đề thương mại và công

ngiệp, và chuyển giao cho những người có kiến thức cần thiết về ngành này và trực tiếp quan tâm đến nó, điều khiển và xử lý. Nói khác đi, vấn đề thuế quan bảo hộ và thuế suất sai biệt hoặc mậu dịch tự do phải được chuyển giao toàn bộ cho giai cấp tư sản xử lý.

Nghị viện liên hợp ở Béc-lin đã cho chính phủ thấy giai cấp tư sản biết rõ nó cần cái gì; trong những cuộc tranh luận gần đây về thuế quan, với những lời lẽ khá rõ ràng và gay gắt người ta đã vạch cho các đại biểu của chế độ chính phủ Span-đâu³⁵ thấy là họ không thể hiểu nổi các lợi ích vật chất và không thể bảo vệ và ủng hộ chúng. Nguyên một vụ Cra-cốp³⁶ cũng đã đủ để kịch liệt lên án Vin-hem trong Liên minh thần thánh^{1*} và các bộ trưởng của ông ta như những kẻ ngu đần dốt nát nhất hoặc như những tên phản bội phạm trọng tội bán rẻ lợi ích của đất nước. Nhưng gây ra sự kinh hoàng của đức đại đế và các quan đại thần của nhà vua, còn có thêm nhiều vấn đề khác, được đem ra thảo luận, mà trong lúc phân tích những vấn đề này có thể nghe thấy đủ thứ ý kiến, chỉ có điều là không có những lời ngợi khen tài cán và sự sáng suốt của các bậc vua chúa và các vị bộ trưởng, cả quá cố lẫn hiện còn an khang.

Trong nội bộ giai cấp tư sản có hai quan điểm khác nhau chính là trên các vấn đề công nghiệp và thương nghiệp. Tuy nhiên, hoàn toàn không nghi ngờ gì rằng, phe bên vực thuế quan bảo hộ, hoặc chênh lệch thuế suất hiển nhiên là phe mạnh nhất, đông nhất và có thể lực nhất. Mà thực ra giai cấp tư sản không thể giữ vững được những vị trí của nó, củng cố vững mạnh, đạt tới quyền lực vô hạn nếu như nó không dùng các biện pháp nhân tạo để bảo vệ và khuyến khích công nghiệp và thương nghiệp của nó. Nếu không được bảo vệ chống lại nền công nghiệp nước ngoài thì

^{1*} - Phri-đrich-Vin-hem IV

trong vòng mười năm nó sẽ bị quật ngã và đè bẹp. Rất có thể là ngay sự bảo vệ đó cũng không đủ khả năng giúp đỡ nó một cách căn bản và lâu dài. Nó đã chờ đợi quá lâu, đã nằm quá yên ổn trong những chiếc tã mà các vị vua chúa cao quý nhất của nó đã quần cho nó trong nhiều năm. Người ta đã đi vòng qua nó từ khắp tứ phía, đã vượt lên trên nó, đã tước đoạt của nó những vị trí tốt nhất, còn nó thì thân nhiên chịu đựng "những quả đấm" và không lần nào nó có đủ nghị lực để thoát khỏi người cha kiêm thầy học và thủ trưởng phần thì ngu xuẩn, phần thì xảo quyệt của nó.

Giờ đây tình hình chuyển sang bước ngoặt khác. Các vị vua chúa Đức từ nay chỉ có thể là đầy tớ cho giai cấp tư sản, vai trò của họ thật là nhỏ bé. Cũng bởi giai cấp tư sản hãy còn thời gian và khả năng thiết lập chính quyền của nó nên việc bảo hộ nền công nghiệp Đức và nền thương nghiệp Đức là cơ sở duy nhất có thể làm chỗ dựa cho nó. Còn những gì giai cấp tư sản muốn và tất phải muốn nhận được của các vị vua chúa Đức thì nó cũng có thể thực hiện được.

Song bên cạnh giai cấp tư sản còn có một số lượng rất lớn những người mà người ta gọi là những người vô sản, tức giai cấp công nhân, giai cấp không có của.

Thử hỏi giai cấp này được lợi gì trong việc thi hành chế độ thuế quan bảo hộ? Có phải vì thế mà họ sẽ được lĩnh tiền công cao hơn chăng, họ sẽ có thể ăn và mặc tốt hơn, sống trong những điều kiện lành mạnh hơn chăng, sẽ có nhiều thì giờ rỗi hơn để nghỉ ngơi và học tập chăng, sẽ có được một số tiền để dạy dỗ con cái của họ hợp lý hơn, chu đáo hơn chăng ?

Các ngài tư sản đang bảo vệ cho chế độ thuế quan bảo hộ không bao giờ bỏ lỡ dịp trưng lợi ích của giai cấp công nhân lên hàng đầu. Cứ theo lời họ nói thì cùng với việc thực hiện chế độ bảo hộ công nghiệp là cảnh sống thiên đường thật sự sẽ đến với

công nhân, nhờ đó mà đối với những người vô sản, nước Đức sẽ biến thành miền đất Ca-na-an, nơi có "những dòng sông chảy tràn sữa và mật ong". Nhưng, mặt khác, nếu để tai nghe những người ủng hộ mậu dịch tự do thì lại thấy là chỉ khi thi hành chế độ *của họ* thì những người không có của mới sẽ có thể được sống "như ở ngực chúa Ki-tô", tức là cực kỳ phóng khoáng và vui tươi.

Ở cả hai phe hãy còn khá nhiều người thiên cận, thực tâm tin những lời nói của bản thân họ là chân thực. Nhưng những ai thông minh hơn một chút ở các phe ấy thì đều biết rất rõ rằng tất cả những cái đó chỉ là một trò bịp, chỉ nhằm đánh lạc hướng quần chúng và lôi kéo họ về phía mình mà thôi.

Nhà tư sản thông minh chẳng tội gì lại đi chứng minh rằng dù là chế độ thuế quan bảo hộ, hay là chế độ mậu dịch tự do, hay là chế độ hỗn hợp dựa trên cả hai loại nguyên tắc ấy mà giữ địa vị thống trị đi nữa thì người công nhân cũng sẽ không được lĩnh tiền công cao hơn tiền công tuyệt đối cần thiết cho anh ta để duy trì mức sống tối thiểu. Dưới chế độ này hoặc dưới chế độ kia, người công nhân cũng chỉ được lĩnh vừa vặn bằng số cần thiết để duy trì anh ta với tư cách một chiếc máy công tác đang hoạt động mà thôi.

Như vậy, thoát nhìn có thể thấy rằng dù tiếng nói quyết định sẽ thuộc về phe ủng hộ chế độ thuế quan bảo hộ, hay thuộc về phe ủng hộ mậu dịch tự do thì đối với người vô sản, đối với người không có của đều hoàn toàn như nhau cả.

Song, vì lẽ giai cấp tư sản Đức, như đã nói ở trên, cần có sự bảo hộ chống lại ngoại quốc để kết liễu những tàn tích của thời trung cổ do tầng lớp quý tộc phong kiến làm đại biểu, và kết liễu những kẻ ăn bám hiện đại "theo ý Chúa", như vậy cũng dễ để

dàng bóc trần luôn cả cái bản chất bên trong của riêng nó, nên cả giai cấp công nhân cũng quan tâm đến việc tiếp tay cho quyền thống trị vô hạn của giai cấp tư sản.

Chỉ khi nào còn lại độc *một* giai cấp bóc lột và áp bức - giai cấp tư sản, khi mà những tai họa và cảnh nghèo đói không thể quy tội lúc thì cho tầng lớp này, lúc thì cho tầng lớp khác hoặc cho riêng một chế độ quân chủ chuyên chế với bọn quan lại của nó, - chỉ khi đó mới bắt đầu cuộc đấu tranh cuối cùng, mang tính chất quyết định, cuộc đấu tranh giữa kẻ có của và người không có của, cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Bấy giờ chiến trường sẽ quét sạch tất cả những chướng ngại không cần thiết, bấy giờ sẽ gạt bỏ đi tất cả những nhiệm vụ thứ yếu làm người ta đi chệch hướng, và trận địa của cả hai đội quân thù địch sẽ được xác định và rõ ràng.

Cùng với việc giai cấp tư sản thiết lập quyền thống trị, những người công nhân được những điều kiện của chính mình thức tỉnh, cũng đạt được sự tiến bộ có ý nghĩa vô cùng quan trọng; từ nay lên tiếng và nổi dậy chống lại chế độ hiện hành không còn là những công nhân riêng lẻ - hoặc nhiều lắm là hàng trăm hàng nghìn công nhân - mà là tất cả họ, cùng nhau với tư cách một giai cấp *thống nhất* có những quyền lợi và nguyên tắc của riêng nó, hành động theo một kế hoạch chung và bằng những lực lượng được thống nhất lại, bước vào trận chiến đấu với kẻ thù cuối cùng, không đội trời chung và hung ác nhất của mình, đó là giai cấp tư sản.

Không thể còn chút nghi ngờ gì nữa về kết quả cuộc đấu tranh này. Giai cấp vô sản cần phải đánh đổ và sẽ đánh đổ giai cấp tư sản, giống như tầng lớp quý tộc và chế độ quân chủ chuyên chế đã bị giai cấp trung gian giáng cho một đòn chí tử.

Cùng với giai cấp tư sản, chế độ tư hữu cũng sẽ bị sụp đổ, và thắng lợi của giai cấp công nhân sẽ vĩnh viễn chấm dứt mọi sự thống trị giai cấp và đẳng cấp.

Do Ph. Ăng-ghe-n viết vào đầu tháng Sáu 1847

Đã đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler - Zeitung" số 46, ngày 10 tháng Sáu 1847

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

SỰ KHÔN CÙNG
CỦA TRIẾT HỌC

**Trả lời cuốn "Triết học về sự khôn cùng"
của ông Pru-đông³⁷**

*Do C. Mác viết vào nửa đầu năm 1847
Đã in lần đầu tiên thành sách riêng tại
Pa-ri và Bruy-xen năm 1847
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản in xuất bản năm
1847, có lưu ý đến những chỗ
sửa lại trong những lần xuất
bản bằng tiếng Đức năm 1885
và năm 1892, và trong lần xuất
bản bằng tiếng Pháp năm 1896
Nguyên văn là tiếng Pháp*

MISÈRE
DE
LA PHILOSOPHIE.

RÉPONSE A
LA PHILOSOPHIE DE LA MISÈRE

DE M. PROUDHON.

Par Karl Marx.



PARIS.
A. FRANK,
65, rue Richelieu

BRUXELLES.
C. G. VOGLER,
2, petite rue de la Madeleine.

1847

BÌA CỦA LẦN XUẤT BẢN ĐẦU TIÊN
CUỐN "SỰ KHÓN CÙNG CỦA TRIẾT HỌC"

LỜI NÓI ĐẦU

Ông Pru-đông gặp điều không may là ở châu Âu, lạ lùng thay, ông không được người ta hiểu. Ở Pháp, người ta thừa nhận ông ta có quyền là một nhà kinh tế học tồi, bởi vì ông ta vốn có tiếng là một nhà triết học Đức giỏi. Ở Đức, ngược lại, người ta thừa nhận ông ta có quyền là một nhà triết học tồi, bởi vì ông vốn có tiếng là một nhà kinh tế học Pháp vào hạng cừ nhất. Chúng tôi, với tư cách vừa là người Đức vừa là nhà kinh tế học, chúng tôi muốn phản đối lại sự sai lầm có tính chất hai mặt ấy.

Bạn đọc sẽ hiểu cho rằng, trong công việc bạc bẽo này, nhiều khi chúng tôi đã phải bỏ việc phê phán ông Pru-đông để tiến hành phê phán triết học Đức, và đồng thời còn cung cấp một số nhận xét về khoa kinh tế chính trị.

Bruy-xen, ngày 15 tháng Sáu 1847

Các Mác

Tác phẩm của ông Pru-đông không phải chỉ là một tập sách kinh tế chính trị, một quyển sách bình thường, đó là một kiểu kinh thánh; "những sự thần bí" "những điều bí mật rút ra từ trong lòng "Thượng đế", "những mặc khải", chẳng thiếu cái gì. Nhưng vì, ngày nay, các nhà tiên tri bị người ta đưa ra phán xét một cách nghiêm khắc hơn là những tác giả phàm tục, cho nên bạn đọc hãy kiên tâm cùng với chúng tôi điếm qua lý luận uyên bác khô khan và u ám của "Sáng thế ký", để rồi sau này sẽ cùng với ông Pru-đông bay lên những miền phiêu diêu và giàu có của *siêu chủ nghĩa xã hội* (xem Pru-đông. "Triết học về sự khốn cùng", nhập đề, tr. III, dòng 20).

CHƯƠNG MỘT MỘT PHÁT KIẾN KHOA HỌC

§ I. SỰ ĐỐI LẬP GIỮA GIÁ TRỊ SỬ DỤNG VÀ GIÁ TRỊ TRAO ĐỔI

"Khả năng phục vụ cho việc duy trì sự sống của con người mà tất cả mọi sản phẩm, dù là sản phẩm tự nhiên hay là sản phẩm công nghiệp đều có, có một tên gọi đặc biệt là *giá trị sử dụng*. Khả năng của những sản phẩm này có thể trao đổi lẫn cho nhau gọi là *giá trị trao đổi*... Làm thế nào mà giá trị sử dụng lại trở thành giá trị trao đổi được?... Sự phát sinh ra quan niệm giá trị" (trao đổi) "chưa được các nhà kinh tế học nêu lên một cách cẩn thận; bởi vậy chúng ta phải dừng lại ở đây một chút. Vì rằng trong số những vật phẩm mà tôi cần dùng, rất nhiều vật phẩm chỉ có trong thiên nhiên với một số lượng ít ỏi, hay thậm chí không có gì cả, nên tôi buộc lòng phải giúp cho việc sản xuất ra những thứ mà tôi thiếu; và vì tôi không thể một mình bắt tay vào sản xuất bao nhiêu thứ như thế, cho nên tôi *sẽ đề nghị* với những người khác, những người bạn cộng tác của tôi ở các chức nghiệp khác nhau, nhường lại cho tôi một phần sản phẩm của họ *đổi lấy* sản phẩm của tôi" (Pru-đông, t.I, chương 2).

Ông Pru-đông định giải thích cho chúng ta trước hết về bản chất hai mặt của giá trị, sự "*phân biệt trong nội bộ giá trị*", quá trình làm cho giá trị sử dụng chuyển thành giá trị trao đổi. Chúng ta cũng phải dừng lại với ông Pru-đông ở hành vi hoá thể này. Theo tác giả của chúng ta thì hành vi ấy đã diễn ra như sau.

Một số rất lớn sản phẩm không có trong thiên nhiên, mà chỉ do công nghiệp chế tạo ra. Một khi nhu cầu vượt quá số lượng sản phẩm mà thiên nhiên đem lại, thì con người bắt buộc phải dựa vào sản xuất công nghiệp. Theo sự giả định của ông Pru-đông,

nền công nghiệp ấy là cái gì? Nguồn gốc của nó là gì? Một người đơn độc cảm thấy cần đến rất nhiều thứ, "không thể một mình bắt tay vào sản xuất bao nhiêu thứ như thế". Có bao nhiêu nhu cầu phải thỏa mãn thì phải có bấy nhiêu thứ phải sản xuất ra, - không có sản xuất thì không có sản phẩm, - bao nhiêu thứ phải sản xuất ra đã đòi hỏi có bàn tay không phải chỉ của một người duy nhất giúp vào việc sản xuất ra chúng. Thế nhưng, một khi ta giả định có nhiều bàn tay giúp vào việc sản xuất, thì như vậy là ta đã hoàn toàn giả định một nền sản xuất dựa trên sự phân công lao động rồi. Vậy thì nhu cầu, như ông Pru-đông giả định, tự nó cũng giả định có một sự phân công lao động một cách đầy đủ. Đã giả định là có sự phân công, thì ta cũng có sự trao đổi và, do đó, giá trị trao đổi nữa. Nói như vậy chẳng khác nào giả định ngay từ đầu là có giá trị trao đổi vậy.

Nhưng ông Pru-đông lại thích đi vòng quanh hơn. Ta hãy đi theo ông ta trên tất cả những đường quanh quẩn của ông ta, để rồi luôn luôn trở về điểm xuất phát của ông ta.

Để thoát khỏi tình trạng mỗi người sản xuất một cách đơn độc, và để đi đến trao đổi, ông Pru-đông nói: "tôi nhờ đến những người bạn cộng tác của tôi trong các chức nghiệp khác nhau". Vậy là, tôi có những người bạn cộng tác, tất cả họ đều có những chức nghiệp khác nhau, nhưng không phải vì thế mà tôi và tất cả những người khác - vẫn theo sự giả định của ông Pru-đông - chúng tôi vẫn chưa thoát khỏi tình trạng cô độc và tách rời xã hội của những chàng Rô-bin-xơn. Những người bạn cộng tác và những chức nghiệp khác nhau, sự phân công, và sự trao đổi mà sự phân công ấy bao hàm, - tất cả những cái đó đều đã từ trên trời rơi xuống.

Nói tóm lại: tôi có những nhu cầu dựa trên sự phân công và sự trao đổi. Khi giả định có những nhu cầu ấy, ông Pru-đông đã giả định là có sự trao đổi và giá trị trao đổi rồi, về "sự phát sinh" của giá trị trao đổi ấy ông ta chính lại dự định "trình bày một cách tỉ mỉ cẩn thận hơn so với những nhà kinh tế học khác".

Ông Pru-đông rất có thể đảo ngược lại trình tự của sự vật, mà không vì thế đảo ngược lại sự đúng đắn của những kết luận của ông ta. Muốn giải thích giá trị trao đổi, thì phải có sự trao đổi. Muốn giải thích sự trao đổi, thì phải có sự phân công. Muốn giải thích sự phân công, thì phải có những nhu cầu đòi hỏi phải có sự phân công. Muốn giải thích những nhu cầu này, thì phải "*giả định*" những nhu cầu ấy, song điều đó không có nghĩa là phủ định những nhu cầu ấy, trái với định lý thứ nhất trong phần nhập đề của ông Pru-đông: "Giả định Thượng đế tức là phủ định Thượng đế" (nhập đề, tr.I).

Ông Pru-đông - đối với ông ta thì sự phân công được giả định là đã biết rồi - lấy sự phân công để giải thích giá trị trao đổi, vậy tại sao đối với ông ta thì giá trị trao đổi luôn luôn vẫn là cái chưa biết?

"Một người" quyết định tới "*đề nghị* với những người khác, những người bạn cộng tác của anh ta trong các chức nghiệp khác nhau", kiến lập sự trao đổi và phân biệt giá trị sử dụng với giá trị trao đổi. Khi chấp nhận sự phân biệt theo đề nghị này, những người bạn cộng tác chỉ để cho ông Pru-đông "chăm lo" một việc: ghi nhận sự kiện đã xảy ra, ghi rõ, "đưa vào" luận văn về khoa kinh tế chính trị của ông ta "sự phát sinh của khái niệm giá trị". Nhưng ông ta vẫn phải giải thích cho chúng ta hiểu "sự phát sinh" ra đề nghị ấy và cuối cùng vẫn phải nói rõ cho chúng ta hiểu như thế nào mà con người đơn độc ấy, chàng Rô-bin-xơn ấy, lại đột nhiên nảy ra ý nghĩ đưa ra "với những người bạn cộng tác của mình" một đề nghị thuộc loại *như thế*, và như thế nào mà những người bạn cộng tác này lại chấp nhận đề nghị ấy của anh ta mà không phản đối gì cả.

Ông Pru-đông không đi vào những chi tiết có tính chất ngành ngọn ấy. Ông ta chỉ gán cho việc trao đổi ấy một cái gì đó tựa như một con dấu lịch sử bằng cách trình bày sự trao đổi dưới

hình thức của một kiến nghị mà một người thứ ba đưa ra, nhằm kiến lập sự trao đổi.

Đó quả là một kiểu mẫu của "*phương pháp lịch sử và miêu tả*" của ông Pru-đông, ông ta vốn tỏ ra hết sức khinh miệt "*phương pháp lịch sử và miêu tả*" của những người như A-đam Xmit và Ri-các-đô.

Sự trao đổi có lịch sử riêng của nó. Nó đã trải qua những giai đoạn khác nhau.

Đã có một thời kỳ như thời trung cổ, người ta chỉ trao đổi với nhau cái dư thừa, phần sản xuất vượt quá sự tiêu dùng mà thôi.

Còn có một thời kỳ khác nữa, không những cái dư thừa, mà tất cả mọi sản phẩm, toàn bộ hoạt động công nghiệp đều rơi vào lĩnh vực thương nghiệp, thời kỳ mà toàn bộ sự sản xuất hoàn toàn tùy thuộc vào sự trao đổi. Làm thế nào mà giải thích được giai đoạn thứ hai này của sự trao đổi - đó là việc nâng cao giá trị trao đổi lên lũy thừa bậc hai?

Ông Pru-đông sẽ có sẵn một câu trả lời: hãy cứ cho rằng một người "*đã đề nghị*" với những người khác, những người bạn cộng tác của mình trong các chức nghiệp khác nhau", nâng giá trị trao đổi lên lũy thừa bậc hai.

Cuối cùng, đến một thời kỳ mà hết thảy mọi thứ mà trước đây người ta coi là không thể chuyển nhượng được, thì nay trở thành đối tượng trao đổi, mua bán và có thể chuyển nhượng được. Đó là thời kỳ mà ngay cả đến những cái xưa nay chỉ truyền cho nhau, chứ không bao giờ đưa ra đổi chác; những cái mà người ta cho không chứ không bao giờ đem bán; những cái chỉ kiếm được chứ không bao giờ phải mua - đạo đức, tình yêu, ý kiến, trí thức, lương tâm, v.v., - thời kỳ mà cuối cùng cái gì cũng trở thành đối tượng buôn bán. Đó là thời kỳ tham nhũng phổ biến, thời kỳ mua bán ở khắp mọi nơi, hay, để nói theo danh từ khoa kinh tế chính trị, thời kỳ mà mọi cái tinh thần hay vật chất đều trở thành giá

trị trao đổi, được đưa ra thị trường để người ta đánh giá một cách tương xứng nhất theo giá trị thật sự của nó.

Làm thế nào mà giải thích được giai đoạn mới và cuối cùng ấy của sự trao đổi - giá trị trao đổi ở dạng lũy thừa bậc ba?

Ông Pru-đông sẽ có sẵn một câu trả lời: hãy cứ cho rằng một người "*đã đề nghị*" với những người khác, những người bạn cộng tác của mình trong các chức nghiệp khác nhau" là đem đạo đức, tình yêu, v.v., biến thành giá trị trao đổi, nâng giá trị trao đổi lên lũy thừa bậc ba và bậc cuối cùng.

Như ta thấy, "*phương pháp lịch sử và miêu tả*" của ông Pru-đông thích hợp với mọi việc, nó giải đáp được tất cả mọi việc, nó giải thích được tất cả mọi việc. Đặc biệt là trong các trường hợp phải giải thích về mặt lịch sử "sự phát sinh của một khái niệm kinh tế nào đó", thì ông ta giả định là một người đề nghị với những người khác, những người bạn cộng tác của mình trong các chức nghiệp khác nhau, thực hiện cái hành vi phát sinh ấy, thế là mọi việc đều được giải quyết xong xuôi.

Từ đây về sau, chúng ta chấp nhận "sự phát sinh" ra giá trị trao đổi như là một hành vi đã được thực hiện; bây giờ chỉ còn cần trình bày quan hệ giữa giá trị trao đổi với giá trị sử dụng. Ta hãy nghe ông Pru-đông nói.

"Các nhà kinh tế đã làm nổi bật rất rõ ràng tính chất hai mặt của giá trị; nhưng điều mà họ không diễn đạt một cách rõ ràng như thế, chính là *bản chất mâu thuẫn* của nó; sự phê phán của chúng tôi bắt đầu từ đây... Nếu lên được sự tương phản lạ lùng ấy giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi thì không đủ, các nhà kinh tế học thường quen thấy sự đối lập ấy chỉ là một cái rất giản đơn: phải vạch ra rằng đằng sau cái tưởng là giản đơn ấy che giấu một điều bí mật sâu xa mà bốn phần của chúng ta là phải đi sâu vào tìm hiểu... Nói theo danh từ kỹ thuật, chúng ta có thể nói rằng giá trị sử dụng và giá trị trao đổi ở trong một quan hệ trái nghịch với nhau".

Nếu chúng tôi hiểu đúng ý của ông Pru-đông thì sau đây là bốn điểm mà ông ta định xác lập:

1) Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi tạo thành một "sự tương phản lạ lùng", tạo ra sự đối lập với nhau.

2) Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi ở trong một quan hệ trái nghịch với nhau, mâu thuẫn với nhau.

3) Các nhà kinh tế học không thấy mà cũng không nhận thức được sự đối lập ấy cũng như mâu thuẫn ấy.

4) Sự phê phán của ông Pru-đông bắt đầu từ điểm cuối.

Còn chúng tôi thì cũng sẽ bắt đầu từ điểm cuối, và để minh oan cho các nhà kinh tế học về những lời tố cáo của ông Pru-đông, chúng tôi xin nhường lời cho hai nhà kinh tế học tương đối nổi tiếng.

Xi-xmôn-di: "Đó là sự đối lập giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi, thương mại đã quy hết thảy mọi cái thành giá trị trao đổi đó", v.v. ("Khái luận", t.II, tr.162, xuất bản ở Bruy-xen³⁸).

Lô-đéc-đan: "Nói chung, của cải cá nhân càng tăng lên do giá trị trao đổi tăng thêm thì của cải quốc dân (giá trị sử dụng) càng giảm bớt; và của cải cá nhân càng giảm bớt do giá trị trao đổi giảm bớt thì nói chung của cải quốc dân càng tăng lên" ("Nghiên cứu về bản chất và nguồn gốc của của cải quốc dân". Bản dịch của La-giăng-ti Đơ La-va-ít-xơ. Pa-ri, 1808³⁹).

Xi-xmôn-di đã xây dựng học thuyết chủ yếu của ông trên cơ sở *sự đối lập* giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi, theo học thuyết ấy thì thu nhập giảm đi một cách tỷ lệ với sản xuất tăng thêm.

Lô-đéc-đan đã xây dựng học thuyết của ông ta trên cơ sở tỷ lệ nghịch giữa hai loại giá trị, và học thuyết của ông ta cũng rất là phổ cập trong thời đại của *Ri-các-đô*, đến nỗi *Ri-các-đô* có thể nói đến lý luận ấy như là một cái mà ai cũng biết.

"Chính là vì lẫn lộn các khái niệm giá trị trao đổi và của cải" (giá trị sử dụng) "nên người ta đã cho rằng cứ giảm bớt số lượng hàng hóa, nghĩa là những cái cần thiết, có ích hay dễ chịu đối với đời sống thì người ta sẽ có thể tăng thêm của cải" (*Ri-các-đô*. "Nguyên lý của khoa kinh tế chính trị", bản dịch của Công-xtăng-xi-ô, Gi.B.Xây chú thích. Pa-ri. 1835, t. II. chương "Về giá trị và tài sản"⁴⁰).

Chúng ta vừa thấy rằng các nhà kinh tế học, trước ông Pru-đông,

đã "vạch ra" cái bí mật sâu xa về sự đối lập và sự mâu thuẫn. Bây giờ chúng ta hãy xem ông Pru-đông, đến lượt ông ta, giải thích điều bí mật ấy sau các nhà kinh tế học như thế nào.

Nếu yêu cầu vẫn giữ nguyên, số cung càng tăng lên thì giá trị trao đổi của một sản phẩm càng hạ xuống; nói cách khác: một sản phẩm càng dồi dào *so với số cầu* thì giá trị trao đổi của nó hay là giá cả của nó lại càng hạ. *Vice versa*^{1*}: số cung ít ỏi so với số cầu, thì giá trị trao đổi hay là giá cả của sản phẩm được cung cấp lại càng cao; nói cách khác, sản phẩm cung cấp càng khan hiếm so với số cầu thì giá cả càng đắt. Giá trị trao đổi của một sản phẩm là tùy thuộc vào sự dồi dào hay sự khan hiếm của nó, mà như vậy là luôn luôn so với số cầu. Giả sử có một sản phẩm quá ư khan hiếm, thậm chí là độc nhất vô nhị: sản phẩm độc nhất ấy sẽ là quá ư dồi dào, nó sẽ là quá dư thừa, nếu không ai yêu cầu nó cả. Ngược lại, giả sử có một sản phẩm nhiều đến hàng triệu, nó vẫn là khan hiếm nếu nó không đủ thỏa mãn số cầu, nghĩa là nếu người ta yêu cầu nó nhiều quá.

Đó chính là những sự thật có thể nói gần như là quá tầm thường rồi, thế mà vẫn cứ phải nói lại ở đây để làm cho người ta hiểu được những điều bí mật của ông Pru-đông.

"Cho nên nếu truy cứu nguyên lý cho đến những kết luận cuối cùng của nó, người ta sẽ đi đến chỗ kết luận một cách lô gích nhất trên thế giới, rằng những cái cần thiết phải sử dụng và số lượng vô hạn thì nhất định không có giá trị gì, còn những cái hoàn toàn vô dụng nhưng cực kỳ khan hiếm thì lại có một giá cả vô lường. Nhưng điều rắc rối nhất là, thực tiễn hoàn toàn không thừa nhận những điểm cực đoan ấy: một mặt, không một sản phẩm nào do con người sáng tạo ra lại có thể đạt đến chỗ vô hạn về số lượng bao giờ; mặt khác, những cái khan hiếm nhất thì trên một mức độ nào đó cũng cần phải có ích, nếu không nó sẽ không thể có một giá trị nào cả. Vậy giá trị sử dụng và giá trị trao đổi vẫn kết hợp với nhau một cách tất nhiên, mặc dù do bản chất của chúng, chúng không ngừng có xu hướng bài trừ lẫn nhau" (t.I, tr.39).

^{1*} - Ngược lại

Cái gì đã mang lại rắc rối nhất cho ông Pru-đông? Đó là ông ta đã quên bằng mắt *số cầu*, và một vật chỉ có thể là khan hiếm hay là dồi dào nếu nó được người ta yêu cầu đến. Sau khi đã gạt số cầu ra một bên, ông ta coi giá trị trao đổi và *sự khan hiếm* là một, còn giá trị sử dụng và *sự dồi dào* là một. Thật ra, khi nói rằng những cái "*hoàn toàn vô dụng nhưng cực kỳ khan hiếm có một giá cả vô lường*", ông ta chỉ muốn nói một cách giản đơn rằng giá trị trao đổi chẳng phải là cái gì khác mà chỉ là sự khan hiếm. "Cực kỳ khan hiếm và hoàn toàn vô dụng", đó là sự khan hiếm thuần túy. "Giá cả vô lường", đó là mức cao nhất của giá trị trao đổi, đó là giá trị trao đổi thuần túy. Ông ta đã đặt dấu bằng giữa hai thuật ngữ ấy. Vậy, giá trị trao đổi và sự khan hiếm là những thuật ngữ đồng nghĩa. Đi đến cái gọi là những "hệ quả cực đoan" ấy, ông Pru-đông quả là đã đẩy đến chỗ cực đoan không phải sự vật, mà chỉ là những thuật ngữ nói lên sự vật ấy, và về mặt này, ông ta tỏ ra có tài về tu từ học hơn là về lô-gích học. Khi ông ta tưởng là đã tìm ra được những kết luận mới, thì chính là ông ta đã tìm thấy lại những giả thiết đầu tiên của ông ta, hiện nguyên hình như cũ mà thôi. Cũng bằng cách đó, ông ta đã thành công trong việc coi giá trị sử dụng và sự dồi dào thuần túy là một.

Sau khi coi giá trị trao đổi và sự khan hiếm là một, giá trị sử dụng và sự dồi dào là một, ông Pru-đông lại rất đỗi ngạc nhiên vì không tìm thấy giá trị sử dụng trong sự khan hiếm và trong giá trị trao đổi, cũng như giá trị trao đổi trong sự dồi dào và trong giá trị sử dụng; và vì sau đó thấy thực tiễn hoàn toàn không thừa nhận những thái cực ấy, thì ông ta chỉ còn cách là tin vào sự bí ẩn. Đối với ông ta, có giá cả vô lường bởi vì không có người mua, mà ông ta sẽ không bao giờ tìm thấy người mua nếu ông ta vẫn không kể đến số cầu.

Mặt khác, sự dồi dào của ông Pru-đông hình như là một cái gì

tự phát. Ông ta quên bằng đi rằng có những người sản xuất ra sự dồi dào ấy, và lợi ích của những người này là không bao giờ bỏ qua số cầu. Nếu không thì làm thế nào mà ông Pru-đông lại có thể nói rằng những cái rất có ích phải bán rất hạ giá, hoặc thậm chí không đáng giá gì cả? Trái lại, ông ta phải kết luận rằng phải hạn chế bớt sự dồi dào, hạn chế việc sản xuất ra những cái rất có ích, nếu người ta muốn nâng giá cả và giá trị trao đổi của chúng lên.

Khi những nhà trồng nho thời xưa ở nước Pháp yêu cầu ra một đạo luật cấm trồng những cây nho mới; khi những người Hà Lan đốt những cây hương liệu của châu Á, nhổ những gốc đinh hương trên đảo Mô-luy-cơ, chẳng qua là họ chỉ muốn giảm bớt sự dồi dào để nâng cao giá trị trao đổi mà thôi. Trong suốt thời trung cổ con người đã hành động theo nguyên tắc ấy khi người ta hạn chế, bằng những đạo luật, số thợ bận mà mỗi một người thợ cả thuê được, khi người ta hạn chế số lượng công cụ mà mỗi một người thợ cả có thể dùng. (Xem: An-đéc-xơn, "Lịch sử thương mại"⁴¹).

Sau khi đã coi sự dồi dào như là giá trị sử dụng, và sự khan hiếm như là giá trị trao đổi, - không có gì dễ hơn việc chứng minh rằng sự dồi dào và sự khan hiếm ở trong một quan hệ đảo nghịch với nhau, - ông Pru-đông coi giá trị sử dụng và *số cung* là một, còn giá trị trao đổi và *số cầu* là một. Để làm cho sự đối lập ấy nổi bật hơn nữa, ông ta đã thay thế thuật ngữ, lấy chữ "*giá trị được quy định bởi ý niệm*" thay vào *giá trị trao đổi*. Như vậy là cuộc đấu tranh đã chuyển sang một địa hạt khác, và chúng ta thấy một bên là *sự hữu ích* (giá trị sử dụng, số cung), một bên là *ý niệm* (giá trị trao đổi, số cầu).

Làm thế nào để điều hoà hai lực đối lập với nhau ấy? Làm thế nào để hoà giải chúng với nhau? Người ta có thể tìm được chỉ ít một điểm thống nhất giữa chúng với nhau hay không?

Ông Pru-đông kêu to lên rằng, dĩ nhiên có một điểm như thế: đó là *quyết định tự do*. Giá cả được hình thành do cuộc đấu tranh ấy giữa cung và cầu, giữa sự hữu ích và ý niệm, sẽ không phải là biểu hiện của sự công bằng vĩnh cửu.

Ông Pru-đông tiếp tục phát triển sự đối lập ấy:

"Với tư cách là *người mua có tự do*, thì tôi là người xét đoán nhu cầu của tôi, là người xét đoán sự hữu dụng của vật phẩm, giá cả mà tôi *muốn* gán cho vật phẩm. Mặt khác, với tư cách là *người sản xuất có tự do*, anh làm chủ những *tư liệu sản xuất ra vật phẩm*, và do đó, anh có khả năng giảm bớt những chi phí của anh" (t.I, tr. 41).

Và vì số cầu hay giá trị trao đổi cùng đồng nghĩa với ý niệm, cho nên ông Pru-đông phải nói rằng:

"Người ta đã chứng minh rằng chính ý *chí tự do* của con người đã đưa đến sự đối lập giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi. Chừng nào ý chí tự do còn tồn tại thì làm thế nào mà giải quyết được sự đối lập ấy? Và làm thế nào mà hy sinh ý chí tự do được, mà vẫn không phải hy sinh con người?" (t. I, tr. 41).

Cho nên, không thể có được một kết quả nào. Chỉ có một cuộc đấu tranh giữa hai lực có thể nói là không thể đối sánh được, giữa sự hữu ích và ý niệm, giữa người mua có tự do và người sản xuất có tự do.

Ta hãy xét sự vật một cách kỹ lưỡng hơn nữa.

Cung không phải chỉ biểu thị cho sự hữu ích, cầu không phải chỉ biểu thị cho ý niệm mà thôi. Chẳng phải người có nhu cầu cũng đã cung cấp một sản phẩm nào đó hoặc tiền - ký hiệu đại biểu cho tất cả mọi sản phẩm, đó sao? Và do cung cấp những sản phẩm như thế, theo Pru-đông, người ấy chẳng đã đại diện cho sự hữu ích hay là giá trị sử dụng, đó sao?

Mặt khác, đến lượt mình người cung cấp chẳng phải cũng đã có số cầu về một sản phẩm nào đó hoặc tiền - ký hiệu đại biểu cho tất cả mọi sản phẩm, đó sao? Và chẳng phải người ấy vì thế mà đã trở thành người đại diện của ý niệm, của giá trị được xác định bởi ý niệm hay là của giá trị trao đổi, đó sao?

Cầu đồng thời cũng là cung, cung đồng thời cũng là cầu. Thế là sự đối lập của ông Pru-đông, khi coi một cách giản đơn cung và sự hữu ích là một, cầu và ý niệm là một, chỉ dựa trên một sự trừu tượng trống rỗng mà thôi...

Cái mà ông Pru-đông gọi là giá trị sử dụng thì các nhà kinh tế học khác cũng có quyền gọi là giá trị được quy định bởi ý niệm. Chúng ta chỉ dẫn chứng Stoóc-sơ ("Giáo trình khoa kinh tế chính trị", Pa-ri, 1823, tr. 48 và 49⁴²).

Theo ông Stoóc-sơ thì người ta gọi những cái mà chúng ta cảm thấy cần là *nhu cầu*; người ta gọi những cái mà chúng ta cho là có giá trị là *những giá trị*. Phần lớn những vật có giá trị chỉ vì chúng thoả mãn những nhu cầu do ý niệm sinh ra. Ý niệm về những nhu cầu của chúng ta có thể thay đổi, vậy sự hữu ích của các vật, - sự hữu ích này chỉ biểu thị mối quan hệ giữa những vật ấy với nhu cầu của chúng ta, - cũng có thể thay đổi. Và lại, bản thân những nhu cầu tự nhiên cũng thay đổi không ngừng. Quả vậy, những vật phẩm dùng làm lương thực chủ yếu cho các dân tộc khác nhau không phải là có nhiều thứ đó sao!

Cuộc đấu tranh không phải là giữa sự hữu ích và ý niệm: nó nổ ra giữa giá trị trao đổi mà người bán yêu cầu, và giá trị trao đổi mà người mua đề xuất. Giá trị trao đổi của sản phẩm bao giờ cũng là hợp lực của những sự đánh giá mâu thuẫn nhau như thế.

Xét cho cùng, cung và cầu đặt sản xuất và tiêu dùng đối diện với nhau, nhưng đó là sản xuất và tiêu dùng dựa trên sự trao đổi cá thể.

Sản phẩm mà người ta cung cấp tự bản thân nó không phải là cái có ích. Chính người tiêu dùng mới xác định sự hữu ích của nó. Mà dù người ta có thừa nhận cho nó tính hữu ích chẳng nữa, thì nó cũng không phải chỉ là cái có ích mà thôi. Trong quá trình sản xuất, nó đã được trao đổi với tất cả các chi phí sản xuất, như là nguyên liệu, tiền công cho công nhân, v.v., tóm lại, với hết thảy

những cái là giá trị trao đổi. Vậy, dưới con mắt của người sản xuất, sản phẩm đại diện cho một tổng số những giá trị trao đổi. Cái mà người sản xuất cung cấp không phải chỉ là một vật có ích, mà ngoài ra trước hết nó còn là một giá trị trao đổi nữa.

Còn nói về cầu, thì nó chỉ có tính chất hiện thực với điều kiện là phải có những phương tiện trao đổi trong tay nó. Bản thân những phương tiện ấy là sản phẩm, nghĩa là những giá trị trao đổi.

Vậy, trong cung và cầu, chúng ta thấy một bên là một sản phẩm mà để có được nó người ta đã chi phí những giá trị trao đổi, và nhu cầu bán ra sản phẩm đó; một bên là những phương tiện mà để có nó người ta đã chi phí những giá trị trao đổi, và nguyện vọng muốn mua vào.

Ông Pru-đông đem đối lập người mua có tự do với người sản xuất có tự do. Ông ta gán cho người này và người kia những tính chất thuần túy siêu hình. Chính vì thế mà ông ta nói: "Người ta đã chứng minh được rằng chính là ý chí tự do của con người đã đưa đến sự đối lập giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi".

Nếu người sản xuất chỉ sản xuất trong một xã hội dựa trên sự phân công và sự trao đổi, - mà đó là giả thiết của ông Pru-đông, - thì người đó bắt buộc phải bán ra. Ông Pru-đông làm cho người sản xuất làm chủ những tư liệu sản xuất, nhưng ông ta sẽ đồng ý với chúng ta rằng những tư liệu sản xuất của người sản xuất không tùy thuộc ở ý chí tự do. Hơn thế nữa, những tư liệu sản xuất ấy phần lớn là những sản phẩm đến với anh ta từ bên ngoài, và trong nền sản xuất hiện đại, anh ta cũng không phải là được tự do sản xuất ra sản phẩm với số lượng mà anh ta muốn. Trình độ phát triển hiện nay của những lực lượng sản xuất bắt buộc anh ta phải sản xuất theo quy mô này hay quy mô khác.

Người tiêu dùng cũng không được tự do hơn người sản xuất. Ý niệm của anh ta dựa trên những phương tiện và những nhu

cầu của anh ta. Những phương tiện ấy và những nhu cầu ấy do địa vị xã hội của anh ta quy định, mà bản thân địa vị xã hội này lại tùy thuộc vào toàn bộ tổ chức xã hội. Tất nhiên, người công nhân mua khoai tây, và người tỳ thiếp mua đăng-ten, cả hai người ấy đều làm theo ý niệm riêng của họ. Nhưng sự khác nhau về ý niệm của họ là do ở sự khác nhau về địa vị mà họ chiếm trong xã hội, địa vị khác nhau ấy trong xã hội lại là sản phẩm của tổ chức xã hội.

Toàn bộ hệ thống nhu cầu dựa trên ý niệm hay là dựa trên toàn bộ tổ chức sản xuất? Thông thường nhất thì nhu cầu trực tiếp do sản xuất sinh ra hay là do một tình trạng dựa trên sản xuất sinh ra. Thương mại trên thế giới hầu như hoàn toàn do những nhu cầu không phải của sự tiêu dùng cá nhân, mà của sản xuất quyết định. Cũng hết như vậy, nếu chúng ta lấy một thí dụ khác, chúng ta sẽ hỏi: việc người ta cần đến những người công chứng chẳng phải là kết quả của một bộ dân luật nhất định, mà bộ dân luật này thì chỉ biểu thị một trình độ phát triển nào đó của quyền sở hữu, nghĩa là của sản xuất đó sao?

Ông Pru-đông chưa vừa lòng với việc gạt bỏ những yếu tố mà chúng ta vừa nói đến, ra ngoài quan hệ giữa cung và cầu thôi đâu. Ông ta đã đẩy sự trừu tượng đến những giới hạn cuối cùng, bằng cách gộp tất cả những người sản xuất lại thành *một* người sản xuất *duy nhất*, tất cả những người tiêu dùng lại thành *một* người tiêu dùng *duy nhất*, và dựng nên cuộc đấu tranh giữa hai nhân vật tưởng tượng ấy. Thế nhưng, trong thế giới hiện thực, sự vật đã diễn ra một cách khác. Sự cạnh tranh giữa những đại biểu của cung với nhau và sự cạnh tranh giữa những đại biểu của cầu với nhau đã tạo nên một yếu tố cần thiết của cuộc đấu tranh giữa những người mua với những người bán, cuộc đấu tranh mà kết quả của nó là giá trị trao đổi.

Sau khi đã gạt bỏ những chi phí sản xuất và sự cạnh tranh,

ông Pru-đông có thể đưa công thức cung cầu đến chỗ vô lý, như vậy ông mới thỏa lòng.

Ông ta nói: "cung và cầu chẳng qua chỉ là hai *nghe thức* dùng để đối lập giá trị sử dụng với giá trị trao đổi, và để điều hòa chúng với nhau. Đó là hai điện cực, mà sự nối liền hai điện cực ấy tất gây ra hiện tượng ái lực gọi là *sự trao đổi*" (t. I, tr.49-50).

Nói như vậy chẳng khác nào nói rằng sự trao đổi chỉ là một "nghe thức", để đặt người tiêu dùng đối diện với vật phẩm tiêu dùng. Chẳng khác nào nói rằng tất cả những quan hệ kinh tế đều là những "nghe thức", để dùng làm môi giới cho sự tiêu dùng trực tiếp. Cung và cầu là những quan hệ của một nền sản xuất nhất định, chỉ là những sự trao đổi cá nhân, không hơn không kém.

Như vậy, tất cả phép biện chứng của ông Pru-đông là gì? Là đem những khái niệm trừu tượng và mâu thuẫn, như là sự khan hiếm và sự dồi dào, sự hữu ích và ý niệm, *một* người sản xuất và *một* người tiêu dùng, và lại cả hai người đều là *kỵ sĩ của ý chí tự do*, thay thế cho những khái niệm về giá trị sử dụng và giá trị trao đổi, cho cung và cầu.

Và bằng cách đó ông ta muốn đạt đến cái gì đây?

Chính là để sau này ông ta sẽ có điều kiện đưa vào một trong những yếu tố mà chính ông ta gạt bỏ, - tức là những *chi phí sản xuất*, - coi đó là *sự tổng hợp* giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi. Theo ông ta, những chi phí sản xuất cấu thành *giá trị tổng hợp* hay *giá trị cấu thành* như thế đó.

§ II. GIÁ TRỊ CẤU THÀNH HAY GIÁ TRỊ TỔNG HỢP

"Giá trị" (trao đổi) "là hòn đá tảng của tòa nhà kinh tế". Giá trị "*cấu thành*" là hòn đá tảng của hệ thống những mâu thuẫn kinh tế.

Vậy cái "*giá trị cấu thành*" ấy, - mà đã tạo nên tất cả phát kiến của ông Pru-đông về khoa kinh tế chính trị - là cái gì?

Một khi sự hữu ích của sản phẩm này hay sản phẩm khác đã được thừa nhận, thì lao động là nguồn gốc của giá trị sản phẩm đó. Thước đo của lao động, chính là thời gian. Giá trị tương đối của các sản phẩm do thời gian lao động cần dùng để sản xuất ra chúng quyết định. Giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị tương đối của một sản phẩm. Cuối cùng, giá trị *cấu thành* của một sản phẩm chẳng qua chỉ là giá trị cấu thành bởi thời gian lao động bỏ vào đó.

Cũng giống như A-đam Xmit đã phát hiện ra *sự phân công lao động*, ông Pru-đông cũng thế, ông ta cho rằng mình đã phát hiện ra "*giá trị cấu thành*". Đương nhiên đó không phải là "một cái gì hoàn toàn mới mẻ" nhưng cũng phải thừa nhận rằng chẳng có cái gì là hoàn toàn mới mẻ trong bất cứ một sự phát hiện nào của khoa học kinh tế cả. Ông Pru-đông cảm thấy hết tầm quan trọng của phát kiến của mình, tuy nhiên, ông ta tìm cách giảm nhẹ ý nghĩa của nó, "để làm cho bạn đọc yên tâm đối với việc ông ta tự cho là độc đáo, và để điều hoà với những bộ óc ít dám tiếp thụ những tư tưởng mới do tính nhút nhát của mình". Nhưng khi đánh giá phần cống hiến của mỗi người tiền bối của ông ta về mặt xác định giá trị, ông ta buộc phải công nhận và lớn tiếng tuyên bố rằng, chính ông ta đã góp phần cống hiến lớn nhất, phần quan trọng nhất.

"Quan niệm tổng hợp về giá trị đã được A-đam Xmit nhìn thấy một cách lơ mờ... Nhưng ở A-đam Xmit quan niệm ấy về giá trị là hoàn toàn theo trực giác, thế nhưng, xã hội không thay đổi những tập quán của mình theo lòng tin vào trực giác; chỉ có uy lực của sự thật mới thuyết phục được nó. Phải diễn đạt sự mâu thuẫn một cách dễ thấy và rõ ràng hơn: Gi.B. Xây là người giải thích chủ yếu cho mâu thuẫn đó".

Đó là lịch sử đầy đủ về sự phát hiện ra giá trị tổng hợp: A-đam Xmit có cái trực giác mơ hồ, Gi.B.Xây có sự đối lập, ông Pru-đông có chân lý cấu thành và "được cấu thành". Và đừng ai hiểu nhầm

đây: tất cả những nhà kinh tế học khác từ Xây cho đến Pru-đông, chỉ làm cái việc lê gót trong vết xe cũ của đối lập mà thôi.

"Không thể tin được rằng bao nhiêu người rất có trí tuệ từ bốn mươi năm nay lại khổ tâm vì một quan niệm giản đơn đến thế. Nhưng không, *tiền hành so sánh các giá trị với nhau mặc dầu không có một điểm chung nào và không có một đơn vị đo lường nào để so sánh với nhau cả*, - đó là cái mà *cái nhà kinh tế học của thế kỷ XIX* đã kiên quyết khẳng định bất chấp tất cả và chống lại tất cả mọi người, chứ không phải là tiếp thụ lý luận cách mạng về sự bình đẳng. *Hậu thế sẽ nói gì về điểm này đây?*" (t. I, tr. 68).

Bị chất vấn bất thành linh như thế, hậu thế sẽ bắt đầu phải lúng túng về niên đại. Như thế hậu thế tất phải tự hỏi rằng: vậy thì Ri-các-đô và trường phái của ông ta không phải là những nhà kinh tế học của thế kỷ XIX hay sao? Học thuyết của Ri-các-đô dựa trên nguyên lý là "giá trị tương đối của hàng hoá chỉ do số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra chúng, quy định mà thôi" thì đã có từ năm 1817. Ri-các-đô là thủ lĩnh của cả một trường phái đã thống trị ở nước Anh từ thời kỳ Phục hưng⁴³. Học thuyết Ri-các-đô tóm tắt lại một cách chặt chẽ, nghiêm khắc quan điểm của toàn thể giai cấp tư sản Anh, giai cấp này bản thân nó là hiện thân của giai cấp tư sản hiện đại. "Hậu thế sẽ nói gì về điểm này đây?". Hậu thế sẽ không nói rằng ông Pru-đông không hề hiểu biết Ri-các-đô, vì ông ta đã nói về Ri-các-đô, nói nhiều lắm, ông ta nói lui nói tới đến Ri-các-đô để rồi cuối cùng gọi học thuyết của Ri-các-đô là một "mớ lộn xộn". Nếu một lúc nào đó hậu thế can dự vào vấn đề này thì có lẽ hậu thế sẽ nói rằng ông Pru-đông, vì sợ đụng vào tâm lý ghét người Anh của các bạn đọc của ông ta, đã tình nguyện tự mình làm người phát hành có trách nhiệm những quan niệm của Ri-các-đô. Nhưng dù sao, hậu thế cũng sẽ thấy rằng thật là ngây thơ khi ông Pru-đông lấy cái mà Ri-các-đô đã trình bày một cách khoa học như là lý luận về xã hội hiện thời, về xã hội tư sản để cho đó là "lý luận cách mạng về tương lai", và khi ông ta lấy cái mà Ri-các-đô và trường phái của Ri-các-đô đã trình bày khá lâu trước ông ta như là công thức khoa học về

một mặt duy nhất của sự mâu thuẫn, về *giá trị trao đổi*, để cho đó là cách giải quyết mâu thuẫn giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi. Nhưng chúng ta hãy thôi không nói đến hậu thế nữa, và chúng ta hãy đối chất ông Pru-đông với tiền bối Ri-các-đô của ông ta. Sau đây là vài đoạn của Ri-các-đô tóm tắt học thuyết của ông về giá trị:

"Sự hữu ích không phải là thước đo của *giá trị trao đổi*, mặc dầu nó là tuyệt đối cần thiết cho giá trị trao đổi" (tr. 3, t. I của "Những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị", v.v., do Ph. X. Công-xtăng-xi-ô dịch từ bản tiếng Anh, Pa-ri, 1835).

"Một khi các vật đã được thừa nhận tự bản thân chúng là có ích, thì các vật sẽ có giá trị trao đổi do hai nguồn gốc: do sự khan hiếm của chúng và do số lượng lao động cần thiết để có được chúng. Có những cái mà giá trị chỉ tùy thuộc vào sự khan hiếm của chúng mà thôi. Vì không một lao động nào có thể tăng thêm số lượng của chúng cho nên giá trị của chúng không thể giảm bớt do chúng có nhiều hơn được. Chẳng hạn như những pho tượng hay những bức tranh quý giá, v.v.. Giá trị ấy chỉ tùy thuộc vào sự giàu có, sở thích và hứng thú của những người muốn có những vật như thế" (tr. 4 và 5, t. I, s.d.d.). "Tuy nhiên, những hàng hoá đó chỉ là một phần rất nhỏ trong số những hàng hoá mà người ta trao đổi hàng ngày trên thị trường. Vì số rất lớn những vật mà người ta muốn có là kết quả của lao động, cho nên hễ lúc nào mà người ta muốn sử dụng lao động cần thiết để tạo ra chúng thì người ta cũng đều có thể tăng số lượng của chúng lên, không những là trong một nước, mà là trong nhiều nước, đến một mức độ hầu như là không thể nào giới hạn được" (tr. 5, t. I, s.d.d.). "Vậy khi nào chúng ta nói đến hàng hoá, nói đến giá trị trao đổi của chúng và những nguyên tắc điều tiết giá cả tương đối của chúng, thì tức là chúng ta chỉ nói đến những hàng hoá mà số lượng có thể tăng lên do lao động của con người, mà việc sản xuất ra chúng được sự cạnh tranh kích thích và không bị một trở ngại nào ngăn cản cả" (t. I, tr. 5).

Ri-các-đô dẫn chứng A-đam Xmít, theo ông ta thì A-đam Xmít "đã xác định một cách *rất chính xác* nguồn gốc đầu tiên của mọi giá trị trao đổi" (xem Xmít, q.I, ch. 5⁴⁴). Tiếp đó, Ri-các-đô nói thêm:

Học thuyết nói rằng chính cái đó (tức là thời gian lao động) "là cơ sở của giá trị trao đổi của mọi cái, trừ những cái mà lao động của con người không thể tha hồ làm tăng số lượng lên được, - học thuyết ấy cực kỳ quan trọng trong khoa kinh

tế chính trị; bởi vì không có một cái gì lại sinh ra nhiều sự nhầm lẫn, và nhiều ý kiến khác nhau trong khoa học ấy, - như là tính không chính xác và ý nghĩa mơ hồ mà người ta gán cho chữ "*giá trị*" (t. I, tr. 8). "Nếu như giá trị trao đổi của hàng hoá được quy định bởi số lượng lao động thể hiện trong hàng hoá thì mọi sự tăng thêm về số lượng lao động tất nhiên sẽ làm tăng thêm giá trị của hàng hoá mà lao động đã được hao phí để tạo ra, và mọi sự giảm bớt số lượng lao động ắt phải làm giảm bớt giá trị của nó" (t. I, tr. 8).

Sau đó Ri-các-đô chỉ trích A.Xmít:

1) "Là đã cho giá trị một thước đo khác với lao động, khi thì lấy giá trị của lúa mì, khi thì lấy số lượng lao động mà một vật có thể mua được", v.v. (t. I, tr. 9 và 10).

2) "Là đã chấp nhận nguyên tắc một cách không hạn chế nhưng lại hạn chế sự ứng dụng nguyên tắc ấy chỉ trong phạm vi xã hội ở trạng thái nguyên thủy và thô sơ, trước thời kỳ có tích lũy tư bản và thiết lập quyền sở hữu ruộng đất" (t. I, tr. 21).

Ri-các-đô cố chứng minh rằng quyền sở hữu ruộng đất, nghĩa là địa tô, không thể nào thay đổi giá trị tương đối của nông sản, còn tích lũy tư bản cũng chỉ có một ảnh hưởng tạm thời và không ổn định đối với những giá trị tương đối, những giá trị tương đối này do số lượng lao động so sánh được dùng để sản xuất ra chúng, quy định. Để chứng minh luận đề ấy, ông đã đưa ra học thuyết nổi tiếng của ông về địa tô, phân tích tư bản theo những bộ phận cấu thành của nó, và cuối cùng, chỉ thấy có lao động tích lũy ở trong tư bản mà thôi. Sau đó ông phát triển cả một học thuyết về tiền công và lợi nhuận, và chứng minh rằng tiền công và lợi nhuận tăng và giảm theo tỷ lệ nghịch với nhau, mà không ảnh hưởng gì đến giá trị tương đối của sản phẩm cả. Ông không coi thường ảnh hưởng của tích lũy tư bản và của sự khác nhau về bản chất của tư bản (tư bản cố định và tư bản lưu động), cũng như của mức tiền công, đối với giá trị tỷ lệ của các sản phẩm. Hơn nữa, đó cũng là những vấn đề chủ yếu mà Ri-các-đô quan tâm.

Ông nói rằng "mọi sự tiết kiệm lao động bao giờ cũng làm giảm giá trị tương

đối¹⁾ của một hàng hoá, vô luận đó là sự tiết kiệm lao động cần thiết để chế tạo ra bản thân vật ấy, hay là sự tiết kiệm lao động cần thiết để làm ra tư bản dùng vào việc sản xuất vật ấy cũng vậy" (t. I, tr. 28). "Vì thế cho nên, chừng nào mà một ngày lao động tiếp tục cung cấp cho người này vẫn một số lượng cá như cũ và cung cấp cho người kia vẫn một số thú săn như cũ, thì mức tự nhiên của những giá cả trao đổi của cá và thú săn vẫn luôn luôn giữ nguyên như cũ, bất kể tiền công và lợi nhuận thay đổi như thế nào, và bất kể tất cả những hậu quả của tích lũy tư bản là như thế nào" (t. I, tr. 32). "Chúng ta đã coi lao động như là cơ sở của giá trị các vật, và coi số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra chúng như là mức quy định những số lượng hàng hoá tương ứng mà người ta phải trao đổi để lấy những vật khác; nhưng chúng ta đã không định phủ nhận rằng, trong giá cả thị trường của hàng hoá, có thể có sự lên xuống ngẫu nhiên và tạm thời của giá cả ban đầu và tự nhiên ấy" (t. I, tr. 105, s.d.d.). "Suy đến cùng thì chính là những chi phí sản xuất quy định giá cả của các vật, chứ không phải là, như người ta thường nói, tỷ lệ giữa cung và cầu" (t. II, tr. 253).

Huân tước Lô-đéc-đan đã trình bày những sự thay đổi của giá trị trao đổi theo quy luật cung cầu, hay là quy luật về sự khan hiếm và sự dồi dào so với số cầu. Theo ông, giá trị của một vật có thể tăng lên khi số lượng của nó giảm bớt hay là số cầu về nó tăng lên; giá trị có thể giảm bớt vì số lượng của vật ấy tăng thêm hay vì số cầu giảm bớt. Như vậy, giá trị của một vật có thể thay đổi, vì tác dụng của tám nguyên nhân khác nhau, tức là của bốn nguyên nhân thuộc về bản thân vật đó, và của bốn nguyên

¹⁾ Như ta đã rõ, Ri-các-đô quy định giá trị của hàng hoá bởi "số lượng lao động cần bỏ ra để tạo ra hàng hoá đó". Nhưng hình thức trao đổi lại ngự trị trong bất kỳ phương thức sản xuất nào dựa trên sản xuất hàng hoá, bởi vậy trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thức này dẫn tới việc giá trị tương đối được thể hiện trực tiếp không phải trong số lượng lao động mà là trong số lượng hàng hoá khác nào đó. Giá trị của hàng hoá biểu hiện trong số lượng nhất định của hàng hoá khác (tiền hoặc không phải tiền cũng vậy) được Ri-các-đô gọi là giá trị tương đối của hàng hoá này. - Ph. Ă. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1885*)

nhân thuộc về tiền hay bất cứ hàng hoá nào khác dùng làm thước đo cho giá trị của nó. Sau đây là lý lẽ bác bỏ của Ri-các-đô:

"Giá trị của những sản phẩm mà một tư nhân hay một công ty giữ *độc quyền*, thay đổi theo quy luật mà huân tước Lô-đéc-đan đã đề ra: người ta càng cung cấp nhiều sản phẩm ấy hơn thì chúng càng giảm giá trị, và những người mua càng tỏ ra muốn mua những sản phẩm ấy thì giá trị của chúng lại càng tăng; giá cả của chúng không có một quan hệ tất yếu nào với giá trị tự nhiên của chúng cả. Còn như những vật mà giữa những người bán hàng có sự cạnh tranh lẫn nhau, và số lượng có thể tăng lên vừa phải thì giá cả của chúng cuối cùng là tùy ở sự tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, chứ không phải ở tình hình cung cầu" (t. II, tr. 259).

Chúng tôi xin đề cho bạn đọc tự so sánh lấy giữa lời văn rất chính xác, rất sáng rõ, rất giản đơn của Ri-các-đô với sự cố gắng hành văn khoa trương của ông Pru-đông, để đi đến chỗ quy định giá trị trao đổi bằng thời gian lao động.

Ri-các-đô vạch cho chúng ta thấy sự vận động hiện thực của sản xuất tư sản, sự vận động đó cấu thành giá trị. Ông Pru-đông thì bỏ qua sự vận động hiện thực ấy, ông ta "vắt óc" để tạo ra những biện pháp mới nhằm sắp đặt thế giới theo một công thức tưởng chừng như là mới lạ, kỳ thực nó chỉ là biểu hiện lý luận về sự vận động hiện thực đang tồn tại, mà Ri-các-đô đã trình bày rất rõ ràng rồi. Ri-các-đô xuất phát từ xã hội hiện thời để chứng minh cho chúng ta thấy xã hội hiện thời cấu thành giá trị như thế nào; ông Pru-đông thì lại lấy giá trị cấu thành làm điểm xuất phát để cấu thành một thế giới xã hội mới bằng giá trị ấy. Theo ông Pru-đông, thì giá trị cấu thành phải đi vòng quanh và lại trở nên nhân tố cấu thành đối với một thế giới đã được cấu thành xong xuôi theo phương thức đánh giá ấy. Đối với Ri-các-đô, sự quy định giá trị bằng thời gian lao động là quy luật giá trị trao đổi; đối với ông Pru-đông, nó là sự tổng hợp của giá trị sử dụng và giá trị trao đổi. Học thuyết về giá trị của Ri-các-đô là sự giải thích khoa học về đời sống kinh tế hiện thời; học thuyết về giá trị của ông Pru-đông là sự giải thích không tương về học thuyết của

Ri-các-đô. Ri-các-đô nhận thức chân lý của công thức của ông bằng cách làm cho nó xuất phát từ tất cả mọi quan hệ kinh tế, và dùng cách đó để giải thích tất cả mọi hiện tượng, kể cả những hiện tượng mà, thoạt tiên, tưởng như là mâu thuẫn với công thức ấy, chẳng hạn như địa tô, tích lũy tư bản và tỷ lệ giữa tiền công và lợi nhuận; đó chính là điều làm cho học thuyết của ông trở thành một hệ thống khoa học; ông Pru-đông thì lại - hơn nữa chỉ bằng cách dùng những giả thiết hoàn toàn tùy tiện - là người đã tìm ra công thức ấy của Ri-các-đô, rồi sau đó ông ta mới bắt buộc phải tìm kiếm những sự kiện kinh tế riêng rẽ mà ông ta bắt bẻ và xuyên tạc đi, nhằm làm cho người ta coi đó là những thí dụ, những kiểu ứng dụng sẵn có, những bước đầu thực hiện tư tưởng tân tạo của ông ta. (Xem § 3 của chúng tôi "Sự ứng dụng giá trị cấu thành".)

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang những kết luận mà ông Pru-đông đã rút ra từ giá trị cấu thành (bởi thời gian lao động).

- Một số lượng lao động nào đó, trị giá bằng sản phẩm mà chính số lượng lao động ấy đã tạo ra.

- Bất cứ ngày lao động nào cũng trị giá bằng một ngày lao động khác, nghĩa là, với số lượng bằng nhau, lao động của người này trị giá bằng lao động của người khác: giữa chúng không có một sự khác nhau nào về chất lượng cả. Với số lượng lao động bằng nhau, sản phẩm của người này được trao đổi với sản phẩm của người khác. Tất cả mọi người đều là những người lao động làm thuê, và lại là những người làm thuê đều được trả công bằng nhau nếu làm trong một thời gian lao động bằng nhau. Sự trao đổi được tiến hành trên cơ sở bình đẳng hoàn toàn.

Những kết luận ấy có phải là những kết quả tự nhiên và tất nhiên của giá trị "được cấu thành", hay được quy định bởi thời gian lao động không?

Nếu giá trị tương đối của một hàng hoá được quy định bởi số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra nó, thì kết quả đương

nhiên là giá trị tương đối của lao động, hay tiền công, cũng được quy định bởi số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra tiền công. Vậy tiền công, nghĩa là giá trị tương đối, hay giá cả của lao động, được quy định bởi thời gian lao động cần dùng để sản xuất ra mọi cái cần thiết cho việc nuôi sống người công nhân.

"Anh hãy giảm bớt những chi phí sản xuất mủ đi, rồi giá cả của mủ cuối cùng sẽ giảm bớt tới mức giá cả mới tự nhiên của chúng, mặc dù lượng cầu có thể tăng lên gấp hai, gấp ba hay gấp bốn". "Anh hãy giảm bớt những chi phí để nuôi sống con người, bằng cách giảm bớt giá cả tự nhiên của thức ăn và quần áo là những cái duy trì cuộc sống, anh sẽ thấy rằng tiền công cuối cùng sẽ hạ xuống, mặc dù lượng cầu về lực lượng lao động có thể tăng lên rất nhiều" (Ri-các-đô, t.II, tr.253).

Cổ nhiên, lối nói của Ri-các-đô thật là sống sượng. Đặt ngang hàng những chi phí sản xuất mủ với chi phí nuôi sống con người, tức là biến con người thành cái mủ. Nhưng chớ vội la lối về sự sống sượng đó! Chính hiện thực là sống sượng, chứ không phải những chữ diễn đạt hiện thực ấy. Những nhà văn Pháp, như ông Đrô-dơ, Blăng-ki, Rôt-xi và những người khác, tự hào một cách ngây thơ khi họ tỏ rõ sự hơn hẳn của họ so với các nhà kinh tế học Anh, bằng cách cố giữ lối nói "nhân đạo"; nếu như các nhà văn Pháp chỉ trích Ri-các-đô và trường phái của ông về lối nói sống sượng của họ, đó chính là vì các nhà văn Pháp phật ý khi thấy trình bày những quan hệ kinh tế với tất cả sự sống sượng của chúng, khi thấy những bí mật của giai cấp tư sản bị bóc trần.

Tóm lại: lao động tự nó đã là hàng hoá, với tư cách ấy, nó được đo bằng thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra lao động - hàng hoá. Thế cần phải có gì để sản xuất ra lao động - hàng hoá? Cần có thời gian lao động để sản xuất ra những vật phẩm cần thiết cho việc không ngừng duy trì lao động, nghĩa là làm cho người lao động sống được và có điều kiện duy trì giống nòi của mình. Giá cả tự nhiên của lao động không phải là cái gì khác mà

là mức tiền công¹⁾ tối thiểu. Nếu như giá cả thị trường của tiền công cao hơn giá cả tự nhiên của nó, đó chính là vì quy luật giá trị, mà ông Pru-đông nêu lên thành nguyên tắc, đã bị hậu quả của những sự biến động trong quan hệ cung cầu làm cân bằng đi. Nhưng, dù sao mức tiền công tối thiểu cũng vẫn là trung tâm thu hút các giá cả thị trường của tiền công.

Như vậy, giá trị tương đối, đo bằng thời gian lao động, tai hại thay lại là công thức của chế độ nô lệ hiện đại của người công nhân, chứ không phải, - như ông Pru-đông muốn, - là "lý luận cách mạng" về sự giải phóng giai cấp vô sản.

Bây giờ chúng ta hãy xét xem trong bao nhiêu trường hợp, sự ứng dụng thời gian lao động, với tư cách là thước đo của giá trị, là không phù hợp với sự đối kháng tồn tại giữa các giai cấp và với sự phân phối sản phẩm lao động một cách không bình đẳng giữa người lao động trực tiếp và người chiếm hữu lao động tích lũy.

¹⁾ Luận đề nói rằng giá cả "tự nhiên" nghĩa là giá cả bình thường của sức lao động phù hợp với mức tiền công tối thiểu, nghĩa là tương đương với vật ngang giá của giá trị của các tư liệu sinh hoạt tất yếu cần thiết cho người công nhân sống và duy trì nòi giống của anh ta - lần đầu tiên đã được tôi nêu ra trong "Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị" ("Deutsch-Französische Jahrbücher", Pa-ri, 1844) và trong "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh"⁴⁵. Như mọi người đã thấy trong bài này, khi đó Mác đã chấp nhận luận đề đó. Luận đề này của hai chúng tôi đã được Lát-xan kế thừa. Tuy nhiên, trên thực tế dù cho tiền công có xu hướng thường xuyên xích gần đến mức tối thiểu của nó thì luận đề trên vẫn không đúng. Việc trả công cho sức lao động thông thường ở mức trung bình thấp hơn giá trị của nó cũng không thể thay đổi được giá trị của nó. Trong bộ "Tư bản" Mác đã sửa luận đề nói trên (đoạn: "Mua và bán sức lao động"), đồng thời ông giải thích những điều kiện dẫn tới việc giảm giá cả sức lao động thấp hơn giá trị của nó ngày càng mạnh trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa (chương XXIII: "Quy luật phổ biến của tích lũy tư bản chủ nghĩa"), - Ph. Á (Chủ thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1885).

Chúng ta hãy giả định một sản phẩm nào đó, vải chẳng hạn. Sản phẩm này, vì là một sản phẩm bao hàm số lượng lao động nhất định. Số lượng lao động ấy vẫn luôn luôn như thế, không kể địa vị tương hỗ của những người đã góp phần tạo ra sản phẩm ấy đã thay đổi như thế nào.

Chúng ta hãy lấy một sản phẩm khác mà nói: dạ, giả sử nó đòi hỏi được sản xuất với một số lượng lao động giống như khi sản xuất vải.

Nếu có sự trao đổi giữa các sản phẩm ấy, thì tức là trao đổi những số lượng lao động bằng nhau. Khi trao đổi những số thời gian lao động bằng nhau ấy, người ta không hề thay đổi địa vị tương hỗ của những người sản xuất, cũng như người ta không hề thay đổi gì về mối quan hệ qua lại giữa những người công nhân và những người chủ xưởng với nhau. Nói rằng sự trao đổi ấy của những sản phẩm, mà giá trị của chúng được đo bằng thời gian lao động, đưa đến kết quả là sự trả công bình đẳng giữa tất cả những người sản xuất, - thì tức là giả định rằng sự tham dự bình đẳng vào sản phẩm đã tồn tại trước khi có sự trao đổi rồi. Hãy cho rằng dạ đã trao đổi xong với vải, thế thì những người sản xuất ra dạ sẽ dự phần chia vải theo một tỷ lệ ngang bằng tỷ lệ mà trước đây họ đã dự phần làm ra dạ.

Sự nhầm lẫn của ông Pru-đông là do chỗ ông coi là kết quả cái mà nhiều lắm cũng chỉ có thể là một sự giả định vô căn cứ.

Chúng ta hãy bàn tiếp.

Nếu ta coi thời gian lao động như là thước đo giá trị thì ít ra liệu có thể giả định rằng những ngày lao động đều *ngang giá* với nhau, và ngày lao động của người này trị giá bằng ngày lao động của người kia được không? Không.

Chúng ta hãy tạm thời cho rằng ngày lao động của một người thợ kim hoàn trị giá bằng ba ngày lao động của một người thợ dệt; trong trường hợp đó mọi sự thay đổi giá trị của đồ trang sức

so với vải, - trừ phi đó là kết quả tạm thời của những biến động trong cung và cầu ra thì không kể, - bao giờ cũng là do thời gian lao động dùng vào việc sản xuất vải hay đồ trang sức giảm bớt hay tăng thêm. Giả sử ba ngày lao động của những người lao động khác nhau so sánh với nhau bằng tỷ lệ giữa 1, 2, 3 thì mọi sự thay đổi trong giá trị tương đối của sản phẩm của họ, sẽ là một sự thay đổi theo tỷ lệ 1, 2, 3 ấy. Như vậy, mặc dù giá trị của những ngày lao động khác nhau là không bằng nhau, người ta vẫn có thể đo giá trị theo thời gian lao động được; nhưng, để ứng dụng một thước đo như thế, chúng ta phải có một biểu so sánh giá trị của những ngày lao động khác nhau; chính sự cạnh tranh đã lập ra biểu ấy.

Giờ lao động của anh có giá trị bằng giờ lao động của tôi hay không? Đó là một vấn đề phải giải quyết thông qua cuộc cạnh tranh.

Theo ý kiến một nhà kinh tế học Mỹ, cạnh tranh quy định có bao nhiêu ngày lao động giản đơn chứa đựng trong một ngày lao động phức tạp. Việc quy những ngày lao động phức tạp ra thành những ngày lao động giản đơn lại không giả định rằng người ta lấy chính lao động giản đơn làm thước đo giá trị, hay sao? Nếu chỉ có số lượng lao động dùng làm thước đo cho giá trị, không kể gì đến chất lượng, thì đến lượt nó, điều này cũng giả định rằng lao động giản đơn đã trở thành mẫu chốt của hoạt động sản xuất. Nó giả định rằng các hình thức lao động đã được cào bằng với nhau là do con người bị phụ thuộc vào máy móc hay do phân công lao động đạt đến cực điểm; rằng con người đã bị lao động đẩy xuống hàng thứ yếu; rằng quả lắc của đồng hồ đã trở thành thước đo chính xác của hoạt động đối sánh của hai người công nhân, cũng như nó là thước đo chính xác tốc độ của hai đầu tàu. Thế thì, không nên nói rằng một giờ lao động của một người trị giá bằng một giờ lao động của một người khác, mà đúng hơn nên nói là một người trong một giờ lao động trị giá bằng một người khác cũng trong một giờ lao động. Thời gian là tất cả, con

người không là cái gì cả; nhiều lắm thì con người cũng chỉ là hiện thân của thời gian. Ở đây, không còn có vấn đề chất lượng nữa. Chỉ có số lượng quyết định tất cả: giờ đối với giờ, ngày đối với ngày; nhưng sự cào bằng lao động ấy quyết không phải là công trình của nguyên tắc công bằng vĩnh viễn của ông Pru-đông; chẳng qua nó chỉ là kết quả của công nghiệp hiện đại.

Trong công xưởng sử dụng máy móc, lao động của một người công nhân hầu như không còn phân biệt gì với lao động của một người công nhân khác; những người công nhân chỉ còn có thể phân biệt với nhau bằng số lượng thời gian mà họ dùng vào lao động. Tuy vậy, về một phương diện nào đó, sự khác nhau về số lượng ấy trở thành sự khác nhau về chất lượng, vì thời gian cần cho lao động tùy thuộc một phần vào những nguyên nhân thuần túy vật chất, như là thể chất, tuổi tác, giới tính; một phần tùy thuộc vào những nguyên nhân tinh thần thuần túy tiêu cực, như là tính nhẩn nại, tính bình thân, sự chuyên cần. Cuối cùng, nếu như có một sự khác nhau về chất lượng trong lao động của công nhân, thì nhiều lắm đó cũng chỉ là một phẩm chất thuộc loại phẩm chất xấu nhất, quyết không phải là một đặc tính được. Suy cho cùng, tình hình trong công nghiệp hiện đại chính là như thế. Chính là ở trên sự bình đẳng đã được thực hiện ấy của lao động cơ giới, mà ông Pru-đông đẩy lùi bào "bình quân hoá" của ông ta, sự "bình quân hoá" mà ông ta dự định thực hiện một cách phổ biến trong "thời đại tương lai".

Tất cả những kết luận "bình quân chủ nghĩa" mà ông Pru-đông rút ra từ học thuyết của Ri-các-đô đều dựa trên một sự sai lầm căn bản. Đó là vì ông ta lẫn lộn giá trị của hàng hoá đo bằng số lượng lao động bỏ vào hàng hoá, với giá trị của hàng hoá đo bằng "*giá trị của lao động*". Nếu hai cách đo giá trị hàng hoá ấy không khác gì nhau cả, thì người ta có thể nói một cách có căn cứ như nhau rằng: giá trị tương đối của một hàng hoá nào đó được đo bằng số lượng lao động bỏ vào trong đó; hay là: nó được đo bằng

số lượng lao động mà nó có thể mua được; hay cũng có thể nói: nó được đo bằng số lượng lao động có thể mua được nó. Nhưng sự việc hoàn toàn không phải như thế. Giá trị của lao động không thể nào dùng làm thước đo cho giá trị cũng như là giá trị của bất cứ hàng hoá nào khác. Vài thí dụ cũng đủ để giải thích điều chúng ta vừa nói một cách rõ ràng hơn nữa.

Nếu một mui^{1*} lúa mì trị giá bằng hai ngày lao động chứ không phải là chỉ có một ngày, thì nó sẽ có gấp đôi giá trị ban đầu của nó: nhưng nó không hề huy động một số lượng lao động gấp đôi, bởi vì nó không chứa đựng nhiều chất bổ hơn trước kia. Như vậy, giá trị của lúa mì đo bằng số lượng lao động dùng để sản xuất ra nó sẽ tăng gấp đôi; nhưng nếu được đo bằng số lượng lao động mà nó có thể mua được, hay là bằng số lượng lao động dùng để mua nó, thì nó quyết không thể nào tăng lên gấp đôi được. Mặt khác, nếu cùng một lao động ấy mà sản xuất ra được gấp đôi quần áo so với trước kia, thì giá trị tương đối của quần áo đồng thời sẽ giảm đi một nửa; nhưng dù sao, số lượng quần áo gấp đôi ấy cũng không vì thế mà chỉ còn dùng một nửa số lượng lao động mà thôi, hay nói khác đi, cùng một lao động như thế cũng không thể nào mua được một số lượng gấp đôi quần áo; bởi vì một nửa số quần áo đối với người công nhân vẫn luôn luôn có công dụng như trước kia mà thôi.

Cho nên, quy định giá trị tương đối của sản phẩm bằng giá trị của lao động là trái với các sự thật kinh tế. Như thế là vận động trong một cái vòng luẩn quẩn, là xác định giá trị tương đối bằng một giá trị tương đối khác, mà đến lượt nó, giá trị tương đối này cũng còn cần phải xác định nữa.

Không còn nghi ngờ gì nữa, ông Pru-đông lẫn lộn hai cách đo lường: sự đo lường bằng thời gian lao động cần thiết để sản xuất

^{1*} - đơn vị đo dung tích ở Pháp thời cổ; tương đương với 18 héc-tô-lít khi đóng đo hạt.

ra một hàng hoá, và sự đo lường bằng giá trị của lao động. Ông ta nói: "Lao động của bất cứ người nào cũng có thể mua được giá trị mà lao động đó bao hàm". Như vậy là, theo ông ta, một số lượng lao động nào đó bỏ vào trong một sản phẩm trị giá bằng thù lao của người lao động, nghĩa là bằng giá trị của lao động. Đó cũng là lý do khiến ông ta có thể lẫn lộn chi phí sản xuất với tiền công.

"Tiền công là cái gì? Đó là giá thành của lúa mì, v.v., đó là giá cả đầy đủ của mọi vật. Chúng ta hãy đi xa hơn nữa. Tiền công là tính tỷ lệ của những yếu tố cấu thành ra của cái".

Tiền công là cái gì? Đó là giá trị của lao động.

A-đam Xmit khi thì lấy thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hoá, khi thì lấy giá trị của lao động để làm thước đo giá trị. Ri-các-đô đã bóc trần sai lầm ấy bằng cách nêu rõ sự khác nhau giữa hai cách đo lường ấy. Ông Pru-đông còn làm nghiêm trọng thêm cái sai lầm của A-đam Xmit bằng cách lẫn lộn hai cái làm một, mà A-đam Xmit thì chỉ đặt hai cái bên cạnh nhau mà thôi.

Sở dĩ ông Pru-đông đi tìm một thước đo của giá trị tương đối của hàng hoá, chính là để tìm ra một tỷ lệ đúng đắn, theo tỷ lệ đó những người công nhân tất phải dự phần chia sản phẩm, hay nói cách khác, để quy định giá trị tương đối của lao động. Để quy định thước đo của giá trị tương đối của hàng hoá, ông ta không nghĩ ra cái gì khác hơn là lấy tổng số những sản phẩm mà một số lượng lao động nào đó đã tạo ra để làm một vật ngang giá của số lượng lao động ấy, như thế tức là giả định rằng toàn thể xã hội chỉ bao gồm những người lao động trực tiếp, lĩnh sản phẩm của chính mình dưới dạng tiền công. Ngoài ra, ông ta coi tính chất ngang giá của ngày lao động của những người lao động khác nhau là sự thật tồn tại trên thực tế. Tóm lại, ông ta đi tìm thước đo của giá trị tương đối của hàng hoá, để tìm thấy sự trả công

như nhau của những người lao động, và ông ta coi tiền công ngang nhau là một yếu tố hoàn toàn đã có sẵn, để từ sự ngang nhau này đi tìm giá trị tương đối của hàng hoá. Phép biện chứng ấy thật kỳ diệu biết bao!

"Xây và các nhà kinh tế học đi theo ông ta đã nhận xét rằng vì bản thân lao động là một đối tượng mà giá trị phải được xác định, là một hàng hoá như mọi hàng hoá khác, cho nên nếu lấy lao động làm nguyên tắc và nguyên nhân thực tế của giá trị thì đó chỉ là một cái vòng luẩn quẩn. Xin các nhà kinh tế học ấy cho phép tôi nhận xét rằng, nếu nói như vậy thì họ đã phơi bày một sự vô ý kỳ khôi. Lao động được coi là có *giá trị* không phải vì bản thân nó là hàng hoá, mà là vì hàm ý nói đến những giá trị mà người ta cho là bao hàm ở bên trong nó một cách tiềm tàng. Giá trị của lao động là một cách nói bóng bẩy, một cách đặt nguyên nhân lên trước kết quả. Đó là một điều tưởng tượng, cũng giống như *năng suất của tư bản*. Lao động thì sản xuất, tư bản thì có giá trị... Nói giá trị của lao động là một lối nói giản lược^{1*}... Lao động cũng như tự do... xét về bản chất của nó, là một cái mơ hồ và không xác định, nhưng nó được xác định về mặt chất lượng trong đối tượng của nó, nghĩa là thông qua sản phẩm nó trở thành hiện thực".

"Thế nhưng, có cần phải nhấn mạnh không? Một khi nhà kinh tế học" (xin hiểu: ông Pru-đông) "đổi tên của sự vật, vera rerum vocabula^{2*}", thì chính ông ta hiểu ngầm sự bất lực của mình và tránh thảo luận vấn đề" (Pru-đông, t. I, tr. 188).

Chúng ta đã thấy ông Pru-đông biến giá trị của lao động thành "nguyên nhân thực tế" của giá trị sản phẩm, cho nên đối với ông ta, *tiền công* - tên chính thức của "giá trị của lao động" - làm thành giá cả đầy đủ của mọi cái. Vì thế lý lẽ bác bỏ của Xây làm cho ông lúng túng. Lao động - hàng hoá là một hiện thực đáng sợ, nhưng ông ta lại chỉ cho đó là một lối nói giản lược về văn phạm mà thôi. Vậy, toàn thể xã hội hiện thời xây dựng trên lao động - hàng hoá, từ nay về sau sẽ xây dựng trên một sự phá cách trong văn thơ, trên một cách nói bóng bẩy. Và nếu xã hội muốn "loại bỏ hết thảy mọi cái bất tiện" mà nó phải gánh chịu

^{1*} - vắn tắt, bằng cách bỏ đi một số khâu

^{2*} - những tên thật của các vật

thì nó hãy loại bỏ những danh từ khó nghe đi, nó hãy thay đổi lối nói, và muốn thế nó chỉ cần nhờ đến Viện hàn lâm để yêu cầu Viện hàn lâm cho xuất bản một quyển từ điển mới của Viện là được. Căn cứ vào tất cả những điều chúng ta vừa thấy, chúng ta cũng hiểu được dễ dàng vì sao ông Pru-đông, trong một tác phẩm về môn kinh tế chính trị, đã phải lao vào trong những nghị luận dài dòng về nguồn gốc của từ ngữ và các phần khác của văn phạm. Chẳng hạn, ông ta còn đang tranh luận một cách uyên bác chống quan niệm cũ rích cho rằng chữ *servus*^{1*} bắt nguồn từ chữ *servare*^{2*}. Những nghị luận về chữ nghĩa ấy có một ý nghĩa sâu sắc, một ý nghĩa bí truyền^{3*}, đó là một phần chủ yếu của lập luận của ông Pru-đông.

Lao động^{4*}, vì nó được bán ra và được mua vào, nên nó là một hàng hoá như bất cứ một hàng hoá nào khác và, do đó, nó có một giá trị trao đổi. Nhưng giá trị của lao động, hay lao động với tư cách là hàng hoá, thì sản xuất ra được ở mức độ cũng ít như giá trị của lúa mì - hay lúa mì với tư cách là hàng hoá, - ít có thể dùng làm thức ăn được.

Lao động "có giá trị" nhiều hay ít, là tùy theo giá thực phẩm đắt hay rẻ, tùy theo lượng cung và lượng cầu về lực lượng lao động ở mức độ này hay mức độ khác, v.v. và v.v..

Lao động hoàn toàn không phải là một "cái gì không xác định"; cái mà người ta bán ra và người ta mua vào bao giờ cũng là một lao động nhất định, chứ không bao giờ là lao động nói chung. Không phải chỉ có lao động được xác định về mặt chất lượng bởi

^{1*} - nô lệ

^{2*} - duy trì

^{3*} - thâm kín, chỉ dành cho những người nào đó biết

^{4*} Trong bản Mác viết tặng N.U-ti-na năm 1876, sau chữ "lao động" còn có thêm: "sức lao động". Phần thêm này có trong lần xuất bản bằng tiếng Pháp năm 1896.

khách thể của nó, mà bản thân khách thể cũng được xác định bởi các đặc tính của lao động.

Lao động, vì nó được bán ra và mua vào, nên tự bản thân nó là hàng hoá. Tại sao người ta lại mua nó? "Vì những giá trị mà người ta cho là bao hàm ở bên trong nó một cách tiềm tàng". Nhưng nếu người ta nói rằng cái gì đó là một hàng hoá, thì vấn đề không còn là mục đích mà người ta mua nó nữa, nghĩa là không còn là công dụng mà người ta muốn nó mang lại và không còn là việc định sử dụng nó nữa. Nó là hàng hoá với tư cách là đối tượng mua bán. Tất cả những lý lẽ của ông Pru-đông chung quy chỉ là thế này: người ta không mua lao động như là đối tượng tiêu dùng trực tiếp. Không, tất nhiên người ta mua nó như là công cụ sản xuất, cũng như người ta mua một cái máy vậy. Vì lao động là hàng hoá, nên nó có giá trị, nhưng nó không sản xuất. Ông Pru-đông cũng có thể nói rằng không có hàng hoá gì cả, bởi vì bất cứ hàng hoá nào cũng chỉ được mua vào với một mục đích sử dụng nào đó, chứ không bao giờ vì bản thân nó là hàng hoá cả.

Khi đo giá trị hàng hoá bằng lao động, ông Pru-đông cũng cảm thấy một cách lờ mờ rằng, không thể nào không dùng cái thước đo chung ấy cho lao động, vì lao động cũng có một giá trị, tức là lao động - hàng hoá. Ông ta linh cảm thấy rằng như thế là lấy mức tối thiểu của tiền công làm giá cả tự nhiên và bình thường của lao động trực tiếp, rằng như thế là chấp nhận chế độ xã hội hiện tồn. Cho nên, để tránh khỏi kết quả tai hại ấy, ông ta xoay trở lại và cho rằng lao động không phải là một hàng hoá, rằng lao động không thể có một giá trị. Ông ta quên bẵng đi rằng ông ta đã tự mình lấy giá trị của lao động làm thước đo, ông ta quên bẵng đi rằng toàn bộ học thuyết của ông ta đều dựa trên lao động - hàng hoá, dựa trên lao động là đối tượng mua bán, được bán ra và mua vào, được trao đổi với các sản phẩm, v.v., cuối cùng là dựa trên lao động tạo ra nguồn thu nhập trực tiếp đối với người lao động. Ông ta quên hết thấy.

Để cứu vãn học thuyết của mình, ông ta đã đồng ý hy sinh cơ sở của học thuyết ấy.

Et propter vitam vivendi perdere causas !^{1*}

Bây giờ chúng ta đi đến một sự xác định mới về "giá trị *cấu thành*":

"Giá trị là *quan hệ tỷ lệ* của những sản phẩm cấu thành của cái".

Trước hết, chúng ta hãy chú ý rằng chỉ riêng chữ "giá trị tương đối hay giá trị trao đổi" đã bao hàm ý niệm về một quan hệ nào đó, theo quan hệ này các sản phẩm được trao đổi với nhau. Nếu người ta cho quan hệ ấy cái tên là "quan hệ tỷ lệ", thì người ta đã không thay đổi tí gì về giá trị tương đối cả, ngoài cái tên gọi mà thôi. Sự giảm giá trị cũng như sự nâng cao giá trị của một sản phẩm đều không làm mất đặc tính của nó là phải theo một "quan hệ tỷ lệ" nào đó với những sản phẩm khác cấu thành của cái.

Vậy thì tại sao lại có cái thuật ngữ mới ấy, nó không mang lại một khái niệm gì mới cả?

"Quan hệ tỷ lệ" làm cho người ta nghĩ đến nhiều quan hệ kinh tế khác, như tính tỷ lệ của sản xuất, tỷ lệ đúng đắn giữa cung và cầu v.v., và ông Pru-đông cũng đã nghĩ đến tất cả những cái đó khi ông ta đề ra cái lối giải thích kiểu sự phạm ấy về giá trị trao đổi.

Thứ nhất là, vì giá trị tương đối của các sản phẩm là do số lượng so sánh của lao động dùng vào việc sản xuất ra mỗi một sản phẩm quy định, nên quan hệ tỷ lệ, ứng dụng vào trường hợp đặc biệt này, có nghĩa là lượng tương đối của những sản phẩm có thể chế tạo ra trong một thời gian nhất định và, do đó, được trao đổi với nhau.

^{1*} - Và vì muốn sống, mà bỏ đi cái cội rễ của cuộc sống! (Giu-vê-nan, "Những bài thơ trào phúng").

Hãy xem ông Pru-đông rút ra cái gì từ quan hệ tỷ lệ ấy.

Ai cũng biết rằng, khi cung và cầu cân đối với nhau, thì giá trị tương đối của một sản phẩm nào đó là do số lượng lao động bỏ vào đó quy định một cách chính xác, nghĩa là giá trị tương đối ấy biểu thị quan hệ tỷ lệ theo đúng nghĩa mà chúng ta vừa giải thích. Ông Pru-đông đã đảo lộn trình tự của sự vật. Ông ta nói: các anh hãy bắt đầu làm việc đo giá trị tương đối của một sản phẩm bằng số lượng lao động bỏ vào đó đi, thì tất nhiên cung và cầu sẽ cân đối với nhau ngay. Sản xuất sẽ phù hợp với tiêu dùng, sản phẩm sẽ luôn luôn có thể trao đổi được mà không gặp trở ngại gì. Giá cả thị trường của nó sẽ biểu thị giá trị thật sự của nó một cách chính xác. Đáng lẽ phải nói như mọi người rằng: khi trời đẹp, người ta thấy nhiều người đi dạo chơi, thì ông Pru-đông lại bảo người ta đi dạo chơi để có thể bảo đảm trời đẹp cho người ta.

Cái mà ông Pru-đông lấy làm kết quả của cái giá trị trao đổi, mà thời gian lao động đã quy định một cách tiên nghiệm, chỉ có thể chứng minh bằng một quy luật đại để như thế này:

Từ nay về sau các sản phẩm sẽ được trao đổi hoàn toàn theo thời gian lao động mà chúng đã hao phí. Mặc dù tỷ lệ giữa cung và cầu là như thế nào chẳng nữa, sự trao đổi hàng hoá vẫn luôn luôn tiến hành như là chúng đã được sản xuất ra một cách tỷ lệ với số cầu. Ông Pru-đông hãy cứ đảm nhận lấy việc nêu lên và làm ra một quy luật như thế đi, trong trường hợp đó chúng ta sẽ không yêu cầu ông ta phải chứng minh. Trái lại, nếu như ông ta vẫn muốn chứng minh học thuyết của mình, không phải với tư cách là nhà lập pháp, mà là nhà kinh tế học, thì ông ta cần phải chứng minh rằng *thời gian* cần thiết để tạo ra một hàng hoá biểu thị một cách đúng đắn mức độ *hữu ích* của nó và chỉ rõ quan hệ tỷ lệ của nó với số cầu và, do đó, với toàn bộ của cái. Trong trường hợp ấy, nếu một sản phẩm được bán ra theo một giá cả

bằng chi phí sản xuất của nó, thì cung và cầu luôn luôn sẽ cân đối với nhau; bởi vì giả định rằng chi phí sản xuất được coi như là biểu thị quan hệ thực giữa cung và cầu.

Thật ra, ông Pru-đông cố chứng minh rằng thời gian lao động cần thiết để tạo ra một sản phẩm biểu thị tỷ lệ đúng đắn của nó so với nhu cầu, thành thử những cái mà sản xuất hao phí ít thời gian nhất, là những cái trực tiếp có ích nhất, và cứ như thế mà tiếp tục. Theo học thuyết ấy thì chi việc sản xuất ra một xa xỉ phẩm nào đó cũng đã chứng minh được rằng xã hội có thời gian dư thừa cho phép nó thoả mãn một nhu cầu xa xỉ nhất định.

Về bằng chứng cho luận điểm của mình, ông Pru-đông có ngay bằng chứng ấy khi nhận xét rằng những vật có ích nhất đều đòi hỏi ít thời gian sản xuất nhất, rằng xã hội bao giờ cũng bắt đầu từ những ngành sản xuất dễ dàng nhất, và từng bước, xã hội "đi vào sản xuất những vật hao phí nhiều thời gian lao động nhất và phù hợp với những nhu cầu cao hơn".

Ông Pru-đông đã lấy thí dụ của ông Duy-noay-ê về công nghiệp khai thác, - hái lượm, chăn nuôi, săn bắn, đánh cá, v.v., - đó là các ngành công nghiệp giản đơn nhất, ít tốn kém nhất và con người đã bắt đầu từ đó ngay "ngày đầu tiên của sự sáng tạo lần thứ hai ra nó". Ngày đầu tiên của sự sáng tạo lần thứ nhất ra nó được ghi trong Sáng thế ký. Sáng thế ký cho ta thấy rằng Thượng đế là nhà công nghiệp đầu tiên của thế giới.

Trên thực tế, sự việc đã diễn ra khác hẳn điều mà ông Pru-đông nghĩ. Ngay buổi đầu của nền văn minh, sản xuất đã bắt đầu xây dựng trên sự đối kháng giữa các đẳng cấp, các tầng lớp, các giai cấp, cuối cùng, trên sự đối kháng giữa lao động tích lũy và lao động trực tiếp. Không có đối kháng thì không có tiến bộ. Đó là quy luật mà nền văn minh đã tuân theo cho đến ngày nay. Cho

đến ngày nay lực lượng sản xuất đã phát triển nhờ có chế độ đối kháng giai cấp ấy. Nếu bây giờ lại nói rằng, bởi vì tất cả mọi nhu cầu của tất cả những người lao động đã được thoả mãn, nên người ta có thể tiến hành công việc tạo ra những sản phẩm cao cấp hơn, tiến hành những ngành công nghiệp phức tạp hơn, thì như vậy tức là không đếm xỉa gì đến đối kháng giai cấp và là đảo lộn toàn bộ quá trình phát triển lịch sử. Chẳng khác nào người ta muốn nói rằng, bởi vì người ta nuôi cá chình trong những ao nhân tạo, dưới thời các hoàng đế La Mã, nên người ta đã có thực phẩm để nuôi sống một cách dồi dào toàn thể dân cư La Mã; thực ra thì trái hẳn lại, nhân dân La Mã không có đủ tiền để mua bánh mì, và những nhà quý tộc La Mã thì không thiếu người nô lệ để đưa họ làm thức ăn cho cá chình.

Giá cả thực phẩm đã tăng lên gần như một cách liên tục, còn giá cả công nghiệp phẩm và xa xỉ phẩm đã hạ xuống gần như một cách liên tục. Lấy bản thân nông nghiệp mà nói: những vật phẩm cần thiết nhất, như lúa mì, thịt v.v., đều tăng giá, còn bông, đường, cà phê, v.v., thì không ngừng hạ giá theo một tỷ lệ kinh người. Và ngay trong số những thực phẩm thực thụ thì những xa xỉ phẩm như rau ác-ti-sô, măng tây, v.v., ngày nay lại tương đối rẻ hơn những thực phẩm cần thiết nhất. Trong thời đại chúng ta, cái dư thừa để sản xuất hơn cái cần thiết. Cuối cùng, trong những thời đại lịch sử khác nhau, những quan hệ tương hỗ của giá cả không những là khác nhau, mà còn trực tiếp đối lập với nhau nữa. Trong suốt cả thời trung cổ, sản phẩm nông nghiệp tương đối rẻ hơn sản phẩm công nghiệp; trong thời cận đại, chúng theo tỷ lệ ngược với nhau. Phải chăng vì thế mà, từ thời trung cổ tính hữu ích của sản phẩm nông nghiệp đã giảm bớt?

Việc sử dụng sản phẩm là do những điều kiện xã hội của những người tiêu dùng quyết định, và bản thân những điều kiện ấy thì lại dựa trên đối kháng giai cấp.

Bông, khoai tây và rượu mạnh là những vật phẩm được dùng

rộng rãi nhất. Khoai tây đã sản sinh ra bệnh tràng nhạc; bông đã đánh đuổi phần lớn lanh và len, mặc dù, trong nhiều trường hợp, len và lanh có một ích lợi lớn hơn bông, dù chỉ là về mặt vệ sinh; cuối cùng, rượu mạnh đã thắng bia và rượu vang, mặc dù rượu mạnh dùng làm thực phẩm được mọi người công nhận là một thứ thuốc độc. Trong suốt cả một thế kỷ, các chính phủ đã ủng hộ công đấu tranh chống thứ thuốc phiện này của châu Âu; nhưng kinh tế đã thắng, - nó buộc sự tiêu dùng phải tuân theo những quy luật của nó.

Vậy thì tại sao bông, khoai tây và rượu mạnh lại là những cột trụ của xã hội tư sản? Bởi vì, để sản xuất ra chúng, cần dùng ít lao động nhất, và do đó giá cả của chúng cũng hạ nhất. Tại sao mức tối thiểu của giá cả lại quy định mức tối đa của sự tiêu dùng? Phải chăng là do tính hữu ích tuyệt đối của những vật phẩm ấy, tính hữu ích cố hữu của chúng, tính hữu ích của chúng về mặt chúng có thể thoả mãn đầy đủ nhất những nhu cầu của người công nhân với tư cách là con người, chứ không phải của con người với tư cách là công nhân? Không, đó chính là vì, trong một xã hội dựa trên *sự khốn cùng*, những sản phẩm *khốn khổ* nhất lại có cái ưu thế tất yếu là phục vụ cho tiêu dùng của đại đa số quần chúng.

Nếu bây giờ nói: vì những cái rẻ tiền nhất thì được sử dụng nhiều nhất, nên chúng phải có ích lớn nhất, thì cũng tức là nói: việc sử dụng rượu mạnh rất rộng rãi, do chi phí sản xuất ra nó ít, là bằng chứng xác thực nhất về tính hữu ích của nó; cũng như là nói với người vô sản rằng khoai tây đối với anh ta bổ hơn thịt; tức là chấp nhận tình hình hiện thời; cuối cùng, tức là, cùng với ông Pru-đông, ca tụng một xã hội mà không hiểu biết xã hội ấy.

Trong một xã hội tương lai, trong đó đối kháng giai cấp đã chấm dứt, giai cấp không còn nữa, thì sự tiêu dùng không còn do *mức tối thiểu* của thời gian sản xuất quyết định; ngược lại, thời

gian sản xuất xã hội mà người ta dành cho những vật phẩm khác nhau sẽ do mức độ hữu ích cho xã hội của chúng quyết định.

Tuy nhiên, chúng ta hãy trở lại với luận điểm của ông Pru-đông. Nếu thời gian lao động cần thiết cho việc sản xuất ra một vật phẩm hoàn toàn không biểu thị mức độ hữu ích của nó, thì giá trị trao đổi của cùng một vật phẩm ấy, do thời gian lao động bỏ vào đó đã quyết định trước rồi, sẽ không bao giờ có thể điều tiết được tỷ lệ đúng đắn giữa cung với cầu, tức là quan hệ tỷ lệ theo nghĩa mà ông Pru-đông hiện gán cho chữ ấy.

Hoàn toàn không phải là việc bán một sản phẩm nào đó theo giá cả của những chi phí sản xuất của nó, cấu thành nên "quan hệ tỷ lệ" giữa cung và cầu, tức là phần tỷ lệ của sản phẩm đó trong toàn bộ nền sản xuất; mà chính là những *biến động của cung và cầu* đã chỉ cho người sản xuất biết số lượng phải sản xuất ra một hàng hoá nhất định để ít ra cũng có thể thu hồi lại được các chi phí sản xuất. Và vì những biến động ấy xảy ra liên tục, nên trong các ngành công nghiệp khác nhau, cũng liên tục diễn ra việc rút vốn ra và bỏ vốn vào.

"Chính là người ta chỉ căn cứ vào tình hình biến động như thế để bỏ tư bản vào việc sản xuất những hàng hoá khác nhau mà thị trường yêu cầu, theo *tỷ lệ* thích đáng, chứ không quá. Do giá cả tăng hay giảm mà lợi nhuận tăng lên quá mức phổ biến của nó hay hạ xuống dưới mức phổ biến ấy, và do đó tư bản được bỏ vào một ngành sản xuất cá biệt hay rút ra khỏi ngành đó tùy theo sự biến động này hay biến động kia xảy ra trong ngành sản xuất ấy". - "Nếu chúng ta xem xét thị trường của những thành phố lớn thì chúng ta sẽ thấy những thị trường ấy được cung cấp một cách đều đặn biết bao về đủ thứ hàng hoá ở trong nước hay của nước ngoài, theo số lượng cần thiết, dù số cầu về những hàng hoá ấy có khác nhau đến mấy chăng nữa, do hứng thú và sở thích khác nhau hay là do số dân thay đổi, mà không phải thường có nạn ứ hàng vì cung cấp quá nhiều, cũng như nạn đắt đỏ quá đáng vì cung không đủ so với cầu; người ta phải thừa nhận rằng nguyên tắc phân phối tư bản trong mỗi ngành công nghiệp, theo *những tỷ lệ hết sức thích đáng*, mạnh hơn là người ta thường tưởng" (Ri-các-đô, t. I, tr. 105 và 108).

Nếu ông Pru-đông thừa nhận giá trị sản phẩm là do thời gian

lao động quy định, thì ông ta cũng phải thừa nhận rằng chỉ có sự vận động lên xuống trong những xã hội dựa trên trao đổi cá nhân là nhân tố duy nhất biến thời gian lao động trở thành thước đo của giá trị. Không có "quan hệ tỷ lệ" được cấu thành sẵn, mà chỉ có một sự vận động cấu thành quan hệ đó.

Chúng ta vừa thấy rằng phải nói đến "tính tỷ lệ" như là một kết quả của giá trị do thời gian lao động quy định, theo nghĩa như thế nào thì mới đúng. Bây giờ chúng ta sẽ thấy cái thước đo giá trị bằng thời gian ấy, mà ông Pru-đông gọi là "quy luật về tính tỷ lệ", chuyển hoá thành quy luật *phi tỷ lệ* như thế nào.

Bất cứ một phát minh mới nào cho phép người ta sản xuất trong một giờ cái mà trước đây sản xuất trong hai giờ, cũng đều làm giảm giá trị tất cả những sản phẩm cùng loại có trên thị trường. Cuộc cạnh tranh bắt buộc người sản xuất phải bán sản phẩm của hai giờ không được đắt hơn sản phẩm của một giờ. Cạnh tranh thực hiện quy luật theo đó giá trị tương đối của một sản phẩm là do thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra nó quy định. Như vậy thời gian lao động dùng làm thước đo cho giá trị trao đổi trở thành quy luật không ngừng *giảm giá* lao động. Không chỉ có thế mà thôi. Sự giảm giá phổ biến không những xảy ra với hàng hoá đưa ra thị trường, mà còn xảy ra với cả những công cụ sản xuất và với toàn bộ xương máy nữa. Điều đó đã được Ri-các-đô vạch ra khi ông nói:

"Bằng cách làm cho sản xuất không ngừng được dễ dàng hơn, chúng ta không ngừng làm cho giá trị của một vài vật phẩm sản xuất ra trước đây giảm xuống" (t. II, tr. 59).

Xi-xmôn-đi còn đi xa hơn nữa. Ông ta thấy "giá trị được cấu thành" bởi thời gian lao động ấy là nguồn gốc của tất cả những mâu thuẫn của công nghiệp và thương nghiệp hiện đại.

"Ông ta nói rằng, giá trị trao đổi, suy đến cùng, bao giờ cũng được quy định theo số lượng lao động cần thiết để có được vật phẩm đó; không phải số lượng lao động hiện được hao phí để làm ra vật phẩm mà là số lượng lao động từ nay được

hao phí để làm ra vật phẩm với những tư liệu sản xuất có lẽ hoàn thiện hơn; và số lượng ấy, tuy là khó xác định chính xác, luôn luôn do cuộc cạnh tranh xác lập một cách sát đúng... Chính là dựa trên cơ sở đó mà người ta tính lượng cầu về giá cả của người bán cũng như lượng cung về giá cả của người mua. Người bán có lẽ quả quyết rằng vật phẩm đã tốn phí mười ngày lao động, nhưng nếu người mua cho rằng vật phẩm ấy từ nay có thể làm trong tám ngày lao động, nếu cuộc cạnh tranh đem lại được bằng chứng như thế cho cả hai người, thì giá trị sẽ giảm xuống còn tám ngày, và giá cả thị trường sẽ xác lập chỉ ở mức đó mà thôi. Quả là cả hai người giao dịch đều hiểu rõ rằng vật phẩm là có ích, người ta muốn có vật phẩm ấy, và nếu không có nhu cầu về vật phẩm ấy thì đã chẳng có việc bán ra, thế nhưng việc định giá vật phẩm không giữ một quan hệ nào với tính hữu ích của nó cả" ("*Khái luận*" v.v., t.II, tr.267, xuất bản ở Bruy-xen).

Một điều rất quan trọng cần phải chú ý là cái quy định giá trị của vật phẩm không phải là thời gian sản xuất ra nó, mà là thời gian *tối thiểu* có khả năng sản xuất ra vật phẩm ấy, và mức tối thiểu ấy do cuộc cạnh tranh xác định. Hãy tạm thời giả định rằng không còn có cạnh tranh nữa và do đó không còn có cách nào để xác định mức tối thiểu của lao động cần thiết cho việc sản xuất ra một vật phẩm, thì lúc đó tình hình sẽ như thế nào? Theo học thuyết của ông Pru-đông, chỉ cần bỏ ra sáu giờ lao động để sản xuất một vật phẩm là người ta có quyền đòi người khác đổi cho mình sáu lần nhiều hơn so với người chỉ bỏ ra một giờ để sản xuất ra cùng một vật phẩm ấy.

Chúng ta thấy một quan hệ phi tỷ lệ chứ không phải là một "quan hệ tỷ lệ" nữa, nếu chúng ta vẫn nhất thiết muốn ở trong lĩnh vực những quan hệ bất kỳ, tốt hay xấu.

Việc không ngừng giảm giá trị lao động chỉ là một mặt, một kết quả của sự đánh giá hàng hoá theo thời gian lao động. Tình trạng giá cả nâng cao quá đáng, sản xuất quá thừa và nhiều hiện tượng hỗn loạn khác trong sản xuất, đều có thể giải thích bằng phương thức đánh giá ấy.

Thế nhưng, việc lấy thời gian lao động làm thước đo cho giá

trị - điều làm cho ông Pru-đông rất thích thú, liệu có sản sinh ra nhiều về tỷ lệ khác nhau của các sản phẩm hay không?

Trái hẳn lại, đi theo sau tình trạng này, sự độc quyền với cả tính chất đơn điệu tẻ nhạt của nó đã đến xâm nhập trong lĩnh vực các sản phẩm, cũng giống như - cái mà ai cũng thấy và cũng biết - sự độc quyền đã xâm nhập trong lĩnh vực các công cụ sản xuất vậy. Chỉ có vài ngành công nghiệp, như công nghiệp vải bông, là tiến bộ rất nhanh chóng. Kết quả tự nhiên của sự tiến bộ ấy là sản phẩm của công nghiệp vải bông, chẳng hạn, hạ giá nhanh chóng; nhưng giá bông càng hạ xuống thì giá lanh lại càng lên cao so với giá bông. Kết quả sẽ như thế nào? Bông sẽ thay thế lanh. Như vậy lanh đã bị gạt ra khỏi hầu hết ở Bắc Mỹ. Thế là bông đã ngự trị, chứ không phải là nhiều về tỷ lệ của các sản phẩm.

Vậy, về cái "quan hệ tỷ lệ" ấy còn lại cái gì nữa? Chẳng còn gì, ngoài nguyện vọng của một người lương thiện, muốn rằng các hàng hoá được sản xuất theo những tỷ lệ như thế nào đó để chúng có thể bán ra theo giá cả công bằng. Bao giờ cũng vậy, những người tư sản tốt bụng và những nhà kinh tế học từ thiện, cũng đều thích nói ra cái nguyện vọng ngây thơ ấy.

Ta hãy nhường lời cho ông già *Boa-ghin-be*:

"Ông ta nói, giá cả các hàng hoá phải luôn luôn theo *tỷ lệ*, vì chỉ có sự hoà hợp đó mới làm cho các hàng hoá có thể cùng tồn tại được, *bất cứ lúc nào cũng trao đổi cho nhau được*" (khả năng trao đổi không ngừng, theo ông Pru-đông, là như thế đó), "và mới làm cho các hàng hoá luôn luôn tái sản xuất lẫn nhau được... vì của cải không phải là cái gì khác ngoài sự trao đổi không ngừng giữa người với người, xí nghiệp với xí nghiệp, v.v., cho nên thật là mù quáng ghê gớm nếu như người ta muốn đi tìm nguồn gốc của sự khốn cùng ở chỗ khác chứ không phải ở việc phá vỡ sự trao đổi như thế, một sự phá vỡ xảy ra do các tỷ lệ của giá cả bị sai lệch đi" ("Luận văn về bản chất sự giàu có", Nhà xuất bản Đe-ơ⁴⁶).

Ta hãy nghe một nhà kinh tế học hiện đại nữa:

"Một quy luật quan trọng mà người ta phải ứng dụng vào sản xuất là *quy luật tỷ*

lệ (the law of proportion), chỉ có quy luật ấy mới có thể duy trì tính bất biến của giá trị... Vật ngang giá phải được bảo đảm... Trong những thời kỳ khác nhau, tất cả các nước đều dùng nhiều quy định và hạn chế về thương mại để cố thực hiện, đến một mức độ nào đó, quy luật tỷ lệ ấy; nhưng tính ích kỷ, vốn là bản tính của con người, đã xui khiến con người đảo lộn tất cả cái chế độ điều tiết ấy. Một nền sản xuất cân đối (proportionate production), đó là sự thực hiện của khoa học kinh tế xã hội chân chính", (U.Át-kin-xơn. "Những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị", Luân Đôn, 1840, tr. 170 - 195⁴⁷).

Fuit Troja^{1*}! Cái tỷ lệ đúng đắn ấy giữa cung và cầu - bây giờ nó lại là đối tượng của bao nhiêu điều mong ước, - từ lâu đã không còn nữa. Nó đã trở thành cũ kỹ mất rồi. Nó chỉ có thể tồn tại vào những thời đại mà các tư liệu sản xuất rất có hạn, mà sự trao đổi tiến hành trong những phạm vi cực kỳ nhỏ hẹp. Với việc sản sinh ra đại công nghiệp, tỷ lệ đúng đắn ấy tất phải chấm dứt, và sản xuất tất nhiên buộc phải không ngừng lần lượt trải qua các giai đoạn phồn vinh, suy thoái, khủng hoảng, đình trệ, rồi lại phồn vinh, v.v., theo những quy luật của tự nhiên.

Những người, như Xi-xmôn-đi, muốn trở về tính tỷ lệ đúng đắn trong sản xuất mà vẫn duy trì những cơ sở hiện thời của xã hội, đều là phản động, bởi vì, để được triệt để, họ tất cũng muốn khôi phục lại tất cả những điều kiện khác của công nghiệp của thời đại đã qua.

Cái gì giữ sản xuất theo những tỷ lệ đúng đắn hay gần đúng đắn? Chính là cầu, cầu chi phối cung và đi trước cung. Sản xuất đi theo từng bước sự tiêu dùng. Chính những công cụ mà đại công nghiệp sử dụng bắt buộc đại công nghiệp phải sản xuất trên những quy mô ngày càng rộng lớn, cho nên đại công nghiệp không còn có thể chờ đợi cầu được nữa. Sản xuất đi trước cầu, cung cưỡng bức chế ngự cầu.

Trong xã hội hiện thời, trong nền công nghiệp dựa trên sự trao

^{1*} - Thành Tơ-roa không còn nữa !

đổi cá nhân, trạng thái vô chính phủ của sản xuất là nguồn gốc của bao nhiêu sự nghèo khổ, đồng thời cũng là nguồn gốc của mọi sự tiến bộ.

Vậy thì chỉ có một trong hai điều:

hoặc là anh muốn có những tỷ lệ đúng đắn của những thế kỷ đã qua với những tư liệu sản xuất của thời đại chúng ta, như vậy thì anh vừa là phản động vừa là không tưởng.

hoặc là anh muốn có sự tiến bộ mà không có trạng thái vô chính phủ; như vậy thì, để duy trì các lực lượng sản xuất, anh hãy bỏ những việc trao đổi cá nhân đi.

Sự trao đổi cá nhân chỉ phù hợp với nền công nghiệp nhỏ của những thế kỷ đã qua, và với "tính tỷ lệ đúng đắn" của riêng nó, hoặc là chỉ phù hợp với nền đại công nghiệp và với cả cái bầu đoàn khổ cùng và trạng thái vô chính phủ đi theo nó.

Tóm lại, sự quy định giá trị theo thời gian lao động, tức là công thức mà ông Pru-đông đề ra cho chúng ta như là công thức tái tạo tương lai như vậy chẳng phải là cái gì khác, mà chỉ là biểu hiện khoa học của những quan hệ kinh tế của xã hội hiện thời, như Ri-các-đô đã chứng minh một cách rõ ràng và cụ thể trước ông Pru-đông khá lâu rồi.

Thế nhưng, phải chăng là ít ra thì sự ứng dụng "*binh quân chủ nghĩa*" công thức ấy cũng là công lao của ông Pru-đông ? Phải chăng ông ta là người đầu tiên đã nghĩ ra việc cải tạo xã hội bằng cách biến tất cả mọi người thành những người lao động trực tiếp, trao đổi cho nhau những số lượng lao động bằng nhau? Phải chăng chính ông ta là người có nhiệm vụ chỉ trích những người cộng sản - những người không hiểu biết tí gì ấy về khoa kinh tế chính trị, những "người ngu xuẩn không thể cải hoá được" ấy, những "người mơ mộng thiên đường" ấy - là đã không tìm ra được trước ông ta cái "giải pháp ấy của vấn đề giai cấp vô sản"?

Những ai đã hiểu biết ít nhiều về sự phát triển của khoa kinh tế chính trị ở nước Anh, đều không thể không biết rằng hầu hết những người xã hội chủ nghĩa ở nước ấy, trong những thời kỳ khác nhau, đã đề nghị áp dụng học thuyết Ri-các-đô một cách bình quân chủ nghĩa. Chúng ta có thể chỉ ra cho ông Pru-đông: "Khoa kinh tế chính trị" của Hôt-xkin, 1827⁴⁸, các tác phẩm: Uy-li-am, Tô-m-xơn, "Nghiên cứu về những nguyên lý phân phối của cải góp phần lớn nhất cho hạnh phúc của con người", 1824; T.R.Ét-mơn-xơ "Kinh tế thực tiễn, đạo đức và chính trị", 1828⁴⁹, v.v., và còn bốn trang tên các tác phẩm loại đó. Chúng ta chỉ cần nhường lời cho một *người cộng sản* Anh là ông Brây cũng đủ. Chúng ta hãy rút ra những đoạn có tính chất quyết định của tác phẩm đáng chú ý của ông "Sự bất bình đẳng trong lao động và những biện pháp nhằm xoá bỏ nó", Lít-xơ, 1839⁵⁰, và chúng ta sẽ dừng lại ở đó khá lâu, trước hết là vì ở Pháp người ta ít biết đến ông Brây, sau nữa là vì chúng tôi tưởng đã tìm thấy trong những tác phẩm của nhà văn này cái chìa khoá của những tác phẩm trước đây, hiện nay và sau này của ông Pru-đông.

"Biện pháp duy nhất để đạt tới chân lý, trước hết chính là đề cập ngay đến những nguyên tắc cơ bản. Chúng ta hãy lập tức đi ngược trở về nguồn gốc sinh ra bản thân các chính phủ. Đi về nguồn gốc sự vật như thế, chúng ta sẽ thấy rằng mọi hình thức cai trị, mọi bất công xã hội và chính trị đều bắt nguồn từ chế độ xã hội hiện hành - từ *chế độ sở hữu với hình thái hiện đại của nó* (the institution of property as it at present exists). Bởi vậy, muốn vĩnh viễn chấm dứt những sự bất công và khổ cùng ngày nay, phải *đánh đổ hoàn toàn chế độ xã hội hiện nay*... Đã kích những nhà kinh tế học trên lĩnh vực riêng của họ và với những vũ khí riêng của họ, chúng ta sẽ tránh được sự nói suông vô nghĩa về những *nhà mộng tưởng* và những *nhà khổng luận* mà họ luôn luôn sẵn sàng dùng tới. Nếu họ không muốn phủ nhận hay bác bỏ những chân lý và nguyên tắc đã được công nhận, mà họ dựa vào để làm cơ sở cho những luận cứ riêng của họ thì họ sẽ không thể nào gạt bỏ được những kết luận mà chúng ta đi đến bằng phương pháp ấy" (Brây, tr. 17 và 41). "*Chỉ có lao động mới tạo nên giá trị* (It is labour alone which bestows value)... Mỗi người đều có một quyền lợi không thể tranh cãi được đối với tất cả những cái gì mà lao

động lương thiện của người đó có thể làm ra. Chiếm hữu kết quả của lao động của mình như vậy, người ấy không phạm một sự bất công nào đối với những người khác; bởi vì người ấy không hề xâm lấn vào quyền lợi của bất cứ người nào khác, mà người khác này cũng được hành động như thế... Tất cả những khái niệm về bề trên và bề dưới, về chủ và người làm thuê, đều sinh ra do chỗ người ta đã coi thường những nguyên tắc cơ bản, và do chỗ, vì lẽ đó mà nảy ra *tình trạng không bình đẳng* về tài sản (and to the consequent rise of inequality of possessions). Chừng nào tình trạng không bình đẳng ấy còn được duy trì, thì sẽ không thể nào nhổ sạch được những tư tưởng như thế hay đánh đổ được những thể chế dựa trên những tư tưởng ấy. Từ trước đến nay, nhiều người vẫn có cái hy vọng hão là cứu chữa được một tình trạng trái với tự nhiên, như tình trạng ngày nay, bằng cách xoá bỏ *tình trạng không bình đẳng hiện hành* mà đồng thời không dả động gì đến *nguyên nhân* của tình trạng ấy; nhưng rồi đây chúng ta sẽ chứng minh rằng chính phủ không phải là một nguyên nhân, mà là một kết quả, chính phủ không tạo ra kết quả đó, mà ngược lại, cái được tạo ra - tóm lại, nó là *kết quả của tình trạng không bình đẳng về tài sản* (the offspring of inequality of possessions), và tình trạng không bình đẳng về tài sản gắn liền với chế độ xã hội hiện thời" (Brây, tr. 33, 36 và 37).

"Chế độ bình đẳng không những có tính ưu việt lớn nhất, mà còn có sự công bằng nghiêm ngặt nữa... Mỗi người là một mắt xích, và hơn nữa là một mắt xích không thể thiếu được trong dây chuyền những kết quả, dây chuyền ấy bắt đầu từ một quan niệm nào đó, để rồi có lẽ đưa đến việc sản xuất một tấm dạ. Vậy, không thể vì những sở thích của chúng ta không giống nhau đối với những nghề khác nhau mà kết luận rằng lao động của người này phải được thù lao hơn lao động của người khác. Ngoài phần thưởng chính đáng bằng tiền ra, người phát minh bao giờ cũng nhận cái phần thưởng là được chúng ta khen ngợi, sự khen ngợi mà chúng ta chỉ dành cho thiên tài...

Do chính bản chất của lao động và của sự trao đổi, lẽ công bằng nghiêm ngặt đòi hỏi tất cả mọi người trao đổi không những là *cùng* có lợi mà còn có lợi *bằng nhau* nữa (all exchangers should be not only *mutually* but they should likewise be *equally* benefited). Chỉ có hai cái mà người ta có thể trao đổi cho nhau được, đó là: lao động và sản phẩm của lao động. Nếu sự trao đổi tiến hành theo một chế độ công bằng, thì giá trị của tất cả các sản phẩm sẽ do *toàn bộ những chi phí sản xuất của chúng* quy định, và *những giá trị bằng nhau luôn luôn trao đổi với những giá trị bằng nhau*. (If a just system of exchanges were acted upon, the value of all articles would be determined by the entire cost of production, and equal values should always exchange for equal values). Nếu như, chẳng hạn, một người làm mũ bỏ ra một ngày

lao động để làm một cái mũ, và người đóng giày cũng bỏ ra một thời gian như thế để làm một đôi giày (giả định rằng nguyên liệu mà họ dùng có một giá trị như nhau) và họ trao đổi với nhau những sản phẩm ấy, thì mỗi lợi mà họ thu được qua sự trao đổi sẽ là mỗi lợi mà hai bên cùng hưởng, đồng thời lại bằng nhau. Lợi ích mà mỗi bên nhận được qua sự trao đổi không thể nào làm thiệt cho bên kia, vì mỗi bên đã cung cấp một số lượng lao động bằng nhau và những vật liệu mà hai bên đã dùng có giá trị bằng nhau. Nhưng nếu người làm mũ đổi được *một* cái mũ lấy *hai* đôi giày - vẫn ở trong giả thiết trên của chúng ta - thì hiển nhiên sự trao đổi sẽ là bất công. Người làm mũ sẽ chiếm không một ngày lao động của người thợ giày; và nếu anh ta cứ làm như thế trong tất cả các cuộc trao đổi, anh ta sẽ nhận được sản phẩm của *nửa năm* lao động của mình bằng sản phẩm của *cả một năm* của người khác. Từ trước tới giờ, chúng ta luôn luôn làm theo chế độ trao đổi hết sức bất công ấy: *những người công nhân đã* cho nhà tư bản cả một năm lao động để đổi lấy giá trị của nửa năm mà thôi (the workmen have given the capitalist the labour of a whole year, in exchange for the value of only half a year). Và đó chính là nguồn gốc của tình trạng không bình đẳng về tài sản và quyền thế, chứ không phải nguồn gốc của tình trạng không bình đẳng này là sự chênh lệch giả thiết về mặt thể lực và trí lực của những cá nhân. Sự không bình đẳng trong việc trao đổi, sự chênh lệch về giá cả trong việc mua bán chỉ có thể tồn tại được trong điều kiện những nhà tư bản vĩnh viễn làm nhà tư bản và những người công nhân vĩnh viễn làm người công nhân, - bọn trước là một giai cấp bạo chúa, còn những người sau là một giai cấp những người nô lệ... Vậy, sự giao dịch ấy giữa các nhà tư bản và công nhân chứng tỏ một cách rõ ràng rằng, để trả công cho một tuần lễ lao động của người công nhân, những nhà tư bản và những người chủ sở hữu chỉ trao cho người công nhân một phần trong số những của cải mà anh ta đã làm ra cho chúng trong tuần lễ trước, nghĩa là chúng nhận được ở anh ta *một cái gì đó*, nhưng không trao lại cho anh ta *cái gì cả* (nothing for something)... Toàn bộ sự giao dịch giữa người công nhân và nhà tư bản chẳng qua là một trò hề: trên thực tế, trong nhiều trường hợp, nó chỉ là một việc *cướp đoạt* trắng trợn tuy là *hợp pháp* (The whole transaction between the producer and the capitalist is a mere farce: it is, in fact, in thousands of instances, no other than a barefaced though *legal ised robbery*)" (Brây, tr. 45, 48, 49 và 50).

"Lợi nhuận của nhà kinh doanh bao giờ cũng là một sự thiệt thòi đối với người công nhân - cho đến khi nào những cuộc trao đổi giữa hai bên đều bình đẳng; và chừng nào xã hội còn chia ra những nhà tư bản và những người sản xuất, và những người sản xuất sống bằng lao động của mình, còn bọn kia thì béo phị lên bằng lợi

nhuận của lao động ấy, thì chừng đó những cuộc trao đổi vẫn không thể nào bình đẳng được...".

Ông Brây tiếp tục: "rõ ràng là anh sẽ uống công vô ích để dựng nên hình thức chính phủ này hay hình thức chính phủ nọ... anh sẽ uống công vô ích trong việc tuyên truyền đạo lý và tình hữu ái... tình trạng cũng có lợi không thể dung hoà được với sự bất bình đẳng trong trao đổi. Tình trạng không bình đẳng trong trao đổi là nguồn gốc của tình trạng không bình đẳng về tài sản, đó chính là kẻ thù giấu mặt đang xâu xé chúng ta. (No reciprocity can exist where there are unequal exchanges. Inequality of exchanges, as being the cause of inequality of possessions, is the secret enemy that devours us)" (Brây, tr. 51 và 52).

"Việc xem xét mục đích và nhiệm vụ của xã hội cho phép tôi kết luận rằng, không những tất cả mọi người đều phải lao động và do đó có thể trao đổi, mà, những giá trị bằng nhau còn phải trao đổi với những giá trị bằng nhau nữa. Hơn nữa, vì lợi nhuận của người này không thể là một sự thiệt thòi đối với một người khác, nên giá trị phải được quy định bởi chi phí sản xuất. Tuy nhiên, chúng ta đã thấy rằng, dưới chế độ xã hội hiện thời, lợi nhuận của nhà tư bản và của nhà giàu bao giờ cũng là sự thiệt thòi của người công nhân - chừng nào mà tình trạng không bình đẳng trong việc trao đổi vẫn tồn tại thì kết quả ấy phải tất nhiên xảy ra và, dưới mọi hình thức chính quyền, người nghèo vẫn hoàn toàn bị phó mặc cho nhà giàu muốn làm gì họ thì làm. Còn sự bình đẳng trong việc trao đổi chỉ có thể được bảo đảm bằng một chế độ xã hội thừa nhận lao động là bắt buộc đối với mọi người... Sự bình đẳng trong việc trao đổi sẽ khiến cho của cải chuyển dần dần từ tay các nhà tư bản hiện nay sang tay giai cấp công nhân" (Brây, tr. 53 - 55).

"Chừng nào còn lưu hành chế độ trao đổi không bình đẳng ấy, thì những người sản xuất vẫn cứ nghèo đói, dốt nát, lao động quá sức như hiện giờ, dù người ta có *xoá bỏ hết thảy mọi đảm phụ nhà nước, mọi thuế khoá* chẳng nữa thì cũng thế thôi... Chỉ có thay đổi toàn bộ chế độ, thực hiện sự bình đẳng về lao động và trao đổi, mới có thể cải thiện tình trạng ấy và bảo đảm cho người ta sự bình đẳng thật sự về quyền lợi... Chỉ cần những người sản xuất cố gắng - và mọi sự cố gắng để cứu vớt họ đều phải do họ làm lấy - thì những xiềng xích của họ sẽ vĩnh viễn bị đập tan... Với tính cách là mục đích, quyền bình đẳng về chính trị là một sai lầm; với tính cách là thủ đoạn, nó cũng là một sai lầm (As an end, the political equality is there a failure, as a means, also, it is there a failure).

Với sự bình đẳng về trao đổi, lợi nhuận của người này không thể là sự thiệt thòi của người khác: vì mọi sự trao đổi khi đó chỉ còn là một *sự di chuyển* một cách

đơn giản lao động và của cải mà thôi, nó không đòi hỏi một sự hy sinh nào cả. Vậy, dưới một chế độ xã hội dựa trên sự bình đẳng về trao đổi, người sản xuất còn có thể trở nên giàu có nhờ sự dành dụm của mình; nhưng sự giàu có của anh ta chỉ còn là sản phẩm tích lũy của lao động của bản thân anh ta mà thôi. Anh ta sẽ có thể trao đổi của cải của mình hay cho người khác của cải của mình; nhưng khi anh ta thôi không còn lao động nữa thì với một thời gian kéo dài một chút, anh ta không thể nào vẫn cứ giàu có mãi. Do bình đẳng về trao đổi, của cải sẽ không còn năng lực như hiện thời là, tự nó, nó có khả năng tự đổi mới và có thể nói là tự tái sản xuất lấy được; nó sẽ không còn có thể lấp lỗ trống mà sự tiêu dùng gây ra nữa; bởi vì của cải một khi đã tiêu dùng rồi thì mất hẳn, trừ phi nó được lao động tái sản xuất thì không kể. Dưới chế độ trao đổi bình đẳng, cái mà bây giờ chúng ta gọi là *lợi nhuận* và *lợi tức* sẽ không thể tồn tại nữa. Trong chế độ đó, người sản xuất và người phân phối sẽ hưởng thù lao bằng nhau và chính tổng số lao động của họ sẽ được dùng để quy định giá trị của bất cứ hàng hoá nào làm ra và cung cấp cho người tiêu dùng...

Vậy, nguyên tắc bình đẳng trong việc trao đổi, do bản chất của nó, phải đưa đến *lao động phổ biến*" (Brây, tr. 67, 88, 89, 94 và 109 - 110).

Sau khi đã bác bỏ những ý kiến của các nhà kinh tế học phản đối *chủ nghĩa cộng sản*, ông Brây tiếp tục như sau:

"Nếu, một mặt, sự thay đổi về tính cách con người là cần thiết để có thể xây dựng thành công một chế độ xã hội dựa trên sự cộng đồng về tài sản trong hình thái hoàn thiện nhất của nó; nếu, mặt khác, chế độ hiện thời không có những điều kiện cũng như những phương tiện cần thiết để thực hiện sự thay đổi tính cách ấy và chuẩn bị cho người ta tiến tới một trạng thái tốt hơn mà tất cả chúng ta đều mong muốn, - thì rõ ràng là tình hình nhất định vẫn cứ phải tiếp tục tồn tại như bây giờ, trừ phi người ta tìm ra được và thực hiện một giai đoạn xã hội quá độ nào đó, - một quá trình vừa có quan hệ với chế độ hiện thời cũng như có quan hệ với chế độ tương lai (chế độ dựa trên sự cộng đồng về tài sản), - một giai đoạn dừng chân tạm thời mà xã hội có thể đi tới với tất cả những tệ lậu và những sự điên cuồng của nó, để rồi sau đó xã hội sẽ từ già giai đoạn đó, mang theo nhiều phẩm chất và thuộc tính, là những điều kiện sinh tồn của chế độ cộng đồng ấy" (Brây, tr. 134).

"Toàn bộ quá trình sẽ chỉ đòi hỏi sự hợp tác dưới hình thái giản đơn nhất của nó mà thôi... Những chi phí sản xuất sẽ quy định trong bất cứ điều kiện nào, giá trị của sản phẩm, và những giá trị bằng nhau sẽ luôn luôn được trao đổi với những giá

trị bằng nhau. Trong hai người, nếu người thứ nhất làm việc trong cả một tuần lễ, còn người thứ hai trong nửa tuần lễ, thì người thứ nhất sẽ nhận được gấp đôi phần thù lao của người kia, nhưng phần trả hơn cho người thứ nhất không làm thiệt hại cho người kia: phần thiệt thòi mà người thứ hai phải chịu quyết không có lợi cho người thứ nhất. Mỗi người sẽ trao đổi tiền công mà cá nhân mình nhận được với những vật phẩm có giá trị bằng tiền công của mình, và trong bất cứ trường hợp nào, lợi nhuận mà một người hay một ngành công nghiệp thực hiện được đều không thể làm thiệt thòi cho người khác hay ngành công nghiệp khác. Lao động của mỗi cá nhân sẽ là *thước đo duy nhất* của lợi nhuận và của sự thua lỗ của cá nhân ấy...

... Dựa vào những trạm mua bán (boards of trade) trung ương hay địa phương, người ta sẽ quy định số lượng những vật phẩm khác nhau mà tiêu dùng đòi hỏi, và giá trị tương đối của mỗi vật phẩm so với những vật phẩm khác (số công nhân cần dùng trong những ngành lao động khác nhau) tóm lại, tất cả những cái gì có quan hệ đến sản xuất và phân phối xã hội. Những công việc ấy sẽ tiến hành đối với một nước, cũng nhanh chóng và dễ dàng như, dưới chế độ hiện thời, đối với một công ty cá biệt vậy... Những cá nhân sẽ tập hợp lại thành gia đình, những gia đình sẽ tập hợp lại thành công xã, như dưới chế độ hiện thời... Người ta cũng sẽ không xóa bỏ một cách trực tiếp sự phân bố dân cư ở thành thị và nông thôn, dù sự phân bố ấy thật là không tốt gì. Trong tập đoàn ấy, mỗi một cá nhân vẫn tiếp tục có quyền tự do - như bây giờ - muốn tích lũy bao nhiêu cũng được, và sử dụng những tích lũy ấy như thế nào là tùy theo ý mình... Như vậy xã hội của chúng ta sẽ là một công ty cổ phần lớn, bao gồm vô số công ty cổ phần nhỏ hơn, tất cả đều lao động, sản xuất và trao đổi sản phẩm của họ trên cơ sở bình đẳng hoàn toàn... Hệ thống công ty cổ phần mới của chúng ta chỉ là một sự nhượng bộ đối với xã hội hiện thời để chuyển lên chủ nghĩa cộng sản, một sự nhượng bộ nhằm làm cho *quyền sở hữu cá nhân* về các sản phẩm có thể song song tồn tại với *quyền sở hữu công cộng* về lực lượng sản xuất, - hệ thống mới ấy làm cho vận mệnh của mỗi cá nhân tùy thuộc vào hoạt động riêng của mình, và đem lại cho mỗi cá nhân một phần hưởng thụ bằng nhau về tất cả những lợi ích do tự nhiên và sự tiến bộ của kỹ thuật mang lại. Vì thế, nó có thể ứng dụng vào xã hội trong tình trạng hiện nay và nó có thể chuẩn bị cho xã hội ấy cho những sự biến đổi tương lai" (Brây, tr. 158, 160, 162, 168, 194 và 199).

Chúng ta chỉ còn phải trả lời ông Brây vài câu nữa thôi, ông ấy đã nghiêm nhiên thay thế ông Pru-đông, ngoài ý muốn của chúng ta và thậm chí trái với ý muốn của chúng ta, chỉ trừ một điểm là ông Brây không hề có ý định nói lên tiếng nói cuối cùng

của loài người, ông ấy chỉ đề ra những biện pháp mà ông ấy cho là thích hợp đối với một thời kỳ quá độ giữa xã hội hiện thời và chế độ dựa trên sự cộng đồng về tài sản mà thôi.

Một giờ lao động của A trao đổi với một giờ lao động của B. Đó là định lý cơ bản của ông Brây.

Chúng ta hãy giả định rằng A lao động mười hai giờ và B chỉ lao động sáu giờ; thế thì A chỉ có thể trao đổi với B sáu lấy sáu. Do đó, A sẽ có dự trữ sáu giờ lao động. A sẽ sử dụng sáu giờ lao động này để làm gì?

Hoặc là A không sử dụng để làm gì cả, nghĩa là A đã lao động sáu giờ mà không được gì; hoặc là A sẽ ngồi không trong sáu giờ khác để lấy lại thăng bằng; hoặc là - và đây là biện pháp cuối cùng của A - A sẽ cho thêm B sáu giờ ấy mà A không biết dùng làm gì cả.

Vậy, tóm lại, A đã hơn B được cái gì? Những giờ lao động chẳng ? Không. A chỉ hơn có những giờ nhàn rỗi mà thôi: A sẽ bắt buộc phải ngồi rỗi trong sáu giờ. Và muốn cho cái quyền mới về nhàn rỗi này không những được thừa nhận, mà còn được đề cao trong xã hội mới, thì xã hội mới phải tìm thấy hạnh phúc cao nhất của nó ở trong sự lười biếng và coi lao động là một gánh nặng đối với xã hội mà dù thế nào xã hội cũng phải vứt bỏ cho kỳ được. Để trở lại thí dụ của chúng ta, nếu quả những giờ nhàn rỗi mà A đã hơn B ấy là một điều có lợi thật sự ! Nhưng không, đầu tiên B chỉ làm việc sáu giờ, bằng cách làm việc thường xuyên và đều đặn, B đã đi đến cái kết quả mà A chỉ thu được bằng cách bắt đầu làm việc quá mức. Ai cũng muốn làm như B cả, người ta sẽ ganh đua nhau để chiếm được địa vị như B, một sự thi đua lười biếng.

Vậy thì sự trao đổi những số lượng lao động bằng nhau, nó đã cho ta cái gì? Nạn sản xuất thừa, sự mất giá, lao động quá mức, tiếp theo đó là thất nghiệp, cuối cùng là những quan hệ kinh tế

như chúng ta thấy trong xã hội hiện thời, trừ sự cạnh tranh lao động.

Không phải đâu, chúng ta nhầm rồi. Còn có một biện pháp nữa, nó có thể cứu vãn xã hội mới, xã hội của những người như A và B. A sẽ tiêu dùng một mình sản phẩm của sáu giờ lao động còn lại. Nhưng nếu A không cần phải trao đổi sản phẩm của mình nữa, thì A cũng không cần phải sản xuất để trao đổi nữa, thế là tất cả sự giả thiết về một xã hội xây dựng trên sự trao đổi và phân công lao động sẽ tan vỡ. Do chỗ trao đổi sẽ không còn nữa, nên người ta cũng cứu vãn được luôn cả sự bình đẳng về trao đổi: A và B sẽ trở về trạng thái của Rô-bin-xơn.

Vậy, nếu người ta giả định tất cả những thành viên của xã hội đều là người lao động trực tiếp, thì sự trao đổi những số lượng giờ lao động bằng nhau chỉ có thể tiến hành được với điều kiện là người ta thoả thuận trước với nhau về số giờ phải dùng vào sản xuất vật chất. Nhưng một sự thoả thuận như thế phủ định sự trao đổi cá nhân.

Chúng ta cũng sẽ đi đến kết quả như thế, nếu chúng ta xuất phát không phải từ sự phân phối những sản phẩm làm ra nữa, mà là từ hành vi sản xuất. Trong nền đại công nghiệp, A không thể tự ý mình ấn định lấy thời gian lao động của mình được, vì lao động của A sẽ không đi đến đâu nếu không có sự góp sức của tất cả những người như A và tất cả những người như B hợp thành xí nghiệp. Điều đó giải thích rất rõ vì sao các chủ xưởng người Anh lại kháng cự một cách quyết liệt chống lại *đạo luật ngày lao động 10 giờ*. Chính là vì họ thừa hiểu rằng nếu giảm hai giờ lao động cho phụ nữ và trẻ em⁵¹ thì rồi nhất định sẽ phải giảm thời gian lao động cho cả đàn ông nữa. Xét theo tính chất của đại công nghiệp thì thời gian lao động phải bằng nhau đối với tất cả mọi người. Cái mà ngày nay là kết quả của tư bản và của sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau, thì ngày mai sẽ là - nếu người

ta trừ bỏ quan hệ giữa lao động và tư bản - kết quả của một sự thoả thuận dựa trên quan hệ giữa tổng số lực lượng sản xuất và tổng số nhu cầu hiện có.

Nhưng một sự thoả thuận như thế có nghĩa là tuyên án tử hình sự trao đổi cá nhân, thế là chúng ta lại đi đến kết quả đầu tiên của chúng ta.

Trên nguyên tắc, không có trao đổi sản phẩm, mà chỉ có trao đổi những lao động góp phần vào sản xuất. Phương thức trao đổi sản phẩm phải tuỳ thuộc vào phương thức trao đổi lực lượng sản xuất. Nói chung, hình thức của trao đổi sản phẩm thích ứng với hình thức của sản xuất. Hãy thay đổi cái sau, thì hình thức trao đổi cũng sẽ thay đổi theo. Cho nên chúng ta thấy rằng trong lịch sử của xã hội, phương thức trao đổi sản phẩm do phương thức sản xuất sản phẩm điều tiết. Sự trao đổi cá nhân cũng phù hợp với một phương thức sản xuất nhất định, mà bản thân phương thức sản xuất này lại tương ứng với đối kháng giai cấp. Vì vậy, nếu không có đối kháng giai cấp thì cũng không thể có trao đổi cá nhân.

Thế nhưng, nhà tư sản tốt bụng lại phủ nhận sự thực hiển nhiên ấy. Chừng nào người ta còn là tư sản, thì người ta không thể không coi quan hệ đối kháng ấy là những quan hệ hoà hợp và công bằng vĩnh viễn, những quan hệ không cho phép ai được làm hại người để làm lợi cho mình. Đối với nhà tư sản, sự trao đổi cá nhân có thể tồn tại được mà không có đối kháng giai cấp: đối với hắn đó là hai cái hoàn toàn tách rời nhau. Sự trao đổi cá nhân, như là nhà tư sản hình dung, hầu như không giống với sự trao đổi cá nhân tiến hành trên thực tế.

Ông Brây lấy cái *ảo tưởng* của nhà tư sản tốt bụng làm *lý tưởng* mà ông ấy muốn thực hiện. Bằng cách làm cho sự trao đổi cá nhân trở thành trong sạch, bằng cách trừ bỏ hết thảy những yếu tố đối kháng ở trong đó, ông ấy tưởng là đã tìm thấy một

quan hệ "*binh quân chủ nghĩa*", mà ông ấy muốn đưa vào trong xã hội.

Ông Brây không thấy rằng cái quan hệ bình quân chủ nghĩa ấy, cái *lý tưởng có tác dụng sửa đổi* ấy, mà ông ta muốn ứng dụng vào thế giới, chẳng qua chỉ là phản ánh của thế giới hiện thực, và do đó tuyệt đối không thể nào cải tạo xã hội trên một cơ sở chỉ là một cái bóng được tô vẽ của xã hội ấy mà thôi. Cái bóng càng trở thành hữu hình, thì người ta càng thấy rằng cái bóng ấy chính là cái cơ thể của xã hội hiện thời mà thôi¹⁾, chứ không phải là một xã hội được cải biến chỉ có trong các giấc mơ.

§III. VIỆC ỨNG DỤNG QUY LUẬT TỶ LỆ GIỮA CÁC GIÁ TRỊ

A. TIỀN TỆ

"Vàng và bạc là những hàng hoá đầu tiên mà giá trị của chúng đạt đến sự cấu thành".

¹⁾ Cũng như mọi học thuyết khác, học thuyết của ông Brây đã có những kẻ tán thành, họ đã đề cho cái bề ngoài của học thuyết đó đánh lừa. Người ta đã lập ra ở Luân Đôn, Sép-phin, Lít-xơ và trong nhiều thành phố khác của nước Anh, những *equitable-labour-exchange-bazars* [những sở trao đổi công bằng các sản phẩm của lao động]. Những sở trao đổi ấy, sau khi đã thu hút những tư bản to lớn, đã bị phá sản nhục nhã. Bây giờ không ai còn thích thú chúng nữa. Xin cảnh cáo cho ông Pru-đông biết! (*Chú thích của Mác*).

Như mọi người đều rõ, Pru-đông định không đếm xỉa gì đến lời cảnh cáo đó. Năm 1849 ông đã tự mình lập ra một ngân hàng trao đổi mới ở Pa-ri. Nhưng ngân hàng này đã bị phá sản trước khi bước vào ổn định. Điều làm lu mờ sự phá sản đó là việc Pru-đông bị toà án truy tố. - Ph. Á. (*Bổ sung của Ăng-ghe-nơ cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1885*)

Vậy, vàng và bạc là những ứng dụng đầu tiên của "giá trị được cấu thành"... bởi ông Pru-đông. Và vì ông Pru-đông cấu thành ra giá trị sản phẩm bằng cách quy định giá trị ấy theo số lượng so sánh về lao động bỏ vào đó, cho nên việc duy nhất mà ông ta phải làm là chứng minh rằng những *biến động* xảy ra trong giá trị của vàng và bạc bao giờ cũng có thể căn cứ vào những biến động về thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra chúng, mà giải thích. Nhưng ông Pru-đông không nghĩ đến điều đó. Ông ta không nói đến vàng và bạc như là hàng hoá, mà nói đến vàng và bạc như là tiền tệ.

Toàn bộ lô-gích của ông ta, nếu quả thật đó là lô-gích, là ở chỗ ông ta vận dụng một cách giả tạo thuộc tính của vàng và bạc là *tiền tệ* vào mọi hàng hoá mà giá trị được đo bằng thời gian lao động. Chắc chắn rằng ảo thuật ấy ngày thơ nhiều hơn là có ác ý.

Vì giá trị của một sản phẩm có ích được đo bằng thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra nó, nên bao giờ nó cũng có thể được chấp nhận khi trao đổi. Chứng cứ là vàng và bạc - ông Pru-đông kêu to lên như thế- vàng và bạc ở trong những điều kiện "có khả năng trao đổi", mà tôi mong muốn. Vậy vàng và bạc - đó là giá trị đạt đến trạng thái cấu thành, là thể hiện ý niệm của ông Pru-đông. Ông ta chọn được một thí dụ mà không thể có gì hay hơn nữa. Vàng và bạc, ngoài thuộc tính của chúng là một hàng hoá ra, mà giá trị được đo bằng thời gian lao động như bất cứ hàng hoá nào khác, chúng còn có thuộc tính là phương tiện trao đổi phổ biến, là dùng làm tiền tệ. Vì vậy, nếu lấy vàng và bạc làm một ứng dụng của "*giá trị được cấu thành*" bởi thời gian lao động, thì việc chứng minh rằng mọi hàng hoá mà giá trị được cấu thành bởi thời gian lao động sẽ luôn luôn có thể trao đổi được, sẽ là tiền tệ, - là một việc không có gì dễ hơn nữa.

Một câu hỏi rất giản đơn nảy ra trong óc ông Pru-đông. Tại

sao vàng và bạc lại có đặc quyền làm điển hình của "giá trị được cầu thành"?

"Cái chức năng đặc biệt mà tập quán trao cho những kim loại quý là dùng làm phương tiện lưu thông, là một chức năng thuần túy theo ước lệ, và bất cứ hàng hoá nào khác cũng có thể đóng vai trò ấy, có lẽ không được tiện lợi bằng kim loại quý, nhưng cũng không kém phần đáng tin cậy; các nhà kinh tế học đều thừa nhận điều đó và người ta kể ra nhiều thí dụ về mặt này. Vậy thì tại sao các kim loại lại có quyền được ưu tiên sử dụng làm tiền tệ một cách phổ biến, và có thể giải thích tính chất đặc biệt ấy của chức năng của bạc, tính chất có một không hai trong khoa kinh tế chính trị như thế nào?... Thế nhưng, có thể *lập lại cái chuỗi* mà từ đó hình như *tiền tệ* đã tách ra, và do đó đưa tiền tệ trở về nguyên lý chân chính của nó hay không?"

Ngay khi đặt vấn đề như thế ông Pru-đông đã giả định là có *tiền tệ* rồi. Câu hỏi thứ nhất, mà đáng lẽ ông ta phải đặt ra, là tìm hiểu vì sao, trong những cuộc trao đổi đã hình thành như hiện thời, người ta lại phải cá biệt hoá giá trị trao đổi bằng cách đặt ra một phương tiện trao đổi đặc biệt. Tiền tệ không phải là một vật phẩm, mà là một quan hệ xã hội. Tại sao quan hệ của tiền tệ lại là một quan hệ của sản xuất, như bất cứ một quan hệ kinh tế nào khác, như sự phân công lao động, v.v...? Nếu ông Pru-đông biết đến quan hệ ấy thì ông ta sẽ không còn coi tiền tệ như là một ngoại lệ, một cái khâu tách khỏi một chuỗi mà người ta chưa biết hay là cần phải tìm ra.

Trái lại, ông ta sẽ thừa nhận rằng quan hệ ấy chỉ là một cái khâu và với tính cách như vậy, nó mật thiết liên hệ với toàn bộ dây chuyền của những quan hệ kinh tế khác, rằng quan hệ ấy phù hợp với một phương thức sản xuất nhất định, cũng giống như sự trao đổi cá nhân phù hợp với quan hệ đó. Thế nhưng, ông ta làm gì? Trước hết, ông ta tách tiền tệ ra khỏi toàn bộ phương thức sản xuất hiện thời, để rồi sau đó coi tiền tệ như là cái khâu đầu tiên của một chuỗi tưởng tượng, của một chuỗi phải tìm lại.

Một khi người ta đã thừa nhận sự cần thiết của một phương tiện trao đổi đặc biệt, nghĩa là sự cần thiết của tiền tệ, thì chỉ

còn phải giải thích vì sao cái chức năng đặc biệt ấy lại thuộc về vàng và bạc, chứ không phải là thuộc về bất cứ hàng hoá nào khác. Đó là một vấn đề thứ yếu, nó không còn được giải thích bởi toàn bộ hệ thống của các quan hệ sản xuất nữa, mà là bằng những đặc tính riêng biệt vốn có của vàng và bạc với tư cách là một loại vật chất nhất định. Nếu như, nhân dịp này, căn cứ vào tất cả những điều nói trên, các nhà kinh tế học "đã nhảy ra ngoài lĩnh vực khoa học của mình, mà đi vào khoa vật lý, khoa cơ khí, khoa sử, v.v.", như ông Pru-đông đã chỉ trích họ, thì như vậy là họ chỉ làm cái việc mà họ phải làm. Vấn đề không còn thuộc về lĩnh vực của khoa kinh tế chính trị nữa.

Ông Pru-đông nói: "cái mà không một nhà kinh tế học nào thấy được và hiểu được, đó là *lý do kinh tế*, nó đã quyết định đặc quyền mà những kim loại quý được hưởng".

Cái lý do kinh tế mà không một ai - với nguyên nhân xác đáng - thấy được và hiểu được, thì ông Pru-đông đã thấy, đã hiểu và truyền lại cho hậu thế.

"Thế nhưng, cái mà không một ai chú ý cả, đó là trong tất cả mọi hàng hoá, vàng và bạc là những hàng hoá đầu tiên mà giá trị đạt đến sự cầu thành. Trong thời kỳ chế độ gia trưởng, vàng và bạc còn được mua bán và trao đổi thành thoi, nhưng cũng đã có xu hướng rõ rệt đi đến địa vị thống trị rồi và đã có ưu thế nổi bật đối với những hàng hoá khác rồi. *Dần dà* các vua chúa chiếm đoạt lấy những kim loại quý và đóng dấu của họ vào đấy; và từ sự công nhận của vua chúa như thế mà sinh ra tiền tệ, nghĩa là cái hàng hoá *par excellence*^{1*}, hàng hoá mà, mặc dầu mọi sự biến động của thương mại, vẫn giữ được một giá trị theo tỷ lệ nhất định và được người ta chấp nhận trong mọi sự thanh toán... Đặc điểm của vàng và bạc là ở chỗ - tôi xin nhắc lại - nhờ những thuộc tính kim loại của chúng, những khó khăn trong việc sản xuất ra chúng, và nhất là nhờ sự can thiệp của chính quyền, chúng đã sớm có được - với tính cách là hàng hoá - tính chất cố định và tính chất xác thực".

^{1*} - chủ yếu, theo nghĩa thật của danh từ

Nói rằng, trong tất cả các hàng hoá, vàng và bạc là những hàng hoá đầu tiên mà giá trị đạt đến sự cầu thành, có nghĩa là, sau tất cả những điều đã nói trên đây, vàng và bạc là những hàng hoá đầu tiên được trở thành tiền tệ. Đó là điều mặc khải vĩ đại của Pru-đông, đó là chân lý mà trước ông ta chưa ai phát hiện ra được.

Nếu như, qua những chữ ấy, ông Pru-đông muốn nói rằng vàng và bạc là những hàng hoá mà thời gian để sản xuất ra chúng được người ta biết sớm hơn là đối với những hàng hoá khác, thì đó còn là một điều giả thiết nữa trong số những điều giả thiết mà ông ta đã hậu hĩ tặng các bạn đọc của ông ta. Nếu chúng ta muốn theo sự trình bày uyên bác kiểu gia trưởng ấy, thì chúng ta sẽ nói với ông Pru-đông rằng thời gian cần thiết để sản xuất những vật phẩm thiết yếu nhất, như là sắt, v.v., đã được người ta biết trước tiên. Ấy là chưa kể đến cái cung cổ điển của A-đam Xmit.

Nhưng, sau tất cả những điều đó, làm thế nào mà ông Pru-đông còn có thể nói đến sự cầu thành của một giá trị, bởi vì một giá trị không bao giờ được cầu thành riêng biệt cả? Nó được cầu thành không phải bởi thời gian cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm riêng biệt nhất định, mà là tỷ lệ với số lượng của tất cả các sản phẩm khác có thể được tạo ra trong cùng một thời gian đó. Vậy sự cầu thành ra giá trị của vàng và bạc lấy sự cầu thành đã được thực hiện của giá trị của nhiều hàng hoá khác, làm tiền đề.

Cho nên, không phải là hàng hoá đã đạt được - dưới hình thái vàng và bạc - trạng thái "giá trị được cầu thành", mà chính là "giá trị được cầu thành" của ông Pru-đông đã đạt được - dưới hình thái vàng và bạc - trạng thái tiền tệ.

Bây giờ chúng ta hãy xét một cách tường tận hơn những *lý do kinh tế* ấy, theo ông Pru-đông thì nhờ những lý do kinh tế đó mà vàng và bạc đã có cái lợi là được nâng lên thành tiền tệ sớm hơn

tất cả những sản phẩm khác, sau khi trải qua trạng thái cầu thành nên giá trị.

Những lý do kinh tế ấy là cái "khuyh hướng rõ ràng đi tới chiếm địa vị thống trị", "ưu thế rõ ràng", - những cái đó đã có trong "thời kỳ chế độ gia trưởng" rồi, và những lời nói quanh co khác nữa về bản thân sự kiện ấy, những lời nói đó chỉ gây khó khăn thêm cho chúng ta, vì do con số các trường hợp mà ông Pru-đông đã đưa ra để giải thích sự kiện, tăng lên, nên số các sự kiện cần phải được giải thích cũng tăng lên. Nhưng ông Pru-đông chưa nói hết những lý do gọi là kinh tế. Sau đây là một lý do có sức mạnh vô thượng, không gì chống lại nổi:

"Từ sự công nhận của vua chúa đã sinh ra tiền tệ: các vua chúa chiếm đoạt lấy vàng và bạc và đóng dấu của họ vào đấy".

Như vậy là theo ý kiến ông Pru-đông, ý muốn tùy tiện của vua chúa là lý do cao nhất trong khoa kinh tế chính trị!

Kỳ thực, phải là người không có một chút hiểu biết nào về lịch sử mới không biết rằng, trong thời nào cũng thế, chính là vua chúa phải phục tùng những điều kiện kinh tế, chứ không bao giờ vua chúa lại ra lệnh cho những điều kiện kinh tế được. Chẳng qua chế độ lập pháp về chính trị cũng như về dân sự chỉ làm cái việc nói lên, ghi chép lại những yêu cầu của những quan hệ kinh tế mà thôi.

Vua chúa đã chiếm đoạt lấy vàng và bạc, để làm thành những phương tiện trao đổi phổ biến bằng cách đóng dấu của họ vào đấy, hay ngược lại, chính những phương tiện trao đổi phổ biến ấy đã chiếm đoạt lấy vua chúa bằng cách bắt buộc họ phải đóng dấu của họ vào vàng, bạc và làm cho vàng, bạc được công nhận về mặt chính trị?

Cái dấu mà người ta đã đóng và hiện nay còn đóng cho bạc không phải là cái dấu của giá trị của bạc, mà là cái dấu của trọng lượng của nó. Tính chất cố định và tính chất xác thực mà ông

Pru-đông nói đến chỉ có quan hệ với hàm lượng của đồng tiền, và hàm lượng ấy chỉ rõ trong một miếng bạc đúc thành tiền có bao nhiêu chất kim loại thuần túy.

Vôn-te đã nói - với trí óc thông minh thiết thực của ông mà ai cũng biết: "giá trị cố hữu duy nhất của một đồng bạc là bạc, một nửa pao^{1*} nặng 8 ôn-xơ^{2*}". Chỉ có trọng lượng và hàm lượng mới làm thành giá trị cố hữu ấy" (Vôn-te, "Học thuyết của Lô"⁵²).

Thế nhưng, câu hỏi: một ôn-xơ vàng hoặc bạc trị giá bao nhiêu? - vẫn chưa được giải đáp. Nếu như một tấm len lông dê của cửa hàng của "Côn-be vĩ đại" mang nhãn hiệu "len nguyên chất", thì nhãn hiệu ấy vẫn chưa nói rõ với anh giá trị của tấm len đó là bao nhiêu cả. Giá trị của len là bao nhiêu, đó vẫn là điều còn phải tìm hiểu.

Ông Pru-đông nói: "Vua nước Pháp Phi-líp I trộn lẫn vào đồng li-vơ thành Tủa của Các đại đế một phần ba tạp chất, tưởng rằng vì chỉ một mình ông ta có độc quyền đúc tiền, nên ông ta có thể làm như bất cứ một thương nhân nào đối với hàng hoá của mình, người đó có độc quyền về một sản phẩm nào đó. Thực ra việc làm tiền giả ấy - về việc này người ta đã công kích Phi-líp và những người nối ngôi ông ta khá nhiều - là cái gì? Một cách lập luận rất đúng về mặt tập quán thương mại, nhưng rất sai về mặt khoa học kinh tế, cho rằng: vì cung và cầu điều tiết giá trị, người ta có thể, bằng cách hoặc gây ra một sự khan hiếm giả tạo, hoặc hoàn toàn nắm lấy việc sản xuất ra các vật phẩm, nâng cao sự đánh giá và do đó nâng cao giá trị của chúng, và điều đó là đúng đối với vàng và bạc cũng như đối với lúa mì, rượu nho, dầu, thuốc lá v.v. Tuy nhiên, sự gian dối của Phi-líp vừa mới bị ngờ vực thì tiền tệ của ông ta đã giảm xuống giá trị thực sự của nó rồi và đồng thời ông ta cũng mất cả cái mà ông ta đã tưởng là lấy được ở thần dân của ông ta. Tất cả những mưu đồ tương tự cũng đều đưa đến những kết quả giống như thế".

Trước hết, người ta đã chứng minh rất nhiều lần rằng nếu vua chúa định làm tiền giả, thì chính là vua chúa bị thiệt. Cái mà ông ta được lợi một lần độc nhất trong kỳ phát hành đầu tiên, thì ông

^{1*} - pao: đơn vị đo trọng lượng của Anh, bằng 453,6 gram.

^{2*} - ôn-xơ: đơn vị đo trọng lượng trong hiệu thuốc, bằng 29,8 gram.

ta sẽ bị thiệt trong bao nhiêu lần sau khi tiền giả trở về tay ông ta dưới hình thức thuế khoá, v.v.. Nhưng Phi-líp và những người nối ngôi ông ta, ít nhiều cũng đã biết tránh sự thiệt hại ấy, vì một khi đã lưu hành tiền giả, việc cấp bách nhất mà họ làm là ra lệnh đúc lại toàn bộ tiền tệ theo mẫu cũ.

Hơn nữa, nếu Phi-líp I đã thật sự lập luận như ông Pru-đông, thì Phi-líp I sẽ không lập luận đúng đắn "về mặt thương mại" rồi. Cả Phi-líp I, cả Pru-đông đều đã không tỏ ra là có tài buôn bán, khi họ tưởng rằng người ta có thể thay đổi giá trị của vàng cũng như giá trị của bất cứ hàng hoá nào khác vì lý do duy nhất là giá trị của chúng do quan hệ giữa cung và cầu quyết định.

Nếu vua Phi-líp ra lệnh là từ nay về sau một đấu lúa mì gọi là hai đấu lúa mì thì nhà vua sẽ là một người gian dối. Ông ta sẽ đánh lừa tất cả những người sống về địa tô, tất cả những người được nhận một trăm đấu lúa mì, ông ta sẽ là nguyên nhân khiến cho tất cả đám người ấy đáng lẽ được nhận một trăm đấu lúa mì thì chỉ nhận được có năm mươi đấu nữa thôi. Giả sử nhà vua mắc nợ một trăm đấu lúa mì, thì ông ta chỉ còn phải trả có năm mươi. Nhưng trong thương mại, một trăm đấu lúa mì sẽ không bao giờ trị giá quá năm mươi đấu. Khi thay đổi tên gọi, người ta không thay đổi sự vật. Chỉ một việc thay đổi tên gọi như vậy, không làm cho số lượng lúa mì, được lấy làm đối tượng của cung hay của cầu, giảm xuống hay tăng lên. Vậy, vì quan hệ giữa cung và cầu vẫn giữ nguyên như cũ mặc dầu có sự thay đổi về tên gọi ấy, nên giá cả của lúa mì không chịu một sự thay đổi thật sự nào cả. Khi nói đến cung và cầu vật phẩm, người ta không có ý nói đến cung và cầu về tên gọi của vật phẩm. Phi-líp I không phải là người làm ra vàng hay bạc, như ông Pru-đông nói; ông ta chỉ là người làm ra tên gọi của tiền tệ. Anh hãy làm cho người ta tưởng rằng những tấm len lông dê nước Pháp của anh là những tấm len lông dê châu Á đi, rất có thể là anh cũng lừa dối được một hay hai người mua đấy; nhưng khi người ta biết được sự gian dối rồi thì những

cái gọi là tấm len lông dê châu Á của anh sẽ tụt xuống bằng giá cả của những tấm len lông dê nước Pháp ngay. Khi cho vàng và bạc một cái nhãn hiệu giả, vua Phi-líp I chỉ có thể đánh lừa người ta chừng nào người ta chưa biết sự gian dối mà thôi. Cũng như mọi người chủ hiệu khác, ông ta đã đánh lừa khách hàng của mình bằng một sự nêu tên giả của hàng hoá; việc đó chỉ có thể kéo dài một thời gian mà thôi. Sớm hay muộn ông ta cũng sẽ cảm thấy sự khắt nghiệt của những quy luật thương mại. Phải chăng đó là điều mà ông Pru-đông muốn chứng minh?

Không phải. Theo ông ta thì tiền tệ có giá trị là do vua chúa, chứ không phải do thương mại. Và ông ta đã thực tế chứng minh cái gì? Chứng minh rằng thương mại còn có quyền lực hơn cả vua chúa. Rằng vua chúa thì ra lệnh là từ nay về sau một đồng mác là hai đồng mác, còn thương mại thì luôn luôn nói với anh rằng hai đồng mác ấy chỉ có giá trị bằng đồng mác trước kia mà thôi.

Thế nhưng, tất cả những điều nói trên không giải quyết vấn đề giá trị, được quy định bởi số lượng lao động, tiến thêm một bước nào cả. Vấn đề vẫn phải giải quyết là: hai đồng mác ấy, trở lại thành đồng mác trước kia, là do những chi phí sản xuất quy định hay là quy luật cung cầu quy định?

Ông Pru-đông tiếp tục:

"Cũng phải xét xem, nếu như nhà vua không làm giả tiền tệ, mà nhà vua có quyền tăng khối lượng tiền tệ lên gấp đôi, thì giá trị trao đổi của vàng và bạc có giảm đi một nửa ngay không, vẫn vì lý do tính tỷ lệ và sự cân bằng ấy".

Nếu ý kiến ấy, ý kiến mà ông Pru-đông biểu đồng tình với những nhà kinh tế học khác, là đúng thì nó chứng minh được cho học thuyết của họ về cung và cầu, chứ hoàn toàn không chứng minh được gì cho tính tỷ lệ của ông Pru-đông cả. Bởi vì, theo ý kiến này thì số lượng lao động bỏ vào khối lượng vàng và bạc tăng gấp đôi ấy là bao nhiêu chẳng nữa, giá trị của nó cũng sẽ giảm đi một nửa, vì số cầu thì vẫn giữ nguyên như cũ mà số cung thì

tăng lên gấp đôi. Hay là, phải chăng may ra lần này "*quy luật tính tỷ lệ*" cũng ăn khớp với quy luật cung cầu - quy luật mà người ta rất khinh bỉ - đó thôi? Quả vậy, cái tính tỷ lệ đúng đắn ấy của ông Pru-đông là rất cơ giã, nó có thể kinh qua nhiều sự biến hoá, nhiều sự kết hợp và đổi qua đổi lại, đến nỗi đôi khi nó có thể dễ dàng ăn khớp với quan hệ giữa cung và cầu.

Vậy gán cho "mọi hàng hoá khả năng được chấp nhận trong sự trao đổi, nếu không phải trên thực tế thì ít ra cũng là về mặt pháp lý", bằng cách căn cứ vào tác dụng của vàng và bạc, thì tức là không hiểu biết gì về tác dụng ấy. Sở dĩ vàng và bạc có thể được chấp nhận về mặt pháp lý, đó chỉ là vì chúng có thể được chấp nhận trên thực tế, và sở dĩ chúng có thể được chấp nhận trên thực tế là bởi vì tổ chức sản xuất hiện thời cần có một phương tiện trao đổi phổ biến. Pháp lý chỉ là sự thừa nhận chính thức thực tế mà thôi.

Chúng ta đã thấy rằng ông Pru-đông đã chọn tiền bạc làm thí dụ của sự ứng dụng của giá trị đạt tới trạng thái cấu thành, đó chẳng qua chỉ là nhằm làm cho toàn bộ học thuyết của ông ta về khả năng trao đổi có thể được thông qua một cách trót lọt, nghĩa là nhằm chứng minh rằng bất cứ hàng hoá nào trị giá theo chi phí sản xuất của nó cũng phải được biến thành tiền tệ cả. Mọi việc nói trên đều sẽ tốt lành nếu không có điều bất tiện sau đây: trong tất cả các hàng hoá, vàng và bạc với tư cách là tiền tệ là những hàng hoá độc nhất không do chi phí sản xuất của chúng quy định; và như vậy là rất đúng, đến nỗi trong lưu thông những hàng hoá ấy có thể được thay thế bằng giấy. Chừng nào mà giữa những nhu cầu lưu thông và số lượng tiền tệ phát hành, - dù là tiền tệ bằng giấy, bằng vàng, bằng bạch kim hay bằng đồng cũng vậy - vẫn giữ được một tỷ lệ nào đó, thì sẽ không thể có vấn đề giữ một tỷ lệ nào đó giữa giá trị cố hữu (do chi phí sản xuất quy định) và giá trị danh nghĩa của tiền tệ. Cổ nhiên, trong thương mại quốc tế, tiền tệ, cũng như mọi hàng hoá khác, được quy định

theo thời gian lao động. Nhưng, đó là vì vàng và bạc trong thương mại quốc tế cũng là những phương tiện trao đổi, với tính cách là sản phẩm chứ không phải với tính cách là tiền tệ, nghĩa là chúng mất tính chất "cố định và xác thực", tính chất "được vua chúa thừa nhận", những tính chất ấy, theo ông Pru-đông, tạo thành tính chất đặc biệt của vàng và bạc. Ri-các-đô đã hiểu rất rõ chân lý ấy, cho nên sau khi đã đặt toàn bộ học thuyết của ông trên cơ sở giá trị được quy định bằng thời gian lao động, và sau khi nói rằng: "*vàng và bạc* cũng như tất cả những hàng hoá khác, chỉ có giá trị thích ứng với số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra chúng và để đưa chúng ra thị trường" thì dẫu sao ông ta cũng nói thêm rằng giá trị của *tiền tệ* không do thời gian lao động bỏ vào vật chất của nó quy định, mà chỉ do quy luật cung cầu quy định.

"Tuy rằng tiền giấy không hề có giá trị nội tại gì cả, nhưng nếu người ta hạn định số lượng của nó, thì giá trị trao đổi của nó có thể bằng giá trị của tiền kim loại cùng tên gọi hay của những kim loại được chứa đựng trong những đồng tiền ấy. Cũng theo nguyên tắc ấy, nghĩa là bằng cách hạn định số lượng của tiền tệ, mà những đồng tiền đã mòn có thể lưu hành theo giá trị mà chúng phải có nếu trước kia chúng có trọng lượng và hàm lượng do pháp luật quy định, chứ không phải là theo giá trị nội tại của kim loại nguyên chất mà chúng chứa đựng. Vì thế trong lịch sử tiền tệ nước Anh chúng ta thường thấy rằng tiền tệ lưu thông không bao giờ bị giảm giá theo cùng một mức độ như mức độ chất của nó bị giảm xuống. Nguyên nhân là vì số lượng tiền tệ lưu thông không bao giờ tăng lên theo mức giảm xuống của giá trị nội tại của nó" (Ri-các-đô, s.d.d).

Gi.B. Xây nhận xét về đoạn ấy của Ri-các-đô như sau:

"*Thí dụ* ấy có lẽ cũng đủ, - tôi nghĩ vậy, - để làm cho tác giả tin rằng cơ sở của mọi giá trị không phải là số lượng lao động cần thiết để làm ra một hàng hoá, mà là nhu cầu của người ta đối với hàng hoá ấy, nhu cầu được so sánh với sự khan hiếm của hàng hoá ấy"⁵³.

Như vậy, tiền tệ đối với Ri-các-đô không còn là một giá trị được quy định bởi thời gian lao động nữa, và vì thế Gi.B. Xây đã lấy tiền tệ làm thí dụ nhằm làm cho Ri-các-đô tin rằng những giá trị khác cũng không thể được quy định bởi thời gian lao động; tôi nói thứ tiền tệ ấy, mà Gi. B. Xây lấy làm thí dụ về một giá trị

hoàn toàn do cung cầu quy định, đã trở thành, đối với ông Pru-đông, thí dụ thích hợp nhất về ứng dụng của giá trị được cấu thành... bởi thời gian lao động.

Để kết thúc, nếu tiền tệ hoàn toàn không phải là một "giá trị được cấu thành" bởi thời gian lao động, thì nó càng không thể có chỗ nào giống với "tính tỷ lệ" đúng đắn của ông Pru-đông. Vàng và bạc luôn luôn có thể trao đổi, bởi vì chúng có chức năng đặc biệt là dùng làm phương tiện trao đổi phổ biến, chứ hoàn toàn không phải vì chúng tồn tại với một số lượng tỷ lệ với toàn bộ của cải; hay nói đúng hơn, chúng luôn luôn theo tỷ lệ bởi vì, trong tất cả các hàng hoá, chỉ có chúng là dùng làm tiền tệ, làm phương tiện trao đổi phổ biến, mặc dù số lượng của chúng so với toàn bộ của cải là bao nhiêu chăng nữa.

"Tiền tệ trong lưu thông không bao giờ có thể có nhiều đến mức dư thừa; vì nếu người ta giảm bớt giá trị của nó thì người ta sẽ tăng thêm số lượng của nó theo cùng một tỷ lệ như vậy, và khi tăng thêm giá trị của nó, người ta càng giảm bớt số lượng của nó" (Ri-các-đô).

Ông Pru-đông kêu to lên rằng: "Khoa kinh tế chính trị thật là hỗn độn!".

"Một người cộng sản kêu to lên một cách buồn cười" (thông qua cửa miệng ông Pru-đông): "Vàng đáng ghét thay! Khác nào nói: Tiểu mạch đáng ghét thay! Những cây nho đáng ghét thay! Những con cừu đáng ghét thay! - bởi vì, cũng như vàng và bạc, *bất cứ giá trị thương mại nào* cũng phải đạt đến chỗ được quy định chính xác và chặt chẽ".

Ý nghĩ lấy những con cừu và những cây nho làm tiền tệ không phải là mới mẻ. Ở Pháp, ý nghĩ ấy thuộc về thế kỷ của Lu-i XIV. Thời ấy, tiền bạc đã bắt đầu trở thành vụn vặt, người ta phàn nàn về sự mất giá của tất cả những hàng hoá khác, và người ta nóng lòng mong chờ có một ngày mà "bất cứ giá trị thương mại nào" cũng có thể đạt đến sự quy định chính xác và chặt chẽ, đạt đến trạng thái tiền tệ. Boa-ghin-be, một trong số những nhà kinh tế học kỳ cựu nhất của nước Pháp, đã nói như thế này rồi:

"Bấy giờ tiền bạc, do chỗ xuất hiện vô số những kẻ cạnh tranh, tức là bản thân những hàng hoá đã khôi phục lại được giá trị đúng đắn của chúng, - sẽ bị đưa vào trong phạm vi những giới hạn tự nhiên của nó" ("Những nhà kinh tế - tài chính thế kỷ XVIII", tr. 422, Nhà xuất bản De-ơ-ơ).

Người ta thấy rằng những ảo tưởng đầu tiên của giai cấp tư sản cũng chính là những ảo tưởng cuối cùng của nó.

B. SỐ DƯ THỪA DO LAO ĐỘNG ĐEM LẠI

"Trong các sách giáo khoa kinh tế chính trị, người ta có thể đọc thấy cái giả thiết vô lý này: *Nếu giá cả của tất cả mọi vật phẩm tăng gấp đôi...* Tựa hồ như giá cả của tất cả mọi vật phẩm không phải là tỷ lệ của các vật phẩm ấy, và người ta có thể tăng gấp đôi một tỷ lệ, một quan hệ, một quy luật!" (Pru-đông, t. I, tr. 81).

Các nhà kinh tế học đều mắc sai lầm ấy vì họ đã không biết ứng dụng "quy luật tính tỷ lệ" và "giá trị được cấu thành".

Khôn thay, trong chính quyển sách của ông Pru-đông, t.I, tr.110, người ta lại đọc thấy cái giả thiết vô lý nói rằng "nếu tiền lương tăng lên một cách phổ biến thì giá cả của tất cả mọi vật phẩm đều sẽ tăng lên". Hơn nữa, nếu người ta thấy câu nói trên trong các sách kinh tế chính trị thì người ta cũng thấy luôn ở đó sự giải thích câu nói ấy.

"Nếu người ta nói rằng giá cả của tất cả mọi hàng hoá tăng hay giảm thì bao giờ người ta cũng loại trừ ra hàng hoá này hay hàng hoá kia: hàng hoá được loại trừ ra ấy thông thường là tiền hay lao động" ("Bách khoa toàn thư thủ đồ, hay Từ điển kiến thức tổng hợp", t. VI, bài "Khoa kinh tế chính trị" của Xê-ni-ơ, Luân Đôn, 1836⁵⁴). Về cách nói ấy xin tham khảo thêm G.Xt. Min. "Khái luận về một số vấn đề chưa được giải quyết trong khoa kinh tế chính trị", Luân Đôn, 1844, và Tu-ơ, "Lịch sử của giá cả" v.v., Luân Đôn, 1838⁵⁵.

Bây giờ chúng ta chuyển sang *ứng dụng thứ hai* của "giá trị được cấu thành", và những tính tỷ lệ khác mà khuyết điểm duy nhất là thiếu tỷ lệ; và chúng ta hãy xét xem trong trường hợp này ông Pru-đông có được ổn hơn so với việc *tiền tệ hoá* những con cừu hay không.

"Một định lý, được các nhà kinh tế học thừa nhận một cách phổ biến, là: bất cứ lao động nào cũng phải để ra một phần dư thừa. Theo tôi, luận điểm ấy là một chân lý vạn năng và tuyệt đối; đó là hệ quả của quy luật tính tỷ lệ, mà người ta có thể xem như là thấu tóm lại toàn bộ khoa học kinh tế. Nhưng, xin lỗi các nhà kinh tế học: nguyên lý nói rằng *bất cứ lao động nào cũng phải để ra một phần dư thừa*, trong phạm vi lý luận của họ, không có nghĩa gì cả, và không thể nào *chứng minh* được" (Pru-đông).

Để chứng minh rằng bất cứ lao động nào cũng phải để ra một phần dư thừa, ông Pru-đông đã nhân cách hoá xã hội; ông ta đã đem xã hội tạo thành một *xã hội - con người*, một xã hội quyết không phải là xã hội của những con người, bởi vì nó có những quy luật riêng của nó, nó không có chỗ nào giống với những con người cấu thành xã hội, nó có "trí thông minh riêng" của nó, không phải là trí thông minh của người thường, mà là một trí thông minh không có ý nghĩa lành mạnh. Ông Pru-đông chỉ trích các nhà kinh tế học là đã không hiểu cá tính của thực thể tập thể ấy. Chúng tôi cho rằng không phải là thừa nếu đem đối lập với lời nói của ông ta, đoạn sau đây của một nhà kinh tế học Mỹ, nhà kinh tế học này đã chỉ trích các nhà kinh tế học khác về một điều trái hẳn:

"Cái pháp *nhân* (the moral entity), cái thực thể văn phạm (the grammatical being) được gọi là xã hội, đã được gán cho những thuộc tính mà trên thực tế chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của những kẻ dùng chữ để làm ra vật mà thôi... Đó là điều đã gây ra khá nhiều khó khăn và lầm lẫn thâm hại trong khoa kinh tế chính trị" (T. Cu-pơ, "Các bài giảng về nguyên lý của khoa kinh tế chính trị", Cô-lông-bi, 1826⁵⁶).

Ông Pru-đông tiếp tục:

"Nguyên lý ấy về số dư thừa do lao động đem lại chỉ đúng đối với những cá nhân, là bởi vì nó bắt nguồn từ xã hội, xã hội bằng cách đó trao cho họ tác động có hiệu quả của những quy luật riêng của mình".

Phải chăng qua đó, ông Pru-đông chỉ muốn nói rằng sản xuất của cá nhân trong xã hội vượt quá sản xuất của cá nhân sống cô độc? Phải chăng ông Pru-đông muốn nói đến cái phần dư thừa

ấy của sản xuất của những cá nhân liên hợp với nhau so với sản xuất của những cá nhân không liên hợp với nhau? Nếu quả như vậy, chúng ta sẽ có thể dẫn ra cho ông ta rất nhiều nhà kinh tế học đã diễn đạt chân lý giản đơn ấy mà không cần đến chủ nghĩa thần bí của ông Pru-đông. Chẳng hạn, ông Xát-lơ nói như thế này:

"Lao động liên hợp đưa lại những kết quả mà lao động cá nhân quyết không bao giờ sinh ra được. Vậy, loài người càng đông thêm thì những sản phẩm của lao động liên hợp sẽ càng vượt xa tổng số của một bài tính cộng giản đơn tính toán căn cứ vào số người tăng thêm ấy... Trong kỹ thuật máy móc cũng như trong hoạt động khoa học, ngày nay một người trong một ngày có thể làm hơn một cá nhân cô độc làm suốt đời. Định lý toán học nói rằng toàn thể bằng tổng số các bộ phận, nếu ứng dụng vào vấn đề của chúng ta thì sẽ không còn đúng nữa. Nếu nói về lao động, cái chỗ dựa lớn lao đó của sự tồn tại của con người (the great pillar of human existence), thì người ta có thể nói rằng sản phẩm của những cố gắng tập thể vượt xa tất cả cái mà những cố gắng cá nhân và phân tán có thể sản xuất ra được" (T. Xát-lơ. "Quy luật dân số", Luân Đôn, 1830⁵⁷).

Chúng ta hãy trở lại ông Pru-đông. Ông ta nói: sở dĩ có số dư thừa do lao động đem lại là nhờ có xã hội - con người. Đời sống của con người này tuân theo những quy luật đối lập với những quy luật chỉ đạo hoạt động của con người với tư cách là cá nhân; đó là điều mà ông ta muốn chứng minh bằng các "sự kiện".

"Việc phát hiện ra một biện pháp kinh tế mới không bao giờ có thể mang lại cho người phát minh một lợi ích bằng lợi ích mà phát hiện đó cống hiến cho xã hội cả. Người ta đã nhận xét rằng những xí nghiệp đường sắt là một nguồn lợi đối với nhà nước hơn là đối với những chủ xí nghiệp... Giá vận tải trung bình của hàng hoá chạy bằng xe súc vật kéo là 18 xu mỗi tấn trên 1 km, kể cả nhận hàng đến giao hàng ở kho. Người ta đã tính rằng với biểu giá ấy, một xí nghiệp đường sắt bình thường sẽ không thu được 10% lợi nhuận ròng, kết quả ấy cũng gần như là kết quả của một xí nghiệp chạy xe súc vật kéo. Nhưng chúng ta hãy cho rằng tốc độ vận tải bằng đường sắt so với tốc độ chạy xe súc vật kéo bằng tỷ lệ 4 trên 1; vì trong xã hội, thời gian cũng chính là giá trị, cho nên với giá cả bằng nhau, xe lửa so với xe súc vật kéo có lợi hơn là 400%. Tuy nhiên, cái lợi to lớn ấy, rất thực tế đối với xã hội, khó mà thực hiện được đối với người chủ xí nghiệp vận tải với cùng một tỷ lệ như thế, trong khi người ấy làm cho xã hội được hưởng một lợi nhuận là 400%, thì

về phần mình, người ấy không thu được 10%. Thật vậy, chúng ta hãy giả định, để cho vấn đề rõ ràng hơn, rằng ngành đường sắt nâng giá vé của nó lên 25 xu, còn giá vé của xe súc vật kéo vẫn là 18, thì ngành đường sắt sẽ mất hết hàng gửi ngay lập tức. Những người gửi hàng, những người nhận hàng, ai ai cũng quay trở về với các thứ xe cộ thô sơ, nếu cần. Tàu hoả sẽ vắng tanh: một cái lợi của xã hội là 400% sẽ bị hy sinh cho khoản thiệt 35%. Lý do của việc ấy cũng dễ hiểu thôi: cái lợi do tốc độ xe lửa mang lại là một cái lợi hoàn toàn có tính chất xã hội, và mỗi cá nhân chỉ được hưởng một phần rất nhỏ của cái lợi ấy (chúng ta đừng quên rằng bây giờ chỉ nói đến vận tải hàng hoá), còn khoản thiệt thì người tiêu dùng phải chính mình trực tiếp chịu. Một lợi nhuận xã hội bằng 400 có nghĩa là nếu xã hội chỉ gồm có một triệu người, mỗi cá nhân chỉ được có bốn phần vạn; còn khoản thiệt hại là 33% đối với người tiêu dùng có nghĩa là xã hội bị thiệt 33 triệu" (Pru-đông).

Nếu ông Pru-đông diễn đạt một tốc độ tăng lên bốn lần bằng con số 400% của tốc độ ban đầu thì còn có thể được. Nhưng nếu ông ta so sánh những phần trăm tốc độ với những phần trăm lợi nhuận và nếu ông ta lập nên một quan hệ tỷ lệ giữa hai tỷ lệ ấy - hai tỷ lệ đều tính riêng bằng những số phần trăm, nhưng lại không thể có một thước đo chung nào cả: thì tức là lập nên một tỷ lệ giữa những số phần trăm mà không đã động gì đến chính những vật mà số phần trăm này có liên quan tới.

Những số phần trăm bao giờ cũng là những số phần trăm. 10% và 400% là những số có thể so sánh với nhau; số này so với số kia bằng 10 trên 400. Vậy - ông Pru-đông kết luận - một lợi nhuận 10% so với một tốc độ tăng gấp bốn lần thì kém bốn mươi lần. Để cứu vãn cái bề ngoài, ông ta nói rằng, đối với xã hội, thời gian là tiền (time is money). Sở dĩ có sự sai lầm ấy là vì ông ta nhớ mang máng rằng có tỷ lệ giữa giá trị và thời gian lao động, và ông ta vội vàng coi thời gian lao động với thời gian vận tải là một, nghĩa là ông ta coi mấy người thợ đốt lò, nhân viên soát vé và hướng dẫn viên trên tàu - mà thời gian lao động của họ chẳng qua chỉ là thời gian vận tải - cùng toàn bộ xã hội là một vậy. Thế là đột nhiên tốc độ trở thành tư bản, và trong trường hợp ấy, ông ta có đầy đủ lý do để nói rằng: "Một lợi nhuận 400% sẽ

bị hy sinh cho một khoản thiệt 35%". Sau khi với tư cách là nhà toán học, ông ta đã dựng lên cái luận điểm kỳ lạ ấy thì ông ta lại lấy danh nghĩa là nhà kinh tế học để giải thích cho chúng ta về luận điểm ấy.

"Một lợi nhuận xã hội bằng 400 có nghĩa là - nếu xã hội chỉ gồm có một triệu người - mỗi cá nhân chỉ được có bốn phần vạn". Cứ cho là như vậy; nhưng ở đây không phải là 400, mà là 400%; và một lợi nhuận 400% có nghĩa là mỗi cá nhân được 400%, không hơn không kém. Dù tư bản là bao nhiêu chẳng nữa, tiền lãi vẫn được chia theo tỷ lệ 400%. Ông Pru-đông làm gì vậy? Ông ta cho những số phần trăm là tư bản, và tựa hồ như ông ta sợ rằng sự lẫn lộn của mình không khá rõ ràng, không đủ "dễ thấy", nên ông ta tiếp tục:

"Một khoản thiệt hại là 33% đối với người tiêu dùng có nghĩa là xã hội bị lỗ 33 triệu". Một khoản thiệt hại 33% đối với người tiêu dùng vẫn là một khoản thiệt hại 33% đối với một triệu người tiêu dùng. Ông Pru-đông không biết tư bản xã hội, thậm chí tư bản của một người hữu quan độc nhất là bao nhiêu cả. Thế thì làm sao, sau đó, ông ta lại có thể nói một cách chính đáng rằng xã hội bị hụt 33 triệu trong trường hợp số thiệt hại là 33%? Thế là ông Pru-đông chưa vừa ý với việc lẫn lộn *tư bản* với những *số phần trăm*; ông ta còn đi xa hơn nữa bằng cách nhập lại làm một *tư bản* bỏ vào một xí nghiệp với số những người hữu quan.

"Thật vậy, để cho dễ thấy hơn, chúng ta hãy giả định" một tư bản nào đó. Một lợi nhuận của xã hội là 400%, phân phối cho một triệu người tham dự, mỗi người đã góp vào 1 phrăng, sẽ mang lại cho mỗi người 4 phrăng thu nhập, chứ không phải 0,0004, như ông Pru-đông tưởng. Cũng giống như thế, một khoản lỗ 33% đối với mỗi người tham dự có nghĩa là xã hội bị lỗ 330 000 phrăng, chứ không phải 33 triệu ($100 : 33 = 1\ 000\ 000 : 330\ 000$).

Quá bận tâm về học thuyết của mình về xã hội - con người, ông

Pru-đông quên chia cho 100. Như vậy, ông ta sẽ có 330 000 phrăng tiền lỗ; nhưng mỗi người được 4 phrăng lợi nhuận thì xã hội sẽ được 4 triệu phrăng lợi nhuận. Như vậy, còn lại cho xã hội một lợi nhuận ròng là 3 670 000 phrăng. Sự tính toán chính xác này chứng minh điều trái hẳn với cái mà ông Pru-đông đã muốn chứng minh; đó chính là vì những món tiền lời và lỗ vốn của xã hội quyết không phải là theo tỷ lệ nghịch với những món tiền lời và lỗ vốn của những cá nhân.

Sau khi đã đính chính lại những sai lầm giản đơn về tính toán thuần túy ấy, chúng ta hãy xét xem người ta sẽ đi đến kết quả như thế nào, nếu người ta muốn thừa nhận cái tỷ lệ giữa tốc độ và tư bản trong trường hợp của ngành đường sắt, theo như ông Pru-đông đã đề ra, trừ đi những sai lầm về tính toán. Chúng ta hãy giả định rằng một phương tiện vận tải nhanh hơn bốn lần và chi phí vận tải cũng tăng gấp bốn lần, phương tiện vận tải ấy sẽ mang lại lợi nhuận không kém so với vận tải bằng xe súc vật kéo chậm hơn bốn lần và chi phí vận tải bằng một phần tư. Vậy, nếu xe súc vật kéo lấy 18 xu, thì xe lửa có thể lấy 72 xu. Căn cứ theo "tính chặt chẽ toán học", đó là kết quả của những giả thuyết của ông Pru-đông, vẫn trừ đi những sai lầm về tính toán của ông ta. Nhưng bỗng nhiên, ông ta nói với chúng ta rằng nếu xe lửa chỉ lấy có 25 xu, chứ không phải là 72 xu thì xe lửa sẽ mất hết hàng gửi ngay lập tức. Tất nhiên, trong trường hợp đó phải quay trở về với các thứ xe cộ thô sơ thôi. Thế nhưng, nếu chúng ta có một lời khuyên để nói với ông Pru-đông, thì đó là ông ta không nên quên chia cho 100 trong "*Chương trình về hội liên hiệp tiến bộ*" của ông ta. Nhưng, than ôi ! Chẳng có hy vọng gì là ông Pru-đông nghe lời khuyên của chúng ta, vì ông ta quá say sưa với bài tính "tiền bộ" thích hợp với "hội liên hiệp tiến bộ" của ông ta, đến nỗi ông ta kêu lên với một giọng rất to:

"Ồ chương hai, khi giải quyết mâu thuẫn của giá trị, tôi đã làm cho người ta thấy rằng lợi ích của bất cứ một phát minh có ích nào đối với người phát minh, dù

làm gì đi nữa, cũng thua kém rất nhiều so với lợi ích của phát minh ấy đối với xã hội; tôi đã chứng minh điểm đó với cả tính chính xác toán học chặt chẽ!"

Chúng ta hãy trở lại sự tưởng tượng về xã hội - con người, sự tưởng tượng ấy không có mục đích nào khác là chứng minh chân lý giản đơn sau đây: Một phát minh mới làm cho người ta có thể sản xuất, với cùng một số lượng lao động như vậy, một số lượng hàng hoá lớn hơn, sẽ làm cho giá trị trao đổi của sản phẩm giảm xuống. Vậy xã hội có được một lợi ích, không phải vì thu được nhiều giá trị trao đổi hơn, mà là vì, với cùng một giá trị như thế, thu được nhiều hàng hoá hơn. Còn đối với người phát minh, sự cạnh tranh làm cho lợi nhuận của người ấy hạ dần xuống tới mức phổ biến của lợi nhuận. Phải chăng ông Pru-đông đã chứng minh luận điểm ấy như ông ta muốn chứng minh? Không. Nhưng không phải vì thế mà ông ta không chỉ trích các nhà kinh tế học là đã không làm cái việc chứng minh đó. Để chứng minh cho ông ta thấy là trái lại thế, chúng tôi chỉ dẫn chứng Ri-các-đô và Lô-đéc-đan. Ri-các-đô, lãnh tụ của trường phái lấy thời gian lao động quy định giá trị; Lô-đéc-đan, một trong số những người bảo vệ hăng hái nhất học thuyết giá trị do cung cầu quyết định. Cả hai ông ấy đều đã phát triển cùng một luận đề như nhau.

"Bằng cách làm cho sản xuất không ngừng được thuận lợi hơn, chúng ta không ngừng làm cho giá trị của một vài vật phẩm sản xuất ra trước đây giảm xuống, tuy rằng bằng cách ấy không những chúng ta làm tăng thêm sự giàu có của nước nhà, mà chúng ta còn làm tăng thêm năng lực sản xuất cho tương lai... Khi mà, với những máy móc, hay do những kiến thức của chúng ta về khoa học tự nhiên, chúng ta bắt những sức mạnh thiên nhiên phải làm công trình mà trước kia con người làm, thì lập tức giá trị trao đổi của công trình ấy hạ xuống ngay. Nếu cần đến mười người để quay một cái cối xay bột, và sau đó nếu người ta phát hiện ra rằng, nhờ sức gió hay nước, có thể tiết kiệm được lao động của mười người ấy, thì ngay từ lúc đó, bột do cối xay sản xuất ra sẽ hạ giá, theo tỷ lệ với tổng số lao động tiết kiệm được; và xã hội sẽ giàu thêm với toàn bộ giá trị của những vật phẩm mà lao động của mười người ấy có thể sản xuất ra được, vì số vốn dùng để bảo dưỡng những người lao động đồng thời không vì thế mà giảm bớt tí nào" (Ri-các-đô).

Lô-đéc-đan nói:

"Lợi nhuận của tư bản luôn luôn phát sinh là do chỗ tư bản thay thế được một phần lao động mà con người phải làm bằng hai bàn tay của mình, hoặc do chỗ tư bản đảm nhiệm một phần lao động vượt quá sức lực bản thân của con người, mà con người không thể tự mình làm được. Thông thường, những người chủ sở hữu máy móc thu được tiền lời ít ỏi, so với giá cả của lao động mà máy móc thay thế, điều đó có lẽ làm cho người ta đâm ra ngờ vực về sự đúng đắn của ý kiến ấy. Chẳng hạn, một cái bơm nước trong một ngày hút ra khỏi một hầm than một số lượng nước nhiều hơn là ba trăm người có thể lấy nước ra bằng cách mang trên lưng, dù có dùng đến các thùng gỗ cũng vậy và không nghi ngờ gì cả, cái bơm nước thay thế được lao động của họ với chi phí ít hơn nhiều. Đây là trường hợp của tất cả mọi máy móc. Máy móc sẽ làm với một giá rẻ hơn đối với lao động mà trước đây con người làm bằng tay nay bị máy móc thay thế. Tôi giả thiết rằng người ta cấp một cái bằng phát minh cho một người phát minh ra một cái máy làm được công việc của bốn người; vì đặc quyền ngăn trở mọi sự cạnh tranh với người ấy, ngoài sự cạnh tranh sinh ra do lao động của những người công nhân bị máy của người phát minh thay thế, nên rõ ràng là, trong suốt cả thời gian có đặc quyền, tiền công của những công nhân ấy sẽ là thước đo quy định giá cả mà theo đó người phát minh có thể bán những sản phẩm của ông ta; do đó, để bảo đảm cho sản phẩm được tiêu thụ, ông ta sẽ đòi giá rẻ hơn một chút so với tiền công của lao động mà cái máy của ông ta thay thế. Nhưng khi đặc quyền hết hạn thì những máy khác cùng loại được làm ra và đi vào cạnh tranh với cái máy của ông ta. Lúc bấy giờ ông ta sẽ điều tiết giá cả cho sản phẩm của mình dựa trên nguyên tắc chung, tức là tùy theo tình hình máy tăng lên mà quy định giá cả. Lợi nhuận của tư bản đã chi phí... tuy ở đây nó là kết quả của một lao động được thay thế, rút cục không phải là do giá trị của lao động ấy điều tiết, mà, cũng như trong tất cả mọi trường hợp khác, do sự cạnh tranh giữa những người chủ tư bản điều tiết; và mức độ của sự cạnh tranh đó bao giờ cũng do quan hệ giữa số lượng tư bản được cung cấp cho công việc ấy với yêu cầu về số lượng tư bản cần dùng, quyết định".

Vậy cuối cùng, chừng nào mà lợi nhuận trong một ngành công nghiệp mới cao hơn lợi nhuận ở trong những ngành khác, thì sẽ có những tư bản dồn vào ngành công nghiệp mới ấy, cho đến khi nào tỷ suất lợi nhuận của ngành này hạ xuống tới mức phổ biến.

Chúng ta vừa mới thấy rằng thí dụ về đường sắt không rọi thêm một chút ánh sáng nào vào sự tưởng tượng về xã hội - con

người cả. Thế nhưng, ông Pru-đông vẫn dửng dưng tiếp tục cái lập luận của ông ta:

"Sau khi đã làm sáng rõ những điều ấy rồi, thì không có gì dễ hơn việc giải thích vì sao mà lao động phải để lại cho mỗi người sản xuất một phần dư thừa".

Bây giờ, những điều nói sau đây là thuộc về thời đại cổ điển. Đó là một truyện cổ tích bằng thơ, thuật lại nhằm giải lao bạn đọc sau khi đã mệt mỏi vì lập luận chặt chẽ của những chứng minh toán học ở trên kia. Ông Pru-đông tặng cho xã hội - con người của ông ta cái tên *Prô-mê-tê*, ông ta ca ngợi những công trạng của Prô-mê-tê như thế này:

"Đầu tiên, Prô-mê-tê lột khỏi lòng của tự nhiên, tinh dấy với cuộc đời trong trạng thái ngồi không đầy say đắm", v.v. và v.v.. "Prô-mê-tê bắt tay vào công việc và, ngay ngày đầu của anh ta, ngày đầu tiên của sự sáng tạo lần thứ hai, sản phẩm của Prô-mê-tê, nghĩa là của cái của anh ta, phúc lợi của anh ta, bằng mười. Ngày thứ hai, Prô-mê-tê phân chia lao động của anh ta, và sản phẩm của anh ta trở thành bằng một trăm. Ngày thứ ba và mỗi ngày sau đó, Prô-mê-tê phát minh ra máy móc, phát hiện ra những công dụng mới trong các vật thể, những sức mạnh mới trong tự nhiên... Qua mỗi bước tiến trong công nghiệp của anh ta, con số sản lượng của anh ta lại nâng lên và làm cho phần hạnh phúc của anh ta tăng thêm. Thế rồi sau cùng, vì đối với anh ta, tiêu dùng tức là sản xuất, nên rõ ràng là cứ mỗi ngày tiêu dùng, chỉ tiêu dùng sản phẩm của ngày hôm trước, lại để lại một phần sản phẩm dư thừa cho ngày hôm sau".

Cái anh chàng Prô-mê-tê ấy của ông Pru-đông quả là một gã kỳ quái, yếu đuối bất lực, cả về lô-gích cũng như về khoa kinh tế chính trị. Nếu như Prô-mê-tê chỉ giảng dạy cho chúng ta rằng sự phân công lao động, sự ứng dụng máy móc, sự khai thác những sức mạnh tự nhiên và việc sử dụng khoa học kỹ thuật đều làm tăng thêm lực lượng sản xuất cho con người và đưa lại một phần dư thừa so với sản phẩm của lao động biệt lập, - thì cái anh chàng Prô-mê-tê mới ấy chỉ có cái bất hạnh là ra đời quá muộn. Nhưng nếu Prô-mê-tê lại muốn xen vào việc bàn về sản xuất và tiêu dùng thì quả là anh ta trở thành lố bịch. Theo anh ta, tiêu dùng tức là sản xuất; anh ta tiêu dùng trong ngày hôm sau cái mà anh ta sản

xuất trong ngày hôm trước, bằng cách đó, anh ta luôn luôn có được một ngày lao động dự trữ; cái ngày dự trữ có trước ấy tạo ra "phần dư thừa do lao động đem lại" của anh ta. Thế nhưng, khi tiêu dùng trong ngày hôm sau cái mà anh ta sản xuất ngày hôm trước, thì ngày đầu tiên - không có ngày hôm trước - tất là anh ta phải lao động cho hai ngày, có thể thì sau này mới có một ngày lao động dự trữ được. Ngày đầu tiên, Prô-mê-tê đã thu được phần dư thừa ấy như thế nào, trong khi chưa có phân công lao động, chưa có máy móc, chưa có cả những hiểu biết về các sức mạnh tự nhiên khác ngoài sự hiểu biết về lửa ra? Như vậy, nếu vấn đề bị đẩy về với "ngày đầu tiên của sự sáng tạo lần thứ hai", thì tình hình không tiến được một bước nào. Cái lối giải thích sự vật như thế vừa giống giọng văn Hy Lạp, vừa giống giọng văn Do Thái, nó vừa thần bí vừa bóng bẩy, nó rất có thể làm cho ông Pru-đông có quyền nói:

"Tôi đã chứng minh, bằng lý luận và bằng sự kiện, nguyên lý nói rằng bất cứ lao động nào cũng phải để lại một phần dư thừa".

Sự kiện, chính là sự tính toán tiến bộ nổi tiếng, còn lý luận chính là câu chuyện thần thoại về Prô-mê-tê.

Ông Pru-đông tiếp tục: "Thế nhưng, nguyên lý ấy chính xác như một chân lý số học, còn lâu mới có thể thực hiện được đối với tất cả mọi người. Trong khi, nhờ sự tiến bộ của lao động tập thể mà mỗi ngày lao động cá nhân thu được một sản phẩm ngày càng lớn, và, do một kết quả tất nhiên, người lao động, cũng với tiền công như thế, đáng lẽ phải trở nên mỗi ngày một giàu có hơn, - thì trong xã hội lại có những tầng lớp được phát to và những tầng lớp khác thì bị tiêu vong vì khốn cùng".

Năm 1770, số dân của Vương quốc liên hợp Anh là 15 triệu và số dân sản xuất là 3 triệu. Sức sản xuất của những cải tiến kỹ thuật đương thời ước chừng bằng sức sản xuất của 12 triệu người; vậy tổng số lực lượng sản xuất có 15 triệu tất cả. Như vậy, lực lượng sản xuất so với số dân bằng tỷ lệ 1 trên 1, và năng suất của những cải tiến kỹ thuật so với năng suất của lao động thủ công bằng tỷ lệ 4 trên 1.

Năm 1840, số dân không vượt quá 30 triệu, số dân sản xuất là 6 triệu, còn năng suất của những cải tiến kỹ thuật lên tới 650 triệu, nghĩa là tỷ lệ giữa năng suất của những cải tiến kỹ thuật ấy so với toàn bộ số dân bằng 21 trên 1, và so với năng suất của lao động thủ công bằng 108 trên 1.

Vậy, trong xã hội Anh, trong bảy mươi năm, năng suất của ngày lao động đã tăng 2700%, nghĩa là năm 1840, ngày lao động sản xuất bằng hai mươi bảy lần năm 1770. Theo ông Pru-đông thì phải đặt ra câu hỏi thế này: tại sao người công nhân Anh năm 1840 lại không giàu hơn người công nhân Anh năm 1770 hai mươi bảy lần? Cổ nhiên khi đặt một câu hỏi như thế, người ta giả định rằng người Anh có thể sản xuất ra những của cải ấy mà không có những điều kiện lịch sử trong đó những của cải ấy được sản xuất ra, như là: tích lũy tư bản do các tư nhân thực hiện, phân công lao động hiện đại, công xưởng tự động, cạnh tranh vô chính phủ, chế độ lao động làm thuê, tóm lại, tất cả những cái gì dựa trên đối kháng giai cấp. Thế mà, đó lại chính là những điều kiện cần thiết đối với sự phát triển lực lượng sản xuất và làm tăng phần dư thừa do lao động đem lại. Vậy để có được sự phát triển ấy của lực lượng sản xuất và phần dư thừa do lao động đem lại ấy, phải có những giai cấp được phát to và những giai cấp khác bị tiêu vong vì khốn cùng.

Vậy thì, cuối cùng, cái anh chàng Prô-mê-tê mà ông Pru-đông đã làm sống lại ấy, là cái gì? Đó là xã hội, đó là những quan hệ xã hội dựa trên đối kháng giai cấp. Những quan hệ ấy không phải là những quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, mà là những quan hệ giữa công nhân và nhà tư bản, giữa người phéc-mi-ê với địa chủ, v.v.. Hãy xóa bỏ những quan hệ xã hội ấy, thế là toàn bộ xã hội không còn nữa; và cái anh chàng Prô-mê-tê của anh chỉ còn là một bóng ma không tay không chân, nghĩa là không có công xưởng tự động, không có phân công lao động, tóm lại, không có tất cả

những cái mà anh đã cho anh ta ngay từ đầu để anh ta thu được phần dư thừa do lao động đem lại ấy.

Vậy nếu như, trên lý luận, chỉ cần - như ông Pru-đông đã làm - giải thích công thức về phần dư thừa do lao động đem lại theo ý nghĩa bình quân chủ nghĩa, không chú ý đến những điều kiện hiện thời của sản xuất, thì trên thực tiễn, chỉ cần tiến hành sự phân phối bình quân chủ nghĩa cho công nhân về tất cả những của cải hiện làm ra được, mà không cần thay đổi gì những điều kiện hiện thời của sản xuất cả. Việc chia của cải ấy tất nhiên sẽ không bảo đảm được cho mỗi người tham dự một đời sống hạnh phúc ở mức độ cao.

Nhưng ông Pru-đông không bi quan như người ta tưởng. Vì đối với ông ta tính tỷ lệ là tất cả, cho nên ông ta không thể nhìn thấy trong nhân vật có sẵn Prô-mê-tê, nghĩa là trong xã hội hiện thời, sự thực hiện bước đầu của quan niệm mà ông ta ưa chuộng.

"Nhưng, ở đâu sự tiến bộ về giàu có, nghĩa là *tính tỷ lệ của giá trị* cũng là quy luật thống trị; và khi nào mà, để đáp lại những lời phàn nàn của đảng xã hội, các nhà kinh tế học đưa ra luận điệu về sự tăng thêm phúc lợi chung ngày càng nhiều và về sự cải thiện điều kiện sinh hoạt của các giai cấp, kể cả những giai cấp khốn khổ nhất, thì như vậy là họ đã không ngờ mà nói lên một sự thật, sự thật ấy lên án những học thuyết của họ".

Trên thực tế, của cải tập thể và phúc lợi chung là cái gì? Đó là sự giàu có của giai cấp tư sản, chứ không phải của mỗi nhà tư sản cá biệt. Vậy là, những nhà kinh tế học chỉ làm cái việc chứng minh xem, trong những quan hệ sản xuất hiện có, sự giàu có của giai cấp tư sản đã phát triển và sẽ phải phát triển nữa như thế nào. Còn về phía giai cấp công nhân, điều kiện sinh hoạt của họ có thật được cải thiện do cái gọi là của cải xã hội được tăng lên hay không, đó là một vấn đề còn phải tranh luận. Nếu như các nhà kinh tế học muốn chứng minh sự lạc quan của họ, dẫn ra cho chúng ta thí dụ về những người công nhân Anh làm trong công nghiệp vải bông, thì chẳng qua họ chỉ nhìn thấy tình cảnh của

những người công nhân ấy trong những thời kỳ phồn vinh hiếm có của thương mại mà thôi. Những thời kỳ phồn vinh ấy, so với những thời kỳ khủng hoảng và đình trệ, thì theo quan hệ "tỷ lệ đúng đắn" giữa 3 với 10. Nhưng cũng có lẽ là, khi nói đến cải thiện, các nhà kinh tế học muốn nói đến hàng triệu công nhân phải chết ở Ấn Độ, để cung cấp ba năm phồn vinh trong số mười năm cho một triệu rưỡi công nhân làm việc ở nước Anh trong cùng một ngành công nghiệp ấy.

Còn về sự tham dự tạm thời vào việc hưởng của cải xã hội tăng thêm, thì lại là vấn đề khác. Việc tham dự tạm thời được giải thích bằng lý luận của các nhà kinh tế học. Nó xác nhận lý luận ấy, chứ hoàn toàn không phải là "lên án" lý luận ấy như ông Pru-đông nói. Nếu có một cái gì phải lên án thì chắc chắn đó là học thuyết của ông Pru-đông, như chúng ta đã chứng minh, học thuyết này muốn rút tiền công của công nhân xuống mức tối thiểu, mặc dù của cải tăng lên. Chỉ có rút tiền công của công nhân xuống mức tối thiểu thì ông ta mới ứng dụng được ở đây cái nguyên lý về tính tỷ lệ đúng đắn của các giá trị, mới ứng dụng được cái nguyên lý về "giá trị được cấu thành" bởi thời gian lao động. Chính vì tiền công, do kết quả của cạnh tranh, lên xuống khi cao hơn khi thấp hơn giá tư liệu sinh hoạt cần thiết để nuôi sống người công nhân, nên người công nhân có thể tham dự ít nhiều vào sự phát triển của cải xã hội, và cũng chính vì thế mà anh ta có thể chết đói. Đó là toàn bộ học thuyết của các nhà kinh tế học, về mặt ấy họ không có ảo tưởng gì.

Sau khi đã nói huyền thuyên về đường sắt, về Prô-mê-tê và về cái xã hội mới phải xây dựng lại trên cơ sở "giá trị được cấu thành", ông Pru-đông trầm lặng lại; bị xúc động, ông ta kêu to lên bằng một giọng gia trưởng:

"Tôi khẩn khoản yêu cầu các nhà kinh tế học hãy tự hỏi trong một lát, trong sự yên tĩnh của cõi lòng của họ, lánh xa những thành kiến làm vẩn đục tâm trí của họ và không kể gì đến những chức vụ mà họ đang giữ hay mong đợi, không kể gì đến

những lợi ích mà họ phục vụ, những phiếu bầu mà họ thêm muốn, những danh dự làm thoả mãn lòng hư vinh của họ, - họ hãy nói xem có phải là cho đến ngày hôm nay họ vẫn thấy nguyên lý nói rằng bất cứ lao động nào cũng phải để lại một phần dư thừa, - được trưng ra theo kiểu một chuỗi những tiền đề và những kết quả mà chúng tôi đã nêu lên, hay không?"

CHƯƠNG HAI

PHÉP SIÊU HÌNH

CỦA KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

§I. PHƯƠNG PHÁP

Bây giờ, chúng tôi hiện đang ở giữa nước Đức! Chúng tôi sắp phải nói về phép siêu hình mà vẫn cứ nói về khoa kinh tế chính trị. Và còn điều này nữa, chúng tôi chỉ làm cái việc là đi theo những "mâu thuẫn" của ông Pru-đông thôi. Lúc này, ông ta buộc chúng tôi phải nói tiếng Anh, buộc bản thân chúng tôi phải trở thành người Anh trên một mức độ nào đó. Bây giờ thì sân khấu thay đổi rồi. Ông Pru-đông đưa chúng tôi vào đất nước thân yêu của chúng tôi và buộc chúng tôi phải bắt đầu lấy trở lại tư cách người Đức của chúng tôi.

Nếu người Anh biến con người thành những cái mũ thì người Đức lại biến những cái mũ thành những ý niệm. Người Anh, đó là Ri-các-đô, chủ ngân hàng giàu có và nhà kinh tế học xuất sắc; người Đức, đó là Hê-ghe, giáo sư bình thường dạy triết học ở trường Đại học Béc-lin.

Lu-i XV, ông vua chuyên chế cuối cùng, đại biểu cho sự suy tàn của vương triều Pháp, đã tuyển một người thầy thuốc, trước kia là nhà kinh tế học đầu tiên của nước Pháp, để phục vụ bản thân mình. Người thầy thuốc ấy, nhà kinh tế học ấy, đại biểu cho thắng lợi sắp tới và chắc chắn của giai cấp tư sản pháp. Bác sĩ Kê-nê đã làm cho khoa kinh tế chính trị trở thành một khoa học; ông ta đã tóm tắt khoa kinh tế chính trị lại trong "*Biểu kinh tế*"

nổi tiếng của ông. Ngoài một nghìn lẻ một lời bình luận đã được xuất bản nói về cái biểu ấy ra, chúng ta còn thấy có một lời bình luận của bản thân bác sĩ. Đó là "Phân tích Biểu kinh tế", có kèm theo "*bảy nhận xét quan trọng*"⁵⁸.

Ông Pru-đông là một bác sĩ Kê-nê khác. Đó là Kê-nê của phép siêu hình của khoa kinh tế chính trị.

Thế mà, theo Hê-ghe thì phép siêu hình, tức là toàn bộ triết học nói chung, đều được thu tóm thành phương pháp. Vậy chúng ta phải tìm cách làm sáng tỏ phương pháp của ông Pru-đông, một phương pháp ít ra cũng tối mù mù như "Biểu kinh tế" vậy. Chính vì lẽ đó nên chúng tôi đưa ra bảy nhận xét ít nhiều quan trọng. Nếu bác sĩ Pru-đông không vừa lòng với những nhận xét của chúng tôi, thì xin ông ta hãy nhận lấy vai trò của linh mục Bô-đô và tự làm lấy việc "giải thích phương pháp siêu hình - kinh tế học"⁵⁹.

Nhận xét thứ nhất

"Chúng tôi quyết không đưa ra một *lịch sử theo trật tự của thời gian*, mà là *theo trật tự của những ý niệm*. Những *giai đoạn kinh tế* hay *phạm trù kinh tế* biểu hiện ra khi thì đồng thời, khi thì đảo ngược. Nhưng những học thuyết kinh tế không vì thế mà không có *cái trật tự lô-gích* của chúng và chuỗi của chúng *trong lý tính*: chúng tôi hy vọng rằng chính trật tự ấy là cái mà chúng tôi đã phát hiện ra được" (Pru-đông, t.I. tr.145 và 146).

Chắc hẳn là ông Pru-đông muốn làm cho người Pháp sợ hãi bằng cách ném vào mặt họ những câu nói kiểu gần như của Hê-ghe. Vậy chúng ta phải nói đến hai người, trước hết là ông Pru-đông, rồi đến Hê-ghe. Ông Pru-đông khác những nhà kinh tế học khác như thế nào? Còn Hê-ghe, ông ta đã đóng vai trò gì trong khoa kinh tế chính trị của ông Pru-đông?

Các nhà kinh tế học diễn đạt những quan hệ sản xuất tư sản, sự phân công lao động, tín dụng, tiền tệ v.v., như là những phạm trù cố định, không thay đổi, vĩnh cửu. Ông Pru-đông, đứng trước những phạm trù đã hình thành xong xuôi ấy, muốn giải thích cho

chúng ta hiểu sự hình thành, sự phát sinh của tất cả những phạm trù, nguyên lý, quy luật, ý niệm, tư tưởng ấy.

Các nhà kinh tế học giải thích cho chúng ta hiểu rằng người ta sản xuất trong những quan hệ có sẵn ấy như thế nào, nhưng điều mà họ không giải thích cho chúng ta, đó là những quan hệ ấy đã nảy sinh ra như thế nào, nghĩa là không giải thích cho chúng ta hiểu sự vận động lịch sử đã làm cho chúng nảy sinh ra. Vì ông Pru-đông đã coi những quan hệ ấy là những nguyên lý, những phạm trù, những tư tưởng trừu tượng, nên ông ta chỉ còn cần sắp xếp lại *trật tự* của những tư tưởng ấy, những tư tưởng đã được sắp xếp theo thứ tự chữ cái ở phần cuối của bất cứ cuốn sách kinh tế chính trị nào. Những tài liệu của các nhà kinh tế học, đó là đời sống hoạt động và năng động của loài người; còn những tài liệu của ông Pru-đông, đó là những giáo lý của các nhà kinh tế học. Nhưng khi người ta không theo dõi sự vận động lịch sử của những quan hệ sản xuất - mà những phạm trù chẳng qua cũng chỉ là biểu hiện lý luận của những quan hệ ấy, - khi người ta muốn thấy những phạm trù ấy chỉ là những ý niệm, những tư tưởng tự phát, độc lập đối với những quan hệ hiện thực mà thôi, thì nhất định người ta phải coi sự vận động của lý tính thuần túy là nguồn gốc của những tư tưởng ấy. Lý tính thuần túy, vĩnh cửu, phi nhân cách làm nảy sinh ra những tư tưởng ấy như thế nào? Nó dùng cách gì để sản sinh ra những tư tưởng ấy?

Nếu chúng ta dùng cảm như ông Pru-đông về mặt chủ nghĩa Hê-ghe-nen thì chúng ta sẽ nói rằng: lý tính, tự nó, khác với bản thân nó. Như vậy nghĩa là gì? Nghĩa là ở bên ngoài nó, lý tính phi nhân cách không có địa bàn, trên đó nó có thể tự đề ra, cũng không có khách thể mà nó có thể tự đối lập lại, cũng không có chủ thể mà nó có thể kết hợp với, cho nên nó bắt buộc phải lộn nhào bằng cách tự đề ra, tự đối lập và kết hợp - sự đề ra, sự đối lập, sự kết hợp. Nói theo tiếng Hy Lạp thì đó là: chính đề, phản đề và hợp đề. Còn với những người không hiểu ngôn ngữ

của Hê-ghe-nen, chúng ta sẽ nói với họ cái công thức bí tích này : khẳng định, phủ định và phủ định của phủ định. Hiểu ngầm là như thế đấy. Cổ nhiên đó không phải là ngôn ngữ Do Thái thần bí, xin ông Pru-đông đừng phạt ý: nhưng đó là tiếng nói của cái lý tính thuần túy nhất, tách khỏi cá nhân. Đáng lẽ là cá nhân thông thường với cách nói thông thường và cách nghĩ thông thường của nó thì chúng ta lại chẳng có cái gì khác, ngoài cái cách thông thường hoàn toàn thuần túy, không có cá nhân ấy.

Có gì là lạ, khi mọi sự vật, được trừu tượng đến cùng - bởi vì có sự trừu tượng, chứ không có sự phân tích - đều biểu hiện dưới hình thức phạm trù lô-gích? Có gì là lạ, khi người ta vứt bỏ dần dần tất cả những gì tạo nên tính cá biệt của một ngôi nhà, khi người ta không xét đến những vật liệu làm nên ngôi nhà ấy, đến hình thức đặc biệt của ngôi nhà ấy thì cuối cùng người ta chỉ còn lại một vật thể mà thôi, - khi người ta không xét đến những giới hạn của vật thể ấy thì rút cục người ta chỉ còn lại một không gian mà thôi, - khi người ta không xét đến kích thước của không gian ấy thì cuối cùng người ta chỉ còn lại số lượng hoàn toàn thuần túy, phạm trù lô-gích về lượng mà thôi? Nếu gạt bỏ như vậy khỏi mọi vật thể tất cả những cái được coi là những ngẫu nhiên, có linh hồn hay không có linh hồn, người hay vật thể, thì chúng ta có lý khi nói rằng nếu cứ trừu tượng đến cùng thì người ta sẽ đi đến chỗ có được những phạm trù lô-gích, với tư cách là thực thể. Như vậy, những nhà siêu hình, khi tiến hành trừu tượng hoá, đều tưởng là mình tiến hành phân tích, và họ càng tách rời khỏi đối tượng thì họ lại tưởng rằng mình càng đến gần đối tượng đến mức là thâm nhập được vào đối tượng, - những nhà siêu hình ấy, về phía họ, cũng có lý khi nói rằng những sự vật ở trên đời này đều là những hình thù trên cái mảnh vải những phạm trù lô-gích. Đó chính là điểm phân biệt nhà triết học với tín đồ đạo Cơ Đốc. Tín đồ đạo Cơ Đốc chỉ biết có một sự hiện thân của *Lô-gốt*, bắt chấp cả lô-gích; nhà triết học thì có vô số sự hiện thân. Nếu như

tất cả cái gì tồn tại, tất cả cái gì sống trên mặt đất và dưới nước có thể thông qua khái niệm trừu tượng mà được quy thành một phạm trù lô-gích, nếu như theo cách đó, toàn bộ thế giới hiện thực có thể chìm ngập trong thế giới của những khái niệm trừu tượng, trong thế giới của những phạm trù lô-gích, thì điều đó có gì là đáng ngạc nhiên?

Tất cả những cái gì tồn tại, tất cả những cái gì sống trên mặt đất và dưới nước, chỉ tồn tại được, chỉ sống được do một sự vận động nào đó. Chẳng hạn, sự vận động của lịch sử sản sinh ra những quan hệ xã hội, sự vận động của công nghiệp cho chúng ta những sản phẩm công nghiệp v.v..

Cũng như thông qua khái niệm trừu tượng, chúng ta sẽ biến mọi sự vật thành phạm trù lô-gích, chúng ta chỉ cần gạt bỏ mọi tính chất đặc biệt của những sự vận động khác nhau, là đi đến sự vận động ở trạng thái trừu tượng, đến sự vận động thuần túy hình thức, đến công thức lô-gích thuần túy của sự vận động. Nếu người ta thấy rằng những phạm trù lô-gích là thực thể của mọi sự vật thì người ta cũng dễ dàng tưởng rằng cái công thức lô-gích của sự vận động là *phương pháp tuyệt đối*, một phương pháp không những giải thích mọi sự vật, mà còn bao hàm cả sự vận động của sự vật nữa.

Đó là cái phương pháp tuyệt đối mà Hê-gen đã nói như sau:

"Phương pháp là sức mạnh tuyệt đối, duy nhất, tối cao, vô cùng tận, không một vật nào có thể cưỡng lại nó; đó là xu thế của lý tính đi đến chỗ nhận thấy bản thân mình ở trong mọi sự vật" ("Lô-gích học", t.III⁶⁰).

Nếu như mọi sự vật đều được quy thành phạm trù lô-gích, và mọi vận động, mọi hành vi sản xuất đều được quy thành phương pháp, thì kết quả đương nhiên sẽ là toàn bộ sản phẩm và sản xuất, toàn bộ vật phẩm và vận động, đều được quy thành một phép siêu hình ứng dụng. Điều mà Hê-gen đã làm đối với tôn giáo, pháp luật, v.v., thì ông Pru-đông cũng tìm cách thực hiện đối với khoa kinh tế chính trị.

Vậy, cái phương pháp tuyệt đối ấy là cái gì? Là sự trừu tượng hoá sự vận động. Sự trừu tượng hoá sự vận động là cái gì? Là sự vận động ở trạng thái trừu tượng. Sự vận động ở trạng thái trừu tượng là cái gì? Là công thức lô-gích thuần túy của sự vận động hay là sự vận động của lý tính thuần túy. Sự vận động của lý tính thuần túy là cái gì? Là tự giả định, tự đối lập, tự kết hợp, là tự công thức hoá thành chính đề, phản đề, hợp đề, hay còn là tự khẳng định, tự phủ định, phủ định cái phủ định của mình.

Lý tính làm như thế nào để tự khẳng định, để tự giả định thành phạm trù xác định? Đó là việc của bản thân lý tính và những người tán dương lý tính.

Nhưng một khi lý tính đã đạt đến chỗ tự đề ra thành chính đề, thì chính đề ấy, tư tưởng ấy, đối lập với bản thân nó, sẽ tách đôi thành hai tư tưởng mâu thuẫn nhau, - cái khẳng định và cái phủ định, "cái có" và "cái không". Sự đấu tranh giữa hai yếu tố đối kháng ấy, - hai yếu tố này bao hàm trong phản đề, - là sự vận động biện chứng. "Cái có" trở thành "không", "cái không" trở thành "có", "cái có" trở thành "vừa có vừa không", "cái không" trở thành "vừa không vừa có"; như vậy những cái mâu thuẫn cân bằng lẫn nhau, trung hoà lẫn nhau, làm tê liệt lẫn nhau. Sự dung hợp của hai tư tưởng mâu thuẫn ấy làm thành một tư tưởng mới - hợp đề của hai tư tưởng mâu thuẫn ấy. Tư tưởng mới này lại tách đôi thành hai tư tưởng mâu thuẫn, rồi hai tư tưởng này lại dung hợp với nhau thành một hợp đề mới. Quá trình nảy sinh ấy làm nảy sinh ra một nhóm tư tưởng. Nhóm tư tưởng này đi theo cũng một quá trình vận động biện chứng giống như vận động biện chứng của một phạm trù giản đơn, và phản đề của nhóm đó là một nhóm mâu thuẫn với nó. Từ hai nhóm tư tưởng ấy nảy sinh ra một nhóm tư tưởng mới - hợp đề của hai nhóm ấy.

Từ sự vận động biện chứng của các phạm trù giản đơn này sinh ra nhóm, cũng giống như vậy, từ sự vận động biện chứng

của các nhóm cũng nảy sinh ra chuỗi, và từ sự vận động biện chứng của các chuỗi cũng nảy sinh ra toàn bộ hệ thống.

Ứng dụng phương pháp ấy vào những phạm trù của khoa kinh tế chính trị, ta sẽ có lô-gích và phép siêu hình của khoa kinh tế chính trị, hay nói cách khác, ta sẽ có những phạm trù kinh tế mà ai cũng biết, nhưng được diễn đạt bằng một ngôn ngữ ít người biết, khiến cho những phạm trù kinh tế ấy có vẻ như là mới nảy nở ra một trong cái đầu lý tính thuần túy, đến nỗi mà những phạm trù ấy hình như là đẻ ra nhau, ràng buộc lẫn nhau và xoắn xuýt với nhau, chỉ do tác dụng của sự vận động biện chứng mà thôi. Xin bạn đọc đừng có sợ phép siêu hình đó, với tất cả cái giàn giáo của nó gồm những phạm trù, những nhóm, những chuỗi và những hệ thống. Mặc dù ông Pru-đông cố lấy hơi lấy sức để trèo lên tới đỉnh cao của *hệ thống những mâu thuẫn*, nhưng ông ta chưa bao giờ có thể vượt lên quá hai bậc thang giản đơn đầu tiên là chính đề và phản đề và hơn nữa ông ta cũng chỉ mới trèo lên hai bậc thang ấy có hai lần, và trong hai lần đó thì một lần ông ta bị ngã bổ ngửa ra.

Chính vì thế cho nên mãi đến bây giờ, chúng tôi chỉ trình bày phép biện chứng của Hê-ghen mà thôi. Sau này, chúng ta sẽ thấy ông Pru-đông đã thành công trong việc bóp phép biện chứng của Hê-ghen cho nhỏ đến những kích thước nhỏ hẹp nhất như thế nào. Chẳng hạn, đối với Hê-ghen, tất cả những cái gì đã diễn ra và còn đang diễn ra trên thế gian thì chính là cái đang diễn ra trong sự suy lý của bản thân ông ta. Do đó, triết học của lịch sử chỉ còn là lịch sử của triết học - của triết học của bản thân ông ta mà thôi. Không còn có "lịch sử theo trật tự thời gian" nữa, chỉ có "trật tự của những ý niệm trong lý tính" mà thôi. Ông ta tưởng xây dựng thế giới bằng sự vận động của tư tưởng, kỳ thực ông ta chỉ xây dựng lại một cách có hệ thống và sắp đặt lại, theo phương pháp tuyệt đối, những tư tưởng đã có trong đầu óc của mọi người mà thôi.

Nhận xét thứ hai

Những phạm trù kinh tế chỉ là những biểu hiện lý luận, những sự trừu tượng hoá của những quan hệ sản xuất của xã hội mà thôi. Ông Pru-đông, với tư cách là nhà triết học chân chính, đã lộn trái các sự vật, nên thấy những quan hệ hiện thực chỉ là những sự hiện thân của những nguyên lý ấy, những phạm trù ấy, những phạm trù, những nguyên lý vẫn thiu thiu ngủ - ông Pru-đông - nhà triết học còn nói với chúng ta như vậy - ở trong lòng "lý tính phi nhân cách của loài người".

Ông Pru-đông - nhà kinh tế học đã hiểu rất rõ rằng người ta làm ra da, vải, các thứ lụa, trong phạm vi những quan hệ sản xuất nhất định. Nhưng điều mà ông ta đã không hiểu, đó là những quan hệ xã hội nhất định ấy cũng do người ta sản sinh ra, giống như vải, lanh, v.v., vậy. Những quan hệ xã hội đều gắn liền mật thiết với những lực lượng sản xuất. Do có được những lực lượng sản xuất mới, loài người thay đổi phương thức sản xuất của mình, và do thay đổi phương thức sản xuất, cách kiếm sống của mình, loài người thay đổi tất cả những quan hệ xã hội của mình. Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp.

Chính những người thiết lập nên những quan hệ xã hội phù hợp với năng lực sản xuất vật chất của họ, cũng là những người sản sinh ra những nguyên lý, những ý niệm, những phạm trù phù hợp với những quan hệ xã hội của họ.

Cho nên những ý niệm ấy, những phạm trù ấy cũng ít có tính chất vĩnh cửu, như những quan hệ mà chúng biểu thị vậy. Chúng là những *sản phẩm mang tính chất lịch sử và nhất thời*.

Có một sự vận động tăng lên không ngừng trong những lực lượng sản xuất, một sự vận động phá hoại không ngừng trong những quan hệ xã hội, một sự vận động hình thành không ngừng trong

những ý niệm; chỉ có sự trừu tượng hoá của vận động là không vận động mà thôi - đó là "cái chết bất tử"⁶¹.

Nhận xét thứ ba

Những quan hệ sản xuất của bất cứ xã hội nào cũng hợp thành một thể thống nhất. Ông Pru-đông coi mỗi quan hệ kinh tế là một giai đoạn xã hội, giai đoạn này đẻ ra giai đoạn kia, giai đoạn này là kết quả của giai đoạn kia như phản đề là kết quả của chính đề, và trong trật tự lô-gích của chúng, những giai đoạn xã hội ấy thực hiện lý tính phi nhân cách của loài người.

Mặt kém duy nhất của phương pháp ấy, đó là khi nghiên cứu chỉ một giai đoạn nào đó trong các giai đoạn ấy, ông Pru-đông không thể giải thích được nó, nếu không viện đến tất cả những quan hệ khác của xã hội, nhưng ông ta lại chưa làm cho sự vận động biện chứng của ông ta sản sinh ra những quan hệ sau này. Sau đó, khi ông Pru-đông, nhờ lý tính thuần túy, chuyển sang việc sản sinh ra những giai đoạn khác thì ông lại làm như thể những giai đoạn khác ấy là những đứa trẻ mới đẻ, ông ta quên rằng những giai đoạn khác ấy cũng có cùng một tuổi với giai đoạn thứ nhất.

Chẳng hạn, để đi đến cấu thành nên giá trị, cấu thành mà ông ta coi là cơ sở của tất cả những sự tiến triển kinh tế, ông ta không thể bỏ qua được sự phân công lao động, sự cạnh tranh, v.v.. Thế nhưng, những quan hệ ấy còn hoàn toàn chưa tồn tại trong *cái chuỗi*, trong *lý tính* của ông Pru-đông, trong cái *trật tự lô-gích*.

Khi dựng lên cái giàn áo của một hệ thống tư tưởng, bằng những phạm trù của khoa kinh tế chính trị, người ta cắt rời những bộ phận của hệ thống xã hội ra. Có bao nhiêu bộ phận khác nhau của xã hội, thì người ta đem đổi thành bấy nhiêu xã hội riêng biệt, xã hội này nảy sinh ra sau xã hội khác. Thực vậy, làm thế nào mà chỉ riêng công thức lô-gích của vận động, của thứ tự, của

thời gian, lại có thể giải thích được cơ thể của xã hội, trong đó tất cả những quan hệ cùng tồn tại đồng thời và ủng hộ lẫn nhau?

Nhận xét thứ tư

Bây giờ, chúng ta hãy xem khi ông Pru-đông ứng dụng phép biện chứng của Hê-ghe vào khoa kinh tế chính trị, ông ta đã sửa đổi phép biện chứng ấy như thế nào?

Đối với ông ta, ông Pru-đông, thì bất cứ phạm trù kinh tế nào cũng có hai mặt, một mặt tốt, một mặt xấu. Ông ta xem xét các phạm trù như người tiểu tư sản xem xét những vĩ nhân của lịch sử: *Na-pô-lê-ông* là một vĩ nhân: ông ta đã làm nhiều việc tốt, nhưng ông ta cũng đã làm nhiều việc xấu.

Đối với Pru-đông, *mặt tốt* và *mặt xấu*, *lợi* và *hại*, đều nhập cục lại, hợp thành *mâu thuẫn* vốn có trong mỗi phạm trù kinh tế.

Vấn đề giải quyết: giữ lại mặt tốt và loại bỏ mặt xấu. *Chế độ nô lệ* là một phạm trù kinh tế như mọi phạm trù khác. Vậy thì nó cũng có hai mặt của nó. Hãy để mặt xấu đẩy và chúng ta hãy nói đến mặt tốt của chế độ nô lệ. Dĩ nhiên là chỉ nói đến chế độ nô lệ trực tiếp, chế độ nô lệ của người da đen ở Xu-ri-nam, ở Bra-xin, ở những bang miền Nam của Bắc Mỹ.

Chế độ nô lệ trực tiếp là cơ sở của công nghiệp của giai cấp tư sản, cũng giống như máy móc, tín dụng, v.v.. Không có chế độ nô lệ thì không có bông; không có bông thì không có công nghiệp hiện đại. Chính chế độ nô lệ đã làm cho các thuộc địa có giá trị của chúng, chính các thuộc địa đã tạo ra thương mại của thế giới, chính thương mại của thế giới là điều kiện cần thiết của đại công nghiệp. Cho nên chế độ nô lệ là một phạm trù kinh tế quan trọng bậc nhất.

Không có chế độ nô lệ thì Bắc Mỹ, xứ sở tiến bộ nhất, sẽ biến thành xứ sở của chế độ gia trưởng. Hãy xóa Bắc Mỹ trên bản đồ

thế giới đi, người ta sẽ thấy trạng thái vô chính phủ, sự suy sụp hoàn toàn của thương mại hiện đại và của văn minh hiện đại. Xóa bỏ chế độ nô lệ có nghĩa là xóa bỏ Bắc Mỹ trên bản đồ các dân tộc¹⁾.

Cho nên, chế độ nô lệ, vì nó là một phạm trù kinh tế, đã luôn luôn tồn tại trong các thiết chế của các dân tộc. Các dân tộc hiện đại chỉ biết nguy trang chế độ nô lệ trong nước họ mà thôi, nhưng họ đã áp đặt chế độ nô lệ không chút nguy trang cho thế giới mới.

Ông Pru-đông đã làm như thế nào để cứu chế độ nô lệ? Ông ta sẽ đặt *vấn đề*: giữ lại mặt tốt của phạm trù kinh tế ấy, loại bỏ mặt xấu của nó.

Hê-ghen không có vấn đề để đặt ra. Ông ấy chỉ có phép biện chứng. Ông Pru-đông chỉ có ngôn ngữ của phép biện chứng của Hê-ghen mà thôi. Vận động biện chứng của ông ta, chính là sự phân biệt một cách giáo điều mặt tốt và mặt xấu.

Chúng ta hãy tạm coi bản thân ông Pru-đông là một phạm trù. Chúng ta hãy xét mặt tốt và mặt xấu của ông ta, mặt hơn và mặt kém của ông ta.

¹⁾ Điều này hoàn toàn đúng với năm 1847. Hồi đó việc buôn bán giữa Hợp chúng quốc với thế giới còn lại chỉ giới hạn chủ yếu trong việc nhập khẩu những dân di cư và sản phẩm công nghiệp và trong việc xuất nhập khẩu bông và thuốc lá, tức là những sản phẩm của lao động nô lệ ở miền Nam. Các bang miền Bắc sản xuất chủ yếu là ngũ cốc và thịt cho các bang chiếm hữu nô lệ. Việc xóa bỏ chế độ nô lệ có thể thực hiện được từ khi miền Bắc bắt đầu sản xuất ngũ cốc và thịt để xuất khẩu và ngoài ra đã biến thành một nước công nghiệp, còn độc quyền về bông của Mỹ thì vấp phải một sự cạnh tranh mạnh mẽ từ phía Ấn Độ, Ai Cập, Bra-xin, v. v.. Và lại, ngay hồi bấy giờ, hậu quả của sự xóa bỏ đó là sự phá sản của miền Nam, miền này đã không thay thế được chế độ nô lệ công khai đối với người da đen bằng chế độ nô lệ giấu mặt đối với những người cu-li Ấn Độ và Trung Quốc - Ph. Á (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1885*)

Nếu như ông ta có mặt hơn Hê-ghen ở chỗ là đề ra những vấn đề mà ông ta tự dành cho mình quyền giải quyết vì lợi ích cao nhất của loài người, thì ông ta lại có mặt kém là khi phải sản sinh ra, bằng công việc sản sinh biện chứng, một phạm trù mới thì ông ta lại mắc cái chứng mất năng lực sản sinh. Cái cấu thành bản chất của sự vận động biện chứng, chính là sự cùng nhau tồn tại của hai mặt mâu thuẫn, sự đấu tranh giữa hai mặt ấy và sự dung hợp của hai mặt ấy thành một phạm trù mới. Chỉ với việc tự đề ra cho mình vấn đề loại bỏ mặt xấu, người ta cũng đã chặn đứng sự vận động biện chứng rồi. Không phải là phạm trù đang tự đề ra và tự đối lập với bản thân nó, do bản chất mâu thuẫn của nó, mà chính là ông Pru-đông đang xúc động, vùng vẫy, giãy giụa giữa hai mặt của phạm trù.

Bị hãm như vậy trong một con đường cụt mà ông ta khó lòng thoát ra khỏi bằng những thủ đoạn hợp pháp, ông Pru-đông liền gắng sức một cách tuyệt vọng nhảy thẳng một bước đến một phạm trù mới. Chính bây giờ là lúc mà cái *chuỗi trong lý tính* lộ ra trước con mắt ngạc nhiên của ông ta.

Ông ta vớ lấy cái phạm trù mà ông ta bắt gặp trước hết và ông ta tùy tiện gán cho nó cái đặc tính là chữa được những mặt kém của phạm trù cần phải làm cho trong sạch. Như vậy, nếu cứ tin vào ông Pru-đông thì thuế má chữa được những mặt kém của độc quyền; cán cân thương mại chữa được những mặt kém của thuế má; quyền sở hữu ruộng đất chữa được những mặt kém của tín dụng.

Bằng cách xem xét như vậy những phạm trù kinh tế, xem xét dần dần từ cái nọ đến cái kia, từng cái một, và bằng cách lấy phạm trù này làm *thuốc giải độc* cho phạm trù kia, ông Pru-đông đi đến chỗ tạo ra được, bằng cái mớ hỗn hợp những mâu thuẫn và thuốc giải độc cho những mâu thuẫn ấy, hai tập đầy mâu thuẫn mà ông ta gọi một cách đúng đắn là: "Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế".

Nhận xét thứ năm

"Trong lý tính tuyệt đối, tất cả những ý niệm ấy... đều là giản đơn và phổ biến như nhau... Thật ra, chỉ có bằng *một thứ giàn dáo* dựng bằng những ý niệm của chúng ta thì chúng ta mới đạt được tới khoa học. Thế nhưng chân lý tự nó là độc lập đối với những hình tượng biện chứng đó và không vướng vào những trò ảo thuật của trí tuệ của chúng ta" (Pru-đông, t.II, tr.97).

Thế là bỗng nhiên, bằng một bước ngoặt mà bây giờ chúng ta biết được bí mật rồi, phép siêu hình của khoa kinh tế chính trị đã trở thành một ảo tưởng! Chưa bao giờ ông Pru-đông đã nói đúng đến như thế. Đương nhiên, khi mà toàn bộ quá trình vận động biện chứng được quy thành cách làm giản đơn là đối lập cái tốt với cái xấu, là đề ra những vấn đề nhằm loại bỏ cái xấu đi và lấy một phạm trù này làm thuốc giải độc cho phạm trù khác, thì những phạm trù không còn vận động tự phát nữa; ý niệm "không còn *hoạt động* nữa", nó không còn sự sống ở trong nó nữa. Nó không còn tự đề ra cũng không tự phân hoá thành phạm trù nữa. Trật tự kế tiếp của những phạm trù trở thành những *thứ giàn dáo*. Phép biện chứng không còn là sự vận động của lý tính tuyệt đối nữa. Không còn có phép biện chứng nữa, nhiều lắm thì chỉ có đạo đức hoàn toàn thuần túy mà thôi.

Khi ông Pru-đông nói đến *cái chuỗi trong lý tính*, đến *trật tự lô-gích của các phạm trù*, ông ta đã tuyên bố một cách khẳng định rằng ông ta không muốn trình bày *lịch sử theo thứ tự thời gian*, nghĩa là theo ông Pru-đông, theo trật tự lịch sử trong đó những phạm trù đã *biểu hiện* ra. Lúc bấy giờ, ông ta cho rằng, hết thảy mọi cái đều diễn ra ở trong *cõi thình không thuần túy của lý tính*. Hết thảy mọi cái đều phải nảy sinh ra từ cõi thình không ấy, thông qua phép biện chứng. Bây giờ khi vấn đề là phải thực hành phép biện chứng ấy thì ông ta lại thiếu lý tính. Phép biện chứng của ông Pru-đông phủ nhận phép biện chứng của Hê-gen, thế là ông ta buộc phải thừa nhận với chúng ta rằng trật tự mà ông ta trình bày những phạm trù kinh tế, không còn

là trật tự theo đó những phạm trù kinh tế đã sản sinh ra nhau nữa. Những sự tiến triển kinh tế không còn là những sự tiến triển của bản thân lý tính nữa.

Vậy ông Pru-đông trình bày với chúng ta cái gì đây? Phải chăng là lịch sử hiện thực, nghĩa là theo quan niệm của ông Pru-đông, trật tự theo đó các phạm trù đã *biểu hiện ra* phù hợp với thứ tự thời gian? Không phải. Phải chăng là lịch sử như nó diễn ra trong bản thân ý niệm? Lại càng không phải. Như vậy, chẳng phải là lịch sử thần thánh của những phạm trù ấy! Thế thì ông ta trình bày với chúng ta cái lịch sử gì vậy? Lịch sử của những mâu thuẫn của bản thân ông ta. Chúng ta hãy xem những mâu thuẫn ấy diễn ra như thế nào và chúng tôi ông Pru-đông đi theo chúng như thế nào?

Trước khi đề cập đến vấn đề đó, vấn đề đưa đến nhận xét quan trọng thứ sáu, chúng ta còn có một nhận xét quan trọng nữa.

Cùng với ông Pru-đông, chúng ta hãy cho rằng lịch sử hiện thực, lịch sử theo thứ tự thời gian, là trật tự lịch sử theo đó những ý niệm, những phạm trù, những nguyên lý đã biểu hiện ra.

Mỗi một nguyên lý đã từng có thể kỷ của nó, để biểu hiện ra ở đó: nguyên lý quyền uy chẳng hạn thì có thể kỷ XI, cũng như nguyên lý chủ nghĩa cá nhân có thể kỷ XVIII. Suy từ kết quả này sang kết quả khác, chúng ta phải nói rằng chính thể kỷ thuộc về nguyên lý, chứ không phải nguyên lý thuộc về thể kỷ. Nói cách khác, chính nguyên lý đã sáng tạo ra lịch sử, chứ không phải lịch sử đã sáng tạo ra nguyên lý. Nhưng nếu như, để cứu những nguyên lý cũng như để cứu lịch sử, người ta tự hỏi tại sao một nguyên lý nào đó lại biểu hiện ra trong thể kỷ XI hay trong thể kỷ XVIII, chứ không phải trong một thể kỷ nào khác, thì tất nhiên là người ta bắt buộc phải xem xét tỉ mỉ xem những người của thể kỷ XI là những người nào, những người của thể kỷ XVIII là những người nào, những nhu cầu của họ trong mỗi thể kỷ ấy, những lực lượng sản xuất của họ, phương thức sản xuất của họ, những nguyên liệu

dùng trong sản xuất của họ là những gì; cuối cùng, những quan hệ giữa người và người do tất cả những điều kiện sinh tồn ấy sản sinh ra là những quan hệ nào. Nghiên cứu sâu tất cả những vấn đề ấy, không phải là theo dõi lịch sử hiện thực, trần tục của con người trong mỗi thế kỷ đó sao? Không phải là hình dung những con người ấy vừa là những tác giả vừa là những diễn viên của vở kịch của bản thân mình đó sao? Thế nhưng, khi anh hình dung con người là những diễn viên và những tác giả của lịch sử của bản thân họ, thì bằng một con đường ngoẹo, anh đi đến điểm xuất phát thật sự, vì anh đã rời bỏ những nguyên lý vĩnh cửu từ đó anh xuất phát lúc đầu, phải không?

Ông Pru-đông cũng chưa đi được bao nhiêu trên con đường tắt mà nhà tư tưởng đi theo để đến con đường lớn của lịch sử.

Nhận xét thứ sáu

Chúng ta hãy cùng với ông Pru-đông đi con đường tắt.

Chúng ta rất muốn rằng những quan hệ kinh tế, được coi như những *quy luật không thay đổi*, những *nguyên lý vĩnh cửu*, những phạm trù lý tưởng đều là có trước khi xuất hiện những người tích cực hoạt động; chúng ta cũng rất muốn rằng những quy luật ấy, những nguyên lý ấy, những phạm trù ấy, từ khai thiên lập địa đến nay, đều vẫn thiu thiu ngủ trong "lý tính phi nhân cách của loài người" rồi. Chúng ta đã thấy rằng với tất cả những cái vĩnh cửu không thay đổi và không vận động ấy thì không còn có lịch sử nữa; nhiều lắm là có lịch sử trong ý niệm, nghĩa là lịch sử được phản ánh vào trong sự vận động biện chứng của lý tính thuần túy. Khi ông Pru-đông nói rằng trong sự vận động biện chứng, những ý niệm không còn tự "*phân hoá*" nữa, thì tức là ông ta đã xóa bỏ cái *bóng của sự vận động*, lẫn sự *vận động của những cái bóng* mà với những cái đó thì nhiều lắm, người ta cũng chỉ còn tạo ra được một cái tựa như lịch sử là cùng. Đáng lẽ phải

làm như thế, ông ta lại đem sự bất lực của bản thân mình đổ tội cho lịch sử, ông ta đổ tội cho tất cả, cho đến cả tiếng Pháp nữa.

Ông Pru-đông, nhà triết học, nói: "Vậy thì thật là không đúng nếu nói rằng một cái gì *xuất hiện*, một cái gì *sinh ra* trong nền văn minh cũng như trong thế giới, tất cả đều tồn tại, tất cả đều hoạt động từ xưa đến nay rồi. *Đối với toàn bộ nền kinh tế xã hội thì cũng thế*" (t.II, tr.102).

Hiệu lực của những mâu thuẫn - *đang hoạt động* trong hệ thống của ông Pru-đông và bắt bản thân ông Pru-đông hoạt động, - mạnh đến nỗi là muốn giải thích lịch sử, ông ta buộc phải phủ định lịch sử; muốn giải thích sự xuất hiện nối tiếp nhau của những quan hệ xã hội, ông ta phải phủ định việc *một cái gì đó có thể xuất hiện*; muốn giải thích sản xuất với tất cả những giai đoạn của nó, ông ta không thừa nhận rằng *một cái gì đó lại có thể được sản sinh ra*.

Như vậy là đối với ông Pru-đông thì không còn có lịch sử nữa, không còn có trật tự của những ý niệm nữa, thế nhưng quyền sách của ông ta vẫn luôn luôn tồn tại; và quyền sách ấy lại chính là - nói theo lối nói của ông ta - "*lịch sử theo trật tự của những ý niệm*". Làm thế nào mà tìm ra được một công thức - vì ông Pru-đông là con người hay nói công thức - để giúp ông ta có thể bằng *một cái nháy* mà vượt qua được tất cả những mâu thuẫn của ông ta?

Muốn thế, ông ta đã sáng chế ra một lý tính mới, không phải là lý tính tuyệt đối, thuần túy và trình bạch, cũng không phải là lý tính bình thường của những người tích cực và hoạt động trong các thời kỳ lịch sử khác nhau, mà là một lý tính hoàn toàn riêng biệt, lý tính của cái xã hội - cá nhân, của chủ thể *loài người*, cái lý tính mà dưới ngòi bút của ông Pru-đông, nó đôi khi cũng xuất hiện lúc đầu là "*thiên tài xã hội*", "*lý tính phổ biến*" và cuối cùng là "*lý tính của con người*". Tuy nhiên, cái lý tính đội rất nhiều tên ấy, luôn luôn cứ lộ mặt ra là lý tính cá nhân của ông

Pru-đông với mặt tốt và mặt xấu của nó, với những phương thuốc giải độc của nó và những vấn đề của nó.

"Lý tính của con người không sáng tạo ra cái chân lý" ẩn sâu trong lòng cái lý tính tuyệt đối, vĩnh viễn. Lý tính của con người chỉ có thể vạch trần chân lý đó ra mà thôi. Nhưng những chân lý mà cho đến nay nó đã phát hiện ra, đều là không toàn vẹn, không đầy đủ và do đó, mâu thuẫn. Vậy là những phạm trù kinh tế, vì bản thân chúng là những chân lý do lý tính của con người, do thiên tài xã hội phát hiện ra, tìm ra, cũng đều là không toàn vẹn và chứa đựng mầm mống của mâu thuẫn. Trước ông Pru-đông, thiên tài xã hội chỉ thấy được những *yếu tố đối kháng*, chứ không thấy *công thức tổng hợp*, mặc dầu cả hai đều ẩn kín trong *lý tính tuyệt đối*. Vậy vì những quan hệ kinh tế chỉ làm cái việc là thực hiện, trên trái đất này, những chân lý không đầy đủ ấy, những phạm trù không toàn vẹn ấy, những khái niệm mâu thuẫn ấy, cho nên những quan hệ kinh tế ấy cũng mâu thuẫn trong bản thân chúng và đều có hai mặt, một mặt tốt, một mặt xấu.

Tìm ra chân lý toàn vẹn, khái niệm hoàn toàn đầy đủ, công thức tổng hợp để trừ bỏ được mâu thuẫn, đó là nhiệm vụ của thiên tài xã hội. Đó là điều tại sao trong ảo tưởng của ông Pru-đông, cũng thiên tài xã hội ấy đã bị đẩy từ phạm trù này qua phạm trù khác, mà với cả một loạt những phạm trù của ông ta, vẫn chưa giành được một công thức tổng hợp nào ở thượng đế ở lý tính tuyệt đối cả.

"Trước hết, xã hội" (thiên tài xã hội) "đề ra một sự việc thứ nhất, nêu ra một *giả định*... một mâu thuẫn thật sự, mà những kết quả đối kháng của nó diễn ra trong nền kinh tế xã hội một cách cũng giống như cách mà những hậu quả có thể được suy ra trong trí óc; thành thử sự vận động của công nghiệp, nhất nhất đi theo sự diễn dịch của những ý niệm, cũng chia ra thành hai dòng, một là dòng những hiệu quả có ích, hai là dòng những kết quả có hại. Muốn cầu thành một cách hài hòa cái nguyên lý hai mặt ấy và giải quyết cái mâu thuẫn tư tưởng ấy, xã hội lại làm cho một mâu thuẫn *thứ hai* này ra từ cái thứ nhất, rồi không bao lâu cái thứ hai này lại có một cái thứ ba, và đó là *bước đi của thiên tài xã hội*, cho đến khi dùng

hết những mâu thuẫn của nó, - tôi giả định như thế, chưa có cái gì chứng minh rằng mâu thuẫn loài người có sự tận cùng, - thiên tài xã hội nhảy một cái trở về tất cả những vị trí trước kia của nó, và giải quyết tất cả những vấn đề của nó trong *một công thức duy nhất*" (t. I, tr.133).

Cũng giống như trước đây, *phản đề* chuyển hoá thành *phương thuốc giải độc*, bây giờ *chính đề* cũng trở thành *giả định đề*. Việc ông Pru-đông thay đổi danh từ như thế không còn có gì có thể làm cho chúng ta ngạc nhiên được. Lý tính của con người không có gì là thuần túy, vì nó chỉ có những hiểu biết không hoàn toàn, cho nên cứ mỗi bước nó lại gặp những vấn đề mới phải giải quyết. Đối với nó, mỗi chính đề mới mà nó phát hiện thấy ở trong lý tính tuyệt đối và là sự phủ định của chính đề thứ nhất, lại trở thành một hợp đề mà nó coi một cách khá ngây thơ, là giải pháp cho vấn đề phải giải quyết; vì thế lý tính ấy giãy giụa trong những mâu thuẫn luôn luôn mới, cho đến khi đạt tới chỗ hết mâu thuẫn, nó thấy rằng tất cả những chính đề và hợp đề của nó chỉ là những giả định đề mâu thuẫn mà thôi. Trong cơn bối rối của nó, "lý tính của con người, thiên tài xã hội, nhảy một cái trở về tất cả những vị trí trước kia của nó, và giải quyết tất cả những vấn đề của nó trong một công thức duy nhất". Công thức duy nhất ấy - nhân đây chúng tôi cũng xin nói - là sự phát hiện thật sự của ông Pru-đông. *Đó là giá trị được cấu thành*.

Người ta chỉ nêu lên những giả định đề để nhằm một mục đích nào đó. Mục đích mà thiên tài xã hội nhằm trước hết - thiên tài xã hội nói ra qua miệng ông Pru-đông - là loại bỏ tất cả cái gì xấu trong mỗi phạm trù kinh tế, để chỉ còn lại cái tốt mà thôi. Đối với nó, cái tốt, điều kiện tối cao, mục đích thực tế chân chính, chính là *sự bình đẳng*. Nhưng tại sao thiên tài xã hội lại muốn đạo Thiên chúa hay bất cứ nguyên lý nào khác? Bởi vì "loài người đã lần lượt thực hiện nhiều giả định đề đặc biệt đến như thế, chỉ là nhằm đạt đến một giả định đề cao hơn", giả định đề cao hơn ấy chính là sự bình đẳng. Nói cách khác: bởi vì sự bình đẳng là

lý tưởng của ông Pru-đông. Ông ta tưởng tượng rằng sự phân công lao động, tín dụng, sự hiệp tác trong xưởng thợ, tóm lại, những quan hệ kinh tế đã được phát minh ra chỉ nhằm có lợi cho sự bình đẳng, thế mà cuối cùng, những cái đó lại luôn luôn chống lại sự bình đẳng. Từ chỗ cứ mỗi bước, lịch sử và sự tưởng tượng của ông Pru-đông lại đi ngược lại với nhau, ông ta đi đến kết luận là có mâu thuẫn. Nếu có mâu thuẫn thì mâu thuẫn cũng chỉ tồn tại giữa ý niệm cố định của ông ta và sự vận động hiện thực mà thôi.

Từ nay về sau, mặt tốt của một quan hệ kinh tế, đó là mặt khẳng định sự bình đẳng; mặt xấu là mặt phủ định mặt tốt và khẳng định sự không bình đẳng. Mọi phạm trù mới là một giả định đề của thiên tài xã hội, nhằm loại bỏ sự không bình đẳng do giả định đề trước sản sinh ra. Tóm lại, sự bình đẳng là *ý định ban đầu, xu thế thần bí, mục đích theo mệnh trời*, mà thiên tài xã hội luôn luôn có trước mắt, khi nó xoay trong cái vòng những mâu thuẫn kinh tế. Cho nên *mệnh trời* là cái đầu tàu, nó làm cho cái mớ tri thức kinh tế của ông Pru-đông chạy tốt hơn là lý tính thuần túy và tỉnh không của ông ta nữa. Ông ta đã dành cho mệnh trời cả một chương, sau chương nói về thuế má.

Mệnh trời, mục đích theo mệnh trời, đó là một từ vĩ đại mà ngày nay người ta dùng để giải thích tiến trình của lịch sử. Kỳ thực, chữ ấy không giải thích cái gì cả. Nhiều lắm thì đó cũng chỉ là một hình thức nói văn vẻ, một cách như những cách khác để diễn tả những sự việc một cách dài dòng mà thôi.

Thực tế là ở Xcôt-len, nhờ sự phát triển của công nghiệp Anh mà những địa sản mới có một giá trị mới. Công nghiệp Anh đã mở ra cho len những thị trường tiêu thụ mới. Muốn sản xuất len theo quy mô lớn, phải biến những đồng ruộng trống rỗng được thành đồng cỏ. Muốn thực hiện được sự biến đổi ấy, phải tập trung những ruộng đất lại. Muốn tập trung những ruộng đất lại, phải xoá bỏ những cơ sở doanh nghiệp nhỏ của những người lĩnh canh cha truyền con nối; đuổi hàng vạn nông dân lĩnh canh ra khỏi

quê hương của họ và thay thế họ bằng vài mục phu để chăn dắt hàng triệu con cừu. Thế là, bằng những sự biến đổi liên tiếp, sở hữu ruộng đất ở Xcôt-len đã đưa đến kết quả là cừu đuổi người. Nếu bây giờ anh nói mục đích theo mệnh trời của chế độ sở hữu ruộng đất ở Xcôt-len là làm cho cừu đuổi người thì tức là anh đã viết lịch sử theo mệnh trời đấy.

Đương nhiên, xu hướng muốn bình đẳng là thuộc về thế kỷ của chúng ta. Bây giờ mà nói rằng tất cả những thế kỷ trước, với những nhu cầu, những tư liệu sản xuất v.v., khác hẳn, đã làm việc theo Mệnh trời để thực hiện sự bình đẳng, thì như vậy, trước hết là đem những tư liệu sản xuất và những con người của thế kỷ chúng ta thay thế cho những con người và những tư liệu sản xuất của các thế kỷ trước, là không hiểu biết sự vận động của lịch sử, sự vận động mà nhờ nó các thế hệ kế tiếp nhau đã biến đổi những thành quả mà các thế hệ đi trước đã giành được. Các nhà kinh tế học đều hiểu rất rõ rằng cùng một vật ấy thì đối với người này là thành phẩm, nhưng đối với người kia, lại chỉ là nguyên liệu sản xuất mới mà thôi.

Anh hãy giả định, như ông Pru-đông đã giả định, rằng thiên tài xã hội đã sản sinh ra, hay nói cho đúng là đã tùy hứng sản sinh ra, những lãnh chúa phong kiến nhằm mục đích theo Mệnh trời là *biến những nông phu thành những người lao động có trách nhiệm và bình đẳng*: như vậy là anh đã đánh tráo những mục đích và những con người, một sự đánh tráo hoàn toàn xứng đáng với cái Mệnh trời đã lập ra ở Xcôt-len quyền sở hữu ruộng đất nhằm mục đích thỏa mãn cái ác ý của mình là làm cho cừu đuổi người.

Nhưng vì ông Pru-đông quan tâm đến Mệnh trời một cách dửng dưng đến thế, nên chúng ta giới thiệu với ông cuốn "Lịch sử khoa kinh tế chính trị" của ông Đờ Vin-lơ-nơ-vơ - Bác-giơ-mông⁶² là người cũng theo đuổi mục đích theo Mệnh trời. Mục đích ấy không phải là sự bình đẳng nữa mà là đạo Thiên chúa.

Nhận xét thứ bảy và cuối cùng

Các nhà kinh tế học có một cách làm kỳ khôi trong lập luận của họ. Theo họ thì có hai loại thiết chế, thiết chế nhân tạo và thiết chế của giới tự nhiên. Những thiết chế của giai cấp phong kiến là những thiết chế nhân tạo, còn những thiết chế của giai cấp tư sản là những thiết chế tự nhiên. Về mặt này, họ giống các nhà thần học là những người cũng phân biệt hai thứ tôn giáo. Tôn giáo nào không phải là tôn giáo của họ thì đều do con người sáng chế ra, còn tôn giáo của chính họ mới là vật sáng tạo của Thượng đế. Khi nói rằng những quan hệ hiện tại - những quan hệ sản xuất tư sản - đều là những quan hệ tự nhiên, các nhà kinh tế học muốn nói rằng đó là những quan hệ trong đó của cải được sáng tạo ra và những lực lượng sản xuất phát triển phù hợp với những quy luật của tự nhiên. Do đó, bản thân những quan hệ ấy là những quy luật tự nhiên, độc lập với ảnh hưởng của thời gian. Đó là những quy luật vĩnh cửu luôn luôn chi phối xã hội. Như vậy, từ trước đến nay đã có lịch sử rồi, còn bây giờ thì lại không còn có lịch sử nữa. Đã có lịch sử, vì đã có những thiết chế phong kiến và trong những thiết chế phong kiến ấy, người ta thấy có những quan hệ sản xuất khác hẳn những quan hệ của xã hội tư sản, tức là khác hẳn những quan hệ mà những nhà kinh tế học muốn làm cho người ta coi là những quan hệ tự nhiên và do đó, là vĩnh cửu.

Chế độ phong kiến cũng đã có giai cấp vô sản của nó - tức là nông nô, một đẳng cấp đã chứa đựng tất cả những mầm mống của giai cấp tư sản. Nền sản xuất phong kiến cũng có hai yếu tố đối kháng nhau, mà người ta cũng gọi là *mặt tốt* và *mặt xấu* của chế độ phong kiến, song người ta không tính đến một điều là cuối cùng mặt xấu luôn luôn thắng mặt tốt. Chính mặt xấu trong khi sản sinh ra đấu tranh thì tạo ra sự vận động làm nên lịch sử. Nếu như, trong thời kỳ thống trị của chế độ phong kiến, các nhà

kinh tế học, phấn khởi về những đức tính kỹ sư, về sự hài hòa tốt đẹp giữa quyền lợi và nghĩa vụ, về cuộc sống gia trưởng của các thành thị, về trạng thái phồn vinh của công nghiệp gia đình ở nông thôn, về sự phát triển của công nghiệp được tổ chức thành những nghiệp đoàn, hiệp hội và phường hội, cuối cùng về tất cả những cái gì cấu thành mặt tốt của chế độ phong kiến, mà tự đề ra cho mình vấn đề loại bỏ tất cả những cái gì làm tối bức tranh ấy đi - chế độ nông nô, các đặc quyền, trạng thái vô chính phủ - thì kết quả sẽ như thế nào? Người ta sẽ xóa bỏ tất cả những yếu tố cấu thành sự đấu tranh, và bóp chết từ trong trứng sự phát triển của giai cấp tư sản. Các nhà kinh tế học sẽ tự đề ra cho mình một nhiệm vụ phi lý là xóa bỏ lịch sử.

Khi giai cấp tư sản đã đạt được thắng lợi thì không còn vấn đề mặt tốt, cũng như mặt xấu của chế độ phong kiến nữa. Những lực lượng sản xuất do giai cấp tư sản phát triển dưới chế độ phong kiến, đều rơi vào tay giai cấp ấy. Tất cả những hình thức kinh tế ấy, chế độ chính trị, đều là biểu hiện chính thức của xã hội công dân cũ, đều bị đập tan.

Cho nên, muốn nhận xét đúng đắn nền sản xuất phong kiến, thì phải coi nó là một phương thức sản xuất dựa trên sự đối kháng. Phải vạch rõ sự giàu có đã sinh ra ở bên trong sự đối kháng ấy như thế nào; những lực lượng sản xuất đã phát triển như thế nào đồng thời với sự phát triển của sự đối kháng giữa các giai cấp; làm thế nào mà một trong các giai cấp, đại biểu cho mặt xấu, mặt tiêu cực của xã hội lại cứ lớn lên không ngừng cho đến khi những điều kiện vật chất của sự giải phóng của giai cấp đó đạt đến trình độ chín muồi. Phải chăng như vậy là đã nói khá đủ rằng: phương thức sản xuất, những quan hệ trong đó các lực lượng sản xuất phát triển, đều không phải là những quy luật vĩnh cửu, mà chúng thích ứng với một trình độ phát triển nhất định của con người và của những lực lượng sản xuất của con người, và bất kỳ sự thay đổi nào trong lực lượng sản xuất của con người

đều tất phải dẫn đến một sự thay đổi trong những quan hệ sản xuất của con người? Vì điều kiện quan trọng trước tiên là để khỏi bị tước mất những thành quả của văn minh, những lực lượng sản xuất đã đạt được, thì phải đập tan những hình thức cổ truyền trong đó những lực lượng sản xuất ấy đã được sản sinh ra. Từ lúc đó trở đi, giai cấp trước kia là cách mạng nay lại trở thành bảo thủ.

Giai cấp tư sản bắt đầu sự phát triển lịch sử của mình với một giai cấp vô sản, mà bản thân giai cấp vô sản này là một tàn dư của giai cấp vô sản^{1*} của thời phong kiến. Trong quá trình phát triển lịch sử của nó, giai cấp tư sản tất phải phát triển tính chất đối kháng của nó, một tính chất ít nhiều bị che đậy trong buổi đầu của nó và chỉ tồn tại ở trạng thái tiềm tàng. Giai cấp tư sản càng phát triển thì cũng phát triển lên trong lòng nó một giai cấp vô sản mới, một giai cấp vô sản hiện đại: một cuộc đấu tranh phát triển lên giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, một cuộc đấu tranh, trước khi được hai bên cảm thấy, chú ý, coi trọng, hiểu được, thừa nhận và công khai tuyên bố, thì lúc đầu chỉ biểu hiện ra bằng những sự xung đột cục bộ và tạm thời, bằng những hành động phá hoại mà thôi. Mặt khác, nếu tất cả những thành viên của giai cấp tư sản hiện đại có cùng một lợi ích như nhau vì họ hợp thành một giai cấp đối lập với một giai cấp khác, thì họ cũng có những lợi ích đối lập, đối kháng, vì họ cũng đối lập với nhau. Sự đối lập ấy về quyền lợi là kết quả của những điều kiện kinh tế của đời sống tư sản của họ. Vậy, càng ngày người ta càng thấy rõ hơn rằng những quan hệ sản xuất trong đó giai cấp tư sản vận động không có một tính chất nhất trí, một tính chất đơn, mà là một tính chất kép, rằng trong cùng những quan hệ ấy, sự giàu có được sản sinh ra thì sự khốn cùng cũng được sản sinh ra; trong

^{1*} Trong bản gửi tặng N.U-ti-na có ghi những từ sau đây: "giai cấp lao động".

cùng những quan hệ ấy, có sự phát triển của các lực lượng sản xuất thì cũng có một lực lượng sản sinh ra áp bức; rằng những quan hệ ấy chỉ sản sinh ra *sự giàu có tư sản*, nghĩa là sự giàu có của giai cấp tư sản, bằng cách không ngừng thủ tiêu sự giàu có của những thành viên cấu thành của giai cấp ấy và bằng cách sản sinh ra một giai cấp vô sản không ngừng lớn lên.

Tính chất đối kháng đó càng bộc lộ ra, thì những nhà kinh tế học, những người đại diện khoa học của nền sản xuất tư sản càng mâu thuẫn với học thuyết của chính họ; và trong hàng ngũ họ những trường phái khác nhau hình thành.

Chúng ta có những nhà kinh tế học *định mệnh chủ nghĩa*, là những người, trong học thuyết của họ, họ cũng thờ ơ với cái mà họ gọi là những mặt kém của nền sản xuất tư sản, chẳng khác nào bản thân những nhà tư sản, trong thực tiễn, cũng thờ ơ với những đau khổ của những người vô sản đã giúp họ kiếm được của cải như vậy. Trong trường phái định mệnh chủ nghĩa ấy, có phái cổ điển và phái lãng mạn. Những người cổ điển, như A-đam Xmit và Ri-các-đô, đại biểu cho một giai cấp tư sản còn đang đấu tranh với những tàn dư của xã hội phong kiến, chỉ chú trọng tới việc gột sạch những dấu vết phong kiến trong các quan hệ kinh tế, tăng thêm những lực lượng sản xuất và mang lại cho công nghiệp và thương nghiệp một cao trào mới. Theo quan điểm của họ, giai cấp vô sản, tham gia vào cuộc đấu tranh ấy, bị thu hút vào hoạt động sôi động ấy, thì chỉ có những đau khổ tạm thời, ngẫu nhiên mà thôi, và bản thân nó cũng coi những đau khổ ấy là như thế. Những nhà kinh tế học, như A-đam Xmit và Ri-các-đô, là những nhà sử học của thời đại ấy, họ không có sứ mệnh nào khác ngoài việc chứng minh xem trong những quan hệ của nền sản xuất tư sản, của cải được tạo ra như thế nào, diễn đạt những quan hệ ấy bằng những phạm trù, quy luật và chứng minh rằng những quy luật ấy, những phạm trù ấy, đối với việc sản xuất ra của cải, là cao hơn những quy luật và những phạm trù của xã hội phong kiến

đến chừng nào. Theo họ, sự khốn cùng chỉ là sự đau đớn đi kèm theo bất cứ việc sinh đẻ nào, trong tự nhiên là như thế, trong công nghiệp cũng là như thế.

Những người lãng mạn là thuộc về thời đại chúng ta, thời đại trong đó giai cấp tư sản đối lập trực tiếp với giai cấp vô sản, trong đó sự khốn cùng được sản sinh ra một cách cũng rất dồi dào như sự giàu có vậy. Bây giờ những nhà kinh tế học giữ thái độ của những người định mệnh chủ nghĩa chán chường, họ đứng cao trên vị trí của họ, ngạo mạn nhìn một cách khinh bỉ xuống những người mà họ coi như những cái máy đang làm ra của cải. Họ sao chép lại tất cả những lập luận có sẵn của những tiền bối của họ, và nếu tính thời giờ, ở những người tiền bối ấy, là sự ngây thơ, thì ở họ đã trở thành tính làm duyên làm dáng.

Sau đó là *trường phái nhân đạo*, họ chú tâm đến mặt xấu của những quan hệ sản xuất hiện đại. Đề lương tâm được thanh toán, trường phái này tìm cách ít nhiều hòa hoãn những sự trái ngược hiện tồn; họ thành thực phàn nàn về sự khổ cực của giai cấp vô sản, sự cạnh tranh điên cuồng giữa những nhà tư sản với nhau; họ khuyên công nhân nên sống thanh đạm, lao động giỏi và đẻ ít con; họ khuyên những nhà tư sản nên có suy nghĩ trong sản xuất. Toàn bộ học thuyết của trường phái này là dựa trên những sự phân biệt vô tận giữa lý luận và thực tiễn, giữa những nguyên lý và những kết quả, giữa quan niệm và sự ứng dụng, giữa nội dung và hình thức, giữa bản chất và thực tại, giữa pháp quyền và sự việc, giữa mặt tốt và mặt xấu.

Trường phái *bác ái* là trường phái nhân đạo được hoàn thiện thêm. Nó phủ định tính tất yếu của sự đối kháng; nó muốn biến tất cả mọi người thành những nhà tư sản; nó muốn thực hành lý luận, với tư cách là một lý luận khác với thực tiễn và không bao hàm sự đối kháng. Dĩ nhiên, trong lý luận, người ta dễ dàng bỏ qua những mâu thuẫn mà người ta luôn luôn gặp trong thực tế. Như vậy, học thuyết ấy có thể trở thành thực tế được lý tưởng

hóa. Vậy là những người bác ái muốn duy trì những phạm trù biểu thị những quan hệ tư sản, không có sự đối kháng cấu thành bản chất của những phạm trù ấy và gắn liền với chúng. Họ tưởng là họ nghiêm túc chống lại thực tiễn tư sản, kỳ thực bản thân họ lại tư sản hơn ai hết.

Giống như *những nhà kinh tế học* là những đại biểu khoa học của giai cấp tư sản, *những người xã hội chủ nghĩa* và *những người cộng sản* cũng là những nhà lý luận của giai cấp vô sản. Chừng nào mà giai cấp vô sản chưa được phát triển đầy đủ để tự cấu thành giai cấp và do đó, chừng nào ngay cả cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản với giai cấp tư sản còn chưa mang một tính chất chính trị, và chừng nào những lực lượng sản xuất còn chưa phát triển đầy đủ trong lòng bản thân giai cấp tư sản để hé ra cho người ta thấy được những điều kiện vật chất cần thiết cho sự giải phóng của giai cấp vô sản và sự thành lập một xã hội mới - thì chừng đó những nhà lý luận ấy chỉ là những nhà không tưởng, họ cố nghĩ ra những học thuyết và ra sức đi tìm một khoa học có tác dụng tái tạo để phục vụ cho những nhu cầu của các giai cấp bị áp bức. Nhưng lịch sử càng tiến tới và cùng với lịch sử, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cũng biểu hiện ra rõ rệt hơn thì họ không cần phải đi tìm khoa học ở trong trí óc của họ nữa, mà họ chỉ cần chú ý đến sự việc diễn ra trước mắt họ và diễn đạt những sự việc ấy ra mà thôi. Chừng nào mà họ còn đi tìm khoa học và chỉ làm ra những học thuyết, chừng nào mà họ còn ở giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh, thì họ vẫn thấy sự khốn cùng chỉ là sự khốn cùng, mà không thấy trong sự khốn cùng có mặt cách mạng, mặt lật đổ, nó sẽ đánh đổ xã hội cũ. Ngay từ lúc đó, khoa học do vận động lịch sử sản sinh ra và tham dự vào vận động lịch sử ấy một cách hoàn toàn tự giác, không còn tính chất lý thuyết suông nữa, khoa học đã trở thành khoa học cách mạng.

Chúng ta hãy trở về ông Pru-đông.

Mỗi quan hệ kinh tế đều có mặt tốt và mặt xấu của nó: đó

là điểm duy nhất mà ông Pru-đông không phủ nhận. Mặt tốt, ông đã thấy các nhà kinh tế học đã trình bày rồi, còn mặt xấu thì ông thấy những người xã hội chủ nghĩa cũng đã tố cáo ra rồi. Ông ta mượn các nhà kinh tế học tính tất yếu của những quan hệ kinh tế vĩnh cửu; ông ta mượn của những người xã hội chủ nghĩa cái ảo tưởng chỉ thấy sự khốn cùng là sự khốn cùng mà thôi. Ông ta đồng ý với những nhà kinh tế học và những người xã hội chủ nghĩa, mà vẫn muốn dựa vào uy tín của khoa học. Ông ta quy khoa học vào trong khuôn khổ nhỏ hẹp của một công thức khoa học; ông ta là người chạy theo các công thức. Như vậy, ông Pru-đông tưởng là phê phán cả khoa kinh tế chính trị và chủ nghĩa cộng sản: kỳ thực, ông ta ở dưới cả khoa kinh tế chính trị lẫn chủ nghĩa cộng sản. Ở dưới những nhà kinh tế học, vì với tư cách là nhà triết học sẵn có trong tay một công thức thần kỳ, ông ta tưởng là có thể không cần đi sâu vào những chi tiết thuần túy kinh tế; ở dưới những người xã hội chủ nghĩa, vì ông ta không có đủ can đảm mà cũng không đủ sáng suốt để vươn lên dù chỉ là về mặt tư biện, cao hơn tầm mắt tư sản.

Ông ta muốn trở thành sự tổng hợp, kỳ thực ông ta chỉ là một sai lầm kép mà thôi.

Ông ta muốn nhà khoa học bay lượn trên cả những nhà tư sản lẫn những người vô sản; kỳ thực, ông ta chỉ là người tiểu tư sản, luôn luôn ngả nghiêng giữa tư bản và lao động, giữa khoa kinh tế chính trị và chủ nghĩa cộng sản mà thôi.

§II. PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG VÀ MÁY MÓC

Theo ông Pru-đông, phân công lao động mở ra chuỗi *phát triển kinh tế*.

Mặt tốt của phân công lao động.

"Xét về mặt thực chất của nó, phân công là phương thức thực hiện *sự bình đẳng* về những điều kiện và những năng lực của trí óc" (t. I, tr.93).

Mặt xấu của phân công lao động.

"Đối với chúng ta, phân công đã trở thành một nguồn gốc gây ra sự khốn cùng" (t. I, tr. 94).

Lời nói khác

"Lao động, *phân ra theo quy luật* riêng của nó, mà quy luật ấy là điều kiện đầu tiên của sức sinh sản của nó, cuối cùng đi đến phủ định những mục đích của nó và tự nó thủ tiêu nó" (t. I, tr. 94).

Nhiệm vụ phải giải quyết.

Tìm ra "sự kết hợp mới để xoá bỏ những mặt có hại của phân công, mà vẫn giữ lại được tác dụng có ích của nó" (t.I, tr. 97).

Theo ông Pru-đông, phân công lao động là một quy luật vĩnh cửu, một phạm trù giản đơn và trừu tượng. Vậy, để giải thích sự phân công trong những thời kỳ khác nhau của lịch sử, ông ta chỉ cần cái trừu tượng, ý niệm, câu chữ cũng đủ. Những tầng lớp, những phường hội, chế độ công trường thủ công, đại công nghiệp, đều phải được giải thích chỉ bằng mỗi một chữ: *phân chia* mà thôi. Trước hết anh hãy nghiên cứu kỹ ý nghĩa của chữ "phân chia", thế là anh sẽ không cần phải nghiên cứu vô số ảnh hưởng khiến cho phân công có một tính chất nhất định trong mỗi thời đại nữa.

Cố nhiên, quy sự vật thành những phạm trù của ông Pru-đông, tức là làm cho sự vật quá giản đơn. Lịch sử không diễn ra theo

những phạm trù cứng nhắc như thế. Ở Đức, phải ba thế kỷ tròn mới thiết lập được sự phân công quy mô lớn lần thứ nhất, tức là sự tách rời thành thị khỏi nông thôn. Quan hệ duy nhất giữa thành thị và nông thôn ấy càng biến đổi, thì xã hội cũng biến đổi toàn bộ. Nếu chỉ xét mặt duy nhất ấy của phân công, anh sẽ có những nước cộng hoà cổ đại hay chế độ phong kiến theo đạo Cơ Đốc; nước Anh cũ với những công hầu của nó, hay nước Anh hiện đại với những ông vua ngành vải bông (cotton-lords) của nó. Trong thế kỷ XIV và XV, bấy giờ chưa có thuộc địa, châu Âu chưa biết có châu Mỹ, người ta chỉ biết châu Á thông qua Côn-xtan-ti-nô-pơ, Địa Trung Hải còn là trung tâm của hoạt động thương mại, thì phân công có một hình thức khác hẳn, một tính chất khác hẳn so với thế kỷ XVII, khi mà những người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, những người Anh, người Pháp có thuộc địa lập ra ở khắp nơi trên thế giới. Phạm vi của thị trường, bộ mặt của thị trường đã làm cho sự phân công ở những thời kỳ khác nhau có một bộ mặt, một tính chất, mà nếu chỉ từ mỗi một chữ "*phân chia*", từ ý niệm, từ phạm trù thì khó lòng mà suy ra được bộ mặt ấy, tính chất ấy.

Ông Pru-đông nói: "Tất cả các nhà kinh tế học, sau A-đam Xmit đều đã nêu lên *mặt có ích* và *mặt có hại* của quy luật phân công, nhưng họ coi trọng mặt có ích nhiều hơn là mặt có hại, vì như thế phù hợp với tính lạc quan của họ hơn, không một ai trong bọn họ tự hỏi xem mặt có hại của một quy luật có thể là cái gì... Làm sao mà cùng một nguyên lý ấy, mà quán triệt một cách chặt chẽ trong những hậu quả của nó, lại đưa đến những kết quả hoàn toàn trái ngược được? Không một nhà kinh tế học nào, trước cũng như sau A-đam Xmit thấy được rằng ở chỗ ấy có một vấn đề phải làm cho sáng rõ. Xy đã từng đi đến chỗ thừa nhận rằng, trong phân công, chính nguyên nhân sinh ra mặt tốt lành cũng là nguyên nhân sinh ra mặt có hại".

A.Xmit đi xa hơn là ông Pru-đông tưởng. Ông ấy đã thấy rất rõ rằng, "trong thực tế, sự khác nhau về tài năng tự nhiên giữa những cá nhân với nhau ít hơn là chúng ta tưởng. Những năng

khieu rất khác nhau, hình như phân biệt những người làm những nghề khác nhau khi họ đã đến tuổi trưởng thành kỳ thực không phải là *nguyên nhân* mà là *kết quả* của phân công"⁶³. Theo nguyên lý thì một người bóc vác khác một nhà triết học ít hơn là một con chó giữ nhà khác với một con chó săn. Chính sự phân công đã đào ra cái vực thẳm giữa hai người. Tất cả cái đó không ngăn cản ông Pru-đông nói ở một chỗ khác rằng, A-đam Xmit thậm chí không hề nghĩ rằng sự phân công lại có thể sinh ra những điều có hại được. Cũng chính vì vậy mà ông ta còn nói rằng Gi. B.Xây là *người đầu tiên* đã thừa nhận rằng "trong phân công, chính nguyên nhân sinh ra mặt tốt lành cũng là nguyên nhân sinh ra mặt có hại".

Nhưng chúng ta hãy nghe Lơ-mông-tây nói; suum cuique^{1*}.

"Tôi đã có vinh dự được ông Gi. B. Xây chấp nhận, trong quyển sách ưu tú của ông ấy về khoa kinh tế chính trị, nguyên lý mà tôi đã *làm sáng tỏ* trong đoạn nói về ảnh hưởng tinh thần của phân công. Rõ ràng là cái đầu đề chưa được ôn lẫm của quyển sách của tôi⁶⁴ đã khiến ông ta không nói đến tên tôi. Chỉ lấy lý do ấy tôi mới có thể giải thích được sự im lặng của một nhà văn có những tư tưởng riêng quá phong phú để phủ nhận một việc trích dẫn nhỏ nhất đến như thế" (Lơ-mông-tây. Toàn tập, tập I, tr. 245, Pa-ri, 1840).

Chúng ta phải công nhận cho ông ta mặt đúng này: Lơ-mông-tây đã trình bày một cách rất tế nhị những kết quả tai hại của sự phân công như tình hình tổ chức phân công hiện thời, và ông Pru-đông không thấy có gì phải thêm vào đó nữa. Nhưng vì, do lỗi của ông Pru-đông, chúng tôi đã bị lôi cuốn một lần vào trong cái vấn đề ai trước ai, nên tiện đây chúng ta hãy nói thêm rằng: trước ông Lơ-mông-tây rất lâu, và mười bảy năm trước A-đam Xmit, ông thầy của A-đam Xmit là A. Phéc-guy-xon đã trình bày vấn đề này một cách rõ ràng trong một chương chuyên bàn về sự phân công lao động.

^{1*} - mỗi người đều có ý kiến của riêng mình.

"Thậm chí cũng có thể ngờ vực, không biết là năng lực chung của một nước có tăng lên cùng một tỷ lệ với sự tiến bộ của kỹ thuật hay không. Nhiều kỹ thuật máy móc... đã thành công một cách mỹ mãn, mặc dầu những kỹ thuật ấy hoàn toàn không được sự giúp đỡ của lý tính và tình cảm, và sự dốt nát là mẹ của công nghiệp cũng như nó là mẹ của mê tín vậy. Sự suy nghĩ và sự tưởng tượng có thể bị làm lạc; nhưng thói quen cử động bàn chân hay bàn tay không tùy thuộc vào sự suy nghĩ và sự tưởng tượng. Cho nên, người ta có thể nói rằng sự hoàn hảo, đối với công trường thủ công, là ở chỗ có thể không cần đến trí óc khiến cho không cần phải cố gắng suy nghĩ mà công xưởng vẫn có thể được coi như là một cái máy mà các bộ phận của máy này là những con người... Viên tướng có thể rất thành thạo trong nghệ thuật chiến tranh, còn tất cả nghĩa vụ của người lính chỉ giới hạn ở chỗ làm một vài cử động chân hay cử động tay. Cái mà người lính bị thiệt thì viên tư lệnh lại thu được. Trong một thời kỳ mà cái gì cũng bị chia tách thì bản thân nghệ thuật tư duy cũng có thể làm thành một nghề riêng biệt" (A. Phéc-guy-xon. "Thư bản về lịch sử xã hội công dân". Pa-ri, 1783⁶⁵).

Để kết thúc đoạn văn này, chúng tôi phủ nhận một cách dứt khoát rằng "*tất cả các nhà kinh tế học đã nhấn mạnh những mặt có ích nhiều hơn là những mặt có hại của phân công lao động*". Chỉ cần nêu tên Xi-xmôn-đi cũng đủ.

Do đó, về những *mặt có ích* của phân công, thì ông Pru-đông không làm cái gì khác ngoài việc nói dông dài một cách ít nhiều cằn kỳ những câu chung chung mà ai cũng biết rồi.

Bây giờ chúng ta hãy xét xem ông ta đã xuất phát từ sự phân công được coi là quy luật chung, là phạm trù, là tư tưởng, để suy ra những *mặt có hại* gắn liền với sự phân công như thế nào. Làm sao mà phạm trù ấy, quy luật ấy lại bao hàm một sự phân phối không bình đẳng về lao động, trái với học thuyết bình quân chủ nghĩa của ông Pru-đông?

"Trong giờ phút long trọng này của sự phân công, cơn gió bão đã bắt đầu thổi vào nhân loại. Sự tiến bộ không thực hiện một cách đồng đều và giống nhau đối với tất cả mọi người nữa... nó bắt đầu bằng cách chiếm lấy một số ít những người hưởng đặc quyền đặc lợi... Chính sự thiên vị ấy của sự tiến bộ đối với một số người nhất định đã làm cho người ta tin rất lâu vào sự không bình đẳng tự nhiên, theo

mệnh trời, của những điều kiện sinh hoạt và đã sinh ra các đẳng cấp và tổ chức tất cả các xã hội theo chế độ đẳng cấp" (Pru-đông, t. I, tr.94).

Phân công lao động đã tạo ra các đẳng cấp. Thế nhưng, những đẳng cấp là những mặt có hại của phân công; vậy chính phân công đã sản sinh ra các mặt có hại. Quod erat demonstrandum^{1*}. Nếu người ta còn muốn đi xa hơn nữa và hỏi rằng cái gì đã làm cho phân công tạo ra các đẳng cấp, chế độ đẳng cấp và những đặc quyền đặc lợi thì ông Pru-đông sẽ trả lời: sự tiến bộ. Và cái gì đã làm ra sự tiến bộ? Sự hạn chế. Sự hạn chế theo ông Pru-đông, chính là sự thiên vị của sự tiến bộ đối với một số người nhất định.

Sau triết học thì đến lịch sử. Không còn phải là lịch sử miêu tả, cũng không phải là lịch sử biện chứng nữa, mà là lịch sử so sánh. Ông Pru-đông đối chiếu so sánh giữa người công nhân nhà in hiện thời và người công nhân nhà in của thời trung cổ; giữa người công nhân của những nhà máy luyện kim lớn ở Crơ-dô và người thợ rèn ở nông thôn; giữa nhà văn ngày nay và nhà văn thời trung cổ, và ông ta làm cho cán cân nghiêng về phía những người ít nhiều đại biểu cho sự phân công mà thời trung cổ đã tạo ra hay truyền lại. Ông ta đối lập phân công của một thời đại lịch sử này với phân công của một thời đại lịch sử khác. Phải chăng đó là điều mà ông Pru-đông phải chứng minh? Không phải thế. Ông ta phải vạch cho chúng ta thấy những mặt có hại của phân công nói chung, của phân công với tư cách là phạm trù. Và lại, cần gì phải nói nhiều về phần này của tác phẩm của ông Pru-đông, bởi vì, chúng ta sẽ thấy sau đó một chút, ông ta đã tự mình thủ tiêu một cách rõ ràng tất cả những cái gọi là phát triển lý luận ấy?

"Kết quả thứ nhất của lao động phân tán" - ông Pru-đông tiếp tục - "sau sự *đôi trụy của linh hồn*, là sự kéo dài ngày lao động, ngày lao động tăng lên theo tỷ

^{1*} - Đó chính là điều cần phải chứng minh.

lệ nghịch với tổng số năng lực trí tuệ bị tiêu hao... Nhưng vì thời gian lao động không thể vượt quá mười sáu hay mười tám giờ mỗi ngày, vì không thể lấy trong thời gian một khoản bù thêm nào nữa, cho nên người ta sẽ lấy khoản bù thêm này ở trong giá cả, và tiền công sẽ giảm xuống... Điều chắc chắn và là điều duy nhất mà chúng ta phải ghi nhớ, đó là *lương tâm phổ biến* không coi lao động của một người đốc công và của một lao công là như nhau. Vì thế có sự cần thiết phải giảm giá cả của ngày lao động, thành thử người lao động, sau khi đã bị tổn thương về tinh thần vì phải nhận một vai trò thấp kém, còn bị tổn thương về thân thể vì phải nhận một món thù lao nhỏ mọn".

Chúng tôi không chú ý đến giá trị lô-gích của những tam đoạn luận ấy, mà Can-tơ sẽ gọi là những ngộ biện.

Sau đây là nội dung của nó:

Phân công lao động dồn công nhân xuống vai trò thấp kém; tương ứng với vai trò thấp kém ấy là tâm hồn đòi truy; thích hợp với sự đòi truy của tâm hồn là việc tiền công không ngừng giảm bớt. Và để chứng minh rằng việc giảm bớt tiền công ấy là hoàn toàn thích hợp với một tâm hồn đòi truy, ông Pru-đông nói - để lương tâm được thanh thản - rằng chính là lương tâm phổ biến đã muốn như vậy đó. Tâm hồn của ông Pru-đông có được tính vào trong lương tâm phổ biến hay không?

Theo ông Pru-đông, *máy móc* là "phản đề lô-gích của sự phân công" và, để chứng minh cho phép biện chứng của mình, ông ta bắt đầu bằng việc biến *máy móc* thành *công xưởng*.

Sau khi đã giả định công xưởng hiện đại, để chứng minh sự phân công đưa đến sự khốn cùng, ông Pru-đông giả định rằng sự khốn cùng là do phân công sản sinh ra, để rồi đi đến công xưởng và để có thể coi công xưởng như là phủ định biện chứng của sự khốn cùng ấy. Sau khi đã làm cho người lao động bị tổn thương về tinh thần vì phải nhận một *vai trò thấp kém*, bị tổn thương về thân thể vì phải nhận một món thù lao nhỏ mọn; sau khi đã đặt công nhân vào *cương vị phụ thuộc vào người đốc công* và hạ lao động của anh ta xuống trình độ *công việc của một lao công*,

ông ta lại đổ lỗi cho công xưởng và máy móc là đã *hạ phẩm giá* người lao động "bằng cách cho anh ta một *người chủ*", và ông ta hoàn thành việc hạ thấp phẩm giá của người lao động bằng cách làm cho anh ta "từ địa vị người thợ thủ công hạ xuống địa vị *người lao công*". Phép biện chứng tuyệt diệu thay! Và nếu ông ta ngừng lại ở đó thì còn khá; nhưng không, ông ta cần có một lịch sử mới của sự phân công, không phải là đề xuất phát từ đó mà suy ra những mâu thuẫn nữa, mà là để xây dựng lại công xưởng theo cái lối của ông ta. Để đạt được mục đích ấy, ông ta cần quên hết những điều mà ông ta vừa nói về sự phân công.

Lao động được tổ chức, được phân công một cách khác nhau tùy theo những công cụ mà lao động sử dụng. Cái cối xay chạy bằng tay giả định một sự phân công khác với cái cối xay chạy bằng hơi nước. Vậy, nếu muốn bắt đầu bằng sự phân công nói chung, để rồi sau đó đi đến một công cụ sản xuất riêng biệt là máy móc, thì tức là chống lại lịch sử.

Máy móc không phải là một phạm trù kinh tế, cũng như con bò kéo cày không phải là một phạm trù kinh tế. Máy móc chỉ là một lực lượng sản xuất mà thôi. Công xưởng hiện đại, dựa trên việc sử dụng máy móc, là một quan hệ sản xuất của xã hội, một phạm trù kinh tế.

Bây giờ chúng ta hãy xem sự thể diễn ra trong trí tưởng tượng tuyệt vời của ông Pru-đông như thế nào.

"Trong xã hội, việc máy móc không ngừng xuất hiện ngày càng mới là phản đề, lại là công thức đảo ngược của phân công lao động; đó là *sự phân đối* của thiên tài công nghiệp chống lại *lao động phân tán và giết người*. Thật vậy, thế nào là một cái máy? Đó là một *phương pháp kết hợp những bộ phận nhỏ khác nhau của lao động*, những bộ phận mà phân công đã phân chia ra. Bất cứ cái máy nào cũng có thể coi là một sự kết hợp nhiều thao tác khác nhau... Vậy thì, thông qua máy móc, sẽ có *sự khôi phục người lao động*... Trong khoa kinh tế chính trị, máy móc đối lập với phân công, máy móc là tổng hợp, mà tổng hợp thì đối lập với phân tích trong trí óc của con người... Phân công chỉ phân chia những bộ phận khác nhau của lao động, nó để cho mỗi người làm việc theo ngành chuyên môn thích hợp với mình nhất; công xưởng tập hợp những người lao động, căn cứ vào quan hệ giữa mỗi bộ phận với toàn

thê... nó đưa nguyên lý uy quyền vào trong lao động... Nhưng chưa hết: *máy móc* hay *công xưởng* sau khi đã hạ phẩm giá người lao động bằng cách cho anh ta một người chủ, thì hoàn thành việc hạ thấp phẩm giá của anh ta bằng cách làm cho anh ta từ địa vị người thợ thủ công hạ xuống người lao công... Thời đại mà chúng ta hiện đang trải qua, thời đại của máy móc, khác với các thời đại khác ở chỗ nó có một tính chất đặc biệt, đó là *lao động làm thuê*. Lao động làm thuê xuất hiện *sau* phân công và trao đổi.

Xin có một nhận xét giản đơn với ông Pru-đông. Việc phân chia những bộ phận khác nhau của lao động, - tạo cho mỗi người làm việc theo ngành chuyên môn thích hợp với mình nhất, - việc phân chia mà ông Pru-đông cho là có từ khi khai thiên lập địa rồi, thật ra chỉ tồn tại trong công nghiệp hiện đại, dưới chế độ cạnh tranh, mà thôi.

Sau đó, ông Pru-đông đưa ra cho chúng ta một "phổ hệ" rất mực "thú vị", để chứng minh công xưởng đã do phân công sản sinh ra như thế nào, và lao động làm thuê đã do công xưởng sản sinh ra như thế nào.

1) Ông ta giả định có một người đã "nhận xét rằng bằng cách phân chia sản xuất thành những bộ phận khác nhau của nó, và giao mỗi bộ phận cho từng người công nhân làm", thì người ta sẽ tăng lực lượng sản xuất lên nhiều.

2) Người ấy, "đi theo dòng tư tưởng ấy, tự bảo rằng: bằng cách lập ra một nhóm thường trực những người lao động được chọn lựa vì mục đích đặc biệt mà anh ta tự *đề ra*, anh ta sẽ có được một quá trình sản xuất liên tục hơn, v.v."

3) Người ấy nêu ra một *đề nghị* với những người khác, để làm cho họ nắm được tư tưởng của anh ta và theo dõi dòng tư tưởng của anh ta.

4) Người ấy, trong thời kỳ đầu của công nghiệp, lấy *thái độ bình đẳng* để đối xử với *những người đồng nghiệp của anh ta* sau này trở thành *những công nhân* của anh ta.

5) "Quả vậy, cũng dễ thấy rằng sự bình đẳng nguyên thủy ấy

đã phải biến mất một cách nhanh chóng do địa vị có lợi của người chủ và địa vị phụ thuộc của người làm thuê".

Đó còn là một kiểu mẫu của *phương pháp lịch sử và miêu tả* của ông Pru-đông.

Bây giờ chúng ta hãy xét, trên quan điểm lịch sử và kinh tế, xem có thật là công xưởng và máy móc đã đưa *nguyên lý uy quyền* vào trong xã hội sau khi phân công xuất hiện hay không; có phải là một mặt thì người công nhân được khôi phục lại địa vị, trong khi, mặt khác, anh ta vẫn rơi vào địa vị bị phụ thuộc vào uy quyền hay không; cuối cùng, có phải máy móc là sự kết hợp lại lao động đã bị phân chia ra, là sự *tổng hợp* lao động đối lập với sự *phân tích* lao động hay không.

Toàn bộ xã hội có điểm này giống với nội bộ một công xưởng, tức là bản thân xã hội cũng có phân công của nó. Nếu người ta lấy phân công trong một công xưởng hiện đại làm kiểu mẫu, để ứng dụng nó vào trong toàn bộ một xã hội, thì xã hội được tổ chức tốt nhất cho việc sản xuất ra của cải nhất định sẽ là xã hội chỉ có một chủ xí nghiệp duy nhất làm thủ trưởng, phân phối công việc theo một quy tắc định trước cho những thành viên khác nhau của xã hội. Nhưng trên thực tế, hoàn toàn không phải như vậy. Trong khi trong nội bộ công xưởng hiện đại sự phân công được điều tiết một cách tỉ mỉ bởi uy quyền của người chủ xí nghiệp, thì xã hội hiện đại không có quy tắc nào khác, uy quyền nào khác để phân phối lao động, ngoài tự do cạnh tranh cả.

Dưới chế độ gia trưởng, dưới chế độ đẳng cấp, dưới chế độ phong kiến và phường hội, đã có phân công trong toàn bộ xã hội theo những quy tắc nhất định. Phải chăng những quy tắc ấy do một nhà lập pháp nào đó định ra? Không phải thế. Lúc đầu những quy tắc ấy do những điều kiện của sản xuất vật chất sản sinh ra, mãi về sau chúng mới được đưa lên thành pháp luật. Chính vì thế mà những hình thức khác nhau ấy của phân công đã trở thành bấy nhiêu cơ sở tổ chức xã hội. Còn về phân công trong công

xưởng thì nó rất ít được phát triển trong tất cả những hình thái ấy của xã hội.

Thậm chí người ta cũng có thể nêu lên thành quy tắc chung rằng, uy quyền càng ít chỉ đạo sự phân công trong nội bộ xã hội bao nhiêu, thì phân công càng phát triển trong nội bộ công xưởng bấy nhiêu và ở đó, sự phân công càng bị lệ thuộc vào uy quyền của một người độc nhất bấy nhiêu. Như vậy, về mặt phân công thì uy quyền trong công xưởng và uy quyền trong xã hội *tỷ lệ nghịch* với nhau.

Bây giờ cần phải hiểu thế nào là công xưởng, trong đó những công việc được chia ra rành rọt, ở đó nhiệm vụ của mỗi người công nhân quy lại thành một thao tác rất giản đơn, và ở đó uy quyền, tức là tư bản, tập hợp và điều khiển mọi việc. Công xưởng ấy đã sinh ra như thế nào? Để trả lời câu hỏi ấy, chúng ta còn phải nghiên cứu xem công nghiệp công trường thủ công chính cống đã phát triển như thế nào. Tôi muốn nói đến loại công nghiệp chưa phải là công nghiệp hiện đại với những máy móc của nó, nhưng không còn là công nghiệp của thợ thủ công thời trung cổ nữa, cũng không còn là công nghiệp gia đình nữa. Chúng tôi sẽ không đi vào những điểm quá chi tiết, chúng tôi chỉ trình bày một vài điểm vắn tắt, để nói lên rằng với những công thức, người ta không thể nào tạo nên lịch sử.

Một trong những điều kiện cần thiết nhất cho công nghiệp công trường thủ công hình thành là tích lũy tư bản; tích lũy tư bản được thúc đẩy mạnh hơn nhờ việc tìm ra châu Mỹ và việc du nhập những kim loại quý của châu Mỹ.

Một điều rõ ràng là việc tăng thêm những phương tiện trao đổi đưa đến kết quả là, một mặt, tiền công và địa tô hạ xuống, và mặt khác, lợi nhuận công nghiệp tăng lên. Nói cách khác: giai cấp địa chủ và giai cấp người lao động, bọn chúa phong kiến và nhân dân càng sa sút, thì giai cấp những nhà tư bản, giai cấp tư sản càng nhồi lên.

Còn có những hoàn cảnh khác cũng đồng thời giúp cho công nghiệp công trường thủ công phát triển: sự tăng thêm số lượng hàng hoá lưu thông từ khi thương mại xâm nhập vào miền Đông Ấn bằng đường biển qua mũi Hảo Vọng, hệ thống thuộc địa, sự phát triển thương mại đường biển.

Một điểm khác mà trước đây người ta chưa đánh giá đầy đủ trong lịch sử của công nghiệp công trường thủ công, đó là việc giải tán những đoàn tùy tùng đông đảo của bọn chúa phong kiến, những bộ hạ của bọn tùy tùng ấy trở thành những kẻ lang bạt trước khi vào công xưởng. Trước khi sáng lập ra công xưởng công trường thủ công, người ta thấy một hiện tượng lang bạt, gần như phổ biến vào các thế kỷ XV và XVI. Công xưởng còn có một chỗ dựa mạnh mẽ trong những người nông dân đông đảo liên tiếp bị đuổi ra khỏi nông thôn, do việc biến đồng ruộng thành đồng cỏ và do chỗ nông nghiệp đòi hỏi ít cánh tay để cày ruộng hơn trước kia, họ đã ùn về các thành thị rong rã trong mấy thế kỷ.

Sự mở rộng thị trường, tích lũy tư bản, những biến đổi xảy ra trong địa vị xã hội của các giai cấp, việc nhiều người mất đi các nguồn thu nhập của họ, đó là bấy nhiêu điều kiện lịch sử để cho công trường thủ công hình thành. Không phải, như ông Pru-đông nói, là những sự đồng ý ồ ạt giữa những người bình đẳng đã tập hợp người ta vào trong công xưởng. Cũng không phải là công trường thủ công đã sinh ra từ trong lòng những phường hội cũ. Chính thương nhân chứ không phải người thợ cả cũ của các phường hội đã trở thành người chủ công xưởng hiện đại. Một cuộc đấu tranh quyết liệt diễn ra giữa công trường thủ công và thủ công nghiệp ở hầu khắp mọi nơi.

Sự tích lũy và tập trung công cụ sản xuất và người lao động xuất hiện trước khi sự phân công trong nội bộ công xưởng phát triển. Đặc điểm của công trường thủ công là sự tập hợp nhiều người lao động và nhiều nghề thủ công vào một nơi duy nhất,

trong một gian xưởng, dưới quyền chỉ huy của một tư bản, chứ không phải là sự phân tách các công việc và sự thích nghi của từng công nhân chuyên ngành với những thao tác rất giản đơn.

Ích lợi của một công xưởng là ở chỗ có hoàn cảnh để người ta làm việc với một quy mô lớn hơn, người ta giảm bớt được nhiều chi phí gián tiếp hơn, v.v., hơn là ở chỗ có phân công thực sự. Cuối thế kỷ XVI và đầu thế kỷ XVII, công trường thủ công ở Hà Lan chỉ mới biết đến sự phân công mà thôi.

Sự phát triển của phân công lao động đòi hỏi trước đó phải có sự tập hợp những người lao động vào trong một công xưởng. Thậm chí không có một thí dụ nào, trong thế kỷ XVI cũng như trong thế kỷ XVII, chứng tỏ rằng các ngành khác nhau của cùng một nghề thủ công đã được phát triển, đến nỗi chỉ cần tập hợp chúng lại vào một nơi duy nhất là có thể thành công xưởng hoàn chỉnh. Nhưng một khi người và công cụ sản xuất đã tập hợp lại rồi, thì sự phân công như nó đã tồn tại dưới hình thức trong thời kỳ phường hội, lại hình thành trở lại, lại được phản ánh một cách tất nhiên trong công xưởng.

Theo ông Pru-đông - nếu quả thật là ông ta có nhìn thấy sự vật thì ông ta cũng chỉ nhìn thấy sự vật đảo ngược lại, - sự phân công, theo quan niệm của A-đam Xmit, có trước công xưởng, kỳ thực công xưởng là một điều kiện tồn tại của phân công.

Máy móc thật sự chỉ xuất hiện từ cuối thế kỷ XVIII. Không có gì vô lý bằng việc coi máy móc là *phản đề* của phân công, là sự *tổng hợp* khôi phục lại sự thống nhất trong lao động đã bị phân nhỏ.

Máy móc là một sự tập hợp công cụ lao động, chứ quyết không phải là một sự kết hợp những thao tác cho bản thân người công nhân.

"Khi mà do sự phân công, mỗi thao tác riêng biệt được quy lại thành việc sử dụng một công cụ giản đơn, thì sự tập hợp tất cả những công cụ ấy, do một động

cơ duy nhất chuyển động, cấu thành một cái máy" (Báp-bít-giơ. "Luận văn về bản chất kinh tế của máy móc", v.v., Pa-ri, 1883⁶⁶).

Công cụ giản đơn, tích lũy công cụ, công cụ phức hợp, việc khởi động một công cụ phức hợp bằng một động cơ thủ công duy nhất, bằng con người, việc khởi động những công cụ ấy bằng các lực lượng tự nhiên; máy móc; hệ thống các máy móc có một động cơ; hệ thống máy móc có một động cơ tự động, - đó là tiến trình phát triển của máy móc.

Việc tập trung các công cụ sản xuất và sự phân công gắn liền với nhau, cũng giống như, trong lĩnh vực chính trị, việc tập trung chính quyền gắn liền với sự phân chia những quyền lợi tư nhân. Nước Anh, với sự tập trung ruộng đất, tập trung những công cụ của lao động nông nghiệp, cũng có phân công trong nông nghiệp, và máy móc áp dụng vào việc canh tác ruộng đất. Ở nước Pháp có tình trạng công cụ bị phân tán và chế độ sở hữu ruộng đất manh mún, nói chung nước Pháp không có phân công nông nghiệp, mà cũng không có việc áp dụng máy móc để canh tác ruộng đất.

Theo ông Pru-đông, sự tập trung công cụ lao động là sự phủ định phân công. Trong thực tế, chúng ta lại thấy trái lại. Công cụ càng tập trung thì phân công càng phát triển và vice versa^{1*}. Chính vì thế mà bất cứ một phát minh lớn nào về máy móc cũng đều đưa đến một sự phân công lớn hơn, và đến lượt nó, mỗi lần phân công tăng lên lại đưa đến những phát minh mới về máy móc.

Chúng ta không cần nhắc lại rằng những bước tiến lớn của sự phân công ở nước Anh đều bắt đầu sau khi phát minh ra máy móc. Chẳng hạn, phần lớn những người dệt vải và những người kéo sợi là những người nông dân như người ta còn thấy cho tới nay trong những nước lạc hậu. Việc phát minh ra máy móc đã làm cho công trường thủ công tách rời hẳn ra khỏi nông nghiệp.

^{1*} - ngược lại.

Người dệt vải và người kéo sợi, trước đây tụ họp trong cùng một gia đình, nay bị máy móc tách rời ra. Nhờ có máy móc mà giờ đây người kéo sợi có thể sống ở nước Anh trong khi người dệt vải sống ở xứ Đông Ấn. Trước khi phát minh ra máy móc, công nghiệp của một nước chủ yếu là chế biến những nguyên liệu là sản phẩm của đất nước mình. Chẳng hạn như len ở Anh, lanh ở Đức, tơ và lanh ở Pháp, bông ở xứ Đông Ấn và Cận Đông, v.v.. Nhờ áp dụng máy móc và hơi nước, phân công đã có thể phát triển đến mức độ mà đại công nghiệp, tách rời khỏi nước nhà, chỉ còn tùy thuộc vào thị trường thế giới, vào những trao đổi quốc tế, vào một sự phân công quốc tế nữa mà thôi. Cuối cùng, máy móc ảnh hưởng đến sự phân công, đến nỗi một khi trong việc sản xuất một vật phẩm nào đó nếu người ta có thể dùng máy móc để chế tạo ra các chi tiết của vật phẩm đó, thì lập tức việc sản xuất ấy tách ra thành hai ngành độc lập với nhau.

Có cần phải nói đến *mục đích* theo *mệnh trời* và bác ái mà ông Pru-đông phát hiện ra ở trong việc phát minh ra máy móc và trong việc áp dụng máy móc lúc đầu hay không?

Ở nước Anh, khi thương mại đã phát triển đến mức độ là lao động thủ công không còn đáp ứng đủ cho lượng cầu trên thị trường nữa, thì người ta cảm thấy cần phải có máy móc. Lúc bấy giờ người ta nghĩ đến việc áp dụng khoa học cơ khí đã hình thành đầy đủ trong thế kỷ XVIII rồi.

Công xưởng tự động đánh dấu bước đầu của nó bằng những hành vi không bác ái một chút nào. Các trẻ em bị giữ lại làm việc bằng roi vọt; người ta coi chúng là một đối tượng trao đổi, và người ta ký những hợp đồng với các trại trẻ mồ côi. Người ta bỏ hết những đạo luật về việc học nghề của công nhân, bởi vì, theo lời nói của ông Pru-đông, người ta không cần đến những công nhân *tổng hợp* nữa. Cuối cùng, từ 1825 về sau, hầu hết những phát minh mới đều là kết quả của những vụ xung đột giữa công nhân và chủ xí nghiệp, chủ xí nghiệp tìm đủ mọi cách làm giảm giá đào tạo

chuyên môn của công nhân. Cứ sau mỗi lần bãi công mới ít nhiều quan trọng, thì lại xuất hiện một cái máy mới. Người công nhân không cho rằng việc áp dụng máy móc là một thứ khôi phục địa vị, một thứ *khôi phục*, như ông Pru-đông nói, nên trong thế kỷ XVIII, trong một thời gian khá lâu, họ đã kháng cự lại sự thống trị mới xác lập của thiết bị tự động.

Tiến sĩ I-u-rơ nói: "Oai-ét đã phát hiện ra những ngón tay kéo sợi (loạt các trục có đường rãnh) trước Ác-crai-tơ lâu... Khó khăn chủ yếu không phải là ở chỗ phát minh ra một thiết bị cơ khí tự động... Khó khăn chủ yếu là ở chỗ giáo dục kỹ luật cần thiết để làm cho người ta bỏ được những thói quen vô tổ chức trong lao động của họ, và để làm cho họ làm việc ăn khớp với nhịp điệu đều đặn không thay đổi của một máy tự động lớn. Nhưng, phát minh ra và cho lưu hành một bộ luật về kỷ luật công xưởng, thích hợp với những nhu cầu và tốc độ của hệ thống tự động, đó là một sự nghiệp xứng đáng với Héc-quyn, đó là công việc cao quý của Ác-crai-tơ".

Tóm lại, với việc sử dụng máy móc, phân công lao động trong xã hội đã tăng lên, công việc của người công nhân trong nội bộ công xưởng đã trở thành giản đơn hơn, tích tụ tư bản tăng lên, con người càng bị phân chia hơn.

Ông Pru-đông muốn làm nhà kinh tế học tạm thời gác lại sự "phát triển trong cái chuỗi của lý tính" chẳng, thế là ông ta đi lấy nguồn học thức của mình ở A.Xmít, vào một thời kỳ mà công xưởng tự động chỉ mới bắt đầu xuất hiện. Giữa phân công của thời đại A-đam Xmít và phân công như ta thấy trong công xưởng tự động hiện thời, có sự khác nhau thật sự rất xa ! Để làm cho người ta hiểu rõ sự khác nhau ấy, chỉ cần trích dẫn vài đoạn của "Triết học về công trường thủ công", của tiến sĩ I-u-rơ cũng đủ.

"Khi A. Xmít viết tác phẩm bắt hủ của ông ta về những nguyên lý cơ bản của khoa kinh tế chính trị, thì hệ thống tự động trong công nghiệp hầu như chưa được người ta biết đến. Ông ta thấy một cách rất tự nhiên rằng phân công là nguyên lý lớn của sự cải tiến trong công trường thủ công. Ông ta đã chứng minh rằng, trong nghề chế tạo kim băng, một công nhân ngày càng thành thạo do chuyên làm một thao tác duy nhất và nhất định sẽ làm việc nhanh hơn và tiền công rẻ hơn. Trong

mỗi ngành công trường thủ công, ông ta thấy rằng căn cứ vào nguyên lý ấy thì một số thao tác nào đó, như cắt dây đồng thành những đoạn bằng nhau, sẽ là một công việc rất dễ dàng; còn một số thao tác khác như khâu gia công thêm và nối đầu kim thì tương đối khó hơn; vì thế ông ta kết luận rằng, đương nhiên người ta có thể làm cho một người công nhân thích ứng với mỗi thao tác ấy, tiền công của người công nhân này sẽ phù hợp với tài nghệ của anh ta. Chính *sự thích ứng* ấy là thực chất của phân công. Thế nhưng, điều mà thời tiền sử Xmt có thể dùng làm thí dụ có ích thì ngày nay chỉ có thể làm cho công chúng hiểu lầm đối với nguyên lý thực tế của công nghiệp công xưởng mà thôi. Quả vậy, phân công hay nói cho đúng hơn, việc làm cho các công việc thích nghi với những năng lực cá nhân khác nhau không hề nằm trong kế hoạch hoạt động của công xưởng tự động; trái lại, ở bất cứ chỗ nào mà quá trình thao tác đòi hỏi phải có một sự thành thạo và một sự chính xác cao độ, thì người ta lại không trao quá trình thao tác đó cho người công nhân quá thành thạo và thường có xu hướng không theo đúng quy tắc về nhiều mặt, mà trao cho một thiết bị máy móc đặc biệt làm thay, động tác tự động của thiết bị này rất đều đặn nhịp nhàng đến nỗi một em bé cũng có thể coi máy được.

Vậy nguyên lý của hệ thống tự động là thay thế kỹ thuật cơ khí vào lao động thủ công và lấy việc phân tích một quá trình thao tác thành những bộ phận cấu thành của nó để thay thế sự phân công giữa những người thợ thủ công với nhau. Theo chế độ lao động thủ công thì nhân công thường thường là yếu tố đắt tiền nhất của một sản phẩm nào đó, nhưng theo chế độ tự động thì những tài nghệ của người thợ thủ công được thay thế dần dần bằng những người coi máy tâm thường.

Bản tính của con người yếu đuối đến nỗi người công nhân càng thành thạo thì càng tự tiện và càng cố chấp, và do đó càng ít thích hợp với một hệ thống máy móc, vì những động tác tùy tiện của anh ta có thể gây thiệt hại lớn cho toàn bộ hệ thống. Vậy, mục tiêu lớn nhất của người chủ công xưởng hiện đại là, bằng cách kết hợp khoa học với những tư bản của anh ta, hạ thấp công việc của những người công nhân của anh ta thành việc chỉ sử dụng sự chú ý và sự khéo léo của họ - những năng lực đó được rèn luyện trong thời niên thiếu của họ, *khi chúng được tập trung vào một đối tượng duy nhất*.

Căn cứ vào chế độ cấp bậc công tác thì người công nhân phải tập sự trong nhiều năm trước khi con mắt và bàn tay của anh ta trở nên khéo léo để có thể làm được một số thao tác cơ giới đặc biệt khó khăn nào đó mà thôi. Nhưng theo hệ thống phân tích một quá trình thao tác thành những bộ phận cấu thành của nó, và đem tất cả các phần việc giao cho một cái máy tự động làm, thì người ta có thể giao những phần việc cơ bản ấy cho một người chỉ có năng lực bình thường, sau khi người

ấy được thử thách trong một thời gian ngắn, cũng đủ. Trong trường hợp khẩn cấp, người ta cũng có thể chuyển người ấy từ chỗ đứng máy này sang đứng máy khác, tùy theo ý muốn của người chủ xí nghiệp. Những việc chuyển qua chuyển lại như thế rõ ràng là trái ngược với lẽ lối cũ, lẽ lối cũ chia nhỏ lao động và trao cho một công nhân nhiệm vụ chỉ làm một cái đầu kim bằng, trao cho một công nhân khác nhiệm vụ mài nhon mũi kim, những công việc đơn điệu và buồn tẻ, làm cho người công nhân dần dần... Thế nhưng, căn cứ vào nguyên lý *bình quân hoá*, nghĩa là căn cứ vào hệ thống tự động, thì những năng khiếu của công nhân chỉ được sử dụng vào một công việc dễ chịu, "v.v..."... Vì nhiệm vụ của công nhân là trông coi công việc của một thiết bị máy móc chạy đều đặn và nhịp nhàng, nên anh có thể học việc ấy trong một thời gian ngắn; và khi anh ta chuyển từ máy này sang máy khác, thì nội dung công việc của anh ta phong phú lên, anh hiểu biết được nhiều hơn bằng cách suy nghĩ về những sự kết hợp chung trong công việc của anh và công việc của các đồng sự của anh. Như vậy, sự gò bó năng khiếu ấy, sự hạn chế hiểu biết ấy, tình trạng khó phát triển của thân thể ấy đã được coi như là kết quả của phân công, mà như vậy không phải là không có lý, - không còn có thể tồn tại được, trong những điều kiện bình thường, dưới chế độ *phân phối bình đẳng về lao động*.

Trên thực tế, mục đích thường xuyên và khuynh hướng của mọi sự cải tiến kỹ thuật cơ khí là bỏ được hoàn toàn lao động của con người hoặc giảm được giá lao động ấy, bằng cách lấy lao động của phụ nữ và trẻ em thay thế cho lao động của công nhân đàn ông, hay lấy lao động của người công nhân không được huấn luyện thay thế cho lao động của người công nhân thành thạo... Cái xu hướng chỉ dùng những trẻ em có con mắt tinh nhanh và những ngón tay mềm dẻo thay thế cho những công nhân lành nghề có kinh nghiệm chứng tỏ rằng cái nguyên lý giáo điều về sự phân công theo các trình độ thành thạo khác nhau về tay nghề của công nhân, cuối cùng đã bị các chủ công xưởng sáng suốt của chúng ta bác bỏ" (En-đriu I-u-rơ. "Triết học công xưởng, hay là Kinh tế công nghiệp", t. I, ch.I⁶⁷).

Đặc điểm của phân công lao động trong nội bộ xã hội hiện đại là nó sản sinh ra những ngành chuyên môn và những nghề biệt lập và cùng với những cái đó là sự ngu dốt về nghề nghiệp.

Lơ-mông-tây nói: "Chúng ta hết sức ngạc nhiên khi thấy trong số những người đời xưa có những nhân vật cùng một người mà tài giỏi về nhiều mặt, kiêm cả nhà triết học, nhà thơ, nhà hùng biện, nhà sử học, giáo sĩ, nhà cai trị quốc gia, tướng quân. Chúng ta kinh hoàng trước một hoạt động rộng lớn đến như thế. Mỗi người chúng ta chỉ dám rào lấy một khoảnh nào đó cho mình và thu mình trong đó mà thôi. Tôi không hiểu do sự chia cắt nhỏ ra như thế, lĩnh vực hoạt động có rộng lớn không, nhưng tôi biết chắc chắn rằng con người thu nhỏ lại".

Đặc điểm của phân công trong công xưởng tự động là ở đó lao động đã mất hết tính chất chuyên môn rồi. Nhưng một khi mà mọi sự phát triển chuyên môn chấm dứt, thì nhu cầu về tính vạn năng, xu hướng đi đến một sự phát triển toàn diện của cá nhân bắt đầu lộ rõ. Công xưởng tự động xoá bỏ các nghề biệt lập và sự ngu dốt nghề nghiệp.

Không biết đến cả đến cái mặt cách mạng duy nhất ấy của công xưởng tự động, ông Pru-đông đi thụt lùi một bước, và đề nghị với công nhân không những chỉ làm bộ phận thứ mười hai của một cái kim băng, mà làm lần lượt tất cả mười hai bộ phận. Như vậy, người công nhân sẽ đạt đến sự hiểu biết đầy đủ và toàn diện về cái kim băng. Lao động tổng hợp của ông Pru-đông chính là như thế. Không ai có thể chối cãi được rằng vận động lên đảng trước và vận động lùi lại đảng sau, cũng chính là một vận động tổng hợp.

Tóm lại, ông Pru-đông đã không đi xa hơn lý tưởng của người tiểu tư sản. Và để thực hiện lý tưởng ấy, ông ta không nghĩ ra cách nào khác hơn là kéo chúng ta trở về với người thợ bạn thời trung cổ hay nhiều lắm là với người thợ cả của thời trung cổ. Ở chỗ nào đó trong quyển sách của ông ta, ông ta có nói: trong đời mình chỉ cần một lần duy nhất làm được một kiệt tác, một lần duy nhất cảm thấy mình là người, cũng đủ rồi. Về hình thức cũng như về nội dung, đó chẳng phải là kiệt tác mà phường hội thời trung cổ yêu cầu đó sao?

§III. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN

*Mặt tốt của
cạnh tranh.*

"Đối với lao động, cạnh tranh cũng có ý nghĩa trọng yếu như phân công vậy... Nó cần thiết cho việc thiết lập sự bình đẳng".

*Mặt xấu của
cạnh tranh.*

"Nguyên lý của cạnh tranh là phủ định bản thân mình. Kết quả chắc chắn nhất của nó là sự tiêu vong của những kẻ mà nó lôi cuốn vào".

Ý kiến chung.

"Những kết quả có hại của cạnh tranh, cũng như lợi ích mà nó đưa lại..., cả hai cái đều bắt nguồn từ nguyên lý của nó một cách lô-gích".

"Tìm ra một nguyên tắc điều hoà phải xuất phát từ một quy luật cao hơn cả tự do nữa".

Lời nói khác:

*Nhiệm vụ phải
giải quyết.*

"Vậy thì vấn đề ở đây không phải là thủ tiêu cạnh tranh, điều đó không thể làm được, cũng giống như là không thể thủ tiêu tự do được; vấn đề là phải tìm ra sự thăng bằng của cạnh tranh, tôi muốn nói đó là *cạnh sát*".

Ông Pru-đông bắt đầu bằng việc bênh vực cho tính tất yếu vĩnh cửu của cạnh tranh, chống lại những người muốn lấy thi đua¹⁾ để thay thế cạnh tranh.

Không có "thứ thi đua nào mà lại không có mục đích", và vì "đối tượng của mọi sự say mê tất nhiên phải giống với sự say mê: người đàn bà là đối tượng ham say đối với người si tình, sự ham say quyền lực - đối với người hám danh, sự ham say vàng - đối với người hà tiện, vòng hoa nguyệt quế - đối với nhà thơ, thì đối tượng của thi đua công nghiệp tất nhiên phải là *lợi nhuận*". Thi đua cũng chính là cạnh tranh chứ không phải là cái gì khác".

Cạnh tranh là thi đua nhằm mục đích lợi nhuận. Có phải thi

¹⁾ Chống lại phái Phu-ri-ê, Ph. Ă. (Chú thích của Ăng-ghe-n cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1885).

đua công nghiệp tất nhiên phải là thi đua nhằm mục đích lợi nhuận, nghĩa là cạnh tranh hay không? Ông Pru-đông dùng lối khẳng định đơn thuần để chứng minh điều đó. Chúng ta đã thấy: theo ông ta, khẳng định tức là chứng minh, cũng như giả định là phủ định.

Nếu *đối tượng* trực tiếp của người si tình là người đàn bà thì đối tượng trực tiếp của thi đua công nghiệp là sản phẩm chứ không phải là lợi nhuận.

Cạnh tranh không phải là thi đua công nghiệp, đó là thi đua thương nghiệp. Ngày nay, thi đua công nghiệp chỉ tồn tại vì mục đích thương nghiệp. Thậm chí trong sinh hoạt kinh tế của các dân tộc hiện đại, có những giai đoạn mà tất cả mọi người như quay cuồng đi tìm lợi nhuận mà không sản xuất. Sự quay cuồng đầu cơ ấy, cứ trở lại một cách chu kỳ, bóc trần tính chất thật sự của cạnh tranh là tìm cách tránh khỏi sự cần thiết phải tiến hành thi đua công nghiệp.

Nếu như xưa kia anh nói với một người thợ thủ công của thế kỷ XIV là người ta sắp bãi bỏ những đặc quyền và toàn bộ tổ chức phong kiến của công nghiệp để lấy thi đua công nghiệp được gọi là cạnh tranh, thay vào đó, thì anh ta sẽ trả lời rằng những đặc quyền của những nghiệp đoàn, hiệp hội và phường hội khác nhau, chính là cạnh tranh có tổ chức. Ông Pru-đông cũng không nói gì hơn khi ông ta khẳng định rằng "thi đua cũng chính là cạnh tranh chứ không phải là cái gì khác".

"Hãy ra lệnh rằng kể từ ngày 1 tháng Giêng 1847, lao động và tiền công sẽ được bảo đảm cho tất cả mọi người; lập tức một sự đình trệ rất lớn sẽ thay cho sự cố gắng cao độ trong công nghiệp".

Bây giờ thì không phải là một sự giả định, một sự khẳng định và một sự phủ định, mà chúng ta có một cái pháp lệnh mà ông Pru-đông ban ra hoàn toàn nhằm mục đích chứng minh tính tất yếu của cạnh tranh, tính chất vĩnh cửu của nó như là phạm trù, v.v..

Nếu người ta tưởng tượng rằng chỉ cần ra những pháp lệnh để thoát khỏi cạnh tranh thì không bao giờ người ta thoát khỏi cạnh tranh được cả. Và nếu người ta đi xa hơn, đến chỗ đề nghị xoá bỏ cạnh tranh mà vẫn giữ lại tiền công, thì tức là người ta đề nghị làm một điều vô nghĩa lý bằng sắc lệnh nhà vua. Thế nhưng, các dân tộc phát triển lên không phải theo sắc lệnh nhà vua. Trước khi nhờ đến những pháp lệnh như thế, ít ra các dân tộc cũng phải thay đổi hoàn toàn những điều kiện sinh hoạt công nghiệp và chính trị của họ, và do đó toàn bộ lối sống của họ đi đã.

Ông Pru-đông sẽ trả lời với lòng tự tin không gì lay chuyển nổi của ông ta rằng đó là giả thiết "về một sự biến đổi bản tính của chúng ta mà không có những tiền lệ trong lịch sử", và ông ta có quyền "*gạt* chúng ta ra khỏi cuộc tranh luận", chúng ta không biết ông ta căn cứ vào pháp lệnh nào.

Ông Pru-đông không biết rằng toàn bộ lịch sử chỉ là một sự biến đổi liên tục của bản tính con người mà thôi.

"*Chúng ta hãy căn cứ vào sự thực.* Cách mạng Pháp đã được tiến hành vì quyền tự do làm công nghiệp cũng như vì quyền tự do chính trị; và mặc dù nước Pháp năm 1789 chưa thấy hết những kết quả của nguyên tắc mà nước Pháp yêu cầu thực hiện - chúng ta hãy nói thẳng điều đó ra - tuy vậy nước Pháp đã không nhằm lẫn trong những nguyện vọng của mình cũng như trong sự mong chờ của mình. Người nào muốn phủ nhận điều đó, thì theo tôi, họ đã mất quyền phê phán rồi: tôi sẽ không bao giờ tranh luận với một đối phương nào thừa nhận về nguyên tắc sự nhầm lẫn tự phát của hai mươi năm triệu con người... Nếu quả cạnh tranh không phải là *nguyên tắc* của kinh tế xã hội, và *mệnh lệnh của số mệnh, nhu cầu của linh hồn con người*, thế thì tại sao người ta lại bãi bỏ những nghiệp đoàn, hiệp hội và phường hội, chứ không nghĩ đến việc *sửa chữa* lại tất cả chúng?".

Như vậy, vì người Pháp của thế kỷ XVIII đã bãi bỏ những nghiệp đoàn, hiệp hội và phường hội, chứ không phải là sửa đổi những cái đó, cho nên người Pháp của thế kỷ XIX phải sửa đổi cạnh tranh, chứ không phải là bãi bỏ cạnh tranh. Vì cạnh tranh đã được thiết lập ở Pháp vào thế kỷ XVIII, như là kết quả của

những nhu cầu lịch sử, cho nên, do những nhu cầu lịch sử khác, cuộc cạnh tranh nhau ấy không thể bị thủ tiêu trong thế kỷ XIX. Ông Pru-đông không hiểu rằng việc cạnh tranh được thiết lập gắn liền với sự phát triển thực tế của những con người của thế kỷ XVIII, cho nên ông ta đã cho cạnh tranh là một nhu cầu tất yếu của *linh hồn con người*, in partibus infidelium^{1*}. Ông ta sẽ biến Côn-be vĩ đại đối với thế kỷ XVII thành cái gì đấy?

Sau cách mạng thì đến tình trạng hiện thời. Ông Pru-đông cũng rút ra ở đây những sự việc để chỉ rõ tính chất vĩnh viễn của cạnh tranh bằng cách chứng minh rằng tất cả mọi ngành sản xuất trong đó có phạm trù cạnh tranh chưa được phát triển đầy đủ, như trong nông nghiệp chẳng hạn, đều ở trong tình trạng lạc hậu và suy đồi.

Nói rằng có những ngành sản xuất chưa đạt đến trình độ của cạnh tranh, rằng những ngành khác còn ở dưới trình độ của sản xuất tư sản, đó là một câu chuyện lẩn thẩn, hoàn toàn không chứng minh được tính chất vĩnh cửu của cạnh tranh.

Tất cả cái lô-gích của ông Pru-đông tóm tắt lại như thế này: cạnh tranh là một quan hệ xã hội trong đó hiện thời chúng ta đang phát triển những lực lượng sản xuất của chúng ta. Ông ta không đưa lại cho chân lý ấy những lập luận lô-gích, mà chỉ đưa lại những cách diễn đạt thường rất dài dòng vắn tắt, bằng cách nói rằng cạnh tranh là thi đua công nghiệp, là cái một tự do ngày nay, là trách nhiệm trong lao động, là sự cấu thành ra giá trị, là một điều kiện để thực hiện sự bình đẳng, là một nguyên lý của kinh tế xã hội, là một mệnh lệnh của số phận, là một nhu cầu

^{1*} - ngoài thực tế hiện thực (nguyên văn là: "ở xứ sở của những kẻ ngoại đạo" - phần bổ sung cho tước hàm của những giáo chủ Thiên chúa giáo được bổ nhiệm làm giáo chủ ở những xứ không theo đạo Cơ Đốc).

tất yếu của linh hồn con người, là một sự linh báo của công lý vĩnh cửu, là sự tự do trong phân chia, là sự phân chia trong sự tự do, là một phạm trù kinh tế.

"*Cạnh tranh và liên hợp* dựa vào nhau. Chúng hoàn toàn không loại trừ lẫn nhau, thậm chí cũng không *phân kỳ* nhau nữa. Nói đến cạnh tranh, tức là giả định có *mục đích chung rồi*. Vậy cạnh tranh không phải là *sự ích kỷ*, và sự sai lầm thâm hại nhất của chủ nghĩa xã hội là đã coi nó như là sự đánh đổ xã hội".

Cạnh tranh giả định một mục đích chung, và một mặt, điều đó chứng tỏ rằng cạnh tranh là liên hợp; mặt khác, nó chứng tỏ rằng cạnh tranh không phải là sự ích kỷ. Và chẳng lẽ *sự ích kỷ* lại không giả định mục đích chung hay sao? Mỗi sự ích kỷ đều có sự tác động ở trong xã hội và thông qua xã hội. Bởi vậy, sự ích kỷ đều giả định một xã hội, nghĩa là giả định những mục đích chung, những nhu cầu chung, những tư liệu sản xuất chung, v.v., v.v.. Do đó, phải chăng là ngẫu nhiên khi ta thấy sự cạnh tranh và sự liên hợp mà những người xã hội chủ nghĩa nói đến, thậm chí cũng không có chỗ phân kỳ nào?

Những người xã hội chủ nghĩa hiểu rất rõ rằng xã hội hiện thời dựa trên cạnh tranh. Làm thế nào mà họ lại có thể chỉ trích cạnh tranh là đánh đổ xã hội hiện thời, mà bản thân họ đang muốn đánh đổ? Và làm thế nào mà họ lại có thể buộc tội cạnh tranh là đánh đổ xã hội tương lai, vì họ thấy rằng, trái lại, xã hội tương lai sẽ đánh đổ cạnh tranh?

Ở một đoạn dưới, ông Pru-đông nói rằng cạnh tranh là *cái đối lập của độc quyền*, rằng, do đó, cạnh tranh không thể *đối lập với sự liên hợp*.

Ngay từ đầu, chủ nghĩa phong kiến đã đối lập với chế độ quân chủ gia trưởng; như vậy, nó không đối lập với cạnh tranh, bấy giờ cạnh tranh chưa có. Có phải vì thế mà có thể kết luận rằng cạnh tranh không đối lập với chủ nghĩa phong kiến hay không?

Trên thực tế, *xã hội, liên hợp* là những danh từ mà người ta có thể dùng để gọi tất cả các xã hội, xã hội phong kiến cũng như

xã hội tư sản, tức là sự liên hợp dựa trên cạnh tranh. Vậy làm thế nào mà lại có thể có những người xã hội nghĩ rằng người ta có thể bác bỏ cạnh tranh, chỉ vì một chữ *liên hợp* mà thôi? Và làm thế nào mà bản thân ông Pru-đông lại có thể muốn bảo vệ cạnh tranh chống lại chủ nghĩa xã hội, bằng cách chỉ dùng một khái niệm *liên hợp* để gọi cạnh tranh?

Tất cả những điều mà chúng ta vừa nói đều là mặt tốt của cạnh tranh, như ông Pru-đông hiểu. Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang mặt xấu, nghĩa là mặt tiêu cực của cạnh tranh, những hậu quả tai hại của nó, những tính chất có hại và phá hoại của nó.

Bức tranh mà ông Pru-đông vẽ ra cho chúng ta thật là ảm đạm.

Cạnh tranh sinh ra sự khốn cùng, nó gây ra nội chiến, nó "thay đổi những khu vực tự nhiên", nhập lẫn lộn các dân tộc, gây lục đục trong các gia đình, hủ hoá lương tri của xã hội, "đảo lộn những khái niệm công bằng, chính nghĩa", luân thường đạo lý, và, tệ hơn nữa là nó phá hoại thương mại ngay thẳng và tự do mà thậm chí cũng không đưa lại được *giá trị tổng hợp*, giá cả cố định và đúng đắn. Nó làm cho mọi người thất vọng, kể cả các nhà kinh tế học. Nó còn đi xa hơn, đến chỗ nó tự thủ tiêu nó.

Căn cứ vào tất cả những điều xấu mà ông Pru-đông đã nói về cạnh tranh thì, đối với những quan hệ của xã hội tư sản, đối với những nguyên lý của nó và những ảo tưởng của nó, có thể có một yếu tố làm tha hoá và huỷ hoại nào hơn sự cạnh tranh nữa hay không?

Chúng ta hãy chú ý rằng cạnh tranh càng kích thích sự sáng tạo điên cuồng những lực lượng sản xuất mới, nghĩa là những điều kiện vật chất của một xã hội mới, thì đối với những *quan hệ* tư sản, nó càng luôn luôn trở nên phá hoại hơn. Ít ra về phương diện ấy, mặt xấu của cạnh tranh cũng có chỗ tốt của nó.

"Xét về nguồn gốc của nó, cạnh tranh với tư cách tình trạng hoặc giai đoạn kinh tế, là kết quả tất yếu... của học thuyết giảm bớt tổng chi phí sản xuất".

Theo ông Pru-đông, sự tuần hoàn của máu phải là một kết quả của thuyết Hác-vây.

"*Độc quyền* là kết cục tất nhiên của cạnh tranh, cạnh tranh thông qua sự phủ định không ngừng bản thân nó mà sinh ra độc quyền. Sự sản sinh ra độc quyền như thế cũng đã chứng tỏ tính chất chính đáng của độc quyền rồi... Độc quyền là cái đối lập tự nhiên của cạnh tranh... nhưng nếu cạnh tranh là cần thiết thì nó đã bao hàm ý nghĩa độc quyền, bởi vì độc quyền cũng như là chỗ dựa của mỗi cá thể cạnh tranh".

Chúng ta cũng vui mừng cùng với ông Pru-đông, vì ít nhất cũng được một lần ông ta đã có thể ứng dụng tốt cái công thức về chính đề và phản đề của ông ta. Ai cũng biết rằng độc quyền hiện đại là do bản thân cạnh tranh sinh ra.

Còn về nội dung, ông Pru-đông nắm lấy những hình tượng nên thơ. Cạnh tranh đã làm cho "mỗi phần nhỏ của lao động giống như là một lĩnh vực tự chủ trong đó mỗi cá nhân biểu hiện sức mạnh của mình và tính độc lập của mình". Độc quyền là "*chỗ dựa* của mỗi cá thể cạnh tranh". "Lĩnh vực tự chủ" ít nhất cũng có giá trị bằng "*chỗ dựa*".

Ông Pru-đông chỉ nói đến độc quyền hiện đại do cạnh tranh sản sinh ra. Nhưng tất cả chúng ta đều biết rằng cạnh tranh do độc quyền phong kiến sản sinh ra. Như vậy, lúc đầu cạnh tranh là đối lập của độc quyền, chứ không phải độc quyền là đối lập của cạnh tranh. Cho nên, độc quyền hiện đại không phải chỉ là một cái phản đề giản đơn, trái lại đó là cái hợp đề thật sự.

Chính đề: Độc quyền phong kiến có trước cạnh tranh.

Phản đề: Cạnh tranh.

Hợp đề: Độc quyền hiện đại, là cái phủ định của độc quyền phong kiến vì nó giả định có chế độ cạnh tranh, và nó phủ định cạnh tranh vì nó là độc quyền.

Như vậy, độc quyền hiện đại, độc quyền tư sản, là độc quyền tổng hợp, phủ định cái phủ định, sự thống nhất giữa các mặt đối lập. Nó là độc quyền ở trạng thái thuần túy, bình thường, hợp lý. Khi ông Pru-đông coi độc quyền tư sản là độc quyền ở trạng thái thô thiển, *đơn giản hoá*, đầy mâu thuẫn, co giật, thì ông ta mâu thuẫn với bản thân triết học của ông ta. Ông Rôt-xi, mà ông Pru-đông trích dẫn nhiều lần về vấn đề độc quyền, hình như đã hiểu tính chất tổng hợp của độc quyền tư sản một cách sâu hơn. Trong tập "Giáo trình khoa kinh tế chính trị"⁶⁸ của ông, ông phân biệt những độc quyền nhân tạo với những độc quyền tự nhiên. Ông ta nói: những độc quyền phong kiến là nhân tạo, nghĩa là vũ đoán; những độc quyền tư sản là tự nhiên, nghĩa là hợp lý.

Ông Pru-đông suy luận rằng, độc quyền là một cái tốt vì đó là một phạm trù kinh tế, một cái toát ra từ "lý tính phi nhân cách của loài người". Cạnh tranh cũng là một cái tốt vì bản thân nó cũng là một phạm trù kinh tế nữa. Nhưng cái không tốt chính là thực tế của độc quyền và thực tế của cạnh tranh. Cái còn tệ hơn nữa, đó là cạnh tranh và độc quyền đấu tranh tiêu diệt lẫn nhau. Làm gì bây giờ? Cố tìm ra hợp đề của hai tư tưởng vĩnh cửu ấy, lôi nó ra từ trong lòng của Thượng đế, ở đó nó đã nằm sẵn từ những thuở xa xưa.

Trong đời sống thực tế, không những người ta thấy cạnh tranh, độc quyền và sự đối lập giữa chúng với nhau, mà người ta cũng thấy cái tổng hợp của chúng, tổng hợp ấy không phải là một công thức, mà là một sự vận động. Độc quyền sinh ra cạnh tranh, cạnh tranh sinh ra độc quyền. Những người độc quyền cạnh tranh với nhau, những người cạnh tranh trở thành những người độc quyền. Nếu những người độc quyền hạn chế sự cạnh tranh giữa họ với nhau bằng những sự liên hợp có tính chất bộ phận, thì cạnh tranh lại tăng lên giữa những công nhân với nhau; và đám người vô sản càng tăng lên, đối lập với những người độc quyền của một nước, thì cạnh tranh càng trở nên gay gắt giữa những người độc quyền

của những nước khác nhau. Sự tổng hợp là ở chỗ: chỉ có không ngừng đi vào cuộc cạnh tranh, thì độc quyền mới có thể đứng vững được.

Để sản sinh ra *thuế khoá* một cách biện chứng, - mà thuế khoá thì đi theo *độc quyền*, - ông Pru-đông nói với chúng ta về *thiên tài xã hội*, thiên tài xã hội ấy, sau khi đã đi theo *một cách dùng cảm con đường nghèo đói của nó*.

"... sau khi đã bước đi một bước vững vàng mà *không ân hận* và không ngừng lại, sau khi đã đi tới *gốc của độc quyền* rồi, thì ngoảnh lại đằng sau với nét mặt *đượm buồn*, và sau khi suy nghĩ sâu sắc bèn đánh thuế vào tất cả những sản phẩm, và sáng lập ra cả một tổ chức hành chính, để cho *tất cả mọi chức vụ đều giao lại cho giai cấp vô sản và đều do những người độc quyền trả tiền thù lao*".

Chúng ta có thể nói gì về thiên tài, bụng đói mà đi dạo chơi trên con đường nghèo đói ấy? Và chúng ta có thể nói gì về cuộc đi dạo chơi chỉ có mục đích là làm cho những nhà tư sản khuynh gia bại sản vì thuế khoá ấy, kỳ thực thì những thuế khoá chính là dùng làm phương tiện để các nhà tư sản duy trì địa vị giai cấp thống trị của họ?

Để người ta có thể thấy một chút khái niệm về cái cách ông Pru-đông luận bàn về những chi tiết kinh tế, chỉ cần nói rằng, theo ông ta thì *thuế tiêu dùng* đã được lập ra nhằm thực hiện sự bình đẳng và cứu giúp giai cấp vô sản.

Thuế tiêu dùng chỉ thật sự phát triển kể từ khi giai cấp tư sản thắng lợi mà thôi. Ở trong tay của tư bản công nghiệp, nghĩa là của sự giàu có đậm bạc và tiết kiệm, - sự giàu có ấy được duy trì, tái sản xuất và tăng lên bằng cách bóc lột lao động một cách trực tiếp, - thì thuế tiêu dùng là một thủ đoạn để bóc lột sự giàu có phù phiếm, ăn chơi, xa xỉ của tầng lớp quý tộc phong kiến chỉ biết tiêu dùng. Giêm-xơ Xtiu-át đã trình bày rất rõ cái mục đích nguyên thủy ấy của thuế tiêu dùng trong quyển "Khảo cứu về nguyên lý của khoa kinh tế chính trị" mà ông ta xuất bản mười năm trước A.Xmít.

Ông ta nói: "Trong chế độ quân chủ chuyên chế, các vua chúa hình như là ghen tị với việc tăng thêm của cải, do đó họ đánh thuế vào những người trở nên giàu có, - thuế sản xuất. Dưới chính quyền lập hiến, thuế khoá chủ yếu là đánh vào những người trở nên nghèo đói, - thuế tiêu dùng. Chẳng hạn, các nhà vua đánh thuế vào công nghiệp... ví dụ thuế thân và thuế đánh vào tài sản không phải của quý tộc đều đánh theo tỷ lệ với sự giàu có giả định của những người chịu thuế. Mỗi người phải đóng thuế nhiều hay ít tùy theo số thu nhập giả định mà người ấy có thể có được. Dưới những chính quyền lập hiến, thường thường thuế đánh vào sự tiêu dùng. Mỗi người phải đóng thuế nhiều hay ít tùy theo số chi tiêu của người ấy"⁸⁹.

Còn về *trình tự lô-gích* của thuế khoá, của cán cân thương mại, của tín dụng - theo ông Pru-đông nghĩ, - chúng ta chỉ cần chú ý rằng giai cấp tư sản Anh xác lập được chế độ chính trị của nó dưới thời Uy-li-am O-răng-giơ và một khi nó đã có khả năng phát triển những điều kiện sinh hoạt của nó một cách tự do thì lập tức nó đặt ra một chế độ thuế khoá mới, quốc trái và chế độ thuế quan bảo hộ.

Sự trình bày tóm tắt ấy cũng đủ để bạn đọc có một ý niệm đúng đắn về những sự nghiên cứu tìm tòi của ông Pru-đông về cảnh sát hay là thuế khoá, cán cân thương mại, tín dụng, chủ nghĩa cộng sản và nhân khẩu. Chúng tôi cho rằng sự phê bình rộng lượng nhất cũng khó lòng mà đề cập đến những chương ấy một cách nghiêm túc được.

§IV. QUYỀN SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT HAY ĐỊA TÔ

Trong mỗi thời đại lịch sử, quyền sở hữu đã phát triển một cách khác nhau và trong một loạt những quan hệ xã hội hoàn toàn khác nhau. Cho nên định nghĩa quyền sở hữu tư sản không phải là gì khác mà là trình bày tất cả những quan hệ xã hội của sản xuất tư sản.

Nếu muốn định nghĩa quyền sở hữu như là một quan hệ độc lập, một phạm trù riêng biệt, một ý niệm trừu tượng và vĩnh cửu,

thì như thế chỉ là sa vào một ảo tưởng siêu hình hay mang tính chất luật học mà thôi.

Ông Pru-đông làm như là nói đến quyền sở hữu nói chung, kỳ thực ông ta chỉ bàn về *quyền sở hữu ruộng đất*, về *địa tô* mà thôi.

"Nguồn gốc của địa tô, cũng như của quyền sở hữu, có thể nói là có tính chất phi kinh tế; nó nằm trong những lý do tâm lý và đạo đức, những lý do này, rất ít quan hệ đến việc sản xuất ra của cải" (t. II, tr. 269).

Như vậy, ông Pru-đông tự nhận là không có khả năng hiểu được nguồn gốc kinh tế của địa tô và của quyền sở hữu. Ông ta cho rằng sự thiếu khả năng ấy bắt buộc ông ta phải viện đến những lý do tâm lý và đạo đức, những lý do này quả là rất ít quan hệ đến việc sản xuất ra của cải, nhưng lại mật thiết quan hệ đến tính chất thiện cận của tâm hiểu biết về lịch sử của ông ta. Ông Pru-đông khẳng định rằng nguồn gốc của quyền sở hữu có một cái gì *thần bí* và *bí ẩn*. Thế nhưng, coi nguồn gốc của quyền sở hữu là điều bí ẩn, nghĩa là biến quan hệ giữa bản thân sản xuất với sự phân phối công cụ sản xuất thành điều bí mật, phải chăng như vậy là - theo lối nói của ông Pru-đông - từ bỏ mọi tham vọng muốn nghiên cứu khoa học kinh tế?

Ông Pru-đông

"Chỉ nhắc lại rằng đến thời kỳ thứ bảy của sự phát triển kinh tế - thời kỳ *tín dụng* - vì sự tưởng tượng đã làm tiêu tan thực tế, vì hoạt động của con người có nguy cơ mất đi trong cõi chân không, cho nên việc *gắn liền con người với tự nhiên một cách chặt chẽ hơn* trở thành cần thiết: và địa tô được trở thành cái giá của bản giao kèo mới này" (t.II, 265).

Con người có bốn mươi đồng ê-quy đã cảm thấy trước được một Pru-đông tương lai: "Thưa Chúa sáng thế, xin cho phép con nói: mỗi người làm chủ trong thế giới của mình; nhưng không bao giờ Chúa có thể làm cho con tin được rằng thế giới mà chúng con đang ở là làm bằng pha lê"⁷⁰. Trong thế giới của Chúa, ở đó tín dụng đã làm một thủ đoạn để *mất đi trong cõi chân không*, rất có

thể là quyền sở hữu ruộng đất đã trở thành cần thiết để *gắn liền con người với tự nhiên*. Trong thế giới của nền sản xuất hiện thực, ở đó quyền sở hữu ruộng đất bao giờ cũng có trước tín dụng, thì cái horror vacui^{1*} của ông Pru-đông không thể tồn tại được.

Một khi sự tồn tại của địa tô đã được thừa nhận, dù nguồn gốc của nó là thể nào chăng nữa, thì địa tô trở thành đối tượng tranh chấp kịch liệt giữa người phéc-mi-ê và người điền chủ. Kết quả cuối cùng của sự tranh chấp ấy, nói cách khác, mức bình quân của địa tô là cái gì? Ông Pru-đông nói như thế này:

"Học thuyết Ri-các-đô trả lời câu hỏi ấy. Khi xã hội mới bắt đầu, khi con người mới xuất hiện trên quả đất này, trước mắt mình chỉ thấy rừng rậm bao la, khi đất đai còn rộng và công nghiệp mới bắt đầu sinh ra, thì nhất định không có địa tô gì cả. Đất đai chưa được lao động khai khẩn, là một đối tượng sử dụng, đó không phải là một giá trị trao đổi; đất đai là chung, nhưng chưa mang tính chất xã hội. Dần dần, các gia tộc đông lên và nông nghiệp tiến bộ, đất đai mới bắt đầu có giá cả. Lao động đem lại giá trị cho đất đai, do đó sinh ra địa tô. Với cùng một số lượng lao động bỏ vào giống nhau, một đám đất càng mang lại nhiều hoa lợi thì giá trị của nó càng cao; cho nên xu hướng của những người điền chủ bao giờ cũng là chiếm lấy cho mình toàn bộ sản phẩm của đất đai, trừ đi tiền công cho người phéc-mi-ê, nghĩa là trừ đi các chi phí sản xuất. Như vậy, quyền sở hữu đi theo sau lao động để đoạt lấy của lao động tất cả số lượng sản phẩm vượt quá những chi phí thực tế ở trong sản xuất. Trong khi người sở hữu thực hiện một nghĩa vụ thần bí và, đối với người canh điền, hằn đại diện cho khối cộng đồng, thì theo sự định trước của Mệnh trời, người phéc-mi-ê chỉ còn là một người lao động có nghĩa vụ, anh ta phải giao nộp cho xã hội tất cả những cái gì mà anh ta đã thu hoạch vượt quá khoản tiền công đã được quy định cho mình. Vậy căn cứ vào thực chất và sứ mệnh mà nói, địa tô là một công cụ của sự công bằng phân phối, một trong số hàng ngàn thủ đoạn mà thiên tài kinh tế sử dụng để đi đến sự bình đẳng. Đó là một quyền địa bạ to lớn do những người điền chủ và những người phéc-mi-ê lập nên một cách trái ngược nhau, mà không thể có xung đột, nhằm một lợi ích cao hơn, và kết quả cuối cùng của nó phải là bình quân hoá sự chiếm hữu đất đai giữa những người sử dụng

^{1*} - sự sợ hãi cõi chân không

đất đai và những nhà công nghiệp... Cần phải có toàn bộ ma lực của quyền sở hữu mới có thể đoạt được của người canh điền phần sản phẩm dư thừa, mà anh ta không thể không coi là của mình và chỉ do mình làm ra. Địa tô, hay nói đúng hơn quyền sở hữu ruộng đất, đã đập tan sự ích kỷ trong nông nghiệp và tạo nên một sự đoàn kết mà không một thể lực nào, không một cuộc chia ruộng đất nào có thể đưa lại được... Bây giờ, kết quả tinh thần của quyền sở hữu đã thu được rồi, chỉ còn phải tiến hành phân phối địa tô nữa mà thôi".

Tất cả cái mớ câu cú ồn ào ấy quy lại trước hết là thể này: Ri-các-đô nói rằng phần giá cả những sản phẩm nông nghiệp vượt quá chi phí sản xuất của chúng, bao gồm trong đó cả lợi nhuận và lợi tức thông thường của tư bản, quy định thước đo của địa tô. Ông Pru-đông còn làm hơn nữa; ông ta làm cho người sở hữu can dự vào như là một *deus ex machina*^{1*}, cướp lấy của *người canh điền* tất cả sản phẩm của anh ta vượt quá chi phí sản xuất. Ông ta dùng sự can dự của người sở hữu để giải thích quyền sở hữu, dùng sự can dự của người thu tô để giải thích địa tô. Ông ta giải đáp vấn đề bằng cách lặp lại phạm trù cần được giải thích và thêm vào phạm trù ấy một vắn nữa mà thôi^{2*}.

Chúng ta hãy chú ý thêm rằng, khi quy định địa tô căn cứ vào độ phì nhiêu khác nhau của đất đai, ông Pru-đông đã gán cho địa tô một nguồn gốc mới, vì đất đai, trước khi được đánh giá theo những độ phì nhiêu khác nhau, theo ông ta, "không phải là một giá trị trao đổi, mà là của chung". Vậy thì cái hư cấu về địa tô của Pru-đông sản sinh ra do *sự cần thiết* phải kéo con người sắp

^{1*} - nguyên văn là: "vị thần bằng máy" (ở nhà hát thời cổ những diễn viên đóng vai có vị thần xuất hiện trên sân khấu bằng những máy móc đặc biệt); nghĩa bóng - người xuất hiện bất ngờ cứu vãn tình thế.

^{2*} - Propriété (quyền sở hữu) được giải thích bằng sự can dự của Propriétaire (người sở hữu), rente (địa tô) thì được giải thích bằng sự can dự của rentier (người thu tô).

sửa mất đi trong cõi vô cùng của chân không trở về với quả đất, biến đi đâu rồi vậy?

Ông Pru-đông đã cẩn thận bao gói học thuyết Ri-các-đô vào trong những câu nói theo mệnh trời, bóng bẩy và thần bí, bây giờ chúng ta hãy giải thoát học thuyết Ri-các-đô ra khỏi những câu như vậy.

Theo nghĩa của Ri-các-đô, thì địa tô là quyền sở hữu ruộng đất ở trạng thái tư sản, nghĩa là quyền sở hữu phong kiến tùy thuộc những điều kiện của sản xuất tư sản.

Chúng ta đã thấy rằng, theo học thuyết Ri-các-đô thì giá cả của tất cả mọi vật phẩm, cuối cùng đều được quy định theo những chi phí sản xuất, trong đó có lợi nhuận doanh nghiệp; nói cách khác, được quy định theo thời gian lao động đã được sử dụng. Trong sản xuất công nghiệp, giá cả của sản phẩm làm ra với số lượng lao động ít nhất, quyết định giá cả của tất cả những hàng hoá khác cùng loại, vì rằng người ta có thể tăng lên một cách không hạn chế những công cụ sản xuất rẻ tiền nhất và có hiệu suất cao nhất, và sự cạnh tranh tự do tất nhiên đưa đến một giá thị trường, nghĩa là một giá chung cho tất cả các sản phẩm cùng loại.

Trong sản xuất nông nghiệp thì trái lại, chính giá cả của sản phẩm làm ra với số lượng lao động lớn nhất quyết định giá cả của tất cả những sản phẩm cùng loại. Trước hết, người ta không thể nào, như trong sản xuất công nghiệp, tăng lên một cách không hạn chế những công cụ sản xuất có hiệu suất như nhau, nghĩa là những đám đất có độ phì nhiêu như nhau. Thế rồi, số dân ngày càng tăng lên, người ta đi đến chỗ phải khai thác những đám đất phẩm chất xấu hơn, hoặc là đầu tư tư bản mới vào đất cũ, mà so với việc bỏ vốn lần đầu thì việc bỏ vốn càng về sau càng sinh lợi ít hơn. Trong cả hai trường hợp, người ta đều sử dụng một số lượng lao động lớn hơn để có được một sản lượng ít hơn. Vì nhu cầu của dân cư làm cho lao động tăng lên ấy là cần thiết, cho nên sản phẩm của đám đất mà việc canh tác tốn kém hơn

cũng như sản phẩm của đám đất mà việc khai thác rẻ tiền hơn đều có đường tiêu thụ cả. Vì cạnh tranh bình quân hoá giá cả thị trường, cho nên sản phẩm của đám đất tốt hơn cũng sẽ bán được đắt như sản phẩm của đám đất xấu hơn. Phần giá cả các sản phẩm của đám đất tốt hơn vượt quá những chi phí sản xuất ra chúng chính là phần cấu thành địa tô. Nếu người ta có thể luôn luôn sử dụng được những đám ruộng có độ phì nhiêu giống nhau; nếu trong nông nghiệp người ta có thể, như trong sản xuất công nghiệp, luôn luôn sử dụng được những máy móc rẻ tiền hơn và hiệu suất cao hơn, hoặc giả nếu việc đầu tư lần thứ hai cũng sinh lợi bằng việc đầu tư lần đầu, thì giá cả của sản phẩm nông nghiệp sẽ được quy định theo giá thành của những sản phẩm do những công cụ sản xuất tốt nhất sản xuất ra, như chúng ta đã thấy đối với giá cả những sản phẩm công nghiệp. Nhưng nếu như vậy thì, ngay lúc đó, địa tô cũng sẽ biến mất.

Muốn cho học thuyết Ri-các-đô được đúng đắn một cách phổ biến thì lại còn phải có^{1*}: các tư bản có thể được dùng một cách tự do vào những ngành công nghiệp khác nhau; một cuộc cạnh tranh rất phát triển giữa các nhà tư bản với nhau sẽ kéo các lợi nhuận về một mức bằng nhau; người phéc-mi-ê chỉ còn là một nhà tư bản công nghiệp yêu cầu một lợi nhuận, về việc đầu tư vào đất đai ít màu mỡ hơn^{2*}, ngang bằng lợi nhuận mà anh ta có thể thu được nếu tư bản được bỏ vào một ngành công nghiệp nào đó; việc kinh doanh nông nghiệp cũng theo chế độ sản xuất lớn; cuối cùng bản thân người điền chủ chỉ còn nhằm có được thu nhập bằng tiền mà thôi.

^{1*} Trong bản Mác để tặng N. U-ti-na, phần đầu của câu này được thay bằng đoạn sau: "Muốn cho học thuyết Ri-các-đô được đúng đắn xét về toàn cục, một khi chấp nhận những tiền đề của nó, thì cần có".

^{2*} - Trong bản để tặng N. U-ti-na, những từ "vào đất đai ít màu mỡ hơn" được thay bằng những từ: "vào đất đai".

Có thể là địa tô chưa có, như ở Ai-rơ-len, mặc dầu ở đó chế độ lĩnh canh đã hết sức phát triển. Vì địa tô không những là phần vượt quá tiền công, mà còn là phần vượt quá lợi nhuận doanh nghiệp, cho nên nó không thể tồn tại ở những nơi nào mà thu nhập của người sở hữu chỉ là một phần khấu trừ vào tiền công mà thôi.

Như vậy, địa tô không những không biến người sử dụng đất đai, người phéc-mi-ê thành một *người lao động bình thường*, và không "doạt được của người canh điền phần sản phẩm dư thừa, mà anh ta không thể không coi là của mình", mà địa tô còn đặt nhà tư bản công nghiệp - chứ không phải người nô lệ, người nông nô, người nôp công, người tá điền làm thuê - đối lập với người điền chủ. Từ khi quyền sở hữu ruộng đất được thiết lập với tư cách là nguồn gốc của địa tô, thì người chủ ruộng chỉ thu được phần dư thừa vượt quá chi phí sản xuất không những do tiền công mà còn do lợi nhuận doanh nghiệp quy định nữa. Bởi vậy, đối với người chủ ruộng chính địa tô đã chiếm lấy một phần thu nhập của anh ta^{1*}. Cho nên phải trải qua một thời gian dài trước khi người lĩnh canh phong kiến bị nhà tư bản công nghiệp thay thế. Chẳng hạn, ở nước Đức, sự chuyển biến ấy chỉ bắt đầu trong ba mươi năm cuối cùng của thế kỷ XVIII, và chỉ có ở nước Anh là quan hệ ấy giữa nhà tư bản công nghiệp và người điền chủ mới phát triển một cách đầy đủ.

Chừng nào mà chỉ có *người canh điền* của ông Pru-đông, thì không có địa tô. Khi đã có địa tô rồi, người canh điền không phải

^{1*} Trong lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1885, hai câu sau không có và thay vào đó, để bổ sung cho những từ trước đó: "nhà tư bản công nghiệp" còn thêm câu sau đây: "khai thác ruộng đất bằng công nhân làm thuê của mình và chỉ trả cho người chủ ruộng phần dư thừa - với tính cách là địa tô - vượt quá số chi phí sản xuất, chi phí đó bao gồm cả lợi nhuận của tư bản".

là người phéc-mi-ê, mà là công nhân, là người canh điền của người phéc-mi-ê. Địa vị của người lao động hạ thấp xuống vai trò của người công nhân bình thường, người làm công nhật, người tá điền làm thuê, làm việc cho nhà tư bản công nghiệp; nhà tư bản công nghiệp can dự vào để kinh doanh đất đai như kinh doanh bất cứ công xưởng nào khác; việc biến người điền chủ từ một lãnh chúa nhỏ thành kẻ cho vay nặng lãi tầm thường, đó là những quan hệ khác nhau do địa tô biểu hiện ra.

Theo nghĩa của Ri-các-đô thì địa tô chính là nông nghiệp theo chế độ gia trưởng được biến thành kinh doanh thương nghiệp, là tư bản công nghiệp được ứng dụng vào đất đai, là giai cấp tư sản thành thị chuyển về nông thôn. Địa tô chỉ gắn liền việc khai thác đất đai với cạnh tranh, chứ không *trói buộc con người với tự nhiên*. Một khi quyền sở hữu ruộng đất cấu thành địa tô rồi, thì bản thân quyền sở hữu ruộng đất là *kết quả của cạnh tranh*, bởi vì từ lúc đó nó tùy thuộc vào giá trị thị trường của những sản phẩm nông nghiệp. Với tính cách là địa tô, quyền sở hữu ruộng đất được di nhượng và trở thành đối tượng buôn bán. Chỉ có thể có địa tô từ khi sự phát triển của công nghiệp ở các thành thị và tổ chức xã hội do sự phát triển ấy mà có, bắt buộc người điền chủ chỉ nhằm theo đuổi lợi nhuận thương nghiệp, chỉ mong muốn những sản phẩm nông nghiệp của hân sẽ mang lại thu nhập bằng tiền, cuối cùng chỉ thấy quyền sở hữu ruộng đất của hân là một cái máy đập tiền mà thôi. Địa tô đã làm cho người điền chủ tách rời hân với đất đai, với tự nhiên, đến nỗi hân cũng không cần biết những đất đai của hân nữa, tình hình ở nước Anh là như thế. Còn về người phéc-mi-ê, nhà tư bản công nghiệp và người công nhân nông nghiệp thì không bị ràng buộc vào đất đai - mà họ khai thác và thu được lợi tức từ đó - như người chủ xưởng và người công nhân công xưởng không bị ràng buộc vào bông hay len vậy; họ chỉ gắn bó với giá cả của sản phẩm của họ, với thu nhập bằng tiền được mà thôi. Do đó mà có những lời kêu ca phàn nàn của

các đảng phái phản động, họ hết sức cầu mong chế độ phong kiến quay trở lại, sống lại cuộc đời tốt đẹp theo chế độ gia trưởng, phục hồi lại những phong tục giản dị và những đức hạnh cao quý của tổ tiên chúng ta. Việc đất đai phải phục tùng những quy luật chi phối tất cả các ngành công nghiệp khác đang và sẽ mãi mãi là đối tượng của sự luyến tiếc đầy vụ lợi. Cho nên, người ta có thể nói rằng địa tô đã trở thành động lực, đưa một bài ca huê tình vào trong vận động của lịch sử.

Sau khi đã giả định sản xuất tư sản là điều kiện cần thiết để quy định địa tô, dù sao Ri-các-đô vẫn ứng dụng quan niệm về địa tô ấy vào quyền sở hữu ruộng đất của tất cả các thời đại và ở tất cả các nước. Đó chính là những sự lầm lẫn của tất cả các nhà kinh tế học, họ coi những quan hệ sản xuất tư sản như là những phạm trù vĩnh cửu.

Từ cái mục đích theo mệnh trời cho địa tô, tức là, theo ông Pru-đông, từ việc biến *người canh điền* thành *người lao động có nghĩa vụ*, ông ta đã chuyển sang sự phân phối bình quân về địa tô.

Như chúng ta vừa thấy, địa tô là do *giá cả bằng nhau* của những sản phẩm của các đám đất có *độ phì nhiêu không bằng nhau* tạo nên, cho nên một héc-tô-lít lúa mì mà chi phí sản xuất là 10 phrăng sẽ được bán ra 20 phrăng nếu như, đối với một đám đất xấu, chi phí sản xuất lên đến 20 phrăng.

Chừng nào mà nhu cầu còn bắt buộc người ta phải mua hết những sản phẩm nông nghiệp đưa ra thị trường, thì giá cả thị trường được quyết định bởi những chi phí sản xuất ra những sản phẩm đắt tiền nhất. Vậy, chính là sự bình quân hoá giá cả, - do cạnh tranh đưa lại, chứ không phải do độ phì nhiêu khác nhau của các đám đất đưa lại, - khiến cho người chủ của đám đất tốt hơn thu được một địa tô là 10 phrăng trong mỗi héc-tô-lít do người phéc-mi-ê của anh ta bán ra.

Chúng ta hãy tạm thời giả định rằng giá cả lúa mì được quy định theo thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra nó; thế thì, mỗi héc-tô-lít lúa mì của đám đất tốt hơn sẽ bán ra theo giá 10 phrăng, trong khi mỗi héc-tô-lít lúa mì của đám đất xấu sẽ được giá là 20 phrăng. Nếu thừa nhận giả định ấy, thì giá cả bình quân của thị trường sẽ là 15 phrăng, còn căn cứ theo quy luật cạnh tranh, giá cả ấy là 20 phrăng. Nếu giá cả bình quân là 15 phrăng thì sẽ không có một sự phân phối địa tô nào cả, dù là phân phối bình quân hay phân phối theo cách nào khác, bởi vì không có địa tô. Sờ dĩ có địa tô chỉ là do chỗ mỗi héc-tô-lít lúa mì sản xuất ra tốn 10 phrăng, mà bán được 20 phrăng, mà thôi. Ông Pru-đông giả định giá cả thị trường bằng nhau với những chi phí sản xuất không bằng nhau, để đi đến sự phân phối bình đẳng về sản phẩm của sự bất bình đẳng.

Chúng tôi cũng hiểu được rằng vì sao các nhà kinh tế học, như Min, Séc-buy-li-ê, Hin-đi-sơ và những người khác, đã yêu cầu phải nộp địa tô cho nhà nước và dùng địa tô để thay thế thuế khoá. Đó chẳng qua chỉ là biểu hiện công khai của sự căm ghét của nhà tư bản công nghiệp đối với người điền chủ, vì nhà tư bản công nghiệp vẫn coi người điền chủ là một kẻ vô dụng, có cũng bằng thừa, ở trong toàn bộ nền sản xuất tư sản.

Nhưng, lúc đầu bán ra mỗi héc-tô-lít lúa mì 20 phrăng để rồi sau đó phân phối một cách phổ biến số 10 phrăng mà người ta đã bắt những người tiêu dùng trả đôi ra ấy, điều đó cũng đủ làm cho *thiên tài xã hội* đi theo *con đường nghèo đói của mình một cách buồn bã* và đến cùng đầu vào *một cái góc* nào đó:

Dưới ngòi bút của ông Pru-đông, địa tô trở thành

"một quyền sở địa bạ to lớn do các điền chủ và người phéc-mi-ê lập nên một cách trái ngược nhau... nhằm một lợi ích cao nhất, và kết quả cuối cùng của nó phải là bình quân hoá sự chiếm hữu đất đai giữa những người khai thác đất đai và những nhà công nghiệp".

Muốn cho một quyền sở địa bạ nào đó, do địa tô tạo ra, có

một giá trị thực tiễn, thì phải luôn luôn đứng trong những điều kiện của xã hội hiện thời.

Thế nhưng, chúng ta đã chứng minh rằng, chỉ trong những nước có công nghiệp và thương nghiệp phát triển nhất, thì tiền thuê đất mà người phéc-mi-ê nộp cho người điền chủ mới biểu thị được địa tô một cách tương đối chính xác mà thôi. Hơn nữa, tiền thuê đất ấy thường còn bao gồm cả lợi tức trả cho người sở hữu về số tư bản đã bỏ vào đất đai. Vị trí của các đám đất, việc ở gần thành thị, và rất nhiều hoàn cảnh khác nữa, đều ảnh hưởng đến tiền thuê đất và sửa đổi địa tô. Những lý lẽ vững chắc ấy cũng đủ để chứng minh tính chất không chính xác của một quyền sở địa bạ căn cứ vào địa tô mà lập ra.

Mặt khác, địa tô không thể nào dùng làm chỉ tiêu cố định của độ phì nhiêu của một đám đất, vì việc ứng dụng hoá học hiện đại luôn luôn thay đổi chất đất, và cũng chính ngày nay những hiểu biết về địa chất đã bắt đầu đảo lộn tất cả sự đánh giá cũ về độ phì nhiêu tương đối. Chỉ mới từ độ hai mươi năm lại đây người ta mới khần hoang những đám đất rộng lớn trong những quận ở miền đông nước Anh, những đám đất mà ngày trước người ta đã bỏ hoang vì đã không đánh giá đúng những quan hệ giữa lớp đất mùn và thành phần của lớp đất ở dưới.

Như vậy, lịch sử không những không cung cấp cho người ta trong địa tô một quyền sở địa bạ làm sẵn, mà chỉ thay đổi, đảo lộn hoàn toàn những quyền sở địa bạ đã có mà thôi.

Cuối cùng, tính chất phì nhiêu không phải là một phẩm chất tự nhiên như người ta tưởng: nó gắn liền mật thiết với những quan hệ xã hội hiện thời. Một đám đất có thể là rất tốt để trồng lúa mì, thế nhưng giá cả thị trường có thể khiến người làm ruộng biến nó thành đồng cỏ nhân tạo và làm cho nó không phì nhiêu nữa.

Thật ra, ông Pru-đông đã nghĩ ra quyền sở địa bạ của ông ta - nó thậm chí cũng không có giá trị bằng quyền sở địa bạ thường

nữa - chỉ vì ông ta muốn làm cho *mục đích bình đẳng theo mệnh trời* của địa tô được thể hiện trong quyền địa bạ đó.

Ông Pru-đông tiếp tục: "Địa tô là lợi tức trả cho một tư bản không bao giờ mất, tức là ruộng đất. Và vì tư bản không thể tăng lên về thành phần vật chất, mà chỉ có thể không ngừng được cải tiến về mặt sử dụng, cho nên xảy ra tình trạng là, trong khi lợi tức hoặc tiền lãi cho vay (*mutuum*) có xu hướng không ngừng giảm xuống do số tư bản dồi dào lên, thì địa tô lại có xu hướng không ngừng tăng lên do sự hoàn thiện sản xuất đưa đến sự cải tiến trong việc canh tác ruộng đất... Đó chính là thực chất của địa tô" (t. II, tr. 265).

Lần này, ông Pru-đông thấy ở trong địa tô tất cả những đặc tính của lợi tức, có khác chăng chỉ là ở chỗ địa tô là lợi tức của một tư bản đặc biệt mà thôi. Tư bản ấy, chính là ruộng đất, tư bản vĩnh cửu, "nó không thể tăng lên về thành phần vật chất, mà chỉ có thể không ngừng được cải tiến về mặt sử dụng". Trên con đường tiến bộ của nền văn minh, lợi tức có một xu hướng không ngừng giảm xuống, còn địa tô thì có xu hướng không ngừng tăng lên. Lợi tức giảm xuống do số tư bản dồi dào lên; địa tô tăng lên do những sự cải tiến trong sản xuất, kết quả của những sự cải tiến này là việc sử dụng đất đai ngày càng tốt hơn.

Đó chính là thực chất ý kiến của ông Pru-đông.

Trước hết, chúng ta hãy xét xem việc nói địa tô là lợi tức của tư bản thì đúng đến mức nào.

Đối với bản thân người điền chủ, địa tô là lợi tức của tư bản mà hắn đã bỏ ra để mua đất, hay sẽ thu được nếu hắn bán đất. Nhưng khi mua hay bán đất, hắn chỉ mua hay chỉ bán địa tô mà thôi. Giá cả mà hắn trả để thu địa tô, được quy định theo mức lợi tức nói chung và không có gì giống với bản chất của địa tô cả. Nói chung, lợi tức của những tư bản bỏ vào ruộng đất thường thấp hơn lợi tức của những tư bản bỏ vào công nghiệp hay thương nghiệp. Vì thế, đối với người không phân biệt được lợi tức mà ruộng đất đem lại cho người sở hữu đất, với bản thân địa tô, thì lợi tức của tư bản - ruộng đất còn giảm hơn nữa so với lợi tức

của những tư bản khác. Nhưng vấn đề ở đây không phải là giá mua hay giá bán địa tô, giá trị thị trường của địa tô, địa tô tư bản hoá, mà là bản thân địa tô.

Tiền thuê đất còn có thể bao gồm, ngoài địa tô chính cống ra, lợi tức của tư bản bỏ vào ruộng đất nữa. Thế thì người điền chủ nhận phần tiền thuê đất ấy không phải với tư cách là người sở hữu ruộng đất mà với tư cách là nhà tư bản; tuy nhiên đó không phải là địa tô chính cống mà chúng ta phải nói tới.

Nếu ruộng đất không được sử dụng như là tư liệu sản xuất, thì ruộng đất không phải là một tư bản. Những tư bản - ruộng đất có thể được tăng lên cũng giống như tất cả những công cụ sản xuất khác. Người ta không tăng thêm gì vào thành phần vật chất cả, nói theo cách của ông Pru-đông, mà người ta tăng thêm đất đai dùng làm công cụ sản xuất. Chỉ một việc bỏ tư bản mới vào những ruộng đất đã biến thành tư liệu sản xuất rồi, người ta cũng tăng tư bản - ruộng đất mà không thêm vật chất gì vào ruộng đất, nghĩa là vào khoảng rộng của ruộng đất. Vật chất đất đai của ông Pru-đông, đó là đất đai có giới hạn không gian của nó. Còn về tính chất vĩnh cửu mà ông ta gán cho ruộng đất thì chúng ta cũng rất muốn rằng ruộng đất có tính chất đó về mặt nó là vật chất. Nhưng tư bản - ruộng đất thì không vĩnh viễn gì hơn bất cứ tư bản nào khác.

Vàng và bạc - chúng mang lại lợi tức - cũng tồn tại được lâu và vĩnh cửu như là ruộng đất. Nếu như giá cả của vàng bạc giảm xuống trong khi giá cả ruộng đất cứ tăng lên, thì cổ nhiên đó không phải là do bản chất vĩnh cửu nhiều hay ít của nó.

Tư bản - ruộng đất là một tư bản cố định, mà tư bản cố định thì cũng hao mòn như tư bản lưu động. Những sự cải tiến được áp dụng vào ruộng đất thì cần được tái sản xuất ra và được duy trì; chúng chỉ tồn tại một thời gian, và về mặt ấy, chúng cũng giống như tất cả những sự cải tiến khác mà người ta dùng để biến vật chất thành tư liệu sản xuất. Nếu quả tư bản - ruộng đất là vĩnh cửu thì một số đám đất nào đó sẽ có một bộ mặt khác

hắn bộ mặt của chúng ngày nay, và chúng ta sẽ nhìn thấy Nông thôn ở ngoại thành La Mã, Xi-xin, Pa-le-xtin trong tất cả sự phồn vinh tươi đẹp ngày xưa của chúng.

Cũng có cả những trường hợp mà tư bản - ruộng đất có thể mất đi, mặc dù những sự cải tiến vẫn nhập vào trong ruộng đất.

Trước hết, việc đó xảy ra vào tất cả những lúc mà địa tô chính cống mất đi do sự cạnh tranh của những ruộng đất mới phì nhiêu hơn; hai là, những sự cải tiến có thể có một giá trị trong một thời đại nào đó, nhưng sẽ không còn giá trị nữa một khi những sự cải tiến ấy đã trở thành phổ biến do sự phát triển của khoa học nông nghiệp.

Người đại diện của tư bản - ruộng đất không phải là người điền chủ, mà là người phéc-mi-ê. Thu nhập mà ruộng đất, được coi là tư bản, mang lại, chính là lợi tức và lợi nhuận kinh doanh chứ không phải là địa tô. Có những ruộng đất mang lại lợi tức ấy và lợi nhuận ấy, nhưng lại không mang lại địa tô gì cả.

Tóm lại, ruộng đất, về mặt nó đưa lại một lợi tức, là tư bản - ruộng đất, và, với tính cách là tư bản - ruộng đất, nó không mang lại một địa tô được, nó không hình thành quyền sở hữu ruộng đất. Địa tô là kết quả của những quan hệ xã hội trong đó sự khai thác ruộng đất được tiến hành. Nó không thể là kết quả của tính chất đất đai là cứng nhiều hay ít, có độ bền lâu hay chóng. Địa tô do xã hội chứ không phải do đất đai mà có.

Theo ông Pru-đông, "sự cải tiến trong việc canh tác ruộng đất", - kết quả của "sự hoàn thiện sản xuất", - là nguyên nhân khiến địa tô tăng lên không ngừng. Trái lại, sự cải tiến ấy làm cho địa tô giảm bớt theo chu kỳ.

Ở trong nông nghiệp hay trong công nghiệp, sự cải tiến nói chung là gì? Đó là sản xuất được nhiều hơn với cùng một lao động như thế, đó là sản xuất được cùng một số lượng hay nhiều hơn nữa với ít lao động hơn. Nhờ những sự cải tiến như thế, người

phéc-mi-ê không phải dùng một số lượng lao động lớn hơn để sản xuất ra một sản phẩm tương đối ít hơn. Lúc đó anh ta không cần canh tác đến những đám đất xấu hơn, và những phần của tư bản lần lượt bỏ vào cùng một đám đất vẫn mang lại thu hoạch bằng nhau. Vậy, những sự cải tiến ấy không những không làm cho địa tô tăng lên, như ông Pru-đông nói, mà trái lại chúng lại là những trở ngại tạm thời làm cho địa tô không tăng lên được.

Những điền chủ nước Anh vào thế kỷ XVII đã thấy rõ chân lý ấy, cho nên họ chống lại những tiến bộ trong nông nghiệp, sợ rằng những thu nhập của họ phải giảm bớt đi. (*Xem Pét-ti, nhà kinh tế học Anh, thời Sác-lơ II*⁷¹).

§V. NHỮNG CUỘC BÃI CÔNG VÀ NHỮNG LIÊN MINH CỦA CÔNG NHÂN

"Mọi vận động của sự tăng lên trong tiền công không thể có được tác dụng nào khác hơn là làm tăng giá lúa mì, rượu nho, v.v.. tức là tác dụng đưa đến nạn đói. Bởi vì tiền công là cái gì? Đó là giá thành của lúa mì, v.v.; đó là giá cả toàn vẹn của mọi vật. Chúng ta hãy tiến thêm một bước nữa: tiền công là tính tỷ lệ giữa những yếu tố hợp thành của cái và hàng ngày được quần chúng lao động tiêu dùng nhằm mục đích tái sản xuất. Do đó, tăng tiền công lên gấp đôi..., tức là cấp cho mỗi người sản xuất một phần lớn hơn sản phẩm của anh ta, thì như vậy là mâu thuẫn, và nếu việc tăng thêm ấy chỉ thực hiện trong một số ít ngành sản xuất mà thôi, thì như vậy là gây nên một sự rối loạn chung trong việc trao đổi, nói tóm lại, *một nạn đói*... Không thể nào mà - tôi xin khẳng định như thế - những cuộc bãi công có kèm theo việc tăng tiền công, lại không đưa đến một *tình trạng lên giá phổ biến*: điều này cũng chắc chắn như hai với hai là bốn vậy" (Pru-đông, t.I, tr. 110 và 111).

Chúng tôi phủ nhận tất cả những điều quyết đoán ấy, trừ điểm hai với hai là bốn.

Trước hết, không có chuyện *giá tăng lên một cách phổ biến*. Nếu giá cả của mọi vật đều tăng gấp đôi cùng với tiền công, thì

sẽ không có sự thay đổi trong giá cả, chỉ có sự thay đổi trong tư ngữ mà thôi.

Hai là, tiền công tăng lên một cách phổ biến không bao giờ có thể làm cho giá hàng hoá tăng lên một cách phổ biến nhiều hay ít. Thật vậy, nếu như tất cả mọi ngành sản xuất đều sử dụng một số lượng công nhân như nhau, phù hợp với tư bản cố định hay công cụ lao động mà những ngành ấy sử dụng thì tiền công tăng lên một cách phổ biến sẽ làm cho lợi nhuận hạ thấp xuống một cách phổ biến, còn giá cả thị trường của hàng hoá thì vẫn không suy suyển một chút nào.

Nhưng vì trong những ngành công nghiệp khác nhau, quan hệ so sánh giữa lao động chân tay với tư bản cố định không giống nhau, cho nên tất cả những ngành sản xuất dùng một khối lượng tư bản cố định tương đối lớn hơn và một số lượng công nhân tương đối ít hơn thì sớm hay muộn, cũng sẽ buộc phải giảm giá cả hàng hoá của họ xuống. Trong trường hợp trái lại, nếu giá cả hàng hoá của họ không giảm đi thì lợi nhuận của họ sẽ tăng lên cao hơn tỷ suất chung của lợi nhuận. Máy móc không phải là những người nhận tiền công. Vậy tiền công tăng lên một cách phổ biến sẽ ảnh hưởng ít hơn đến những ngành sản xuất dùng nhiều máy móc hơn công nhân, so với các ngành khác. Nhưng vì sự cạnh tranh luôn luôn có xu hướng san bằng tỷ suất lợi nhuận, cho nên những tỷ suất lợi nhuận nào lên cao quá tỷ suất bình thường thì chỉ có thể là tạm thời mà thôi. Bởi vậy, trừ một vài biến động nhỏ ra thì nói chung, tiền công tăng lên một cách phổ biến sẽ không làm cho giá cả tăng lên một cách phổ biến, như ông Pru-đông nói, mà làm cho giá cả giảm xuống một cách cục bộ, nghĩa là làm cho giá cả thị trường của những hàng hoá được chế tạo chủ yếu bằng máy móc, giảm xuống.

Sự tăng, giảm của lợi nhuận và của tiền công chỉ biểu thị tỷ lệ mà theo đó những nhà tư bản và những công nhân hưởng phần sản phẩm của một ngày lao động mà thôi; trong phần lớn trường

hợp, nó không ảnh hưởng gì đến giá cả của sản phẩm. Nhưng nói rằng "những cuộc bãi công có kèm theo việc tăng tiền công, đều đưa đến một tình trạng lên giá phổ biến, thậm chí đến một nạn đói" thì quả thật đó là những tư tưởng chỉ có thể nảy nở trong đầu óc của một nhà thơ khó hiểu.

Ở nước Anh, theo lệ thường, những cuộc bãi công đều đưa đến việc phát minh và sử dụng một vài máy móc mới. Máy móc có thể được coi là vũ khí mà các nhà tư bản dùng để đánh bại sự phản kháng của công nhân chuyên nghiệp. Máy self-acting mule^{1*}, phát minh lớn nhất của công nghiệp hiện đại, đã loại ra ngoài vòng chiến đấu những công nhân kéo sợi đầy phần nộ. Dù cho những liên minh và những cuộc bãi công chỉ đưa đến kết quả là làm cho những kết quả của thiên tài cơ khí chống lại chúng, thì chúng cũng vẫn luôn luôn ảnh hưởng lớn lao đến sự phát triển công nghiệp.

Ông Pru-đông viết tiếp: "Trong một bài viết mà ông Lê-ông Phô-sê xuất bản... tháng Chín 1845, tôi thấy rằng từ ít lâu nay, công nhân Anh đã mất thói quen lập các *liên minh*, cổ nhiên đó là một sự tiến bộ, mà người ta chỉ có thể khen họ mà thôi; nhưng sự tiến bộ về tinh thần ấy của công nhân là do sự giáo dục về kinh tế cho họ mà có. Trong cuộc mít-tinh ở Bôn-ton, một công nhân kéo sợi đã lớn tiếng nói rằng tiền công không tùy thuộc vào chủ công xưởng. Trong những thời kỳ đình đốn, những người chủ có thể nói chỉ là cái roi nằm trong tay tính tất yếu, và dù muốn hay không, họ cũng phải quật. Nguyên tắc có tác dụng điều tiết là quan hệ giữa cung và cầu và, những người chủ không có quyền lực ấy." Ông Pru-đông lớn tiếng nói rằng: "... Tốt quá, đó thật là những công nhân được dạy dỗ tốt, những công nhân kiểu mẫu v.v. v.v.. v.v.. Chỉ có điều bất hạnh này là nước Anh chưa trải qua; nhưng điều bất hạnh này sẽ không vượt qua được eo biển" (Pru-đông, t. I, tr. 261 và 262).

Trong tất cả những thành phố của nước Anh, Bôn-ton là nơi ở đó chủ nghĩa cấp tiến phát triển nhất. Công nhân Bôn-ton được

^{1*} - kéo sợi tự động

mọi người coi là cách mạng cực đoan nhất. Trong thời kỳ ở nước Anh có cuộc vận động lớn đòi xoá bỏ những đạo luật về ngũ cốc, những người chủ công xưởng Anh thấy rằng chỉ có thể đối phó được với những điền chủ bằng cách đẩy công nhân đi lên trước. Nhưng vì lợi ích của công nhân đối lập với lợi ích của chủ xưởng, không kém gì việc lợi ích của chủ xưởng đối lập với lợi ích của những điền chủ, cho nên trong các cuộc mít-tinh của công nhân, lẽ dĩ nhiên là bọn chủ xưởng phải chịu lép vế. Bọn chủ công xưởng làm thế nào? Chúng tổ chức ra những cuộc mít-tinh có tính chất phô trương gồm phần lớn là những thợ cả, số ít công nhân trung thành với chúng và những *người bạn chính công của thương nghiệp*. Rồi khi những công nhân chân chính muốn tham dự các cuộc mít-tinh ấy, như ở Bôn-ton và Man-se-xtơ, để phản đối những cuộc biểu tình mang tính chất phô trương ấy, thì người ta không cho họ vào, nói rằng đó là một ticket-meeting. Từ ấy có nghĩa là những cuộc mít-tinh mà chỉ những người có giấy vào cửa mới được dự. Thế mà trước đó, những áp phích dán trên tường đều đã loan báo đó là những cuộc mít-tinh công khai. Cứ mỗi lần có những cuộc mít-tinh loại ấy thì các báo chí của bọn chủ xưởng đều đăng những bài tường thuật khoa trương và chi tiết về những bài phát biểu ở đó. Không cần phải nói cũng biết rằng chính những thợ cả là những người phát biểu. Các báo chí ở Luân Đôn đều đăng lại toàn văn những bài phát biểu ấy. Ông Pru-đông có điều bất hạnh là coi lầm những thợ cả là những người công nhân bình thường và ông ta ra lệnh cho họ không được vượt qua eo biển.

Nếu như trong những năm 1844 và 1845, các cuộc bãi công không được người ta chú ý bằng trước kia, đó là vì 1844 và 1845 là hai năm thịnh vượng đầu tiên của nền công nghiệp nước Anh, kể từ năm 1837. Mặc dầu vậy, không có một hội công liên nào bị giải tán cả.

Bây giờ, chúng ta hãy nghe những người thợ cả ở Bôn-ton nói. Theo họ, các chủ xưởng không làm chủ tiền công, vì họ không

làm chủ giá cả của sản phẩm, còn giá cả của sản phẩm không phụ thuộc vào họ, vì họ không làm chủ thị trường thế giới. Vì lẽ đó, họ muốn làm cho người ta hiểu ngầm rằng không nên tổ chức những liên minh để buộc bọn chủ phải tăng tiền công. Ông Pru-đông thì trái lại, ông ta cấm họ tổ chức những liên minh, vì sợ rằng một liên minh sẽ làm cho tiền công tăng lên, mà tiền công tăng lên thì sẽ gây ra một nạn đói phổ biến. Chúng tôi thấy không cần phải nói gì nữa, giữa những thợ cả và ông Pru-đông có sự nhất trí trên một điểm duy nhất: đó là tiền công tăng lên có nghĩa là giá cả sản phẩm cũng tăng lên.

Nhưng phải chăng nguyên nhân thật sự khiến ông Pru-đông hẳn học là ở chỗ ông sợ xảy ra một nạn đói? Không phải thế. Sờ dĩ ông ta không vừa ý với bọn thợ cả ở Bôn-تون, đó chẳng qua là vì bọn họ quy định giá trị theo *cung cầu* và họ không quan tâm gì đến *giá trị cầu thành*, đến giá trị chuyển sang trạng thái cầu thành, đến sự cầu thành ra giá trị, kể cả *tính có khả năng trao đổi không ngừng* và tất cả *những tỷ lệ quan hệ* và *những quan hệ tỷ lệ* khác, bên cạnh đó lại còn có cả Mệnh trời nữa.

"Cuộc bãi công của công nhân là *phi pháp*, và không phải chỉ có Bộ luật hình sự, mà hệ thống kinh tế và tính tất yếu của trật tự đã được xác lập, cũng đều nói lên như vậy. Nếu mỗi công nhân, về mặt cá nhân, có quyền tự do sử dụng thân thể của mình và những cánh tay của mình thì điều đó còn có thể dung thứ được; nhưng nếu những công nhân dự định dựa vào những liên minh để cưỡng bức sự độc quyền, thì đó là điều mà xã hội không thể cho phép được" (t. I, tr. 334 và 335).

Ông Pru-đông định coi một điều khoản trong bộ luật hình sự của nước Pháp là một kết quả tất yếu và phổ biến của những quan hệ sản xuất tư sản.

Ở nước Anh, những liên minh đã được một đạo luật của nghị viện cho phép và chính hệ thống kinh tế đã buộc nghị viện phải cho phép như vậy bằng luật pháp. Năm 1825, dưới thời bộ trưởng Hơ-xkít-xơn, khi nghị viện phải sửa đổi hoạt động lập pháp để làm cho nó càng phù hợp hơn với một tình hình do tự do cạnh

tranh dẫn đến thì tất nhiên là nghị viện phải bãi bỏ cả những đạo luật cấm đoán những liên minh của công nhân. Công nghiệp hiện đại và cạnh tranh càng phát triển thì càng có những yếu tố gây ra và hỗ trợ những liên minh, và một khi những liên minh đã trở thành một sự kiện kinh tế ngày càng ổn định thì chúng không thể không nhanh chóng trở thành một sự kiện hợp pháp.

Do đó, điều khoản của Bộ luật hình sự của nước Pháp nhiều lắm cũng chỉ chứng tỏ rằng công nghiệp hiện đại và cạnh tranh chưa được phát triển lắm dưới thời Quốc hội lập hiến và dưới thời đế chế⁷².

Các nhà kinh tế học và những người xã hội chủ nghĩa¹⁾ đồng ý với nhau về một điểm duy nhất: tức là lên án những *liên minh*. Chỉ có điều là khi lên án thì họ đưa ra những lý do khác nhau mà thôi.

Các nhà kinh tế học nói với công nhân rằng: các anh đừng có liên minh với nhau. Khi các anh liên minh với nhau các anh sẽ gây trở ngại cho bước đi đều đặn của công nghiệp, các anh sẽ làm cho những chủ công xưởng không thể thoả mãn được những đơn đặt hàng, các anh sẽ làm rối loạn thương nghiệp và các anh sẽ đẩy nhanh sự lấn chiếm của máy móc, khiến các anh bị bắt buộc phải nhận một món tiền công còn thấp hơn nữa, vì máy móc làm cho một phần lao động của các anh trở thành vô ích. Và lại, các anh có làm gì thì cũng uống công vô ích, cái quyết định tiền công của các anh bao giờ cũng là quan hệ so sánh giữa những cánh tay được yêu cầu với những cánh tay được cung cấp, và nếu các anh nổi lên chống lại những quy luật vĩnh cửu của khoa kinh tế chính

¹⁾ Tức là những người xã hội chủ nghĩa hồi bấy giờ: phái Phu-ri-ê ở Pháp, phái Ô-oen ở Anh.- Ph. Á. (Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1885)

trị thì đó chỉ là một sự cố gắng vừa buồn cười vừa nguy hiểm mà thôi.

Những người xã hội chủ nghĩa nói với công nhân rằng: các anh đừng có liên minh lại với nhau, vì rốt cuộc lại, các anh sẽ được lợi cái gì? Được tăng tiền công chăng? Các nhà kinh tế học sẽ chứng minh cho các anh thấy rõ mồn một rằng trong trường hợp thắng lợi, các anh có thể được thêm vài đồng xu trong một thời gian ngắn, nhưng sau đó tiền công của các anh sẽ tụt xuống một cách vĩnh viễn. Những kẻ tính toán làm nghề sẽ chứng minh với các anh rằng các anh phải để ra nhiều năm thì mới có thể lấy chi cái phần tiền công được tăng thêm để bù lại được những phí tổn mà các anh đã phải bỏ ra để tổ chức và duy trì những liên minh ấy. Còn chúng tôi, với tư cách là người xã hội chủ nghĩa, chúng tôi sẽ nói với các anh rằng ngoài vấn đề tiền bạc ấy ra thì trước sau, các anh vẫn là công nhân, mà bọn chủ thì bao giờ cũng là bọn chủ. Vậy thì không cần liên minh, không cần làm chính trị, vì lập ra những liên minh, há chẳng phải là làm chính trị đó sao?

Những nhà kinh tế học muốn rằng công nhân vẫn cứ sống trong cái xã hội y như nó đã hình thành, cái xã hội y như họ đã ghi lại và quy định trong các sách giáo khoa của họ.

Những người xã hội chủ nghĩa khuyên công nhân rằng hãy cứ để yên cái xã hội cũ đấy, để có thể dễ dàng đi vào xã hội mới, xã hội mà họ đã chuẩn bị cho công nhân với con mắt nhìn xa biết chừng nào.

Nhưng bất chấp cả những nhà kinh tế học và những người xã hội chủ nghĩa, bất chấp cả các sách giáo khoa và những điều không tưởng, những liên minh vẫn không ngừng phát triển và lớn lên cùng với sự phát triển và sự tăng trưởng của công nghiệp hiện đại. Như vậy đến mức mà ngày nay trình độ mà sự liên minh đạt được trong một nước nói lên một cách rõ rệt trình độ mà nước ấy chiếm trên bậc thang của thị trường thế giới. Nước Anh, là nước mà nền công nghiệp đã đạt đến trình độ phát triển cao nhất,

cũng là nước có những liên minh rộng lớn nhất và được tổ chức tốt nhất.

Ở nước Anh, người ta không chỉ lập ra những liên minh có tính chất bộ phận, không có mục đích nào khác là làm một cuộc bãi công tạm thời, xong rồi thì cũng giải tán cùng với cuộc bãi công. Người ta đã lập ra những liên minh thường trực, những hội công liên dùng làm chiến lũy cho công nhân trong các cuộc đấu tranh của họ với bọn chủ xí nghiệp. Và bây giờ đây, tất cả những hội công liên địa phương ấy đều thống nhất vào trong Hội liên hiệp toàn quốc các nghiệp đoàn thống nhất⁷³ mà ban chấp hành trung ương đóng ở Luân Đôn, và nó đã có đến 80 000 hội viên. Việc tổ chức ra những cuộc bãi công, những liên minh, những hội công liên ấy được tiến hành song song với những cuộc đấu tranh chính trị của những công nhân - hiện nay, họ đã lập ra một chính đảng lớn tên là phái *Hiến chương*.

Những thử nghiệm đầu tiên của công nhân nhằm *liên hiệp* nhau lại bao giờ cũng được tiến hành dưới hình thức những liên minh.

Đại công nghiệp tập trung vào một nơi một số lượng đông đảo những người chưa từng quen biết nhau. Sự cạnh tranh chia rẽ họ về mặt quyền lợi. Nhưng việc giữ vững tiền công, cái quyền lợi chung ấy của họ chống lại chủ của họ, đoàn kết họ lại trong cùng một tư tưởng phản kháng - *liên minh*. Vậy là liên minh luôn luôn có một mục đích kép tức là chấm dứt sự cạnh tranh giữa họ với nhau để có thể chung sức cạnh tranh với nhà tư bản. Nếu mục đích phản kháng lúc đầu chỉ là nhằm giữ vững tiền công, thì trong chừng mực mà bọn tư bản, đến lượt chúng, càng đoàn kết lại trong cùng một tư tưởng đàn áp, các liên minh, lúc đầu còn lẻ tẻ, cũng hình thành thành những nhóm; và đứng trước tư bản luôn luôn liên kết với nhau, việc giữ vững hội liên hiệp đối với họ trở thành cần thiết hơn là việc giữ vững tiền công. Điều đó là

một sự thật đến nỗi các nhà kinh tế học Anh rất đỗi ngạc nhiên khi thấy công nhân hy sinh một phần khá lớn tiền công cho những hội liên hiệp mà nhà kinh tế học ấy cho là được tổ chức ra chỉ để đấu tranh vì tiền công mà thôi. Trong cuộc đấu tranh ấy - đó là một cuộc nội chiến thật sự - tất cả những yếu tố cần thiết cho một cuộc chiến đấu sắp tới, đang được tập hợp lại và đang phát triển. Khi đã đạt đến chỗ ấy, thì liên minh mang một tính chất chính trị.

Lúc đầu, những điều kiện kinh tế đã biến quần chúng nhân dân thành những người lao động. Sự thống trị của tư bản đã tạo ra cho quần chúng ấy một hoàn cảnh chung, những lợi ích chung. Vậy là quần chúng ấy đã là một giai cấp đối lập với tư bản, nhưng chưa phải là một giai cấp vì nó. Trong cuộc đấu tranh - mà chúng ta chỉ nêu lên vài giai đoạn - quần chúng ấy tập hợp nhau lại, tự hợp thành giai cấp vì nó. Những lợi ích mà nó bảo vệ, trở thành những lợi ích giai cấp. Mà cuộc đấu tranh giữa giai cấp với giai cấp là một cuộc đấu tranh chính trị.

Trong lịch sử giai cấp tư sản, chúng ta cần phân biệt hai giai đoạn: trong giai đoạn đầu, nó tự hợp thành giai cấp dưới chế độ phong kiến và quân chủ chuyên chế, và trong giai đoạn hai, sau khi đã tự hợp thành giai cấp rồi, nó lật đổ chế độ phong kiến và nền quân chủ, để biến xã hội cũ thành một xã hội tư sản. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn dài nhất và đòi hỏi những cố gắng lớn nhất. Nó cũng bắt đầu bằng những liên minh có tính chất bộ phận chống lại bọn lãnh chúa phong kiến.

Người ta đã tiến hành rất nhiều công trình nghiên cứu để phản ánh lại những giai đoạn lịch sử khác nhau mà giai cấp tư sản đã trải qua, kể từ công xã cho đến khi giai cấp tư sản đã tự hợp thành giai cấp.

Thế nhưng, khi phải đánh giá một cách chính xác những cuộc bãi công, những liên minh và những hình thức khác trong đó những người vô sản đang thực hiện trước mặt chúng ta việc họ

tự tổ chức lại thành giai cấp, thì có kẻ đâm ra sợ hãi thật sự, có kẻ biểu lộ một thái độ khinh khỉnh *ra vẻ siêu nhiên*.

Một giai cấp bị áp bức là điều kiện sống còn của mọi xã hội dựa trên sự đối kháng giai cấp. Vậy là sự giải phóng giai cấp bị áp bức tất phải bao hàm việc sáng lập ra một xã hội mới. Muốn cho giai cấp bị áp bức có thể tự giải phóng được thì những lực lượng sản xuất đã có và những quan hệ xã hội hiện hành không thể nào cùng tồn tại bên cạnh nhau được nữa. Trong tất cả những công cụ sản xuất, thì lực lượng sản xuất hùng mạnh nhất là bản thân giai cấp cách mạng. Sự tổ chức của những phần tử cách mạng thành giai cấp giả định sự tồn tại của tất cả những lực lượng sản xuất có thể nảy sinh ra trong lòng xã hội cũ.

Phải chăng như vậy có nghĩa là sau khi xã hội cũ sụp đổ, sẽ có một sự thống trị của giai cấp mới, biểu hiện tập trung ở một chính quyền mới? Không phải.

Điều kiện để giải phóng giai cấp công nhân, đó là sự xoá bỏ mọi giai cấp; cũng giống như trước kia, điều kiện giải phóng của đẳng cấp thứ ba, tầng lớp tư sản, là sự xoá bỏ tất cả các đẳng cấp và tất cả các tầng lớp¹⁾.

Trong quá trình phát triển của nó, giai cấp công nhân sẽ thay thế xã hội tư sản cũ bằng một tổ chức liên hiệp, tổ chức liên hiệp này sẽ loại bỏ các giai cấp và sự đối kháng giai cấp, và sẽ không còn có chính quyền theo đúng nghĩa của chữ ấy nữa, vì chính

¹⁾ Đây là nói đến những đẳng cấp theo ý nghĩa lịch sử, những đẳng cấp của một quốc gia phong kiến, những đẳng cấp với những đặc quyền nhất định và có giới hạn. Cuộc cách mạng tư sản đã thủ tiêu các đẳng cấp cùng với những đặc quyền của chúng. Xã hội tư sản chỉ biết có *các giai cấp* thôi. Vì vậy, kẻ nào gọi giai cấp vô sản là "đẳng cấp thứ tư" thì kẻ đó mâu thuẫn hoàn toàn với lịch sử, - Ph. Á. (Chú thích của Ăng-ghe-nơ cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1885).

quyền chính là biểu hiện tập trung chính thức của sự đối kháng giai cấp trong xã hội tư sản.

Trong khi chờ đợi, sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản là một cuộc đấu tranh giữa giai cấp với giai cấp, một cuộc đấu tranh, khi đạt đến trình độ cao nhất của nó, trở thành một cuộc cách mạng toàn diện. Và lại, liệu có nên lấy làm lạ khi một xã hội, dựa trên *sự đối lập* của các giai cấp, đi đến *mâu thuẫn* tàn bạo, đến một cuộc tấn công giáp lá cà, coi đó là kết cục cuối cùng?

Đừng nói rằng vận động xã hội loại trừ vận động chính trị. Không bao giờ có một cuộc vận động chính trị nào mà không đồng thời là vận động xã hội.

Chỉ có ở trong một chế độ không còn giai cấp và đối kháng giai cấp nữa thì *những sự tiến hoá xã hội* mới không còn là *những cuộc cách mạng chính trị* nữa. Cho đến lúc bấy giờ, vào đêm trước của mỗi cuộc cải tổ xã hội một cách toàn diện, kết luận của khoa học xã hội luôn luôn sẽ là:

"Chiến đấu hay là chết: đấu tranh đổ máu hay là không tồn tại. Vấn đề được đặt ra một cách dứt khoát là như vậy đó". (*Gioóc-giơ Xăng*)⁷⁴.

PH.ĂNG-GHEN

NGÀY TÀN VÀ GIỜ SỤP ĐỔ ĐÃ GẦN CỦA GHI-DÔ.-LẬP TRƯỜNG CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN PHÁP

Các rạp hát nước Anh rất nên loại "Trường học dạy đêm pha"⁷⁵ ra khỏi chương trình biểu diễn của họ, bởi thực ra cái trường lớn nhất thuộc loại này đã được lập ra ở Pa-ri, tại hạ nghị viện. Sổ vụ tai tiếng chất chứa tại đây và được công bố ra ngoài trong vòng bốn - năm tuần lại đây, quả thực chưa từng thấy trong lịch sử biên niên về các cuộc tranh luận nghị trường. Các bạn còn nhớ là Đơn-côm-bơ đã có lần đề nghị kê lên toà nhà hạ nghị viện quang vinh của các bạn dòng chữ đề gì không: "*Bên trong những bức tường này đã diễn ra những việc làm nhục nhã và đê tiện nhất*". Như vậy hoá ra là đám đông các nhà lập pháp tư sản của các bạn có được những người bạn xứng đôi phải lứa. Tại đây diễn ra những sự việc có thể làm cho ngay cả bọn lưu manh nước Anh cũng phải hổ thẹn. Danh dự của nước Anh già cỗi đã được cứu vãn: ngài Đờ Gi-rác-đanh đã vượt ông bộ trưởng Rô-bác, ngài Duy-sa-ten đã phá kỷ lục của ngài Giêm-xơ Grê-hêm.

Ở đây tôi không định liệt kê đầy đủ những vụ tai tiếng đã bị phanh phui ra trong mấy tuần lễ vừa qua; tôi sẽ không đá động một lời nào về hàng chục trường hợp ăn hối lộ đã bị đưa ra toà

án xét xử, cũng như về ngài Guy-đen, sĩ quan tùy tùng của nhà vua, đã mưu toan - chẳng phải không có chút khéo léo - đưa vào điện Tuyn-lơ-ri lối sống của bọn lừa đảo thượng lưu; tôi sẽ không trình bày tỷ mỉ với các bạn việc làm bẩn thỉu của tướng Quy-bi-e-rơ, thượng nghị sĩ nước Pháp, cựu bộ trưởng Bộ chiến tranh, người đã lấy cớ cần dứt lốt cho nội các để được phép thành lập công ty hầm mỏ - nhà máy mà lừa của chính công ty này bốn mươi cổ phiếu, thân nhiên bỏ túi, vì việc này mà hiện nay thượng nghị viện đang xét xử ông ta. Không, tôi sẽ chỉ kể với các bạn nghe một vài tình tiết chọn lọc, một số trường hợp điển hình rút ra từ hai, ba phiên họp của hạ nghị viện, qua đó các bạn sẽ có thể xét đoán về những chuyện khác.

Ngài Ê-min Đờ Gi-rác-đanh, hạ nghị sĩ và chủ bút tờ báo ra hàng ngày "La Presse", người ủng hộ đảng mới của *"những người bảo thủ tiến bộ"*, cả trên cương vị này lẫn cương vị kia của ông ta và mới gần đây đã trở thành một trong những đối thủ hung hăng nhất của nội các mà trước đây ít lâu ông ta từng ủng hộ, là một người rất có tài và đầy nghị lực, nhưng không có nguyên tắc gì hết. Ngay từ những ngày đầu của bước đường công danh xã hội của mình, ông ta đã không hề ngưng ngừng sử dụng bất kỳ thủ đoạn nào, cốt sao đạt được một địa vị nổi bật trong xã hội. Chính ông ta đã buộc Ác-măng Ca-ren, chủ bút nổi tiếng của báo "National", phải đấu súng với ông ta và đã hạ sát Ca-ren, như vậy là loại trừ được một đối thủ nguy hiểm. Chính phủ, tất nhiên rất cần được sự ủng hộ của một con người như vậy, chủ một tờ báo có thể lực và là hạ nghị sĩ, nhưng ngài Đờ Gi-rác-đanh đã bán sự ủng hộ của ông ta (mà bao giờ ông ta cũng *bán nó*) với cái giá không rẻ. Ngài Đờ Gi-rác-đanh và nội các đã ký với nhau không phải chỉ một bản hợp đồng, mà những hợp đồng này không phải bao giờ cũng hoàn toàn làm cho cả hai bên đều thoả mãn. Đồng thời ngài Đờ Gi-rác-đanh chuẩn bị đối phó với mọi chuyển biến

mà tình hình có thể dẫn đến. Do tiên đoán rằng có thể sẽ cắt đứt với nội các Ghi-dô, ông ta đi thu thập tất cả những tài liệu đủ loại về các cuộc mua bán xấu xa, các vụ hối lộ và các thủ đoạn mà ông ta, nhờ lợi dụng địa vị thuận lợi của mình, có thể tự tìm kiếm được và do bạn bè và những đại diện của ông ta trong giới quan chức cao cấp cung cấp. Diễn biến của các cuộc tranh luận giữa các đảng phái tại kỳ họp hiện nay cho ông ta thấy là giờ sụp đổ của Ghi-dô và Duy-sa-ten không còn xa nữa. Ông ta đã đóng một trong những vai chủ chốt trong việc thành lập một đảng mới của "những người bảo thủ tiến bộ" và đã nhiều lần dọa sẽ trút lên đầu chính phủ tất cả sức mạnh của cơn giận dữ của ông ta, nếu như chính phủ cứ khăng khăng theo đuổi đường lối của chính phủ. Với những lời lẽ hết sức khinh miệt khi ngài Ghi-dô đã khước từ bất kể sự thoả hiệp nào với đảng mới. Đảng này đã tách khỏi phe đa số và bắt đầu dùng những lời lẽ chống đối làm cho chính phủ khó chịu. Trong lúc thảo luận ở nghị viện về các vấn đề tài chính và các vấn đề khác, bao nhiêu là chuyện tai tiếng đã bộc lộ ra, đến nỗi các ngài Ghi-dô và Duy-sa-ten buộc lòng phải vứt bỏ mấy người đồng sự của họ để cứu lấy bản thân mình. Tuy nhiên, những chức vụ khuyết đó được thế chân bởi những nhân vật xoàng xĩnh nên không một đảng phái nào thấy mãn nguyện, và nội các đã làm cho mình suy yếu đi hơn là được củng cố. Rồi sau đấy bắt đầu vụ Quy-bi-e-rơ, nó đã khơi lên thậm chí ở các đại biểu của phe đa số ít nhiều sự hoài nghi về khả năng giữ nguyên cái ghế cho ngài Ghi-dô. Khi ấy, ngài Đờ Gi-rác-đanh thấy nội các đã bị hoàn toàn rệu rã và suy yếu, rút cục liền quyết định là đã tới lúc ông ta cần moi cái hộp Păng-đo-rơ⁷⁶ chứa đầy những điều bí mật xấu xa của ông ta ra, và quật ngã hẳn cái nội các đang bị lung lay bằng sự tố giác có khả năng làm lung lay sự tín nhiệm thậm chí của "cái bụng" của nghị viện⁷⁷ đối với nội các.

Để mở đầu ông ta kết tội nội các là đã bán tước hiệu thượng nghị sĩ lấy 80 000 phrăng, nhưng sau khi nhận tiền rồi lại không

giữ lời hứa của mình! Thượng nghị viện thấy mình bị lãng nhục vì lời tuyên bố ấy được đăng trên báo "La Presse", đã yêu cầu hạ nghị viện cho phép đưa ngài Đờ Gi-rác-đanh ra trước toà án của thượng nghị viện. Lời yêu cầu này làm nổ ra những cuộc tranh luận tại hạ nghị viện, mà trong thời gian có cuộc tranh luận đó ngài Đờ Gi-rác-đanh đã hoàn toàn khẳng định lời buộc tội của ông ta, tuyên bố rằng ông ta có những bằng chứng, nhưng đã từ chối chỉ đích danh vì rằng, theo như ông ta nói, ông ta không muốn đóng vai một *kẻ tố giác*. Song, ông ta nói rằng ông đã ba lần nhắc tới việc này trong lúc nói chuyện riêng với ngài Ghi-dô, mà không lần nào ông Ghi-dô phủ nhận sự kiện này, rằng một lần ông ta đã báo tin về việc này với ngài Duy-sa-ten, ông này đã trả lời: "Chuyện này xảy ra khi tôi vắng mặt, và sau đó tôi đã không tán thành nó; việc này là do ông Ghi-dô làm". Ngài Duy-sa-ten hoàn toàn bác bỏ tất cả chuyện đó. "Nếu vậy thì", - ngài Đờ Gi-rác-đanh tuyên bố, - "tôi sẽ chứng minh để các ngài thấy là đưa ra những cuộc mua bán như vậy là chuyện quá ư bình thường đối với nội các". Và ông ta đọc bức thư của tướng A-lếch-xan-đơ Đờ Gi-rác-đanh gửi nhà vua (theo như tôi biết thì đó là ông thân sinh của ngài Ê-min Đờ Gi-rác-đanh; ông này là con ngoài giá thú của viên tướng). Trong thư đó tướng Đờ Gi-rác-đanh tỏ lòng biết ơn về tước hiệu thượng nghị sĩ mà người ta đề nghị phong cho ông ta, nhưng đồng thời tuyên bố rằng vì sau đây ngài Ghi-dô đã đặt điều kiện thụ phong thượng nghị sĩ là đòi ông ta (tướng Đờ Gi-rác-đanh) sử dụng ảnh hưởng của mình đối với ông Ê-min Đờ Gi-rác-đanh, đừng để ông này có những lời lẽ chống chính phủ, cho nên ông ta, tướng Đờ Gi-rác-đanh, không đồng ý tham dự vào một cuộc mua bán như vậy và do đó mà từ chối tước hiệu thượng nghị sĩ. "Ồ", - ngài Duy-sa-ten kêu lên, - "nếu tất cả chỉ có vậy thôi thì xin cho phép được nhắc đến chuyện chính ngài Ê-min Đờ Gi-rác-đanh đề nghị với chúng tôi rằng ông ta sẽ đình chỉ những

lời lẽ chống đối nếu như chúng tôi phong cho ông ta tước hiệu thượng nghị sĩ, nhưng chúng tôi đã khước từ đề nghị đó". *Hinc illae lacrimae!*^{1*} Tuy nhiên về lời khẳng định chứa đựng trong bức thư thì ngài Duy-sa-ten không đáp lại một lời nào cả. Sau đó hạ nghị viện đã quyết nghị ngài Ê-min Đờ Gi-rác-đanh phải ra trước toà án của thượng nghị viện. Phiên toà được lập ra; ngài Đờ Gi-rác-đanh nhắc lại lời khẳng định của ông ta, nhưng tuyên bố rằng vì lẽ việc phong tước hiệu thượng nghị sĩ đã bán không được thực hiện nên những lời buộc tội của ông ta chỉ có thể động chạm tới chính phủ chứ không động chạm tới thượng nghị viện. Và các thượng nghị sĩ đã *tuyên bố trắng án* cho ông ta. Khi ấy Gi-rác-đanh lôi một vụ tai tiếng khác ra. Năm ngoái người ta dự định cho ra một tờ báo lớn "Époque"; tờ báo này phải ủng hộ chính phủ, áp đảo tất cả mọi tờ báo đối lập và lấy sự ủng hộ của mình thay thế cho sự ủng hộ phải trả giá đắt của cơ quan ngôn luận thuộc ngài Đờ Gi-rác-đanh, là tờ "Presse". Dự định này đã bị thất bại nhục nhã, một phần vì có những âm mưu của chính ngài Đờ Gi-rác-đanh, là người mà hễ thiếu mặt thì không một chuyện tương tự nào lại trót lọt được. Ngài Duy-sa-ten, giờ đây bị buộc tội là mua chuộc giới báo chí, tuyên bố rằng chính phủ chưa bao giờ trợ cấp cho một tờ báo nào cả. Đáp lại lời khẳng định đó, ngài Đờ Gi-rác-đanh đã dẫn ra một sự kiện được nhiều người biết là sau khi các biên tập viên của tờ "Époque" nhiều lần van xin bố thí, ngài Duy-sa-ten đã tuyên bố với họ: "Bạc vàng tôi không có, nhưng tôi có cái gì tôi sẽ cho các anh cái đó", - và cho họ được hưởng đặc quyền khai trương nhà hát ca kịch thứ ba ở Pa-ri mà "các ngài cao quý" của tờ "Époque" đã đem bán lấy 100 000 phrăng, trong đó 60 000 dùng vào việc duy trì tờ báo, còn 40 000 còn lại biến đâu mất

^{1*} - Đấy, từ đâu mà có những giọt nước mắt này!

không rõ. Cả ở đây nữa ngài Duy-sa-ten cũng cương quyết phủ nhận tất cả; nhưng sự kiện này được nhiều người biết đích xác.

Ngoài ra ngài Đờ Gi-rác-đanh còn nêu thêm một số vụ buôn bán tương tự, nhưng những thí dụ đã dẫn ra cũng đã hoàn toàn đủ rồi.

Hôm qua, tại hạ nghị viện, ngài Đờ Gi-rác-đanh lại phát biểu ý kiến và đọc mấy bức thư, qua đó thấy rõ rằng ngài Duy-sa-ten đã ra lệnh dùng tiền nhà nước công bố những văn kiện về các cuộc tranh luận về vụ phong tước hiệu thượng nghị sĩ đã đề cập tới ở trên và gửi tới tất cả các hội đồng thị chính trong nước; nhưng trong bản báo cáo đó của nội các cả bài nói của ngài Gi-rác-đanh lẫn bài nói của ngài Duy-sa-ten đều không được truyền đạt một cách chính xác; trái lại, cả hai bài nói ấy đều bị sửa đổi đến mức mà người ta có cảm tưởng là ngài Đờ Gi-rác-đanh là một kẻ vu khống đáng bị chế giễu, còn ngài Duy-sa-ten thì ra vẻ là một người chính trực và có phẩm hạnh nhất trên đời. Còn về thực chất của vấn đề thì ngài Đờ Gi-rác-đanh nhắc lại tất cả những lời khẳng định của ông ta và đề nghị với thái độ thách thức chính phủ là: hoặc cử ra một uỷ ban của quốc hội để bác bỏ những lời khẳng định đó, hoặc đưa ông ta ra toà vì tội vu khống. Ông ta nói rằng trong cả hai trường hợp ông ta sẽ phải thông báo tên họ của những nhân vật có liên quan và mọi tình tiết của sự việc để qua đó chứng minh cho những lời buộc tội của ông ta và đồng thời không bị rơi vào địa vị kẻ tố giác nhỏ nhen. Những lời nói này đã gây ra tại hạ nghị viện một chấn động rộng khắp. Ngài Duy-sa-ten phủ nhận tất cả; ngài Đờ Gi-rác-đanh giữ vững ý kiến của ông ta; ngài Duy-sa-ten lại phủ nhận; ngài Đờ Gi-rác-đanh lại quyết giữ ý kiến, và cứ lặp đi lặp lại như thế mãi, và lại tất cả những chuyện đó đều kèm theo những tiếng la hét và những tiếng la hét đáp lại của các tốp "hợp xướng" của nghị viện. Các nghị sĩ khác thuộc phe đối lập cũng thách thức nội các, yêu cầu trao

việc này hoặc cho một uỷ ban của quốc hội xem xét, hoặc cho toà án xét xử. Sau hết, ngài Duy-sa-ten nói:

"Thưa quý vị, việc ấn định mở cuộc điều tra của quốc hội sẽ chẳng khác nào cho rằng đa số trong nghị viện nghi ngờ tính chất trong sạch của chính phủ; vì vậy, vào đúng ngày mà cuộc điều tra này được ấn định, chúng tôi sẽ phải nhường chỗ của chúng tôi cho những người khác; nếu như quý vị có những điều hoài nghi thì hãy tuyên bố công khai chuyện đó ra, và chúng tôi sẽ đệ đơn từ chức ngay lập tức.

Nếu vậy thì, - ngài Đờ Gi-rác-đanh tuyên bố, - không còn cách nào khác hơn là trao việc đó cho toà án xét xử. Tôi sẵn sàng phục tùng điều này; nếu các ngài có gan thì hãy đưa tôi ra toà án bồi thẩm.

- Không, - ngài Hê-be, bộ trưởng tư pháp, phản đối, - chúng tôi sẽ không làm thế, bởi lẽ đa số trong nghị viện sẽ xét xử.

- Nhưng tại sao vậy, - ngài Ô-di-lông Ba-rô nói, - đây không phải là vấn đề chính trị mà là vấn đề *pháp luật* thuần túy, và việc như thế này không thuộc quyền hạn của chúng ta mà thuộc quyền hạn của toà án. Nếu như ngài Đờ Gi-rác-đanh vu khống chính phủ trên tờ báo của ông ta thì sao quý vị không đưa ông ta ra toà vì chuyện đó?

- Chúng tôi không muốn thế!

- Được, nhưng ở đây cũng đã có lời buộc tội thẳng thừng cả đối với những nhân vật khác nữa trong việc buôn bán tước hiệu thượng nghị sĩ; tại sao lại không đưa họ ra thẩm vấn ? và cái chuyện tờ "Époque" và đặc quyền mở nhà hát ca kịch đó, - như quý vị nói, nếu quý vị không có liên quan gì vào đây thì tại sao quý vị lại không đưa ra toà những kẻ *tham gia* vào vụ buôn bán đề tiện như vậy? Ở đây những lời buộc tội được nêu ra một cách thẳng thắn và thậm chí phần nào còn chứng minh rằng một loạt tội ác đã xảy ra; vậy tại sao các uỷ viên công tố hoàng gia lại không khởi tố, như chức trách của họ đòi hỏi, kiện những nhân vật bị buộc là phạm các tội ác đó?

- Chúng tôi không đưa ra truy tố trước toà án, - ngài Hê-be đáp lại, - bởi vì tính chất những lời buộc tội và danh tiếng của những kẻ đưa ra những lời buộc tội đó không phải là những cái để cho các luật gia hoàng gia có thể coi chúng là xác thực ở mức độ nào đó".

Tất cả những lời phát biểu đó luôn luôn bị đứt quãng bởi những lời phản nân, những tiếng la hét, những tiếng đập bàn ghế và

nói chung bởi những tiếng ồn ã loại. Phiên họp có một không hai của nghị viện làm cho nội các của Ghi-dô bị lung lay đến tận gốc rễ đó đã kết thúc bằng một cuộc biểu quyết chứng tỏ rằng nếu như lòng tin của đa số có thể đã bị lung lay thì chế độ biểu quyết của nó vẫn còn vững vàng không thể lay chuyển được!

"Sau khi nghe nội các giải thích và thấy việc giải thích đó là *thoả đáng*, nghị viện chuyển sang làm việc theo chương trình nghị sự!"

Các bạn sẽ nói gì về việc này? Các bạn chuộng ai hơn, nội các hay phe đa số hạ nghị viện Pháp hay hạ nghị viện ở nước các bạn? Ngài Duy-sa-ten hay ngài Giêm-xơ Grê - hêm ? Tôi dám chắc là các bạn sẽ khó lựa chọn đây. Và lại, giữa các bên đối lập nhau ấy cũng có sự khác nhau. Giai cấp tư sản Anh từ trước tới nay vẫn phải đấu tranh chống quý tộc là tầng lớp mặc dù hiện đang ở tình trạng tan rã và suy tàn nhưng vẫn còn chưa bị gạt bỏ hoàn toàn. Tầng lớp quý tộc Anh bao giờ cũng tìm được sự ủng hộ nhất định của một phái tư sản nào đó, và chính sự chia rẽ đó trong giai cấp tư sản đã cứu tầng lớp quý tộc khỏi bị diệt vong hoàn toàn hiện nay, trong cuộc đấu tranh của nó chống lại các nhà công nghiệp, tầng lớp quý tộc được sự ủng hộ của bọn nắm chứng khoán, bọn chủ ngân hàng, bọn người có thu nhập đảm bảo, cũng như của một bộ phận đông đảo các chủ tàu. Bằng chứng của việc này là toàn bộ phong trào đòi bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc. Vì vậy, bộ phận tiên tiến trong giai cấp tư sản Anh (tôi muốn nói tới các nhà công nghiệp) hãy còn có khả năng thi hành những biện pháp chính trị tiến bộ nhằm ngày càng đẩy mạnh sự phân hoá của tầng lớp quý tộc. Các nhà công nghiệp thậm chí sẽ bị *buộc* phải làm việc đó; họ phải mở rộng thị trường của họ, mà muốn vậy họ phải giảm giá. Nhưng trước khi giảm giá phải giảm bớt chi phí sản xuất, mà việc giảm chi phí sản xuất, đến lượt nó, được thực hiện chủ yếu bằng việc giảm tiền công; còn muốn giảm tiền công thì không có phương sách nào có hiệu quả hơn là giảm giá nhu yếu phẩm; mà để đạt được điều này thì chỉ có một cách

là giảm thuế khoá. Chính chuỗi mắt xích lô-gích đó khiến các nhà công nghiệp Anh nhất thiết phải thủ tiêu giáo hội quốc giáo và tiến hành cắt giảm, hoặc "điều chỉnh công bằng" số quốc trái. Cả hai biện pháp này, cũng như những biện pháp theo tinh thần đó, họ sẽ buộc phải thực hiện ngay khi thấy rằng - mà điều này tất nhiên sẽ xảy ra - thị trường thế giới không có khả năng tiêu thụ sản phẩm của họ một cách liên tục và thường xuyên. Như vậy, cho tới nay giai cấp tư sản Anh vẫn còn đang ở trên con đường tiến bộ; nó cần lật đổ tầng lớp quý tộc và giới tăng lữ có đặc quyền đặc lợi; nó sẽ buộc phải thực hiện một loạt biện pháp tiến bộ vừa với sức gánh vác của chính nó. Giai cấp tư sản Pháp ở trong tình thế khác. Ở Pháp không có tầng lớp quý tộc cha truyền con nối, cũng không có tầng lớp quý tộc ruộng đất. Cách mạng đã quét sạch bọn chúng. Tại đây cũng không có giáo hội có đặc quyền đặc lợi, hoặc giáo hội quốc giáo; ngược lại, giới tăng lữ Tin lành cũng lĩnh lương của chính phủ y như giới tăng lữ Thiên chúa giáo và được đặt vào một địa vị hoàn toàn bình đẳng với nó. Tại Pháp không thể có một cuộc đấu tranh thật sự giữa các nhà công nghiệp với những người nắm chứng khoán, các chủ ngân hàng và các chủ tàu, bởi vì trong tất cả các phái của giai cấp tư sản thì những người nắm chứng khoán và các chủ ngân hàng (đồng thời cũng là cổ đông chính của các công ty đường sắt, khai khoáng và các công ty khác) rõ ràng là tạo thành phái mạnh nhất từ năm 1830 vẫn nắm quyền bính trong tay mình với những sự gián đoạn ngắn. Các nhà công nghiệp, trên thị trường bên ngoài thì bị cuộc cạnh tranh của ngoại quốc đè bẹp, còn trên thị trường trong nước thì cảm thấy mình không vững chân, không có triển vọng lớn mạnh đến mức họ sẽ có thể đấu tranh thắng lợi chống lại bọn chủ ngân hàng và bọn nắm chứng khoán. Ngược lại, triển vọng của họ giảm sút từng năm một; ở hạ nghị viện phe họ trước đây chiếm một nửa, bây giờ may ra chỉ còn được một phần ba số nghị sĩ. Qua tất cả những điều đó có thể suy ra rằng giai cấp

tư sản cầm quyền dù là toàn giai cấp, dù là một bộ phận của nó đều không có khả năng thực hiện được một cái gì đó giống như sự "tiến bộ", rằng bởi lẽ sau cuộc cách mạng năm 1830 giai cấp tư sản ở Pháp đã nắm được toàn bộ quyền lực, giai cấp cầm quyền này chỉ còn cách *chấp nhận sự lỗi thời của bản thân mình* mà thôi. Nó đã làm chính cái điều đó. Lẽ ra phải tiến bộ lên thì giai cấp tư sản buộc phải đi thụt lùi, hạn chế tự do báo chí, thủ tiêu quyền tự do lập hội và hội họp, ban hành những đạo luật đặc biệt đủ loại để áp chế công nhân và những vụ tai tiếng bị phanh phui trong mấy tuần gần đây chứng minh, với tất cả tính chất hiển nhiên, rằng giai cấp tư sản cầm quyền Pháp đã già cỗi, đã hoàn toàn "trở nên vô dụng".

Thật ra, giai cấp đại tư sản đang ở trong tình thế khó khăn. Nó rút cục đã tìm được Ghi-dô và Duy-sa-ten làm kẻ cầm quyền. Bấy năm trời nó đã giữ cho họ những chức vị của họ và cứ mỗi lần bầu cử lại đảm bảo cho họ có được một đa số ngày một lớn hơn. Còn giờ đây, khi mà tất cả các phe đối lập ở nghị viện đã bị rơi vào tình trạng bất lực hoàn toàn, giờ đây, khi mà tưởng chừng như những ngày toàn thắng đã đến với Ghi-dô và Duy-sa-ten, thì chính lúc này hoạt động của nội các lại phơi bày ra bao nhiêu mặt xấu xa, đến nỗi nó không thể nào tiếp tục nắm chính quyền được dù cho hai viện có nhất trí ủng hộ đi chăng nữa. Không còn nghi ngờ gì nữa. Ghi-dô và Duy-sa-ten cùng các đồng sự của họ sẽ từ chức trong thời gian sắp tới: sự tồn tại nội các của họ có thể còn kéo dài thêm mấy tuần nữa, nhưng ngày tận số của họ đã đến gần, rất gần. Rồi ai sẽ cầm quyền sau họ? Chỉ có Thượng đế mới biết được! Họ có thể nhắc lại lời nói của Lu-i XV: "Sau tôi, dù có xảy ra nạn hồng thủy, cảnh hoang tàn và hỗn loạn, thì cũng mặc". Chi-e không có khả năng tập hợp được đa số. Mô-lê là một lão già khom và một gã tiểu nhân; ông ta sẽ vấp phải hàng đông khó khăn và, để đảm bảo cho mình có được sự ủng hộ của đa số, cũng sẽ phải làm những điều tai tiếng y như vậy và, do

đó, ông ta cũng phải kết thúc y như Ghi-dô mà thôi. Khó khăn chủ yếu chính là ở đó. Các cử tri ngày nay sẽ luôn luôn bầu ra một đa số tương tự như đa số đang họp tại nghị viện lúc này; đa số ngày nay sẽ luôn luôn cần tới một nội các tương tự như cái nội các của Ghi-dô và Duy-sa-ten, một nội các can dự vào những việc tai tiếng đủ loại; mà bất kỳ nội các nào hành động theo kiểu đó sẽ không thể đứng vững dưới sức ép của dư luận xã hội. Đó là cái vòng luẩn quẩn mà trong đó chế độ hiện nay đang quay cuồng. Nhưng không thể cứ tiếp tục như thế được nữa. Vậy phải làm gì đây? Không còn cách nào khác hơn là thoát ra khỏi cái vòng luẩn quẩn đó, thực hiện cải cách bầu cử; nhưng cải cách bầu cử có nghĩa là để cho các chủ xí nghiệp nhỏ được quyền bầu cử, mà điều này đối với nước Pháp là "bắt đầu sự cáo chung". Cả Rôt-sin lẫn Lu-i - Phi-líp đều hiểu rất rõ rằng đưa giai cấp tiểu tư sản vào giới cử tri không có nghĩa gì khác hơn là "LA RÉPUBLIQUE!"^{1*}.

Pari, ngày 26 tháng Sáu 1847

*Do Ph. Ăng-ghen viết
Đã đăng trên báo "The Northern Star" số
506, ngày 3 tháng Bảy 1847 với lời chú
thích của ban biên tập:
"Theo phóng viên của bản báo
ở thủ đô Pháp"*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu
trên tạp chí "Cách mạng vô
sản" số 4, năm 1940*

^{1*} - "Nền cộng hoà".

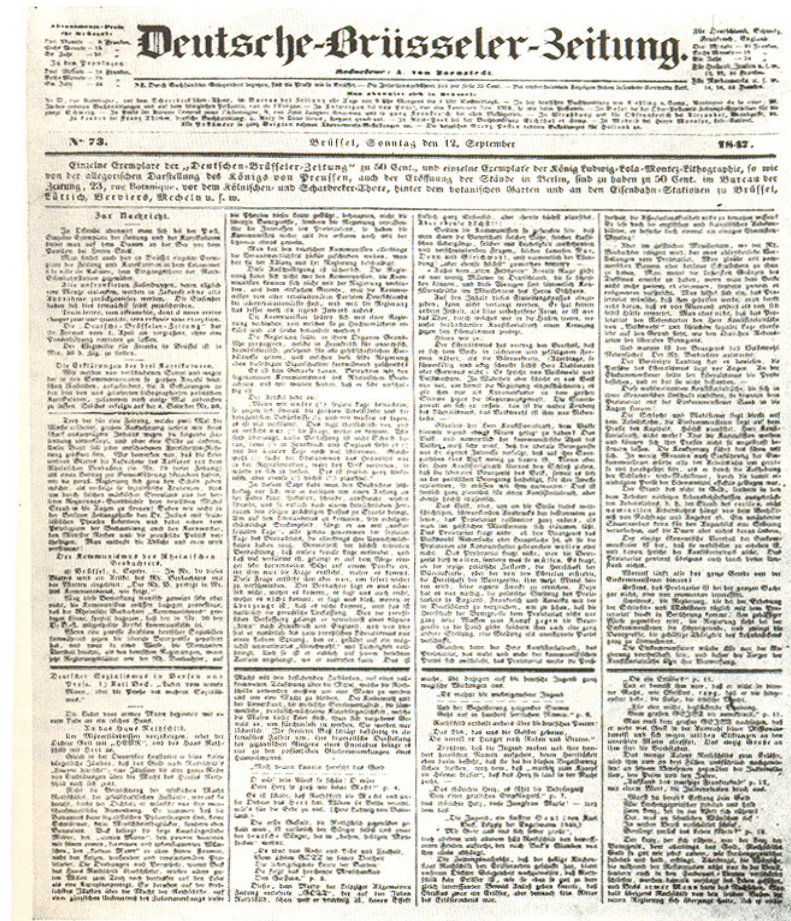
C.MÁC CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA BÁO "RHEINISCHER BEOBACHTER"⁷⁸

Brux-xen, ngày 5 tháng Chín. - Trong một bài báo đăng lại của tờ "Rheinischer Beobachter", trên báo "Deutsche - Brüsseler - Zeitung"⁷⁹ số 70 có thêm lời mở đầu sau:

"Báo "Rheinischer Beobachter" số 206 đã tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản, điều đó có thể thấy được ở dưới đây".

Những lời nói ra dù có mang tính chất châm biếm hay không thì những người cộng sản vẫn phải phản đối luận điệu cho rằng: tuồng như báo "Rheinischer Beobachter" nói chung có khả năng tuyên truyền "chủ nghĩa cộng sản", và đặc biệt là phản đối luận điệu cho rằng bài báo được đăng lại trên báo "Deutsche - Brüsseler - Zeitung" số 70 là một bài báo có vẻ như cộng sản.

Nếu như một bộ phận nào đẩy những người xã hội chủ nghĩa Đức không ngừng lu loa phản đối giai cấp tư sản tự do, hơn nữa lại làm việc này theo kiểu chẳng đem lại lợi ích cho ai, trừ các chính phủ Đức, và nếu như giờ đây, dựa vào những câu văn của các vị đó, các tờ báo của chính phủ, như tờ "Rheinischer Beobachter" khẳng định rằng không phải giai cấp tư sản tự do, mà là chính phủ đại biểu cho lợi ích của giai cấp vô sản, thì những người cộng sản cũng không có điểm nào giống với những người xã hội chủ nghĩa Đức cũng như với những tờ báo đó.



MỘT TRANG CỦA BÁO "DEUTSCHE-BRÜSSELER-ZEITUNG" CÓ ĐĂNG BÀI CỦA C.MÁC "CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA BÁO "RHEINISCHER BEOBACHTER"" VÀ PHẢN ĐÁP BÀI KHÁI LUẬN CỦA PH. ĂNG-GHEN "CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐỨC DƯỚI DẠNG THƠ VÀ VĂN XUÔI".

Thực ra, người ta cố đổ trách nhiệm về những lời khăng định đó lên đầu những người cộng sản Đức, kết tội họ là đi liên minh với chính phủ.

Lời buộc tội này thực nực cười. Chính phủ không thể liên minh với những người cộng sản, mà những người cộng sản thì không thể ký hiệp ước liên minh với chính phủ bởi một nguyên nhân đơn giản là trong tất cả các đảng phái cách mạng ở Đức, đảng cộng sản là đảng cách mạng nhất, và chính phủ hiểu điều này rõ hơn ai hết.

Làm thế nào mà những người cộng sản lại có thể liên minh với cái chính phủ vẫn tuyên bố họ là những tội phạm quốc gia và đối xử với họ như với những tên phản quốc?

Làm thế nào mà chính phủ lại có thể tuyên truyền, trên các cơ quan ngôn luận của nó, những nguyên tắc mà ở Pháp được xem là những nguyên tắc vô chính phủ, kích động, phá hoại tất cả mọi nền móng xã hội, - những nguyên tắc mà bản thân chính phủ này vẫn luôn luôn quy cho chúng chính cũng những tính chất như vậy?

Không thể có chuyện đó được. Ta hãy xem kỹ cái gọi là chủ nghĩa cộng sản của báo "Rheinischer Beobachter" và chúng ta sẽ thấy là thứ chủ nghĩa cộng sản này mang tính chất quá ư hiền lành vô hại.

Bài báo bắt đầu như sau:

"Khi xem xét tình hình xã hội *của chúng ta* (!) thì khắp nơi đều bày ra trước mắt chúng ta những cảnh thiếu thốn hết mực và nghèo đói cùng cực (!), và chúng ta sẽ phải nhận rằng có nhiều thiếu sót. Đây là một sự thật hiển nhiên và *chỉ* (!) có câu hỏi được đặt ra là tất cả những cái đó bắt nguồn từ đâu mà ra. Chúng ta tin là chế độ nhà nước của ta không có lỗi trong vấn đề này, bởi (!) ở Pháp và ở Anh tình hình xã hội còn (!) tồi tệ hơn nhiều lần. Dẫu sao (!) chủ nghĩa tự do cũng chỉ nhìn thấy liều thuốc chữa bệnh ở chế độ đại nghị: nó bảo rằng nếu như nhân dân có chế độ đại nghị của họ, họ sẽ có thể làm nhẹ bớt tình cảnh của họ. Điều này tất nhiên là hoàn toàn ảo tưởng, nhưng đồng thời (!) xem ra lại có vẻ hết mức (!!)"

Trước mắt chúng ta, bản thân "Beobachter"^{1*} hiện nguyên hình trong những dòng chữ này; chúng ta thấy y bối rối cần bút, không biết nên bắt đầu từ đâu, suy nghĩ, viết, gạch bỏ, lại viết và, cuối cùng, sau một khoảng thời gian khá lâu, đã cho ra đời được đoạn văn tuyệt tác đã dẫn ở trên. Đề leo tới chủ nghĩa tự do, cái đề tài được ưa chuộng muôn thuở của y, y bắt đầu từ "tình hình xã hội của chúng ta", nói cách khác, theo đúng nghĩa của từ này, từ tình hình xã hội của chính bản thân "Beobachter", mà tình hình đó đương nhiên có thể có những điều bất tiện của nó. Dựa trên sự quan sát cực kỳ tầm thường, xác nhận tính chất bi thảm của tình hình xã hội của chúng ta và sự tồn tại của nhiều thiếu sót, sau khi đi tròn con đường đó bằng những câu văn rất lung củng y tới được cái điểm mà ở đó trước mắt y nảy sinh *chỉ* một câu hỏi là tất cả những cái đó bắt nguồn từ đâu. Tuy nhiên câu hỏi này nảy sinh ra trước y *chỉ* để rồi liền đó lại biến mất. Thực ra, "Beobachter" không nói cho chúng ta biết những cái đó bắt nguồn từ đâu, y cũng không nói cho chúng ta biết những cái đó *không* bắt nguồn từ đâu, y chỉ nói với chúng ta về cái mà y *tin* rằng những cái đó không bắt nguồn từ đây, và cái gì đó ấy, đương nhiên, hoá ra là chế độ nhà nước Phổ. Từ chế độ nhà nước Phổ y dùng chữ "bởi vì" táo bạo để chuyển sang nước Pháp và nước Anh, rồi từ đấy đến chủ nghĩa tự do Phổ chỉ còn một bước nhảy ngắn nữa mà y thực hiện được một cách dễ dàng, và dựa vào mấy chữ "dấu sao", là mấy chữ ít ra cũng là thiếu căn cứ. Và đây, sau hết, y đã đạt tới cái vị trí yêu thích của y, từ đó y có thể kêu to lên: "điều này, tất nhiên, hoàn toàn là ảo tưởng, nhưng đồng thời xem ra lại có vẻ hết sức xác thực". *Nhưng đồng thời cũng hết sức !!!*

Lẽ nào những người cộng sản đã rơi xuống thấp tới mức có

^{1*} - Chơi chữ: "Beobachter" - "người bình luận".

thể coi họ là những tác giả sáng tạo ra những lời lẽ như vậy, những bước chuyển tiếp cổ điển như vậy, những câu hỏi như vậy, để xuất hiện chừng nào thì cũng dễ biến mất chừng ấy, những *chỉ, bởi, dấu sao* tuyệt tác như vậy và đặc biệt là cách nói: "nhưng đồng thời hết sức"?

Ngoài "vị thống soái lão thành" Ác-nôn Ru-gơ ra, ở Đức thấy ít người có tài viết như vậy, mà số ít người này toàn là những cố vấn trưởng lão thuộc nội các của ngài Ai-sơ-hoóc.

Không thể đòi hỏi chúng ta bỏ công sức nghiên cứu nội dung phần mào đầu này. Nó chẳng chứa đựng gì cả, ngoài cái hình thức bất lực của nó; đấy chẳng qua chỉ là lối vào cho chúng ta thâm nhập vào hội nghị, nơi mà ngài cố vấn trưởng lão làm nhiệm vụ quan sát của chúng ta đang tuyên truyền cho cuộc thập tự chinh chống lại chủ nghĩa tự do.

Chúng ta hãy nghe y nói:

"Chủ nghĩa tự do trước hết có ưu điểm là nó sử dụng hình thức tiếp cận với nhân dân một cách nhẹ nhàng và hấp dẫn hơn so với chủ nghĩa quan liêu". (Bất kể thế nào, ngay như ông Đan-man hoặc Ghéc-vi-nút cũng không sử dụng cách viết nặng nề và góc cạnh đến thế). "Chủ nghĩa tự do lặp đi lặp lại về phúc lợi của nhân dân và các quyền lợi của nhân dân. Nhưng thực ra nó chỉ đưa nhân dân ra làm con ngáo ộp để dọa chính phủ, nhân dân chỉ làm bia đỡ đạn cho nó trong cuộc tiến công lớn vào chính phủ. Giành cho mình chính quyền nhà nước - đấy là khát vọng chân thực của chủ nghĩa tự do, còn phúc lợi của nhân dân đối với nó chỉ là việc thứ yếu".

Ngài cố vấn trưởng lão có nghĩ là ở đây ngài đã nói được điều gì mới mẻ cho nhân dân nghe hay không? Nhân dân, và đặc biệt là bộ phận cộng sản trong nhân dân, thừa biết rằng giai cấp tư sản tự do chỉ quan tâm đến lợi ích của bản thân nó, rằng có thể trông mong rất ít vào mối thiện cảm của nó đối với nhân dân. Nhưng khi ngài cố vấn trưởng lão qua đấy mà kết luận rằng với việc tham gia phong trào chính trị, nhân dân để cho giai cấp tư sản tự do lợi dụng mình vào những mục đích của nó, thì chúng

tôi buộc phải trả lời ngài rằng: dưới con mắt ngài cổ vấn trường lão, điều này, có lẽ, xem ra cũng có vẻ hoàn toàn xác thực, nhưng đồng thời lại hết sức ảo tưởng.

Nhân dân, hoặc - nếu thay cái khái niệm quá ư chung chung và mơ hồ này bằng một khái niệm chính xác hơn - giai cấp vô sản, lại lý luận một cách khác hẳn với cách mà người ta tự cho phép mình tưởng tượng ở Bộ tôn giáo. Giai cấp vô sản không hỏi rằng đối với nhà tư sản thì phúc lợi của nhân dân là việc chính hoặc thứ yếu hay không, các nhà tư sản có *muốn* lợi dụng giai cấp vô sản như là bia đỡ đạn hay không. Chỉ riêng *nguyên vọng* của giai cấp tư sản thôi thì hoàn toàn không thể là mối quan tâm của giai cấp vô sản, giai cấp vô sản muốn biết xem các nhà tư sản *buộc phải* đạt được cái gì. Vấn đề là ở chỗ cái gì sẽ cung cấp cho giai cấp vô sản nhiều phương sách hơn để đạt tới những mục tiêu của riêng nó: chế độ chính trị hiện nay, tức là sự thống trị của tầng lớp quan liêu chẳng, hay cái chế độ mà phái tự do đang gắng đạt tới, tức là sự thống trị của giai cấp tư sản. Nó chỉ cần so sánh địa vị chính trị của giai cấp vô sản ở Anh, Pháp và Mỹ với địa vị của nó ở Đức là đủ tin rằng quyền thống trị của giai cấp tư sản không những chỉ trao vào tay giai cấp vô sản một thứ vũ khí hoàn toàn mới trong cuộc đấu tranh *chống lại* chính ngay giai cấp tư sản, mà còn tạo ra cho nó một địa vị hoàn toàn mới - địa vị của một đảng được công nhận.

Có thể là ngài cổ vấn trường lão nghĩ rằng chính cái giai cấp vô sản ngày càng gia nhập đảng cộng sản đông hơn đó không dám sử dụng quyền tự do báo chí và lập hội chẳng? Hãy để cho ngài ấy đọc các tờ báo công nhân Anh và Pháp, hãy để cho ngài tới dự dù chỉ một lần cuộc mít-tinh của phong trào Hiến chương!

Nhưng ở Bộ tôn giáo, nơi biên tập tờ "Rheinischer Beobachter", người ta có quan niệm hoàn toàn độc đáo về giai cấp vô sản. Các vị đó cho rằng họ đang nói đến các nông dân Pô-mê-ra-ni hay đến các công nhân làm mướn ở Béc-lin. Họ tưởng tượng là đã đạt

tới trình độ tư duy uyên thâm tốt bậc khi mà họ hứa hẹn với nhân dân panem et religionem^{1*} thay cho panem et circenses^{2*} Họ tự nhủ rằng giai cấp vô sản khát khao được giúp đỡ, nhưng không nghĩ ra rằng giai cấp vô sản không chờ đợi sự giúp đỡ của ai cả, ngoài sự giúp đỡ của chính mình. Họ cũng không thể ngờ được là giai cấp vô sản đều hiểu rõ cả ý nghĩa chân chính chứa đựng trong những câu văn của các ngài cổ vấn trường lão nói về "phúc lợi của nhân dân" và về tình cảnh cùng cực của xã hội, cũng như ý nghĩa của những câu văn tương tự của các nhà tư sản tự do.

Nhưng tại sao đối với nhà tư sản, phúc lợi của nhân dân lại là việc thứ yếu? Tờ "Rheinischer Beobachter" giải đáp:

"Nghị viện bang liên hợp đã chứng minh điều này; sự phản trắc của chủ nghĩa tự do đã quá rõ ràng. Vấn đề thuế thu nhập phải là hòn đá thử vàng đối với chủ nghĩa tự do, nhưng chủ nghĩa tự do đã không chịu đựng nổi sự thử thách".

Ồi, các cổ vấn trường lão, với sự ngây thơ của họ trong các vấn đề kinh tế, họ tưởng tượng rằng họ có thể dùng thuế thu nhập để làm mờ mắt giai cấp vô sản!

Thuế bột mỳ và thịt đánh trực tiếp vào tiền công, thuế thu nhập đánh vào lợi nhuận của nhà tư bản. Điều đó hết sức xác thực, có phải thế không ngài cổ vấn trường lão? Nhưng các nhà tư bản sẽ không muốn mà cũng sẽ không thể cho phép đánh thuế vào lợi nhuận của họ mà lại không có sự đền bù nào. Cuộc cạnh tranh tự nó sẽ giải quyết việc này. Tiền công trên thực tế được nâng lên bao nhiêu nhờ có việc bãi bỏ thuế bột mỳ và thịt và việc giảm giá tư liệu sinh hoạt do việc đó đem lại, thì sau mấy tháng

^{1*} - bánh mỳ và tôn giáo

^{2*} - bánh mỳ và ca hát nhảy múa

thực hiện thuế thu nhập, tiền công đó lại sụt xuống đúng bấy nhiêu.

Mức tiền công biểu hiện không phải bằng tiền mà bằng nhu yếu phẩm để thoả mãn những nhu cầu đời sống của người công nhân, tức là tiền công *thực tế* chứ không phải tiền công *danh nghĩa*, - phụ thuộc vào quan hệ giữa cung và cầu. Việc thay đổi chế độ thuế khoá có thể dẫn tới tình trạng phá vỡ mối quan hệ phụ thuộc đó trong một thời gian ngắn, nhưng nó không thể gây nên trong mối quan hệ đó những sự thay đổi lâu dài nào.

Ưu điểm duy nhất về mặt kinh tế của thuế thu nhập - điều mà vị cố vấn trưởng lão không hề đã động tới một lời nào cả - là ở chỗ việc thu thuế đó ít tổn kém hơn. Và lại, giai cấp vô sản cũng chẳng được lợi gì trong đó.

Như vậy, tất cả những lời bàn về thuế thu nhập chung quy lại là cái gì?

Thứ nhất, về tất cả những cái đó, giai cấp vô sản hoặc là hoàn toàn không quan tâm gì tới, hoặc là chỉ quan tâm nhất thời mà thôi.

Thứ hai, bản thân chính phủ khi thu thuế bột mỳ và thịt, phải va chạm trực tiếp hàng ngày với giai cấp vô sản và đối lập với nó khi đóng cái vai trò đáng ghét này, khi thu thuế thu nhập, chính phủ lui về tuyền sau và buộc giai cấp tư sản phải gánh hết cái việc làm gây nên thù oán nhằm hạ thấp tiền công đó.

Như vậy, thuế thu nhập sẽ chỉ có lợi cho chính phủ và điều này giải thích tại sao các vị cố vấn trưởng lão lại bực mình khi thứ thuế này bị bãi bỏ.

Nhưng ta hãy giả dụ trong giây lát rằng giai cấp vô sản có quan tâm đến thuế thu nhập, vậy nghị viện có cần phê chuẩn nó không?

Hoàn toàn không. Nghị viện không cần biểu quyết phê chuẩn khoản tiền nào cả, nó cần để nguyên toàn bộ chế độ tài chính,

chừng nào mà chính phủ còn chưa thực hiện tất cả mọi yêu cầu của nó. Đối với tất cả mọi nghị viện, bác bỏ việc cấp tiền là một thủ đoạn buộc chính phủ phải nhượng bộ đa số. Việc bác bỏ cấp tiền triệt để đó là vấn đề duy nhất, trong đó nghị viện tỏ ra kiên quyết, và chính điều này đã thúc đẩy các vị cố vấn trưởng lão đã tính nhằm tìm cách bôi nhọ nó trước mặt nhân dân về chính điểm này.

"Mà trong khi ấy" - từ "Rheinischer Beobachter" tuyên bố tiếp - "chính cơ quan ngôn luận của phái tự do đúng là đã đưa ra vấn đề thuế thu nhập".

Hoàn toàn đúng, bởi vì đó là một biện pháp tư sản thuần túy. Ấy thế mà các nhà tư sản vẫn có thể bác bỏ nó, nếu như các vị bộ trưởng mà họ chẳng hề tín nhiệm, đưa ra biện pháp đó cho họ không đúng lúc.

Tuy vậy, chúng ta sẽ lưu ý sự thừa nhận bản quyền tác giả đó đối với thuế thu nhập; sau này sự thừa nhận đó sẽ có ích cho ta.

Sau những lời huyền thuyên hết sức trống rỗng và lộn xộn, vị cố vấn trưởng lão ấy bất thành lình bị ghen lời, rồi tuôn ra một tràng những điều sau đây về giai cấp vô sản:

"Giai cấp vô sản là gì?" (Đây cũng là một trong những câu hỏi được đặt ra *chỉ* để mà buông trôi không lời giải đáp.) "Chẳng phải là phóng đại hay sao nếu như chúng ta" (tức là các vị cố vấn trưởng lão ở báo "Rheinischer Beobachter" chứ không phải các tờ báo bình thường khác) "nói rằng cả một phần ba dân chúng bị mất mọi cơ sở sinh sống, còn một phần ba khác thì đang tuột xuống dốc. Vấn đề của những người vô sản là một vấn đề của đại đa số nhân dân; đó là một vấn đề có ý nghĩa cơ bản".

Nhưng, chỉ riêng một mình Nghị viện bang liên hợp bộc lộ sự đối lập nào đấy, đã làm bọn quan liêu đó tỉnh ngộ thì quả là nhanh thật! Thế việc chính phủ cấm báo chí đã động tới những chuyện "phóng đại", như việc giai cấp vô sản cũng tồn tại cả ở nước Phổ ta nữa, là việc đã lâu rồi hay sao? Vì những mưu đồ có ác ý muốn cho bạn đọc hiểu rằng tình trạng nghèo đói của giai

cấp vô sản tồn tại bên Anh và bên Pháp, cũng có cả ở Phổ nữa mà tờ "Trier'sche Zeitung" và các tờ báo khác - những cơ quan ngôn luận vô tội đó - bị đe dọa đóng cửa, là chuyện đã lâu rồi hay sao? Thôi thì cứ xin tuý chính phủ. Chúng ta cũng sẽ lưu ý việc công nhận rằng những người vô sản chiếm tuyệt đại đa số nhân dân.

"Nghị viện", - bài báo viết tiếp, - "coi vấn đề nguyên tắc là vấn đề cơ bản, nói cách khác, là vấn đề hội đồng cao cấp đó có cần có được chính quyền nhà nước hay không? Thế còn nhân dân sẽ nhận cái gì? Chẳng được gì hết. Không đường sắt gì hết, không ngân hàng địa ốc gì hết, không có sự giảm nhẹ gánh nặng thuế khoá gì hết! Nhân dân hạnh phúc thay!"

Hãy để ý coi, trên cái đỉnh đầu chải mượt của vị cố vấn trưởng lão dần dần hiện ra đôi tai cáo. "Nghị viện coi nguyên tắc là vấn đề cơ bản". Sự ngây thơ thiêng liêng của con rắn đầy lòng ưu ái đã lộ ra như thế đó! Có cho phép chính phủ phát hành 30 triệu đồng công trái, đánh thuế thu nhập mà mức thuế không thể quy định trước và lập ra một ngân hàng địa ốc nhờ đó chính phủ sẽ có thể thu được 400 hay 500 triệu có đảm bảo bằng tài sản quốc gia không; có trao tất cả những cái đó cho cái chính phủ bê tha và phản động hiện nay sử dụng không, qua đó mà làm cho nó vĩnh viễn trở thành độc lập, hay là, ngược lại, khổng chế chính phủ bằng một ngân sách ngặt nghèo và bằng cách bác bỏ việc cấp tiền buộc nó phải phục tùng dư luận xã hội, đây là vấn đề mà ngài cố vấn trưởng lão lấu cá của chúng ta gọi là vấn đề nguyên tắc!

"Thế còn nhân dân sẽ nhận được gì?" - vị cố vấn trưởng lão đầy lòng thông cảm hỏi. "*Không đường sắt gì hết*", - do đó mà nhân dân cũng sẽ không phải đóng các thứ thuế dùng vào việc trang trải lợi tức công trái và vào việc bù đắp các khoản thiệt hại to lớn tất nhiên sẽ nảy sinh khi đưa con đường này vào sử dụng.

"*Không ngân hàng địa ốc gì hết!*" Vị cố vấn trưởng lão nói tới

vấn đề này y như thể chính phủ sẽ dự định trả địa tô cho giai cấp vô sản^{1*}. Còn chính phủ, ngược hẳn lại, thì lại dự kiến ban thưởng địa tô cho *tầng lớp quý tộc* do nhân dân phải trả. Các ngân hàng này tưởng như phải làm cho nông dân được dễ dàng trong việc chuộc các đảm phụ lao dịch. Nhưng nếu nông dân phải chờ đợi thêm mấy năm nữa thì có lẽ sẽ không còn cần phải *chuộc* các đảm phụ lao dịch nữa. Nếu như các ông chủ trại ấp phong kiến mà xoi phải những chiếc bò cào của nông dân, - mà một lúc nào đấy điều này dễ có thể xảy ra lắm, - thì các đảm phụ lao dịch tự chúng sẽ biến mất.

"*Không có thuế thu nhập gì hết*", - nhưng chừng nào thuế thu nhập không đưa lại cho nhân dân một khoản thu nhập nào cả, thì nhân dân có thể hoàn toàn thờ ơ với nó.

"Nhân dân hạnh phúc", - vị cố vấn trưởng lão nói tiếp, - "song, các người đã trực lợi được trong vấn đề nguyên tắc! Mà nếu các người không hiểu đó là chuyện gì thì hãy để cho các vị đại biểu của các người giảng giải cho các người điều đó; nghe những bài nói tràng giang đại hải của họ có lẽ các người sẽ quên đi cái đói của các người!"

Còn ai mà dám khẳng định báo chí Đức không có tự do? Ở đây tờ "Rheinischer Beobachter" đã sử dụng mà hoàn toàn không bị trừng phạt những lời lẽ mà nhiều vị quan toà tỉnh lẻ ở Pháp không cần ngần ngại gì mà sẽ tuyên bố luôn là hành vi xúi giục một giai cấp xã hội này chống lại một giai cấp khác và sẽ trừng phạt kẻ thù phạm.

Tuy nhiên, vị cố vấn trưởng lão tỏ ra cực kỳ bất lực. Y cố ve vãn nhân dân và đồng thời lại không một lần nào muốn để nhân dân hiểu vấn đề nguyên tắc là cái gì. Buộc phải tỏ thái độ ra về

^{1*} Chối chữ: "Rentenbanken" nghĩa là "ngân hàng địa ốc", "Rente" nghĩa là "địa tô".

thông cảm đối với nhân dân *đang bị đói*, y trả thù họ bằng cách tuyên bố họ là ngu ngốc và hoàn toàn không có khả năng làm chính trị. Song, giai cấp vô sản hiểu rất rõ vấn đề nguyên tắc là cái gì, và giai cấp vô sản chê trách nghị viện chẳng phải vì không tìm mọi cách thực hiện những nguyên tắc đó mà là vì nghị viện *không* làm được việc ấy. Giai cấp vô sản chê trách nghị viện về chỗ nó dùng chiến thuật phòng ngự, về chỗ nó không chuyển sang tiến công, nó không đi xa hơn gấp mười lần. Giai cấp vô sản chê trách nghị viện về chỗ nó hành động không đủ kiên quyết, không dành cho bản thân công nhân có cơ hội tham gia phong trào. Tất nhiên, giai cấp vô sản không thể tỏ thái độ quan tâm nào đối với *các quyền lợi đẳng cấp*. Nhưng một nghị viện sẽ đòi lập toà án bồi thẩm, đòi mọi người bình đẳng trước pháp luật, bãi bỏ nghĩa vụ lao dịch, tự do báo chí, tự do lập hội và chế độ đại nghị nhân dân chân chính, một nghị viện đoạn tuyệt dứt khoát với quá khứ và định ra những yêu cầu của mình, dựa vào không phải những luật pháp cũ mà là vào những nhu cầu hiện tại, - một nghị viện như thế sẽ có thể trông cậy vào sự ủng hộ tích cực nhất của giai cấp vô sản.

Tờ "Beobachter" tiếp tục:

"Và chỉ cần xin Thượng đế ban phước để cho cái nghị viện đó không tham gia được chính quyền nhà nước, vì trong trường hợp đó mọi sự cải thiện xã hội sẽ vấp phải một trở ngại không tài nào vượt qua được".

Ngài cố vấn trưởng lão có thể yên tâm. Đối với cái nghị viện không thể nào thắng nổi Chính phủ Phổ đó, khi cần, giai cấp vô sản cũng sẽ có cách đương đầu với nó.

"Người ta nói rằng" - ngài cố vấn trưởng lão bình luận tiếp, - "thuế thu nhập dẫn tới cách mạng, dẫn tới chủ nghĩa cộng sản. Và trên thực tế nó đang dẫn tới cách mạng, tức là tới việc *cải tạo* những quan hệ xã hội, tới việc xoá bỏ sự *nghèo khổ cùng cực*".

Phải chọn một trong hai điều: hoặc là ngài cố vấn trưởng lão chế nhạo bạn đọc của y và bằng lối chơi chữ kiểu Béc-lin hạng bét chỉ muốn nói rằng thuế thu nhập sẽ tiêu diệt sự nghèo khổ *cùng cực* để thay thế nó bằng sự bần cùng có giới hạn, hoặc là trong các vấn đề kinh tế y là một thằng ngu dốt nhất và vô liêm sỉ nhất mà thế gian có thể sinh ra. Y cũng không nghi ngờ rằng bên Anh thuế thu nhập tồn tại đã bảy năm trời mà không hề *cải tạo* các quan hệ xã hội chút nào cả, không hề mảy may làm giảm đi một chút nào sự nghèo khổ cùng cực. Y cũng không ngờ rằng chính tại các địa phương của Phổ, nơi ngự trị sự nghèo khổ *cùng cực nhất*, - trong số thợ dệt nông thôn miền Xi-lê-di và Ra-ven-béc, trong số tiểu nông miền Xi-lê-di, Pô-dơ-nan, Mô-den và Pri-vi-xlin, - đang *tồn tại* thứ thuế đánh theo *hạng bậc*, tức là thuế thu nhập.

Song, chẳng lẽ những chuyện nhảm nhí đó lại đáng để bác bỏ một cách nghiêm chỉnh hay sao? Phía dưới nói tiếp:

"Nó còn dẫn tới cả *chủ nghĩa cộng sản* theo cách hiểu thông thường của nó... Ở những nơi mà do sự phát triển của công thương nghiệp, tất cả mọi quan hệ chẳng chút xen kẽ vào nhau và không ngừng biến đổi đến nỗi mỗi cá nhân riêng biệt không đủ khả năng đứng vững trong dòng thác cạnh tranh, - ở những nơi đó, do ảnh hưởng của chính hoàn cảnh, cá nhân ấy *bước phải cầu cứu xã hội*, xã hội phải bồi thường cho *từng người một* về những hậu quả của tình trạng không ổn định *phổ biến*. Xã hội chịu *trách nhiệm cộng đồng* đối với đời sống của các thành viên của nó".

Thì ra chủ nghĩa cộng sản của báo "Rheinischer Beobachter" là thế đấy! Như vậy, trong cái xã hội như xã hội chúng ta đây, *không* một người nào được *đảm bảo* về đời sống, về địa vị trong đời sống, mà chính cái xã hội này phải gánh lấy bốn phần *đảm bảo* đời sống cho mỗi người trong xã hội đó. Lúc đầu vị cố vấn trưởng lão nhận thấy là xã hội hiện hành *không có khả năng* làm việc này, nhưng rồi y yêu cầu nó vẫn cứ phải làm cái công việc mà nó không thể thực hiện được đó.

Dù có thể nào đi nữa thì đối với từng người một xã hội phải sửa chữa những thiếu sót mà nó không có khả năng dự kiến trước vì tình trạng không ổn định phổ biến vốn có của nó, - quan điểm của vị cổ vấn trưởng lão là như vậy.

"Cả một phần ba dân cư bị mất mọi cơ sở sinh sống, còn một phần ba khác thì ngày càng xuống dốc". Tính như vậy sẽ có mười triệu cá nhân cần phải được *đền bù* từng người một. Lẽ nào vị cổ vấn trưởng lão lại nghiêm chỉnh cho rằng cái Chính phủ Phổ đi ăn xin lại có thể làm nổi nhiệm vụ đó?

Tất nhiên làm nổi chính là nhờ vào thuế thu nhập, thứ thuế dẫn tới chủ nghĩa cộng sản *theo cách hiểu thông thường* của tờ "Rheinischer Beobachter"!

Tuyệt thật! Sau khi nói chán chê cho chúng ta nghe những điều nhằm nhí về thứ chủ nghĩa cộng sản tự bịa đặt ra, sau khi tuyên bố với chúng ta rằng xã hội chịu trách nhiệm cộng đồng đối với đời sống của các thành viên xã hội, rằng nó *phải* quan tâm đến họ, mặc dù không có khả năng làm việc đó, - sau tất cả những lời khẳng định, những mâu thuẫn rối mù và những yêu cầu không thể thực hiện được đó, người ta còn đề nghị thêm với chúng ta hãy chấp nhận thuế thu nhập để làm một biện pháp dàn xếp giải quyết tất cả mọi mâu thuẫn, làm cho tất cả những cái không thực hiện được trở thành thực hiện được và khôi phục tình đoàn kết giữa mọi thành viên xã hội.

Chúng ta lưu ý đến bản tường trình về thuế thu nhập của ngài Phôn Đuê-xbéc trình lên nghị viện. Trong bản tường trình này dự kiến sử dụng tất cả mọi khoản tiền thu được về thuế thu nhập cho tới đồng xu cuối cùng. Chính phủ hiện rất eo hẹp về kinh phí sẽ không còn một xu để *đền bù* cho từng người một về những hậu quả của tình trạng không ổn định phổ biến và để cho

xã hội thực hiện cái trách nhiệm cộng đồng của nó. Và nếu như không phải là mười triệu người mà cả thảy chỉ có mười cá nhân riêng biệt do chính những hoàn cảnh bức bách mà buộc lòng phải đến xin ngài Phôn Đuê-xbéc giúp đỡ thì ngay cả khi ấy ngài Phôn Đuê-xbéc cũng sẽ phải từ chối đối với mười người này.

Nhưng không, chúng ta lầm rồi. Ngoài thuế thu nhập ra, ngài cổ vấn trưởng lão còn có một biện pháp nữa để thực hiện chủ nghĩa cộng sản theo cách hiểu thông thường của ngài đó:

"Điều cơ bản của giáo lý Cơ Đốc là gì ? Giáo lý về tội tổ tông và về sự chuộc tội. Trong đó bao gồm tinh thần cộng đồng tồn tại giữa người với người và mối liên hệ trong tiềm năng cao nhất của họ. Tất cả vì mỗi người và mỗi người vì tất cả".

Nhân dân hạnh phúc thay! *Vấn đề cơ bản* đã được giải quyết vĩnh viễn. Dưới sự bảo hộ hai tầng của con đại bàng Phổ và của tinh thần thiêng liêng, giai cấp vô sản có được hai nguồn sống vô tận: một là, khoản tiền thừa do những khoản thu thuế thu nhập trừ đi những khoản chi bình thường và bất thường của nhà nước, - khoản tiền thừa này bằng số không; hai là, những khoản thu nhập do tài sản trên thiên đường- tội tổ tông và sự chuộc tội - đem lại, mà các khoản này cũng bằng số không. Hai con số không đó hình thành cơ sở tuyệt vời cho sự tồn tại của một phần ba dân cư đã mất mọi cơ sở để tồn tại và tạo ra chỗ dựa vững mạnh cho một phần ba khác đang ngày càng xuống dốc. Bất kể thế nào, những khoản tiền thừa tưởng tượng này, tội tổ tông và sự chuộc tội cũng sẽ có thể làm dịu cơn đói bụng của nhân dân tốt hơn nhiều so với những bài nói dài dòng của các ông nghị tự do! Đoạn dưới viết tiếp:

"Trong bài kinh nguyện "Đức chúa cha của chúng con" chúng ta cầu xin Thượng đế: "Xin Người đừng dẫn dắt chúng con vào vòng cám dỗ". Nếu như chúng ta cầu xin điều đó cho bản thân ta thì tự chúng ta cũng phải làm như vậy đối với đồng

loại của ta. Song, những điều kiện xã hội của ta tất nhiên là nguồn gốc của mọi sự căm dỗ đối với con người, còn sự thừa thãi nghèo khổ thì đẩy họ vào vòng tội lỗi".

Còn chúng ta- những quan chức, những quan toà và những cố vấn trưởng lão của Chính phủ Phổ, - xuất phát từ những quan niệm đó chúng ta tha hồ phanh thây xé xác, chặt đầu, bỏ tù và đánh đập, để "dẫn dắt" những người vô sản "vào vòng căm dỗ" và rồi sau đó chúng ta cũng sẽ bị phanh thây xé xác, chặt đầu, bỏ tù và đánh đập. Điều này rồi cũng sẽ xảy ra thôi.

"Tình trạng như thế", - ngài cố vấn trưởng lão tuyên bố, - "nhà nước Cơ Đốc giáo không thể dung thứ, nó phải đến giúp".

Đúng, giúp bằng những lời huyền thuyên nhảm nhí về trách nhiệm cộng đồng của xã hội, bằng những khoản tiền thừa tướng tượng và những kỳ phiếu giả mạo đứng tên Đức chúa cha, Đức chúa con và đồng bọn.

"Thậm chí rất có thể sẽ chấm dứt", - ngài cố vấn trưởng lão - bình luận viên của chúng ta nhận xét, - "những câu chuyện vốn dĩ đã buồn tẻ về chủ nghĩa cộng sản. Các vị cộng sản sẽ phải nhanh chóng im hơi lặng tiếng nếu như những nguyên tắc xã hội của Cơ Đốc giáo được phát triển nhờ những con người có sứ mạng phát triển những nguyên tắc ấy".

Những nguyên tắc xã hội của Cơ Đốc giáo đã có một khoảng thời gian 1800 năm để phát triển và không cần đến các vị cố vấn trưởng lão của Phổ phát triển thêm gì nữa. Những nguyên tắc xã hội của Cơ Đốc giáo đã biện hộ cho chế độ nô lệ cổ đại, đã tán dương chế độ nông nô thời trung cổ và, khi cần, cũng biết bênh vực cho việc áp bức giai cấp vô sản, dù là với những điệu bộ uốn éo thảm hại.

Những nguyên tắc xã hội của Cơ Đốc giáo tuyên truyền cho sự tồn tại tất yếu của các giai cấp - giai cấp thống trị và giai cấp bị áp bức, và đối với giai cấp bị áp bức, những nguyên tắc đó chỉ

có một thiện ý là làm sao giai cấp thống trị ban ân cho giai cấp bị áp bức.

Những nguyên tắc xã hội của Cơ Đốc giáo đưa lên thiên đường việc bồi thường về tất cả những điều bất lương mà ngài cố vấn trưởng lão đã hứa hẹn, qua đây những nguyên tắc này biện hộ cho những điều bất lương đó tiếp tục tồn tại trên trái đất.

Những nguyên tắc xã hội của Cơ Đốc giáo tuyên bố rằng tất cả những điều dễ tiện mà bọn người đi áp bức gây ra cho những kẻ bị áp bức đều hoặc là sự trừng phạt công bằng đối với tội tổ tông và những tội lỗi khác, hoặc là sự thử thách mà Chúa trời, với sự anh minh vô biên, đã ban xuống cho con người để chuộc lại những tội lỗi của họ.

Những nguyên tắc xã hội của Cơ Đốc giáo ca tụng thái độ hèn nhát, khinh miệt bản thân, tự hạ thấp mình, thái độ nhẫn nhục, ngoan ngoãn, tóm lại- tất cả mọi phẩm chất của đám dân đen, nhưng đối với giai cấp vô sản, một giai cấp không muốn người ta đối xử với mình như với đám dân đen, đối với giai cấp vô sản, lòng dũng cảm, ý thức tự trọng, lòng tự hào và tinh thần độc lập còn quan trọng hơn cả bánh mì.

Trên những nguyên tắc xã hội của Cơ Đốc giáo có dấu ấn của thái độ giáo quyệt, đạo đức giả, còn giai cấp vô sản thì mang tính chất cách mạng.

Những nguyên tắc xã hội của Cơ Đốc giáo là như thế đó.

Tiếp nữa:

"Chúng ta công nhận rằng những cải cách xã hội là sứ mạng chủ yếu nhất của chế độ quân chủ".

Thực à? Từ trước tới nay không hề nghe nói thế. Nhưng thôi cứ cho là như vậy đi. Thế thì những cải cách xã hội mà chế độ quân chủ có sứ mạng thực hiện là gì? Là thi hành thuế thu nhập

quay cóp được trên báo chí của phái tự do, một thứ thuế phải đem lại những khoản tiền dư trội mà bộ trưởng Bộ tài chính không hay biết; là các ngân hàng địa ốc gặp rủi ro, là con đường sắt Đông Phổ và đặc biệt là những món lợi nhuận có được bởi số tư bản kếch sù hình thành từ tội tổ tông và sự chuộc tội!

"Điều đó là do lợi ích của bản thân chính quyền nhà vua quyết định" - mà chính quyền nhà vua thì lại suy đoán làm sao!

"Điều đó là do tình trạng nghèo khổ của xã hội đòi hỏi" - mà tình trạng lúc này đòi hỏi có chế độ thuế quan bảo hộ hơn là những giáo lý.

"Điều đó đã được kinh Phúc âm quy định" - điều đó nhìn chung là do cái gì quy định cũng được, miễn là không phải do sự rỗng tuếch hiển nhiên trong quốc khổ Phổ, trong cái vực thẳm không đáy, nơi mà trong vòng ba năm, mười lăm triệu tiền Nga đã biến mất tăm. Nói chung thì kinh Phúc âm quy định rất nhiều điều mà trong đó việc thiển hoạn được coi như bước đầu của cải cách xã hội được vận dụng vào chính bản thân mình. (Ma-ti-ơ, XXV).

"Chính quyền nhà vua", - vị cố vấn trưởng lão của chúng ta khẳng định, - "cùng nhân dân hình thành một thể thống nhất".

Câu nói này chỉ là sự thay hình đổi dạng của câu nói cũ: "l'etat c'est moi"^{1*} và hầu như hoàn toàn giống câu nói của Lu-i XVI ngày 23 tháng Sáu 1789 đã nói với những đẳng cấp nổi loạn của ông ta: nếu các người không tuân lệnh, trẫm sẽ đưa các người trở về nhà, "et seul je ferai le bonheur de mon peuple"^{2*}.

^{1*} - "nhà nước là trẫm" (những lời nói được coi là của Lu-i XIV).

^{2*} - "và một mình trẫm, trẫm sẽ chăm lo đến hạnh phúc cho thần dân của trẫm".

Nếu như chính quyền nhà vua quyết định dùng cách nói như vậy thì nhất định nó ở trong tình cảnh quẫn bách và vị cố vấn trưởng lão rất chi uyên bác của chúng ta cũng phải biết rằng nhân dân Pháp khi ấy đã tạ ơn Lu-i XVI như thế nào về những lời nói của ông ta.

"Ngai vàng", - tiếp đây ngài cố vấn trưởng lão quả quyết, - "phải dựa trên nền tảng nhân dân rộng rãi; khi ấy nó sẽ đứng vững hơn hết thảy".

Phải, chừng nào mà nhân dân còn chưa vươn mạnh đôi vai rộng của họ hất cái thượng tầng kiến trúc nặng nề đó xuống rãnh nước.

"*Tầng lớp quý tộc*" - ngài cố vấn trưởng lão kết luận, - "duy trì cho chế độ quân chủ sự tôn nghiêm của nó và đem lại cho nó vẻ lộng lẫy có tính chất thi ca, nhưng tước mất của nó thực quyền. *Giai cấp tư sản* cướp đoạt của nó cả quyền lực lẫn sự tôn nghiêm và chỉ để lại cho nó lương bổng hàng năm của vị nguyên thủ. Còn *nhân dân* thì duy trì cho chế độ quân chủ cả quyền lực, cả sự tôn nghiêm lẫn cả thi ca của nó".

Qua đoạn này thì thấy rõ là chẳng may thay, ngài cố vấn trưởng lão quá xem trọng lời kêu gọi huênh hoang của Phri-đrich Vin-hem *hỡi thần dân của Trẫm* trong sắc từ ⁸⁰ của ông ta. Lật đổ tầng lớp quý tộc, lật đổ giai cấp tư sản và thiết lập chế độ quân chủ dựa vào nhân dân, - đây là ý kiến cuối cùng của y.

Nếu như những yêu cầu này không phải là chuyện mơ tưởng thuần túy thì trong đó sẽ bao hàm cả một cuộc cách mạng.

Chúng ta sẽ không bỏ phí một chút nào để chứng minh rằng tầng lớp quý tộc không thể bị lật đổ bằng cách nào khác hơn là chỉ bằng những cố gắng chung của giai cấp tư sản và nhân dân, rằng ở một nước mà song song với giai cấp tư sản còn có cả tầng lớp quý tộc nữa thì quyền thống trị của nhân dân là chuyện hết sức vô lý. Những chuyện tiêu lâm Ai-sơ-hoóc như vậy của vị cố vấn trưởng lão không đáng để chúng ta phải đưa ra những luận cứ nghiêm túc để bác lại.

Chúng tôi chỉ muốn có mấy nhận xét thiện ý khuyên những vị nào cho rằng sẽ có thể cứu vớt được chế độ quân chủ Phổ - mà tình trạng của nó gây nên mối lo lắng nghiêm trọng nhất - bằng một động tác nhào lộn nguy hiểm về phía nhân dân.

Trong tất cả mọi thành phần chính trị, thành phần nguy hiểm nhất đối với nhà vua là nhân dân. Nhưng không phải thứ nhân dân mà Phri-đrich Vin-hem nói tới và thứ nhân dân rung rung nước mắt biết ơn khi nhận lấy những cú đá và những đồng xu bỏ thối, - thứ nhân dân đó nhất định là không nguy hiểm, vì rằng họ chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của nhà vua. Còn nhân dân thật sự, những người vô sản, những tiểu nông và dân nghèo thành thị, - đó là, như Hốp-xơ diễn tả, *puer robustus sed malitiosus*, một chàng trai lực lưỡng và hung bạo; anh ta không để cho cả các ông vua gây lẫn các ông vua béo xỏ mũi đâu.

Thứ nhân dân này trước hết muốn giành giật của đáng chí tôn của họ bản hiến pháp với quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do lập hội, tự do báo chí và những điều không thú vị khác nữa.

Mà đạt được tất cả những cái đó rồi, nhân dân sẽ sử dụng chúng để biểu lộ hết sức nhanh chóng thái độ của họ đối với *quyền lực*, đối với *sự tôn nghiêm* cũng như đối với *thi ca* của chế độ quân chủ !

Kẻ hiện nay xứng đáng mang vương hiệu sẽ phải coi mình là người hạnh phúc nếu như khi ấy nhân dân sẽ dành cho y chức vị nghệ sĩ ngâm thơ công cộng trong giới thợ thủ công ở Béc-lin, với số lương bổng 250 ta-le và mỗi ngày một cốc bia.

Nếu các ngài cố vấn trưởng lão hiện đang nắm vận mệnh của chế độ quân chủ Phổ và tờ báo "Rheinischer Beobachter" nghi ngờ

điều này thì hãy để cho họ vào lúc nào đấy đọc lại lịch sử. Lịch sử đã bóc cho các vị vua chúa kêu gọi nhân dân của mình những quẻ số tử vì không được như thế đâu.

Sác-lơ I nước Anh cũng kêu gọi *nhân dân của ông ta* với lời than phiền về các đẳng cấp của ông ta. Ông ta kêu gọi nhân dân của ông ta cầm vũ khí chống lại Quốc hội. Nhưng nhân dân đã tuyên bố mình là kẻ thù của nhà vua, tổng ra khỏi Quốc hội những nghị sĩ nào không đại biểu cho lợi ích của nhân dân và cuối cùng buộc Quốc hội - cái Quốc hội mà qua đó đã trở thành cơ quan đại diện chân chính của nhân dân - phải chặt đầu nhà vua. Kết cục của việc Sác-lơ I kêu gọi nhân dân của ông ta là như vậy. Việc này xảy ra ngày 30 tháng Giêng 1649; năm 1849 sẽ là ngày kỷ niệm hai trăm năm sự kiện này.

Lu-i XVI của nước Pháp cũng dựa vào *nhân dân của ông ta*. Ba năm liền ông ta không ngừng dựa vào một bộ phận nhân dân này chống lại bộ phận kia và bận rộn đi tìm kiếm nhân dân *của ông ta*, thứ nhân dân chân chính, thứ nhân dân trung thành với ông ta mà ông ta không thể tìm đâu ra. Sau hết, ông ta đã tìm thấy họ ở doanh trại Cô-blen-tơ, trong các đoàn xe vận tải của quân đội Phổ và Áo. Nhưng đối với nhân dân của ông ta ở Pháp thì điều này thực là quá quắt. Ngày 10 tháng Tám 1792 nhân dân đã ném vào ngục Tam-plơ kẻ vẫn dựa vào nhân dân và triệu tập Hội nghị Quốc ước mà về mọi phương diện là cơ quan đại biểu của nhân dân.

Hội nghị Quốc ước này tuyên bố mình có đủ thẩm quyền xét đơn kháng án của cựu hoàng đế và, sau khi thảo luận chút ít, đã đưa kẻ kháng án ra quảng trường cách mạng, ở đó ông ta bị đưa lên máy chém ngày 21 tháng Giêng 1793.

Đây là cái mà các vị vua chúa nhận được khi *dựa vào nhân*

dân của mình. Còn ý định của các vị cổ vấn trưởng lão là thiết lập chế độ quân chủ dân chủ sẽ dẫn tới đâu thì chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ thấy.

*Do C.Mác viết ngày 5 tháng Chín 1847
Đã đăng trên báo "Deutsche- Brüsseler
Zeitung" số 73, ngày 12 tháng Chín 1847*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH. ĂNG-GHEN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐỨC DƯỚI DẠNG
THƠ VÀ VĂN XUÔI⁸¹

1

**CÁC-LƠ BÉCH. "NHỮNG BÀI HÁT VỀ NGƯỜI NGHÈO"^{1*},
HAY LÀ THƠ CA CỦA "CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CHÂN CHÍNH"**

"Những bài hát về người nghèo" mở đầu bằng bài hát dành cho nhà giàu.

Dành cho dòng họ Rốt-sin

Để tránh mọi sự hiểu lầm, nhà thơ khi thưa với Chúa trời thì viết: "THƯA CHÚA", còn khi nói với dòng họ Rốt-sin thì lại viết: *thưa ông chủ*.

Ngay từ phần mở đầu của bài hát đã lộ ra cái ảo tưởng tiểu tư sản vốn có ở nhà thơ, cái ảo tưởng cho rằng dường như vàng chỉ "thống trị theo cái ý muốn kỳ quặc" của Rốt-sin mà thôi, cái ảo tưởng đã kéo theo sau đó một loạt quan niệm hoang đường về thể lực của dòng họ Rốt-sin.

Nhà thơ không dọa dẫm thủ tiêu cái thể lực thực sự của Rốt-sin, thủ tiêu những quan hệ xã hội làm chỗ dựa cho cái thể lực ấy; ông ta chỉ mong muốn cái thể lực ấy được vận dụng một cách

^{1*} K.Beck, "Lieder vom armen Mann". Leipzig, 1846.

nhân đạo hơn mà thôi. Ông than vãn về chuyện những chủ ngân hàng không phải là những nhà từ thiện xã hội chủ nghĩa, những nhà mơ tưởng, những ân nhân của loài người, mà chỉ đơn thuần là những chủ ngân hàng mà thôi. Béch ca ngợi sự nghèo khổ của anh tiểu thị dân nhút nhát, ca ngợi "người nghèo", ca ngợi pauvre honteux^{1*}, ca ngợi con người với những ước vọng nhỏ bé, thành tâm nhưng cũng đầy mâu thuẫn, ca ngợi "con người nhỏ bé" dưới tất cả các dạng của nó, chứ không ca ngợi người vô sản đầy kiêu hãnh, đáng sợ và mang tinh thần cách mạng. Mặc dù tác giả đầy thiện chí, những lời hăm dọa và nguyên rủa mà Béch trút xuống đầu dòng họ Rốt-sin đã gây cho người đọc ấn tượng hài hước hơn là lời thuyết giáo của giáo sĩ ca-pu-xanh. Những lời lẽ ấy chỉ dựa trên ảo tưởng ngây thơ về thể lực của dòng họ Rốt-sin, trên sự không hiểu biết tí gì về những mối liên hệ giữa thể lực ấy với những quan hệ hiện có, trên sự suy nghĩ rất sai lầm về những biện pháp mà Rốt-sin phải áp dụng để trở thành có thể lực và duy trì được thể lực. Tính nhút nhát và sự ngu xuẩn, tính đa sầu đa cảm của đàn bà, thói hủ lậu tư sản tiết dục tầm thường thâm hại, đó là những năng thơ đã gây nên cảm hứng thi ca và những năng thơ ấy đã uổng công khi cố sức để tỏ ra là ghê gớm. Nhưng chỉ đáng nực cười mà thôi. Cái giọng nam trầm giả tạo của họ luôn luôn chuyển trịch sang thành giọng kim eo éo buồn cười; trong sự miêu tả có tính chất bi kịch của họ, cuộc đấu tranh long trời lở đất của Ăng-xê-lát-đơ⁸² cũng biến thành một trò múa rối lồ bịch của một thằng hề.

"Theo ý muốn kỳ quặc của ngài, vàng đang thống trị

.....

Ồi, mong sao những việc làm của ngài cũng tuyệt vời,

mong sao tấm lòng của ngài cũng vĩ đại như quyền lực của ngài!"

(tr.4).

^{1*} - kẻ bất hạnh không dám cầu xin của bố thí

Đáng tiếc là *quyền lực* thì thuộc về Rốt-sin, còn nhà thơ của chúng ta thì lại chỉ có *tấm lòng*. "Nếu kết hợp được hai cái làm một thì có lẽ là quá đủ cho thế giới này" (ngài Lút-vích xứ Ba-vi-e)⁸³.

Người đầu tiên được đem so sánh với Rốt-sin dĩ nhiên chính là người ca sĩ, mà lại chính là người ca sĩ *Đức*, trú ngụ trên "xó gác xếp cao tít và thiêng liêng".

"Hát ngợi ca về quyền, về chân lý và tự do,

Về ĐỨC CHÚA TRỜI trong tam vị nhất thể,

Thi pháp của những thi sĩ sáng tác ra những bài ca.

Và tiếng hát thúc giục con người theo bước thiên thần" (tr.5).

Cái từ ngữ "ĐỨC CHÚA TRỜI" này, mượn ở đoạn đề từ của báo "Leipziger Allgemeine Zeitung"⁸⁴, không may may gây được ấn tượng gì đối với tên Do Thái Rốt-sin chỉ riêng vì cái tính chất tam vị nhất thể của mình; trái lại, đối với thanh niên Đức thì nó lại có một tác động thật là huyền diệu.

"Và lời kêu gọi danh thép của tuổi thanh niên đã hết bệnh hoạn

.....

Và mầm mống của ngọn lửa hồi sinh

Đang nhen lên với hàng trăm tên tuổi vinh quang trong thời đại

chúng ta" (tr. 6).

Nhưng Rốt-sin thì lại nhận xét về các thi sĩ Đức một cách khác kia:

"Và những bài hát của chúng tôi, sứ giả của nhà trời,

Thì ngài lại gọi là khát vọng đối với vinh quang và bánh mỳ".

Mặc cho thể hệ trẻ uổng công kêu gọi với giọng danh thép và hàng trăm tên tuổi vinh quang nổi lên, vinh quang của họ cũng chỉ là ở chỗ họ bị bó hẹp trong phạm vi những tấm lòng bùng cháy mà thôi, mặc cho "kèn đồng hùng tráng kêu gọi đấu tranh", mà "trái tim vẫn đập mạnh như vậy giữa đêm đen".

"Trái tim ngu xuẩn! Như một lời nguyện,

Nó cảm thấy mầm mống thần linh" (tr. 7).

Ồi cái trái tim ngu xuẩn ấy, nó là nữ đồng trinh Ma-ri-a đấy! -
Thật là uống công

"Ồi tuổi trẻ, *Xa-un* ừ rũ ấy" (xem Các-lơ Béch, "Xa-un", Lai-pxích,

Nhà xuất bản Ăng-ghe-man, 1840),

"Cứ than vãn về Chúa, về mình".

Bất chấp tất cả những cái đó, Rốt-sin vẫn cứ duy trì nền hoà bình vũ trang, mà theo ý kiến của Béch, nền hoà bình này chỉ có tuý thuộc vào một mình Rốt-sin mà thôi.

Báo chí đưa tin rằng vùng đất Toà thánh thiêng liêng đã gửi tặng Rốt-sin huân chương Đáng cứu thế, nhà thơ của chúng ta đã dùng tin ấy làm lý do để chứng minh rằng Rốt-sin chẳng phải là đáng cứu thế; với một thành công như vậy, điều đó cũng có thể dùng làm lý do cho một sự chứng minh không kém phần lý thú rằng chúa Ki-tô mặc dù là đáng cứu thế, đã không hề được tặng huân chương Đáng cứu thế.

"Ngài phải chăng là đáng cứu thế?" (tr. 11).

Và nhà thơ đã chứng minh với Rốt-sin rằng Rốt-sin đã không *đấu tranh* trong cái đêm khủng khiếp như chúa Ki-tô, rằng ông ta chưa bao giờ hy sinh cái thể lực trần gian đáng tự hào này.

"Vì mục đích từ thiện và dịu hiền ấy,

Mà THẦN LINH vĩ đại đã trao phó cho ngài" (tr. 11).

Cần quở trách cái THẦN LINH vĩ đại ở chỗ là nó không biểu hiện được một sức mạnh to lớn về tinh thần trong việc lựa chọn những nhà truyền đạo của nó và ở chỗ kêu gọi làm việc *thiện* mà lại không hướng vào một đối tượng cần thiết nào cả. Tất cả sự *vĩ đại* ấy chỉ nằm trong khuôn khổ chữ nghĩa mà thôi.

Việc Rốt-sin không đủ khả năng đóng vai trò đáng cứu thế đã

được chứng minh tường tận qua ba ví dụ: qua thái độ của hần đối với Cách mạng tháng Bảy, đối với người Ba Lan và đối với người Do Thái.

"Đây, người con dũng cảm của nước Pháp đã nổi dậy khởi nghĩa" (tr.12),

nói tóm lại là Cách mạng tháng Bảy đã nổ ra.

"Anh đã sẵn sàng chưa? Phải chăng vàng đã phát ra những âm thanh,

Như tiếng chim sơn ca hót véo von - vị ca sĩ có cánh

Để đón chào mùa xuân tới, làm cho toàn thể giới hồi sinh

Cả những ước mong nóng bỏng của chúng ta nữa,

Thấy được sự yên tĩnh thanh bình ở trong lòng,

và làm nó thức tỉnh về cuộc sống và được đổi mới" (tr.12).

Mùa xuân làm hồi sinh thế giới là mùa xuân của tên tư sản, đối với hần thì tất nhiên cái âm thanh của vàng - vàng của Rốt-sin cũng như của bất cứ tên nào khác, - đều là tiếng hót ngọt ngào và mừng vui của chim sơn ca. Thực ra, những ước mong mà trong thời kỳ phục hưng được lặn lẽ áp ủ không những trong lòng người mà trong cả các tiểu tổ đảng viên Các-bô-na-ri⁸⁵ đồng thời cũng được đổi mới và hồi sinh, còn con *người nghèo khổ* của Béch thì chẳng có liên quan gì đến mọi việc. Và lại, ngay sau khi Rốt-sin vừa mới tin chắc rằng chính phủ mới đã có cơ sở vững chắc rồi thì lập tức những con chim sơn ca của y lại yên trí hót lên, tất nhiên là vì khoản lợi tức thông thường.

Béch hoàn toàn bị những ảo tưởng tiểu tư sản chi phối, điều đó đã được phơi bày ra trong việc ông ta tán tụng Láp-phít-tơ, người mà ông ta đem đối lập với Rốt-sin.

"Bên cạnh cung điện làm nảy sinh sự ghen tức

Ngôi nhà nhỏ của anh thị dân giống hệt vật thiêng liêng" (tr.13).

tức là ngôi nhà của Láp-phít-tơ. Anh tiểu tư sản phần khởi tự hào về sự giản dị có tính chất thị dân của ngôi nhà mình, trái ngược hẳn với những cung điện của Rốt-sin làm nảy sinh ra lòng ghen tức. Lý tưởng của anh ta, cái tên Láp-phít-tơ mà anh ta vẽ ra trong trí tưởng tượng của mình ấy, tất nhiên cũng phải sống trong một hoàn cảnh giản dị theo kiểu thị dân; biệt thự của Láp-phít-tơ cũng phải thu nhỏ đi cho bằng ngôi nhà của một thị dân Đức. Bản thân Láp-phít-tơ cũng được anh ta hình dung thành một chủ nhà lương thiện, một đáng trọng phu có quả tim trong sạch; anh ta sánh được với Muxi-út Xkê-vô-la⁸⁶, dường như anh ta đã hy sinh tài sản riêng để đưa *con người* và thể kỷ của mình (không biết có phải Béch muốn nói đến "Siècle"⁸⁷ ở Pa-ri hay không?)^{1*} tiến lên phía trước. Béch gọi ông ta là một đứa trẻ hay mơ mộng, và cuối cùng là một kẻ ăn xin. Tang lễ của ông ta được miêu tả một cách cảm động:

"Trong đám tang đi theo quan tài là bài Mác-xây-e

Với bước chân vang lên khe khẽ" (tr. 14).

Đi cùng hàng với Mác-xây-e là chiếc kiệu của hoàng gia và ngay sau đó là ngài Xô-đê, ngài Duy-sa-ten và tất cả những tên tham tàn bụng phệ và tham lam thuộc hạ nghị viện.

Những bước đi của Mác-xây-e đã buộc phải *lặng đi* đến mức nào khi mà, sau Cách mạng tháng Bảy, Láp-phít-tơ vừa ca khúc khải hoàn rước "người cha đỡ đầu"^{2*}, công tước Oóc-lê-ăng vào toà

^{1*} Chơi chữ: "Siècle" là "Thế kỷ" (tên tờ báo).

^{2*} Trong nguyên bản từ "Kompère" lấy từ tiếng Pháp "compère" có hai nghĩa: người cha đỡ đầu và kẻ đồng mưu, đồng lõa trong một vụ âm mưu, vụ phiêu lưu nào đó.

thị sảnh, vừa tuyên bố một câu làm người ta sững sốt: *từ nay những chủ ngân hàng sẽ nắm quyền thống trị!*

Còn đối với *những người Ba Lan*, thì nhà thơ chỉ hạn chế ở việc chê trách Rốt-sin là đã không tỏ ra đủ hào phóng với những người lưu vong. Ở đây việc đá kích vào Rốt-sin đã biến thành một giai thoại với một bút pháp thật sự kiêu tình lẻ và nói chung đã mất hết mọi vẻ đá kích vào thế lực của đồng tiền do Rốt-sin đại biểu. Bọn tư sản, như mọi người đều biết, ở bất cứ nơi nào mà chúng thống trị, cũng đều tiếp đãi những người Ba Lan một cách rất lịch thiệp và thậm chí còn nhiệt tình nữa.

Đây là một ví dụ về lời mê sảng ấy: một người Ba Lan xuất hiện, xin được bố thí và van nài; Rốt-sin cho anh ta một đồng tiền bằng bạc và người Ba Lan,

"Sau khi cầm tiền, run lên vì sung sướng,

Đã cảm tạ ngài, dồng họ ngài và con cháu của ngài", -

Đây chính là tình cảnh mà Ủy ban Ba Lan ở Pa-ri cho đến nay nói chung đã cứu những người Ba Lan thoát khỏi tình cảnh đó. Toàn bộ cảnh tượng này của người Ba Lan chỉ là cái cớ cho nhà thơ của chúng ta lên gân:

"Nhưng ta sẽ khinh bỉ ném vào ví ngài

Cái mẩu hạnh phúc thâm hại ấy của người ăn xin

Ta nhân danh những người sống nặng trĩu khổ đau!" (tr. 16).

Để ném trúng như vậy vào ví hẳn phải rất khéo léo và có kinh nghiệm trong thuật ném trúng đích. Cuối cùng, Béch cũng đã đảm bảo được cho bản thân cả trong trường hợp bị kết tội là có hành động xúc phạm, bởi vì ông ta hành động không nhân danh cá nhân mà nhân danh mọi người kia mà.

Ngay ở tr.9, Rốt-sin đã bị chê trách về việc ông ta đã nhận

giấy chứng nhận quyền công dân của cái thủ đô sung túc, thừa thãi của nước Áo,

"Nơi mà giáo hữu của ngài bị hãm hại,

Phải trả giá cho không khí, cho ánh sáng mặt trời".

Béch thậm chí cũng cho rằng, cùng với giấy chứng nhận quyền công dân của Viên, Rốt-sin đã đạt được cái diễm phúc của con người tự do.

Bây giờ thì ở tr.19, nhà thơ lại đặt cho Rốt-sin một câu hỏi:

"Ngài đã giải phóng cho dân tộc của mình chưa,

Một dân tộc mãi mãi khát khao và đau khổ?"

Như vậy, Rốt-sin phải trở thành vị cứu tinh của người Do Thái. Nhưng y phải làm việc đó như thế nào? Người Do thái đã bầu y làm vua, bởi vì y có túi vàng đầy căng nhất. Chắc là y phải dạy cho họ coi khinh vàng, "từ bỏ nó vì hạnh phúc của thế giới" (tr.21).

Chắc là y phải bắt họ quên tính ích kỷ, thói gian lận và tệ cho vay nặng lãi, nói tóm lại - y phải hiện ra trong vai một nhà truyền giáo về đạo đức và sự sám hối, trong bộ quần áo rách rưới và với cái đầu đầy tro bụi. Điều đòi hỏi táo bạo ấy của nhà thơ chúng ta cũng chẳng khác gì trường hợp nếu ông yêu cầu Lu-i Phi-líp gợi ý với giai cấp tư sản, đưa con cưng của Cách mạng tháng Bảy, cái tư tưởng xoá bỏ quyền sở hữu. Giả sử Rốt-sin và Lu-i Phi-líp mất trí đến như thế thì chúng sẽ mất rất nhanh chóng quyền lực của chúng, nhưng còn người Do Thái thì chẳng từ bỏ được cái thói buôn bán, còn giai cấp tư sản thì không quên được chế độ sở hữu.

Ở tr.24, Rốt-sin bị chê trách rằng y đã bòn rút người tư sản đến tận xương tủy, tuồng như là không nên mong đợi người ta bòn rút người tư sản đến tận xương tủy.

Ở tr. 25 nói rằng tuồng như Rốt-sin mê hoặc được bọn vua chúa. *Nhưng phải chăng đối xử với họ như vậy không cần thiết?*

Chúng ta có khá đủ chứng cứ về việc Béch đã gán cho Rốt-sin một sức mạnh kỳ diệu như thế nào. Nhưng càng về sau tất cả lại cứ crescendo^{1*}. Ngay sau khi ở trang 26 nhà thơ của chúng ta đã sa vào cái ảo tưởng cho rằng nếu ông ta (Béch) là người có được *mặt trời* trong tay thì ông ta sẽ làm được khối việc - tức là ông không làm được một phần trăm những gì mà mặt trời đã làm được ngay cả khi không có ông - thì bỗng nhiên trong đầu ông nảy ra ý nghĩ rằng Rốt-sin không phải là *người có tội* duy nhất, mà cùng với y còn có những tên nhà giàu khác nữa. Nhưng

"Anh đã miễn cưỡng phải làm nhà giáo.

Dạy những tên nhà giàu học ở trường này,

Thế thì anh phải dẫn dắt bọn chúng vào cuộc sống,

Anh phải là *lượng tâm* của chúng trên quãng đường đời.

Chúng hóa thành dã thú - anh tỏ ra bình thân,

Chúng bị chìm đắm trong cảnh sa đọa - anh là người có lỗi"

(tr.27).

Như vậy thì ngài Rốt-sin có thể ngăn chặn được sự phát triển của thương nghiệp và công nghiệp, sự cạnh tranh, sự tích tụ tài sản, quốc trái, sự đầu cơ chứng khoán, nói tóm lại, - ngăn chặn toàn bộ sự phát triển của xã hội tư sản hiện đại, nếu như ngài chỉ có *lượng tâm* hơn một chút. Cần phải thực sự có toute la désolante naïveté de la poésie allemande^{2*} mới cả gan đưa in những câu chuyện cổ tích dành cho trẻ con như vậy. Ở đây Rốt-sin đã biến thành một A-la-đanh thực sự.

Chưa thoả mãn với điều đó, Béch còn phú cho Rốt-sin

"Một vai trò vĩ đại đến choáng váng

.....

Là làm dịu bớt tất cả những đau khổ trên thế gian".

^{1*} - tăng thêm.

^{2*} - tất cả sự ngây thơ đến khó chịu của thi ca Đức

Một sứ mệnh như vậy thì đến tất cả những nhà tư bản trên thế giới gộp lại cũng không thể hoàn thành được dù là ở mức độ thấp nhất. Phải chăng là nhà thơ không nhận thấy rằng ông càng cố tỏ ra cao thượng và kiên cường thì ông càng trở thành buồn cười hơn, rằng tất cả những lời chê trách của ông đối với Rốt-sin đều trở thành sự xu nịnh dễ tiện nhất, rằng ông đã tâng bốc thể lực của Rốt-sin đến mức một tên nịnh hót tán dương quá đỗi nhất cũng không thể làm nổi. Rốt-sin hẳn đã tự vỗ tay khen mình khi nhận thấy rằng cái cá nhân nhỏ bé của y đã được phản ánh vào bộ óc của nhà thơ Đức dưới dạng một con ngoáo ộp khổng lồ như vậy.

Sau khi nhà thơ của chúng ta đã thể hiện được, dưới cái vỏ thơ ca, những ảo tưởng lãng mạn dốt nát của một gã tiểu tư sản Đức về sức mạnh của một tên đại tư bản và tỏ ra hy vọng vào thiện chí của tên tư bản đó, sau khi nhận rõ là mình có vai trò vĩ đại đến choáng váng và đã ra sức thổi phồng cái ảo tưởng về cái sức mạnh ấy, ông ta đã biểu thị sự phẫn nộ về tinh thần của một gã tiểu tư sản trước sự tương phản giữa lý tưởng và hiện thực. Và lại, sự phẫn nộ ấy biểu lộ trong một cơn xúc động kịch phát, khiến cho tín đồ của phái Quây-cơ ở Pen-xin-va-ni cũng phải cười phá lên:

"Trán tôi nóng bỏng, tôi xua hết những ý nghĩ đi
Không đủ sức suy nghĩ về điều đó suốt đêm thâu"

(21 tháng Chạp)

.....
"Bỗng nhiên tóc gáy dựng lên

Tôi như vút lấy quả tim CHÚA TRỜI,

Hệt như người kéo chuông vút vào dây thừng trên gác chuông của hân"

(tr. 28).

Bằng cách đó thì chắc rằng dứt khoát ông ta sẽ đưa ông già đến chỗ chết. Ông cho rằng "những tinh thần của lịch sử" ở đây

đã tin trao cho ông những tư tưởng mà ông không được nói công khai, mà cũng không được nói thầm. Và đây, cuối cùng, ông ta đi đến một quyết định tuyệt vọng là khiêu vũ theo kiểu điên loạn trong chiếc quan tài của chính mình:

"Một ngày kia bộ xương tàn của tôi

Sung sướng run lên trong vải liệm đã mủn ra,

Một khi cát bụi (bộ xương) trong mồ tôi thoáng thấy

Vật tế đang bốc khói trên bàn thờ" (tr. 29).

Tôi bắt đầu hơi sợ cái cậu bé Các-lơ rồi đấy.

Bài ca về dòng họ Rốt-sin thực ra đã kết thúc. Bây giờ tiếp đến là - điều này thường thấy ở các nhà thơ trữ tình *hiện đại* - những suy nghĩ dưới dạng văn thơ về bài ca đó và về vai trò của thi sĩ trong đó.

"Tôi biết rằng với bàn tay rất mạnh,

Anh có thể đánh tôi đến máu chảy, thịt đau"

(tr.30),

nghĩa là đánh cho ông ta năm chục roi. Người Áo không khi nào quên trận đòn đó. Trước nỗi nguy hiểm ấy tình cảm cao thượng đã đem lại sự can đảm cho nhà thơ:

"Theo ý CHÚA, không hề do dự,

Theo ý muốn của Người nghĩ gì hát nấy".

Nhà thơ Đức luôn luôn ca theo mệnh lệnh. Lẽ tất nhiên, trách nhiệm thuộc về ông chủ, chứ đâu phải thuộc về đầy tớ, và vì vậy chính Rốt-sin phải nói chuyện với CHÚA, chứ đâu phải với Béch, người đầy tớ của Chúa. Nói chung đối với các nhà thơ trữ tình *hiện đại*, thì đều có cái lệ như sau:

1) thổi phồng mối nguy mà tuồng như họ phải chịu đựng do những bài thơ vô hại của họ;

2) nhận những trận đòn và sau đó thì kêu cứu Chúa.

Khúc ca dành cho "Dòng họ Rốt-sin" được kết thúc bằng một

sự thể hiện những tình cảm cao thượng về chính khúc ca đó và tác giả, để tự vu khống mình, đã nói về bài ca đó rằng:

"Tự hào và tự do, nó đã chinh phục anh

Và mách bảo cho anh biết nó thể tin tưởng vào cái gì"

(tr. 32),

nghĩa là tin tưởng vào tính hoàn hảo riêng của mình đã biểu hiện ngay trong những dòng kết thúc ấy. Tuy nhiên, chúng tôi sợ rằng Rốt-sin lại truy tố Béch không phải vì khúc ca của ông, mà là vì lời thể dối trá ấy của ông.

Ôi, giá mà các ngài mở rộng điểm phúc của vàng !

Nhà thơ đã kêu gọi nhà giàu hãy giúp đỡ *người nghèo*,

Khi vợ con họ không đủ no

Với lao động của họ.

Và tất cả cái đó để

Sao cho anh ta vẫn là người lương thiện,

Làm một *con người* và một *công dân*,

nghĩa là summa summarum^{1*} một gã *tiểu thị dân*^{2*} lương thiện. Như vậy là Béch trở về với lý tưởng của mình.

Đầy tớ trai và đầy tớ gái

Nhà thơ ca ngợi hai tâm hồn ngoan đạo mà ông miêu tả hết sức nhạt nhẽo rằng chỉ sau nhiều năm sống thanh đạm và nề nếp cuối cùng mới trong trắng leo lên được chiếc giường vợ chồng.

"Hôn nhau ư? Họ thẹn lắm. Họ đùa nghịch không ồn ào.

Ôi, hoa tình yêu đã nở, nhưng hoa chẳng rời bỏ mùa đông,

^{1*} - tổng cộng lại

^{2*} Chơi chữ: "Bürger" - "công dân"; "Mann" - "người"; "Bürgersmann" - "người tiểu thị dân".

Trời ơi, nhảy múa trên nạng, cái con bướm nhỏ bị lửa đốt sém ấy,

Đấy không phải là đứa trẻ đang sung sức, cũng không phải là ông già kiệt sức.

Đáng lẽ phải kết thúc bằng đoạn thơ hay độc nhất ấy trong toàn bài thơ, thì tác giả sau đó lại còn tiếp tục hoan hỉ và sướng run lên chính vì cái tài sản còn con, chính vì cái "đồ dùng của *riêng mình* đã xuất hiện xung quanh cái bếp của *riêng mình*". Ông ta thốt ra câu này không phải là khôi hài mà là kèm theo nỗi buồn với những giọt lệ rơi thật sự. Nhưng thế vẫn chưa hết:

Chỉ có Chúa là chủ của họ, là kêu gọi những vì sao ở tận trời cao,

Nhìn xuống bằng con mắt dịu hiền những người nô lệ đã phá tan xiềng xích.

Như vậy là mọi dấu vết của sự hóm hỉnh đã bị gạt bỏ một cách êm thấm. Tính nhút nhát và tính do dự của Béch luôn luôn biểu hiện rõ, thúc đẩy ông ta kéo dài mỗi bài thơ và ngăn cản ông kết thúc nó cho đến khi nào ông ta chứng tỏ được đầy đủ cái tư tưởng phi-li-xtanh của mình, bằng tính đa cảm của ông, mới thôi. Hình như ông ta cố tình chọn những câu thơ có 6 âm tiết của Clai-xơ để buộc người đọc phải chịu đựng cùng cái nỗi buồn mà cặp uyên ương bị giam hãm trong đó một thời kỳ thử thách dài chỉ vì cái quan niệm đạo đức nhút nhát của mình.

Người Do Thái buồn đồ cũ

Trong đoạn miêu tả người Do Thái buồn đồ cũ, ta gặp một số chỗ ngây thơ rất đáng yêu đại loại như sau:

Tuần lễ trôi đi và để lại

Tất cả năm ngày cho lao động của người.

Ồ, hãy gấp rút lên ! Đừng nghỉ tay

Lao động đi, lao động đi, để người được no !

Thứ bảy *người cha* đã cảm đoán,

Chủ nhật *con trai* không cho phép.

Tuy nhiên, ở phía dưới Béch hoàn toàn sa vào những lời ba

hoa về người Do Thái theo kiểu trường phái nước Đức trẻ - tự do chủ nghĩa⁸⁸. Thi ca ở đây đã biến đi đến nỗi dường như chỉ còn nghe thấy những bài diễn văn kéo dài mắc bệnh tràng nhạc trong Nghị viện đẳng cấp Dắc-den mắc bệnh tràng nhạc: anh không thể trở thành người thợ thủ công, "người trùm buôn bán nhỏ", nhà nông, giáo sư, nhưng nghề y thì mở rộng cửa đón anh vào. Điều đó được thể hiện bằng thơ như sau:

Anh bị cấm làm nghề thủ công,
Anh không thể là nông dân,
Anh không thể nói từ bục giảng
Như người thầy giáo đối với lớp trẻ.

.....

Anh phải chữa những con bệnh ở nông thôn.

Phải chăng bằng cách ấy không thể trình bày bằng thơ bộ luật của nước Phổ hoặc phổ nhạc những vần thơ của ngài Lút-vích xứ Ba-vi-e?

Sau khi người Do Thái ngâm cho con trai mình nghe:

Phải lao động, phải ra công cố sức,
Đề kiếm ra tiền và của cải,

thì ông ta an ủi con:

Nhưng dẫu sao cũng giữ lòng ngay thẳng.

Lô-rê-lây

Cái nàng Lô-rê-lây ấy chẳng phải là gì khác mà là vàng đầy.

Và những làn sóng dữ đề hèn
Đập vào tu viện thanh cao trong sạch,
Và hạnh phúc bị nhận chìm trong đó.

Trong việc biểu lộ sự trong sạch về tâm hồn ấy và trong sự nhấn chìm hạnh phúc ấy có chứa đựng một mơ hồ lớn đáng buồn những cái tầm thường và khoa trương. Tiếp theo đó là những vần

thơ dài đặc tả tầm thường về sự đáng chê trách và vô đạo đức của đồng tiền.

"Tình yêu chạy theo vàng, theo của cải".

"Chứ không tìm những trái tim và những tâm hồn thân thuộc".

Nếu như tác dụng của tiền bạc chỉ bó hẹp ở chỗ nó vạch mặt cái kiểu người Đức đi tìm kiếm những trái tim và những tâm hồn thân thuộc và *túp lều tranh* kiểu Si-lơ làm nơi nương thân cho lứa đôi hạnh phúc, thì như thế cũng đã có thể thừa nhận rằng tiền bạc có vai trò cách mạng.

Bài ca giữa tiếng trống trận

Trong bài thơ này, nhà thơ xã hội chủ nghĩa của chúng ta một lần nữa lại chứng tỏ rằng vì bị sa lầy trong sự tầm thường của anh tiểu tư sản Đức do đó mà ông ta đã thường xuyên buộc phải phá hoại cái ấn tượng yếu ớt mà ông ta đã gây ra được.

Một trung đoàn xuất phát giữa tiếng trống trận. Nhân dân kêu gọi binh sĩ tham gia cùng họ vào sự nghiệp chung. Anh vui reo lên rằng nhà thơ cuối cùng đã thể hiện được lòng can đảm. Nhưng than ôi, rút cục chúng ta nhận ra rằng đây chỉ nói đến những tên tuổi của hoàng đế, còn lời kêu gọi của nhân dân thì chỉ là sự mơ mộng ngẫu hứng mà một thanh niên, có lẽ là một học sinh trung học, có mặt trong cuộc diễu binh đã nghĩ đến một cách vụng trộm:

Anh thanh niên với trái tim rực cháy mơ ước như vậy.

Cũng cái đề tài này với cái kết cục ấy, dưới ngòi bút của Hai-nơ thì có lẽ đã biến thành một thiên trào phúng chua chát nhất về nhân dân Đức; còn Béch chỉ tạo được một thiên trào phúng về bản thân nhà thơ đã tự đồng hoá với anh thanh niên chìm đắm trong mơ ước một cách bất lực. Ở Hai-nơ, những mơ ước của người thị dân được cố ý nâng lên để rồi sau đó lại cố ý cho rơi xuống hiện thực. Ở Béch thì chính nhà thơ lại tán thành những

ảo tưởng ấy và tất nhiên phải nhận lấy chính những sự tổn thương khi rơi xuống thế giới hiện thực. Bằng sự tảo bạo của mình Hai-nơ làm cho người thị dân tức giận, còn Béch mà người thị dân nhìn thấy có tâm hồn thân thuộc với họ, thì lại làm họ yên tâm. Song cuộc khởi nghĩa Pra-ha⁸⁹ tuy vậy còn cho ông ta cơ hội tạo lại một cái gì khác hẳn cái trò hề ấy.

Người đi cư

Tôi chỉ bẽ gãy một cành nhỏ,
Người gác rừng tỏ cáo điều đó.
Tên địa chủ nhấm bần rất trúng,
Đây trên má đã hằn một vết.

Chỉ thiếu mỗi một điều là *sự tỏ cáo* của người gác rừng đã được mô tả bằng những vần thơ như vậy.

Cái chân bằng gỗ

Ở đây nhà thơ định miêu tả lại và đã thực sự chịu thất bại thảm hại. Sự hoàn toàn bất lực đó đối với việc tường thuật và miêu tả thể hiện trong toàn bộ cuốn sách, là đặc trưng cho thi ca của "chủ nghĩa xã hội chân chính". "Chủ nghĩa xã hội chân chính" trong tình trạng không rõ ràng của nó đã làm cho không thể xác lập được sự liên quan giữa những sự việc riêng rẽ, mà ta cần phải kể lại, với những điều kiện chung để qua đó mà nêu bật lên trong các sự việc ấy tất cả những gì rõ ràng và quan trọng. Vì vậy những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" ngay cả trong văn xuôi cũng trốn tránh đề cập đến lịch sử. Ở đâu mà họ không thể tránh né được lịch sử thì họ chịu bằng lòng hoặc với cái cấu trúc triết học hoặc ghi chép lại một cách khô khan và buồn tẻ những trường hợp bất hạnh riêng rẽ và *những hiện tượng xã hội*. Và tất cả bọn họ, nhà viết văn xuôi cũng như nhà thơ, không có đủ tài năng cần thiết đối với một người kể chuyện, điều này gắn liền với toàn bộ thể giới quan không rõ ràng của họ.

Khoai tây

Theo âm điệu "Bình minh ơi, bình minh!"

Bánh mì thiêng liêng!

Người đến vào giờ gay cần.

Người đến theo ý của Trời

Với mọi người, với thế giới đang khao khát bánh mì.

Người chết - hay yên nghỉ!

Trong đoạn thơ thứ hai, ông ta gọi khoai tây là

Cái bộ phận độc nhất

Của E-đem còn lại với chúng ta,

và đã xác định đặc điểm của bệnh làm hỏng bánh mì như thế này:

Bệnh dịch hạch giết hại các thiên thần!

Trong đoạn thơ thứ ba, Béch khuyên *người nghèo* hãy đeo khăn tang:

Ôi người nghèo!

Người hãy để tang, nếu cần như vậy.

Đối với người, tất cả đều đã mất -

Ôi! đến cái cuối cùng đã không còn nữa!

Hãy khóc đi, hỡi ai có thể, vì cái tổ trống rỗng.

Ôi đất nước sâu bi!

Chúa trời của người đã chết, người còn lại một mình

Nhưng hãy tự an ủi, xứ sở khắc nghiệt, -

Người chuộc lại cho một cuộc đời mới

Từ giấc mơ sẽ lại đứng lên!

Hãy khóc đi, hỡi ai có thể khóc cùng với nhà thơ. Nếu như ông ta không cảm thấy thiếu nghị lực như *người nghèo* của ông cảm thấy thiếu khoai tây hào hăng thì, ông đã phải vui sướng về cái thứ rượu cất được trong mùa thu vừa qua từ khoai tây, từ

Đức chúa trời ấy của giai cấp tư sản, một trong những cơ sở của cái xã hội tư sản đang tồn tại. Bọn địa chủ và tư sản Đức có thể cho phép hát bài thơ này trong các nhà thờ mà không hề mất mát gì.

Do lòng nhiệt thành của mình mà Béch thật xứng đáng được vòng hoa kết bằng hoa khoai tây.

Cô gái già

Chúng ta sẽ không phân tích tỉ mỉ bài thơ này, bởi vì nó dài dường như vô tận và cứ kéo lê thê đến chín mươi trang giấy buồn không thể tả được. Ở các nước văn minh cô gái già trong đa số trường hợp chỉ tồn tại trên danh nghĩa, nhưng ở Đức thì lại là một "hiện tượng xã hội" quan trọng.

Cái thủ đoạn thông thường nhất của thứ lý luận xã hội chủ nghĩa tự túc tự mãn là nói rằng: nếu xét về mặt khác mà không có người nghèo thì mọi việc đều tốt lành cả. Lỗi lập luận như vậy có thể vận dụng vào bất cứ đối tượng nào. Cái nội dung thực thụ của nó được chứa đựng trong cái tính phi-li-xtanh tiểu tư sản giả nhân nghĩa - từ thiện, nó hoàn toàn thừa nhận những mặt *tích cực* của xã hội hiện tại và chỉ than thở rằng bên cạnh đó cũng còn mặt *tiêu cực* nữa - đó là sự nghèo khổ; cái tính phi-li-xtanh ấy hoàn toàn gắn liền với xã hội hiện đại và hình như chỉ muốn sao cho xã hội này tiếp tục tồn tại nhưng *không cần những điều kiện tồn tại của nó*.

Béch lặp lại cái lập luận ấy trong thơ của ông, thường là dưới hình thức hết sức tầm thường, chẳng hạn như, ông ta viết về lễ giáng sinh:

Ôi, cái ngày vui cho tất cả những trái tim,
Đối với chúng ta, người có lẽ là đáng yêu gấp bội,
Khi mà ngày lễ mong đợi ấy
Không gợi lên trong tâm hồn đứa trẻ thơ *nghèo*

Tính ghen tị, cái tội lỗi đầu tiên trong mọi tội lỗi:

Qua cửa sổ, nhìn sang người bạn giàu không hề nói một lời,

Mà lòng thì chất chứa cơn bão tố bóng nhạo thần linh.

Vâng, ...

. thính giác của tôi sẽ khoái cảm đến mức nào

Nghे tiếng trẻ sung sướng chơi trong nhà làm lễ,

Nếu lúc ấy trong hẻm nghèo ẩm ướt

Sự bần cùng không giá công trên rơm bần.

Tuy nhiên, trong bài thơ dài vô tận và không định hình ấy chúng ta cũng gặp được những đoạn hay cá biệt, chẳng hạn như đoạn miêu tả tầng lớp vô sản lưu manh:

Mỗi ngày y hoài công đào bới,

Tìm thức ăn trong hố hầm hôi thối,

Như chim sẻ kiếm thức ăn hằng ngày,

Ngày ngày kiệt sức giữa mài,

Rồi giật giữ bằng bàn tay sung tấy,

Và dờ sống dờ chết, đẩy xe đi,

Với đồng mận và lê chưa chín:

"Ai mua nào? Ai mua?" -

Rao như hát mà lệ trào mi mắt.

Vì một đồng xu mà cũng long đong lật đật trong bùn lầy.

Và đến một góc phố, vì vinh quang của Chúa trời

- Bởi lẽ con người ấy tin một cách thiêng liêng vào Chúa -

Anh run run chìa tay ra:

Có chăng một đạo luật chống lại sự nghèo khổ.

Mặc dầu điếc và đã đứng tuổi,

Trong mưa, lạnh vẫn đánh đàn;

Từ năm này qua năm khác tất cả chỉ một bài hát

Cứ vang lên ở mỗi cửa sổ,

Như mời người bảo mẫu ra nhảy múa,

Còn bản thân chẳng nghe thấy lời mình hát;
 Con người ấy thấp sáng cho cả thành phố lớn,
 Nhưng ở nhà không hề có ánh sáng.
 Con người ấy dẫn gỗ và kéo lê gánh nặng,
 Nhưng, sau khi đã mất hứng thú làm việc,
 Thì trở thành kẻ cắp, ma cô, kẻ giả nhân giả nghĩa
 Và trả tiền rượu bằng lương tâm và lý trí của mình.

Ở đây lần đầu tiên Béch vượt khỏi cái quan niệm đạo đức thông thường của anh thị dân Đức mà đặt được các câu thơ này vào cửa miệng một người ăn xin già có người con gái xin cha cho phép cô được đi gặp một viên sĩ quan. Trong các câu thơ dẫn ra trên đây, người ấy đã vẽ ra cho con gái mình một bức tranh đầy dẫy những nỗi cay đắng về tình cảnh của những tầng lớp mà con của người con gái đó sẽ lâm vào, và tìm kiếm những ý kiến phản đối của mình ngay trong những điều kiện sinh sống của con gái mình mà không hề đọc cho nó nghe - không thể nào không thừa nhận điều này - một lời thuyết giáo đạo đức nào.

Đừng ăn cắp

Một người đầy tớ có đức hạnh của một người Nga - được chính người đầy tớ này gọi là một ông chủ tốt - trong một đêm đã đánh cắp tiền của người chủ mà y tưởng là đã ngủ say, để giúp đỡ người cha của mình. Người Nga lặng lẽ theo sau y và khi nhìn qua vai y thì đọc được bức thư sau đây do anh chàng này viết về cho cha già:

Con đã đánh cắp số tiền này - cha ơi, cầm lấy,
 Cha hãy cầu nguyện Đấng cứu thế,
 Để từ ngai vàng cao vời vợi
 Ngài ban ân tha tội cho con.
 Bây giờ con sẽ làm việc

Mà không hề biết đến giấc ngủ và nghỉ ngơi:
 Sao cho tiền do con lấy cắp
 Lại trở về với ông chủ của con.

Người chủ tốt bụng của người đầy tớ đức hạnh ấy cảm động trước sự giải bày thâm ái đến nỗi không thể nói được lời nào và như để cầu phúc lành đã đặt tay lên đầu người đầy tớ.

Nhưng *cái xác chết* ấy đã nằm vật ra đó:
Trái tim trong khủng khiếp đã vỡ tan tành

Có thể viết được một cái gì hài hước hơn thế được chăng? Ở đây Béch đã tụt xuống thấp hơn trình độ của Cô-txê-bu và I-phlan-đơ; bị kịch về tên đầy tớ thậm chí còn vượt bi kịch của anh tiểu thị dân.

Những Chúa mới và những nỗi thống khổ cũ

Trong những văn thơ này Rôn-ơơ, "Những người bạn của ánh sáng"⁹⁰, những người Do Thái thuộc thế hệ mới, thợ cắt tóc, thợ giặt, người thị dân thành phố Lai-pxích có tư tưởng tự do ôn hoà đều bị chế giễu và thường là bị chế giễu rất trúng. Sau cùng, nhà thơ đã thanh minh trước những anh chàng phi-li-xtanh, là những người sẽ kết tội ông ta về điều đó, mặc dầu ông ta.

Đã hát bài hát về ánh sáng
 Chồng lại tối tăm và bão tố.

Sau đó ông ta trình bày cái học thuyết được thay hình đổi dạng bằng những lời lẽ xã hội chủ nghĩa - dựa trên thuyết thần giáo - tự nhiên đặc thù về tình thương yêu anh em và về tôn giáo thực tiễn, do đó mà đem một tính chất này của các đối thủ của ông ra đối lập với một tính chất khác của họ. Như vậy, Béch không thể nào kết thúc bài thơ mà lại không tự làm hại mình, bởi vì ông ta đã ngập sâu trong sự tầm thường của nước Đức, suy nghĩ quá nhiều về mình, về nhà thơ cứ bay bổng trong thơ ca của mình. Nói chung, bên cạnh các nhà thơ trữ tình *đương thời*, nhà

thơ của chúng ta đã trở thành một nhân vật đầu chải mượt và kiểu cách khác thường. Đây không phải là một người hoạt động sống trong thế giới hiện thực và làm thơ, đây là một "thi sĩ" bay liệng trên những đám mây mù, những đám mây ấy không phải là cái gì khác mà là những ảo tưởng mơ hồ của anh thị dân Đức.- Béch luôn luôn chuyển từ cái kiểu khoa trương phi lý nhất sang thể văn xuôi mang tính chất tiểu thị dân dung tục nhất, từ cái hài hước có tính chiến đấu nhưng vụn vặt nhằm chống lại những điều kiện hiện có sang sự hoà giải đa cảm với những điều kiện ấy. Ông ta thường hay chợt nhớ ra rằng chính ông ta là de quo fabula narratur^{1*}. Những bài hát của ông vì vậy không có tác dụng cách mạng mà chỉ có tác dụng như

"Ba liều thuốc bột sùi bọt

Có tác dụng cầm máu lại" (tr. 293).

Toàn bộ cuốn sách, vì vậy, kết thúc một cách khá đặc biệt bằng một lời than vãn bất lực biểu hiện tính ngoan ngoãn:

Ôi Chúa trời, khi nào chúng con sẽ sống

Như mọi người phải sống?

Tôi sẽ chịu khát gấp đôi,

Tôi sẽ mệt mỏi gấp đôi vì chịu đựng.

Béch rõ ràng là có tài năng và có nghị lực bẩm sinh lớn hơn số đông đám tiểu tốt trong giới văn đàn nước Đức. Điều bất hạnh duy nhất của ông ta là sự nghèo nàn tinh thần của người Đức mà biểu hiện lý luận của sự nghèo nàn tinh thần ấy bao gồm cả cái chủ nghĩa xã hội phô trương và mau nước mắt lẫn những ảnh hưởng rơi rớt của phái nước Đức trẻ đối với Béch. Chừng nào mà những mâu thuẫn xã hội ở nước Đức chưa mang hình thức gay gắt hơn nhờ sự phân định ranh giới giai cấp rõ rệt hơn và nhờ

^{1*} - người đang được nói đến.

sự chiếm đoạt chính quyền nhanh chóng hơn do giai cấp tư sản tiến hành, thì ở ngay tại nước Đức nhà thơ Đức đừng có hy vọng đặc biệt vào cái gì cả. Một mặt, ông ta không thể xuất hiện với tư thế cách mạng trong xã hội Đức bởi vì chính các phần tử cách mạng còn quá non kém; mặt khác, sự nghèo nàn tinh thần có tính chất kinh niên bao quanh ông ta từ phía đã có tác động làm cho ông quá suy yếu, mất hết khả năng vươn lên cao hơn nó, rũ bỏ nó và chế giễu nó mà không bị nguy cơ chính mình lại rơi vào cạm bẫy của nó. Đối với tất cả những nhà thơ Đức có ít nhiều tài năng nào đó, thì hiện giờ ta chỉ có thể khuyên nhủ họ một điều là nên di cư sang các nước văn minh.

2

CÁC GRUN. "BÀN VỀ GƠ-TƠ THEO QUAN ĐIỂM CON NGƯỜI". ĐÁC-MƠ-STÁT, 1846^{1*}

Để xả hơi sau sự vất vả đã đưa ông đến tác phẩm "Phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ", ông Grun đưa mắt nhìn sang tình trạng đình đốn xã hội ở tổ quốc mình. Để cho phong phú nhiều vẻ, lần này ông quyết định "đứng trên quan điểm con người" mà xem xét về ông già Gơ-tơ. Sau khi thay đôi hài bầy dậm bằng đôi dép đi ở nhà và mặc áo ngủ, ông ta thoải mái ngả lưng trên chiếc ghế tựa của mình:

"Chúng tôi không viết những bài bình luận, chúng tôi chỉ cầm lấy cái gì đã có sẵn trong tâm tay" (tr. 244).

^{1*} K. Grün, "Über Goethe vom menschlichen Standpunkte". Darmstadt, 1846.

Ông ta đã tự xếp đặt căn phòng đầy đủ tiện nghi:

"Tôi đã để hoa hồng và hoa trà mi trong phòng riêng, hoa mộc tê thảo và hoa tím ở cửa sổ mở rộng" (tr. III). "Và trước hết là không hề có sự bình luận nào cả!... Nhưng đây là một bộ toàn tập trên bàn và trong phòng lại phảng phất hương thơm của hoa hồng và hoa mộc tê thảo. Hãy xem, chúng tôi sẽ tiến xa như thế nào... Chỉ có kẻ bịp bợm mới cho được nhiều hơn cái mà hắn có" (tr. IV, V).

Với toàn bộ cái nonchalance^{1*} của mình, ông Grun đã đạt được trong cuốn sách này những thành công vĩ đại nhất. Nhưng điều này không làm chúng ta sững sốt sau khi chúng ta đã nghe chính ông ta nói rằng ông là người "sẵn sàng đi đến sự tuyệt vọng do *tính nhỏ nhen* của những quan hệ xã hội và cá nhân" (tr. III), là người "cảm thấy trên mình có cái giầy cương của Gơ-tơ khi mình bị đe dọa bị hòa tan trong cái quá đáng và cái không có hình thức ấy" (cũng trang trên), và là người có "tình cảm cao thượng về sứ mệnh con người, cái sứ mệnh thuộc về linh hồn chúng ta mặc dầu điều đó dẫn đến địa ngục!" (tr. IV). Chẳng cái gì làm cho chúng ta ngạc nhiên nữa sau khi chúng ta được biết rằng trước kia, ông ta "đã có lần nêu lên cho "con người" của Phoi-ơ-bắc" một câu hỏi mặc dầu "cũng dễ trả lời thôi", nhưng đối với "con người" nói trên thì hình như khó quá (tr. 277); sau khi chúng ta đã thấy rằng ông Grun ở tr. 198 "đã đưa ý thức giác ngộ ra khỏi ngõ cụt" như thế nào, rằng ở tr. 102 ông ta thậm chí muốn đi "đến cung điện của hoàng đế Nga" như thế nào, còn đến tr. 305 thì với giọng nói oang oang ông ta tuyên bố với toàn thế giới: "*Đáng nguyên rửa kẻ nào* muốn dựa vào pháp luật mà tạo ra một tình thế mới, mà tình thế này sẽ phải kéo dài!". Chúng ta sẵn sàng trước mọi tình huống khi ông Grun ở tr. 187 chuẩn bị "đánh hơi được chủ nghĩa duy tâm" và "biến" nó "thành một đứa trẻ lêu lổng", khi ông ta suy nghĩ kỹ làm thế nào "trở thành người sở hữu", "người giàu có, người tư hữu giàu có để có khả năng nộp tiền thuế đem lại quyền ứng cử vào nghị viện của loài người và

^{1*} - sự lơ đãng, uể oải

quyền được ghi tên vào bản danh sách những bồi thẩm đưa ra những quyết định về vấn đề nhân đạo hay không nhân đạo".

Chẳng lẽ ông ta không thể thành công trong việc đó vì ông ta đứng trên "một cơ sở nhân đạo chung chung và không tên" (tr.182)? Thậm chí ông cũng không khiếp sợ "đêm tối và *những điều kinh khủng* của nó" (tr. 312): sự giết chóc, sự gian dâm, sự trộm cắp, sự mãi dâm, sự phóng đảng và các thói hư tật xấu do tính kiêu căng sinh ra. Thật ra, ở tr. 99, ông ta thừa nhận rằng ông đã "cảm thấy đau đớn vô hạn khi con người bắt chợt thấy mình nhỏ nhen". Thật ra, chính ông ta "bắt chợt thấy mình cũng như thế" trước công chúng do câu nói sau đây:

Giống như anh chỉ là một thần linh mà bản thân anh biết, -

Chứ không phải tôi!^{1*}

Điều ấy đã xảy ra như sau:

"Trong những chữ đó dường như chớp giạt hoà lẫn với sấm vang đồng thời dất né ra. Trong những chữ đó bức màn che trước nhà thờ bị xé tung ra và những ngôi mộ toác ra... buổi hoàng hôn của các vị thần và cảnh hỗn độn cổ xưa ập tới... các vì sao lại va chạm vào nhau, cái đuôi độc nhất của sao chổi trong nháy mắt đốt cháy bùng quả đất nhỏ bé, và tất cả cái gì còn lại chỉ là khói và hơi. Và nếu tưởng tượng được sự phá hoại kinh khủng nhất... thì cái đó vẫn *không có nghĩa lý gì* khi so sánh với sự hủy diệt bao hàm trong mấy chữ ấy!" (tr. 235, 236).

Thật vậy, khi ông Grun đi tới "ranh giới tận cùng của lý luận", đặc biệt là, ở tr. 295, thì ông ta cảm thấy "tuồng như những tia nước đá chạy trên khắp lưng và một nỗi kinh khủng thực sự làm bủn rủn cả chân tay ông ta". - Tuy nhiên, ông ta hoàn toàn vượt qua được tất cả những cái đó bởi vì ông ta là thành viên của "hội kín vĩ đại của loài người!" (tr. 317)

Take it all in all^{1*}. Có được những đức tính như vậy, ông Grun sẽ thành công trong bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào. Trước khi

^{1*} - Nhìn chung anh ta là như vậy. (Một câu lấy lại câu lấy trong vở bi kịch "Hăm-lét" của Sếch-xpia).

chúng ta đề cập đến sự bàn luận bổ ích của ông về Gơ-tơ, chúng ta hãy cùng ông đi vào vài lĩnh vực hoạt động phụ của ông.

Trước hết là trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, bởi vì "sự nhận thức về tự nhiên", theo tr. 247, - là "cái khoa học thực tế duy nhất" và đồng thời "cũng là sự biểu hiện như thế về tính hoàn thiện của con người nhân đạo" (vulgo^{1*} có tính người). Chúng ta hãy thu thập cẩn thận tất cả những gì là thực tế mà ông Grun thông báo cho chúng ta về cái khoa học thực tế duy nhất ấy. Ở đây, thực ra ông không đi vào chi tiết của cái khoa học ấy và chỉ vừa đi đi lại lại trong cái cảnh tranh tối tranh sáng của phòng riêng, vừa tuôn ra vài điều nhận xét; tuy nhiên làm như vậy ông ta "cũng" thực hiện được những kỳ tích "thực tế nhất".

Về cuốn "Hệ thống của tự nhiên"⁹² mà người ta cho là của Hôn-bách, ông ta đã phát hiện ra điều sau đây:

"Ở đây người ta không thể hiểu nổi làm thế nào mà hệ thống của tự nhiên đã bị ngừng lại ở giữa đường, ngừng lại ở đúng cái điểm mà *tại đó, tự do và quyền tự quyết phải toát ra từ trong tính tất yếu của hệ thần kinh*" (tr. 70).

Lẽ ra ông Grun có thể chỉ ra một cách hoàn toàn chính xác cái điểm tại đó "từ trong tính tất yếu của hệ thần kinh" mà "toát ra" khi thì cái này, khi thì cái khác và như vậy là con người có những vết nứt nẻ ở phía trong xương sọ não. Ông Grun lẽ ra đã có thể đưa ra được những tài liệu chính xác nhất và tường tận nhất về cái điểm mà cho đến ngày nay hoàn toàn chưa ai quan sát được, tức là về cái quá trình hình thành nhận thức trong đầu óc. Nhưng, than ôi! Trong cuốn sách bàn về Gơ-tơ theo quan điểm con người "điều đó không thể giải thích được".

Duy-ma, Plây-phê, Pha-ra-đây và Li-bích cho đến ngày nay vẫn ngây thơ giữ ý kiến cho rằng ô-xy là một thứ khí không có vị

^{1*} - nói một cách đơn giản, nông na

cũng như không có mùi. Nhưng khi biết rằng tất cả cái gì *chưa đều làm rất* lười thì ông Grun đã tuyên bố ở tr. 75 rằng "ô-xy" có vị "chua". Cũng hết như vậy, ở tr. 229, ông ta đã làm phong phú thêm cho âm học lẫn quang học bằng những sự kiện mới: sau khi gây ra ở đây sự xuất hiện của "âm tạp và ánh sáng" có tác dụng làm tinh khiết các vật thể, ông ta đã làm cho sức tẩy rửa của âm thanh và ánh sáng trở thành hiển nhiên.

Chưa thỏa mãn với việc làm phong phú một cách xuất sắc ấy đối với "khoa học thực tế duy nhất", chưa thỏa mãn với cái lý thuyết về các vết rạn bên trong sọ não ấy, ở tr. 94 ông Grun còn phát hiện ra một cái xương mới: "Véc-te là người bị thiếu mất một đốt xương sống nên chưa trở thành chủ thể được". Cho đến ngày nay vẫn có một ý kiến sai lầm cho rằng con người có trên hai tá đốt xương sống. Ông Grun không những quy số xương đông đảo ấy thành một thể thống nhất bình thường của chúng, mà còn phát hiện được rằng cái đốt xương sống đặc biệt ấy có đặc tính kỳ diệu là làm cho con người trở thành "chủ thể". "Chủ thể" ấy - chính là ông Grun - xứng đáng được hưởng cái đốt xương sống đặc biệt ấy nhờ sự phát hiện trên.

Nhà khoa học tự nhiên của chúng ta cũng có lúc rớt cuộc đầu tóm "cái khoa học thực tế duy nhất" của mình về tự nhiên như sau:

"Phải chăng hạt nhân của tự nhiên

Không ở trong trái tim của con người?"⁹³

Hạt nhân của tự nhiên ở trong trái tim của con người. Trong trái tim của con người có hạt nhân của tự nhiên. Tự nhiên có hạt nhân của mình ở trong trái tim của con người" (tr. 250).

Được ông Grun cho phép, chúng ta xin thêm rằng: trong trái tim con người là hạt nhân của tự nhiên. Trong trái tim là hạt nhân của tự nhiên của con người. Trong trái tim người, giới tự nhiên có hạt nhân của mình.

Về lĩnh vực khoa học tự nhiên chúng ta hãy dừng lại ở sự giải thích "thực tế" xuất sắc đó để chuyển sang *khoa kinh tế chính trị*, một lĩnh vực mà, tiếc thay, như đã trình bày ở trên, *không phải* là "một khoa học thực tế". Coi thường điều đó, ở đây ông Grun hành động tuy là theo lối cầu may nhưng lại hết sức "thực tế".

"Cá nhân chống lại cá nhân và thế là đã xuất hiện sự cạnh tranh phổ biến" (tr. 211).

Điều đó có nghĩa là cái quan niệm lờ mờ và bí ẩn của các nhà xã hội chủ nghĩa Đức về "sự cạnh tranh phổ biến" đã ra đời "và thế là cạnh tranh đã xuất hiện". Sở dĩ không hề dẫn ra luận cứ nào, chắc hẳn là bởi vì khoa kinh tế chính trị không phải là một khoa học thực tế.

"Trong thời trung cổ, thứ kim loại đáng khinh bỉ còn bị ràng buộc bởi lòng trung thành, tình yêu và lòng mộ đạo; thế kỷ XVI đã phá vỡ các xiềng xích ấy và tiền bạc đã giành được tự do" (tr. 241).

Mắc-Cu-lốc và Bălăng-ki xưa nay vẫn bị chi phối bởi tư tưởng sai lầm cho rằng tuồng như "thời trung cổ" tiền bạc "bị ràng buộc" do không có đường giao thông với châu Mỹ và do những khối đá hoa cương che đậy ở dãy núi Ăng-đơ các mỏ "kim loại đáng khinh bỉ", - chắc hẳn hai ông này sẽ biểu quyết tán thành gửi cho Grun một chúc từ cảm tạ về sự phát hiện đó.

Bằng cách đem một loạt sự kiện, được rút ra từ trong trí tưởng tượng của mình, đối lập lại với những sự kiện rút ra từ truyền thống, ông Grun mưu toan đem lại tính chất thực tế cho *sử học* vốn cũng không phải là "khoa học thực tế".

Ở tr. 91 "Một trăm năm trước Véc-te Ca-tôn của A-đi-xon đã tự sát bằng dao găm trên sân khấu nước Anh", và như vậy là đã thể hiện một tâm trạng chán đời ghê gớm. Có nghĩa là anh ta "tự sát" khi mà tác giả của anh ta, ra đời năm 1672, hãy còn là một cậu bé⁹⁴.

Ở tr. 175, ông Grun đã chữa lại những tập nhật ký của Gơ-tơ, chỉ ra rằng năm 1815, quyền tự do báo chí chưa được các chính phủ ở Đức "công bố" mà mới chỉ được "hứa hẹn". Như vậy là tất cả những điều khủng khiếp mà các bọn phi-li-xtan thuộc phái Dau-éc-lăng và thuộc các phái khác kể cho chúng ta nghe về bốn năm tự do báo chí từ 1815 đến 1819, về tất cả những việc nhơ nhuốc và những điều chương tã gai mắt đã bị báo chí lôi ra ánh sáng như thế nào và cuối cùng, những nghị quyết hiệp bang năm 1819⁹⁵ đã chấm dứt việc khủng bố công luận ấy như thế nào, - tất cả những cái đó chỉ là một giấc mộng, không hơn không kém.

Sau đó ông Grun kể với chúng ta rằng thành phố đế quốc tự do Phran-phuốc tuy nhiên không phải là một quốc gia, mà "chỉ là một bộ phận của xã hội công dân" (tr. 19). Và nói chung ở Đức hình như là không có quốc gia, bởi vậy, cuối cùng, bây giờ người ta mới bắt đầu "ngày càng hiểu rõ những ưu điểm độc đáo của cái tình trạng không có quốc gia ấy ở Đức" (tr. 257); những ưu điểm ấy trước hết là ở chỗ có rất nhiều khả năng nhận được những cái bạt tai. Như vậy, bọn vua chuyên chế Đức có thể nói: "la société civile, c'est moi"^{1*}, - tuy thế chúng cũng không thành công, bởi vì, theo tr. 101 thì xã hội công dân chỉ là một "sự trừu tượng".

Nhưng nếu người Đức không có quốc gia thì họ lại có "một kỳ phiếu không lờ về sự thật, và kỳ phiếu ấy phải được thực hiện, được trả tiền, được chuyển thành tiền kim loại" (tr.5). Không nghi ngờ gì nữa, cái tấm kỳ phiếu ấy cũng được trả ở cùng một văn phòng, nơi mà ông Grun nộp "cái thứ thuế đem lại quyền được ứng cử vào nghị viện của loài người".

Ông Grun đem đến cho chúng ta những điều giải thích "thực tế" quan trọng nhất về cách mạng Pháp; về "ý nghĩa" của cuộc cách mạng này tác giả đã đi lạc đề và phát biểu với đọc một

^{1*} - "xã hội công dân là ta"

bài "diễn văn đặc biệt". Ông ta bắt đầu bằng một châm ngôn có vẻ tiên tri: mỗi mâu thuẫn giữa pháp quyền lịch sử và pháp quyền dựa trên lý trí đều có một ý nghĩa lớn, bởi vì cả hai đều có nguồn gốc lịch sử. Dù tuyệt nhiên không muốn may mắn giảm bớt ý nghĩa của sự phát hiện mới mẻ và quan trọng đến thế của ông Grun - sự phát hiện rằng cả đến pháp quyền dựa trên lý trí cũng được hình thành trong quá trình của lịch sử - chúng ta chỉ mạn phép nhận xét một cách khiêm tốn rằng cuộc nói chuyện thâm lặng trực tiếp mặt đối mặt trong sự yên tĩnh của phòng riêng với những tập đầu tiên của bộ "Lịch sử nghị viện" của *Buy-sé*⁹⁶ đã phải chỉ ra cho ông Grun thấy rằng mỗi mâu thuẫn ấy đã đóng vai trò như thế nào trong cách mạng.

Tuy nhiên, điều mà ông Grun ưa thích hơn là chứng minh một cách tường tận với chúng ta sự vô dụng của cách mạng, điều đó rất cuộc dẫn đến một điều quả trách độc nhất nhưng rất nghiêm trọng: cách mạng "không nghiên cứu khái niệm "con người"". "Điều sơ suất nghiêm trọng đó thực sự không thể dung thứ được. Nếu như cách mạng đã nghiên cứu cái khái niệm "con người", thì đã chẳng có chuyện ngày 9 tháng Nóng và ngày 18 tháng Sương mù⁹⁷, thì Napoléon đã thoả mãn với cấp tướng và có lẽ là khi về già ông đã "đứng trên quan điểm con người" mà viết bản điều lệnh chiến đấu. - Sau đó, nhân có sự giải thích về "ý nghĩa của cách mạng", chúng ta được biết rằng chủ nghĩa duy thần về cơ bản không khác gì chủ nghĩa duy vật và cũng như tại sao nó không khác. Điều đó làm cho chúng ta có thể hài lòng tin chắc rằng ông Grun chưa hoàn toàn quên Hê-ghe của mình. Chẳng hạn, ta hãy đối chiếu với "Lịch sử triết học" của Hê-ghe, ph. III, tr. 458, 459, 463 lần xuất bản thứ hai⁹⁸. - Sau đó, lại để làm rõ "ý nghĩa của cách mạng", ông đưa ra những chi tiết về sự cạnh tranh - mà phần quan trọng nhất thì chúng tôi đã trình bày ở trên, - sau đó ông dẫn ra những đoạn trích dài trong các tác phẩm của Hôn-bách để chứng minh cho kết luận của ông cho rằng

tội ác là do sự tồn tại của quốc gia sinh ra; "ý nghĩa của cách mạng" cũng được giải thích không kém gì thế, bằng rất nhiều đoạn trích trong cuốn "Không tưởng" của Tô-mát Mo-rơ, về quyền sách này lại được giải thích rằng vào năm 1516, trong cuốn sách đó đối tượng được mô tả một cách tiên tri với sự chính xác đến tận những chi tiết nhỏ nhất chính là "nước Anh ngày nay", không hơn không kém (tr. 225). Và rốt cuộc, sau tất cả những suy nghĩ và lập luận rải rác một cách lướt qua như vậy trên đây 36 trang giấy là đến một lời phán xử cuối cùng ở tr. 226: "Cách mạng là sự thực hiện chủ nghĩa quyền thuật". Một tấm gương cảnh cáo đối với tất cả những ai chưa nghiên cứu khái niệm "con người"!

Để an ủi những người Pháp đáng thương không đạt được cái gì hết ngoài việc đã thực hiện chủ nghĩa quyền thuật, ở tr. 73, ông Grun đã rỏ một giọt nước mắt an ủi:

"Nhân dân Pháp ở thế kỷ XVIII là Prô-mê-tê của nhân dân các nước đem *nhân quyền* đối lập với thần quyền".

Chúng ta sẽ không lưu ý đến điều sau đây: như vậy thì khái niệm "con người" đâu sao cũng phải được "nghiên cứu", hoặc cũng sẽ không lưu ý đến một điều là nhân quyền không "đối lập" với "thần quyền" mà đối lập với quyền lực của nhà vua, của tầng lớp quý tộc và của giới tăng lữ; chúng ta hãy gác lại những điều nhỏ nhất ấy và lặng lẽ thả mình theo nỗi đau thương, bởi vì ở đây với chính ông Grun đã xảy ra một cái gì đó "có tính người".

Và chính ông Grun quên rằng trong những tác phẩm đầu tiên của mình (chẳng hạn xem bài báo về "phong trào xã hội" trong tập I của "Rheinische Jahrbücher"⁹⁹ và các bài khác) ông ta không những chỉ bình luận một cách rộng rãi và "phổ biến" cái lập luận nổi tiếng về nhân quyền trong tờ "Deutsch – Französische Jahrbücher"¹⁰⁰, mà thậm chí với một sự sốt sắng thực sự của một kẻ ăn cắp văn chương ông đã cường điệu cái lập luận ấy lên, biến nó thành điều vô nghĩa. Ông ta quên rằng ở đây ông đã nghiêm khắc lên án nhân quyền, xem nó như là quyền của người chủ hiệu bán lẻ, của anh tiểu thị dân, v.v., và giờ đây thì đột nhiên biến

nó thành "quyền của *con người*", thành những quyền vốn có của "con người". Điều đó cũng xảy ra với ông Grun ở các tr. 251 và 252, tại đó "cái quyền mới, thân thiết mà than ôi, không được nhắc đến" và sao chép trong tác phẩm "Phau-xơ", lại được biến thành "cái quyền tự nhiên của anh, nhân quyền của anh, cái quyền được xác định một cách nội tại những hành động của mình và thích thú với những tác phẩm của mình", mặc dầu Gơ-tơ đã trực tiếp đối lập cái quyền ấy với những "luật lệ và pháp quyền, với *một thứ tài sản thừa kế*", được lan truyền đi "như một bệnh hoạn cũ"¹⁰¹, tức là đối lập với cái quyền cổ truyền của *ancien régime*^{1*}; và cái mâu thuẫn với quyền vừa nói đây chỉ là "những quyền *bẩm sinh*, không phụ thuộc vào thời quá khứ và không thể chuyển nhượng được của con người" đã được cách mạng công bố, nhưng tuyệt nhiên không phải là những quyền mà "*con người*" vốn có. Lần này thì ông Grun tất nhiên phải quên những gì ông đã viết trước kia, để cho Gơ-tơ khỏi mất quan điểm con người.

Tuy vậy, ông Grun hoàn toàn chưa quên những gì mà ông ta học được trong "Deutsch – Französische Jahrbücher" và các tác phẩm khác cùng khuynh hướng đó. Ở tr.210 chẳng hạn, ông ta định nghĩa tự do ở Pháp hồi bấy giờ là "sự thoát khỏi một bản chất (!!!) phổ biến (!) không tự do (!)". Rõ ràng là cái con quái vật sinh ra từ "*tính cộng đồng*"^{2*} trên những tr. 204 và 205 của tập "Deutsch – Französische Jahrbücher"¹⁰² nhờ việc dịch những trang ấy ra cái thứ ngôn ngữ đã trở nên thông dụng đối với chủ nghĩa xã hội Đức hiện đại. Những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" nói chung có cái thói quen là hề họ gặp phải một luận điểm mà họ không hiểu được do nó bị trừu tượng hoá khỏi triết học và

^{1*} - chế độ cũ

^{2*} Chơi chữ: "allgemeine Wesen" là "bản chất phổ biến"; "Unwesen" là "vật dị hình", "quái vật"; "Gemeinwesen" là "tính cộng đồng".

bao gồm những thuật ngữ pháp lý, kinh tế, v.v. là chỉ trong nháy mắt họ đã quy luận điểm ấy thành một câu cộc lốc được tô điểm bằng những thuật ngữ triết học và học thuộc lòng cái điều phi lý ấy để dùng bất cứ vào đâu. Chính vì vậy mà "tính cộng đồng" pháp quyền trong "Deutsch – Französische Jahrbücher" bị biến thành cái "bản chất phổ biến" vô nghĩa về triết học đã dẫn ở trên; sự giải phóng về chính trị, quyền dân chủ thì lại có cái công thức triết học rút gọn của nó là "sự giải phóng khỏi cái bản chất phổ biến không tự do" - là một công thức mà người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" có thể bỏ vào túi mà không hề sợ rằng cái uyên bác của mình là một cái gánh quá nặng đối với mình. - Ở tr. XXVI, ông Grun khai thác một cách tương tự câu nói trong cuốn "Gia đình thần thánh", về chủ nghĩa duy cảm và chủ nghĩa duy vật¹⁰³, và lợi dụng điều mà tác phẩm ấy chỉ ra là có thể tìm thấy điểm tiếp xúc với phong trào xã hội chủ nghĩa ngày nay ở những nhà duy vật chủ nghĩa của thế kỷ trước, đặc biệt là ở Hôn-bách, để đưa ra những đoạn trích dẫn nói trên của Hôn-bách và thêm vào đó những lời bình luận có tính chất xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta hãy chuyển sang *triết học*. Đối với môn này, ông Grun giữ thái độ khinh miệt sâu sắc. Ngay từ tr. VII, ông ta đã thông báo với chúng ta rằng ông "từ nay về sau không còn dính dáng gì nữa với tôn giáo, triết học và chính trị", rằng tất cả những cái đó đã "thuộc về quá khứ và không bao giờ phục hồi lại được nữa sau thất bại mà chúng đã trải qua", và rằng ở tất cả các môn này, đặc biệt là ở triết học, ông "không giữ lại cái gì cả ngoài con người và bản chất xã hội có khả năng hoạt động xã hội". Cái bản chất xã hội có khả năng hoạt động xã hội và cái con người có tính người nói trên kia dù sao cũng đủ để an ủi chúng ta về sự tiêu vong không thể phục hồi được của tôn giáo, triết học và chính trị. Nhưng ông Grun rất đổi ôn hoà. Ông không những chỉ "giữ lại" của triết học "con người nhân đạo" và "mọi thứ bản chất", mà

ông còn là kẻ may mắn chiếm hữu được một khối lượng đáng kể, mặc dầu rất lộn xộn, những di sản của Hê-ghe. Làm sao lại có thể khác thể được sau khi ông đã nhiều lần trong mấy năm trước đây kính cẩn quỳ gối trước tượng bán thân của Hê-ghe? Có lẽ người ta yêu cầu chúng tôi đừng có dây vào những personalia^{1*} buồn cười và tai tiếng đến thế, nhưng bản thân ông Grun đã tiết lộ cho báo chí cái bí mật ấy. Lần này chúng tôi không nói là ở đâu. Chúng tôi đã nhiều lần chỉ ra cho ông Grun nguồn gốc của nó, khi nêu rõ cả chương và những câu thơ nên chúng tôi có thể yêu cầu sự giúp đỡ đó của ông Grun dù chỉ là một lần. Để chứng minh một lần nữa với ông ta sự sẵn sàng giúp đỡ của chúng tôi, chúng tôi cho ông ta biết một điều bí mật là câu giải đáp cuối cùng cho vấn đề đang tranh cãi về tự do ý chí do ông ta nêu ra ở tr. 8, ông đã mượn trong quyển "Khái luận về hiệp tác" của Phu-ri-ê, chương nói về tự do ý chí¹⁰⁴. Riêng ý kiến cho rằng lý luận về tự do ý chí là một "tư tưởng sai lầm của tinh thần Đức", cũng là một "tư tưởng sai lầm" độc đáo của bản thân ông Grun.

Cuối cùng, chúng ta bàn đến Gơ-tơ. Ở tr. 15 ông Grun chứng minh rằng Gơ-tơ có quyền được tồn tại, Gơ-tơ và Si-lơ - đó là sự giải quyết mâu thuẫn giữa "sự hưởng lạc không hành động", tức là Vi-lăng với "hành động xa lạ với sự hưởng lạc", tức là Clốp-stốc "Lét-xinh là người đầu tiên đã bắt con người phải dựa vào bản thân mình" (ông Grun có dám theo gót ông Lét-xinh biểu diễn cái trò ảo thuật nhào lộn này không?) - Trong cái kết cấu triết học ấy chúng ta thấy ngay nguồn gốc của tất cả các luận điểm của ông Grun. Hình thức của kết cấu, cơ sở của tất cả - đó là cái kiểu cách dung hoà các mâu thuẫn của Hê-ghe mà ai cũng biết. "Con người dựa vào bản thân mình" - đó là thuật ngữ của Hê-ghe ứng dụng cho Phoi-ơ-bắc. "Sự hưởng lạc không hành động" và "hành động xa lạ với sự hưởng lạc" - sự đối lập mà nói

^{1*} - chuyện riêng tư

về nó ông Grun đã buộc Vi-lăng và Clốp-stốc phải trình diễn khúc biến tấu nói trên - ông đã vay mượn trong tuyển tập của M. Hét-xơ. Chỉ có mỗi một nguồn gốc mà chúng ta không phát hiện được, đó là bản thân lịch sử văn học không hề biết tí gì về những thứ đồ giẻ rách kể trên kia, vì vậy ông Grun có đầy đủ căn cứ để không đếm xỉa tới nó.

Vì chúng ta đã nhiều lần nói về Si-lơ, nên thiết tưởng cũng là thích hợp khi dẫn ra nhận xét sau đây của ông Grun: "Si-lơ là tất cả, nhưng có điều là không thể là Gơ-tơ" (tr.311). Xin lỗi, cũng có thể trở thành ông Grun nữa đấy! - Song, ở đây, tác giả của chúng ta lại chiếm lấy cảnh nguyệt quế của Lút-vích xứ Ba-vi-e:

La Mã ơi, người không có những gì mà Na-pơ có,
còn Na-pơ thì không có những ưu điểm của La Mã;
Nếu các người hợp nhất thành một khối thì sẽ là
quá nhiều đối với thế giới này.

Bằng cái kết cấu lịch sử ấy, ông Grun chuẩn bị cho sự xuất hiện của Gơ-tơ trong văn học Đức. "Con người" mà Lét-xinh "bắt buộc phải dựa vào bản thân mình" chỉ dưới bàn tay của Gơ-tơ mới có thể thực hiện được sự tiến hóa hơn nữa. Chính ông Grun có cái công lao phát hiện được ở Gơ-tơ một "con người" - không phải là con người tự nhiên, đầy sức sống, có xương có thịt, do đàn ông và đàn bà đẻ ra, mà là con người theo ý nghĩa cao hơn, con người biện chứng, caput mortuum^{1*} trong cùng một cái lò ở đó đã luyện ra Đức chúa cha, Đức chúa con và thánh thần, cousin germain^{2*} của các âm binh trong "Phau-xơ", nói tóm lại, không phải con người mà Gơ-tơ nói đến, mà là "con người" mà Grun nói tới. Nhưng cái "con người" mà ông Grun đang nói đến là ai vậy?

^{1*} Theo nghĩa đen: "cái đầu chết"; theo nghĩa bóng: những căn bã, những vật thải sau khi nung đỏ, sau một phản ứng hoá học, v.v..

^{2*} - anh em họ

"Ở Gơ-tơ không có nội dung nào khác ngoài nội dung *"con người"* (tr. XVI), - Ở tr. XXI, chúng ta được biết "rằng Gơ-tơ đã tưởng tượng và mô tả *con người đúng như chúng ta hiện nay muốn biến nó thành hiện thực*", - Ở tr. XXII: "Ngày nay, Gơ-tơ - tác phẩm của ông đúng là như vậy - là *bộ luật chân chính của loài người*". - Gơ-tơ là *"tính người hoàn thiện"* (tr. XXV). - "Những tác phẩm thi ca của Gơ-tơ là (!) *lý tưởng của xã hội loài người*" (tr. 12). - "Gơ-tơ không thể trở thành nhà thơ dân tộc, bởi vì ông được thừa nhận là *nhà thơ của con người*" (tr.25).- Và mặc dầu vậy, ở tr. 14 "*nhân dân chúng ta*", nghĩa là những người Đức, phải "xem Gơ-tơ là bản chất của riêng mình dưới dạng đã được cải tạo".

Ở đây, người ta đã cho chúng ta lời giải thích thứ nhất về "bản chất con người" và nhờ đó chúng ta càng có thể tin cậy vào ông Grun rằng không nghi ngờ gì nữa, ông ta đã "nghiên cứu khái niệm *"con người"* một cách cực kỳ sâu sắc. Gơ-tơ mô tả "con người" đúng như ông Grun chủ tâm biến nó thành hiện thực và đồng thời ông ta mô tả nhân dân Đức dưới dạng đã được cải biến, như vậy thì, "con người" không phải ai khác mà là "con người Đức đã được cải biến". Điều này được khẳng định ở khắp nơi. Giống như Gơ-tơ "không phải là một nhà thơ dân tộc" mà là "nhà thơ của con người", thì nhân dân Đức "không phải là" một nhân dân của "dân tộc" mà là một nhân dân của "con người". Vì vậy, ở tr. XVI, chúng ta đọc thấy: "Những tác phẩm thi ca của Gơ-tơ nảy sinh từ cuộc sống... đã và đang không có cái gì giống với hiện thực". Thật giống như đức, "con người" thế nào thì những người Đức cũng thế ấy. Còn ở tr. 4: "Và ngày nay chủ nghĩa xã hội *Pháp* vẫn còn muốn đưa lại hạnh phúc chỉ cho *nước Pháp* thôi; còn những nhà văn *Đức* thì lại quay mặt hướng về toàn thể *loài người*" (trong khi đó thì "loài người" thường thường lại không "quay mặt" về phía các nhà văn Đức mà lại quay cái bộ phận thân thể đối lập với mặt và cũng cách mặt khá xa). Ở nhiều chỗ ông Grun cũng tỏ ra hí hửng về chỗ Gơ-tơ đã muốn "mở một lối thoát cho con người *từ bên trong*" (chẳng hạn xem tr. 225), nhưng từ sự giải

thoát thuần túy kiểu Đức ấy vẫn còn chưa có cái gì "*thoát ra được*" cả.

Vậy thì, chúng ta hãy xem xét điều giải thích thứ nhất: "con người" là *con người Đức "đã được cải biến"*.

Chúng ta hãy theo dõi xem việc ông Grun thừa nhận Gơ-tơ là "nhà thơ của con người", thừa nhận "nội dung con người trong Gơ-tơ" là gồm những gì. Sự thừa nhận ấy phát hiện cho chúng ta một cách tốt hơn hết ai là cái "con người" mà ông Grun nói đến. Chúng ta thấy rằng ở đây ông Grun đã tiết lộ những tư tưởng thầm kín nhất của "chủ nghĩa xã hội chân chính", giống hệt như, nhìn chung, trong cái khát vọng không cưỡng lại được của mình là phải kêu to cho át tiếng tất cả đồng bọn của mình, ông ta đi xa đến nỗi nói lộ ra với cả thế giới những cái mà những người anh em khác cho rằng nên im lặng thì hơn. Và lại, ông ta biến Gơ-tơ thành "nhà thơ của con người" dễ dàng hơn là bản thân Gơ-tơ thường dùng các từ "con người" và "thuộc con người", với ý nghĩa có phần nào khoa trương. Tất nhiên, Gơ-tơ chỉ dùng các từ này với nghĩa thường được dùng ở thời đại ông và sau này cũng được Hê-ghe dùng, khi mà cái từ "thuộc về con người" được sử dụng chủ yếu cho những người Hy Lạp đối lập với những người đã man đa thần giáo và Cơ Đốc giáo rất lâu trước khi Phoi-ơ-bắc đưa vào thuật ngữ ấy một nội dung triết học - thần bí. Đặc biệt là ở Gơ-tơ, các từ ấy phần nhiều được dùng với ý nghĩa hoàn toàn phi triết học, mang tính chất thể xác. Chỉ ông Grun mới có công lao biến Gơ-tơ thành học trò của Phoi-ơ-bắc và thành một người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính".

Về bản thân Gơ-tơ thì tất nhiên chúng ta không thể nói tường tận ở đây. Chúng ta chỉ lưu ý đến một điểm mà thôi. - Trong các tác phẩm của mình, Gơ-tơ đã biểu thị hai thái độ đối với xã hội Đức ở thời đại ông. Khi thì ông tỏ ra thù địch đối với nó; nó chống lại ông và ông ra sức chạy trốn nó như trong tác phẩm

"I-phi-giê-ni" và nói chung trong suốt thời gian du lịch ở I-ta-li-a; ông ta vùng lên chống lại nó như Gốt-xơ, Prô-mê-tê và Phau-xtơ té tát vào nó những lời chế nhạo chua cay của Mê-phi-xtô-phen-le-xơ. Khi thì ngược lại, ông nhích lại gần cái xã hội ấy, "thích ứng" với nó như trong phần lớn các bài thơ của ông trong tập thơ "Sự chiêm biếm ôn hoà" và trong nhiều tác phẩm văn xuôi, tán dương nó như trong "Những cuộc điều hành của đoàn người hoá trang", thậm chí còn bảo vệ nó chống lại sự vận động của lịch sử đang dâng lên xô mạnh vào nó, đặc biệt là trong tất cả các tác phẩm có đề cập đến cách mạng Pháp. Vấn đề không phải chỉ ở chỗ Gơ-tơ thừa nhận những mặt riêng biệt của cuộc sống ở Đức đối lập với các mặt khác thù địch với ông. Thông thường đó chỉ là biểu hiện của các tâm trạng khác nhau của ông; trong lòng ông luôn luôn xảy ra cuộc đấu tranh giữa nhà thơ thiên tài mà sự tầm thường của môi trường xung quanh đã làm cho ông chán ghét, với người con trai cẩn thận của vị quý tộc ở Phran -phuốc, vị cố vấn mật đáng kính ở Vây-ma, và ông ta tự cảm thấy buộc phải hoà hiệp với cái sự tầm thường đó và thích nghi với nó. Như vậy là, Gơ-tơ khi thì vĩ đại vô song, khi thì nhỏ bé; khi thì là một thiên tài bất khuất, ưa chế nhạo, coi thường cả thế giới, khi thì là một anh chàng phi-li-xtanh thận trọng, dè dặt, bằng lòng với tất cả. Và Gơ-tơ đã không đủ sức chiến thắng sự tầm thường của Đức; trái lại, nó đã chiến thắng ông; và thắng lợi đó của sự tầm thường đối với một người Đức vĩ đại nhất đã chứng minh một cách hùng hồn rằng nói chung không thể nào chiến thắng nó "từ bên trong" được. Gơ-tơ là một người rất toàn năng, có bản tính quá ư sôi nổi, cũng được tạo ra từ máu thịt cho nên không thể giống như Si-lơ chạy trốn vào lý tưởng của Can-tơ nhằm thoát khỏi sự tầm thường; ông ta quá ư sáng suốt nên không thể không thấy rằng sự chạy trốn đó rốt cuộc cũng dẫn đến việc thay thế sự tầm thường bình thường bằng sự tầm thường khoa trương. Tính khí của ông, nghị lực của ông, tất cả những chí hướng tinh thần của ông đã

đẩy ông vào cuộc sống thực tế, cuộc sống thực tế mà ông đụng phải là bi đát. Gơ-tơ luôn luôn đứng trước tình thế tiến thoái lưỡng nan đó - tồn tại trong cái môi trường sống mà ông phải khinh thường nhưng vẫn phải cột chặt với nó như là với một môi trường duy nhất mà trong đó ông có thể hoạt động, càng về già thì nhà thơ mạnh mẽ de geurre lasse^{1*}, càng nhường chỗ cho ngài bộ trưởng tầm thường xứ Vây-ma. Chúng ta phê phán Gơ-tơ không phải về chỗ ông ta không thuộc phái tự do, như Bóc-nơ và Men-txen đã phê phán, mà về chỗ có đôi lúc ông thậm chí đã là một tên phi-li-xtanh; chúng ta cũng không phê phán ông về chỗ ông đã không thể vì tự do của nước Đức mà tỏ nhiệt tình, mà về chỗ ông đã hy sinh cho sự hoảng sợ của anh phi-li-xtanh trước bất kỳ sự vận động lịch sử vĩ đại đương thời nào, cái cảm giác thẩm mỹ đúng đắn hơn, đôi khi xuất hiện từ trong lòng mình; không phải về chỗ ông làm quan trong triều đình mà về chỗ khi Na-pô-lê-ông rửa sạch những chuồng ngựa Ô-gi-át rất đồ sộ của nước Đức, thì ông ta lại trịnh trọng chăm lo những việc không đâu vào đâu và menus plaisirs^{2*} của một trong những cung đình nhỏ bé không đáng đếm xỉa ở Đức. Nói chung, chúng ta không đứng trên quan điểm đạo đức, cũng như quan điểm đảng phái để phê phán Gơ-tơ, mà có lẽ chỉ phê phán trên quan điểm thẩm mỹ và lịch sử mà thôi, chúng ta không đo Gơ-tơ bằng cái thước đo đạo đức, chính trị, hoặc "con người". Ở đây, chúng ta không thể đi vào mô tả Gơ-tơ trong mối quan hệ với toàn bộ thời đại của ông, với các nhà văn trước ông và cùng thời của ông, mô tả ông trong sự phát triển và trong mối quan hệ với địa vị xã hội của ông. Vì vậy, chúng ta chỉ giới hạn trong việc xác nhận sự kiện một cách giản đơn mà thôi.

^{1*} - kiệt sức; sau một cuộc chống chọi kéo dài

^{2*} Theo nghĩa đen: "những niềm vui thú nhỏ nhặt": theo nghĩa bóng: những khoản phụ chi cho bất kỳ ý muốn kỳ quặc nào.

Chúng ta hãy xem về khía cạnh nào trong số các khía cạnh nói trên, những tác phẩm của Gơ-tơ là "bộ luật thực sự của loài người", là "tính người hoàn thiện", là "lý tưởng của xã hội loài người".

Trước tiên, chúng ta hãy chú ý đến sự phê phán của Gơ-tơ đối với cái xã hội hiện tại để sau đó chuyển sang trình bày thực tế "lý tưởng của xã hội loài người". Ai cũng hiểu rằng do nội dung phong phú của cuốn sách của Grun nên trong cả hai trường hợp chúng ta chỉ có thể dẫn ra một vài chỗ đặc sắc nhất.

Với tư cách nhà phê phán xã hội, Gơ-tơ đã thực sự làm được những điều phi thường. Ông "nguyên rủa văn minh" (tr. 34-36), đưa ra một số lời than phiền lằng mằng rằng văn minh tiêu diệt ở con người mọi đặc trưng và cá tính. Ông "tiên đoán thế giới của giai cấp tư sản" (tr. 78), khi miêu tả trong "Prô-mê-tê" tout bonnement^{1*} sự ra đời của chế độ tư hữu. Ở tr. 229, ông là "quan toà của thế giới... là Mi-nô-xơ của văn minh". Nhưng tất cả cái đó chỉ là những điều nhỏ nhặt.

Ở tr. 253, ông Grun trích dẫn cuốn "Sau khi đọc giáo lý cương yếu":

Cháu bé hỡi, tất cả các thứ quà này của cháu ở đâu ra?

Vì không có nguồn gốc thì không có gì trên thế giới này.

Ấy, cháu nhận các thứ đó của bố cháu, -

Thế ai cho bố cháu? - Ông cháu. -

Nhưng ai cho ông cháu? - Ông đã lấy cắp.

Úi chao! ông Grun đã kêu tướng lên, la propriété c'est le vol^{2*} - đây mới là Pru-đông thực sự.

^{1*} - không quanh co, không ám chỉ

^{2*} - tài sản là của ăn cắp

Lê-vê-ri-ê cùng với hành tinh của mình có thể phải lui về vườn và nhường huân chương của mình cho ông Grun, bởi vì ở đây trước mắt chúng ta có một cái gì còn lớn hơn sự phát hiện của Lê-vê-ri-ê, thậm chí lớn hơn cả sự phát hiện của Giéc-xơn và sự phát hiện ra khí sun-phua-rích ê-te. Ai thu gọn ý nghĩa của câu nói của Pru-đông về ăn cắp - là câu nói đã làm cho nhiều nhà tư sản ôn hoà mất ăn mất ngủ - vào mấy vần thơ vô hại của bài thơ trào phúng ngắn gọn trên đây của Gơ-tơ, người đó xứng đáng được thưởng huy chương Bắc đẩu bội tinh.

"Vị tướng - công dân" đã gây nên nhiều điều phiền phức hơn. Một thời gian nào đấy ông Grun nhìn y từ tứ phía, rồi trái với thói thường của ông, ông nhắm mắt hoài nghi một chút và ra vẻ lo âu: "tất nhiên... cũng khá vô vị... cách mạng không bị lên án vì cái đó" (tr. 150)... Dừng lại! Ông ta rút cục đã thấy ở đây đang bàn về vấn đề gì! Về *chiếc bình sữa*. Vậy thì đây: "chúng ta đừng quên... rằng đây lại là... *vấn đề sở hữu*, một vấn đề được đưa lên hàng đầu" (tr. 151).

Nếu trên đường phố mà ông Grun ở, có hai bà già cãi nhau vì cái đầu cá mòi, thì ông Grun hãy chịu khó rời khỏi gian phòng "thoang thoang mùi hoa hồng và mộc tê thảo" của ông để xuống bảo với họ rằng vấn đề của họ cũng là "vấn đề về sở hữu được đưa lên hàng đầu". Sự cảm tạ của tất cả những người có thiện chí sẽ là phần thưởng tốt nhất đối với ông.

Gơ-tơ đã lập được một trong những thành tích lớn nhất mang tính phê phán khi ông viết: "*Véc-te*". "*Véc-te*" tuyệt nhiên không phải là một cuốn tiểu thuyết tình cảm thông thường với một cốt chuyện tình như cách hiểu của những ai từ xưa tới nay "đứng trên quan điểm con người" mà đọc Gơ-tơ.

Trong "*Véc-te*" "nội dung con người đã tìm được một hình thức tương xứng đến nỗi không thể tìm thấy trong văn học thế giới một cái gì dù là hơi xứng đáng được đặt ngang hàng với nó" (tr. 96). "Tình yêu của Véc-te đối với Lốt-ta chỉ là một đòn bẩy, chỉ là hiện thân của tấn bi kịch của phẩm thần luận cảm tính triệt để... Véc-te

là một con người thiếu một đốt xương sống, nên chưa trở thành một chủ thể được (tr. 93, 94). Véc-te tự bắn vào mình không phải vì tình yêu say đắm mà "bởi vì anh ta – ôi, cái ý thức phiếm thần luận bất hạnh ấy – không thể giải thích được những mối quan hệ qua lại giữa mình với thế giới" (tr. 94). "Trong "Véc-te" với một nghệ thuật điêu luyện, toàn bộ sự thối nát của xã hội được phô bày ra, những gốc rễ sâu xa nhất của các bệnh hoạn xã hội được chỉ ra cùng với cái cơ sở triết học tôn giáo của chúng" ("cơ sở" ấy, như mọi người đã biết, sản sinh ra muộn hơn rất nhiều so với các "bệnh hoạn"), "kèm theo cơ sở ấy là nhận thức không rõ ràng, mơ hồ... về nó. Những khái niệm thuần khiết, đã sàng lọc về tính người chân chính" (nhưng trước hết là đốt xương sống, ông Grun ơi, đốt xương sống!) "cũng đã có nghĩa là sự tiêu vong của sự tâm thường ấy, của cái chế độ đã hoàn toàn bị một ruộng, được gọi là cuộc sống hàng ngày".

Đây là một ví dụ chứng tỏ rằng trong "Véc-te", "sự thối nát của xã hội" đã được phơi bày với một nghệ thuật điêu luyện như thế nào. Véc-te viết:

"Các cuộc phiêu lưu ư? Tôi dùng cái từ ngữ ngu xuẩn ấy để làm gì kia chứ?... Cuộc sống thường ngày của chúng ta, những quan hệ giả dối của chúng ta – đó là những điều phiêu lưu thực sự, đó là một cái gì quái gở!"¹⁰⁵.

Tiếng hét tuyệt vọng ấy của một người mau nước mắt và mơ mộng về cái vực thẳm giữa hiện thực thị dân và những ảo tưởng không kém phần thị dân của mình về cái hiện thực ấy, những tiếng thở dài thảm hại ấy hoàn toàn dựa trên sự thiếu kinh nghiệm sơ đẳng, – tiếng hét ấy và những tiếng thở dài ấy lại được ông Grun, ở tr. 84, nhận xằng là sự phê phán gay gắt và sâu sắc đối với xã hội. Ông Grun thậm chí khẳng định rằng "nỗi đau khổ vô hạn của cuộc đời" được biểu thị dưới những từ ngữ dẫn ra trên đây, "cái khát vọng bệnh hoạn muốn đảo ngược mọi sự vật để cho chúng có, dù chỉ một lần thôi, một bộ mặt khác" (!), – tất cả những cái đó "rốt cuộc đã mở ra cho mình con đường của cách mạng Pháp". Cuộc cách mạng ở trên kia bị coi như là sự thực hiện chủ nghĩa quyền thuật thì ở đây chỉ biến thành sự thực hiện những nỗi đau khổ của chàng Véc-te trẻ tuổi. Cái máy chém đặt

ở quảng trường Cách mạng, không phải là cái gì khác hơn sự sao chép thảm hại khẩu súng lục của Véc-te.

Sau điều đó thì không nên lấy làm lạ rằng Gơ-tơ ngay cả trong "Xten-lo", như đã được chỉ ra ở tr. 108, cũng đã nghiên cứu "tài liệu xã hội", mặc dầu trong tác phẩm ấy đã mô tả "những quan hệ cực kỳ thảm hại" (tr. 107). "Chủ nghĩa xã hội chân chính" có mặt ở khắp nơi nhiều hơn cả Chúa Giê-xu của chúng ta. Cứ ở đâu mà có hai hoặc ba người tập hợp cùng nhau – và cũng hoàn toàn không đòi hỏi điều đó phải xảy ra vì chủ nghĩa ấy, – thì nó đã có trong bọn họ và khẳng định về sự có mặt của cái "tài liệu xã hội" rồi. Chủ nghĩa xã hội chân chính, cũng hết như đồ đệ của nó là ông Grun, nói chung giống một cách lạ lùng với "cái con người tâm thường, tự mãn và giáo quyết cứ can thiệp vào tất cả mọi việc, nhưng không có khả năng hiểu thấu đáo việc gì cả" (tr. 47).

Bạn đọc của chúng tôi có lẽ là còn nhớ một trong những bức thư của Vin-hem Mây-xơ viết cho anh rể của ông ta – "Những năm đèn sách", tập cuối cùng, – trong đó, sau mấy lời nhận xét khá dung tục rằng việc sinh trưởng trong sự sung túc là một sự ưu việt, ông ta đã thừa nhận tính hơn hẳn của giai cấp quý tộc so với giai cấp tiểu thị dân và khẳng định rằng trong thời gian sắp tới không nên thay đổi gì về địa vị không có đầy đủ quyền hạn của anh tiểu thị dân cũng như của tất cả các giai cấp khác không phải là quý tộc. Chỉ có những nhân vật cá biệt trong những hoàn cảnh nhất định mới có thể được phép nâng lên ngang hàng với giai cấp quý tộc. Ông Grun nhận xét về điều đó như sau:

"Điều mà Gơ-tơ nói về tính ưu việt của những giai cấp thượng lưu trong xã hội, dĩ nhiên là đúng, nếu ta coi giai cấp thượng lưu và giai cấp có học vấn là đồng nhất, mà chính Gơ-tơ đã làm như vậy" (tr. 264).

Đến đây chỉ còn một việc là đặt một dấu chấm mà thôi.

Chúng ta hãy đề cập đến vấn đề cơ bản, đã gọi ra biết bao nhiêu là lời giải thích: vấn đề thái độ của Gơ-tơ đối với chính trị

và cách mạng Pháp. Ở đây cuốn sách của ông Grun có thể chỉ ra cho chúng ta rằng thái độ không dừng lại trước bất kỳ cái gì, nghĩa là thế nào; cũng chính ở đây đã bộc lộ ra toàn bộ lòng trung thành của ông Grun.

Để cho thái độ của Gơ-tơ đối với cách mạng trở nên có lý thì tất nhiên Gơ-tơ phải là *cao hơn* cách mạng, phải vượt qua được nó trước khi nó bắt đầu. Vì vậy ngay ở tr. XXI, chúng ta được biết rằng "Gơ-tơ đi trước sự phát triển *thực tiễn* của thời đại ông xa đến mức là theo cách nhìn của mình ông chỉ có thể tỏ thái độ phủ định đối với nó, chỉ có thể bác bỏ nó mà thôi". Ở tr. 84, nói về "Véc-te", một nhân vật, như chúng ta đã thấy, đã bao hàm trong bản thân in nuce^{1*} toàn bộ cuộc cách mạng, tác giả viết: "Lịch sử đang ở trình độ năm 1789, còn Gơ-tơ ở năm 1889". Cũng đúng như vậy, ở tr. 28 và 29, Grun bắt buộc Gơ-tơ phải "đoạn tuyệt bằng một vài lời, bất kỳ lời kêu gào nào về tự do", dựa vào lý do là ngay từ những năm 70, Gơ-tơ đã đăng trên tờ "Frankfurter Gelehrte Anzeigen"¹⁰⁶ một bài báo tuyệt nhiên không nói gì đến thứ tự do được "những người hay la ó" đòi hỏi, mà chỉ đưa ra một số lập luận chung chung và khá tầm thường về tự do cũng như về bản thân khái niệm tự do. Tiếp đó: bởi vì trong bản luận án tiến sĩ của mình Gơ-tơ đã đưa ra luận đề về nghĩa vụ của mỗi người làm luật là phải đưa vào một thứ tín ngưỡng nhất định nào đó, – luận đề mà chính bản thân Gơ-tơ cũng chỉ giải thích như một ý kiến lập dị ngộ nghĩnh do sự cãi cò quẻ kệch giữa các cha cố ở Phran-phước gọi ra mà thôi (và *bản thân* ông Grun đã dẫn ra điều đó), – nên đã nói rõ rằng "chàng sinh viên Gơ-tơ đã vứt đi như vứt những đế giày hồng toàn bộ tinh thần nhị nguyên của cách mạng và nhà nước Pháp hiện đại" (tr. 26, 27). Hình như, ông Grun đã được thừa kế "những cái đế giày hồng của chàng sinh

^{1*} - mầm mống

viên Gơ-tơ" và ông đã đóng vào đôi hài bầy dặm của "cuộc vận động xã hội" của ông ta.

Bây giờ thì dĩ nhiên là những lời phát biểu của Gơ-tơ về cách mạng đã lộ ra trước chúng ta dưới một ánh sáng hoàn toàn mới. Bây giờ thì chúng ta đã rõ rằng Gơ-tơ đã vươn lên cao hơn cách mạng rất nhiều, đã "thanh toán" với cách mạng mười lăm năm trước khi nó nổ ra, "đã vứt bỏ nó đi như những chiếc đế giày hồng", đã đi trước nó đến trọn một thế kỷ, rằng Gơ-tơ không thể có thái độ đồng tình với cách mạng, không thể quan tâm đến nhân dân "của những người hay la ó về tự do", nhân dân mà ông đã thanh toán xong xuôi từ năm 1773 rồi. Bây giờ thì đối với ông Grun không còn khó khăn gì nữa. Mặc cho Gơ-tơ tha hồ gửi gắm cái trí tuệ cổ truyền tầm thường vào những vần thơ hai câu kiểu diễm, mặc cho Gơ-tơ biến nó thành đối tượng của những nghị luận thiên cận kiểu phi-li-xtanh, mặc cho Gơ-tơ đưa sự run sợ của anh tiểu thị dân ra thử thách trước dòng thác băng trôi đang đe dọa sự hư quạnh thanh bình và nên thơ của mình, mặc cho Gơ-tơ biểu lộ sự nhỏ nhen, thói nhút nhát, tính cách tôi đòi, – không gì có thể làm cho nhà bình luận kiên nhẫn của ông ta nổi giận được. Ông Grun công kênh Gơ-tơ trên đôi vai không biết mỏi của mình và lợi qua cả bùn lầy; thế chưa đủ, toàn bộ bùn nhơ thì ông trút lên đầu "chủ nghĩa xã hội chân chính", miễn sao không làm bẩn đôi giày của Gơ-tơ là được. Kể từ "Cuộc vận động ở Pháp" cho đến thơ "Đứa con gái hoang" – ông Grun gánh chịu tất cả, tất cả không trừ một tác phẩm nào (tr. 133 – 170), biểu thị một lòng trung thành có thể làm cho cả những con người như Buy-sê cũng phải cảm động đến rơi lệ. Nhưng khi tất cả đều vô ích, khi bùn đã quá sâu, thì lúc đó ông cho ra cách giải thích có tính chất xã hội cao siêu, và ông Grun chú giải đoạn sau:

Về số phận đáng buồn của Người, ôi nước Pháp, hãy để cho các vĩ nhân suy nghĩ.

Nhưng thực ra – ai là nhân vật thấp bé hơn, phải suy nghĩ gấp đôi!.

Sự tiêu vong đang chờ đợi những vĩ nhân. Nhưng ai là người bảo vệ quần chúng.

Chống quần chúng ư? Quần chúng – đó chính là tên bạo chúa đối với quần

chúng¹⁰⁷.

"Ai sẽ là người bảo vệ?" – ông Grun la lên hết sức mình, viện đến cả cách viết nhấn mạnh, đến cả dấu hỏi, đến tất cả "những người là hiện thân cho bi kịch của phiếm thần luận cảm tính triết đề". "Nghĩa là ai sẽ là người bảo vệ đám người không có của được gọi là dân đen chống lại đám người có của, chống lại đám bình dân lập pháp!" (tr.137). "Nghĩa là ai sẽ là kẻ bảo vệ" Gơ-tơ chống lại ông Grun?

Bằng cách ấy, Grun lần lượt giải thích tất cả những lời răn dạy thị dân rất đối sáng suốt trong "Thơ trào phúng Vơ-ni-dơ", những lời răn dạy đối với ông "là những chiếc bạt tai do bàn tay hộ pháp của *Héc-quyn* tát mà âm thanh chỉ đến bây giờ chúng ta mới cảm thấy êm tai đến thế" (sau khi cơn nguy biến đã qua khỏi đối với anh tiểu thị dân), "bởi vì chúng ta có kinh nghiệm lớn lao và *cay đắng*" (tất nhiên là hết sức cay đắng đối với anh tiểu thị dân) (tr.136).

Trong bài "Cuộc vây hãm thành Ma-in-xơ", ông Grun

"trong bất cứ trường hợp nào cũng không muốn bỏ qua đoạn sau đây: "Vào thứ ba... tôi vội vã ... *biểu thị lòng tôn kính*... đối với nhà vua của tôi và khi đó tôi đã có *diễm phúc được hầu* hoàng thân... *vị minh chủ của tôi*" v.v..

Còn đoạn Gơ-tơ để cho ông Rít-xơ, người hầu trong cung, người bị cấm sùng và một kẻ ma cô của vua Phô^{1*} chà đạp lên lòng trung quân của mình, thì ông Grun cho rằng không tiện trích dẫn.

Về "*Vị tướng – công dân*" và "*Những người lưu vong*", chúng ta được biết rằng:

"Toàn bộ ác cảm của Gơ-tơ đối với cách mạng thường được diễn đạt bằng thơ như vậy, là gắn liền với những nỗi đau khổ lai láng bất tận ấy, gắn liền với sự việc

^{1*} – Phri-đrich Vin-hem II.

là ông thấy những người bị đuổi ra khỏi những lãnh địa kiếm được và *tạo ra được một cách lương thiện*, mà bọn âm mưu, bọn đồ kỵ" v.v. "mưu đồ chiếm đoạt" v.v., ác cảm "gắn liền với chính *sự cướp đoạt* bất công đó"... Cái bản tính *thích thanh bình, chí thú* của ông đã bất bình vì sự xâm phạm quyền sở hữu, được tiến hành *một cách chuyên quyền* và đầy hàng loạt người vào cảnh bỏ nhà bỏ cửa trốn và lâm vào cảnh khốn cùng" (tr.151).

Chúng ta giao lại không bình luận gì đoạn văn này cho "con người" mà bản chất "thích thanh bình, chí thú" cảm thấy thoải mái giữa "những lãnh địa" kiếm và tạo ra được một cách lương thiện, nói nôm na là những "lãnh địa" kiếm được một cách chính đáng, đến nỗi y tuyên bố rằng những cơn bão táp cách mạng đã quét sạch sans facon^{1*} các lãnh địa ấy, "là hành động chuyên quyền", là việc làm của "bọn âm mưu, bọn đồ kỵ" v.v..

Sau tất cả những điều đã nói trên chúng ta không lấy làm lạ rằng bài tình ca thơ mộng thị dân của "*Héc-man và Đô-rô-tê*" với những người dân tỉnh lẻ nhút nhát và sáng suốt của nó, với những người nông dân khóc lóc trong nỗi hoảng sợ mê tín đang chạy trốn khỏi quân đội của những người cách mạng, chạy trốn sự khủng khiếp của chiến tranh, đã gây cho ông Grun "một niềm vui sướng trong sáng nhất" (tr.165).

"Ông Grun thậm chí đã yên trí thoả mãn với cái sứ mệnh hạn chế rất cuộc ... đã được trao cho nhân dân Đức:

Là việc làm không thích hợp với người Đức

Tiếp tục cái phong trào khủng khiếp ấy mà không biết nhích về phía này hay về phía kia"¹⁰⁸.

Ông Grun đã xử sự đúng khi đã rõ những giọt lệ chia buồn về những hy sinh mất mát của cái thời đại nặng nề và, trong sự tuyệt vọng đượm tình yêu nước, ông đã ngửa mặt nhìn trời trước những đòn giáng xuống đó của số mệnh. Vốn dĩ đã có không ít

^{1*} – thẳng tay

những người hư hỏng và truy lạc mà trong lòng ngực không còn quả tim "con người" đang đập nữa, họ thích hòa theo bài "Mác-xây-e" trong hàng ngũ phe cộng hoà và thậm chí trong cái phòng nhỏ bị bỏ đi của Đô-rô-tê đã tự cho phép mình đùa cợt tục tĩu. Ông Grun là một người đàn ông có phẩm hạnh nên đã nổi giận trước sự nhảm tâm của một Hê-ghezen nào đó khi nhìn "những bông hoa nhỏ thanh bình" bị xéo nát trong tiến trình bão táp của lịch sử, và chế giễu "những lời than vãn nhạt nhẽo về những phẩm hạnh cá nhân như tính khiêm tốn, tính hiền lành, lòng nhân từ, lòng trắc ẩn" đang vang lên "chống lại những hành động có tính chất lịch sử toàn thể giới và những nhân vật thực hiện những hành động ấy"¹⁰⁹. Ông Grun đã xử sự đúng trong việc này. Ông sẽ được nhận phần thưởng xứng đáng trên thiên đường.

Chúng ta kết thúc những lời bình luận của "con người" đối với cách mạng bằng lời phát biểu sau đây: "Một anh hề chính công có thể cho phép mình thừa nhận rằng bản thân Hội nghị Quốc ước là đáng buồn cười vô cùng"; và trong lúc chưa tìm ra được "anh hề chính công" đó thì trong thời gian ấy ông Grun đã cho chúng ta những lời dạy bảo cần thiết cho điều đó (tr.151 và 152).

Về thái độ của Gơ-tơ đối với chính trị sau cách mạng thì lại một lần nữa ông Grun lại cho chúng ta những lời giải thích đáng sừng sốt. Chúng ta chỉ đưa ra một ví dụ. Chúng ta đã biết sự hằn học sâu sắc như thế nào đối với những người thuộc phái tự do đang chứa chất trong lòng "con người". "Nhà thơ của con người", tất nhiên, không thể chui được vào mô khi chưa đoạn tuyệt hẳn một cách đặc biệt với họ và chưa để lại được một lời răn dạy nào đó cho các ngài Ven-cơ, I-txơ-stanh và đồng bọn. Lời răn dạy đó, "nhân vật tự mãn và giáo quyệt" của chúng ta tìm thấy ở đoạn sau đây (xem tr.319) trong tập thơ "Sự chiêm biếm ôn hòa":

Vâng, tất cả cái đó cũng là thứ phân thú vật cũ!

Đã từ lâu làm chán ngán người khác

Đứng im tại chỗ. Hãy tiến lên phía trước!

Giảm chân tại chỗ thì không nên!

Một quan điểm đã được Gơ-tơ nêu ra: "Không gì gây được sự chán ghét lớn hơn là *đa số*, bởi vì nó gồm một số thủ lĩnh mạnh, những kẻ bịp bợm biết tùy cơ ứng biến, những kẻ yếu đuối bị đồng hóa và đám quần chúng cứ chạy lon ton sau bọn ấy, không hề biết là mình muốn gì"¹¹⁰, – cái ý kiến thực sự phi-li-xtanh ấy được nổi bật lên bởi sự dốt nát và sự thiên cận chỉ có thể có trên lãnh thổ hạn chế của cái quốc gia Đức tí hon, thì đối với ông Grun là cả "một sự phê phán đối với nhà nước pháp quyền gần đây nhất (có nghĩa là hiện đại)". Sự phê phán ấy xác đáng đến mức nào, có thể xác định được "chẳng hạn trong bất cứ viện dân biểu nào" (tr.268). Như vậy là, "cái bụng" của nghị viện Pháp¹¹¹ chỉ vì ngu dốt mà lo liệu cho bản thân và cho những kẻ giống như nó tuyệt diệu được đến như thế. Tiếp đó mấy trang tiếp theo (tr.271), đối với ông Grun, "*cách mạng tháng Bảy*" đã mang tính chất "định mệnh", và ngay ở tr.34, ông đã phê phán nghiêm khắc *Liên minh thuế quan*, bởi vì nó "*làm cho quần áo rách rưới che tấm thân lỏa lồ của người trần truồng bị rét càng đắt đỏ hơn đối với họ để cùng cố dù chỉ là chút ít nền tảng của ngai vàng (!) của bọn trùm tài chính mang tư tưởng tự do*" (như mọi người đều biết, ở tất cả các nước thuộc Liên minh thuế quan, bọn này là đối lập với "ngai vàng"). Như ai nấy đều biết, anh tiểu thị dân ở Đức bao giờ cũng đưa "người trần truồng" và "người bị rét" lên hàng đầu khi bàn về việc chống lại chế độ thuế quan bảo hộ hoặc một biện pháp tư sản tiến bộ nào đó, còn "con người" thì liên hiệp với anh tiểu thị dân.

Sự phê phán của Gơ-tơ đối với xã hội và nhà nước thông qua ông Grun đã mang lại cho ta những lời giải thích gì về "bản chất con người"?

Trước hết, căn cứ theo tr.264, "con người" cảm thấy một sự tôn

kính sâu sắc nhất đối với "các tầng lớp có học thức" nói chung và cảm giác kính nể của khoảng cách ngăn cách y với quý tộc lớp trên nói riêng. Tiếp đó, đặc trưng của y là sự hoảng sợ tột độ trước mọi phong trào quần chúng rộng lớn, trước mọi hành động xã hội quyết liệt; khi việc đó đến gần thì hoặc y khiếp nhược nấp kín sau lò sưởi, hoặc vội vàng cuốn gói chạy trốn. Khi phong trào tiếp tục kéo dài, thì nó chỉ là một "kinh nghiệm chua xót" đối với y; nhưng hễ nó vừa kết thúc là chẳng khách khí gì y tiến ngay ra phía trước sân khấu, dùng bàn tay hộ pháp của Héc-quyn phân phát những chiếc tát mà âm thanh chỉ bây giờ mới bắt đầu êm tai như vậy đối với y và y thấy tất cả cái gì đã xảy ra đều "hết sức buồn cười". Lúc đó, y toàn tâm toàn ý hướng về "cái cơ nghiệp nhờ tiền công lĩnh được và lợi nhuận thu được một cách lương thiện mà có" và ngoài ra thì hoàn toàn thuộc "bản tính vui thú điền viên và hiền hoà"; y khiêm tốn, hài lòng với điều ít ỏi, và mong muốn rằng đừng có những cơn bão táp nào ngăn trở y hưởng thụ những lạc thú nhỏ bé, êm đềm của y. "Con người vui lòng sống trong một hoàn cảnh eo hẹp" (tr.191, và đó là *câu đầu tiên* mở đầu "phần thứ hai"); y không thêm muốn được như một người nào đó và cảm ơn đáng tạo hóa nếu người ta để cho y yên thân. Tóm lại, "con người" mà chúng ta đã biết rằng y là *người Đức* bẩm sinh, y bắt đầu dần dần giống *người tiểu tư sản Đức* như hai giọt nước.

Thực ra, sự phê phán của Gơ-tơ đối với xã hội thông qua ông Grun chung quy lại là gì? "Con người" cho rằng cần phải quy lỗi cho xã hội về cái gì? Một là, xã hội không đáp ứng được những ảo tưởng của y. Nhưng những ảo tưởng ấy lại vừa vặn đúng là những ảo tưởng của anh tiểu thị dân làm cái việc tư tưởng hoá, và đặc biệt là của những anh tiểu thị dân trẻ, và nếu như hiện thực tiểu thị dân không phù hợp với những ảo tưởng ấy thì đó chỉ là vì những ảo tưởng ấy chỉ là ảo tưởng mà thôi. Thế nhưng chính những ảo tưởng ấy lại càng phù hợp với hiện thực tiểu thị

dân hơn. Những ảo tưởng ấy chỉ khác hiện thực đó ở một mức độ cũng như sự biểu hiện của một trạng thái nào đó được chuyển sang một lĩnh vực tư tưởng khác với chính trạng thái đó, cho nên từ nay không thể bàn đến việc thực hiện chúng được. Đó là những bài bình luận của ông Grun đối với "Véc-te".

Hai là, cuộc bút chiến của "con người" nhằm chống lại tất cả những gì đe dọa chế độ tiểu thị dân ở Đức. Toàn bộ cuộc bút chiến của y chống lại cách mạng là bút chiến của anh tiểu thị dân. Trong sự căm thù của y đối với những người theo phái tự do, với Cách mạng tháng Bảy, với chế độ thuế quan bảo hộ đã biểu thị một cách rõ rệt nhất sự căm thù của giai cấp tiểu tư sản lạc hậu đã bị đè bẹp đối với giai cấp tư sản tiến bộ độc lập. Để minh hoạ điều đó, chúng ta dẫn thêm hai thí dụ nữa.

Như mọi người đều biết, sự phồn vinh của tầng lớp tiểu thị dân gắn liền với chế độ phường hội. Ở tr. 40, theo tinh thần của Gơ-tơ nghĩa là của "con người", ông Grun nói: "Thời trung cổ, nghiệp đoàn đã cổ kết *con người mạnh* với *những người mạnh* khác và làm như vậy là bảo vệ được anh ta". Dưới con mắt của "con người", những thị dân thuộc phường hội thời bấy giờ là "những con người mạnh".

Nhưng chế độ phường hội trong thời đại của Gơ-tơ đã lâm vào tình trạng suy sụp, sự cạnh tranh đã tràn ngập từ mọi phía. Gơ-tơ, với tư cách là một tiểu thị dân chân chính, trong một đoạn hồi ký của mình, mà ông Grun dẫn ra ở tr. 88, đã thổ lộ những lời than vãn xé lòng về sự tan rã đang bắt đầu của tầng lớp tiểu thị dân, về sự phá sản của những gia đình khá giả, sự suy sụp của đời sống gia đình gắn liền với tình hình trên, sự suy yếu của những mối quan hệ trong gia đình và những nỗi đau buồn khác của người thị dân đang bị khinh bỉ một cách đích đáng ở các nước văn minh. Còn ông Grun thấy ở đoạn ấy có sự phê phán tuyệt diệu đối với xã hội đương thời, không đẹp được sự vui mừng liên

cho in kèm theo sự nhấn mạnh toàn bộ "nội dung con người" của đoạn trích dẫn đó.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang cái "nội dung con người" tích cực ở Gơ-tơ. Bây giờ chúng ta có thể tiến về phía trước nhanh hơn, bởi vì chúng ta đã tìm thấy vết chân của "con người".

Trước tiên cần phải chú ý tới điều phần khởi quan sát được sau đây: "Vin-hem Mây-xơ chạy trốn khỏi nhà cha mẹ", còn trong "Éc-mông-tê" "những công nhân của thành phố Bruy-xen bảo vệ những quyền lợi và đặc quyền của mình" đều chỉ để "trở thành người dân", chứ không vì nguyên nhân nào khác (tr. XVII).

Ông Grun đã có một lần bắt được ông già Gơ-tơ đi theo con đường của Pru-đông. Ở tr. 320, ông ta lại may mắn vớ được Gơ-tơ một lần nữa!

"Điều mà ông mong muốn, mà tất cả chúng ta mong muốn, là cứu cái nhân cách của chúng ta, cái *tình trạng vô chính phủ* theo đúng nghĩa của nó, Gơ-tơ nói về điều đó như sau:

"Tình trạng vô chính phủ ở thế kỷ chúng ta

Mà tôi rất thích, — thú thật đúng như thế —

Là sao cho mỗi người, và cả tôi nữa,

Có thể sống như mình muốn"¹¹² v.v..

Ông Grun đã đạt tới đỉnh cao của hạnh phúc: tình trạng vô chính phủ trong xã hội của "con người" chân chính do Pru-đông đưa ra đầu tiên và những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" Đức chấp nhận một cách khoái trá, tình trạng vô chính phủ ấy cũng có thể được tìm thấy ngay ở Gơ-tơ. Tuy nhiên, lần này ông ta đã phạm sai lầm. Ở đây Gơ-tơ nói đến "cái tình trạng vô chính phủ" đã tồn tại "trong thế kỷ chúng ta", tạo thành nó là sự ưu việt của ông, và theo đó mỗi người sống như mình muốn, nghĩa là Gơ-tơ nói đến tính độc lập trong các quan hệ thuộc đời sống hàng ngày xuất hiện do sự tan rã của chế độ phong kiến và phường hội, sự hưng thịnh của giai cấp tư sản và sự loại trừ chế độ gia

trường ra khỏi đời sống xã hội của các giai cấp có học thức. Về tình trạng vô chính phủ *tương lai* — rất thân yêu đối với ông Grun — một tình trạng vô chính phủ với nghĩa cao nhất của từ đó — thì cũng không thể nói đến ở đây được nữa vì lý do *ngữ pháp*. Ở đây Gơ-tơ hoàn toàn không nói đến "cái mà ông mong muốn", mà nói đến cái mà ông đã thấy có sẵn.

Nhưng cái sai lầm nhỏ ấy không phải là một trở ngại. Tuy vậy chúng ta có bài thơ "Tài sản":

Tôi biết rằng thuộc về tôi

Chỉ có tư tưởng sinh ra

Từ sự xao huyền của tâm hồn tôi,

Cũng như mỗi khoảng khắc vàng ngọc,

Mà số phận may mắn của tôi

Ban cho tôi để có hạnh phúc.

Nếu không thấy rằng trong bài thơ này "tài sản tồn tại cho đến ngày nay đang biến đi như mây khói" (tr.320) thì lý trí đã im hơi lặng tiếng ở ông Grun rồi.

Nhưng chúng ta hãy mặc xác những trò giải trí thêm, vụn vặt, theo kiểu bình luận của ông Grun đấy. Những trò này quả thực không sao đếm xuể và mỗi trò mới lại càng hoàn toàn bất ngờ hơn cái trò trước nó. Chúng ta hãy xem kỹ hơn về "con người" một lần nữa.

Chúng ta đã nghe nói rằng "con người vui lòng sống trong một hoàn cảnh eo hẹp". Anh tiểu thị dân thì cũng vậy thôi.

"Những đứa con đầu lòng của Gơ-tơ đều mang tính chất "*thuần túy xã hội*" (có nghĩa là có tính người"... "Gơ-tơ trân trọng những cái gì *gần gũi nhất, tâm thường nhất, có đầy đủ tiện nghi nhất*" (tr.88).

Cái thiết thực thứ nhất mà chúng ta phát hiện ở con người, đó là niềm vui sướng tràn ngập "cuộc sống yên ổn, tâm thường nhất, đầy đủ tiện nghi nhất", của anh tiểu thị dân của y.

Ông Grun tóm tắt lời phát biểu của Gơ-tơ: "Nếu chúng ta tìm được trên thế

giới này một nơi mà ở đó chúng ta có thể sống yên tĩnh và sở hữu được tài sản của mình, có ruộng đất nuôi sống chúng ta, có nhà che mưa che nắng cho chúng ta, thì nơi đó chẳng phải là tổ quốc của chúng ta hay sao?"

Và ông Grun thốt lên:

"Chẳng phải những lời đó ngày nay cũng diễn đạt đúng những nguyện vọng của chúng ta là gì?" (tr.32).

"Con người" tất yếu phải mang chiếc áo choàng à la propriétaire^{1*} và qua đó lộ nguyên hình là anh tiểu thị dân chính cống.

Như mọi người đều biết, người thị dân Đức chỉ mơ ước tự do trong một khoảng khắc thời trẻ. "Con người" cũng nổi bật bằng chính cái đặc tính đó. Ông Grun hài lòng nhận xét rằng Gơ-tơ trong những năm cuối đời mình "đã nguyên rủa" "cái nguyện vọng đạt tới tự do", được phun ra ngay từ "Gốt-xơ", "tác phẩm của anh thanh niên tự lập và phản động" ấy, ông ta thậm chí còn dẫn ra in extenso^{2*} sự phủ nhận rụt rè của Gơ-tơ (tr.43). Grun hiểu tự do như thế nào thì về điều này có thể thấy qua việc Grun coi như nhau thứ tự do mà cách mạng Pháp tuyên bố, và thứ tự do của người Thụy Sĩ trong thời gian Gơ-tơ du lịch ở Thụy Sĩ, nghĩa là coi thứ tự do dân chủ lập hiến hiện đại là đồng nhất với sự thống trị của quý tộc và phường hội trong các thành phố để chế thời trung cổ, và thậm chí còn đồng nhất với sự thô lỗ Đức cổ đại của những bộ lạc du mục miền núi An-pơ. Những người dân miền núi của cao nguyên Béc-nơ, theo tên gọi, thậm chí cũng không khác gì những đảng viên phái Núi^{3*} của Hội nghị Quốc ước!

Người thị dân đáng kính là kẻ thù lớn của mọi chuyện tâm

^{1*} — theo kiểu người có của

^{2*} — một cách mở rộng, một cách đầy đủ

^{3*} Chơi chữ : "montagnards" nghĩa đen là "dân miền núi"; đồng thời người ta dùng để gọi những người gia-cô-banh, đại biểu của phái Núi trong Hội nghị Quốc ước thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.

phào và mọi lời báng bổ. "Con người" cũng đúng là như vậy. Nếu ở những chỗ khác nhau Gơ-tơ đều phát biểu về điều đó với tư cách là người thị dân chính cống thì đối với ông Grun, chính cái đó thuộc về "nội dung con người của Gơ-tơ". Và để cho người đọc hoàn toàn tin vào điều đó, ông Grun không những chỉ thu thập những hạt ngọc ấy mà, ở tr.62, còn thêm vào đây cái gì đó trong những lời tâm sự chân thành quý báu của mình, chẳng hạn "những kẻ hay báng bổ... những phường giá áo túi cơm và những đồ ngớ ngẩn" v.v.. Và điều đó đem lại vinh quang cho trái tim ông ta, cũng như cho trái tim của "con người" và của anh thị dân.

Người thị dân không thể sống thiếu "vị quốc vương đáng mến", người cha thân yêu của tổ quốc. Và "con người" cũng không thể sống như vậy. Vì vậy ngay cả Gơ-tơ (ở tr.129) cũng coi Các-lơ Au-gu-xơ là "một vị vua tuyệt diệu". Mà ông Grun anh dũng, đến tận năm 1846 vẫn còn mê muội về "những vị hoàng đế tuyệt diệu"!

Người thị dân chỉ quan tâm đến mỗi sự kiện trong chừng mực nó trực tiếp liên quan đến những quan hệ riêng của mình.

"Thậm chí những sự kiện thường ngày cũng trở thành những vật xa lạ đối với Gơ-tơ, hoặc chúng phá vỡ những *tiện nghi thị dân* của ông, hoặc làm cho ông được đầy đủ tiện nghi hơn; chúng có thể gây ra cho ông sự hứng thú về mặt thẩm mỹ hoặc về mặt *con người*, nhưng tuyệt nhiên không phải về mặt chính trị" (tr.20).

"Vì vậy" ông Grun "chỉ có sự hứng thú của con người đối với một sự vật nào đó" khi nào ông ta nhận thấy rằng sự vật đó "hoặc phá hoại những tiện nghi thị dân của ông, hoặc làm cho ông được đầy đủ tiện nghi hơn". Ở đây, ông Grun thừa nhận, với mức thẳng thắn cao nhất có thể có được, rằng những tiện nghi thị dân là điều chủ yếu đối với "con người".

Ông Grun dành những chương đặc biệt cho các nhân vật "Phau-xơ" và "Vin-hem Mây-xơ". Trước hết chúng ta hãy đề cập tới "Phau-xơ".

Ở tr.116, chúng ta được biết rằng:

"Gơ-tơ chỉ nhờ có phát hiện được cái bí mật của cấu tạo của thực vật" mà ông "có khả năng sáng tạo được Phau-xơ, con người nhân đạo của ông" (rõ ràng là không thể nào lãng tránh được "con người có tính người"). "*Chính*" Phau-xơ cũng vậy ... cũng nhờ vạn vật học mà đã nâng mình lên đến đỉnh cao của bản tính của mình (!).

Chúng ta đã có những ví dụ nói lên rằng, với tư cách "con người nhân đạo", ông Grun "nhờ có vạn vật học mà đã nâng mình lên đến đỉnh cao của bản tính của mình". Rõ ràng, bản tính của ông ta là như vậy đó.

Tiếp sau đó ở tr.231 chúng ta được biết rằng "bộ xương dã thú và xương người", trong cảnh một có nghĩa là "sự trừu tượng hoá toàn bộ cuộc sống của chúng ta, và nói chung ông Grun đối xử với "Phau-xơ" đúng như ông có trước mặt mình bản thân khai của thánh Tô-an Bô-gô-xlốp. Vũ trụ có nghĩa là "triết học của Hê-ghen", là thứ triết học vào thời gian Gơ-tơ viết cảnh này (năm 1806) có lẽ chỉ mới tồn tại trong đầu óc của Hê-ghen và may ra chỉ có trong bản thảo "Hiện tượng học" mà hồi đó Hê-ghen đang sáng tác. Nhưng "nội dung con người" thì có liên quan gì đến trình tự thời gian!

Sự mô tả đế chế La Mã thần thánh đang suy tàn trong phần hai của cuốn "Phau-xơ" thì ở tr.240 ông Grun chẳng suy xét sâu xa gì đã coi ngay là sự mô tả vương triều Lu-i XIV; và ông thêm rằng: "như vậy là *đương nhiên* chúng ta có được hiến pháp và nền cộng hoà". Tất nhiên, "con người" "đương nhiên có được" mọi vật mà những người khác phải lao động cực nhọc mới có được.

Ở tr.246, ông Grun phát hiện cho chúng ta biết rằng phần hai của "Phau-xơ" xét về mặt khoa học tự nhiên của nó "đã trở thành tôn pháp hiện đại giống như "Hài kịch thần thánh" của Đan-tơ đã là tôn pháp của thời trung cổ". Chúng ta giới thiệu nhận xét ấy để lưu ý những nhà nghiên cứu khoa học tự nhiên nào cho tới ngày nay còn tìm thấy quá ít cho mình trong phần hai của "Phau-xơ", và để lưu ý các nhà sử học nào cho đến ngày nay đã tìm thấy trong thi khúc thẩm đượm tinh thần đảng phái của những

đảng viên Gi-bơ-lanh¹¹³ của nhà thơ miền Phlo-ren-xơ ấy một cái gì hoàn toàn khác với "tôn pháp của thời trung cổ"! Dường như ông Grun đã nhìn vào lịch sử cũng bằng con mắt mà, căn cứ theo tr.49, Gơ-tơ đã nhìn vào quá khứ của mình: "Ở nước I-ta-li-a Gơ-tơ đã nhìn về quá khứ của mình bằng *đôi mắt* của A-pô-lông xứ Ben-vê-đe", đôi mắt, pour comble de malheur^{1*}, đã mất hết nhãn cầu.

Vin-hem Mây-xơ là một "người cộng sản", nghĩa là "về lý luận đứng trên quan điểm thẩm mỹ (!)" (tr. 254).

"Ông xây dựng sự nghiệp trên cái hư vô

Vậy mà mạnh bạo làm chủ được thế giới"¹¹⁴ (tr. 257).

Tất nhiên, ông ta có đủ tiền bạc để làm chủ thế giới cũng như bất kỳ nhà tư sản nào cũng làm chủ được thế giới, và để đạt được điều đó ông ta hoàn toàn không cần phải bận tâm và biến thành "một người cộng sản đứng trên quan điểm thẩm mỹ". Dưới cái mái che của "sự hư vô" trên đó Vin-hem Mây-xơ xây dựng sự nghiệp của mình và, như tr. 256 đã giải thích, là cái "hư vô" khá rộng rãi và dư dật để có thể lần tránh được sự khó chịu do cồn ruột sau khi uống rượu. Ông Grun "uống cạn đến giọt cuối cùng tất cả các bình hũ mà không hề bị hậu quả đau đớn gì, không hề bị nhức đầu". Như vậy càng tốt cho "con người" từ nay có thể đắm mê với ma men một cách lén lút mà không bị trừng phạt. Để phục vụ cho giờ phút thực hiện được tất cả điều đó, ngay từ bây giờ ông Grun đã phát hiện rằng bài thơ: "Tôi xây dựng sự nghiệp trên cái hư vô" là bài hát chúc rượu chính cống của "con người chân chính"; "người ta sẽ hát bài này khi mà loài người sẽ được tổ chức sao cho xứng đáng với nó". Và đây ông Grun đã rút

^{1*} — thật hết sức bất hạnh.

gọn nó thành ba đoạn và gạch xoá tất cả những chỗ nào không thích hợp để thanh niên và "con người" biết.

Trong "Vin-hem Mây-xơ" Gơ-tơ đã xác định

"lý tưởng của xã hội loài người". "Con người không phải là một bản chất tiền hành giáo huấn, mà là một bản chất đang sống, đang hoạt động và tác động". "Vin-hem Mây-xơ chính là con người đó". "Bản chất của con người là hoạt động" (bản chất ấy là cái chung, có ở con người với bất kỳ con bộ chó nào) (tr. 257, 258, 261).

Cuối cùng, nói về "Sự giống nhau về phương diện lựa chọn". Cuốn tiểu thuyết vốn đã có tính chất dạy đời ấy lại được ông Grun càng làm cho nó thêm thấm nhuần đạo đức đến nỗi hầu như nó bắt đầu cho chúng ta cảm thấy rằng ông Grun tự đặt cho mình nhiệm vụ phải giới thiệu cuốn "Sự giống nhau về phương diện lựa chọn" làm cuốn sách giáo khoa dùng cho các trường trung học nữ. Ông Grun giải thích rằng Gơ-tơ

"nêu ra sự khác nhau giữa tình yêu và sự kết hôn, thêm vào đó sự khác nhau là ở chỗ đối với ông tình yêu là *cuộc tìm kiếm sự kết hôn*, còn sự kết hôn là tình yêu đã tìm được, đã hoàn thành" (tr. 286).

Như vậy, theo điều nói trên, tình yêu là *những cuộc tìm kiếm* "tình yêu đã tìm được". Điều đó sau này lại còn được giải thích theo ý nghĩa là sau "sự tự do yêu đương của thanh niên" thì phải diễn ra sự kết hôn như là "sự liên kết cuối cùng của tình yêu" (tr. 287). Ở các nước văn minh đúng là như vậy, người cha sáng suốt của gia đình cho phép con trai thoát tiên được phóng đăng trong mấy năm để rồi sau đó tìm cho nó một người vợ thích hợp cho "sự liên kết cuối cùng". Nhưng vào lúc ở các nước văn minh từ lâu người ta đã không còn thấy trong "sự liên kết cuối cùng" ấy một cái gì gò bó về mặt đạo đức, và ở đó, trái lại, người chồng thì nuôi những cô tình nhân, còn vợ để trả thù đã cấm sừng cho chồng, vào lúc đó anh tiểu thị dân lại cứu vớt ông Grun:

"Nếu như con người đã có sự lựa chọn thực sự tự do... nếu hai người đặt cơ sở của sự kết hợp của mình trên ý muốn theo lý trí của cả hai bên" (còn ở đây không nói đến sự say mê, đến nhục dục), "thì phải có thể giới quan của *kẻ dâm dăng* mới

có thể coi sự tan vỡ của sự liên kết ấy là việc không đáng đếm xỉa tới, chứ không phải một hành động đầy đau khổ và bất hạnh như Gơ-tơ nhìn nhận. Song không thể nói đến *sự phóng đăng* ở Gơ-tơ" (tr.288).

Đoạn này khá đặc trưng cho cuộc luận chiến sừng sừng cùng chống lại đạo đức mà thỉnh thoảng ông Grun lại tự tiện tiến hành. Đối với tuổi trẻ, người tiểu thị dân cho rằng có cái cần phải bỏ qua đi, và lại những người trẻ tuổi phóng đăng nhất sau này lại trở thành những người chồng mẫu mực nhất. Nhưng sau hôn lễ, nếu họ có phạm lỗi lầm nào đó thì lúc đó không thể rủ lòng thương, không thể tỏ lòng độ lượng đối với họ, bởi vì họ "phải có thể giới quan của kẻ trụy lạc" mới làm nổi việc đó.

"Thế giới quan của kẻ trụy lạc!" "Sự phóng đăng!" Trước mắt chúng ta đã hiện ra "con người" bằng xương bằng thịt như ta có thể hình dung được. Chúng ta thấy nó đặt tay lên trái tim và reo lên lòng đầy sung sướng và tự hào: Không, tôi hoàn toàn trong sạch, không hề có chuyện suồng sã, "thói phóng đăng và tât xấu", tôi không bao giờ cố ý phá hoại hạnh phúc trong đời sống gia đình yên ấm của một ai, tôi luôn luôn thủy chung và ngay thẳng và không khi nào thêm muốn vợ của người bên cạnh, tôi không phải là "kẻ trụy lạc"!

"Con người" nói đúng đấy. Y sinh ra không phải để thực hiện những vụ mạo hiểm trai lơ với những người đàn bà xinh đẹp, y chưa bao giờ cố ý nghĩ quyến rũ và phá hoại sự thủy chung giữa vợ chồng, y không phải là "kẻ trụy lạc" mà là con người có lương tâm, là một tiểu thị dân Đức ngay thẳng và lương thiện. Y là

"... người chủ quán có tấm lòng hiền hoà,

Cứ mãi mãi uể oải phì phèo cái tàu thuốc của mình.

Như một chiếc lá, y run sợ trước vợ mình.

Vợ y toàn quyền nắm kinh tế,

Còn y bị cấm sừng, đôi khi còn bị đòn

Mà sống, hoàn toàn bằng lòng với số phận của mình"

(Những chàng trai, "Goddam"^{1*}, khúc ca III).

Chúng ta chỉ còn một lời nhận xét nữa. Nếu ở các dòng dẫn ra trên đây chúng ta chỉ xem xét Gơ-tơ về một mặt mà thôi thì đó hoàn toàn là lỗi của ông Grun. Ông ta hoàn toàn không mô tả mặt vĩ đại của Gơ-tơ. Ông ta hoặc đã vội vã lướt qua tất cả những gì là thực sự vĩ đại và thiên tài ở Gơ-tơ, chẳng hạn, đã lướt qua "Những bài bi ca thành La Mã" của "anh chàng trụy lạc" của Gơ-tơ, hoặc nói tràng giang đại hải những câu sáo rỗng về điều đó, những câu sáo rỗng này chỉ tỏ chứng tỏ rằng ở đó ông ta chẳng có gì để mà nói. Nhưng, với một sự cẩn mẫn khá hiếm có nơi ông, ông ta đã tìm kiếm tất cả những cái gì có tính chất phi-li-xtanh tiểu thị dân, vụn vặt, cũng tập hợp tất cả lại và cường điệu lên theo tất cả các quy tắc của sáng tác văn học và reo mừng mỗi khi xuất hiện khả năng củng cố tính hẹp hòi của bản thân mình bằng cái uy tín thường là bị xuyên tạc đi của Gơ-tơ.

Lịch sử đã trả thù Gơ-tơ về tội cứ mỗi lần giáp mặt với nó là Gơ-tơ lại phủ nhận nó, mà trả thù không phải bằng những lời cầu nhàu của Men-txen và cũng không phải bằng sự luận chiến thiển cận của Bóc-nơ. Không giống như

Người không lồ, đến xứ xở của diệu kỳ và tiên nữ,

Đã rơi vào vòng tay của Nền tảng¹¹⁵

Gơ-tơ đã một lần tỉnh dậy như vậy trong cánh tay của ông Grun. Lời biện hộ của ông Grun, những lời lẽ bày tỏ sự biết ơn nồng nhiệt mà ông ta lấp bắp đối với mỗi từ ngữ nghe khá kêu nhưng rất tầm thường của Gơ-tơ, – đó chính là sự trả thù tàn

^{1*} Từ cảm thán trong ngôn ngữ Anh, tương đương với từ sau đây trong tiếng Nga: "Đồ đáng nguyên rủa!". "Khốn nạn thân tôi!" v.v.; ở Pháp từ này được dùng để chế giễu người Anh.

nhẫn nhát mà lịch sử đã bị xúc phạm có thể dành cho nhà thơ Đức vĩ đại nhất.

Nhưng, còn ông Grun thì "có thể nhắm mắt với nhận thức rằng ông không bôi nhọ cái sứ mệnh là một con người" (tr. 248).

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối năm 1846 –
đầu năm 1847*

*Đã đăng trên "Deutsche-Brüsseler –
Zeitung" các số 73, 74, 93, 94, 95, 96, 97
và 98; các ngày 12 và 16 tháng Chín; 21,
25 và 28 tháng Mười một; 2, 5 và 9 tháng
Chạp 1847*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

PH. ĂNG-GHEN

ĐẠI HỘI CÁC NHÀ KINH TẾ HỌC

Như mọi người đều biết, ở đây có một số luật sư, quan chức, bác sĩ, kẻ thực lợi, nhà buôn v.v. núp dưới tấm biển Hội bảo vệ mậu dịch tự do (giống như hội ở Pa-ri) lên lớp cho nhau về những điều sơ đẳng về khoa kinh tế chính trị. Ba ngày cuối tuần trước các vị đó được sung sướng hết mực. Họ tiến hành đại hội vĩ đại của họ gồm có các nhà kinh tế học lớn nhất của tất cả các nước, họ được hưởng niềm khoái lạc khôn tả, khi được nghe những chân lý kinh tế học chẳng phải từ miệng một ngài Giuy-lơ Bác-ten-xơ, một Lơ Ấc-đi đờ Bô-li-ơ, một Pha-đơ, tức một Phê-đơ^{1*} nào đấy, hoặc một danh nhân bí ẩn khác, không, họ được nghe những chân lý đó từ miệng chính những trụ cột của nền khoa học. Họ sung sướng, họ khoái trá, họ đắm trong hoan lạc, họ bay trên chín tầng mây.

Nhưng, bản thân những trụ cột của nền khoa học thì lại được sung sướng ít hơn nhiều. Họ tưởng rằng cuộc chiến đấu sẽ dễ dàng thuận lợi, ấy thế mà nó lại rất ác liệt đối với họ; họ tưởng tượng là họ sẽ tới đó, ngó nhìn và chiến thắng, ai ngờ họ chỉ giành được thắng lợi trong khi biểu quyết, trong khi ấy thì trong những cuộc tranh luận, ngay vào ngày thứ hai họ đã bị đánh bại

^{1*} Chơi chữ: Fader do từ "fade" ("đục", "tầm thường") mà ra; Faider là tên một người dự hội nghị các nhà kinh tế học.

về cơ bản, còn sang ngày thứ ba chỉ nhờ có những mưu mẹo họ mới tránh được đòn thất bại mới, còn triệt để hơn. Và nếu như đám cử tọa đắm trong hoan lạc của họ không nhận ra tất cả những điều đó thì bản thân họ phải đau lòng cảm thấy điều ấy.

Chúng tôi có dự đại hội. Ngay trước đây chúng tôi cũng không thấy đặc biệt cảm phục những trụ cột đó của nền khoa học mà sự uyên bác của họ chủ yếu là ở chỗ họ luôn luôn hết sức thân nhiên mâu thuẫn với nhau và với chính mình. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng sau đại hội này chúng tôi mất nốt phần cuối cùng còn sót lại của sự cảm phục mà chúng tôi có thể còn cảm thấy như thế nào đấy đối với những vị có những ý kiến viết ra hay phát biểu miệng mà trước đây chúng tôi còn ít được biết tới. Phải thừa nhận rằng chúng tôi sững sốt trước cái số lượng những điều dung tục và lỗ bịch, trước cái số lượng những điều tầm thường cả thế giới đều đã rõ mà chúng tôi phải nghe. Phải thừa nhận rằng, chúng tôi không ngờ là ở các nhà hoạt động khoa học lại chẳng tìm được điều gì hay hơn, ngoài những chân lý sơ đẳng về khoa kinh tế chính trị có thể là mới mẻ đối với trẻ em bảy, tám tuổi, nhưng với những người lớn, đặc biệt là các hội viên Hội bảo vệ mậu dịch tự do thì, cứ theo mọi ước đoán, dù sao cũng phải biết quá đi chứ. Nhưng các vị đó hiểu thính giả của họ rõ hơn chúng tôi.

Tại đại hội, người Anh xử sự hay hơn cả. Họ là những người sôi sảng nhất trong vấn đề này; họ rất quan tâm đến việc tìm ra các thị trường trên lục địa; vấn đề mậu dịch tự do đối với họ là vấn đề sống còn. Họ cho thấy điều này khá rõ: họ là những kẻ, mà trong những hoàn cảnh khác, không bao giờ dùng một thứ ngôn ngữ khác, ngoài tiếng Anh của họ, thì ở đây, – vì lợi ích của free-trade^{1*} yêu quý của mình – họ đã hạ mình xuống đến mức

^{1*} – mậu dịch tự do

phát biểu bằng tiếng Pháp. Điều này cho thấy rõ là vấn đề này động chạm đến cái hủu bao của họ mạnh tới mức nào. Người Pháp phát biểu như những nhà tư tưởng trừu tượng và các nhà bác học không tưởng. Họ không làm lóe lên được lấy một lần cái sự sắc sảo của người Pháp lẫn sự độc đáo về tư tưởng. Tuy thế, ít ra họ cũng nói tiếng Pháp rất hay mà ở Bruy-xen ít khi được nghe thứ tiếng Pháp như thế. – Người Hà Lan thì nói năng nhợt nhạt và lên mặt dạy đời. Hoàn toàn không thể hiểu nổi ngài Đa-vít người Đan Mạch. Người Bỉ đứng ra đã đóng vai trò thánh giả thụ động, hay trong trường hợp khả quan nhất thì phát biểu ngang với trình độ công nghiệp dân tộc của họ, được chuyên môn hóa về mặt bất chước. Và sau hết, người Đức, – không kể Véc-thơ là người đã phát biểu với tư cách người Anh hơn là người Đức, – là *partie honteuse*^{1*} của toàn đại hội. Về phương diện này cần trao cho họ giải nhất mới phải, nếu như cuối cùng không có một vị người Bỉ đã giật mắt của họ đem về cho dân tộc mình.

Ngày đầu tiên. Thảo luận chung. Ngài Phê-đơ thay mặt người Bỉ đã khai mạc buổi thảo luận; qua toàn bộ bài diễn văn của mình, qua phong cách và lời nói của mình, ông ta phô ra cái điệu bộ công tử làm thiên hạ phải chú ý tới, cái thói công tử vênh váo đáng ghét đi khoe mẽ về mình trên các đường phố và tại các nơi du ngoạn của Bruy-xen. Ngài Phê-đơ bắt đầu bằng những câu trống rỗng và chỉ vừa vắn đi tới được những chân lý sơ đẳng ai nấy đều biết của khoa kinh tế chính trị. Chúng ta sẽ không dành cho ông ta một số thời gian ngang số thời gian mà ông ta đã ngốn mất của chúng ta bằng món canh nhạt như nước ốc và vô tận của ông ta.

Ngài Vô-lốp-xki, vị giáo sư v.v. của Pa-ri, bước lên diễn đàn.

^{1*} – vết nhơ

Kẻ ba hoa tự phụ và thiên cận, một anh chàng Do Thái gốc Ba Lan đã Pháp hóa đó đã biết kết hợp trong người mình những tật xấu của cả ba dân tộc mà không tiếp thu được lấy một ưu điểm nào của họ. Với bài nói soạn sẵn đầy những điều nguy biến bất ngờ ngài Vô-lốp-xki đã gây ra một không khí thật là hào hứng sôi nổi. Song, đáng tiếc là bài nói ấy lại không là tác phẩm của riêng ông ta; nó được cốp nhặt ở cuốn "Những điều nguy biến về kinh tế học" của ngài Phrê-đê-rích Ba-xti-a¹¹⁶. Công chúng Bruy-xen vỗ tay hoan hô nhiệt liệt đương nhiên là không biết chuyện này. – Ngài Vô-lốp-xki tỏ ý tiếc rằng một *người Đức* theo phái thuế quan bảo hộ sẽ phản đối ông ta và như vậy là những người Pháp theo phái thuế quan bảo hộ đã bỏ mất quyền chủ động. Vì điều này mà ông ta đã bị trừng phạt. Trong phần kết thúc bài nói của mình, ngài Vô-lốp-xki đã tỏ ra hết sức lố bịch. Ông ta bắt đầu huyền thuyên về các giai cấp cần lao, ông ta hứa trời hứa biển với họ về cái lợi lộc nhờ chính sách mậu dịch tự do và thay mặt họ công kích phái thuế quan bảo hộ với một thái độ công phần giả nhân giả nghĩa. Phải, ông ta la hét, cố gắng cất cao nhất những nốt rung động lòng người, phải, phái thuế quan bảo hộ, "bọn người ấy ở đây này, ở trái tim này" (khi ấy ông ta vỗ vỗ vào cái bụng phệ tròn căng của ông ta) "không có lấy một chút thông cảm nào với các giai cấp cần lao", – phái thuế quan bảo hộ đó cản trở chúng ta thực hiện những ước mơ thiêng liêng và giúp đỡ công nhân thoát khỏi cảnh nghèo đói! Nhưng hỡi ôi, sự phẫn nộ của ông ta vờ vệt quá dối thì làm sao mà gây được dù là một ấn tượng nào đó đối với số ít công nhân đang có mặt ngoài hành lang.

Ngài Rít-tinh-hau-den ở Khuê, người đại diện cho tổ quốc Đức, đã đọc một bài diễn văn nhợt nhạt vô cùng nhằm bảo vệ chính sách thuế quan bảo hộ. Ông ta phát biểu với tư cách một người

Đức chân chính. Với vẻ mặt hết sức ủ rũ, ông ta phàn nàn về tình hình tồi tệ ở Đức, về sự bất lực của nền công nghiệp Đức và nói trắng ra là lạy lục người Anh để họ vẫn cứ cho phép nước Đức được bảo vệ lấy mình trước cuộc cạnh tranh nặng nề của họ. Thừa các ngài tôn kính, ông ta nói, làm sao mà các ngài lại muốn thi hành ở nước chúng tôi chính sách mậu dịch tự do, lại muốn chúng tôi tự do cạnh tranh với tất cả các nước khi mà ở nước chúng tôi cho tới nay hầu như ở khắp mọi nơi vẫn còn tồn tại các phường hội, khi mà ngay *bản thân* chúng tôi cũng hoàn toàn không thể tự do cạnh tranh *với nhau*?

Đáp lời ngài Rít-tinh-hau-den là ngài Blăng-ki, một giáo sư, một nghị sĩ và một đảng viên bảo thủ tiến bộ ở Pa-ri, tác giả của một tác phẩm thâm hại về lịch sử khoa kinh tế chính trị¹¹⁷ và nhiều tác phẩm tồi tệ khác, trụ cột chính của cái gọi là "trường phái Pháp" trong khoa kinh tế chính trị. Đó là một người rất béo tốt, bệ vệ, với nét mặt được kết hợp một cách khả ố cái vẻ nghiêm nghị vờ vịt, lời lẽ ngọt ngào và lòng nhân ái, một người được thưởng huân chương Bắc đẩu bội tinh, cela va sans dire^{1*}. Ngài Blăng-ki nói hết sức sinh động, nhưng trong bài nói của ông ta lại hết sức ít những tư tưởng sinh động, và điều này tất nhiên là phải làm cho những kẻ ủng hộ mậu dịch tự do ở Bruy-xen khoái chí. Vả lại, những điều ông ta nói ra còn mười lần vô dụng hơn những điều mà ông ta viết ra từ trước. Chúng ta sẽ không dừng lại ở những câu văn đó.

Đọc diễn văn sau đó là ngài tiến sĩ Bao-rinh, một nghị sĩ cấp tiến, người kế thừa sự sáng suốt của Ben-tam và là người giữ bộ xương của ông¹¹⁸. Bản thân ông ta cũng là một loại bộ xương của Ben-tam. Rõ ràng là những cuộc bầu cử đã qua rồi; ngài Bao-rinh

^{1*} — lẽ tất nhiên.

thấy không cần nhượng bộ nhân dân nữa và đã phát biểu như một nhà tư sản chính cống. Ông ta nói tiếng Pháp rất lưu loát và đúng, với giọng người Anh rất rõ, tăng cường hiệu lực của những lời nói của ông ta bằng những điệu bộ mạnh mẽ và ngộ nghĩnh nhất mà chúng ta đã từng thấy. Ngài Bao-rinh, vị đại diện cho giai cấp tư sản Anh hám lợi nhất, tuyên bố rằng rút cục đã tới lúc cần vứt bỏ chủ nghĩa vị kỷ và bắt đầu gần hạnh phúc của riêng mình với hạnh phúc của những người gần gũi với mình. Đương nhiên là ông ta có dẫn ra một "chân lý" kinh tế cũ rích nói rằng có thể ký với nhà triệu phú nhiều hợp đồng hơn và do đó mà cũng có thể kiếm chác ở y nhiều hơn là với kẻ nắm một nghìn ta-le nào đấy. — Tiếp cho phần kết luận là một bài ca hân hoan gửi vị sứ giả nhà trời — kẻ buôn lậu.

Phát biểu sau ông ta là ngài Duy-sa-tô, chủ tịch Hội khuyến khích lao động dân tộc Va-lan-xi-en, là người đã đáp lại lời thách thức của Vô-lốp-xki, đã bảo vệ chính sách thuế quan bảo hộ của Pháp. Ông ta lặp lại rất điềm tĩnh và rất khúc chiết những luận điểm mà ai cũng biết của phái thuế quan bảo hộ nhận định hoàn toàn đúng rằng chỉ riêng những luận điểm ấy cũng đủ để gây tâm trạng buồn rầu ở các ngài theo phái mậu dịch tự do trong suốt quá trình đại hội. Nhất định đó là diễn giả khá nhất trong ngày.

Ngài I-u-ác-tơ, nghị sĩ, đã trả lời ông ta bằng thứ tiếng Pháp hầu như không hiểu nổi, lặp lại những câu văn tầm thường và đã nhằm tai của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc¹¹⁹ mà ở Anh, từ lâu hầu như không một đứa trẻ nào ở ngoài phố không biết.

Chỉ vì tôn trọng thứ tự mà cần nhắc đến ngài Cam-pan, đại biểu của hội những người ủng hộ mậu dịch tự do ở Boóc-đô. Tất

cả những gì ông ta nói đều vụn vặt đến nỗi không ai nhớ được lấy một lời nào.

Đại tá Tô-m-xơn, nghị sĩ, đã quy toàn bộ vấn đề về một trường hợp giản đơn: ở một thành phố nọ những người đánh xe ngựa đòi mỗi chuyến 1 $\frac{1}{2}$ phrăng. Và thế là xuất hiện xe ngựa chở khách nhiều chỗ ngồi đòi 1 phrăng cho cũng một chuyến đi như thế. Những người đánh xe ngựa sẽ nói, như vậy là cứ mỗi chuyến 1/2 phrăng bị loại ra khỏi quá trình lưu thông thương nghiệp. Có phải thế không nào? Số 1/2 phrăng đó chạy đi đâu? Như vậy thì người hành khách sẽ dùng số tiền ấy mua cho mình một thứ gì khác - miếng pa-tê, chiếc bánh ngọt v.v.. Nghĩa là 1/2 phrăng vẫn cứ rơi vào lưu thông thương nghiệp, còn người tiêu dùng khi ấy sẽ có lợi hơn. Đối với phái thuế quan bảo hộ nhận che chở cho những người đánh xe ngựa và đối với phe chủ trương mậu dịch tự do cố gắng dùng xe ngựa chở khách nhiều chỗ ngồi thì tình hình diễn ra là như vậy đó. Chỉ có điều là vị đại tá tốt bụng Tô-m-xơn quên mất rằng cuộc cạnh tranh sẽ nhanh chóng làm cho cái lợi của người tiêu dùng trở thành số không và trong trường hợp này anh ta chắc chắn sẽ chịu được bao nhiêu thì trong trường hợp khác cạnh tranh cũng sẽ cướp của anh ta đi đúng bấy nhiêu.

Phát biểu cuối cùng là ngài Duy-noay-ê, cố vấn quốc gia ở Pa-ri, tác giả của vô số tác phẩm, trong đó có cuốn "Về tự do lao động"¹²⁰ trong đó ông ta lên án công nhân sinh đẻ quá bừa bãi. Ông ta nói với cái giọng gay gắt của vị cố vấn quốc gia khi nêu ra toàn những điều chẳng có gì là quan trọng cả. Ngài Duy-noay-ê là một người phì nộn, bụng phệ, đầu hói và bộ mặt đỏ gay, nhô ra phía trước theo kiểu khuyến mã; ông ta hẳn không chịu được sự mâu thuẫn nào cả, nhưng còn xa mới gây được cho người ta cái cảm giác sợ sệt mà ông ta có thể gây ra được. Về những lời đả kích rẻ tiền của ông ta đối với giai cấp vô sản, thì ngài Blăng-ki có

diễn tả như sau: "Ngài Duy-noay-ê nêu ra cho các nước chính những chân lý khắc nghiệt mà vào thế kỷ trước Vôn-te và Rút-xô đã tâu lên các bậc quân vương".

Tới đây phần thảo luận chung kết thúc. Còn phần thảo luận các vấn đề riêng – trong ngày thứ hai và thứ ba – chúng tôi sẽ trình bày trên số báo ra gần đây¹²¹.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng giữa 19 và 22 tháng Chín 1847

Đã đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler – Zeitung" số 76, ngày 23 tháng Chín 1847

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

PHÁI THUẾ QUAN BẢO HỘ, PHÁI MẬU DỊCH TỰ DO VÀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN¹²²

Phái thuế quan bảo hộ không khi nào lại bảo vệ nền tiểu công nghiệp, mà đúng ra là lao động thủ công. Phải chăng ở Đức tiền sĩ Li-xơ và trường phái của ông ta đã từng yêu cầu thực hiện chế độ thuế quan bảo hộ cho ngành tiểu công nghiệp lành, ngành dệt thủ công, các ngành thủ công nghiệp? Không, khi họ cầu xin thuế quan bảo hộ thì họ làm việc đó chỉ để đem máy móc gạt bỏ lao động thủ công, thay thế nền sản xuất gia trưởng bằng nền sản xuất hiện đại. Tóm lại, họ muốn mở rộng quyền thống trị của giai cấp tư sản, đặc biệt là quyền thống trị của các nhà tư bản công nghiệp lớn. Họ đã xa tới mức tuyên bố sự suy thoái và diệt vong của ngành tiểu công nghiệp, của giai cấp tiểu tư sản, của tiểu nông nghiệp, của những người tiểu nông là một hiện tượng tuy có đau lòng thật, song không thể tránh khỏi và cần thiết cho sự phát triển công nghiệp của Đức.

Ngoài trường phái của tiền sĩ Li-xơ ra, ở Đức – đất nước của các trường phái – còn có một trường phái khác yêu cầu có một chính sách chẳng phải chỉ mang tính chất thuế quan bảo hộ mà còn mang tính chất cấm chỉ thật sự. Người đứng đầu trường phái này, ngài Phôn Guy-lích đã viết một tác phẩm rất uyên bác về lịch sử công nghiệp và thương nghiệp¹²³ cũng đã được dịch ra tiếng

Pháp. Ngài Phôn Guy-lích là một nhà từ thiện chân tình, ông ta thật sự quan tâm đến bảo hộ lao động thủ công, lao động dân tộc. Tuyệt thật! Vậy ông ta đã làm được những gì? Ông ta bắt đầu bằng việc bác lại tiền sĩ Li-xơ; sau khi chứng minh rằng trong chính sách của Li-xơ phúc lợi của giai cấp công nhân chỉ là cái bề ngoài lừa dối, là câu văn rất kêu nhưng rỗng tuếch, sau đó về phần mình, ông ta có đưa ra những đề nghị sau:

1. Cấm nhập khẩu hàng công nghiệp nước ngoài.
2. Đánh thuế nhập khẩu thật nặng đối với nguyên liệu nhập từ nước ngoài, chẳng hạn như bông, tơ v.v., để bảo vệ ngành công nghiệp lành và len dân tộc.
3. Đối với các mặt hàng thuộc địa cũng cần áp dụng những biện pháp trên để các sản phẩm địa phương gạt ra khỏi thị trường đường, cà-phê, chà, cánh kiến, các loại gỗ quý v.v..
4. Quy định thuế nặng đánh vào máy móc trong nước để bảo vệ lao động thủ công chống lại máy móc.

Qua đó thấy rằng ngài Phôn Guy-lích thuộc vào số những người chấp nhận chính sách này với mọi hậu quả của nó. Nhưng điều đó dẫn ông ta đi tới đâu? Tới chỗ chẳng những ngăn trở sự nhập khẩu sản phẩm công nghiệp nước ngoài mà còn ngăn trở cả công nghiệp dân tộc phát triển nữa.

Ngài Li-xơ và ngài Phôn Guy-lích đều thể hiện hai thái cực mà chính sách đó dao động ở giữa. Nếu như nó cố gắng bảo hộ tiến bộ công nghiệp thì khi ấy nó thẳng cánh hy sinh lao động thủ công, lao động nói chung; còn nếu như nó ra sức bảo hộ lao động thủ công thì tiến bộ công nghiệp lại bị hy sinh.

Ta hãy trở lại với chính phái thuế quan bảo hộ, là những người cũng không tán thành những ảo tưởng của ngài Phôn Guy-lích.

Nếu như họ nói với giai cấp công nhân bằng thứ ngôn ngữ dễ hiểu và thẳng thắn thì họ sẽ phải tóm tắt những quan điểm từ

thiện của họ bằng những lời lẽ sau: thà bị đồng bào của mình bóc lột còn hơn để cho bọn nước ngoài bóc lột.

Tôi cho rằng giai cấp công nhân không khi nào lại thỏa mãn với cách giải quyết vấn đề như vậy; không thể không thừa nhận rằng mặc dù nó rất là yêu nước đấy, song đối với những con người mà công việc duy nhất là sản xuất ra các giá trị, ra của cải vật chất thì nó lại phần nào mang tính chất cấm dục và duy linh.

Nhưng phái thuế quan bảo hộ sẽ nói: "Cuối cùng thì chúng tôi ít ra cũng duy trì được xã hội trong cái hiện trạng của nó. Dù tốt hay xấu, chúng tôi vẫn đảm bảo cho người công nhân có việc làm và không để cho anh ta bị quăng ra lề đường do nạn cạnh tranh của nước ngoài". Tôi không có ý định bác lại lời tuyên bố này, tôi thừa nhận nó. Như vậy, việc duy trì, việc cố giữ lấy tình trạng hiện nay là kết quả tốt đẹp nhất mà phái thuế quan bảo hộ có thể đạt được trong trường hợp khá nhất. Rất tuyệt, nhưng đối với giai cấp công nhân, vấn đề không phải là duy trì tình trạng hiện nay, mà là biến nó thành một cái gì hoàn toàn đối lập kia.

Phái thuế quan bảo hộ hãy còn một lối thoát nữa, lối thoát cuối cùng: họ nói rằng chính sách của họ hoàn toàn không có tham vọng dùng làm thủ đoạn để cải cách xã hội, nhưng vẫn cứ phải bắt đầu từ những cuộc cải cách xã hội trong nước trước khi bắt tay vào những cuộc cải cách kinh tế trong lĩnh vực quan hệ với các nước khác. Chính sách thuế quan bảo hộ ban đầu mang tính chất phân động, rồi bảo thủ, sau đó rút cục nó trở thành một chính sách bảo thủ – tiến bộ. Mặc dù thoát nhìn lý luận này có vẻ là một cái gì rất quyến rũ, thực tế và hợp lý, song mâu thuẫn chứa đựng trong đó vẫn bộc lộ ra khá rõ. Một thứ mâu thuẫn lạ lùng! Chính sách thuế quan bảo hộ vũ trang cho tư bản một nước để chiến đấu với tư bản các nước khác, tăng cường sức mạnh cho tư bản đấu tranh với tư bản nước ngoài, trong khi đó những người ủng hộ chính sách này thì lại tưởng tượng rằng tưởng như thông qua chính những thủ đoạn này có thể làm cho tư bản suy yếu và

nhượng bộ giai cấp công nhân. Xét cho cùng điều này có nghĩa là trông mong vào lòng bác ái của tư bản, tưởng như bản thân tư bản vốn dĩ có lòng bác ái. Nhìn chung thì những cuộc cải cách xã hội không khi nào lại do sự yêu cầu của những kẻ mạnh quyết định; chúng phải được và sẽ được khơi dậy bởi sức mạnh của những kẻ yếu.

Tuy nhiên, chúng ta không nhất thiết phải dừng lại ở vấn đề này. Từ khi phái thuế quan bảo hộ công nhận rằng những cuộc cải cách xã hội không phải là bộ phận cấu thành trong chính sách của họ, không bắt nguồn từ chính sách đó, mà là một vấn đề đặc biệt thì, từ lúc ấy họ đã thoát thác vấn đề xã hội. Vì vậy tôi hãy để phái thuế quan bảo hộ đấy và chuyển sang vấn đề ảnh hưởng của mậu dịch tự do đối với tình cảnh của giai cấp công nhân.

*Do C.Mác viết vào nửa cuối tháng Chín
1847*

*Đã in trong tập sách riêng: "Zwei Reden
über die Freihandels – und Schutzzollfrage
von Karl Marx", Hamm, 1848.*

*In theo bản in xuất bản năm
1848*

*Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

ĐẠI HỘI BRUY-XEN VỀ VẤN ĐỀ MẬU DỊCH TỰ DO

Tại đây (tại Bruy-xen) ngày 16, 17 và 18 tháng Chín đã tổ chức đại hội của các nhà kinh tế học, nhà công nghiệp, nhà buôn v.v., thảo luận về vấn đề mậu dịch tự do. Tới dự có gần một trăm năm mươi đại biểu của các nước khác nhau. Thay mặt phái mậu dịch tự do Anh tới dự có: các nghị sĩ gồm tiến sĩ Bao-rinh, đại tá Tôm-xơn, ngài I-u-ác-tơ và ngài Brau-nơ, chủ bút tạp chí "Economist"¹²⁴, Giêm-xơ Uyn-xơn và những người khác; từ nước Pháp tới dự có: ngài Vô-lốp-xki, giáo sư luật học; ngài Blăng-ki, nghị sĩ, giáo sư môn kinh tế chính trị, tác giả của một tác phẩm về lịch sử của môn khoa học này và của nhiều tác phẩm khác; ngài Ô-rát Xây, con của một nhà kinh tế học nổi tiếng; ngài S.Đuy-noay-ê, ủy viên hội đồng hoàng gia, tác giả của một loạt cuốn sách về các vấn đề chính trị và khoa kinh tế chính trị, và những người khác. Thay mặt nước Đức không có một người theo phái mậu dịch tự do nào, nhưng Hà Lan, Đan Mạch, I-ta-li-a và các nước khác đều cử đại biểu của mình tới dự. Từ Ma-đrít ngài Ra-mông đờ La Xa-gra dự định tới dự nhưng ông ta đến quá muộn. Về sự có mặt của cả một lô các nhân vật theo phái mậu dịch tự do Bỉ thì chẳng phải bàn, điều đó là đương nhiên rồi.

Như vậy là tinh hoa của giới khoa học đã nhóm họp để thảo

luận một vấn đề quan trọng – liệu mậu dịch tự do có ban phúc cho toàn thể nhân loại hay không? Chắc hẳn Ngài cho rằng những cuộc thảo luận diễn ra ở một cuộc hội nghị tuyệt vời như thế, những cuộc thảo luận giữa những ngôi sao kinh tế học lớn nhất đó phải lý thú lắm. Có lẽ Ngài nghĩ rằng những con người như tiến sĩ Bao-rinh, đại tá Tôm-xơn, Blăng-ki và Đuy-noay-ê phải đọc những bài diễn văn đặc biệt xuất sắc, đưa ra những luận cứ có sức thuyết phục ghê gớm, trình bày tất cả mọi vấn đề dưới một ánh sáng hoàn toàn mới mẻ và khác thường. Hỡi ôi, thưa Ngài tôn kính! Nếu như Ngài có mặt ở đây Ngài sẽ phải thất vọng cay đắng. Mới chưa đầy một giờ mà những hy vọng đẹp đẽ và những ảo tưởng huyền hoặc của Ngài đều đã tiêu tan. Tôi đã từng dự vô vàn cuộc họp và những cuộc tranh luận công khai. Trong thời gian tôi ở nước Anh, tôi đã phải nghe hàng trăm lần những môn đồ của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc tuôn ra hàng tràng luận cứ của họ ra sao, nhưng chưa bao giờ, tôi xin cam đoan với Ngài như vậy, chưa bao giờ tôi phải nghe những điều vô lý nhạt nhẽo, nặng nề, dung tục như vậy, được đọc lên với một thái độ tự phụ quá đáng như vậy. Tôi chưa khi nào thất vọng đến thế. Những gì diễn ra tại đại hội không đáng gọi là thảo luận – đó chẳng qua chỉ là chuyện gẫu nơi quán rượu. Các bậc vĩ nhân của khoa học không lần nào dám đi sâu vào lĩnh vực của khoa kinh tế chính trị với nghĩa thật đúng của từ này. Tôi sẽ không thuật lại để Ngài nghe tất cả những câu văn nhảm tai được đọc lên trong hai ngày đầu. Hãy đọc hai, ba số báo "League" hay "Manchester Guardian"¹²⁵ là Ngài sẽ thấy trong đó tất cả những gì được nói ra trong hai ngày đó, có lẽ trừ một số câu châm ngôn tương như có sức thuyết phục của ngài Vô-lốp-xki mà những câu này thì ông ta đã đánh cắp trong tập sách "Ngụy biện về kinh tế học" của ngài Ba-xti-a (người đứng đầu phái mậu dịch tự do Pháp). Phái mậu dịch tự do cho rằng không có ai phản đối cả, có chăng chỉ là ngài Rít-tinh-hau-den, một người theo phái thuế quan bảo hộ nước Đức, nhìn chung là một nhân vật tầm thường. Nhưng bất

ngờ ngài Duy-sa-tô một nhà công nghiệp và một người theo phái thuế quan bảo hộ của Pháp, phát biểu ý kiến nhằm bảo vệ cái hầu bao của riêng ông ta, cũng hoàn toàn như ngài I-u-ác-tơ và ngài Brau-nơ đã phát biểu bảo vệ chiếc hầu bao của họ; ông ta phản đối họ gay gắt đến nỗi sang ngày thảo luận thứ hai nhiều đại biểu, thậm chí cả những đại biểu thuộc phái mậu dịch tự do, đã thừa nhận mình bị đánh bại trong cuộc tranh luận. Tuy nhiên họ đã thắng gờ lại được trong lúc biểu quyết – nghị quyết đương nhiên là được hầu như nhất trí thông qua.

Sang ngày thứ ba thì bước vào thảo luận vấn đề mà bạn đọc của Ngài quan tâm, đó là: "Việc thực hiện mậu dịch tự do ở khắp mọi nơi sẽ có lợi cho giai cấp công nhân hay không?". Ngài Brau-nơ một người theo phái mậu dịch tự do ở Nam Lan-kê-sia, đã đọc một diễn văn dài bằng tiếng Anh với sự lập luận cho câu trả lời khẳng định trước câu hỏi này; ông ta và ngài Uyn-xơn là những diễn giả duy nhất nói bằng tiếng Anh, những người còn lại đều nói bằng tiếng Pháp: tiến sĩ Bao-rinh nói tiếng Pháp rất giỏi, đại tá Tô-m-xơn còn tầm tầm được, ngài I-u-ác-tơ thì thật kinh khủng. Như vậy, bằng một giọng rầu rĩ, rất giống của vị mục sư quốc giáo Anh, ngài Brau-nơ đã nhắc lại một phần những điều giáo huấn cũ của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc.

Tiếp lời ông ta đến ngài Véc-thơ ở vùng sông Ranh thuộc Phổ lên phát biểu. Chắc ngài có quen biết vị này – một đại lý thương mại trẻ tuổi mà những bài thơ của ông ta rất nổi tiếng và rất được ưa thích trên khắp nước Đức; mấy năm sống ở I-oóc-sia ông được tận mắt nhìn thấy tình cảnh của giới công nhân ra sao. Tại đây, trong giới công nhân ông ta đã tìm được nhiều bạn bè là những người sẽ vui mừng được biết là ông ta không quên họ. Vì trong tất cả những gì xảy ra tại đại hội, bài nói của ông là niềm hứng thú lớn nhất đối với bạn đọc của Ngài nên tôi xin truyền đạt tỉ mỉ hơn. Đây là những lời ông nói:

"Thưa quý vị! Quý vị thảo luận vấn đề ảnh hưởng của mậu dịch tự do đối với

tình cảnh giai cấp công nhân. Quý vị tuyên bố là quý vị quan tâm tới giai cấp đó với một niềm thông cảm sâu sắc nhất có thể có được. Điều này làm tôi rất đổi vui sướng, nhưng tôi vẫn cứ phải ngạc nhiên rằng trong số các vị không thấy đại biểu của giai cấp công nhân! Tại đây đại biểu của các giai cấp hữu sản Pháp là một nguyên lão nghị viên, đại biểu của các giai cấp hữu sản Anh là một số nghị sĩ quốc hội, của các giai cấp hữu sản Bỉ là vị cựu bộ trưởng và thậm chí các giai cấp hữu sản Đức cũng có đại biểu là một nhân vật đáng kính đã vẽ lên cho chúng ta thấy bức tranh rất mực chân thực về tình cảnh của nước này. Nhưng, tôi xin hỏi quý vị, những người đại biểu cho công nhân ở đâu nào? Tôi không trông thấy họ; và vì vậy, thưa quý vị, hãy cho phép tôi được nhận lấy việc bênh vực lợi ích của công nhân. Tôi mạn phép thay mặt công nhân và trước hết là thay mặt cho năm triệu công nhân Anh, những người mà tôi được chung sống mấy năm thú vị nhất của đời tôi và những người mà tôi hiểu biết và yêu mến, – để nói với quý vị. (Vỗ tay.) Thưa quý vị, thực ra công nhân cần đến thái độ vị tha của người khác đối với họ. Từ trước đến nay người ta đối xử với họ không phải như với những con người, mà như với những con vật thồ hàng, không, như với hàng hóa, như với cái máy; các nhà công nghiệp Anh thăm nhuần điều này sâu sắc lắm, đến nỗi họ không bao giờ nói: "chỗ chúng tôi thuê ngán này công nhân" mà nói "ngán này cánh tay công nhân". Theo nguyên tắc đó, các giai cấp hữu sản sử dụng một cách táng tận lương tâm công sức của công nhân chừng nào chúng cần đến họ, rồi sau đó, khi không còn có thể vắt được lợi nhuận ở họ nữa thì quăng họ ra đường. Như vậy, tình cảnh của những kẻ cùng đinh đó trong một xã hội hiện đại là tồi tệ tới mức không thể tồi tệ hơn được nữa. Hãy nhìn vào bất kỳ đâu: sang đôi bờ sông Rôn, vào những ngõ hẻm bẩn thỉu và hôi thối của Man-se-xtơ, Lít-xơ và Bớc-minh-hêm, lên những ngọn đồi ở Dắc-den và Xi-lê-di hay xuống vùng đồng bằng Ve-xtơ-pha-li – đâu đâu quý vị cũng thấy cùng một khuôn mặt xanh xao vàng vố vì kiệt lực, cùng một nét buồn bẽ tắc trong khóe mắt của những con người đang uống công cốc đòi lấy các thứ quyền lợi của họ và địa vị xứng đáng với họ trong xã hội văn minh. (Phòng họp rất ồn xao.)"

Sau đó ngài Véc-thơ tuyên bố rằng theo ý ông thì chính sách thuế quan bảo hộ kỳ thật tuyệt nhiên không bảo hộ cho công nhân, nhưng chính sách mậu dịch tự do – ông nói thẳng và toạc móng heo cho công nhân thấy điều này, mặc dù bản thân ông là người ủng hộ chính sách mậu dịch tự do – cũng tuyệt nhiên không làm thay đổi tình cảnh nghèo khổ của họ. Ông hoàn toàn không

tán thành những ảo tưởng của phái mậu dịch tự do về những hậu quả tuồng như có lợi cho giai cấp công nhân trong việc thi hành chính sách của phái đó. Ngược lại, chính sách mậu dịch tự do, việc thực hiện đầy đủ những nguyên tắc cạnh tranh tự do, mà kết quả là các nhà tư bản sẽ bắt đầu cạnh tranh với nhau với lòng vụ lợi còn to lớn hơn nữa, tất sẽ phải làm nảy sinh cuộc cạnh tranh gay gắt hơn nữa ngay giữa công nhân với nhau. Sự tự do cạnh tranh tuyệt đối tất yếu sẽ thúc đẩy mạnh mẽ việc sáng chế ra những máy móc mới, những máy móc này ngày càng gạt bỏ càng nhiều công nhân hơn là hiện nay. Tự do cạnh tranh đó sẽ ra sức thúc đẩy sản xuất phát triển, nhưng chính vì vậy mà nó thúc đẩy với mức độ y như vậy nạn sản xuất thừa, tình trạng thị trường đầy ứ và những cuộc chấn động thương nghiệp. Phái mậu dịch tự do khẳng định rằng khi thi hành chính sách mậu dịch tự do thì những cuộc chấn động khủng khiếp đó sẽ chấm dứt, nhưng trên thực tế chính là ngược hẳn lại – chúng sẽ diễn ra thường xuyên hơn và trầm trọng hơn bao giờ hết. Và thậm chí không nghi ngờ gì nữa, có thể là sự giảm giá lương thực và thực phẩm lúc đầu sẽ có lợi cho công nhân, là cùng với sự giảm chi phí sản xuất thì lượng tiêu dùng và nhu cầu đối với sức lao động đều sẽ tăng lên, nhưng cái lợi này sẽ nhanh chóng biến thành tai họa, cuộc cạnh tranh giữa bản thân công nhân với nhau sẽ nhanh chóng đẩy họ xuống mức độ nghèo nàn và đói khổ trước đây. Sau khi đưa ra những lý lẽ ấy cũng như những lý lẽ khác nữa (chắc đối với những người dự họp những lý lẽ ấy là một cái gì hoàn toàn mới, bởi vì được họ nghe rất chăm chú mặc dù phóng viên tờ "Times" phải cố gắng nghe nốt chúng và phải dùng đến lời nhạo báng cần rõ nhưng mang rất nhiều ý nghĩa, gọi những lý lẽ đó là "những điều tầm thường của phái Hiến chương") ngài *Véc-thơ* kết thúc bài nói của mình như sau:

"Thưa quý vị, xin đừng nghĩ rằng những quan điểm này chỉ là ý kiến của riêng tôi, cùng giữ những quan điểm như vậy còn có công nhân Anh – một giai cấp mà tôi yêu mến và kính trọng vì trí thông minh và nghị lực của họ. (Vỗ tay, có tiếng

la: "ông ta vì lịch sự đó".) Để chứng minh tôi dẫn ra mấy sự kiện. Trong suốt sáu năm trời các vị trong Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc hiện có mặt tại đây đã uổng công cố gắng tranh thủ sự ủng hộ của công nhân. Công nhân không khi nào quên rằng các nhà tư bản là kẻ thù bẩm sinh của họ. Họ nhớ những phong trào phản đối mà Đồng minh đã gây ra vào năm 1842¹²⁶ và sự phản kháng của các chủ xí nghiệp đối với luật ngày làm việc mười giờ. Chỉ vào cuối năm 1845 phái Hiến chương – một bộ phận ưu tú nhất của giai cấp công nhân – mới liên minh một thời gian ngắn với Đồng minh để đánh đổ kẻ thù chung của họ – tầng lớp quý tộc ruộng đất. Nhưng việc này kéo dài chẳng bao lâu, và công nhân không để cho người ta lừa gạt mình bằng những lời hứa suông của Cốp-den, Brai-tơ và đồng bọn và không tự an ủi mình bằng niềm hy vọng rằng những câu nói của các vị trên về lúa mì giá hạ, tiền công cao và việc làm dồi dào sẽ thành hiện thực. Không, không một phút nào họ ngừng trông cậy chỉ vào lực lượng bản thân, thành lập một đảng riêng dưới sự lãnh đạo của các lãnh tụ của riêng họ – của Đơn-côm-bơ không hề biết mặt môi, và Phéc-giuyt Ô' Cô-no, người mà bất chấp tất cả những lời vu khống chống lại ông" (đến đây ngài *Véc-thơ* nhìn về phía tiến sĩ Bao-rinh là người vừa có một cử chỉ mau lẹ như kẻ mắc chứng kinh giật), "người mà bất chấp tất cả những lời vu khống mấy tuần nữa sẽ chiếm ghế ngồi bên cạnh quý vị ở hạ nghị viện. Cho nên, thay mặt cho hàng triệu kẻ không tin là chính sách mậu dịch tự do sẽ tạo ra cho họ những điều kỳ diệu, tôi kêu gọi, quý vị hãy đi tìm những phương sách khác để thật sự cải thiện tình cảnh của họ. Thưa quý vị! Tôi kêu gọi quý vị cũng vì lợi ích của chính quý vị. Quý vị không còn phải sợ hoàng đế của toàn nước Nga; quý vị không sợ quân Cô-dắc tràn đến; nhưng nếu quý vị không thi hành những biện pháp phòng ngừa thận trọng thì quý vị sẽ bị cuộc tiến công của công nhân của bản thân quý vị đe dọa, mà đối với quý vị họ còn đáng sợ hơn mọi thứ quân Cô-dắc trên đời. Thưa quý vị! Công nhân không muốn nghe thêm những lời nói hoa mỹ của quý vị nữa, họ chờ đợi ở quý vị những việc làm. Và quý vị không còn lý do để ngạc nhiên trước việc này. Công nhân nhớ rất kỹ rằng vào năm 1830 và năm 1831 khi mà ở Luân Đôn họ đã giành cho quý vị luật cải cách, khi mà họ chiến đấu cho quý vị trên các đường phố Pa-ri và Bruy-xen thì quý vị ve vãn họ, bắt tay họ và không ngớt lời khen ngợi họ; nhưng mấy năm sau, khi họ đòi bánh mì thì người ta đã đón tiếp họ bằng lưỡi lê và đạn pháo. (Có những tiếng hò la: "Ồ! Không, không!" "Đúng, đúng! Buy-dan-xe, Li-ông!"¹²⁷) Vì vậy, tôi xin nhắc lại: quý vị hãy thực hiện chính sách mậu dịch tự do của quý vị đi, thôi thì cứ thế vậy; nhưng đồng thời quý vị hãy nghĩ cả đến những biện pháp khác – những biện pháp có lợi cho giai cấp công nhân, nếu không quý vị sẽ phải hối hận ghê gớm. (Vỗ tay vang dậy.)"

Liền ngay sau bài nói của ngài Véc-thơ, tiến sĩ *Bao-rinh* đã phát biểu đáp lại ông ta:

"Thưa quý vị", — ông ta nói — "tôi phải xin báo để các vị rõ là vị đại biểu đáng kính vừa phát biểu không được công nhân Anh bầu làm đại biểu của họ tại đại hội này. Ngược lại, để nhằm mục đích này, nhân dân Anh thường trao toàn quyền của họ cho chúng tôi, và vì vậy chúng tôi đòi giữ địa vị những đại biểu chân chính của họ".

Sau đó ông ta cố gắng mô tả ảnh hưởng tốt đẹp của chính sách mậu dịch tự do, chứng minh điều này bằng sự tăng nhập khẩu lương thực thực phẩm vào Anh từ khi áp dụng biểu thuế quan mới hồi năm ngoái. Những ngàn ấy quả trứng, những ngàn ấy tạ bơ, pho mát, giăm bông, thịt lợn, những ngàn ấy gia súc, v.v. và v.v., còn ai có thể xơi hết được tất cả những cái đó nếu không phải là công nhân Anh? Tuy nhiên Bao-rinh hoàn toàn quên thông báo cho chúng ta biết việc sản xuất chính ngay các loại sản phẩm này ở Anh đã giảm sút đi bao nhiêu kể từ khi nước ngoài được phép cạnh tranh tại đây. Ông ta coi sự tăng lên của nhập khẩu chứng minh hoàn toàn đầy đủ cho sự tăng lên của tiêu dùng như một định đề. Ông ta không lần nào nói đến chuyện công nhân Man-se-xơ, Brát-phoóc và Lít-xơ hiện đang lang thang trên các đường phố để uống công tìm kiếm việc làm, những con người đó có thể kiếm đâu ra tiền để thanh toán sự tăng lên giả định này của hàng tiêu dùng và phúc lợi vật chất do chính sách mậu dịch tự do đem lại, còn chúng ta thì chưa bao giờ nghe thấy chuyện các ông chủ tặng họ trứng, bơ, pho mát, giăm bông và thịt vì việc họ khoan tay ngồi không. Ông ta không đã động một lời tới sự đình đốn hiện nay trong công nghiệp và thương nghiệp mà tất cả các báo đều mô tả là quả thực có một không hai. Ông ta dường như không biết là tất cả những lời tiên đoán của phái mậu dịch tự do đều tỏ ra đối lập trực tiếp với thực tế sau khi các biện pháp của họ được thực hiện. Ông ta không biểu lộ một chút cảm thông nào đối với những nỗi thống khổ của giai cấp công nhân, mà ngược lại, còn miêu tả tình hình bi thảm hiện nay của họ như một cuộc

sống vui tươi hạnh phúc và được đảm bảo nhất mà người ta chỉ có thể ước mong.

Giờ đây hãy để cho công nhân Anh tự quyết định xem nên coi ai trong hai người đó là đại biểu của họ. Còn nhiều diễn giả lên phát biểu, đề cập các vấn đề rất khác nhau, trừ vấn đề được đặt ra để thảo luận. Ngài Mắc — A-đam, đại biểu quốc hội của Ben-phát (?), nói tràng giang đại hải về nghề kéo sợi lanh ở Ai-rơ-len và suýt nữa thì giết chết những người dự họp bằng những số liệu thống kê. Ngài Ác-ke-xđây-cơ, giáo sư Hà Lan, trình bày về nước Hà Lan cũ, về nước Hà Lan trẻ, về trường đại học tổng hợp Li-e-giơ, về Uôn-pôn và đờ Vít-tơ. Ngài Văng đờ Ca-xten đề cập đến nước Pháp, nước Bỉ và nội các. Ngài A-xơ, ở Béc-lin, nói về chủ nghĩa yêu nước Đức và về thứ sản phẩm mới gì đó mà ông ta gọi là sản phẩm tinh thần. Ngài đen Téch-xơ, người Hà Lan, nhìn chung ba hoa có trời mà biết là về vấn đề gì. Sau hết, khi toàn thể hội nghị đã thiu thiu ngủ, thì đánh thức hội nghị dậy là ngài Vô-lốp-xki, người đã trở lại với chủ đề ban đầu và trả lời ngài Véc-thơ. Bài nói của ông ta, cũng y như những bài nói của tất cả các vị người Pháp khác, cho thấy các nhà tư bản Pháp rất sợ những lời tiên đoán của ngài Véc-thơ được thực hiện; họ nói tới những nỗi thống khổ của giai cấp công nhân với sự đồng cảm vờ vịt, với vẻ đau buồn giả dối và với nước mắt trong giọng nói khéo léo đến nỗi người ta có thể coi tất cả những cái đó là thực nếu như những cái đó không mâu thuẫn lạ lùng với những thân hình phì nộn của họ, với dấu ấn đạo đức giả hiện rành rành trên nét mặt của họ, với những phương thuốc thảm hại mà họ đưa ra, và, sau hết với sự tương phản gay gắt đập ngay vào mắt người ta giữa lời nói của họ và việc làm của họ. Và phải nói rằng họ không lừa dối nổi một người công nhân nào. Công tước đ' Ác-cu, quý tộc nước Pháp, phát biểu sau đó cũng cố đòi công nhận để cho các nhà tư bản, các nghị sĩ và v.v. Pháp có mặt tại đó được quyền tự gọi mình là những đại biểu của công nhân Pháp. Họ đại diện cho công nhân cũng hệt như kiểu tiến sĩ Bao-rinh đại diện cho

phái Hiến chương Anh. Nói sau ông ta là ngài Giêm-xơ Uyn-xơn, người vô cùng trớ tráo đã lặp lại những lý lẽ nhằm tai của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, làm mọi người buồn ngủ bằng cái giọng của tín đồ phái Quây-cơ Phi-la-đen-phi-a của ông ta.

Qua tất cả những cái đó Ngài có thể thấy được những cuộc thảo luận lý thú ấy là cái gì. Tiến sĩ Mác ở Bruy-xen mà Ngài biết là một đại biểu có tài năng nhất của lực lượng dân chủ Đức, cũng xin phát biểu ý kiến. Ông ta đã chuẩn bị một bài nói, và nếu như nó được đọc lên thì "các quý ngài cao thượng" tham dự đại hội sẽ không thể đưa vấn đề thảo luận ra biểu quyết. Nhưng bài phát biểu phản đối họ của ngài Véc-thơ đã làm cho họ khiếp đảm. Họ quyết định không cho những ai mà họ không đủ tin và theo phe chính thống được phát biểu ý kiến. Vì vậy các ngài Vô-lốp-xki, Uyn-xơn và những người cùng cánh với họ đã nói quá thời gian quy định, và vào lúc bốn giờ trong danh sách diễn giả hãy còn sáu hay bảy người gì đó nhưng ngài chủ tịch đột nhiên cho ngừng thảo luận, và thế là cả cái đám những thằng hề, những kẻ ngu dốt và những tên bịp bợm đó, tất cả đám mệnh danh là đại hội các nhà kinh tế học đó, đã bằng một đa số phiếu so với một phiếu chống (của tay ngu ngốc người Đức đáng thương đã nhắc tới ở trên – theo phái thuế quan bảo hộ) – phe dân chủ nhìn chung không tham gia biểu quyết – quyết định rằng chính sách mậu dịch tự do hết sức có lợi cho công nhân và giải thoát cho họ khỏi mọi cảnh nghèo đói và thiếu thốn.

Vì bài nói của ngài Mác, mặc dù nó không được đọc lên, chứa đựng lời bác bỏ hay nhất và xuất sắc nhất mà ta có thể tưởng tượng được đối với lời dối trá vô liêm sỉ trên và vì nội dung bài nói này vẫn là một cái gì hoàn toàn mới mẻ đối với nước Anh, mặc dù về vấn đề này người ta đã viết tới hàng trăm trang pro

và contra^{1*} nên tôi xin kèm theo dưới đây mấy đoạn trích trong đó.

BÀI NÓI CỦA TIẾN SĨ MÁC VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ QUAN BẢO HỘ, MẬU DỊCH TỰ DO VÀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Có hai phái thuế quan bảo hộ. Phái thứ nhất mà đại biểu ở Đức là tiến sĩ Lít-xơ không bao giờ đặt cho mình nhiệm vụ bảo vệ lao động thủ công; ngược lại, phái này đòi áp dụng chính sách thuế quan bảo hộ để thay thế lao động thủ công bằng máy móc, thay thế nền sản xuất gia trưởng bằng nền sản xuất hiện đại. Nó bao giờ cũng cố gắng đảm bảo quyền thống trị của giai cấp tư sản (giai cấp tư sản) và đặc biệt là quyền thống trị của các nhà tư bản công nghiệp lớn. Nó công khai tuyên bố rằng sự diệt vong của giới tiểu thủ công nghiệp, tiểu thương, tiểu nông là một hiện tượng dù có đau lòng thật nhưng đồng thời hoàn toàn không thể tránh khỏi. Phái thuế quan bảo hộ thứ hai yêu cầu không phải một chế độ thuế quan bảo hộ đơn thuần mà là một chế độ cấm vận tuyệt đối. Nó chủ trương bảo vệ lao động thủ công chống sự xâm nhập của máy móc cũng như chống sự cạnh tranh của nước ngoài. Nó đề nghị dùng thuế quan nặng để bảo vệ chẳng những nền công nghiệp nội địa mà cả nền nông nghiệp và ngành sản xuất nguyên liệu nội địa. Và trường phái này đã đi tới đâu? Tới chỗ chẳng những cấm nhập khẩu hàng công nghiệp nước ngoài mà còn cấm cả công nghiệp nội địa phát triển. Như vậy là toàn bộ chế độ thuế quan bảo hộ không tránh khỏi vấp phải tình trạng khó xử sau đây. Hoặc nó bảo hộ cho công nghiệp trong nước tiến bộ và khi ấy nó hy sinh lao động thủ công, hoặc nó bảo hộ lao động thủ công và khi ấy thì hy sinh nền công nghiệp nội địa. Những người theo chủ nghĩa thuế quan bảo hộ thuộc phái thứ

^{1*} — tấn thành và phản đối

nhất tức là người coi sự phát triển của nền sản xuất cơ giới, phân công lao động và cạnh tranh là không thể ngăn chặn được, nói với giai cấp công nhân: "Bất kể thế nào, nếu như các anh phải chịu bóc lột thì thà để đồng bào các anh bóc lột các anh còn hơn là để cho bọn nước ngoài bóc lột". Giai cấp công nhân có vĩnh viễn cam chịu tình cảnh ấy không? Tôi không nghĩ vậy. Những người sản xuất ra mọi giá trị những của cải vật chất cho bọn nhà giàu, không thỏa mãn với sự an ủi thâm hại đó. Họ sẽ đòi một sự thỏa mãn vật chất tốt hơn nữa để đổi lại sự sản xuất vật chất. Nhưng những người theo chủ nghĩa thuế quan bảo hộ nói rằng: "Cuối cùng, chúng tôi duy trì xã hội trong hiện trạng của nó. Dù tốt hay xấu, chúng tôi vẫn đảm bảo cho người công nhân có việc làm cần thiết. Chúng tôi quan tâm để anh ta khỏi bị ném ra lề đường vì có nạn cạnh tranh của nước ngoài". Cứ cho là như vậy. Có nghĩa là trong trường hợp khả quan nhất, những người theo chủ nghĩa thuế quan bảo hộ công khai thừa nhận rằng họ không có khả năng làm một cái gì hơn là duy trì status quo^{1*}. Nhưng giai cấp công nhân cố gắng không phải để duy trì hiện trạng của họ mà cố gắng thay đổi nó cho tốt hơn lên kia. Người theo chủ nghĩa thuế quan bảo hộ hãy còn lối thoát cuối cùng. Y sẽ nói y tuyệt nhiên không phản đối những cải cách xã hội trong nước, nhưng điều kiện tiên quyết để tiến hành có kết quả những cải cách đó là ngăn ngừa mọi sự hỗn loạn mà nạn cạnh tranh của nước ngoài có thể gây ra. "Chính sách của tôi – y nói, không phải là chính sách cải cách xã hội, nhưng nếu như chúng ta cần cải tạo xã hội thì bắt đầu từ đất nước của chúng ta, rồi sau đó hãy nói chuyện cải cách quan hệ của chúng ta với các nước khác có phải là tốt hơn không?". Điều này, tất nhiên, nghe rất thuyết phục đấy, song đằng sau cái bề ngoài có vẻ có lý ấy chứa đựng mỗi mâu thuẫn lạ lùng. Chính sách thuế quan bảo hộ vũ trang cho tư bản một nước để đấu tranh với tư bản các nước khác, nó tăng

^{1*} — hiện trạng, chế độ hiện hành

cường sức mạnh cho tư bản để đấu tranh với tư bản nước ngoài, và đồng thời những người ủng hộ chính sách này lại quả quyết rằng tư bản được vũ trang và tăng cường như vậy lại trở thành mềm yếu, yếu đuối và dễ bề nhân nhượng khi nó chống chọi với lao động. Mà điều đó có nghĩa là trông mong vào lòng nhân ái của tư bản, dường như bản thân tư bản vốn dĩ có lòng nhân ái rồi. Sự thực thì cải cách xã hội không bao giờ được thực hiện nhờ sự yếu đuối của những kẻ mạnh mà bao giờ cũng nhờ sức mạnh của những kẻ yếu. Tuy nhiên, chúng ta không nhất thiết phải dừng lại ở vấn đề này. Kể từ khi phái thuế quan bảo hộ thừa nhận rằng những cải cách xã hội không bắt nguồn từ chính sách của họ và không phải là một bộ phận cấu thành của chính sách đó, mà là một vấn đề hoàn toàn đặc biệt, kể từ lúc đó họ đã thoái thác vấn đề chúng ta thảo luận ở đây. Vì vậy chúng ta có thể để họ đẩy và chuyển sang xét vấn đề ảnh hưởng của mậu dịch tự do đối với tình cảnh giai cấp công nhân. Vấn đề ảnh hưởng của việc giải phóng hoàn toàn thương mại khỏi mọi xiềng xích đối với tình cảnh của giai cấp công nhân có thể giải quyết được rất dễ dàng. Thực ra điều đó thậm chí cũng không thành vấn đề. Nếu như trong khoa kinh tế chính trị có điều gì đó được làm sáng tỏ khá đầy đủ rồi thì đấy chính là số phận của giai cấp công nhân dưới sự thống trị của mậu dịch tự do. Tất cả những quy luật được trình bày trong các tác phẩm cổ điển về khoa kinh tế chính trị chỉ đúng đắn một cách chặt chẽ với giả thuyết cho rằng thương mại phải trút bỏ được mọi thứ xiềng xích, sự cạnh tranh phải tuyệt đối tự do chẳng những trong phạm vi một nước nào đó mà còn trong phạm vi toàn thế giới. Những quy luật chi phối việc sản xuất và phân phối của cải vật chất do A. Xmit, Xay và Ri-các-đô trình bày, những quy luật ấy trở nên càng đúng đắn hơn, càng chính xác hơn, càng không còn là những điều trừu tượng đơn thuần nữa một khi mà mậu dịch tự do càng được thực hiện rộng rãi. Và khi đề cập đến bất kỳ vấn đề kinh tế nào, các nhà bác học luôn luôn nói với chúng ta rằng tất cả những kết luận của

họ đều được xây dựng trên tiền đề là thương mại sẽ được giải phóng khỏi tất cả mọi xiềng xích tồn tại từ trước tới nay. Họ hoàn toàn đúng khi làm theo phương pháp đó. Bởi vì họ không dùng tới những điều trừu tượng tùy tiện, mà chỉ giản đơn loại bỏ ra khỏi sự phân tích của họ hàng loạt tình huống ngẫu nhiên. Vì vậy có thể hoàn toàn có quyền khẳng định rằng các nhà kinh tế học – Ri-các-đô và những người khác nữa – đều hiểu rõ hơn về vấn đề xét xem xã hội trong tương lai sẽ như thế nào, hơn là hiểu về vấn đề xét xem xã hội hiện giờ đang như thế nào. Họ hiểu biết tương lai nhiều hơn hiểu biết hiện tại. Nếu như các vị muốn đọc một cuốn sách về tương lai thì hãy giờ những tác phẩm của Xmit, Xây, Ri-các-đô ra. Các vị sẽ tìm thấy trong đó sự miêu tả rõ ràng nhất cái gì đang chờ đợi người công nhân dưới sự thống trị của mậu dịch tự do hoàn toàn. Chẳng hạn, hãy hỏi một người có uy tín như Ri-các-đô, một người có uy tín mà không thể tìm đâu ra cao hơn thế. Nếu diễn tả theo kinh tế học thì giá cả bình thường tự nhiên của lao động của người công nhân là gì? Ri-các-đô trả lời: "Tiền công được giảm tới mức tối thiểu, tới mức thấp nhất có thể được". Lao động là hàng hóa cũng như mọi thứ hàng hóa khác. Mà giá cả hàng hóa được quy định bởi thời gian cần thiết để sản xuất ra nó. Để sản xuất ra hàng hóa – lao động thì cần cái gì? Vừa đúng bằng số cần thiết để sản xuất ra một lượng hàng hóa mà người công nhân cần để sinh sống và để bù đắp lại số sức lực mà anh ta hao phí, để anh ta có thể sống và bằng cách nào đó duy trì nòi giống của anh ta. Tuy nhiên, chúng ta hoàn toàn không được cho rằng người công nhân sẽ không bao giờ vượt lên cao hơn cái mức thấp tột cùng đó hoặc sẽ không bao giờ tụt xuống thấp hơn mức đó. Không, theo quy luật này, giai cấp công nhân đôi khi có thể được may mắn hơn, thỉnh thoảng họ sẽ được lĩnh nhiều hơn mức tối thiểu, nhưng số tiền thừa đó chỉ là phần phụ thêm bù lại số họ không được lĩnh đủ – so với mức tối thiểu – vào những lúc khác, những lúc công nghiệp đình đốn. Điều này có nghĩa là nếu chúng ta lấy một khoảng thời gian nhất định

thường xuyên lặp lại một cách chu kỳ, trong đó thương mại hoàn thành một chu kỳ của nó qua các giai đoạn phồn vinh, sản xuất thừa, đình đốn, khủng hoảng, và lấy con số trung bình của thu nhập của người công nhân cao hơn mức tối thiểu và thấp hơn mức đó thì chúng ta sẽ thấy là nói chung anh ta lĩnh không hơn không kém số tối thiểu; nói một cách khác giai cấp công nhân được duy trì như một giai cấp, mặc dù có muôn vàn những tai họa và nỗi thống khổ mà họ phải chịu đựng, mặc dù có những xác chết mà họ để lại trên bãi chiến trường công nghiệp. Nhưng điều đó có nghĩa lý gì đâu! Vì giai cấp công nhân vẫn cứ tiếp tục tồn tại và chẳng những chỉ tiếp tục tồn tại mà còn tăng lên về số lượng. Quy luật đó của tiền công tối thiểu là giá cả tự nhiên của hàng hóa – lao động sẽ được thực hiện trên cùng một mức độ với sự thực hiện tiền đề của Ri-các-đô về việc thi hành mậu dịch tự do. Chúng ta thừa nhận tất cả những điều nói về ưu điểm của mậu dịch tự do. Lực lượng sản xuất sẽ phát triển, thuế khóa đè nặng lên đất nước do thi hành thuế quan bảo hộ sẽ biến mất, tất cả hàng hóa sẽ được bán theo giá hạ hơn. Nhưng Ri-các-đô lại nói gì đây? Ông khẳng định rằng "lao động cũng là hàng hóa như vậy, sẽ được bán ra như vậy, theo một giá rẻ hơn", rằng các vị sẽ có thể mua nó cực kỳ rẻ, y hệt như hồ tiêu hay muối. Và cũng như khi thực hiện mậu dịch tự do thì tất cả những quy luật khác của khoa kinh tế chính trị sẽ tác động với sức mạnh lớn hơn với độ chính xác cao hơn, như quy luật dân số mà Man-tút bàn đến, dưới sự thống trị của mậu dịch tự do sẽ có được sự phát triển to lớn tới mức cao nhất mà người ta có thể tưởng tượng ra được. Như vậy, hãy lựa chọn đi: hoặc các vị phải bác bỏ toàn bộ khoa kinh tế chính trị dưới hình thức nó đang tồn tại hiện nay, hoặc các vị phải công nhận rằng khi có mậu dịch tự do thì giai cấp công nhân phải gánh chịu tất cả sự khắc nghiệt của những quy luật của khoa kinh tế chính trị. Như thế có nghĩa là chúng tôi phản đối mậu dịch tự do chẳng? Không, chúng tôi ủng hộ mậu dịch tự do, vì rằng khi thi hành nó thì tất cả những quy luật kinh

tế với những mâu thuẫn ghê gớm nhất của chúng sẽ tác động trên một phạm vi rộng lớn hơn, trên một vùng mệnh mông hơn, trên toàn thế giới; và vì rằng tất cả những mâu thuẫn ấy sẽ đan vào nhau thành một thể thống nhất trong đó chúng sẽ xung đột với nhau, sẽ làm nảy sinh một cuộc đấu tranh, cuộc đấu tranh này đến lượt nó sẽ được kết thúc bằng sự giải phóng giai cấp vô sản.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Chín 1847.

Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 520, ngày 9 tháng Mười 1847 với lời chú thích của ban biên tập: "Theo phóng viên của bản báo ở Đức"

In theo bản đăng trên báo

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN VÀ CÁC HAI-NƠ-TXEN

BÀI THỨ NHẤT

Bruy-xen, ngày 26 tháng Chín. Báo "Deutsche – Brüsseler – Zeitung" số ra hôm nay, có một bài của Hai-nơ-txen, trong đó ông ta mượn có tự bào chữa trước lời chỉ trích vặt vãnh của ban biên tập để mở đầu một cuộc bút chiến dài chống lại những người cộng sản.

Ban biên tập có khuyên hai phía nên từ bỏ cuộc bút chiến. Nhưng nếu thế thì ban biên tập sẽ chỉ được đăng riêng một phần trong bài báo của ông Hai-nơ-txen, tức là phần trong đó ông ta đích thực bào chữa chống lại lời chỉ trích cho rằng tuồng như ông ta là người đã công kích trước những người cộng sản. Nếu như "Hai-nơ-txen không có trong tay một cơ quan ấn loát" thì đó cũng vẫn không phải là lý do đầy đủ để trao cho ông ta quyền sử dụng một tờ báo để đăng những lời công kích mà bản thân ban biên tập đó cũng thấy là lỗi bịch.

Vả lại, không thể hình dung ra được một sự giúp đỡ nào tốt hơn là sự giúp đỡ cho những người cộng sản bằng việc công bố bài báo nọ. Để chống lại một đảng phái nào đó, chưa bao giờ người ta lại đưa ra những lời buộc tội nặng nhứt hơn và tầm thường

hơn những lời buộc tội mà Hai-nơ-txen tung ra ở đây đối với những người cộng sản. Bài báo là lời biện hộ tuyệt diệu nhất cho những người cộng sản. Nó chứng minh rằng nếu như từ trước tới nay, những người cộng sản chưa lên tiếng phản đối Hai-nơ-txen thì họ phải làm việc này ngay lập tức.

Ngay từ đầu, ông Hai-nơ-txen đã tự xưng là đại biểu cho tất cả những người cấp tiến Đức không phải là cộng sản; ông ta muốn tranh luận với những người cộng sản với tư cách là đảng này tranh luận với đảng kia. Ông ta "có quyền đòi hỏi", ông ta nêu lên một cách kiên quyết nhất rằng "có thể chờ đợi" những gì ở những người cộng sản, "cần đòi hỏi ở họ" những gì, và "nghĩa vụ của những người cộng sản chân chính" là gì. Ông ta hoàn toàn nhập cục sự bất đồng giữa ông ta và những người cộng sản với sự bất đồng giữa những người cộng sản và "những người cộng hòa và những người dân chủ Đức" và ông ta thay mặt những người cộng hòa đó mà xưng là "*chúng tôi*".

Ông Hai-nơ-txen là ai và ông ta đại biểu cho ai?

Ông Hai-nơ-txen nguyên là một viên chức nhỏ theo phái tự do, người mà ngay từ năm 1844, đã mơ ước một sự tiến bộ trong khuôn khổ lập pháp và một bản hiến pháp Đức thâm hại, người đã nhiều lần chỉ hết sức bí mật khe khẽ thú nhận rằng trong một tương lai rất xa xăm, nền cộng hòa đúng là sẽ phải trở thành một chế độ đáng được mong muốn và có thể thực hiện được. Tuy nhiên, ông Hai-nơ-txen đã tính nhầm về khả năng đấu tranh trên cơ sở pháp luật ở Phổ. Ông ta đã phải bỏ chạy vì một cuốn sách tồi của ông ta bàn về tầng lớp quan liêu (ngay cả I-a-cốp Vê-nê-dây trước đó rất lâu cũng còn viết được một cuốn sách tốt hơn nhiều về nước Phổ)¹²⁸. Và thế là giờ đây, ông ta đã trưởng thành. Ông ta tuyên bố là không thể đấu tranh trên cơ sở pháp luật, ông ta đã trở thành một nhà cách mạng và tất nhiên cũng là một nhà cộng

hòa nữa. Ở Thụy Sĩ, ông ta làm quen với một savant sérieux^{1*}, Ru-gơ, người đã hướng ông vào thứ triết học nghèo nàn của mình, mà thứ triết học đó là món hủ lậu gồm chủ nghĩa vô thần và chủ nghĩa nhân đạo của Phoi-ơ-bắc, ảnh hưởng xa xôi của Hê-ghen và khoa hùng biện của Stiéc-nơ. Được vũ trang bằng tất cả những thứ đó, ông Hai-nơ-txen xem như mình đã hoàn toàn già dặn. Thế là, bên phải dựa vào Ru-gơ, bên trái dựa vào Phrai-li-grát, công tác tuyên truyền cách mạng của ông ta bắt đầu.

Đương nhiên, chúng tôi không trách móc gì ông Hai-nơ-txen về chỗ ông đã chuyển từ chủ nghĩa tự do sang chủ nghĩa cấp tiến khát máu. Tuy nhiên, chúng tôi khẳng định rằng sự chuyển biến đó của ông chỉ là do chịu ảnh hưởng của những hoàn cảnh cá nhân mà thôi. Chẳng nào mà ông Hai-nơ-txen còn có thể tiến hành đấu tranh trên cơ sở pháp luật thì ông công kích bất kỳ ai thừa nhận tính tất yếu của cách mạng. Nhưng ngay khi cuộc đấu tranh trên cơ sở pháp luật đó trở nên không thể được đối với ông thì ông tuyên bố cuộc đấu tranh đó nhìn chung là không thể được, mà không thấy rằng hiện nay cuộc đấu tranh đó vẫn hoàn toàn có thể được đối với giai cấp tư sản Đức và sự chống đối của giai cấp này luôn luôn mang tính chất hợp pháp cao độ. Ngay khi ông bị chặn đường rút lui, ông liền tuyên bố rằng cần phải làm cách mạng không chậm trễ. Lẽ ra phải nghiên cứu tình hình nước Đức, xây dựng cho mình một khái niệm chung về tình hình Đức và qua đó rút ra kết luận là những bước tiến nào, loại phát triển nào và những biện pháp nào là tất yếu và có thể được; lẽ ra phải phân tích những mối quan hệ qua lại phức tạp giữa các giai cấp ở Đức và thái độ của những giai cấp đó đối với chính phủ và từ đó rút ra những cơ sở cho một chính sách cần đi theo; tóm lại, lẽ ra phải làm cho sách lược của mình thích ứng với tiến trình phát

^{1*} — nhà bác học nghiêm túc

triển của nước Đức thì ông Hai-nơ-txen lại quá lỗ mãng đòi sự phát triển của nước Đức phải thích ứng với chính bản thân ông ta.

Ông Hai-nơ-txen là một kẻ thù hung hãn của triết học chừng nào triết học hãy còn là *tiền bộ*. Chỉ khi triết học đã trở nên phản động, chỉ khi nào nó đã trở thành hang ổ của tất cả những kẻ động dao, tất cả những tên tàn tật và những tên đầu cơ văn học thì ông Hai-nơ-txen mới dựa vào nó để chuốc lấy nỗi bất hạnh. Mà điều xảy ra, thật càng bất hạnh cho ông Hai-nơ-txen, là ông Ru-gơ, người suốt đời tự mình bao giờ cũng là một tín đồ bình thường, đã biến ông Hai-nơ-txen thành một tín đồ duy nhất của ông ta. Như vậy, ông Hai-nơ-txen phải là nguồn an ủi đối với ông Ru-gơ: ít ra thì Ru-gơ cũng đã tìm được dù chỉ *một* người cho rằng mình đã thông hiểu ý nghĩa của những công trình xây bằng lời nói của ông Ru-gơ.

Nói trắng ra thì ông Hai-nơ-txen chủ trương cái gì? Thiết lập ngay nền cộng hòa Đức, trong đó những truyền thống của cuộc cách mạng Mỹ và của năm 1793 sẽ kết hợp với một số biện pháp vay mượn của những người cộng sản và nước cộng hòa đó sẽ mang màu sắc đen - đỏ - vàng tươi thắm¹²⁹. Nước Đức, do tình trạng phát triển công nghiệp kém cỏi của nó, chiếm một địa vị thảm hại ở châu Âu, đến nỗi nó sẽ không bao giờ có thể nắm được quyền chủ động, sẽ không bao giờ có thể là nước đầu tiên tuyên bố một cuộc cách mạng vĩ đại, sẽ không bao giờ có thể dám liều mạng thiết lập chế độ cộng hòa, nếu thiếu nước Pháp và Anh. Bất kỳ nền cộng hòa Đức nào được thiết lập một cách độc lập với phong trào ở các nước văn minh, bất kỳ cuộc cách mạng Đức nào dường như có thể thực hiện một cách mạo hiểm và theo kiểu của ông Hai-nơ-txen, hoàn toàn không đếm xỉa gì đến phong trào thực tế của các giai cấp ở Đức - bất kỳ nền cộng hòa nào như thế và bất kỳ cuộc cách mạng nào như thế đều là kết quả của ảo tưởng thuần túy, được tô vẽ bằng màu đen - đỏ - vàng. Và để làm cho

nền cộng hòa Đức quang vinh đó càng trở nên quang vinh hơn, ông Hai-nơ-txen đã đóng cho nó cái khung bằng thứ chủ nghĩa nhân đạo của Phoi-ơ-bắc được Ru-gơ hoàn thiện, và tuyên bố nó là vương quốc nhất định phải đến của "con người". Và tất cả những ảo tưởng ấy, - cái nọ càng phi lý hơn cái kia, - người Đức đều phải thực hiện.

Song "nhà cổ động" vĩ đại Hai-nơ-txen tiến hành công tác tuyên truyền của ông ta ra sao? Ông ta tuyên bố rằng bọn vua chúa là thủ phạm gây nên tất cả mọi tai họa và cảnh nghèo khổ. Lời khẳng định này không những nực cười mà còn hết sức có hại nữa. Ông Hai-nơ-txen sẽ không thể tăng bốc bọn vua chúa Đức, những tên bù nhìn bất lực và mất trí đó, cách ghê gớm hơn là ông đã tăng bốc chúng trong trường hợp này, bằng cách gán cho bọn chúng cái sức mạnh toàn năng, huyền hoặc, siêu tự nhiên, ma quái nào đấy. Khẳng định rằng bọn vua chúa có thể gây nên bao nhiêu nỗi bất hạnh thì như vậy là ông Hai-nơ-txen cũng công nhận là bọn chúng có sức mạnh làm được bấy nhiêu việc thiện. Kết luận rút ra từ đó không phải là tính tất yếu của cách mạng mà là nguyện vọng thành kính được có trên ngai vàng một đấng minh quân, một hoàng đế I-ô-dép nhân từ. Tuy vậy, so với ông Hai-nơ-txen thì nhân dân hiểu rõ hơn rất nhiều rằng ai đang áp bức họ. Ông Hai-nơ-txen sẽ không bao giờ hướng được lòng căm thù mà người nông dân lao dịch mang nặng đối với tên địa chủ, mà người công nhân mang nặng đối với kẻ cấp việc làm cho anh ta, vào việc chống lại bọn vua chúa. Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, ông Hai-nơ-txen đã hành động vì lợi ích của bọn địa chủ và tư bản, khi ông quy cái tội hai giai cấp này bóc lột nhân dân không phải cho hai giai cấp đó, mà lại quy cho bọn vua chúa. Mà trong khi đó thì chính việc bọn địa chủ và bọn tư bản bóc lột nhân dân làm nảy sinh ra 19 phần 20 tai họa ở Đức.

Ông Hai-nơ-txen kêu gọi khởi nghĩa ngay lập tức. Ông ta in truyền đơn trên tinh thần đó và cố gắng phân phát chúng trên

đất Đức. Chúng ta thử hỏi: thứ công tác tuyên truyền vô nghĩa, được tiến hành một cách thô thiển và mù quáng như vậy, chẳng phải là hết sức có hại cho lợi ích của lực lượng dân chủ đó sao? Chúng ta thử hỏi: chẳng phải kinh nghiệm đã cho thấy rằng thứ công tác tuyên truyền như vậy là vô ích tới chừng đó ư? Phải chăng trong những thời kỳ sôi động mạnh mẽ, tức vào những năm ba mươi, ở Đức hàng chục vạn tờ truyền đơn, tập sách nhỏ v.v. lại đã không được phân phát như vậy hay sao và phải chăng một phần trong số đó đã không có được một kết quả nào đó sao? Chúng ta thử hỏi: có thể một người có đầu óc ít nhiều lành mạnh thôi mà lại đi tưởng tượng rằng nhân dân sẽ chú ý, dù là chút ít, tới cái thứ thuyết giáo và lên lớp chính trị kiểu đó sao? Chúng ta thử hỏi: có khi nào ông Hai-nơ-txen đã làm một cái gì khác trong những tờ truyền đơn của ông ngoài việc truyền đạo và lên lớp chính trị không? Chúng ta thử hỏi: làm ầm ĩ cả thế giới bằng những khẩu hiệu cách mạng của mình mà bất chấp mọi lý trí lành mạnh, mà không có sự hiểu biết và cân nhắc các quan hệ thực tại thì có nực cười hay không?

Nhiệm vụ của báo đảng là gì? Trước tiên là tiến hành những cuộc thảo luận, chứng minh, phát triển và bảo vệ những đòi hỏi của đảng, bác bỏ và lật đổ những tham vọng và những luận điểm của phe thù địch. Những nhiệm vụ của báo chí dân chủ Đức là gì? Chứng minh tính tất yếu của một nền dân chủ, rút ra tính vô dụng của hình thức cai trị hiện hành đại biểu cho lợi ích của tầng lớp quý tộc ở mức độ này hay mức độ khác, từ tình hình thiếu một chế độ lập hiến, trong đó chính quyền sẽ vào tay giai cấp tư sản, từ tình hình nhân dân không có điều kiện cải thiện tình cảnh của họ chừng nào họ còn chưa nắm được chính quyền. Như vậy là báo chí phải làm sáng tỏ những nguyên nhân của sự áp bức của tầng lớp quan lại, tầng lớp quý tộc và giai cấp tư sản mà những người vô sản, những người tiểu nông và tiểu tư sản thành thị phải chịu, vì chính họ hình thành "nhân dân" ở Đức; phải làm sáng tỏ cái

gì đã quyết định sự xuất hiện không những của ách áp bức chính trị mà trước hết là của ách áp bức xã hội và việc áp bức đó có thể bị thủ tiêu bằng những thủ đoạn gì; phải chứng minh rằng việc những người vô sản, tiểu nông và tiểu tư sản thành thị giành chính quyền là điều kiện tiên quyết để vận dụng những thủ đoạn đó. Tiếp đến, nó phải nghiên cứu xem có thể hy vọng, đến mức độ nào, vào việc thực hiện ngay lập tức nền dân chủ; đảng có trong tay những thủ đoạn gì và đảng phải liên hợp với những đảng phái nào khi đảng hãy còn quá yếu để có thể hành động độc lập. – Nhưng ông Hai-nơ-txen đã hoàn thành dù chỉ là một trong tất cả những nhiệm vụ đó chưa? Chưa. Ông cũng chẳng buồn bỏ công sức làm việc đó. Ông chẳng giải thích gì cho nhân dân, tức là cho những người vô sản, tiểu nông và tiểu tư sản thành thị. Ông chưa hề nghiên cứu tình hình các giai cấp và các đảng phái. Ông chỉ làm có một việc là biểu diễn những bản biến tấu trên cùng một chủ đề: hãy đánh nó đi, hãy đánh nó đi, hãy đánh nó đi!

Và ông Hai-nơ-txen kêu gọi ai bằng những lời tuyên truyền đạo đức cách mạng của mình? Trước tiên là những người tiểu nông, nghĩa là giai cấp, ở thời đại chúng ta, ít có khả năng nhất để thể hiện tính năng động cách mạng. Trong sáu trăm năm trở lại đây, thành thị đã là những trung tâm phát sinh ra mọi phong trào tiến bộ; còn trong những phong trào dân chủ độc lập của mình, dân chúng nông thôn (Uốt Tai-lơ, Giéch Cây-đơ, Giắc-cơ-ri, Chiến tranh nông dân¹³⁰), một là, lần nào cũng đều giữ thái độ phản động, và hai là, lần nào cũng bị đàn áp. Giai cấp vô sản công nghiệp thành thị đã trở thành hạt nhân của mọi phong trào dân chủ hiện đại; những người tiểu tư sản và hơn thế nữa những người nông dân đều hoàn toàn lệ thuộc vào tính chủ động của nó. Cuộc cách mạng Pháp năm 1789 và lịch sử hiện đại của nước Anh, nước Pháp và các bang miền Đông nước Mỹ đều chứng minh điều đó. Thế mà

giờ đây, ở thế kỷ XIX, ông Hai-nơ-txen lại đi đặt hy vọng vào cuộc nổi loạn của nông dân!

Thế nhưng ông Hai-nơ-txen cũng có hứa hẹn cả những cải cách xã hội. Tất nhiên là thái độ thờ ơ của nhân dân đối với những lời kêu gọi của ông ta đã dần dà buộc ông ta phải đi tới điều này. Mà những cải cách gì vậy? Chính là những cải cách mà bản thân *những người cộng sản* đưa ra, như những biện pháp chuẩn bị xóa bỏ quyền tư hữu. Điều duy nhất có thể chấp nhận được của Hai-nơ-txen thì ông ta lại đi vay mượn của những người cộng sản, của chính những người cộng sản mà ông ta công kích kịch liệt như vậy. Mà ngay những cái đó có vào tay ông ta đi nữa cũng biến thành điều phi lý hoàn toàn và ảo tưởng thuần túy. Tất cả những biện pháp nhằm mục đích hạn chế cạnh tranh và tích tụ những tư bản lớn vào tay một số cá nhân, mọi sự hạn chế hay thủ tiêu quyền thừa kế, mọi công tác tổ chức lao động của nhà nước, v.v. – tất cả những biện pháp đó, với tư cách là những biện pháp cách mạng, chẳng những là có thể thực hiện được mà thậm chí còn là tất yếu. Chúng có thể được thực hiện, vì toàn giai cấp vô sản đứng lên khởi nghĩa đều tán thành chúng và trực tiếp ủng hộ chúng bằng cánh tay có vũ trang. Chúng có thể được thực hiện, mặc dù có tất cả những khó khăn và trở ngại mà các nhà kinh tế học nêu lên làm lý lẽ để phản đối chúng, bởi vì chính những khó khăn và trở ngại đó sẽ buộc giai cấp vô sản phải tiến lên ngày càng xa hơn nữa, đến chỗ thủ tiêu hoàn toàn chế độ tư hữu để khỏi lại bị mất những gì họ đã giành được. Chúng có thể thực hiện với tư cách là những biện pháp chuẩn bị, với tư cách là những bước trung gian quá độ tiến tới thủ tiêu chế độ tư hữu, và chỉ với tính cách là những biện pháp như vậy mà thôi.

Nhưng ông Hai-nơ-txen đòi hỏi những biện pháp đó như là những biện pháp cuối cùng và bất di bất dịch. Chúng không cần chuẩn bị gì, chúng phải là những biện pháp kết thúc. Đối với ông, chúng không phải là phương tiện mà là mục đích. Chúng được

tính toán không phải cho một trạng thái xã hội cách mạng, mà cho một trạng thái xã hội tư sản thanh bình. Nhưng vì thế mà chúng trở thành không thể thực hiện được và đồng thời là phản động. Các nhà kinh tế học tư sản hoàn toàn đúng khi họ, đối lập với Hai-nơ-txen, mô tả những biện pháp đó như là những biện pháp phản động nếu so với cạnh tranh tự do. Cạnh tranh tự do là hình thái tồn tại cuối cùng, cao nhất, phát triển nhất của chế độ tư hữu. Cho nên, tất cả những biện pháp lấy việc duy trì chế độ tư hữu làm tiền đề nhưng vẫn nhằm chống lại cạnh tranh tự do, đều là phản động và thiên về phục hồi những giai đoạn phát triển thấp của quyền tư hữu. Vì vậy, rút cục lại, chúng vẫn sẽ bị phá sản do có cạnh tranh, và kéo theo việc khôi phục tình trạng hiện nay. Những ý kiến phản đối này của các ngài tư sản là những ý kiến sẽ mất ngay hiệu lực khi chúng ta coi những cải cách xã hội kể trên là *mesures de salut public*^{1*} đơn thuần, là những biện pháp cách mạng và quá độ, mang tính chất hủy diệt đối với nền cộng hòa nông nghiệp – xã hội chủ nghĩa – đen – đỏ – vàng của ông Hai-nơ-txen.

Tất nhiên, ông Hai-nơ-txen tưởng tượng rằng có thể tùy tiện thay đổi và điều chỉnh những quan hệ sở hữu, quyền kế thừa, v.v.. Tất nhiên, ông Hai-nơ-txen một trong những người dốt nát nhất ở thế kỷ này, có thể không biết rằng những quan hệ sở hữu của mỗi thời đại là kết quả tất yếu của phương thức sản xuất và trao đổi vốn có của thời đại đó. Ông Hai-nơ-txen có thể không biết rằng không thể biến chế độ sở hữu ruộng đất lớn thành chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ, nếu không thay đổi toàn bộ phương thức kinh doanh nông nghiệp; rằng trong trường hợp ngược lại, chế độ sở hữu ruộng đất lớn sẽ lại nhanh chóng được phục hồi. Ông Hai-nơ-txen có thể không biết rằng giữa nền công nghiệp lớn hiện đại, sự tích tụ tư bản và sự hình thành giai cấp vô sản, có mối

^{1*} – những biện pháp cứu nguy xã hội

liên hệ chặt chẽ như thế nào. Ông Hai-nơ-txen có thể không biết rằng một nước phụ thuộc và bị nô dịch về mặt công nghiệp như nước Đức chỉ có thể cho phép mình mạo hiểm tiến hành một cuộc cải tạo quan hệ sở hữu phù hợp với lợi ích của giai cấp tư sản và cạnh tranh tự do mà thôi.

Nói tóm lại, ở những người cộng sản, những biện pháp đó là hợp lý, vì họ coi chúng không phải là những biện pháp tùy tiện, mà là những kết quả tất yếu, tự chúng bắt nguồn từ sự phát triển của công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, phương tiện giao thông vận tải, từ sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản do sự phát triển trên kia quyết định; và chúng sẽ bắt nguồn từ đó không phải như những biện pháp cuối cùng mà như *mesures de salut public* quá độ do bản thân cuộc đấu tranh giai cấp cũng mang tính chất quá độ, quyết định.

Ở ông Hai-nơ-txen, những biện pháp này không hợp lý chút nào, vì ở ông, chúng biểu hiện ra là những ảo tưởng tiểu thị dân về một sự cải thiện thế giới, được nghĩ ra một cách hoàn toàn tùy tiện; vì ông cũng chẳng ám chỉ gì đến mối quan hệ giữa những biện pháp ấy với sự phát triển lịch sử; vì ông không mấy may quan tâm đến khả năng thực hiện những dự án của ông trong thực tiễn; vì ông không cố gắng trình bày những quy luật bất di bất dịch của nền sản xuất mà ngược lại, lại cố gắng dùng những sắc lệnh để thủ tiêu những quy luật đó.

Và cũng ông Hai-nơ-txen đó, con người chỉ tiếp thu những yêu cầu của những người cộng sản sau khi đã thô bạo bóp méo chúng và biến chúng thành những ảo tưởng thuần túy, – cũng ông Hai-nơ-txen đó lại trách những người cộng sản là "tạo ra mớ bòng bong trong đầu những người đốt nát", là "chạy theo những ảo tưởng" và "bỏ mất mảnh đất hiện thực (!) dưới chân"!

Ông Hai-nơ-txen là như vậy đó trong toàn bộ hoạt động tuyên truyền của ông ta, và chúng ta công khai tuyên bố rằng chúng ta

coi hoạt động tuyên truyền đó là dứt khoát có hại và xúc phạm đến toàn Đảng cấp tiến Đức. Nhà chính luận của đảng phải có những phẩm chất hoàn toàn khác những phẩm chất của ông Hai-nơ-txen, một trong những người đốt nát nhất thế kỷ chúng ta, như đã nói ở trên. Có lẽ ông Hai-nơ-txen cũng tràn đầy những nguyện vọng tốt đẹp nhất, có lẽ ông ta là một con người vững vàng nhất châu Âu trong những quan niệm của mình. Chúng ta còn biết bản thân ông ta là một người lương thiện và có lòng dũng cảm cùng tính cương nghị. Nhưng tất cả những cái đó vẫn chưa đủ để làm nhà chính luận của đảng. Muốn làm nhà chính luận của đảng, phải có một cái gì hơn là những quan niệm dứt khoát, những nguyện vọng tốt đẹp và giọng nói của Xten-to¹³¹. Muốn làm nhà chính luận của đảng phải có nhiều trí tuệ hơn một chút, nhiều sự phân minh trong tư tưởng hơn một chút, một văn phong tốt hơn và kiến thức rộng hơn so với những cái mà ông Hai-nơ-txen có được và như kinh nghiệm lâu năm từng cho thấy, so với những gì mà nhìn chung ông ta có thể tiếp thu được.

Tuy vậy, ông Hai-nơ-txen đã bỏ chạy mà vẫn cứ phải trở thành một nhà chính luận của đảng. Ông buộc lòng phải cố thủ tổ chức cho ông một đảng trong số những người cấp tiến. Như vậy là ông đã chiếm lấy một cương vị không vừa sức ông, và những cố gắng vô hiệu của ông nhằm với tới tầm cao của cương vị ấy, chỉ làm ông trở nên lố bịch. Nếu những người cấp tiến Đức tạo cho ông lý do để ông nhận là đại diện cho họ, thì ông cũng đâm ra lố bịch mà nói rằng mình đại biểu cho họ và cuối cùng, cũng làm cho họ trở thành một trò cười.

Nhưng ông Hai-nơ-txen không đại biểu cho những người cấp tiến Đức. Họ có những người đại biểu khác hẳn, như I-a-cô-bi và những người khác. Ông Hai-nơ-txen không đại diện cho ai và không được ai công nhận làm người đại diện, có chăng là trừ một số ít các nhà tư sản Đức cấp tiến cho công tác tuyên truyền của ông. Và lại chúng ta lâm đây. Ở Đức, có một giai cấp công nhận ông

là người đại diện cho nó, được ông cổ vũ, vì ông mà hò hét đến rất hòng, vì ông mà cố gắng át tiếng nói của tất cả những khách hàng quen của quán rượu (y hết như kiểu theo lời ông Hai-nơ-txen, những người cộng sản "đã lớn tiếng át cả tiếng nói của tất cả phe đối lập trên văn đàn"). Giai cấp đó là giai cấp những kẻ rao hàng đông đảo, có văn hóa, có ý nghĩ tốt lành và có thể lực.

Và ông Hai-nơ-txen đó yêu cầu những người cộng sản công nhận ông làm người đại diện cho những người tư sản cấp tiến và tranh luận với ông như với một người ở cương vị đó!

Tất cả những điều trình bày trên đã cung cấp đầy đủ căn cứ để biện hộ cho cuộc bút chiến của những người cộng sản chống lại ông Hai-nơ-txen. Trên số báo sau chúng ta sẽ bàn tới những lời chỉ trích của ông Hai-nơ-txen đối với những người cộng sản trong số báo 77 đã được nhắc tới trên kia của tờ báo này.

Nếu như chúng tôi không tin chắc rằng ông Hai-nơ-txen hoàn toàn không xứng với vai trò một nhà chính luận của đảng thì chúng tôi đã khuyên ông nghiên cứu thật kỹ "Sự khốn cùng của triết học" của Mác. Nhưng than ôi, chúng tôi chỉ có thể đáp lại lời khuyên chúng tôi nên đọc "Chính trị mới" của Phruê-ben¹³² bằng một lời khuyên khác là: ngồi yên và bình tĩnh đợi "cuộc chiến đấu". Chúng tôi tin là ông Hai-nơ-txen tỏ ra là một nhà chính luận tồi bao nhiêu thì ông sẽ tỏ ra là một viên tiểu đoàn trưởng giỏi bấy nhiêu.

Để ông Hai-nơ-txen không còn lý do than phiền về những lời công kích khuyết danh, chúng tôi xin ký tên vào bài báo này.

Ph. Ăng-ghen

BÀI THỨ HAI

Như chúng tôi đã làm sáng tỏ vấn đề này ở bài báo thứ nhất, những người cộng sản công kích ông Hai-nơ-txen không phải vì ông không là cộng sản, mà vì ông là một nhà chính luận tồi của

đảng dân chủ. Họ công kích ông không phải với tư cách *những người cộng sản* mà với tư cách *những người dân chủ*. Việc chính những người cộng sản đã mở cuộc luận chiến chống lại ông là chuyện ngẫu nhiên đơn thuần. Giả thử trên thế giới, không có người cộng sản nào cả, thì những người dân chủ sẽ phải lên tiếng chống lại ông Hai-nơ-txen. Toàn bộ cuộc tranh luận này chỉ bàn đến những điều sau đây: 1) với tư cách nhà chính luận và nhà tuyên truyền của đảng, ông Hai-nơ-txen có khả năng mang lại lợi ích cho lực lượng dân chủ Đức hay không, điều này chúng tôi phủ nhận; 2) những phương pháp tuyên truyền của ông Hai-nơ-txen có đúng đắn hay, ít ra có thể chấp nhận được hay không, điều này chúng tôi cũng phủ nhận. Như vậy là vấn đề bàn ở đây không phải là về chủ nghĩa cộng sản và không phải là về nền dân chủ mà chỉ là về cá nhân con người và những chuyện lố lăng cá nhân của ông Hai-nơ-txen mà thôi.

Trong những điều kiện hiện nay, những người cộng sản chẳng những hoàn toàn không muốn khởi xướng ra những cuộc tranh luận vô bổ với những người dân chủ, mà nói cho đúng ra trong lúc này, bản thân những người cộng sản lại là những người dân chủ trong tất cả các vấn đề thực tiễn của đảng. Hậu quả tất yếu của nền dân chủ ở tất cả các nước văn minh là quyền thống trị chính trị của giai cấp vô sản, mà quyền thống trị chính trị của giai cấp vô sản là tiền đề đầu tiên của tất cả mọi biện pháp cộng sản chủ nghĩa. Cho nên, chừng nào còn chưa giành được quyền dân chủ thì những người cộng sản và những người dân chủ còn kẻ vai sát cánh chiến đấu, và lợi ích của những người dân chủ cũng là lợi ích của chính những người cộng sản. Cho tới lúc đó thì những bất đồng giữa hai đảng mang tính chất lý luận thuần túy và có thể làm đối tượng tuyệt vời cho những cuộc tranh luận lý luận, nhưng chẳng vì thế mà gây tổn hại gì cho những hành động chung. Thậm chí sẽ có thể có xung đột về một số biện pháp sẽ phải tiến hành không chậm trễ sau khi giành được nền dân

chủ, nhằm mưu lợi ích cho những giai cấp trước đây bị áp bức, như chuyển nền đại công nghiệp, đường sắt v.v. cho nhà nước quản lý, giáo dục tất cả mọi trẻ em do nhà nước đài thọ v.v..

Nhưng ta hãy trở lại với ông Hai-nơ-txen.

Ông Hai-nơ-txen tuyên bố không phải ông khởi xướng cuộc tranh luận với những người cộng sản mà chính họ đã gây ra trước với ông. Như vậy, chúng tôi có trước mặt mình một luận cứ theo kiểu vô công rồi nghề mà ai cũng biết, mà về chuyện này chúng tôi không tranh cãi với ông ta làm gì. Ông gọi sự xung đột của ông với những người cộng sản là "sự chia rẽ vô lý mà những người cộng sản gây ra trong phe cấp tiến Đức". Hai-nơ-txen khẳng định rằng ba năm trước đây, ông cố gắng đem hết sức lực và mọi phương sách có thể có được để ngăn chặn sự phân liệt đang đến gần. Những cố gắng không kết quả đó đã mang lại hậu quả là những người cộng sản công kích ông ta.

Ba năm trước đây, như mọi người đều rất rõ, ông Hai-nơ-txen hãy còn hoàn toàn chưa thuộc vào *phe những người cấp tiến*. Khi ấy, ông là người ủng hộ một sự tiến bộ trong khuôn khổ pháp luật và là một người thuộc phái tự do. Cho nên những bất đồng với ông hoàn toàn không có nghĩa là sự chia rẽ trong *phe cấp tiến*.

Vào năm 1845, ông Hai-nơ-txen gặp gỡ những người cộng sản tại đây, ở Bruy-xen. Những người đó chẳng những hoàn toàn không nghĩ đến chuyện công kích ông Hai-nơ-txen về cái gọi là chủ nghĩa cấp tiến chính trị của ông ta, mà đúng hơn là đã hết sức cố gắng thúc đẩy ông Hai-nơ-txen khi đó hãy còn thuộc phe tự do, chuyển sang lập trường của chính chủ nghĩa cấp tiến ấy. Nhưng vô ích. Chỉ có ở Thụy Sĩ, ông Hai-nơ-txen mới trở thành một nhà dân chủ.

"Về sau tôi càng ngày càng tin vào (!) tính tất yếu của cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại những người cộng sản", do đó ngày càng tin vào tính tất yếu của sự chia rẽ vô nghĩa trong phe cấp tiến! Chúng tôi xin hỏi các nhà dân chủ Đức: một kẻ mâu thuẫn

với chính bản thân mình một cách nực cười đến thế có xứng đáng làm nhà chính luận của đảng không?

Nhưng những người cộng sản, theo lời khẳng định của ông Hai-nơ-txen, đã lên tiếng công kích ông ta, là những người nào thế? Những lời bóng gió dẫn ở trên và đặc biệt là những lời buộc tội những người cộng sản tiếp sau đó cho ta câu trả lời rõ ràng về vấn đề ấy. Những người cộng sản, ông Hai-nơ-txen nói:

"đã lớn tiếng át cả tiếng nói của tất cả phe đối lập trên văn đàn, họ đã tạo ra một bong bóng trong đầu những người đốt nát, dèm pha các nhà hoạt động cấp tiến nhất, một cách bắt nạt hết chỗ nói, họ... cố hết sức làm tê liệt cuộc đấu tranh chính trị, hơn thế nữa, rút cục họ liên hợp... lại một cách công khai với lực lượng phản động. Thêm vào đó là trong đời sống thực tiễn hằn do ảnh hưởng của học thuyết của họ, họ thường rơi xuống vai trò của *những kẻ mưu mô quý quyết đề tiện và giả dối...*"

Từ trong màn sương vô định của những lời buộc tội đó, hiện ra một hình tượng rất rõ: hình tượng kẻ đầu cơ văn học, ông Các Grun. Ba năm trước đây, ông Grun có thù oán cá nhân với ông Hai-nơ-txen. Nhân chuyện ấy, ông Grun đã lên tiếng công kích ông Hai-nơ-txen trên tờ "Trier'sche Zeitung", ông Grun thử cố lớn tiếng át tiếng nói của tất cả phe đối lập trên văn đàn, ông Grun cố hết sức làm tê liệt cuộc đấu tranh chính trị v.v..

Song ông Grun là người đại biểu cho chủ nghĩa cộng sản từ khi nào vậy? Nếu như ba năm trước đây, ông ta có ý đồ gần gũi với những người cộng sản, thì cũng chưa bao giờ ông ta được công nhận là người cộng sản, chưa bao giờ ông ta công khai tự xưng là người cộng sản và hơn một năm trước đây, ông ta thậm chí còn thấy cần phải lên tiếng chống lại những người cộng sản.

Ngay khi ấy Mác đã hoàn toàn phủ nhận vai trò đại biểu của ông Grun trước mặt ông Hai-nơ-txen và sau này, ngay khi có cơ hội đầu tiên, đã công khai lột tả ông theo đúng chân tướng của ông ta.

Còn về lời vu khống cuối cùng, "đê tiện và giả dối" của ông

Hai-nơ-txen đối với những người cộng sản thì nó có cơ sở của nó, đó là một vụ rắc rối xảy ra giữa ông Grun và ông Hai-nơ-txen chứ không phải cái gì khác. Vụ rắc rối đó có liên quan đến hai vị kẻ trên chứ không hề liên quan đến những người cộng sản. Chúng tôi thậm chí không biết những tình tiết của vụ rắc rối đó tới mức có thể đưa ra nhận định của chúng tôi về việc đó. Tuy nhiên, ta hãy giả dụ là ông Hai-nơ-txen đúng. Nhưng vấn đề sau khi Mác và những người cộng sản khác đã phủ nhận vai trò đại biểu của nhân vật can dự vào vụ rắc rối đó, nếu sau khi đã rõ như ban ngày là nhân vật có can dự đó chưa bao giờ là người cộng sản, – nếu sau tất cả những cái đó mà ông Hai-nơ-txen vẫn cứ tiếp tục quy vụ rắc rối đó là hậu quả không tránh khỏi của học thuyết cộng sản thì đó là một sự hèn hạ vô cùng.

Vả lại, nếu trong những lời buộc tội đã dẫn ở trên của mình, ông Hai-nơ-txen có ý nói đến cả những người khác, ngoài ông Grun ra, thì điều này chỉ liên quan tới những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" mà lý luận thật sự phản động của họ đã bị những người cộng sản phủ nhận từ lâu. Tất cả những đại biểu có khả năng phát triển của cái phái hiện nay đã hoàn toàn tan rã đó đều đã chuyển sang phía những người cộng sản và chính họ giờ đây đang công kích "chủ nghĩa xã hội chân chính" ở bất cứ nơi nào nó còn xuất đầu lộ diện. Cho nên một lần nữa, ông Hai-nơ-txen lại để lộ sự dốt nát vô chừng thường thấy ở ông, khi ông lại đi khai quật những điều tưởng tượng đã bị chôn vùi từ lâu đó lên để đổ trách nhiệm cho những người cộng sản về những cái đó. Sau khi chỉ trích ở đây những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính", mà ông lẫn lộn với những người cộng sản, ông Hai-nơ-txen liền ném vào những người cộng sản chính những lời buộc tội lố bịch mà những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" đã đưa ra nhằm chống lại những người cộng sản. Cho nên, chính ra thì ông ta thậm chí cũng không có quyền công kích những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính"

bởi vì trên một ý nghĩa nhất định, chính ông cũng thuộc về phái này. Trong khi những người cộng sản lên tiếng trên báo chí kịch liệt chống lại những nhà xã hội chủ nghĩa đó thì chính ông Hai-nơ-txen nọ đã ngồi ở Xuy-rích, nơi đây ông Ru-gơ truyền thụ cho ông ta những mẫu "chủ nghĩa xã hội chân chính" chất chứa trong cái đầu rối bời của bản thân ông Ru-gơ. Đích thực là ông Ru-gơ đã tìm thấy một người học trò xứng đáng với ông thầy như vậy!

Nhưng những người cộng sản chân chính ở đâu? Ông Hai-nơ-txen nói đến những trường hợp ngoại lệ xứng đáng được tôn kính và tới những con người rất có tài mà ông tiên đoán là họ sẽ khước từ tình đoàn kết cộng sản (!). Những người cộng sản *đã khước từ* mọi thứ tình đoàn kết với những tác phẩm và những hành động của những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính". Trong tất cả những lời chỉ trích dẫn ra ở trên, không có lấy một lời nào liên quan tới những người cộng sản, có chăng chỉ trừ những lời kết thúc của cả áng văn dài dằng dặc, vang lên như sau:

"Những người cộng sản... lên mặt kênh kiệu về tính ưu việt tưởng tượng của họ, giễu cợt tất cả những gì có thể làm cơ sở để đoàn kết *những người chính trực*."

Hẳn là qua đây ông Hai-nơ-txen ám chỉ những người cộng sản đã nhạo báng những lời lẽ đạo đức cao cả của ông và giễu cợt tất cả những tư tưởng, lòng từ thiện, sự công bằng, đạo đức v.v. cao cả và thiêng liêng đó, những thứ mà như ông Hai-nơ-txen tưởng tượng, dường như làm thành cơ sở của bất kỳ xã hội nào. Lời chỉ trích này chúng tôi xin nhận. Mặc dù có sự phản nộ đạo đức của một con người *chính trực*, của ông Hai-nơ-txen, những người cộng sản sẽ không ngừng giễu cợt *những chân lý vĩnh cửu đó*. Thêm vào đây, những người cộng sản khẳng định rằng những chân lý vĩnh cửu đó không đời nào là cơ sở, mà ngược lại, là sản phẩm của cái xã hội trong đó chúng hình thành.

Vả lại, nếu như ông Hai-nơ-txen nhìn thấy trước là những người cộng sản sẽ khước từ tình đoàn kết với những người được ông tùy tiện

xếp vào phe cộng sản thì khi ấy tất cả những lời chỉ trích lỗi bịch và những lời vu khống đê tiện của ông ta dùng để làm gì? Nếu như ông Hai-nơ-txen chỉ hiểu biết những người cộng sản qua phong thanh thôi, mà điều này thì hầu như đã rõ, nếu như ông hiểu biết họ, – họ là những người như thế nào, cần đòi hỏi gì ở họ để tự họ đưa ra những khái niệm chính xác hơn về họ, có thể nói, *tự giới thiệu* với ông – một cách ít ỏi đến như vậy thì phải có thái độ trợ trảo như thế nào để đi luận chiến với họ trong những điều kiện ấy?

"Một sự hiểu biết chính xác về những người, nói đúng ra, đại biểu cho chủ nghĩa cộng sản hoặc trình bày chủ nghĩa đó dưới dạng thuần khiết, có lẽ sẽ làm cho đại bộ phận những người đi theo chủ nghĩa cộng sản và *bị nó lợi dụng*, hoàn toàn rời bỏ nó, và phản đối một đòi hỏi như vậy không phải chỉ có độc các vị ở tờ "Trier'sche Zeitung".

Và dưới đó mấy dòng:

"Ồ những kẻ đích thực là cộng sản, *có thể hy vọng* rằng họ có đầy đủ tính chất nhất quán và *thái độ thành thực*" (Ồ, anh chàng phi-li-xtanh cao thượng!) "để công khai tuyên bố học thuyết của họ và tách khỏi những kẻ không phải là cộng sản. *Cần phải đòi hỏi họ*" (quả là cách nói kiểu phi-li-xanh!) "dừng có duy trì *một cách tăng tận lương tâm (!) cái mớ bòng bong* hình thành trong đầu óc hàng vạn *con người đau khổ và đốt nát*, bởi cái khả năng – trên thực tế là phi khả năng (!) – tưởng tượng hoặc bịa đặt là tìm thấy trên cơ sở quan hệ hiện thực, con đường đi tới thực hiện học thuyết đó (!). *Nghĩa vụ*" (lại anh chàng phi-li-xtanh cao thượng đó) "của những người cộng sản chân chính là hoặc làm cho mọi chuyện trở nên hoàn toàn rõ ràng đối với tất cả những đại biểu của khối người tăm tối đi theo mình và dẫn dắt họ tới mục tiêu đã định, hoặc *tách rời* khỏi họ, *không lợi dụng họ*".

Ông Ru-gơ sẽ có thể tự chúc mừng mình, nếu như ông đã cho ra đời được ba đoạn phức tạp như vậy. Hoàn toàn tương hợp với những đòi hỏi có tính chất phi-li-xtanh là sự rối rắm trong tư tưởng vốn có ở anh chàng phi-li-xtanh: nghe đâu anh ta chỉ quan tâm tới thực chất của vấn đề, còn hình thức thì tuyệt nhiên không, và chính vì vậy mà anh ta nói ra cái điều trái ngược hẳn với cái định nói. Ông Hai-nơ-txen đòi những người cộng sản chân chính

phải tách khỏi những người cộng sản giả hiệu. Họ phải chấm dứt tình trạng rối như mớ bòng bong (ông *muốn* nói thế) sinh ra từ sự lẫn lộn giữa hai phái khác nhau. Nhưng ngay sau khi những từ này, – "những người cộng sản" và "mớ bòng bong", va chạm với nhau trong đầu ông thì chính trong cái đầu ấy xuất hiện cái mớ bòng bong. Ông Hai-nơ-txen bị mất luồng suy nghĩ. Cái công thức cửa miệng của ông là những người cộng sản *nói chung* gây nên mớ bòng bong trong đầu những người đốt nát, cứ luẩn quẩn dưới chân ông, ông quên khuấy những người cộng sản chân chính và những người cộng sản giả; với vẻ bất lực nực cười, ông vấp phải đủ loại khả năng, thực tế là phi khả năng được tưởng tượng ra và bịa đặt ra và sau hết, ngã sòng sượt trên mảnh đất của những quan hệ hiện thực, ở đây ông lại hồi tỉnh. Giờ đây, ông lại thấy rằng vấn đề hoàn toàn không phải ở chỗ cái này hay cái nọ có thể thực hiện được hay là không thể thực hiện được, rằng ông, nói đúng ra, muốn nói về một cái gì hoàn toàn khác kia. Ông lại quay trở về với chủ đề của ông, nhưng ông hãy còn choáng váng tới mức thậm chí không gạch bỏ câu văn tuyệt mỹ trong đó ông đã làm trò nhào lộn như đã miêu tả ở trên.

Văn phong của ông Hai-nơ-txen là như vậy đó. Còn về thực chất vấn đề thì chúng tôi xin nhắc lại rằng ông Hai-nơ-txen đã làm như một người Đức ngay thật là đưa những đòi hỏi của ông ra quá muộn, rằng những người cộng sản đã từ lâu phủ nhận những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính". Rồi sau đó, ở đây, chúng ta lại thấy rằng dùng cách ném đá giấu tay tung ra những lời vu khống thì tuyệt nhiên không phải là một cái gì trái với tính cách của anh chàng phi-li-xtanh cao thượng. Nhất là ông Hai-nơ-txen ám chỉ hoàn toàn rõ ràng các nhà chính luận cộng sản chỉ lợi dụng những công nhân cộng sản. Ông tuyên bố khá thẳng thắn là nếu các nhà chính luận đó trình bày công khai các quan điểm của họ thì sẽ làm cho cái khối đại bộ phận những người chủ yếu bị họ lợi dụng sẽ hoàn toàn rời bỏ chủ nghĩa cộng

sản. Ông coi các nhà chính luận cộng sản như những nhà tiên tri, những pháp sư hay thầy tu nắm được sự anh minh huyền bí mà họ biết giữ bên mình và giấu không cho những con người dốt nát biết, để dắt mũi họ. Tất cả những đòi hỏi có tính chất phi-li-xtanh cao thượng của ông đòi những người cộng sản phải *làm cho* mọi chuyện trở nên *rõ ràng* đối với tất cả những người đại biểu cho khối quần chúng tăm tối mà không được lợi dụng họ, chắc hẳn xuất phát từ giả thuyết cho rằng tuồng như những nhà trước tác cộng sản chủ nghĩa thiết tha với việc kìm hãm công nhân trong cảnh tăm tối và dốt nát, tuồng như họ chỉ lợi dụng công nhân tương tự như phái Ánh sáng¹³³ ở thế kỷ trước muốn lợi dụng nhân dân. Cái quan niệm tầm thường đó buộc ông Hai-nơ-txen phải nhắc đi nhắc lại không đúng lúc, đúng chỗ ở khắp mọi nơi, cái mớ bông bong trong đầu óc những con người dốt nát và, để trừng phạt ông về việc không nói thẳng ra nó buộc ông phải làm trò nhào lộn về mặt ngôn từ.

Chúng tôi chỉ vạch ra những lời vu khống đó, chúng tôi sẽ không bác bỏ chúng. Chúng tôi xin đề những người công nhân cộng sản tự phán xét vấn đề này.

Sau hết, tất cả những lời nhận xét, những sự quanh co tránh né, những đòi hỏi, những lời vu khống và những thủ thuật nhào lộn đó của ông Hai-nơ-txen, chúng ta đi vào những lời công kích có tính chất lý luận và những luận cứ của ông chống lại những người cộng sản.

Ông Hai-nơ-txen

"nhận thấy hạt nhân của học thuyết cộng sản, nói một cách đơn giản là việc thủ tiêu chế độ tư hữu (kể cả tài sản kiểm được bằng lao động của bản thân) và nguyên tắc sử dụng chung những của cải trên thế gian này, hậu quả tất yếu của việc thủ tiêu đó".

Ông Hai-nơ-txen tưởng tượng rằng chủ nghĩa cộng sản là một thứ *học thuyết* xuất phát từ một nguyên tắc lý luận nhất định như từ *hạt nhân* của nó, và từ đó rút ra những kết luận tiếp theo.

Ông Hai-nơ-txen nhầm to. Chủ nghĩa cộng sản không phải là một học thuyết mà là một *cuộc vận động*. Nó xuất phát không phải từ những nguyên tắc, mà từ *những sự thật*. Những người cộng sản không lấy thứ triết học này nọ, mà lấy toàn bộ quá trình lịch sử trước đây và đặc biệt là những kết quả thực tế trước mắt tại các nước văn minh làm tiền đề của họ. Chủ nghĩa cộng sản nảy sinh ra từ nền đại công nghiệp và những hậu quả của đại công nghiệp: từ sự xuất hiện thị trường thế giới và cuộc cạnh tranh không thể kìm hãm được do sự xuất hiện của thị trường thế giới gây ra; từ những cuộc khủng hoảng thương nghiệp ngày càng có tính chất phá hoại và tính phổ biến và giờ đây đã hoàn toàn trở thành những cuộc khủng hoảng của thị trường thế giới; từ sự hình thành ra giai cấp vô sản và sự tích tụ của tư bản; và từ cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản do đó mà nảy sinh ra. Chủ nghĩa cộng sản, ở mức độ nó là lý luận, là sự biểu hiện lý luận của lập trường của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh đó và sự khái quát lý luận về những điều kiện giải phóng của giai cấp vô sản.

Giờ đây, ông Hai-nơ-txen không thể hiểu rằng muốn phán xét về chủ nghĩa cộng sản thì cần có một cái gì đó nhiều hơn việc nhận thấy hạt nhân của nó, nói một cách giản đơn là sự thủ tiêu chế độ tư hữu; rằng ông nên bắt tay vào nghiên cứu nghiêm chỉnh kinh tế chính trị học thì tốt hơn là cứ ba hoa suông về sự thủ tiêu chế độ tư hữu; rằng ông không thể có chút xíu khái niệm gì về *những kết quả* mà việc thủ tiêu tư hữu phải dẫn tới, nếu ông không hiểu biết cả những tiền đề của nó.

Trong vấn đề cuối cùng này, ông Hai-nơ-txen tỏ ra ngu đần tới mức ông thậm chí cho rằng dường như việc "sử dụng chung những của cải trên thế gian này" (một thành ngữ không đến nỗi tồi) là *kết quả* của việc thủ tiêu sở hữu tư nhân. Trên thực tế, chính lại xảy ra điều ngược lại. Do đại công nghiệp, do sự phát triển của sản xuất cơ giới, của phương tiện giao thông vận tải, của thương nghiệp thế giới có những quy mô khổng lồ tới mức

các nhà tư bản cá biệt càng ngày càng không thể kinh doanh được; do những cuộc khủng hoảng của thị trường thế giới ngày càng dữ dội, cung cấp cho chúng ta bằng chứng hùng hồn nhất về vấn đề này; do chỗ *lực lượng* sản xuất và các *phương tiện* trao đổi của *phương thức* sản xuất và trao đổi hiện đại càng ngày càng lớn vượt ra ngoài khuôn khổ trao đổi cá nhân và sở hữu tư nhân; tóm lại, do đã sắp tới lúc mà việc xã hội phải quản lý công nghiệp, nông nghiệp trao đổi trở thành một tất yếu vật chất đối với chính bản thân công nghiệp, nông nghiệp và trao đổi, do tất cả những cái đó mà sở hữu tư nhân sẽ bị thủ tiêu.

Khi ông Hai-nơ-txen tách rời như vậy việc thủ tiêu chế độ tư hữu, – điều này tất nhiên là tiền đề của việc giải phóng giai cấp vô sản, – với những tiền đề của bản thân việc thủ tiêu đó, khi ông xem xét nó bên ngoài mọi mối liên hệ với thế giới hiện thực như một điều bịa đặt ngu ngốc giản đơn xa rời thực tế thì nó trở thành câu văn sáo thuần túy mà ông chỉ có thể dùng để nói lên điều nhảm nhí tầm thường. Ông ta đã hành động như sau:

"Bằng việc thủ tiêu mọi sở hữu tư nhân đã nhắc tới ở trên, chủ nghĩa cộng sản tất nhiên thủ tiêu cả *sự tồn tại độc lập của cá nhân riêng biệt*" (như vậy là ông Hai-nơ-txen buộc cho chúng tôi vào tội có khuynh hướng làm cho con người trở thành những đứa trẻ Thái Lan dính dãi). "Hậu quả của việc này vẫn là việc mỗi cá nhân riêng biệt gia nhập vào một đơn vị kinh tế có tính chất trại lính được tổ chức na ná (!) như kiểu công xã" (xin bạn đọc độ lượng hãy nhớ cho là tất cả những cái đó, như mọi người đều công nhận, chỉ là hậu quả của những lời ba hoa của bản thân ông Hai-nơ-txen về sự tồn tại độc lập của cá nhân riêng biệt). "Qua đây, chủ nghĩa cộng sản thủ tiêu cá tính... độc lập... tự do". (Luận điệu cũ rích của những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" và các ngài tư sản. Tuồng như những cá nhân hiện đại do sự phân công lao động mà đã trở thành – trái với ý muốn của họ – những thợ giấy, công nhân công xưởng, tư sản, luật gia, nông dân, tức là những tên nô lệ của một nghề nghiệp nhất định và của những tập tục, lối sống, định kiến, tính thiên cận thích ứng với nghề nghiệp đó v.v., còn có một cá tính nào đấy nữa có thể bị thủ tiêu!). "Chủ nghĩa cộng sản đem cá nhân riêng biệt cùng tài sản tư nhân *kiếm được* – một đặc trưng hoặc cơ sở tất yếu của cá nhân ấy", (chữ "*hoặc*" đó mới tuyệt chứ!) – "làm lễ vật dâng lên bóng ma cộng đồng hoặc xã hội" (ở đây chẳng phải là câu nói của Stieck-nơ hay sao?) "trong khi đó thì cộng đồng có thể và phải" (phải!!) "không được là mục đích mà chỉ là phương tiện cho mỗi cá nhân riêng biệt".

Ông Hai-nơ-txen đặc biệt coi trọng tài sản tư nhân *kiếm được* và, qua đây, chứng tỏ thêm một lần nữa rằng ông hoàn toàn không hiểu gì về đối tượng mà ông đề cập tới. Thật đáng tiếc, sự công bằng phi-li-xtanh cao thượng mà ông Hai-nơ-txen định chiếu theo để cố đem cho mỗi người những gì người đó kiếm được, lại bị nền đại công nghiệp quy về con số không. Chừng nào nền đại công nghiệp còn chưa đạt tới một trình độ phát triển khiến nó có thể hoàn toàn thoát khỏi những gông xiềng của chế độ tư hữu thì chừng đó, nó vẫn chưa cho phép phân phối sản phẩm của nó theo một cách nào khác, ngoài cái cách hiện hành, thì chừng đó nhà tư bản vẫn cứ sẽ bỏ túi món lợi nhuận của y, còn người công nhân ngày càng nhận rõ trong thực tiễn rằng tiền công tối thiểu là gì. Ông Pru-đông đã mưu toan phát triển một cách có hệ thống nguyên tắc tài sản *kiếm được* và đặt nó vào mối quan hệ với các quan hệ hiện hành và như mọi người đều biết, ông ta đã bị thất bại hoàn toàn. Thật ra, ông Hai-nơ-txen, sẽ không bao giờ dám thử làm như vậy, vì muốn thế thì ông sẽ phải nghiên cứu vấn đề, điều mà ông sẽ không làm. Nhưng tấm gương của ông Pru-đông có thể dùng làm bài học cho ông bớt phô cái tài sản kiếm được của ông ra trước công chúng.

Nếu như sau tất cả những điều đó mà ông Hai-nơ-txen vẫn trút vào những người cộng sản lời chỉ trích rằng họ chạy theo những ước mơ hão huyền và bỏ rơi mất mảnh đất hiện thực dưới chân thì lời chỉ trích ấy đụng chạm tới ai vậy?

Ông Hai-nơ-txen còn phát biểu tiếp nhiều điều khác nữa mà chúng tôi sẽ không nói tới làm gì. Chúng tôi chỉ xin nhận xét rằng ông càng đi xa bao nhiêu thì những câu văn của ông càng vụng về bấy nhiêu. Nguyên sự bất lực về ngôn ngữ của ông, biểu hiện trong việc hoàn toàn không biết lựa chọn từ ngữ thích hợp, cũng đã đủ để bôi nhọ bất kỳ đảng phái nào có ý định công nhận ông là đại biểu văn đàn của mình. Niềm tin sắt đá của ông luôn luôn dẫn ông tới chỗ nói ra cái điều không phải là điều ông muốn nói.

Mỗi câu văn của ông như vậy là chứa đựng hai điều vô nghĩa: một là, điều vô nghĩa mà ông muốn nói ra, và hai là, điều vô nghĩa mà ông không muốn nói nhưng vẫn cứ nói ra. Trên kia, chúng tôi đã dẫn ra một thí dụ về điều này. Chúng tôi chỉ xin nhận xét thêm là ông Hai-nơ-txen lặp lại cái quan điểm mê tín dị đoan cũ của ông về uy thế của các bậc vua chúa, khi ông nói rằng hiện nay cũng như xưa nay, *chính quyền* – cái chính quyền mà người ta cần phải lật đổ và chẳng phải cái gì khác hơn là chính quyền nhà nước – là nguồn gốc và thành trì của mọi sự vô quyền, rằng ông "gắng sức" thiết lập *một nhà nước pháp quyền thực sự* (!) và trong phạm vi của lâu đài ảo tưởng đó, "tiến hành tất cả những cuộc cải cách xã hội mà tính đúng đắn về mặt lý luận (!) và tính hiệu lực thực tế (!) của chúng bắt nguồn từ sự phát triển phổ biến (!)" !!!

Ý định tốt đẹp chừng nào thì văn phong tồi chừng ấy. Số phận của đức hạnh cao thượng trong cái thế giới tồi tệ này là như thế đó.

Bị tình thần thời đại làm cho trụ lạc

Đã thành người Xăng-quy-lốt ở hang.

Nhảy múa tôi nhưng trong lồng ngực đầy lông lá,

Kiều hãnh mang một lòng quả cảm can trường;

.....

Không tài ba, — nhưng có bản lĩnh¹³⁴.

Ông Hai-nơ-txen sẽ bị những bài báo của chúng tôi làm cho phần nộ chính đáng, đúng như hành động của anh phi-li-xtanh cao thượng khi bị lăng nhục, tuy nhiên không vì thế mà ông sẽ thay đổi văn phong của ông cũng như phương thức cổ động làm mất danh dự và vô mục đích của ông đâu. Lời dọa dẫm của ông là, đến ngày hành động quyết liệt sẽ trừng trị treo trên các cột đèn, — đã đem lại cho chúng tôi mấy phút vui vui.

Tóm lại, những người cộng sản cần phải và đều muốn hành

động chung với những người cấp tiến Đức. Nhưng họ vẫn dành cho mình quyền đập lại bất kỳ nhà chính luận nào xúc phạm đến danh dự của toàn phe nói chung. Vì lẽ đó chứ không vì lẽ gì khác mà chúng tôi thấy cần đập lại Hai-nơ-txen.

Bruy-xen, ngày 3 tháng Mười 1847

Ph.Ăng-ghen

NB. Chúng tôi vừa nhận được một tập sách mỏng do một công nhân viết^{1*}: "Nhà nước của Hai-nơ-txen. Những nhận xét phê phán của Xtê-phan" Béc-nơ, Rét-xơ¹³⁵. Ông Hai-nơ-txen sẽ có thể phần khởi nếu ông viết được tốt bằng một nửa người công nhân ấy. Qua tập sách này, ông Hai-nơ-txen, ngoài những điều khác, sẽ có thể thấy khá rạch ròi tại sao công nhân lại không muốn nghe nói về nước cộng hòa nông nghiệp của ông. — Chúng tôi xin nhận xét thêm, đó là tập sách đầu tiên do một công nhân viết, và tác giả của nó phát biểu không phải để lên lớp về đạo đức, mà để thử giải thích những trận kịch chiến chính trị hiện thời bằng cuộc đấu tranh giữa các giai cấp trong xã hội.

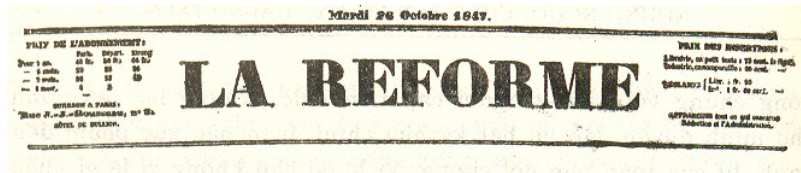
Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 26 tháng Chín
và ngày 3 tháng Mười 1847

Đã đăng trên báo "*Deutsche-Brüsseler —
Zeitung*", các số 79 và 80; ngày 3 và 7
tháng Mười 1847

Ký tên: Ph.Ăng-ghen

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

^{1*} — Xtê-phan Boóc-nơ.



PH.ĂNG-GHEN

CUỘC KHỦNG HOẢNG THƯƠNG NGHIỆP
 Ở ANH. – PHONG TRÀO
 HIẾN CHƯƠNG. – AI-RÔ-LEN¹³⁶

Cuộc khủng hoảng thương nghiệp hiện nay đang bao trùm nước Anh thật sự vượt tất cả mọi cuộc khủng hoảng trước đó về mức độ trầm trọng của nó. Cả năm 1837 lẫn năm 1842 tình trạng tiêu điều cũng không mang tính chất phổ biến như hiện nay. Tất cả mọi ngành sản xuất của nền công nghiệp rộng lớn nước Anh bị tê liệt đúng vào lúc chúng phát triển sôi động nhất. Khắp nơi đều đình đốn; khắp nơi đều chỉ thấy những công nhân bị ném ra đường phố. Lẽ dĩ nhiên, tình hình đó làm nảy sinh sự kích động khác thường trong công nhân, những người trong thời kỳ thương nghiệp phồn thịnh thì bị các nhà công nghiệp bóc lột, còn giờ đây thì bị sa thải hàng loạt và phó mặc cho số mệnh. Đó là nguyên nhân làm cho số cuộc mít-tinh do công nhân bất bình tổ chức tăng lên nhanh chóng. Tờ "Northern Star", cơ quan ngôn luận của công nhân thuộc phái Hiến chương, đã dành hơn bảy cột dài để đưa tin về những cuộc mít-tinh được tổ chức trong tuần qua; thông báo về những cuộc mít-tinh được ấn định trong tuần này được in đầy ba cột nữa. Cũng chính tờ báo này đã thông báo về một cuốn sách nhỏ¹³⁷ do một công nhân tên là Giôn Nốc-xơ cho xuất bản,

trong đó tác giả công khai và thẳng cánh phủ nhận quyền chiếm hữu ruộng đất của tầng lớp quý tộc.

"Ruộng đất ở Anh", — anh ta nói, — "là tài sản của nhân dân, mà bọn quý tộc nước ta đã dùng sức mạnh hoặc mách khéo để tước đoạt nó. Phải làm thế nào để nhân dân được công nhận họ có quyền sở hữu không thể bị tước đoạt đối với tài sản; cần làm sao để địa tô được tuyên bố là tài sản quốc gia và được sử dụng vào những lợi ích xã hội. Có thể người ta sẽ nói với tôi rằng đó là những lời lẽ cách mạng. Những lời lẽ đó có cách mạng hay không — điều đó không quan trọng; nếu như nhân dân không thể đạt được cái họ cần bằng con đường hợp pháp thì họ không còn cách nào khác là thử theo con đường bất hợp pháp".

Không có gì đáng ngạc nhiên là trong tình thế như vậy phái Hiến chương đã triển khai hoạt động kiên quyết lạ thường. Lãnh tụ của họ, ông Phéc-giuýt Ô' Cô-no nổi tiếng vừa mới tuyên bố dự định nay mai sẽ đi Xcôt-len để triệu tập, tại tất cả mọi thành phố ở đó, những cuộc mít-tinh và lấy chữ ký vào đơn thỉnh nguyện của quốc dân đòi thi hành Hiến chương nhân dân; đơn thỉnh nguyện này dự định đưa ra nghị viện vào kỳ họp tới. Đồng thời Ô' Cô-no tuyên bố là ngay trước khi khai mạc kỳ họp của nghị viện báo chí của phái Hiến chương sẽ được bổ sung một tờ báo hàng ngày là tờ "Người dân chủ"¹³⁸.

Bạn đọc chắc còn nhớ là trong cuộc bầu cử vừa rồi, ông Hác-ni, chủ bút báo "Northern Star", đã được phái Hiến chương đề cử làm ứng cử viên của phái này tranh ghế đại biểu của khu Thi-véc-ton, — là khu vực đề cử vị bộ trưởng Bộ ngoại giao, huân tước Pan-móc-xton, vào nghị viện. Ông Hác-ni, giành được thắng lợi khi biểu quyết giơ tay, đã cự tuyệt không làm ứng cử viên khi huân tước Pan-móc-xton yêu cầu biểu quyết bằng phiếu¹³⁹. Cùng lúc đó xảy ra một sự kiện cho thấy dân chúng Thi-véc-ton mất thiện cảm tới mức nào đối với nhóm nhỏ cử tri bầu nghị viện của khu ấy. Trong hội đồng thành phố bị khuyết đại biểu; các cử tri bầu các cơ quan địa phương — loại này đông đảo hơn nhiều so với số cử tri bầu nghị viện — đã trao ghế khuyết ấy cho chính

ông Rau-cli-phơ là người mà trong cuộc bầu cử đã đề cử ông Hác-ni ra làm ứng cử viên. Cần nói thêm là khắp nước Anh phái Hiến chương đang chuẩn bị đón cuộc bầu cử các hội đồng thành phố sẽ được tiến hành trong toàn quốc vào đầu tháng Mười một.

Nhưng ta hãy chuyển sang khu vực phát triển nhất về mặt công nghiệp của nước Anh, sang Lan-kê-sia là nơi đang bị sự đình đốn về công nghiệp đè nặng hơn bất kỳ nơi nào khác. Tình hình ở Lan-kê-sia hết sức đáng lo ngại. Phần lớn các nhà máy đã hoàn toàn ngừng hoạt động, còn tại các nhà máy hầy còn tiếp tục hoạt động thì công nhân làm việc không quá hai, nhiều lắm là ba ngày trong một tuần. Nhưng thế vẫn chưa hết: các nhà công nghiệp ở A-ston, một trung tâm công nghiệp sợi bông rất quan trọng, đã tuyên bố với công nhân của họ là một tuần nữa họ sẽ hạ 10% tiền công của công nhân. Cái tin gây nên nỗi lo lắng trong công nhân đó được truyền đi khắp vùng. Mấy hôm sau tại Man-se-xtơ đã họp hội nghị đại biểu công nhân toàn tỉnh; hội nghị này đã quyết định cử một đoàn đại biểu tới gặp phe chủ xưởng để thúc họ từ bỏ thực hiện lời đe dọa hạ tiền công, còn nếu như đoàn đại biểu không đạt được kết quả gì thì sẽ tuyên bố tất cả công nhân làm việc tại các xí nghiệp sợi bông ở Lan-kê-sia bãi công. – Cuộc bãi công này, kết hợp với cuộc bãi công đã nổ ra của công nhân luyện kim và công nhân mỏ ở Bóc-minh-hêm, sẽ lập tức có quy mô đáng lo ngại như cuộc tổng bãi công gần đây nhất, xảy ra vào năm 1842. Thậm chí nó hoàn toàn có thể còn khủng khiếp hơn đối với chính phủ.

Cùng lúc ấy nước Ai-rơ-len đói khổ đang nhấn nhó trong những cơn co giật kinh khủng. Các nhà lao động đầy dẫy kẻ ăn mày, những người chủ bị phá sản cự tuyệt đóng thuế tể bản, còn nhân dân đói khát thì tụ tập thành từng toán đông tới hàng nghìn người đi cướp phá những kho lúa và những sân nuôi gia súc của các chủ trại ấp và thậm chí của cả các linh mục Thiên chúa giáo mà vừa mới đây thôi họ còn sùng kính.

Phải nghĩ rằng mùa đông này người dân Ai-rơ-len sẽ không muốn chết đói một cách cũng âm thầm như hồi năm ngoái. Cuộc di cư của người Ai-rơ-len sang Anh ngày càng có quy mô đáng lo ngại hơn. Tính trung bình hàng năm có 50 000 người Ai-rơ-len di cư sang Anh; năm nay con số ấy đã vượt quá 220 000 người. Trong tháng Chín mỗi ngày có 345 người sang Anh, trong tháng Mười con số ấy tăng lên tới 511. Như vậy, cuộc cạnh tranh trong công nhân ngày một tăng lên, và chúng ta không phải ngạc nhiên nếu như làn sóng phẫn nộ do cuộc khủng hoảng hiện nay gây ra sẽ mạnh tới mức chính phủ sẽ phải đồng ý thi hành những cải cách hết sức quan trọng.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 23 tháng Mười
1847*

*Đã đăng trên báo "La Réforme" ngày 26
tháng Mười 1847*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

CHỦ VÀ THỢ Ở ANH

GỬI CÁC BIÊN TẬP VIÊN CÔNG NHÂN
CỦA TỜ "A TELIER"¹⁴⁰

Thưa quý vị tôn kính!

Tôi vừa đọc xong bài báo nhan đề: "*Chủ và thợ ở Anh*" trong số tạp chí tháng Mười của quý vị: dựa vào tin tức của tờ "Presse", bài báo này nhắc đến cuộc mít-tinh của các đại biểu đường như đại diện cho công nhân công nghiệp sợi bông ở Lan-kê-sia, đến cuộc mít-tinh được tổ chức ngày 29 tháng Tám ở Man-se-xtơ. Bản nghị quyết do cuộc mít-tinh này thông qua đã được tờ "Presse" dùng làm bằng chứng chứng minh cho sự hòa hợp hoàn toàn hiện có giữa lao động và tư bản ở Anh.

Thưa quý vị, quý vị đã hành động hoàn toàn đúng khi nghi ngờ tính chất xác thực của cái tin mà một tờ báo tư sản Pháp đã dẫn ra theo lời các báo tư sản Anh. Cần phải nhận thấy rằng cái tin đó rất chính xác: nghị quyết được thông qua chính là bản nghị quyết mà tờ "Presse" đưa tin. Trong bản tin chỉ vền vện có độc một điều khẳng định nhỏ không đủ chính xác, nhưng tất cả thực chất của vấn đề chính lại thể hiện ở sự không chính xác còn con ấy: cuộc mít-tinh mà tờ "Presse" nói tới không phải là cuộc mít-tinh của công nhân – đó là cuộc mít-tinh của các đốc công nhà máy.

Thưa quý vị, tôi đã sống hai năm ở ngay trung tâm Lan-kê-sia và hai năm đó, tôi đã sống trong anh em công nhân; tôi đã thấy những người công nhân cả ở những cuộc hội họp công khai của họ cũng như ở các phiên họp của các ủy ban ít người của họ; tôi có quen biết các thủ lĩnh và các diễn giả của họ và tôi dám cam đoan với các vị rằng các vị sẽ không tìm thấy ở nước nào trên thế giới những con người trung thành với các nguyên tắc dân chủ một cách chân tình, những con người tràn đầy quyết tâm sắt đá vứt bỏ cái ách áp bức của bọn tư bản bóc lột – mà giờ đây họ đang đau khổ chịu đựng – hơn là chính những công nhân thuộc các nhà máy sợi bông Lan-kê-sia ấy. Chẳng lẽ chính những người công nhân mà chính mắt tôi trông thấy đã tổng cổ mấy tá chủ nhà máy khỏi bức diễn giả của một hội trường, nơi đang có cuộc hội nghị, – những người công nhân mà cặp mắt nầy lửa và những nắm đấm giờ cao đã làm cho bọn tư sản tụ họp trên bức diễn giả đó phải run sợ, chẳng lẽ giờ đây, tôi xin hỏi các vị, họ lại sẽ có thể biểu quyết tán thành cảm tạ bọn chủ của họ về việc bọn này rủ lòng thương cho giảm thời gian làm việc hơn là hạ tiền công hay sao?

Nhưng ta hãy xem xét vấn đề kỹ hơn chút nữa. Phải chăng đối với người công nhân việc cắt giảm việc làm lại không giống việc hạ tiền công ư? Hiển nhiên là như vậy rồi; cả trong trường hợp này lẫn trong trường hợp kia tình cảnh của người công nhân đều xấu đi như nhau. Vì vậy công nhân không hề có lý do gì để cảm ơn bọn chủ của họ về việc bọn này đã chọn cách thứ nhất để cắt giảm thu nhập của người công nhân hơn là cách thứ hai. Thưa quý vị, nhưng nếu quý vị đọc các tờ báo Anh trong những ngày cuối tháng Tám thì các vị sẽ thấy rõ là bọn chủ xưởng sợi bông có rất nhiều lý do để chọn cách giảm thời gian làm việc hơn là hạ tiền công. Giá bông thô khi ấy tăng lên; cũng chính số báo thuật lại cuộc mít-tinh nói trên của tờ "Globe" ở Luân Đôn còn đưa tin là *bọn đầu cơ ở Li-vơc-pun đang chuẩn bị nắm lấy thị*

trường sợi bông để nâng giá một cách giả tạo. Trong những trường hợp tương tự thì các chủ xưởng ở Man-se-xtơ làm thế nào? Chúng phải bọn đốc công của chúng tới các cuộc mít-tinh và buộc bọn này phải thông qua những nghị quyết tương tự như cái nghị quyết mà tờ "Presse" đã thông báo cho quý vị biết. Đó là một thủ đoạn phổ biến và mọi người đều biết mà người ta dùng tới mỗi khi bọn đầu cơ tìm mọi cách nâng giá bông lên. Nó là một lời cảnh cáo đối với bọn đầu cơ, ngăn chặn chúng mưu đồ nâng giá lên quá mức, bởi vì khi ấy các chủ xưởng sẽ giảm bớt việc tiêu thụ nguyên liệu và qua đó tất nhiên sẽ làm cho giá cả hạ xuống. Như vậy, cuộc mít-tinh đem lại niềm vui sướng hết sức to lớn và được tờ "Presse" tán thưởng hết sức nhiệt liệt, – chẳng qua chỉ là một trong số cuộc họp của bọn đốc công nhà máy không đánh lừa nổi một người nào ở Anh.

Để các vị càng tin chắc rằng cuộc mít-tinh ấy hoàn toàn do bàn tay các nhà tư bản dựng lên, thì chỉ cần vạch ra rằng tờ "Manchester Guardian", cơ quan ngôn luận của bọn chủ xưởng, là tờ báo duy nhất mà bản nghị quyết được gửi tới và tất cả các báo khác đều đăng lại của nó, – chỉ cần vạch ra điều đó để các vị càng tin chắc vào điều đó. Tờ báo dân chủ của công nhân "Northern Star" cũng cho đăng bản nghị quyết ấy nhưng có kèm lời chỉ dẫn vạch trần nó ra trước mắt công nhân, tức là lời chỉ dẫn rằng nghị quyết ấy là lấy ở tờ báo đó của bọn tư bản.

Xin quý vị hãy nhận lời chào kính trọng

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng 26 tháng
Mười 1847
Đã đăng trên tạp chí "L'Atelier" số 2, tháng
Mười một 1847*

*In theo bản đăng trong tạp
chí
Nguyên văn là tiếng Pháp*

C.MÁC

SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH DẠY ĐẠO ĐỨC VÀ ĐẠO ĐỨC CÓ TÍNH PHÊ PHÁN

BÀN VỀ LỊCH SỬ VĂN HÓA ĐỨC CHỐNG CÁC
HAI-NƠ-TXEN¹⁾

Trước cuộc cải cách tôn giáo ít lâu và trong thời gian cải cách, người Đức đã sáng tạo ra một loại hình văn học độc đáo mà nguyên tên gọi của nó thôi cũng đã làm người ta phải ngạc nhiên, – văn học *thô tục*. Hiện nay chúng ta đang ở vào đêm trước của một thời đại cách mạng, tương tự như thế kỷ XVI. Không có gì đáng ngạc nhiên là ở Đức lại xuất hiện nền văn học thô tục. Lòng quan tâm đến sự phát triển lịch sử sẽ dễ dàng thắng cái cảm giác ghê tởm về mặt mỹ học mà loại tác phẩm này đang gây ra và đã gây ra trong các thế kỷ XV và XVI ở những con người dù có khiếu thẩm mỹ ít phát triển.

Tầm thường nhạt nhẽo, ba hoa hết mức, khoác lác huênh hoang

¹⁾ Tôi trả lời ông Hai-nơ-txen không phải để bác bỏ việc ông ta công kích Ăng-ghen. Bài báo của ông Hai-nơ-txen¹⁴¹ không đáng được trả lời. Tôi trả lời là bởi vì bản tuyên ngôn của Hai-nơ-txen cung cấp một tài liệu lý thú cho sự phân tích. C.M.

như Phra-xôn¹⁴², đầy tham vọng – thô bỉ khi đã kích và nhay cảm – điên loạn đối với sự thô bạo của người khác; phải tốn rất nhiều sức lực mới vung được kiếm lên và múa kiếm một cách khùng khiếp để rồi chém xuống đảng sống; tuyên truyền không biết mệt mỏi cho những phong tục tốt đẹp và phá hoại chúng không ngừng; kết hợp một cách hài hước nhiệt tình với sự dung tục; chỉ đề tâm đến thực chất của vấn đề và thường xuyên lướt qua nó; với cùng một thái độ kiêu ngạo đem so sánh cái uyên bác nửa mùa có tính chất sách vở kiểu tiểu thị dân với trí tuệ của nhân dân, đem so sánh cái gọi là "lý trí lành mạnh của con người" với khoa học; với sự dễ dàng tự mãn khoắc cho cái nội dung tiểu thị dân một hình thức bình dân; đấu tranh với ngôn ngữ văn học để gán cho nó, nếu như có thể diễn đạt được như thế, một tính chất xác thịt; sẵn sàng phô ra đằng sau những dòng chữ hình tượng của chính tác giả, kẻ đang ngứa ngáy chân tay muốn cho người đời cảm thấy sức mạnh của mình, muốn trưng ra đôi vai rộng nở của mình, muốn ưỡn thẳng cả tấm thân tráng sĩ của mình cho mọi người thấy; quảng cáo cho tinh thần lành mạnh nằm trong một cơ thể khỏe mạnh mà không hề biết rằng bản thân đã bị lây bệnh bản thủ nhỏ nhen nhát và bệnh ngứa da thịt của thế kỷ XVI; bị trói buộc bởi những quan niệm giáo điều thiển cận và cũng trên mức độ ấy kêu gọi đi vào cái thực tiễn nhỏ nhen để chọi lại mọi thứ lý luận; bất bình đối với sự phản động nhưng lại phản đối tiến bộ; bất lực trong việc bêu riếu đối thủ dưới bộ mặt buồn cười và vì thế mà lố bịch trút xuống đầu địch thủ cả một đống những lời chửi bới đủ loại; Xa-lô-mông và Mác-côn-phơ¹⁴³, Đông Ki-sốt và Xăng-sô Păng-xa, kẻ mơ mộng và tên phi-li-xtanh trong cùng một con người; hình thức lỗ mãng của sự phẫn nộ, bộ mặt của kẻ lỗ mãng đang phẫn nộ; và bay lượn trên tất cả những cái đó, như bầu khí quyển, là cái ý thức *ngay thật* của một kẻ tiểu thị dân lương thiện tự mãn, – *văn học thô tục* của thế kỷ XVI là như vậy. Nếu chúng tôi không nhớ lắm thì đầu óc thông minh sắc

sảo của nhân dân Đức đã dựng cho nó một đài kỷ niệm trứ tình dưới hình thức bài ca "*Hai-néch-cơ, người hầu – lực sĩ*". Ông Hai-nơ-txen đã có công lao là một trong những người đã làm sống lại nền văn học thô tục đó, và về phương diện này có thể coi ông ta là một trong số những cánh chim én Đức báo hiệu mùa xuân của các dân tộc đã đến.

Bản tuyên ngôn chống những người cộng sản của Hai-nơ-txen đăng trong số 84 của báo "*Deutsche – Brüsseler – Zeitung*" cho chúng tôi một cơ hội thuận tiện để nghiên cứu nền văn học quái gở này mà khía cạnh đại biểu cho lợi ích lịch sử đối với nước Đức thì chúng tôi đã chỉ ra ở trên. Trên cơ sở bản tuyên ngôn của Hai-nơ-txen chúng tôi nhận định thể loại văn học mà ông ta là đại biểu, cũng giống như các nhà nghiên cứu lịch sử văn học dựa vào những tác phẩm của thế kỷ XVI còn giữ được đến nay để đánh giá các nhà văn của thế kỷ XVI, thí dụ như "*Nhà truyền giáo gốc nghèo*"^{1*}:

Bi-ron. – Hãy trốn đi, A-si-lơ, Héc-to mang khí giới đang đi lại đây.

Vua. – Héc-to mà so với anh ta thì chẳng khác gì một người dân Tơ-roa bình thường.

Bô-i-e. – Phải chăng đây là Héc-to?

Duy-men. – Hình như Héc-to không được đẹp người như thế.

Bi-ron. – Nhất định đây không phải Héc-to!

Duy-men. – Hẳn ta không phải là Thượng đế thì cũng là họa sĩ, vì rằng hẳn ta tạo ra những vẻ mặt¹⁾.

Nhưng chuyện ông Hai-nơ-txen là chàng Héc-to thực thụ thì chẳng có gì phải nghi ngờ.

¹⁾ Sếch-xpia. "Những nỗ lực uống công của tình yêu".

^{1*} – biệt hiệu của Tô-mát Muốc-ne.

"Đã từ lâu", ông ta thú nhận, — "cái linh cảm là tôi sẽ ngã bởi bàn tay một tên A-si-lơ cộng sản nào đấy cứ giầy vò tôi mãi. Còn hiện giờ khi tôi đã bị phía Téc-xi-tơ tấn công rồi thì việc thoát vòng nguy hiểm lại gieo vào lòng tôi niềm phấn chấn" v.v..

Chỉ có Héc-tơ mới được phú cho linh cảm rằng y sẽ ngã xuống bởi bàn tay của A-si-lơ.

Vả lại, có thể là ông Hai-nơ-txen đã tìm thấy những khái niệm của ông ta về A-si-lơ và Téc-xi-tơ không phải ở Hô-me, mà ở bản dịch Sếch-xpia của Slê-ghe-n chẳng?

Nếu vậy thì ông ta vợ lấy cho mình vai A-gia-xơ.

Ta hãy xem A-gia-xơ của Sếch-xpia.

A-gia-xơ. — Ta sẽ bóp nát nhà ngươi như cục bột nhào ấy, và sẽ biến nhà ngươi thành chàng trai tuấn tú!

Téc-xi-tơ. — Đúng hơn là những lời giễu cợt của ta sẽ biến mi thành một người thông minh; con ngựa của mi, nó học thuộc bất kỳ bài giảng đạo nào còn nhanh hơn là mi học thuộc lòng dù chỉ lấy một câu kinh cầu nguyện. Có biết đánh nhau không? Có hay không? Bệnh ngứa cùng những thói quen họ nhà ngựa của mi hãy tha bắt mi đi!

A-gia-xơ. — Đồ rắn độc, hãy nói cho ta biết họ thông báo cái gì thế?

Téc-xi-tơ. Rằng mi là thằng ngốc, tất nhiên rồi.

A-gia-xơ. — Đồ chó đáng nguyên rùa!

Téc-xi-tơ. — Nào, đánh đi!

A-gia-xơ. — Chà, mi là cái ghế của mụ phù thủy!

Téc-xi-tơ. — Nào đánh đi, đánh đi! Con lừa ghê dưng cảm! Sau đó người ta phái mi tới đây cũng là để giã cho bọn Tơ-roa một trận cơ mà, còn những người dù chỉ hơi thông minh thôi cũng sẽ mua và bán mi như một tên nô lệ châu Phi... Nếu người ta không nói dối thì tất cả trí óc của người anh em mi phần lớn nằm ở các bắp thịt.

Téc-xi-tơ. — Tuyệt thật!

A-si-lơ. — Chuyện gì thế?

Téc-xi-tơ. — A-gia-xơ đang đi đi lại lại và tìm bản thân hắn ta.

A-si-lơ. — Sao vậy?

Téc-xi-tơ. — Ngày mai hắn phải đấu kiếm, và với vẻ tiên tri hắn tự hào về cuộc chém giết anh hùng tới mức phát điên lên mà không nói lên lời.

A-si-lơ. — Sao lại thế?

Téc-xi-tơ. — Thế này nhé: hắn ta đi đi lại lại, ưỡn ngực ra như một con công; bước một bước rồi đứng lại; lăm bắm như một mụ chủ quán rượu phải nhắm tính trong đầu tiền bữa rượu; cần môi với vẻ mặt của một chính khách và tuồng như muốn nói: trong cái đầu này có biết bao nhiêu là thông minh tài trí, giá như từ trong ấy mà nó phò bày ra được... Tôi thà làm con bọ trong đám lông cừu còn hơn làm *thằng ngu can đảm*¹⁾ như thế.

Ông Hai-nơ-txen dù có xuất hiện dưới chiếc mặt nạ nào đi nữa, — Héc-to hay A-gia-xơ, — ông ta chỉ cần bước lên vũ đài một cái là đã lớn tiếng tuyên bố với khán giả rằng đối thủ của ông không giáng nổi "đòn chí mạng" vào ông ta. Với tất cả tấm lòng chất phác và cách kể lể dài dòng kiểu anh hùng ca của Hô-me kể chuyện các anh hùng cổ đại, ông ta giảng giải những nguyên nhân cứu thoát ông ta: "Tôi được cứu thoát", — ông ta kể với chúng ta, — "là ơn nhờ có nhược điểm *bẩm sinh*". "Cái bẩm sinh" "không" làm cho tôi "thích ứng" với trình độ đối thủ của tôi. Ông Hai-nơ-txen cao hơn đối thủ của ông ta hai cái đầu, và vì thế mà hai "đòn nhắm xa" của "tên đao phủ nhỏ bé" của ông ta không đụng được vào cái "cổ văn học" của ông ta. Ông Ăng-ghe-n, — điều này được chú ý nhấn mạnh mấy lần, — ông Ăng-ghe-n "nhỏ bé", ông ta là "tên đao phủ nhỏ bé", ông ta là một "nhân vật nhỏ bé". Sau đó là một trong những cách nói chỉ có thể bắt gặp trong những truyện anh hùng thời xưa hay trong vở hài kịch dân gian cổ về người khổng lồ Hô-li-át và chàng Đa-vít bé nhỏ: "Nếu Ngài lơ lửng treo cao như thế" — mãi tít trên ngọn cột đèn, — "thì không một ai trên đời thấy được Ngài đâu". Đó là sự hài hước của chàng khổng lồ, kỳ quặc và đồng thời gieo rắc sự run sợ.

Ông Hai-nơ-txen chẳng những chỉ trưng ra "cái cổ" của ông ta, mà còn trưng ra toàn bộ cái "bẩm sinh" của ông ta, toàn bộ tấm

¹⁾ Sếch-xpia. "Trô-in và Crê-xi-da".

thân của ông ta một cách "văn học" đến thế. Ông ta đem đối thủ "nhỏ bé" của ông đặt bên mình, để qua sự tương phản với cái lỗi làm nổi bật một cách cần thiết mà phô diễn về hoàn mỹ của tấm thân ông ta. Con người kỳ quái "nhỏ bé" nằm trong đôi tay thô thiển của y *cái búa của tên đao phủ* - có lẽ là một trong những chiếc máy chém tí hon mà năm 1794 người ta đem tặng trẻ con làm đồ chơi. Ngược lại, bản thân ông ta, một tráng sĩ khủng khiếp, với nụ cười nham hiểm và khinh bỉ, tay chỉ cầm một thứ vũ khí - "cái roi", như ông ta cho chúng ta biết, từ lâu vẫn dùng để "trừng trị" "những đứa bé" tai ác - những người cộng sản - về những "trò hỗn láo" của chúng. Người khổng lồ lại đối xử độ lượng với "đối thủ loại sâu bọ" của ông ta, giống như cách đối xử của một *nhà giáo*, chứ không hề giẫm bẹp gã trai trẻ *táo bạo thiếu suy nghĩ* đó. Bằng thái độ khoan dung, ông ta nói chuyện với y, như ông là *một người bạn của trẻ em*, dạy bảo em đạo đức, hết sức nghiêm khắc quở mắng em khi em phạm những tội nặng như "nói dối", "nói dối kiểu con trẻ, kỳ quặc", "cần rờ", "giở giọng bú rưng bình", thái độ vô lễ và những tội lỗi khác của tuổi trẻ. Nếu như lúc đó cái roi của người khổng lồ tràn ngập nhiệt tình của thầy giáo thỉnh thoảng lại rít mạnh trên đầu cậu học trò, nếu như đôi khi một câu nói thô bạo nhất nào đấy làm đứt quãng dòng chiêm ngôn răn dạy đạo đức và thậm chí phần nào còn làm tiêu tan cái tác dụng của chúng, thì không một phút nào được quên rằng người khổng lồ không thể làm công việc giáo dục đạo đức như những thầy giáo nhà trường bình thường kiểu như *Quyn-tơ Phích-xlanh*¹⁴⁴ được, và chớ nên quên rằng *cái bầm sinh*, nếu như ta có tổng cổ nó ra đằng cửa trước, thì nó lại quay trở lại qua lối cửa sau. Thêm vào đấy, không nên quên rằng chính những câu nói ở miệng một người lùn, như Ăng-ghe-n, thốt ra như những lời thô bỉ làm chúng ta ghê tởm, thì khi chúng được một người khổng lồ như ông Hai-nơ-txen nói lên nghe lại rất mê ly, làm cho thính giác và trái tim của ta say sưa thích thú như tiếng nói của thiên nhiên. Liệu

đem lời nói của tiểu nhân làm cái thước nhỏ hẹp để đo ngôn ngữ của anh hùng thì có đúng chỗ không? Dĩ nhiên là không, cũng như không thể coi, chẳng hạn, Hô-me đã tụt xuống trình độ văn học thô tục khi ông gọi một trong những nhân vật yêu dấu của ông, *A-gia-xơ*, là "ương bướng như lửa".

Người khổng lồ có những ý định tốt lành khi ông ta cho những người cộng sản thấy chiếc roi của ông ta trên báo "*Deutsche-Brüsseler-Zeitung*" số 77¹⁴⁵! Còn con người kỳ quái "bé nhỏ" mà ông ta hoàn toàn không để cho có cơ hội phát biểu - nhiều lần ông ta biểu lộ vẻ kinh ngạc tráng sĩ của ông ta trước thái độ hỗn láo không thể hiểu nổi đó của thằng lùn, - đã trả miếng ông ta bằng thái độ vô ơn bạc nghĩa đó. "Tuyệt nhiên không có ý khuyên răn", - ông ta than phiền. - "Ông Ăng-ghe-n rất mong cho tôi chết đi; ông ta muốn giết tôi, *quân độc ác*".

Thế bản thân ông ta thì sao? Trong trường hợp này, cũng y như đối với Chính phủ Phổ, ông ta "phản khởi bắt đầu một cuộc đấu tranh, mang dưới lằn áo hiệu chiến những đề nghị hòa bình, *một trái tim vươn tới điều hòa một cách nhân đạo* những mâu thuẫn của thời đại"¹⁾. Nhưng - than ôi! - "*niềm phấn khởi* đó bị *dội nước chua cay* của sự quý quyết"²⁾.

I-de-grim thực khủng khiếp và man rợ.

Căng choãi ra

Và mồm ngoác rộng, sói lao nhanh khỏi chỗ.

Rai-nê-cơ lanh lợi, ranh mãnh phóng sang bên

và vội vã

Nhúng cái đuôi đầy lông lá của mình vào thứ

nước chua cay

Và lăn vào đám cát để đuôi dính đầy cát mịn.

¹⁾ Karl Heinzen. "Steckbrief" [Các Hai-nơ-txen. "Lệnh bắt giữ"].

²⁾ Như trên.

I-de-grim đã nghĩ rằng mình thế là tóm được chú

cáo đây rồi.

Thì cáo nghịch tình dùng chiếc đuôi ướt của nó

thình lình quật

Vào đôi mắt sói, — và mắt sói liền mờ đi.

Trước đây cáo vẫn thường giở thủ đoạn xảo trá

như vậy

Và đã có nhiều thú rừng, nhiều sinh vật vô tội

Phải nếm sức mạnh độc hại của nước đái của

cáo ta¹⁾.

"Thưa ông Ăng-ghe-n, tôi là người cộng hòa ngay từ khi tôi làm chính trị, và niềm tin của tôi không đến nỗi dễ thay đổi và lung lay nghiêng ngả dễ khi thì quay về bên này khi thì quay về phía nọ như những cái đầu của một số người cộng sản đâu"²⁾.

"Thực ra, chỉ giờ đây tôi mới trở thành người cách mạng. Sách lược của những người cộng sản là: họ thừa nhận tính không thể sửa chữa được của bản thân, họ chê trách các đối thủ của họ khi những người này tự sửa mình"³⁾.

Ông Hai-nơ-txen tuyệt nhiên không trở thành người cộng hòa; ông ta là người cộng hòa từ ngày bắt đầu hoạt động chính trị của ông ta. Như vậy, ông ta có tính ổn định, tính kiên định không lay chuyển được, tính nhất quán. Còn đối thủ của ông ta thì có tính dễ thay đổi, tính lung lay nghiêng ngả, thực hiện những bước rẽ ngoặt liên tục. Ông Hai-nơ-txen không phải khi nào cũng là người cách mạng; ông ta đã trở thành người cách mạng. Thực ra, lần này ông Hai-nơ-txen có thực hiện những bước rẽ ngoặt; nhưng nhờ đó mà sự việc lại quay sang chiều hướng là những bước rẽ ngoặt đó mất đi tính chất phi đạo đức của chúng và từ nay được gọi là sự "tự sửa chữa". Ngược lại, tính ổn định của những người cộng

¹⁾ Gơ-tơ "Chú cáo Rai-nê-cơ".

²⁾ Tuyên ngôn của Hai-nơ-txen. "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" số 84.

³⁾ Như trên.

sản đã mất đi tính chất đạo đức cao cả của nó. Vậy nó biến thành cái gì? Thành "tính không thể sửa chữa được".

Đúng hay rẽ ngoặt — cả cái này lẫn cái kia đều là có đạo đức, cả cái này lẫn cái kia đều là vô đạo đức; nếu xét về phía anh phi-li-xtanh cao thượng thì cái đó là có đạo đức, nếu xét về phía đối thủ của anh ta thì cái đó là vô đạo đức. Nghệ thuật của kẻ phi-li-xtanh đi phê phán chính là ở chỗ biết khi nào thì cần nói "trắng" và khi nào thì cần nói "đen", biết nói lời cần thiết vào lúc cần thiết.

Sự dốt nát nhìn chung được coi là một thiếu sót. Chúng ta đã quen coi nó như một đại lượng âm. Ta hãy xem chiếc gậy thần của sự phê phán kiểu phi-li-xtanh biến dấu âm trí tuệ thành dấu dương đạo đức như thế nào.

Tiện thể xin nói rằng, ông Hai-nơ-txen cho biết là hiện nay ông ta cũng không am hiểu triết học y như năm 1844. "Ngôn ngữ" của Hê-ghe-n "vẫn cứ là khó tiêu" đối với ông ta.

Sự thật là như vậy. Rồi sau đó tiếp đến việc trau dồi đạo đức.

Vì đối với ông Hai-nơ-txen, ngôn ngữ của Hê-ghe-n ngay từ đầu đã là "khó tiêu", nên ông ta không để mình bị cám dỗ như "Ăng-ghe-n và những người khác" để có dịp tốt là khoe khoang một cách vô đạo đức và kiêu căng về sự hiểu biết của họ đối với chính ngôn ngữ này của Hê-ghe-n, còn ông ta thì giống như những người nông dân Ve-xơ-pha-li, mà mọi người đều biết, xưa nay chưa hề có tham vọng "khoe khoang là biết" tiếng Phạn. Nhưng bởi chưng hành vi đạo đức chân chính chính lại là ở chỗ tránh mọi duyên cớ dẫn tới hành vi thiếu đạo đức; vậy thì sự không hiểu biết có tính chất phòng xa như thế đối với một ngôn ngữ nào đấy chẳng phải là cách tốt nhất để giữ mình khỏi có khuynh hướng vô đạo đức là muốn "khoe khoang hiểu biết" thứ ngôn ngữ đó, hay sao!

Bởi lẽ đó, — như cách suy nghĩ của ông Hai-nơ-txen, một con người không hiểu gì về triết học, — ông ta cũng không đi tới

"trường" của các nhà triết học. Trường học của ông ta là "lý trí lành mạnh của con người" và "sống trong lòng cuộc sống".

"Chính nhờ vậy", — ông ta thốt lên với một niềm tự hào khiêm tốn của người có đạo đức, — "mà tôi tránh thoát mọi nguy hiểm phải *từ bỏ* trường phái của tôi".

Để chống lại mọi nguy hiểm về mặt đạo đức là *từ bỏ* trường học thì không có phương cách nào được thử thách hơn là cách sau đây: đừng bao giờ đến trường!

Bất kỳ sự phát triển nào, không kể nội dung của nó ra sao, cũng có thể được xem như một loạt giai đoạn phát triển khác nhau, gắn liền với nhau theo kiểu giai đoạn này là *sự phủ định* của giai đoạn kia. Thí dụ, nếu như trong quá trình phát triển của mình, nhân dân chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ quân chủ lập hiến thì họ *phủ định* tồn tại chính trị trước đây của họ. Bất kể trong lĩnh vực nào cũng không thể có sự phát triển không phủ định những hình thức tồn tại trước đây của nó. Còn nói bằng ngôn ngữ đạo đức thì *phủ định* nghĩa là *từ bỏ*.

Từ bỏ! Với cái từ còn con ấu, anh chàng phi-li-xtanh đi phê phán có thể lên án bất kỳ sự phát triển nào, nhưng lại không hiểu biết gì về nó cả; tình trạng phát triển không đầy đủ vốn không thể phát triển được của mình, anh ta có thể trịnh trọng đưa cái tình trạng ấy ra để đối lập lại điều đó và coi tình trạng ấy là sự trong trắng về đạo đức. Khi xếp thời đại vô tội, thời đại hoàng kim vào *thời kỳ tiền sử*, vào cái thời kỳ hoàn toàn chưa có sự phát triển lịch sử nào, do đó chưa có sự phủ định nào, chưa có sự từ bỏ nào, thì ảo tưởng tôn giáo của nhân dân các nước đã buộc tội toàn bộ *lịch sử* nói chung như vậy đó. Như trong những thời đại cách mạng sôi động, trong những thời kỳ phủ định và từ bỏ mạnh mẽ, hăng say như thế kỷ XVIII chẳng hạn đã xuất hiện các bậc trượng phu chính trực và tốt bụng, những đồ đệ của thần rượu và hoan lạc có giáo dục hăn hoi và đứng đắn kiểu như *Ghe-xne* là những người đem *thi ca thơ mộng* của một trạng thái bất động đối lập với cảnh thối nát lịch sử. Tuy nhiên, để ngợi

khen các nhà thơ điền viên này — họ cũng là một loại nhà đạo đức làm công việc phê phán và nhà phê phán đi dạy đạo đức- cần nói rằng họ thực tâm lương lự không biết nên trao giải nhất về đạo đức cho ai: cho những kẻ chần chừ hay cho những con chiên.

Vả lại, ta hãy để cho anh chàng phi-li-xtanh cao thượng được tự do tận hưởng cái ưu việt của riêng anh ta! Ta hãy theo anh ta tới nơi anh ta chuyển sang "hành động" trong *trí tưởng tượng* của mình. Bất kỳ ở đâu chúng ta cũng sẽ đụng phải phương pháp này.

"Tôi không thể làm gì được nếu như ông Ăng-ghen và những người cộng sản khác *mù quáng* đến nỗi không thấy là *quyền lực* thống trị cả *sở hữu*, và duy chỉ có quyền lực là duy trì tình trạng bất công trong *các quan hệ sở hữu* mà thôi... Tôi coi là *kẻ ngu dốt* và *hèn nhát* bất kỳ kẻ nào thù ghét nhà tư sản vì nhà tư sản *kiếm được tiền*, và để yên cho nhà vua *chiếm quyền lực*"¹⁾.

"Quyền lực còn thống trị cả *sở hữu*".

Sở hữu, bất kể thế nào, cũng là một loại quyền lực. Chẳng hạn, các nhà kinh tế học vẫn gọi tư bản là "quyền lực đối với lao động của kẻ khác".

Như vậy, trước mặt chúng ta có hai loại quyền lực: một mặt, đó là quyền lực của sở hữu, tức là của những người sở hữu, mặt khác, đó là quyền lực chính trị, chính quyền nhà nước. "Quyền lực còn thống trị cả *sở hữu*". Điều đó có nghĩa là sở hữu không có trong tay nó quyền lực chính trị, và thậm chí quyền lực chính trị còn nhạo báng nó, thí dụ, bằng sự tùy tiện đánh thuế, tịch thu, bằng việc áp dụng đặc quyền, bằng sự can thiệp phiến hà của tầng lớp quan lại vào công nghiệp và thương nghiệp v.v..

Nói một cách khác là: về mặt chính trị giai cấp tư sản còn chưa hình thành như một giai cấp. Chính quyền nhà nước còn chưa biến thành chính quyền của bản thân nó. Đối với những nước

¹⁾ — Tuyên ngôn của Hai-nơ-txen. "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" số 84.

mà giai cấp tư sản đã giành được chính quyền cho mình, mà sự thống trị về chính trị không phải cái gì khác hơn là sự thống trị của giai cấp tư sản đối với toàn thể xã hội, chứ không phải là sự thống trị của từng nhà tư sản riêng biệt đối với công nhân của họ, – đối với những nước như vậy lời khẳng định của ông Hai-nơ-txen mất hết ý nghĩa của nó. Tất nhiên, những người vô sản không có gì giống với sự thống trị về chính trị, bởi lẽ sự thống trị này trực tiếp thuộc về sở hữu.

Như vậy là trong khi ông Hai-nơ-txen tưởng đã thốt ra một chân lý vừa độc đáo lại vừa vĩnh hằng, thì ông ta chỉ có nêu ra một sự việc là giai cấp tư sản Đức cần giành lấy chính quyền, tức là ông ta nói ra chính cái điều mà Ăng-ghe-n đã nói, nhưng một cách vô ý thức và ông ta lại nghĩ rằng mình nói một điều ngược lại. Ông ta chỉ hùng hồn tuyên bố cái quan hệ nhất thời giữa giai cấp tư sản Đức với chính quyền nhà nước Đức là một chân lý vĩnh hằng, qua đó mà cho thấy người ta biến "vận động" thành "hạt nhân rắn" ra làm sao.

"Duy chỉ có quyền lực là duy trì", – ông Hai-nơ-txen nói tiếp, – "tình trạng bất công trong những quan hệ sở hữu".

Hoặc ông Hai-nơ-txen quan niệm "tình trạng bất công trong những quan hệ sở hữu" là ách áp bức đã nhắc tới ở trên mà chính bản thân giai cấp tư sản Đức phải chịu đựng do chế độ quân chủ chuyên chế đem lại, thậm chí trong lĩnh vực những quyền lợi "thiên liêng nhất" của nó, và nếu vậy thì ông ta chỉ nhắc lại điều đã nói ở trên mà thôi, hoặc ông ta quan niệm "tình trạng bất công trong những quan hệ sở hữu" là tình hình kinh tế của công nhân, và khi ấy phát hiện của ông ta có ý nghĩa như sau:

Những quan hệ sở hữu tư sản hiện đại được "duy trì" nhờ chính quyền nhà nước do giai cấp tư sản tổ chức ra để bảo vệ những quan hệ sở hữu của nó. Cho nên, ở những nơi chính quyền đã nằm trong tay giai cấp tư sản thì những người vô sản phải lật đổ

nó. Tự họ phải trở thành người nắm chính quyền, trước hết là chính quyền cách mạng.

Ông Hai-nơ-txen lại vô tình nói ra chính cái điều mà Ăng-ghe-n đã nói và lại ngây thơ tin rằng mình nói điều trái ngược. Điều ông ta nói ra không phải là điều ông ta nghĩ, còn điều ông ta nghĩ thì ông ta lại không nói ra.

Và lại, nếu như về mặt chính trị, tức là dùng chính quyền nhà nước của mình, giai cấp tư sản "duy trì tình trạng bất công trong những quan hệ sở hữu", thì qua đây nó không *tạo ra* được tình trạng bất công ấy. "Tình trạng bất công trong những quan hệ sở hữu" này sinh là do phân công lao động hiện đại, hình thức trao đổi hiện đại, cạnh tranh, tích tụ v.v., chứ quyết không phải do nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản mà có, mà ngược lại, nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản bắt nguồn từ những quan hệ sản xuất hiện đại ấy được các nhà kinh tế học tư sản tuyên bố là những quy luật tất yếu và vĩnh cửu. Vì vậy, nếu như giai cấp vô sản có lật đổ nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản đi chẳng nữa thì thắng lợi của nó cũng sẽ chỉ là nhất thời, cũng sẽ chỉ là một yếu tố phụ của chính *cuộc cách mạng tư sản*, – như tình hình đã xảy ra vào năm 1794, – chừng nào mà trong tiến trình lịch sử, trong sự "vận động" của lịch sử, còn chưa tạo ra được những điều kiện vật chất làm cho việc thủ tiêu phương thức sản xuất tư sản và, do đó, cả việc lật đổ hoàn toàn nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản, trở thành tất yếu. Vì thế mà sự ngự trị của khủng bố ở Pháp chỉ có tác dụng xóa sạch, – bằng những nhát búa khủng khiếp của nó, ngay tức khắc, giống như bằng phép màu, – tại nước Pháp tất cả mọi tàn tích phong kiến mà thôi. Với tính thận trọng hèn nhất của nó, giai cấp tư sản trong hàng chục năm cũng sẽ không làm nổi công việc đó. Cho nên, những hành động đổ máu của nhân dân chỉ là dọn đường cho nó mà thôi. Việc lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế cũng sẽ chỉ là tạm thời như vậy nếu như những điều kiện kinh tế chưa đủ chín muồi để thiết

lập quyền thống trị của giai cấp tư sản. Con người xây dựng cho mình một thế giới mới không phải bằng "những của cải trần gian", như *bọn người thô tục* vẫn tưởng do những định kiến của chúng, mà bằng những thành quả lịch sử hiện có trong thế giới đang tiêu vong của họ. Ngay trong tiến trình phát triển của mình, con người trước hết cần phải *tạo ra những điều kiện vật chất* của một xã hội mới, và không một nỗ lực mạnh mẽ nào của tư tưởng hay ý chí lại có thể giải thoát họ khỏi số phận ấy.

Toàn bộ *tính cách thô tục* của "lý trí lành mạnh của con người" rút ra từ "trong lòng cuộc sống" và không làm què quặt được những khuynh hướng *tự nhiên* của nó bằng bất kỳ hoạt động triết học hay khoa học nào khác, toàn bộ tính cách ấy biểu hiện ở chỗ là tại những nơi nó thấy được *sự khác biệt* thì nó không thấy được *sự thống nhất*, mà tại những nơi nó thấy được *sự thống nhất* thì nó lại không nhận thấy được *sự khác biệt*. Khi nó đặt những *định nghĩa để phân biệt* thì chúng liền cứng đờ dưới tay nó, và nó cho rằng việc cố gắng dùng những khái niệm cứng đờ ấy đập vào nhau cho tóe lửa ra là một sự nguy hiểm có hại nhất.

Thí dụ, khi ông Hai-nơ-txen nói rằng *tiền* và *quyền lực*, *tài sản* và *quyền thống trị*, *sự kiếm tiền* và *sự chiếm quyền* không phải là *đồng nghĩa* thì ông ta phạm lỗi *trùng phức*, nằm ngay trong bản thân các từ, và ông ta tưởng việc xác định sự khác biệt về mặt từ ngữ thuần túy là một chiến công anh hùng mà ông ta, với đầy đủ ý thức về *đầu óc sáng suốt* của ông ta, đem đối lập với những người cộng sản "đuôi mù" đến nỗi không thèm lưu ý đến sự thụ cảm sơ đẳng thuần túy trẻ con ấy.

Làm thế nào mà "kiếm tiền" biến thành "chiếm quyền", còn "tài sản" biến thành "quyền thống trị chính trị", tức là làm thế nào mà thay vào sự khác biệt đã được xác định chắc chắn, được ông Hai-nơ-txen đề lên thành một *giáo điều*, lại xảy ra, nói đúng ra là sự tác động qua lại giữa hai lực, thậm chí việc chúng hòa vào nhau, – tất cả những điều này ông Hai-nơ-txen có thể hiểu một

cách dễ dàng. Ông ta lẽ ra chỉ cần tìm hiểu xem những người nông nô *đã mua* cho mình quyền tự do như thế nào, và các công xã¹⁴⁶ *đã mua* những quyền tự trị địa phương cho mình ra sao; các thị dân, một mặt, thông qua thương nghiệp và công nghiệp đã moi tiền ở túi bọn phong kiến và dùng kỳ phiếu buộc chúng phải phung phí tài sản ruộng đất của chúng ra sao, còn mặt khác đã giúp chế độ quân chủ chuyên chế giành thắng lợi đối với bọn chúa phong kiến lớn đã bị suy yếu bằng cách đó và đã *mua* cho mình những đặc quyền của bọn chúng ra sao; sau này họ đã lợi dụng cuộc khủng hoảng tài chính của chính ngay chế độ quân chủ chuyên chế ra sao v.v. và v.v.; tiếp nữa, do có chế độ quốc trái – một sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại và nền thương nghiệp hiện đại – mà thậm chí ngay cả những chế độ quân chủ chuyên chế mạnh nhất cũng trở nên phụ thuộc vào các ông vua chứng khoán như thế nào; trong lĩnh vực quan hệ quốc tế thì chế độ độc quyền công nghiệp trực tiếp biến thành sự thống trị chính trị ra sao, – chẳng hạn, như trong "cuộc chiến tranh giải phóng nước Đức" các vị vua chúa của Liên minh thần thánh chẳng qua cũng chỉ là bọn lính đánh thuê được trả lương của nước Anh, v.v. và v.v..

Tuy nhiên, khi *tính cách thô tục* hiểu danh của "lý trí con người lành mạnh" nâng những sự khác nhau, như sự khác nhau giữa *kiếm tiền* và *chiếm quyền*, lên thành những chân lý vĩnh cửu, mà "hết sức hiển nhiên" người ta cần có thái độ "thể này thể nọ", khi nó biến chúng thành những *giáo điều* cứng nhắc, thì qua đó nó tạo cho mình một chỗ đứng hăng mong muốn để từ đó nó có thể trút cơn phẫn nộ có tính chất đạo đức của nó trước sự "đuôi mù", "ngu ngốc" hoặc "bất lương" của các đối thủ mang phù hiệu tín ngưỡng như vậy. Hành động âm ỉ phun ra những lời khiển trách ấy là nguồn gốc của sự tự thỏa mãn, đồng thời còn dùng làm thứ nước sốt hào nhoáng sền sệt như cháo, trong đó tung tăng một cặp chân lý thảm hại, nghèo nàn.

Ông Hai-nơ-txen còn sống đến ngày quyền lực của sở hữu ngay ở Phổ sẽ bị cưỡng bức kết hôn với quyền lực chính trị. Ta hãy nghe tiếp:

"Các ông muốn biến *những vấn đề xã hội* thành những vấn đề chính của thời đại chúng ta và không thấy rằng *không có vấn đề xã hội nào quan trọng hơn là vấn đề chế độ quân chủ và chế độ cộng hòa*"¹⁾.

Vừa rồi ông Hai-nơ-txen chỉ nhìn thấy *sự khác nhau* giữa quyền lực của đồng tiền và quyền lực chính trị; còn giờ đây ông ta lại chỉ thấy *sự thống nhất* giữa các vấn đề *chính trị* và *xã hội*. Và lại, "sự mù quáng nực cười" và "thái độ hèn nhát đáng khinh" của những kẻ đối lập với ông ta, ông ta tất nhiên vẫn thấy như cũ.

Các quan hệ *chính trị* giữa con người với nhau, tất nhiên, cũng chính là những quan hệ *xã hội công cộng*, như tất cả mọi quan hệ trong đó con người sống với nhau. Vì vậy ngay cả mọi vấn đề có liên quan tới các quan hệ qua lại giữa con người với nhau cũng là những vấn đề xã hội.

Trong sự ngây thơ của mình, anh chàng thô tục nghĩ rằng trình bày những quan điểm tương tự mà vị trí của chúng nằm trong tập giáo lý vẫn đáp dành cho trẻ em lên tám, chẳng những có nghĩa là đã nói ra một cái gì đó, mà còn có nghĩa là đã ném một vật nặng gì đó lên cán cân của những xung đột hiện nay.

Có điều ngẫu nhiên là chúng ta càng rời bỏ lĩnh vực chế độ quân chủ chuyên chế thì "những vấn đề xã hội" mà "ở thời đại *chúng ta* người ta quan tâm tới" càng trở nên quan trọng. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản khởi đầu không phải ở Đức, mà là ở Anh, Pháp và Bắc Mỹ.

Đảng cộng sản thật sự tích cực đã xuất hiện lần đầu tiên trong thời kỳ cách mạng tư sản, vào lúc chế độ quân chủ lập hiến bị

¹⁾ Tuyên ngôn của Hai-nơ-txen, "Deutsche – Brüsseler – Zeitung" số 84.

thủ tiêu. Những người cộng hòa triệt để nhất, ở Anh là "những người bình quân chủ nghĩa"¹⁴⁷, ở Pháp là *Ba-bốp*, *Bu-ô-na-rô-ti* v.v., là những người đầu tiên tuyên bố những "vấn đề xã hội" đó. "Âm mưu của Ba-bốp", do một người bạn và một đồng chí trong đảng của ông là Bu-ô-na-rô-ti¹⁴⁸ tả lại, cho thấy những người cộng hòa đó đã tìm thấy như thế nào trong "sự vận động" lịch sử cái niềm tin tưởng cho rằng với việc loại trừ vấn đề xã hội về *chế độ quân chủ* và *chế độ cộng hòa*, thì chưa một "vấn đề xã hội" nào được giải quyết vì lợi ích của giai cấp vô sản.

Vấn đề sở hữu, như nó được đặt ra trong "thời đại *chúng ta*", hoàn toàn không chỉ quy vào việc – theo cách nói của Hai-nơ-txen – làm sáng tỏ một lần nữa xem "liệu có *công bằng* không khi *một* người *chiếm* tất cả, còn người khác thì không chiếm gì, một người riêng biệt nhìn chung *có thể* chiếm một cái gì đó", cũng không thể quy vào vấn đề lương tâm cùng những câu nói về sự công bằng cũng giản đơn như vậy.

Vấn đề sở hữu biểu hiện ra dưới một hình thức rất khác biệt, tương ứng với những giai đoạn phát triển khác nhau của công nghiệp nói chung và với những giai đoạn phát triển đặc biệt của nó ở các nước khác nhau.

Chẳng hạn, đối với những người nông dân ở *Ga-li-xi*, vấn đề sở hữu được quy vào việc biến chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến thành chế độ sở hữu ruộng đất tiểu tư sản. Đối với họ nó mang đúng cái ý nghĩa như đối với nông dân *Pháp* trước năm 1789. Ngược lại, người làm công nhật nông nghiệp ở *Anh* lại không có quan hệ gì với người chủ ruộng đất. Anh ta chỉ có quan hệ với chủ trại ấp, tức là với nhà tư bản – kinh doanh quản lý nông nghiệp theo cùng những nguyên lý quản lý nhà máy. Về phía mình, nhà tư bản – kinh doanh đó nộp địa tô cho chủ ruộng đất, vì thế mà có quan hệ trực tiếp với người chủ ruộng. Bởi vậy việc thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất là vấn đề sở hữu có tầm quan trọng bậc nhất đối với giai cấp tư sản công nghiệp Anh, và cuộc đấu

tranh của nó chống những đạo luật về ngũ cốc cũng mang ý nghĩa ấy. Ngược lại, đối với những người làm công nhật nông nghiệp ở Anh thì việc thu tiêu tư bản là vấn đề sở hữu có tầm quan trọng bậc nhất cũng như đối với công nhân công xưởng ở Anh.

Cả trong cuộc cách mạng Anh cũng như trong cuộc cách mạng Pháp, cách đặt vấn đề sở hữu tự do trung tâm là ở việc mở rộng tự do cạnh tranh và thu tiêu tất cả mọi quan hệ sở hữu phong kiến: sự chiếm hữu ruộng đất phong kiến, các phường hội, các tổ chức độc quyền v.v. là những thứ đã thành gông xiềng đối với nền công nghiệp đã phát triển trong các thế kỷ XVI - XVIII.

Sau hết, ở "thời đại *chúng ta*" ý nghĩa của vấn đề sở hữu là thu tiêu sự xung đột do nền đại công nghiệp, sự phát triển của thị trường thế giới và tự do cạnh tranh sinh ra.

Vấn đề sở hữu bao giờ cũng là vấn đề sống còn của giai cấp này hay giai cấp khác – tùy thuộc vào trình độ phát triển của công nghiệp. Ở thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII, khi vấn đề đặt ra là thu tiêu những quan hệ sở hữu *phong kiến* thì vấn đề sở hữu là vấn đề sinh tử của *giai cấp tư sản*. Ở thế kỷ XIX, khi vấn đề đặt ra là thu tiêu những quan hệ sở hữu *tư sản* thì vấn đề sở hữu là vấn đề sống còn của *giai cấp công nhân*.

Cho nên, vấn đề sở hữu mà ở "thời đại *chúng ta*" đã thành một vấn đề lịch sử toàn thế giới, chỉ có ý nghĩa trong *xã hội tư sản hiện đại* mà thôi. Xã hội này càng phát triển bao nhiêu, do vậy mà giai cấp tư sản ở một nước nào đó càng phát triển về mặt kinh tế bao nhiêu, và vì thế mà chính quyền nhà nước càng mang nặng tính chất tư sản, thì vấn đề *xã hội* nổi lên càng gay gắt bấy nhiêu: ở Pháp gay gắt hơn ở Đức, ở Anh gay gắt hơn ở Pháp, dưới chế độ quân chủ lập hiến gay gắt hơn dưới chế độ quân chủ chuyên chế, dưới chế độ cộng hòa gay gắt hơn dưới chế độ quân chủ lập hiến. Chẳng hạn như những xung đột do hệ thống tín dụng, đầu cơ v.v. gây ra, không ở đâu lại mang tính chất trầm trọng như ở

Bắc Mỹ. Cũng như không ở đâu sự bất bình đẳng về mặt *xã hội* lại nổi lên dưới một hình thức gay gắt như ở các bang miền đông Bắc Mỹ vì rằng tại đây nó ít bị sự bất bình đẳng về chính trị làm lu mờ hơn so với ở bất kỳ nơi nào khác. Nếu như tình trạng bản cùng ở đây còn chưa phát triển tới mức như ở Anh thì đó là do những tình hình kinh tế quyết định, chúng ta không thể dừng lại phân tích tỉ mỉ những tình hình này ở đây. Tuy nhiên, cả ở nơi đây tình trạng bản cùng hóa cũng đạt đến những bước phát triển nổi bật.

"Ở nước này, nơi không có những đẳng cấp có đặc quyền đặc lợi, nơi tất cả *mọi giai cấp* trong xã hội đều có *quyền như nhau*" (nhưng cái khó chính là ở chỗ còn tồn tại *giai cấp*) "và nơi mà dân chúng của ta còn xa mới lần đầu được sự phát triển của tư liệu sinh hoạt, — cái cảnh tượng bản cùng hóa tăng lên nhanh chóng như vậy thực đáng lo ngại". (Báo cáo của ông Mê-rê-dít trước Quốc hội lập pháp Pen-xin-va-ni¹⁴⁹).

"Đã chứng minh được rằng trong vòng 25 năm hiện tượng bản cùng hóa ở Mát-xa-xiu-đét tăng 60%" (trích ở "Register" của một người Mỹ tên là Nai-lơ-xơ¹⁵⁰).

Là một trong số các nhà kinh tế học nổi tiếng nhất Bắc Mỹ, hơn nữa là một người cấp tiến, *Tô-mát Cu-pơ đề nghị*:

1) Cấm những người vô sản kết hôn.

2) Bãi bỏ quyền phổ thông đầu phiếu, vì rằng, ông ta thốt lên,

"xã hội được lập ra để bảo vệ sở hữu. Những kẻ do những quy luật kinh tế vĩnh cửu, mà vĩnh viễn bị tước đoạt mất sở hữu, có thể có đòi hỏi hợp lý gì về quyền ban bố các đạo luật về sở hữu thuộc về người khác? Hai *tầng lớp* dân cư ấy có thể có những động cơ và lợi ích chung gì?"

Chỉ có một trong hai điều: hoặc giai cấp công nhân mang tâm trạng phi cách mạng, khi ấy nó bảo vệ lợi ích của các ông chủ mà sự tồn tại của nó phụ thuộc vào. Chẳng hạn, trong những cuộc bầu cử vừa rồi ở xứ Anh Mới các chủ xưởng muốn đảm bảo cho mình phiếu bầu của cử tri, đã in tên ứng cử viên của họ lên một miếng vải, và mỗi công nhân của họ đeo miếng vải ấy ở chỗ cài cúc quần.

Hoặc là do cuộc sống chung tập thể v.v. mà giai cấp công nhân trở thành

một giai cấp cách mạng, — và khi ấy *chính quyền trong nước* sớm muộn cũng sẽ chuyển sang tay nó, mà dưới chế độ ấy sẽ không có thứ sở hữu nào được bảo đảm¹⁾.

Cả ở Anh, dưới cái tên *phái Hiến chương*, lẫn ở Bắc Mỹ, dưới cái tên *phái cải cách-dân tộc*, công nhân đã hình thành một chính đảng, và khẩu hiệu chiến đấu của đảng tuyệt nhiên không phải là *chế độ cộng hòa* thay cho *chế độ quân chủ*, mà là *quyền thống trị của giai cấp công nhân* thay thế cho *quyền thống trị của giai cấp tư sản*.

Mà chính bởi lẽ trong xã hội tư sản hiện đại, với những hình thức nhà nước theo chế độ đại nghị cộng hòa hay lập hiến tương ứng với nó, "vấn đề sở hữu" trở thành "vấn đề xã hội" quan trọng nhất, cho nên chỉ có tính hạn chế về nhu cầu của anh tiểu thị dân Đức mới có thể bắt buộc anh ta dẫu sao cũng phải kêu lên rằng vấn đề *chế độ quân chủ* là "vấn đề xã hội" quan trọng nhất trong "thời đại chúng ta". Cũng đúng như vậy, tiến sĩ Li-xtơ trong lời tựa cho cuốn "Kinh tế chính trị quốc dân"¹⁵¹ đã ngây thơ bộc lộ nỗi buồn phiền của ông ta về chuyện "người ta đã nhìn nhận một cách sai lầm" vấn đề xã hội quan trọng nhất của thời đại chúng ta là ở *tình trạng bản cùng hóa*, chứ không phải ở *thuế quan bảo hộ*.

Sự khác nhau giữa đồng tiền và quyền lực đồng thời cũng là sự khác nhau *cá nhân* giữa hai kẻ tranh đua.

"Đứa trẻ nhỏ" xuất hiện như một loại *kẻ cắp vặt* chỉ có quan hệ với những kẻ thù có "tiền"; khác với em bé, chàng lực sĩ cường tráng phi thường đấu sức với "những kẻ mạnh" trên thế gian này.

Indosso la corazza, el'élmo in testa²⁾.

¹⁾ Thomas Cooper. "Lectures on political economy". Columbia. p. 316-365 [Tô-mát Cu-pơ. "Những bài giảng về kinh tế chính trị". Cô-lông-bi, tr. 316-365].

²⁾ Ariosto. "Orlando Furioso" [A-ri-ô-xtô. "Rô-lăng giận dữ"]. "Người y mặc áo giáp, đầu đội mũ sắt".

Và ông ta cầu nhàu:

"Tuy nhiên, ở đây, cá nhân Ngài ở vào hoàn cảnh khá hơn tôi"¹⁾.

Tuy nhiên, ở trong hoàn cảnh thuận lợi nhất là "những kẻ mạnh" trên thế gian này, họ đã thờ phào nhẹ nhõm khi ông Hai-nơ-txen sẵn số lao vào đưa học trò của ông ta:

"Giờ đây Ông, cũng như tất cả mọi người cộng sản, đã mất năng lực *nhận thức mối liên hệ giữa chính trị và những điều kiện xã hội*"²⁾.

Chúng ta vừa mới nghe một bài thuyết giáo đạo đức, trong đó, với một *sự mộc mạc* đáng kinh ngạc, con người vĩ đại đã vạch ra trên những nét đại thể *mối liên hệ giữa chính trị và các điều kiện xã hội*. Ngay đó ông ta dùng thí dụ về *chế độ quân chủ* để chỉ cho người học trò của ông ta được thấy *tận mắt* cách vận dụng phương pháp đó trong thực tiễn.

Bọn vua chúa, hay là chế độ quân chủ, ông ta nói, là "những thủ phạm chính gây ra tất cả mọi tai họa và cảnh nghèo khổ". Ở những nơi chế độ quân chủ bị thủ tiêu rồi thì, đương nhiên, cả cái phương pháp giải thích ấy cũng không thành vấn đề nữa, cho nên *chế độ nô lệ* đã đưa những nền cộng hòa cổ đại tới chỗ diệt vong, chế độ nô lệ sẽ dẫn tới những xung đột khủng khiếp nhất ở các bang miền nam nước cộng hòa Bắc Mỹ³⁾ sẽ có thể kêu thốt lên như Giôn Phôn-xtáp: "Ôi, giá như những luận cứ mà cũng rẻ như quả mâm xôi nhĩ!"¹⁵².

Nhưng trước hết: ai hoặc cái gì đã sinh ra *bọn vua chúa* và *chế độ quân chủ*?

Đã có một thời vì lợi ích xã hội mà nhân dân phải cử những

¹⁾ Tuyên ngôn của Hai-nơ-txen, "Deutsche-Brüsseler-Zeitung", số 84.

²⁾ Như trên.

³⁾ Về vấn đề này xem thêm hồi ký của Giép-phéc-xơn, là một trong những người sáng lập ra nước Cộng hòa Mỹ, đã hai lần làm tổng thống nước này.

người xuất sắc nhất ra lãnh đạo họ. Sau đó cương vị ấy trở thành cha truyền con nối trong những dòng họ nhất định. Và, sau hết, do ngu dốt và hư hỏng mà con người đã để cho tình trạng lạm dụng đó diễn ra trong nhiều thế kỷ.

Nếu như có triệu tập một cuộc hội nghị tất cả các nhà ba hoa bẩm sinh ở châu Âu thì họ cũng sẽ không thể đưa ra lời giải đáp khác. Và nếu như anh mà có đọc hết tất cả các tác phẩm của ông Hai-nơ-txen, anh cũng sẽ không tìm thấy được trong đó lời giải đáp nào khác.

"Lý trí lãnh mạnh của con người" vững vàng cho rằng hễ tuyên bố mình là *đối thủ của chế độ quân chủ*, như thế là ông ta đã giải thích nó rồi. Nhưng cái khó nhất đối với lý trí bình thường đó tưởng chừng như phải là ở chỗ giải thích từ đâu mà xuất hiện đối thủ của lý trí con người lãnh mạnh và của phẩm giá đạo đức của con người và bằng cách nào mà nó kéo dài được sự tồn tại bền bỉ một cách kỳ lạ của nó trong suốt nhiều thế kỷ. Chẳng có gì đơn giản hơn! Những thế kỷ ấy qua đi không có lý trí lãnh mạnh của con người và phẩm giá đạo đức của con người. Nói cách khác: lý trí và đạo đức của mấy thế kỷ đã phù hợp với chế độ quân chủ, chứ không mâu thuẫn với nó. Và chính cái lý trí ấy cùng cái đạo đức ấy của những thế kỷ qua là cái mà "lý trí lãnh mạnh của con người" ở thời đại chúng ta không hiểu nổi. Nó không hiểu, thế nhưng lại *khinh bỉ* chúng. Từ lĩnh vực lịch sử nó trốn chạy sang lĩnh vực đạo đức và tại đây có thể tung ra toàn bộ trọng pháo của sự phẫn nộ đạo đức của nó.

Và cũng như "lý trí" chính trị "lãnh mạnh của con người" đã giải thích ở đây nguồn gốc và sự tồn tại lâu dài của chế độ quân chủ như là kết quả của sự đại đột tôn giáo, "lý trí" tôn giáo "lãnh mạnh của con người" đã giải thích dị giáo và tinh thần vô đạo là do bàn tay quỷ gây ra. Cũng bằng cách đó "lý trí" phi tôn giáo "lãnh mạnh của con người" giải thích tôn giáo là do bàn tay quỷ, tức các cha cố, gây ra.

Nhưng một khi ông Hai-nơ-txen đã chứng minh được *nguồn gốc* của chế độ quân chủ bằng những lời lẽ tầm thường về đạo đức chung chung thì hoàn toàn *tự nhiên* là nảy sinh ra cả kết luận về "mối quan hệ giữa chế độ quân chủ và những điều kiện xã hội". Chúng ta hãy nghe đây:

"Một con người duy nhất vơ vào tay mình toàn bộ nhà nước, đem toàn thể nhân dân làm vật hy sinh ở mức độ này hay mức độ khác cho cá nhân mình và các cận thần của mình, chẳng những chỉ về phương diện vật chất mà còn cả về phương diện tinh thần nữa, dựng nên cho nhân dân một hệ thống thứ bậc bao gồm nhiều nấc nhọc nhằn khác nhau, phân chia nhân dân, như thể gia súc gầy và béo, thành *những đẳng cấp* và, về thực chất chỉ là để làm vừa lòng cá nhân mình, *biến* mỗi thành viên của cộng đồng quốc gia thành một *kẻ thù chính thức của thành viên khác*"¹⁾.

Ông Hai-nơ-txen nhìn thấy các bậc đế vương trên đỉnh toà nhà xã hội Đức. Không phút nào ông ta nghi ngờ bọn chúng là những người đã xây dựng nên cái cơ sở xã hội ở Đức và hàng ngày vẫn đang *tạo ra* cái cơ sở ấy. Phải chăng có thể giải thích mối liên hệ giữa chế độ quân chủ và những điều kiện xã hội – mà nó là biểu hiện chính trị *chính thức* – bằng cách nào *đơn giản hơn* là biến các bậc vua chúa thành *những kẻ sáng tạo ra* mối liên hệ ấy! Các cơ quan đại nghị nằm trong mối liên hệ như thế nào với xã hội tư sản hiện đại do chúng đại biểu? Các cơ quan đó đã *tạo ra* xã hội ấy! Thế là thần tượng chính trị, với bộ máy và hệ thống thứ bậc của nó, *đã tạo ra* cái thế giới tội lỗi mà nó là kẻ được tôn thờ tối cao. Thế là thần tượng *tôn giáo* đã tạo ra những điều kiện trần tục mà những điều kiện này lại được phản ánh trong thần tượng đó dưới hình thức một cái gì huyền hoặc và được đưa lên trời.

Dĩ nhiên là những kẻ thô tục với sự hăng hái cần thiết đi tuyên truyền cho sự anh minh kiểu xó nhà như vậy phải kinh ngạc và

¹⁾ Tuyên ngôn của Hai-nơ-txen, đoạn đã dẫn.

phần nộ về đạo đức khi nhìn thấy kẻ địch đã nhận vào mình công việc chứng minh cho bọn họ thấy quả táo không tạo ra cây táo.

Khoa nghiên cứu lịch sử hiện đại cho biết là *chế độ quân chủ chuyên chế* ra đời trong các thời kỳ quá độ, khi những đẳng cấp phong kiến cũ đi vào suy vong, còn từ đẳng cấp thị dân trung cổ hình thành giai cấp tư sản hiện đại, và khi chưa có bên nào trong các bên đấu tranh với nhau thắng nổi bên kia. Như vậy, những nhân tố mà chế độ quân chủ chuyên chế dựa vào, không bao giờ lại là sản phẩm của chế độ đó; ngược lại, nói đúng hơn là chúng tạo ra tiền đề xã hội cho chế độ đó, còn nguồn gốc lịch sử của tiền đề này đã quá rõ ràng để chẳng cần nhắc tới nó ở đây nữa. Việc ở Đức chế độ quân chủ chuyên chế xuất hiện muộn màng hơn và được duy trì lâu hơn chỉ là do giai cấp tư sản Đức phát triển một cách kỳ quái. Lời giải đáp về tính chất bí ẩn của sự phát triển đó có thể tìm thấy trong lịch sử thương nghiệp và công nghiệp.

Sự suy tàn của những thành thị tự do tiểu thị dân ở Đức, sự diệt vong của tầng lớp hiệp sĩ, sự thất bại của nông dân và sự thiết lập quyền lực tối cao của các vương hầu có thể lực do những tình hình trên quyết định; sự sa sút của nền công nghiệp Đức và nền thương nghiệp Đức dựa trên những quan hệ trung cổ thuần túy, đúng vào lúc thị trường thế giới hiện đại xuất hiện và đại công trường thủ công ra đời; đất nước hoang tàn không có người ở và tình trạng dã man trong nước – hậu quả của cuộc chiến tranh ba mươi năm; tính chất của các ngành công nghiệp nội địa mới được khôi phục, – chẳng hạn như của ngành sản xuất lanh nhỏ bé, – tương ứng với những quan hệ và điều kiện gia trưởng; đặc điểm của mặt hàng xuất khẩu, phần lớn là sản phẩm nông nghiệp và vậy là nguồn tăng dự trữ sinh hoạt vật chất hầu như chỉ của độc một giới quý tộc – địa chủ và – do đó – làm cho nó được tăng cường tương đối so với tầng lớp thị dân; địa vị phụ thuộc của Đức trên thị trường thế giới nói

chung, mà kết quả là những khoản tiền người nước ngoài trợ cấp cho các vương hầu lại là nguồn thu nhập quốc dân chủ yếu; tính chất lệ thuộc bắt nguồn từ đó của tầng lớp thị dân đối với triều đình của công quốc v.v. và v.v. – đối với lý trí lành mạnh của con người thô tục, tất cả những tình hình đó, những tình hình tạo ra bộ mặt xã hội Đức và tổ chức chính trị phù hợp với nó, đã biến thành mấy câu châm ngôn sáng suốt mà toàn bộ tính chất sáng suốt của chúng chính là ở chỗ các "chế độ quân chủ Đức" tạo ra "xã hội Đức" và hàng ngày vẫn "đang tạo ra" nó.

Rất dễ giải thích cái cảm giác sai lầm khiến cho lý trí lành mạnh của con người "nhận thấy" nguồn gốc của xã hội Đức là chế độ quân chủ, mà không nhìn thấy nguồn gốc của chế độ quân chủ là xã hội Đức.

Thoạt nhìn, – mà nó bao giờ cũng tưởng là cực kỳ thấu đáo, – nó đã nhận thấy rằng các bậc vua chúa Đức đều duy trì và bám riết lấy những trật tự xã hội cũ ở Đức, mà sự tồn tại chính trị của họ hoàn toàn phụ thuộc vào những trật tự ấy, và *sử dụng* bạo lực đối với những phần tử phá hoại. Mặt khác, nó lại thấy là những phần tử phá hoại cũng tiến hành đấu tranh chống lại chính quyền của nhà vua. Như vậy, các cảm giác lành mạnh, cả năm thứ một lúc, đều chứng minh rằng chế độ quân chủ là *cơ sở* của xã hội cũ, của cơ cấu thứ bậc của nó, của các định kiến và mâu thuẫn của nó.

Nhưng khi xem xét kỹ lưỡng thì hiện tượng này chỉ bác bỏ cái quan niệm thô thiển đã vô tình coi hiện tượng đó là một nguyên nhân.

Vai trò bạo lực phản động mà chế độ quân chủ nắm giữ chỉ chứng tỏ rằng trong những lỗ hổng của xã hội cũ đã hình thành một xã hội mới, xã hội này phải tiếp nhận cả cái vỏ chính trị – vỏ bọc tự nhiên của xã hội cũ – như những xiềng xích phi tự nhiên và cần phải phá tung. Các nhân tố xã hội mới có tính chất

phá hoại này càng ít phát triển bao nhiêu thì ngay cả lực lượng phản động điên cuồng nhất của chính quyền cũ cũng càng bảo thủ bấy nhiêu. Những nhân tố xã hội mới có tính chất phá hoại đó càng phát triển bao nhiêu thì ngay cả những mưu đồ bảo thủ vô hại nhất của chính quyền cũ cũng càng phản động bấy nhiêu. Tính chất phản động của chính quyền quân chủ, lẽ ra phải chứng tỏ rằng chính quyền này tạo ra xã hội cũ thì, ngược lại, lại chứng tỏ rằng bản thân chính quyền đó sẽ bị thủ tiêu^{1*} một khi những điều kiện vật chất của xã hội cũ đã hết thời của chúng. Tính chất phản động của nó đồng thời cũng là tính chất phản động của xã hội cũ, xã hội này vẫn còn là một xã hội *chính thức* và vì vậy cũng là *người chính thức nắm quyền lực* hoặc *người nắm quyền lực chính thức*.

Khi nào những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội phát triển tới mức mà việc cải tạo hình thức chính trị chính thức của nó trở thành tất yếu sống còn đối với nó thì khi ấy cả bộ mặt của chính quyền cũ sẽ thay đổi. Chẳng hạn, chế độ quân chủ chuyên chế, lẽ ra phải *tập quyền*, – mà ở đây, nói trắng ra, chính là hoạt động khai hóa của nó, – thì giờ đây lại mưu toan tiến tới *phân quyền*. Ra đời do sự thất bại của các đẳng cấp phong kiến và tham gia tích cực nhất vào việc đánh đổ những đẳng cấp ấy, chế độ quân chủ chuyên chế hiện đang cố giữ cho được dù chỉ là *cái vẻ bề ngoài* của những hàng rào ngăn cách phong kiến. Nếu như trong quá khứ nó đã bảo hộ thương nghiệp và công nghiệp, đồng thời qua đây khuyến khích giai cấp tư sản đi lên, và nhìn thấy ở nền thương nghiệp và công nghiệp những điều kiện cần thiết làm nên cả sự hùng cường của quốc gia lẫn sự huy hoàng của bản thân, thì giờ đây ở khắp mọi nơi chế độ quân chủ chuyên chế đã trở thành chướng ngại trên con đường phát triển của công

^{1*} Chơi chữ "machen" – "tạo ra", "abmachen" – "thủ tiêu".

thương nghiệp, mà công thương nghiệp này đã biến thành thứ vũ khí ngày càng nguy hiểm trong tay giai cấp tư sản đã hùng mạnh. Từ *thành thị*, là cái nôi của sự hưng thịnh của nó ấy, nó đưa mắt rụt rè và dò dẫm nhìn vào *những trang trại nông thôn* được bón bằng xác các địch thủ hùng mạnh thuở xưa của nó.

Nhưng ông Hai-nơ-txen, nói trắng ra, lại quan niệm "mối liên hệ giữa chính trị và những điều kiện xã hội" chỉ là mối liên hệ giữa các chế độ quân chủ Đức và các tai họa và cảnh nghèo khổ ở Đức.

Về mặt vật chất, chế độ quân chủ cũng như mọi hình thức nhà nước khác, chỉ trực tiếp đề nặng lên giai cấp công nhân dưới hình thức *thuế khóa*. Sự tồn tại của một nhà nước biểu hiện về mặt kinh tế, được thể hiện ở thuế khóa. Quan lại và tăng lữ, binh lính và diễn viên ba lê, giáo viên và cảnh sát, viện bảo tàng kiểu Hy Lạp và tháp kiểu gô-tích, lương bổng hàng năm của các nguyên thủ và bảng hạng ngạch quan chức, – tất cả những tạo vật đẹp như thần thoại ấy lúc phôi thai đều nằm trong một hạt giống chung là *thuế khóa*.

Và có kẻ tầm thường hay lý sự nào mà lại không vạch ra cho nhân dân đói khát thấy rằng thuế khóa, số tiền kiếm được một cách bất chính đó của các bậc vua chúa, là nguồn gốc của cảnh đói nghèo của họ?

Các bậc vua chúa Đức và cảnh nghèo khổ ở Đức! Nói cách khác, đó là thuế khóa để cho các bậc vua chúa tiệc tùng linh đình và nhân dân thì trả bằng mồ hôi thấm máu họ!

Một tài liệu thật là vô tận cho các vị cứu tinh của nhân loại ngâm vịnh!

Chế độ quân chủ đòi hỏi những khoản chi to lớn. Không còn nghi ngờ gì nữa. Hãy xét chẳng hạn ngân sách nhà nước Bắc Mỹ, và hãy so sánh với ngân sách đó xem 38 nước nhỏ xíu của chúng ta phải đóng góp bao nhiêu cho cái việc người ta cai trị chúng và

khổng chế chúng! Đối với những lời phản đối âm ỉ của chính sách my dân hiều danh đó, thì thậm chí không cần đến những người cộng sản mà chỉ những nhà kinh tế *tư sản*, chẳng hạn như Ri-các-đô, Xê-ni-o v.v., cũng đập lại được những lời phản đối đó một cách ngắn gọn và rõ ràng.

Thuế khóa là thể hiện sự tồn tại về mặt kinh tế của nhà nước.

Tiền công là thể hiện sự tồn tại về mặt kinh tế của công nhân.

Cần xác định xem giữa thuế khóa và tiền công có *mối quan hệ* như thế nào.

Mức tiền công trung bình tất nhiên bị cuộc *cạnh tranh* đưa về mức tối thiểu, tức là về mức tiền công cho phép công nhân duy trì một cách chật vật cuộc sống của họ và sự tồn tại của nòi giống của họ. Thuế khóa là một bộ phận của tiền công tối thiểu đó bởi vì sứ mệnh chính trị của công nhân chính là ở chỗ đóng thuế. Nếu như tất cả các thứ thuế đổ lên đầu giai cấp công nhân đều bị thủ tiêu triệt để thì hậu quả tất yếu của việc này sẽ là cắt giảm tiền công đi một khoản bằng tổng số tiền thuế hiện nay phải đóng đó. Do vậy mà, hoặc *lợi nhuận* của xí nghiệp sẽ trực tiếp tăng lên một mức đúng như thế, hoặc sẽ có sự thay đổi chỉ về *hình thức* thu thuế mà thôi. Thay cho cách trả tiền công có gộp cả vào đó tiền thuế mà người công nhân phải đóng thì giờ đây nhà tư bản sẽ nộp số tiền thuế đó không phải bằng con đường vòng mà nộp trực tiếp cho nhà nước.

Nếu như ở Bắc Mỹ tiền công cao hơn ở châu Âu thì đó quyết không phải là hậu quả của tình hình thuế khóa ở bên ấy nhẹ hơn. Đó là hậu quả của tình hình lãnh thổ Bắc Mỹ, của tình hình thương nghiệp và công nghiệp của nó. Ở bên đó, cầu so với cung về sức lao động vượt xa châu Âu rất nhiều. Và chân lý này thì mỗi học sinh đều biết cả rồi qua A-đam Xmit.

Còn đối với giai cấp tư sản thì ngược lại, phương thức phân bố và đánh thuế, cũng như chi dùng tiền thuế là một vấn đề sống

còn do ảnh hưởng mà nó gây ra cho thương nghiệp và công nghiệp, cũng như do thuế khóa là cái dây chuyền vàng có thể dùng để bóp nghẹt chế độ quân chủ chuyên chế.

Sau khi giải thích sâu sắc như vậy "mối liên hệ giữa chính trị và những điều kiện xã hội" và giữa "những quan hệ giai cấp" với chính quyền nhà nước, ông Hai-nơ-txen đặc chí thốt lên:

"Thực ra, trong công tác tuyên truyền cách mạng của tôi, tôi không mắc phải "tính thiên cận của những người cộng sản" là những người không hướng về con người mà chỉ hướng về các "giai cấp" và *xúi bẩy* người ở các "ngành nghề" khác nhau chống đối lại nhau, bởi vì tôi cho rằng "có khả năng" là "tinh người" không phải lúc nào cũng phụ thuộc vào "giai cấp" hoặc "độ lớn của túi tiền".

Lý trí lành mạnh của con người "thô tục" biến sự khác nhau về giai cấp thành "sự khác nhau về độ lớn của túi tiền" và mâu thuẫn giai cấp thành "sự phân tranh giữa các ngành nghề". Độ lớn của túi tiền – đó là sự khác nhau thuần túy về lượng mà vì nó có thể tha hồ *xúi bẩy* hai người thuộc *cùng một* giai cấp đánh lộn nhau. Mọi người đều biết *các phương hội* thời trung cổ đối lập nhau theo nguyên tắc "khác nhau về ngành nghề". Nhưng người ta cũng biết rõ không kém rằng sự khác nhau về giai cấp hiện nay quyết không khi nào lại dựa trên "ngành nghề"; ngược lại, sự phân công lao động tạo ra những hình thức lao động *khác nhau* trong nội bộ *cùng một* giai cấp.

Và "tính thiên cận" của bản thân mình, hoàn toàn lấy "trong lòng cuộc sống" của bản thân và trong "lý trí con người lành mạnh" của bản thân ấy, lại được ông Hai-nơ-txen nhạo báng gọi là "tính thiên cận của những người cộng sản".

Nhưng ta hãy cứ giả định trong giây lát rằng ông Hai-nơ-txen biết ông ta nói gì, và, do đó, nói không phải về "độ lớn khác nhau" của túi tiền và không phải về "sự phân tranh giữa các ngành nghề".

Rất "có khả năng" là những cá nhân riêng biệt không phải "bao giờ" cũng phụ thuộc vào cái giai cấp bao gồm họ; nhưng sự việc

ấy cũng ít ảnh hưởng tới cuộc đấu tranh giai cấp như việc một số nhà quý tộc chuyển sang phía tiers erat^{1*} đã ít có ảnh hưởng tới cuộc cách mạng Pháp. Nhưng ngay cả khi ấy các nhà quý tộc đó, ít ra, đã gia nhập một giai cấp *nhất định*, tức là giai cấp cách mạng, giai cấp tư sản. Thế nhưng ông Hai-nơ-txen lại bắt tất cả các giai cấp phải biến mất trước cái tư tưởng nóng bỏng "tình người".

Nhưng nếu ông Hai-nơ-txen nghĩ rằng các *giai cấp chinh thế* mà sự tồn tại dựa vào những điều kiện *kinh tế* không lệ thuộc vào ý chí của chúng và do những điều kiện ấy mà chúng nằm trong mối mâu thuẫn đối kháng nhau gay gắt nhất, rằng những giai cấp ấy nhờ vào thuộc tính vốn có ở tất cả mọi người là "tình người", có thể vượt khỏi những điều kiện tồn tại thực tế của chúng, thì một ông vua nào đấy nhờ vào "tình người" của ông ta phải vượt lên cao hơn cái "quyền lực nhà vua" của ông ta, cao hơn cái "nghề làm vua" của ông ta một cách dễ dàng biết chừng nào! Thế tại sao ông Hai-nơ-txen lại không thể lượng thứ cho Ăng-ghe-nh khi Ăng-ghe-nh nhận thấy vị "hoàng đế I-ô-dép hiền đức" ở đằng sau những câu văn cách mạng của ông?

Nhưng nếu như, một mặt, trong lời kêu gọi mơ hồ của mình đối với "tình người" của người Đức, ông Hai-nơ-txen xóa bỏ *tất cả* mọi sự khác nhau đến nỗi buộc lòng phải lo âu rộng lời kêu gọi của ông ta thậm chí tới cả các bậc *vua chúa* thì, mặt khác, ông ta thấy mình buộc lòng phải thiết lập *một sự khác nhau* giữa *những con người* mang dòng máu Đức, bởi vì không có sự khác nhau thì không có đối lập, mà không có đối lập thì không có tài liệu cho những bài thuyết giáo chính trị theo tinh thần những bài truyền đạo của vị thầy tu thuộc dòng Xanh Phrăng-xoa.

^{1*} — đẳng cấp thứ ba

Vậy là ông Hai-nơ-txen *chia* người mang dòng máu Đức ra làm các bậc *vua chúa* và *thần dân*. Việc ông Hai-nơ-txen nhìn thấy sự đối lập đó và nói lên điều đó, xét về phía ông ta, là dấu hiệu của sức mạnh tinh thần, là bằng chứng về lòng can đảm cá nhân, đầu óc chính trị, tình cảm của con người nổi loạn, tính chín chắn và tầm mắt nhìn xa trông rộng, lòng dũng cảm đáng được khâm phục. Còn như chú ý tới tình hình các thần dân được chia thành thần dân có đặc quyền và không có đặc quyền, tới tình hình thần dân có đặc quyền chẳng những không nhận thấy những bậc thang nhục nhã trong cái hệ thống ngôi thứ chính trị, mà, trái lại, còn thấy ở đó chiếc thang dẫn tới danh vọng, sau hết, tới tình hình ngay cả những thần dân coi nghĩa vụ thần dân là xiềng xích thì cũng tiếp thu cái sức nặng của xích xiềng đó một cách rất khác nhau, — chú ý tới tất cả những cái đó có nghĩa là biểu lộ sự đui mù về trí tuệ của mình, cách suy nghĩ theo kiểu cảnh sát của mình.

Nhưng rồi những người cộng sản "thiển cận" đó xuất hiện và nhận thấy chẳng những có *sự khác nhau* về chính trị giữa *vua* và *thần dân* mà còn có sự khác nhau về xã hội giữa *các giai cấp*.

Trong khi một phút trước đây sự vĩ đại về mặt đạo đức của ông Hai-nơ-txen là ở chỗ nhìn thấy sự khác nhau và nói lên điều đó, thì giờ đây sự vĩ đại của ông ta lại là ở chỗ không nhận thấy sự khác nhau, không để ý tới nó, che giấu nó đi. Lời nói diễn đạt *sự đối lập* đã từ ngôn ngữ cách mạng biến thành ngôn ngữ phản động và nam hiểm "xúi bẩy" những người anh em gắn bó với nhau bằng *tình người* chống đối lại nhau.

Mọi người đều biết là ít lâu sau cuộc cách mạng tháng Bảy giai cấp tư sản chiến thắng đã tuyên bố trong các *sắc luật thánh* *Chín* của nó — có lẽ cũng vì "tình người" — việc "xúi bẩy các giai cấp khác nhau trong dân chúng chống đối lại với nhau" là một tội chính trị lớn nhất phải phạt tù, phạt tiền v.v.¹⁵³. Tiếp đến, người ta biết rằng báo chí tư sản Anh coi việc kết tội các lãnh tụ và

các nhà chính luận của phái Hiến chương về việc xúi bẩy một số giai cấp này trong dân cư chống lại những giai cấp khác hay hơn tất cả các hình thức tổ giác khác. Thậm chí mọi người đều biết cả việc người ta chôn sống các nhà văn Đức trong những pháo đài vì tội xúi giục các giai cấp khác trong dân cư chống lại nhau.

Trong trường hợp này ông Hai-nơ-txen có nói bằng thứ ngôn ngữ của các sắc luật thánh Chín của Pháp, của các tờ báo tư sản Anh và của bộ luật hình sự của Phổ hay không?

Nhưng không. Ông Hai-nơ-txen lương thiện chỉ lo ngại những người cộng sản "*có ý định dùng phương pháp phôn-ta-nen cách mạng*"¹⁵⁴ để *ngăn ngừa* nguy hiểm cho các bậc vua chúa".

Phái tự do *Bỉ* quả quyết rằng *phái cấp tiến* bí mật thông đồng với những người công giáo; phái tự do *Pháp* quả quyết rằng *những người dân chủ* thông đồng với phái chính thống; những người chủ trương mậu dịch tự do ở *Anh* quả quyết rằng *phái Hiến chương* thông đồng với đảng bảo thủ. Cũng đúng như vậy, ông Hai-nơ-txen thuộc phái tự do quả quyết rằng *những người cộng sản* thông đồng với các vua chúa.

Nước Đức mắc một chứng bệnh Cơ Đốc giáo – Đức đặc biệt, như tôi đã chứng minh trên tờ "*Deutsch-Französische Jahrbücher*"¹⁵⁵. Giai cấp tư sản Đức ra đời muộn tới mức là nó bắt đầu cuộc đấu tranh của nó với chế độ quân chủ chuyên chế và cố gắng thiết lập quyền lực chính trị của nó vào lúc mà ở tất cả các nước phát triển giai cấp tư sản đã tiến hành cuộc đấu tranh ác liệt nhất với giai cấp công nhân và khi mà những ảo tưởng chính trị của nó đã lỗi thời trong ý thức châu Âu. Ở nước này, nơi hãy còn giữ lại sự nghèo nàn về chính trị của chế độ quân chủ chuyên chế cùng cả một loạt đẳng cấp và quan hệ nửa phong kiến đã đi đến suy tàn, đồng thời tồn tại một phần những mâu thuẫn hiện đại giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân do sự phát triển công nghiệp

và sự phụ thuộc của nước Đức vào thị trường thế giới gây ra cũng như cuộc đấu tranh bắt nguồn từ đó; những cuộc khởi nghĩa của công nhân ở Xi-lê-di và Bô-hêm¹⁵⁶ có thể dùng làm thí dụ về tình hình đó. Như vậy, giai cấp tư sản Đức bắt đầu đối kháng với giai cấp công nhân trước khi nó hình thành một giai cấp về mặt chính trị. Bất chấp tất cả những bài ca Hăm-bắc¹⁵⁷, cuộc đấu tranh giữa các "thần dân" đã bùng lên trước khi các vua chúa và tầng lớp quý tộc bị tổng cổ ra khỏi đất nước.

Ông Hai-nơ-txen không thể giải thích tình trạng đầy mâu thuẫn đó – đương nhiên đã được phản ánh cả vào nền văn học Đức – bằng cách nào khác hơn là tuyên bố rằng nó nằm trong *luồng tâm* các đối thủ của ông ta và là hậu quả của những âm mưu phản cách mạng của những người cộng sản.

Trong khi đó công nhân Đức hiểu rất rõ rằng *chế độ quân chủ chuyên chế* sẽ không do dự giây phút nào – mà sẽ không thể do dự được – trước việc đón chào giai cấp vô sản bằng đạn pháo và roi da để *làm vừa lòng* giai cấp tư sản. Vậy thì sao lúc đó họ lại phải ưa thích cái ách áp bức thô bạo của chính phủ chuyên chế và đắm tùy tùng nửa phong kiến của nó hơn là *ách thống trị trực tiếp của giai cấp tư sản*? Công nhân biết rất rõ rằng đối với họ giai cấp tư sản chẳng những sẽ phải có những nhượng bộ chính trị to lớn hơn là chế độ quân chủ chuyên chế, nhưng vì lợi ích của nền công thương nghiệp của nó, nó tạo ra trái với ý muốn của nó những điều kiện để đoàn kết giai cấp công nhân, mà việc đoàn kết công nhân là tiền đề đầu tiên cho thắng lợi của họ. Công nhân hiểu rằng việc thủ tiêu các quan hệ sở hữu *tư sản* không thể thực hiện được bằng cách duy trì các quan hệ sở hữu *phong kiến*. Họ biết rằng phong trào cách mạng của giai cấp tư sản chống lại các đẳng cấp phong kiến và chế độ quân chủ chuyên chế chỉ có thể thúc đẩy nhanh sự phát triển của phong trào cách mạng của bản thân họ.

Họ biết rằng cuộc đấu tranh của bản thân họ với giai cấp tư sản chỉ có thể khởi đầu vào cái ngày chính giai cấp tư sản sẽ là kẻ chiến thắng. Bất chấp tất cả những cái đó, họ không tán thành những ảo tưởng tư sản của ông Hai-nơ-txen. Họ có thể và cần phải tham gia vào *cuộc cách mạng tư sản*, vì nó là tiền đề của *cuộc cách mạng công nhân*. Nhưng không một giây lát nào công nhân lại có thể nhìn nhận cuộc cách mạng tư sản như *mục đích cuối cùng* của họ.

Những người thuộc phái Hiến chương ở Anh trong thời kỳ phong trào mới đây của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc đã đưa ra một thí dụ tuyệt vời chứng tỏ công nhân đã thật sự hành động như vậy. Không phút nào họ tin vào những lời cam kết giả dối và những điều bịa đặt của phái cấp tiến tư sản, không phút nào họ ngừng đấu tranh với chúng, nhưng họ đã giúp đỡ một cách hoàn toàn có ý thức cho kẻ thù của họ giành được thắng lợi đối với đảng bảo thủ; rồi vào một ngày sau khi bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc, trên bãi chiến trường bầu cử đứng đối diện nhau đã không còn là đảng bảo thủ và phái mật dịch tự do nữa, mà là phái mật dịch tự do và phái Hiến chương. Và trong cuộc đấu tranh với phái cấp tiến tư sản đó những người thuộc phái Hiến chương đã giành được vị trí trong nghị viện.

Ngay về *những người tự do tư sản*, ông Hai-nơ-txen cũng hiểu biết ít như ông ta hiểu về công nhân, mặc dù ông ta có vô tình làm việc cho chúng đi nữa. Trái với ý muốn của chúng, ông ta cho rằng cần lập lại những câu văn cũ rích phản đối "thái độ chất phác và ngoan ngoãn kiểu Đức". Là một đảng trượng phu đức độ, ông ta tin ngay những lời nịnh hót mà một Cam-pơ-hau-den hay một Han-dơ-man nào đấy phát biểu ra là đúng. Các ngài tư sản sẽ cười nhạo sự ngây thơ khờ dại như vậy. Họ biết rõ là họ đau ở chỗ nào. Họ biết trong thời kỳ cách mạng *đám dân thường* đâm ra hỗn láo và đi quá trớn. Vì vậy mà các ngài tư sản cố gắng, chùng nào có thể được, cải tạo chế độ quân chủ *chuyên chế* thành

chế độ quân chủ *tư sản* mà không có cách mạng, bằng con đường hòa bình.

Nhưng cũng như ở Anh và Pháp trước đây, chế độ quân chủ chuyên chế ở Phổ không muốn tự nguyện biến thành chế độ quân chủ tư sản. Nó không tán thành tự nguyện từ bỏ. Ngoài những định kiến cá nhân, các bậc vua chúa còn bị trói tay bởi cả một đạo quân quan lại gồm các văn quan, võ tướng và tăng lữ – cái bộ phận hợp thành này của chế độ quân chủ chuyên chế quyết không khi nào lại muốn đánh đổi địa vị thống trị của nó để lấy vai trò phụ tá cho giai cấp tư sản. Mặt khác, những đẳng cấp phong kiến bám riết lấy cái cũ; đối với chúng vấn đề là tồn tại hay không tồn tại nữa, tức là duy trì được tài sản hay là bị tước đoạt tài sản. Mọi người đều hiểu rằng mặc dù về phía giai cấp tư sản có tất cả những lời tuyên thệ làm thần dân trung thành, thì ông vua chuyên chế vẫn thấy rằng lợi ích chân chính của ông ta trùng hợp với lợi ích của các đẳng cấp phong kiến đó.

Vì vậy tiếng hát của nàng tiên cá mà tất cả những Cam-pơ-hau-den và Han-dơ-man ấy dùng tới cũng ít có sức thuyết phục Phri-đrich-Vin-hem IV giống như những lời đường mật của những La-li-Tô-lăng-đan, Mu-ni-e, Ma-lu-ê và Mi-ra-bô nào đó đã ít có khả năng làm siêu lòng Lu-i XVI đứng hẳn về phía giai cấp tư sản chống lại bọn phong kiến và những tàn dư của chế độ quân chủ chuyên chế.

Nhưng ông Hai-nơ-txen không có quan hệ cả với giai cấp tư sản lẫn giai cấp vô sản Đức. Đảng của ông ta – đó là "đảng của những con người", tức là của những kẻ mơ mộng có đức hạnh và rộng lượng, chiến đấu cho lợi ích của giai cấp "tư sản" dưới chiêu bài mục đích của "con người" mà đồng thời không nhận thức được mối liên hệ tồn tại giữa câu nói duy tâm và bản chất hiện thực của nó.

Nhà sáng lập ra các quốc gia Các Hai-nơ-txen đưa trình lên đảng của ông ta, đảng của *những con người*, hay nói cho đúng

hơn, đảng của *nhân quyền* sinh sống ở Đức, một "chế độ cộng hòa tốt đẹp nhất", một chế độ cộng hòa tốt đẹp nhất mà bản thân ông ta đưa ra – "chế độ cộng hòa liên bang với các thiết chế xã hội". Đã có thời *Rút-xô* đã phác thảo dự án một chế độ chính trị tốt nhất cho người Ba Lan, còn *Ma-bli* đã phác thảo dự án một chế độ chính trị tốt nhất cho người *Coóc-xơ*. Vị công dân vĩ đại ở Giơ-ne-vơ đã tìm được một người kế thừa còn vĩ đại hơn.

"Tôi chỉ giới hạn" – một sự nhún nhường ghê chưa! – "ở khả năng lập ra một chế độ cộng hòa chỉ gồm những thành phần cộng hòa, như một bông hoa gồm toàn những cánh hoa"¹⁾.

Ai mà biết lấy *những cánh hoa làm thành* bông hoa, dù chỉ là *bông hoa cúc*, thì hẳn người đó cũng sẽ xây dựng được "chế độ cộng hòa tốt nhất" cho dù thế gian hư hỏng có nói gì đi nữa về chuyện này.

Bất chấp mọi lời dèm pha, nhà sáng lập ra các quốc gia can trường bệ luôn bản hiến pháp của nước Cộng hòa Bắc Mỹ để làm mẫu cho mình. Tất cả những gì ông ta thấy có vẻ đáng chê trách, thì ông ta dùng chiếc chổi quét vôi của kẻ lố mãng mà xóa đi. Bằng cách đó ông ta, rút cục, nhận được bản in đã sửa chữa – in *usum delphini*^{1*)}, tức là vì phúc lợi của "người Đức". Và sau khi ông ta đã vẽ xong "bức tranh chế độ cộng hòa, và chính là một chế độ cộng hòa nhất định", ông ta tóm "hai tai cộng sản" của đũa học trò "nhỏ" bất kính của ông ta mà nhấc lên và làm em sừng sốt vì câu hỏi: con người đó cũng có thể "tạo ra" một thế giới, mà là một "thế giới tốt nhất" hay không? Và ông ta không ngừng

¹⁾ Tuyên ngôn của Hai-no-txen, "Deutsche – Brüsseler – Zeitung" số 84.

^{1*)} – cho người nổi ngôi vua. (Vào nửa cuối thế kỷ XVII, những bản in các tác phẩm tiếng la-tinh dành riêng cho người nổi ngôi vua Pháp, có bỏ đi những chỗ bị coi là "vô đạo đức", đều được chú thích như vậy.)

xách ngược "hai cái tai cộng sản" của đũa trẻ "lên" mãi cho tới khi "mũi" em "đụng" vào bức tranh khổng lồ về một thế giới "mới" – chế độ cộng hòa tốt nhất. Tự tay ông ta đã thận trọng treo bức tranh khổng lồ đó về một thế giới do ông ta thiết kế, lên đỉnh cao nhất của dãy núi An-pơ Thụy Sĩ.

"Cacatum non est pictum"^{1*)}, – có tiếng nói của chú rắn con "nhỏ bé" không biết ăn năn hối lỗi vang lên.

Và A-gia-xơ cộng hòa nổi giận quật Téc-xi-tơ cộng sản xuống đất, và từ lồng ngực rộng đầy lông lá của y bật ra những lời khùng khiếp:

"Ngài nực cười đến cực độ, ngài Ăng-ghen ạ!"

Và thật thế, ngài Ăng-ghen ạ! Lẽ nào Ngài lại không cho rằng "chế độ liên bang Mỹ" là một "hình thức chính trị tốt nhất" "mà nghệ thuật trị nước tồn tại từ trước tới nay đã tìm ra" hay sao? Ngài lắc đầu! Sao? Nói chung Ngài phủ nhận "chế độ liên bang Mỹ" đã được "nghệ thuật trị nước" *tìm ra* ư? Và sao "những hình thức chính trị tốt nhất của xã hội" lại tồn tại in abstracto^{2*)}? Nhưng điều đó quả thực chưa từng có!

Đồng thời Ngài lại "vô liêm sỉ và táng tận lương tâm" đến mức làm cho chúng tôi hiểu rằng anh chàng người Đức chất phác muốn sử dụng bản hiến pháp Bắc Mỹ – hơn nữa lại còn được tô vẽ và cải tiến thêm – nhằm mưu phúc lợi cho tổ quốc thân yêu, có lẽ giống như tên lái buôn ngu dốt nọ sau khi sao chép được sổ sách buôn bán của người đối thủ giàu có của y thì tưởng tượng rằng nắm được bản sao là y đã trở thành người chủ của cả sổ của cải của đối thủ đã từng làm y thèm muốn!

Và hình như Ngài lại còn đem "chiếc búa của tên đao phủ" mà

^{1*)} – "Cái thứ bôi bác ra thì không phải là tranh vẽ"

^{2*)} – dưới hình thức trừu tượng

Ngài nằm trong đôi *bàn tay nhỏ xíu*, chiếc máy chém tí hon người ta tặng Ngài năm 1794 để làm đồ chơi, ra mà hăm dọa chúng tôi hay sao? Ngài cầu nhàu rằng vào thời kỳ người ta còn chơi máy chém, Bác-ba-ru và những con người khác cao to và vai rộng đã bị chặt ngắn đi hẳn một cái đầu bởi vì đã trót lỡ miệng kêu lên "chế độ liên bang Mỹ" như là một "hình thức chính trị tốt nhất"¹⁵⁸. Và tất cả những chàng khổng lồ Hô-li-át khác, những kẻ trong thời kỳ cách mạng dân chủ nào đấy ở châu Âu, và đặc biệt là ở nước Đức hoàn toàn hãy còn bị chia nhỏ theo kiểu phong kiến, mà có ý định áp đặt "chế độ liên bang Mỹ" thay cho nước cộng hòa *thống nhất* không phân chia và với chế độ tập quyền trung ương cao bằng của nó – cũng sẽ như vậy thôi.

Nhưng, lạy Chúa! Các uỷ viên Uỷ ban cứu nguy xã hội¹⁵⁹ và bọn Gia-cô-banh hút máu người ủng hộ họ đều là những con quái vật không còn tính người, còn "chế độ cộng hòa" "tốt nhất" kiểu Hai-nơ-txen là "hình thức chính trị tốt nhất" mà "nghệ thuật trị nước tồn tại từ trước tới nay" "đã tìm ra", cho "con người", cho con người tốt, cho con người có tính người.

Thật thế! "Ngài nực cười đến cực độ, ngài Ăng-ghe-nơ ạ!"

Hơn nữa Héc-quyn, người sáng lập ra các nhà nước, hoàn toàn không sao chép nguyên si "chế độ cộng hòa liên bang" Bắc Mỹ. Ông ta tô điểm nó bằng "những thiết chế xã hội", hứa sẽ "điều chỉnh các quan hệ sở hữu trên những cơ sở hợp lý", và bày "biện pháp" vĩ đại mà ông ta dùng để xóa bỏ "những thói hư tật xấu" của xã hội tư sản cũ, quyết không khi nào lại là những thứ cơm thừa canh cặn ăn xin được của các nhà ăn xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa vô dụng hiện đại. Các Hai-nơ-txen vĩ đại ơn nhờ "người In-ca" và các "tác phẩm dành cho trẻ em của Cam-pe"¹⁶⁰ thì mới có được những đơn thuốc "nhân đạo hóa xã hội", cũng như ông ta phải ơn nhờ không phải ông Ru-gơ, nhà triết học người Pô-mê-ra-ni, mà nói cho đúng ra, là người Pê-ru vì anh minh mà

bạc cả tóc thì mới có được câu văn ý tứ thâm thúy đã nhắc tới ở trên. Ông Ăng-ghe-nơ gọi tất cả những cái đó là những ảo tưởng tiểu thị dân, được tưởng tượng ra một cách hoàn toàn tùy tiện, về hoàn thiện thế giới!

Phải, chúng ta hiện sống trong một thời đại mà "những con người tốt nhất ngày càng biến mất", còn "những con người ưu tú nhất" thì nhìn chung vẫn hoàn toàn khó hiểu.

Chẳng hạn, hãy lấy một anh chàng thị dân lương thiện nào đó và hãy để anh ta thực lòng trả lời chúng ta xem "những quan hệ sở hữu" hiện đại mắc những khuyết điểm gì? Anh chàng hiền lành sẽ đưa ngón tay trở lên trán, thở dài hai lần với vẻ suy nghĩ thâm trầm, rồi sau đó, "không dự kiến gì trước", phát biểu theo tinh thần là thật đến nhục nhã khi nhiều người không có "gì cả", thậm chí không có đến cái cần thiết nhất, còn số khác thì lại tích lũy trong tay họ hàng triệu đồng ô nhục kiểu như bọn quý tộc, chẳng những chỉ có hại cho những kẻ đói rách vô sản mà còn làm hại cả các thị dân đáng kính. Aurea mediocritas! Đứng giữa là vàng ngọc! – vị đại biểu dũng cảm của giai cấp trung gian thốt lên. Miễn sao tránh được cực đoan! Một chế độ nhà nước hợp lý như thế nào thì sẽ có thể kết hợp được với những cái cực đoan ấy, với những cái cực đoan này, với những cái cực đoan thật hết sức đáng chê trách ấy!

Còn bây giờ thì hãy để mắt nhìn "chế độ cộng hòa liên bang" của Hai-nơ-txen cùng những "thiết chế xã hội" và bày biện pháp nhằm "nhân đạo hóa xã hội". Ở đây mỗi công dân được đảm bảo có mức tài sản "tối thiểu" – và người ấy không thể rơi xuống thấp hơn cái mức ấy, và được quy định mức tài sản tối đa – và người ấy không thể leo lên cao hơn cái mức ấy.

Khi ông Hai-nơ-txen dùng hình thức sắc lệnh nhà nước để nhắc lại cái nguyện vọng thành kính của tất cả mọi thị dân ngay thẳng là không một ai được có quá ít cũng như quá nhiều, và như thế

là đã thực hiện cái nguyện vọng đó rồi, thì ông ta có giải quyết được tất cả mọi khó khăn hay không?

Và ông Hai-nơ-txen giải quyết tất cả mọi xung đột kinh tế cũng bằng cách ấy, đơn giản bao nhiêu thì cũng tuyệt diệu bấy nhiêu. Ông ta *điều chỉnh* sở hữu trên *những cơ sở hợp lý*, phù hợp với sự công tâm của những nhà hoạt động từ thiện. Và xin đừng có chứng minh để ông ta thấy là việc "điều chỉnh một cách hợp lý" sở hữu đầy chính là "những quy luật kinh tế" với tính tất yếu tàn nhẫn sẽ làm tan thành mây khói tất cả mọi "biện pháp" công bằng, dù cho chúng có được người In-ca và Cam-pe trong các tác phẩm viết cho thiếu nhi của ông tiến cử và dù cho chúng được các nhà ái quốc cực đoan nhất nhiệt liệt ủng hộ đi nữa.

Đưa những quan niệm *kinh tế học* ra mà tranh luận với một người không "khoe khoang", như những người khác rằng ta đây có "nghiên cứu kinh tế chính trị học" mà, trái lại, do có thái độ khiêm tốn, cho tới nay trong tất cả mọi tác phẩm của mình vẫn khôn ngoan ra vẻ một người trong trắng, dường như mới chỉ sắp sửa đi những bước đầu trong việc nghiên cứu kinh tế chính trị học, thì thật chẳng thỏa đáng tí nào! Phải ghi công lớn cho chính cái học vắn thò sơ của con người ấy về chỗ, với về quan trọng hóa, y đưa ra chống lại các đối thủ cộng sản của y tất cả những gì đã thông qua tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc xâm nhập vào trong lòng đời sống nước Đức ngay từ năm 1842¹⁶¹, đại loại như những sự lo ngại cho sở hữu "kiếm được", "tự do cá nhân và cá tính" v.v.. Đúng là dấu hiệu của sự sa đọa tinh thần nghiêm trọng của các nhà văn cộng sản là ở chỗ họ đi chọn cho họ những đối thủ trong số người có trình độ về kinh tế học và triết học và, ngược lại, bỏ mặc không thèm đáp lại những lời chống đối "không dự kiến gì trước" của lý trí con người lành mạnh thô tục mà trước hết họ phải lên lớp về những điều sơ đẳng về các quan hệ kinh tế trong xã hội tư sản hiện hành, để rồi sau đó mới có thể tranh luận với lý trí ấy về các vấn đề đó.

Bởi vì, *chế độ tư hữu* chẳng hạn là một quan hệ không đơn giản và cũng là một khái niệm hoặc một nguyên lý không trừu tượng chút nào, mà tổng hòa là các quan hệ sản xuất *tư sản* – vấn đề ở đây không phải là chế độ tư hữu lệ thuộc, sắp bị tiêu vong, mà chính là chế độ tư hữu tư sản, hiện đang tồn tại, – bởi vì tất cả những quan hệ sản xuất tư sản đó là những quan hệ giai cấp – điều mà mỗi em học sinh đều phải biết qua A-đam Xmit hay Ri-các-đô – cho nên sự thay đổi hay nói chung sự thủ tiêu những quan hệ đó, tất nhiên, chỉ có thể xảy ra do kết quả của sự thay đổi của bản thân các giai cấp và các quan hệ qua lại của chúng; còn sự thay đổi của các quan hệ giữa các giai cấp là sự thay đổi có tính lịch sử, là sản phẩm của toàn bộ hoạt động xã hội nói chung, tóm lại, là sản phẩm của sự "vận động lịch sử" nhất định. Người cảm bút có thể phục vụ sự vận động lịch sử đó, là người thể hiện nó, nhưng, đương nhiên, anh ta không thể tạo ra nó.

Chẳng hạn, để giải thích sự thủ tiêu các quan hệ sở hữu phong kiến, các nhà sử học hiện đại phải dẫn ra phong trào mà trong tiến trình của phong trào đó giai cấp tư sản đang hình thành đã đạt tới trình độ là những điều kiện sinh hoạt của nó đã phát triển đủ để nó có thể thủ tiêu tất cả mọi đẳng cấp phong kiến cùng phương thức tồn tại phong kiến trước đây của bản thân nó, và do đó, cả những quan hệ sản xuất phong kiến mà các đẳng cấp phong kiến đó dựa vào để tiến hành sản xuất. Như vậy, việc xóa bỏ các quan hệ sở hữu phong kiến và việc xây dựng một xã hội tư sản hiện đại quyết không khi nào là kết quả của một học thuyết nào đấy xuất phát từ một nguyên lý nhất định, như từ *hạt nhân* của nó, và từ đó rút ra những kết luận tiếp theo. Ngược lại, các nguyên tắc và các thứ lý luận mà các tác gia tư sản đề ra trong thời kỳ giai cấp tư sản đấu tranh với chế độ phong kiến, không phải là cái gì khác mà là biểu hiện lý luận của một phong trào thực tiễn, hơn nữa còn có thể theo dõi một cách chính xác xem biểu hiện

lý luận đó ở mức độ nhiều hay ít thường đã mang tính chất không tương, giáo điều, không luận ra làm sao, tùy thuộc vào chỗ nó thuộc về một giai đoạn phát triển thấp hay cao của phong trào thực tiễn hay không.

Chính là theo ý nghĩa ấy Ăng-ghe-n đã thiếu thận trọng đi nói với một đối thủ đáng sợ của ông, với Héc-quyn sáng lập ra các quốc gia, về chủ nghĩa cộng sản – trong chừng mực nó là lý luận – như là biểu hiện lý luận của "một phong trào".

Nhưng, người khổng lồ của chúng ta thốt lên trong cơn phần nộ cao thượng: "tôi muốn đạt tới chỗ làm sáng tỏ những hậu quả thực tiễn, tôi muốn đưa "những đại biểu" của chủ nghĩa cộng sản tới chỗ họ phải thừa nhận những hậu quả ấy", – tức là những hậu quả phi lý trước mắt một con người chỉ có độc những quan niệm hão huyền về chế độ tư hữu tư sản, – tất phải gắn liền với việc thủ tiêu chế độ tư hữu đó. Người khổng lồ muốn buộc Ăng-ghe-n phải "bảo vệ tất cả những điều phi lý" mà Ăng-ghe-n, theo một ý đồ tảo bạo của ông Hai-nơ-txen, "sẽ lòi ra trước ánh sáng ban ngày". Nhưng Rai-nê-cơ-Ăng-ghe-n đã làm cho I-de-grim đức hạnh phải thất vọng vô cùng, đến nỗi y không còn tìm thấy ở chủ nghĩa cộng sản một "hạt nhân" nào khả dĩ có thể "cắn vỡ được", và ngạc nhiên tự hỏi: "làm thế nào để nhá được hiện tượng này nhỉ?".

Và con người hiền lành ấy uống công tìm cách tự trấn an bằng những câu văn sắc sảo, chẳng hạn như hỏi rằng sự vận động lịch sử có phải là "sự vận động của tình cảm con người" hay không v.v., và thậm chí còn niệm thần chú gọi hồn "Ru-gơ" vĩ đại để nó giải đáp cho y câu đố ấy của tự nhiên!

"Sau khi sự việc đã xảy ra", – anh chàng bị thất vọng thốt lên, – "con tim tôi tràn đầy cái giá lạnh miền Xi-bia; sau khi sự việc đã xảy ra, tôi chỉ linh cảm thấy sự phẫn nộ, và những âm mưu đen tối cứ ám ảnh tôi"¹⁾.

¹⁾ Karl Heinzen. "Steckbrief".

Thực ra, xét cho cùng ông ta tự giải thích vấn đề rằng Ăng-ghe-n "từ bỏ trường phái của mình", "thực hiện cuộc rút lui nực cười bao nhiêu thì cũng hèn nhát bấy nhiêu", "xúc phạm đến toàn thể nhân quần cốt để không xúc phạm đến cá nhân ông ta", "vào giây phút quyết định thì từ bỏ đảng mình hoặc bỏ mặc nó cho số phận", và còn đưa ra đủ thứ lời buộc tội cũng theo kiểu bệnh điên loạn đi dạy đạo đức ấy. Cũng đúng như vậy, ngay cả những sự khác nhau mà Ăng-ghe-n tạo ra giữa "chủ nghĩa xã hội chân chính" và "chủ nghĩa cộng sản", giữa các hệ thống cộng sản không tương và chủ nghĩa cộng sản phê phán, cũng chẳng phải cái gì khác mà là "sự phản bội" và "những âm mưu đen tối". Phải, những sự khác nhau mang tính chất dòng Tên thuần túy, "được ghi gian lận về ngày tháng", bởi vì từ trước tới nay, ít ra, cũng chưa có ai mách ông Hai-nơ-txen về chúng, và thậm chí bảo tố ở ngay trong lòng cuộc sống có lẽ cũng không thổi chúng đến tai ông ta chút nào!

Mà ông Hai-nơ-txen biết giải thích những mâu thuẫn ấy mới sắc sảo làm sao, vì chúng đã có biểu hiện văn học của chúng!

"Đây là Vai-tinh, một người quả thực biết điều hơn lẽ thiệt hơn Ngài, tuy nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa, có thể trở thành người cộng sản".

Hay là:

"Nếu ông Grun *mong muốn* trở thành người cộng sản và sẽ khai trừ ông Ăng-ghe-n thì sao?"

Rất dễ hiểu là đi tới điểm này, đáng trọng phụ đức hạnh – một người "không thể tự giải phóng mình tới mức để có thể coi *tính ngay thật* và *tính đúng đắn* dù có cớ lỗi đến đâu cũng là hoàn toàn thừa giữa những sinh vật được ban cho lý trí", – bắt đầu khao chúng ta cái món *dối trá* phi lý nhất, chẳng hạn, hình như Ăng-ghe-n cũng có chuẩn bị viết về "phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp và Bỉ", nhưng C.Grun tuồng như "đã vượt" ông ta, sau đó thì Ăng-ghe-n "không thể tìm được người xuất bản cái tác phẩm lấp lại buồn tẻ của ông". Ông Hai-nơ-txen còn dâng lên

hiều phát hiện tương tự khác để dùng làm "kết luận" được ông ta rút ra từ "một nguyên tắc nhất định".

Cái kết quả thảm hại mà sự phê phán có tính dạy đạo đức đạt tới, là do bản thân "tính chất" của sự phê phán ấy quyết định và tuyệt nhiên không thể đổ cho những nhược điểm cá nhân của A-gia-xơ con của Tê-la-mông. Với tất cả những sự ngu ngốc và hèn hạ của y, kẻ thô tục thần thánh ấy có thể tìm được cho mình một niềm an ủi đạo đức ở chỗ y ngu và hèn hạ là do có niềm tin, do đó, y là một con người thật sự hoàn chỉnh.

Dù "các sự kiện" mà đích thân Các Hai-nơ-txen vĩ đại yên trí "buông trôi" có nói gì đi nữa, thì "tôi", – ông ta thốt lên, đắm vào bộ ngực ngay thật của ông ta ba lần, – "tôi, trong khi đó, vẫn thân nhiên mang theo bên mình cái nguyên tắc của tôi và không vứt nó ra ngoài mạn tàu khi có kẻ hỏi tôi về nó".

Đã hai mươi năm trời nay Hen-rích LXXII Phôn Rây-xơ-Slây-xơ – E-béc-xđoóc-phơ cũng cười trên cái "nguyên tắc" của ông ta.

N.B. Chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc của tờ "Deutsche – Brüsseler – Zeitung" một bài phê bình do Xtê-phan^{1*} viết: "Nhà nước của Hai-nơ-txen". Đối với tác giả, Hai-nơ-txen đương nhiên chỉ là cái cớ; tác giả cũng sẽ có thể thành công như vậy trong việc chọn bất kỳ một tác giả bẻm mép nào khác của nước Đức để đem cái quan điểm của tên tiểu tư sản ư lý sự, hay chữ bới ra đối lập với quan niệm của người công nhân cách mạng thật sự. Ông Hai-nơ-txen không tìm được cách đáp lại Xtê-phan như thế nào cho tốt hơn là trước tiên hãy cứ *trịnh trọng tuyên bố* bài báo của anh ta là một tác phẩm thảm hại, và thế là giải quyết xong sự phê bình về *thực chất*. Vì đối với ông ta, Xtê-phan là một nhân

^{1*} – Xtê-phan Boóc-nơ.

vật không quen biết nên ông ta giảm nhẹ gánh nặng của mình bằng cách không cần khách sáo gì cả cứ gọi thẳng anh ta là một đứa trẻ lêu lổng và một kẻ rao hàng. Nhưng vẫn chưa cho rằng thế là đủ sỉ nhục đối với đối thủ của mình, ông ta, để hoàn tất mọi chuyện, còn biến anh ta thành một tên mật thám của cảnh sát. Tuy vậy, lời buộc tội cuối cùng này đúng đến chừng mực nào, thì có thể thấy được qua việc cảnh sát Pháp, chắc hẳn có sự thỏa thuận với ông Hai-nơ-txen, đã tịch thu 100 bản in tập sách nhỏ của Xtê-phan.

Bằng phương pháp trên sau khi giảng một bài học thực hành về đạo đức cho anh công nhân Xtê-phan, ông Hai-nơ-txen nói với anh ta một câu có tính chất phi-li-xtanh như sau: "Về phía tôi, – dù cho tôi có sẵn lòng bước vào những cuộc tranh luận với một công nhân thế nào đi nữa – tôi không thể coi thái độ càn rỡ là thủ đoạn để thay thế cho uy tín". Công nhân Đức sẽ thấy khoan khoái với cái triển vọng được *nhà dân chủ* Các Hai-nơ-txen sẽ tham gia những cuộc tranh luận với họ, nếu như họ biết đối xử khiêm tốn và có lễ độ đối với một con người vĩ đại. Ông Hai-nơ-txen cố sức càn rỡ trong sự công kích của mình để che đậy sự không có uy tín của ông ta trong cuộc tranh luận với ông Xtê-phan.

C.M.

*Do C. Mác viết vào cuối tháng Mười 1847
Đã đăng trên báo "Deutsche – Brüsseler –
Zeitung" các số 86,87,90,92 và 94; ngày 28
và 31 tháng Mười, 11,18 và 25 tháng Mười
một 1847*

Ký tên: Các Mác

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH. ĂNG-GHEN

NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN¹⁶²

Câu hỏi thứ 1: Chủ nghĩa cộng sản là gì?

Trả lời: Chủ nghĩa cộng sản là học thuyết về những điều kiện giải phóng giai cấp vô sản.

Câu hỏi thứ 2: Giai cấp vô sản là gì?

Trả lời: Giai cấp vô sản là một giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ kiếm sống bằng việc bán lao động của mình, chứ không phải sống bằng lợi nhuận của bất cứ số tư bản nào, đó là một giai cấp mà hạnh phúc và đau khổ, sống và chết, toàn bộ sự sống còn của họ đều phụ thuộc vào số câu về lao động, tức là vào tình hình chuyển biến tốt hay xấu của công việc làm ăn, vào những sự biến động của cuộc cạnh tranh không gì ngăn cản nổi. Nói tóm lại, giai cấp vô sản hay giai cấp những người vô sản là giai cấp lao động trong thế kỷ XIX.

Câu hỏi thứ 3: Phải chăng như vậy có nghĩa là: không phải lúc nào cũng có những người vô sản?

Trả lời: Đúng thế, không phải lúc nào cũng có những người vô sản. Các giai cấp nghèo đói và lao động thì lúc nào cũng có và thường thường thì các giai cấp lao động sống trong cảnh nghèo đói. Nhưng những người nghèo đói, những công nhân sống trong

những điều kiện vừa kể trên, tức là những người vô sản, thì không phải lúc nào cũng có, cũng như không phải lúc nào cạnh tranh cũng là hoàn toàn tự do và không hạn chế.

Câu hỏi thứ 4: Giai cấp vô sản đã ra đời như thế nào?

Trả lời: Giai cấp vô sản là do cuộc cách mạng công nghiệp sản sinh ra; cuộc cách mạng này xảy ra ở Anh vào nửa sau của thế kỷ trước, và sau đó tái diễn ở tất cả các nước văn minh trên thế giới. Sở dĩ có cuộc cách mạng đó, là do có sự phát minh ra máy hơi nước, các thứ máy kéo sợi, máy dệt và hàng loạt những thiết bị máy móc khác. Những máy móc đó – rất đắt và vì vậy chỉ có những nhà tư bản lớn mới có thể dùng được – làm thay đổi toàn bộ phương thức sản xuất tồn tại từ trước tới nay và loại những người công nhân cũ, vì hàng hóa do máy móc sản xuất ra thì rẻ hơn và tốt hơn so với hàng hóa do công nhân sản xuất bằng xa kéo sợi và khung cửi dệt vải không hoàn thiện của mình. Bằng cách đó, những máy móc đó đã trao toàn bộ công nghiệp vào tay các nhà tư bản lớn và hoàn toàn làm giảm giá trị số tài sản nhỏ bé không đáng kể thuộc về công nhân (công cụ, khung cửi, v.v.), thành thử chẳng bao lâu, các nhà tư bản đã nắm hết thảy mọi cái vào tay mình, còn công nhân thì không còn gì nữa. Từ đó, trong ngành sản xuất vải, bắt đầu thực hiện chế độ công xưởng. – Một khi đã có đà để áp dụng máy móc và chế độ công xưởng thì chế độ đó liền lan tràn nhanh chóng trong tất cả các ngành công nghiệp khác, nhất là trong ngành in vải, in sách, sản xuất đồ gốm và sản xuất những sản phẩm bằng kim loại. Lao động ngày càng được phân công rộng rãi giữa công nhân với nhau, thành thử người công nhân trước đây một mình làm trọn cả một công việc thì nay chỉ làm một bộ phận công việc. Sự phân công lao động đó làm cho người ta có thể sản xuất nhanh chóng hơn, do đó cũng rẻ hơn. Nó làm cho hoạt động của mỗi người công nhân chỉ còn là một động tác rất đơn giản, thường xuyên lặp đi lặp lại, có tính chất máy móc nào đó, một động tác có thể tiến hành bằng máy

mà vẫn mang lại kết quả giống như trước và thậm chí còn tốt hơn trước rất nhiều. Bằng cách ấy, tất cả các ngành công nghiệp đó đã lần lượt chịu sự khống chế của hơi nước, của máy móc và của chế độ công xưởng, hoàn toàn giống như tình hình đã xảy ra trong ngành kéo sợi và dệt vải. Nhưng do đó, tất cả các ngành công nghiệp ấy đã hoàn toàn chuyển vào tay các nhà tư bản lớn, còn công nhân thì ở đây, cũng lại mất hết mọi tàn dư cuối cùng của sự độc lập của họ. Dần dần chế độ công xưởng đã mở rộng được sự thống trị của nó không những vào trong công trường thủ công (theo đúng nghĩa công trường thủ công) mà cũng đã ngày càng mở rộng được sự thống trị của nó vào cả trong thủ công nghiệp nữa, vì trong lĩnh vực này, các nhà tư bản lớn ngày càng chen lấn được những người thợ cả hạng nhỏ, xây dựng nên những xưởng to lớn ở đó có thể tiết kiệm được nhiều thứ chi phí và tiền hành phân công lao động tỉ mỉ. Kết quả là hiện nay, chúng ta thấy là trong các nước văn minh, việc sản xuất bằng công xưởng đã được xác lập trong hầu hết tất cả các ngành lao động, và trong hầu hết tất cả các ngành đó, thủ công nghiệp và công trường thủ công đều bị đại công nghiệp chen lấn. – Vì vậy tầng lớp trung gian trước đây, nhất là những người thợ cả thủ công hạng nhỏ, ngày càng phá sản; địa vị trước đây của người sản xuất đã hoàn toàn thay đổi và hai giai cấp mới được tạo ra dần dần cuốn hút tất cả các giai cấp khác vào hàng ngũ của mình. Hai giai cấp đó là:

I. Giai cấp những nhà tư bản lớn. Hiện nay, trong tất cả các nước văn minh, hầu như họ là những người độc chiếm mọi tư liệu sinh hoạt và cả nguyên liệu, công cụ (máy móc, công xưởng, v.v.) cần thiết để sản xuất ra những tư liệu đó. Đó là giai cấp những người tư sản hay giai cấp tư sản.

II. Giai cấp những người hoàn toàn không có của. Do tình hình như trên nên họ buộc phải bán lao động của mình cho nhà tư sản để đổi lấy những tư liệu sinh hoạt cần thiết cho cuộc sống của

mình. Giai cấp đó gọi là giai cấp những người vô sản hay giai cấp vô sản.

Câu hỏi thứ 5: Những người vô sản bán lao động cho nhà tư sản trong những điều kiện như thế nào?

Trả lời: Lao động cũng là một thứ hàng hóa giống như mọi thứ hàng hóa khác, giá cả của nó cũng tuân theo những quy luật quyết định giá cả của mọi thứ hàng hóa khác. Dưới sự thống trị của đại công nghiệp hay của cạnh tranh tự do – dưới đây chúng ta sẽ thấy đại công nghiệp và cạnh tranh tự do chỉ là một – giá cả của hàng hóa tính trung bình thì bao giờ cũng ngang với chi phí sản xuất ra hàng hóa đó. Do đó, giá cả của lao động cũng ngang với chi phí sản xuất ra lao động, mà chi phí sản xuất ra lao động thì gồm có số lượng tư liệu sinh hoạt cần thiết để người công nhân có thể duy trì năng lực lao động của mình và để cho giai cấp công nhân khỏi bị diệt vong. Người công nhân khi trao đổi lao động của mình, không thể nhận được nhiều hơn số cần thiết cho mục đích đó; do đó giá cả lao động hay tiền lương sẽ hết sức thấp, nó là một mức tối thiểu cần thiết để duy trì đời sống. Nhưng vì tình hình có khi tốt khi xấu nên công nhân có khi lĩnh được nhiều và có khi lĩnh được ít, hoàn toàn giống như người chủ xưởng bán hàng hóa khi thì thu được nhiều khi thì thu được ít. Nếu tính trung bình tất cả những lúc tốt lúc xấu lại thì người chủ xưởng tuy vậy, khi bán hàng, vẫn thu được một số tiền không nhiều hơn cũng không ít hơn chi phí sản xuất; người công nhân cũng thế, tính trung bình thì cũng thu được một số tiền không nhiều hơn cũng không ít hơn mức tối thiểu nói trên. Đại công nghiệp càng chiếm địa vị thống trị trong tất cả các ngành lao động thì quy luật kinh tế đó của tiền lương càng được thực hiện một cách chặt chẽ.

Câu hỏi thứ 6: Trước khi có cách mạng công nghiệp, đã từng có những giai cấp lao động nào?

Trả lời: Tùy theo các giai đoạn phát triển khác nhau của xã

hội mà các giai cấp lao động sống trong những điều kiện khác và có địa vị khác, so với các giai cấp có của chiếm địa vị thống trị. Trong thời cổ, những người lao động là *nô lệ* của người chủ, giống như ngày nay họ còn là nô lệ ở nhiều nước lạc hậu và thậm chí cả ở miền Nam nước Mỹ nữa. Trong thời trung cổ, họ là *nông nô* của bọn chúa đất quý tộc, giống như hiện nay họ còn là nông nô ở Hung-ga-ri, Ba Lan và Nga. Ngoài ra, vào thời trung cổ và cho đến cách mạng công nghiệp, trong các thành thị còn có những người thợ thủ công làm việc cho những người thợ cả tiểu thị dân; nhưng cùng với sự phát triển của công trường thủ công thì dần dần xuất hiện những công nhân công trường thủ công do các nhà tư bản lớn hơn thuê mướn.

Câu hỏi thứ 7: Người vô sản khác người nô lệ ở chỗ nào?

Trả lời: Người nô lệ bị bán đi chỉ một lần thôi, còn người vô sản thì tự bán mình từng ngày, từng giờ. Mỗi người nô lệ là tài sản của người chủ *nhất định*, và do lợi ích của người chủ đó, nên sinh hoạt của người nô lệ được bảo đảm, dù sinh hoạt đó có cực cực đến thế nào chăng nữa. Còn người vô sản thì có thể nói họ là tài sản của toàn bộ *giai cấp* tư sản. Lao động của họ chỉ có thể bán được, khi nào có người cần đến, nên sinh hoạt của họ không được bảo đảm. Chỉ có sinh hoạt của toàn bộ *giai cấp* vô sản là được bảo đảm thôi. Người nô lệ đứng ngoài cạnh tranh, còn người vô sản thì sống trong điều kiện của cạnh tranh và chịu ảnh hưởng của tất cả những sự biến động của cạnh tranh. Người nô lệ bị coi là một thứ đồ vật, chứ không phải là thành viên của xã hội công dân. Người vô sản được thừa nhận là một cá nhân, một thành viên của xã hội công dân. Do đó, tuy người nô lệ có thể có sinh hoạt dễ chịu hơn người vô sản, nhưng người vô sản thuộc về một xã hội có trình độ phát triển cao hơn, và bản thân họ cũng ở trình độ cao hơn người nô lệ. Người nô lệ muốn tự giải phóng thì trong số tất cả các quan hệ tư hữu, chỉ cần tiêu diệt một quan hệ nô lệ thôi và chỉ khi đó họ mới trở thành người vô sản; còn

người vô sản chỉ có thể tự giải phóng được, sau khi đã tiêu diệt chế độ tư hữu nói chung.

Câu hỏi thứ 8: Người vô sản khác người nông nô ở chỗ nào?

Trả lời: Người nông nô có và được sử dụng công cụ sản xuất, một mảnh ruộng nhỏ và muốn thế họ phải nộp một phần thu nhập của mình hay phải làm một số công việc. Còn người vô sản thì làm việc bằng những công cụ sản xuất của người khác, để làm lợi cho người khác đó, và nhận được một phần thu nhập. Người nông nô phải đem nộp, còn người vô sản thì lại được lĩnh về. Sinh hoạt của người nông nô được bảo đảm, sinh hoạt của người vô sản không được bảo đảm. Người nông nô đứng ngoài cạnh tranh, còn người vô sản thì sống trong những điều kiện của cạnh tranh. Người nông nô tự giải phóng hoặc là bằng cách bỏ chạy ra thành thị và trở thành người thợ thủ công ở đó, hoặc là nộp tiền cho địa chủ để khỏi phải làm lao dịch hay khỏi phải nộp sản phẩm, và do đó trở thành người lĩnh canh tự do, hoặc là bằng cách đánh đuổi bọn chúa phong kiến và chính mình trở thành người tư hữu. Nói tóm lại, họ tự giải phóng bằng cách gia nhập như thế nào đó vào hàng ngũ giai cấp hữu sản, và đi vào cạnh tranh. Còn người vô sản thì tự giải phóng bằng cách tiêu diệt cạnh tranh, chế độ tư hữu và mọi sự khác nhau về giai cấp.

Câu hỏi thứ 9: Người vô sản khác người thợ thủ công ở chỗ nào?^{1*}

Câu hỏi thứ 10: Người vô sản khác công nhân công trường thủ công ở chỗ nào?

Trả lời: Công nhân công trường thủ công thế kỷ XVI - XVIII, ở hầu khắp mọi nơi, đều còn có công cụ sản xuất như: khung cửi dệt

^{1*} Trong bản thảo, Ăng-ghe-nhê chừa một đoạn trống dành cho câu trả lời câu hỏi thứ 9.

vải, xa kéo sợi cho gia đình mình, và một mảnh đất nhỏ mà người đó trồng trọt trong những lúc rỗi việc. Người vô sản thì không có gì hết. Công nhân công trường thủ công hầu như luôn luôn sinh sống ở nông thôn và có ít nhiều quan hệ có tính chất gia trưởng với địa chủ hay người giao việc. Người vô sản phần nhiều sống ở các thành thị lớn và liên hệ với người giao việc bởi những quan hệ thuần túy tiền tệ. Đại công nghiệp kéo người công nhân công trường thủ công ra khỏi những điều kiện gia trưởng của họ; họ mất hết mọi tài sản cuối cùng của họ và chỉ khi đó họ mới trở thành người vô sản.

Câu hỏi thứ 11: Cách mạng công nghiệp và sự phân chia xã hội thành tư sản và vô sản đã mang lại những hậu quả trước mắt gì?

Trả lời: Thứ nhất, vì lao động bằng máy móc ngày càng giảm được giá hàng công nghiệp, nên ở trong tất cả các nước trên thế giới, hệ thống công trường thủ công trước kia hay hệ thống công nghiệp xây dựng trên cơ sở lao động thủ công đều bị phá hoại hoàn toàn. Do đó, tất cả những nước nửa đã man – những nước mà đến tận nay vẫn còn ít nhiều đứng ngoài lề sự phát triển của lịch sử, những nước mà công nghiệp vẫn còn dựa trên cơ sở công trường thủ công – đều buộc phải tách khỏi tình trạng biệt lập của mình. Những nước ấy bắt đầu mua của người Anh những hàng hóa rẻ hơn và làm cho công nhân công trường thủ công của mình phải phá sản. Như vậy là những nước mà trong hàng chục thế kỷ không hề tiến bộ, như Ấn Độ chẳng hạn, thì nay cũng trải qua một cuộc cách mạng hoàn toàn, và thậm chí cả Trung Quốc ngày nay cũng đang đi đến cách mạng. Đã có tình hình là một chiếc máy mới, ngày hôm nay được phát minh ra ở Anh, một năm sau sẽ cướp mất bát cơm của hàng triệu công nhân ở Trung Quốc. Như vậy là nền đại công nghiệp đã gắn liền tất cả các dân tộc trên trái đất lại với nhau, đã thống nhất tất cả các thị trường địa phương nhỏ bé thành một thị trường toàn thế giới, đã chuẩn bị

cơ sở, ở khắp nơi, cho văn minh và tiến bộ, đã làm cho tất cả những cái gì xảy ra trong các nước văn minh đều có ảnh hưởng đến tất cả các nước khác; thành thử, nếu như hiện nay, ở Anh hay ở Pháp công nhân tự giải phóng được thì việc đó sẽ gây nên cách mạng ở trong tất cả các nước khác, những cuộc cách mạng này sớm hay muộn cũng sẽ giải phóng cho công nhân ở các nước đó.

Thứ hai, ở tất cả những nơi mà đại công nghiệp đã thay thế cho công trường thủ công thì cách mạng công nghiệp làm tăng thêm rất nhiều của cải và thế lực của giai cấp tư sản, làm cho nó trở thành giai cấp thứ nhất trong nước. Kết quả là ở tất cả những nơi đã xảy ra quá trình đó, giai cấp tư sản đều nắm được chính quyền trong tay và gạt bỏ được những tầng lớp trước đó vẫn giữ quyền thống trị: tầng lớp quý tộc, thị dân phường hội và giới quân chủ chuyên chế, đại biểu cho hai tầng lớp đó. Giai cấp tư sản đã thủ tiêu được quyền lực của tầng lớp quý tộc, quý phái, sau khi đã bãi bỏ quyền kế thừa của con cả hay quyền chiếm hữu ruộng đất bất di bất dịch, sau khi đã thủ tiêu mọi đặc quyền của quý tộc. Nó đã phá tan thế lực của thị dân phường hội, sau khi đã thủ tiêu mọi phường hội và mọi đặc quyền của thợ thủ công. Để thay thế những cái đó, nó đề ra tự do cạnh tranh, tức là một trạng thái xã hội trong đó mỗi người đều có quyền kinh doanh bất cứ một ngành công nghiệp nào, hơn nữa không có cái gì có thể ngăn cản được họ kinh doanh, trừ phi họ không có tư bản cần cho việc đó. Như vậy, tiến hành cạnh tranh tự do thì cũng giống như công khai tuyên bố rằng từ nay trở đi, mọi người trong xã hội sẽ chỉ không bình đẳng với nhau chừng nào mà tư bản của họ không ngang bằng nhau, rằng tư bản đã trở thành một lực lượng quyết định và do đó mà các nhà tư bản, tư sản, trở thành giai cấp thứ nhất trong xã hội. Nhưng cạnh tranh tự do là tất yếu đối với thời kỳ phát triển ban đầu của đại công nghiệp, vì cạnh tranh tự do là một trạng thái xã hội duy nhất trong đó đại

công nghiệp có thể phát triển. – Tiêu diệt thế lực xã hội của tầng lớp quý tộc và tầng lớp thị dân phường hội bằng cách đó, giai cấp tư sản cũng đã tiêu diệt luôn cả chính quyền của hai tầng lớp đó. Sau khi trở thành giai cấp thứ nhất trong xã hội, giai cấp tư sản tự tuyên bố mình là giai cấp thứ nhất cả trong lĩnh vực chính trị. Nó làm việc đó bằng cách, thi hành chế độ đại nghị là chế độ xây dựng trên cơ sở sự bình đẳng tư sản trước pháp luật, trên cơ sở thừa nhận bằng pháp luật sự cạnh tranh tự do. Chế độ đó được áp dụng ở các nước châu Âu dưới hình thức quân chủ lập hiến. Trong chế độ quân chủ lập hiến, ai có một số tư bản nhất định, tức là chỉ có các nhà tư sản, mới được hưởng quyền bầu cử. Những cử tri tư sản đó bầu ra đại biểu, rồi những đại biểu tư sản đó – có quyền không phải nộp thuế – bầu ra chính phủ tư sản.

Thứ ba, ở khắp nơi, cách mạng công nghiệp đều thúc đẩy giai cấp vô sản phát triển theo cùng một tốc độ phát triển của giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản càng giàu bao nhiêu thì giai cấp vô sản càng trở nên đông đúc bấy nhiêu. Vì chỉ tư bản mới có thể đem lại việc làm cho những người vô sản, và vì tư bản chỉ có thể tăng thêm khi sử dụng lao động, cho nên tư bản lớn lên bao nhiêu thì giai cấp vô sản cũng lớn lên bấy nhiêu. Đồng thời cách mạng công nghiệp tập trung tư sản và vô sản vào các thành thị lớn, ở đó sự phát triển công nghiệp là có lợi hơn cả, và sự tập trung đông đảo quần chúng vào *một* chỗ như vậy làm cho vô sản nhận thức được sức mạnh của mình. Sau đó, cách mạng công nghiệp mà phát triển bao nhiêu, những máy mới thay thế được lao động thủ công được tiếp tục phát minh ra bao nhiêu thì đại công nghiệp ngày càng gây áp lực đối với tiền lương bấy nhiêu và, như chúng tôi đã nói, càng giảm tiền lương xuống đến mức tối thiểu, khiến cho tình cảnh của giai cấp vô sản ngày càng trở nên không sao chịu nổi. Tóm lại, một mặt do sự bất mãn của giai cấp vô sản ngày càng tăng, mặt khác do sức mạnh của giai cấp vô sản ngày

càng lớn cho nên cách mạng công nghiệp chuẩn bị điều kiện cho cuộc cách mạng xã hội mà giai cấp vô sản sẽ tiến hành.

Câu hỏi thứ 12: Cách mạng công nghiệp còn mang lại những hậu quả gì thêm nữa?

Trả lời: Đại công nghiệp đã tạo nên những phương tiện như máy hơi nước và các máy móc khác cho phép trong một thời gian ngắn có thể tăng thêm sản xuất công nghiệp một cách vô hạn mà chi phí lại không nhiều. Nhờ dễ dàng mở rộng sản xuất như vậy, nên chẳng bao lâu cạnh tranh tự do – hậu quả tất nhiên của nền đại công nghiệp đó – có tính chất đặc biệt gay gắt; đông đảo các nhà tư bản đổ xô vào công nghiệp, và chẳng bao lâu người ta sản xuất ra nhiều hơn là tiêu dùng. Kết quả là những hàng hóa đã sản xuất ra, không thể bán được, và xảy ra cái gọi là khủng hoảng thương nghiệp. Công xưởng phải đóng cửa, chủ xưởng bị phá sản và công nhân không có cơm ăn. Khắp nơi, diễn ra cảnh nghèo đói khủng khiếp. Qua một thời gian nhất định, những sản phẩm thừa được bán hết, công xưởng lại bắt đầu làm việc, tiền lương được tăng lên, và tình hình dần dần đi đến chỗ tốt hơn bao giờ hết. Nhưng được ít lâu, vì chẳng mấy chốc lại sản xuất ra quá nhiều hàng hóa, nên lại xảy ra một cuộc khủng hoảng mới hoàn toàn giống như trước. Như vậy là bắt đầu từ thế kỷ này, công nghiệp luôn luôn trải qua những sự biến động, lúc thì phồn vinh, lúc thì khủng hoảng, và hầu như cứ cách năm – bảy năm một, lại đều đặn xảy ra một cuộc khủng hoảng như vậy; hơn nữa, cứ mỗi lần bùng nổ, là khủng hoảng lại gây ra những tai họa hết sức to lớn trong công nhân, lại thức tỉnh tinh thần cách mạng ở khắp nơi và gây một mối nguy rất lớn cho toàn bộ chế độ đương thời.

Câu hỏi thứ 13: Từ những cuộc khủng hoảng thương nghiệp tái diễn đều đặn đó, có thể rút ra những kết luận gì?

Trả lời: Thứ nhất, mặc dù đại công nghiệp đã tự mình tạo ra cạnh tranh tự do trong giai đoạn phát triển ban đầu của nó, nhưng hiện nay nó đã vượt quá cạnh tranh tự do; cạnh tranh và nói

chung việc những cá nhân riêng lẻ tiến hành sản xuất công nghiệp đã trở thành xiềng xích trói buộc đại công nghiệp, những xiềng xích mà đại công nghiệp phải phá tan và sẽ phá tan được; đại công nghiệp, khi còn được tiến hành trên những cơ sở hiện nay, thì không thể tồn tại mà lại không đưa tới tình trạng rối loạn chung cứ bảy năm lại tái diễn, và mỗi một lần rối loạn như thế, lại đe dọa toàn bộ nền văn minh và không những ném những người vô sản vào cảnh nghèo xác xơ mà còn làm cho nhiều nhà tư sản bị phá sản; do đó, hoặc phải từ bỏ đại công nghiệp – đó là điều tuyệt đối không thể được –, hoặc phải thừa nhận rằng đại công nghiệp làm cho việc xây dựng một tổ chức xã hội hoàn toàn mới trở thành một việc tuyệt đối cần thiết, một tổ chức xã hội mới trong đó việc lãnh đạo sản xuất công nghiệp không phải do từng chủ xưởng riêng lẻ cạnh tranh với nhau thực hiện nữa, mà là do toàn thể xã hội thực hiện theo một kế hoạch vững chắc và phù hợp với nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội.

Thứ hai, đại công nghiệp và khả năng mở rộng sản xuất một cách vô hạn do nó tạo ra, sẽ cho phép xây dựng một chế độ xã hội, trong đó tất cả mọi vật phẩm cần cho đời sống sẽ được sản xuất ra nhiều đến nỗi mỗi thành viên trong xã hội đều có thể hoàn toàn tự do phát triển và sử dụng mọi lực lượng và năng lực của mình. Cho nên, cái tính chất của đại công nghiệp, trong xã hội hiện thời, là đẻ ra mọi sự nghèo đói và mọi cuộc khủng hoảng thương nghiệp, thì đến một chế độ xã hội khác, chính tính chất ấy lại trở thành tính chất thủ tiêu sự nghèo khổ đó và những sự biến động đem lại tai họa đó.

Như vậy là ta có thể chứng minh một cách hoàn toàn rõ ràng rằng:

- 1) hiện nay, tất cả mọi tai họa đó đều chỉ do cái chế độ xã hội không còn phù hợp với điều kiện của thời đại nữa, gây ra;
- 2) người ta đã có phương tiện để thủ tiêu triệt để những tai họa đó bằng cách xây dựng nên một chế độ xã hội mới.

Câu hỏi thứ 14: Chế độ xã hội mới đó phải như thế nào?

Trả lời: Trước hết, việc quản lý công nghiệp và tất cả các ngành sản xuất nói chung sẽ không còn nằm trong tay của cá nhân riêng lẻ cạnh tranh với nhau nữa. Trái lại, tất cả các ngành sản xuất sẽ do toàn thể xã hội quản lý, tức là sẽ được tiến hành vì lợi ích chung, theo một kế hoạch chung và với sự tham gia của tất cả mọi thành viên trong xã hội. Như vậy, chế độ xã hội mới đó sẽ tiêu diệt cạnh tranh và thay cạnh tranh bằng hợp tác. Vì việc từng cá nhân riêng lẻ kinh doanh công nghiệp đem lại hậu quả tất yếu là chế độ tư hữu, và vì cạnh tranh không phải là một cái gì khác mà là một phương thức kinh doanh công nghiệp khi công nghiệp do những người tư hữu riêng lẻ quản lý, cho nên chế độ tư hữu không thể tách rời việc cá nhân kinh doanh công nghiệp và tách rời cạnh tranh được. Do đó, chế độ tư hữu cũng phải được thủ tiêu và phải được thay bằng việc sử dụng chung tất cả mọi công cụ sản xuất và việc phân phối sản phẩm theo sự thỏa thuận chung, tức là bằng cái mà người ta gọi là sự cộng đồng về tài sản. Thủ tiêu chế độ tư hữu là một cách nói vắn tắt nhất và tổng quát nhất về việc cải tạo toàn bộ chế độ xã hội; việc cải tạo này là kết quả tất yếu của sự phát triển của công nghiệp. Cho nên, những người cộng sản hoàn toàn đúng khi đề ra việc thủ tiêu chế độ tư hữu thành yêu cầu chủ yếu của mình.

Câu hỏi thứ 15: Phải chăng như vậy có nghĩa là trước đây, không thể thủ tiêu được chế độ tư hữu?

Trả lời: Đúng trước đây không thể thủ tiêu được chế độ tư hữu. Bất cứ một sự thay đổi nào của chế độ xã hội, bất cứ một sự cải biến nào về mặt quan hệ sở hữu cũng đều là kết quả tất yếu của việc tạo nên những lực lượng sản xuất mới, không còn phù hợp với các quan hệ sở hữu cũ nữa. Bản thân chế độ tư hữu cũng đã ra đời như vậy. Vấn đề là ở chỗ không phải khi nào cũng có chế độ tư hữu; vào cuối thời trung cổ, khi phương thức sản xuất mới – không chứa nổi trong khuôn khổ của chế độ sở hữu phong kiến và phường hội lúc bấy giờ – xuất hiện dưới hình thức công trường thủ công thì công trường thủ công đã vượt quá quan

hệ sở hữu cũ, tạo ra cho nó một hình thức sở hữu mới, – chế độ tư hữu. Đối với công trường thủ công và đối với giai đoạn phát triển ban đầu của đại công nghiệp, không thể có hình thức sở hữu nào khác ngoài quyền tư hữu, không thể có chế độ xã hội nào khác ngoài chế độ xã hội xây dựng trên cơ sở tư hữu. Chừng nào chưa thể sản xuất với một quy mô có thể không những đủ cung cấp cho mọi người mà còn có thừa sản phẩm để tăng thêm tư bản xã hội và tiếp tục phát triển lực lượng sản xuất hơn nữa, thì chừng đó, luôn luôn còn phải có một giai cấp thống trị chi phối lực lượng sản xuất của xã hội, và một giai cấp khác nghèo đói, bị áp bức. Đó là những giai cấp nào, điều này là tùy ở trình độ phát triển của sản xuất. Trong thời trung cổ, thời kỳ phụ thuộc vào nông nghiệp, chúng ta thấy có địa chủ và nông nô; trong các thành thị cuối thời trung cổ, có thợ cả phường hội, thợ phụ và thợ công nhật; trong thế kỷ XVII, có người chủ công trường thủ công và công nhân công trường thủ công; trong thế kỷ XIX, có chủ xưởng lớn và vô sản. Hoàn toàn rõ ràng là cho đến nay, lực lượng sản xuất vẫn chưa phát triển đến mức khiến cho có thể sản xuất đủ sản phẩm cho mọi người, và khiến cho chế độ tư hữu trở thành xiềng xích ngăn cản sự phát triển của các lực lượng sản xuất đó. Nhưng hiện nay, nhờ sự phát triển của đại công nghiệp, nên *thứ nhất*, tư bản và lực lượng sản xuất đã được tạo ra với quy mô chưa từng có, và người ta đã có phương tiện để, trong một thời gian ngắn, phát triển các lực lượng sản xuất đó một cách vô hạn. *Thứ hai*, các lực lượng sản xuất đó tập trung trong tay một số ít nhà tư sản, còn đông đảo quần chúng nhân dân thì ngày càng trở thành vô sản; hơn nữa, của cải của tư sản càng tăng thì tình cảnh của quần chúng nhân dân càng trở nên nghèo đói và không sao chịu nổi. *Thứ ba*, những lực lượng sản xuất mạnh mẽ để tăng thêm đó đã vượt quá chế độ tư hữu và nhà tư sản đến mức là nó luôn luôn gây ra những sự chấn động hết sức mạnh mẽ trong chế độ xã hội. Cho nên, chỉ có ngày nay, việc thủ tiêu chế độ tư hữu mới trở thành không những là điều có thể thực hiện được, mà thậm chí còn là điều hoàn toàn cần thiết.

Câu hỏi thứ 16: Có thể thủ tiêu chế độ tư hữu bằng biện pháp hòa bình được không?

Trả lời: Có thể mong muốn là sẽ làm được như vậy, và dĩ nhiên những người cộng sản sẽ là những người sau cùng trong số những người phản đối việc đó. Người cộng sản biết rất rõ rằng mọi hoạt động âm mưu đều không những vô ích mà thậm chí còn có hại nữa. Họ biết rất rõ rằng không thể làm cách mạng một cách theo ý định từ trước và tùy tiện, rằng ở đâu và bao giờ, cách mạng cũng là kết quả tất yếu của những hoàn cảnh hoàn toàn không phụ thuộc vào ý muốn và sự lãnh đạo của các đảng phái riêng lẻ và của cả một giai cấp. Nhưng đồng thời họ thấy rằng sự phát triển của giai cấp vô sản trong hầu khắp tất cả các nước văn minh đều bị đàn áp bằng bạo lực, và đàn áp như vậy, tức là kẻ thù của những người cộng sản đã gắng hết sức làm việc cho cách mạng. Nếu tất cả những điều đó cuối cùng sẽ thúc đẩy giai cấp vô sản bị áp bức đứng lên làm cách mạng thì những người cộng sản chúng tôi lúc đó sẽ bảo vệ sự nghiệp của giai cấp vô sản bằng hành động, không kém gì bây giờ chúng tôi đang bảo vệ sự nghiệp đó bằng lời nói.

Câu hỏi thứ 17: Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không?

Trả lời: Không, không thể được, cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên *ngay lập tức* đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu. Cho nên, cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu.

Câu hỏi thứ 18: Cuộc cách mạng đó sẽ diễn biến như thế nào?

Trả lời: Trước hết, nó tạo ra một *chế độ dân chủ* và nhờ đó mà trực tiếp hay gián tiếp tạo ra quyền thống trị chính trị của

giai cấp vô sản. Trực tiếp như ở Anh là nơi mà hiện nay vô sản đã chiếm đa số trong nhân dân; gián tiếp như ở Pháp và Đức là nơi mà đa số nhân dân không những gồm có vô sản mà còn gồm cả tiểu nông và tiểu tư sản thành thị là những người chỉ mới ở trong giai đoạn đang chuyển thành giai cấp vô sản, và trong việc thực hiện mọi quyền lợi chính trị của mình, đang ngày càng phụ thuộc vào giai cấp vô sản, do đó chẳng bao lâu, sẽ phải đồng ý với các yêu sách của giai cấp vô sản. Muốn thế, có lẽ cần phải có một cuộc đấu tranh mới nữa, song cuộc đấu tranh mới đó nhất định sẽ kết thúc bằng thắng lợi của giai cấp vô sản.

Đối với giai cấp vô sản, chế độ dân chủ sẽ trở nên hoàn toàn vô ích nếu nó không được dùng ngay lập tức làm phương tiện để thi hành những biện pháp rộng rãi trực tiếp đánh vào chế độ tư hữu và bảo đảm sự tồn tại của giai cấp vô sản. Những biện pháp chủ yếu nhất, tất yếu xuất phát từ những điều kiện hiện nay, là như sau:

1) Hạn chế quyền tư hữu: áp dụng thuế lũy tiến, đánh thuế cao vào tài sản kế thừa, xóa bỏ quyền kế thừa tài sản của những người họ hàng thân thuộc (anh em, cháu chắt, v.v.), cưỡng bức cho vay, v.v..

2) Dần dần tước đoạt bọn chiếm hữu ruộng đất, bọn chủ xưởng, bọn chủ đường sắt và bọn chủ tàu thủy, một phần bằng sự cạnh tranh của công nghiệp nhà nước, một phần trực tiếp bằng cách chuộc lại bằng tiền giấy.

3) Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ chạy trốn ra nước ngoài và những kẻ nổi loạn chống lại đa số nhân dân.

4) Tổ chức lao động hay giao công việc cho những người vô sản ở trong các nông trường quốc gia, nhà máy và công xưởng của quốc gia. Làm như vậy sẽ thủ tiêu được sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau, và bọn chủ xưởng, nếu chúng còn tồn tại, sẽ buộc phải trả công cao như nhà nước.

5) Tất cả mọi người trong xã hội đều có nghĩa vụ lao động như nhau cho đến khi tiêu diệt hoàn toàn chế độ tư hữu. Tổ chức những đội quân công nghiệp, nhất là đối với nông nghiệp.

6) Tập trung hệ thống tín dụng và việc buôn bán bằng tiền vào trong tay nhà nước bằng một ngân hàng quốc gia với vốn của nhà nước. Đóng cửa tất cả các ngân hàng và chi nhánh ngân hàng của tư nhân.

7) Tùy theo sự tăng thêm vốn và tăng thêm số lượng công nhân của quốc gia, mà tăng thêm số lượng nhà máy, công xưởng, đường sắt, tàu bè của quốc gia, trồng trọt hết những ruộng đất còn bỏ hóa, cải tiến việc trồng trọt những ruộng đất đã trồng trọt.

8) Đối với tất cả các trẻ em, khi không cần đến sự chăm sóc của người mẹ nữa thì đưa các em vào giáo dục trong các cơ quan nhà nước và bằng sự đài thọ của nhà nước. Kết hợp việc giáo dục với lao động trong công xưởng.

9) Xây dựng những cung lớn trong những khu đất của nhà nước để làm chỗ ở chung cho các công xã công dân làm công nghiệp, nông nghiệp, kết hợp các mặt tốt của lối sống thành thị và lối sống nông thôn nhưng tránh tình trạng một chiều và thiếu sót của hai lối sống đó.

10) Phá bỏ tất cả những nhà ở và khu nhà ở không hợp vệ sinh và có chất lượng xây dựng kém ở thành thị.

11) Con trong và ngoài giá thú đều có quyền kế thừa tài sản như nhau.

12) Tập trung toàn bộ công việc vận tải vào trong tay nhà nước.

Có nhiên không thể thi hành tất cả các biện pháp đó ngay trong một đợt, nhưng biện pháp này sẽ dẫn đến biện pháp khác. Chỉ cần tiến hành một cuộc tấn công triệt để đầu tiên vào chế độ tư hữu, là giai cấp vô sản sẽ ngày càng phải đi xa hơn nữa, ngày càng tập trung trong tay nhà nước toàn bộ tư bản, toàn bộ

nông nghiệp, toàn bộ công nghiệp, toàn bộ vận tải và toàn bộ sự trao đổi. Tất cả các biện pháp kể trên sẽ dẫn đến chỗ đó. Mức độ thực hiện các biện pháp đó cũng như mức độ tập trung do các biện pháp đó đưa lại sẽ tăng lên đúng như mức độ các lực lượng sản xuất trong nước sẽ tăng lên nhờ lao động của giai cấp vô sản. Cuối cùng, khi toàn bộ tư bản, toàn bộ sản xuất, toàn bộ việc trao đổi đã tập trung vào trong tay nhà nước thì chế độ tư hữu sẽ tự nó tiêu vong, tiền tệ sẽ trở thành thừa, sản xuất sẽ tăng lên với mức độ như thế và con người sẽ thay đổi đến mức tất cả những hình thức cuối cùng của quan hệ xã hội cũ có thể biến mất đi.

Câu hỏi thứ 19: Cuộc cách mạng đó có thể xảy ra trong riêng một nước nào đó không?

Trả lời: Không. Đại công nghiệp do đã tạo nên thị trường thế giới nên đã nối liền tất cả các dân tộc trên trái đất lại với nhau, nhất là các dân tộc văn minh, khiến cho mỗi một dân tộc đều phụ thuộc vào tình hình xảy ra ở dân tộc khác. Sau nữa, đại công nghiệp đã san bằng sự phát triển xã hội ở trong tất cả các nước văn minh, khiến cho ở khắp nơi, giai cấp tư sản và giai cấp vô sản đã trở thành hai giai cấp có tác dụng quyết định trong xã hội và cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp đó đã trở thành cuộc đấu tranh chủ yếu của thời đại chúng ta. Vì vậy, cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa không những sẽ có tính chất dân tộc mà sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh, tức là ít nhất, ở Anh, Mỹ, Pháp và Đức. Trong mỗi một nước đó, cách mạng cộng sản chủ nghĩa sẽ phát triển nhanh hay chậm, là tùy ở chỗ nước nào trong những nước đó có công nghiệp phát triển hơn, tích lũy được nhiều của cải hơn và có nhiều lực lượng sản xuất hơn. Cho nên ở Đức, cách mạng cộng sản chủ nghĩa sẽ thực hiện chậm hơn và khó khăn hơn, còn ở Anh thì nhanh hơn và dễ dàng hơn. Cách mạng cộng sản chủ nghĩa cũng có ảnh hưởng rất lớn đến các nước khác trên thế giới, nó sẽ làm thay đổi hoàn toàn và thúc đẩy cực kỳ nhanh chóng tiến trình phát triển trước kia của các nước đó. Nó là một cuộc cách mạng có tính chất toàn thế giới và vì vậy nó sẽ có một vũ đài toàn thế giới.

Câu hỏi thứ 20: Xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu thì sẽ đưa lại những kết quả gì?

Trả lời: Sẽ đưa lại những kết quả như sau: xã hội sẽ tước khỏi tay bọn tư bản tư nhân việc sử dụng tất cả mọi lực lượng sản xuất và mọi phương tiện giao dịch cũng như việc trao đổi và phân phối sản phẩm; xã hội sẽ quản lý tất cả những việc đó căn cứ theo kế hoạch đặt ra, căn cứ vào các nguồn lực lượng hiện có và vào nhu cầu của toàn xã hội; do đó mà tất cả những hậu quả tai hại gắn liền với chế độ quản lý đại công nghiệp hiện nay sẽ bị thủ tiêu trước hết. Khủng hoảng sẽ chấm dứt; nền sản xuất mở rộng gây nên sản xuất thừa, trong chế độ xã hội hiện nay, và là nguyên nhân to lớn của nạn nghèo đói thì khi đó sẽ tỏ ra hoàn toàn không đủ nữa và cần phải có quy mô rộng lớn hơn rất nhiều. Số sản xuất thừa, hiện nay vượt quá những nhu cầu cấp thiết nhất của xã hội, sau này sẽ không còn gây ra cảnh nghèo đói, mà sẽ đảm bảo thỏa mãn nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội, sẽ làm nảy sinh những nhu cầu mới, đồng thời sẽ tạo nên những phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu mới đó. Nó sẽ là điều kiện và động cơ kích thích sự tiến bộ hơn nữa và nó sẽ thực hiện được sự tiến bộ đó mà không làm cho toàn bộ chế độ xã hội bị rối loạn từng thời kỳ một như trước kia nữa. Đại công nghiệp, thoát khỏi xiềng xích của chế độ tư hữu thì sẽ phát triển với những quy mô khiến cho đại công nghiệp hiện nay đem so sánh với đại công nghiệp ấy thì thật là nhỏ bé không đáng kể, giống như công trường thủ công so với đại công nghiệp của thời đại chúng ta vậy. Sự phát triển đó của công nghiệp sẽ làm cho xã hội có đủ sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội. Nông nghiệp cũng vậy, – trong nông nghiệp, do xiềng xích của chế độ tư hữu, do tình trạng phân tán của ruộng đất, nên rất khó áp dụng những sự cải tiến và những thành tựu của khoa học hiện có, – rồi đây cũng sẽ bước vào giai đoạn hoàn toàn mới, giai đoạn phồn vinh và sẽ cung cấp hoàn toàn đầy đủ sản phẩm cho

xã hội. Như vậy là xã hội sẽ sản xuất ra đầy đủ sản phẩm để tổ chức việc phân phối nhằm thỏa mãn nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội. Do đó, tình trạng xã hội phân chia thành các giai cấp khác nhau, đối địch với nhau, sẽ trở nên thừa. Nhưng tình trạng đó không những trở nên thừa, mà thậm chí còn không thể tương dung được với chế độ xã hội mới nữa. Các giai cấp sở dĩ tồn tại là do có phân công lao động, nhưng hình thức phân công lao động hiện nay sẽ hoàn toàn mất hẳn, vì muốn nâng sản xuất công nghiệp và nông nghiệp lên đến mức độ cao nói trên, mà chỉ có phương tiện cơ giới và hóa học phụ trợ thì không đủ. Còn cần phải phát triển một cách tương xứng năng lực của con người sử dụng những phương tiện đó nữa. Giống như trong thế kỷ trước, người nông dân và người công nhân công trường thủ công, sau khi được thu hút vào đại công nghiệp, đã thay đổi toàn bộ lối sống của họ và bản thân họ đã trở thành những con người hoàn toàn khác hẳn; hiện nay cũng vậy, việc tiến hành sản xuất tập thể bằng lực lượng của toàn xã hội và sự phát triển mới của nền sản xuất do việc đó mang lại, sẽ cần đến những con người hoàn toàn mới và sẽ tạo nên những con người mới đó. Những con người như hiện nay thì không thể tiến hành nền sản xuất mang tính chất xã hội được, vì mỗi một người đều bị phụ thuộc vào một ngành sản xuất nào đấy, bị cột chặt vào ngành sản xuất đó, bị ngành đó bóc lột, chỉ phát huy được *một* mặt của năng lực còn các mặt khác thì không phát huy được, vì chỉ biết có *một* ngành hay một bộ phận của ngành nào đấy trong toàn bộ nền sản xuất. Ngay nền công nghiệp hiện nay cũng ngày càng tỏ ra không thể sử dụng những con người như thế. Vậy thì nền công nghiệp do toàn xã hội thực hiện một cách tập thể và có kế hoạch lại càng cần có những con người có năng lực phát triển toàn diện, đủ sức tinh thông toàn bộ hệ thống sản xuất. Do đó, sự phân công lao động, hiện nay đã bị máy móc phá hoại, hiện nay đang biến người này thành nông dân, người kia thành thợ đóng giày, người thứ ba thành công nhân công xưởng, người thứ tư thành tên đầu cơ ở thị trường chứng

khoán, thì sau này sẽ hoàn toàn không còn nữa. Công tác giáo dục sẽ làm cho những người trẻ tuổi có khả năng nắm vững nhanh chóng toàn bộ hệ thống sản xuất trong thực tiễn, làm cho họ có thể lần lượt chuyển từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất nọ tùy theo nhu cầu của xã hội hoặc tùy theo sở thích của bản thân họ. Do đó, công tác giáo dục sẽ làm cho họ thoát khỏi tình trạng một chiều mà sự phân công lao động hiện nay đang buộc mỗi một người phải theo. Như vậy là một xã hội tổ chức theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa, sẽ làm cho những thành viên trong xã hội đó có khả năng sử dụng một cách toàn diện năng lực phát triển toàn diện của mình. Đồng thời các giai cấp khác nhau, nhất định cũng sẽ không còn nữa. Do đó, một mặt, xã hội tổ chức theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa sẽ không thể tương dung được với sự tiếp tục tồn tại của các giai cấp; mặt khác, bản thân sự xây dựng xã hội đó sẽ tạo nên phương tiện để thủ tiêu những sự khác nhau về giai cấp.

Vì vậy, sự đối lập giữa thành thị và nông thôn cũng sẽ không còn. Cũng những con người ấy sẽ làm cả lao động nông nghiệp lẫn lao động công nghiệp, chứ không cần phải giao hai công việc đó cho hai giai cấp khác nhau. Đó là điều kiện tất yếu của sự liên hợp cộng sản chủ nghĩa, sự liên hợp ấy là do những nguyên nhân hoàn toàn vật chất đưa đến. Tình trạng phân tán của dân cư làm nghề nông ở nông thôn, bên cạnh sự tập trung của dân cư làm công nghiệp ở các thành thị lớn, chỉ thích hợp với trình độ phát triển còn thấp của nông nghiệp và công nghiệp, tình trạng đó cản trở mọi sự phát triển hơn nữa; điều này hiện nay người ta đã cảm thấy rất rõ.

Sự liên hợp chung tất cả mọi thành viên trong xã hội nhằm mục đích cùng nhau khai thác lực lượng sản xuất một cách có kế hoạch; sự phát triển của sản xuất tới mức có thể thỏa mãn nhu cầu của mọi người; sự xóa bỏ tình trạng nhu cầu của số người này được thỏa mãn bằng cách hy sinh nhu cầu của số người khác;

sự tiêu diệt hoàn toàn các giai cấp và những sự đối lập giữa các giai cấp đó; sự phát triển toàn diện năng lực của tất cả mọi thành viên trong xã hội bằng cách xóa bỏ lối phân công cũ, tiến hành giáo dục về sản xuất, thay đổi các hình thức hoạt động, làm cho mọi người đều được hưởng những của cải do tất cả mọi người sản xuất ra và cuối cùng bằng cách hòa hợp thành thị với nông thôn – đó là những kết quả chủ yếu nhất của việc thủ tiêu chế độ tư hữu.

Câu hỏi thứ 21: Chế độ xã hội cộng sản sẽ có ảnh hưởng như thế nào đến gia đình?

Trả lời: Quan hệ nam nữ sẽ trở thành một công việc hoàn toàn tự nhiên, chỉ thuộc về những người hữu quan và xã hội không cần phải can thiệp vào. Điều đó có thể có được nhờ việc thủ tiêu chế độ tư hữu và nhờ công tác giáo dục của xã hội đối với thanh niên, kết quả là sẽ tiêu diệt được hai cơ sở của hôn nhân hiện tại gắn liền với chế độ tư hữu: vợ phụ thuộc vào chồng, con phụ thuộc vào cha mẹ. Đây cũng là một sự trả lời lại tiếng kêu la om sòm của những tên tiểu tư sản lên mặt đạo đức nói đến sự cộng thể của chủ nghĩa cộng sản. Cộng thể là một hiện tượng hoàn toàn thuộc về xã hội tư sản và hiện nay đang biểu hiện rất đầy đủ dưới hình thức mại dâm. Nhưng mại dâm là xây dựng trên chế độ tư hữu và sẽ mất đi cùng với chế độ tư hữu. Do đó, tổ chức cộng sản chủ nghĩa không những không đưa lại sự cộng thể mà trái lại còn tiêu diệt sự cộng thể.

Câu hỏi thứ 22: Tổ chức cộng sản sẽ có thái độ như thế nào đối với các dân tộc hiện đang tồn tại?

- Giữ lại¹⁶³.

Câu hỏi thứ 23: Nó sẽ có thái độ như thế nào đối với các tôn giáo hiện đang tồn tại?

- Giữ lại.

Câu hỏi thứ 24: Người cộng sản khác người xã hội chủ nghĩa ở chỗ nào?

Trả lời: Những người gọi là người xã hội chủ nghĩa, chia ra làm 3 loại.

Loại thứ nhất gồm những người ủng hộ xã hội phong kiến và gia trưởng là xã hội đã bị tiêu diệt và càng ngày càng bị tiêu diệt bởi đại công nghiệp, bởi thương nghiệp thế giới và bởi xã hội tư sản do đại công nghiệp và thương nghiệp thế giới tạo nên. Căn cứ vào những tai họa của xã hội hiện tại, loại người này đi đến kết luận rằng: cần phải khôi phục lại xã hội phong kiến và gia trưởng, vì xã hội đó không có những tai họa như vậy. Tất cả những lời đề nghị của họ, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, đều nhằm mục đích đó. Người cộng sản bao giờ cũng kiên quyết đấu tranh với loại người xã hội chủ nghĩa *phản động* này, mặc dù loại này giả thông cảm với cảnh nghèo đói của giai cấp vô sản và khóc sụt sùi trước tình cảnh ấy. Bởi vì những người xã hội chủ nghĩa đó:

1) mong muốn những cái hoàn toàn không thể có được;

2) mưu đồ khôi phục lại nền thống trị của quý tộc, của thợ cả phường hội và của chủ công trường thủ công cùng một loạt bọn quân chủ chuyên chế hay phong kiến, bọn quan lại, bọn lính tráng và cha cố; họ muốn khôi phục lại một xã hội đã đành là sẽ không có những tệ xấu của xã hội hiện đại, nhưng ít nhất cũng sẽ mang đến những tai họa khác giống như vậy; hơn nữa sẽ không mở ra được những triển vọng nào khiến cho thông qua một tổ chức cộng sản chủ nghĩa mà giải phóng được công nhân bị áp bức;

3) luôn luôn để lộ tâm địa thật của họ ra, khi giai cấp vô sản trở thành một giai cấp cách mạng và cộng sản. Trong những lúc này, họ lập tức hợp nhất với giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản.

Loại thứ hai gồm những người ủng hộ xã hội hiện tại; những tai họa do xã hội đó đẻ ra, buộc họ phải lo sợ cho sự tồn tại của xã hội đó. Do đó, họ muốn bảo vệ xã hội hiện tại, nhưng lại muốn xóa bỏ những tai họa do xã hội hiện tại gây ra. Muốn thế, một

số người đề ra những biện pháp từ thiện giản đơn; một số khác thì đề ra những kế hoạch cải cách đồ sộ, viện có cải tổ lại xã hội, những kế hoạch này nhằm mục đích bảo vệ những cơ sở của xã hội hiện nay và do đó bảo vệ bản thân xã hội hiện nay. Người cộng sản cũng phải đấu tranh không mệt mỏi chống *những người xã hội chủ nghĩa tư sản* đó, vì hoạt động của bọn họ là có lợi cho kẻ thù của người cộng sản và vì bọn họ bảo vệ một chế độ xã hội mà người cộng sản muốn phá bỏ.

Cuối cùng, loại thứ ba gồm có những người xã hội chủ nghĩa dân chủ. Đi theo cùng con đường với những người cộng sản, họ muốn thực hiện một phần những biện pháp nêu ra trong câu hỏi...^{1*}, nhưng không coi đó là những biện pháp quá độ dẫn đến chủ nghĩa cộng sản, mà coi đó là những biện pháp đầy đủ để xóa bỏ cảnh nghèo nàn và những tai họa của xã hội hiện nay. *Những người xã hội chủ nghĩa dân chủ* đó thì hoặc là những người vô sản chưa am hiểu đầy đủ những điều kiện giải phóng giai cấp mình, hoặc là những đại biểu của giai cấp tiểu tư sản, tức là của một giai cấp mà trên nhiều mặt, có quyền lợi giống như vô sản trong việc giành chế độ dân chủ và trong việc thực hiện những biện pháp xã hội chủ nghĩa xuất phát từ chế độ dân chủ đó. Cho nên, người cộng sản, trong lúc hoạt động, sẽ liên hiệp với những người xã hội chủ nghĩa dân chủ và nói chung trong thời gian đó, phải cố sức duy trì một chính sách chung với họ, chỉ cần là họ không phục vụ giai cấp tư sản thống trị và không tấn công những người cộng sản. Cổ nhiên việc hoạt động chung không gạt bỏ việc tranh luận về những ý kiến bất đồng giữa họ với người cộng sản.

Câu hỏi thứ 25: Người cộng sản sẽ có thái độ như thế nào đối với các chính đảng khác trong thời đại chúng ta?

Trả lời: Thái độ sẽ khác nhau ở trong các nước khác nhau. – Ở Anh, Pháp và Bỉ là nơi mà giai cấp tư sản thống trị thì tạm thời

^{1*} Trong bản thảo bỏ trống, đây có ý nói đến câu hỏi thứ 18.

người cộng sản còn có những quyền lợi chung với các đảng phái dân chủ. Hơn nữa, những người dân chủ càng đi gần đến mục đích của người cộng sản trong những biện pháp xã hội chủ nghĩa mà hiện nay những người dân chủ ở khắp nơi đều bênh vực, tức là họ càng bênh vực quyền lợi của giai cấp vô sản một cách rõ ràng và dứt khoát, càng dựa vào giai cấp vô sản thì quyền lợi chung nói trên càng lớn. Ví dụ như ở Anh, những người tham gia phong trào Hiến chương mà là công nhân thì nhất định sẽ gần người cộng sản hơn những người tiểu tư sản dân chủ hay những người gọi là cấp tiến.

Ở Mỹ là nơi đã có hiến pháp dân chủ, người cộng sản sẽ cần phải ủng hộ đảng muốn quay bản hiến pháp đó chống lại giai cấp tư sản và muốn dùng bản hiến pháp đó để mưu lợi ích cho giai cấp vô sản, tức là ủng hộ đảng của những người ủng hộ cuộc cải cách ruộng đất trong nước.

Ở Thụy Sĩ, những người cấp tiến, mặc dù họ còn là một đảng mà thành phần rất phức tạp, nhưng họ là những người duy nhất mà người cộng sản có thể liên hiệp được; trong hàng ngũ những người cấp tiến đó thì những người cấp tiến bang Va-át-tơ và Giơ-ne-vơ lại là những người tiến bộ nhất.

Cuối cùng, ở Đức cuộc đấu tranh quyết liệt giữa giai cấp tư sản và chế độ quân chủ chuyên chế còn chưa diễn ra. Nhưng vì người cộng sản không thể hy vọng rằng họ sẽ phải tiến hành một cuộc chiến đấu quyết định với giai cấp tư sản trước khi giai cấp tư sản giành được quyền thống trị, nên vì lợi ích của mình, người cộng sản có thể giúp đỡ cho giai cấp tư sản mau giành được quyền thống trị, để sau đó đến lượt mình sẽ lật đổ nó càng nhanh càng hay. Như vậy là trong cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản tự do với các chính phủ, người cộng sản bao giờ cũng phải đứng về phía giai cấp tư sản tự do, nhưng phải coi chừng sự tự dối mình của giai cấp tư sản, không nên tin vào những lời thuyết phục đầy sức

quyền rũ của giai cấp tư sản về những kết quả tốt đẹp mà thắng lợi của giai cấp tư sản sẽ mang lại cho giai cấp vô sản. Thắng lợi của giai cấp tư sản chỉ mang lại cho người cộng sản những điều lợi duy nhất sau đây: 1) một vài sự nhượng bộ nào đấy làm cho người cộng sản dễ dàng bảo vệ, thảo luận và truyền bá những nguyên tắc của mình và do đó sẽ làm cho giai cấp vô sản dễ tập hợp thành một giai cấp có tổ chức, đoàn kết chặt chẽ, sẵn sàng xông ra chiến đấu và 2) sự tin tưởng rằng một khi các chính phủ chuyên chế sụp đổ thì tức là sẽ đến lượt đấu tranh giữa tư sản và vô sản. Kể từ ngày đó, chính sách của đảng cộng sản ở những nơi này cũng sẽ giống như ở những nước mà giai cấp tư sản đã chiếm được địa vị thống trị.

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào cuối tháng Mười-
tháng Mười một 1847
Đã in lần đầu tiên thành sách riêng vào
năm 1914*

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH. ĂNG-GHEN

CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT CỦA PHÁI HIỂN CHƯƠNG¹⁶⁴

Chừng hai năm trước đây các công nhân thuộc phái Hiến chương đã lập ra một hội liên hiệp nhằm mục đích tậu ruộng đất và phân chia nó cho các hội viên của hội này dưới hình thức các trang trại nhỏ. Bằng cách này người ta hy vọng giảm bớt tình trạng cạnh tranh vô hạn độ giữa các công nhân công nghiệp, sau khi đã loại trừ bộ phận công nhân này ra khỏi thị trường lao động và đã tạo ra giai cấp tiểu nông hoàn toàn mới và dân chủ xét về thực chất của nó. Dự án này mà tác giả không phải ai khác chính là Phéc-giuýt Ô' Cô-no, đã thành công tới mức là trong hàng ngũ *Hội ruộng đất của phái Hiến chương* đã có từ hai trăm đến ba trăm nghìn hội viên^{1*}, hội có quỹ xã hội là 60 000 p.xt. (một triệu rưỡi phrăng), còn những khoản thu mới mà tin tức về chúng được công bố trên tờ "Northern Star" thì mỗi tuần đã vượt quá 2500 p.xt.. Tóm lại, hội này, mà tôi dự định ít bữa nữa sẽ báo cáo tỉ mỉ hơn với quý vị, đã phát triển tới mức nó làm cho tầng lớp quý

^{1*} Trong bản tiếng Anh của bài này, đăng trên tờ "Northern Star" số 524, ngày 6 tháng Mười một 1847, thay cho những chữ: "từ hai trăm đến ba trăm nghìn hội viên" là những chữ "một số lượng lớn hội viên".

tộc ruộng đất phải lo ngại; rõ ràng là nếu phong trào này vẫn sẽ lớn mạnh với quy mô như đã có từ trước tới nay, thì cuối cùng nó sẽ mang hình thức một cuộc vận động toàn dân đòi chuyển toàn bộ ruộng đất vào tay nhân dân. Hội này cũng không hợp với khẩu vị giai cấp tư sản; nó nhìn thấy ở hội chiếc đòn xeo trong tay nhân dân, chiếc đòn xeo sẽ cho phép họ tự giải phóng mà không cần sự giúp đỡ của giai cấp trung gian. Đặc biệt là điều này có liên quan đến giai cấp tiểu tư sản ít nhiều có xu hướng tự do, một giai cấp có thái độ rất ác cảm với Hội ruộng đất bởi vì giờ đây nó phát hiện ra rằng, phái Hiến chương phụ thuộc vào sự ủng hộ của nó ít hơn rất nhiều so với trước khi thành lập hội này. Hơn thế nữa, những người cấp tiến nhất đó không thể giải thích được thái độ thờ ơ của nhân dân đối với họ, mà thái độ ấy là hậu quả tất yếu của thái độ lãnh đạm của bản thân họ đối với nhân dân, họ vẫn ngoan cố tiếp tục những trận công kích liên tục của họ vào ông Ô' Cô-no, miêu tả ông như trở ngại duy nhất trong việc hợp nhất đảng Hiến chương với đảng cấp tiến. Việc thành lập Hội ruộng đất là sự nghiệp của Ô' Cô-no, và thế cũng đủ để gây ra tất cả sự thù ghét của các nhà tư sản cấp tiến đối với hội này ở mức độ này hay mức độ khác. Lúc đầu họ không đếm xỉa đến nó; còn khi đã thấy không thể tiếp tục âm mưu im hơi lặng tiếng được nữa, họ cố chứng minh rằng nguyên tắc tổ chức của hội tất nhiên chuốc lấy cho hội sự phá sản nhục nhã nhất; sau hết, khi ngay cả thủ đoạn đó cũng không thể ngăn trở hội phát triển, họ lại quay về với chiến thuật mà đã mười năm nay họ không ngừng vận dụng nhằm chống lại ông Ô' Cô-no, và lần nào cũng chẳng mấy may thành công. Họ cố khơi lên thái độ hoài nghi đối với bộ mặt đạo đức của ông, nghi ngờ tính liêm khiết của cá nhân ông, tước đoạt của ông quyền nhân danh đại biểu toàn quyền không thể bị mua chuộc và không đòi hỏi trả công của công nhân. Còn khi ông Ô' Cô-no cho công bố trước đây ít lâu bản quyết toán hàng năm của ông thì, như có sự thỏa thuận với nhau từ trước rồi, sáu tờ

báo ít nhiều cấp tiến liền mở chiến dịch chống ông. Đó là các tờ: "Weekly Dispatch", "Globe", "Nonconformist", "Manchester Examiner", "Lloyd's Weekly Newspaper" và "Nottingham Mercury". Các tờ báo này buộc ông Ô' Cô-no tội tham ô và đánh cắp vô liêm sỉ nhất, cố dùng những con số mượn ngay ở bản quyết toán ấy để làm bằng chứng cho lời buộc tội ấy, hoặc dù sao thì cũng làm cho lời buộc tội ấy có vẻ đúng sự thật. Hoàn toàn không thỏa mãn với chuyện này, họ bắt đầu bới móc trong đời tư của nhà cổ động nổi tiếng: để chống lại ông, họ đã chất lên hàng núi những lời buộc tội, tội nọ nặng hơn tội kia, và các đối thủ của ông có thể trông đợi rằng ông sẽ ngã dưới sức nặng của những lời buộc tội ấy. Nhưng Ô' Cô-no, người đã mười năm nay không ngừng đấu tranh với cái gọi là báo chí cấp tiến, không khom lưng dưới trận mưa những lời công kích vu khống đó. Trên tờ "Northern Star" ra ngày 23 tháng này ông đã cho công bố bài trả lời sáu tờ báo đó. Trong bài trả lời này – một kiệt tác của nghệ thuật bút chiến, giống như những bài văn đả kích xuất sắc nhất của *Uy-li-am Cóp-bét*, – ông đã bác bỏ hết lời buộc tội này đến lời buộc tội khác và, đến lượt ông chuyển sang tấn công, đả kích sáu vị chủ bút, dồn họ vào một tình thế cực kỳ nguy hiểm và tỏ cho họ thấy thái độ khinh bỉ ngạo nghễ của ông. Đương nhiên, điều đó cũng hoàn toàn đủ để biện minh cho Ô' Cô-no trước con mắt của nhân dân. Trên tờ "Northern Star" ra ngày 30 tháng này có tổng kết cuộc bỏ phiếu tín nhiệm ông Ô' Cô-no, được tiến hành tại các cuộc họp công khai của phái Hiến chương ở trên năm mươi địa điểm. Nhưng Ô' Cô-no muốn dành cho các đối thủ của ông khả năng lên tiếng chống lại ông trước mặt nhân dân. Ông yêu cầu họ có mặt tại các cuộc họp công chúng ở Man-se-xơ và Nốt-tinh-hêm và đưa bằng chứng về những lời buộc tội của họ. Không có ai trong bọn họ đến dự. Tại Man-se-xơ, Ô' Cô-no đã nói suốt bốn giờ đồng hồ trước một cuộc họp đông trên mười nghìn người,

những người này đã đáp lại bài nói của ông bằng những tràng vỗ tay vang dậy và nhất trí bày tỏ sự tín nhiệm của họ đối với ông. Thính giả đông tới mức, ngoài cuộc mít-tinh lớn trong đó Ô' Cô-no đích thân lên tiếng bào chữa cho mình, đã phải tổ chức một cuộc mít-tinh khác trên quảng trường, tại đây mấy diễn giả đã diễn thuyết trước mười hoặc mười lăm nghìn người không thể lọt được vào hội trường.

Ngay sau những cuộc mít-tinh, Ô' Cô-no liền tuyên bố quyền góp tiền và thu hội phí của các hội viên Hội ruộng đất, và số tiền ông thu được ngay buổi chiều hôm ấy đã vượt một nghìn pao xtéc-linh (25 000 phrăng).

Tại Nốt-tinh-hêm, nơi mà vào ngày hôm sau Ô' Cô-no đã triệu tập một trong số những cuộc họp lớn nhất từ trước tới nay, bài nói của ông cũng đã gây nên không khí hào hứng như vậy trong nhân dân.

Ít ra cũng đã hàng trăm lần Ô' Cô-no bằng cách như vậy đã giành được thắng lợi rực rỡ đối với báo chí tư sản hay đặt điều vu khống. Giữ thái độ điềm tĩnh giữa tất cả những trận công kích ấy, nhà yêu nước không mệt mỏi vẫn tiếp tục sự nghiệp của ông, và sự tín nhiệm tuyệt đối của nhân dân Anh đối với ông là bằng chứng hùng hồn nói lên lòng dũng cảm, nghị lực và tính chất không thể bị mua chuộc của ông.

Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 30 tháng Mười 1847

Đã đăng trên báo "La Réforme" ngày 1 tháng Mười một 1847

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp*

PH. ĂNG-GHEN

BỮA TIỆC CỦA PHÁI HIỂN CHƯƠNG NHÂN CUỘC BẦU CỬ NĂM 1847¹⁶⁵

Bức thư hôm kia của tôi, tôi dành để biện hộ cho phái Hiến chương và vị lãnh tụ của họ, Phéc-giuyt Ô' Cô-no, chống lại những đòn công kích của báo chí của phái cấp tiến tư sản^{1*}. Hôm nay tôi vô cùng hài lòng được thông báo với quý vị một sự kiện xác nhận những ý kiến nhận định của tôi về tính chất của hai đảng. Các ngài sẽ có khả năng để tự phán đoán xem cảm tình của lực lượng dân chủ Pháp phải ở phía nào: ở phía phái Hiến chương là những người dân chủ chân thành ấy, những người dân chủ không có ý nghĩa đen tối ấy, – hay là ở phía những người cấp tiến tư sản, những người hết sức thận trọng tránh sử dụng ngay cả những từ *Hiến chương nhân dân*, *quyền phổ thông đầu phiếu* và giới hạn ở chỗ tuyên bố họ là những người ủng hộ *quyền bầu cử đầy đủ*¹⁶⁶.

Tháng trước ở Luân Đôn có tổ chức một bữa tiệc mừng thắng lợi mà công luận dân chủ đã giành được trong cuộc bầu cử vừa rồi. Có mời mười tám nghị sĩ cấp tiến, nhưng vì sáng kiến tổ chức bữa tiệc này thuộc về phái Hiến chương nên trừ Ô' Cô-no ra, không có ai trong số các vị ấy tới dự cả. Thái độ của những người cấp

^{1*} Xem tập này, tr. 481-484.

tiền, như chúng ta thấy, cho phép đoán trước được họ sẽ trung thành tới mức nào đối với những điều họ đã hứa hẹn trong thời gian bầu cử vừa rồi.

Công việc vẫn xuôi xẻ ngay cả khi không có họ tham dự, hưởng hồ, họ có cử tới dự tiệc một trong số các vị đại biểu xứng đáng của họ, bác sĩ Êp-xơ, một người có tâm hồn nhút nhát, một nhà cải lương nhỏ nhen, có thái độ ôn hòa đối với mọi người trên thế gian này, trừ những người hăng hái và có nghị lực, tán thành các quan điểm của chúng ta; đó là một nhà từ thiện tư sản, một người mà, theo lời ông ta, chấy bỏng khát vọng mang lại tự do cho nhân dân, nhưng sẽ không muốn cho nhân dân tự giải phóng lấy mình, nếu không có sự giúp đỡ của ông ta, – tóm lại, một tín đồ xứng đáng của chủ nghĩa cấp tiến tư sản.

Bác sĩ Êp-xơ đọc diễn văn nâng cốc đầu tiên *chúc mừng chủ quyền của nhân dân*, nhưng giọng điệu lạnh nhạt chung trong bài nói của ông ta, tuy có vài câu văn ít nhiều có nhiệt tình, đã làm cho những người họp mặt nhiều lần phải than phiền.

"Tôi không nghĩ rằng", – ông ta nói, – "chủ quyền của nhân dân có thể được giành lấy bằng cách mạng. Người Pháp đã đấu tranh trong vòng ba ngày nhưng người ta đã lừa lọc đánh cắp của họ chủ quyền quốc gia. Tôi cũng không nghĩ rằng có thể đạt được nó bằng những bài diễn văn dài dòng. Kẻ nào nói ít hơn thì làm nhiều hơn. Tôi không thích những người hay làm rùm beng; nhiều việc lớn đã được làm nên không phải bằng những câu văn đao to búa lớn".

Những từ công kích gián tiếp đó chống lại phái Hiến chương đã gặp phải vô vàn biểu hiện không tán thành. Mà làm sao lại có thể khác đi được, đặc biệt là khi bác sĩ Êp-xơ nói thêm như sau:

"Người ta vu khống giai cấp tư sản trước công nhân; hình như giai cấp tư sản không phải chính giai cấp duy nhất có thể giành được cho công nhân các quyền chính trị. (Có nhiều tiếng hô: "Không phải! Không phải!") Không phải ư? Chẳng lẽ những người tư sản không phải là cử tri? Mà chẳng lẽ không phải là duy chỉ có cử tri mới có thể đem lại quyền bầu cử cho những ai không có quyền đó? Trong các vị đây phải chăng tìm ra được dù chỉ lấy một người sẽ không trở thành nhà tư sản

một khi có thể trở thành nhà tư sản? Ô, nếu như công nhân muốn cai rượu và thuốc lá thì họ sẽ còn có tiền để tiến hành công tác cổ động chính trị và họ sẽ có được cái sức mạnh thúc đẩy sự nghiệp giải phóng của họ" v.v. và v.v..

Lời lẽ của các vị không tán thành Ô' Cô-no và phái Hiến chương là như thế đó!

Những diễn giả phát biểu sau ông Êp-xơ đã đập lại – giữa tiếng vỗ tay nổi lên nhiều lần của hội nghị – vị bác sĩ cấp tiến cùng những luận điệu kỳ quặc của ông ta một cách kiên quyết và oai nghiêm.

Ông Mác-Grát uỷ viên Ban chấp hành Hội Hiến chương¹⁶⁷ nhắc nhở là nhân dân không được tin vào giai cấp tư sản, họ phải giành lấy quyền lợi của họ bằng sức mạnh của bản thân: đối với nhân dân mà đi van xin những gì vốn thuộc về họ như xin của bố thí, sẽ làm hạ thấp phẩm giá của họ.

Ông Giôn-xơ nhắc những người họp mặt rằng giai cấp tư sản bao giờ cũng bỏ quên nhân dân. Còn lúc này, ông nói, thấy phái dân chủ có những thành công, giai cấp tư sản đang tìm mọi cách sử dụng nó để lật đổ tầng lớp quý tộc ruộng đất, để rồi đè bẹp phái dân chủ ngay khi mục tiêu mà giai cấp tư sản đang theo đuổi, sẽ đạt được.

Phản đối ông Êp-xơ một cách thẳng thắn hơn, ông Ô' Cô-no đặt ra cho ông ta một câu hỏi: ai, nếu không phải giai cấp tư sản, đã trút lên đất nước cái gánh nợ nần to lớn nặng quá sức? Ai, nếu không phải giai cấp tư sản, đã tước mất của công nhân các quyền lợi chính trị và xã hội? Ai, mới chiều nay thôi đã khước từ lời mời của nhân dân, nếu không phải mười bảy vị tư sản đáng kính mà những người dân chủ đã dồn phiếu cho họ một cách hấp tấp như vậy? Không, không, nhà tư bản sẽ không bao giờ là người đại biểu cho lao động! Ký một hòa ước giữa hồ và cừ non sẽ còn dễ hơn là thiết lập sự nhất trí về tình cảm và lợi ích giữa nhà tư bản và công nhân!

Ông Hác-ni, chủ bút tờ "Northern Star" đọc diễn văn nâng cốc

sau cùng: "Xin chúc mừng những người anh em của chúng ta, những người dân chủ ở tất cả các nước! Chúc mừng sự thành công của những cố gắng của họ trong cuộc đấu tranh nhằm thiết lập tự do và bình đẳng!" Vua chúa, quý tộc, linh mục, tư bản ở tất cả các nước, ông nói, đã liên hiệp lại với nhau. Mong rằng, những người dân chủ ở tất cả các nước cũng noi theo cái gương đó! Ở khắp mọi nơi lực lượng dân chủ đang tiến bước nhanh chóng. Tại Pháp những bữa tiệc ủng hộ cải cách bầu cử nối tiếp nhau diễn ra, và phong trào cũng có những quy mô đưa tới kết quả thuận lợi. Chúng ta hy vọng rằng lần này thì ích lợi của cuộc cổ động này sẽ tới được với quần chúng và cuộc cải cách mà các bạn Pháp giành được sẽ khả quan hơn cuộc cải cách chúng ta đạt được năm 1831¹⁶⁸.

Chừng nào toàn bộ chủ quyền còn chưa hoàn toàn thuộc về dân tộc thì không thể có cải cách thật sự; không thể có chủ quyền dân tộc chừng nào những nguyên tắc của bản hiến pháp năm 1793 còn chưa được thực hiện.

Sau đây ông Hác-ni đã mô tả những thành tựu của lực lượng dân chủ ở Đức, ở I-ta-li-a và ở Thụy Sĩ; để kết luận ông tuyên bố rằng, về phần mình, ông rất kiên quyết quét sạch những thứ lý luận kỳ quặc về các quyền lợi của giai cấp tư sản mà ông Êp-xơ đã phát triển.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 1 tháng Mười
một 1847
Đã đăng trên báo "La Réforme" ngày 6 tháng
Mười một 1847*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp*

PH. ĂNG-GHEN

BẢN TUYÊN NGÔN CỦA ÔNG LA-MÁC-TIN

Mới đây trên các cột báo của ngài có đăng cái tác phẩm nghệ thuật lý thú ấy¹⁶⁹. Nó chia thành hai phần có phân định giới hạn rạch ròi: các biện pháp *chính trị* và các biện pháp *xã hội*. Về các biện pháp *chính trị* thì tất cả những biện pháp ấy, không trừ một biện pháp nào, đều được vay mượn hầu như nguyên vẹn ở bản hiến pháp năm 1791; nói cách khác, những biện pháp ấy là sự quay trở lại với những yêu sách của giai cấp tư sản trong thời kỳ đầu của cách mạng. Vào những năm đó toàn bộ giai cấp tư sản, thậm chí cả các chủ xí nghiệp nhỏ, đều chia nhau quyền lực chính trị, còn hiện nay con đường dẫn tới chính quyền chỉ dành cho các nhà đại tư bản. Vậy thì trong trường hợp đó ý nghĩa của các biện pháp chính trị mà ông La-mác-tin đưa ra là gì? Là trao quyền quản lý nhà nước vào tay các tầng lớp bên dưới của giai cấp tư sản, nhưng dưới chiêu bài trao nó cho toàn dân (ý nghĩa của việc đòi quyền phổ thông đầu phiếu với chế độ bầu cử hai cấp của ông ta là như vậy và chỉ có vậy mà thôi). Còn các biện pháp *xã hội* của ông ta thì sao? Hoặc đó là những biện pháp giả định rằng quyền lực chính trị đã chuyển vào tay nhân dân do kết quả của một cuộc cách mạng thành công, thí dụ như, giáo dục phổ cập

không mất tiền; hoặc đó là những biện pháp từ thiện thuần túy, tức là những biện pháp có sứ mệnh làm suy yếu nghị lực cách mạng của những người vô sản; hoặc đó chỉ đơn thuần là những câu văn rất kêu mà chẳng mang ý nghĩa thực tiễn gì, đại loại như xóa bỏ nạn nghèo đói bằng một đạo luật đặc biệt, thủ tiêu những tai họa xã hội bằng con đường lập pháp, thành lập bộ dân sinh v.v.. Bởi vậy, những biện pháp này hoặc hoàn toàn chẳng có ích lợi gì cho nhân dân, hoặc được nhằm để thỏa mãn những nhu cầu của nhân dân chỉ tới mức đảm bảo được tình trạng an ninh xã hội ở một chừng mực nhất định, hoặc đó chỉ là những lời hứa suông không ai có thể thực hiện được, – và ở hai trường hợp cuối cùng này chúng chẳng những không có lợi mà còn có hại. Nói tóm lại, cả về phương diện xã hội lẫn phương diện chính trị ông La-mác-tin tỏ ra là một đại biểu trung thành của giới chủ xí nghiệp nhỏ, của tầng lớp bên dưới của giai cấp tư sản, và với tư cách đó ông ta chia sẻ cái ảo tưởng vốn có ở giai cấp ấy, tưởng chừng như mình đại diện cho nhân dân lao động. Ở cuối bản tuyên ngôn, ông ta tỏ ra ngu ngốc đến nỗi đi yêu cầu chính phủ ủng hộ những biện pháp của ông ta. Nhưng chính cái chính phủ hiện nay của các nhà đại tư bản sẽ chấp nhận làm gì cũng được, miễn đừng có phải làm chính việc ấy thôi. Vì vậy, tờ "Réforme" hoàn toàn đúng khi nó, mặc dù rất có thiện chí, trân trọng những nguyện vọng tốt đẹp của ông ta, đã phủ nhận tính chất hữu dụng của chính những biện pháp của ông ta cũng như phương pháp mà ông ta lựa chọn để thực hiện chúng.

"Đương nhiên", – tờ "Réforme" viết, – "đó là những lời lẽ tốt đẹp biểu lộ một trái tim lớn, một tâm hồn đồng tình với sự nghiệp chính nghĩa. Dưới lớp từ ngữ ấy người ta cảm thấy rõ ràng nhịp đập của trái tim bác ái, và đối với các nhà thơ và các nhà triết học của chúng ta, những lời lẽ ấy cũng có tác dụng cổ vũ y như những câu châm ngôn của Pla-tôn ở Hy Lạp vào thời Pê-ri-clét. Nhưng chúng ta giờ đây sống rất xa thời Pê-ri-clét, chúng ta sống trong thời kỳ trị vì của các ngài Rốt-sin, Phuy-n-si-rông và Duy-sa-ten, nói cách khác là của tam vị nhất thể hiện thân của đồng tiền, sự khiếp sợ và cảnh sát; lợi nhuận, các đặc quyền và đội hiến binh cai

quản chúng ta. Chẳng lẽ ông La-mác-tin lại hy vọng rằng đáp lại lời kêu gọi thiết lập chủ quyền dân tộc và tình bác ái xã hội của ông, cái liên minh của những lợi ích câu kết chặt chẽ với nhau ấy, cái Đồng minh đặc biệt^{1*} của vàng bạc, cấp bậc và độc quyền ấy sẽ đầu hàng và hạ vũ khí hay sao? Bởi chừng trong lĩnh vực của cái ác, cũng như trong lĩnh vực của cái thiện, mọi cái trong thế giới chúng ta đều gắn bó với nhau, cái nọ hỗ trợ cái kia, không có cái gì tồn tại cô lập; và đây là nguyên nhân làm cho ngay cả những bản cương lĩnh cao cả nhất của ngài nghị sĩ ở xứ Ma-côn^{2*} cũng sẽ bay đi như cơn gió thoảng mùa hạ thơm ngát, sẽ tắt ngấm như âm thanh trống rỗng của chiếc kèn chuông nào, chúng còn bị đánh dấu bằng cái vết chàm của bất kỳ thứ độc quyền nào, tức sự vi phạm theo kiểu phong kiến quyền lợi và bình đẳng. Và cái liên minh của các giai cấp có đặc quyền đó cấu kết đặc biệt chặt chẽ chính vào lúc này, khi mà hệ thống chính phủ đang bị sự khiếp đảm chi phối.

Còn về những thể chế mà ông đề ra thì chính giới trong nước cùng các thủ lĩnh của nó gọi những thứ đó là đường phèn triết học: các ngài Duy-sa-ten và Ghi-dô sẽ giễu cợt chúng, và nếu như nghị sĩ ở xứ Ma-côn không tìm đâu ra vũ khí và binh lính để bảo vệ những tư tưởng của mình thì cho tới cuối đời, ông vẫn sẽ chỉ nói những lời đẹp đẽ và sẽ không tiến được một bước nào! Còn nếu như ông kêu gọi không phải chính phủ, mà là hàng triệu nhân dân thì chúng ta sẽ nói với ông ta rằng ông đi không đúng đường và sẽ không bao giờ tranh thủ được về phía hệ thống của ông – chế độ bầu cử nhiều cấp, thuế khóa có lợi cho người nghèo và việc làm từ thiện – cả cách mạng lẫn những con người có suy nghĩ, cũng như nhân dân. Những nguyên tắc phục hưng xã hội và chính trị đã được tìm ra từ năm mươi năm về trước. Quyền phổ thông đầu phiếu, bầu cử trực tiếp, tiền lương cho các đại biểu nhân dân – đó là những điều kiện cơ bản của chủ quyền chính trị. Bình đẳng, tự do, bác ái – đó là những nguyên tắc sẽ phải điều hành mọi thể chế xã hội. Còn đây, thuế tề bản còn xa mới dựa trên tình bác ái và đồng thời nó còn là sự phủ định có tính chất sĩ nhục, dù là rất bất lực, đối với nguyên tắc bình đẳng. Chúng ta cần không phải cái tính thực tiễn của giai cấp tư sản Anh mà là một chế độ xã hội

^{1*} - Đồng minh đặc biệt (ám chỉ Đồng minh đặc biệt ở Thụy Sĩ là một liên minh phản động gồm bảy bang công giáo).

^{2*} - của La-mác-tin.

— kinh tế hoàn toàn mới, nó sẽ thực hiện các quyền lợi và sẽ thỏa mãn các nhu cầu của tất cả mọi công dân".

Mấy ngày sau, bản tuyên ngôn thứ hai của ông La-mác-tin về chính sách đối ngoại của Pháp, được công bố. Trong đó ông ta khẳng định rằng phương thức hòa hoãn mà Chính phủ Pháp theo đuổi từ năm 1830, là cách hành động duy nhất đúng đắn. Ông ta dùng những câu văn bay bướm để che đậy hành vi đê tiện của Chính phủ Pháp, kẻ lúc đầu đã xúi giục I-ta-li-a và các nước khác vùng lên khởi nghĩa rồi sau thì bỏ mặc họ cho số phận. Chúng tôi xin dẫn câu trả lời hùng hồn của tờ "Réforme" đối với bản tuyên ngôn đường mật ấy:

"Thù đoạn hợp pháp và duy nhất để giải phóng chúng ta — cuộc chiến tranh thần thánh vì các nguyên tắc — bị ông La-mác-tin đem hy sinh cho thuyết hòa hoãn, thuyết này sẽ vẫn chỉ là biểu hiện đơn thuần của sự nhu nhược, là sự dối trá và thậm chí là một hành vi phản bội, chừng nào mà các quan hệ giữa các dân tộc còn dựa trên chính sách của các nhà ngoại giao và chủ nghĩa vị kỷ của các chính phủ. Còn phải nói gì nữa, hòa bình — đó là yêu cầu cuối cùng của văn minh; nhưng hòa bình với Ni-cô-lai, Nga hoàng thì có nghĩa lý gì? Kẻ áp bức hàng loạt dân tộc, tên đao phủ đưa con em họ lên giá treo cổ, tiến hành cuộc chiến tranh tàn khốc thậm chí để chống lại những niềm hy vọng và hoài ước, dìm một đất nước vĩ đại, tươi đẹp trong máu và nước mắt! Đối với nhân loại, đối với nền văn minh, đối với bản thân nước Pháp thì một nền hòa bình với tên đao phủ điên cuồng đó có khác nào sự hèn nhát; đối với công lý, đối với pháp lý, đối với cách mạng thì nó khác nào một tội ác! Hòa bình với Mét-téc-ních, kẻ chuyên thuê mướn những lũ giết người, kẻ tước đoạt tự do của hàng loạt dân tộc, vì lợi ích của một tên mắc bệnh động kinh đội vương miện, — có nghĩa là gì? Hòa bình với tất cả những tên Xê-da ti tiện ấy của châu Âu, những kẻ phóng đảng đã phá sản hoặc những tên giả nhân giả nghĩa đê mạt hôm nay để lấy lòng bọn dòng Tên còn ngày mai lại lấy lòng một người đàn bà phóng đảng, — như thế có nghĩa là gì? Hòa bình với Chính phủ Anh mang thói quý tộc và tính con buôn, tên bạo chúa trên biển, kẻ bóp nghẹt tự do của Bồ Đào Nha, một chính phủ bóp nặn tiền bạc thậm chí của những người áo rách tả tơi thuộc nhân dân nước mình, — cái đó có nghĩa là gì? Chúng tôi xin nhắc lại, đối với một nước cách mạng thì hòa bình với những tên cho vay nặng lãi đó, với những tên đầu độc đó là sự hèn nhát, sự nhục nhã, tội ác, sự sa

đọa về tinh thần, sự phá sản chẳng những về lợi ích mà còn về chính nghĩa và danh dự nữa".

Các tờ báo khác ở Pa-ri cũng bày tỏ ý kiến không tán thành đối với những điểm khác nhau trong cương lĩnh của ông La-mác-tin. Tuy nhiên, ông ta vẫn tiếp tục giải thích các nguyên tắc của bản cương lĩnh đó trên tờ báo "Bien Public"¹⁷⁰ của ông ta xuất bản tại Ma-côn. Mấy tháng nữa chúng ta sẽ có thể nhận định được *bước đi mới* của ông ta sẽ gây ấn tượng như thế nào đối với hạ nghị viện.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Mười một 1847

Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 525, ngày 13 tháng Mười một 1847 với lời chú thích của ban biên tập: "Theo phóng viên của bản báo ở Pa-ri"

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

NỘI CHIẾN Ở THỤY SĨ¹⁷¹

Cuối cùng thì những lời khoác lác không ngớt về "chiếc nôi của tự do", về "con cháu của Ten-lơ và Vin-ken-rít", những người chiến thắng anh dũng ở Dem-pa-khơ và Muốc-tanh¹⁷² đã chấm dứt! Cuối cùng thì thấy rõ rằng chiếc nôi của tự do chẳng phải cái gì khác mà là trung tâm của sự man rợ và của trại nuôi dưỡng bọn dòng Tên, rằng không thể dùng bất cứ lý lẽ gì khác ngoài những quả đạn đại bác, để làm cho con cháu của Ten-lơ và Vin-ken-rít tỉnh ngộ lại, rằng sự dũng cảm ở Dem-pa-khơ và Muốc-tanh chẳng phải cái gì khác mà là biểu hiện của sự tuyệt vọng của những bộ lạc miền núi thô lỗ và mê tín dị đoan, ngoan cố chống lại văn minh và tiến bộ.

Thực là hạnh phúc khi lực lượng dân chủ châu Âu, rút cục, sẽ thoát được cái gánh nặng thuần phác và phản động của Thụy Sĩ cổ xưa đó. Chừng nào mà các nhà dân chủ còn tiếp tục viện đến phẩm hạnh, hạnh phúc và sự mộc mạc kiểu gia trưởng của những người chăn cừu trên núi An-pơ ấy, thì chừng đó bóng đen phản động vẫn còn trùm lên bản thân họ. Giờ đây, khi những người dân chủ ủng hộ cuộc đấu tranh của một nước Thụy Sĩ văn minh, công nghiệp hóa, dân chủ – hiện đại nhằm chống lại lực lượng dân chủ Cơ Đốc giáo – Đức thô lỗ ở các bang chăn nuôi gia súc cổ xưa, – giờ đây ở khắp mọi nơi họ là những người đại biểu cho

tiến bộ, giờ đây thậm chí cái vẻ bề ngoài phản động cuối cùng cũng biến mất, giờ đây họ chứng tỏ rằng họ đã biết được cách hiểu ý nghĩa của nền dân chủ thế kỷ XIX.

Ở châu Âu có hai nước mà tại đó tình trạng man rợ Cơ Đốc giáo – Đức cổ xưa được duy trì dưới hình thức cổ sơ nhất của nó, đến mức ăn cả hạt dẻ rừng: đó là Na Uy và vùng cao An-pơ, tức là Thụy Sĩ cổ¹⁷³. Cả Na Uy lẫn Thụy Sĩ cổ đều còn cung cấp những hình mẫu chân thực nho nhỏ về bộ tộc đã có thời đánh bại người La Mã ở khu rừng Tơ-tơ-buốc theo kiểu Ve-xtơ-pha-li chính cống – bằng những chiếc gậy và đòn đập lúa¹⁷⁴. Cả Na Uy lẫn Thụy Sĩ cổ đều được tổ chức theo kiểu dân chủ. Nhưng có nhiều kiểu dân chủ khác nhau và cần làm sao để những người dân chủ ở các nước văn minh, rút cục trút bỏ được cái trách nhiệm đối với nền dân chủ Na Uy và Thụy Sĩ cổ.

Mục tiêu của phong trào dân chủ ở tất cả các nước văn minh xét cho đến cùng, là quyền thống trị chính trị của giai cấp vô sản. Cho nên, phong trào này giả định sự tồn tại của giai cấp vô sản, của giai cấp tư sản thống trị, của nền công nghiệp đẻ ra giai cấp vô sản và dẫn tới quyền thống trị của giai cấp tư sản.

Những cái đó không có cả ở Na Uy lẫn ở Thụy Sĩ cổ. Ở Na Uy chúng ta thấy sự nắm chính quyền của nông dân cực kỳ nổi tiếng (bonde-regimente), còn ở Thụy Sĩ cổ ta thấy một số địa chủ giàu có, như A-bi-béc v.v., cai trị như thế nào đám người chăn cừu dốt nát theo những nguyên tắc gia trưởng, mặc dù nước này có hiến pháp dân chủ. Giai cấp tư sản ở Na Uy chỉ tồn tại dưới hình thức ngoại lệ, còn ở Thụy Sĩ cổ thì hoàn toàn không có giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản hầu như vắng mặt hoàn toàn.

Như vậy, nền dân chủ ở các nước văn minh, nền dân chủ *hiện đại*, tuyệt nhiên không có gì giống với nền dân chủ của cả Na Uy lẫn Thụy Sĩ cổ. Nó cố gắng thực hiện không phải chế độ của Na Uy hoặc Thụy Sĩ cổ mà là những chế độ khác nhau một trời một

vực với các chế độ trên. Nhưng chúng ta vẫn xem xét một cách kỹ hơn cái nền dân chủ Đức cổ đó, dừng lại ở Thụy Sĩ cổ là nước mà ở đây chúng ta quan tâm trước hết.

Có anh tiểu thị dân Đức nào mà lại không ca tụng Vin-hem Te-lơ, người giải phóng tổ quốc? Có thầy giáo nào mà lại không đặt Moóc-hác-tanh¹⁷⁵, Dem-pa-khơ và Muốc-tanh ngang hàng với Ma-ra-phông, Pla-tây và Xa-la-min¹⁷⁶? Có cô gái già mắc chứng hoảng loạn thần kinh nào mà lại không mơ tưởng đến bắp chân rắn chắc và cặp đùi thon thả của những chàng trai đạo đức – trong trắng miền An-pơ? Từ Ê-gi-di Tsu-di đến I-ô-han Mui-lơ, từ Phlô-ri-ăng đến Si-lơ – tất cả đều làm thơ, viết văn không ngừng ca ngợi cái vĩ đại của sự dũng cảm, tự do, sự lành lợi và sức mạnh của Thụy Sĩ cổ. Những khẩu đại bác và những khẩu súng có rãnh của mười hai bang giờ đây dùng làm lời bình luận cho những bài hát ca ngợi hào hùng ấy.

Trong lịch sử đã có hai lần người dân các bang Thụy Sĩ cổ làm người ta phải lưu ý tới mình. Lần thứ nhất, là khi họ tự giải phóng một cách vẻ vang khỏi ách bạo chúa Áo, lần thứ hai, là hiện giờ, khi họ, nhân danh chúa, đứng lên đấu tranh cho bọn tín đồ phái dòng Tên và tổ quốc.

Ngay công cuộc giải phóng vinh quang khỏi nanh vuốt con đại bàng Áo cũng không chịu đựng nổi sự xem xét tường tận dưới ánh sáng ban ngày. Triều đình Áo trong toàn bộ lịch sử của nó chỉ có một lần tỏ ra tiến bộ. Đó là thời kỳ đầu trên bước đường công danh của nó, khi nó liên minh với giới tiểu thị dân thành thị chống lại tầng lớp quý tộc và định lập ra chế độ quân chủ Đức. Nó tiến bộ theo kiểu tiểu thị dân cao độ, nhưng vẫn cứ là tiến bộ. Và khi ấy ai là kẻ đã chống lại nó quyết liệt nhất? Dân chúng các bang Thụy Sĩ cổ. Cuộc đấu tranh của họ chống nước Áo, lời thề Giuýt-li vinh quang¹⁷⁷, phát súng anh hùng của Ten-lơ, chiến thắng đáng ghi nhớ muôn đời ở Moóc-hác-tanh – tất cả

những cái đó là cuộc đấu tranh của những người du mục ngoan cố chống lại trào lưu phát triển lịch sử, là cuộc đấu tranh của những lợi ích địa phương bảo thủ, ngoan cố chống lại lợi ích của toàn dân tộc, là cuộc đấu tranh của sự dốt nát chống lại nền giáo dục, của sự man rợ chống lại văn minh. Những người dân du mục đã chiến thắng nền văn minh đương thời và sự trừng phạt về việc đó họ đã bị cắt đứt với toàn bộ nền văn minh sau này.

Thế vẫn còn ít. Chẳng mấy lâu sau những người dân du mục lực lưỡng, ngoan cố miền An-pơ đó còn bị trừng phạt một cách khác hẳn. Họ đã thoát khỏi ách thống trị của tầng lớp quý tộc Áo để mà rơi vào ách áp bức của giới thị dân Xuy-rích, Luy-xéc, Béc-nơ và Ba-lơ. Những thị dân này nhận thấy những người Thụy Sĩ bản xứ cũng mạnh và cũng ngu như thể những con bò của họ. Họ gia nhập Đồng minh Thụy Sĩ và từ đó trở đi an nhàn ngồi ở nhà, đằng sau chiếc quầy hàng, trong khi những người dân du mục cứng đầu cứng cổ cầm vũ khí giải quyết tất cả những vụ xung đột giữa bọn thị dân với tầng lớp quý tộc và công hầu. Ở Dem-pa-khơ, Grăng-xơ, Muốc-tanh và Năng-xi¹⁷⁸ tình hình đều như thế. Cả trong khi ấy các chàng trai vẫn được quyền thu xếp công việc nội bộ của họ theo ý muốn của họ, và như vậy là họ vẫn được sung sướng nhất đời trong sự không hiểu biết gì về việc họ bị những ông bạn đồng minh thân thương của họ bóc lột ra sao.

Từ ngày ấy người ta ít nghe nói đến họ. Mang lòng kính sợ Chúa Trời và tu nhân tích đức, họ mãi mê với việc vắt sữa bò, làm pho mát, với thuần phong mỹ tục và tiếng hát theo kiểu vùng An-pơ. Thỉnh thoảng họ tham dự các cuộc hội nghị nhân dân, chia thành các phái sừng, phái móng và các nhóm khác theo những đặc trưng của động vật, và sự việc không khi nào lại kết thúc chót lốt mà không có những cuộc ẩu đả kịch liệt kiểu Cơ Đốc giáo – Đức. Họ nghèo nhưng khác người ở thuần phong mỹ tục, ngu

ngốc nhưng ngoan đạo và nhân từ, thô bạo, nhưng vai rộng nở, có ít trí óc thể nhưng lại có bắp chân cứng rắn. Đôi khi họ trở nên quá đông, và khi ấy những người trai trẻ "lên đường" ["reißlaufen"], tức là phục vụ thuê cho quân đội nước ngoài và, ở đó dù có xảy ra chuyện gì, họ vẫn bảo vệ lá cờ mà họ phục vụ với một lòng trung thành không gì lay chuyển nổi. Về người Thụy Sĩ chỉ có thể nói rằng vì đồng lương của họ, họ để cho người ta giết chết họ với một thái độ bình thản vĩ đại nhất.

Từ bao đời nay, niềm tự hào to lớn nhất của những người dân cường tráng ở các bang Thụy Sĩ cổ đó là họ không bao giờ làm sai một ly những tập tục của tổ tiên họ, là trong vòng hàng thế kỷ họ giữ nguyên vẹn những phong tục giản đơn, thuần khiết, khắc nghiệt và nhân nghĩa của ông cha họ. Và đó là sự thật: mọi ý đồ khai hóa cho họ đều tỏ ra bất lực khi vấp phải những bức tường thành bằng đá hoa cương là vách đá của họ và xương sọ của họ. Kể từ ngày ông tổ đầu tiên của Vin-ken-rít đuổi con bò cái của ông, đeo chiếc chuông nhỏ êm ái an nhàn thủy chung trên cổ tới những bãi chăn thả hoang sơ bên hồ Phieck-van-stét cho đến tận bây giờ khi các linh mục cầu nguyện cho binh nghiệp của thế hệ cuối cùng của Vin-ken-rít – tất cả nhà cửa của họ vẫn được xây dựng theo cùng một phương thức ấy, tất cả bò cái vẫn được vắt sữa theo cùng một phương thức ấy, tất cả những chiếc đuôi sam đều được tết bên, tất cả các loại phó mát đều được chế biến, tất cả trẻ em đều được sinh ra đời theo cùng một phương thức ấy. Nơi đây, ở miền núi, hãy còn có thiên đàng, nơi đây còn chưa có tội tổ tông. Và khi một người con trong trắng như vậy của núi An-pơ bước vào cái thế gian rộng lớn và trong khoảnh khắc đã để mình bị lôi cuốn vào sự cám dỗ của các thành thị lớn, vào son phấn và những thứ bùa mê của nền văn minh đồi bại, với những thói hư tật xấu của xứ sở tội lỗi, nơi đây không có núi đồi nhưng lúa mì mọc kín đất, – song le, khi ấy sự trong trắng đã bắt rễ sâu xa trong người anh ta đến mức anh ta không bao giờ có thể

chết hẳn. Chỉ cần âm thanh của bài mục ca người chăn cừu, cho dù chỉ là hai nốt nghe như tiếng chó sủa, thoảng qua tai anh ta là anh ta liền bị xúc động, nước mắt giàn giụa, khuyu xuống, ngay tức khắc vùng ra khỏi vòng tay của sự cám dỗ và còn chưa nguôi lòng chừng nào còn chưa sụp xuống chân vị cha già của anh ta: "Thưa cha, con đã có tội với những ngọn núi quê hương và với cha, con không xứng đáng được gọi là con của cha!".

Thời gian gần đây nhất có hai cuộc tấn công vào tính thuần phác của phong tục và vào sức mạnh nguyên thủy đó. Sự xâm nhập đầu tiên của người Pháp là vào năm 1798. Nhưng người Pháp là người đã truyền bá được dù chỉ là chút ít văn minh tại khắp mọi nơi, đã không đạt được kết quả gì đối với những người dân các bang cũ. Tại đây sự có mặt của họ đã không để lại dấu vết gì, họ không thể mấy may lay chuyển nổi những tập tục và những đức tính tốt đẹp cổ xưa. Cuộc tấn công thứ hai xảy ra khoảng hai chục năm sau và ít ra cũng đem lại những kết quả nào đấy. Đó là cuộc xâm nhập của những du khách nước Anh, những huân tước và đại địa chủ Luân Đôn, và nổi gót họ là vô số chủ nhà máy nển, chủ nhà máy xà phòng, những người buôn bán thực phẩm phụ và những người mua đồ cũ. Cuộc xâm nhập này chí ít đã dẫn tới tình trạng là lòng hiếu khách cổ truyền bị chấm dứt, và những cư dân lương thiện của những túp lều chăn cừu mà trước đó mới hơi biết qua loa đồng tiền là gì, thì bị biến thành những kẻ bịp bợm tham lam và ranh ma nhất mà ta có thể bắt gặp ở đâu đó. Nhưng sự tiến bộ này tuyệt nhiên không động chạm tới tính thuần phác cổ xưa của những tập tục. Sự ranh ma không hoàn toàn trong sạch đó sống ẩn nấp nhất đời với những đức tính tốt đẹp gia trưởng là tính thuần khiết, tính chuyên cần, tính thật thà và lòng chung thủy. Thậm chí lòng tin vào thượng đế của họ cũng không vì thế mà sút mẻ; vị cổ đạo đặc biệt vui lòng sá cho họ mọi tội lừa gạt đối với bọn dị giáo người Anh.

Nhưng hình như giờ đây, phẩm hạnh ấy rút cục sẽ bị lung lay

đến tận gốc. Phải hy vọng là những đội quân bình định sẽ làm mọi cái có thể được để triệt tiêu toàn bộ tính ngay thật, sức mạnh nguyên thủy và tính thuần phác của những tập tục đó. Nhưng khi ấy, hỡi các tiểu thị dân, các người sẽ phải buồn phiền đấy! Khi ấy sẽ còn đâu nữa những mục dân nghèo khổ nhưng mẫn nguyện, mà cái tính vô tư thanh thản của họ các người có thể cũng muốn mình có được vào những ngày chủ nhật, sau sáu ngày trời buồn đi bán lại cả phê làm bằng rau cải đắng và chè làm bằng lá cây mận rừng! Khi ấy các người – những thầy giáo – sẽ phải khóc đấy, vì các người còn đâu nữa niềm hy vọng có một Dem-pa-khor – Ma-ra-phông mới và những hành động vĩ đại cổ điển khác! Khi ấy các người, những cô gái già ngoại tam tuần mắc bệnh hoang loạn thần kinh, sẽ phải thở than đấy, bởi vì sẽ còn đâu nữa những bắp chân sáu in-sơ mà hình ảnh vẫn vồ về niềm mơ tưởng cô đơn của các người, sẽ còn đâu nữa "những chàng trai Thụy Sĩ" khỏe mạnh tráng kiện, được trời ban phú cái sắc đẹp của Äng-ti-nô-út¹⁷⁹, sẽ còn đâu nữa những cặp đùi rắn chắc và những chiếc quần chèn ống từng cảm dỗ tâm hồn các người đến với núi rừng An-pơ! Rồi cả các người, những nữ sinh mảnh dẻ và yếu ớt trong các trường có ký túc xá, sau khi nghiền xong những tác phẩm của Si-lơ là mơ tưởng đến mỗi tình trong trắng nhưng vẫn cứ rất thực tế của các chàng đi săn nhanh chân săn đuổi những chú nai, các người cũng sẽ thở vắn than dài đấy, bởi vì hết rồi những ảo mộng êm đềm của các người, và các người không còn gì hơn là đọc Hen-rích Xti-phen-xơ và mơ tưởng đến những chàng trai Na Uy lạnh lùng mà thôi!

Nhưng đủ rồi! Với những người dân các bang ở tại Thụy Sĩ cổ ấy chúng ta cần đấu tranh bằng thứ vũ khí khác hẳn, chứ đâu chỉ nguyên bằng giễu cợt. Lực lượng dân chủ cần tính sổ với họ chẳng những chỉ vì những đức tính gia trưởng của họ mà còn vì những chuyện hoàn toàn có tính chất khác nữa.

Ngày 14 tháng Bảy 1789 ai đã bảo vệ ngực Ba-xti-ơ chống lại

nhân dân công phá nó? Ai nấp sau những bức tường kiên cố bắn đại bác và súng trường vào công nhân khu ngoại ô Xanh-Ăng-toan? – Những người Thụy Sĩ cổ trong Đồng minh đặc biệt, những con cháu của Ten-lơ, Stau-pha-khor¹⁸⁰ và Vin-ken-rít.

Ngày 10 tháng Tám 1792 ai đã bảo vệ tên phản bội Lu-i XVI ở điện Lu-vơ và ở cung Tuyn-lơ-ri trước cơn phản nộ chính đáng của nhân dân? – Những người Thụy Sĩ cổ trong Đồng minh đặc biệt.

Ai được sự giúp sức của Nen-xơn đã đàn áp cuộc cách mạng Na-pơlơ năm 1798? – Những người Thụy Sĩ cổ trong Đồng minh đặc biệt.

Năm 1823 ai được sự giúp đỡ của người Áo đã khôi phục lại ở Na-pơlơ chế độ quân chủ chuyên chế? – Những người Thụy Sĩ cổ trong Đồng minh đặc biệt.

Ngày 29 tháng Bảy 1830 ai lại đã chiến đấu đến giây phút cuối cùng vì tên vua phản quốc^{1*} và lại đã nấp sau những ô cửa sổ và những hàng cột ở điện Lu-vơ để bắn vào công nhân Pa-ri? – Những người Thụy Sĩ cổ trong Đồng minh đặc biệt.

Ai đã dùng thủ đoạn tàn ác kinh khủng nổi tiếng một cách đáng buồn, và lại vẫn cấu kết với người Áo, đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Rô-ma-nơ năm 1830 và năm 1831? – Những người Thụy Sĩ cổ trong Đồng minh đặc biệt.

Nói tóm lại, ai cho mãi tận bây giờ vẫn đàn áp người I-ta-li-a, buộc họ phải khuất phục dưới ách áp bức của bọn quý tộc, vua chúa và tầng lớp của họ? Ở I-ta-li-a ai là cánh tay phải của Áo? Ngay như hiện nay ai vẫn là kẻ tạo điều kiện cho con chó khát máu Phéc-đi-năng ở Na-pơlơ có thể áp chế nhân dân của nó đang

^{1*} – Sác-lơ X.

nghiến răng vì căm thù? Ngay cả cho tới nay ai vẫn là kẻ đóng vai tên đao phủ trong những vụ xử bắn hàng loạt do nó gây ra? – Vẫn lại là những người Thụy Sĩ cổ trong Đồng minh đặc biệt ấy, vẫn lại là những con cháu của Ten-lơ, Stau-pha-khơ và Vin-ken-rít đó!

Tóm lại: phong trào cách mạng với tác dụng thúc đẩy trực tiếp hay gián tiếp lực lượng dân chủ giành được những thành tựu mới của nó, dù có bùng nổ ở nơi nào và lúc nào trên nước Pháp đi nữa, thì những tên lính đánh thuê Thụy Sĩ cổ bao giờ cũng chiến đấu chống lại nó một cách hết sức ngoan cố và cho tới giây phút cuối cùng. Đặc biệt là ở I-ta-li-a những tên lính đánh thuê Thụy Sĩ đó luôn luôn là những kẻ đầy tớ và tay sai trung thành nhất của Áo. Một sự trừng phạt thật là công bằng cho sự giải thoát quang vinh của nước Thụy Sĩ khỏi nanh vuốt của con đại bàng hai đầu!

Xin đừng nghĩ rằng những tên lính đánh thuê đó là đồ rác rưởi vứt đi của nước chúng, đừng nghĩ rằng các đồng hương của chúng đã đoạn tuyệt với chúng. Dân cư Luy-xéc đã dựng ở cửa vào thành phố của họ tượng một con sư tử khổng lồ tạc từ khối đá nguyên, – đó là tác phẩm nghệ thuật đầy nhiệt tâm của To-van-xen, người Ai-xơ-len; con sư tử bị mũi tên xuyên thấu và máu chảy lênh lảng đưa bàn chân trung thành đến lúc chết của nó lên che cho chiếc khiên có những bông hoa huệ của dòng họ Buộc-bông. Và tượng đài ấy được họ dựng lên chính là để tưởng niệm những người Thụy Sĩ đã bỏ mình ở Lu-vơ ngày 10 tháng Tám 1792. Đồng minh đặc biệt tưởng nhớ lòng trung thành bị đem làm vật mua bán của những người con của nó như vậy đó. Nó sống bằng cái nghề buôn người ấy và ca tụng nghề ấy.

Các nhà dân chủ Anh, Pháp và Đức lại có thể có cái gì đó giống với kiểu dân chủ đó hay sao!

Nhờ vào nền công nghiệp của mình, nền thương nghiệp của mình, chế độ chính trị của mình giai cấp tư sản hiện đã bỏ công sức làm cho những địa phương riêng lẻ nhỏ bé, khép kín, chỉ sống bằng những lợi ích của riêng mình sẽ tách ra khỏi tình trạng biệt lập, nối liền chúng với nhau, thống nhất lợi ích của chúng lại, mở rộng tầm mắt địa phương của chúng, xóa bỏ những tập quán, những kiểu cách và những quan niệm mang tính chất địa phương của chúng, và từ nhiều tỉnh và địa phương trước nay vẫn độc lập với nhau thành lập nên một nước lớn với những lợi ích, phong tục tập quán và quan điểm thống nhất. Giai cấp tư sản đã đạt được sự tập quyền trung ương đáng kể. Giai cấp vô sản không hề cho rằng vì thế mà mình bị thiệt hại; ngược lại, chính chỉ có sự tập quyền trung ương đó mới tạo cho nó khả năng đoàn kết lại, cảm thấy mình là một giai cấp, tìm thấy trong nền dân chủ một thể giới quan chính trị thích đáng và cuối cùng chiến thắng giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản dân chủ cần có sự tập quyền trung ương chẳng những chỉ dưới hình thức như giai cấp tư sản đã bắt đầu thực hiện, mà nó sẽ phải tiến hành sự tập quyền trung ương trên quy mô lớn hơn nhiều. Trong thời kỳ cách mạng Pháp ngắn ngủi, khi mà giai cấp vô sản, với địa vị thống trị của phái Núi, nắm tay lái nhà nước, nó đã tiến hành sự tập quyền trung ương bằng mọi cách, bằng đạn đại bác và máy chém. Giờ đây khi mà giai cấp vô sản dân chủ sẽ lại thiết lập được quyền thống trị của nó, nó chẳng những chỉ phải thực hiện sự tập quyền trung ương ở từng nước riêng biệt, mà sẽ còn phải liên kết tất cả các nước văn minh càng nhanh càng tốt.

Nước Thụy Sĩ cũ, ngược lại, chỉ làm độc một việc là đấu tranh chống lại sự tập quyền trung ương. Với thái độ ngoan cố thuần túy súc vật, nó bảo vệ tình trạng biệt lập của nó với toàn bộ thế giới còn lại, những tập tục, những kiểu cách, những thành kiến địa phương của nó, toàn bộ tính hẹp hòi và khép kín mang tính chất địa phương của nó. Ở trung tâm châu Âu, nó chết cứng trong

trạng thái man rợ nguyên thủy của nó, trong khi tất cả các dân tộc khác, thậm chí cả những người Thụy Sĩ còn lại, đều tiến bước trên con đường tiến bộ. Với tất cả tính chất hủ lậu ngoan cố của người Đức cổ đại man rợ, những người Thụy Sĩ cổ kiên quyết bảo vệ chủ quyền của các bang, tức là cái quyền được tùy thích muôn thuở làm những kẻ ngu si, ngoan đạo, một cách đạo đức giả, thô bỉ, dốt nát, ương ngạnh và bất lương bao nhiêu tùy ý họ, cho dù lảng giềng của họ có vì thế mà khốn đốn đến đâu cũng mặc. Khi vấn đề đụng đến tình trạng súc vật của bản thân họ, họ không thừa nhận đa số nào cả, sự thỏa thuận nào cả, trách nhiệm nào cả. Nhưng ở thế kỷ XIX thì không thể có tình trạng hai bộ phận của cùng một nước tồn tại bên nhau mà lại không có quan hệ qua lại và tác động qua lại gì cả. Những bang cấp tiến có tác động đến Đồng minh đặc biệt, đến lượt nó, lại tác động đến những bang cấp tiến, mà tại đây có những nơi cũng hãy còn gặp những nhân tố hết sức lạc hậu. Cho nên, những bang cấp tiến đều quan tâm đến việc Đồng minh đặc biệt đoạn tuyệt với tình trạng đạo đức giả, tính thiên cận, hủ lậu ngoan cố, còn nếu như Đồng minh đặc biệt không thích thế thì sự ngoan cố của nó phải bị đánh đổ bằng bạo lực. Chính điều này hiện đang diễn ra.

Như vậy, cuộc nội chiến đã bùng nổ vào lúc này sẽ chỉ có lợi cho sự nghiệp dân chủ. Cho dù ngay ở các bang cấp tiến cũng vẫn còn nhiều tình trạng thô bỉ kiểu Đức cổ đại, cho dù tại đó, núp dưới nền dân chủ lúc thì là sự thống trị của nông dân, lúc thì là sự thống trị của tư sản, lúc thì là sự thống trị hỗn hợp của cả hai bên, cho dù những bang văn minh nhất cũng vẫn hãy còn lạc hậu so với trình độ phát triển của nền văn minh châu Âu và tại đó mới chỉ đôi chỗ có những nhân tố thật sự hiện đại chậm chạp nhen nhúm lên, song tất cả những cái đó, cũng tuyệt nhiên không nói lên điều gì có lợi cho đồng minh đặc biệt cả. Điều cần thiết, điều cần thiết cấp bách là làm sao cho cái hang ổ cuối cùng đó

của tinh thần Tư-tông cổ đại thô bỉ ấy, sự dã man ấy, tính giả nhân giả nghĩa của tập tục thuần phác gia trưởng ấy, của đức hạnh, của sự hủ lậu và sự trung thành đến chết với bất kỳ kẻ nào trả nhiều tiền hơn, – làm sao cho cái hang ổ đó rút cục bị vĩnh viễn đập tan. Quốc hội Thụy Sĩ tiến hành công việc càng kiên quyết bao nhiêu, nó rung chuyển cái tổ cũ của bọn tăng lữ đó càng mạnh bao nhiêu, thì nó sẽ càng có quyền được sự ủng hộ của tất cả các nhà dân chủ triệt để, nó càng chứng tỏ một cách tốt hơn rằng nó hiểu biết vị trí của nó. Thực ra, năm cường quốc vĩ đại đã đến thật đúng lúc, và bản thân những người cấp tiến thì cảm thấy lo sợ.

Tuy nhiên, một điều có ý nghĩa trọng đại đối với Đồng minh đặc biệt, đối với đám con cháu chân chính đó của Vin-hem-Ten-lơ, là họ đành phải đi cầu cứu vương triều Áo, kẻ thù thâm căn cố đế của Thụy Sĩ đó, và đi cầu cứu đúng vào lúc này, khi mà Áo đã suy đồi hơn, đã trở nên bản thiêu, đáng khinh và đáng căm thù hơn bất cứ lúc nào. Đây cũng là một sự trừng phạt thêm cho sự giải phóng vinh quang nước Thụy Sĩ khỏi nanh vuốt của con đại bàng hai đầu và những lời khoác lác thái quá về vấn đề ấy. Và hình như để đưa mức độ trừng phạt lên đến thật tột đỉnh, chính ngay nước Áo lại lâm vào thế bị kìm kẹp đến nỗi hoàn toàn không có khả năng cứu giúp gì được cho đám con cháu của Ten-lơ!

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 10 tháng
Mười một 1847
Đã đăng trên báo "Deutsche – Brüsseler –
Zeitung" số 91, ngày 14 tháng Mười một
1847
Ký tên: Ph. Ăng-ghen*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH. ĂNG-GHEN

PHONG TRÀO ĐÒI CẢI CÁCH Ở PHÁP

Khi ông Ê-min Đờ Gi-rác-đanh phanh phui vô số vụ hối lộ tại tiếng tại kỳ họp vừa rồi của nghị viện lập pháp, hồng dùng cách đó để lật chính phủ; khi mà chính phủ vẫn cứ vượt qua được cơn giông tố; khi mà hai trăm hai mươi lăm vị lừng danh^{1*} tuyên bố rằng họ lấy làm "hài lòng" thấy nội các vô tội, – thì tưởng như mọi chuyện thế là xong, và về cuối kỳ họp thì phe đối lập ở nghị viện lại rơi vào tình trạng bất lực và ngủ lịm y như vào đầu kỳ họp. Nhưng vấn đề không kết thúc tại đó. Cho dù các ngài Rốt-sin, Phun-đơ, Phuyn-si-rông và đồng bọn đã mãn nguyện, nhưng cả nhân dân lẫn phần lớn giai cấp tư sản đều không mãn nguyện. Phần lớn tư sản Pháp, đặc biệt là tiểu tư sản và tư sản hạng trung, không thể không thấy rằng cử tri ngày nay càng ngày càng biến thành những tên đầy tớ ngoan ngoãn của một nhóm nhỏ các chủ ngân hàng, bọn hoạt động sở giao dịch, bọn đầu cơ đường sắt, các nhà công nghiệp lớn, địa chủ và chủ mỏ mà lợi ích được chính phủ dành riêng phần chăm bẵm. Nó hiểu rằng chừng nào giới cử tri còn chưa được mở rộng thì nó đừng hồng hy vọng chiếm lại những vị trí tại hai viện mà sau năm 1830 nó càng ngày càng bị mất đi nhiều hơn. Nó biết rằng những cuộc cải cách bầu cử và

^{1*} – phe đa số ở hạ nghị viện ủng hộ chính phủ Ghi-đô.

cải cách nghị viện sẽ là một cuộc thực nghiệm nguy hiểm đối với nó; nhưng nó còn biết làm sao đây? Thấy tầng lớp quý tộc tài chính – những ông vua của sở giao dịch Pa-ri – mua chuộc cả chính phủ lẫn hai viện ra sao, thấy lợi ích của bản thân mình bị công khai xâm phạm ra sao, nó buộc lòng hoặc phải nhẫn nhục chịu đựng và lặng lẽ khoanh tay chờ đợi cái ngày mà sự chuyên quyền của bọn vua tài chính cầm quyền sẽ đẩy nó vào cảnh phá sản, hoặc phải có gan đòi cải cách nghị viện. Nó đã chọn cách thứ hai.

Vì vậy, chừng bốn tháng trước đây các đại biểu của phe đối lập đủ mọi màu sắc đã liên hợp lại để tổ chức cuộc biểu tình đòi cải cách bầu cử. Họ đã quyết định tổ chức một bữa tiệc công khai được tiến hành vào tháng Bảy tại Pa-ri, tại phòng khiêu vũ Sa-tô-Ru-giơ. Dự tiệc có đại biểu của tất cả các phái ủng hộ cuộc cải cách cho nên thành phần hội nghị khá phức tạp; nhưng các nhà dân chủ tỏ ra tích cực nhất hiển nhiên là đã thắng thế. Họ yêu cầu không được nâng cốc chúc sức khỏe nhà vua và thay vào đó là nâng cốc chúc mừng chủ quyền của nhân dân, coi đó là điều kiện tham dự của họ. Ban tổ chức hiểu rất rõ rằng tại thành phố dân chủ nhất nước Pháp này họ sẽ không thể tổ chức được một cuộc biểu tình đảng hoàng nếu không có các nhà dân chủ tham gia, nên đã buộc lòng phải đồng ý. Nếu tôi không nhớ nhầm thì bấy giờ ngài đã cho đăng bài tường thuật về bữa tiệc này¹⁸¹ mà nhìn theo mọi góc độ – về phương diện số lượng cũng như về phương diện tinh thần – nó là cuộc biểu dương lực lượng thực sự chưa từng thấy của phe dân chủ Pa-ri.

Tờ "Journal des Débats" không bỏ lỡ dịp làm rùm beng một cách tuyệt vọng về bữa tiệc này.

"Thế nào! Không nâng cốc chúc tụng nhà vua à? Và sự nâng cốc này bị bỏ đi không phải vì sơ suất, không phải vì thiếu lịch sự, - không, việc bác bỏ nó là do một bộ phận những người tổ chức đặt ra làm điều kiện tham dự của họ! Còn nói gì nữa, ngài Duy-véc-gi-ê Đờ Hô-ran điềm đạm và yêu chuộng hòa bình cùng ngài

Ô-di-lông Ba-rô ủng hộ chế độ quân chủ, người tích cực đấu tranh cho sức mạnh tinh thần đã thành bạn cùng hội cùng thuyền! Thôi xin đủ, vì đây không chỉ là chủ nghĩa cộng hòa thôi đâu, đây là chủ nghĩa cách mạng thật sự, là sự tuyên truyền sử dụng bạo lực, là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa không tưởng, chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa cộng sản! Không đâu, thưa quý vị, chúng tôi thừa biết quý vị là ai, — chúng tôi đã thấy hình mẫu của việc làm dẫm máu của quý vị, chúng tôi có bằng chứng nói lên mục tiêu tranh đấu của quý vị là gì. Năm mươi năm trước đây, thưa quý vị, quý vị đã tự xưng là *câu lạc bộ Gia-cô-banh*!"

Ngày hôm sau tờ "National" đã lặp lại lời chửi bới hung hăng và điên cuồng của cái tờ báo *đầy tức giận trong cái vẻ ôn hòa của nó*, bằng một loạt những đoạn trích trong nhật ký riêng của Lu-i-Phi-líp trong năm 1790 và 1791, trong đó mỗi đoạn ghi chép của "vị Ê-ga-li-tê con" khi ấy đều được bắt đầu bằng những lời: "Hôm nay đã ở chỗ những người Gia-cô-banh". "Hôm nay mình đã tự cho phép mình đọc trước những người Gia-cô-banh một bài diễn văn ngắn, được vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt". "Hôm nay ở chỗ những người Gia-cô-banh mình được uỷ nhiệm thi hành chức trách của người gác cửa" v.v..

Ban chấp hành trung ương phe đối lập kêu gọi bạn hữu của nó ở các tỉnh hãy noi gương thủ đô và tổ chức tại khắp nơi những bữa tiệc như vậy nhằm ủng hộ cải cách. Người ta đã làm đúng như vậy: rất nhiều bữa tiệc của những người ủng hộ cải cách đã được tổ chức hầu như trên khắp mọi miền nước Pháp. Nhưng không phải đâu đâu cũng đạt được sự nhất trí như vậy giữa tất cả các phái ủng hộ cải cách. Tại nhiều thành phố nhỏ phe tự do tư sản tỏ ra đủ mạnh để đòi kỳ được phải có nâng cốc chúc sức khỏe nhà vua, như vậy là loại trừ những người dân chủ. Ở những nơi khác phe tự do cổ lén lút đưa lời chúc mừng đó vào dưới hình thức như: "Vì đức vua lập hiến và chủ quyền của nhân dân". Bởi lẽ ngay như thế cũng không làm cho phe dân chủ thỏa mãn, nên phe tự do tiếp tục sử dụng đến những mảnh khé và thay "đức vua lập hiến" bằng "những thiết chế lập hiến" trong đó, tất nhiên,

ngầm ngụ ý cả vương quyền. Lúc này trong phe tự do ở các tỉnh xảy ra cuộc tranh luận xung quanh một vấn đề quan trọng — phải chăng họ nên nhượng bộ ngay cả ở điểm này và từ bỏ mọi mưu toan lén lút đưa vào lời chúc sức khỏe nhà vua, dù là dưới hình thức nào và dưới mặt nạ nào đi nữa, hay là công khai tách khỏi những người dân chủ, mà trong trường hợp đó những người dân chủ sẽ bắt đầu tổ chức những bữa tiệc riêng của mình, cạnh tranh với những bữa tiệc của bọn họ. Bởi chung đảng dân chủ quyết giữ điều kiện thỏa thuận ban đầu, đòi hỏi hoàn toàn không được để nhà vua dính dáng vào, và mặc dù có lần những người ủng hộ tờ "National" đã biểu lộ ít nhiều dao động, song phe của báo "Réforme" vẫn đứng vững trên lập trường cộng hòa. Tại tất cả mọi thành phố lớn phái tự do đành phải nhượng bộ, và nếu như ở các địa phương ít quan trọng hơn có lời chúc tụng sức khỏe nhà vua vẫn được đọc lên đi nữa, thì đó chỉ là do những bữa tiệc như vậy rất tốn kém, và vì vậy sự tham dự của nhân dân vào những bữa tiệc ấy tất nhiên bị loại trừ. Về bữa tiệc ở Bắc-lê-Đuych tờ "Réforme" viết:

"Bất kỳ người nào coi những cuộc biểu tình đó chỉ nói lên tình hình dư luận ở Pháp thì, không còn nghi ngờ gì nữa, người đó đã lầm to; những cuộc biểu tình đó chủ yếu là do giai cấp tư sản tổ chức, và nhân dân thì hoàn toàn bị gạt ra, không được tham dự vào đó. Nếu như công tác cổ động sẽ bị bó hẹp trong khuôn khổ như ở bữa tiệc tại Bắc-lê-Đuych thì nó sẽ tiêu ma chẳng còn chi nữa, giống như mọi phong trào tư sản, chẳng hạn như phong trào đòi mật dịch tự do đã nhanh chóng dừng lại sau một số bài diễn văn rỗng tuếch".

Sau bữa tiệc ở Pa-ri, một bữa tiệc lớn đầu tiên được tổ chức tại Xơ-ra-xbua, vào đầu tháng Chín. Nó mang khá nhiều tính chất dân chủ, và cuối bữa tiệc một công nhân đã đề nghị nâng cốc chúc mừng việc tổ chức lao động; ở Pháp những từ này biểu hiện điều mà Hội liên hiệp nghiệp đoàn toàn quốc ở Anh đang cố gắng thực hiện, tức là giải phóng lao động khỏi ách tư bản bằng cách: hoặc là bản thân những người công nhân đã liên hiệp lại, hoặc là toàn thể nhân dân nói chung dưới một chính phủ dân chủ, đứng

ra tổ chức các xí nghiệp công nghiệp, nông nghiệp và các xí nghiệp khác.

Tiếp đến là bữa tiệc ở Bác-lê-Đuych – một cuộc biểu tình của giai cấp tư sản kết thúc bằng việc viên thị trưởng đề nghị nâng cốc chúc sức khỏe đức vua lập hiến (đương nhiên là rất lập hiến rồi!), – cũng như những bữa tiệc ở Côn-ma, Rêm-xơ và Mô; tại tất cả những bữa tiệc này vai trò chủ đạo hoàn toàn thuộc về giai cấp tư sản mà bao giờ cũng làm được theo ý mình ở những thành phố thứ yếu này.

Những bữa tiệc ở Xanh-Căng-tanh lại có tính chất ít nhiều dân chủ; còn bữa tiệc tổ chức vào cuối tháng Chín ở Oóc-lê-ăng thì từ đầu chí cuối là một cuộc họp dân chủ thuần túy. Về điều này ngài hãy nhận định qua sự nâng cốc chúc mừng giai cấp công nhân mà ông Ma-ri, một trong những trạng sư nổi tiếng nhất Pa-ri, một nhà dân chủ, đã phát biểu ý kiến hưởng ứng. Ông bắt đầu bài nói của mình như sau:

"Xin nâng cốc chúc mừng anh em công nhân – xin chúc mừng những người bao giờ cũng bị người ta khinh thường, bao giờ cũng bị người ta lãng quên; xin chúc mừng những người bao giờ cũng trung thành với lợi ích của đất nước mình, bao giờ cũng sẵn sàng hy sinh vì nước, bảo vệ tổ quốc mình khỏi họa xâm lăng nước ngoài hoặc bảo vệ những thể chế của chúng ta khỏi âm mưu phá hoại của kẻ thù bên trong! Xin chúc mừng những người mà chúng ta yêu cầu phải làm nên những ngày tháng Bảy và đã đem lại cho chúng ta những ngày ấy; xin chúc mừng những con người đáng sợ trong hành động của mình, độ lượng trong chiến thắng của mình, nổi bật về lòng dũng cảm, lòng chính trực và tính hào hiệp của mình!".

Ông kết thúc bài chúc mừng của mình bằng mấy chữ: "Tự do, bình đẳng, bác ái!". Đặc biệt, bữa tiệc ở Oóc-lê-ăng là bữa tiệc duy nhất, theo như chúng tôi có thể nhận thấy, có chuẩn bị các bộ đồ ăn cho các vị đại biểu của công nhân.

Những bữa tiệc ở Cu-lô-mơ, Mê-lon và Côn lại đơn thuần là những buổi họp của giai cấp tư sản mà thôi. Các vị đại biểu cho *"phái giữa cánh tả"*, những người thuộc phái tự do tư sản của

các tờ báo "Constitutionnel"¹⁸² và "Siècle", được một buổi giải trí khi nghe những bài nói của các ông Ba-rô, Bô-mông, Đruen Đờ Luy-xơ và bọn buôn bán cải cách nhỏ nhen khác tương tự như họ. Tại Côn những người dân chủ công khai lên tiếng phản đối biểu tình vì rằng những người đứng ra tổ chức quyết đòi kỳ được phải có nâng cốc chúc sức khỏe nhà vua. Tinh thần hẹp hòi đó cũng ngự trị trong bữa tiệc ở La-Sa-rít, ở Loa-rơ.

Ngược lại, bữa tiệc của những người ủng hộ cải cách ở Sa-tơ-rơ hoàn toàn mang tính chất dân chủ. Không có nâng cốc chúc tụng nhà vua gì hết, song người ta đã đọc những bài diễn văn nâng cốc chúc mừng cuộc cải cách bầu cử và quốc hội trên một cơ sở hết sức rộng rãi, chúc mừng nước Ba Lan và I-ta-li-a, chúc mừng việc tổ chức lao động.

Trong tuần này có những bữa tiệc được tổ chức tại Li-lơ, Va-lan-xi-en, A-vanh và nói chung tại khắp tỉnh Nô. Có thể dự kiến rằng ít ra là ở Li-lơ và Va-lan-xi-en những bữa tiệc sẽ mang tính chất dân chủ triệt để. Những cuộc biểu tình khác đang được chuẩn bị ở miền Nam nước Pháp, tại Li-ông, cũng như ở miền Tây. Phong trào đòi cải cách tuyệt nhiên hãy còn chưa đi xuống.

Qua bản tường trình này ngài thấy rằng trong năm 1847 phong trào đòi cải cách ngay từ đầu đã được đánh dấu bằng cuộc đấu tranh giữa những người tự do và những người dân chủ; rằng trong khi phái tự do đạt được những mục tiêu của họ tại tất cả các địa phương có tầm quan trọng ít hơn thì phe dân chủ lại tỏ ra mạnh hơn tại cả các thành phố lớn: ở Pa-ri, Xtơ-ra-xbua, Oóc-lê-ăng, Sa-tơ-rơ và thậm chí tại một trong những thành phố nhỏ – ở Xanh-Căng-tanh; rằng những người tự do cố tìm mọi cách tranh thủ sự ủng hộ của những người dân chủ, rằng bọn họ đã dùng tới những thủ đoạn quanh co và đã phải chịu nhân nhượng trong khi đó thì không một nơi nào những người dân chủ chịu lùi bước một li đối với những điều kiện để họ nhất trí ủng hộ, và rằng ở khắp những nơi nào có những người dân chủ dự tiệc thì họ đều giữ

vững được chủ trương của họ. Như vậy là xét cho cùng toàn bộ phong trào đã có một bước ngoặt thuận lợi cho phe dân chủ, bởi vì tất cả các bữa tiệc đã thu hút được sự chú ý của công chúng ở một mức độ nào đấy, thì đều mang tính chất dân chủ.

Phong trào đòi cải cách được sự ủng hộ của những hội đồng tỉnh họp vào tháng Chín mà các hội đồng này gồm toàn là các đại biểu của giai cấp tư sản. Hội đồng các tỉnh Côt-đo, Phi-ni-xtơ, En, Mô-den, Thượng Ranh, Oa-dơ, Vơ-he-dơ, Noóc và các tỉnh khác đã yêu cầu phải có những cải cách rộng rãi ít hoặc nhiều, song đương nhiên là không một hội đồng nào trong số đó lại vượt ra ngoài khuôn khổ chủ nghĩa tự do tư sản.

Nhưng, ngài sẽ hỏi, những yêu cầu của cuộc cải cách là gì? Các phái tự do và phái cấp tiến có bao nhiêu mâu sắc khác nhau thì cũng có bấy nhiêu dự án cải cách khác nhau. Yêu cầu khiêm tốn nhất trong số những yêu cầu đã đưa ra là mở rộng quyền bầu cử tới những người được gọi là "những tài năng" [capacities], hoặc, như ở nước Anh các ngài sẽ gọi là những người làm nghề học giả, dù họ không nộp 200 phrăng thuế trực thu đi nữa, mà hiện nay chỉ có ai nộp số tiền đó mới được trở thành cử tri. Ngoài ra, những người thuộc phái tự do còn có thêm những đề nghị khác nữa, ít nhiều trùng với những đề nghị của phe cấp tiến, đó là:

1) Mở rộng *khái niệm không kiêm nhiệm*, tức tuyên bố người giữ chức vụ nhất định trong chính phủ không được kiêm chức vụ nghị sĩ. Hiện nay ở hạ nghị viện có trên 150 quan chức dưới quyền chính phủ, trong số ấy mỗi người bất kỳ lúc nào đều có thể bị sa thải và vì thế mà hoàn toàn lệ thuộc vào nội các.

2) Mở rộng một số khu vực bầu cử; một số trong đó tính ra có không đến 150 cử tri, và do đó những cử tri này bị lệ thuộc hoàn toàn vào ảnh hưởng mà chính phủ gây ra đối với những lợi ích địa phương và lợi ích cá nhân của họ.

3) Bầu tất cả số nghị sĩ của tỉnh tại một cuộc họp chung toàn thể cử tri, ở thành phố chính của tỉnh; bằng cách đó người ta dự

tính ít nhiều hòa được lợi ích địa phương vào lợi ích chung toàn tỉnh và qua đấy làm mất tác dụng của sự tham nhũng và áp lực của chính phủ.

Sau đó người ta đưa ra những đề nghị hạ thấp tư cách cử tri đối với các cấp bầu cử khác nhau. Đề nghị có tính chất cấp tiến nhất trong số những đề nghị ấy do tờ "National" đưa ra, tờ báo này là cơ quan ngôn luận của giới tiểu chủ mang tư tưởng cộng hòa chủ trương mở rộng quyền bầu cử đến tất cả những người trong quân vệ binh quốc gia. Biện pháp này sẽ đem lại quyền bầu cử cho toàn thể giai cấp những người thợ thủ công và chủ hiệu và sẽ mở rộng quyền bầu cử tới mức như luật cải cách ở Anh. Nhưng những hậu quả của biện pháp này ở Pháp sẽ nghiêm trọng hơn nhiều. Tại nước này giai cấp tiểu tư sản bị bọn đại tư bản áp bức và đè nén tới mức là nếu có được quyền bầu cử nó sẽ buộc phải lập tức áp dụng những biện pháp có ý nghĩa tấn công trực diện vào các ông vua túi tiền. Như tôi đã nói trong một bài báo gửi ngài mấy tháng trước đây, giai cấp tiểu tư sản sẽ bị phong trào lôi cuốn đi ngày càng xa hơn, thậm chí trái với cả ý muốn của nó; nó sẽ buộc phải hoặc là giao nộp lại những vị trí đã chiếm lĩnh được, hoặc là liên minh công khai với giai cấp công nhân, mà điều này thì sớm hay muộn cũng sẽ dẫn đến chế độ cộng hòa^{1*}. Tự nó cũng hiểu điều đó tới một chừng mực nhất định. Đại bộ phận giai cấp tiểu tư sản lên tiếng đòi quyền phổ thông đầu phiếu, và những người ủng hộ tờ "National" đưa ra biện pháp đã trình bày ở trên chỉ vì có thể xem nó như bước đầu tiên trên đường dẫn tới cải cách, thì cũng giữ quan điểm như thế. Tuy nhiên trong tất cả các báo ra hàng ngày ở Pa-ri chỉ có độc một tờ báo không muốn thỏa mãn với một thứ gì khác, ngoài quyền phổ thông đầu phiếu, và quan niệm danh từ "chế độ cộng hòa" không chỉ đơn

^{1*} Xem tập này, tr. 269.

thuần là những cải cách chính trị mà kết quả là tình cảnh của giai cấp công nhân rút cục vẫn cứ nghèo khổ như hiện nay, mà còn là những cải cách xã hội nữa, và lại được xác định rõ ràng. Tờ báo đó là tờ "Réforme".

Chớ nên cho rằng phong trào đòi cải cách choán toàn bộ công tác tuyên truyền hiện đang tiến hành ở Pháp lúc này. Điều đó hoàn toàn không đúng! Tại tất cả những bữa tiệc ấy – bất luận là của phái tự do hay là phái dân chủ – thì giai cấp tư sản vẫn chiếm ưu thế; bữa tiệc ở Oóc-lê-ăng là bữa tiệc duy nhất có công nhân tham dự. Song song với những bữa tiệc đó, phong trào công nhân cứ phát triển bình thường, không ồn ào, kín đáo, hầu như không nhận ra được đối với những ai không chịu bỏ công sức quan sát kỹ. Nhưng lúc này nó đang phát triển mãnh liệt hơn bao giờ hết. Chính phủ biết rất rõ điều này. Nó cho phép tổ chức tất cả những bữa tiệc tư sản đó, nhưng tháng Chín vừa rồi khi công nhân ngành in Pa-ri xin phép được tổ chức tiệc hàng năm của họ mà từ trước tới nay họ vẫn tổ chức đều đặn và hoàn toàn không mang tính chất chính trị, thì họ đã bị cự tuyệt. Đứng trước công nhân chính phủ cảm thấy lo sợ đến nỗi không để họ được hưởng chút quyền tự do nào. Nó sợ vì nhân dân đã hoàn toàn từ bỏ mọi mưu đồ bạo động và khởi nghĩa. Chính phủ khao khát bạo động và dùng mọi thủ đoạn có thể có để gây bạo động. Cảnh sát lén lút gài những quả bom nhỏ nhồi những tờ truyền đơn xúi giục nổi loạn, sau khi bom nổ truyền đơn bay tung tóe trên các đường phố. Sự kiện ở công xưởng phố Xanh-Ô-no đã được lợi dụng làm cái cớ để tấn công một cách thô bạo nhất vào nhân dân nhằm mục đích khiêu khích nhân dân bạo động vào dùng bạo lực¹⁸³. Trong vòng hai tuần, chiều nào cũng có hàng vạn người tụ họp trên các đường phố; người ta đã đối xử với họ một cách hèn hạ nhất; họ đã hoàn toàn sẵn sàng dùng vũ lực trả đũa việc dùng vũ lực, nhưng đã kìm lại được; người ta không kiểm được ở họ cái cớ để ban hành sắc luật mới nhằm khóa miệng nhân dân. Và ngài thử

ngắm xem, phải có một sự hiểu biết thâm lắng như thế nào; một sự nhận thức nhất trí như thế nào đang ngự trị trong họ về điều cần làm lúc này; nhân dân Pa-ri phải cố gắng biết chừng nào để nhẫn nhục chịu đựng sự đối xử hèn hạ như vậy và không mưu đồ một cuộc khởi nghĩa vô hy vọng. Thái độ kiềm chế mà chính ngay công nhân Pa-ri – những người ít khi xuống đường mà lại không đập nát tất cả những gì chần ngang đường đi của họ, coi khởi nghĩa là công việc quen thuộc và đi làm cách mạng cũng vui vẻ như đi quán rượu – thể hiện ra đó chứng tỏ một bước tiến to lớn đến chừng nào! Nhưng ngài sẽ làm to nếu như qua đó mà kết luận là nhiệt tình cách mạng của nhân dân đã bắt đầu nguội lạnh. Trái lại, công nhân ở đây cảm thấy sâu sắc hơn bao giờ hết tính tất yếu của một cuộc cách mạng, mà lại là một cuộc cách mạng có cơ sở chắc chắn và triệt để hơn nhiều so với cuộc cách mạng lần thứ nhất. Nhưng qua kinh nghiệm năm 1830 họ biết rằng chỉ nguyên có chiến đấu thì chưa đủ, rằng sau khi đánh tan quân thù rồi họ còn phải thi hành những biện pháp sẽ đảm bảo cho thắng lợi của họ được bền vững, sẽ đập tan chẳng những thế lực chính trị mà còn cả thế lực xã hội của tư bản nữa và đảm bảo cho họ, đi đôi với sức mạnh chính trị là một đời sống xã hội ấm no. Và vì vậy họ rất bình tĩnh chờ đợi giờ hành động của họ, nhưng đồng thời nghiêm túc nghiên cứu những vấn đề kinh tế – xã hội mà việc giải quyết chúng sẽ chỉ ra chính những biện pháp nào mới có thể tạo ra một cơ sở vững chắc cho đời sống ấm no chung. Trong vòng một – hai tháng gì đấy đã bán được trong công nhân các xưởng máy Pa-ri sáu nghìn cuốn sách của Lu-i Blăng "Tổ chức lao động"¹⁸⁴ thêm vào đó cần lưu ý là cuốn sách này đã được xuất bản tới lần thứ năm. Công nhân cũng đọc nhiều sách khác về các vấn đề này. Họ tập hợp thành từng nhóm nhỏ từ mười đến hai mươi người và thảo luận các bản kế hoạch trình bày trong những cuốn sách ấy. Họ ít nói tới cách mạng, – đó là việc không còn nghi ngờ gì nữa, là vấn đề mà tất cả không trừ một ai đều thống nhất; và vào cái giờ phút mà cuộc xung đột giữa nhân dân và

chính phủ trở nên không thể tránh được, thì trong nháy mắt họ sẽ có mặt trên các đường phố và quảng trường, sẽ phá đường, sẽ chắn ngang các phố bằng xe ngựa chở khách nhiều chỗ, xe chở đồ, xe ngựa có mui, sẽ dựng chiến lũy trên mỗi lối đi, sẽ biến mỗi phố nhỏ thành một pháo đài và, quét sạch mọi trở ngại, tiến từ quảng trường Ba-xti-ơ đến cung điện Tuyn-lơ-ri. Và tôi sợ rằng đa số các vị đáng kính tham dự những bữa tiệc ủng hộ cải cách khi ấy sẽ trốn vào một xó xỉnh nào tối nhất trong nhà họ hay sẽ tan tác như những chiếc lá khô trong cơn bão táp nhân dân. Khi ấy các ông Ô-đi-lông Ba-rô, Bô-mông cùng những thần sấm sét khác thuộc phái tự do sẽ tận số, và khi ấy nhân dân sẽ xét xử bọn họ cũng nghiêm khắc như chính bọn họ hiện nay đang xét xử chính phủ bảo thủ.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Mười một 1847

Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 526, ngày 20 tháng Mười một 1847 với lời chú thích của ban biên tập. "Theo phóng viên của bản báo ở Pa-ri"

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu trên tạp chí "Cách mạng vô sản" số 4, năm 1940

PH. ĂNG-GHEN

PHONG TRÀO HIẾN CHƯƠNG¹⁸⁵

Việc khai mạc khóa họp quốc hội mới được bầu lại mà trong số nghị sĩ quốc hội có những đại biểu nổi tiếng của đảng nhân dân, không thể không gây ra sự sôi động lạ thường trong hàng ngũ dân chủ. Các tổ chức địa phương của phái Hiến chương đã được cải tổ tại khắp mọi nơi; số cuộc mít-tinh tăng lên; trong những cuộc mít-tinh ấy người ta đưa ra và thảo luận những đề nghị rất khác nhau về các phương thức hành động. Ban chấp hành Hội Hiến chương đảm nhận công tác lãnh đạo phong trào này, vạch ra trong lời kêu gọi gửi lực lượng dân chủ Anh một kế hoạch vận động mà đảng sẽ theo đuổi trong thời gian khóa họp này.

"Mấy ngày nữa", — lời kêu gọi viết, — "cái nghị viện cá gan tự xưng trước nhân dân là hạ nghị viện nước Anh, sẽ họp. Mấy ngày nữa cái hạ nghị viện ấy, chỉ do một giai cấp của xã hội bầu ra, sẽ bước vào hoạt động bất công và xấu xa của nó, nhằm duy trì lợi ích của giai cấp ấy, làm thiệt hại đến nhân dân.

Cần làm sao để ngay từ đầu quần chúng nhân dân tỏ thái độ phản kháng của họ trước việc cái nghị viện ấy thực hiện những chức năng lập pháp mà nó đã tiếm đoạt. Hỡi những người phái Hiến chương thuộc Vương quốc liên hợp! Các biện pháp để đạt tới điều đó đã ở trong tay các bạn và các bạn có trách nhiệm phải sử dụng chúng. Chúng tôi xin trình các bạn đơn thỉnh nguyện quốc dân mới yêu cầu thực hiện Hiến chương nhân dân. Hãy điền kín đơn thỉnh nguyện bằng hàng triệu chữ ký của các bạn, hãy dốc toàn lực để chúng ta có thể đệ trình nó như là một văn kiện nói lên ý chí của dân tộc, như là một lời phản kháng trịnh trọng của nhân dân chống lại mọi đạo luật ban hành mà không được nhân dân tán thành, và sau hết,

như một dự luật khôi phục chủ quyền mà người ta đã cướp đoạt của nhân dân trong bao nhiêu thế kỷ.

Nhưng đơn thỉnh nguyện tự nó không thể thỏa mãn các yêu cầu lúc này. Thật ra, chúng ta đã chiếm được một ghế trong quốc hội lập pháp, đưa ông Ô' Cô-no vào đó. Các nghị sĩ dân chủ sẽ tìm thấy ở ông một nhà lãnh đạo cẩn thận và tích cực. Nhưng cần làm sao để Ô' Cô-no được *áp lực từ bên ngoài* ủng hộ, mà cái áp lực từ bên ngoài này, cái dư luận mạnh mẽ và hùng hậu này thì chính các bạn là những người phải tạo ra nó. Ở khắp nơi các chi hội của Hội ta phải được tổ chức lại; tất cả các hội viên cũ cần phải trở lại hàng ngũ của chúng ta; cần triệu tập những cuộc mít-tinh ở khắp mọi nơi; cần phải đưa việc thảo luận bản Hiến chương vào chương trình nghị sự ở mọi nơi; tất cả các tổ chức địa phương cần thu hội phí để tăng quỹ của chúng ta. Hãy tích cực lên, hãy nêu lại những mẫu mực về nghị lực vốn có của người Anh, và cuộc vận động giờ đây đang bắt đầu sẽ là cuộc vận động về vang nhất trong tất cả những cuộc vận động mà chúng ta đã từng tổ chức để giành thắng lợi cho lực lượng dân chủ".

Hội "*Những người dân chủ anh em*"¹⁸⁶ gồm các nhà dân chủ của hầu hết các nước châu Âu cũng quyết định tham gia công tác cổ động của những người thuộc phái Hiến chương một cách công khai và vô điều kiện. Hội đã ra quyết nghị như sau:

"Xét rằng nhân dân Anh sẽ chỉ có thể ủng hộ cuộc đấu tranh do lực lượng dân chủ tiến hành ở các nước khác một cách có hiệu quả chỉ sau khi bản thân họ đã giành được cho mình quyền lãnh đạo dân chủ;

rằng hội của chúng tôi, được lập ra để phối hợp lực lượng dân chủ đang tranh đấu ở tất cả mọi nước, có bổn phận phải tham gia cuộc đấu tranh mà những người dân chủ Anh đang tiến hành để giành cải cách bầu cử trên cơ sở bản Hiến chương,

hội "*Những người dân chủ anh em*" có trách nhiệm ủng hộ đợt tuyên truyền cho Hiến chương nhân dân bằng tất cả mọi lực lượng của mình".

Hội anh em này đoàn kết trong hàng ngũ của nó những nhà dân chủ nổi tiếng nhất, cả của Anh cũng như của nước ngoài sống ở Luân Đôn, càng ngày càng có tầm quan trọng lớn hơn. Nó lớn mạnh đến nỗi phái tự do Luân Đôn coi việc đem *Đồng minh quốc tế*¹⁸⁷ tư sản do những nghị sĩ danh tiếng của phái mật dịch tự do lãnh đạo, ra đối chọi lại với nó là có lợi. Mục đích của hội liên

hiệp mới này đứng đầu là tiến sĩ Bao-rinh, đại tá Tô-m-xơn và những người khác đấu tranh cho mật dịch tự do, chủ yếu quy vào việc tuyên truyền cho mật dịch tự do đối với nước ngoài, được che đậy bằng những câu văn nhân ái và tự do. Nhưng hình như chờ đón hội này là sự thành công không được lớn cho lắm. Trong sáu tháng tồn tại, nó hầu như không có gì để xuất đầu lộ diện, trong khi đó thì "*Những người dân chủ anh em*" công khai lên tiếng phản đối mọi hành vi áp bức, dù là của ai đi nữa. Vì vậy lực lượng dân chủ – cả Anh cũng như nước ngoài, – thông qua những đại biểu của nó ở Luân Đôn, đã gia nhập hội "*Những người dân chủ anh em*", đồng thời tuyên bố sẽ không để người ta lợi dụng nó vào những lợi ích của bọn chủ xưởng nước Anh chủ trương mật dịch tự do.

Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 21 tháng Mười một 1847

Đã đăng trên báo "La Réforme" ngày 22 tháng Mười một 1847

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Pháp

PH. ĂNG-GHEN

SỰ PHÂN LIỆT TRONG HÀNG NGŨ
CỦA PHÁI CẢI CÁCH. – CÁC TỜ BÁO
"RÉFORME" VÀ "NATIONAL". –
NHỮNG THÀNH TỰU CỦA PHONG TRÀO
DÂN CHỦ

Từ ngày tôi viết bức thư cuối cùng^{1*}, đã có những bữa tiệc tổ chức ở Li-lơ, A-vanh và Va-lan-xi-en. Bữa tiệc ở A-vanh mang tính chất lập hiến thuần túy, ở Va-lan-xi-en mang tính chất thỏa hiệp, còn ở Li-lơ thì lực lượng dân chủ đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định đối với những mưu kế của giai cấp tư sản. Tôi xin thông báo vắn tắt những sự kiện có liên quan đến cuộc họp quan trọng này.

Ngoài những người tự do và những người ủng hộ tờ "National" ra còn có một số người dân chủ thuộc tờ "Réforme" nữa; nhận lời mời có các ông Lơ-đruy-Rô-lanh và Phlô-công, biên tập viên tờ báo thứ hai trong số những tờ báo nêu ở trên. Ông Ô-đi-lông Ba-rô, một người thét ra lửa từ thiện của giai cấp tư sản, cũng

^{1*} Xem tập này, tr. 506-516.

được mời. Mọi việc đã đầu vào đây, các bài diễn văn nâng cốc đã chuẩn bị xong thì dùng một cái ông Ô-đi-lông Ba-rô tuyên bố rằng ông ta không thể tham dự cũng như không thể đọc diễn từ nâng cốc "chúc mừng cải cách nghị viện" của ông ta nếu như không bổ sung thêm những từ xác định cuộc cải cách đó "như một phương sách bảo đảm sự trong sáng và tinh thần chân chính của các thể chế giành được vào tháng Bảy 1830". Những lời bổ sung như vậy, đương nhiên, sẽ làm cho những người cộng hòa không thể tham dự được. Việc này làm cho ban tổ chức hoàn toàn bối rối, nhưng ông Ba-rô vẫn một mực khẳng định. Cuối cùng, người ta thỏa thuận là để cho hội nghị tự quyết định lấy vấn đề. Tuy nhiên, hội nghị đã tuyên bố một cách hoàn toàn không úp mở rằng hội nghị không muốn có sự thay đổi nào trong chương trình và không có ý định vi phạm những quy ước đối với các nhà dân chủ đã có mặt tại Li-lơ. Ông Ô-đi-lông Ba-rô khinh bỉ bỏ đi cùng tất cả đoàn tùy tùng của ông ta gồm những nghị sĩ tự do và những biên tập viên. Người ta cử người đi mời các ông Phlô-công và Lơ-đruy-Rô-lanh; bữa tiệc được tổ chức bất chấp những người tự do, và bài diễn văn của ông Lơ-đruy đã được đón tiếp bằng những tràng vỗ tay nhiệt liệt.

Như vậy là mưu mô phản bội của những người ủng hộ cải cách trong giới tư sản đã kết thúc bằng thắng lợi vẻ vang của lực lượng dân chủ. Ông Ô-đi-lông Ba-rô buộc lòng phải chuẩn một cách nhục nhã và sẽ không khi nào còn dám vác mặt đến thành phố dân chủ Li-lơ nữa. Lý do duy nhất ông ta đưa ra để bào chữa cho mình là hình như ông ta được biết các vị thuộc tờ "Réforme" có ý định lợi dụng bữa tiệc ở Li-lơ để làm cách mạng. Và chuyện này lại vào lúc hoàn toàn thanh bình!

Mấy ngày sau ông Ba-rô được an ủi đôi chút tại bữa tiệc ở A-vanh, bữa tiệc này chẳng hơn gì một cuộc họp mặt gia đình của

một số ngài tự do tư sản. Tại đây ông ta đã lấy làm vui sướng được đọc diễn văn nâng cốc chúc tụng nhà vua. Nhưng tại Va-lan-xi-en ông ta lại đành phải từ bỏ bài diễn văn nâng cốc yêu thích của mình, từng chịu số phận hẩm hiu như vậy ở Li-lơ. Người ta không cạ chén mừng sức khỏe nhà vua, mặc dù ở Va-lan-xi-en không có sự tham dự của những nhân vật đáng sợ có khả năng tổ chức cách mạng vào bất kỳ khoảnh khắc nào! Vị thần sét bị ném đòn thất bại sẽ buộc phải nén lòng phần nộ cao thượng của y lại cho tới khi nào y lại sẽ có được cái dịp chửi bới "chủ nghĩa vô chính phủ", "việc tuyên truyền sử dụng bạo lực", "chủ nghĩa cộng sản" tại một bữa tiệc kín đáo khác nào đó, trước mặt những chủ cửa hàng bán thực phẩm phụ và bán nền rất đổi ngạc nhiên của một thị trấn tỉnh lẻ nào đó.

Bữa tiệc ở Li-lơ đã gây ra cuộc bút chiến cực kỳ sôi nổi trên báo chí. Báo chí bảo thủ thì hân hoan vui sướng nhân có những bất đồng trong hàng ngũ những người ủng hộ cải cách. Tờ "Constitutionnel" cũ kỹ và tẻ nhạt của ông Chi-e và tờ báo "riêng" của Ba-rô "Siècle" bắt đầu bị ngợp trong nỗi lo sợ khủng khiếp.

"Không", — hướng về đám cử tọa chủ quán của mình, tờ "Siècle" phần nộ thốt lên, — "không, chúng ta hoàn toàn không thuộc vào số người vô chính phủ ấy, chúng ta không có tí gì giống với những kẻ phục hồi nền thống trị khủng bố ấy, với những kẻ kẻ tặc Ma-rát và Rô-be-xpi-e ấy. Chúng ta thà chọn chế độ hiện hành, cho dù nó có tồi tệ hơn hiện nay một trăm lần đi nữa, còn hơn là sự thống trị đẫm máu của bọn chúng!".

Hoàn toàn đúng! Những người buôn bán thực phẩm phụ và nền yêu chuộng hòa bình ấy đội mũ ngủ trắng xem ra sẽ thích hợp hơn gấp trăm lần so với đội chiếc mũ đỏ của người thuộc phái Gia-cô-banh. Đồng thời, khi té tát vào tờ "Réforme" những lời chửi bới đê tiện và giận dữ nhất thì những tờ báo này lại đối xử với tờ "National" một cách vô cùng tôn kính. Mà thực vậy, vì trường

hợp này mà tờ "National" càng tỏ ra mờ ám hơn. Ngay từ khi có bữa tiệc ở Côn tờ báo này đã chê trách thái độ của hàng loạt nhà dân chủ không muốn tham dự tiệc vì có đề nghị nâng cốc chúc sức khỏe nhà vua. Bây giờ nó lại còn tỏ ra rất lạnh nhạt với bữa tiệc ở Li-lơ và tỏ ý lấy làm tiếc rằng cuộc biểu tình này bị lộn xộn mất một lát; cùng thời gian này cả một loạt đồng minh của tờ "National" ở tỉnh lẻ đã công khai phê phán thái độ của các ông Lơ-đruy và Phlô-công. Nhân dịp này tờ "Réforme" yêu cầu tờ báo đó phát biểu ý kiến cho rõ ràng hơn. Tờ "National" tuyên bố rằng bài báo của nó đủ rõ rồi. Thế là tờ "Réforme" hỏi, trường hợp đáng tiếc ở Li-lơ có nghĩa là thế nào? Các ông tiếc cái gì? Các ông tiếc cho thái độ của ông Ba-rô hay là cho thái độ của ông Lơ-đruy-Rô-lanh? Các ông có tiếc cho thái độ càn rỡ của ông Ba-rô hay cho thất bại của ông ta không? Có thể là các ông tiếc cho bài diễn văn của ông Lơ-đruy nhằm bảo vệ quyền phổ thông đầu phiếu chăng? Hay là cho thất bại của chế độ quân chủ và cho thắng lợi của nền dân chủ? Các ông có tán thành những điều mà các bạn đồng minh của các ông ở tỉnh lẻ phát biểu về vấn đề này hay không? Liệu các ông có tán đồng trước những lời ca ngợi của tờ "Siècle" hay không và có hoan nghênh những lời chửi bới mà nó té tát vào chúng tôi không? Liệu các ông có khuyên người bạn của các ông — ông Ma-ri—nên nhượng bộ, nếu như ở Oóc-lê-ăng ông Ô-di-lông Ba-rô đề ra những yêu cầu tương tự hay không? Tờ "National" trả lời rằng vì nghĩ đến đảng mà nó sẽ nén lòng không luận chiến với tờ "Réforme" nữa, rằng nó không chịu trách nhiệm về những bài báo mà "*bạn*" của nó gửi cho các tờ báo tỉnh lẻ; còn về những vấn đề khác thì quá khứ của tờ "National" cho phép nó không cần đếm xỉa đến và không cần trả lời cho nhọc xác. Tờ "Réforme" đã đăng nguyên văn toàn bộ bài trả lời ấy với độc một ý kiến nhận xét: "Vấn đề này còn chưa giải quyết". Giờ đây những người dân chủ có trước mắt

mình những tài liệu – họ có thể tự mình xét đoán mọi việc. Họ đã làm như vậy. Một số lớn báo Pháp cấp tiến và thậm chí cả tờ do nữ đã phát biểu tán thành tờ "Réforme" với những lời lẽ kiên quyết nhất.

Thái độ của tờ "National", không nghi ngờ gì nữa, đáng bị phê phán một cách nghiêm khắc nhất. Tờ báo này càng ngày càng bị giai cấp tư sản sỏ mũi. Trong thời gian gần đây nó luôn luôn phản bội sự nghiệp của lực lượng dân chủ vào những giờ phút quyết định, nó thường xuyên tuyên truyền liên minh với giai cấp tư sản và nhiều lần chỉ phục vụ cho những lợi ích của Chi-e và Ô-đi-lông Ba-rô. Nếu như trong thời gian sắp tới đây tờ "National" không thay đổi thái độ của nó thì người ta sẽ không còn coi nó là một tờ báo dân chủ nữa. Còn trong vụ Li-lơ này, chỉ vì một nỗi có ác cảm cá nhân đối với những người có xu hướng cấp tiến hơn bản thân mình mà tờ "National" đã không do dự đem hy sinh chính ngay những nguyên tắc mà chính nó đã đặt làm cơ sở cho sự liên minh với những người thuộc phái tự do tổ chức những bữa tiệc. Sau khi sự việc đã xảy ra, tại các bữa tiệc sắp tới tờ "National" sẽ không bao giờ còn có thể chống đối một cách nghiêm chỉnh việc đọc những diễn từ nâng cốc chúc tụng nhà vua. "Quá khứ" của tờ "National" cũng tuyệt nhiên không được rục rờ cho lắm khiến nó có thể cho phép mình lờ tít những vấn đề của đồng nghiệp của mình đi. Chỉ cần nhớ lại việc nó bênh vực cho những Ba-xti-ơ ở Pa-ri là đủ!¹⁸⁸.

P.S.Trong tuần này đã tổ chức bữa tiệc của những người ủng hộ cải cách ở Đi-giông. Có một nghìn ba trăm người tới dự tiệc. Đây là một bữa tiệc dân chủ thực sự. Đương nhiên, không có diễn từ chúc tụng nhà vua. Tất cả diễn giả đều thuộc phái báo "Réforme". Những người chủ chốt trong số đó là các ông Lu-i Bẫng, Phlô-công, Ê.A-ra-gô và Lơ-đruy-Rô-lanh. Ông Phlô-công, chủ bút báo

"Réforme", đã nâng cốc chúc mừng các nhà dân chủ ở các nước khác và với lòng kính trọng rất mực ông có lời nhận xét về phái Hiến chương nước Anh. Tuần tới tôi sẽ thông báo với ngài trọn vẹn nội dung bài diễn văn của ông ta cũng như sẽ cung cấp bản báo cáo đầy đủ về tiến trình chung của cuộc họp cực kỳ quan trọng này¹⁸⁹.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Mười
một 1847*

*Đã đăng trên báo "The Northern Star" số
528, ngày 4 tháng Chạp 1847*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu
tiên trên tạp chí "Những vấn
đề lịch sử" số 11, năm 1955*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BÀN VỀ BA LAN¹⁹⁰

NHỮNG BÀI DIỄN VĂN TRONG CUỘC MÍT-TINH QUỐC TẾ
Ở LUÂN ĐÔN, KỶ NIỆM 17 NĂM CUỘC KHÔI NGHĨA
CỦA BA LAN NĂM 1830, NGÀY 29 THÁNG MƯỜI MỘT 1847

DIỄN VĂN CỦA MÁC

Tình đoàn kết và tình anh em giữa các dân tộc là câu cửa miệng hiện nay của tất cả mọi đảng phái và đặc biệt là của những người tư sản chủ trương mậu dịch tự do. Thực vậy, có một loại liên minh anh em của các giai cấp tư sản tất cả mọi dân tộc. Đó là liên minh anh em của những kẻ đi áp bức chống lại những người bị áp bức, của những kẻ bóc lột chống lại những người bị bóc lột. Giai cấp tư sản một nước nào đó đoàn kết và gắn bó với nhau bởi những quan hệ hữu ái nhằm chống lại những người vô sản nước đó, mặc dù có sự cạnh tranh và đấu tranh giữa các nhà tư sản riêng lẻ với nhau cũng giống như giai cấp tư sản tất cả các nước gắn bó với nhau bởi những quan hệ hữu ái và liên kết lại nhằm chống lại những người vô sản tất cả mọi nước, mặc dù có sự đấu tranh và cạnh tranh giữa họ với nhau trên thị trường thế giới. Muốn cho các dân tộc có thể thực sự đoàn kết lại thì họ phải có những lợi ích chung. Muốn cho những lợi ích của họ trở

thành lợi ích chung thì những quan hệ sở hữu hiện có phải bị thủ tiêu, bởi lẽ những quan hệ sở hữu hiện tạo điều kiện cho một số dân tộc này bóc lột một số dân tộc khác; chỉ có giai cấp công nhân là thiết tha với việc thủ tiêu những quan hệ sở hữu hiện tồn. Duy chỉ có mình nó mới có thể làm được việc này. Giai cấp vô sản chiến thắng giai cấp tư sản đồng thời còn có nghĩa là khắc phục tất cả những cuộc xung đột dân tộc và xung đột công nghiệp hiện nay đang sinh ra sự thù hằn giữa các dân tộc. Vì vậy mà thắng lợi của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản đồng thời còn là dấu hiệu giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức.

Nước Ba Lan cũ dĩ nhiên đã bị diệt vong, và hơn ai hết, chúng ta không mong muốn nó được phục hồi. Nhưng bị diệt vong chẳng phải chỉ có Ba Lan cũ. Nước Pháp cũ, nước Đức cũ, nước Anh cũ – toàn bộ cái xã hội cũ đã hết thời của nó. Nhưng sự diệt vong của xã hội cũ không phải là một sự mất mát đối với những ai chẳng có gì để mà mất trong xã hội cũ, mà tại tất cả các nước hiện đại thì tuyệt đại đa số là ở trong tình cảnh ấy. Hơn thế nữa, họ phải được hưởng tất cả nhờ vào sự diệt vong của xã hội cũ – sự diệt vong sẽ dẫn tới việc hình thành một xã hội mới không còn dựa trên cơ sở những đối lập giai cấp nữa.

So với các nước khác, Anh là nước mà ở đó sự đối lập giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đã đạt tới trình độ phát triển cao hơn cả. Do vậy thắng lợi của những người vô sản Anh đối với giai cấp tư sản Anh có ý nghĩa quyết định cho sự thắng lợi của tất cả những người bị áp bức đối với những kẻ áp bức họ. Đó là nguyên nhân vì sao mà phải giải phóng Ba Lan không phải ở Ba Lan mà là ở Anh. Bởi vậy các bạn, những người thuộc phái Hiến chương, không được giới hạn ở việc phát biểu những nguyện vọng tốt đẹp về sự giải phóng các dân tộc. Hãy đập tan những kẻ thù bên trong của chính các bạn, và khi ấy các bạn sẽ có quyền nhận thức một cách tự hào rằng các bạn đã đập tan toàn bộ xã hội cũ.

DIỄN VĂN CỦA ĂNG-GHEN

Thưa các bạn của tôi, cho phép tôi hôm nay được phát biểu trong trường hợp ngoại lệ, với tư cách một người Đức. Chúng tôi, những người dân chủ Đức, đặc biệt quan tâm đến việc giải phóng Ba Lan. Chính bọn vua chúa Đức đã được lợi trong việc chia cắt Ba Lan, chính binh lính Đức ngay cả bây giờ vẫn đang áp bức Ga-li-xi và Pô-dơ-nan. Những người Đức chúng tôi, những người dân chủ Đức chúng tôi trước tiên cần rửa sạch cho dân tộc chúng tôi cái vết nhơ này. Không một dân tộc nào có thể trở thành tự do trong khi còn tiếp tục áp bức những dân tộc khác. Cho nên, việc giải phóng nước Đức không thể thực hiện được nếu không giải phóng Ba Lan khỏi ách áp bức của người Đức. Đó là lý do vì sao mà Ba Lan và Đức lại có những lợi ích chung, vì sao những người dân chủ Ba Lan và Đức có thể cùng nhau hoạt động cho sự nghiệp giải phóng cả hai dân tộc. – Tôi cũng có ý kiến là đòn đánh quyết định đầu tiên dẫn tới thắng lợi của lực lượng dân chủ, tới việc giải phóng tất cả các nước châu Âu, sẽ do phái Hiến chương Anh giáng xuống; tôi đã sống ở Anh mấy năm và trong khoảng thời gian ấy tôi đã công khai tham gia phong trào Hiến chương. Phái Hiến chương Anh sẽ là những người đầu tiên vùng đứng lên vì chính ở nước Anh cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản đã đạt tới mức mãnh liệt nhất. Mà vì sao nó đạt tới mức mãnh liệt nhất? Vì nhờ có nền công nghiệp hiện đại, nhờ có việc sử dụng máy móc, mà ở Anh tất cả các giai cấp bị áp bức hợp lại thành một giai cấp lớn lao duy nhất có lợi ích chung – giai cấp vô sản; vì thế cho nên trong phe đối lập, tất cả các giai cấp áp bức cũng liên kết lại thành một giai cấp duy nhất – giai cấp tư sản. Như vậy là cuộc đấu tranh trở thành đơn giản và vì vậy nó có thể được giải quyết bằng một đòn đánh mạnh mẽ duy

nhất. Chẳng lẽ lại không như vậy sao? Tầng lớp quý tộc ở Anh không còn nắm được chút quyền lực nào nữa, riêng giai cấp tư sản thống trị mà thôi, và giai cấp tư sản dẫn dắt tầng lớp quý tộc đi theo. Nhưng đối lập với giai cấp tư sản là đông đảo toàn thể quần chúng nhân dân, đoàn kết thành một đội ngũ đáng sợ, mà thắng lợi của quần chúng này đối với bọn tư bản hiện đang thống trị thì ngày một tới gần. Và chính nhờ nền sản xuất cơ giới mà các bạn mới xóa bỏ được tình trạng bất đồng về lợi ích trước kia đã từng chia rẽ các tầng lớp công nhân khác nhau, mới có được sự san bằng về mức sống cho tất cả mọi công nhân đó; không có nền sản xuất cơ giới thì sẽ không có phong trào Hiến chương, và thậm chí nếu như nó làm cho tình cảnh của các bạn xấu đi trong lúc này thì chính vẫn cứ nhờ vậy mà nó làm cho thắng lợi của chúng ta có thể đạt được. Nhưng chẳng phải chỉ có ở Anh, mà ở tất cả các nước khác nền sản xuất cơ giới cũng đều có ảnh hưởng như vậy đối với công nhân. Ở Bỉ, ở Mỹ, ở Pháp, ở Đức nó đều cào bằng tình cảnh của tất cả công nhân và càng ngày càng cào bằng nhiều hơn; hiện nay tại tất cả các nước này công nhân thiết tha với cùng một việc, đó là lật đổ giai cấp áp bức họ – giai cấp tư sản. Sự san bằng mức sống đó, tính chất đồng nhất về lợi ích đảng của công nhân tất cả các dân tộc đó là kết quả của nền sản xuất cơ giới, và vì thế mà nền sản xuất cơ giới tiếp tục là một sự tiến bộ lịch sử lớn lao. Qua đây chúng ta cần rút ra kết luận gì? Bởi lẽ tình cảnh của công nhân tất cả các nước đều giống nhau, bởi lẽ lợi ích của họ thống nhất, những kẻ thù của họ cùng là một, cho nên họ cần hiệp lực đấu tranh chung và họ cần đem liên minh anh em của công nhân tất cả các dân tộc đối lập với cái liên minh anh em của giai cấp tư sản tất cả các dân tộc.

Đã đăng trên báo "Deutsche – Brüsseler – Zeitung" số 98, ngày 9 tháng Chạp 1847

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

KỶ NIỆM CUỘC CÁCH MẠNG BA LAN NĂM 1830¹⁹¹

Thưa ngài!

Tôi tới đây tối hôm qua, đúng lúc kịp đi dự cuộc mít-tinh quần chúng tổ chức để kỷ niệm cuộc cách mạng Ba Lan năm 1830.

Tôi có dịp dự nhiều cuộc họp loại này, nhưng tôi không thấy ở đâu sự nhiệt tình phổ biến như thế, sự đồng tâm nhất trí hoàn toàn và chân tình như vậy giữa những con người thuộc các dân tộc khác nhau.

Ghế chủ tịch được trao cho ông Ác-nốt, một công nhân Anh.

Đọc diễn văn đầu tiên là ông Éc-ne-xtơ Giôn-xơ, biên tập viên tờ "Northern Star", là người tuy có lên án thái độ của tầng lớp quý tộc Ba Lan trong thời kỳ khởi nghĩa năm 1830, song đã nhiệt liệt hoan nghênh những cố gắng mà Ba Lan đã thực hiện để vứt bỏ cái ách của những kẻ áp bức họ. Bài diễn văn mạnh mẽ, xuất sắc của ông đã được những tràng vỗ tay nhiệt liệt.

Sau ông đến ông Mi-slô lên đọc diễn văn bằng tiếng Pháp.

Người phát biểu tiếp sau đó là ông Sáp-pơ, một người Đức. Ông báo cáo với hội nghị rằng Hội dân chủ Bruy-xen¹⁹² đã cử tới Luân Đôn ông Mác, một nhà dân chủ Đức, một trong số phó chủ

tịch Hội, để đặt quan hệ thông tin giữa Hội dân chủ Bruy-xen và hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn, cũng như để chuẩn bị cho việc triệu tập đại hội đại biểu dân chủ các nước châu Âu.

Sự xuất hiện của ông Mác trên diễn đàn được hội nghị chào đón bằng những tràng vỗ tay kéo dài.

Trong bài diễn văn đọc bằng tiếng Đức và do ông Sáp-pơ dịch, ông Mác tuyên bố là hiệu lệnh giải phóng Ba Lan sẽ do nước Anh phát ra. Ba Lan, ông nói, sẽ chỉ được tự do khi nào các nước văn minh ở Tây Âu giành được chế độ dân chủ. Mà trong số tất cả các nước châu Âu, nước Anh có phong trào dân chủ mạnh mẽ hơn cả, đông đảo hơn cả, được tổ chức trên quy mô cả nước. Chính tại Anh mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đã đạt tới trình độ phát triển cao nhất của nó và trận chiến đấu quyết định giữa hai giai cấp xã hội này ngày càng trở nên không tránh khỏi. Vì vậy, có lẽ chắc chắn hơn cả, chính tại Anh sẽ khởi đầu trận đánh kết thúc bằng sự toàn thắng của lực lượng dân chủ và trong đó cả những công xiềng của Ba Lan cũng sẽ bị đập tan. Thành công của những người dân chủ khác ở châu Âu phụ thuộc vào thắng lợi của phái Hiến chương Anh, cho nên, cả Ba Lan nữa cũng sẽ nhờ có nước Anh mà được giải thoát.

Sau đó ông Hác-ni, chủ bút báo "Northern Star", đã tỏ lòng cảm ơn các nhà dân chủ Bruy-xen về việc ngay từ đầu họ đã đến với những người dân chủ Luân Đôn mà không coi trọng những khoản tiền ứng trước của các nhà tư sản trong Đồng minh quốc tế ở Luân Đôn – một hội được bọn người chủ trương mậu dịch tự do lập ra nhằm mục đích lợi dụng những người dân chủ nước ngoài vì lợi ích của mậu dịch tự do và để cạnh tranh với hội "Những người dân chủ anh em", hầu như chỉ gồm toàn công nhân.

Tiếp đó ông Ăng-ghe-nơ, một nhà dân chủ Đức từ Pa-ri tới, lên

đọc diễn văn, đã tuyên bố rằng nước Đức đặc biệt thiết tha với việc giải phóng Ba Lan, bởi vì chế độ độc tài của các chính phủ Đức mở rộng sang cả một phần Ba Lan. Lực lượng dân chủ Đức phải coi việc kết liễu chế độ bạo tàn bóc lột nước Đức ấy là trách nhiệm trực tiếp của họ.

Trong một bài diễn văn mạnh mẽ, ông Tê-đê-xcô, từ Li-e-giơ tới, đã cảm tạ những chiến sĩ Ba Lan năm 1830 về việc họ đã công khai tuyên bố nguyên tắc khởi nghĩa. Bài diễn văn của ông, do ông Sáp-pơ dịch, được kèm theo những tràng vỗ tay vang dậy.

Sau bài nói ngắn gọn của ông Sác-lơ Kín, đại tá Ô-boóc-xki đã thay mặt người Ba Lan đọc đáp từ.

Người cuối cùng lên nói trước cuộc mít-tinh là ông Uyn-xơn, một công nhân Anh, người mà mới đây thôi, do có sự phản đối quyết liệt của ông mà suýt nữa thì giải tán được một cuộc mít-tinh của Đồng minh quốc tế.

Theo đề nghị của các ông Hác-ni và Ăng-ghen hội nghị đã vỗ tay vang dậy ba lần chào mừng ba tờ báo dân chủ lớn của châu Âu: "Réforme", "Northern Star" và "Deutsche – Brüsseler – Zeitung"; theo đề nghị của ông Sáp-pơ, hội nghị hô vang ba lần phản đối ba tờ báo phản dân chủ: "Journal des Debats", "Times" và "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc.

Cuộc mít-tinh kết thúc bằng bài "Mác-xây-e" mà tất cả những người dự mít-tinh đều đứng dậy, bỏ mũ hát vang.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 30 tháng Mười
một 1847
Đã đăng trên báo "La Réforme" ngày 5
tháng Chạp 1847*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

TIỂU LUẬN CHỐNG A. BÁC-TEN-XƠ¹⁹³

Ông A-đôn-phơ Bác-ten-xơ khẳng định rằng sinh hoạt xã hội của ông đã chấm dứt. Và thực vậy, ông đã lui hẳn về với cuộc sống riêng. Mỗi lần có một sự kiện chính trị gì đó xảy ra ông đều hạn chế ở việc cho công bố những lời phản kháng và tuyên bố tương lên để mọi người nghe thấy rằng ra điều ông ta thuộc về bản thân mình, rằng phong trào phát sinh không có sự tham gia của ông ta, ông Bác-ten-xơ, và trái với ý muốn của ông ta, tức ông Bác-ten-xơ, và rằng ông ta cho mình có quyền từ chối không phê chuẩn nó với tư cách cấp tối cao. Ai cũng đồng ý rằng hình thức tham gia hoạt động xã hội đó chẳng khác gì với bất kỳ hình thức nào khác, rằng với tất cả những lời tuyên bố, những lời công bố và những lời phản kháng ấy con người xã hội chỉ tự che giấu bằng cái bề ngoài khiêm tốn của con người cá nhân mà thôi. Một thiên tài không ai hiểu nổi và không được thừa nhận thường xuất đầu lộ diện chính bằng cách ấy.

Ông A.Bác-ten-xơ thừa biết rằng, khi tổ chức ra liên minh mang cái tên Hội dân chủ, những người dân chủ thuộc các dân tộc khác nhau không đặt ra cho mình một mục đích gì khác, ngoài việc trao đổi ý kiến và đạt tới một sự hiểu biết lẫn nhau về các nguyên tắc sẽ có thể phục vụ cho việc đoàn kết và tình hữu ái giữa các dân tộc. Lẽ đương nhiên là trong một hội đề ra cho mình mục

đích như vậy thì trách nhiệm của tất cả mọi người nước ngoài là phải chân thành trình bày những quan điểm của họ, và mỗi lần họ có ý kiến để thực hiện nghĩa vụ của họ đối với hội mà họ tham gia mà lại cứ gọi họ là *những nhà giáo huấn* thì thật là nực cười. Nếu như ông A.Bác-ten-xơ buộc tội những người nước ngoài là có ý muốn răn dạy mọi người thì đây chẳng qua chỉ là vì họ cự tuyệt nghe những lời răn dạy của chính ông ta mà thôi.

Không còn nghi ngờ gì nữa, ông A.Bác-ten-xơ sẽ nhớ lại là ở ban chấp hành lâm thời mà ông ta là một ủy viên, ông ta thậm chí còn đề nghị lấy Hội công nhân Đức¹⁹⁴ là *hạt nhân* cho hội mới. Tôi buộc phải thay mặt công nhân Đức bác đề nghị ấy đi. Có phải ông A.Bác-ten-xơ muốn thừa cơ đặt cạm bẫy cho chúng tôi để tạo cho mình cái khả năng sau này sử dụng tới sự tố giác hay không?

Tất nhiên, ông A.Bác-ten-xơ có thể tha hồ chửi rủa những quan điểm của chúng tôi là "đê hèn và man rợ". Ông ta không phê phán, ông ta không chứng minh, ông ta chỉ trích và bộc lộ tính chất chính thống của ông ta khi người ta chỉ trích quá sớm những gì ông ta không hiểu.

Chúng tôi có tinh thần chịu đựng hơn ông A.Bác-ten-xơ. Chúng tôi bỏ qua cho ông ta cái "chứng nghi bệnh" của ông mang tính chất hoàn toàn vô hại.

Bởi lẽ ông A.Bác-ten-xơ là một nhà thần quyền hơn là một nhà dân chủ, nên việc ông ta tìm thấy ở "Journal de Bruxelles"¹⁹⁵ một người bạn đồng minh cho ông ta là hoàn toàn hợp lẽ tự nhiên. Tờ báo này buộc tội chúng tôi có ý đồ "*cải thiện nhân loại*". Hãy cứ để nó được yên tâm. May thay, những người Đức chúng tôi không phải không biết là kể từ năm 1640 việc đặc quyền cải thiện nhân loại đã hoàn toàn thuộc về Hội "*de propaganda fide*"¹⁹⁶. Chúng tôi quá bình thường và quá nhỏ bé để có thể ước muốn cạnh tranh với các vị cha cố đáng kính trong cái nghề nhân ái

này. Hãy cứ để họ bỏ công sức so sánh bài tường thuật của tờ "Deutsche – Brüsseler – Zeitung" với bài tường thuật của tờ "Northern Star" và họ sẽ có thể tin rằng chỉ vì nhầm lẫn mà tờ "Northern Star" đã đặt vào miệng tôi câu nói những lời: "Các bạn thuộc phái Hiến chương... các bạn sẽ được chào đón như *những vị cứu tinh của nhân loại*"¹⁹⁷.

Được xuất phát từ tinh thần nhân từ còn to lớn hơn, tờ "Journal de Bruxelles" nhắc chúng tôi nhớ tới tấm gương của *A-na-hác-xít Clô-ốt-xơ*, người đã kết thúc cuộc đời trên đoạn đầu đài vì đã có ý định làm người yêu nước hơn cả những nhà ái quốc những năm 1793 và 1794. Về phương diện này không thể trách gì được các vị cha cố đáng kính. Họ chưa bao giờ yêu nước hơn những người yêu nước. Ngược lại, ở đâu và bao giờ người ta cũng buộc tội họ đã ra sức phản động hơn những kẻ phản động, và, còn tệ hơn thế nữa, họ mong muốn trở thành một chính phủ ở mức độ lớn hơn là chính ngay chính phủ quốc gia. Khi chúng tôi nghĩ tới kinh nghiệm đáng buồn mới đây của họ ở Thụy Sĩ, thì chúng tôi sẵn sàng công nhận rằng những lần họ nghiêm khắc cảnh cáo chúng tôi để chúng tôi tránh được điều cực đoan ngược lại và những nỗi nguy hiểm tương tự, là họ xuất phát từ lòng khoan dung rất xứng đáng với những tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên. Chúng tôi xin bày tỏ với họ lòng biết ơn về điều đó.

Do C.Mác viết khoảng 17 tháng Chạp 1847
Đã đăng bằng tiếng Pháp trên báo
"Deutsche – Brüsseler – Zeitung" số 101,
ngày 19 tháng Chạp 1847
Ký tên: Các Mác

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp

C.MÁC

LA-MÁC-TIN VÀ CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Bruy-xen, ngày 24 tháng Chạp. Các báo Pháp lại đăng bức thư của ông La-mác-tin. Lần này thì vấn đề nói đến là về chủ nghĩa cộng sản mà nhà thơ – nhà xã hội chủ nghĩa, rút cục, đã phải bày tỏ thẳng ý kiến của mình về chủ nghĩa cộng sản vì bị Ca-bê bức bách. Đồng thời La-mác-tin hứa là trong thời gian gần đây nhất sẽ đề cập tới "đề tài quan trọng" này một cách thật *chi tiết*. Còn hiện giờ thì ông ta đành bằng lòng với mấy câu châm ngôn ngắn gọn có tính chất tiên tri.

"Quan điểm của tôi về chủ nghĩa cộng sản", – ông ta nói, – "có thể được diễn đạt một cách ngắn gọn bằng *cảm giác* (!), tức là bằng cách sau đây: nếu như Thượng đế trao cho tôi một xã hội người mọi rợ để khai hóa họ và làm cho họ trở thành những người có văn hóa, thì cái chế độ đầu tiên tôi sẽ trao cho họ là chế độ sở hữu".

"Việc con người chiếm đoạt những yếu tố về làm sở hữu của mình", – ông La-mác-tin nói tiếp, – "là một quy luật của tự nhiên và là một điều kiện sống. Con người chiếm lấy cho mình không khí khi con người hô hấp, chiếm không gian khi vận động, chiếm đất đai khi canh tác nó, và thậm chí chiếm cả thời gian khi làm cho mình trở nên bất diệt qua con cháu của mình; chế độ sở hữu là tổ chức của nguyên lý sống trong vũ trụ; chủ nghĩa cộng sản sẽ là cái chết đối với lao động và đối với toàn nhân loại".

"Ước mơ của ông", – ông La-mác-tin cuối cùng an ủi ông Ca-bê, – "quá ư đẹp để đối với hành tinh này".

Như vậy là ông La-mác-tin chiến đấu chống chủ nghĩa cộng sản, và ông ta chẳng những chỉ có chiến đấu chống lại chế độ cộng sản mà còn cầm vũ khí lên bảo vệ "tính chất vĩnh cửu của chế độ tư hữu". Bởi lẽ "cảm giác" của ông ta mách bảo ông ta ba điều: 1) chế độ sở hữu khai hóa con người; 2) nó là tổ chức của nguyên lý sống trong vũ trụ và 3) mặt đối lập của nó – chủ nghĩa cộng sản – là một ước mơ quá ư đẹp để đối với cái thế giới thối nát này.

Không nghi ngờ gì nữa, ông La-mác-tin "cảm thấy" một thế giới tốt đẹp hơn, trong đó "nguyên lý sống" "được tổ chức" một cách khác đi. Nhưng trong cái thế giới thối nát này "sự chiếm hữu" vẫn cứ là điều kiện sống.

Chúng tôi chẳng cần phân tích cái cảm giác mơ hồ của ông La-mác-tin mới phát hiện thấy những mâu thuẫn vốn có nơi ông ta. Chúng tôi chỉ xin nêu ra một mâu thuẫn thôi. Ông La-mác-tin tưởng là đã chứng minh tính chất vĩnh cửu của chế độ sở hữu tư sản bằng việc ông ta chỉ ra rằng chế độ sở hữu nhìn chung hình thành nên giai đoạn quá độ từ trạng thái dã man lên trạng thái văn minh, và bằng việc ông ta giải thích rằng đối với quá trình hô hấp và đẻ con, quyền sở hữu cũng là một tiền đề y như thế đối với chế độ tư hữu đang tồn tại trong xã hội.

Ông La-mác-tin không thấy có sự khác nhau gì giữa thời đại quá độ từ dã man lên văn minh với thời đại của chúng ta, cũng như ông ta không thấy những sự khác nhau giữa "sự chiếm hữu" không khí với "sự chiếm hữu" sản phẩm xã hội; bởi chung cả việc này lẫn việc kia đều là "sự chiếm hữu" cả, cũng giống như cả hai thời đại đều là "những thời đại quá độ"!

Không nghi ngờ gì nữa, trong bài bút chiến "đầy đủ cận kề" chống chủ nghĩa cộng sản của mình, ông La-mác-tin sẽ tìm được cơ hội rút ra "một cách lô-gích" từ những câu văn chung chung bắt nguồn từ "cảm giác" ấy của ông ta cả một loạt những câu văn

còn chung chung hơn nữa, – Có thể là khi ấy chúng tôi cũng sẽ có dịp nghiên cứu những câu văn của ông ta một cách "đầy đủ cặn kẽ" hơn. - Lần này chúng tôi đành bằng lòng với việc chuyển tới bạn đọc của chúng tôi "cảm giác" mà một tờ báo quân chủ – công giáo đưa ra để đối lập lại với những cảm giác của ông La-mác-tin. Chẳng hạn, trong số ra hôm qua tờ "Union monarchique" lên tiếng phản đối những cảm giác của ông La-mác-tin như sau:

"Chúng ta thấy những nhà khai sáng của nhân loại đó bỏ mặc nó như thể nào trong tình trạng không có những người lãnh đạo. Những con người đáng thương! Họ lấy mất của người nghèo đẳng Thượng đế đã từng đem lại cho anh ta niềm an ủi; họ lấy mất của anh ta thiên đường, họ bỏ mặc con người cô đơn với những thiếu thốn của nó, với cảnh nghèo khổ của nó. Rồi sau đó họ tới và nói: người muốn có ruộng đất, – nó không phải của người. Người muốn hưởng những hạnh phúc của cuộc đời, – những hạnh phúc ấy thuộc về những người khác. Người muốn nhận một phần của cải, – điều này không thể được; hãy cứ làm kẻ nghèo khổ, hãy cứ làm kẻ trần trụi, hãy cứ làm kẻ bị bỏ rơi, hãy chết quách đi!".

"Union monarchique" đưa Thượng đế ra an ủi những người vô sản. "Bien public", tờ báo của ông La-mác-tin, lấy "nguyên lý sống" ra an ủi họ.

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Chạp 1847
Đã đăng trên báo "Deutsche – Brüsseler –
Zeitung" số 103, ngày 26 tháng Chạp 1847*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH. ĂNG-GHEN

CÁC BÁO "RÉFORME" VÀ "NATIONAL"

Bữa tiệc ở Li-lơ đã gây ra cuộc tranh cãi giữa "Réforme" và "National" mà giờ đây dẫn tới sự đoạn tuyệt dứt khoát giữa hai tờ báo.

Sự thể như thế này:

Sau khi bắt đầu cuộc vận động dưới hình thức những bữa tiệc ủng hộ cải cách thì tờ "National" đã đứng về phe đối lập của triều đình^{1*} một cách công nhiên hơn so với trước đây. Tại Li-lơ ông Đơ-giôóc-giơ, một người ủng hộ báo "National" đã rời bỏ bàn tiệc cùng với Ô-đi-lông Ba-rô. Bản thân tờ "National" thì nhận xét về bữa tiệc ở Li-lơ một cách quá ư mập mờ. Khi tờ "Réforme" yêu cầu nó giải thích cho thẳng thắn hơn thì nó đã từ chối, lấy cớ là không muốn bắt đầu một cuộc bút chiến với tờ báo này. Nhưng điều đó tuyệt nhiên không đưa ra một lý do nào để khỏi bày tỏ thái độ về bản thân sự kiện. Tóm lại, báo "Réforme" không chịu để chuyện này không có lời giải đáp và cuối cùng đã công kích vị đại diện của tờ "National", ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ về bài diễn văn trong đó ông ta đã phủ nhận sự tồn tại của các giai cấp và hòa làm một giai cấp tư sản và giai cấp vô sản trong một câu nói chung chung về citoyens français^{1*}. Bấy giờ, tờ "National" rút cục đã tuyên bố

^{1*} – những công dân Pháp.

sẽ bênh vực những người bạn của nó chống lại tờ báo đang phủ bóng tối hoài nghi lên tất cả mọi nhà ái quốc chính trực như Các-nô, Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ v.v..

Tờ "National" nhanh chóng bị đánh bại trên tất cả mọi điểm, cuối cùng không tìm ra lối thoát nào khác hơn là buộc tội tờ "Réforme" đi theo chủ nghĩa cộng sản.

"Các ngài bàn về những khuynh hướng vô định, về những thứ lý luận và các hệ thống quan điểm xuất hiện trong lòng dân chúng, các ngài trách chúng tôi về chuyện chúng tôi công khai công kích, xin nói thẳng, những khuynh hướng cộng sản ấy. Nào, thế thì hãy nói thẳng ra xem — các ngài tán thành hay phản đối chủ nghĩa cộng sản? Chúng tôi tuyên bố để mọi người nghe rõ: chúng tôi không có gì giống với những người cộng sản, với những con người phù nhận sở hữu, gia đình, tổ quốc ấy. Tới ngày nổ ra trận chiến đấu chúng tôi sẽ chiến đấu không phải cùng với những kẻ mang khuynh hướng xấu xa ấy, mà là chống lại bọn chúng. Chúng tôi sẽ không hòa bình với những ảo tưởng đáng ghét ấy, sẽ không có thái độ dung thứ đối với chúng, đối với cái chủ nghĩa lố bịch và man rợ (sauvage) biến con người thành súc vật, đẩy nó xuống trạng thái dã thú ấy (le réduit à l'état de brute). Và các ông tưởng rằng nhân dân sẽ đi theo các ông chăng? Rằng nhân dân sẽ từ bỏ cái tài sản nhỏ mà họ phải vất vả mới kiếm được chăng, sẽ từ bỏ gia đình, tổ quốc hay sao? Các ông tưởng rằng có khi nào đẩy nhân dân sẽ dễ cho người ta thuyết phục họ đồng ý rằng dù nước Áo sẽ bắt chúng ta phải phục tùng cái chế độ độc tài của nó hay không, nước Pháp liệu sẽ bị các cường quốc xấu xí thành từng mảnh hay không, thì đối với nhân dân điều đó không có gì đáng phải quan tâm cả, hay sao?"

Điều mà tờ "National" đính kèm vào những lý lẽ phản đối chủ nghĩa cộng sản ấy là những kế hoạch của nó về cải thiện tình cảnh của công nhân: cải cách ngành bưu điện, cải cách tài chính, thuế đánh vào xa xỉ phẩm, trợ cấp của nhà nước, bãi bỏ Ốc-tơ-roa¹⁹⁹, tự do cạnh tranh.

Chẳng hơi đâu đi bác bỏ những quan niệm nực cười của tờ "National" về chủ nghĩa cộng sản làm gì. Chỉ có điều khôi hài là tờ "National" vẫn còn đưa ra con ngoáo ộp về sự xâm lược của các "cường quốc lớn" thường xuyên đe dọa nước Pháp nó vẫn cứ tưởng hình như từ bên kia sông Ranh và biển Măng-sơ hàng

triệu lưỡi lê đang chĩa sang nước Pháp và hàng trăm nghìn họng súng đại bác đang ngắm vào Pa-ri. Tờ "Réforme" đã trả lời vấn đề này một cách hoàn toàn đúng: trường hợp bị bọn vua chúa xâm lược thì không phải những công sự của Pa-ri, mà bản thân các dân tộc sẽ là hàng rào bảo vệ cho chúng ta.

Trả lời bài báo của tờ "National" trích dẫn ở trên, tờ "Réforme" tuyên bố:

"Chúng tôi không phải là cộng sản cũng chính bởi lẽ chủ nghĩa cộng sản không đếm xỉa gì tới những quy luật sản xuất, nó cũng không nghĩ tới tính tất yếu phải sản xuất đầy đủ cho toàn thể xã hội. Nhưng những đề nghị kinh tế của những người cộng sản lại gần gũi với chúng tôi hơn là những đề nghị của tờ "National", là tờ báo tiếp thu vô điều kiện những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị tư sản hiện đại. Cả trong thời gian tới chúng tôi cũng sẽ bênh vực những người cộng sản chống lại cảnh sát và tờ "National", bởi vì chúng tôi thừa nhận ít ra họ cũng có quyền tự do tranh luận và bởi vì những học thuyết xuất phát từ bản thân công nhân, bao giờ cũng đáng được chú ý".

Chúng tôi cảm ơn tờ "Réforme" vì nó đã bảo vệ nền dân chủ chân chính, chống lại tờ "National" một cách kiên quyết đến thế. Chúng tôi cảm ơn nó vì trong cuộc đấu tranh với tờ "National" nó đã bảo vệ chủ nghĩa cộng sản. Chúng tôi lấy làm hài lòng nhận thấy nó bao giờ cũng bênh vực những người cộng sản khi họ bị chính phủ truy tố. Trong tất cả các tờ báo ở Pa-ri *duy chỉ có mình* tờ "Réforme" đã lên tiếng bênh vực những người cộng sản duy vật chủ nghĩa khi ông Đơ-lăng-lơ định dùng tòa án để trấn áp họ²⁰⁰. Ông Ca-bê khi ấy suýt nữa đã biện hộ cho những hành động của chính phủ chống lại những người duy vật. Điều làm chúng tôi phấn khởi là ngay trong những hình thái này còn ít phát triển của chủ nghĩa cộng sản mà từ trước tới nay chủ nghĩa cộng sản biểu hiện ra, tờ "Réforme" cũng đã phát hiện thấy cái nhân gần gũi với nó hơn là những quan điểm của các đại biểu của khoa kinh tế chính trị tư sản. Tuy nhiên, chúng tôi hy vọng rằng trong thời gian sắp tới đây sẽ chứng minh được cho tờ

"Réforme" thấy rằng so với chủ nghĩa cộng sản từ trước đến nay vẫn được biết đến ở Pháp và hiện nay đang truyền bá một phần ra nước ngoài thì chủ nghĩa cộng sản dưới hình mà *chúng tôi* đang bảo vệ gần gũi hơn với những nguyên tắc mà tờ "Réforme" bảo vệ.

Tuy thế, bằng những lời kết án của mình chỉ trích tờ "National", báo "Réforme" mới chỉ nói lên cái ý kiến từ lâu đã hình thành trong lực lượng dân chủ Đức, Anh và Bỉ và nói chung là trong toàn thể lực lượng dân chủ bên ngoài phạm vi nước Pháp mà thôi.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Chạp 1847

Đã đăng trên báo "Deutsche – Brüsseler – Zeitung" số 104, ngày 30 tháng Chạp 1847

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

BÀI DIỄN VĂN CỦA LU-I BLĂNG TRONG BỮA TIỆC Ở ĐI-GIÔNG

Trong bài tường thuật của mình về bữa tiệc ở Đi-giông, tờ "Northern Star" đã phê phán bài diễn văn của ông Lu-i Blăng, chúng tôi hoàn toàn tán thành sự phê phán này²⁰¹. Việc đoàn kết những người dân chủ thuộc các dân tộc khác nhau không loại trừ sự phê bình lẫn nhau. Không thể có đoàn kết nếu không có sự phê bình như vậy. Không có phê bình thì không có sự hiểu biết lẫn nhau, và do đó cũng không có sự đoàn kết. Chúng tôi sẽ đăng lại những ý kiến nhận xét của tờ "Northern Star" để về phía chúng tôi cũng tỏ thái độ phản đối những thành kiến và ảo tưởng hoàn toàn đối lập và thù địch gay gắt với những nguyện vọng của lực lượng dân chủ hiện đại và vì vậy mà phải bác bỏ, nếu muốn cho việc đoàn kết những người dân chủ của các dân tộc không chỉ là một câu nói suông.

Tại bữa tiệc ở Đi-giông ông Blăng đã nói như sau:

"Chúng ta cần có sự thống nhất trong khuôn khổ của nền dân chủ. Và xin đừng có ai làm tưởng về điều này: chúng ta suy nghĩ và lao động chẳng phải chỉ cho nước Pháp, mà còn cho toàn thể giới, bởi vì tương lai của nước Pháp là tương lai của toàn thể nhân loại. Thật vậy, chúng ta ở vào một địa vị ưu việt đến mức là trong khi vẫn là người dân tộc chủ nghĩa, chúng ta không tránh khỏi là người theo chủ nghĩa thế giới, thêm vào đó là nhân tố chủ nghĩa thế giới trong chúng ta lớn hơn nhân tố dân tộc. Bất kỳ ai đã xưng là *nhà dân chủ* mà đồng thời lại muốn làm *người*

Anh thì như thế là sẽ *phủ nhận* lịch sử đất nước mình, bởi vì vai trò của nước Anh trong lịch sử bao giờ cũng nằm trong cuộc đấu tranh chống lại "fraternites"^{1*} vì chủ nghĩa vị kỷ. Cũng vậy một người Pháp mà không muốn đồng thời là người theo chủ nghĩa thế giới thì sẽ *phủ nhận* lịch sử của nước mình, bởi vì nước Pháp sẽ không bao giờ để cho một tư tưởng nào khác chiến thắng, ngoài tư tưởng có lợi cho toàn thể giới. Thừa các quý ngài tôn kính! Vào thời kỳ thập tự chinh, khi châu Âu tiến quân chiếm mộ chúa thì nước Pháp đã nhận bảo hộ cuộc tiến quân này. Về sau, khi những linh mục công giáo có ý định áp đặt cho chúng ta cái ách quyền lực tối cao của giáo hoàng thì những giáo chủ Ga-li-căng đã bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng. Còn trong những ngày cuối cùng của chế độ quân chủ cũ ai đã ủng hộ nước Mỹ cộng hòa non trẻ? Nước Pháp, vẫn lại nước Pháp ấy! Và nếu như những điều nói đây đúng ngay cả đối với nước Pháp quân chủ, thì có thể nào chúng lại không đúng đối với nước Pháp cộng hòa? Trong các biên niên sử chúng ta sẽ tìm đâu cho thấy một cái gì đó dù là gần giống với lòng hào hiệp lạ thường, đầy tinh thần hy sinh quên mình của nước Cộng hòa Pháp, một nước cộng hòa mặc dù đã đổ cạn máu trong biên cương nước mình và trên đoạn đầu đài, vẫn không dừng bước trước việc đổ máu cả vì những người anh em Ba-ta-vi-a của mình! Thất bại hay chiến thắng, nó đều làm sáng ngời những tia sáng thiên tài của nó ngay cả trước mắt những kẻ thù của nó! Cứ để châu Âu điều mười sáu đạo quân tiến đánh chúng ta, để đáp lại chúng ta sẽ gửi cho nó nền tự do!"

Về điểm này tờ "Northern Star" nhận xét:

Quyết không khi nào chúng tôi lại muốn hạ thấp ý nghĩa của cuộc đấu tranh anh hùng mà cách mạng Pháp đã tiến hành, hoặc giảm bớt lòng biết ơn mà thế giới phải bày tỏ với những nhà hoạt động vĩ đại của nước cộng hòa. Nhưng chúng tôi vẫn cho rằng cái cách đánh giá có tính chất so sánh vị trí của Pháp và Anh theo quan điểm chủ nghĩa thế giới, được trình bày trong đoạn dẫn ở trên, là hoàn toàn không đúng. Chúng tôi hoàn toàn *phủ nhận* tính chất chủ nghĩa thế giới^{2*} được đem gán cho nước Pháp trước

^{1*} "tinh hữu ái"

^{2*} Các từ "chủ nghĩa thế giới", "mang tính chất chủ nghĩa thế giới" ở đây được dùng không phải với ý nghĩa thế giới tư sản mà sự biểu hiện của chủ nghĩa ấy trong diễn văn của Lu-i Blăng đã bị phê phán trong bài báo này, mà với một ý nghĩa khác của hai từ này, theo ý nghĩa: "toàn nhân loại"; "không bị ràng buộc bởi những định kiến dân tộc".

cách mạng. Thời kỳ Lu-i XI và Ri-sơ-li-ơ có thể lấy làm bằng chứng! Mà nói trắng ra thì ông Lu-i Blăng khẳng định điều gì về nước Pháp? "Nó sẽ không bao giờ để cho một tư tưởng nào khác chiến thắng, ngoài tư tưởng có lợi cho toàn thể giới". Chà, còn chúng tôi thì thiết tưởng ông Blăng không thể nêu lên cho chúng tôi một nước nào trên thế giới mà về phương diện này lại khác với nước Pháp hay sẽ có thể khác với nó. Hãy lấy nước Anh được ông Blăng trực tiếp đem đối lập với Pháp, làm ví dụ. Nước Anh đã phát minh ra máy hơi nước, nước Anh đã xây dựng đường sắt – mà chúng tôi thiết tưởng hai việc này đòi hỏi một đồng tư tưởng không nhỏ đâu. Ra thế đấy! Nước Anh sáng chế ra chúng là để cho mình hay toàn thể giới? Người Pháp khoe khoang là họ truyền bá văn minh ở khắp mọi nơi, đặc biệt là ở An-giê-ri. Nếu vậy thì ai, nếu không phải nước Anh, đã truyền bá văn minh ở châu Mỹ, châu Á, châu Phi và châu Úc²⁰²? Ai đã đặt cơ sở cho chính nước cộng hòa ấy mà trong việc giải phóng nó có nước Pháp tham dự một phần nhất định? Nước Anh, vẫn lại nước Anh. Nếu như Pháp ủng hộ nước cộng hòa Mỹ trong cuộc đấu tranh để giải phóng khỏi ách thống trị bạo tàn của Anh thì hai trăm năm trước đó nước Anh đã giải phóng nước cộng hòa Hà Lan khỏi ách áp bức của Tây Ban Nha rồi. Nếu như cuối thế kỷ trước, Pháp đã nêu một tấm gương quang vinh cho toàn thể giới, thì chúng tôi không thể lặng lẽ bỏ qua một sự kiện là nước Anh đã nêu tấm gương ấy trước đó 150 năm và trong khi ấy thì nước Pháp hãy còn hoàn toàn chưa sẵn sàng noi theo gương đó. Còn về các *tư tưởng* được các nhà triết học Pháp thế kỷ XVIII là Vôn-te, Rút-xô, Đi-đơ-rô, Đa-lăm-be và những người khác, làm cho trở thành phổ biến như vậy, thì những tư tưởng ấy có mầm mống ban đầu ở đâu, nếu không phải là ở Anh! Không khi nào được để cho Min-تون, người đầu tiên bảo chữa cho việc giết vua, An-giéc-nơn Xít-ni, Bô-ling-bróc và Sép-tơ-xbơ-ri lại bị những người Pháp kể tục họ một cách lỗi lạc hơn loại ra khỏi ký ức của chúng tôi!

"Một người Anh tự xưng là nhà dân chủ thì như thể là phù nhận lịch sử đất nước mình", – ông Blăng khẳng định.

Thế thì đã sao! Chúng tôi cho rằng đặc trưng chủ yếu nhất của nền dân chủ chân chính là nó *phải* phù nhận lịch sử của nước nó, nó *phải* từ bỏ mọi trách nhiệm đối với cái quá khứ đầy dẫy cảnh nghèo khổ, nền thống trị bạo tàn, ách áp bức giai cấp và mê tín dị đoan. Mong sao người Pháp đừng có thành những trường hợp ngoại lệ giữa những người dân chủ khác, mong sao họ đừng có gánh lấy cái trách nhiệm đối với những hành động của bọn vua chúa và quý tộc nước họ trong những thời kỳ trước đây! Vì vậy chúng tôi coi là ưu việt của các nhà dân chủ Anh – nhưng ông Blăng lại cho là khuyết điểm của họ – là việc họ *phải* vứt bỏ quá khứ và chỉ nhìn vào tương lai là ưu điểm lớn của họ.

"Người Pháp", – ông Blăng nói, – "tất nhiên là người theo chủ nghĩa thế giới". Phải, trong cái thế giới mà ở đó sẽ chỉ có ảnh hưởng của Pháp, phong tục, tập quán, tư tưởng và chế độ chính trị của Pháp thống trị thôi! Trong cái thế giới mà ở đó mỗi dân tộc sẽ tiếp thu những bản tính đặc trưng của dân tộc Pháp! Nhưng những người dân chủ thuộc các dân tộc khác cần phải phản đối chính điều này. Hoàn toàn sẵn sàng từ bỏ những nét thô bạo của dân tộc mình, họ chờ đợi ở người Pháp một thái độ y như thế. Việc người Pháp quả quyết rằng đã là người Pháp thì tự nhiên là người theo chủ nghĩa thế giới, hoàn toàn không làm họ vừa lòng. Lời quả quyết đó chẳng khác nào yêu cầu tất cả các người khác phải *trở thành* người Pháp.

Hãy lấy nước Đức để so sánh. Nước Đức là tác giả một số lượng lớn những phát minh, chẳng hạn như máy in. Theo sự thừa nhận chung, con số những tư tưởng lỗi lạc và có tính chất chủ nghĩa thế giới mà Đức cho ra đời, còn to lớn hơn nhiều so với Pháp và Anh cộng lại. Mà trên thực tế thì Đức bao giờ cũng bị làm nhục, bao giờ cũng bị thất vọng. Hơn ai hết nó có thể nói rõ

chủ nghĩa thế giới của Pháp là gì. Nước Pháp có thể phàn nàn về sự phản phúc của chính sách của Anh tới mức nào thì nước Đức cũng phải chịu đựng ở cùng mức như vậy cái chính sách phản phúc hết như vậy của nước Pháp, kể từ Lu-i XI cho tới Lu-i-Phi-líp. Nếu như chúng ta vận dụng tỷ lệ xích của ông Blăng thì những người theo chủ nghĩa thế giới một cách chân chính sẽ là người Đức. Nhưng các nhà dân chủ Đức thì lại rất xa lạ với những kỳ vọng như vậy.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Chạp 1847

Đã đăng trên báo "Deutsche – Brüsseler – Zeitung" số 104, ngày 30 tháng Chạp 1847

In theo bản đăng trên báo

Nguyên bản là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

SỰ CỐ ĐỘNG CỦA PHÁI HIỂN CHƯƠNG

Sau khi quốc hội khai mạc khóa họp thì công tác cổ động của phái Hiến chương đã triển khai trên những quy mô lớn. Người ta chuẩn bị những đơn thỉnh nguyện, tổ chức những cuộc mít-tinh, cử cán bộ của đảng đi khắp mọi ngả đất nước. Ngoài đơn thỉnh nguyện quốc dân to lớn đòi thực hiện Hiến chương nhân dân là đơn thỉnh nguyện mà lần này phải thu được, như người ta hy vọng, bốn triệu chữ ký ra, người ta lại mới đưa trình hai đơn thỉnh nguyện khác về Hội ruộng đất của phái Hiến chương để trưng cầu ý kiến nhân dân. Trong hai đơn thỉnh nguyện ấy, nội dung bản thứ nhất, do Ô' Cô-no soạn thảo và được công bố trên tờ "Northern Star" vào tuần này, có thể diễn đạt ngắn gọn như sau:

"Kính gửi các hội đồng dân biểu rất cao quý của nước Anh và Ai-rơ-len họp thành quốc hội.

Thưa các ngài tôn kính!

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, những hội viên Hội ruộng đất của phái Hiến chương, những người mà xét theo địa vị của mình là những công nhân, nhận thấy rằng tại khắp mọi nơi tình trạng đầu cơ quá đáng về những sản phẩm lao động của chúng tôi, tình trạng cạnh tranh không có giới hạn nào và sự tăng lên không ngừng của tư liệu sản xuất cơ khí đã đóng cửa các thị trường tiêu thụ lao động của chúng tôi;

rằng tư liệu sản xuất cơ khí càng tăng lên thì lao động thủ công càng bị thu hẹp và công nhân lâm vào tình trạng không có việc làm;

rằng do quyết định mới đây của các ngài về việc tạm thời hoãn việc làm trên tuyến đường sắt mà hàng nghìn công nhân sẽ lâm vào tình trạng không có việc làm, khiến cho thị trường lao động trở nên đầy ứ và điều này sẽ cho phép phe chủ lại hạ thấp tiền công vốn đã bị cắt giảm nhiều lần;

rằng tuy vậy, chúng tôi chỉ muốn có điều kiện được sống bằng sản phẩm lao động của mình mà thôi;

rằng chúng tôi bác bỏ mọi thứ thuế tể bản, coi chúng như một sự sỉ nhục và như một biện pháp chỉ dùng để tạo ra trong tay các nhà tư bản những lực lượng dự trữ mà bất kỳ lúc nào họ cũng có thể tung ra thị trường lao động để lợi dụng sự cạnh tranh trong chính công nhân với nhau mà hạ thấp tiền công;

rằng nếu như ngành công nghiệp công xưởng không thể cung cấp thêm công ăn việc làm cho tất cả số vô sản mà nó đẻ ra, thì ngành sản xuất nông nghiệp vẫn còn khả năng dành cho chúng tôi một địa bàn rộng lớn để sử dụng sức lao động của chúng tôi, vì rằng người ta đã chứng minh được là với những chi phí lao động cần thiết thì độ phì nhiêu của đất đai ở nước ta có thể được nâng lên ít ra là bốn lần;

rằng vì vậy chúng tôi đã thành lập một hội nhằm tậu những mảnh đất để mỗi người chúng tôi có thể sinh sống cùng gia đình của mình trên những mảnh đất ấy, bằng sản phẩm lao động của mình mà không tăng thêm gánh nặng gì cho các giáo khu của mình, cũng như cho hoạt động từ thiện của tư nhân và không làm hạ thấp tiền công của số công nhân khác do mình tham gia vào cuộc cạnh tranh;

- thưa các ngài tôn kính, xét đến tất cả những điều đó, trong đơn thỉnh nguyện này chúng tôi đề nghị các ngài hãy thuận tình ra một đạo luật quy định *Hội ruộng đất* được miễn nộp thuế lợi tức cũng như các thứ thuế đánh vào gạch ngói, gỗ và các vật liệu khác, và phê chuẩn một *dự luật* tương ứng sẽ được đệ trình lên các ngài".

Ngay cả dự luật này cũng do Ô' Cô-no soạn ra và thời gian tới đây ông ta sẽ đưa nó ra thảo luận ở quốc hội.

Đơn thỉnh nguyện thứ hai đòi hoàn lại cho nhân dân số ruộng đất bị bỏ hoá thuộc các giáo khu. Số ruộng đất này đã từ 30 năm nay bị đem bán cho các đại địa chủ theo từng khoảnh lớn phải theo yêu cầu của đơn thỉnh nguyện mà đem chia thành những mảnh nhỏ mang phát canh hay bán cho công nhân ở địa phương

với những điều kiện ưu đãi. Đơn thỉnh nguyện này được thông qua tại một cuộc mít-tinh lớn ở Luân Đôn, tại đó các ông Hác-ni và Giôn-xơ, biên tập viên của tờ "Northern Star", đã lên tiếng bảo vệ nó vì Ô' Cô-no bận việc ở quốc hội nên vắng mặt. Hoàn toàn mới đây thôi nó cũng được thông qua tại một cuộc mít-tinh lớn ở No-rít-giơ, tại đây ông Giôn-xơ, một trong số diễn giả xuất sắc nhất nước Anh, lại bảo vệ nó trong một bài diễn thuyết xuất sắc, đầy sức thuyết phục.

Và, sau hết, đơn thỉnh nguyện quốc dân mới đây đã được thông qua trong cuộc mít-tinh có đông người dự ở Luân Đôn. Các diễn giả chính tại cuộc họp này là các ông Kin, Sáp-ơ (người Đức) và Hác-ni. Bài nói của ông Hác-ni đặc biệt nổi bật ở khí thế dân chủ của nó.

"Toàn bộ chế độ xã hội và chính trị của chúng ta", — ông nói, — "chẳng phải cái gì khác mà là sự chống chọi những điều giả dối và lừa bịp khủng khiếp phục vụ cho lợi ích của bọn ăn bám và bọn bịp bợm vô liêm sỉ.

Hãy thử nhìn vào giáo hội mà xem. Các đại giáo chủ và giáo chủ vợ lấy những khoản tiền lương lớn, chỉ để lại cho các thầy dòng — những người lao động đó của giáo hội — trong một năm được vài pao. Bằng hình thức thuế thập phân người ta cướp đoạt của nhân dân hàng triệu đồng; ban đầu thuế thập phân này chủ yếu để bảo trì các thánh thất và giúp đỡ người nghèo; hiện nay đã có các thứ thuế đặc biệt để dùng vào các mục đích ấy, còn toàn bộ thuế thập phân thì giáo hội bỏ tiết vào túi mình. Tôi xin hỏi quý vị, giáo hội chẳng phải là ổ bịp bợm có tổ chức hay sao? (Vỗ tay).

Hãy thử nhìn vào hạ nghị viện của chúng ta mà xem. Người được có đại biểu ở đó không phải là quần chúng nhân dân, mà là tầng lớp quý tộc và giai cấp tư sản; cứ bảy người đàn ông thanh niên trong dân cư nước ta thì sáu người bị nó bắt phải chịu cảnh nô lệ chính trị, không công nhận họ có quyền bầu cử. Cái hạ nghị viện ấy chẳng phải là một ổ bịp bợm hợp pháp hay sao? (Vỗ tay vang dậy.)

Hãy nhìn vào những vị thượng nghị sĩ đáng kính, những kẻ làm ngơ trước tiếng kêu tuyệt vọng của cả nước, điềm nhiên chờ đợi trong các phiên họp buổi tối hằng ngày của họ lúc mà hạ nghị viện gửi tới họ một dự luật đặc biệt. Phải chăng có thể tìm thấy trong quý vị ở đây một người nào đó có thể chỉ cho tôi thấy cái đường lối

đường ấy có lợi gì cho những người mắc chứng nan y, một người nào đó dám lên tiếng biện hộ cho cái ổ bịp bợm truyền kiếp đó? (Vỗ tay.)

Lẽ đương nhiên, lòng tôn kính đối với chế độ quân chủ, cái bằng chứng quang vinh về sự anh minh của tổ tiên ta ấy, cũng chỉ cho phép tôi dùng những lời lẽ trung thực nhất mà nhận xét về một nhân vật lý thú như nữ hoàng Vích-to-ri-a, người mà thường xuyên hàng năm trút được gánh nặng qua việc cho ra đời một bài triều cáo và một đứa trẻ oai nghiêm mà thôi. (Cố tiếng cười.) Bài triều cáo thì chúng ta vừa mới nhận được xong, còn đứa trẻ, nếu tin theo báo chí thì chúng ta sẽ nhận được vào tháng Ba năm sau. Đấng nữ hoàng chí tôn thuận tình bày tỏ niềm thông cảm rất sâu sắc đối với những nỗi thống khổ của nhân dân mình, người thần phục tinh thần chịu đựng của họ và hứa hẹn với họ một đứa trẻ mới. Than ôi! Về phương diện này bà ta không khi nào hứa suông cả. (Cố tiếng cười rõ.) Sau đó, chúng ta còn có hoàng thân An-béc-tơ, người sáng chế ra những kiểu mũ mới, vỏ béo đàn lợn, ngoài ra còn là một vị thống soái lỗi lạc và vì tất cả những công lao ấy mà hàng năm được lĩnh thù lao ở mức ba mươi nghìn pao.Ồ, không, thưa các ngài, không đâu, chế độ quân chủ—đó chẳng phải là sự bịp bợm. (Cố tiếng cười và vỗ tay.)"

Sau khi đem bức tranh về những nỗi thống khổ của nhân dân ra đối lập với bức tranh xã hội chính thống đó, cuối cùng diễn giả đề nghị những người dự mít-tinh thông qua đơn thỉnh nguyện quốc dân yêu cầu thực hiện Hiến chương. Đơn thỉnh nguyện đã được nhất trí thông qua. Ngay sau khi đơn thỉnh nguyện được truyền đi khắp nước, ông Đơ-nôm sẽ trao nó cho hạ nghị viện. Khi nào có được văn bản, tôi sẽ gửi ngay cho ngài bản dịch.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Chạp 1847

Đã đăng trên báo "La Réforme" ngày 30 tháng Chạp 1847

*In theo bản đăng trên báo
Nguyễn văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

ĐA SỐ "ĐÃ ĐƯỢC THỎA MÃN".- DỰ ÁN "CẢI CÁCH" DO GHI-DÔ ĐƯA RA. - NHỮNG QUAN ĐIỂM LẠ LÙNG CỦA ÔNG GÁC-NI-Ê-PA-GIE-XƠ. - BỮA TIỆC DÂN CHỦ Ở SA-LON.- BÀI DIỄN VĂN CỦA ÔNG LƠ-ĐRUY-RÔ-LANH.- ĐẠI HỘI DÂN CHỦ. - BÀI DIỄN VĂN CỦA ÔNG PHLÔ - CÔNG.- CÁC TỜ BÁO "RÉFORME" VÀ "NATIONAL"

Kỳ họp của hai viện của Pháp đã khai mạc, và sắp tới đây chúng ta sẽ hài lòng được biết công tác cổ động cho cải cách đã có ảnh hưởng gì đến hai trăm hai mươi lăm nghị sĩ "đã được thỏa mãn" thuộc phe đa số. Chúng ta sẽ được biết liệu họ có được mãn nguyện hay không đối với những hành động của Ghi-dô đã biến nước Pháp thành trò cười cho cả châu Âu trong vấn đề Thụy Sĩ. Tuy thế, cái phe đa số béo phì, đi hồi lộ và ăn hồi lộ, đầu cơ, lừa bịp, tráo trở, ăn bám và hèn nhát ấy chính lại gồm những con người có thể nuốt trôi ngay cả những điều này và buông một câu "a-men" nhân vô đùa độc ác mà Pan-móc-xton đã chơi cho ông bạn đồng nghiệp Ghi-dô đáng kính của mình để trả thù cho những cuộc hôn nhân Tây Ban Nha²⁰³, rồi tuyên bố rằng chưa bao giờ

nước Pháp lại vĩ đại, lại vinh quang, lại được tôn trọng, lại "được thỏa mãn" như chính lúc này.

Và chính vào lúc này đây tất cả các báo ở Pa-ri, từ tờ "Débats" đến tờ "Réforme" đều thảo luận một cách công nhiên đến hết mức độ mà tình hình cho phép, về những hậu quả có thể có mà cái chết của Lu-i-Phi-líp sẽ kéo theo nó. Lo ngại trước sự chia rẽ trong phe đa số, ngày nào tờ "Débats" cũng đều cảnh cáo phe ấy rằng sự kiện tất không tránh khỏi này, dù nó xảy ra vào lúc nào đi nữa, sẽ là tín hiệu của cuộc tập hợp chiến đấu chung của tất cả mọi chính đảng; rằng từ trong các hầm ngầm của chúng, "chủ nghĩa cộng hòa", "chủ nghĩa cộng sản", "chủ nghĩa vô chính phủ", "chủ nghĩa khủng bố" v.v. sẽ xông lên để gieo rắc sự phá sản, sự kinh hoàng và sự hủy diệt; rằng nước Pháp sẽ bị diệt vong – tự do, an ninh, chế độ sở hữu sẽ bị thủ tiêu nếu như những ông bạn của chế độ (tất nhiên là ông Ghi-dô và đồng bọn) không mạnh tay ngăn chặn những trào lưu ấy lại; rằng cái giờ phút nguy hiểm này có thể xảy đến bất kỳ ngày nào, rằng mọi chuyện sẽ đi dứt nếu như không giúp ông Ghi-dô giữ vững cương vị của ông ta. Nhiều tờ báo khác - "Presse", "Constitutionnel", "Siècle" – trái lại, đều khẳng định rằng chính là điều ngược lại sẽ xảy ra, rằng tất cả những cảnh khủng khiếp của một cuộc cách mạng đẫm máu sẽ đổ sập lên đầu đất nước, nếu như tới lúc nhà vua chết đi, mà tên dâm đảng dê hèn Ghi-dô không được thay thế bằng một nhân vật chính trị tương ứng thuộc một trong số ba tờ báo ấy – bằng ông Đờ Gi-rác-đanh, ông Ghi-e hay Ô. Ba-rô. Các báo cấp tiến, như ta thấy hiện nay, đều bàn luận về vấn đề này trên một quan điểm khác.

Như vậy, ngay cả tờ "Débats" cũng gián tiếp thừa nhận rằng nước Pháp "đã được thỏa mãn" chỉ đợi chờ giây phút thuận tiện để chứng tỏ thái độ không thỏa mãn của nó bằng cái cách mà trí tưởng tượng tư sản hoang loạn của tờ "Débats" dùng những màu sắc lố lăng nhất vẽ ra trước lý trí tiêu tan vì hoảng sợ của tờ báo

này. Tuy thế, điều đó chẳng có ý nghĩa gì đối với hai trăm hai mươi lăm vị "đã được thỏa mãn". Họ có thứ lô-gích riêng của họ. Nếu như nhân dân mãn nguyện, thì nghĩa là không có lý do để thay đổi chế độ hiện hành. Còn nếu họ không mãn nguyện thì chính sự không mãn nguyện của họ lại là lý do để củng cố hơn nữa chế độ này, vì rằng thậm chí chỉ một sự nhân nhượng còn con thôi cũng sẽ làm cho cách mạng đột nhiên bùng nổ với tất cả sự khủng khiếp của nó. Dù có xoay xở thế nào đi nữa, các nhà tư sản ấy bao giờ cũng sẽ rút ra một kết luận, đó chính là: họ là những kẻ cai trị đất nước tốt nhất.

Ấy thế mà Ghi-dô vẫn dự định tiến hành một cuộc cải cách còn con. Ông ta chuẩn bị đưa vào danh sách cử tri "những tài năng", tức là tất cả những ai có bằng đại học, – các trạng sư, bác sĩ và những kẻ bịp bợm khác. Thực là một cuộc cải cách tuyệt vời! Nhưng thế cũng sẽ đủ để đánh bật vũ khí ra khỏi tay "phe bảo thủ tiến bộ" hay "phe đối lập bảo thủ" – như tên gọi họ hiện dùng, vì vô công rồi nghề nên cứ ba tháng một họ lại thay đổi tên gọi. Dự án này đồng thời sẽ giáng một đòn vào ông Chi-e là người một mặt đã phái kẻ giúp việc thân tín nhất của mình, ông Duy-véc-giê Đờ Hô-ran, đi dự các bữa tiệc của những người ủng hộ cải cách, cũng trong lúc đó lại tự mình kín đáo chuẩn bị một dự án cải cách riêng; ông ta dự tính làm cho hai viện phải sừng sốt trước bản dự án đó mà nó hoàn toàn trùng với bản dự án của đối thủ của ông ta, ông Ghi-dô, hiện đang đưa ra.

Nhìn chung có thể thấy trước không ít tiếng thét, tiếng kêu la và tiếng ầm ĩ ở hai viện; tuy nhiên tôi không nghĩ là ông Ghi-dô có lý do để lo ngại một chuyện gì nghiêm trọng có thể xảy ra từ phía hai trăm hai mươi lăm nghị sĩ trung thành của ông ta.

Tình hình diễn ra trong các chính giới là như vậy. Trong khi đó các bữa tiệc của những người ủng hộ cải cách và cuộc bút chiến giữa tờ "National" và tờ "Réforme" vẫn tiếp diễn. Phe đối lập liên hiệp,

tức trung tâm phái tả (đảng của ông Chi-e), phe tả (đảng của ông Ô-di-lông Ba-rô) và "những người cấp tiến khôn ngoan" (tờ "National") tổ chức những bữa tiệc tại Cát-tơ-rô, Môn-pen-li-e, Nua-bua và ở hàng loạt nơi khác; những người dân chủ cực đoan (tờ "Réforme") đã tổ chức bữa tiệc ở Sa-lôn. Diễn giả chính tại các bữa tiệc ở Môn-pen-li-e và Nua-bua là ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ, em nhà dân chủ nổi tiếng^{1*} mới chết cách đây mấy năm. Nhưng ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ em tuyệt nhiên không giống anh mình: ông ta hoàn toàn không có cái nghị lực, lòng dũng cảm và tính nguyên tắc kiên định đã bảo đảm cho cổ lãnh tụ của lực lượng dân chủ Pháp có được địa vị nổi bật nhường ấy. Tại Nua-bua ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ em đã đưa ra một loạt lời khẳng định chứng tỏ ông ta hoàn toàn không hiểu biết gì về thực trạng xã hội và, do đó, về những phương pháp nhằm cải thiện nó. Trong khi toàn thể lực lượng dân chủ hiện thời đều xuất phát từ một sự kiện quan trọng bậc nhất là xã hội hiện đại đã triệt để phân chia thành hai giai cấp – giai cấp tư sản, tức là bọn chủ nắm tất cả mọi tư liệu sản xuất và toàn bộ sản phẩm, và giai cấp vô sản chẳng có gì ngoài cái phương tiện duy nhất để kiếm sống đó là lao động của mình, rằng giai cấp thứ hai phải chịu sự áp bức xã hội và chính trị của giai cấp thứ nhất; trong khi xu hướng được thừa nhận của những người dân chủ đương thời ở tất cả các nước là thực hiện việc chuyển quyền lực chính trị từ giai cấp tư sản sang giai cấp công nhân, bởi vì giai cấp công nhân chiếm tuyệt đại đa số nhân dân, – thì ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ, không đếm xỉa gì đến tất cả những sự thực ấy, lại láo xược khẳng định rằng trong thực tế không có sự phân chia nhân dân thành giai cấp tư sản và giai cấp công nhân gì hết, rằng đó chỉ là sự bịa đặt có dụng ý xấu của ông Ghi-dô nhằm mục đích gieo rắc sự chia rẽ trong nhân

^{1*} – Ê-chiê-n Giô-dép Lu-i Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ.

dân mà thôi; rằng ông ta, trái với Ghi-dô, cho rằng tất cả mọi người Pháp đều *bình đẳng*, rằng tất thảy họ đều sống một cuộc sống giống như nhau và đối với ông ta, ở Pháp chỉ có *những công dân Pháp* mà thôi! Như vậy, theo như ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ khẳng định thì tình trạng giai cấp tư sản độc quyền tất cả mọi công cụ sản xuất, phó mặc người vô sản cho quy luật kinh tế về tiền công, quy luật này giảm phần của công nhân xuống một lượng thực phẩm nhỏ nhất nhất, cũng là sự bịa đặt của ông Ghi-dô! Theo như ông ta khẳng định thì cuộc đấu tranh sống mái giữa lao động và tư bản hiện giờ đang tiến hành ở tất cả mọi nước văn minh trên thế giới, cuộc đấu tranh mà những giai đoạn khác nhau của nó được đánh dấu bằng việc thành lập các hiệp hội, các công liên, bằng những vụ giết người, những cuộc bạo động và những cuộc khởi nghĩa đẫm máu, cuộc đấu tranh mà tính hiện thực của nó được xác nhận bằng cái chết của những người vô sản bị xử bắn ở Li-ông, ở Pre-xtôn, ở Lan-ghen-bi-lao, ở Pra-ha²⁰⁴, – cuộc đấu tranh ấy không có những lý lẽ sâu sắc bằng những lời khẳng định dối trá của một vị giáo sư Pháp đầu! Những lời nói của ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ có thể có nghĩa gì khác hơn, nếu không phải là những lời như sau: "Xin các nhà tư bản hãy cứ tiếp tục độc quyền mọi lực lượng sản xuất, hãy cứ để cho người công nhân tiếp tục sống bằng những đồng xu thâm hại, nhưng để thưởng công cho những nỗi thống khổ của anh ta, chúng ta sẽ cho anh ta *cái danh hiệu* người công dân". Phải, trong những hoàn cảnh nhất định và với những điều kiện hạn chế nhất định có thể ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ cũng sẽ đồng ý cho nhân dân quyền bầu cử; nhưng chỉ xin nhân dân chớ có mà nảy ra ý định lợi dụng món quà tặng ấy để thi hành những biện pháp sẽ làm thay đổi tận gốc cái phương thức sản xuất và phân phối của cái vật chất hiện hành, tức là những biện pháp sớm muộn cũng sẽ trao những lực lượng sản xuất của đất nước vào tay toàn thể nhân dân và sẽ kết liễu tất cả bọn "chủ" tư nhân "thuê người làm"! Tờ "Réforme" hoàn toàn đúng khi gọi cái vị đáng kính ấy là *nhà cấp tiến tư sản*".

Như tôi đã nêu, những người dân chủ cực đoan chỉ tổ chức một bữa tiệc thôi, nhưng nó là một cái gì thực lớn lao và đáng giá một tá những bữa tiệc của phe liên hiệp. Tại Sa-lôn trên sông Xôn hơn hai nghìn công dân đã tập hợp quanh các bàn tiệc. Những người ủng hộ tờ "National" nhận được lời mời, nhưng có điều rất đáng chú ý là họ không tới dự. Vì vậy các đại biểu của tờ "Réforme" hoàn toàn làm chủ tình hình. Tại đây ông Lơ-đruy-Rô-lanh mà tờ "National" vạch mặt chỉ tên là một lãnh tụ của phái dân chủ cực đoan, đã đảm nhận vai trò ấy. Ông trình bày lập trường của mình và lập trường của đảng mình, vẽ lên trong phần toát yếu tuyệt tác những giai đoạn phát triển khác nhau của lực lượng dân chủ Pháp từ năm 1789. Sau đó ông đập lại những lời của tờ "National" công kích ông, rồi ông đích thân công kích kịch liệt tờ báo này và đề nghị cử ra một ban trọng tài gồm các nhà dân chủ trên khắp mọi miền nước Pháp – mỗi phe có số đại biểu như nhau – để giải quyết vụ tranh cãi giữa tờ "Réforme" và tờ "National".

"Sau khi dàn xếp xong công việc nội bộ này", – ông nói, – "mà lực lượng dân chủ Pháp đặt quan hệ với lực lượng dân chủ các nước khác thì hay biết mấy. Hiện nay ở châu Âu đang diễn ra một phong trào vĩ đại trong tất cả những con người khổ khổ, đau khổ vì bất hạnh và đói khát, đã tới lúc cần an ủi họ, làm cho họ phấn khởi và ổn định mối quan hệ với họ. Chúng ta hãy triệu tập đại hội những người dân chủ tất cả các nước, và chính là vào lúc này, khi mà đại hội của bọn vua chúa đã bị tan vỡ! Tại châu Âu có một nước cộng hòa vừa mới giành được thắng lợi dân chủ trên lãnh thổ của mình, – đó là Thụy Sĩ, một nước xứng đáng được gặp mặt các nhà dân chủ của tất cả các dân tộc trên mảnh đất tự do của mình! Vậy thì, thưa các ngài, xin cho phép tôi trong phần kết luận được bổ sung vào lời chúc rượu của tôi "chúc cách mạng Pháp đoàn kết thống nhất" một lời chúc rượu thứ hai – "chúc lực lượng dân chủ tất cả các nước đoàn kết thống nhất"".

Bài nói này đã đẩy lên những tràng vỗ tay vang dậy, và nó xứng đáng được hưởng những tràng vỗ tay đó. Chúng tôi thành thực vui mừng trước sự thành công của tài diễn thuyết của ông Lơ-đruy-Rô-lanh ở Sa-lôn, nhưng đồng thời cũng cần phản đối một lời nói thiếu thận trọng, mà chúng tôi tin chắc rằng được nói ra

không mang dụng ý xấu đối với ai cả. Ông Lơ-đruy-Rô-lanh nói rằng đã đến lúc những người dân chủ Pháp cần an ủi và củng cố tinh thần những người công nhân đau khổ thuộc các nước khác. Chúng tôi tin là *không ở một nước nào* những người dân chủ lại cần được sự an ủi, dù là của ai đi nữa. Họ thán phục niềm tự hào cách mạng của các nhà dân chủ Pháp, nhưng cũng dành cho mình cái quyền được tự hào và độc lập y như vậy. Không nghi ngờ gì nữa, bốn triệu người tham gia phong trào Hiến chương Anh cũng đủ mạnh để đảm đương những nhiệm vụ của họ bằng sức lực của bản thân họ. Dù cho chúng tôi có vui mừng đến mấy đi nữa trước việc lực lượng dân chủ Pháp nhiệt liệt hưởng ứng ý định triệu tập đại hội dân chủ và liên hiệp các nhà dân chủ tất cả các nước lại, thì trước tiên chúng tôi vẫn muốn có sự hoàn toàn thông cảm lẫn nhau và bình đẳng. Bất kỳ liên minh nào không thừa nhận sự bình đẳng như thế làm cơ sở của nó thì tự nó đã là phản dân chủ. Tuy vậy, chúng tôi hiểu rất rõ những tình cảm dân chủ sâu sắc của những đại biểu của tờ "Réforme" nên không thể nghi ngờ về việc họ hoàn toàn nhất trí với chúng tôi; chúng tôi chỉ mong muốn họ vì lợi ích của sự nghiệp chung của chúng ta mà vứt bỏ mấy câu văn hoàn toàn không nói lên những tình cảm chân thực của họ, những câu văn đó là di sản của những thời kỳ mà lực lượng dân chủ Pháp chỉ do tờ "National" đại biểu mà thôi.

Cũng tại bữa tiệc này ông Phlô-công đã đọc diễn văn hưởng ứng lời chúc rượu "chúc nhân quyền và dân quyền". Ông đã đọc bản tuyên ngôn về các quyền do Hội nghị Quốc ước ban hành²⁰⁵, tuyên bố rằng ngay cả trong thời đại chúng ta nó vẫn là sự diễn đạt chính xác những nguyên tắc dân chủ chân chính. Ông Phlô-công đem những nguyên tắc mà ông gọi là đích thị của Pháp ra đối lập với chế độ thống trị hiện nay của tiền bạc, trong đó con người bị đẩy xuống thậm chí còn thấp hơn trâu ngựa, bởi vì dưới chế độ đó có tình trạng thừa người và khi không có nhu cầu về lao động của con người thì bản thân con người tiêu phí tốn hơn cái mà con

người tạo ra bằng hiện vật. Ông Phlô-công gọi chế độ ấy là chế độ Anh, theo tên đất nước mà tại đó nó ra đời đầu tiên.

"Và thế là", — ông nói, — "trong khi chế độ Anh được thi hành trên quê hương của cách mạng, thì chính nhân dân Anh lại đang gắng vứt bỏ cái ách của chế độ ấy khỏi vai mình và viết lên lá cờ của mình câu châm ngôn quang vinh: "Tự do, bình đẳng, bác ái!". Và nếu như dân tộc đầu tiên khám phá ra chân lý cho thế giới mà sẽ lại rơi vào cảnh tăm tối và dốt nát và buộc phải đi vay mượn ở các dân tộc láng giềng của mình những truyền thống cách mạng mà tự nó không gìn giữ nổi, thì đây sẽ là sự trở trêu cay đắng của số mệnh — một trong những sự trở trêu mà lịch sử đã có đầy ví dụ về chúng. Chẳng lẽ chúng ta sẽ đi đến cơ sự đến mức ấy ư? Không, không bao giờ, chừng nào chúng ta còn có những nhà dân chủ như các vị đây và những cuộc họp tương tự như buổi họp hôm nay! Không, chúng ta sẽ không chống đỡ cái tòa nhà ruồng một là chế độ Anh mà ngay người Anh cũng không muốn duy trì thêm nữa! (Có tiếng hô: "Không! Không!") Mà trong trường hợp ấy thì người I-xra-en hãy về lều trại của mình! Mỗi người trong các vị đây phải đứng dưới lá cờ của mình! Mỗi người phải vì niềm tin của mình! Tại đây, trong phe ta là lực lượng dân chủ với hai mươi lăm triệu người vô sản của nó, mà nó phải giải phóng, mà nó hoan nghênh như những người công dân và những người anh em, như những người bình đẳng và tự do; còn kia là phe đối lập kỳ quái, với những tô chức độc quyền của chúng và tầng lớp quý tộc tư bản! Bọn chúng luôn mồm nói hạ thấp điều kiện bầu cử xuống một nửa; còn chúng ta thì tuyên bố nhân quyền và dân quyền! (Vỗ tay vang dậy, kéo dài, kết thúc bằng bài hát "Chant du départ"²⁰⁶, do cả hội nghị hát.)"

Rất tiếc là không đủ chỗ, nên chúng tôi không thể dẫn ra đây những bài nói khác được phát biểu tại bữa tiệc tuyệt vời và dân chủ chân chính này.

Sau hết, tờ "Réforme" đã buộc được tờ "National" phải bước vào *cuộc bút chiến* với nó. Sau khi tuyên bố rằng tờ "National" tán thành những nguyên tắc do ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ tuyên đọc tại bữa tiệc ở Môn-pen-li-ê trong một bài diễn văn về cách mạng Pháp, tờ "Réforme" đồng thời cũng không công nhận những người như ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ, những kẻ đã đem lợi ích của phong trào dân chủ làm vật hy sinh cho ông Ô-đi-lông Ba-rô và phe đối lập tư sản, có quyền được phát biểu với tư cách là những đại biểu

cho những nguyên tắc cách mạng. Việc này, cuối cùng đã thúc tở "National" đăng bài trả lời, trong đó đến lượt Lơ-đruy-Rô-lanh bị công kích. Những lời buộc tội chủ yếu được đưa ra để chống lại "National" là: thứ nhất, tờ báo này đã ủng hộ việc dựng lên những pháo đài Ba-xi-ơ bao quanh Pa-ri, những Ba-xi-ơ này đặt di sản cách mạng dưới sự giám sát của một nghìn hai trăm khẩu đại bác. Thứ hai, năm ngoái nó đã làm ngơ không đả động gì đến tập sách của ông Các-nô, trong đó ông ta đề nghị các nhà dân chủ sáp nhập với trung tâm phái tả và phe tả, đưa các đại biểu của chúng lên nắm các chức vụ trong chính phủ càng nhanh càng tốt, tạm thời từ bỏ những nguyên tắc cộng hòa và tiến hành công tác cổ động đòi mở rộng quyền bầu cử trong khuôn khổ bản hiến chương²⁰⁷. Vào khoảng thời gian ấy ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ em đã đưa ra những nguyên tắc tương tự; còn trong chính tập sách có nói là nó bày tỏ không phải ý kiến của một cá nhân riêng biệt, mà là ý kiến của đảng trong nghị viện. Tờ "Réforme" đã phê phán cả bài nói của ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ lẫn tập sách của ông Các-nô (con trai một ủy viên nổi tiếng trong Hội nghị Quốc ước và là bộ trưởng Bộ chiến tranh của nước cộng hòa^{1*}) và cổ thách thức tờ "National" phải giải thích. Nhưng báo "National" tiếp tục im hơi lặng tiếng. Tờ "Réforme" đã tuyên bố một cách đúng đắn rằng cái chính sách do cả hai nghị sĩ đưa ra hoàn toàn nhằm bắt phái dân chủ phải tuyệt đối phục tùng sự kiểm soát của các ông Chi-e và Ba-rô và hoàn toàn tiêu diệt nó như một chính đảng độc lập. Thứ ba, trong thời gian vận động cải cách bằng hình thức mở tiệc, những người ủng hộ tờ "National" trên thực tế đã thi hành chính sách mà ông Các-nô đề ra. Thứ tư, báo "National" đã lên tiếng công kích những người cộng sản một cách độc ác và có tính chất vu khống, nhưng đồng thời lại không đưa ra được bất kỳ một

^{1*} — La-da-rơ Ni-cô-la Các-nô

phương sách thực tế và có hiệu nghiệm nào để giảm bớt tình cảnh khốn khổ của giai cấp công nhân.

Cuộc tranh cãi tiếp diễn ít ra cũng một tuần. Cuối cùng, những người ủng hộ tờ "National" đã từ bỏ cuộc đấu tranh mà họ tiến hành một cách rất không xứng đáng. Họ bị đập tơi bời theo đúng mọi nguyên tắc của nghệ thuật quân sự, nhưng để che giấu thất bại của mình, cuối cùng họ đã chấp nhận đề nghị của ông Lơ-đruy là lập ban trọng tài dân chủ.

Chúng tôi chỉ có thể bày tỏ sự đồng tình hoàn toàn của chúng tôi đối với tờ "Réforme" về vai trò nó nắm giữ trong vụ này. Nó đã cứu vớt danh dự, tính độc lập và sức mạnh của lực lượng dân chủ Pháp với tư cách là một chính đảng độc lập. Nó đã bảo vệ những nguyên tắc cách mạng bị chính sách mà tờ "National" thi hành, đe dọa. Nó đứng ra bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân, không cho giai cấp tư sản vi phạm. Nó đã lột chiếc mặt nạ của những kẻ cấp tiến tư sản ấy, những kẻ cố thuyết phục nhân dân rằng hiện không có áp bức giai cấp, những kẻ không muốn thừa nhận cuộc nội chiến tàn khốc, cuộc chiến tranh giai cấp chống giai cấp trong xã hội hiện đại, và những kẻ chỉ có mấy câu nói trống rỗng dành cho công nhân. Tờ "Réforme" không ngừng cuộc tranh đấu cho tới khi buộc được đối thủ kiêu căng của nó phải phá tan sự yên lặng, bắt nó phải nhún nhường, từ bỏ những lời lẽ của nó, phải đưa ra những lời giải thích và, cuối cùng, phải rút lui. Chúng tôi khẳng định rằng tờ "Réforme" đã phục vụ sự nghiệp dân chủ một cách tốt đẹp.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Giêng 1848

Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 533, ngày 8 tháng Giêng 1848 với lời chú thích của ban biên tập;

"Theo phóng viên của bản báo ở Pa-ri"

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

ĐẠO LUẬT ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI AI-RƠ-LEN VÀ PHÁI HIỂN CHƯƠNG²⁰⁸

Vào thứ tư tuần trước một đạo luật đặc biệt đối với Ai-rơ-len đã bắt đầu có hiệu lực. Viên toàn quyền đã sử dụng không chậm trễ cái quyền lực chuyên chế mà đạo luật mới này ban cho ông ta; ở các quận Li-mơ-rích và Típ-pê-rê-ri đã thi hành phổ biến một bộ luật đặc biệt cũng có hiệu lực ở nhiều khu vực thuộc các quận Clê, Oa-tơ-phoóc, Coóc, Rô-xcôm-môn, Lít-rim, Ca-van, Lông-phoóc và *Quận nhà vua*²⁰⁹.

Tuy nhiên hãy còn chưa rõ kết quả của cái biện pháp hèn hạ này sẽ ra sao. Về vấn đề này chúng tôi đã nghe được ý kiến của giai cấp mà biện pháp này được phê chuẩn nhằm phục vụ lợi ích cho nó, tức là bọn địa chủ Ai-rơ-len. Họ lớn tiếng tuyên bố trên các cơ quan ngôn luận của họ rằng kết quả sẽ bằng không. Và vì thế mà người ta tiến hành giới nghiêm trong cả nước! Vì thế mà cứ mười nghị sĩ Ai-rơ-len thì có chín người đã từ bỏ tổ quốc mình!

Đây là một sự thật hoàn toàn đích xác. Tình trạng phản lại niềm tin mang tính chất phổ biến. Thậm chí gia đình Ô' Cô-nen đã bị chia rẽ trong lúc thảo luận đạo luật: Giôn và Mo-ri-xơ,

những con trai của "người giải phóng" đã quá cố^{1*} thì vẫn trung thành với tổ quốc mình, trong khi em trai họ, Moóc-gan Ô' Cô-nen, không chỉ biểu quyết tán thành đạo luật mà trong các cuộc tranh luận còn mấy lần lên tiếng bảo vệ nó. Vèn vèn chỉ có mười tám nghị sĩ biểu quyết đòi bãi bỏ vô điều kiện đạo luật; chỉ có hai mươi phiếu tán thành tu chính án của ông Uê-clí, một nghị sĩ thuộc phái Hiến chương của một trong những khu ngoại ô Luân Đôn, ông này yêu cầu đồng thời với việc thi hành đạo luật đặc biệt cần có những biện pháp đặc biệt để giảm bớt những nguyên nhân đẻ ra các tội lỗi được dự định phải chấm dứt. Ngay trong mười tám và hai mươi phiếu tán thành ấy thì bốn hay năm nghị sĩ là những người cấp tiến Anh và hai là người Ai-rơ-len được bầu làm nghị sĩ của các khu vực Anh; như vậy, trong số một trăm đại biểu mà Ai-rơ-len cử vào quốc hội vất vả lắm mới tìm được mười hai người kiên quyết chống lại đạo luật này!

Từ khi Ô' Cô-nen chết đi, đây là cuộc tranh luận quan trọng đầu tiên về vấn đề Ai-rơ-len. Cuộc tranh luận phải làm sáng tỏ xem ai là người đáng giữ vị trí của nhà tuyên truyền vĩ đại đứng đầu Ai-rơ-len. Trước khi quốc hội khai mạc thì ở Ai-rơ-len ông Giôn Ô' Cô-nen được ngăm công nhận là người kế tục cha mình. Nhưng chẳng bao lâu sau khi những cuộc tranh luận ấy bắt đầu thì thấy rõ là ông ta không thể làm người lãnh đạo đảng; mặt khác, ông Giôn Ô' Cô-ne lại gặp một đối thủ đáng gờm là Phéc-giuyt Ô' Cô-no. Là lãnh tụ của phái dân chủ, là một người được Đa-ni-en Ô' Cô-nen nói tới như sau: "Chúng ta rất vui lòng nhường ông Phéc-giuyt Ô' Cô-no cho phái Hiến chương Anh như một tặng phẩm", – con người ấy lập tức trở thành người đứng đầu phái Ai-rơ-len. Chính ông là người đã đề nghị bác bỏ vô điều kiện

^{1*} – Đa-ni-en Ô' Cô-nen

dự luật đặc biệt; chính ông đã đoàn kết được xung quanh mình tất cả phe đối lập; chính ông là người đã hướng những hoạt động của phe đối lập vào việc chống lại mỗi điều khoản trong dự luật, cố hết sức trì hoãn cuộc bỏ phiếu; chính ông đã tóm tắt trong những bài nói của mình tất cả mọi luận cứ của phe đối lập chống lại đạo luật này; sau hết, chính ông là người sau năm 1835 lần đầu tiên lại đưa ra đề nghị *thủ tiêu sự hợp nhất*²¹⁰, điều mà không một nghị sĩ Ai-rơ-len nào làm được.

Các nghị sĩ Ai-rơ-len rất miễn cưỡng công nhận Ô' Cô-no là thủ lĩnh của họ. Trong thâm tâm, họ là những người cấp tiến bình thường, và họ ghét cay ghét đắng cái khí phách dân chủ của ông Ô' Cô-no. Ô' Cô-no sẽ không cho phép họ tiếp tục lợi dụng công tác cổ động đòi thủ tiêu sự hợp nhất làm biện pháp để lật đổ đảng bảo thủ, vì lợi ích của đảng cấp tiến, rồi sau đó, khi đảng cấp tiến đã đạt được mục đích của họ rồi thì sẽ cố tình lờ đi chính cái từ "thủ tiêu" ấy. Dẫu sao các nghị sĩ Ai-rơ-len chủ trương thủ tiêu sự hợp nhất cũng không thể không có một lãnh tụ như Ô' Cô-no, và dù ở Ai-rơ-len họ cố làm thương tổn cái tiếng tăm được phục hồi của ông đi nữa, thì ở quốc hội họ vẫn buộc phải phục tùng sự lãnh đạo của ông.

Có thể là khi kỳ họp của quốc hội bế mạc, Ô' Cô-no sẽ đi Ai-rơ-len để khuấy động công tác cổ động đòi thủ tiêu sự hợp nhất và thành lập đảng Hiến chương ở Ai-rơ-len. Không nghi ngờ gì nữa, nếu Ô' Cô-no thực hiện kế hoạch này thì không quá nửa năm nữa ông sẽ trở thành lãnh tụ của nhân dân Ai-rơ-len. Như vậy, khi ông tập trung được vào tay mình sự lãnh đạo lực lượng dân chủ của ba vương quốc thì ông sẽ có cái địa vị mà trước ông không một ai trong số các nhà cổ động có được, kể cả Ô' Cô-nen.

Chúng tôi xin nhường cho bạn đọc của chúng tôi tự xét đoán tầm quan trọng của khối liên minh sắp tới đó giữa nhân dân hai

đảo. Được bổ sung vào hàng ngũ mình hai triệu người Ai-rơ-len dũng cảm và hăng hái, phe dân chủ Anh sẽ tiến bước mau chóng hơn nhiều, còn nước Ai-rơ-len bất hạnh, rút cục, sẽ tiến một bước quan trọng tới sự giải phóng của mình.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 4 tháng Giêng
1848*

*Đã đăng trên báo "La Réforme" ngày 8
tháng Giêng 1848*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyễn văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

PHÉC-GIUÝT Ô' CÔ-NO VÀ NHÂN DÂN AI-RƠ-LEN

Trên số báo đầu tiên năm 1848 của tờ "Northern Star" có đăng lời kêu gọi gửi nhân dân Ai-rơ-len của *Phéc-giuyt Ô' Cô-no*, một lãnh tụ nổi tiếng của phái Hiến chương Anh và là đại biểu của họ ở quốc hội. Lời kêu gọi này rất đáng được mỗi người dân chủ đọc từ đầu đến cuối và lĩnh hội cho chắc, nhưng vì thiếu chỗ nên chúng tôi không thể đăng được.

Thế nhưng chúng tôi không có quyền lặng lẽ bỏ qua nó. Những kết quả của lời kêu gọi hùng hồn gửi nhân dân Ai-rơ-len này rồi đây sẽ rất nhanh chóng biểu hiện ra dưới một hình thức rất hữu hiệu, rõ ràng và cụ thể. Phéc-giuyt Ô' Cô-no, xuất thân chính là người Ai-rơ-len, theo đạo Tin lành, trong hơn mười năm trời là người lãnh đạo và trụ cột của phong trào công nhân vĩ đại ở nước Anh, từ nay cũng cần phải được công nhận là thủ lĩnh chân chính của phái chủ trương thủ tiêu sự hợp nhất Ai-rơ-len và phái cải cách. Ông được hưởng cái quyền ấy trước hết vì ông đã lên tiếng ở hạ nghị viện phản đối "đạo luật đặc biệt đối với Ai-rơ-len" đề tiện lại mới được thông qua. Công tác cổ động vì lợi ích của Ai-rơ-len mà ông tiếp tục làm sau đó chứng tỏ rằng chính Phéc-giuyt Ô' Cô-no mới là con người cần thiết cho Ai-rơ-len.

Đối với ông, hạnh phúc của hàng triệu người Ai-rơ-len là sự nghiệp thực sự thiết thân, *đối với ông*, Repeal – việc thủ tiêu sự hợp nhất, nói cách khác là yêu cầu phải thiết lập một quốc hội Ai-rơ-len độc lập – hoàn toàn không phải là một lời nói rỗng tuếch và không phải là bức bình phong cho người ta núp sau đó để mưu cầu cho mình và cho những người bạn của mình những địa vị có lợi lộc và để lo thu xếp việc riêng.

Trong lời kêu gọi của mình, ông vạch ra cho nhân dân Ai-rơ-len thấy trong vòng 13 năm Đa-ni-en Ô' Cô-nen, tên bịp bợm chính trị ấy, đã lừa dối người Ai-rơ-len và dùng mấy chữ "thủ tiêu sự hợp nhất" để dắt mũi họ như thế nào.

Ông đã vạch trần hành vi của Giôn Ô' Cô-nen, người thừa kế chính trị của cha hắn, và cũng giống như cha hắn, đem hàng triệu người Ai-rơ-len cả tin làm vật hy sinh cho những vụ đầu cơ của hắn và cho lợi ích riêng của hắn; tất cả những bài nói tại "Phòng hòa giải" ở Đu-blin²¹¹, tất cả những lời cam đoan giả nhân giả nghĩa và những câu nói mỹ miều của Giôn Ô' Cô-nen đều không thể rửa sạch vết nhơ trên người hắn mà hắn đã bôi vấy lên mình ngay từ những thời kỳ trước đây, đặc biệt là hiện nay, trong cuộc thảo luận "đạo luật đặc biệt đối với Ai-rơ-len" ở hạ nghị viện.

Cuối cùng rồi nhân dân Ai-rơ-len phải trưởng thành và sẽ trưởng thành, và khi ấy bằng một cú đá họ sẽ hất bỏ tất cả lũ người tự xưng là phái chủ trương thủ tiêu sự hợp nhất, lũ người đeo chiếc mặt nạ ấy vừa vuốt ve cái túi tiền căng phồng của mình vừa cười thâm; bấy giờ kẻ tín đồ thuộc giáo hội La Mã cuồng tín và kẻ bịp bợm chính trị Giôn Ô' Cô-nen sẽ ăn cú đá mạnh nhất.

Nếu như nội dung lời kêu gọi chỉ có thể thôi thì chúng tôi đã không đặc biệt chú ý đến nó.

Nhưng ý nghĩa của nó rộng lớn hơn nhiều, vì rằng trong đó Phéc-giuyt Ô' Cô-no lên tiếng chẳng những chỉ với tư cách là người Ai-rơ-len, mà còn – và chủ yếu là – với tư cách một nhà dân chủ Anh, một người thuộc phái Hiến chương.

Bằng thứ ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu ngay cả cho những người kém hiểu biết nhất, ông chứng minh cho nhân dân Ai-rơ-len thấy tính tất yếu phải dốc toàn lực đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân Anh, với phái Hiến chương, để đấu tranh đòi thực hiện sáu điểm trong "Hiến chương nhân dân" (hàng năm bầu lại quốc hội, quyền phổ thông đầu phiếu, bỏ phiếu kín, bãi bỏ mọi điều kiện bầu cử, trả lương cho đại biểu nhân dân và phân bổ khu vực bầu cử theo số dân). Chỉ khi nào giành được sáu điểm này, thì việc thực hiện "thủ tiêu sự hợp nhất" mới có thể đem lại lợi ích thực tế cho Ai-rơ-len.

Tiếp đó, Ô' Cô-no chỉ ra rằng ngay trước đây, trong đơn thỉnh nguyện lấy được ba triệu rưỡi chữ ký²¹², chính công nhân Anh đã đưa ra đòi hỏi phải có sự công bằng đối với Ai-rơ-len, rằng hiện nay, trong rất nhiều đơn thỉnh nguyện phái Hiến chương Anh lại phản đối "đạo luật đặc biệt đối với Ai-rơ-len" và rằng, sau hết, các giai cấp bị áp bức ở Anh và Ai-rơ-len hoặc sẽ cùng nhau đấu tranh và cùng nhau chiến thắng, hoặc từ nay sẽ phải cùng nhau rên xiết dưới gánh nặng của ách áp bức và cảnh nghèo khổ như nhau, của sự lệ thuộc như nhau vào giai cấp các nhà tư bản hưởng đặc quyền và thống trị.

Không thể mảy may nghi ngờ gì rằng từ nay quần chúng nhân dân Ai-rơ-len sẽ đoàn kết ngày càng chặt chẽ hơn với phái Hiến chương Anh và cùng họ hành động theo một kế hoạch chung. Nhờ thế mà thắng lợi của những người dân chủ Anh, và cùng với thắng lợi đó là việc giải phóng Ai-rơ-len nữa, sẽ tới sớm hơn được nhiều năm. Ý nghĩa của lời kêu gọi gửi nhân dân Ai-rơ-len của Ô' Cô-no chính là ở chỗ đó.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Giêng 1848

Đã đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" số 3, ngày 9 tháng Giêng 1848

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu trên tạp chí "Những vấn đề lịch sử" số 11 năm 1955

C.MÁC

DIỄN VĂN VỀ MẬU DỊCH TỰ DO ĐỌC TẠI CUỘC HỌP CÔNG KHAI CỦA HỘI DÂN CHỦ BRUY-XEN NGÀY 9 THÁNG GIÊNG 1848²¹³

Thưa quý vị!

Việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc ở Anh là một thắng lợi vĩ đại nhất mà chính sách mậu dịch tự do đã đạt được trong thế kỷ XIX. Ở mọi nơi, các chủ xưởng nói đến mậu dịch tự do là họ chủ yếu có ý nói tới tự do buôn bán ngũ cốc và nguyên liệu nói chung. "Thi hành thuế quan bảo hộ đối với việc nhập khẩu ngũ cốc của nước ngoài – đó là một sự đê tiện, đó là đầu cơ nạn đói trong nhân dân".

Lương thực giá hạ, tiền công cao – cheap food, high wages – đây là mục đích duy nhất, vì nó mà phái mậu dịch tự do Anh đã tiêu tốn hàng triệu bạc; họ đã truyền cho đồng nghiệp của họ ở lục địa cái nhiệt tình của họ. Và nhìn chung, nếu như người ta yêu cầu mậu dịch tự do, thì đó chẳng qua cũng chỉ để cải thiện tình cảnh của giai cấp cần lao mà thôi.

Nhưng lạ lùng thay! Nhân dân - kẻ mà người ta muốn cung cấp cho lúa mì giá rẻ bằng bất cứ cách nào – lại tỏ ra rất vô ơn bạc nghĩa. Giờ đây lúa mì giá rẻ ở Anh cũng mang tiếng xấu y

như cái chính phủ rẻ tiền ở Pháp. Nhân dân coi những con người đầy tinh thần hy sinh, coi một Bao-rinh, một Brai-tơ nào đó và các đồng sự của chúng là những kẻ thù lớn nhất và những kẻ giả nhân giả nghĩa vô liêm sỉ nhất đối với họ.

Ai cũng biết rằng cuộc đấu tranh giữa phái tự do và phái dân chủ ở Anh được gọi là cuộc đấu tranh giữa phái mậu dịch tự do và phái Hiến chương.

Còn bây giờ ta hãy xem những người chủ trương mậu dịch tự do đã chứng minh như thế nào cho nhân dân thấy tính chất cao thượng của những ý định thúc đẩy họ hành động.

Đây là những điều họ nói với công nhân công xưởng:

Thuế lúa mì là thuế đánh vào tiền công mà các anh phải đóng cho bọn địa chủ, những đại biểu của tầng lớp quý tộc trung cổ ấy; nguyên nhân gây nên tình cảnh nghèo khổ của các anh là giá nhu yếu phẩm đất đỏ.

Về phía mình, công nhân hỏi các chủ xưởng: lấy gì để giải thích tình hình là trong vòng ba mươi năm lại đây, khi sự phát triển công nghiệp của ta đạt tới mức độ cao nhất, tiền công của chúng tôi lại giảm đi theo một tỷ lệ lớn hơn nhiều so với giá lúa mì tăng lên?

Số tiền thuế chúng tôi đóng cho các địa chủ, theo như các vị khẳng định, là mỗi công nhân khoảng ba pen-ni một tuần; trong khi đó tiền công thợ dệt đứng máy dệt thủ công trong khoảng thời gian từ năm 1815 đến năm 1843 đã giảm từ 28 xuống còn 5 si-linh mỗi tuần, còn tiền công thợ dệt đứng máy dệt cơ khí trong khoảng thời gian từ năm 1823 đến năm 1843 đã giảm từ 20 xuống còn 8 si-linh mỗi tuần.

Trong suốt thời gian này tiền thuế chúng tôi phải nộp cho địa chủ không lần nào vượt quá ba pen-ni. Còn trong năm 1834, khi lúa mì rẻ và trong hoạt động kinh doanh người ta thấy có sự sôi động mãnh liệt, thì các vị đã nói gì với chúng tôi? – Các người

nói là bị bất hạnh, vì các người sinh đẻ quá nhiều con cái, những đám cưới của các người lại hoá ra có năng suất cao hơn nghề nghiệp của các người!

Đó là những lời hoàn toàn đích xác mà các vị nói với chúng tôi lúc đó, và đồng thời các vị đã đặt ra những đạo luật mới về người nghèo và xây dựng những nhà lao động, những nhà tù đối với người vô sản.

Phe chủ xưởng trả lời vấn đề này như sau:

Quý vị công nhân, các người nói đúng; chẳng phải chỉ nguyên có giá lúa mì, mà còn cả sự cạnh tranh giữa những công nhân đang đi tìm nơi thuê mướn nữa, quy định mức tiền công.

Nhưng hãy lưu ý cả đến một tình hình là đất đai của ta chỉ gồm có đá và cát. Hẳn các người không nghĩ rằng có thể trồng lúa mì trong chậu hoa! Thế mà nếu như thay cho việc tiêu phí tư bản của ta, lao động của ta vào việc canh tác đất đai hoàn toàn không sinh lợi, chúng ta bỏ hẳn nông nghiệp và chỉ chuyên làm công nghiệp thì cả châu Âu sẽ phải đóng cửa các nhà máy của nó, và nước Anh sẽ hình thành một thành phố công nghiệp lớn, còn toàn bộ châu Âu còn lại sẽ biến thành một tỉnh nông nghiệp của nó.

Nhưng câu chuyện đó của người chủ xưởng với công nhân của ông ta bị người tiểu thương cắt ngang, đến lượt mình anh ta cũng đòi được trả lời:

Nếu chúng ta bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc, thì cho dù chúng ta vứt bỏ nền nông nghiệp của ta đi nữa, thì như thế chúng ta cũng vẫn chưa bắt được các nước khác phải đem đơn đặt hàng đến cầu cạnh các nhà máy của ta và đóng cửa các nhà máy của họ.

Kết quả sẽ ra sao? Tôi sẽ bị mất khách hàng nông thôn hiện nay của tôi, và ngành nội thương sẽ mất thị trường của nó.

Viên chủ xưởng quay lưng lại phía công nhân và trả lời người chủ hiệu nhỏ: thì trước đó hãy để cho chúng tôi được tự do hành động. Một khi thuế lúa mì bị bãi bỏ, chúng ta sẽ nhận được lúa mì rẻ hơn từ nước ngoài đưa vào. Khi ấy ta sẽ giảm tiền công xuống, và đồng thời với việc này tiền công ở các nước cung cấp ngũ cốc cho ta sẽ tăng lên.

Như vậy, bên cạnh những ưu thế hiện nay ta đã có, còn sẽ thêm cả tiền công thấp hơn, mà với tất cả những ưu thế ấy chúng ta sẽ bắt lục địa phải mua hàng của ta.

Nhưng kìa, người phéc-mi-ê và người công nhân nông nghiệp lại chen vào cuộc tranh luận.

Còn chúng tôi nữa, – họ thốt lên, – chúng tôi sẽ ra sao đây?

Chẳng lẽ chúng tôi phải tuyên đọc bản án tử hình đối với ngành nông nghiệp đang nuôi sống chúng tôi hay sao? Chẳng lẽ chúng tôi phải nhẫn nhục để cho người ta cướp giật của chúng tôi số đất đai ở dưới chân hay sao?

Thay cho câu trả lời, Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc thoả mãn với việc phát giải thưởng cho ba tác phẩm khá nhất về vấn đề ảnh hưởng tốt đẹp của việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc đối với nền nông nghiệp Anh.

Những giải thưởng này đã được trao cho các ông Hốp, Moóc-dơ và Grếch mà tác phẩm của họ đã được lưu hành ở các vùng nông thôn với số lượng hàng nghìn bản.

Người đầu tiên trong số người được giải thưởng cổ chứng minh rằng cả người phéc-mi-ê lẫn người công nhân nông nghiệp đều sẽ không điều đứng trước tình trạng ngũ cốc nước ngoài được nhập khẩu tự do, mà chỉ địa chủ là sẽ bị điều đứng thôi. Người phéc-mi-ê Anh không nên sợ việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc, ông ta thốt lên, vì không một nước nào trên thế giới có thể sản xuất ra lúa mì tốt và rẻ như lúa mì nước Anh sản xuất.

Như vậy, ông ta khẳng định, nếu như giá lúa mì mà có hạ đi

chăng nữa, thì điều đó cũng sẽ không gây tổn thất gì cho các vị, bởi vì sự sụt giá như vậy sẽ chỉ động chạm tới địa tô, là thứ sẽ bị giảm đi, nhưng không đời nào lại phạm tới lợi nhuận của chủ xí nghiệp và tiền công, là những thứ sẽ giữ nguyên ở mức trước kia.

Người thứ hai trong số người được giải thưởng, ông Moóc-dơ, khẳng định ngược lại rằng hậu quả của việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc là giá lúa mì phải cao lên. Ông ta bỏ ra không biết bao nhiêu là công sức, cổ chứng minh rằng thuế quan bảo hộ không bao giờ có thể bảo đảm cho ngũ cốc có được giá khá có lợi.

Để xác minh cho luận điểm của mình ông ta viện đến một sự việc là cứ mỗi lần lúa mì nước ngoài nhập vào thì giá lúa mì ở Anh lại tăng lên khá cao, còn khi số nhập khẩu giảm đi thì giá cả lại sụt hẳn xuống. Ông ta quên rằng không phải việc nhập lúa mì là nguyên nhân gây nên giá cao, mà giá cao là nguyên nhân của việc nhập khẩu.

Hoàn toàn mâu thuẫn với đồng nghiệp cùng được giải thưởng với mình, ông ta khẳng định là bất kỳ sự lên giá nào của lúa mì cũng đều mang lại mỗi lợi cho người phéc-mi-ê và công nhân, chứ không phải cho địa chủ.

Người thứ ba được giải thưởng, ông Grếch, một chủ xưởng lớn, viết cho giai cấp các phéc-mi-ê lớn, không thể bằng lòng với việc lấp lại những điều nhảm nhí như vậy. Ngôn ngữ của ông khoa học hơn.

Ông ta thừa nhận rằng những đạo luật về ngũ cốc nâng giá lúa mì lên bao nhiêu thì chúng cũng thúc đẩy địa tô tăng lên bấy nhiêu, mà sự tăng này chúng gây ra không phải bằng cách nào khác là chúng buộc tư bản phải tìm cách đầu tư vào số ruộng đất có chất lượng tồi hơn, điều này cũng rất dễ giải thích.

Dân số mà càng tăng lên, nếu như ngũ cốc nước ngoài không có đường nhập vào trong nước thì dù muốn dù không cũng bắt

buộc phải sử dụng tới những mảnh đất kém màu mỡ hơn, mà việc canh tác chúng đòi hỏi những chi phí lớn hơn, và sản phẩm của chúng, do đó, cũng đắt hơn.

Vì việc tiêu thụ ngũ cốc được hoàn toàn bảo đảm, nên giá ngũ cốc tất nhiên được điều chỉnh bởi giá sản phẩm thu hoạch trên những mảnh ruộng đòi hỏi chi phí nhiều nhất. Hiệu số giữa giá đó với chi phí sản xuất trên những mảnh ruộng đất tốt hơn hình thành nên địa tô.

Như vậy, nếu như khi bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc mà giá lúa mì và, do đó, cả địa tô nữa, giảm xuống, thì đây là do người ta thôi không canh tác những mảnh ruộng kém màu mỡ hơn. Từ đó rút ra kết luận là địa tô giảm xuống tất nhiên sẽ kéo theo sự phá sản của một bộ phận những người phéc-mi-ê nào đó.

Những nhận xét này là cần thiết để hiểu điều mà ông Gréch nói.

Ông ta khẳng định, những người phéc-mi-ê nhỏ không thể tiếp tục làm nông nghiệp được nữa sẽ tìm thấy nguồn sống trong công nghiệp. Còn về những người phéc-mi-ê lớn thì khi ấy họ sẽ vẫn thắng thế. Các chủ ruộng đất sẽ buộc phải hoặc bán cho họ những mảnh ruộng của mình theo một giá rất hạ, hoặc ký với họ những hợp đồng cho thuê ruộng rất dài hạn. Điều này cho phép những người phéc-mi-ê có điều kiện đầu tư những khoản tư bản lớn vào ruộng đất, sử dụng máy móc trên quy mô lớn hơn, và như vậy là tiết kiệm được lao động thủ công, lao động này, tuy thế, vẫn cứ sẽ rẻ hơn do sự hạ thấp tiền công phổ biến – kết quả trực tiếp của việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc.

Tiến sĩ Bao-rinh đã phê chuẩn tất cả những luận cứ ấy dưới màu sắc tôn giáo, ông thốt lên tại một cuộc mít-tinh công chúng: "Chúa Giê-xu là mậu dịch tự do, mậu dịch tự do là chúa Giê-xu!".

Rất dễ hiểu là tất cả thái độ đạo đức giả ấy tuy nhiên không

giúp ích gì vào việc làm cho bánh mì giá rẻ trở nên bớt cay đắng đối với công nhân.

Mà làm sao công nhân lại có thể tin vào tấm lòng nhân ái đột nhiên thức tỉnh của bọn chủ xưởng, của chính những người không ngừng đấu tranh chống lại đạo luật ngày lao động mười giờ quy định rút ngắn ngày làm việc của công nhân công xưởng từ mười hai giờ xuống mười giờ²¹⁴!

Thưa quý vị, để quý vị có một khái niệm về tấm lòng nhân ái của các ông chủ xưởng đó, tôi xin nhắc quý vị những quy chế công xưởng, được thi hành tại khắp mọi xưởng máy.

Mỗi chủ xưởng có một bộ luật hằn hoi cho sinh hoạt riêng thường ngày, quy định phạt tiền tất cả mọi lỗi lầm do cố tình hay sơ ý; chẳng hạn, người công nhân phải nộp một số tiền nào đó nếu như anh ta không may ngồi ghé lên ghế tựa, nếu anh ta thì thào, nói chuyện, cười, nếu anh ta đi muộn dù chỉ là mấy phút, nếu một bộ phận máy nào đó bị hư hỏng, nếu chất lượng sản phẩm của anh ta không đáp ứng được những yêu cầu đề ra, v.v.. Tiền phạt bao giờ cũng vượt quá số thiệt hại do công nhân thực tế gây ra. Để cố hết sức làm cho công nhân dễ bị phạt, người ta vận động hồ nhà máy chạy nhanh lên, phát cho công nhân nguyên liệu xấu mà từ đó anh ta phải làm ra sản phẩm tốt. Người ta thay những đốc công không có đủ quỹ quyết để tăng thêm số vụ vi phạm như vậy.

Thưa quý vị, như quý vị đã thấy, bộ luật riêng ấy được đặt ra để làm sinh sôi nảy nở lỗi lầm, còn lỗi lầm thì cần có để thu tiền. Như vậy chủ xưởng dùng mọi cách để cố hạ thấp tiền công danh nghĩa và bòn rút lợi nhuận thậm chí từ những trường hợp ngẫu nhiên không do công nhân gây ra.

Những chủ xưởng ấy chính lại là những nhà từ thiện ra sức

thuyết phục công nhân rằng họ có thể bỏ ra những khoản chi tiêu lớn hoàn toàn nhằm cải thiện tình cảnh công nhân của họ.

Như vậy là bọn chủ, một mặt, thông qua những quy chế công xưởng của chúng, cắt xén tiền công của công nhân một cách ty tiện nhất, mặt khác, lại chịu những hy sinh to lớn nhất để, với sự giúp đỡ của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, nâng cao tiền công lên.

Họ bỏ ra những khoản chi phí lớn xây dựng những lâu đài mà Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc dùng làm một kiểu dinh thự của nó. Họ phái cả một đội quân tén đồ đi khắp mọi nẻo nước Anh để tuyên truyền cho thứ tôn giáo mậu dịch tự do. Họ in hàng nghìn tập sách và phát không chúng để giáo dục công nhân về những lợi ích của bản thân anh ta. Họ chi những món tiền khổng lồ để lôi kéo báo chí về phía mình. Để lãnh đạo phong trào mậu dịch tự do, họ tổ chức một bộ máy hành chính khổng lồ và trở hết tài hùng biện ở những cuộc mít-tinh công chúng. Tại một trong những cuộc mít-tinh đó một công nhân đã thốt lên:

"Nếu như bọn địa chủ đã bán xương cốt chúng tôi thì bọn chủ xưởng các người sẽ là những kẻ đầu tiên mua nó để đưa vào cối xay chạy bằng hơi nước và chế biến nó thành bột mì!"

Công nhân Anh hiểu rất rõ ý nghĩa của cuộc đấu tranh giữa bọn địa chủ và bọn chủ xưởng. Họ biết rất rõ rằng người ta muốn hạ giá lúa mì để giảm tiền công, rằng địa tô giảm đi bao nhiêu thì lợi nhuận của tư bản sẽ được nâng lên đúng bấy nhiêu.

Về điểm này, quan điểm của Ri-các-đô, một môn đồ của phái chủ trương mậu dịch tự do Anh, một nhà kinh tế học lỗi lạc nhất của thế kỷ chúng ta, hoàn toàn trùng hợp với ý kiến của công nhân.

Trong một công trình nghiên cứu nổi tiếng của mình về kinh tế chính trị học ông có nói:

"Nếu như thay cho việc trồng lúa mì ở nước mình, chúng ta sẽ tìm thấy một thị trường mới mà tại đó ta có thể mua lúa mì theo giá rẻ hơn, thì tiền công sẽ sụt xuống, còn lợi nhuận sẽ tăng lên. Sự sụt giá của nông phẩm sẽ hạ thấp tiền công chẳng những của công nhân trong ngành nông nghiệp, mà còn của tất cả những người làm việc trong ngành công nghiệp hoặc trong ngành thương nghiệp"²¹⁵.

Thưa quý vị, xin quý vị đừng nghĩ rằng đối với một công nhân, việc anh ta sẽ chỉ được lĩnh bốn phrăng khi giá lúa mì rẻ hơn hay năm phrăng như trước đây, là hoàn toàn như nhau.

Phải chăng so với lợi nhuận, tiền công của anh ta không ngày càng giảm sút đi? Và phải chăng lại không rõ ràng là so với địa vị của nhà tư bản thì địa vị xã hội của anh ta ngày càng sút kém hơn? Nhưng ngoài điều đó ra, trên thực tế anh ta còn phải chịu thiệt hại trực tiếp nữa.

Khi giá lúa mì – mà cả tiền công như vậy – còn ở mức cao hơn thì người công nhân chỉ cần tiết kiệm tiêu dùng bánh mì chút ít là đã có khả năng thoả mãn những nhu cầu khác. Nhưng từ khi giá lúa mì, do đó, cả tiền công nữa, hạ thấp đi nhiều thì anh ta hầu như không thể tiết kiệm được gì về bánh mì để mua sắm những vật dụng khác.

Công nhân Anh đã cho phái chủ trương mậu dịch tự do thấy rằng họ không muốn trở thành vật hy sinh cho những ảo tưởng và sự lừa bịp của những kẻ chủ trương mậu dịch tự do; và tuy vậy, nếu như họ vẫn cứ liên hiệp với phái chủ trương mậu dịch tự do để đấu tranh chống lại địa chủ, thì đó chẳng qua chỉ là để thủ tiêu những tàn tích cuối cùng của chế độ phong kiến và chỉ liên quan đến một kẻ thù mà thôi. Công nhân đã không lầm trong những tính toán của họ: để trả thù bọn chủ xưởng, địa chủ đã cùng với công nhân ủng hộ đạo luật ngày lao động 10 giờ – một đạo luật mà công nhân đã uống công đòi phê

chuẩn trong vòng ba mươi năm và được thi hành ngay sau khi những đạo luật về ngũ cốc bị bãi bỏ.

Tại đại hội các nhà kinh tế học^{1*} tiền sĩ Bao-rinh đã lôi ở túi ra một bản thống kê dài dằng dặc để giới thiệu cho biết bao nhiêu thịt bò, giảm-bông, mỡ, gà con, v.v. và v.v. đã được nhập vào Anh để thoả mãn những nhu cầu, theo ông ta nói, của công nhân, nhưng, rất đáng tiếc là ông ta quên không nói, thêm rằng cùng trong thời gian ấy người ta đang ném công nhân ở Man-se-xtơ và ở các thành phố công nghiệp khác ra ngoài đường vì đang có khủng hoảng.

Trong kinh tế chính trị học, về nguyên tắc thì không bao giờ được căn cứ vào bản số liệu chỉ có liên quan tới một năm để rút ra những quy luật chung. Bao giờ cũng cần lấy những con số trung bình trong sáu hay bảy năm, tức là trong một khoảng thời gian mà nền công nghiệp hiện đại trải qua các giai đoạn khác nhau – hưng thịnh, sản xuất thừa, đình đốn, khủng hoảng, – như thế là hoàn thành một chu kỳ tất yếu của nó.

Lẽ đương nhiên, trong trường hợp có sự sụt giá của tất cả các mặt hàng, – mà sự sụt giá này là hậu quả tất yếu của mậu dịch tự do, – thì với mỗi đồng phrăng tôi có thể mua sắm được nhiều vật dụng hơn nhiều so với trước đây. Mà đồng phrăng của người công nhân cũng có giá trị như bất kỳ đồng phrăng nào khác. Vậy là mậu dịch tự do rất có lợi cho công nhân. Nhưng cả thầy chỉ có độc một điều bất tiện nho nhỏ có liên quan tới vấn đề này, đó là: trước khi trao đổi đồng phrăng của mình để lấy các hàng hoá khác, người công nhân phải thực hiện sự trao đổi lao động của anh ta để lấy tư bản. Nếu như khi thực hiện sự trao đổi ấy mà anh ta vẫn tiếp tục được lĩnh như trước kia đồng phrăng nói trên

^{1*} Về đại hội này xem tập này, tr. 352-358, 361-378.

cho cùng một số lượng lao động đó, trong khi giá cả tất cả các hàng hoá khác đều giảm đi thì anh ta bao giờ cũng sẽ được lợi trong một sự giao dịch như vậy. Cái khó hoàn toàn không phải ở chỗ chứng minh rằng khi giá cả của tất cả các mặt hàng giảm xuống thì với cùng một số tiền ấy có thể mua sắm được một lượng hàng lớn hơn.

Các nhà kinh tế học bao giờ cũng quan sát giá cả của lao động vào lúc lao động được đem trao đổi lấy những hàng hoá khác. Nhưng họ hoàn toàn không để ý gì tới cái khâu thực hiện sự trao đổi lao động lấy tư bản.

Khi cần ít chi phí hơn để làm cho chiếc máy sản xuất ra hàng hoá hoạt động thì những vật phẩm cần thiết để bảo dưỡng chiếc máy ấy – chiếc máy mang tên gọi là công nhân – cũng rẻ đi y như vậy. Nếu như tất cả mọi thứ hàng hoá đều trở nên rẻ hơn thì ngay cả giá cả của lao động – nó cũng là hàng hoá – cũng giảm xuống y như vậy và, như ta sẽ thấy ở dưới đây, thứ hàng hoá – lao động này bị sụt giá nhiều hơn nữa so với mọi thứ hàng hoá khác. Khi ấy người công nhân mà từ nay về sau vẫn còn tin vào những luận cứ của các nhà kinh tế học, sẽ thấy rằng đồng phrăng trong túi anh ta đã vơi mất, rằng đồng phrăng còn lại không quá năm xu.

Các nhà kinh tế học sẽ phản đối chúng tôi về điều đó: thôi được, chúng tôi đồng ý là sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau chắc sẽ không giảm bớt khi mậu dịch tự do ngự trị, nó sẽ rất nhanh chóng đưa tiền công về mức phù hợp với giá hàng hoá hạ hơn. Nhưng mặt khác, sự hạ giá hàng hoá sẽ dẫn đến tiêu dùng nhiều hơn; tiêu dùng nhiều hơn đòi hỏi sản xuất tăng lên, sản xuất tăng lên sẽ kéo sự tăng nhu cầu về nhân công; kết quả của sự tăng nhu cầu về nhân công là tiền công tăng lên.

Tất cả những luận cứ ấy tựu trung lại là: mậu dịch tự do làm cho lực lượng sản xuất tăng lên. Nếu như công nghiệp phát triển,

nếu như của cải, lực lượng sản xuất, tóm lại là tư bản sản xuất làm cho nhu cầu đối với lao động tăng lên thì giá cả của lao động, và do đó cả tiền công, cũng tăng lên. Tư bản tăng lên là điều có lợi nhất cho công nhân. Cần phải đồng ý ở điểm này. Nếu như tư bản nằm im thì công nghiệp sẽ không nằm im mà sẽ bắt đầu suy thoái, và trong trường hợp đó người công nhân sẽ là nạn nhân đầu tiên của sự suy thoái công nghiệp. Công nhân sẽ chết trước nhà tư bản. Vậy thì, còn trong trường hợp tư bản tăng lên, tức là, như đã nói trên kia, trong trường hợp có lợi nhất đối với người công nhân, số phận anh ta sẽ ra sao? Anh ta cũng sẽ chết như vậy thôi. Tư bản sản xuất tăng lên cũng có nghĩa là tích lũy và tích tụ tư bản. Hậu quả của tập trung tư bản là phân công lao động nhiều hơn nữa và sử dụng máy móc rộng rãi hơn nữa. Sự phân công lao động cao hơn sẽ làm cho sự khéo léo nghề nghiệp của người công nhân mất hết ý nghĩa, khi nó đặt vào chỗ sự khéo léo ấy một công việc mà người nào cũng có thể làm được, và như vậy là tăng thêm sự cạnh tranh trong công nhân.

Cuộc cạnh tranh này càng trở nên mãnh liệt hơn do chỗ phân công lao động cho phép một công nhân có thể hoàn thành được công việc của ba người. Việc sử dụng máy móc cũng dẫn tới kết quả như vậy, mà lại trên một quy mô to lớn hơn nhiều. Tư bản sản xuất tăng lên bắt buộc các nhà tư bản công nghiệp phải không ngừng tăng cường tư liệu sản xuất, và qua đó làm phá sản các chủ xí nghiệp nhỏ, đẩy họ vào đội ngũ vô sản. Tiếp đến, bởi vì tư bản mà càng tích lũy thì mức lợi tức càng giảm đi, cho nên những người thực lợi nhỏ không thể tiếp tục sống bằng lợi tức của họ được nữa, đành lòng phải vào làm trong các xí nghiệp để tiếp tục làm tăng thêm số lượng những người vô sản.

Sau hết, tư bản sản xuất càng tăng lên thì càng cần sản xuất cho cái thị trường mà nó không biết rõ nhu cầu, sản xuất ngày càng vượt xa tiêu dùng, cung ngày càng có xu hướng vượt số cầu, và do tất cả những cái đó mà các cuộc khủng hoảng xảy ra ngày

một thường xuyên hơn và ngày một trầm trọng hơn. Nhưng đứng về phía nó mà nói, mỗi cuộc khủng hoảng lại đẩy nhanh quá trình tập trung tư bản và làm cho hàng ngũ giai cấp vô sản đông thêm.

Như vậy là khi tư bản sản xuất tăng lên thì cạnh tranh trong công nhân cũng tiến triển với mức độ lớn hơn nhiều. Tiền công lao động hạ xuống đối với tất cả mọi người, còn đối với một số người thì tính chất nặng nhọc của lao động cũng tăng thêm.

Năm 1829 ở Man-se-xtơ có 1088 thợ kéo sợi làm việc tại 36 công xưởng. Năm 1841 số thợ kéo sợi tính ra chỉ còn có 448 người, và số công nhân này trông coi nhiều hơn 1088 thợ kéo sợi trong năm 1829 những 53 353 cọc sợi. Nếu như khối lượng lao động thủ công được sử dụng tăng lên tương ứng với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì số công nhân sẽ phải lên tới 1848 người; vậy là những cải tiến trong lĩnh vực kỹ thuật máy móc đã làm cho 1100 công nhân không có việc làm.

Chúng tôi biết trước câu trả lời của các nhà kinh tế học. Họ sẽ nói, những người không có việc làm đó sẽ tìm được cho mình công việc khác. Tại đại hội các nhà kinh tế học, tiến sĩ Bao-rinh không quên đưa ra cái luận cứ ấy, nhưng đồng thời cũng không quên bác lại chính mình.

Năm 1835 tiến sĩ Bao-rinh đã đọc tại hạ nghị viện một bài diễn văn với chủ đề là 50 000 thợ dệt Luân Đôn trong một thời gian dài đang phải chết dần chết mòn vì đói khát, trong cảnh uổng công tìm kiếm việc làm mới mà triển vọng được những người chủ trương mậu dịch tự do đưa ra để an ủi họ.

Chúng tôi xin dẫn ra đây những đoạn đáng chú ý nhất trong bài diễn văn ấy của tiến sĩ Bao-rinh.

"Cảnh nghèo khổ mà những thợ dệt thủ công đang chịu đựng" — ông ta nói, — "là số phận không tránh khỏi của tất cả những người làm thứ công việc dễ học và bất kể lúc nào cũng có thể bị thay thế bằng những công cụ ít tốn kém hơn. Bởi lẽ trong trường hợp này sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau cực kỳ gay gắt, nên

cầu giảm đi tí chút thôi là đã gây ra khủng hoảng. Thợ dệt thủ công dường như đang ở bên lề của cuộc sống. Thêm một bước nữa là họ sẽ không thể tồn tại được nữa. Chỉ cần một sự xô đẩy hết sức nhỏ cũng đủ đưa họ đến chỗ chết. Trong thời đại quá độ, sự tiến bộ trong lĩnh vực kỹ thuật máy móc vì nó mà lao động thủ công ngày càng bị đẩy lui nhiều hơn, tất nhiên kéo theo rất nhiều nỗi thống khổ tạm thời. Sự phồn vinh của quốc gia chỉ có thể mua bằng cái giá là những tai họa đối với một số cá nhân nhất định. Trong công nghiệp sự phát triển bao giờ cũng được thực hiện bằng cách thủ tiêu những cái lạc hậu; trong tất cả những phát minh thì chính cái máy dệt chạy bằng hơi nước đã ảnh hưởng nặng nề hơn cả đến số phận những thợ dệt thủ công. Ngay như giờ đây người thợ dệt thủ công đã bị gạt bỏ hoàn toàn trong việc sản xuất ra nhiều thứ sản phẩm trước kia phải làm bằng tay, và anh ta sẽ còn phải chịu thất bại trong lĩnh vực sản xuất ra nhiều thứ sản phẩm khác từ trước tới nay vẫn làm bằng tay".

"Trong tay tôi", — ông ta nói tiếp, — "có thư từ giao dịch giữa viên quan toàn quyền Ấn Độ và Công ty Đông-Án. Thư này đề cập tới những người thợ dệt khu vực Đắc-ca. Trong những bức thư của mình viên toàn quyền cho biết như sau: mấy năm trước đây Công ty Đông — Án mua từ 6 đến 8 triệu vuông vải bông dệt bằng những khung cửi thủ công ở địa phương. Nhu cầu dần dần tụt xuống và thu hẹp lại còn chừng độ một triệu vuông.

Hiện nay nhu cầu hầu như sứt hẳn xuống. Ngoài ra, năm 1800 Bắc Mỹ nhận mua ở Ấn Độ xấp xỉ 800 000 vuông vải bông. Năm 1830 Bắc Mỹ không mua nổi thậm chí 4 000 vuông. Sau hết, năm 1800 có một triệu vuông vải được xếp lên tàu để chở đi Bồ Đào Nha. Năm 1830 Bồ Đào Nha nhận mua không quá 200 000 vuông.

Những bản báo cáo về những nỗi bất hạnh của thợ dệt Ấn Độ gây nên một ấn tượng kinh hoàng. Nhưng nguyên nhân của cảnh nghèo khổ đó là gì?

Trên các thị trường xuất hiện các sản phẩm của Anh sản xuất bằng máy dệt chạy bằng sức hơi nước. Một số rất lớn thợ dệt đã chết đói; những người còn lại đi tìm việc khác, chủ yếu là trong ngành nông nghiệp. Không thay đổi nổi việc làm thì có nghĩa là bị khép vào cái chết. Hiện nay miền Đắc-ca tràn ngập vải và sợi Anh. Vải mịn Đắc-ca đã từng nổi tiếng khắp thế giới vì bền và đẹp, cũng hoàn toàn biến mất do có sự cạnh tranh của máy móc Anh. Trong toàn bộ lịch sử thương nghiệp có lẽ khó mà tìm thấy một thí dụ nào khác về những tai họa, giống như những tai họa mà hàng loạt các giai cấp trong dân cư Đông-Án phải chịu đựng như vậy".

Bài diễn văn của tiến sĩ Bao-rinh càng đặc sắc hơn ở chỗ những sự kiện dẫn ra trong đó thì chính xác, còn những câu văn mà ông ta dùng để cổ che đậy chúng thì đều mang chính cái dấu ấn đạo đức giả như những bài truyền đạo khác của các tín đồ mậu dịch tự do. Ông ta miêu tả công nhân như những tư liệu sản xuất cần được thay thế bởi những tư liệu sản xuất khác, rẻ tiền hơn. Ông ta vờ như đang khảo sát ngành lao động đang bàn ở đây như một ngành lao động hoàn toàn đặc biệt, còn chiếc máy đã giết chết những thợ dệt thủ công được ông ta coi là một chiếc máy hoàn toàn đặc biệt. Ông ta quên rằng không có một ngành lao động thủ công nào mà một ngày nào đấy lại sẽ không phải chịu chung cái số phận của ngành dệt thủ công.

"Trong thực tế, mục đích thường xuyên và khuynh hướng của bất kỳ sự cải tiến nào trong lĩnh vực kỹ thuật máy móc cũng đều là thủ tiêu hoàn toàn lao động của con người hay làm giảm giá cả của nó đi bằng cách thay thế lao động của đàn ông bằng lao động của phụ nữ và trẻ em, thay thế lao động của những thợ thủ công khéo léo bằng lao động của những công nhân không cần đào tạo. Tại phần lớn các xưởng kéo sợi — tiếng Anh là throstle-mills — việc kéo sợi hoàn toàn do các em gái 16 tuổi và nhỏ hơn nữa đảm nhiệm. Do sử dụng máy kéo sợi tự động thay cho máy mua-lơ đơn giản nên phần lớn công nhân kéo sợi lớn tuổi bị sa thải và chỉ có trẻ em và thiếu niên là được giữ lại".

Những lời nói này của một tín đồ cuồng nhiệt nhất của phái mậu dịch tự do, của tiến sĩ I-u-ơ²¹⁶, là phần bổ sung rất hay cho những lời thú nhận của ông Bao-rinh. Ông Bao-rinh bàn luận về những tai họa xảy đến với một số người cá biệt nào đó và đồng thời lại cho chúng ta biết là những tai họa của những người cá biệt đó đang đẩy hàng loạt giai cấp đến chỗ diệt vong; ông ta nói tới "những nỗi thống khổ tạm thời" trong "thời đại quá độ" và khi nói tới vấn đề này đồng thời lại không giấu giếm là đối với đa số thì những nỗi thống khổ có tính chất quá độ ấy có nghĩa là bước quá độ từ sự sống sang cái chết, còn đối với những người còn lại là bước quá độ từ tình cảnh trước đây của họ sang một tình cảnh

còn tồi tệ hơn. Nếu như ông ta nói tiếp rằng những tai họa của số công nhân ấy gắn liền không thể tách rời với tiến bộ công nghiệp và là tất yếu đối với sự phồn vinh của quốc gia, thì như thế là ông ta công nhận rằng tình cảnh đói nghèo của giai cấp công nhân là một điều kiện tất yếu của sự phồn vinh của giai cấp tư sản.

Tất cả những lời an ủi mà ông Bao-rinh hào phóng đưa ra cho những người công nhân đang chết dần chết mòn, cũng như nhìn chung toàn bộ cái lý thuyết đền bù do những người chủ trương mâu dịch tự do xây dựng nên, chung quy lại như sau:

Hỡi hàng nghìn công nhân đang chết dần chết mòn, các bạn chẳng nên tuyệt vọng. Các bạn có thể hoàn toàn yên tâm mà chết. Giai cấp các bạn sẽ không tuyệt chủng. Nó bao giờ cũng sẽ đủ đông đảo để tư bản có thể giết chết nó mà không sợ tiêu diệt nó hoàn toàn. Mà làm sao tư bản lại có thể tìm thấy cho mình cách sử dụng có lợi nếu như nó không lo đảm bảo cho mình có đủ vật liệu để bóc lột, tức có đủ công nhân để bóc lột họ nữa, bóc lột họ mãi?

Nhưng thế thì tiếp tục bàn đến cái ảnh hưởng mà việc thực hiện mâu dịch tự do sẽ gây ra cho tình cảnh giai cấp công nhân như một vấn đề không tài nào giải quyết nổi để làm gì kia chứ? Tất cả những quy luật đã được các nhà kinh tế học từ Kê-nê đến Ri-các-đô trình bày đều dựa trên một giả thuyết là những sợi dây trước nay trói buộc mâu dịch tự do không còn tồn tại nữa. Tác động của những quy luật này càng tăng lên theo với sự thực hiện mâu dịch tự do. Quy luật thứ nhất trong số các quy luật ấy nói rằng sự cạnh tranh làm giảm giá mọi thứ hàng hoá xuống đến mức chỉ phí tối thiểu để sản xuất ra nó. Như vậy, mức tiền công tối thiểu là giá cả tự nhiên của lao động. Thế mức tiền công tối thiểu là gì? Đó chính là mức tối thiểu cần thiết để sản xuất ra những vật phẩm cần thiết để nuôi sống người công nhân, để anh ta có

thể nuôi sống bản thân một cách chật vật và sẽ có thể duy trì nòi giống của mình ở một chừng mực nào đấy.

Từ đó không nên kết luận là người công nhân không thể lĩnh nhiều hơn số tiền công tối thiểu ấy, và bất luận thế nào cũng không nên nghĩ rằng anh ta bao giờ cũng chỉ được lĩnh con số tối thiểu ấy.

Không, do tác động của quy luật này mà giai cấp công nhân thỉnh thoảng cũng có những thời kỳ may mắn hơn. Đôi khi nó còn được lĩnh vượt con số tối thiểu ấy nữa, nhưng số dôi ra này chẳng qua chỉ là phần thêm vào để bù lại số nó không được lĩnh đủ so với mức tối thiểu trong những thời kỳ công nghiệp đình đốn. Điều đó có nghĩa là trong một khoảng thời gian nhất định bao giờ cũng lặp đi lặp lại một cách chu kỳ của vòng tuần hoàn mà công nghiệp hoàn thành, lần lượt trải qua các giai đoạn là phồn vinh, sản xuất thừa, đình đốn và khủng hoảng, thì kết quả là giai cấp công nhân – nếu như tính gộp tất cả những gì nó được lĩnh vượt mức cần thiết và những gì nó không được lĩnh đủ, – kiếm được không hơn không kém mức tối thiểu ấy; nói cách khác, giai cấp công nhân được duy trì nhìn chung như một giai cấp, mặc dù có tất cả những tai họa và cảnh nghèo khổ nó phải chịu đựng, mặc dù có những xác chết nó bỏ lại trên bãi chiến trường công nghiệp. Nhưng điều ấy có thể có ý nghĩa gì? Nó nói lên rằng giai cấp công nhân vẫn tiếp tục tồn tại, và thậm chí còn hơn thế nữa, số lượng của nó vẫn tăng lên.

Tuy nhiên, như thế chưa phải là hết đâu. Do sự tiến bộ của công nghiệp mà xuất hiện những tư liệu sinh hoạt rẻ hơn. Chẳng hạn, rượu trắng thay thế bia, vải bông thay thế len và vải gai, khoai tây thay thế bánh mì.

Như vậy, do không ngừng tìm ra những phương pháp mới nuôi dưỡng công nhân bằng các loại thực phẩm rẻ tiền hơn và xấu hơn

nên mức tiền công tối thiểu cũng không ngừng hạ thấp. Và nếu như lúc đầu tiền công ấy bắt con người phải lao động để sống thì cuối cùng nó bắt con người phải sống cuộc đời như một cái máy. Toàn bộ giá trị của sự tồn tại của người công nhân quy lại chỉ còn là cái giá trị của anh ta với tính cách như một lực lượng sản xuất giản đơn; nhà tư bản cũng đối xử với anh ta một cách tương xứng như vậy.

Mậu dịch tự do, cái tiền đề xuất phát ấy của các nhà kinh tế học, mà càng được thực hiện và càng trở thành một sự kiện thực tế thì quy luật hàng hoá – lao động ấy, quy luật tiền công tối thiểu càng thể hiện nhiều hơn. Như vậy là chỉ còn lại một trong hai thứ: hoặc phủ nhận toàn bộ khoa kinh tế chính trị mà cơ sở của nó là định đề về mậu dịch tự do, hoặc đồng ý là khi có mậu dịch tự do thì công nhân phải chịu đựng toàn bộ tính chất khắc nghiệt của các quy luật kinh tế.

Ta hãy tổng kết lại: trong những điều kiện xã hội hiện đại thì mậu dịch tự do là gì? Đó là tự do của tư bản. Nếu như các vị có xoá bỏ được một vài trở ngại dân tộc vẫn còn tiếp tục cản trở tư bản tiến bước, thì các vị cũng chỉ trao cho nó quyền hoàn toàn tự do hành động mà thôi. Cho dù những điều kiện trong đó diễn ra sự trao đổi một thứ hàng hoá này lấy thứ hàng hoá khác có thuận lợi đến đâu đi nữa thì chừng nào hãy còn duy trì những quan hệ giữa lao động làm thuê và tư bản thì bao giờ cũng sẽ có giai cấp những kẻ bóc lột và giai cấp những người bị bóc lột. Thực khó mà hiểu nổi thái độ quá tự tin của những người ủng hộ mậu dịch tự do tưởng tượng rằng việc sử dụng tư bản một cách có lợi hơn sẽ thủ tiêu được mâu thuẫn đối kháng giữa các nhà tư bản công nghiệp và công nhân làm thuê. Chính là ngược lại, điều đó chỉ có thể làm cho tính chất đối lập giữa hai giai cấp ấy phơi bày rõ rệt hơn nữa mà thôi.

Hãy giả thử trong giây lát rằng cả những đạo luật về ngũ cốc,

cả hải quan, cả thuế nhập thị đều không còn nữa, tóm lại là tất cả mọi tình huống ngẫu nhiên mà từ trước tới nay người công nhân vẫn coi là nguyên nhân gây nên tình cảnh nghèo khổ của anh ta, đều hoàn toàn biến đi hết, thì cũng là lúc tất cả những bức màn che không cho anh ta thấy kẻ thù đích thực của anh ta sẽ bị xé toáng.

Anh ta sẽ thấy là tư bản được giải phóng khỏi những sợi dây trói buộc sẽ đem lại cho anh ta cái ách nô lệ chẳng thua kém chút nào cái ách nô lệ của tư bản bị thuế quan trói buộc.

Thưa quý vị, hãy đừng để người ta lừa dối mình bằng cái từ trêu tượng *tự do*! Đó là tự do của ai? Đó không phải là tự do của từng cá nhân riêng biệt đối với cá nhân khác. Đó là tự do cho tư bản vắt kiệt chút xương tuỷ cuối cùng của người công nhân.

Làm sao còn có thể thần thánh hoá cạnh tranh tự do, nâng nó lên thành tư tưởng tự do khi mà thứ tự do ấy chẳng phải cái gì khác mà là sản phẩm của một chế độ dựa trên cạnh tranh tự do?

Chúng tôi đã chỉ rõ mậu dịch tự do đẻ ra thứ hữu ái gì giữa các giai cấp khác nhau trong cùng một dân tộc. Tình hữu ái mà mậu dịch tự do sẽ thiết lập giữa các dân tộc trên thế giới chắc gì đã có đặc trưng hữu ái hơn. Dem cái tên tình hữu ái phổ biến mà đặt cho sự bóc lột trên phạm vi toàn thế giới của nó – tư tưởng đó chỉ có thể nảy sinh ở giai cấp tư sản. Tất cả những hiện tượng phá hoại do cạnh tranh tự do gây nên trong mỗi nước riêng biệt, đều sẽ tái diễn trên thị trường thế giới với những quy mô còn lớn hơn nữa. Không cần phải dừng lại lâu hơn ở những điều nguy biệi được những người ủng hộ mậu dịch tự do truyền bá về vấn đề này, những điều nguy biệi hoàn toàn xứng đáng với những

luận cứ của ba vị được giải thưởng của chúng ta: các ông Hốp, Moóc-dơ và Grêch.

Chẳng hạn, người ta sẽ nói với chúng ta rằng mậu dịch tự do sẽ tạo ra phân công lao động quốc tế và qua đây sẽ xác định cho mỗi nước một loại sản xuất phù hợp với những ưu thế thiên nhiên của nó.

Thưa quý vị, có thể các vị cho rằng ngành sản xuất cà-phê và đường là sứ mệnh tự nhiên của Tây-Án.

Hai trăm năm trước đây, thiên nhiên không dính dáng gì với thương nghiệp, hoàn toàn không vun trồng ở đó cả cây cà-phê lẫn cây mía.

Và có thể không tới năm mươi năm nữa ở đó sẽ không thể tìm thấy cả cây cà-phê lẫn cây mía, bởi vì miền Đông-Án, nhờ việc sản xuất rẻ hơn của nó, đã đang tranh giành thắng lợi của Tây-Án cái sứ mệnh tự nhiên tưởng tượng của nó. Và miền Tây-Án đòi dào tặng phẩm của thiên nhiên ấy đã là một gánh nặng đối với người Anh cũng như công nhân dệt Đác-ca, những người mà ngay từ thời thượng cổ cũng đã có sứ mệnh làm nghề dệt thủ công rồi.

Đồng thời không nên bỏ qua một tình hình nữa: vì mọi thứ đã trở thành có tính chất độc quyền, nên ngay trong thời đại chúng ta đã có một số ngành công nghiệp thống trị tất cả mọi ngành khác và đảm bảo cho các dân tộc làm các ngành công nghiệp ấy nhiều hơn cả chiếm được địa vị thống trị trên thị trường thế giới. Chẳng hạn như trong trao đổi quốc tế, bông có một ý nghĩa thương nghiệp quan trọng hơn nhiều so với tất cả các loại nguyên liệu khác dùng để may áo quần gộp lại. Những người ủng hộ mậu dịch tự do tỏ ra thực lộ bịch khi họ cố tìm trong mỗi ngành công nghiệp lấy hai – ba loại sản xuất chuyên môn và đem đặt chúng ngang

hàng với ngành sản xuất các vật phẩm tiêu dùng thông thường được sản xuất rẻ nhất ở các nước có nền công nghiệp phát triển hơn cả.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi những người ủng hộ mậu dịch tự do không thể hiểu nổi làm thế nào mà một nước lại có thể làm giàu nhờ những thiệt hại của một nước khác; vì các vị ấy càng ít muốn hiểu: làm thế nào mà trong mỗi nước một giai cấp lại có thể làm giàu bằng những thiệt hại của một giai cấp khác.

Nhưng, thưa quý vị, chớ nên nghĩ rằng phê phán chính sách mậu dịch tự do là chúng tôi có ý định bênh vực chính sách thuế quan bảo hộ.

Có thể tuyên bố mình là kẻ thù của chế độ lập hiến, nhưng không phải như vậy đã là tuyên bố rằng mình là người ủng hộ chế độ cũ.

Tuy thế, chế độ thuế quan bảo hộ chỉ là một phương sách để xây dựng ở một dân tộc này hay dân tộc khác một nền đại công nghiệp, tức là đặt nó vào trong mối liên hệ phụ thuộc vào thị trường thế giới; nhưng ngay từ khi thiết lập mối liên hệ phụ thuộc vào thị trường thế giới thì, đến lượt nó, lại nảy sinh mối liên hệ phụ thuộc ít hay nhiều vào mậu dịch tự do. Ngoài ra chế độ thuế quan bảo hộ còn thúc đẩy cạnh tranh tự do trong nước phát triển. Bởi vậy chúng tôi thấy là ở những nước mà giai cấp tư sản bắt đầu đòi người ta phải công nhận nó như một giai cấp, như ở Đức chẳng hạn, thì nó có những sự cố gắng to lớn để đạt cho được thuế quan bảo hộ. Nó sử dụng thuế quan bảo hộ làm vũ khí chống lại chế độ phong kiến và chính quyền chuyên chế, đối với nó đấy là phương tiện tập trung lực lượng của nó và thực hiện mậu dịch tự do ở trong nước.

Nhưng nói chung, chế độ thuế quan bảo hộ ngày nay là bảo thủ, trong khi ấy thì chế độ mậu dịch tự do lại có tác dụng phá hoại. Nó làm cho các dân tộc trước đây bị tan rã và đẩy mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản lên tới cực độ. Tóm lại, chế độ mậu dịch tự do đẩy nhanh cách mạng xã hội. Và, thưa quý vị, cũng chỉ với ý nghĩa cách mạng ấy mà tôi tán thành mậu dịch tự do.

*Đã in thành sách riêng ở Bruy-xen vào
đầu tháng Hai 1848
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản in của lần xuất
bản năm 1848
Nguyên văn là tiếng Pháp*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN²¹⁷

*Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết vào tháng
Chạp 1847 - tháng Giêng 1848
Đã in lần đầu tiên thành sách riêng ở Luân
Đôn vào tháng Hai 1848*

*In theo bản in của lần xuất
bản bằng tiếng Đức năm
1890, có đối chiếu với các
lần xuất bản năm 1848,
1872 và 1883
Nguyên văn là tiếng Đức*

Manifest

der

Kommunistischen Partei.

Veröffentlicht im Februar 1848.

London.

Gebrudt in der Office der „Bildungs-Gesellschaft für Arbeiter“
von J. E. Burghard.
46, LIVERPOOL STREET, BISHOPS-GATE.

BÌA TRONG CỦA LẦN XUẤT BẢN THỨ NHẤT
TÁC PHẨM "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"

Một bóng ma đang ám ảnh châu Âu: bóng ma chủ nghĩa cộng sản. Tất cả những thế lực của châu Âu cũ: Giáo hoàng và Nga hoàng, Mét-téc-ních và Ghi-dô, bọn cấp tiến Pháp và bọn cánh sát Đức, đều đã liên hợp lại thành một liên minh thần thánh để trừ khử bóng ma đó.

Có phái đối lập nào mà lại không bị địch thủ của mình đang nắm chính quyền, buộc tội là cộng sản? Có phái đối lập nào, đến lượt mình, lại không ném trả lại cho những đại biểu tiến bộ nhất trong phái đối lập, cùng như cho những địch thủ phản động của mình, lời buộc tội nhục nhã là cộng sản?

Từ đó, có thể rút ra hai kết luận.

Chủ nghĩa cộng sản đã được tất cả các thế lực ở châu Âu thừa nhận là một thế lực.

Hiện nay, đã đến lúc những người cộng sản phải công khai trình bày trước toàn thể giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình; và phải có một Tuyên ngôn của đảng của mình để đập lại câu chuyện hoang đường về bóng ma cộng sản.

Vì mục đích đó, những người cộng sản thuộc các dân tộc khác nhau đã họp ở Luân Đôn và thảo ra bản "Tuyên ngôn" dưới đây, công bố bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng I-ta-li-a, tiếng Phla-măng và tiếng Đan Mạch.

I TƯ SẢN VÀ VÔ SẢN¹⁾

Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay²⁾ chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp.

Người tự do và người nô lệ, quý tộc và bình dân, chúa đất và nông nô, thợ cả phường hội³⁾ và thợ bần, nói tóm

¹⁾ Giai cấp tư sản là giai cấp những nhà tư bản hiện đại, những người sở hữu tư liệu sản xuất xã hội và sử dụng lao động làm thuê. Giai cấp vô sản là giai cấp những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân, nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống. (Chú thích của Ăng-ghe-n cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888).

²⁾ Tức là toàn bộ lịch sử thành văn cho tới nay. Năm 1847, người ta vẫn hầu như hoàn toàn không biết tổ chức xã hội có trước toàn bộ lịch sử thành văn, tức là tiền sử của xã hội. Sau đó, Hắc-xơ-hau-den đã phát hiện ra chế độ công hữu ruộng đất ở Nga. Mau-rơ đã chứng minh rằng chế độ công hữu ruộng đất là cái cơ sở xã hội làm điểm xuất phát cho sự phát triển lịch sử của tất cả các bộ lạc Đức, và người ta dần dần thấy rằng công xã nông thôn, với chế độ sở hữu chung ruộng đất, đang là hoặc đã là hình thức nguyên thủy của xã hội ở khắp nơi, từ Ấn Độ đến Ai-rơ-len. Hình thức điển hình của kết cấu nội bộ của xã hội cộng sản nguyên thủy đó đã được Moóc-gan làm sáng tỏ khi ông phát hiện được thực chất của thị tộc và địa vị của nó trong bộ lạc. Cùng với sự tan rã của công xã nguyên thủy ấy, xã hội bắt đầu phân chia thành những giai cấp riêng biệt và cuối cùng là đối kháng. Tôi đã cố gắng trình bày quá trình tan rã đó trong tác phẩm "Der Ursprung der Familie, des Privateigentums und des staats", 2.Autl., Stuttgart, 1886 ["Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", xuất bản lần thứ hai, Stút-gát, 1886]. (Chú thích của Ăng-ghe-n cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888.)²¹⁸

³⁾ Thợ cả phường hội là thành viên có đầy đủ quyền hạn trong phường hội, là thợ cả trong phường hội, chứ không phải trùm phường. (Chú thích của Ăng-ghe-n cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888.)

lại, những kẻ áp bức và những người bị áp bức, luôn luôn đối kháng với nhau, đã tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng, lúc công khai, lúc ngầm ngấm, một cuộc đấu tranh bao giờ cũng kết thúc hoặc bằng một cuộc cải tạo cách mạng toàn bộ xã hội, hoặc bằng sự diệt vong của hai giai cấp đấu tranh với nhau.

Trong những thời đại lịch sử trước, hầu khắp mọi nơi, chúng ta đều thấy xã hội hoàn toàn chia thành những đẳng cấp khác nhau, một cái thang chia thành từng nấc thang địa vị xã hội. Ở La Mã thời cổ, chúng ta thấy có quý tộc, hiệp sĩ, bình dân, nô lệ; thời trung cổ thì có lãnh chúa phong kiến, chư hầu, thợ cả, thợ bần, nông nô, và hơn nữa, hầu như trong mỗi giai cấp ấy, lại có những thứ bậc đặc biệt nữa.

Xã hội tư sản hiện đại, sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến đã bị diệt vong, không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh cũ mà thôi.

Tuy nhiên, đặc điểm của thời đại chúng ta, thời đại của giai cấp tư sản, là đã đơn giản hóa những đối kháng giai cấp. Xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Từ những nông nô thời trung cổ, đã nảy sinh ra những thị dân tự do của các thành thị đầu tiên; từ dân cư thành thị này, nảy sinh ra những phần tử đầu tiên của giai cấp tư sản.

Việc tìm ra châu Mỹ và con đường biển vòng châu Phi đã đem lại một địa bàn hoạt động mới cho giai cấp tư sản vừa mới ra đời. Những thị trường Đông-Ấn và Trung Quốc, việc thực dân hóa châu Mỹ, việc buôn bán với thuộc địa, việc tăng thêm nhiều tư liệu trao đổi và nói chung tăng thêm nhiều hàng hoá, đã đem lại cho thương nghiệp, cho ngành hàng hải, cho công nghiệp, một sự phát đạt chưa từng có, và do đấy, đã đem lại một sự phát triển

mau chóng cho yếu tố cách mạng trong xã hội phong kiến đang tan rã.

Tổ chức công nghiệp theo lối phong kiến hay phường hội trước kia không còn có thể thỏa mãn những nhu cầu luôn luôn tăng theo sự mở mang những thị trường mới. Công trường thủ công thay cho tổ chức cũ ấy. Tầng lớp kinh doanh công nghiệp trung đẳng thay cho thợ cả phường hội; sự phân công lao động giữa các phường hội khác nhau đã nhường chỗ cho sự phân công lao động bên trong từng xưởng thợ.

Nhưng các thị trường cứ lớn lên không ngừng, nhu cầu luôn luôn tăng lên. Ngay cả công trường thủ công cũng không thỏa mãn được nhu cầu đó nữa. Lúc ấy, hơi nước và máy móc dẫn đến một cuộc cách mạng trong công nghiệp. Đại công nghiệp hiện đại thay cho công trường thủ công; tầng lớp kinh doanh công nghiệp trung đẳng nhường chỗ cho các nhà công nghiệp triệu phú, cho những kẻ cầm đầu cả hàng loạt đạo quân công nghiệp, những tên tư sản hiện đại.

Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới, thị trường mà việc tìm ra châu Mỹ đã chuẩn bị sẵn. Thị trường thế giới thúc đẩy cho thương nghiệp, hàng hải, những phương tiện giao thông tiên bộ phát triển mau chóng lạ thường. Sự phát triển này lại tác động trở lại đến việc mở rộng công nghiệp; mà công nghiệp, thương nghiệp, hàng hải, đường sắt càng phát triển thì giai cấp tư sản càng lớn lên, làm tăng những tư bản của họ lên và đẩy các giai cấp do thời trung cổ để lại xuống phía sau.

Như vậy, chúng ta thấy rằng bản thân giai cấp tư sản hiện đại cũng là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài, của một loạt những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất và trao đổi.

Mỗi bước phát triển của giai cấp tư sản đều có một bước tiến bộ chính trị tương ứng. Là đẳng cấp bị chế độ chuyên chế phong

kiến áp bức; là đoàn thể vũ trang tự quản trong công xã¹⁾; ở nơi này, là cộng hòa thành thị độc lập; ở nơi kia, là đẳng cấp thứ ba phải đóng thuế trong chế độ quân chủ^{1*}; rồi suốt trong thời kỳ công trường thủ công, là lực lượng đối lập với tầng lớp quý tộc trong chế độ quân chủ theo đẳng cấp hay trong chế độ quân chủ chuyên chế; là cơ sở chủ yếu của những nước quân chủ lớn nói chung, – giai cấp tư sản, từ khi đại công nghiệp và thị trường thế giới được thiết lập, đã độc chiếm hẳn được quyền thống trị chính trị trong nhà nước đại nghị hiện đại. Chính quyền nhà nước hiện đại chỉ là một ủy ban quản lý những công việc chung của toàn thể giai cấp tư sản.

Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử.

Bất cứ ở chỗ nào mà giai cấp tư sản chiếm được chính quyền thì nó đập đổ những quan hệ phong kiến, gia trưởng và điền viên.

¹⁾ Ở Pháp, những thành phố còn đang hình thành đã được gọi là "công xã" ngay cả trước khi những thành phố ấy giành lại được chế độ tự quản địa phương và những quyền chính trị của "đẳng cấp thứ ba" từ tay bọn lãnh chúa và chủ phong kiến. Nói chung, ở đây nước Anh được coi là nước điển hình về phương diện phát triển kinh tế tư sản, còn nước Pháp được coi là nước điển hình về phương diện phát triển chính trị tư sản. (*Chú thích của Ăng-ghe-nơ cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888.*)

Công xã là tên mà những người dân thành thị ở I-ta-li-a và Pháp gọi công xã thành thị của mình sau khi họ mua hoặc giành được từ tay bọn chủ phong kiến những quyền tự quản đầu tiên. (*Chú thích của Ăng-ghe-nơ cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890.*)

^{1*} Trong bản tiếng Anh năm 1888 do Ăng-ghe-nơ hiệu đính sau những chữ "cộng hòa thành thị độc lập" có thêm những chữ "(như ở I-ta-li-a và Đức)", còn sau những chữ "đẳng cấp thứ ba phải đóng thuế trong chế độ quân chủ" có thêm những chữ "(như ở Pháp)".

Tất cả những mối liên hệ phức tạp và muôn màu muôn vẻ ràng buộc con người phong kiến với "những bề trên tự nhiên" của mình, đều bị giai cấp tư sản thẳng tay phá vỡ, không để lại giữa người và người một mối quan hệ nào khác, ngoài lợi ích trần trụi và lối "tiền trao cháo múc" không tình không nghĩa. Giai cấp tư sản đã dìm những xúc động thiêng liêng của lòng sùng đạo, của nhiệt tình hiệp sĩ, của tính đa cảm tiêu tư sản xuống dòng nước giá lạnh của sự tính toán ích kỷ. Nó đã biến phẩm giá của con người thành giá trị trao đổi; nó đã đem tự do buôn bán *duy nhất* và vô sỉ thay cho biết bao quyền tự do đã được ban cho và đã giành được một cách chính đáng. Tóm lại, giai cấp tư sản đã đem sự bóc lột công nhiên, vô sỉ, trực tiếp, tàn nhẫn thay cho sự bóc lột được che đậy bằng những ảo tưởng tôn giáo và chính trị.

Giai cấp tư sản tước hết hào quang thần thánh của tất cả những hoạt động xưa nay vẫn được trọng vọng và tôn sùng. Bác sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học đều bị giai cấp tư sản biến thành những người làm thuê được trả lương của nó.

Giai cấp tư sản đã xé toang tấm màn tình cảm bao phủ những quan hệ gia đình và làm cho những quan hệ ấy chỉ còn là những quan hệ tiền nong đơn thuần.

Giai cấp tư sản đã cho thấy rằng biểu hiện tàn bạo của vũ lực trong thời trung cổ, – biểu hiện mà phe phản động hết sức ca ngợi, – đã được bổ sung một cách tự nhiên bằng thói chây lười và bất động như thế nào. Chính giai cấp tư sản là giai cấp đầu tiên đã cho chúng ta thấy hoạt động của loài người có khả năng làm được những gì. Nó đã tạo ra những kỳ quan khác hẳn những kim tự tháp Ai-cập, những cầu dẫn nước ở La Mã, những nhà thơ kiểu gô-tích; nó đã tiến hành những cuộc viễn chinh khác hẳn những cuộc di cư của các dân tộc và những cuộc chiến tranh thập tự.

Giai cấp tư sản không thể tồn tại, nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ

sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội. Trái lại, đối với tất cả các giai cấp công nghiệp trước kia thì việc duy trì nguyên vẹn phương thức sản xuất cũ là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của họ. Sự đảo lộn liên tiếp của sản xuất, sự rung chuyển không ngừng trong tất cả những quan hệ xã hội, sự luôn luôn hoài nghi và sự vận động làm cho thời đại tư sản khác với tất cả các thời đại trước. Tất cả những quan hệ xã hội cứng đờ và hoen rỉ, với cả trảng những quan niệm và tư tưởng vốn được tôn sùng từ nghìn xưa đi kèm những quan hệ ấy, đều đang tiêu tan; những quan hệ xã hội thay thế những quan hệ đó chưa kịp cứng lại thì đã kịp già cỗi ngay. Tất cả những gì mang tính đẳng cấp và trì trệ đều tiêu tan như mây khói; tất cả những gì là thiêng liêng đều bị ô uế, và rốt cuộc, mọi người đều buộc phải nhìn những điều kiện sinh hoạt của họ và những quan hệ giữa họ với nhau bằng con mắt tỉnh táo.

Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp hoàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi.

Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới. Mặc cho bọn phản động đau buồn, nó đã làm cho công nghiệp mất cơ sở dân tộc. Những ngành công nghiệp dân tộc cũ đã bị tiêu diệt và đang ngày càng bị tiêu diệt. Những ngành công nghiệp dân tộc bị thay thế bởi những ngành công nghiệp mới, tức là những ngành công nghiệp mà việc du nhập chúng trở thành một vấn đề sống còn đối với tất cả các dân tộc văn minh, những ngành công nghiệp không dùng những nguyên liệu bản xứ mà dùng những nguyên liệu đưa từ những miền xa xôi nhất trên trái đất đến và sản phẩm làm ra không những được tiêu thụ ngay trong xứ mà còn được tiêu thụ ở tất cả các nơi trên trái đất nữa. Thay cho những nhu cầu cũ được thỏa mãn bằng những sản phẩm trong

nước, thì nảy sinh ra những nhu cầu mới, đòi hỏi được thỏa mãn bằng những sản phẩm đưa từ những miền và xứ xa xôi nhất về. Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc. Mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới.

Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc đã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vụn lý tưởng thành và buộc những người đã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thể giới theo hình dạng của nó.

Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị. Nó lập ra những đô thị đồ sộ; nó làm cho dân số thành thị tăng lên phi thường so với dân số nông thôn, và do đó, nó kéo một bộ phận lớn dân cư thoát khỏi vòng ngu muội của đời sống thôn dã. Cũng như nó đã bắt nông thôn phải phụ thuộc vào thành thị, bắt những nước đã man hay nửa đã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh, nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây.

Giai cấp tư sản ngày càng xóa bỏ tình trạng phân tán về tư liệu sản xuất, về tài sản và về dân cư. Nó tụ tập dân cư, tập

trung các tư liệu sản xuất, và tích tụ tài sản vào trong tay một số ít người. Kết quả tất nhiên của những thay đổi ấy là sự tập trung về chính trị. Những địa phương độc lập, liên hệ với nhau hầu như chỉ bởi những quan hệ liên minh và có những lợi ích, luật lệ, chính phủ, thuế quan khác nhau, thì đã được tập hợp lại thành một dân tộc *thống nhất*, có một chính phủ *thống nhất*, một luật pháp *thống nhất*, một lợi ích dân tộc *thống nhất* mang tính giai cấp và một hàng rào thuế quan *thống nhất*.

Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại. Sự chinh phục những lực lượng thiên nhiên, sự sản xuất bằng máy móc, việc áp dụng hóa học vào công nghiệp và nông nghiệp, việc dùng tàu chạy bằng hơi nước, đường sắt, máy điện báo, việc khai phá từng lục địa nguyên vẹn, việc khai thông các dòng sông cho tàu bè đi lại được, hàng khối dân cư tựa hồ như từ dưới đất trời lên, – có thể kỷ nào trước đây lại ngờ được rằng có những lực lượng sản xuất như thế vẫn nằm tiềm tàng trong lòng lao động xã hội!

Vậy là chúng ta đã thấy rằng: những tư liệu sản xuất và trao đổi, làm cơ sở cho giai cấp tư sản hình thành, đã được tạo ra từ trong lòng xã hội phong kiến. Những tư liệu sản xuất và trao đổi ấy phát triển tới một trình độ nhất định nào đó thì những quan hệ mà trong đó xã hội phong kiến tiến hành sản xuất và trao đổi, tổ chức nông nghiệp và công nghiệp theo lối phong kiến, – nói tóm lại, những quan hệ sở hữu phong kiến không còn phù hợp với những lực lượng sản xuất đã phát triển. Những cái đó đã cản trở sản xuất, chứ không làm cho sản xuất tiến triển lên. Tất cả những cái đó đều biến thành xiềng xích. Phải đập tan những xiềng xích ấy, và quả nhiên những xiềng xích ấy đã bị đập tan.

Thay vào đó là sự cạnh tranh tự do, với một chế độ xã hội và

chính trị thích ứng, với sự thống trị kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản.

Ngày nay, trước mắt chúng ta, đang diễn ra một quá trình tương tự. Xã hội tư sản hiện đại, với những quan hệ sản xuất và trao đổi tư sản của nó, với những quan hệ sở hữu tư sản, đã tạo ra những tư liệu sản xuất và trao đổi hết sức mạnh mẽ như thế, thì giờ đây, giống như một tay phù thủy không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã triệu lên. Từ hàng chục năm nay, lịch sử công nghiệp và thương nghiệp không phải là cái gì khác hơn là lịch sử cuộc nổi dậy của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện đại, chống lại những quan hệ sở hữu đang quyết định sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản. Để chứng minh điều đó, chỉ cần nêu ra các cuộc khủng hoảng thương nghiệp diễn đi diễn lại một cách chu kỳ và ngày càng đe dọa sự tồn tại của toàn bộ xã hội tư sản. Mỗi cuộc khủng hoảng đều phá hoại không những một số lớn sản phẩm đã được tạo ra, mà cả một phần lớn chính ngay những lực lượng sản xuất đã có nữa. Một nạn dịch – nếu ở một thời kỳ nào khác thì nạn dịch này hình như là một điều phi lý – đương gieo tai họa cho xã hội, đó là nạn dịch sản xuất thừa. Xã hội đột nhiên bị đẩy lùi về một trạng thái dã man nhất thời; dường như một nạn đói, một cuộc chiến tranh hủy diệt đã tàn phá sạch mọi tư liệu sinh hoạt của xã hội; công nghiệp và thương nghiệp như bị tiêu diệt. Vì sao thế? Vì xã hội có quá thừa văn minh, có quá nhiều tư liệu sinh hoạt, quá nhiều công nghiệp, quá nhiều thương nghiệp. Những lực lượng sản xuất mà xã hội sẵn có, không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng; và mỗi khi những lực lượng sản xuất xã hội khắc phục được sự cản trở ấy thì chúng lại xô toàn thể xã hội tư sản vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu tư sản. Những quan hệ tư sản đã trở thành quá hẹp, không

đủ để chứa đựng những của cải đã được tạo ra trong lòng nó nữa. – Giai cấp tư sản khắc phục những cuộc khủng hoảng ấy như thế nào? Một mặt, bằng cách cưỡng bức phải hủy bỏ một số lớn lực lượng sản xuất; mặt khác, bằng cách chiếm những thị trường mới và bóc lột triệt để hơn nữa những thị trường cũ. Như thế thì đi đến đâu? Đi đến chỗ chuẩn bị cho những cuộc khủng hoảng toàn diện hơn và ghê gớm hơn và giảm bớt những phương cách ngăn ngừa những cuộc khủng hoảng ấy.

Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp tư sản.

Nhưng giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những *người vô sản*.

Giai cấp tư sản, tức là tư bản, mà lớn lên thì giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại – tức là giai cấp chỉ có thể sống với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản – cũng phát triển theo. Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hoá, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ như nhau.

Do sự phát triển của việc dùng máy móc và sự phân công, nên lao động của người vô sản mất hết tính chất độc lập, do đó họ mất hết hứng thú. Người công nhân trở thành một vật phụ thuộc giản đơn của máy móc, người ta chỉ đòi hỏi người công nhân làm được một công việc đơn giản nhất, đơn điệu nhất, dễ học nhất mà thôi. Do đó, chi phí cho một công nhân hầu như chỉ còn là số tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì đời sống và nòi giống của anh ta mà thôi. Nhưng giá cả của lao động, cũng như giá cả mọi hàng hóa²¹⁹, lại bằng chi phí sản xuất ra nó. Cho nên lao động càng

trở nên thiếu hấp dẫn thì tiền công càng hạ. Hơn nữa, việc sử dụng máy móc và sự phân công mà tăng lên thì lượng lao động cũng tăng lên theo, hoặc là do tăng thêm giờ làm, hoặc là do tăng thêm lượng lao động phải làm trong một thời gian nhất định, do cho máy chạy nhanh thêm, v.v..

Công nghiệp hiện đại đã biến xưởng thợ nhỏ của người thợ cả gia trưởng thành công xưởng lớn của nhà tư bản công nghiệp. Những khối đông đảo công nhân, chen chúc nhau trong công xưởng, được tổ chức theo lối quân sự. Là những người lính trơn của công nghiệp, họ bị đặt dưới quyền giám sát của cả một hệ thống cấp bậc sĩ quan và hạ sĩ quan. Họ không những là nô lệ của giai cấp tư sản, của nhà nước tư sản, mà hàng ngày, hàng giờ, còn là nô lệ của máy móc, của người đốc công và trước hết là của chính nhà tư sản chủ công xưởng. Chế độ chuyên chế ấy càng công khai tuyên bố lợi nhuận là mục đích duy nhất của nó thì nó lại càng trở thành ti tiện, bi ôi, đáng căm ghét.

Lao động thủ công càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến triển thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em. Những sự phân biệt về lứa tuổi và giới tính không còn có ý nghĩa xã hội gì nữa đối với giai cấp công nhân. Tất cả đều là công cụ lao động mà chi phí thì thay đổi tùy theo lứa tuổi và giới tính.

Một khi người thợ đã bị chủ xưởng bóc lột và được trả tiền công rồi thì anh ta lại trở thành miếng mồi cho những phần tử khác trong giai cấp tư sản: chủ nhà cho thuê, chủ hiệu án lệ, kẻ cho vay nặng lãi, v.v..

Những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương nghiệp và người thực lợi nhỏ, thợ thủ công và nông dân là những tầng lớp dưới của tầng lớp trung đẳng xưa kia, đều rơi xuống hàng ngũ giai cấp vô sản, một phần vì số vốn ít ỏi của họ không đủ cho phép họ quản lý những xí nghiệp đại công nghiệp, nên họ bị sự cạnh tranh của

bọn tư bản lớn hơn đánh bại, một phần vì sự khéo léo nhà nghề của họ bị những phương pháp sản xuất mới làm giảm giá trị đi. Thành thử giai cấp vô sản được tuyển mộ trong tất cả các giai cấp của dân cư.

Giai cấp vô sản trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Cuộc đấu tranh của họ chống giai cấp tư sản bắt đầu ngay từ lúc họ mới ra đời.

Thoạt đầu, cuộc đấu tranh được tiến hành bởi những công nhân riêng lẻ; kế đến, bởi những công nhân cùng một công xưởng; và sau đó, bởi những công nhân cùng một ngành công nghiệp, cùng một địa phương, chống lại người tư sản trực tiếp bóc lột họ. Họ không phải chỉ đá kích vào quan hệ sản xuất tư sản mà còn đánh vào ngay cả công cụ sản xuất nữa; họ phá hủy hàng ngoại hóa cạnh tranh với họ, đập phá máy móc, đốt các công xưởng và ra sức giành lại địa vị đã mất của người thợ thủ công thời trung cổ.

Trong giai đoạn đó, giai cấp vô sản còn là một khối quần chúng sống tản mạn trong cả nước và bị cạnh tranh chia nhỏ. Nếu có lúc quần chúng công nhân tập hợp nhau lại thì đó cũng chưa phải là kết quả của sự liên hợp của chính họ, mà là kết quả của sự liên hợp của giai cấp tư sản, nó muốn đạt những mục đích chính trị của nó, nên phải huy động toàn thể giai cấp vô sản và tạm thời còn có khả năng huy động được như vậy. Bởi vậy, suốt trong giai đoạn này, những người vô sản chưa đánh kẻ thù của chính mình, mà đánh kẻ thù của kẻ thù của mình, tức là những tàn dư của chế độ quân chủ chuyên chế, bọn địa chủ, bọn tư sản phi công nghiệp, bọn tiểu tư sản. Toàn bộ sự vận động lịch sử được tập trung như vậy vào tay giai cấp tư sản; mọi thắng lợi đạt được trong những điều kiện ấy đều là thắng lợi của giai cấp tư sản.

Nhưng sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn; lực lượng của những người vô sản tăng thêm và họ thấy rõ lực lượng của mình hơn. Máy móc càng xóa bỏ mọi

sự khác nhau trong lao động và càng rút tiền công ở hầu khắp mọi nơi xuống một mức thấp ngang nhau, thì lợi ích, điều kiện sinh hoạt của vô sản, càng dần dần ngang bằng nhau. Vì bọn tư sản ngày càng cạnh tranh với nhau hơn và vì khủng hoảng thương mại do sự cạnh tranh ấy sinh ra, cho nên dẫn tới tình trạng tiền công của công nhân ngày càng trở nên bấp bênh; việc cải tiến máy móc không ngừng và ngày càng nhanh chóng hơn làm cho tình cảnh của những người vô sản ngày càng bấp bênh, những cuộc xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có tính chất những cuộc xung đột giữa hai giai cấp. Công nhân bắt đầu từ việc thành lập những liên minh^{1*} chống lại bọn tư sản để bảo vệ tiền công của mình. Thậm chí họ đi tới chỗ lập thành những đoàn thể thường trực để sẵn sàng đối phó, khi những cuộc xung đột bất thần xảy ra. Đây đó, đấu tranh nổ thành bạo động công khai.

Đôi khi công nhân thắng, nhưng đó chỉ là những thắng lợi tạm thời. Kết quả thật sự của những cuộc đấu tranh của họ là sự đoàn kết ngày càng rộng của những người lao động, hơn là sự thành công tức thời. Việc tăng thêm phương tiện giao thông do đại công nghiệp tạo ra, giúp cho công nhân các địa phương tiếp xúc với nhau, đã làm cho sự đoàn kết ấy được dễ dàng. Mà chỉ tiếp xúc như vậy cũng đủ để tập trung nhiều cuộc đấu tranh địa phương, đâu đâu cũng mang tính chất giống nhau, thành một cuộc đấu tranh toàn quốc, thành một cuộc đấu tranh giai cấp. Nhưng bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng là một cuộc đấu tranh chính trị. Và sự đoàn kết mà những thị dân thời trung cổ đã phải mất hàng thế kỷ mới xây dựng được bằng những con đường làng nhỏ

^{1*} Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888, sau chữ "liên minh" có thêm "(những hội công liên)".

hẹp của họ, thì những người vô sản hiện đại chỉ xây dựng trong vòng vài năm, nhờ có đường sắt.

Sự tổ chức như vậy của những người vô sản thành giai cấp và do đó thành chính đảng, luôn luôn bị sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau phá vỡ. Nhưng nó luôn luôn được tái lập và luôn luôn mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn, hùng mạnh hơn. Nó lợi dụng những bất hòa trong nội bộ giai cấp tư sản để buộc giai cấp tư sản phải thừa nhận, bằng luật pháp, một số quyền lợi của giai cấp công nhân. Chẳng hạn như đạo luật ngày lao động 10 giờ ở Anh.

Nói chung, những xung đột xảy ra trong xã hội cũ đã thúc đẩy quá trình phát triển của giai cấp vô sản về nhiều mặt. Giai cấp tư sản sống trong một trạng thái chiến tranh không ngừng: trước hết chống lại quý tộc, sau đó, chống lại các bộ phận của chính ngay giai cấp tư sản mà quyền lợi xung đột với sự tiến bộ của công nghiệp, và cuối cùng, luôn luôn chống lại giai cấp tư sản của tất cả các nước ngoài. Trong hết thảy những cuộc đấu tranh ấy, giai cấp tư sản tự thấy mình buộc phải kêu gọi giai cấp vô sản, yêu cầu họ giúp sức, và do đó, lôi cuốn họ vào phong trào chính trị. Thành thử giai cấp tư sản đã cung cấp cho những người vô sản những tri thức của bản thân nó^{1*}, nghĩa là những vũ khí chống lại bản thân nó.

Hơn nữa, như chúng ta vừa thấy, từng bộ phận trọn vẹn của giai cấp thống trị bị sự tiến bộ của công nghiệp đẩy vào hàng ngũ giai cấp vô sản, hay ít ra thì cũng bị đe dọa về mặt những điều kiện sinh hoạt của họ. Những bộ phận ấy cũng đem lại cho giai cấp vô sản nhiều tri thức.

Cuối cùng, lúc mà đấu tranh giai cấp tiến gần đến giờ quyết

^{1*} Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "những tri thức của bản thân nó" là những chữ "những tri thức chính trị và tri thức phổ thông của bản thân nó".

định thì quá trình tan rã của giai cấp thống trị, của toàn bộ xã hội cũ, mang một tính chất dữ dội và khốc liệt đến nỗi một bộ phận nhỏ của giai cấp thống trị tách ra khỏi giai cấp này và đi theo giai cấp cách mạng, đi theo giai cấp đang nắm tương lai trong tay. Cũng như xưa kia, một bộ phận của quý tộc chạy sang hàng ngũ giai cấp tư sản; ngày nay, một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang hàng ngũ giai cấp vô sản, đó là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã vươn lên nhận thức được, về mặt lý luận, toàn bộ quá trình vận động lịch sử.

Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp.

Các tầng lớp trung đẳng là những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương, thợ thủ công và nông dân, tất cả đều đấu tranh chống giai cấp tư sản để cứu lấy sự sống còn của họ với tính cách là những tầng lớp trung đẳng. Cho nên họ không cách mạng mà bảo thủ. Thậm chí, hơn thế nữa, họ lại là phản động: họ tìm cách làm cho bánh xe lịch sử quay ngược trở lại. Nếu họ có thái độ cách mạng thì cũng chỉ trong chừng mực là họ thấy họ sẽ phải rơi vào hàng ngũ giai cấp vô sản: lúc đó, họ bảo vệ lợi ích tương lai của họ, chứ không phải lợi ích hiện tại của họ, họ từ bỏ quan điểm của chính họ để đứng trên quan điểm của giai cấp vô sản.

Còn tầng lớp vô sản lưu manh, cái sản phẩm tiêu cực ấy của sự thối rữa của những tầng lớp bên dưới nhất trong xã hội cũ, thì đây đó, có thể được cách mạng vô sản lôi cuốn vào phong trào, nhưng điều kiện sinh hoạt của họ lại khiến họ sẵn sàng bán mình cho những mưu đồ của phe phản động.

Điều kiện sinh hoạt của xã hội cũ đã bị xóa bỏ trong những điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản. Người vô sản không có tài sản; quan hệ giữa anh ta với vợ con không còn giống một chút

nào với những quan hệ gia đình tư sản; lao động công nghiệp hiện đại, tình trạng người công nhân làm nô lệ cho tư bản, ở Anh cũng như ở Pháp, ở Mỹ cũng như ở Đức, làm cho người vô sản mất hết mọi tính chất dân tộc. Luật pháp, đạo đức, tôn giáo đều bị người vô sản coi là những thành kiến tư sản che giấu những lợi ích tư sản.

Tất cả những giai cấp trước kia sau khi chiếm được chính quyền, đều ra sức củng cố địa vị mà họ đã nắm được bằng cách bắt toàn xã hội phải tuân theo những điều kiện bảo đảm cho phương thức chiếm hữu của chính chúng. Những người vô sản chỉ có thể giành được những lực lượng sản xuất xã hội bằng cách xóa bỏ phương thức chiếm hữu hiện nay của chính mình, và do đấy, xóa bỏ toàn bộ phương thức chiếm hữu nói chung đã tồn tại từ trước đến nay. Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu.

Tất cả những phong trào lịch sử, từ trước đến nay, đều là do thiểu số thực hiện, hoặc đều mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số. Giai cấp vô sản, tầng lớp ở bên dưới nhất của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên nếu không làm nổ tung toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc bao gồm những tầng lớp cấu thành xã hội quan phương.

Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã.

Trong khi phác ra những nét lớn của các giai đoạn phát triển của giai cấp vô sản, chúng tôi đã nghiên cứu cuộc nội chiến ít nhiều mang tính chất ngầm ngầm trong xã hội hiện nay cho đến

khi cuộc nội chiến ấy nổ bùng ra thành cách mạng công khai, mà giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản.

Tất cả những xã hội trước kia, như chúng ta đã thấy, đều dựa trên sự đối kháng giữa các giai cấp áp bức với các giai cấp bị áp bức. Nhưng muốn áp bức một giai cấp nào đó thì cần phải bảo đảm cho giai cấp ấy những điều kiện sinh sống khiến cho họ, chí ít, cũng có thể sống được trong vòng nô lệ. Người nông nô trong chế độ nông nô, đã tiến tới chỗ trở nên một thành viên của công xã, cũng như người tiểu tư sản đã vươn tới địa vị người tư sản, dưới ách của chế độ chuyên chế phong kiến. Người công nhân hiện đại, trái lại, đã không vươn lên được cùng với sự tiến bộ của công nghiệp, mà còn luôn luôn rơi xuống thấp hơn, dưới cả những điều kiện sinh sống của chính giai cấp họ. Người lao động trở thành một người nghèo khổ, và nạn nghèo khổ còn tăng lên nhanh hơn là dân số và của cải. Vậy hiển nhiên là giai cấp tư sản không có khả năng tiếp tục làm tròn vai trò giai cấp thống trị của mình trong xã hội và buộc toàn xã hội phải chịu theo điều kiện sinh sống của giai cấp mình, coi đó là một quy luật chi phối tất cả. Nó không thể thống trị được nữa, vì nó không thể bảo đảm cho người nô lệ của nó ngay cả một mức sống nô lệ, vì nó đã buộc phải để người nô lệ ấy rơi xuống tình trạng khiến nó phải nuôi người nô lệ ấy, chứ không phải người nô lệ ấy nuôi nó. Xã hội không thể sống dưới sự thống trị của giai cấp tư sản nữa, như thế có nghĩa là sự tồn tại của giai cấp tư sản không còn tương dung với sự tồn tại của xã hội nữa.

Điều kiện căn bản của sự tồn tại và của sự thống trị của giai cấp tư sản là sự tích lũy của cải vào tay những tư nhân, là sự hình thành và tăng thêm tư bản. Điều kiện tồn tại của tư bản là lao động làm thuê. Lao động làm thuê hoàn toàn dựa vào sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau. Sự tiến bộ của công nghiệp – mà giai cấp tư sản là người đại diện mặc nhiên của nó và không đủ sức chống lại nó – đem sự đoàn kết cách mạng của công nhân

do liên hợp lại mà có, thay cho sự chia rẽ của công nhân do cạnh tranh giữa họ gây nên. Như vậy, cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau.

II NHỮNG NGƯỜI VÔ SẢN VÀ NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN

Quan hệ giữa những người cộng sản với những người vô sản nói chung là như thế nào?

Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác.

Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản.

Họ không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt^{1*} nhằm khuôn phong trào vô sản theo những nguyên tắc ấy.

Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác trên hai điểm: một là, trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; hai là, trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào.

Vậy là về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ

^{1*} Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "những nguyên tắc riêng biệt" là những chữ "những nguyên tắc bề phải".

phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên^{1*} về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản.

Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng là mục đích trước mắt của tất cả các đảng vô sản khác: tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền.

Những quan điểm lý luận của những người cộng sản tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh hay phát hiện ra.

Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một sự vận động lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta. Việc xóa bỏ những quan hệ sở hữu đã tồn tại trước kia không phải là một cái gì đặc trưng vốn có của chủ nghĩa cộng sản.

Tất cả những quan hệ sở hữu đã trải qua những thay đổi liên tiếp, những cải biến liên tiếp trong lịch sử.

Chẳng hạn, cách mạng Pháp đã xóa bỏ chế độ sở hữu phong kiến, để thay bằng chế độ sở hữu tư sản.

Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng chế độ tư hữu tư sản hiện thời, lại là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia^{2*}.

^{1*} Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên" là những chữ "tiên tiến nhất".

^{2*} Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "những người này bóc lột những người kia" là những chữ "thiểu số bóc lột đa số".

Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu.

Người ta trách những người cộng sản chúng tôi là muốn xóa bỏ sở hữu mà người ta bảo là cơ sở của mọi tự do, mọi hoạt động và mọi sự độc lập của cá nhân.

Cái sở hữu làm ra, kiếm được một cách lương thiện và do lao động của bản thân tạo ra ư! Phải chăng người ta muốn nói đến cái hình thức sở hữu có trước sở hữu tư sản, tức là sở hữu của người tiểu tư sản, của người tiểu nông? Chúng tôi có cần gì phải xóa bỏ cái đó, sự phát triển của công nghiệp đã xóa bỏ và hàng ngày vẫn tiếp tục xóa bỏ cái đó rồi.

Hay là người ta muốn nói đến chế độ tư hữu tư sản hiện thời?

Nhưng phải chăng lao động làm thuê, lao động của người vô sản, lại tạo ra sở hữu cho người vô sản? Tuyệt đối không. Nó tạo ra tư bản, tức là cái sở hữu bóc lột lao động làm thuê, cái sở hữu chỉ có thể tăng thêm với điều kiện là phải sản xuất ra lao động làm thuê mới để lại bóc lột lao động làm thuê đó. Trong hình thái hiện tại của nó, sở hữu vận động trong sự đối lập giữa hai cực: tư bản và lao động. Chúng ta hãy xét hai cực của sự đối lập ấy.

Trở thành nhà tư bản có nghĩa là không những chỉ chiếm một địa vị thuần túy cá nhân, mà còn chiếm một địa vị xã hội trong sản xuất. Tư bản là một sản phẩm tập thể và nó chỉ có thể vận động được là nhờ sự hoạt động chung của nhiều thành viên trong xã hội, xét đến cùng, là nhờ sự hoạt động chung của tất cả các thành viên trong xã hội.

Vậy tư bản không phải là một lực lượng cá nhân, nó là một lực lượng xã hội.

Cho nên, nếu tư bản biến thành sở hữu tập thể thuộc tất cả mọi thành viên trong xã hội thì đó không phải là một sở hữu cá

nhân chuyển thành sở hữu xã hội. Chỉ có tính chất xã hội của sở hữu là thay đổi thôi. Sở hữu mất tính chất giai cấp của nó.

Bây giờ chúng ta nói đến lao động làm thuê.

Giá cả trung bình của lao động làm thuê là số tiền công tối thiểu, nghĩa là tổng số những tư liệu sinh hoạt cần thiết cho công nhân duy trì đời sống với tính cách là công nhân. Cho nên cái mà người công nhân làm thuê chiếm hữu được bằng hoạt động của mình cũng chỉ vừa đủ để tái sản xuất ra đời sống mà thôi. Chúng tôi tuyệt nhiên không muốn xóa bỏ sự chiếm hữu cá nhân ấy về những sản phẩm của lao động, cần thiết để tái sản xuất ra đời sống, vì sự chiếm hữu ấy không đẻ ra một khoản dư nào có thể đem lại một quyền lực chi phối lao động của người khác. Điều chúng tôi muốn, là xóa bỏ tính chất bi thảm của cái phương thức chiếm hữu nó khiến cho người công nhân chỉ sống để làm tăng thêm tư bản, và chỉ sống trong chừng mực mà những lợi ích của giai cấp thống trị đòi hỏi.

Trong xã hội tư sản, lao động sống chỉ là một phương tiện để tăng thêm lao động tích lũy. Trong xã hội cộng sản, lao động tích lũy chỉ là một phương tiện để mở rộng, làm phong phú và làm giảm nhẹ cho quá trình sống của những người lao động.

Như vậy, trong xã hội tư sản, quá khứ chi phối hiện tại; còn trong xã hội cộng sản thì chính hiện tại chi phối quá khứ. Trong xã hội tư sản, tư bản có tính độc lập và cá tính, còn cá nhân người lao động lại mất tính độc lập và cá tính.

Và chính việc xóa bỏ những quan hệ như thế, là việc mà giai cấp tư sản cho là xóa bỏ cá tính và tự do! mà cũng có lý đấy. Vì quả thật vấn đề là phải xóa bỏ cá tính tư sản, tính độc lập tư sản và tự do tư sản.

Trong khuôn khổ những quan hệ sản xuất tư sản hiện tại thì tự do có nghĩa là tự do buôn bán, tự do mua và bán.

Nhưng nếu buôn bán không còn thì buôn bán tự do cũng không còn nữa. Và lại, tất cả những luận điệu về tự do buôn bán, cũng như tất cả những lời nói khoa trương khác của các nhà tư sản của chúng ta về tự do, nói chung chỉ có ý nghĩa, khi đem đối chiếu với việc buôn bán bị cản trở, với người thị dân bị nô dịch ở thời trung cổ mà thôi; những luận điệu và lời nói đó không còn ý nghĩa gì nữa, khi vấn đề đặt ra là chủ nghĩa cộng sản phải xóa bỏ buôn bán, xóa bỏ những quan hệ sản xuất tư sản và xóa bỏ ngay cả giai cấp tư sản nữa.

Các ông hoảng lên, vì chúng tôi muốn xóa bỏ chế độ tư hữu. Nhưng trong xã hội hiện nay của các ông, chế độ tư hữu đã bị xóa bỏ đối với chín phần mười số thành viên của xã hội đó rồi; chính vì nó không tồn tại đối với số chín phần mười ấy, nên nó mới tồn tại được. Như vậy, các ông trách chúng tôi là muốn xóa bỏ một hình thức sở hữu chỉ có thể tồn tại với điều kiện tất yếu là tuyệt đại đa số bị tước mất hết mọi sở hữu.

Nói tóm lại, các ông buộc tội chúng tôi là muốn xóa bỏ sở hữu riêng của các ông. Quả thật, đó chính là điều chúng tôi muốn.

Khi mà lao động không còn có thể biến thành tư bản, thành tiền bạc, thành địa tô, tóm lại, thành quyền lực xã hội có thể biến thành độc quyền được, nói tóm lại, khi mà sở hữu cá nhân không còn có thể biến thành sở hữu tư sản được nữa thì lúc đó, các ông tuyên bố rằng cá nhân bị thủ tiêu.

Như vậy là các ông thú nhận rằng khi các ông nói đến cá nhân, là các ông chỉ muốn nói đến người tư sản, người tư hữu tư sản mà thôi. Mà cái cá nhân ấy thì chắc chắn là cần phải thủ tiêu đi.

Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác.

Người ta còn phản đối lại rằng xóa bỏ chế độ tư hữu thì mọi hoạt động sẽ ngừng lại, thì bệnh lười biếng phổ biến sẽ ngự trị.

Nếu quả như vậy thì xã hội tư sản phải sụp đổ từ lâu rồi do tình trạng lười biếng, vì trong xã hội ấy, những người lao động thì không được hưởng, mà những kẻ được hưởng lại không lao động. Tất cả sự lo ngại chung quy chỉ là luận điệu trùng phức cho rằng không còn tư bản thì cũng không còn lao động làm thuê nữa.

Tất cả những lời phản đối nhằm chống lại phương thức cộng sản chủ nghĩa của sự sản xuất và chiếm hữu những sản phẩm vật chất được tung ra, cũng là nhằm chống lại sự sản xuất và chiếm hữu những sản phẩm tinh thần. Nếu đối với người tư sản, sở hữu giai cấp bị thủ tiêu có nghĩa là chính sản xuất cũng bị thủ tiêu, thì đối với họ, văn hoá giai cấp bị thủ tiêu, cũng có nghĩa là văn hoá nói chung bị mất đi.

Cái văn hoá mà người tư sản than tiếc là bị tiêu diệt đi đó, thì đối với đại đa số, chỉ là việc biến họ thành vật phụ thuộc vào máy móc mà thôi.

Nếu các ông lấy những quan niệm tư sản của các ông về tự do, về văn hoá, về luật pháp, v.v., làm tiêu chuẩn để xét việc xóa bỏ sở hữu tư sản thì chẳng cần phải tranh cãi với chúng tôi làm gì. Chính những tư tưởng của các ông là sản phẩm của những quan hệ sản xuất và sở hữu tư sản, cũng như pháp quyền của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật pháp, cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định.

Cái quan niệm thiên vị khiến các ông biến những quan hệ sản xuất và quan hệ sở hữu của các ông từ những quan hệ lịch sử, mang tính chất nhất thời trong quá trình phát triển của sản xuất thành những quy luật vĩnh cửu của tự nhiên và của lý trí, – quan niệm ấy, các ông cũng tán đồng cùng với tất cả các giai cấp thống

trị trước đây và hiện không còn nữa. Điều mà các ông nhận thức được đối với sở hữu thời cổ đại hay sở hữu phong kiến thì đối với sở hữu tư sản, các ông lại không dám nhận thức nữa.

Xóa bỏ gia đình! Ngay cả những người cấp tiến cực đoan nhất cũng phần nộ về cái ý định xấu xa ấy của những người cộng sản.

Gia đình tư sản hiện nay dựa trên cơ sở nào? Dựa trên tư bản, trên lợi nhuận cá nhân. Gia đình dưới hình thái hoàn toàn phát triển của nó, chỉ tồn tại đối với giai cấp tư sản thôi, nhưng nó lại kèm theo sự bắt buộc phải thủ tiêu mọi gia đình đối với người vô sản và kèm theo nạn mãi dâm công khai.

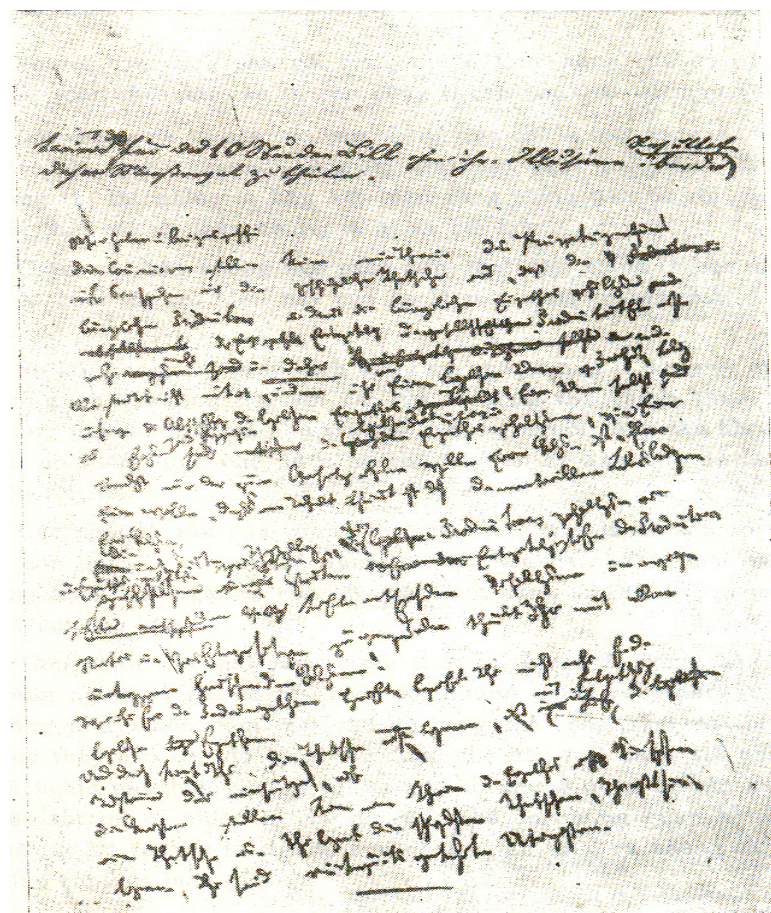
Gia đình tư sản dĩ nhiên là sẽ tiêu tan cùng với cái vật bổ sung đó của nó, và cả hai cái đó đều mất đi cùng với sự tan biến của tư bản.

Các ông trách chúng tôi là muốn xóa bỏ hiện tượng cha mẹ bóc lột con cái chăng? Tội ấy, chúng tôi xin nhận.

Nhưng các ông lại bảo rằng chúng tôi muốn thủ tiêu những mối quan hệ thân thiết nhất đối với con người, bằng cách đem giáo dục xã hội thay thế cho giáo dục gia đình.

Thế nền giáo dục của các ông, chẳng phải cũng do xã hội quyết định đó sao? Chẳng phải do những quan hệ xã hội trong đó các ông nuôi dạy con cái các ông, do sự can thiệp trực tiếp hay gián tiếp của xã hội thông qua nhà trường, v.v., quyết định là gì? Người cộng sản không bịa đặt ra tác động xã hội đối với giáo dục, họ chỉ thay đổi tính chất của sự giáo dục ấy và kéo giáo dục ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp thống trị mà thôi.

Đại công nghiệp phát triển càng phá hủy mọi mối quan hệ gia đình trong giai cấp vô sản và càng biến trẻ em thành những món hàng mua bán, những công cụ lao động đơn thuần, thì những lời huênh hoang của giai cấp tư sản về gia đình và giáo dục, về những mối quan hệ thân thiết gắn bó con cái với cha mẹ, lại càng trở nên ghê tởm.



TRANG BẢN NHÁP CỦA TÁC PHẨM
"TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"
(toàn bộ phần nội dung do chính tay Mác viết
hai dòng đầu do Gien-ny Mác viết)

Nhưng bọn cộng sản các anh, muốn thực hành chế độ cộng thê, – toàn thể giai cấp tư sản đồng thanh tru tréo lên như vậy.

Đối với người tư sản, vợ hán chẳng qua chỉ là một công cụ sản xuất. Cho nên nghe nói công cụ sản xuất phải được đem dùng chung thì tất nhiên là hán kết luận rằng chính đàn bà rồi cũng phải chịu cái số phận chung là bị xã hội hóa.

Thậm chí hán không ngờ rằng vấn đề ở đây, chính là kéo đàn bà ra khỏi vai trò hiện nay của họ là một công cụ sản xuất đơn thuần.

Vả lại, không có gì lỗi bịch bằng sự ghê sợ quá ư đạo đức của những nhà tư sản đối với cái gọi là cộng thê chính thức do những người cộng sản chủ trương. Những người cộng sản không cần phải áp dụng chế độ cộng thê, chế độ ấy hầu như đã luôn luôn tồn tại.

Các ngài tư sản của chúng ta chưa thỏa mãn là đã sẵn có vợ và con gái của vô sản để dùng, đó là chưa kể chế độ mãi dâm công khai, các ngài ấy còn lấy việc cấm sừng lẫn nhau làm một thú vui đặc biệt.

Hôn nhân của giai cấp tư sản thật ra là chế độ cộng thê. Có chăng người ta chỉ có thể buộc tội những người cộng sản là họ tuồng như muốn đem một chế độ cộng thê công khai và chính thức thay cho chế độ cộng thê được che đậy một cách giả nhân giả nghĩa mà thôi. Nhưng với sự xóa bỏ những quan hệ sản xuất hiện tại thì dĩ nhiên là chế độ cộng thê do những quan hệ sản xuất ấy đẻ ra, tức là chế độ mãi dâm chính thức và không chính thức, cũng sẽ biến mất.

Ngoài ra, người ta còn buộc tội những người cộng sản là muốn xóa bỏ tổ quốc, xóa bỏ dân tộc.

Công nhân không có tổ quốc. Người ta không thể cướp của họ cái mà họ không có. Vì giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải

giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc^{1*}, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu.

Với sự phát triển của giai cấp tư sản, tự do buôn bán, thị trường thế giới, sự đồng đều của sản xuất công nghiệp và những điều kiện sinh hoạt thích ứng với nền sản xuất ấy thì những sự cách biệt dân tộc và những sự đối lập giữa nhân dân các nước cũng ngày càng mất đi.

Sự thống trị của giai cấp vô sản sẽ càng làm cho những sự cách biệt và những sự đối lập ấy mất đi nhanh hơn. Hành động chung của giai cấp vô sản, ít ra là ở những nước văn minh, là một trong những điều kiện đầu tiên cho sự giải phóng họ.

Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ.

Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo.

Còn những lời buộc tội chủ nghĩa cộng sản, xuất phát từ những quan điểm tôn giáo, triết học và nói chung là xuất phát từ những quan điểm tư tưởng thì không đáng phải xét kỹ.

Liệu có cần phải sáng suốt lắm mới hiểu được rằng những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của con người, tóm lại là ý thức của con người, đều thay đổi cùng với mọi sự thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của con người không?

^{1*} Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "tự vươn lên thành giai cấp dân tộc" là những chữ "tự vươn lên thành giai cấp chủ đạo trong dân tộc".

Lịch sử tư tưởng chứng minh cái gì, nếu không phải là chứng minh rằng sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị.

Khi người ta nói đến những tư tưởng đang cách mạng hóa cả một xã hội thì như thế là người ta chỉ nêu ra sự thật này là trong lòng xã hội cũ, những yếu tố của một xã hội mới đã hình thành và sự tan rã của những tư tưởng cũ đi đôi với sự tan rã của những điều kiện sinh hoạt cũ.

Khi thế giới cổ đại đang suy tàn thì những tôn giáo cũ bị đạo Cơ Đốc đánh bại. Vào thế kỷ XVIII, khi tư tưởng của đạo Cơ Đốc nhường chỗ cho những tư tưởng tiến bộ thì xã hội phong kiến đang giao chiến trận cuối cùng với giai cấp tư sản, lúc bấy giờ là giai cấp cách mạng. Những tư tưởng về tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo chẳng qua chỉ nói lên thời kỳ thống trị của cạnh tranh tự do trong lĩnh vực tri thức mà thôi.

Có người sẽ nói: "Cổ nhiên là những quan niệm tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền, v.v., đã biến đổi trong tiến trình phát triển lịch sử. Nhưng tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền, vẫn luôn luôn được bảo tồn qua những biến đổi không ngừng ấy."

Vả lại, còn có những chân lý vĩnh cửu như tự do, công lý, v.v., là những cái chung cho tất cả mọi chế độ xã hội. Thế mà chủ nghĩa cộng sản lại xóa bỏ những chân lý vĩnh cửu, xóa bỏ tôn giáo và đạo đức chứ không đổi mới hình thức của tôn giáo và đạo đức; làm như thế là nó mâu thuẫn với toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử trước kia".

Lời buộc tội ấy rút cục lại là gì? Lịch sử của toàn bộ các xã hội, từ trước đến nay, đều diễn ra trong những đối kháng giai cấp,

những đối kháng mang những hình thức khác nhau tùy từng thời đại.

Nhưng dù những đối kháng ấy mang hình thức nào đi nữa thì hiện tượng một bộ phận này của xã hội bóc lột một bộ phận khác cũng vẫn là hiện tượng chung cho tất cả các thế kỷ trước kia. Vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng ý thức xã hội của mọi thế kỷ, mặc dù có muôn màu muôn vẻ và hết sức khác nhau, vẫn vận động trong một số hình thức chung nào đó, trong những hình thức ý thức chỉ hoàn toàn tiêu tan khi hoàn toàn không còn có đối kháng giữa các giai cấp nữa.

Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với những quan hệ sở hữu kế thừa của quá khứ; không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ.

Nhưng hãy gác lại những lời giai cấp tư sản phản đối chủ nghĩa cộng sản.

Như chúng ta đã thấy trên kia, bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ.

Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất.

Cố nhiên, điều đó lúc đầu chỉ có thể thực hiện được bằng cách xâm phạm một cách chuyên chế vào quyền sở hữu và vào những quan hệ sản xuất tư sản, nghĩa là bằng những biện pháp, mà về mặt kinh tế thì hình như không được đầy đủ và không có hiệu

lực, nhưng trong tiến trình vận động, những biện pháp ấy sẽ vượt quá bản thân chúng^{1*} và là thủ đoạn không thể thiếu để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất.

Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều.

Nhưng đối với những nước tiên tiến nhất thì những biện pháp sau đây sẽ có thể được áp dụng khá phổ biến:

1. Tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp địa tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước.
2. Áp dụng thuế lũy tiến cao.
3. Xóa bỏ quyền thừa kế.
4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn.
5. Tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.
6. Tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào trong tay nhà nước.
7. Tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản xuất; khai khẩn đất đai để cấy cấy và cải tạo ruộng đất theo một kế hoạch chung.
8. Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người, tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.
9. Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, thi hành những biện

^{1*} Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 sau những chữ "vượt quá bản thân chúng" còn có thêm những chữ "khiến tất yếu phải tiến công thêm một bước vào chế độ xã hội cũ".

pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn^{1*}.

10. Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xóa bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất, v.v..

Khi những đối kháng giai cấp đã mất đi trong tiến trình của sự phát triển và toàn bộ sản xuất đã tập trung trong tay những cá nhân đã liên hợp lại với nhau thì quyền lực công cộng cũng mất tính chất chính trị của nó. Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác. Nếu giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải tự tổ chức thành giai cấp, nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng do vậy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính nó với tư cách là một giai cấp.

Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

^{1*} Lần xuất bản năm 1848 in là "những sự đối lập giữa thành thị và nông thôn". Lần xuất bản năm 1872 và những lần xuất bản sau bằng tiếng Đức thì những chữ "sự đối lập" được thay bằng "sự khác biệt". Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn" là những chữ "dần dần xóa bỏ sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn bằng cách phân bố dân cư một cách đồng đều hơn trong cả nước".

III

VĂN HỌC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI PHẢN ĐỘNG

a) CHỦ NGHĨA XÃ HỘI PHONG KIẾN

Do địa vị lịch sử của họ, quý tộc Pháp và Anh đã có sứ mệnh viết những bài văn châm biếm đả kích xã hội tư sản hiện đại. Trong cuộc Cách mạng Pháp hồi tháng Bảy 1830, trong phong trào cải cách ở Anh, các giai cấp quý tộc ấy, một lần nữa, lại ngã gục dưới những đòn đả kích của những kẻ bạo phát đáng ghét. Đối với quý tộc thì không thể còn có vấn đề đấu tranh chính trị thật sự được nữa, họ chỉ còn có cách đấu tranh bằng văn học mà thôi. Nhưng ngay cả trong lĩnh vực văn học cũng không thể dùng cái luận điệu cũ rích của thời kỳ Phục tích¹⁾ được nữa. Muốn gây được thiện cảm, quý tộc phải làm ra vẻ không nghĩ đến lợi ích riêng của mình và lập bản cáo trạng lên án giai cấp tư sản, chỉ là vì lợi ích của giai cấp công nhân bị bóc lột mà thôi. Làm như thế, họ tự dành cho họ cái điều vui thú làm về chế giễu người

¹⁾ Đây không phải là nói về thời kỳ Phục tích 1660 — 1689 ở Anh mà là thời kỳ Phục tích 1814-1830 ở Pháp. (Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888.)

chủ mới của họ và ri ri bên tai người này những lời tiên tri không tốt lành này khác.

Chủ nghĩa xã hội phong kiến đã ra đời như thế – đó là một mớ hỗn hợp những lời ai oán và những lời mĩa mai, dư âm của dĩ vãng và tiếng đe dọa của tương lai. Tuy đôi khi lời công kích chua chất sâu cay và hóm hỉnh của nó đập trúng tim gan của giai cấp tư sản, nhưng việc nó hoàn toàn bất lực không thể hiểu được tiến trình của lịch sử hiện đại, luôn luôn làm cho người ta cảm thấy buồn cười.

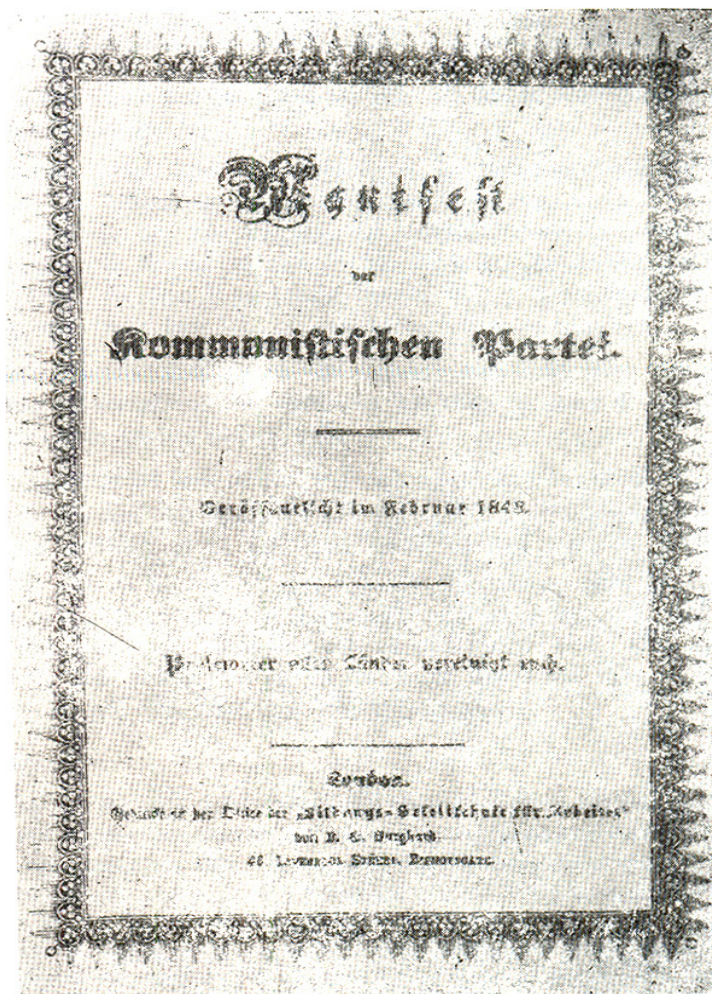
Các ngài quý tộc ấy đã giương cái bị ăn mày của kẻ vô sản lên làm cờ để lôi kéo nhân dân theo họ, nhưng nhân dân vừa chạy lại thì trông thấy ngay những phù hiệu phong kiến cũ đeo sau lưng họ, thế là nhân dân liền tản đi và phá lên cười một cách khinh bỉ.

Một bộ phận của phái chính thống Pháp và phái "Nước Anh trẻ"²²⁰ đã diễn tẩn hài kịch ấy.

Khi những người bệnh vực chế độ phong kiến chứng minh rằng phương thức bóc lột phong kiến không giống phương thức bóc lột của giai cấp tư sản thì họ chỉ quên có một điều là chế độ phong kiến bóc lột trong hoàn cảnh và những điều kiện khác hẳn và hiện đã lỗi thời. Khi họ vạch ra rằng dưới chế độ phong kiến, không có giai cấp vô sản hiện đại thì họ chỉ quên có một điều là giai cấp tư sản chính là một sản phẩm tất nhiên của chế độ xã hội của họ.

Vả lại, họ rất ít che đậy tính chất phản động của những lời chỉ trích của họ, cho nên lời lẽ chủ yếu mà họ dùng để buộc tội giai cấp tư sản thì chính là cho rằng dưới sự thống trị của nó, giai cấp tư sản đảm bảo sự phát triển cho một giai cấp sẽ làm nổ tung toàn bộ trật tự xã hội cũ.

Họ buộc tội giai cấp tư sản là đã sinh ra một giai cấp vô sản



BÌA NGOÀI CUỐN "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"
Xuất bản năm 1848 (gồm 30 trang)

cách mạng, nhiều hơn là buộc tội giai cấp đó đã sinh ra giai cấp vô sản nói chung.

Cho nên, trong hoạt động chính trị, họ tích cực tham gia vào tất cả những biện pháp bạo lực chống giai cấp công nhân. Và trong đời sống hàng ngày của họ, mặc dù những lời hoa mỹ trống rỗng của họ, họ vẫn không bỏ qua cơ hội để lượm lấy những quả táo bằng vàng^{1*} và đem lòng trung thành, tình yêu và danh dự mà đổi lấy việc buôn bán len, củ cải đường và rượu mạnh¹⁾.

Cũng hết như thầy tu và chúa phong kiến luôn luôn tay nắm tay cùng đi với nhau, chủ nghĩa xã hội thầy tu cũng đi sát cánh với chủ nghĩa xã hội phong kiến.

Không có gì dễ hơn là phủ lên chủ nghĩa khổ hạnh của đạo Cơ Đốc một lớp sơn chủ nghĩa xã hội. Đạo Cơ Đốc chẳng phải đã cực lực phản đối chế độ tư hữu, hôn nhân và nhà nước đó sao? Và thay cho tất cả những cái đó, đạo Cơ Đốc chẳng phải đã tuyên truyền việc làm phúc và sự khổ hạnh, cuộc sống độc thân và chủ nghĩa cấm dục, cuộc sống tu hành và nhà thờ đó sao? Chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc chẳng qua chỉ là thứ nước thánh mà thầy tu dùng để xúc cho nổi hờn giận của quý tộc mà thôi.

¹⁾ Đây chủ yếu nói về nước Đức, nơi mà bọn quý tộc địa chủ và bọn gioong-ke đã dựa vào vốn liếng của bản thân mà kinh doanh trên đại bộ phận diện tích ruộng đất của mình, thông qua những viên quản lý; ngoài ra chúng còn là những tên chủ của nhiều nhà máy đường và rượu. Những tên quý tộc Anh giàu có hơn thì chưa làm được như vậy, nhưng chúng cũng biết cách làm thế nào để có thể bù vào số địa tô bị giảm sút: chúng cho những kẻ đứng ra lập những công ty cổ phần ít nhiều không đáng tin cậy, dùng tên tuổi của chúng. (*Chú thích của Ang-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888.*)

^{1*} Bản tiếng Anh năm 1888 sau những chữ "những quả táo bằng vàng" còn có thêm những chữ "từ cái cây công nghiệp rụng xuống".

b) CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TIỂU TƯ SẢN

Giai cấp quý tộc phong kiến không phải là giai cấp duy nhất đã bị giai cấp tư sản làm phá sản; nó không phải là giai cấp duy nhất có những điều kiện sinh hoạt đang tàn lụi và tiêu vong trong xã hội tư sản hiện đại. Những người thị dân và tiểu nông thời trung cổ là những tiền bối của giai cấp tư sản hiện đại. Trong những nước mà công nghiệp và thương nghiệp phát triển kém hơn, giai cấp đó tiếp tục sống lay lắt bên cạnh giai cấp tư sản thịnh vượng.

Trong những nước mà nền văn minh hiện đại đang phát triển thì đã hình thành một giai cấp tiểu tư sản mới, ngã nghiêng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản; là bộ phận bổ sung của xã hội tư sản, nó cứ luôn được hình thành trở lại, nhưng vì sự cạnh tranh, những cá nhân hợp thành giai cấp ấy luôn luôn bị đẩy xuống hàng ngũ giai cấp vô sản và hơn nữa với sự phát triển tiến lên của đại công nghiệp, họ thấy rằng đã gần đến lúc họ sẽ hoàn toàn biến mất với tính cách là bộ phận độc lập của xã hội hiện đại, và trong thương nghiệp, trong công nghiệp và trong nông nghiệp, họ sẽ nhường chỗ cho những đốc công và nhân viên làm thuê.

Trong những nước như nước Pháp, ở đó nông dân chiếm quá nửa dân số thì tự nhiên là đã xuất hiện những nhà văn đứng về phía giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, nhưng đã dùng cái thước đo tiểu tư sản và tiểu nông trong việc phê phán chế độ tư sản, và đã xuất phát từ những quan điểm tiểu tư sản mà bênh vực sự nghiệp của công nhân. Chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản đã được hình thành như thế đó. Xi-xmôn-đi là lãnh tụ của thứ văn học đó, không những ở Pháp mà cả ở Anh nữa.

Chủ nghĩa xã hội ấy phân tích rất sâu sắc những mâu thuẫn gắn liền với những quan hệ sản xuất hiện đại. Nó vạch trần những

lời ca tụng giả dối của những nhà kinh tế học. Nó chứng minh một cách không thể bác bỏ được những tác dụng phá hoại của nền sản xuất bằng máy móc và của sự phân công lao động, sự tập trung tư bản và ruộng đất, sự sản xuất thừa, các cuộc khủng hoảng, sự sa sút không tránh được của những người tiểu tư sản và nông dân, sự cùng khổ của giai cấp vô sản, tình trạng vô chính phủ trong sản xuất, tình trạng bất công quá rõ rệt trong sự phân phối của cải, chiến tranh công nghiệp có tính chất hủy diệt giữa các dân tộc, sự tan rã của đạo đức cũ, của những quan hệ gia đình cũ, của những tính dân tộc cũ.

Nhưng xét về nội dung chân thực của nó, thì hoặc là chủ nghĩa xã hội này muốn khôi phục lại những tư liệu sản xuất và phương tiện trao đổi cũ, và cùng với những cái đó, cũng khôi phục lại cả những quan hệ sở hữu và toàn bộ xã hội cũ, hoặc là nó muốn buộc những tư liệu sản xuất và phương tiện trao đổi hiện đại phải khuôn theo cái khuôn khổ chật hẹp của những quan hệ sở hữu cũ, của những quan hệ đã bị và tất phải bị những công cụ ấy đập tan. Trong cả hai trường hợp, chủ nghĩa xã hội này vừa là phản động vừa là không tưởng.

Chế độ phùng hội trong công nghiệp, chế độ gia trưởng trong nông nghiệp – đó là cái đích tột cùng của nó.

Trong sự phát triển về sau của nó, trào lưu này đã biến thành những lời oán thán hèn nhát^{1*}.

c) CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐỨC HAY CHỦ NGHĨA XÃ HỘI "CHÂN CHÍNH"

Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa của nước Pháp,

^{1*} Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho câu: "Trong sự phát triển về sau của nó, trào lưu này đã biến thành những lời oán thán hèn nhát" là câu "Cuối cùng, khi những sự kiện lịch sử không thể bác bỏ đã làm tiêu tan tác dụng an ủi của ảo tưởng thì chủ nghĩa xã hội này đã biến thành những lời oán thán thâm thương".

sinh ra dưới áp lực của một giai cấp tư sản thống trị, biểu hiện văn học của sự phản kháng chống lại nền thống trị ấy, thì được đưa vào nước Đức giữa lúc giai cấp tư sản bắt đầu đấu tranh chống chế độ chuyên chế phong kiến.

Các nhà triết học, các nhà triết học nửa mùa và những kẻ tài hoa ở Đức hăm hở đổ xô vào thứ văn học ấy, nhưng có điều họ quên rằng văn học Pháp được nhập khẩu vào Đức, song những điều kiện sinh hoạt của nước Pháp lại không đồng thời được đưa vào Đức. Đối với những điều kiện sinh hoạt ở Đức, văn học Pháp ấy đã mất hết ý nghĩa thực tiễn trực tiếp và chỉ còn mang một tính chất thuần túy văn chương mà thôi. Nó ắt phải có tính chất của một sự tư biện vô vị về sự thực hiện bản tính con người. Chẳng hạn, đối với những nhà triết học Đức hồi thế kỷ XVIII, những yêu sách của cách mạng Pháp lần thứ nhất chỉ là những yêu sách của "lý tính thực tiễn" nói chung; và theo con mắt của họ, những biểu hiện của ý chí của những người tư sản cách mạng Pháp chỉ biểu hiện những quy luật của ý chí thuần túy, của ý chí đúng như nó phải tồn tại, của ý chí thật sự con người.

Công việc độc nhất của các nhà văn Đức là điều hòa những tư tưởng mới của Pháp với ý thức triết học cũ của mình, hay nói cho đúng hơn, là lĩnh hội những tư tưởng của Pháp bằng cách xuất phát từ quan điểm triết học của mình.

Họ đã lĩnh hội những tư tưởng ấy như người ta lĩnh hội một thứ tiếng ngoại quốc qua sự phiên dịch.

Ai cũng biết bọn thầy tu đã đem những chuyện hoang đường vô lý về các thánh Thiên chúa giáo ghi đầy những bản thảo các tác phẩm cổ điển thời cổ đại giáo như thế nào. Đối với văn học Pháp không có tính chất tôn giáo thì các nhà văn Đức đã làm ngược lại. Họ luôn những điều vô lý về triết học của họ vào trong nguyên bản Pháp. Thí dụ, trong đoạn phê phán của Pháp đối với quan hệ tiền bạc thì họ đã lồng vào đó những chữ: "sự tha hóa

của nhân tính"; trong đoạn phê phán của Pháp đối với nhà nước tư sản thì họ lại lồng vào đó dòng chữ: "việc xóa bỏ sự thống trị của tính Phổ biến – Trừu tượng", v.v..

Việc thay thế lý luận của Pháp bằng những lời lẽ triết học rỗng tuếch ấy, họ gọi là "triết học của hành động"; là "chủ nghĩa xã hội chân chính", là "khoa học Đức về chủ nghĩa xã hội", là "luận chứng triết học về chủ nghĩa xã hội", v.v..

Như thế là văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa Pháp đã bị hoàn toàn cắt xén. Và vì trong tay người Đức, văn học ấy không còn là biểu hiện của cuộc đấu tranh của một giai cấp này chống một giai cấp khác nữa, cho nên họ lấy làm đặc ý là đã vượt lên trên "tính phiến diện của Pháp"; là đã bảo vệ không phải những nhu cầu thật sự, mà là nhu cầu về chân lý; không phải những lợi ích của người vô sản, mà là những lợi ích của bản tính con người, của con người nói chung, của con người không thuộc một giai cấp nào, cũng không thuộc một thực tại nào, của con người chỉ tồn tại trong bầu trời mây mù của ảo tưởng triết học mà thôi.

Chủ nghĩa xã hội Đức ấy coi trọng những trò luyện tập vụng về kiểu học sinh của mình một cách hết sức trịnh trọng, và phô trương những trò ấy một cách om sòm theo kiểu bán thuốc rong, nhưng rồi cũng mất dần tính ngây thơ thông thái rơm của mình.

Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản Đức và nhất là của giai cấp tư sản Phổ chống bọn phong kiến và chế độ quân chủ chuyên chế, tóm lại là phong trào của phái tự do, ngày càng trở nên nghiêm túc hơn.

Thành thử chủ nghĩa xã hội "chân chính" đã có được cơ hội mà nó mong mỏi từ lâu, để đem những yêu sách xã hội chủ nghĩa ra đối lập với phong trào chính trị. Nó đã có thể tung ra những lời nguyên rủa cổ truyền chống lại chủ nghĩa tự do, chế độ đại nghị, sự cạnh tranh tư sản, tự do báo chí tư sản, pháp quyền tư sản,

tự do và bình đẳng tư sản; nó đã có thể tuyên truyền cho quần chúng rằng trong phong trào tư sản ấy, quần chúng không được gì cả, trái lại còn mất tất cả. Chủ nghĩa xã hội Đức đã quên rất đúng lúc rằng sự phê phán của Pháp, mà chủ nghĩa xã hội Đức là một tiếng vọng nhạt nhẽo, giả định là phải có xã hội tư sản hiện đại cùng với những điều kiện sinh hoạt vật chất tương ứng với xã hội đó và một cơ cấu chính trị thích hợp – tức là tất cả những tiền đề mà nước Đức chính là vẫn đang phải giành lấy.

Đối với những chính phủ chuyên chế ở Đức, cùng đám tùy tùng của chúng là những thầy tu, thầy giáo, bọn gioong-ke hủ lậu và quan lại thì chủ nghĩa xã hội này đã trở thành một thứ ngoáo ộp hàng ao ước để chống lại giai cấp tư sản đang là một mối lo đối với chúng.

Chủ nghĩa xã hội ấy đã đem cái lối giả nhân giả nghĩa đường mật của nó bổ sung cho roi vọt và súng đạn mà những chính phủ ấy đã dùng để trấn áp những cuộc khởi nghĩa của công nhân Đức.

Nếu chủ nghĩa xã hội "chân chính" do đó đã trở thành vũ khí trong tay các chính phủ để chống lại giai cấp tư sản Đức thì ngoài ra, nó lại còn trực tiếp đại biểu cho một lợi ích phản động, lợi ích của giai cấp tiểu tư sản Đức. Giai cấp những người tiểu tư sản, do thế kỷ XVI truyền lại và từ bấy tới nay, luôn luôn tái sinh dưới nhiều hình thức khác nhau, là cơ sở xã hội thật sự của chế độ đã được thiết lập ở Đức.

Duy trì giai cấp ấy, là duy trì ở Đức chế độ hiện hành. Sự thống trị về công nghiệp và về chính trị của giai cấp tư sản đang đe dọa đẩy giai cấp tiểu tư sản ấy đến nguy cơ chắc chắn phải suy sụp, một mặt do sự tập trung tư bản và mặt khác do sự xuất hiện giai cấp vô sản cách mạng. Đối với giai cấp tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội "chân chính" hình như có thể làm một công đôi việc.

Cho nên chủ nghĩa xã hội "chân chính" đã lan ra như một bệnh dịch.

Bọn xã hội chủ nghĩa Đức đã đem những tấm mạng nhện tu biện ra làm thành một cái áo rộng thùng thình trùm đầy những bông hoa từ chương mịn màng và thắm đầy những giọt sương tình cảm nóng hổi, rồi đem cái áo ấy khoác lên "những chân lý vĩnh cửu" gầy còm của họ, – điều đó làm cho món hàng của họ càng được tiêu thụ mạnh trong đám khách hàng như vậy.

Còn về phần chủ nghĩa xã hội Đức thì nó dần dần hiểu rõ thêm rằng sứ mệnh của nó là làm đại diện khoa trương cho bọn tiểu tư sản ấy.

Nó tuyên bố rằng dân tộc Đức là dân tộc mẫu mực và người phi-li-xtanh Đức là con người mẫu mực. Tất cả những cái xấu xa của con người mẫu mực ấy được nó gán cho một ý nghĩa thần bí, một ý nghĩa cao cả và xã hội chủ nghĩa, khiến cho những cái ấy biến thành những cái ngược hẳn lại. Nhất quán một cách triệt để, nó phản đối xu hướng của chủ nghĩa cộng sản muốn "phá hủy một cách tàn bạo", và tuyên bố rằng mình vô tư đứng ở trên tất cả mọi cuộc đấu tranh giai cấp. Trừ một số rất ít, còn thì tất cả những tác phẩm tự xưng là xã hội chủ nghĩa hay cộng sản chủ nghĩa lưu hành ở Đức, đều thuộc vào loại văn học bản thủ và làm suy yếu con người ấy¹⁾.

2. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI BẢO THỦ HAY CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TƯ SẢN

Một bộ phận trong giai cấp tư sản tìm cách chữa các căn bệnh xã hội, cốt để củng cố xã hội tư sản.

¹⁾ Con báo tấp cách mạng năm 1848 đã quét sạch hết cả cái trào lưu thâm hại ấy và đã làm cho những môn đồ của trào lưu này mất hết hứng thú đầu cơ chủ nghĩa xã hội một lần nữa. Người đại biểu chính và điển hình tiêu biểu nhất của trào lưu này là ngài Các Grun. (Chú thích của Ăng-ghe-nơ cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890.)

Trong hạng này, có những nhà kinh tế học, những nhà bác ái, những nhà nhân đạo chủ nghĩa, những người chăm lo cải thiện đời sống cho giai cấp lao động, tổ chức việc từ thiện, bảo vệ sức vật, lập ra những hội bài trừ nạn nghiện rượu, nói tóm lại là đủ loại những nhà cải lương hèn kém nhất. Và thậm chí người ta đã xây dựng chủ nghĩa xã hội tư sản này thành những hệ thống hoàn bị.

Lấy một ví dụ là quyền "Triết học về sự khôn cùng" của Pru-đông.

Những nhà xã hội chủ nghĩa tư sản muốn duy trì những điều kiện sinh hoạt của xã hội hiện đại, mà không có những cuộc đấu tranh và những mối nguy hiểm do những điều kiện sinh hoạt ấy nhất định phải sản sinh ra. Họ muốn duy trì xã hội hiện tại nhưng được tẩy trừ hết những yếu tố làm đảo lộn và làm tan rã nó. Họ muốn có giai cấp tư sản mà không có giai cấp vô sản. Giai cấp tư sản tất nhiên quan niệm cái thế giới mà nó đang thống trị là thế giới tốt đẹp hơn cả. Chủ nghĩa xã hội tư sản đem hệ thống hóa ít nhiều triết đề cái quan niệm an ủi lòng người ấy. Khi chủ nghĩa xã hội tư sản bắt giai cấp vô sản phải thực hiện những hệ thống ấy của nó và bước vào thành Giê-ru-da-lem mới, thì thực ra, nó chỉ kêu gọi giai cấp vô sản bám lấy xã hội hiện tại, nhưng phải bỏ hết quan niệm thù hằn của họ đối với xã hội ấy.

Một hình thức khác của chủ nghĩa xã hội, ít có hệ thống hơn nhưng lại thực tiễn hơn, cố làm cho công nhân chán ghét mọi phong trào cách mạng, bằng cách chứng minh cho họ thấy rằng không phải sự cải biến chính trị này khác, mà chỉ có sự cải biến về điều kiện sinh hoạt vật chất, về quan hệ kinh tế mới có thể có lợi cho công nhân mà thôi. Song khi nói sự cải biến điều kiện sinh hoạt vật chất, chủ nghĩa xã hội ấy không hề hiểu đó là sự xóa bỏ những quan hệ sản xuất tư sản, một sự xóa bỏ mà chỉ có cách mạng mới có thể làm nổi; nó chỉ hiểu đó là sự thực hiện những cải cách về hành chính ngay trên cơ sở những quan hệ sản xuất tư sản, những cải cách do đó không làm thay đổi chút nào

những quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê mà nhiều lắm thì cũng chỉ làm cho giai cấp tư sản giảm được những chi phí cho việc thống trị của nó và làm cho ngân sách nhà nước được nhẹ gánh mà thôi.

Chủ nghĩa xã hội tư sản chỉ đạt được biểu hiện thích đáng của nó, khi nó trở thành một lối nói từ chương đơn thuần.

Mậu dịch tự do, vì lợi ích của giai cấp công nhân! Thuế quan bảo hộ, vì lợi ích của giai cấp công nhân! Nhà tù xà lim, vì lợi ích của giai cấp công nhân! Đó là cái đích tột cùng của chủ nghĩa xã hội tư sản, điều duy nhất mà nó nói ra một cách nghiêm túc.

Vì chủ nghĩa xã hội tư sản nằm gọn trong lời khẳng định này: sở dĩ những người tư sản là những người tư sản, đó là vì lợi ích của giai cấp công nhân.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

KHÔNG TƯƠNG – PHÊ PHÁN

Đây không phải là nói đến loại văn học đã đề ra, trong tất cả các cuộc đại cách mạng hiện đại, những yêu sách của giai cấp vô sản (tác phẩm của Ba-bốp, v.v.).

Những mưu đồ trực tiếp đầu tiên của giai cấp vô sản để thực hiện những lợi ích giai cấp của chính mình, tiến hành trong thời kỳ sôi sục khắp nơi, trong thời kỳ lật đổ xã hội phong kiến, thì nhất định phải thất bại, vì bản thân giai cấp vô sản đang ở trong tình trạng manh nha, cũng như vì họ không có những điều kiện vật chất để tự giải phóng, những điều kiện mà chỉ có thời đại tư sản mới sản sinh ra thôi. Văn học cách mạng đi kèm theo những phong trào đầu tiên ấy của giai cấp vô sản, không thể không có một nội dung phản động. Nó tuyên truyền chủ nghĩa khổ hạnh phổ biến và chủ nghĩa bình quân thô thiển.

Những hệ thống xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa chính

tông, những hệ thống của Xanh-Xi-mông, của Phu-ri-ê, của Ô-oen, v.v., đều xuất hiện trong thời kỳ đầu, chưa phát triển của cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, tức là thời kỳ đã được mô tả ở trên (xem mục "Tư sản và vô sản").

Những người phát sinh ra những hệ thống ấy, thực ra, đều thấy rõ sự đối kháng giữa các giai cấp, cũng như thấy rõ tác dụng của những yếu tố phá hoại nằm ngay trong bản thân xã hội thống trị. Song những người đó lại không nhận thấy, ở phía giai cấp vô sản, một tính chủ động lịch sử nào, một cuộc vận động chính trị nào của bản thân giai cấp vô sản cả.

Vì sự đối kháng giữa các giai cấp phát triển song song với công nghiệp cho nên họ càng không thấy những điều kiện vật chất cần cho sự giải phóng của giai cấp vô sản, và cứ đi tìm một khoa học xã hội, những quy luật xã hội, nhằm mục đích tạo ra những điều kiện ấy.

Họ lấy tài ba cá nhân của họ để thay thế cho hoạt động xã hội; lấy những điều kiện tưởng tượng thay thế cho những điều kiện lịch sử của sự giải phóng; đem một tổ chức xã hội do bản thân họ hoàn toàn tạo ra, thay thế cho sự tổ chức một cách tuần tự và tự phát giai cấp vô sản thành giai cấp. Đối với họ, tương lai của thế giới sẽ được giải quyết bằng cách tuyên truyền và thực hành những kế hoạch tổ chức xã hội của họ.

Tuy nhiên, trong khi đặt ra những kế hoạch ấy, họ cũng có ý thức bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân trước hết, vì giai cấp công nhân là giai cấp đau khổ nhất. Đối với họ, giai cấp vô sản chỉ tồn tại với tư cách là giai cấp đau khổ nhất.

Nhưng hình thức chưa phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp, cũng như địa vị xã hội của bản thân họ, làm cho họ tự coi là đứng hẳn ở trên mọi đối kháng giai cấp. Họ muốn cải thiện điều kiện sinh hoạt vật chất cho hết thảy mọi thành viên trong xã hội, kể cả những kẻ đã được hưởng những điều kiện tốt nhất. Cho nên

họ luôn luôn kêu gọi toàn thể xã hội, không có phân biệt gì cả và thậm chí họ còn chủ yếu kêu gọi giai cấp thống trị nhiều hơn. Theo ý kiến của họ thì chỉ cần hiểu hệ thống của họ là có thể thừa nhận rằng đó là kế hoạch hay hơn hết trong tất cả mọi kế hoạch về một xã hội tốt đẹp hơn hết trong tất cả mọi xã hội.

Vì vậy, họ cự tuyệt mọi hành động chính trị và nhất là mọi hành động cách mạng; họ tìm cách đạt mục đích của họ bằng những phương pháp hòa bình, và thử mở một con đường đi tới một kinh Phúc âm xã hội mới bằng hiệu lực của sự nêu gương, bằng những thí nghiệm nhỏ, cố nhiên những thí nghiệm này luôn luôn thất bại.

Trong thời kỳ mà giai cấp vô sản còn ít phát triển, còn nhìn địa vị của bản thân mình một cách cũng ảo tưởng, thì bức tranh ảo tưởng về xã hội tương lai là phù hợp với những nguyện vọng bản năng đầu tiên của công nhân muốn hoàn toàn cải biến xã hội.

Nhưng trong những trước tác xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa đó cũng có những yếu tố phê phán. Những trước tác ấy đã kích toàn bộ cơ sở của xã hội đương thời. Do đó, chúng đã cung cấp được những tài liệu rất có giá trị để soi sáng ý thức của công nhân. Những đề nghị tích cực của những trước tác ấy về xã hội tương lai, chẳng hạn, việc thủ tiêu sự đối kháng giữa thành thị và nông thôn^{1*}, xóa bỏ gia đình, xóa bỏ sự thu lợi nhuận cá nhân và lao động làm thuê, tuyên bố sự hòa hợp xã hội và sự cải tạo nhà nước thành một cơ quan đơn thuần quản lý sản xuất, – tất cả những luận điểm ấy chỉ mới báo trước rằng đối kháng giai cấp tất phải mất đi, nhưng đối kháng giai cấp này chỉ mới bắt đầu xuất hiện, và những nhà sáng lập ra các học thuyết cũng chỉ

^{1*} Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 đoạn này được diễn đạt như sau: "Những biện pháp thực tế mà họ đề ra, chẳng hạn như thủ tiêu sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn".

mới biết những hình thức đầu tiên không rõ rệt và lờ mờ của nó thôi. Cho nên, những luận điểm ấy chỉ mới có một ý nghĩa hoàn toàn không tưởng mà thôi.

Ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng – phê phán là theo tỷ lệ nghịch với sự phát triển lịch sử. Đấu tranh giai cấp càng gay gắt và càng có hình thức xác định thì cái ý định ảo tưởng muốn đứng lên trên cuộc đấu tranh giai cấp, cái thái độ đối lập một cách ảo tưởng với đấu tranh giai cấp ấy, càng mất hết mọi giá trị thực tiễn, mọi căn cứ lý luận của chúng. Cho nên, nếu như về nhiều phương diện, các nhà sáng lập ra những học thuyết ấy là những nhà cách mạng thì những tôn phái do môn đồ của họ lập ra luôn luôn là phản động, vì những môn đồ ấy khăng khăng giữ lấy những quan niệm đã cũ của các vị thầy của họ, bất chấp sự phát triển lịch sử của giai cấp vô sản. Vì vậy, họ tìm cách, và về điểm này thì họ là nhất quán, làm lu mờ đấu tranh giai cấp và cố điều hòa các đối kháng. Họ tiếp tục mơ ước thực hiện những thí nghiệm về những không tưởng xã hội của họ – lập ra từng pha-lan-xte-rơ riêng biệt, tạo ra những ["Home-colonies"], xây dựng một xứ I-ca-ri nhỏ¹⁾, tức là lập ra một Giê-ru-da-lem mới tí hon – và để xây dựng tất cả những lâu đài trên bãi cát ấy, họ tự thấy buộc phải kêu gọi đến lòng tốt và

¹⁾ Pha-lan-xte-rơ là tên gọi những khu di dân xã hội chủ nghĩa mà Sác-lơ Phu-ri-ê hoạch định ra. Ca-bê dùng tên gọi I-ca-ri để gọi đất nước không tưởng của ông và về sau thì dùng để gọi khu di dân cộng sản chủ nghĩa của ông ở Mỹ. (Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888.)

Home-colonies (khu di dân trong nước) là tên gọi mà Ô-oen dùng để đặt cho những xã hội cộng sản chủ nghĩa kiểu mẫu của ông. Pha-lan-xte-rơ là những lâu đài xã hội do Phu-ri-ê hoạch định ra. I-ca-ri là tên gọi cái đất nước tưởng tượng mà Ca-bê mô tả khi nói đến những tổ chức cộng sản chủ nghĩa trong đất nước ấy. (Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890.)

kết bạc của các nhà tư sản bác ái. Dần dần họ rơi vào hạng những người xã hội chủ nghĩa phản động hay bảo thủ đã được miêu tả trên kia, và chỉ còn khác bọn này ở chỗ họ có một lối nói thông thái rơm có hệ thống hơn và tin một cách mê muội và cuồng nhiệt vào hiệu lực thần kỳ của khoa học xã hội của họ.

Vì vậy, họ kịch liệt phản đối mọi phong trào chính trị của công nhân, và theo họ thì một phong trào như thế chỉ có thể là do mù quáng thiếu tin tưởng vào kinh Phúc âm mới mà ra.

Phái Ô-oen ở Anh thì chống lại phái Hiến chương, phái Phu-ri-ê ở Pháp thì chống lại phái cải cách²²¹.

IV THÁI ĐỘ CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG ĐỐI LẬP

Căn cứ theo những điều mà chúng tôi đã nói ở chương II thì thái độ của những người cộng sản đối với những đảng công nhân đã được thành lập và do đấy, thái độ của họ đối với phái Hiến chương ở Anh và phái cải cách ruộng đất ở Bắc Mỹ, tự nó cũng đã rõ rồi.

Những người cộng sản chiến đấu cho những mục đích và những lợi ích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời trong phong trào hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của phong trào. Ở Pháp, những người cộng sản liên hợp với Đảng dân chủ - xã hội chủ nghĩa¹⁾ chống giai cấp tư sản bảo thủ và cấp

¹⁾ Lúc đó, đại biểu cho đảng này, ở trong nghị viện là Lơ-đruy-Rô-lanh; đại biểu cho đảng này trong văn học là Lu-i Błăng và trong báo chí hàng ngày là tờ "Réforme". Họ dùng cái tên dân chủ - xã hội chủ nghĩa, cái tên mà họ nghĩ ra, để gọi bộ phận ít nhiều có màu sắc xã hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ hay cộng hòa. (Chú thích của Ăng-ghe-nh cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888.)

Cái đảng lúc đó, ở Pháp, tự gọi là Đảng dân chủ - xã hội chủ nghĩa, có đại biểu chính trị của nó là Lơ-đruy-Rô-lanh và đại biểu văn học của nó là Lu-i Błăng, vậy là đảng này còn cách xa một trời một vực với Đảng dân chủ - xã hội ngày nay ở Đức. (Chú thích của Ăng-ghe-nh cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890.)

tiến, đồng thời vẫn dành cho mình cái quyền phê phán những lời nói suông và những ảo tưởng do truyền thống cách mạng để lại.

Ở Thụy Sĩ, họ ủng hộ phái cấp tiến, nhưng không phải không biết rằng đảng này gồm những phần tử mâu thuẫn nhau, một nửa là những người dân chủ xã hội chủ nghĩa theo kiểu Pháp, và một nửa là những người tư sản cấp tiến.

Ở Ba Lan, những người cộng sản ủng hộ chính đảng đã coi cách mạng ruộng đất là điều kiện để giải phóng dân tộc, nghĩa là chính đảng đã làm cuộc khởi nghĩa Cra-cốp năm 1846.

Ở Đức, Đảng cộng sản đấu tranh chung với giai cấp tư sản mỗi khi giai cấp này hành động cách mạng chống chế độ quân chủ chuyên chế, chống chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến và giai cấp tiểu tư sản phản động.

Nhưng không một phút nào Đảng cộng sản lại quên giáo dục cho công nhân một ý thức hết sức sáng rõ về sự đối kháng kịch liệt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, để khi có thời cơ thì công nhân Đức biết sử dụng những điều kiện chính trị và xã hội do sự thống trị của giai cấp tư sản tạo ra, như là vũ khí chống lại giai cấp tư sản, để ngay sau khi đánh đổ xong những giai cấp phản động ở Đức, là có thể tiến hành đấu tranh chống lại chính ngay giai cấp tư sản.

Những người cộng sản chú ý nhiều nhất đến nước Đức, vì nước Đức hiện đương ở vào đêm trước của một cuộc cách mạng tư sản, vì nước Đức sẽ thực hiện cuộc cách mạng ấy trong những điều kiện tiến bộ hơn của nền văn minh châu Âu nói chung và với một giai cấp vô sản phát triển mạnh mẽ hơn nhiều so với nước Anh trong thế kỷ XVII và nước Pháp trong thế kỷ XVIII. Và do đấy, cách mạng tư sản Đức chỉ có thể là màn đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản.

Tóm lại, ở tất cả mọi nơi, những người cộng sản đều ủng hộ

mọi phong trào cách mạng chống lại trật tự xã hội và chính trị hiện hành.

Trong tất cả phong trào ấy, họ đều đưa vấn đề chế độ sở hữu lên hàng đầu, coi đó là vấn đề cơ bản của phong trào, không kể là nó đã có thể phát triển đến trình độ nào.

Sau hết, những người cộng sản ở mọi nơi đều phấn đấu cho sự đoàn kết và sự liên hợp của các đảng dân chủ ở tất cả các nước.

Những người cộng sản coi là điều đáng khinh bỉ nếu giấu giếm những quan điểm và ý định của mình. Họ công khai tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện hành. Mặc cho các giai cấp thống trị run sợ trước một cuộc Cách mạng cộng sản chủ nghĩa! Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Họ sẽ giành được cả thế giới.

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

PH. ĂNG-GHEN

CÁC PHONG TRÀO NĂM 1847

Không nghi ngờ gì nữa, năm 1847 là năm bão táp nhất trong tất cả những năm mà chúng ta đã trải qua trong một thời gian dài. Ở Phổ, hiến pháp được ban bố và Nghị viện liên hợp được thiết lập; ở I-ta-li-a, đời sống chính trị đột nhiên nhanh chóng sôi động lên và cuộc vũ trang rộng khắp chống Áo được tiến hành; ở Thụy Sĩ, nội chiến; ở Anh, quốc hội mới, mang màu sắc cấp tiến rõ rệt; ở Pháp, những vụ bê bối và những bữa tiệc ủng hộ cải cách; ở châu Mỹ, Hợp chủng quốc xâm chiếm Mê-hi-cô, – đây là một loại biến động lớn và sự kiện lớn hoàn toàn không thấy có trong những năm vừa qua.

Bước ngoặt lịch sử cuối cùng là năm 1830. Cuộc Cách mạng tháng Bảy ở Pháp và luật cải cách ở Anh đã củng cố thắng lợi cuối cùng của giai cấp tư sản, ở Anh có thắng lợi của giai cấp tư sản công nghiệp, tức là của các chủ xưởng đối với giai cấp tư sản phi công nghiệp, tức là những người thực lợi. Bỉ và một phần Thụy Sĩ bước theo sau; và ở đây giai cấp tư sản cũng giành được thắng lợi²²². Ba Lan khởi nghĩa; I-ta-li-a quần quai dưới ách áp bức của Mét-téc-ních; một phong trào bất bình sôi sục đang bao trùm khắp nước Đức. Tất cả các nước đều chuẩn bị những trận chiến lớn.

Nhưng sau năm 1830, tất cả đều thụt lùi. Ba Lan thất bại, dân

chúng khởi nghĩa ở Rô-ma-nơ bị dẹp tan²²³; phong trào ở Đức bị đàn áp. Giai cấp tư sản Pháp đập tan phái cộng hòa tại nước mình và phân bội phái tự do các nước khác mà trước đây chính nó đã xúi giục nổi lên khởi nghĩa. Nội các của đảng tự do ở Anh không làm được việc gì. Rút cục là tới năm 1840, lực lượng phản động đã bành trướng ghê gớm. Ba-Lan, I-ta-li-a, Đức thì như những xác chết về mặt chính trị; ở Phổ, "Berliner politisches Wochenblatt"²²⁴ ngự trên ngai vàng, tại Han-nô-vơ bản hiến pháp anh minh của ông Đan-man bị phế bỏ²²⁵, các nghị quyết của Hội nghị Viên năm 1834²²⁶ phát huy toàn bộ hiệu lực. Bọn bảo thủ và phái dòng Tên thắng thế ở Thụy Sĩ. Ở Bỉ, tín đồ công giáo nắm chính quyền. Ở Pháp, Ghi-dô giành thắng lợi; ở Anh, những cơn giãy giụa cuối cùng của chính phủ thuộc phái cấp tiến, dưới áp lực của uy thế ngày một lớn mạnh của Pin, những cố gắng vô ích của phái Hiến chương nhằm xây dựng lại tổ chức sau khi họ bị thất bại lớn vào năm 1839. Khắp mọi nơi, phe phản động đều giành được thắng lợi; khắp mọi nơi, tất cả các đảng phái tiến bộ đều bị hoàn toàn tan rã và bị đánh bại. Vận động lịch sử dừng lại; xem ra kết quả cuối cùng của những trận chiến lớn năm 1830 là như vậy.

Nhưng năm 1840 là đỉnh cao nhất của thế lực phản động, cũng giống như năm 1830 là đỉnh cao nhất của phong trào cách mạng tư sản. Từ năm 1840 trở đi, lại bắt đầu những phong trào chống lại chế độ hiện hành. Những phong trào này thường bị thất bại, nhưng dần dà đã chiếm lĩnh được nhiều trận địa. Ở Anh, phái Hiến chương đã xây dựng lại được tổ chức và trở nên mạnh hơn bao giờ hết; trong khi đó, Pin đã nhiều lần phân bội đảng của mình, giáng cho nó một đòn trí mạng bằng việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc, và rút cục đã phải từ chức. Ở Thụy Sĩ, những người cấp tiến đã giành được những thắng lợi; ở Đức và nhất là ở Phổ, những yêu sách của phái tự do mỗi năm một gay gắt hơn. Ở Bỉ, phái tự do cũng giành được thắng lợi trong những cuộc bầu

cử năm 1847. Chỉ có ở Pháp, trong cuộc bầu cử năm 1846, nội các phản động của nó chiếm được đa số chưa từng thấy; còn I-ta-li-a thì vẫn nằm chết im cho tới khi Pi IX lên ngôi; cuối năm 1846, ông ta đã tiến hành một số mưu đồ cải cách rất mơ hồ.

Và đây, năm 1847 đã tới, đem lại cho các đảng phái tiến bộ ở hầu hết các nước cả một loạt thắng lợi. Thậm chí cả ở những nơi mà các đảng này bị thất bại thì thất bại đó cũng mang lại cho họ nhiều lợi ích hơn là thắng lợi ngay lập tức sẽ có thể đưa lại.

Năm 1847 không giải quyết được gì, nhưng ở khắp mọi nơi, nó đã làm cho các đảng phái đối lập nhau một cách gay gắt và rõ rệt; nó không giải quyết triệt để một vấn đề nào, nhưng nó đã đặt ra tất cả các vấn đề mà hiện nay không thể không giải quyết.

Các sự kiện và những biến đổi lớn nhất trong năm 1847 đã xảy ra ở Phổ, I-ta-li-a và Thụy Sĩ.

Ở *Phổ*, Phri-đrich-Vin-hem IV rút cục đã phải ban bố hiến pháp. Sau cuộc đấu tranh kéo dài và những đau khổ kéo dài, Đông Ki-sốt tuyệt tự ở cung Xăng-xu-xi đã đề ra một bản hiến pháp mà theo ông thì nó phải đảm bảo vĩnh viễn đến muôn đời thắng lợi cho thế lực phản động phong kiến – gia trưởng – chuyên chế – quan liêu – tăng lữ. Nhưng nhà vua đã tính nhầm. Giai cấp tư sản đã vững mạnh đủ để biến ngay bản hiến pháp ấy thành vũ khí chống lại nhà vua và tất cả các giai cấp phản động trong xã hội. Cũng như ở khắp mọi nơi, ở Phổ, giai cấp tư sản cũng bắt đầu bằng việc từ chối cấp tiền cho nhà vua. Nhà vua lâm vào cảnh tuyệt vọng. Có thể nói rằng trong những ngày đầu sau việc cự tuyệt cấp tiền, ở Phổ hoàn toàn không có vua; đất nước nằm trong tình thế cách mạng hoàn toàn mà không biết. Nhưng may sao, bấy giờ có mười lăm triệu của Nga cho vay; Phri-đrich – Vin-hem lại trở thành vua, các nhà tư sản hoảng sợ ở Nghị viện liền đầu hàng, và những đám mây giông cách mạng tiêu tan. Giai cấp tư sản Phổ tạm thời thất bại. Nhưng nó vẫn tiến được một

bước dài; nó đã có được nơi hội họp của nó, biểu dương lực lượng của nó trước nhà vua và gây ra sự sục sôi trong cả nước. Vấn đề quyền thống trị ở Phổ phải thuộc về ai, – về liên minh giữa quý tộc, quan lại và tầng lớp do nhà vua đứng đầu hay về giai cấp tư sản. Không thuộc bên này thì phải thuộc bên kia, giờ đây vấn đề nhất thiết phải được giải quyết. Trước kia, trong Nghị viện liên hợp, hãy còn có khả năng thỏa hiệp giữa hai bên, nhưng giờ đây khả năng ấy đã hết. Bây giờ, vấn đề đấu tranh một mặt một còn giữa hai bên. Ngoài ra, hiện nay, các ủy ban – một phát minh tai ác của các bậc thầy lập hiến ở Béc-lin²²⁷ – đang hội họp. Các ủy ban chắc chắn sẽ làm cho những vấn đề luật pháp vốn dĩ đã rối tung càng thêm rối rắm đến nỗi sẽ không một ai có thể tháo gỡ ra được nữa. Họ sẽ làm cho các vấn đề ấy trở thành một mớ bòng bong chỉ có thể chặt đứt bằng kiếm mà thôi; họ còn phải hoàn thành nốt những công tác chuẩn bị cuối cùng cho cách mạng *tư sản* ở Phổ.

Vì thế chúng ta có thể hết sức bình tĩnh chờ cuộc cách mạng Phổ đó nổ ra. Năm 1849, lại sẽ phải triệu tập Nghị viện liên hợp, dù nhà vua có muốn hay không. Chúng ta hạn cho đức hoàng thượng chỉ tới lúc đó thôi, không thể hơn được nữa. Tới lúc ấy thì nhà vua sẽ phải nhường vương trượng của mình và ngôi vua "không khi nào bị suy yếu" nổi tiếng của mình²²⁸ cho các nhà tư sản Cơ Đốc giáo và Do Thái trong vương quốc mình.

Như vậy, năm 1847 là năm rất thuận lợi cho sự nghiệp chính trị của giai cấp tư sản Phổ, mặc dù nó có bị thất bại tạm thời. Các nhà tư sản và tiểu thị dân ở những quốc gia khác ở Đức cũng nhận thấy điều đó và bày tỏ với các nhà tư sản Phổ sự đồng tình nhiệt liệt nhất của họ. Họ biết rằng thắng lợi của các nhà tư sản Phổ cũng là thắng lợi của bản thân họ.

Ở *I-ta-li-a*, chúng ta được chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ: con người phản động nhất toàn châu Âu, đại biểu cho hệ tư tưởng

trung cổ khô cứng – giáo hoàng La Mã^{1*} – đã trở thành người đứng đầu phong trào tự do chủ nghĩa. Trong khoảnh khắc, phong trào đã có quy mô to lớn, khiến cho đại công tước Áo ở Tô-xca-nơ^{2*} và tên phản bội Sác-lơ An-be ở Xác-đi-ni phải tham gia phong trào; nó lay chuyển ngai vàng của Phéc-đi-năng ở Na-pơ; làn sóng của nó trào qua Lô-m-bác-đi đến tận vùng núi An-pơ thuộc Ti-rôn và Stê-ri-a.

Phong trào hiện thời ở I-ta-li-a cũng có một tính chất như tính chất của phong trào ở Phổ vào những năm 1807-1812. Cũng giống như ở Phổ thời bấy giờ, vấn đề có hai mặt: độc lập đối với bên ngoài và cải cách trong nước. Trước mắt thì yêu sách không phải là hiến pháp, mà chỉ là những cải cách về mặt hành chính, tạm thời tránh mọi xung đột nghiêm trọng với chính phủ để duy trì sự thống nhất lớn nhất trước các thế lực nước ngoài trỗi hơn. Nhưng những cải cách ấy thuộc loại gì? Chúng có lợi cho ai? Trước hết là cho giai cấp tư sản. Báo chí được ưu đãi; bọn quan liêu buộc phải phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản (ví dụ như những cải cách ở Xác-đi-ni, Hội đồng tư vấn La Mã²²⁹ và việc cải tổ nội các); trong các cơ quan hành chính địa phương, các nhà tư sản có một thế lực càng lớn, sự chuyên quyền của tầng lớp quý tộc và quan liêu bị hạn chế; giai cấp tư sản *nhắm được lực lượng vũ trang* dưới hình thức đội dân vệ. Cho tới lúc này, tất cả các cuộc cải cách đều là và chỉ có thể là có lợi cho giai cấp tư sản. Có thể đem chúng so sánh với những cải cách ở Phổ trong thời kỳ Na-pô-lê-ông. Những cuộc cải cách này cũng mang tính chất giống như vậy, nhưng về nhiều phương diện còn đi xa hơn, chẳng hạn, bộ máy hành chính phải phục tùng lợi ích của giai cấp tư sản, sự chuyên quyền của tầng lớp quý tộc và quan liêu bị dẹp đi,

^{1*} – Pi IX

^{2*} – Công tước Lê-ô-pôn II ở Tô-xca-nơ

thành thị được tự quản, quân hậu bị được thành lập, lao dịch bị bãi bỏ. Cũng như ở Phổ thời bấy giờ, hiện nay ở I-ta-li-a, giai cấp tư sản, nhờ số của cải ngày một tăng thêm, đặc biệt là nhờ công nghiệp và thương nghiệp ngày càng có tầm quan trọng lớn hơn đối với đời sống của toàn dân, đang trở thành giai cấp quyết định chủ yếu công cuộc giải phóng nước I-ta-li-a khỏi ách thống trị của nước ngoài.

Như vậy, phong trào ở I-ta-li-a tất nhiên phải là phong trào tư sản. Tất cả các giai cấp say mê cải cách, (kể từ vua chúa và quý tộc cho tới những người du mục Pi-phê-ra-ri và Lát-xa-rô-ni²³⁰) đều tạm thời xuất hiện như những nhà tư sản, còn giáo hoàng thì vẫn đóng vai trò nhà tư sản số một của I-ta-li-a. Nhưng tất cả các giai cấp này sẽ phải ném mùi thất vọng cay đắng nhất, ngay khi ách áp bức Áo vĩnh viễn bị xóa bỏ. Khi nào giai cấp tư sản thắng được kẻ thù bên ngoài thì nó sẽ tách cừu ra khỏi dê ở ngay trong nhà nó; khi ấy các công tước và bá tước lại sẽ phải đi cầu cứu Áo một lần nữa nhưng đã muộn, và khi ấy thì công nhân Mi-la-nô, Phlo-ren-xi-a và Na-pơ sẽ thấy là công việc của họ mới chỉ bắt đầu.

Sau cùng, xin nói đến Thụy Sĩ. Từ khi được thành lập đến giờ, lần đầu tiên Thụy Sĩ đã đóng được một vai trò nhất định trong hệ thống các quốc gia châu Âu; lần đầu tiên nó có gan hành động kiên quyết, lần đầu tiên nó lấy hết dũng khí xuất hiện không phải như một hỗn hợp gồm hai mươi hai bang không có quan hệ với nhau, mà với tư cách một nước cộng hòa liên bang. Chấm dứt một cách rất kiên quyết cuộc nội chiến, Thụy Sĩ bảo đảm được quyền lãnh đạo tối cao của chính quyền trung ương, tóm lại, nó đã thực hiện chế độ tập quyền trung ương. Không bao lâu sau việc cải cách hiệp ước liên bang, chế độ tập quyền trung ương được thực hiện trên thực tế, đã được hợp pháp hóa.

Người ta còn hỏi rằng kết quả của chiến tranh, cuộc cải cách

liên bang, cuộc cải tổ các bang thuộc Đồng minh đặc biệt là có lợi cho ai? Hiển nhiên là cho chính đảng đã chiến thắng, cho chính đảng đã thắng thế tại một số bang vào những năm 1830 – 1834: phái tự do và phái cấp tiến, tức là tư sản và nông dân. Do có cuộc cách mạng tháng Bảy, sự thống trị của tầng lớp quý tộc tại các thành phố trước đây thuộc đế chế đã bị lật đổ. Tại những nơi mà sau đó sự thống trị ấy được phục hồi trên thực tế, như ở Béc-nơ và Giơ-ne-vơ, thì năm 1846, cách mạng đã bùng nổ. Tại những nơi mà sự thống trị ấy còn chưa bị động chạm tới như ở bang có thành phố Ba-lơ thì cũng năm đó, nó bị lung lay rất dữ. Tầng lớp quý tộc phong kiến ở Thụy Sĩ không đông, và tại những nơi nó hãy còn tồn tại thì sức mạnh chủ yếu của nó là ở sự liên minh với mục dân rẻo cao núi An-pơ. Đó là những kẻ tử thù cuối cùng, ngoan cố nhất và hung hãn nhất của giai cấp tư sản. Chúng là chỗ dựa cho các phần tử phản động ở các bang thuộc phái tự do. Với sự giúp đỡ của phái dòng Tên và phái kiên thành, phái phản động chẳng khắp Thụy Sĩ một màng lưới âm mưu phản động (thí dụ, ở bang Va-át-tơ). Họ phá hoại mọi kế hoạch của giai cấp tư sản tại Quốc hội Thụy Sĩ. Họ ngăn trở việc triệt để xóa bỏ sự thống trị của tầng lớp quý tộc thị dân tại các thành phố trước đây thuộc đế chế.

Những kẻ thù cuối cùng ấy của những người tư sản Thụy Sĩ bị đánh tan tành vào năm 1847.

Ngay trước đây, tại hầu hết các bang, những người tư sản Thụy Sĩ đã được tự do hành động tương đối rộng rãi trong thương nghiệp và công nghiệp. Các phường hội vẫn được giữ y nguyên như trước, nhưng chúng ít cản trở giai cấp tư sản phát triển. Thuế quan trong nước hầu như không có. Tại những nơi giai cấp tư sản đã phát triển được đến một trình độ nào đó, chính quyền nằm trong tay giai cấp ấy. Nhưng trong một số bang ở đó giai cấp tư sản phát triển và được ủng hộ thì nó lại thiếu cái điều chủ yếu nhất – chế độ tập quyền trung ương. Nếu như chế độ phong kiến, chế

độ gia trưởng và lễ thói thị dân có thể phát triển được tại các tỉnh biệt lập và một số thành phố thì sự phát triển của giai cấp tư sản lại đòi hỏi một lãnh thổ thật lớn, nó cần *một* nước Thụy Sĩ lớn chứ không phải hai mươi hai bang bé nhỏ. Sự độc lập của các bang, một hình thức chính trị thích hợp nhất đối với nước Thụy Sĩ cũ, đã trở thành gông xiềng nặng nề đối với giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản cần có một chính quyền trung ương đủ mạnh để cho hoạt động lập pháp của các bang được nhất trí và dựa vào ảnh hưởng rất lớn của mình mà xóa bỏ những sự khác nhau về cơ cấu nhà nước và về luật pháp ở các bang ấy. Chính quyền ấy phải thủ tiêu những tàn dư của chế độ lập pháp phong kiến, gia trưởng và thị dân và kiên quyết bảo vệ lợi ích của tư sản Thụy Sĩ trong quan hệ đối ngoại.

Giai cấp tư sản đã giành được một chính quyền trung ương như vậy đây.

Nhưng phải chăng nông dân không tham gia lật đổ Đồng minh đặc biệt? – Dĩ nhiên là có tham gia. Hiện nay, đối với những người tư sản, nông dân vẫn tiếp tục đóng cái vai trò mà họ từng đóng lâu nay đối với những người tiểu thị dân. Nông dân vẫn sẽ là công cụ bị tư sản bóc lột, sẽ thay họ mà ra trận, dệt cho họ những tấm vải hoa và những băng vải, bổ sung vào hàng ngũ của giai cấp vô sản. Mà nông dân thì còn cần làm gì nữa? Là người tư hữu như nhà tư sản, hiện nay người nông dân cũng có những lợi ích chung với nhà tư sản hầu như trên tất cả mọi mặt. Tất cả những biện pháp chính trị mà họ có khả năng thực hiện, đều sẽ đem lại cho những nhà tư sản nhiều lợi ích hơn là cho bản thân họ. Nhưng so với tư sản thì nông dân yếu đuối bởi vì những nhà tư sản giàu có hơn nhiều, nắm trong tay chiếc đòn bẩy của mọi quyền lực chính trị trong thời đại chúng ta – đó là công nghiệp. Đi với tư sản, nông dân có thể đạt được nhiều thứ, chống lại tư sản thì chẳng được gì.

Không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ tới lúc bộ phận nông dân phá

sản, nghèo khổ sẽ liên hợp với giai cấp vô sản; đến lúc đó, giai cấp vô sản sẽ đạt tới một giai đoạn phát triển cao hơn, và sẽ tuyên chiến với giai cấp tư sản; nhưng bây giờ chúng ta chưa bàn tới vấn đề đó.

Chỉ cần thừa nhận rằng việc đánh đuổi phái dòng Tên và đồng lõa của chúng, những kẻ thù có tổ chức ấy của giai cấp tư sản, việc thực hiện phổ biến chế độ giáo dục *thế tục* thay cho giáo dục tôn giáo, việc chuyển phần lớn tài sản của giáo hội vào tay nhà nước, – tất cả những việc đó, trước hết, là có lợi cho giai cấp tư sản.

Như vậy, ba phong trào nổi tiếng nhất trong năm 1847 có chung một điểm là: tất cả những phong trào này, trước hết và phần lớn, đều phù hợp với lợi ích của giai cấp tư sản. Tại khắp nơi, các đảng tiến bộ đều là những đảng tư sản.

Trên thực tế, nét đặc trưng cho tất cả các phong trào này là chính những nước hồi năm 1830 còn là những nước lạc hậu thì năm ngoái, đã tiến những bước đầu tiên có tính chất quyết định để đạt tới mức của năm 1830, tức là để giành thắng lợi cho giai cấp tư sản.

Như vậy, qua những điều nói trên, ta thấy rằng đối với giai cấp tư sản, năm 1847 là năm huy hoàng.

Chúng ta bàn tiếp.

Ở Anh, chúng ta có một quốc hội mới mà theo như lời của một tín đồ Quây-cơ, Giôn Brai-tơ, thì đây là một quốc hội tư sản rõ nét nhất trong tất cả những quốc hội đã từng được triệu tập. Bản thân Giôn Brai-tơ là một nhà tư sản rõ nét nhất trong tất cả người Anh và do đó, là một người có một uy tín lý tưởng nhất trong vấn đề này. Nhưng nhà tư sản Giôn Brai-tơ không phải nhà tư sản thống trị ở nước Pháp hoặc nhà tư sản tuôn ra những lời lẽ xúc động lòng người và khoát lác công kích Phri-đrich – Vin-hem IV. Nhà tư sản với giọng điệu của Giôn Brai-tơ là một chủ

xưởng. Ở Anh, một số phái của giai cấp tư sản đã nắm chính quyền ngay từ năm 1688; nhưng để dễ nắm quyền thống trị, họ đã để chính quyền danh nghĩa nằm trong tay những con nợ phụ thuộc vào họ, – đó là tầng lớp quý tộc. Do đó, có thể coi cuộc đấu tranh đương thời ở Anh, trên thực tế, là cuộc đấu tranh giữa các phe phái trong nội bộ bản thân giai cấp tư sản – giữa bọn thực lợi và bọn chủ xưởng, cuộc đấu tranh mà bọn chủ xưởng có thể coi là cuộc đấu tranh giữa tầng lớp quý tộc và giai cấp tư sản, còn khi cần thì coi là cuộc đấu tranh giữa tầng lớp quý tộc và nhân dân. Bọn chủ xưởng tuyệt nhiên không hề quan tâm đến việc giữ cái vỏ thống trị bề ngoài cho tầng lớp quý tộc, vì các huân tước, tòng nam tước và địa chủ không nợ của họ một xu nào. Ngược lại, họ rất quan tâm đến việc thủ tiêu được cái vỏ ngoài ấy, vì thủ tiêu được cái vỏ ngoài ấy thì bọn thực lợi sẽ mất cứ điểm cuối cùng của nó. Nhiệm vụ này sẽ do quốc hội hiện nay của các nhà tư sản hoặc của các chủ xưởng hoàn thành. Quốc hội sẽ biến nước Anh cũ, với cái bề ngoài phong kiến của nó, thành một nước ít nhiều hiện đại, được tổ chức theo kiểu tư sản. Quốc hội sẽ làm cho bản hiến pháp Anh nhích gần tới bản hiến pháp kiểu Pháp hay Bỉ. Quốc hội sẽ làm cho giai cấp tư sản công nghiệp Anh thu được thắng lợi cuối cùng.

Như vậy giai cấp tư sản tiến thêm một bước nữa, vì sự tiến bộ trong nội bộ giai cấp tư sản dẫn đến sự mở rộng và tăng cường quyền thống trị của nó.

Dường như *Pháp* là ngoại lệ duy nhất. Chính quyền do toàn thể giai cấp đại tư sản giành được năm 1830, cứ mỗi năm lại thu hẹp thành sự thống trị của những nhà đại tư sản giàu có nhất, thành sự thống trị của bọn thực lợi và bọn đầu cơ chứng khoán. Bọn này bắt đại bộ phận giai cấp đại tư sản phải phục tùng lợi ích của chúng. Còn phe thiểu số đứng đầu là chủ xưởng và chủ tàu thì ngày càng nhỏ yếu. Giờ đây, phe thiểu số này liên hợp với những người tư sản hạng trung và hạng nhỏ đã bị tước mất quyền

bầu cử, và long trọng tuyên bố sự đồng minh ấy tại các bữa tiệc ủng hộ cải cách. Họ không còn tin rằng một ngày nào đấy, họ sẽ lên nắm chính quyền nhờ dựa vào số cử tri hiện nay. Vì vậy sau những dao động kéo dài, họ quyết định hứa rằng họ sẽ để cho những nhà tư sản ở địa vị thấp hơn họ, chẳng hạn như các nhà tư tưởng tư sản: luật sư, bác sĩ, v.v., được tham gia chính quyền, cho rằng đó là một nhóm không nguy hiểm nhất. Thật ra, thiểu số này còn lâu mới thực hiện được lời hứa của mình.

Như vậy, chúng ta thấy cuộc đấu tranh trong nội bộ giai cấp tư sản hầu như đã kết thúc ở Anh thì lại đang đến gần ở Pháp. Chỉ có điều là ở Pháp, cũng như mọi khi, tình thế bao giờ cũng mang tính chất rõ ràng hơn nhiều, cách mạng hơn nhiều. Sự tách hẳn ra thành hai phe đó cũng là bước tiến bộ của giai cấp tư sản.

Ở *Bỉ*, giai cấp tư sản đã giành được thắng lợi quyết định trong cuộc bầu cử năm 1847. Nội các công giáo buộc phải từ chức, hiện nay các nhà tư sản tự do vẫn hãy còn đang nắm chính quyền ở đây.

Ở *châu Mỹ*, chúng ta chứng kiến Mê-hi-cô bị chinh phục, điều này làm chúng ta phấn khởi²³¹. Khi một nước, trước đây, hoàn toàn bị chìm ngập trong những công việc địa phương của mình, bị những cuộc nội chiến liên miên xâu xé và vì thế mà mất mọi khả năng phát triển, một nước mà trong trường hợp khả quan nhất, cũng sẽ trở thành chư hầu của Anh về mặt công nghiệp, – khi một nước như vậy bị buộc phải đi vào phong trào lịch sử thì đó cũng là một bước tiến bộ vậy. Mê-hi-cô trong tương lai sẽ nằm dưới sự bảo hộ của Hợp chúng quốc, là phù hợp với lợi ích phát triển của bản thân nước này. Việc Hợp chúng quốc nắm quyền thống trị trên Thái Bình Dương do sáp nhập Ca-li-phoóc-ni-a là phù hợp với lợi ích phát triển của toàn châu Mỹ. Nhưng chúng ta lại hỏi rằng ai được lợi trước hết trong chiến tranh? – Chỉ có giai cấp tư sản thôi. Tại Ca-li-phoóc-ni-a và Tân Mê-hi-cô, người Bắc Mỹ có được những vùng đất đai mới, tại đó họ có thể có được

những tư bản mới, tức là tạo ra những nhà tư sản mới và làm giàu cho những nhà tư sản hiện có, vì toàn bộ số tư bản đạt được trong thời đại chúng ta đều rơi vào tay giai cấp tư sản. Một việc hằng mong muốn là đào con kênh ở eo Tê-oan-tê-pếch²³² sẽ đem lại mỗi lợi cho ai nếu không phải là cho các chủ tàu Mỹ? Và ai sẽ được lợi trong địa vị bá quyền trên Thái Bình Dương, nếu không phải chính những chủ tàu ấy? Ai sẽ cung cấp hàng công nghiệp cho số người tiêu thụ mới sẽ xuất hiện tại các vùng bị chinh phục, nếu không phải các chủ xưởng Mỹ?

Như vậy là tại châu Mỹ, các nhà tư sản cũng có những thành tựu to lớn; và nếu như giờ đây, đại biểu của giai cấp tư sản lên tiếng phản đối chiến tranh thì điều đó chỉ chứng tỏ họ sợ rằng về một số mặt, những thành tựu ấy lại phải mua bằng một giá quá đắt.

Thậm chí tại những nước hoàn toàn chưa được khai hóa, giai cấp tư sản cũng có những thành tựu. Ở Nga, công nghiệp phát triển với những bước đi vạm vỡ và thậm chí quý tộc cũng dần dần trở thành tư sản. Chế độ nông nô ở Nga và Ba Lan bị hạn chế, điều đó có nghĩa là tầng lớp quý tộc thì suy yếu đi, do đó có lợi cho tư sản; có nghĩa là giai cấp nông dân tự do mà ở đâu giai cấp tư sản cũng cần đến, được hình thành. Người Do Thái bị săn đuổi, và điều đó là rất hợp ý của giới thị dân Cơ Đốc giáo định cư mà việc buôn bán bị những người bán hàng rong gây thiệt hại. Tại Hung-ga-ri, bọn chúa phong kiến ngày càng biến thành thương nhân bán buôn ngũ cốc, len và gia súc, và những lời phát biểu của họ tại quốc hội đều mang tính chất tư sản triệt để. – Còn ở Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Tuy-ni-di, Ba Tư và các nước chưa khai hóa khác, thì tất cả những thành tựu "văn minh" huy hoàng ấy, nếu không chuẩn bị điều kiện cho sự phồn vinh của giai cấp tư sản tương lai thì là cái gì kia chứ? Tại các nước này, chính lời nói này của nhà tiên tri đang được thực hiện: "Hãy dọn đường cho Chúa...Hãy mở rộng cổng và mở toang cửa thế giới cho hoàng đế vinh

quang bước vào!" Vị hoàng đế vinh quang ấy là ai vậy? Đó là nhà tư sản.

Chúng ta dù có cố nhìn chỗ nào đi nữa thì ở khắp mọi nơi, giai cấp tư sản đều có những thành tựu rất lớn. Nó ngẩng cao đầu và ngạo mạn thách thức kẻ thù của nó. Nó chờ đợi những thắng lợi quyết định, và những hy vọng của nó sẽ không phải là hão huyền đâu. Nó đang chuẩn bị đo cất lại toàn thế giới theo cái thước đo của nó và nó đã đạt được điều đó trên một phần lớn trái đất.

Chúng tôi không phải là bạn bè của giai cấp tư sản, điều này ai nấy đều biết. Nhưng lần này, chúng tôi hy vọng họ sẽ chiến thắng. Chúng tôi có thể lặng lẽ mỉm cười đáp lại cái nhìn kình kiêu mà giai cấp tư sản, nhất là giai cấp tư sản Đức, ném từ trên cao xuống thiểu số những người dân chủ và cộng sản tưởng chừng như không đáng kể. Chúng tôi không phản đối một chút nào việc giai cấp tư sản muốn thực hiện ý định của nó ở khắp mọi nơi.

Hơn thế nữa. Chúng tôi thậm chí không thể không cười mai mỉa trước vẻ quan trọng ghê gớm, niềm phấn khởi mà các nhà tư sản biểu lộ, khi họ đạt được nguyện vọng của họ tại hầu khắp mọi nơi. Các vị ấy thực tình nghĩ rằng việc đó chỉ can dự đến bản thân họ thôi. Họ khá thiên cận nên không thể cho rằng khi họ chiến thắng thì thế giới sẽ cải biến bộ mặt của nó. Song một điều còn rõ ràng hơn cái điều đã rõ ràng là tại khắp mọi nơi, họ chỉ là những người đi mở đường cho *chúng tôi*, những người dân chủ và những người cộng sản; rằng họ sẽ chỉ giành được quá lắm là mấy năm hạnh phúc đầy lo âu để chẳng bao lâu sau đấy, sẽ đến lượt mình bị lật đổ. Tại khắp mọi nơi, sau lưng các nhà tư sản là giai cấp vô sản, giai cấp này khi thì chia sẻ những nguyện vọng của những nhà tư sản và một phần những ảo tưởng của họ, như ở I-ta-li-a và Thụy Sĩ; khi thì giữ thái độ yên lặng và hành động thận trọng, nhưng từng bước chuẩn bị lật đổ những nhà tư

sản, như ở Pháp và Đức; sau hết, khi thì khởi nghĩa công khai chống lại giai cấp tư sản đang thống trị như ở Anh và Mỹ.

Nhưng chúng ta có thể làm nhiều hơn nữa. Tất cả những điều đó, chúng ta có thể nói thẳng cho nhà tư sản biết, có thể lật ngửa những con bài của chúng ta cho họ thấy. Hãy cứ để cho các nhà tư sản biết trước rằng những nỗ lực của họ chỉ có lợi cho chúng ta. Và mặc dù thế, họ vẫn sẽ không thể ngừng cuộc đấu tranh của họ chống lại chế độ quân chủ chuyên chế, quý tộc và tăng lữ. Họ phải hoặc là chiến thắng, hoặc là bị diệt vong tức khắc.

Ở Đức, chẳng bao lâu nữa họ sẽ phải cầu cứu chúng ta.

Vậy thì, thưa quý ngài tư sản tôn kính, quý ngài hãy dừng cảm tiếp tục cuộc đấu tranh của quý ngài đi! Hiện nay, chúng tôi đang cần quý ngài; đây đó, chúng tôi thậm chí còn cần đến sự thống trị của quý ngài. Quý ngài phải quét dọn những tàn tích trung cổ và chế độ quân chủ chuyên chế trên đường đi của chúng tôi. Quý ngài phải thủ tiêu chế độ gia trưởng, quý ngài phải thực hiện chế độ tập quyền trung ương, quý ngài phải biến tất cả những giai cấp ít nhiều không có của thành những người vô sản thực sự, những chiến sĩ mới của chúng tôi. Với những nhà máy và những mối liên hệ thương nghiệp của quý ngài, quý ngài phải xây dựng cho chúng tôi những cơ sở vật chất cần cho sự nghiệp giải phóng của giai cấp vô sản. Phần thưởng về việc này, quý ngài sẽ nhận được một thời kỳ nắm chính quyền ngắn ngủi. Quý ngài có thể chi phối pháp luật, tận hưởng ánh huy hoàng của sự vĩ đại do quý ngài xây dựng nên, có thể mở yến tiệc linh đình trong hoàng cung và lấy năng công chúa mỹ miều làm vợ, nhưng chớ nên quên rằng

"Đao phủ đang đứng trước ngưỡng cửa"²³³.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng 20 tháng Giêng 1848

Đã đăng trên báo "Deutsche — Brüsseler — Zeitung" số 7, ngày 23 tháng Giêng 1848
Ký tên: Ph.Ă

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

PH. ĂNG-GHEN BƯỚC ĐẦU CỦA SỰ CÁO CHUNG CỦA NƯỚC ÁO

"Nó sẽ còn chịu đựng nổi tôi và Mét-téc-ních", – vị hoàng đế Phran-tơ nói vậy. Nếu như Mét-téc-ních không muốn vị quân vương của ông ta thành ra kẻ dối trá thì ông ta phải chết đi càng nhanh càng tốt.

Nước quân chủ Áo chấp vá bằng những mảnh đất thừa kế cùng là đi ăn cắp được, cái mớ hỗn độn được gom lại bao gồm đến mười ngôn ngữ và dân tộc ấy, sự chồng chất lộn xộn những phong tục tập quán và luật lệ hết sức mâu thuẫn nhau đó, cái nước quân chủ ấy rút cục bắt đầu tan rã.

Trong nhiều năm trời anh chàng thị dân Đức đáng kính hết lòng khâm phục con người điều khiển bộ máy nhà nước ọp ẹp ấy, tên bịp bợm hèn nhát và tên sát nhân phản phúc – Mét-téc-ních. Trước con mắt anh chàng thị dân Đức thì Ta-lây-răng, Lu-i Phi-líp và Mét-téc-ních – ba con người rất tầm thường và vì thế nên rất thích hợp với thời đại tầm thường của chúng ta – là ba vị thần điều khiển lịch sử toàn thể giới trong vòng 30 năm như một nhà hát múa rối. Xuất phát từ kinh nghiệm hàng ngày của bản thân mình, anh chàng thị dân đáng kính chỉ coi lịch sử như là những âm

mưu nơi quán rượu và câu chuyện ngồi lê đôi mách của các bà, có điều là trên một quy mô rộng lớn hơn một chút.

Một điều không còn nghi ngờ gì nữa là: không một nước nào mà dòng thác cách mạng và ba lần xâm lăng của Na-pô-lê-ông lại qua đi không còn dấu vết gì như ở Áo. Cũng không nghi ngờ gì nữa là, không một nước nào mà chế độ phong kiến, chế độ gia trưởng và ý thức hệ thị dân cam chịu theo kiểu nô lệ, chúng được bảo vệ bằng cái gậy gia trưởng lại được duy trì không bị đụng chạm và nguyên vẹn đến mức như ở Áo. Nhưng phải chăng tất cả những cái đó là do bàn tay của Mét-téc-ních đặt ra?

Sự hùng cường, sức sống, sự bền vững của vương triều Áo dựa trên cơ sở nào?

Vào nửa sau thời kỳ trung cổ, trong khi I-ta-li-a, Pháp, Anh, Bỉ cũng như Bắc Đức và Tây Đức lần lượt thoát khỏi tình trạng dã man phong kiến, trong khi tại các nơi ấy công nghiệp phát triển, thương mại mở rộng, các thành phố mọc lên và những thị dân đã có tiếng nói chính trị, – thì chính trong thời gian này một bộ phận nước Đức đã lạc hậu so với trình độ phát triển của Tây Âu. Nền văn minh tư sản được truyền bá theo các bờ biển và dọc các triền sông lớn. Còn những vùng đất cách xa biển và đặc biệt là những miền đồi núi kém màu mỡ và khó qua lại thì vẫn là nơi ẩn nấp của tình trạng dã man và chế độ phong kiến. Tình trạng dã man ấy đặc biệt tập trung tại các vùng đất thuộc miền Nam nước Đức và Nam Xlavor cách xa biển. Những vùng này cách xa biển, bị ngăn cách với nền văn minh I-ta-li-a bởi dãy An-pơ, với nền văn minh Bắc Đức bởi dãy núi Bô-hê-m và Mô-ra-va, may mắn thay đều nằm trong lưu vực con sông phản động duy nhất của châu Âu. Sông Đa-nuýp chẳng những không mở đường đi lên văn minh cho các vùng ấy, mà, trái lại, còn trói buộc chúng vào khu vực dã man thô bạo hơn nhiều.

Khi ở Tây Âu, nhờ có nền văn minh tư sản, đã hình thành những nước quân chủ lớn thì những vùng cách xa biển ở thượng lưu sông Đa-nuýp cũng cần phải hợp nhất thành một quốc gia quân chủ lớn. Nguyên những yêu cầu phòng thủ đã đòi hỏi phải thế rồi. Tại đây, ở trung tâm châu Âu, những nước dã man thuộc tất cả mọi ngôn ngữ và các dân tộc đã liên hợp lại dưới vương trượng của vương triều Háp-xbuốc. Hung-ga-ri đã trở thành hạt nhân của tình trạng dã man hoàn toàn đó.

Sông Đa-nuýp, dãy núi An-pơ, những vách núi đá dựng đứng của Bô-hê-m – đó là những cơ sở cho tình trạng dã man ở Áo và chế độ quân chủ Áo tồn tại.

Nếu như vương triều Háp-xbuốc đã có một thời kỳ ủng hộ những thị dân chống lại tầng lớp quý tộc, các thành thị chống lại bọn vua chúa, thì đó là do nước quân chủ lớn nhìn chung chỉ có thể tồn tại trong điều kiện ấy. Nếu như về sau vương triều này lại ủng hộ những người tiểu tư sản thì đây là bởi vì tại khắp phần châu Âu còn lại bản thân những người tiểu tư sản đã bắt đầu đóng vai trò phản động trong quan hệ đối với giai cấp đại tư sản. Cả trong trường hợp này lẫn trường hợp kia, vương triều Háp-xbuốc đã xuất phát từ những tính toán phản động nhất định mà ủng hộ những người tiểu tư sản. Chỉ có điều là giờ đây thủ đoạn này không còn dùng được nữa.

Như vậy, ngay từ đầu vương triều Áo đã đại biểu cho tình trạng dã man, hủ lậu và phản động ở châu Âu. Sự hùng mạnh của nó dựa trên tính hẹp hòi ngu muội của những quan hệ gia trưởng cổ thủ sau những dãy núi không sao vượt qua nổi, trên tính chất thô鄙 thâm căn cố đế của tình trạng dã man. Một tá dân tộc khác nhau rất xa về phong tục, về tính cách và về những thiết chế lại đoàn kết với nhau vì tất cả họ cùng có chung thái độ thù ghét văn minh.

Vì thế vương triều Áo là bất khả chiến thắng chừng nào còn giữ nguyên vẹn tình trạng dã man của các thần dân của nó. Vì thế chỉ có một nguy cơ đe dọa nó – sự xâm nhập của nền văn minh tư sản.

Nhưng chính mối nguy ấy lại không sao tránh khỏi. Có thể lần tránh nền văn minh tư sản một thời gian nào đấy; có thể làm cho nó thích ứng với tình trạng dã man Áo và bắt nó khuất phục tình trạng ấy một thời gian nào đấy. Nhưng sớm hay muộn nền văn minh đó vẫn cứ phải khắc phục tình trạng dã man phong kiến và như vậy thì cái nút duy nhất buộc chặt làm một những tình mang tính chất rất khác nhau sẽ phải đứt tung.

Do đó mà chính sách Áo mang tính chất thụ động, do dự, hèn nhát, bần thiêu và quý quyết. Áo không còn có thể biểu hiện thô bạo, trắng trợn và dã man công nhiên như trước đây, bởi vì mỗi năm nó đều phải nhượng bộ nền văn minh và năm này qua năm khác nó càng ngày càng ít tin tưởng hơn vào đám thần dân của bản thân nó. Bất kỳ biện pháp kiên quyết nào cũng sẽ dẫn tới sự biến đổi nào đấy hoặc ở trong nước, hoặc ở những nước láng giềng giáp nó; mà mỗi sự biến đổi đều sẽ là một vết nứt trong con đập mà Áo núp sau đó để tránh một cách rất vắt vả những đợt sóng văn minh hiện đại xô tới; nạn nhân đầu tiên của bất kỳ sự biến đổi nào cũng sẽ là bản thân vương triều Áo mà sự tồn tại gắn liền với tình trạng dã man. Nếu như năm 1823 và năm 1831 Áo còn có thể dùng đạn đại bác dẹp tan nghĩa quân Pi-ê-mông, Na-plơ và Rô-ma-nhơ²³⁴, thì ngay từ năm 1846 ở Ga-li-xi nó đã buộc phải sử dụng tới một nhân tố cách mạng hãy còn chưa phát triển, đó là tầng lớp nông dân²³⁵, còn năm 1847 Áo đành phải cho quân đội của mình dừng lại ở Phê-ra-ra và sử dụng tới âm mưu ở La Mã²³⁶. Việc nước Áo phản cách mạng sử dụng những thủ đoạn cách mạng là một bằng chứng hiển nhiên chứng tỏ rằng nó đã tới lúc cáo chung!

Sau cuộc đàn áp những cuộc khởi nghĩa ở I-ta-li-a năm 1831 và cuộc cách mạng Ba Lan năm 1830, sau khi các nhà tư sản Pháp đưa ra sự đảm bảo về thái độ đứng mức của họ, hoàng đế Phran-tơ có thể yên tâm đi gặp tổ tiên; xem ra đã tới những thời kỳ thảm hại, trong đó ngay như người nổi dõng ngu ngốc^{1*} của ông ta cũng có thể đứng vững được.

Hiện giờ thì đế chế của thằng ngốc được phong vương hãy còn được bảo hiểm không bị cách mạng đe dọa. Nhưng ai có thể bảo đảm cho nó khỏi những *nguyên nhân* gây ra cách mạng?

Chừng nào công nghiệp còn mang tính chất nghề thủ công gia đình, chừng nào mỗi gia đình nông dân hay, ít ra là, mỗi làng riêng biệt còn tự sản xuất lấy những sản phẩm công nghiệp họ cần, chỉ sử dụng đến thương nghiệp ở mức độ rất ít, thì chừng ấy bản thân nền công nghiệp vẫn là nền công nghiệp phong kiến và chính lại hợp với tình trạng dã man của Áo. Chừng nào bản thân nó vẫn còn ở trình độ công trường thủ công và công nghiệp nông thôn, chỉ có một số ít sản phẩm sản xuất tại các nước ở xa biển được dùng để xuất khẩu thì nền công nghiệp ấy rất ít sử dụng tới ngoại thương, nó chỉ có ở một số khu vực và dễ thích ứng với *status quo*^{2*} của Áo. Nếu như ngay ở Anh và ở Pháp công trường thủ công chỉ khai sinh ra giai cấp đại tư sản không đông đảo thì ở nước Áo dân cư thưa thớt và hẻo lánh, nhiều lắm nó chỉ có thể tạo ra một tầng lớp trung gian bình thường, mà cũng chỉ ở một số chỗ thôi. Chừng nào lao động thủ công còn thống trị, thì Áo còn được an toàn.

Nhưng rồi, máy móc đã được sáng chế ra, mà máy móc gây nên tình trạng lao động thủ công suy sụp. Giá sản phẩm công

^{1*} – Phéc-đi-năng I

^{2*} – chế độ hiện hành, hiện trạng

nghiệp sục nhanh và thấp đến nỗi dẫn tới sự diệt vong ban đầu là của công trường thủ công, rồi sau dần dần là của bản thân nền công nghiệp gia đình phong kiến cũ.

Áo mưu toan lẩn tránh máy móc bằng một hệ thống thuế quan ngăn cấm được thi hành một cách triệt để. Nhưng tất cả đều vô ích. Chính hệ thống thuế quan ngăn cấm đã thúc đẩy việc nhập khẩu máy móc vào Áo. Ở Bô-hêm ngành công nghiệp sợi bông phát triển, ở Lô-m-bác-đi là ngành kéo sợi tơ bằng máy, còn ngay tại Viên đã bắt đầu xuất hiện cả ngành chế tạo máy.

Các hậu quả không để người ta phải chờ đợi. Công nhân thuộc các công trường thủ công lâm vào tình trạng không có bánh mì. Toàn thể cư dân các khu công trường thủ công bị đánh bật ra khỏi phương thức sinh hoạt quen thuộc. Trong đám tiểu thị dân trước đây, nay xuất hiện các nhà tư sản lớn sử dụng hàng trăm công nhân, giống như những người láng giềng của họ, các bậc công hầu và bá tước sử dụng hàng trăm nông dân lao dịch. Do nền công nghiệp cũ bị diệt vong và những nông dân có nghĩa vụ lao dịch bị mất những nghề cũ của họ, còn do sự phát triển của nền công nghiệp mới mà họ nảy sinh những nhu cầu mới. Bên cạnh nền công nghiệp hiện đại, phương thức kinh doanh nông nghiệp phong kiến không thể tồn tại được nữa. Việc thủ tiêu nghĩa vụ lao dịch trở nên tất yếu. Những quan hệ phong kiến giữa nông dân và địa chủ không thể duy trì được nữa. Các thành thị mọc lên. Các phường hội trở thành gò bó đối với người tiêu thụ, không có lợi cho các thành viên phường hội và không thể chịu được đối với các nhà công nghiệp. Đành phải dần dần cho phép cạnh tranh. Địa vị của tất cả các giai cấp trong xã hội thay đổi một cách căn bản. Trước hai giai cấp mới – là tư sản và vô sản – thì các giai cấp cũ ngày càng lùi về phía sau; tỷ trọng nông nghiệp so với công nghiệp tụt xuống, nông thôn phải nhường cho thành thị những vị trí của nó.

Những hậu quả của việc sử dụng máy móc ở một số vùng cá biệt ở Áo, tức ở Bô-hêm và Lô-m-bác-đi là như vậy. Ảnh hưởng ngược lại của chúng thể hiện ở mức độ ít hay nhiều trên khắp nước quân chủ; tại khắp mọi nơi, chúng phá vỡ những nền tảng của tình trạng dã man cũ và do đó phá vỡ những nền tảng của vương triều Áo.

Trong khi ở Rô-ma-nhơ, vào năm 1831, những người lính Áo được huấn luyện một cách nghiêm ngặt đã dùng đạn chì đáp lại những tiếng hô "Viva l'Italia!"^{1*}, thì ở Anh, người ta đã xây dựng những con đường sắt đầu tiên. Giống như máy móc, đường sắt cũng lập tức trở thành cần thiết đối với tất cả các nước châu Âu. Dù muốn hay không muốn, Áo cũng phải chấp nhận những cái đó. Để khôi tăng cường thêm cho cái sức mạnh vốn đã ngày càng lớn mạnh của giai cấp tư sản, chính phủ tự đảm nhận việc xây dựng đường sắt. Nhưng khi đó chính phủ tránh vô đưa lại gặp vô thừa. Chính phủ ngăn chặn được việc thành lập các công ty cổ phần lớn mạnh của các nhà tư sản chỉ là nhờ đã vay tiền xây dựng đường sắt của chính các nhà tư sản ấy, vậy là rơi vào cảnh mang công mắc nợ hoàn toàn phụ thuộc vào những Rốt-sin, Ác-stanh và E-xke-lơ, những Xi-na v.v..

Những hậu quả của việc xây dựng đường sắt, vương triều Áo tránh được còn ít hơn nữa.

Núi non ngăn cách nước quân chủ Áo với thế giới bên ngoài, Bô-hêm với Mô-ra-va và Áo, Áo với Stê-ri-a, Stê-ri-a với I-li-ri-a, I-li-ri-a với Lô-m-bác-đi, – những trở ngại này đều sụp đổ trước đường sắt. Những bức tường đá hoa cương mà đằng sau đó mỗi tỉnh gìn giữ những đặc điểm dân tộc của mình và sống cuộc sống

^{1*} – "Nước I-ta-li-a muôn năm!"

địa phương khép kín, không còn là chương ngại vật nữa. Sản phẩm của nền đại công nghiệp, của nền sản xuất cơ giới, thâm nhập vào những góc ngách hẻo lánh nhất của nước quân chủ một cách nhanh chóng lạ thường và hầu như không mất phí tổn vận chuyển gì cả, thủ tiêu lao động thủ công cũ và phá vỡ tình trạng dã man phong kiến. Việc buôn bán giữa các tỉnh với nhau, việc buôn bán với các nước văn minh bên ngoài, có tầm quan trọng chưa từng thấy. Sông Đa-nuýp chảy về các nước lạc hậu, không còn là tuyến giao thông chung của đế quốc nữa; dãy núi An-pơ, rừng Bô-hêm dường như không còn nữa; một tuyến giao thông mới chạy từ Tơ-ri-e-xơ đến Hăm-buốc, Ô-xten-đơ và Ha-vơ, vượt xa ra ngoài biên giới đế quốc, xuyên qua những dãy núi và vươn đến bờ biển Bắc và Đại Tây Dương xa xôi. Việc tham dự vào những công việc chung của toàn quốc, vào những sự kiện của thế giới bên ngoài trở thành tất yếu. Tình trạng dã man có tính chất địa phương biến mất. Ở một số nơi lợi ích mâu thuẫn nhau, ở những nơi khác chúng thống nhất lại. Các dân tộc tách rời nhau ở nơi này để hợp nhất ở nơi khác, và từ cái mớ lộn xộn những tình xa lạ nhau tách ra những tập đoàn nhất định, tương đối lớn hơn, cùng chung nguyện vọng và lợi ích.

"Nó sẽ còn chịu đựng nổi tôi và Mét-téc-ních". Đúng, nó đã chịu đựng nổi cách mạng Pháp, Na-pô-lê-ông và bão táp tháng Bảy. Nhưng *hơi nước* thì nó không thể chịu đựng nổi nữa. Hơi nước tiếp tục con đường của nó xuyên qua dãy núi An-pơ và rừng Bô-hêm, hơi nước làm cho Đa-nuýp mất đi vai trò của nó, hơi nước phá hủy tận gốc tình trạng dã man của Áo và qua đây đã phá vỡ nền tảng dưới chân vương triều Háp-xbuốc.

Hiện thời công chúng châu Âu và công chúng Mỹ có thể hài lòng thấy những bánh xe của máy hơi nước đánh gục Mét-téc-ních và toàn bộ vương triều Háp-xbuốc như thế nào, nước quân chủ Áo bị những đầu máy xe lửa của bản thân nó chệt nát như thế

nào. Đó là một cảnh tượng hết sức thú vị. Ở I-ta-li-a các chư hầu nổi dậy, mà Áo thì đến hể rằng cũng chẳng dám; bệnh dịch hạch chủ nghĩa tự do bao trùm Lô-m-bác-di, mà Áo thì dao động, hoang mang, do dự và run sợ trước các thần dân của chính nó. Ở Thụy Sĩ, bọn nổi loạn chống Áo trước kia – cư dân các bang Thụy Sĩ cũ – đều chịu sự bảo hộ của Áo; họ bị tấn công, nhưng Áo câm tịt vì sợ hãi trước câu nói táo bạo của Ôc-xen-ban: "Dù chỉ *một* tên lính Áo tiến vào đất Thụy Sĩ, ta sẽ tung hai vạn người sang Lô-m-bác-di và tuyên bố thành lập nước cộng hòa I-ta-li-a". Thế là Áo lại uổng công đi cầu cứu các triều đình Muyn-sen, Stút-gát và Các-lơ-xru-ê mà nó vẫn khinh thường. Ở Bô-hêm các đảng cấp cự tuyệt 50 000 gun-đen tiền thuế; Áo muốn bắt nộp số tiền ấy, tuy nhiên nó cần đóng quân của nó ở miền An-pơ đến nỗi lần đầu tiên trong đời nó, nó thấy mình đành phải nhượng bộ các đảng cấp và từ bỏ 50 000 gun-đen! Ở Hung-ga-ri quốc hội chuẩn bị những dự luật cách mạng, và người ta đảm bảo cho chúng được đa số ủng hộ; còn Áo cần có quân khinh kỵ Hung-ga-ri đóng ở Mi-la-nô, Mô-đê-na và Pác-ma, tự Áo đưa ra quốc hội những dự luật cách mạng trong khi biết rất rõ rằng những dự luật ấy có nghĩa là kết liễu bản thân nó! Nước Áo không lay chuyển nổi ấy, thành trì lâu đời của tình trạng dã man ấy, không biết nhảy vào đâu nữa. Toàn thân nó phát ban khủng khiếp, gãi đằng trước thì đằng sau ngứa, gãi đằng sau thì ngứa đằng trước.

Và cái chứng ngứa độc đáo ấy có nghĩa là cơn co giật trước khi chết của vương triều Áo^{1*}.

Nếu như lão già Mét-téc-ních không vội đi theo Phran-tơ "chính

^{1*} Chơi chữ trong nguyên bản : "Und mit diesem possierlichen Kratzen kratzt das Haus Östreich ab".

trực" của ông ta thì ông ta có thể còn sống đến lúc nước quân chủ đại đế vất vả lắm mới giữ được nguyên vẹn của ông ta sẽ suy sụp và phần lớn nước ấy sẽ rơi vào tay các nhà tư sản. Ông ta liệu sống đến ngày nhục nhã chưa từng thấy, khi mà "những thị dân – thợ may" hay "những thị dân – buôn bán thực phẩm phụ" sẽ không còn ngả mũ chào ông ta ở Pra-te-ro²³⁷ nữa và sẽ chỉ phong cho ông ta một cái tước "ngài Mét-téc-ních" mà thôi. Thêm mấy lần chấn động nữa, thêm mấy lần chuẩn bị chiến tranh tốn kém nữa là toàn bộ nước quân chủ Áo sẽ rơi vào túi tiền của Sác-lơ Rốt-sin.

Chúng ta chân thành vui mừng chờ đón các nhà tư sản chiến thắng đế chế Áo. Chúng ta chỉ muốn rằng cái đế chế đáng kính ấy bị đem bán đấu giá cho những nhà tư sản Do Thái chính tông thật là dễ tiện và bần thiêu. Cái chính phủ khả ố, quen dùng roi vọt, "gia trường", xấu xa ấy đáng bị đánh bại bởi một đối thủ thật là hèn hạ, chốc lờ, tởm lợm. Song, ông Mét-téc-ních, có thể tin là sau này chúng tôi sẽ trừng trị đối thủ của ông ta cũng không thương hại gì như đối thủ ấy sẽ trừng trị bản thân Mét-téc-ních trong một tương lai gần đây nhất.

Đối với người Đức chúng tôi, sự sụp đổ của Áo còn có thêm một ý nghĩa đặc biệt nữa. Áo có tội trong việc chúng tôi mang tiếng xấu là những kẻ đi áp bức các dân tộc khác và là những kẻ đánh thuê cho lực lượng phản động ở tất cả các nước. Dưới lá cờ Áo, người Đức đang kìm kẹp Ba Lan, Bô-hêm và I-ta-li-a trong cảnh nô lệ. Chúng tôi mang ơn nước quân chủ Áo vì từ Xi-ra-cu-giơ đến Tơ-ri-en-tơ và từ Giê-nơ đến Vơ-ni-dơ người Đức bị cấm ghét như những tên lính đánh thuê đáng khinh của một chế độ chuyên chế. Ai có dịp tận mắt chứng kiến lòng căm thù không đội trời chung đối với tedeschi^{1*}, niềm khát khao trả nợ máu hoàn toàn

^{1*} – người Đức

chính đáng đang bao trùm ở I-ta-li-a thì qua chỉ một điều ấy thôi tự người ấy cũng phải căm thù nước Áo đến chết và sẽ vui sướng chào mừng sự sụp đổ của thành trì tình trạng dã man, của sự nhục nhã ấy của Đức.

Chúng tôi có đầy đủ cơ sở để hy vọng rằng người Đức sẽ trả thù Áo vì vết nhục nó bôi vấy lên cái danh hiệu Đức. Chúng tôi có đầy đủ cơ sở để hy vọng là chính người Đức sẽ lật đổ sự thống trị của Áo và sẽ thủ tiêu những trở ngại trên đường đi đến tự do của người Xla-vơ và người I-ta-li-a. Tất cả đã sẵn sàng, vật hy sinh đã bị quật ngã và chờ đợi lưỡi dao sẽ đâm vào yết hầu nó. Mong rằng lần này người Đức sẽ không bỏ lỡ thời cơ, mong rằng họ sẽ có đủ can đảm nói lên những lời mà thậm chí Na-pô-lê-ông cũng không dám nói:

"La dynastie de Habsbourg a cessé de régner!"^{1*}

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng 25 tháng
Giêng 1848*

*Đã đăng trên báo "Deutsche – Brüsseler-
Zeitung" số 8, ngày 27 tháng Giêng 1848
Ký tên: Ph.Ă*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} - "Vương triều Hấp-xbuốc sẽ không còn trị vì nữa!"

C.MÁC

TỜ "DÉBAT SOCIAL" SỐ RA NGÀY 6 THÁNG HAI VIẾT VỀ HỘI DÂN CHỦ

Tờ "Débat Social"²³⁸ số ra ngày 6 tháng Hai lên tiếng biện hộ cho Hội dân chủ Bruy-xen và các chi hội của nó. Chúng tôi mạn phép có vài nhận xét về cách biện hộ đó.

Có lẽ, đảng cấp tiến Bỉ quan tâm tới việc chứng minh cho những tín đồ công giáo thấy là họ đã hành động trái với lợi ích của bản thân họ khi họ đưa ra những lời buộc tội chống lại đảng cấp tiến Bỉ. Có lẽ, đảng cấp tiến Bỉ quan tâm phân biệt tầng lớp trên với tầng lớp dưới và thưởng cho toàn bộ giới tầng lớp những lời tán tụng xã giao vì những sự thật mà đảng này bày tỏ với một bộ phận giới tầng lớp đó. Chúng tôi chẳng hiểu gì chuyện ấy. Chúng tôi chỉ ngạc nhiên là làm sao mà tờ "Débat" lại không nhận thấy rằng những lời công kích của báo chí công giáo ở Phlan-đơ đối với các hội dân chủ liền được đăng lại ngay trên tờ "Indépendance"²³⁹, mà tờ "Indépendance", theo như chúng tôi biết, không phải là tờ báo công giáo.

Tờ "Débat Social" tuyên bố là người Bỉ dựa vào các hội dân chủ để có đạt được những cải cách chính trị.

Chúng tôi cho rằng tờ "Débat" trong giây lát đã lãng quên tính chất quốc tế của Hội dân chủ. Có thể là báo ấy quên điều đó, thậm chí quên nhiều lần nữa kia. Tờ "Débat" chỉ chợt nhớ là một

hội cố gắng góp phần vào những thắng lợi của lực lượng dân chủ ở tất cả các nước, trước tiên phải có tác dụng đối với nước mà nó đang ở.

Tờ "Débat Social" không hài lòng với những lời tuyên bố về điều mà những người Bỉ muốn thực hiện bằng cách dựa vào những hội dân chủ. Tờ báo đi xa hơn nữa, nó nói về những điều mà người Bỉ không mong muốn thực hiện khi dựa vào các hội này, do đó về những điều không nên mong muốn khi tham gia đoàn thể do người Bỉ lập ra để đạt tới những cải cách chính trị. *Avis aux étrangers!*^{1*}

"Những cải cách chính trị mà người Bỉ dự định đạt tới với sự giúp đỡ của các hội dân chủ", — tờ "Débat" nói, — "đó tuyệt nhiên không phải những điều không tưởng làm say mê một số nhà dân chủ ở những nước mà tại đó những chế độ xã hội hiện hành không cho phép hy vọng thực hiện những cải cách có hiệu lực, do vậy tại đó, những ý muốn về hạnh phúc đơn sơ của các dân tộc đã giành được tự do cũng hợp lý y như những ước mơ về những tòa lâu đài trên không. Kề nào không có gì cả mà có thể ước mơ có hàng triệu đồng, cũng như mơ ước có món địa tô hoặc lợi nhuận là một trăm te-le thì cũng đều như nhau cả thôi".

Ở đây dĩ nhiên là báo "Débat" nói tới *những người cộng sản*.

Chúng tôi muốn hỏi tờ báo: có phải "hạnh phúc đơn sơ" của nước Anh "tự do" biểu hiện ở chỗ thuế tể bản ở đó tăng nhanh hơn dân số hay không?

Chúng tôi muốn hỏi tờ báo: có phải tờ báo nói "hạnh phúc đơn sơ của các dân tộc tự do" là ngụ ý cảnh nghèo khổ của dân chúng Phlan-đơ hay không?

Chúng tôi muốn báo đó cho biết cái bí quyết mà nó định dùng

^{1*} — Các bạn nước ngoài hãy chú ý!

để thay tiền công bằng *lợi nhuận* hay *địa tô* một trăm ta-le. Hay như báo đó quan niệm cái "hạnh phúc đơn sơ của các dân tộc tự do" là hạnh phúc đơn sơ của các nhà tư bản và địa chủ tự do!

Sau hết, chúng tôi muốn hỏi tờ báo: có phải Hội dân chủ Bruy-xen ủy quyền cho báo đó vạch trần những lời dối trá của những nhà không tưởng không tin vào "hạnh phúc đơn sơ của các dân tộc tự do" hay không?

Nhưng rõ ràng là báo "Débat Social" bàn luận không phải về những người cộng sản nói chung, mà về *những người cộng sản Đức* là những người – vì sự phát triển chính trị ở tổ quốc họ không cho phép họ thành lập cả Đồng minh Đức, lẫn Hội liên hiệp tự do Đức²⁴⁰, – đã tuyệt vọng lao vào vòng tay của chủ nghĩa cộng sản.

Chúng tôi lưu ý báo "Débat" là chủ nghĩa cộng sản bắt nguồn từ Anh và Pháp, chứ không phải từ Đức.

Chủ nghĩa cộng sản Đức là địch thủ kiên quyết nhất của mọi thứ chủ nghĩa không tưởng và tuyệt nhiên không coi thường sự phát triển lịch sử mà, ngược lại, lại dựa vào nó; bây giờ chúng tôi chứng minh với báo "Débat Social" điều ấy để đáp lại sự chứng minh của nó.

Nước Đức bị lạc hậu trong sự phát triển chính trị của nó, nó sẽ còn phải trải qua một đoạn đường phát triển chính trị dài nữa. Hơn ai hết, chúng tôi ít có ý phủ nhận điều này. Nhưng mặt khác, chúng tôi thiết tưởng một nước có hơn 40 triệu dân, đang chuẩn bị làm cách mạng sẽ không đi tìm thước đo cho phong trào của nó ở chủ nghĩa cấp tiến của các quốc gia nhỏ tự do.

Có lẽ báo "Débat" quan niệm rằng chủ nghĩa cộng sản là đưa đổi lập giai cấp và đấu tranh giai cấp lên hàng đầu chăng? Nếu như vậy thì chủ nghĩa cộng sản không là cộng sản, mà là khoa kinh tế chính trị, là xã hội tư sản.

Rô-bớt Pin, theo như chúng tôi được biết, đã tiên đoán rằng do sự đổi lập giai cấp mà trong xã hội hiện đại phải nổ ra khủng hoảng dữ dội. Thậm chí Ghi-dô, theo như chúng tôi được biết, cũng cho rằng trong "Thông sử về nền văn minh"²⁴¹ của mình ông chỉ phản ánh được những hình thức đấu tranh giai cấp nhất định. Nhưng Pin và Ghi-dô đều là những nhà không tưởng. Còn những người theo chủ nghĩa thực tế là những người coi ngay cả việc nhắc tới những hiện tượng xã hội đã là vi phạm sự khôn ngoan về mặt xử thế đúng mức.

Tờ "Débat Social" có thể tha hồ thán phục Bắc Mỹ và Thụy Sĩ và lý tưởng hóa chúng.

Chúng tôi xin hỏi tờ báo: chế độ chính trị Bắc Mỹ một ngày nào đó có thể đem thực hiện ở châu Âu mà lại không có những cuộc cách mạng xã hội to lớn được không? Chẳng hạn, theo ý chúng tôi - báo "Débat" hãy tha thứ cho chúng tôi về sự mạo muội của chúng tôi, - thì muốn cho bản Hiến chương Anh không phải do một số người mơ mộng cá biệt mơ tưởng đến quyền phổ thông đầu phiếu đưa ra, mà do một chính đảng lớn có tính chất toàn quốc đưa ra thì cần có một quá trình lâu dài để liên hiệp công nhân Anh thành một giai cấp; bây giờ người ta cố gắng đạt được bản hiến chương này với một mục đích khác hẳn, nó phải dẫn đến những kết quả xã hội hoàn toàn khác với những gì mà các bản Hiến pháp của Mỹ và Thụy Sĩ đã hướng tới hoặc đã dẫn đến. Chúng tôi coi những người không tưởng chính là những người đem tách rời các hình thức chính trị với cơ sở xã hội của nó và trình bày chúng dưới hình thức những giáo điều trừu tượng, chung chung.

Tờ "Débat Social" định dùng cách nào để biện hộ cho Hội dân chủ, đồng thời lại gạt bỏ "một số nhà dân chủ" không hài lòng với "hạnh phúc đơn sơ của các dân tộc tự do", điều này báo đó cho thấy ở dưới đây, khi chuyển sang cuộc tranh luận xảy ra trong Hội về vấn đề mặt dịch tự do.

"Sáu phiên họp", — báo "Débat" nói, — "được dành để tranh luận về vấn đề lý thú này, và tại đây nhiều công nhân ở các xưởng khác nhau trong thành phố ta đã đưa ra những lý lẽ mà sẽ không thể bị coi là không đúng chỗ ngay cả ở hội nghị nổi tiếng của các nhà kinh tế học, họp ở Bruy-xen vào tháng Chín năm ngoái".

Trước đây, báo "Débat Social" khẳng định rằng Hội hầu như nhất trí thừa nhận mâu dịch tự do tuyệt đối giữa tất cả các dân tộc là mục tiêu của lực lượng dân chủ.

Sau đó, cũng trên số báo ấy tờ "Débat" cho đăng bài nói đặc biệt nhạt nhẽo của ông Lơ Ấc-đi Đơ Bô-li-ơ, được xào nấu từ những cơm thừa canh cặn của các nhà chủ trương mâu dịch tự do Anh.

Còn để kết luận người ta tán dương tâng bốc Cốp-đen.

Sau khi vấn đề đã được làm sáng tỏ như vậy trên báo "Débat Social", ai mà còn nghi ngờ rằng Hội đã dùng tuyệt đại đa số phiếu tán thành mâu dịch tự do chính là theo ý nghĩa như hội nghị các nhà kinh tế học đã quan niệm nó, chính theo ý nghĩa như các nhà chủ trương mâu dịch tự do tư sản hiện quan niệm nó?

*Do Các Mác viết vào khoảng 10 tháng Hai 1848
Đã đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" số 13, ngày 13 tháng Hai 1848*

*In theo bài đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN BA HIẾN PHÁP MỚI

Đúng là những lời tiên đoán của chúng tôi về thắng lợi sắp tới của giai cấp tư sản^{1*} đang được thực hiện nhanh hơn là chúng tôi có thể chờ đợi. Chưa đầy hai tuần mà ba nước quân chủ chuyên chế — Đan Mạch, Na-pơ và Xéc-đi-ni — đã biến thành các quốc gia lập hiến.

Ở I-ta-li-a phong trào phát triển mau chóng lạ kỳ. Vùng đất Tòa thánh Tô-xca-nơ, Xéc-đi-ni lần lượt đi đầu phong trào này; nước này thúc đẩy nước khác tiến lên, một hành động tiến bộ lần nào cũng làm nảy sinh theo nó hành động tiến bộ mới nào đấy. Liên minh thuế quan I-ta-li-a²⁴² là bước đầu tiên đi tới việc tổ chức giai cấp tư sản I-ta-li-a, một giai cấp kiên quyết đi đầu phong trào dân tộc và cuộc xung đột giữa nó với Áo ngày càng trở nên gay gắt. Giai cấp tư sản đạt được hầu như tất cả những gì có thể đạt tới dưới chế độ quân chủ chuyên chế; đối với nó, chế độ đại nghị ngày càng trở nên một đòi hỏi cấp bách. Nhưng việc giành ngay được chế độ lập hiến chính lại là một khó khăn đối với các nhà tư sản I-ta-li-a. Bọn vua chúa không muốn có những chế độ ấy, các nhà tư sản cũng không thể uy hiếp bọn chúng một cách

^{1*} Xem tập này, tr. 647-660.

quá kịch liệt để khỏi đẩy chúng vào vòng tay của Áo lần nữa. Người I-ta-li-a thuộc Liên minh thuế quan sẽ còn phải chờ đợi lâu hơn nữa nếu như họ đột nhiên không được sự ủng hộ của một phía hoàn toàn bất ngờ là Xi-xin khởi nghĩa. Ở Pa-léc-mơ nhân dân biểu hiện tinh thần dũng cảm chưa từng thấy, đã đuổi quân đội hoàng gia ra khỏi thành phố¹⁾. A-brút-xơ, A-pu-li và Ca-la-bri mưu toan phát động một cuộc khởi nghĩa mới, ngay ở Na-plơ cũng tiến hành chuẩn bị đấu tranh và con chó khát máu Phéc-đi-năng bị dồn ép bốn phía, mất hết hy vọng vào quân đội Áo, là kẻ đầu tiên trong số tất cả các vua chúa I-ta-li-a buộc phải chấp thuận bản hiến pháp và quyền tự do báo chí hoàn toàn. Tin này đến với Giê-nơ và Tu-rin; cả hai thành phố đòi Xác-đi-ni không được thua kém Na-plơ. Sác-lơ – An-be, bị lôi cuốn quá sâu vào phong trào nên không giữ được lời hứa, ngoài ra, lại cần có tiền để dùng vào việc chuẩn bị chiến tranh chống Áo, đành phải nhượng bộ trước những yêu cầu quyết liệt của dân chúng Tu-rin và Giê-nơ và cũng chấp thuận hiến pháp. Không còn nghi ngờ gì nữa, Tô-xca-nơ sẽ tiếp bước theo ông ta và ngay bản thân Pi IX sẽ phải có những nhượng bộ mới.

Trên đường phố Pa-léc-mơ, giai cấp tư sản I-ta-li-a giành được thắng lợi quyết định của nó. Giờ đây nó đã chiến thắng, và sau đó phải làm một việc là triệt để lợi dụng thắng lợi và đảm bảo những thành quả thắng lợi, không để cho Áo xâm phạm.

Thắng lợi này của giai cấp tư sản I-ta-li-a là một thất bại mới đối với Áo. Chắc hẳn, lão già Mét-téc-ních, sẽ giận điên người lên như thế nào – lão ta, là người đã thấy trước từ lâu cuộc cách mạng Na-plơ, người từng nhiều lần khẩn khoản yêu cầu giáo hoàng

¹⁾ Pa-léc-mơ với 200 000 dân đã đánh thắng 13 000 quân địch, Pa-ri với một triệu dân trong thời kỳ Cách mạng tháng Bảy đã đánh thắng 7-8000 quân địch.

và Tô-xca-nơ cho phép quân đội của lão đi qua nhưng vẫn cứ phải buộc lòng ghìm quân Pan-đua và quân Crô-át của lão ta đóng lại trên bờ sông Pô! Những người đưa tin nối tiếp nhau từ Na-plơ đến chỗ ông ta. Phéc-đi-năng, Cô-cle và Đên Ca-rét-tô cầu cứu mà Mét-téc-ních, người đã cai trị I-ta-li-a như một đấng chúa tể vạn năng vào những năm 1823 và 1831, giờ đây lại không thể làm được gì. Ông ta đành phải lặng lẽ chứng kiến người đồng minh cuối cùng và trung thành nhất của ông ta ở I-ta-li-a bị đánh tan và bị làm nhục như thế nào, cách mạng đã dùng cả Na-plơ làm nghiêng cán cân chiến đấu chống lại Áo như thế nào. Thế mà ông ta có mười lăm vạn quân đóng trên sông Pô! Song, nước Anh đã cảnh giác đề phòng: quân Áo vượt sông Pô sẽ là tín hiệu chiếm đóng Vơ-ni-dơ và pháo kích Tơ-ri-e-xtơ, – và thế là bọn đao phủ Mét-téc-ních phải cầm lạng tại chỗ và tay cầm vũ khí mà nhìn xem Na-plơ tuột khỏi tay chúng như thế nào.

Trong thời gian diễn ra tất cả những sự kiện I-ta-li-a ấy, Anh có thái độ xử sự hoàn toàn đúng đắn. Trong khi các cường quốc lớn khác – cả Pháp, lẫn Nga – làm tất cả mọi việc để ủng hộ Mét-téc-ních, thì chỉ có mình Anh là đứng về phía phong trào I-ta-li-a. Giai cấp tư sản Anh hết sức quan tâm đến việc phá bỏ hiệp định thuế quan bảo hộ Áo – I-ta-li-a và, ngược lại, thúc đẩy việc thành lập ở I-ta-li-a một liên minh thuế quan chống Áo dựa trên mật dịch tự do. Vì thế mà nó ủng hộ giai cấp tư sản I-ta-li-a là giai cấp mà bản thân nó hiện vẫn đang cần có mật dịch tự do cho sự phát triển của mình và, như vậy, là người bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp tư sản Anh.

Trong khi ấy Áo tiến hành vũ trang. Công cuộc vũ trang này làm cho nền tài chính của nó hoàn toàn rối loạn. Áo không có tiền, nó yêu cầu Rôt-sin cho vay; Rôt-sin tuyên bố rằng ông ta không muốn chiến tranh và vì vậy sẽ không bỏ tiền ra ủng hộ chiến tranh. Mà có chủ ngân hàng nào lại đi cho nước quân chủ

Áo thối nát vay tiền để tiến hành một cuộc chiến tranh mà một nước như nước Anh có thể can thiệp vào? Như vậy, Mét-téc-ních không thể trông mong gì ở giai cấp tư sản nữa. Ông ta quay sang yêu cầu hoàng đế Nga, người mà mấy năm trước đây cũng đã trở thành một nhà tư bản lớn nhờ những mỏ ở miền U-ran và An-tai cũng như việc buôn bán ngũ cốc, yêu cầu ông vua phản động này, người đã có lần cứu Phri-đrich – Vin-hem IV thoát cơn hoạn nạn bằng cách cấp cho ông này 15 triệu rúp bạc và là người xem ra hoàn toàn có thể biến thành Rốt-sin của tất cả các nước quân chủ chuyên chế đang độ suy tàn. Nghe nói Nga hoàng Ni-cô-lai đã đồng ý cấp 75 triệu, đương nhiên, với lãi suất của Nga và có đảm bảo chắc chắn. Càng hay. Nếu như ngoài chi phí của bản thân Nga hoàng còn phải trang trải những khoản chi của các nước quân chủ Phổ và Áo, nếu như tiền của ông ta sẽ đem tiêu phí vào những việc vũ trang vô hiệu quả để chống lại I-ta-li-a thì tiền của của Nga hoàng chẳng bao lâu nữa sẽ hết nhẵn.

Áo có dám gây chiến hay không? Chúng tôi thiết tưởng chưa chắc. Tình hình tài chính của Áo rối loạn, Hung-ga-ri chìm ngập trong tình trạng náo động, Bô-hêm không đáng tin cậy. Ngay trên chiến trường, ở Lô-m-bác-đi, quân du kích xuất hiện ở khắp mọi nơi như từ dưới đất chui lên. Nhưng Mét-téc-ních sợ nước Anh hơn cả. Hiện giờ huân tước Pan-mớc-xơ là nhân vật có thể lực nhất châu Âu. Bước ngoặt của tình hình phụ thuộc vào lập trường của ông ta, mà lập trường của ông ta lần này biểu hiện khá rõ.

Tại một đầu khác của châu Âu, ở Đan – Mạch, nhà vua^{1*} đang hấp hối. Con trai^{2*} của nhà vua, một kẻ nát rượu – vui tính thô bạo, liền triệu tập ngay hội nghị các thân hào, một uỷ ban

^{1*} – Cri-xti-an VIII

^{2*} – Phrê-đê-rích VII

đại biểu các đẳng cấp, để thảo luận vấn đề hiến pháp thống nhất cho các công quốc^{1*} và Đan Mạch. Mà để cho người Đức bị nhục nhã ở khắp nơi, thì các công quốc phải tuyên bố rằng họ không muốn bản hiến pháp ấy, bởi vì do hiến pháp đó mà họ sẽ bị tách khỏi tổ quốc toàn Đức của họ!²⁴³.

Điều này thực nực cười. Dân số ở các công quốc ít hơn nhiều so với ở Đan Mạch, vậy mà họ vẫn được chia số ghế đại biểu như nhau. Trong hội nghị, trong các biên bản, quả thực ở mọi nơi ngôn ngữ của họ phải được dùng bình đẳng như nhau. Tóm lại, người Đan Mạch dành cho người Đức mọi thứ nhượng bộ có thể có được, còn người Đức thì bám lấy tính tự phụ dân tộc tầm thường của họ. Người Đức không bao giờ giữ lập trường dân tộc ở những nơi mà lợi ích dân tộc trùng hợp với lợi ích tiến bộ; họ bao giờ cũng giữ lập trường dân tộc khi cái dân tộc đi ngược lại cái tiến bộ. Ở những nơi cần là người dân tộc chủ nghĩa thì họ lại đóng vai người theo chủ nghĩa thế giới; còn ở những nơi không nhất thiết phải trực tiếp đứng trên lập trường dân tộc thì họ lại trở thành những kẻ giữ lập trường dân tộc đến mức tầm thường. Trong tất cả mọi trường hợp, họ đều tỏ ra thật nực cười.

Phải chọn một trong hai: hoặc cư dân các công quốc là những người thạo việc và trong sự phát triển của mình họ tiến vượt người Đan Mạch thì khi ấy trong viện đẳng cấp họ sẽ chiếm được ưu thế so với người Đan Mạch và họ chẳng có gì phải phàn nàn. Hoặc, họ là những người Đức dần dộn và về mặt phát triển công nghiệp và chính trị họ kém người Đan Mạch, và khi ấy người Đan Mạch phải làm tàu kéo dắt họ đi từ lâu rồi. Thực ra, thật phi lý biết chừng nào khi những người Slê-dơ-vích – Hôn-xtai-nơ lực

^{1*} – Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ

lượng đi cầu cứu bốn mươi triệu người Đức để chống lại người Đan Mạch và từ chối không chịu ra bãi chiến trường, tại đó họ sẽ được đặt vào những điều kiện chiến đấu hoàn toàn giống với địch thủ của họ; thật phi lý biết chừng nào khi họ đi cầu cứu cảnh sát Liên bang Đức chống lại bản hiến pháp.

Đối với Phổ, hiến pháp Đan Mạch là một đòn y như hiến pháp Na-pơlơ đối với Áo, mặc dù bản thân hiến pháp Đan Mạch chỉ là tiếng vang của cuộc thí nghiệm không thành của hiến pháp Phổ ngày 3 tháng Hai mà thôi. Bên cạnh muôn vàn khó khăn của Chính phủ Phổ còn có thêm một khó khăn nữa: ở liền với một quốc gia lập hiến mới; thì đồng thời nó lại bị mất đi một chư hầu và một bạn đồng minh trung thành.

Như vậy, trong khi I-ta-li-a và Đan Mạch đã gia nhập hàng ngũ những quốc gia lập hiến thì Đức vẫn ở lại phía sau. Tất cả các dân tộc đều tiến lên; lần nào cũng vậy, giữa những biến cố diễn ra ở châu Âu, các dân tộc nhỏ nhất và yếu nhất đều nắm được cơ hội thuận tiện để lần lượt thiết lập ở nước mình những chế độ hiện đại, bất chấp ý muốn của những nước láng giềng phản động lớn mạnh. Chỉ có bốn mươi triệu người Đức là không hề nhúc nhích khỏi chỗ. Thực ra, họ không còn ngủ nữa, nhưng vẫn cứ tán phét và đi vào những mảnh khước chính trị rỗng tuếch, chứ không phải bắt tay vào việc cụ thể.

Nhưng nếu như các Chính phủ Đức mà đặt những hy vọng lớn vào sự sợ hãi đó của giai cấp tư sản trước hành động, thì họ lầm to. Người Đức sẽ là những người cuối cùng bước lên, bởi vì cách mạng của họ sẽ hoàn toàn khác cuộc cách mạng Xi-xin. Các nhà tư sản và tiểu thị dân Đức biết rất rõ là đằng sau lưng họ có giai cấp vô sản ngày càng lớn mạnh; giai cấp này ngày ngày hôm sau cách mạng, sẽ đưa ra những yêu cầu hoàn toàn không phải những yêu cầu mà bản thân các nhà tư sản và tiểu thị dân mong muốn.

Bởi thế mà những người tư sản và tiểu thị dân Đức tỏ ra hèn nhát, không kiên quyết và dao động; họ sợ xung đột không kém gì sợ các chính phủ.

Cách mạng Đức có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều so với cuộc cách mạng Na-pơlơ. Ở Na-pơlơ đương đầu với nhau chỉ là Áo và Anh; trong cuộc cách mạng Đức toàn bộ phương Tây sẽ đương đầu với toàn bộ phương Đông. Bản thân cách mạng Na-pơlơ sẽ đạt được mục đích của nó ngay khi giành được chế độ tư sản cấp tiến; đạt tới điểm này, cách mạng Đức thực ra mới chỉ bắt đầu.

Bởi thế lúc đầu người Đức cần phải hoàn toàn tự bôi nhọ mình trước tất cả các dân tộc khác, họ phải trở thành trò cười cho toàn thể châu Âu ở mức độ còn lớn hơn hiện nay, cần phải *buộc* họ làm cách mạng. Và khi ấy họ sẽ thật sự vùng lên – không phải những kẻ tiểu thị dân Đức hèn nhát, mà là công nhân Đức; họ sẽ vùng lên để kết liễu toàn bộ sự thống trị bản thiêu và rệu rã của nước Đức quan phương và sẽ dùng cuộc cách mạng cấp tiến để khôi phục lại danh dự nước Đức.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào giữa tháng Hai 1848

Đã đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler – Zeitung" số 15, ngày 20 tháng Hai 1848

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN VỀ VẤN ĐỀ BA LAN²⁴⁴

Những bài diễn văn trong cuộc họp long trọng ở
Bruy-xen kỷ niệm lần thứ hai cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp
năm 1846, ngày 22 tháng Hai 1848

DIỄN VĂN CỦA MÁC

Thưa quý vị!

Trong lịch sử thường xảy ra những điều giống nhau kỳ lạ. Người theo phái Gia-cô-banh năm 1793 đã trở thành người cộng sản trong thời đại chúng ta. Vào năm 1793, khi mà Nga, Áo, Phổ chia nhau lãnh thổ Ba Lan, thì ba cường quốc này đã viện cớ Ba Lan có bản hiến pháp năm 1791 là một bản hiến pháp bị nhất trí lên án về những nguyên tắc tuồng như có tính chất Gia-cô-banh của nó.

Vậy thì bản hiến pháp Ba Lan năm 1791 ấy đã tuyên bố những gì? Vèn vèn chỉ là nền quân chủ lập hiến mà thôi: trao những chức năng lập pháp cho các đại biểu nhân dân, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, chế độ xét xử công khai, xóa bỏ chế độ nông nô v.v.. Và lúc bấy giờ tất cả những cái đó được gọi là chủ nghĩa Gia-cô-banh

thuần túy nhất! Và như vậy, thưa quý vị, quý vị thấy đấy, lịch sử đã tiến lên phía trước. Chủ nghĩa Gia-cô-banh của thời đó, ngày nay đã biến thành – nếu nói về chủ nghĩa tự do – một cái gì hết sức ôn hòa.

Ba cường quốc đã đi nhíp bước với thời đại. Năm 1846, khi sáp nhập xứ Cra-cốp vào nước Áo, ba nước ấy đã làm cho người Ba Lan mất nốt những tàn dư cuối cùng của nền độc lập dân tộc của họ, ba nước ấy đã gọi là chủ nghĩa cộng sản tất cả những gì mà trước đây đã có thời chúng gọi là chủ nghĩa Gia-cô-banh.

Chủ nghĩa cộng sản của cuộc cách mạng Cra-cốp là ở chỗ nào? Phải chăng cuộc cách mạng đã là cuộc cách mạng cộng sản vì nó theo đuổi mục đích là phục hưng dân tộc Ba Lan? Với cùng cơ sở lý luận như vậy thì có lẽ có thể nói rằng chiến tranh của khối liên minh châu Âu chống lại Na-pô-lê-ông để cứu vãn các dân tộc là chiến tranh cộng sản chủ nghĩa, rằng Đại hội Viên bao gồm những người cộng sản được phong vương. Hoặc, có lẽ cuộc cách mạng Cra-cốp là cộng sản bởi vì nó cố gắng thiết lập một chính quyền dân chủ? Nhưng không một ai lại đi gán cho những công nhân triệu phú của Béc-nơ và Niu Oóc những mưu đồ cộng sản.

Chủ nghĩa cộng sản phủ nhận tính tất yếu của sự tồn tại giai cấp; nó chủ trương tiêu diệt mọi giai cấp, mọi sự khác biệt về giai cấp. Còn những người cách mạng Cra-cốp chỉ muốn xóa bỏ những sự khác biệt về chính trị giữa các giai cấp mà thôi; họ muốn trao cho các giai cấp khác nhau những quyền bình đẳng.

Vậy rốt cuộc, cách mạng Cra-cốp là cộng sản ở chỗ nào?

Có lẽ phải chăng là ở chỗ nó muốn đập tan những xiềng xích phong kiến, giải phóng chế độ sở hữu mang nặng những lao dịch phong kiến, và biến nó thành chế độ sở hữu tự do, chế độ sở hữu hiện đại?

Giả sử người ta nói với những người sở hữu Pháp rằng: "Các

ông có biết những người dân chủ Ba Lan muốn gì không? Những người dân chủ Ba Lan muốn đưa vào nước họ hình thức sở hữu đã tồn tại ở nước các ông", thì những người sở hữu Pháp sẽ trả lời: "Họ đang hành động rất tốt". Nhưng hãy thử cùng với ngài Ghi-dô đi nói với những người sở hữu Pháp: "Những người Ba Lan muốn hủy bỏ chế độ sở hữu mà các ông đã thiết lập được bằng cuộc cách mạng năm 1789 và vẫn còn đang tồn tại ở nước các ông cho đến ngày nay"; thì họ sẽ thét lên: "Thế nào, nghĩa là họ là bọn cách mạng, bọn cộng sản! Cần phải đè bẹp bọn vô lại ấy đi!" Ở Thụy Điển, sự xóa bỏ các phường hội, các nghiệp đoàn, việc thực hiện tự do cạnh tranh ngày nay được gọi là *chủ nghĩa cộng sản*. Tờ "Journal des Débats" còn đi xa hơn nữa: việc tước bỏ của hai trăm nghìn cử tri cái lợi nhuận mà quyền bán phiếu bầu của họ đã tạo ra cho họ, điều đó có nghĩa là tiêu diệt nguồn thu nhập, phá hoại tài sản kiếm được một cách chính đáng, điều đó có nghĩa là làm cộng sản. Không nghi ngờ gì nữa, cuộc cách mạng Cra-cốp cũng muốn hủy bỏ một trong những hình thức của chế độ sở hữu. Nhưng hình thức nào? Đó chính là hình thức không thể tiêu diệt được ở phần còn lại của châu Âu, cũng như không thể tiêu diệt được Đồng minh đặc biệt ở Thụy Sĩ, bởi vì cả cái này lẫn cái kia đều không còn tồn tại nữa.

Không một ai lại đi phủ nhận một sự thật là ở Ba Lan vấn đề chính trị gắn liền với vấn đề xã hội. Hai vấn đề này luôn luôn không tách rời nhau.

Nhưng, tốt nhất là các vị hãy hỏi bọn phản động! Phải chăng là vào thời kỳ Phục tích, họ chiến đấu chống chủ nghĩa tự do chính trị và chống học thuyết Vôn-te là gánh hành lý bắt buộc phải có của chủ nghĩa đó?

Một nhà văn phản động khá nổi tiếng đã công khai thừa nhận rằng cái thuyết siêu hình cao quý nhất – của một Đờ Me-xtơ-rơ

hoặc một Bô-nan nào đó rút cục cũng được qui vào vấn đề tiền bạc mà vấn đề tiền bạc nào lại không trực tiếp là vấn đề xã hội? Những nhà hoạt động của thời kỳ Phục tích đã không giấu giếm rằng để trở lại với chính trị của thời xưa tốt đẹp, cần phải phục hồi chế độ sở hữu cũ tốt đẹp chế độ sở hữu phong kiến, chế độ sở hữu đạo đức. Mọi người đều biết rằng lòng trung quân không thể có được nếu không có thuế thập phân và lao dịch.

Chúng ta hãy quay về với thời kỳ xưa hơn nữa. Năm 1789, vấn đề chính trị về nhân quyền bao hàm vấn đề xã hội về cạnh tranh tự do.

Và điều gì đã xảy ra ở nước Anh? Trong tất cả mọi vấn đề bắt đầu từ dự luật về cải cách và kết thúc bằng việc hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc, phải chăng các đảng phái chính trị đã đấu tranh cho một cái gì khác hơn là cho sự thay đổi trong những quan hệ về tài sản. Phải chăng họ đã không đấu tranh vì những vấn đề sở hữu, những vấn đề xã hội?

Mà ngay ở đây, ở chính nước Bỉ này, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa tự do và công giáo lại không phải là cuộc đấu tranh giữa tư bản công nghiệp và chế độ sở hữu ruộng đất lớn hay sao?

Và những vấn đề chính trị được bàn cãi suốt mười bảy năm ròng, về thực chất lại chẳng phải là những vấn đề xã hội hay sao?

Vì vậy, bất kể quý vị giữ quan điểm nào – tự do, cấp tiến hoặc thậm chí quý tộc đi nữa làm sao quý vị lại còn có thể chê trách cuộc cách mạng ở Cra-cốp về việc nó đã gắn liền vấn đề chính trị với vấn đề xã hội?

Những người đứng đầu phong trào cách mạng Cra-cốp đã tin tưởng sâu sắc rằng chỉ có một nước Ba Lan dân chủ mới có thể là một nước độc lập và rằng nền dân chủ Ba Lan không thể có được nếu không tiêu diệt những quyền lợi phong kiến, nếu không

có phong trào ruộng đất sẽ biến những nông nô thành những người sở hữu tự do, những người sở hữu hiện đại. Nếu đặt bọn quý tộc Ba Lan vào địa vị của tên vua chuyên chế Nga thì quý vị cũng lại trao quyền công dân cho chế độ chuyên chế mà thôi. Cũng hết như vậy, những người Đức trong cuộc chiến tranh của mình chống những người nước ngoài đã đánh đổi một Na-pô-lê-ông lấy ba mươi sáu Mét-téc-ních.

Cho dù trên vai một địa chủ Ba Lan sẽ không còn có địa chủ Nga đè nặng nữa, – trên cổ người nông dân Ba Lan vẫn có một địa chủ cuờn như trước, thì quả thực đây là một địa chủ tự do chứ không phải là một địa chủ đã bị nô dịch. Sự chuyển biến về chính trị như vậy sẽ không thay đổi được tí gì địa vị xã hội của người nông dân Ba Lan.

Cuộc cách mạng Cra-cốp đã nêu một tấm gương chói lọi cho toàn thể châu Âu vì nó đã coi sự nghiệp dân tộc và sự nghiệp dân chủ cũng như công cuộc giải phóng giai cấp áp bức là một.

Mặc dầu cuộc cách mạng ấy tạm thời bị áp bức bởi những bàn tay vấy máu của bọn giết người thuê, vậy mà ngày nay nó vẫn đang được phục hồi một cách vinh quang và thắng lợi ở Thụy Sĩ và I-ta-li-a. Những nguyên tắc của nó đã được xác nhận ở Ai-rơ-len, nơi đây đảng dân tộc hẹp hòi đã chết đi cùng với Ô' Cô-nen, nơi đây đảng dân tộc mới, trước hết là một đảng cải cách và dân chủ²⁴⁵.

Nước Ba Lan lại một lần nữa biểu hiện tinh thần chủ động, nhưng đây đã không còn là một nước Ba Lan phong kiến nữa mà là một nước Ba Lan dân chủ, và từ lúc đó sự nghiệp giải phóng của nó sẽ trở thành sự nghiệp quang vinh đối với tất cả những người dân chủ châu Âu.

DIỄN VĂN CỦA ĂNG-GHEN

Thưa quý vị!

Cuộc khởi nghĩa mà hôm nay chúng ta làm lễ kỷ niệm, đã không thành công. Sau mấy ngày chống trả anh dũng, Cra-cốp đã bị chiếm, và cái bóng ma đầy máu của nước Ba Lan xuất hiện trong chốc lát trước mắt bọn đao phủ giết nó, lại đã xuống mồ.

Cuộc cách mạng Cra-cốp đã bị kết thúc thất bại – một sự thất bại thật đau xót. Chúng ta hãy tỏ lòng tôn kính cao cả đối với những anh hùng đã ngã xuống, hãy thương tiếc về sự không thành công của họ, hãy bày tỏ sự đồng tình của chúng ta đối với hai mươi triệu người Ba Lan đang bị gông xiềng xiết chặt hơn do cuộc thất bại này.

Nhưng, thưa quý vị, phải chăng đó là tất cả những việc chúng ta phải làm? Phải chăng nhỏ lệ trên nắm mồ của một đất nước bất hạnh và thề nguyện giữ mối căm thù không nguôi nhưng cho đến ngày nay vẫn là bất lực đối với bọn áp bức đất nước đó, đã là đủ rồi?

Không, thưa quý vị! Lễ kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Cra-cốp không chỉ là một ngày lễ tang; đối với chúng ta, những người dân chủ, đó là một ngày hội, bởi vì thắng lợi vẫn nằm ngay trong thất bại, và chúng ta đã thu được một cách vững chắc những thành quả của thắng lợi đó, còn các hậu quả của thất bại chỉ mang tính chất tạm thời.

Và thắng lợi ấy là thắng lợi của nước Ba Lan dân chủ trẻ tuổi đối với nước Ba Lan quý tộc già cỗi.

Quả thực, trước cuộc đấu tranh vừa rồi của nước Ba Lan

chống lại bọn nô dịch nước ngoài đã có cuộc đấu tranh kín đáo, bí mật nhưng kiên quyết ngay trong lòng nước Ba Lan, cuộc đấu tranh của những người Ba Lan bị áp bức chống lại bọn Ba Lan đi áp bức, cuộc đấu tranh của lực lượng dân chủ Ba Lan chống lại tầng lớp quý tộc Ba Lan.

Hãy so sánh năm 1830 với năm 1846, hãy so sánh Vác-sa-va với Cra-cốp. Giai cấp thống trị ở Ba Lan đã tỏ ra có tinh thần hy sinh, đầy nhiệt huyết và có lòng dũng cảm trên chiến trường bao nhiêu thì năm 1830 lại tỏ ra ích kỷ, hẹp hòi và nhất gan tại hội nghị lập pháp bấy nhiêu.

Năm 1830 tầng lớp quý tộc Ba Lan muốn gì? Muốn bảo vệ những quyền lợi chúng đã giành được khỏi bị hoàng đế xâm phạm. Nó hạn chế cuộc khởi nghĩa trong một lãnh thổ nhỏ hẹp mà Đại hội Viên ưa gọi là Vương quốc Ba Lan; nó kìm hãm sự bùng nổ ở những địa phương khác của Ba Lan, nó giữ nguyên vẹn tình trạng lệ thuộc có tính chất nông nô của người nông dân, một sự lệ thuộc đã biến con người thành gia súc, nó duy trì địa vị thấp kém của người Do Thái. Nếu như trong tiến trình khởi nghĩa tầng lớp quý tộc buộc phải nhượng bộ nhân dân, thì nó chỉ làm việc đó khi đã quá muộn, khi mà cuộc khởi nghĩa đã không tránh khỏi thất bại.

Chúng ta hãy nói thẳng: cuộc khởi nghĩa năm 1830 chẳng phải là một cuộc cách mạng dân tộc (nó đã cho đặt ba phần tư nước Ba Lan ở ngoài cuộc), cũng chẳng phải là cuộc cách mạng xã hội hoặc chính trị; nó không thay đổi được tí gì trong tình hình nội bộ của nhân dân; đó là một cuộc cách mạng bảo thủ.

Nhưng ngay trong lòng cuộc cách mạng bảo thủ ấy, ngay trong chính phủ quốc gia ấy đã có người từng phê phán gay gắt, sự thiên cận trong các quan điểm của giai cấp thống trị.

Người đó đã đề nghị những biện pháp thực sự cách mạng mà tính chất táo bạo của chúng đã làm cho bọn quý tộc trong nghị viện phải hoảng sợ. Người đó đã tìm kiếm con đường biến cuộc đấu tranh dân tộc thành cuộc đấu tranh vì tự do trong việc kêu gọi toàn bộ nước Ba Lan cũ hãy cầm lấy vũ khí, trong việc biến cuộc chiến tranh giành độc lập của Ba Lan thành cuộc chiến tranh châu Âu, trong việc trao quyền công dân cho người Do Thái và nông dân trong việc chia ruộng đất cho nông dân, trong việc xây dựng lại toàn bộ nước Ba Lan trên cơ sở dân chủ và bình đẳng; người đó cố gắng đồng nhất những lợi ích của tất cả các dân tộc với những lợi ích của nhân dân Ba Lan. Phải chăng cần gọi đích danh con người đã có thiên tài sáng tạo nên cái kế hoạch rộng lớn đến thế nhưng đồng thời lại giản đơn đến thế? Đó là Lê-lê-ven.

Năm 1830, phái đa số quý tộc mù quáng vì những lợi ích tham lam của chúng đã luôn luôn bác bỏ những đề nghị ấy. Nhưng chính những tư tưởng ấy, được chín muồi và được phát triển hơn nữa trong thời gian thử thách của thời kỳ mười lăm năm nô lệ, chính những tư tưởng ấy chúng ta đã thấy viết trên lá cờ của cuộc khởi nghĩa Cra-cốp. Ở Cra-cốp và điều này rõ ràng đập vào mắt mọi người – đã không còn tìm thấy những con người có thể mất mát nhiều; ở đó đã hoàn toàn không có bọn quý tộc; mỗi biện pháp được thực hiện đều nổi bật về dũng khí dân chủ, và hầu như tôi có thể nói là giống như tính dũng cảm của giai cấp vô sản, là giai cấp không có gì để mất cả, ngoài sự bần cùng của họ, còn được thì được trọn cả tổ quốc, cả thế giới. Ở đó không có chỗ cho sự dao động và cho sự hoài nghi: họ đã tấn công cùng một lúc vào ba cường quốc tuyên bố tự do cho nông dân, cải cách ruộng đất, quyền bình đẳng công dân cho người Do Thái, mà không lúng túng

chút nào trước việc là điều đó có thể đụng chạm đến quyền lợi này khác của bọn quý tộc.

Cuộc cách mạng Cra-côp không có khuynh hướng khôi phục nước Ba Lan cũ, không giữ lại những thiết chế của Ba Lan cổ xưa mà các chính phủ nước ngoài còn để lại nguyên vẹn; cuộc cách mạng này không mang tính chất phản động, cũng như bảo thủ.

Không, cuộc cách mạng này có thái độ thù địch với bản thân nước Ba Lan, nước Ba Lan – một đất nước già cỗi, dã man, phong kiến, quý tộc dựa trên sự nô dịch hóa đại đa số nhân dân, hơn là đối với bọn nước ngoài áp bức Ba Lan. Tuy nhiên không muốn phục hồi cái nước Ba Lan già cỗi ấy, cuộc cách mạng này trái lại muốn tiêu diệt nó đến tận gốc và dựa vào một giai cấp hoàn toàn mới, dựa vào đại đa số nhân dân mà xây dựng trên đồng tro tàn đổ nát của nó một nước Ba Lan mới, hiện đại, văn minh, dân chủ, xứng đáng với thế kỷ XIX, – một nước Ba Lan, thực sự là người chiến sĩ tiên tiến của nền văn minh.

Sự khác nhau giữa năm 1830 và năm 1846, một bước tiến vĩ đại thực hiện được trong nước Ba Lan bất hạnh, đầm máu, đau thương nhất, tình hình giai cấp quý tộc Ba Lan hoàn toàn tách khỏi nhân dân Ba Lan và ngã vào vòng tay bọn áp bức tổ quốc mình, sự chuyển hẳn của nhân dân Ba Lan sang phía lực lượng dân chủ, và cuối cùng sự xuất hiện ở Ba Lan cũng như, ở nước chúng ta đây cuộc đấu tranh giai cấp, xuất hiện cái động lực của mọi tiến bộ xã hội, – chính đó là thắng lợi của lực lượng dân chủ mà cuộc cách mạng Cra-côp đã ghi lại, đó chính là cái kết quả sẽ còn ra hoa kết trái khi mà sự thất bại của những người khởi nghĩa sẽ được rửa thù.

Thực vậy, thưa quý vị, nhờ cuộc khởi nghĩa Cra-côp mà sự nghiệp của nước Ba Lan từ chỗ là sự nghiệp dân tộc như từng có trước kia, nay đã trở thành sự nghiệp của nhân dân tất cả các

nước; từ chỗ là đối tượng của sự đồng tình như trước kia, nó đã trở thành sự nghiệp mà tất cả những người dân chủ đều quan tâm. Trước năm 1846, chúng ta phải trả thù về tội ác, còn ngày nay chúng ta phải ủng hộ những người bạn đồng minh và chúng ta đang làm điều đó.

Và trước hết, nước Đức chúng ta phải vui mừng trước ngọn lửa nhiệt tình dân chủ ấy ở Ba Lan. Chính chúng ta có nhiệm vụ phải hoàn thành cách mạng dân chủ, trong thời gian sắp tới; cuộc đấu tranh chống những bè lũ dã man Áo và Nga đang chờ đợi chúng ta. Trước năm 1846, chúng ta còn có thể hoài nghi Ba Lan sẽ đứng về phía nào trong trường hợp có cách mạng dân chủ nổ ra ở Đức. Cuộc cách mạng Cra-côp đã phá tan mọi sự hoài nghi. Từ nay nhân dân Đức và Ba Lan được gắn bó với nhau bằng những mối quan hệ không gì phá vỡ nổi. Chúng ta có cùng kẻ thù, cùng chịu một bọn áp bức, bởi vì Chính phủ Nga áp bức chúng ta không khác gì áp bức những người Ba Lan. Điều kiện đầu tiên để giải phóng cả nước Đức, lẫn Ba Lan là phải thay đổi tận gốc tình hình chính trị hiện nay của nước Đức, lật đổ nước Phổ và nước Áo, đẩy lùi nước Nga sang bên kia sông Đni-e-xtơ-rơ và sông Đvi-na.

Và như vậy, sự liên minh của hai dân tộc chúng ta không phải là một ước mơ đẹp đẽ, một ảo tưởng đầy quyến rũ; không, thưa quý vị, sự liên minh ấy là một tất yếu không tránh khỏi, bắt nguồn từ những lợi ích chung của cả hai dân tộc, và nó đã trở thành tất yếu nhờ có cuộc cách mạng Cra-côp. Nhân dân Đức trong sự nghiệp của mình cho đến ngày nay hầu như chỉ mới biểu hiện trên lời nói, phải đi vào hành động vì lợi ích của những người anh em Ba Lan của mình; và giống như chúng ta, những người dân chủ Đức có mặt tại đây, giơ tay ra cho những

người dân chủ Ba Lan, toàn bộ nhân dân Đức sẽ chúc mừng sự liên minh của mình với nhân dân Ba Lan trên chiến trường của trận đánh đầu tiên, ở đó với sự hợp lực họ sẽ chiến thắng bọn áp bức chung của họ.

*Đã đăng vào tháng Ba 1848 trong văn tập
"Célébration, à Bruxelles, du deuxième
anniversaire de la Révolution Polonaise, du
22 Février 1846"
Bruxelles, 1848*

*In theo bản đăng trong văn
tập
Nguyên văn là tiếng Pháp*

PH.ĂNG-GHEN

VÀI LỜI NÓI VỚI BÁO "RIFORMA"²⁴⁶

Báo "Riforma" ở Lúc-ca đã trả lời một trong những bài báo đề tiệi thông thường mà tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc vẫn thường đăng theo chỉ thị của văn phòng triều đình Viên.

Tờ báo nhơ nhục bên bờ sông Lê-khơ²⁴⁷ không những chỉ tăng bốc lên tận mây xanh lòng trung thành của 518 000 lính Áo đối với Phéc-đi-năng ngớ ngẩn của chúng, mà còn khẳng định rằng tất cả những người lính ấy – người Bô-hêm, người Ba Lan, người Crô-a-xi, người Hây-đúc, người Va-la-ki, người Hung-ga-ri, người I-ta-li-a, v.v. – đang ước mơ về sự thống nhất của nước Đức và sẵn lòng hiến dâng cuộc đời mình cho sự thống nhất ấy, *nếu đó cũng là ý muốn của hoàng đế!*

Dường như điều bất hạnh không phải là ở chỗ khi nước Áo còn tồn tại thì nước Đức phải mạo hiểm phó thác việc bảo vệ sự thống nhất của mình cho người Hây-đúc, người Crô-a-xi và người Va-la-ki, dường như là khi nước Áo còn sống thì sự thống nhất của nước Đức có thể là một cái gì khác ngoài sự thống nhất với người Crô-a-xi, người Va-la-ki, người Ma-gi-a và người I-ta-li-a!

Tờ "Riforma" đã trả lời rất hay cho báo "Hoàn toàn đề tiệi"^{1*}

^{1*} Chơi chữ: "Allgemeine Zeitung" là "Báo phổ thông", còn "All Gemeine" nghĩa là "Hoàn toàn đề tiệi".

về lời quả quyết dối trá của nó là dường như nước Áo đang bảo vệ những lợi ích của dân tộc Đức ở Lô-m-bác-đi, và trong phần kết luận báo "Riforma" đã kêu gọi người Đức bằng cách so sánh phong trào ở I-ta-li-a năm 1843 và những cuộc chiến tranh giải phóng của nước Đức trong những năm 1813 và 1815.

Rõ ràng là tờ "Riforma" bằng việc đó định lấy lòng người Đức; nếu không thì chắc hẳn nó đã không đem so sánh – trái với niềm tin chân thực của nó – phong trào tiến bộ hiện nay ở I-ta-li-a với chính những cuộc chiến tranh phản động đã làm cho Áo nô dịch được I-ta-li-a, đã khôi phục trên mức độ lớn nhất, ở nước Đức tình trạng hỗn loạn trước kia, tình trạng chia cắt và nền bạo chính trước kia, và làm cho toàn châu Âu phải chịu những hiệp ước nhục nhã năm 1815.

Tờ "Riforma" có thể tin ở chúng tôi là: nước Đức đã hiểu rất rõ tính chất của các cuộc chiến tranh giải phóng qua kết quả của chính các cuộc chiến tranh ấy cũng như qua cái kết cục bi thảm đã xảy ra đối với tất cả các anh hùng của cái thời đại "xứng danh vinh quang" ấy. Chỉ có những tờ báo bị mua chuộc của chính phủ mới còn có thể tán dương theo đủ kiểu cái thời kỳ say mê lố bịch ấy. Công chúng giễu cợt điều đó, và thậm chí cả huân chương chữ thập bằng sắt lúc đó cũng phải đỏ lên vì hổ thẹn.

Chính những tờ báo ấy, chính những kẻ điên cuồng bài Pháp năm 1813 ấy ngày nay lại lu loa lên chống người I-ta-li-a cũng như trước kia đã lu loa lên chống người Pháp, đang hát lên những bài ca ngợi nước Áo, một nước Áo mang tính chất Đức – Cơ Đốc giáo và đang cổ động cho cuộc thập tự chinh chống lại sự giáo quyết và tính nhẹ dạ của người Rô-manh, bởi vì người I-ta-li-a cũng là một dân tộc Rô-manh hết như người Pháp!

Nếu người I-ta-li-a muốn có một ví dụ về sự tham gia mà họ có thể trông đợi ở phía những kẻ khoắc lác thô bỉ của thời đại giải

phóng, một ví dụ về quan niệm của những nhà ảo tưởng tóc hung ấy về dân tộc I-ta-li-a, thì chúng tôi xin dẫn ra đây cho họ một bài hát nổi tiếng của A. A. L. Phô-len²⁴⁸:

Người ta hãy ca tụng cái xứ sở mà ở đó các cây đàn măng-đô-lin

Vang lên cùng với các đàn ghi-ta và các quả cam

Thì lấp lánh qua tàn lá, xum xuê;

Và tôi yêu màu đỏ của trái mận Đức

Và yêu cả màu hồng quả táo vùng Boóc-đoóc-phơ

và những trái quả tương tự như vậy của sự điên dại nên thơ thuộc về con người vĩnh viễn có lương tri. Sau đó tiếp đến những quan niệm ngộ nghĩnh nhất về bọn cướp, về dao găm, về núi lửa, về sự giáo quyết của người Rô-manh, về sự không chung thủy của phụ nữ I-ta-li-a, về bộ chó, bò cạp, về thuốc độc, về loài rắn độc, về bọn giết người lén lút, v.v.; tất cả những cái đó, anh chàng say mê tốt bụng đang cảm thấy một số lượng mận không sao đếm xuể ở mỗi bước đi trên khắp các nẻo đường nước I-ta-li-a. Sau hết anh chàng phi-li-xtanh mơ mộng đã cảm tạ đức chúa của mình về việc anh ta đang ở trên đất nước của tình yêu và tình bạn, ở trên đất nước mà người ta choáng nhau bằng những chân ghế đầu, ở trên đất nước của những cô con gái của mục sư có đôi mắt xanh và chung thủy, ở trên đất nước của sự ngay thẳng và chất phác, tóm lại, ở trên đất nước của lòng trung thành kiểu Đức. Những ý niệm hoang đường đầy mê tín ấy về nước I-ta-li-a đã ăn sâu vào đầu óc các anh hùng năm 1813, đương nhiên họ là những người chưa bao giờ trông thấy nước I-ta-li-a cả.

Tờ "Riforma" và nói chung các nhà hoạt động của phong trào I-ta-li-a có thể hoàn toàn tin chắc rằng: dư luận ở Đức kiên quyết đứng về phía người I-ta-li-a. Nhân dân Đức cũng rất quan tâm, như nhân dân I-ta-li-a, đến sự sụp đổ của nước Áo. Nhân dân Đức nhất trí hoan nghênh và chào mừng mỗi thành công của người

I-ta-li-a và chúng tôi hy vọng rằng vào thời cơ thích hợp nhân dân Đức sẽ không bao giờ đứng ngoài bãi chiến trường, nơi sẽ vĩnh viễn kết thúc toàn bộ sự thống trị của nước Áo.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng 22 tháng Hai 1848

Đã đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" số 16, ngày 24 tháng Hai 1848

Ký tên: Ph.Ăng-ghen

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC CÁCH MẠNG Ở PA-RI

Năm 1848, mọi việc đã diễn ra tốt đẹp. Cuộc cách mạng ở Xi-xin vừa kịp vụt qua với bản hiến pháp dài dằng dặc của nó, thì cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở Pa-ri đã nổ ra.

Các đại biểu của phe đối lập đã buộc lòng phải công khai bảo vệ quyền hội họp bằng một cuộc biểu tình dũng cảm chống lại sự xâm phạm của Ghi-dô, Đuy-sa-ten và Hê-be đối với quyền này.

Tất cả những biện pháp chuẩn bị đã được thi hành. Phòng họp đã sẵn sàng và đang chờ đợi khách vào dự tiệc. Khi giờ hành động đã tới thì bỗng nhiên những kẻ hèn nhát trong cánh tả, đứng đầu là ngài Ô-đi-lông Ba-rô, như mọi lần, đã hèn nhát rút lui.

Bữa tiệc bị bãi bỏ. Nhưng nhân dân Pa-ri bị bọn trùm khoác lác ở nghị viện kích động đã phần nộ trước sự hèn nhát của bọn người thấp kém ấy và bất mãn về tình trạng thất nghiệp phổ biến kéo dài, nhân dân Pa-ri không chịu rút lui.

Khoảng giữa trưa ngày thứ ba^{1*} toàn Pa-ri xuống đường. Trong quần chúng vang lên những tiếng hô: "Đả đảo Ghi-dô, cải cách muôn năm!". Nhân dân đã xông đến khách sạn nơi ở của Ghi-dô

^{1*} - ngày 22 tháng Hai 1848

mà quân đội phải vất vả lắm mới bảo vệ được nhưng kính ở các cửa sổ vẫn bị đập vỡ.

Quần chúng cũng kéo đến nhà Ô-di-lông Ba-rô, hô lớn: "Đả đảo Ba-rô!"; người ta cũng đập vỡ kính ở các cửa sổ nhà ông ta. Ông Ba-rô, người thủ xướng sợ mất mặt của cuộc nổi loạn đã xin chính phủ... phái đội cảnh vệ đến!

Quân đội đứng ra bên cạnh và điềm nhiên nhìn những gì xảy ra. Chỉ có đội thị vệ thành phố nổ súng mà là hết sức tàn bạo. Đội thị vệ thành phố được tuyển mộ chủ yếu trong số người An-da-xơ và Lo-ren-nơ, tức là những người nửa Đức được trả lương ba phrăng rưỡi mỗi ngày; chúng đều cao to và béo tốt. Đội thị vệ thành phố là đội lính dễ tiện nhất trong tất cả các lính tráng hồi bấy giờ, tồi tệ hơn cả bọn hiến binh, tồi tệ hơn cả đội cảnh vệ người Thụy Sĩ trước kia; khi mà nhân dân chiến thắng thì bất hạnh cho đội lính này.

Vào buổi chiều nhân dân bắt đầu chống trả. Nhân dân dựng lên những chiến lũy, tiến công chiếm giữ và đốt cháy những đồn cảnh giới. Tại quảng trường Ba-xti-ơ, một tên mật thám cảnh sát bị giết chết. Những cửa hàng vũ khí bị cướp phá.

Đến 5 giờ có hiệu lệnh tổng tiến công cho quân cảnh vệ quốc gia. Nhưng chỉ còn rất ít binh sĩ có mặt mà lại là những người hô: "Đả đảo Ghi-dô!".

Đêm đến sự yên tĩnh trở lại. Những chiến lũy cuối cùng bị chiếm và cuộc nổi loạn dường như đã kết thúc.

Tuy nhiên vào sáng sớm thứ tư cuộc khởi nghĩa lại bùng lên với sức mạnh mới. Một phần quan trọng của trung tâm Pa-ri nằm về phía đông phố Mông-mác-tơ-rơ đã dựng lên rất nhiều chiến lũy, từ 11 giờ trở đi, quân đội đã không dám tiến gần khu vực đó. Quân cảnh vệ quốc gia tập hợp với số lượng lớn, nhưng chỉ là để

buộc binh lính không được tiến công vào nhân dân và để hô vang: "Đả đảo Ghi-dô, cải cách muôn năm!".

Theo kế hoạch phòng thủ do thống chế Giê-rác²⁴⁹ đặt ra thì 5 vạn lính đóng ở Pa-ri đã được tung ra trong vụ này và họ chiếm giữ tất cả những vị trí chiến lược. Nhưng các vị trí ấy nhiều đến nỗi toàn thể quân đội đều bận với việc phòng thủ chúng và chính vì thế đã lâm vào tình trạng không hành động được. Đối với các hoạt động tiến công thì ngoài đội thị vệ thành phố hầu như không hề có quân đội. Cái kế hoạch vĩ đại của Giê-rác đã giúp ích quá nhiều cho cuộc khởi nghĩa; nó đã làm tê liệt quân đội và tạo điều kiện thêm cho sự bị động mà họ vốn đã lâm vào. Các pháo đài biệt lập cũng chỉ làm hại chính phủ. Cần có những đội quân đồn trú đóng giữ các pháo đài ấy và việc đó cũng đã kéo mất một phần quan trọng quân đội khởi chiến trường. Còn về việc pháo kích người ta không hề nghĩ đến. Vả lại, nói chung không ai còn nhớ đến sự tồn tại của những pháo đài đó nữa. Điều đó thừa chứng minh rằng tất cả những kế hoạch phòng thủ đều vô ích đến mức nào khi phải đương đầu với một cuộc khởi nghĩa quần chúng của một thành phố lớn!

Gần trưa, những lời oán trách nội các đã tăng lên trong hàng ngũ quân cảnh vệ quốc gia đến mức nhiều viên đại tá đã gửi báo cáo về cung Tuyn-lơ-ri về việc họ không bảo đảm về hành động của các đoàn lê dương của họ nếu nội các vẫn cầm quyền.

Vào 2 giờ chiều, Lu-i-Phi-líp già nua buộc phải thay Ghi-dô và lập nội các mới. Điều này vừa mới được công bố thì quân cảnh vệ quốc gia hân hoan phân tán về nhà riêng và thấp đèn sáng trưng để ăn mừng.

Nhưng nhân dân, công nhân là những người đã một mình dựng lên những chiến lũy và chiến đấu chống đội thị vệ thành phố, đã phơi ngực ra trước làn đạn, trước lưỡi lê và vó ngựa, công nhân

đã có ý định chiến đấu hoàn toàn không phải vì ngài Mô-lê và ngài Bi-ô²⁵⁰. Họ vẫn tiếp tục cuộc chiến đấu. Trong khi đại lộ I-ta-li-a phần khởi vui mừng thì tại các phố Xanh A-voa và Răm-buy-tô đã xảy ra một trận đổ súng ác liệt. Cuộc chiến đấu kéo dài rất lâu quá nửa đêm và còn tiếp tục đến sáng sớm thứ năm. Việc các đường ray bị phá hủy trên tất cả các tuyến đường sắt xung quanh Pa-ri chứng tỏ rằng công nhân khắp nơi đã tham gia vào trận chiến đấu này.

Giai cấp tư sản đã hoàn thành cuộc cách mạng của nó: nó đã lật đổ được Ghi-dô và cùng với việc đó đã chấm dứt được sự thống trị độc quyền của bọn trù mạt sỏ giao dịch kếch xù. Nhưng bây giờ, trong hồi thứ hai của cuộc đấu tranh thì đã không còn là một bộ phận này của giai cấp tư sản chống lại bộ phận khác nữa: giờ đây giai cấp tư sản đang chống lại giai cấp vô sản.

*

* *

Vừa mới nhận được tin tức cho biết nhân dân đã chiến thắng và tuyên bố nền cộng hòa. Phải thừa nhận chúng ta không ngờ rằng giai cấp vô sản Pa-ri lại đạt được thắng lợi tuyệt vời đến như vậy.

Ba ủy viên của chính phủ lâm thời đều thuộc đảng dân chủ cấp tiến, mà cơ quan ngôn luận của đảng này là tờ "Réforme". Ủy viên thứ tư là *một công nhân*^{1*}, điều chưa từng có ở một nước nào trên thế giới. Những ủy viên còn lại là La-mác-tin, Duy-pông Đơ Lơ-rơ và hai nhà hoạt động của báo "National"²⁵¹.

Nhờ cuộc cách mạng thắng lợi này, giai cấp vô sản Pháp lại dẫn đầu phong trào châu Âu. Vinh dự và vinh quang thay công

nhân Pa-ri! Họ đã thúc đẩy toàn thế giới, và tất cả các nước, lần lượt đều cảm thấy sự thúc đẩy ấy; bởi vì thắng lợi của nền cộng hòa ở Pháp có nghĩa là thắng lợi của nền dân chủ ở toàn châu Âu.

Thời đại của chúng ta, thời đại của lực lượng dân chủ đã đến. Ngọn lửa mới nhen lên ở Tuyn-lơ-ri và Pa-e-Roay-an là bình minh của giai cấp vô sản. Sự thống trị của giai cấp tư sản hiện đang bị thất bại hoặc sắp bị lật đổ ở khắp nơi.

Phải hy vọng rằng nước Đức sẽ đi theo con đường của nước Pháp. Chỉ có giờ phút này hoặc không còn lúc nào nữa nước Đức có thể vùng lên thoát khỏi tình trạng thấp kém của mình! Nếu người Đức còn nghị lực, lòng tự hào và tinh thần dũng cảm thì chỉ không quá bốn tuần lễ nữa chúng ta cũng sẽ hô vang:

"Nước cộng hòa Đức muôn năm!".

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 25-26 tháng Hai 1848

Đã đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" số 17, ngày 27 tháng Hai 1848

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu trên tạp chí "Những vấn đề lịch sử" số 11, 1955

^{1*} - An-be

PH.ĂNG-GHEN

**THƯ GỬI ÔNG TỔNG BIÊN TẬP
BÁO "NORTHERN STAR"**

Thưa Ngài kính mến!

Do có những sự kiện quan trọng xảy ra ở Pháp, nên lập trường của nhân dân Bỉ và Chính phủ Bỉ làm cho người ta chú ý hơn bình thường. Vì vậy tôi vội vã thông báo với các bạn đọc của Ngài về những gì đã xảy ra từ thứ sáu ngày 25 tháng Hai.

Buổi tối hôm ấy, thành phố Bruy-xen tràn ngập một không khí nhốn nháo và kích động. Người ta truyền đi đủ mọi lời đồn đại, nhưng không ai tin cái gì là thật cả. Nhà ga chật ních người; trong đám đông có đại biểu của mọi giai cấp đang nóng lòng chờ tin tức. Bản thân đại sứ Pháp, nguyên là hầu tước Đờ Ru-mi-nhi cũng có mặt. Vào nửa đêm đầu tiên, một chuyến tàu đến mang theo những tin tức rất phấn khởi về cuộc cách mạng đã nổ ra vào thứ năm và toàn thể quần chúng trong niềm hứng khởi chung bất ngờ, đã hô vang: "Vive la République!"^{1*}. Tin này lan đi nhanh khắp thành phố. Thứ bảy, tất cả đều yên tĩnh. Nhưng đến chủ nhật, thì phố xá đông nghịt và mọi người đều muốn biết hai tổ

^{1*} - "Chế độ cộng hòa muôn năm!"

chức – Hội dân chủ và Đồng minh – sẽ làm những gì. Cả hai tổ chức này đều nhóm họp vào buổi tối. Đồng minh – tập hợp những người cấp tiến tư sản, – quyết định chờ đợi và như vậy là tách ra khỏi phong trào. Nhưng Hội dân chủ thì đã thông qua một loại nghị quyết rất quan trọng, nhờ đó đặt mình đứng đầu phong trào. Hội đã quyết định không phải là họp mỗi tuần một lần mà hàng ngày, gửi đơn thỉnh nguyện đến hội đồng thành phố để yêu cầu cho phát vũ khí cho tất cả mọi công dân ở mỗi khu, chứ không phải chỉ riêng cho đội dân vệ tư sản. Vào buổi chiều, đó đây trên đường phố đã xuất hiện những cuộc phản đối của quần chúng. Nhân dân hô vang: "Vive la République!" và tụ tập đông đảo quanh tòa thị chính. Đã có hàng loạt vụ bắt bớ, nhưng không xảy ra điều gì quan trọng.

Trong số những nhân vật bị bắt có hai người Đức – một người cư trú chính trị, là ngài Vôn-phơ và một công nhân. Ngài hẳn đã biết rằng ở đây, tại Bruy-xen có Hội công nhân Đức, hội này thảo luận những vấn đề chính trị và xã hội và phát hành một tờ báo dân chủ bằng tiếng Đức^{1*}. Mọi người đều biết những người Đức sống ở Bruy-xen là những nhà dân chủ, rất tích cực và kiên định. Họ hầu hết là hội viên Hội dân chủ và phó chủ tịch Hội công nhân Đức là tiến sĩ Mác, đồng thời cũng là phó chủ tịch Hội dân chủ.

Chính phủ biết rất rõ tình cảm dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi đang ngự trị trong một số tầng lớp cư dân nhất định ở những nước nhỏ như nước Bỉ, liền lợi dụng tình hình đó để gieo rắc những tin đồn rằng toàn bộ công tác cổ động cho chế độ cộng hòa đều bắt nguồn từ những người Đức là những người không có gì để mất cả, là những người đã bị đuổi khỏi ba bốn nước vì những

^{1*} - từ "Deutsche - Brüsseler - Zeitung"

hành vi thấp hèn của họ và đang rắp tâm đứng đầu nước cộng hòa Bỉ do họ bày mưu tính kế lập ra. Cái tin lạ lùng ấy lan ra toàn thành phố vào thứ hai, và chưa đầy một ngày toàn bộ đám chủ tiệm buôn nhỏ mà đội dân vệ được tuyển mộ trong số này, đã đồng thanh la lối chống lại bọn phiến loạn Đức muốn lôi kéo tổ quốc Bỉ hạnh phúc của họ vào cách mạng.

Những người Đức qui định nơi gặp gỡ ở các tiệm cà-phê, đến đó mỗi người phải cung cấp những tin tức cuối cùng từ Pa-ri. Nhưng sự rùm beng do bọn chủ tiệm buôn nhỏ gây nên đã loang rộng quá, và có quá nhiều lời đồn đại về những biện pháp của chính phủ thi hành chống người Đức đến nỗi người Đức buộc phải từ bỏ ngay cả cái biện pháp vô hại như vậy để thông tin cho nhau.

Đến chiều chủ nhật, cảnh sát đã kịp cảnh cáo chủ tiệm cà-phê có ngôi nhà cho Hội công nhân Đức thuê, để người chủ này không được tiếp tục cho bố trí một cuộc họp nào trong ngôi nhà ấy nữa.

Trong suốt thời gian ấy, người Đức đã giữ tinh thần hết sức vững vàng. Mặc dầu bị cảnh sát truy nã một cách hèn hạ nhất, họ vẫn không rời vị trí của mình. Tối tối họ vẫn có mặt ở các cuộc họp của Hội dân chủ. Họ tránh mọi sự tụ tập ồn ào trên đường phố nhưng lại làm cho mọi người hiểu rằng trong những giờ phút nguy nan họ sẽ không bỏ rơi những người anh em Bỉ của họ dù có nguy hiểm cho bản thân họ.

Mấy ngày sau, khi sự kích động bất thường của ngày chủ nhật và thứ hai đã dịu đi, khi mọi người đã trở về với công việc của mình, khi chính phủ đã trấn tĩnh lại khỏi sự hoảng hốt ban đầu thì một thời kỳ truy nã mới đã bắt đầu đối với người Đức. Chính phủ ban bố một loạt sắc lệnh qui định trục xuất ngay tức khắc tất cả những công nhân người nước ngoài không có việc làm, tất cả những người nước ngoài, không phân biệt nước nào, mà hộ chiếu không hợp lệ, cũng chịu chung số phận đó. Khi thi hành các biện pháp ấy, Chính phủ Bỉ đồng thời lại tung ra những lời đồn

đại khác nhau xúi giục các chủ xí nghiệp chống lại tất cả các công nhân người nước ngoài, do đó người Đức không thể nào có được việc làm. Ngay cả những người đã có việc làm cũng mất việc và từ đó phải chịu ảnh hưởng của các sắc lệnh về trục xuất.

Chính phủ không những chỉ truy nã những công nhân không có việc làm, mà còn truy nã cả phụ nữ nữa. Một hội viên dân chủ trẻ tuổi người Đức từ trước tới nay vẫn sống theo tập tục Pháp và Bỉ, cùng với một phụ nữ Pháp với tư cách người chồng nhưng hình như sự có mặt của anh ở Bruy-xen làm cho cảnh sát lo ngại, nên bỗng nhiên anh ta đã bị sách nhiễu xua đuổi, biểu hiện qua việc người ta truy nã người yêu của anh. Viện có rằng chị ấy không có đủ chứng chỉ, – xưa nay ở Bỉ đã có ai nấy ra ý nghĩ hỏi phụ nữ về chứng chỉ đâu! – người ta đã đe dọa trục xuất chị ngay tức khắc, hơn nữa, cảnh sát còn tuyên bố rằng làm như vậy là do bản thân chị ít hơn là do con người mà chị đã chung sống. Chỉ trong ba ngày, cảnh sát trưởng đã đến nhà chị bảy lần. Đã có vài lần chị bị gọi lên đồn gặp cảnh sát trưởng và cuối cùng đã bị cảnh sát áp giải lên Cục cảnh sát trung ương; nếu không có sự can thiệp của một nhà dân chủ Bỉ có uy tín thì chắc hẳn chị ấy đã buộc phải rời khỏi nước này.

Nhưng tất cả những cái đó vẫn còn là điều nhỏ mọn không đáng kể. Việc truy lùng công nhân, việc phao tin đồn rằng người này người nọ sẽ bị bắt hoặc đến tối thứ ba sẽ có cuộc tổng vây ráp người Đức ở tất cả các quán cà-phê trong thành phố, tất cả những điều đó, tôi xin nhắc lại, đều là chuyện không đáng kể so với những gì tôi cần thông báo với Ngài.

Vào tối thứ sáu^{1*} tiến sĩ Mác cùng một số người khác đã nhận

^{1*} Trong nguyên bản viết nhầm là: "Vào thứ bảy".

được lệnh của nhà vua buộc ông phải rời khỏi nước này trong vòng hai mươi bốn giờ. Ông đang sắp xếp va li chuẩn bị lên đường, thì vào một giờ đêm, bất chấp luật cấm không được vi phạm sự bất khả xâm nhập nhà ở của công dân trong khoảng thời gian từ mặt trời lặn cho đến mặt trời mọc, mười nhân viên cảnh sát có vũ trang dẫn đầu là cảnh sát trưởng đã đột nhập căn nhà ở của ông, bắt ông và giải đến nhà tù của tòa thị chính. Người ta không đưa ra được lý do nào về việc bắt bớ này ngoài việc hình như hộ chiếu của ông không hợp lệ, mặc dầu ông đã xuất trình với họ ít nhất ba giấy chứng nhận và ông đã sống ở Bruy-xen ba năm! Người ta đã bắt ông đi như vậy. Vợ ông, lo lắng bàng hoàng lập tức chạy đến nhà ông Giô-tơ-răng, luật sư Bỉ, chủ tịch Hội dân chủ, là người luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ những người nước ngoài bị truy nã; chính sự can thiệp đầy tình bạn bè của ông đã được nhắc đến trong trường hợp kể trên. Trên đường về nhà, bà Mác gặp một người Bỉ quen biết, ông Gi-gô. Ông này đưa bà về nhà. Tại cửa ngôi nhà của tiến sĩ Mác, họ thấy hai trong số những tên cảnh sát đã tham dự vụ bắt chồng bà. Bà liền hỏi: "Các ông dẫn chồng tôi đi đâu?". "Nếu các vị đi theo chúng tôi thì chúng tôi sẽ chỉ cho các vị rõ hiện ông ấy ở đâu". Cảnh sát dẫn bà cùng với ông Gi-gô đến tòa thị chính, nhưng đáng lẽ phải thực hiện lời hứa thì trái lại, họ đã giao cả hai cho cảnh sát, và *hai người đã bị giam vào nhà tù*. Bà Mác để ba con nhỏ ở nhà cho người giúp việc trông nom, bị nhốt vào một phòng giam đã có một bọn gái điếm mặt hạng nhất mà bà phải cùng qua suốt một đêm. Sáng sớm người ta dẫn bà sang một căn phòng khác hoàn toàn không có lò sưởi và bà đã ở đây suốt ba giờ, rét run lên vì lạnh. Ông Gi-gô cũng bị giam giữ. Ông Mác bị giam cùng phòng với *một người điên rất hung dữ* nên ông phải đề phòng từng phút từng giây. Tất cả những điều tệ hại này lại được bổ sung bằng thái độ cực kỳ thô bạo của bọn cai ngục.

Đến ba giờ chiều bà Mác và ông Gi-gô rốt cuộc bị đưa ra tòa,

quan tòa nhanh chóng ra lệnh thả họ. Vậy họ đã bị buộc tội gì? *Tội đi lang thang*, với lý do là ông Gi-gô cũng như bà Mác đều không mang theo hộ chiếu!

Ông Mác cũng được thả ra và được lệnh phải rời khỏi nước này ngay trong tối hôm đó. Như vậy là sau khi giam giữ ông trong tù một cách phi pháp suốt 18 giờ trong số 24 giờ mà người ta đã dành cho ông thu xếp việc riêng, sau khi không những bản thân ông mà cả vợ ông trong suốt thời gian đó bị cách ly với ba đứa con nhỏ, trong số đó cháu gái lớn nhất chưa đầy bốn tuổi, ông đã bị trục xuất, không có lấy một phút để thu xếp việc riêng.

Ông Gi-gô trước lúc bị bắt thì cũng vừa mới ra khỏi nhà tù được một ngày. Lần đầu ông bị bắt vào hồi 6 giờ sáng thứ hai tại một khách sạn cùng với ba người dân chủ ở Li-e-giơ; tất cả bốn người này bị bắt về tội đi lang thang, vì họ không có giấy thông hành trong người. Lệnh thả họ ra đã có từ thứ ba, nhưng bất chấp mọi luật lệ, người ta đã giữ họ lại trong tù cho đến thứ năm. Một người trong số họ, ông Tê-đê-xcô, cho đến bây giờ vẫn ở trong tù, mà không ai được biết ông bị buộc tội gì. Và ông ấy và cả ông Vôn-phơ hoặc sẽ được thả hoặc sẽ bị đưa ra tòa trong tuần này.

Tuy nhiên, tôi cần phải nói rằng công nhân Bỉ và nhiều người dân chủ nước này, đặc biệt là ông Giô-tơ-răng, có thái độ đặc biệt tốt với những người Đức bị truy lùng; họ biết vươn lên cao thoát khỏi mọi thứ tình cảm dân tộc hẹp hòi. Họ nhìn chúng tôi không phải là những người nước ngoài, mà là những người dân chủ.

Tôi được biết đã có lệnh bắt ông Đờ Guy-a-xcô, là công nhân và dân chủ Bỉ dũng cảm. Một nhà dân chủ khác, ông Đa-xi, bị bắt vào chủ nhật trước về tội phiến loạn đã bị đưa ra tòa hôm qua; nhưng còn chưa tuyên án.

Còn tôi thì hàng ngày và hàng giờ vẫn chờ lệnh trục xuất nếu không phải là cái gì xấu hơn nữa, bởi vì không có ai có thể tiên đoán được rằng cái Chính phủ Bỉ kiểu Nga này còn có thể quyết định những gì nữa. Tôi sẵn sàng chờ người ta yêu cầu đi bất cứ

lúc nào. Đây là tình cảnh của một người dân chủ Đức tại cái nước "tự do" này, một nước mà, theo như báo chí đã viết, không hề thua kém nước Cộng hòa Pháp về cái gì cả.

Tôi gửi tới Ngài lời chào anh em.

Bruy-xen, ngày 5 tháng Ba

Người bạn cũ của Ngài

*Do Ph.Ăng-ghen viết
Đã đăng trên báo "The Northern Star" số
544, ngày 25 tháng Ba 1848*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C. MÁC

THƯ GỬI ÔNG TỔNG BIÊN TẬP BÁO "RÉFORME"

Thưa Ngài tổng biên tập!

Trong lúc này, Chính phủ Bỉ đã dứt khoát gia nhập hàng ngũ những nước theo chính sách của Liên minh thần thánh. Những hành động phản động điên rồ với mức độ tàn bạo chưa từng thấy của Chính phủ Bỉ đã bỏ xuống đầu những người dân chủ Đức. Nếu chúng tôi không phẫn nộ đến mức ấy về những cuộc truy lùng mà bản thân chúng tôi là đối tượng đặc biệt thì chúng tôi có lẽ đã cả cười về cái tình hình đáng nực cười mà nội các Rô-gi-ê đã đặt mình vào khi buộc tội một số người Đức là mưu toan áp đặt chế độ cộng hòa cho người Bỉ, bất chấp nguyện vọng của bản thân người Bỉ; nhưng, trong sự việc mà chúng tôi đang nói thì cái đề tiện đã vượt lên trên cái buồn cười.

Thưa Ngài tổng biên tập, trước tiên cần phải nói để ngài biết rằng hầu hết các báo ở Bruy-xen đều do những người Pháp biên tập, những người này phần lớn là chạy trốn từ nước Pháp sang, để tránh sự trừng phạt nhục nhã đang đe dọa họ tại tổ quốc họ. Những người Pháp ấy ngày nay tỏ ra rất quan tâm đến việc bảo vệ nền độc lập của nước Bỉ, mà tất cả bọn họ đã đem bán đứng vào năm 1833²⁵². Nhà vua, các bộ trưởng và những kẻ ủng hộ họ đã lợi dụng các tờ báo này để củng cố thêm ý kiến cho rằng dường như cuộc cách mạng Bỉ theo tinh thần cộng hòa chỉ là một

loại *francequillonnerie*^{1*} và dường như toàn bộ cuộc cổ động dân chủ mà hiện nay người ta cảm thấy ở Bỉ chỉ là do những người Đức bị kích động gây nên mà thôi.

Người Đức không hề phủ nhận rằng họ đã công khai liên minh với những người dân chủ Bỉ, mà họ đã làm việc đó không mấy may vì bị kích động. Tuy nhiên trước con mắt của quan chưởng lý hoàng gia thì điều đó khác nào xúi giục công nhân chống lại nhà tư sản, điều đó ngang như việc kích động làm mất lòng tin của người Bỉ đối với đức vua *người Đức* rất quý mến của họ, điều đó có nghĩa là họ đã mở toang cửa của nước Bỉ cho Pháp xâm lược.

Vào 5 giờ chiều ngày mùng 3 tháng Ba, sau khi nhận được lệnh phải rời *vuong quốc* Bỉ trong vòng hai mươi bốn giờ, trong đêm ấy tôi đang chuẩn bị ra đi, thì bất thành linh tên cảnh sát trưởng đi cùng với mười tên cảnh sát đột nhập vào phòng tôi ở, lục lọi khắp nhà và cuối cùng bắt tôi với lý do là tôi thiếu giấy tờ. Không kể những giấy tờ hoàn hảo mà ông Duy-sa-ten đã trao cho tôi khi trục xuất tôi khỏi nước Pháp, trong tay tôi đã cầm lệnh trục xuất khỏi nước Bỉ mà người ta trao cho tôi trước đó có mấy giờ.

Thưa Ngài tổng biên tập, tôi đã định không nhắc lại việc tôi bị bắt và bị đối xử thô bạo nếu điều đó không liên quan đến một tình hình mà ngay ở nước Áo người ta cũng khó mà tưởng tượng được.

Ngay sau khi tôi bị bắt, vợ tôi đã đến nhà ông Giô-tơ-răng, chủ tịch Hội dân chủ Bỉ đề nghị ông thi hành những biện pháp cần thiết. Quay về nhà đến cửa thì vợ tôi gặp một người cảnh sát, người này nói với vợ tôi với thái độ lịch thiệp hiếm có rằng nếu bà muốn nói chuyện với ông Mác thì có thể đi theo ông ta. Vợ tôi đã sẵn sàng nhận lời đề nghị ấy. Người ta dẫn vợ tôi về sở

^{1*} - từ ngữ tiếng Phla-măng biểu thị sự khinh miệt, có nghĩa là "sự bắt chước vô nghĩa mọi cái của Pháp".

cảnh sát, ở đó viên cảnh sát trưởng trước hết tuyên bố với vợ tôi rằng ông Mác không có ở đây, và sau đó thăm vấn vợ tôi một cách thô bạo, hỏi bà là ai, bà đến nhà ông Giô-tơ-răng để làm gì, và có giấy tờ chứng minh không. Nhà dân chủ Bỉ, ông Gi-gô, người đã đi theo vợ tôi đến sở cảnh sát cùng với một nhân viên cảnh sát, đã biểu lộ sự công phẫn trước những câu hỏi lỗ bịch và cũng đẩy càn rỡ của viên cảnh sát trưởng, nhưng bọn cảnh sát đã buộc ông phải im lặng; ông đã bị chúng bắt đi và ném vào nhà tù. Viên cố đã khép vợ tôi vào tội đi lang thang, chúng dẫn vợ tôi vào trại giam của tòa thị chính và nhốt vào trong một phòng tối tăm cùng với bọn gái điếm. Vào 11 giờ sáng, cả một đội hiến binh đã áp giải vợ tôi giữa thanh thiên bạch nhật đến phòng dự thẩm. Bọn chúng đã giam vợ tôi hai giờ trong xà-lim, mặc dầu có những lời phản kháng kiên quyết nhất vọng lên từ mọi phía. Vợ tôi phải ở lại đây chịu đựng cái rét khủng khiếp và sự đối xử cực kỳ khắt khe của bọn hiến binh.

Cuối cùng, khi vợ tôi đã đứng trước mặt viên dự thẩm, thì hẳn ta tỏ ra ngạc nhiên về việc cảnh sát với tinh thần sốt sắng của họ đã không bắt giam cả những trẻ nhỏ. Cuộc lấy cung chỉ có thể là thuần túy hình thức: toàn bộ tội lỗi của vợ tôi chỉ là thuộc tầng lớp quý tộc Phổ, mà vợ tôi lại cứ đồng tình với những tư tưởng dân chủ của chồng mình.

Tôi không đi vào tất cả những chi tiết của sự việc khả ố ấy. Tôi chỉ nói rằng khi chúng tôi được thả ra thì thời hạn hai mươi bốn giờ đồng hồ đã hết và chúng tôi buộc phải lên đường mà không thể mang theo ngay cả những đồ vật cần thiết nhất.

Các Mác

Phó chủ tịch

Hội dân chủ Bruy-xen

Viết vào khoảng 6 tháng Ba 1848
Đã đăng trên báo "La Réforme"
ngày 8 tháng Ba 1848

In the bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp

C. MÁC

SỰ TRUY NÃ NHỮNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI Ở BRUY-XEN²⁵³

Vào chủ nhật, ngày 27 tháng Hai đã tiến hành cuộc đại hội quần chúng đầu tiên của Hội dân chủ Bruy-xen sau khi nhận được tin về việc tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Pháp. Người ta đã biết từ trước rằng tại cuộc họp này sẽ có mặt một số lớn công nhân hết sức cương quyết và tích cực ủng hộ tất cả những biện pháp mà Hội cho rằng cần phải thi hành.

Về phía mình, chính phủ đã tung tin đồn đường như hễ nhân dân muốn là vua Lê-ô-pôn sẵn sàng rời khỏi ngai vàng. Đó là một cái bẫy giương ra đối với những người dân chủ Bi để khiến họ dừng dự tính áp dụng những hành động kiên quyết nào chống lại một ông vua tốt đến như thế, một ông vua chỉ khao khát chờ cơ hội trút bỏ cái gánh nặng của vương quyền, miễn là người ta cung cấp cho ngài theo đúng mọi nghi lễ một khoản trợ cấp lớn mà thôi.

Cũng chính trong thời gian đó, chính phủ vương quốc đã nắm chắc một danh sách đã hoàn chỉnh những nhân vật mà họ cho rằng cần phải bắt giữ ngay trong tối hôm đó với tư cách là những kẻ phá hoại trật tự xã hội. Theo sự thỏa thuận với cục trưởng Cục bảo vệ là ông Ô-đi, thì trong danh sách ấy, phải ghi tên những người nước ngoài được coi là những kẻ chủ mưu của cuộc nổi loạn

được dựng đứng lên cốt để đánh lạc sự chú ý đối với việc bắt bớ hàng loạt những người Bi nổi tiếng là những người cộng hòa kiên quyết, và cũng để kích động lên cái tình cảm nghi kỵ dân tộc. Điều đó đã giải thích được tại sao không lâu sau đó, quan ngài Rô-gi-ê có dòng máu Bi không hơn gì đáng quân vương Lê-ô-pôn có dòng máu Pháp – đã ban bố một sắc lệnh quy định cho tất cả các nhà đương cục phải giám sát nghiêm ngặt người Pháp là những đồng bào của Rô-gi-ê và người Đức là những đồng bào của Lê-ô-pôn. Bản sắc lệnh đó được thảo ra tới mức về hình thức thì nó giống như một đạo luật về những người bị tình nghi.

Kế hoạch chuẩn bị chu đáo đến thế đã được đem ra thi hành một cách còn hèn hạ và thô bỉ hơn, vì rằng những người bị bắt tối hôm 27 tháng Hai đã tự kiểm chế tất cả những gì có thể bị coi như là sự xúi giục.

Có thể nghĩ rằng người ta đã bắt giam những người này chỉ cốt để tha hồ hành hạ họ, tùy thích nhạo báng họ.

Ngay sau khi bị bắt, họ bị đấm đá, bị đánh đập tàn nhẫn bằng sống gươm. Người ta đã nhổ vào mặt họ, *những người cộng hòa* ấy. Họ bị lẳng nhục trước nhà tù thiện Ô-đi, một kẻ lấy làm thích thú vì đã biết làm cho người nước ngoài cảm thấy được quyền lực của hắn.

Bởi vì không tìm được tang chứng nào buộc tội họ, nên chỉ còn việc trả lại tự do cho họ. Nhưng không! Người ta giữ họ lại trong nhà tù suốt sáu ngày trời. Sau đó trong số người bị bắt người ta chọn riêng những người nước ngoài ra và nhốt vào các xe chở tù để đưa thẳng ra đường xe lửa. Ở đó, người ta lại nhốt họ vào các toa dành cho người tù, mỗi người một ngăn riêng và bằng cách đó chuyển họ đến Ki-ê-anh, từ đây bọn hiến binh Bi đã đuổi họ tới biên giới nước Pháp.

Khi mà họ biết mình đã đứng trên mảnh đất tự do, trấn tĩnh lại một chút, thì rút cuộc họ không tìm thấy gì trong túi ngoài

lệnh trục xuất đề ngày hôm trước, ngày bị bắt. Một trong những người bị trục xuất, có ông A-lác, là người Pháp.

Chính trong thời gian đó, chính phủ của tiểu vương nước Bỉ tuyên bố tại hạ nghị viện rằng *vương quốc* Bỉ gồm cả hai xứ Phlan-đơ là nước cộng hòa tốt nhất trong *các nước cộng hòa* có thể có được, rằng nó có một đội cảnh sát kiểu mẫu do một người như ông Ô-đi cai quản, ông ta là một con người đã kiêm cả nhà cộng hòa cũ, người theo phái Phu-ri-ê và kẻ ủng hộ mới xuất hiện của Lê-ô-pôn. Hạ nghị viện đã vui sướng đến rơi nước mắt. Còn các báo chí của công giáo và phái tự do thì ca tụng những phẩm hạnh tề gia nội trợ của vua Lê-ô-pôn và những phẩm hạnh xã hội của tên đầy tớ của ông ta là Rô-gi-ê.

Nhân dân Bỉ có khuynh hướng cộng hòa. Lê-ô-pôn chỉ có được những người ủng hộ mình trong giai cấp đại tư sản, giai cấp địa chủ quý tộc, bọn thầy tu dòng Tên, bọn quan lại và bọn nguyên là người Pháp sau khi bị trục xuất khỏi Pháp đã trở thành những tên cầm đầu bộ máy hành chính Bỉ và báo chí Bỉ.

Mét-téc-ních thì khoái trá về việc người đại diện của dòng họ Cô-buốc-gơ, kẻ thù bẩm sinh của cách mạng Pháp, lại có mặt đúng lúc đến như thế ngay tại biên giới của nước Pháp. Tuy nhiên, y quên rằng những người thuộc dòng họ Cô-buốc-gơ hiện nay chỉ được đếm xỉa đến trong việc cưới xin.

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 10 tháng Ba 1848

Đã đăng trên báo "La Réforme" ngày 12 tháng Ba 1848

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Pháp

In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

TÌNH HÌNH Ở BỈ²⁵⁴

Bruy-xen, ngày 18 tháng Ba

Hai tuần lễ trước đây giai cấp tư sản Bỉ đã khước từ trước nhân dân việc thiết lập nền cộng hòa; bây giờ thì chính nó lại tỏ ra sẵn sàng đề xướng phong trào đấu tranh cho nền cộng hòa. Nó còn chưa dám công bố công khai, nhưng khắp Bruy-xen đã có tiếng thì thào về việc này truyền từ tai người này sang tai người khác: "Điều cần thiết là Lê-ô-pôn cần phải ra đi. Thật ra, chỉ có nền cộng hòa mới có thể cứu được chúng ta; nhưng chúng ta cần một nền cộng hòa đảng hoàng, có kỷ cương trật tự, không có tổ chức lao động, không có quyền phổ thông đầu phiếu, không có sự can thiệp của công nhân!".

Điều đó cũng đã là một tiến bộ. Những nhà tư sản Bruy-xen đáng kính cách đây không lâu đã ra sức phản đối bất cứ một mưu toan nào nhằm bắt chước nước Cộng hòa Pháp, họ đã cảm thấy những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính ở Pa-ri. Mồm thì không tiếc lời chửi rủa sự bắt chước về chính trị, nhưng trên thực tế thì họ lại chịu ảnh hưởng của sự bắt chước về tài chính. Mồm thì hết lời ca ngợi nền độc lập và sự trung lập của nước Bỉ, trên thực tế thì họ thấy rằng sở giao dịch Bruy-xen phụ thuộc vào sở giao dịch Pa-ri một cách hoàn toàn và thấp hèn nhất. Hàng rào quân sự thiết lập dọc theo biên giới phía nam không thể ngăn chặn được

quá trình sụt xuống của thị giá những giấy có giá, một quá trình đã giong trống tiến vào cái lãnh thổ trung lập có bảo đảm của nước Bỉ.

Trên thực tế, một không khí im lìm như chết dường như bao trùm sở giao dịch Bruy-xen. Sự vỡ nợ đã làm khánh kiệt hàng loạt nhà buôn loại nhỏ và vừa, những giấy có giá không còn người mua nữa, thì giá chứng khoán chỉ có giá trị trên danh nghĩa, đồng tiền cũng biến mất với tốc độ còn nhanh hơn ở Pa-ri, thương nghiệp lâm vào tình trạng hoàn toàn đình đốn, đa số các chủ xí nghiệp đã sa thải công nhân. Đây là mấy ví dụ về sự sụt giá phổ biến của những giấy có giá: trong mấy ngày rỗng rã một nhà buôn đã tìm cách cổ bán 150 cổ phiếu đường sắt ở lưu vực sông Đăng-đơ, trị giá mỗi cổ phiếu là 100 phrăng; trước cách mạng tháng Hai, những cổ phiếu ấy được định giá tại sở giao dịch Luân Đôn cao hơn giá cả danh nghĩa của nó. Ngày đầu anh ta không chịu giảm giá xuống 45 phrăng một cổ phiếu, ngày thứ hai, từ chối không bán với giá 35 phrăng mỗi cổ phiếu, nhưng đến ngày thứ ba đã bán mỗi cổ phiếu mười phrăng! Một khoảng đất hai năm trước đây phải mua sáu nghìn phrăng, nay thậm chí không thể bán lấy một phần ba số tiền đó.

Và đúng vào lúc có tình trạng hoang mang phổ biến đó thì chính phủ trước hết đòi thu trước hai phần ba thuế trực thu, và sau đó là phát hành công trái cưỡng bức với số tiền lên tới 50-60 triệu – đó là những biện pháp gây nên sự khiếp sợ trong số người phải đóng thuế vốn đã bất mãn về việc ngân sách cứ không ngừng tăng lên!

Trong tình hình như vậy, những nhà tư sản đáng kính của chúng ta không thể không nhận ra rằng do họ quỳ gối trước nền quân chủ nên họ hoàn toàn phải chia sẻ tất cả những điều bực mình do tình hình ở Pháp gây nên mà không hề được hưởng một lợi lộc gì trong số những lợi lộc đã giành được ở đó. Cái nguyên nhân

thực sự đã gọi nên trong bọn họ tư tưởng cộng hòa, chính là ở đó.

Trong lúc đó thì công nhân tuyệt nhiên không chịu ngồi yên. Ở Gan-tơ, trong vòng mấy ngày đã nổi lên những phong trào phản đối của quần chúng; ở Bruy-xen đến ngày hôm kia đã có nhiều cuộc hội họp của công nhân được kết thúc bằng việc đưa đơn thỉnh nguyện lên nhà vua, và Lê-ô-pôn đã hạ mình đến mức đích thân nhận đơn này từ những bàn tay chai sần cầm nó đưa ra. Những cuộc biểu tình nghiêm trọng hơn đã nổ ra tiếp theo ngay. Mỗi ngày qua lại thêm nhiều nhóm công nhân bị mất việc làm. Chỉ cần cuộc khủng hoảng công nghiệp kéo dài thêm một thời gian nhất định, chỉ cần ý thức của giai cấp công nhân được tôi luyện thêm chút nữa thì giai cấp tư sản Bỉ cũng như giai cấp tư sản Pa-ri sẽ thực hiện "cuộc hôn nhân có tính toán" với chế độ cộng hòa.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 18 tháng Ba 1848

*Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác –
Lênin công bố lần đầu tiên bằng tiếng
nguyên bản vào năm 1932*

In theo bản thảo

*Nguyên văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PHẦN BỔ SUNG

PH. ĂNG-GHEN

LỊCH SỬ NHỮNG ĐẠO LUẬT VỀ NGŨ CỐC²⁵⁵ Ở ANH

Cho tới giữa thế kỷ trước nước Anh hầu như năm nào cũng xuất khẩu ngũ cốc và rất hiếm khi phải nhập khẩu loại lương thực này của nước ngoài. Song, từ ngày đó đã xảy ra những thay đổi lớn lao. Một mặt, giá ngũ cốc thấp là điều không thể tránh được trong những điều kiện nêu trên, mặt khác, giá thịt cao đã thúc đẩy việc biến nhiều ruộng đất canh tác thành đồng cỏ chăn nuôi, đồng thời sự phát minh ra những máy móc có ý nghĩa quan trọng, chính vào thời kỳ ấy đã thúc đẩy sự phát triển chưa từng thấy của công nghiệp, và cùng với nó là sự tăng dân số chưa từng có. Và chính vì vậy mà nước Anh buộc phải trước tiên là thôi không xuất khẩu ngũ cốc nữa, và sau đó thậm chí lại cần nhập ngũ cốc từ nước ngoài về. Cuộc chiến tranh hai mươi lăm năm với nước Pháp trong thời kỳ cách mạng gây khó khăn cho việc nhập khẩu, đã buộc nước Anh ít nhiều phải hạn chế trong phạm vi nông phẩm của nước mình. Những trở ngại mà chiến tranh gây ra cho nhập khẩu đã có tác dụng hết như thuế quan bảo hộ. Giá cả ngũ cốc đã tăng lên, địa tô cũng tăng lên gấp đôi trong phần lớn các trường

hợp; còn trong những trường hợp cá biệt thậm chí tăng gấp năm so với mức trước kia. Do đó, một phần lớn ruộng đất trước đó không lâu đã bị biến thành đồng cỏ chăn nuôi thì nay lại được đưa trở lại trồng ngũ cốc. Đối với những người chủ ruộng đất Anh – tiện thể xin nói luôn – gồm mấy trăm huân tước và gần 60.000 tòng nam tước và thân sĩ xuất thân không phải quý tộc – thì một sự tăng thu nhập của họ lên như vậy đã khiến họ sống rất phung phí và đua nhau về mặt xa hoa, nên ngay cả địa tô tăng lên của họ để đáp ứng cho những cái đó, chẳng mấy chốc cũng không kham nổi nữa. Chỉ sau một thời gian ngắn cơ nghiệp của họ đã chông chắt những món nợ nặng nề. Khi bản hòa ước năm 1814 đã loại trừ được những trở ngại cho việc nhập khẩu, thì giá lúa mì sụt mạnh và những người lĩnh canh do phải trả khoản tô quá cao nên không thể trang trải được những chi phí sản xuất cho lúa mì của họ nữa; bấy giờ chỉ có thể có hai lối thoát: hoặc là các chủ ruộng đất hạ thấp địa tô, hoặc là thi hành thứ chế độ thuế quan bảo hộ thực sự thay cho cái mà trên thực tế đã đóng vai trò của thuế quan bảo hộ. Bọn chủ ruộng đất không những thống trị trong thượng nghị viện và trong nội các mà còn nắm (trước khi có dự luật về cải cách) cả quyền hành hầu như không hạn chế ở hạ nghị viện nữa, tất nhiên đã chọn con đường thứ hai, và họ đã dựa vào lưỡi lê để thi hành những đạo luật về ngũ cốc vào năm 1815, bất chấp sự công phẫn mạnh mẽ của giai cấp tư sản và của nhân dân hồi đó còn chịu sự lãnh đạo của giai cấp này. Đạo luật về ngũ cốc đầu tiên năm 1815 nói chung cấm nhập khẩu lúa mì cho tới khi nào giá lúa mì ở Anh vẫn còn thấp hơn 80 si-linh một quắc-tơ. Nếu ở mức giá ấy hoặc giá cao hơn thì sẽ cho phép tự do nhập khẩu lúa mì từ nước ngoài vào. Tuy nhiên, đạo luật này không phù hợp với lợi ích không những của dân cư công nghiệp, mà cả của dân cư nông nghiệp nữa, và đến năm 1822 đạo luật này được thay đổi chút ít về hình thức. Nhưng sự thay đổi này không có ý nghĩa thực tiễn bởi vì trong những năm kế tiếp đó, giá cả luôn luôn thấp và không bao giờ đạt mức cho phép nhập khẩu lúa mì từ

nước ngoài. Mặc dầu đạo luật đã được hoàn chỉnh bằng mọi cách và có những cuộc điều tra do nhiều tiểu ban của nghị viện tiến hành, nhưng những người lĩnh canh không bù nổi những chi phí sản xuất của họ, và lúc bấy giờ Hơ-xkít-xơn và Ca-ninh cuối cùng đã phát minh ra Sliding-Scale^{1*} nổi tiếng, biểu này được những người kế tục trong nội các đưa lên thành luật²⁵⁶. Theo biểu này thì thuế nhập khẩu tăng khi giá lúa mì trong nước hạ và hạ xuống khi giá lúa mì tăng. Bằng cách ấy người ta dự định bảo đảm cho người lĩnh canh ở Anh giá lúa mì cao và ổn định, sao cho họ có thể yên tâm trả địa tô cao. Nhưng ngay cả biện pháp ấy cũng không giúp ích được gì. Chế độ ngày càng trở nên không chịu đựng nổi, giai cấp tư sản chiếm được địa vị thống trị ở Hạ nghị viện từ khi có dự luật về cải cách thì ngày càng kiên quyết phản đối những đạo luật về ngũ cốc, và quý ngài Rô-bốt Pin, sau khi thành lập nội các của mình được một năm, đã buộc phải hạ thấp mức thuế quan xuống.

Trong thời gian ấy, phái đối lập chống những đạo luật về ngũ cốc đã tổ chức lực lượng của họ. Giai cấp tư sản công nghiệp do giá lúa mì đắt lên buộc phải trả tiền công cao hơn cho công nhân của họ nên đã quyết định dốc sức để bằng bất cứ giá nào xóa bỏ kỳ được những đạo luật mà họ thù ghét ấy – những dấu vết cuối cùng của sự thống trị của những lợi ích nông nghiệp, sự thống trị đã làm cho các nước khác cạnh tranh dễ dàng hơn với nền công nghiệp Anh. Vào cuối năm 1838, một số chủ xưởng lớn ở Man-se-xơ đã thành lập Hội liên hiệp chống những đạo luật về ngũ cốc; hội này chẳng bao lâu đã bành trướng được ảnh hưởng của nó ở các vùng ngoại ô Man-se-xơ cũng như ở các khu công xưởng khác, nó được gọi là Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, tổ chức lấy chữ ký, thành lập tạp chí ("Anti-Bread-Tax

^{1*} — biểu thuế suất linh hoạt

Circular"²⁵⁷), phái diễn giả được trả công đi các nơi và sử dụng tất cả những phương tiện cổ động quen dùng ở nước Anh để đạt tới mục tiêu của nó. Trong những năm mới ra đời của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc trùng với bốn năm đình đốn trong thương nghiệp, những cuộc đấu tranh của Đồng minh có nét nổi bật là cực kỳ gay gắt. Vào đầu năm 1842 khi tình trạng đình đốn trong thương nghiệp đã biến thành cuộc khủng hoảng thương nghiệp thực sự đẩy giai cấp công nhân trong nước lâm vào cảnh bần cùng khủng khiếp, thì Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc đã trở thành tổ chức thực sự cách mạng. Câu danh ngôn của Giê-rê-mi "Thà chết dưới lưỡi gươm còn sướng hơn chết vì đói" đã trở thành phương châm của Đồng minh; cơ quan báo chí của nó không úp mở kêu gọi nhân dân đứng lên bạo động và đe dọa bọn chủ ruộng đất bằng "giáo mác và lửa". Những nhà tuyên truyền lưu động của Đồng minh đi khắp nơi trong nước, tuyên truyền bằng thứ ngôn ngữ không kém gì ngôn ngữ của cơ quan ngôn luận của họ. Mít-tinh nổi tiếp mít-tinh, đơn thỉnh nguyện để gửi đến nghị viện được đưa ra hết bản này đến bản khác, và khi nghị viện bắt đầu họp thì đồng thời đại hội đại biểu của Đồng minh cũng nhóm họp ngay bên cạnh tòa nhà nghị viện. Khi Pin không đếm xỉa đến tất cả những điều đó mà khước từ không chịu hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc mà chỉ sửa đổi chút ít, thì đại hội này tuyên bố:

"Nhân dân không còn có thể trông chờ gì ở chính phủ được nữa; họ đành phải trông cậy vào bản thân mình mà thôi; cần phải lập tức hãm ngay những bánh xe của bộ máy chính phủ lại; thời gian dùng lời nói đã qua rồi, đã đến lúc hành động; cần phải mong rằng nhân dân không còn muốn chết đói cho giai cấp quý tộc sống trong xa hoa nữa, và nếu không có gì giúp được nữa thì còn một biện pháp có thể dùng để buộc chính phủ phải nhượng bộ: cần phải" (đại hội đó của những chủ xưởng lớn và quan chức thị chính của những thành phố công nghiệp lớn của nước Anh đã tuyên bố như vậy) "phải nhân dân đến các khu nông nghiệp đã sinh ra mọi sự bần cùng, nhưng nhân dân đến đó không phải như một "đám người nghèo khổ"

ngoan ngoan, mà theo tinh thần là dường như họ sẽ phải "chiếm lĩnh lấy các vị trí ở ngay giữa kẻ thù không đội trời chung của mình".

Cái biện pháp lớn lao mà các chủ xưởng dùng để triệu tập trong vòng 24 giờ đồng hồ tại trường đua ngựa Man-se-xơ một cuộc họp chừng 500 000 người và gây ra cuộc khởi nghĩa chống những đạo luật về ngũ cốc là đã *đóng cửa các công xưởng của họ*.

Đến tháng Bảy, tình hình kinh doanh có khá hơn. Số đơn đặt hàng tăng lên, và các chủ xưởng bắt đầu nhận thấy rằng cuộc khủng hoảng sắp chấm dứt. Lúc ấy nhân dân vẫn còn bị kích động và sự bần cùng vẫn hoành hành ở khắp nơi; nếu như có điều gì đó phải xảy ra, thì đó là phải hành động ngay tức khắc. Và thế là một chủ xưởng ở Xtê-li-brít-giơ – trong lúc mọi người đang chờ được tăng tiền công nhờ tình hình kinh doanh khá hơn – lại bỗng nhiên hạ tiền công của công nhân xưởng mình xuống và do đó buộc họ phải đình chỉ công việc lại để đòi duy trì tiền công ở mức trước kia. Công nhân nhận được tín hiệu khởi nghĩa như vậy liền ngừng việc ở tất cả các xưởng của thành phố và vùng ngoại ô, điều này họ đạt được dễ dàng, bởi vì các chủ xưởng (tất cả đều là hội viên của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc) trái với tập quán của họ đã không gây cho công nhân một trở ngại nào cả. Công nhân đã triệu tập những cuộc họp trong đó có những chủ xưởng đích thân làm chủ tọa cố gắng hướng sự chú ý của công nhân vào những đạo luật về ngũ cốc. Ngày 9 tháng Tám 1842, bốn ngày sau khi cuộc khởi nghĩa bắt đầu, công nhân kéo về Man-se-xơ, ở đó họ không gặp sự kháng cự nào cả và cho ngừng việc ở tất cả các xưởng. Một chủ xưởng duy nhất kháng cự lại là một đảng viên đảng bảo thủ và là kẻ thù của Đồng minh. Cuộc khởi nghĩa lan đến khắp tất cả các khu công xưởng; các nhà chức trách thành phố (như mọi người đều biết, trong các trường hợp tương tự ở Anh, tất cả mọi việc đều tùy thuộc vào bọn họ) toàn là những hội viên của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, đã không chống lại những người khởi nghĩa ở nơi nào cả. Cho đến lúc bấy giờ, mọi việc đều xảy ra theo như các nhà hoạt động của

đồng minh mong muốn. Tuy nhiên, họ đã tính nhầm một điều. Nhân dân mà họ lôi kéo vào cuộc nổi dậy để dùng bạo lực đạt được việc xóa bỏ những đạo luật về ngũ cốc, lại nghĩ đến các đạo luật ấy ít hơn cả. Họ đòi hỏi tiền công theo mức của năm 1840 và đòi thông qua Hiến chương nhân dân. Khi Đồng minh vừa nhận ra được điều đó thì nó liền quay vũ khí chĩa vào những người đồng minh của nó. Tất cả hội viên của Đồng minh đều đã ghi tên xung vào đội cảnh sát đặc biệt, tuyên thệ và thành lập một đội quân mới để đàn áp cuộc khởi nghĩa, một đội quân phục vụ cho cái chính phủ thù địch của họ. Cuộc khởi nghĩa của nhân dân, nổ ra ngoài ý muốn của họ, bởi vì họ hoàn toàn không được chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa tương tự, nên đã nhanh chóng thất bại; những đạo luật về ngũ cốc vẫn được giữ nguyên như trước và cả giai cấp tư sản lẫn nhân dân đều nhận thêm được một bài học. Để chứng minh rõ rệt rằng nó không bị đánh bại hoàn toàn do cuộc khởi nghĩa không thành công ấy, Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc đã bắt đầu một cuộc vận động rộng lớn mới vào năm 1843, kêu gọi các hội viên đóng góp 50 000p. xt.; trong vòng một năm Đồng minh đã thu được vượt số tiền ấy. Đồng minh lại bắt đầu phong trào cổ động của mình, nhưng chẳng bao lâu đã buộc phải tìm kiếm một đám thính giả mới. Đồng minh luôn luôn khoe khoang rằng từ năm 1843 nó không còn có gì để làm ở các khu công xưởng nữa, rằng có thể chuyển hoạt động về các khu nông nghiệp. Nhưng điều trặc trở chính là ở đó. Sau cuộc nổi dậy năm 1842, những đại biểu của Đồng minh không còn triệu tập được ở các khu công xưởng một cuộc họp công khai nào mà không bị nhân dân phần nộ – nhân dân mà họ đã bán rẻ một cách đáng hổ thẹn – cho ăn đòn thực sự và tổng cổ khởi kháng đòi một cách nhục nhã. Vì vậy, muốn tìm nơi tiêu thụ học thuyết của mình, bọn họ buộc phải đi đến các khu nông nghiệp. Ở đây, Đồng minh đã đạt được một số công tích thực sự, đó chính là ở chỗ họ đã thức tỉnh ở những người lãnh canh cái cảm giác hổ thẹn về sự lệ

thuộc trước kia của họ đối với bọn chủ ruộng đất và làm cho giai cấp dân cày không thờ ơ với lợi ích chung. Năm 1844, được sự thành công của những cuộc quyền góp trước kia khích lệ, Đồng minh tuyên bố một đợt ghi tên quyền góp mới với số tiền là 100 000 pao xtéc-linh. Ngay trong ngày hôm sau, các chủ xưởng ở Man-se-xtơ, sau khi nhóm họp, trong khoảng nửa giờ đã đăng ký quyền góp 12 000 p. xt., trong tháng Mười một 1844, số tiền đăng ký quyền góp đạt tới 82 000 p. xt., trong đó đã thu được 57 000 p. xt.. Mấy tháng sau, ở Luân Đôn, một cuộc triển lãm đã được khai mạc và hẳn đã đem lại cho Đồng minh những món tiền lớn. Nếu giờ đây chúng ta hỏi xem cái gì đã gây ra phong trào rộng lớn này, một phong trào đã lan rộng từ Man-se-xtơ ra khắp nước Anh và lôi cuốn tuyệt đại đa số giai cấp tư sản Anh tham gia, nhưng – chúng ta cần nhắc lại điều này – không mấy may gây được cảm tình trong giai cấp công nhân, thì chúng ta phải thừa nhận rằng những nguyên nhân thúc đẩy nó trước hết là những lợi ích riêng của giai cấp tư sản công nghiệp và thương nghiệp nước Anh. Đối với giai cấp này, chế độ có ý nghĩa lớn lao là một chế độ – chí ít, theo như giai cấp này quan niệm – phải bảo đảm vĩnh viễn cho nó địa vị lũng đoạn thế giới trong lĩnh vực thương nghiệp và công nghiệp, cho nó khả năng chi trả tiền công thấp như những người cạnh tranh với nó, và đồng thời lại lợi dụng được tất cả những ưu thế mà nước Anh đã có nhờ chiếm được vị trí hàng đầu trong nền công nghiệp hiện đại suốt 80 năm qua. Về mặt này thì chỉ giai cấp tư sản, chứ không phải nhân dân, được lợi nếu những đạo luật về ngũ cốc bị bãi bỏ. Hai là, giai cấp tư sản cần đến biện pháp này như là một đạo luật bổ sung cho dự luật về cải cách. Dự luật về cải cách định ra tư cách bầu cử và bãi bỏ những đặc quyền bầu cử cũ của những cá nhân và những tập đoàn riêng biệt về nguyên tắc phải đưa giai cấp các nhà tư sản giàu sụ lên nắm chính quyền; nhưng trên thực tế giai cấp địa chủ còn giữ một ưu thế đáng kể ở nghị viện qua việc *trực tiếp* cử vào nghị viện 143 đại biểu của các quận, *gián tiếp* cử vào đó hầu hết tất cả các

đại biểu của các thành phố nhỏ và ngoài ra giai cấp này còn có đại biểu của mình là các đại biểu thuộc đảng bảo thủ ở các thành phố lớn. Ưu thế đó của những lợi ích nông nghiệp đã dẫn đến việc thành lập nội các *thuộc đảng bảo thủ* của *Pin* vào năm 1841. Việc hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc sẽ giáng một đòn chí tử vào thể lực chính trị của những đại địa chủ trong hạ nghị viện, nói cách khác, thực tế là vào toàn bộ nền lập pháp Anh, làm cho những người linh canh không lệ thuộc vào địa chủ nữa. Sự hủy bỏ đó có nghĩa là sự tuyên bố tư bản là quyền lực tối cao ở Anh; nhưng khi đó bản hiến pháp Anh đã bị lung lay đến tận gốc; bộ phận cấu thành chủ yếu của cơ quan lập pháp, tức là tầng lớp quý tộc ruộng đất sẽ bị tước mất tất cả của cải và quyền hành, và do đó, đối với tương lai của nước Anh việc hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc có một ảnh hưởng lớn hơn nhiều so với bất kỳ biện pháp chính trị nào khác. Nhưng chúng ta vẫn thấy rằng về mặt này việc hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc không mang lại lợi ích gì cho nhân dân cả.

Do Ph. Ăng-ghen viết vào mùa thu năm 1845

Đã đăng trên tạp chí "Telegraph für Deutschland" các số 193 và 194, tháng Chạp 1845

Họ của tác giả được ghi trong chú thích của bản biên tập tạp chí

In theo bản đăng trên tạp chí

*Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PHỤ LỤC

**BẢN GHI CHÉP CỦA MÁC VỀ VIỆC THÀNH LẬP
CHI BỘ VÀ KHU BỘ BRUY-XEN
CỦA LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN
NGÀY 5 THÁNG TÁM 1847**

Ngày 5 tháng Tám. Thành lập chi bộ mới

Đã bầu: chủ tịch – Mác;

thư ký và thủ quỹ – Gi-gô.

Ban chấp hành khu bộ: Gi-gô, Mác, Vôn-phơ.

Công bố lần đầu tiên

In theo bản thảo

Nguyên văn là tiếng Đức

ĐIỀU LỆ CỦA LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN²⁵⁸

Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!

CHƯƠNG I LIÊN ĐOÀN

Đ. 1. Mục đích của Liên đoàn là: lật đổ giai cấp tư sản, lập nền thống trị của giai cấp vô sản, tiêu diệt xã hội cũ, tư sản, dựa trên sự đối kháng giai cấp, và xây dựng một xã hội mới không có giai cấp và không có chế độ tư hữu.

Đ. 2. Điều kiện làm hội viên là:

- a) lối sống và hoạt động phù hợp với mục đích ấy;
- b) nghị lực cách mạng và lòng nhiệt thành trong công tác tuyên truyền;
- c) thừa nhận chủ nghĩa cộng sản;
- d) không tham gia vào mọi tổ chức – tổ chức chính trị hoặc tổ chức dân tộc – chống cộng sản, và có nghĩa vụ báo cáo với cơ quan lãnh đạo hữu quan về việc mình tham gia vào một tổ chức nào đó;
- e) phục tùng các nghị quyết của Liên đoàn;
- f) giữ bí mật mọi công việc của Liên đoàn;
- g) được một chi bộ nhất trí kết nạp.

Ai không còn đủ những điều kiện ấy sẽ bị khai trừ (xem chương VIII).

Đ. 3. Tất cả hội viên của Liên đoàn đều bình đẳng, họ là anh em và trong mọi trường hợp, đều có nghĩa vụ giúp nhau như anh em.

Đ. 4. Các hội viên đều mang bí danh trong Liên đoàn.

Đ. 5. Về cơ cấu, Liên đoàn gồm chi bộ, khu bộ, tổng khu bộ, Ban chấp hành trung ương và Đại hội.

CHƯƠNG II CHI BỘ

Đ. 6. Chi bộ gồm ít nhất là ba và nhiều nhất là hai mươi hội viên của Liên đoàn.

Đ. 7. Mỗi chi bộ bầu chủ tịch và phó chủ tịch. Chủ tịch lãnh đạo các cuộc họp, phó chủ tịch quản lý quỹ và thay thế chủ tịch trong trường hợp chủ tịch vắng mặt.

Đ. 8. Việc kết nạp hội viên mới của Liên đoàn do chủ tịch chi bộ và hội viên giới thiệu của Liên đoàn tiến hành, với điều kiện là đã có sự đồng ý trước của chi bộ.

Đ. 9. Các chi bộ của các địa phương khác nhau không được biết về nhau và không có liên hệ gì với nhau.

Đ. 10. Các chi bộ đều có tên gọi riêng.

Đ. 11. Mọi hội viên của Liên đoàn, khi thay đổi chỗ ở, đều phải báo cáo trước việc đó với chủ tịch chi bộ mình.

CHƯƠNG III

KHU BỘ

Đ. 12. Khu bộ gồm ít nhất là hai và nhiều nhất là mười chi bộ.

Đ. 13. Các chủ tịch và phó chủ tịch của các chi bộ ấy họp thành ban chấp hành khu bộ. Ban chấp hành bầu ra người lãnh đạo trong số ủy viên của mình. Ban chấp hành khu bộ liên lạc với các chi bộ của mình và với tổng khu bộ.

Đ. 14. Ban chấp hành khu bộ là cơ quan chấp hành quyền lực đối với tất cả các chi bộ thuộc khu bộ.

Đ. 15. Những chi bộ độc lập phải hoặc là gia nhập vào một khu bộ đã có sẵn, hoặc là cùng với các chi bộ riêng lẻ khác thành lập khu bộ mới.

CHƯƠNG IV

TỔNG KHU BỘ

Đ. 16. Các khu bộ của một nước hoặc một tỉnh phải phục tùng một tổng khu bộ.

Đ. 17. Việc phân chia các khu bộ của Liên đoàn theo tỉnh và việc chỉ định tổng khu bộ do Đại hội tiến hành theo đề nghị của Ban chấp hành trung ương.

Đ. 18. Tổng khu bộ là cơ quan chấp hành quyền lực đối với tất cả các khu bộ của một tỉnh. Tổng khu bộ giữ liên lạc với các khu bộ ấy và với Ban chấp hành trung ương.

Đ. 19. Khu bộ mới thành lập thì gia nhập vào tổng khu bộ gần nhất.

Đ. 20. Các tổng khu bộ phải báo cáo công tác với cơ quan quyền lực tối cao là Đại hội, còn giữa các kỳ đại hội thì báo cáo với Ban chấp hành trung ương.

CHƯƠNG V

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đ. 21. Ban chấp hành trung ương là cơ quan chấp hành quyền lực của toàn Liên đoàn và với tư cách đó, phải báo cáo công tác với Đại hội.

Đ. 22. Ban chấp hành trung ương gồm ít nhất là năm ủy viên và do Ban chấp hành khu bộ của địa phương đã được Đại hội xác định là nơi đóng trụ sở của Ban chấp hành trung ương, bầu ra.

Đ. 23. Ban chấp hành trung ương giữ liên lạc với các tổng khu bộ. Cứ ba tháng một lần Ban chấp hành trung ương lập bản báo cáo về tình hình của toàn Liên đoàn.

CHƯƠNG VI

NHỮNG QUY TẮC CHUNG

Đ. 24. Các chi bộ và các ban chấp hành khu bộ cũng như Ban chấp hành trung ương họp ít nhất hai tuần một lần.

Đ. 25. Các ủy viên ban chấp hành khu bộ và Ban chấp hành trung ương được bầu hàng năm, có quyền được bầu lại và có thể bị những người bầu ra mình bãi miễn bất cứ lúc nào.

Đ. 26. Các cuộc bầu cử tiến hành vào tháng Chín.

Đ. 27. Các ban chấp hành khu bộ phải lãnh đạo các cuộc thảo luận tiến hành ở các chi bộ cho phù hợp với mục đích của Liên đoàn.

Nếu Ban chấp hành trung ương thấy rằng việc thảo luận một số vấn đề nào đó là mối quan tâm chung và trực tiếp, thì có thể đưa những vấn đề ấy ra cho toàn Liên đoàn thảo luận.

Đ. 28. Mỗi hội viên của Liên đoàn phải liên lạc ít nhất ba tháng một lần, còn mỗi chi bộ phải liên lạc mỗi tháng một lần với ban chấp hành khu bộ của mình.

Ít nhất là cứ hai tháng một, mỗi khu bộ phải báo cáo tình hình công tác của địa phương mình với tổng khu bộ; ít nhất ba tháng một lần, mỗi tổng khu bộ phải báo cáo tình hình công tác của địa phương mình với Ban chấp hành trung ương.

Đ. 29. Mỗi cơ quan của Liên đoàn phải thi hành những biện pháp cần thiết để bảo đảm sự an toàn của Liên đoàn và tăng cường hoạt động của Liên đoàn, tự mình phụ trách hoạt động theo điều lệ và lập tức báo cáo mọi việc cho cơ quan cấp trên biết.

CHƯƠNG VII

ĐẠI HỘI

Đ. 30. Đại hội có quyền lực lập pháp đối với toàn Liên đoàn. Tất cả những đề nghị về sửa đổi điều lệ được chuyển qua các tổng khu bộ lên Ban chấp hành trung ương và cuối cùng được đưa ra Đại hội.

Đ. 31. Mỗi khu bộ đều được cử đại biểu.

Đ. 32. Mỗi khu bộ có số hội viên không quá ba mươi người được cử một đại biểu, có số hội viên lên tới sáu mươi người được cử hai đại biểu, lên tới chín mươi người được cử ba đại biểu, v.v.. Khu bộ có thể bầu làm đại biểu của mình những hội viên của Liên đoàn không thuộc địa phương mình.

Tuy nhiên, trong trường hợp đó, khu bộ này phải giao toàn quyền cho đại biểu của mình với những chỉ thị tường tận.

Đ. 33. Đại hội họp hàng năm vào tháng Tám. Trong những

trường hợp khẩn cấp, Ban chấp hành trung ương triệu tập Đại hội bất thường.

Đ. 34. Mỗi lần họp, Đại hội chỉ định địa phương mà Ban chấp hành trung ương phải đóng trụ sở trong năm tới, cũng như nơi mà Đại hội sau sẽ họp.

Đ. 35. Ban chấp hành trung ương tham dự Đại hội, nhưng không có quyền biểu quyết.

Đ. 36. Sau mỗi kỳ họp, ngoài thông tri ra, Đại hội cũng thay mặt Đảng ra bản tuyên ngôn.

CHƯƠNG VIII

NHỮNG VI PHẠM CHỐNG LIÊN ĐOÀN

Đ. 37. Ai vi phạm những điều kiện của hội viên (*Đ. 2*) sẽ tùy tình hình mà bị gạt ra khỏi Liên đoàn hoặc bị khai trừ khỏi Liên đoàn.

Bị khai trừ thì không kết nạp lại.

Đ. 38. Chỉ có Đại hội mới quyết định được vấn đề khai trừ.

Đ. 39. Khu bộ hoặc chi bộ độc lập có thể buộc hội viên ra khỏi Liên đoàn, đồng thời lập tức báo cáo việc đó lên cơ quan cấp trên. Và cả trong trường hợp ấy, Đại hội cũng ra quyết định với tư cách là cơ quan cao nhất.

Đ. 40. Việc kết nạp lại những hội viên buộc phải ra khỏi Liên đoàn là do Ban chấp hành trung ương tiến hành theo đề nghị của khu bộ.

Đ. 41. Những tội chống lại Liên đoàn sẽ đưa ra ban chấp hành khu bộ xét xử; ban chấp hành khu bộ phải quan tâm đến việc thi hành bản án.

Đ. 42. Vì lợi ích của Liên đoàn, cần phải tổ chức việc theo dõi những người buộc phải ra khỏi Liên đoàn và bị khai trừ, cũng như

các phần tử khả nghi nói chung, và ngăn ngừa họ làm hại Liên đoàn. Phải lập tức báo cho chi bộ có liên quan biết về những âm mưu của những người đó.

CHƯƠNG IX

KINH PHÍ CỦA LIÊN ĐOÀN

D. 43. Đại hội ấn định cho mỗi nước mức hội phí tối thiểu mà mỗi hội viên của Liên đoàn phải nộp.

D. 44. Một nửa số hội phí đó sẽ nộp lên Ban chấp hành trung ương, nửa kia được giữ lại cho quỹ của khu bộ hoặc chi bộ.

D. 45. Kinh phí của Ban chấp hành trung ương được dùng:

- 1) Để trang trải chi phí về trao đổi thư tín và chi phí về tổ chức.
- 2) Để in và phân phát những truyền đơn cổ động.
- 3) Để cử những phái viên của Ban chấp hành trung ương đi làm những nhiệm vụ nhất định.

D. 46. Kinh phí của các ban chấp hành địa phương được dùng:

- 1) Để trang trải chi phí về trao đổi thư tín.
- 2) Để in và phát hành những truyền đơn cổ động.
- 3) Để cử phái viên khi cần.

D. 47. Chi bộ và khu bộ nào trong sáu tháng không nộp hội phí lên Ban chấp hành trung ương thì sẽ bị Ban chấp hành trung ương tuyên bố đưa ra khỏi Liên đoàn.

D. 48. Các ban chấp hành khu bộ, chậm nhất là ba tháng, phải báo cáo với các chi bộ về tình hình thu chi. Ban chấp hành trung ương trình trước Đại hội bản báo cáo về việc sử dụng kinh phí của Liên đoàn và về tình hình quỹ của Liên đoàn. Mọi sự biến thủ kinh phí của Liên đoàn sẽ bị nghiêm trị.

D. 49. Những khoản chi bất thường và chi tiêu để triệu tập Đại hội được trang trải bằng những khoản đóng góp đặc biệt.

CHƯƠNG X

KẾT NẠP HỘI VIÊN

D. 50. Chủ tịch chi bộ đọc cho người được kết nạp nghe từ điều 1 đến điều 49 của điều lệ, giải thích các điều này, đặc biệt nhấn mạnh, bằng cách nói ngắn gọn, những nghĩa vụ mà người được kết nạp phải đảm nhiệm, và sau đó hỏi người này: "Vậy, anh có muốn gia nhập Liên đoàn không?". Nếu người này trả lời: "Có!" thì chủ tịch nhận ở người này lời thề danh dự rằng anh ta sẽ hoàn thành mọi nghĩa vụ hội viên và tuyên bố người này là hội viên của Liên đoàn và đưa vào làm thành viên của chi bộ trong kỳ họp gần nhất.

Luân Đôn, ngày 8 tháng Chạp 1847

Thay mặt Đại hội II, họp vào mùa thu 1847.

Thư ký

Chủ tịch

Đã ký: *Ang-ghen*

Đã ký: *Các Sáp-phơ*

Đã in trong phụ trương của cuốn sách: Wermuth und Stieber. "Die Communisten – Verschwörungen des neunzehnten Jahrhunderts". Erster Theil, Berlin, 1853

In theo bản in trong phụ trương của cuốn sách Nguyên văn là tiếng Đức

**HỘI DÂN CHỦ BRUY-XEN GỬI
HỘI "NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ ANH EM"
Ở LUÂN ĐÔN**

Chúng tôi đã nhận được thư của các đồng chí viết hồi tháng Chạp năm ngoái, và lập tức thảo luận những đề nghị nêu trong đó về việc triệu tập đại hội dân chủ quốc tế và đặt quan hệ trao đổi thư từ hàng tháng giữa hội của các đồng chí và Hội chúng tôi²⁵⁹.

Đề nghị về việc triệu tập đại hội dân chủ đầu tiên ở đây, tại Bruy-xen, có xét đến việc triệu tập đại hội lần thứ hai ở Luân Đôn, và về việc hội chúng tôi triệu tập đại hội thứ nhất ấy trùng vào ngày kỷ niệm cuộc cách mạng Bỉ tháng Chín năm nay, và về việc Ban chấp hành hội chúng tôi sẽ chuẩn bị chương trình nghị sự của đại hội, – tất cả những đề nghị ấy đã được nhất trí thông qua với sự hưởng ứng và nhiệt liệt.

Việc các đồng chí tỏ ý sẵn sàng trao đổi thư từ đều đặn hàng tháng với hội chúng tôi cũng được hoan nghênh với nhiệt tình hết sức to lớn.

Bây giờ chúng tôi cố gắng cung cấp cho các đồng chí một sự điểm lướt qua về những thành tựu của chúng tôi và về tình hình chung của công việc của chúng tôi.

Hội chúng tôi đang ở trong giai đoạn phát triển hết sức thuận lợi đến mức có thể mong muốn. Số hội viên của chúng tôi tăng lên hàng tuần và sự quan tâm của công chúng nói chung và đặc

biệt của giai cấp công nhân nói riêng đối với hoạt động của chúng tôi cũng tăng lên như vậy.

Tuy nhiên, bằng chứng rõ nhất về các thành tựu của chúng tôi là sự chú ý mà phong trào của chúng tôi đã gây nên được ở các tỉnh của nước Bỉ. Chúng tôi nhận được từ các thành phố lớn nhất của nước Bỉ những yêu cầu về việc cử các đại biểu đến chỗ họ để thành lập các hội dân chủ tương tự như hội chúng tôi, và để đặt quan hệ thường xuyên với Hội ở thủ đô.

Chúng tôi đã đáp ứng ngay tức khắc những yêu cầu ấy. Chúng tôi đã cử đoàn đại biểu đến Gan-tơ để triệu tập một cuộc hội nghị đông đảo với mục đích thành lập một chi nhánh của Hội. Cuộc hội nghị đã có đông người dự khác thường và đã đón tiếp đoàn đại biểu của chúng tôi gồm những đại biểu của những dân tộc khác nhau, với nhiệt tình khôn tả. Người ta đã ra ngay nghị quyết thành lập Hội dân chủ và lập được danh sách hội viên của Hội này. Sau đó chúng tôi nhận được tin tức từ Gan-tơ cho biết hội đã thành lập xong và đã tổ chức được hội nghị thứ hai lại đông người dự hơn hội nghị thứ nhất, và đã được tiến hành với nhiệt tình còn lớn hơn. Hơn ba nghìn vị đã tham dự, và chúng tôi có thể phần khởi nhận xét rằng đa số là công nhân.

Chúng tôi coi sự tiến bộ đã đạt được ở Gan-tơ như là thành tựu lớn nhất trong sự nghiệp của chúng tôi ở Bỉ. Gan-tơ là thành phố công nghiệp quan trọng nhất của nước Bỉ; thành phố này có hơn một trăm nghìn dân và, với mức độ quan trọng, là trung tâm thu hút đối với toàn bộ dân cư lao động miền Phlan-drơ. Vị trí của Gan-tơ có một ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ phong trào công nhân Bỉ. Như vậy, chúng tôi có thể cho rằng việc công nhân công xưởng của thành phố Man-se-xtơ ấy của nước Bỉ sẵn sàng làm sống lại phong trào thuần túy dân chủ đã thể hiện và báo trước tinh thần sẵn sàng làm việc đó của đa số những người vô sản Bỉ.

Trong thư sau, chúng tôi hy vọng sẽ thông báo được về những thành tựu tiếp theo của chúng tôi ở các thành phố khác của nước

Bỉ, những thành tựu sẽ từng bước dẫn đến sự phục hồi một đảng dân chủ vững mạnh, đoàn kết và có tổ chức tốt ở Bỉ.

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với những quan điểm của các đồng chí về vấn đề "quốc phòng" được trình bày trong lời kêu gọi gần đây của các đồng chí đối với công nhân nước Anh và Ai-rơ-len²⁶⁰. Chúng tôi hy vọng rằng lời kêu gọi ấy sẽ góp phần đáng kể vào việc làm cho nhân dân Anh nhận thức được rõ ràng ai là kẻ thù thực sự của họ.

Chúng tôi cũng rất hài lòng về những biện pháp mà đa số trong phái Hiến chương Anh thực hiện để rút cuộc thiết lập được sự liên kết chặt chẽ giữa nhân dân Ai-rơ-len và nhân dân Anh. Chúng tôi thấy rằng hiện nay có nhiều khả năng hơn bất kỳ lúc nào trước đây để khắc phục được cái thành kiến làm cho nhân dân Ai-rơ-len nuôi sự hận thù chung đối với các giai cấp bị áp bức ở Anh cũng như đối với bọn áp bức cả hai nước mà không phân biệt nổi giữa hai loại người đó. Chúng tôi hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa sự lãnh đạo phong trào nhân dân Anh và Ai-rơ-len sẽ được thống nhất trong tay Phéc-guyt Ô' Cô-no, và chúng tôi cho rằng sự đoàn kết đang được các giai cấp bị áp bức của hai nước Anh và Ai-rơ-len chuẩn bị dưới ngọn cờ dân chủ là thành tựu quan trọng nhất của toàn bộ sự nghiệp của chúng ta.

Để kết thúc, xin các đồng chí hãy nhận lấy lời chào anh em của chúng tôi.

Ban chấp hành Hội dân chủ:

L. Giô-tơ-răng, chủ tịch,

C. Mác, phó chủ tịch,

A. Pi-các, luật sư, thư ký

Bruy-xen, ngày 13 tháng Hai 1848

Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 541, ngày 4 tháng Ba 1848

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

**TRÍCH BÀI TƯỜNG THUẬT
CỦA TỜ "DEUTSCHE - BRÜSSELER-ZEITUNG"
VỀ CUỘC HỌP CỦA HỘI DÂN CHỦ
NGÀY 20 THÁNG HAI 1848**

Bruy-xen. Cuộc họp của Hội dân chủ ngày 20 tháng Hai. Chủ tịch: ông Mác. Người phát biểu đầu tiên là Phri-đrich Ăng-ghe-nen để trả lời bài do Chính phủ Pháp đăng trên tờ "Moniteur Parisien" về việc trục xuất ông khỏi nước Pháp. Ăng-ghe-nen miêu tả ngắn gọn hoàn cảnh trong đó xảy ra việc trục xuất ông²⁶¹.

Hội đã tỏ ra hoàn toàn hài lòng về sự giải thích của Phri-đrich Ăng-ghe-nen. Nhiều diễn giả đã bày tỏ điều đó, đồng thời họ cũng nhận định thêm về hành vi của Chính phủ Pháp trong những vụ trục xuất người nước ngoài đã thực hiện trước đây.

Những bài phát biểu ấy được đưa vào tập văn kiện chính thức của Hội dân chủ.

Đã đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" số 16, ngày 24 tháng Hai 1848

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

**GỬI ÔNG GIUY-LI-AN HÁC-NI,
TỔNG BIÊN TẬP BÁO "NORTHERN STAR",
BÍ THƯ HỘI "NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ
ANH EM" Ở LUÂN ĐÔN**

Bruy-xen, ngày 28 tháng Hai 1848

Ngài đã được tin về cuộc cách mạng quang vinh vừa mới xảy ra ở Pa-ri.

Chúng tôi phải thông báo với ngài rằng sự kiện quan trọng ấy đã thúc giục Hội dân chủ tiến hành ở đây hoạt động tuyên truyền hòa bình nhưng mạnh mẽ bằng cách sử dụng những phương tiện mà các thiết chế chính trị ở Bỉ cho phép để đạt tới những thành quả mà nhân dân Pháp vừa mới giành được.

Những nghị quyết sau đây đã được thông qua với sự tán thành nhiệt liệt nhất.

1. Hội dân chủ sẽ tổ chức họp vào mỗi buổi chiều, mở cửa mời công chúng vào dự các buổi họp đó.

2. Nhân danh Hội, một bản tuyên bố sẽ được gửi đến Chính phủ lâm thời Pháp để biểu thị thái độ đồng tình của chúng tôi đối với cuộc cách mạng ngày 24 tháng Hai.

3. Sẽ đưa ra hội đồng thị chính Bruy-xen một bản đề nghị tránh bất kỳ một cuộc đổ máu nào và giữ gìn an ninh xã hội bằng cách thành lập những lực lượng vũ trang thị chính chủ yếu bao gồm lực lượng cận vệ dân sự, nghĩa là gồm những người tư sản mang vũ khí

trong thời gian bình thường và những người thợ thủ công được vũ trang trong tình hình bất thường theo đúng luật pháp của quốc gia. Như vậy, vũ khí sẽ được giao ngang nhau cho giai cấp tư sản và giai cấp công nhân.

Chúng tôi sẽ thông báo cho các ngài biết một cách thường xuyên, trong phạm vi có thể được, về các biện pháp và các thành tựu sau này của chúng tôi.

Chúng tôi hy vọng rằng đến lượt mình các ngài sẽ nhanh chóng đạt tới chỗ biến được Hiến chương nhân dân thành một trong những đạo luật của nước các ngài và điều đó sẽ giúp các ngài đạt được những thành tựu mới trong thời gian tới.

Cuối cùng, chúng tôi đề nghị các ngài hãy duy trì – trong suốt cuộc khủng hoảng quan trọng này – mối liên hệ thường xuyên với chúng tôi và cho chúng tôi được biết tất cả những gì mới mẻ sẽ diễn ra ở đất nước các ngài và có thể có ảnh hưởng tốt, xét về tính chất của nó, đến nhân dân Bỉ.

Sau đây là chữ ký của các ủy viên Ban chấp hành

*Đã đăng trên báo "Le Débat
Social" ngày 1 tháng Ba 1848*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**GỬI CÁC ÔNG ỦY VIÊN
TRONG CHÍNH PHỦ LÂM THỜI
CỦA NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP**

Bruy-xen, ngày 28 tháng Hai 1848

Thưa quý vị!

Là một tổ chức đã tuyên bố mục đích của mình là tình đoàn kết và tình anh em giữa tất cả các dân tộc, là một tổ chức được thành lập ít lâu nay ở Bruy-xen và gồm những đại biểu của các dân tộc khác nhau ở châu Âu đã từng được hưởng, cùng với người Bỉ trên lãnh thổ nước Bỉ, những thiết chế từ lâu vẫn cho phép phát biểu tự do và công khai bất kỳ những ý kiến chính trị và tôn giáo nào, – Hội dân chủ rất trân trọng chuyển tới quý vị lời chào mừng nhân dịp dân tộc Pháp vừa mới giành được một chiến công, và tỏ lòng biết ơn về công lao to lớn mà dân tộc này đã cống hiến cho nhân loại.

Chúng tôi đã có dịp chào mừng những người Thụy Sĩ về những hành động gần đây của họ mở đầu cho sự nghiệp giải phóng nhân dân các nước; quý vị nay mang sứ mệnh tiếp tục sự nghiệp ấy với tất cả nghị lực mà nhân dân Pa-ri đã biểu hiện mỗi khi tình thế đòi hỏi nó. Chúng tôi tin chắc rằng chúng tôi không phải chờ lâu cái dịp để nhắc lại với người Pháp lời chào mừng mà chúng tôi đã gửi đến người Thụy Sĩ. Nhưng nước Pháp đã đến rất gần cái giờ phút mà chúng tôi hy vọng có thể chào mừng nó. Ngoài

ra, đó chỉ là thêm một lý do để tất cả các dân tộc từ nay trở đi sẽ phải khẩn trương tiếp theo bước quý vị mà thôi.

Chúng tôi cho rằng chúng tôi có quyền tiên đoán một cách chắc chắn rằng các nước gần nước Pháp nhất sẽ là những nước đầu tiên theo bước nước Pháp trên con đường mà nước Pháp vừa mới đi vào.

Điều tiên đoán ấy càng được khẳng định ở chỗ là cuộc cách mạng hoàn thành ở Pháp trước hết đòi hỏi thắt chặt những mối quan hệ giữa nước Pháp với tất cả các nước, chứ không phải là sự đe dọa nền độc lập của bất kỳ nước nào trong số đó. Nước Pháp của tháng Hai 1848 được chúng tôi chào mừng như là mẫu mực của tất cả các dân tộc, chứ không phải như là một bá chủ của những dân tộc ấy. Từ nay trở đi nước Pháp không cần đến những dấu hiệu khác của sự tôn kính.

Chúng tôi đã thấy dân tộc vĩ đại ấy, mà vận mệnh hiện nay nằm trong tay các vị, chỉ tìm kiếm uy tín của mình trong sự tín nhiệm chung, – thưa quý vị, chúng tôi đã thấy ngay đối với những dân tộc mà trong một thời gian dài nó vẫn coi là những địch thủ không thừa nhận sức mạnh của nó, thì nay nước Pháp cũng đã khôi phục lại sự liên minh đã bị phá hoại chỉ vì chính sách thối nát của một vài cá nhân mà thôi. Nước Anh và nước Đức lại chìa bàn tay ra với đất nước vĩ đại của các vị. Các nước Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Thụy Sĩ và Bỉ thì hoặc hồi lại hoặc tận hưởng sự yên tĩnh và nền tự do dưới sự bảo hộ của khối liên minh của các vị. Nước Ba Lan, giống như La-da, đã từ cõi chết sống lại để đáp lời kêu gọi mà các vị gửi tới họ bằng ba thứ tiếng.

Một điều không thể tưởng tượng được là thậm chí nước Nga rút cuộc lại không hòa tiếng nói vào vấn đề của mình đó, mà tiếng nói của nó còn rất lạ tai đối với những dân tộc phương Tây và phương Nam. Danh dự và vinh quang thuộc về các vị, những người Pháp! Các vị đã đặt nền móng cho sự liên minh giữa các dân tộc, một

sự liên minh đã được Bê-răng-giê bắt tử của các vị ca ngợi một cách tiên tri.

Thưa quý vị, với tình anh em thăm đượm không gì lay chuyển nổi, chúng tôi xin bày tỏ với các vị sự biết ơn sâu sắc nhất của chúng tôi.

Ban chấp hành Hội dân chủ Bruy-xen tuyên bố mục đích của mình là tình đoàn kết và tình anh em giữa tất cả các dân tộc.

Đã ký: **L. Giô-tơ-răng**, luật sư, chủ tịch; **C. Mác**, phó chủ tịch; tướng **Mê-li-nê**, chủ tịch danh dự; **Xpin-hoóc-nơ**, luật sư, chủ tịch Hội dân chủ ở Gan-tơ; **Manh-xơ**, giáo sư trường đại học Bruy-xen; **Lê-lê-ven**, **Ba-lanh**, thủ quỹ; **Ba-tay**, phó bí thư; **Pê-le-rinh**, công nhân; **La-bi-ô**, nhà buôn.

Đã đăng trên báo "La Réforme" ngày 4 tháng Ba 1848

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp*

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN NGÀY 3 THÁNG BA 1848

Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!

Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, đóng tại Bruy-xen, theo quyết định trong nghị quyết của Ban chấp hành trung ương trước đây ở Luân Đôn đã từ bỏ quyền hạn Ban chấp hành trung ương của mình và chuyển trụ sở sang Bruy-xen, tức là nghị quyết quy định ban chấp hành khu bộ thuộc tổng khu bộ ở Bruy-xen được thành lập với tư cách là Ban chấp hành trung ương,

xét thấy rằng,

trong hoàn cảnh hiện nay thì bất kỳ sự liên hiệp nào của các hội viên thuộc Liên đoàn, nhất là các hội viên người Đức, đều không thể tiến hành ở Bruy-xen được;

những ủy viên lãnh đạo của Liên đoàn ở Bruy-xen thì đã, hoặc bị bắt, hoặc bị trục xuất, hoặc bất cứ lúc nào cũng có thể bị trục xuất khỏi nước Bỉ;

Pa-ri trong lúc này là trung tâm của toàn bộ phong trào cách mạng;

hoàn cảnh hiện nay đòi hỏi Liên đoàn phải được lãnh đạo một cách cực kỳ kiên quyết, muốn được như vậy thì trong lúc này

tuyệt đối cần phải trao cho những người lãnh đạo quyền hành động theo sự xét đoán của họ;

nay quyết định:

1. Ban chấp hành trung ương chuyển sang Pa-ri.

2. Ban chấp hành trung ương ở Bruy-xen ủy quyền cho hội viên của Liên đoàn là Các Mác thực hiện sự lãnh đạo của Trung ương đối với tất cả mọi công việc của Liên đoàn trong lúc này, được hành động theo sự xét đoán của mình và chịu trách nhiệm về việc này trước Ban chấp hành mới sẽ được thành lập, và trước đại hội sắp tới.

3. Ban chấp hành trung ương ở Bruy-xen giao cho Mác khi hoàn cảnh cho phép thì thành lập ngay ở Pa-ri, theo sự lựa chọn của mình, một Ban chấp hành trung ương mới gồm những hội viên của Liên đoàn xứng đáng nhất với việc này, và để phục vụ cho mục đích ấy có thể triệu tập đến đó ngay cả những hội viên không sống ở Pa-ri.

4. Giải thể Ban chấp hành trung ương ở Bruy-xen.

Nghị quyết này được thông qua ở Bruy-xen ngày 3 tháng Ba 1848.

Ban chấp hành trung ương
Đã ký: **Ăng-ghen, Ph. Phi-sơ, Gi-gô,**
G. Stai-ken-sơ, C.Mác

Đã in trong cuốn sách: Wermuth und Stieber. "Die Communisten — Verschwörungen des neunzehnten Jahrhunderts". Erster Theil, Berlin, 1853

In theo bản in trong sách Nguyên văn là tiếng Đức In bằng tiếng Nga lần đầu

BIÊN BẢN CUỘC HỌP CỦA CHI BỘ PA-RI CỦA LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN NGÀY 8 THÁNG BA 1848

Biên bản cuộc họp chi bộ ngày 8 tháng Ba 1848

Đã bầu: { *chủ tịch:* C. Sáp-pơ
 { *thư ký:* C.Mác

Sáp-pơ đề nghị chúng ta thành lập khu bộ Pa-ri, chứ không chỉ một chi bộ riêng biệt.

Mác và những người khác ủng hộ. Được thông qua.

Héc-man được kết nạp.

Tranh luận về vấn đề kết nạp lại những hội viên của chi bộ đã buộc phải ra khỏi Liên đoàn.

Boóc-nơ báo cáo về cuộc họp ở tiệm cà-phê "Châu Âu"; *Xtéc-bi-xki* cũng báo cáo về việc ấy. Với tuyệt đại đa số phiếu, đã quyết nghị không đến tiệm cà-phê mà Đếch-cơ và Vê-nê-đây bố trí các cuộc họp.

En-glơ, Búc-phin-cơ và Phô-gle (thuộc chi bộ Vai-tlinh) được nhất trí kết nạp.

Đã nhất trí quyết nghị: giao cho ba hội viên nói trên kết nạp những hội viên của chi bộ Vai-tlinh mà họ cho là xứng đáng.

Si-linh được nhất trí kết nạp.

Những người sau đây được phê chuẩn làm những người lãnh đạo của đoàn thể công nhân công khai:

Chủ tịch: H. Bau-ơ

Phó chủ tịch: Héc-man

Hai thư ký: Boóc-nơ và Phô-ghen

Thủ quỹ: Môn

Ba quản trị: Búc-phin-cơ, Sáp-pơ, Hoóc-nơ.

Quyết nghị rằng chủ tịch phải dùng cách xưng hô "các bạn", còn những người khác thì tùy ý.

Mác được giao soạn bản dự thảo điều lệ của đoàn thể công nhân.

Đoàn thể công khai phải được gọi là *Câu lạc bộ công nhân Đức*²⁶².

Vin-hem Huê-gơ được kết nạp làm hội viên (theo đề nghị của Sáp-pơ, được H. Bau-ơ ủng hộ).

Trụ sở của đoàn thể công khai phải đặt ở trung tâm thành phố. Một số hội viên được giao nhiệm vụ tìm kiếm địa điểm thích hợp.

Hội nghị của Liên đoàn được ấn định tiến hành tại nhà số 6 phố Xanh Lu-i Xanh Ô-nô-rê.

Xtéc-bi-xki đã đề cử Héc-man và đề nghị này đã được chấp nhận.

C. Mác.

Thư ký

C. Sáp-pơ

Chủ tịch

Do C. Mác viết ngày 8 tháng Ba 1848

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

BIÊN BẢN CUỘC HỌP CỦA CÁC CHI BỘ PA-RI THUỘC LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN NGÀY 9 THÁNG BA 1848

CUỘC HỌP NGÀY 9 THÁNG BA, VÀO 9 GIỜ TỐI

Mác đưa bản dự thảo điều lệ²⁶³, do ông soạn, để cuộc họp thảo luận.

Điều 1 được đa số thông qua với 2 phiếu chống. Điều 2 được nhất trí thông qua; điều 3, điều 4, điều 5 và điều 6 cũng vậy.

Như vậy, dự thảo điều lệ đã được thông qua không có sự thay đổi nào. Sau đó thư ký đọc bản điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản. Những hội viên mới được kết nạp, sau khi nghe điều lệ, đã tuyên bố rằng họ gia nhập Liên đoàn những người cộng sản.

Mác đề nghị tất cả các hội viên của Liên đoàn báo cáo họ tên và địa chỉ. Vấn đề này được đưa ra thảo luận và cuối cùng có nghị quyết là mỗi hội viên của Liên đoàn báo cáo tên mà ở đây mọi người đều biết, và địa chỉ của mình.

Sáp-pơ đề nghị ngoài chủ tịch và thư ký lấy thêm năm người nữa để thành lập ban chấp hành khu bộ Pa-ri.

Mỗi chi bộ trong số bốn chi bộ phải bầu một người. Cuộc bầu cử được hoãn đến phiên họp sau.

Sáp-pơ báo cáo về Ban chấp hành trung ương. Theo đề nghị của Sáp-pơ, cuộc họp đã quyết nghị rằng mỗi người khi phát biểu phải đứng dậy và bỏ mũ.

Theo đề nghị của Mác, Ban chấp hành trung ương sẽ trình bày tại phiên họp tới báo cáo về tình hình chung của Liên đoàn.

Boóc-nơ, người được cử đến họp ở trường tập ngựa, để sẽ báo cáo về cuộc họp này, sau 45 phút đã trở về và mô tả tình hình bi đát của hội ấy²⁶⁴.

Phiên họp sau sẽ tiến hành vào thứ bảy tuần tới, hồi 8 giờ ở tiệm cà-phê "Nước Bỉ", phố Grơ-nen Xanh Ô-nô-rê.

Trước khi bế mạc phiên họp, các hội viên của Liên đoàn báo cáo với thư ký tên và địa chỉ của mình. Mác đề nghị tất cả hội viên của Liên đoàn đeo băng *đỏ*. Đề nghị này được nhất trí thông qua.

Cuộc họp thông qua đề nghị của Sáp-pơ là một đồng chí nào đó sẽ mua những băng màu đỏ tươi cho tất cả mọi người. Ông *Dắc-xơ* được giao nhiệm vụ này.

*Do C. Mác viết
ngày 9 tháng Ba 1848*

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

CHÚ THÍCH
THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP
CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN
CÁC BẢN CHỈ DẪN

CHÚ THÍCH

1 Tác phẩm này là một trong những thông tri mà Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen do Mác và Ăng-ghen sáng lập, đã gửi đi, như Ăng-ghen đã chỉ ra trong bài "Về lịch sử của Liên đoàn những người cộng sản" (1885), "trong những trường hợp đặc biệt, khi nói đến công việc nội bộ của đảng cộng sản đang hình thành".

Theo yêu cầu của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen, Cri-ghê, người có những quan điểm và hành động bị phê phán kịch liệt trong bản thông tri, đã buộc phải đăng văn kiện này trên tờ báo do ông ta làm tổng biên tập "Der Volks-Tribun" ("Diễn đàn nhân dân") các số 23 và 24, ngày 6 và 13 tháng Sáu 1846. Bản thông tri cũng được đăng trong số tháng Bảy của tạp chí "Das Westphälische Dampfboot" ("Tàu thủy Ve-xtơ-pha-li") năm 1846. Tuy nhiên, tổng biên tập của báo chí ấy là Ôt-tô Luy-ninh, một trong những đại biểu của "Chủ nghĩa xã hội chân chính" Đức, đã sửa lại thông tri này một cách có dụng ý, thêm thắt ý kiến của mình vào và trong nhiều trường hợp đã tùy tiện sửa đổi nguyên bản. Bản dịch thông tri này in trong Toàn tập của Mác và Ăng-ghen xuất bản lần thứ nhất (t. V, 1929) có nhiều chỗ dựa theo văn bản của tờ "Das Westphälische Dampfboot" và không phải là của Mác và Ăng-ghen mà là của Luy-ninh. Bản dịch in trong lần xuất bản này là bản dịch được in lần đầu tiên dựa theo đúng bản chính.

Nhan đề bài này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lênin Liên Xô (trước đây) đặt.- 9.

2 "Der Volks-Tribun" ("Diễn đàn nhân dân") là tuần báo do những người theo "chủ nghĩa xã hội chân chính" Đức sáng lập ở Niu Oóc. Xuất bản từ ngày 5 tháng Giêng đến hết ngày 31 tháng Chạp 1846.- 9.

3 "*Nước Mỹ trẻ*" là một tổ chức của thợ thủ công và công nhân Mỹ; là hạt nhân của Hội cải cách toàn quốc, một hội có tính chất quần chúng thành lập năm 1845, tuyên bố mục đích của mình là chia không cho mỗi người lao động một mảnh đất. Vào nửa cuối những năm 40, Hội đã tiến hành tuyên truyền cho cải cách ruộng đất, phân phối bọn chủ nô - chủ đồn điền và bọn đầu cơ ruộng đất, và đưa ra nhiều

yêu cầu dân chủ khác (đòi thi hành chế độ ngày làm việc mười giờ, xóa bỏ chế độ nô lệ, bãi bỏ quân thường trực, v.v.). Nhiều thợ thủ công - ngoại kiều người Đức đã tham gia phong trào đòi cải cách ruộng đất. Song, Cri-ghê và nhóm của ông ta, sau một thời gian tham gia Hội cải cách toàn quốc, đã lôi kéo những người ngoại kiều Đức ra khỏi cuộc đấu tranh cho những mục đích dân chủ bằng cách truyền bá những tư tưởng không tương phản động của "chủ nghĩa xã hội chân chính". - 17.

4 Có ý nói tới đoạn sau đây trích từ cuốn sách nhỏ của Ê.Gi. Xi-ây-ét "Đăng cấp thứ ba là gì?" ("Qu'est-ce que le tiers-état?") xuất bản năm 1789 ngay trước cuộc cách mạng tư sản Pháp: "Đăng cấp thứ ba là gì? - Là tất cả. - Cho đến ngày nay nó là gì về mặt chính trị? - Không là gì cả. - Nó có đạt được cái gì? - Thành một cái gì đó".- 28.

5 *E-xê-i* - là một giáo phái ở xứ Giu-đê thời cổ (thế kỷ II trước công nguyên - thế kỷ III sau công nguyên). - 31.

6 Đây là nói đến *Seehandlung* (Công ty buôn bán đường biển), một công ty thương nghiệp - tín dụng, thành lập năm 1772 ở Phổ; công ty này được hưởng nhiều đặc quyền quan trọng của nhà nước, nó cho chính phủ vay những khoản tiền lớn, trên thực tế nó đóng vai trò chủ ngân hàng và người môi giới của chính phủ về mặt tài chính. Năm 1904, công ty này chính thức chuyển thành Ngân hàng nhà nước Phổ.- 33.

7 *Thư của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen gửi G. A. Quết-ghen* là một trong những văn kiện phản ánh sự cố gắng của Mác và Ăng-ghen trong việc bắt liên lạc với những người tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa ở các nước nhằm chuẩn bị cơ sở cho việc thành lập một chính đảng vô sản quốc tế. Thư được viết để trả lời bức thư (ngày 10 tháng Sáu 1846) của nhà xã hội chủ nghĩa ở En-bơ-phen là G. A. Quết-ghen có ý định liên hiệp những người theo các quan điểm xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa ở Vúp-pơ-tan lại (tên gọi chung của hai thành phố ở tỉnh Ranh thuộc Phổ là Bắc-men và En-bơ-phen). Nhưng do có sự bất đồng về tư tưởng trong nhóm này nên ý định của Mác và Ăng-ghen phát biểu trong bức thư của mình về việc thành lập Ủy ban thông tin cộng sản ở Vúp-pơ-tan đã không được thực hiện. - 35.

8 Đây là nói về thắng lợi của thủ lĩnh phái hiến chương là Ô' Cô-no đối với ứng cử viên nghị sĩ của giai cấp tư sản là Hốp-hau-dơ tại cuộc bầu cử tháng Bảy 1846 ở vòng biểu quyết giờ tay. Ở nước Anh trước năm 1872 vào ngày để cử các ứng cử

viên, việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giờ tay và cả những người không được quyền bầu cử cũng có thể tham gia biểu quyết. Nhưng đến ngày bầu cử chính thức, khi cả những ứng cử viên đã bị loại bỏ ở vòng biểu quyết giờ tay cũng có thể ứng cử, thì tham gia cuộc bầu cử chỉ có một nhóm nhỏ những cử tri "hợp pháp" bị hạn chế về điều kiện tối thiểu rất cao về tài sản, về cư trú v.v..

Mặc dầu có chế độ phản dân chủ ấy, trong một thời gian bầu cử vào tháng Tám 1847 Ô' Cô-no vẫn được đa số phiếu và trúng cử vào nghị viện.- 41.

9 Có ý nói tới việc thông qua vào tháng Sáu 1846 đạo luật về việc hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc. Cái gọi là những đạo luật về ngũ cốc nhằm hạn chế, hoặc cấm nhập khẩu ngũ cốc từ nước ngoài vào được thi hành ở nước Anh vì lợi ích của những đại địa chủ - tức tầng lớp địa chủ quý tộc. Việc thông qua đạo luật năm 1846 có nghĩa là giai cấp tư sản công nghiệp đã thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống những đạo luật về ngũ cốc dưới khẩu hiệu mậu dịch tự do.- 41.

10 *Hiến chương nhân dân* bao gồm những yêu sách của phái Hiến chương được công bố ngày 8 tháng Năm 1838 với tính cách là một dự luật chuẩn bị đưa ra nghị viện: Hiến chương này gồm 6 điểm: quyền phổ thông đầu phiếu (đối với đàn ông đủ 21 tuổi), bầu cử nghị viện hàng năm, bỏ phiếu kín, quyền bình đẳng giữa các khu vực bầu cử, hủy bỏ điều kiện tối thiểu về tài sản đối với ứng cử viên nghị sĩ, việc trả lương cho các nghị sĩ. Trong những năm 1839 và 1842 những đơn thỉnh nguyện của phái Hiến chương yêu cầu thông qua Hiến chương nhân dân đều bị nghị viện bác bỏ. Trong những năm 1847-1848 phái Hiến chương lại phát động phong trào quần chúng đòi thông qua Hiến chương.- 42.

11 "*The Northern Star*" ("Ngôi sao bắc đẩu") là tờ tuần báo Anh, cơ quan ngôn luận trung ương của phái Hiến chương; được thành lập vào năm 1837; xuất bản cho đến năm 1852, ban đầu xuất bản ở Lít-xơ, còn từ tháng Mười một 1844 thì xuất bản ở Luân Đôn. Người sáng lập và tổng biên tập báo là Ph. Ô' Cô-no, trong những năm 40. Gi. Hác-ni cũng làm tổng biên tập báo này. Từ tháng Chín 1845 đến tháng Ba 1848, Ph. Ăng-ghen đã cộng tác với tờ báo này.- 43.

12 Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin Liên Xô (trước đây) đặt.-44.

13 "*Le National*" ("Báo dân tộc") là tờ báo Pháp ra hàng ngày, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1830 đến năm 1851; trong những năm 40 là cơ quan ngôn luận của những người cộng hòa tư sản ôn hòa.

"*La Réforme*" ("Cải cách") là tờ báo Pháp ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận của những người cộng hòa - dân chủ tiểu tư sản;

xuất bản ở Pa-ri từ năm 1843 đến năm 1850. Từ tháng Mười 1847 đến tháng Giêng 1848, Ăng-ghe-nơ đã đăng nhiều bài trên báo này.- 46.

14 Có ý nói tới bài văn châm biếm "Histoire édifiante et curieuse de Rothschild I^{er}, roi des juifs". Pari, 1846 ("Chuyện bổ ích và lý thú về Rốt-sin I, vua của những kẻ cho vay nặng lãi". Pa-ri, 1846). Tác giả của bài văn châm biếm này là Gi. M. Đéc-ven.- 46.

15 Có ý nói tới những sắc chỉ của nhà vua ngày 3 tháng Hai 1847 về việc triệu tập cái gọi là Nghị viện liên hợp ở Phổ. Theo những sắc chỉ này, Nghị viện liên hợp phải là một quốc hội liên hợp của những hội đồng dân biểu đẳng cấp hàng tỉnh đã được thành lập năm 1823. Nghị viện liên hợp chỉ có quyền hạn phê chuẩn những khoản thuế mới và trái khoán mới, quyền tư vấn trong việc thảo luận những dự luật và quyền đề đơn thỉnh nguyện lên nhà vua mà thôi. Các kỳ họp của Nghị viện do nhà vua xem xét và quyết định.

Nghị viện liên hợp khai mạc ngày 11 tháng Tư 1847 nhưng đến tháng Sáu đã bị giải tán vì đa số đã từ chối biểu quyết một trái khoán mới.- 48.

16 "*The Times*" ("Thời báo") là tờ báo lớn nhất ở Anh ra hàng ngày có khuynh hướng bảo thủ; thành lập năm 1785 ở Luân Đôn.

"*The Globe*" là tên gọi tắt của tờ báo Anh ra hàng ngày "The Globe and Traveller" ("Trái đất và nhà du hành"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1803; là cơ quan ngôn luận của đảng Vích, trong thời kỳ đảng này cầm quyền — là tờ báo của chính phủ; từ năm 1866 — là cơ quan ngôn luận của đảng bảo thủ.— 48.

17 "*Journal des Débats*" là tên gọi tắt của tờ báo tư sản Pháp ra hàng ngày "Journal des Débats politiques et littéraires" ("Báo tranh luận chính trị và văn học"), thành lập ở Pa-ri năm 1789. Trong thời kỳ chế độ quân chủ tháng Bảy — là tờ báo của chính phủ, cơ quan ngôn luận của nhóm tư sản theo phái Oóc-lê-ăng.- 48.

18 *Liên minh thuế quan* của các quốc gia Đức lập ra hàng rào thuế quan chung, đã được thành lập vào năm 1834. Về sau, Liên minh này đã lôi cuốn được tất cả các quốc gia ở Đức, trừ Áo và một số quốc gia nhỏ. Phổ giữ vai trò lãnh đạo trong Liên minh này. Ra đời do sự cần thiết thành lập một thị trường toàn Đức, Liên minh thuế quan sau này cũng thúc đẩy sự thống nhất nước Đức về mặt chính trị.-50.

19 Tháng Hai 1846, trên đất Ba Lan, cuộc khởi nghĩa nhằm mục đích giải phóng dân tộc Ba Lan đã được chuẩn bị. Những người khởi xướng chủ yếu trong cuộc khởi nghĩa này là những nhà dân chủ cách mạng Ba Lan. Nhưng do sự phản bội của

những phần tử tiểu quý tộc Ba Lan và do những nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã bị cảnh sát Phổ bắt giữ, nên cuộc tổng khởi nghĩa đã không thành công và chỉ còn diễn ra những cuộc bùng nổ cách mạng lẻ tẻ mà thôi. Chỉ có ở nước Cộng hòa Cra-cốp, nơi chịu sự kiểm soát chung của Áo, Nga và Phổ từ năm 1815, thì những người khởi nghĩa mới giành được thắng lợi vào ngày 22 tháng Hai và thành lập được Chính phủ dân tộc, chính phủ này đã ra tuyên bố về việc hủy bỏ các đảm phụ phong kiến. Đồng thời cuộc khởi nghĩa của nông dân U-cra-i-na đã lan rộng ở Ga-li-xi. Lợi dụng những mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc giữa tầng lớp tiểu quý tộc và nông dân, các nhà cầm quyền Áo trong nhiều trường hợp đã gây ra được những cuộc xung đột giữa nông dân khởi nghĩa và những đội quân tiểu quý tộc khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp đã bị đàn áp vào đầu tháng Ba 1846, sau đó thì Chính phủ Áo đã đàn áp phong trào của những nông dân Ga-li-xi. Tháng Mười một 1846, Áo, Phổ và Nga đã ký một hiệp ước về việc sáp nhập Cra-cốp vào Đế quốc Áo.-58.

20 Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin Liên Xô (trước đây) đặt.-59.

21 "*Trier'sche Zeitung*" ("Báo Tơ-ria") được thành lập ở Tơ-ria năm 1757, được xuất bản dưới tên gọi này từ năm 1815; từ đầu những năm 40 của thế kỷ XIX, là cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản cấp tiến; từ giữa những năm 40 báo này chịu ảnh hưởng của những người theo phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" (C. Grun đã trở thành một trong những cộng tác viên thường xuyên của tờ báo này) và đã bị C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ phê phán.-59.

22 Có ý nói tới cuốn sách: P. J. Proudhon. "Système des contradic-tions économiques, ou Philosophie de la misère". T. I—II, Paris, 1846 (P. G. Pru-đông "Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế hay là triết học về sự khốn cùng". T. I—II, Pa-ri, 1846).-59.

23 "*Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe*" ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương nghiệp và công nghiệp") là tờ báo ra hàng ngày, xuất bản ở Khuên ngày 1 tháng Giêng 1842 đến ngày 31 tháng Ba 1843. Tờ báo do các đại biểu của các giai cấp tư sản vùng Ranh thành lập, giai cấp này có khuynh hướng đối lập với nền chuyên chế Phổ. Cả một số người thuộc phái Hê-ghe-nơ trẻ cũng bị thu hút vào cộng tác với tờ báo. Từ tháng Tư 1842, C. Mác đã trở thành cộng tác viên của tờ "Rheinische Zeitung" và từ tháng Mười cùng năm, ông là một trong những biên tập viên của báo này. Một loạt bài của Ph. Ăng-ghe-nơ cũng đăng trên tờ "Rheinische Zeitung". Trong thời kỳ Mác tham gia biên tập, tờ báo đã mang

tính chất dân chủ cách mạng rõ ràng hơn. Chính phủ đã kiểm duyệt đặc biệt gắt gao tờ "Rheinische Zeitung", và sau đó đã đóng cửa báo này. -59.

24 Có ý nói tới tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen "Gia đình thần thánh, hay là Phê phán sự phê phán có tính chất phê phán. Chống bọn Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr. 9-316).- 59.

25 "*Das Westphälische Dampfboot*" ("Tàu thủy Ve-xơ-pha-li") là tờ nguyệt san của những người theo phái "chủ nghĩa xã hội chân chính"; do Luy-ninh chủ biên, xuất bản ở Bi-lơ-phen từ tháng Giêng 1845 đến tháng Chạp 1846 và ở Pa-đéc-boóc-nơ từ tháng Giêng 1847 đến tháng Ba 1848.-61.

26 Bài khảo luận phê phán của Mác về cuốn sách: C. Grun. "Phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ". Đắc-mơ-stát, 1845 (K. Grün. "Die soziale Bewegung in Frankreich und Belgien". Darmstadt, 1845) là một chương của cuốn "Hệ tư tưởng Đức" đã được đăng khi Mác và Ăng-ghe-nen còn sống (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. "Hệ tư tưởng Đức", t. II, ch. IV; C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1986, t. 3, tr. 666-726). Bài khảo luận này được đăng trên các số tháng Tám và tháng Chín của tạp chí "Das Westphälische Dampfboot" năm 1847.-61.

27 K. Grün. "Bausteine". Darmstadt, 1844.-62.

28 "Deutsch - Französische Jahrbücher" ("Niên giám Pháp - Đức") xuất bản bằng tiếng Đức ở Pa-ri do C. Mác và A. Ru-gơ chủ biên. Chỉ ra được số đầu cũng là số kép vào tháng Hai 1844. Trong đó có đăng tác phẩm của C. Mác: "Về vấn đề Do Thái" và "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-nen. Lời nói đầu", và cả những tác phẩm của Ph. Ăng-ghe-nen: "Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị" và "Tình cảnh nước Anh". Tô-mát Các Lai-tơ. "Quá khứ và hiện tại" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr.525-568, 569-590, 744-786, 787-815). Những tác phẩm này đánh dấu việc Mác và Ăng-ghe-nen đã chuyển hẳn sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản. Nguyên nhân chủ yếu của việc tạp chí bị đình bản là do có những bất đồng về nguyên tắc giữa Mác và phần tử cấp tiến tư sản Ru-gơ.-62.

29 "*Neue Anekdoten*" ("Tập giai thoại mới") là tuyển tập những bài của M. Hét-xơ, C. Grun, Ô. Luy-ninh v.v., do những người theo phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" xuất bản ở Đắc-mơ-stát năm 1845.-62.

30 Tác phẩm này Ph. Ăng-ghe-nen dự định xuất bản năm 1847 ở Đức dưới dạng một cuốn sách riêng. Nhưng cuốn sách này đã không được ấn hành vì người xuất bản

bị bắt. Bản thảo cuốn sách không giữ lại được nguyên vẹn, đã được công bố lần đầu tiên ở Liên Xô (trước đây) năm 1929.

Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin Liên Xô (trước đây) đặt.-63.

31 Đây là nói về những người ủng hộ báo "Réforme" ("Cải cách"), đã tán thành thiết lập nền cộng hòa và việc thực hiện những cải cách dân chủ và xã hội.-66.

32 *Những người theo phái chính thống Pháp* là những người ủng hộ vương triều Buốc-bông đã bị lật đổ năm 1830 và đại diện cho lợi ích của chế độ đại chiếm hữu ruộng đất thế tập. Trong cuộc đấu tranh chống vương triều Oóc-lê-ăng đang thống trị dựa vào tầng lớp quý tộc tài chính và giai cấp đại tư sản, một bộ phận những người theo phái chính thống thường dùng đến thủ đoạn mỵ dân về mặt xã hội, làm ra vẻ là người bảo vệ nhân dân lao động chống lại bọn tư sản bóc lột.

"*Nước Anh trẻ*" là một nhóm các nhà hoạt động chính trị và các tác giả Anh thuộc đảng To-ri; nhóm này hình thành vào đầu những năm 40 của thế kỷ XIX. Thể hiện sự bất mãn của tầng lớp quý tộc ruộng đất đối với sự tăng cường thế lực về kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản, những nhà hoạt động của nhóm "Nước Anh trẻ" đã dùng những thủ đoạn mỵ dân để làm cho giai cấp công nhân lệ thuộc vào ảnh hưởng của họ và lợi dụng giai cấp này trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản.

Trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen đã gọi các quan điểm của những đại biểu của nhóm này là chủ nghĩa xã hội phong kiến.-67.

33 *Hệ thống lục địa*, hay sự phong tỏa của lục địa, do Na-pô-lê-ông tuyên bố năm 1806, đã cấm các nước thuộc địa châu Âu, kể cả nước Phổ, tiến hành buôn bán với nước Anh.-71.

34 *Những sắc chỉ ngày 3 tháng Hai* — xem chú thích 15.—90.

35 Ở đây Ăng-ghe-nen dùng tên của pháo đài Span-dâu nằm ở phía tây Béc-lin làm biểu tượng cho chế độ nhà nước phản động Phổ — pháo đài này là một trong những trung tâm huấn luyện quân sự và nơi giam giữ "những tội phạm quốc gia" ở Phổ.-91.

36 Có ý nói tới việc Chính phủ Phổ đồng ý sáp nhập Cra-cốp vào Đế quốc Áo sau khi cuộc khởi nghĩa Cra-cốp năm 1846 bị đàn áp (xem chú thích 19). Một trong những kết quả của hành động này là đặt Cra-cốp vào hàng rào thuế quan của Áo và hàng hóa của nước Phổ bị đánh thuế nặng.-91.

37 "*Sự khốn cùng của triết học. Trả lời cuốn "Triết học về sự khốn cùng" của*

Pru-đông" là một trong những tác phẩm lý luận quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác, là tác phẩm chủ yếu của C. Mác nhằm chống lại nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản là P. G. Pru-đông. Vào cuối tháng Chạp 1846, do đã đọc cuốn sách của Pru-đông "Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế, hay là Triết học về sự khốn cùng" xuất bản cách đó không lâu, nên Mác đã có ý định phê phán những quan điểm của Pru-đông là một trở ngại nghiêm trọng đối với việc truyền bá trong công nhân tư tưởng chủ nghĩa cộng sản khoa học, và đồng thời xuất phát từ lập trường duy vật khoa học để làm sáng tỏ một loạt vấn đề lý luận và sách lược của phong trào vô sản cách mạng. Trong bức thư gửi một tác giả Nga là P. V. An-nen-cốp ngày 28 tháng Chạp 1847, Mác đã nêu ra nhiều tư tưởng quan trọng nhất mà sau này ông đặt làm cơ sở cho quyển sách của ông chống lại Pru-đông. Như bức thư của Ăng-ghe-nơ gửi Mác ngày 15 tháng Giêng 1847 cho thấy, Mác đã bắt tay vào việc trả lời Pru-đông từ tháng Giêng 1847. Vào khoảng đầu tháng Tư 1847, tác phẩm của Mác đã hoàn thành về cơ bản và đã được đưa in (xem tập này, tr.71). Ngày 15 tháng Sáu 1847, Mác viết một bài tựa ngắn cho cuốn sách này.

Cuốn sách này của Mác xuất bản ở Bruy-xen và ở Pa-ri vào đầu tháng Bảy 1847. Khi Mác còn sống, tác phẩm này không được tái bản. Năm 1885, tác phẩm này được xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Đức. Bản dịch này do Ăng-ghe-nơ hiệu đính, ông đã viết cho lần xuất bản bằng tiếng Đức một bài tựa riêng và nhiều chú thích. Khi hiệu đính bản dịch tiếng Đức, Ăng-ghe-nơ đã sử dụng những điểm sửa chữa do Mác ghi trên bản tiếng Pháp xuất bản năm 1847 mà ngày 1 tháng Giêng 1876 Mác đã tặng Na-ta-li-a U-ti-na, vợ của một ủy viên của chi bộ Nga thuộc Quốc tế I tên là N. I. U-tin. Năm 1886, cuốn "Sự khốn cùng của triết học", do V. I. Da-xu-lích dịch, được nhóm mác-xít Nga "Giải phóng lao động" xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Nga. Đến năm 1892, tác phẩm này được xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức. Ăng-ghe-nơ đã viết cho lần xuất bản này một bài tựa ngắn về việc sửa chữa một số chỗ không chính xác trong nguyên bản (xem chú thích 48). Năm 1896, sau khi Ăng-ghe-nơ mất, việc in lần thứ hai bằng tiếng Pháp do con gái của Mác là Lô-ra La-phác-gơ chuẩn bị đã được thực hiện, trong đó lại sử dụng những điểm sửa chữa ghi ở lề bản in tiếng Pháp do Mác đã tặng N. U-ti-na.- 97.

- 38 Mác dẫn cuốn sách: Somo-de de Simondi. "Études sur l'économie politique". T. I—II, Bruxelles, 1837-1838 (Xi-môn-đơ Đờ Xi-xmôn-di. "Khái luận về khoa kinh tế chính trị". Các tập I—II, Bruy-xen, 1837—1838).—108.
- 39 Lauderdale. "Recherches sur la nature et l'origine de la richesse publique". Traduit de l'anglais, par E. Lagetie de Lavoisse. Paris, 1808, p. 33. - 108.

- 40 D. Ricardo. "Des principes de l'économie politique et de l'impôt". Traduit de l'anglais par F.-S. Consta ncio, avec des notes explicatives et critiques par J.- B. Say. T. II, Paris, 1835, p. 65 (Đ. Ri-các-đô. "Về những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị và thuế khóa". Do Ph. X. Công-xtăng-xi-ô dịch từ tiếng Anh, kèm theo những chú thích có tính chất giải thích và phê phán của G. B. Xây. T. II, Pa-ri, 1835, tr. 65).-108.
- 41 Có ý nói tới cuốn sách: A. Anderson. "An Historical and Chronological Deduction of the Origin of Commerce from the Earliest Accounts to the Present Time" (A. An-đéc-xơn. "Khái luận có tính chất lịch sử và niên giám về nguồn gốc của thương mại từ những tài liệu có sớm nhất về vấn đề này cho tới nay"). Xuất bản lần thứ nhất ở Luân Đôn vào năm 1764. -111.
- 42 H. Storch. "Cours d'économie politique, ou Exposition des principes qui déterminent la prospérité des nations". T. I - IV, Paris. 1823 (A. Stóc-sơ. "Giáo trình khoa kinh tế chính trị hay là Trình bày những nguyên lý quyết định sự phồn vinh của các dân tộc". Các tập I — IV, Pa-ri, 1823). Mác viện dẫn t. I.—113.
- 43 Có ý nói tới thời kỳ sau khi các cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-ông kết thúc vào năm 1815 và vương triều Buốc-bông được phục tích ở Pháp.—118.
- 44 A. Smith. "An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations" (A. Xmit. "Nghiên cứu về bản chất và nguyên nhân của sự giàu có của các dân tộc"). Xuất bản lần thứ nhất ở Luân Đôn năm 1776.—119.
- 45 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr.317—698 và t. 2, tr.317-698.-125.
- 46 Tác phẩm của Boa-ghin-be được trích dẫn theo văn tập: "Economistes-financiers du XVIII siècle". Précédés de notices historiques sur chaque auteur, et accompagnés de commentaires et de notes explicatives, par Eugène Daire. Paris, 1843 ("Các nhà kinh tế học tài chính của thế kỷ XVIII". Kèm theo những ghi chú về tiểu sử của từng tác giả, cùng những bình luận và chú thích của Ô-gien Đe-rơ, Pa-ri, 1843).—142.
- 47 W. Atkinson. "Principles of Political Economy". London, 1840.-143.
- 48 Th. Hodgskin. "Popular Political Economy". London, 1827 (T. Hốt-xkin. "Kinh tế chính trị học phổ thông". Luân Đôn, 1827).

Trong nguyên bản, ở chỗ này đã viết sai họ tác giả thành Hốp-kin-xơ. Năm 1892, trong lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Đức cuốn "Sự khốn cùng của triết học", Ăng-ghe-nơ đã sửa lại điểm thiếu chính xác đó, cái điểm thiếu chính xác đã

bị Men-gơ, một luật gia tư sản Áo, lợi dụng để phát biểu rằng sự trích dẫn ấy của Mác là vô căn cứ. Trong lời tựa cho lần xuất bản năm 1892, Ăng-ghe-nh viết:

"Về việc xuất bản lần thứ hai tôi chỉ cần nói rằng tên họ ghi sai là Hốp-kin-xơ trong bản tiếng Pháp được thay bằng tên họ đúng là Hốt-xkin, và ở đó năm xuất bản cuốn sách của Uy-li-am Tôm-xơn cũng được đính chính lại là năm 1824. Bây giờ thì chúng tôi hy vọng rằng lương tâm thư mục học của ngài giáo sư An-tôn Men-gơ sẽ được thanh thản.

Luân Đôn, ngày 29 tháng Ba 1892 Phri-đrich Ăng-ghe-nh".-145.

49 W. Thompson. "An Inquiry into the Principles of the Distribution of Wealth Most Conducive to Human Happiness". London, 1824.

T. R. Edmonds. "Practical Moral and Political Economy". London, 1828.-145.

50 J. F. Bray. "Labour's Wrongs and Labour's Remedy". Leeds, 1839.-145.

51 Đạo luật ngày lao động 10 giờ, chỉ áp dụng đối với thiếu niên và nữ công nhân, được Nghị viện Anh thông qua ngày 8 tháng Sáu 1847. Nhưng trên thực tế, nhiều chủ xưởng không đếm xỉa gì tới đạo luật này.-152.

52 Mác đã dẫn ra một trong những chương thuộc tác phẩm của Vôn-te "Lịch sử Nghị viện" ("Histoire du parlement"); chương này nhan đề: "Tài chính trong thời kỳ nhiếp chính và học thuyết của Lô".-160.

53 Có ý nói tới lời chú thích của Xây viết cho bản in bằng tiếng Pháp cuốn sách của Ri-các-đô (xem chú thích 40), t. II, tr. 206-207.-164.

54 N. W. Senior. "Political Economy". In: "Encyclopedia Metropolitana, of Universal Dictionary of Knowledge". Vol. VI. London, 1836.- 166.

55 J. St. Mill. "Essays on some Unsettled Questions of Political Economy". London, 1844.

Th. Tooke. "A History of Prices, and of the State of the Circulation, from 1793 to 1837". Vol. I-II, London, 1838 (T. Tu-cơ. "Lịch sử giá cả và tình hình lưu thông từ năm 1793 đến năm 1837". Các tập I-II, Luân Đôn, 1838).-166.

56 Th. Cooper. "Lectures on the Elements of Political Economy". Cuốn sách xuất bản lần thứ nhất ở Cô-lông-bi năm 1826; xuất bản lần thứ hai, có bổ sung, ở Luân Đôn năm 1831.-167.

57 M. Th.Sadler. "The Law of Population". Vol. I, London, 1830, p. 83, 84.-168.

58 Có ý nói tới hai tác phẩm kinh tế chủ yếu của Kê-nê: "Tableau économique" (1758) và "Analyse du Tableau économique" (1766).-181.

59 Mác ám chỉ tác phẩm của người cùng thời với Kê-nê là N. Bô-đô "Sự giải thích Biểu kinh tế" ("Explication du Tableau économique"), được công bố năm 1770.-181.

60 G. W. F. Hegel. "Wissenschaft der Logik", Bd. III; Werke, 2-te Aufl., Bd. V, Berlin, 1841, S. 320 (G. V. Ph. Hê-ghen." Lô-gích học"), t. III; Toàn tập, xuất bản lần thứ 2, t. V, Béc-lin, 1841, tr. 320).-184.

61 Mác dẫn ra ở đây mấy chữ của đoạn sau đây trong bài thơ của Lu-cre-xơ "Về bản chất sự vật" (quyển III, câu 869): "mortalem vitam mors immortalis ademit" ("cái chết bắt từ đã cướp đi cuộc sống trần tục").-188.

62 A. de Villeneuve-Bargemont. "Histoire de l'économie politique". Xuất bản lần thứ nhất ở Bruy-xen năm 1839.-199.

63 Mác trích dẫn cuốn sách của A. Xmit "Nghiên cứu về bản chất và nguyên nhân của sự giàu có của các dân tộc" xuất bản bằng tiếng Pháp: "Recherches sur la nature et les causes de la richesse des nations". T. I, Paris, 1802, p. 33-34.-209.

64 Lơ-mông-tây nói đến cuốn sách của mình: "Raison, folie, chacun son mot; petit cours de morale mis à la portée des vieux enfants". Paris, 1801 ("Lý trí, sự điên rồ, mỗi cái có tiếng nói của mình; giáo trình luân lý tóm tắt dễ hiểu đối với những trẻ em lớn tuổi". Pa-ri, 1801).

Mác dẫn ra tác phẩm của Lơ-mông-tây "Influence morale de la division du travail" ("Ảnh hưởng đạo đức của sự phân công lao động"), trong đó Lơ-mông-tây viện dẫn cuốn sách nói trên.-209.

65 A. Ferguson. "Essai sur l'histoire de la société civile". T. II. Paris. 1783, p. 108-110.-210.

66 Ch. Babbage. "Traité sur l'économie des machines et des manufactures". Paris, 1833, p. 230 (S. Báp-bít-giơ. "Luận văn về bản chất kinh tế của máy móc và công xưởng". Pa-ri, 1833, tr. 230).-219.

67 A. Ure. "Philosophie des manufactures, ou Économie industrielle". Bruxelles, 1836, t. I, première partie, chapitre I.-223.

68 P. Rossi. "Cours d'économie politique". T. I-II, Paris, 1840-1841.-232.

69 J. Steuart. "Recherche des principes de l'économie politique". T. II, Paris, 1789, p. 190-191. Xuất bản bằng tiếng Anh lần đầu tiên tại Luân Đôn năm 1767.-234.

70 Vôn-te. "Con người có bốn mươi đồng ê-quy" ("L'homme aux quarante écus").-235.

71 W. Petty. "Political arithmetick" (U. Pét-ti. "Số học chính trị"). Trong cuốn:

- W. Petty. "Several essays in political arithmetick". London, 1699. (U. Pét-ti. "Đại cương về số học chính trị". Luân Đôn, 1699).-248.
- 72 Những đạo luật có hiệu lực thời bấy giờ ở Pháp – cái gọi là đạo luật Lơ Sa-pơ-li-ê được Quốc hội lập hiến thông qua năm 1791 vào thời kỳ cách mạng tư sản, và bộ luật hình được soạn thảo trong thời kỳ đế chế Na-pô-lê-ông – cấm công nhân thành lập các tổ chức công đoàn và tổ chức bãi công, và quy định trừng phạt nghiêm ngặt kẻ nào vi phạm. Chỉ mãi đến năm 1884, sự cấm đoán đối với công đoàn mới được bãi bỏ ở Pháp.- 253.
- 73 *Hội liên hiệp toàn quốc các nghiệp đoàn thống nhất* (Nationnal Association of United Trades) là một tổ chức công liên thành lập ở Anh năm 1845. Hoạt động của Hội không vượt quá khuôn khổ đấu tranh kinh tế đòi những điều kiện tốt hơn cho việc bán sức lao động, đòi cải tiến luật lệ trong công xưởng. Hội tồn tại đến đầu những năm 60, nhưng sau năm 1851, Hội không còn đóng vai trò gì lớn trong phong trào công đoàn nữa.-255.
- 74 Gioóc-giơ Xăng. "I-an Git-ka", tiểu thuyết lịch sử. Lời tựa.-258.
- 75 R. Sê-ri-đan. "Trường học dậy dèm pha" ("The School for Scandal"), hài kịch 5 hồi.-259.
- 76 *Cái hộp Păng-đo-rơ* là chiếc hộp chứa đầy những điều ác và những mối bất hòa; là một hình tượng văn học dựa trên thần thoại cổ Hy Lạp về nữ thần Păng-đo-rơ, vì tính tò mò đã mở cái hộp chứa đựng mọi tai họa có thể xảy ra, và do đó đã gieo rắc chúng ra ngoài.-261.
- 77 Có ý nói tới phái đa số phản động trong hạ nghị viện Pháp đã ủng hộ chính phủ Ghi-đô.-261.
- 78 Bài báo của C. Mác "*Chủ nghĩa cộng sản của báo "Rheinischer Beobachter"*" được viết để trả lời mưu toan của các giới cầm quyền phản động Phổ định dùng việc tuyên truyền chủ nghĩa xã hội phong kiến và Cơ Đốc giáo để lôi kéo quần chúng nhân dân xa rời phong trào cách mạng chống lại chế độ chuyên chế và lợi dụng quần chúng trong cuộc đấu tranh với phe đối lập tư sản. Đặc biệt là một quan chức thuộc hội đồng quốc giáo thời bấy giờ ở Mác-đơ-buốc, sau này là một trong những thủ lĩnh của đảng bảo thủ, G. Va-ghơ-ne, (bài báo bị Mác phê phán có thể là do nhân vật này viết) lợi dụng sự bảo trợ của Ai-sơ-hoóc, bộ trưởng Bộ tôn giáo, giáo dục và y tế, đã chuyên tiến hành việc tuyên truyền đó.
- Sau này vạch mặt phái Lát-xan bợ đỡ chính phủ Bi-xmác và bọn đại địa chủ quý tộc ở Đức, Mác và Ăng-ghe-nơ đã đưa ra bài báo này như là một văn kiện chứng

- minh cho lập trường không khoan nhượng của chính đảng công nhân đối với "chủ nghĩa xã hội của chính phủ của Vương quốc Phổ" (xem bản tuyên bố của Mác và Ăng-ghe-nơ gửi ban biên tập báo "Socical-Demokrat" ngày 23 tháng Hai 1865).
- "Rheinischer Beobachter"* ("Người quan sát tỉnh Ranh") là tờ báo của đảng bảo thủ ra hàng ngày; xuất bản ở Khuên từ năm 1844; tờ báo bị đình bản sau khi xảy ra cuộc cách mạng tháng Ba 1848 ở Đức.- 270.
- 79 "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" ("Báo Bruy-xen-Đức") do những người lưu vong chính trị Đức ở Bruy-xen thành lập, phát hành từ tháng Giêng 1847 đến tháng Hai 1848. Thoạt tiên, xu hướng của tờ báo do ý đồ của chủ bút nó, nhà dân chủ tiểu tư sản Boóc-stét, xác định là cố gắng dung hòa những trào lưu khác nhau của phe dân chủ và cấp tiến. Tuy nhiên, ngay từ mùa hè năm 1847, nhờ những bài phát biểu của Mác, Ăng-ghe-nơ và những bài chiến đấu của hai ông đăng trên các trang báo này, tờ báo ngày càng trở thành cơ quan tuyên truyền những tư tưởng dân chủ cách mạng và cộng sản. Từ tháng Chín 1847, Mác và Ăng-ghe-nơ đã trở thành cộng tác viên thường xuyên của báo và đã có ảnh hưởng trực tiếp đến xu hướng của nó, vì trên thực tế hai ông đã tập trung trong tay mình công tác biên tập của tờ báo vào những tháng cuối năm 1847. Dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăng-ghe-nơ, tờ báo đã trở thành cơ quan ngôn luận của đảng cách mạng đang được hình thành của giai cấp vô sản, tức là Liên đoàn những người cộng sản.-270.
- 80 Có ý nói tới bài diễn văn của Phri-đrich-Vin-hem IV đọc trong buổi khai mạc Nghị viện liên hợp Phổ ngày 11 tháng Tư 1847. Trong bài này, nhà vua tuyên bố rằng ông không bao giờ cho phép "những quan hệ tự nhiên giữa nhà vua và nhân dân" biến thành "những quan hệ có điều kiện, theo hiến pháp" và không để cho "giấy tờ viết đầy chữ" lại thay thế "lòng trung thành thiêng liêng có từ ngàn xưa".-287.
- 81 Ăng-ghe-nơ bắt đầu viết những bài bình luận "*Chủ nghĩa xã hội Đức dưới dạng thơ và văn xuôi*" từ cuối năm 1846. Đầu năm 1847, Ăng-ghe-nơ viết bài báo nói về cuốn sách của Grun "Bàn về Gơ-tơ theo quan điểm con người", bài này là cơ sở cho bài bình luận thứ hai. Ăng-ghe-nơ đã có ý định sửa lại bài báo này cho tập 2 của tác phẩm chung của Mác và Ăng-ghe-nơ "Hệ tư tưởng Đức", bổ sung cho các phần phê phán "chủ nghĩa xã hội chân chính" (xem thư của Ăng-ghe-nơ gửi Mác ngày 15 tháng Giêng 1847). Tuy nhiên, những bài bình luận này chỉ được đăng dưới hình thức một tác phẩm riêng trên một số báo của tờ "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" trong thời gian từ tháng Chín đến tháng Chạp 1847.-291.

82 *Äng-xê-lát-đơ* (hay là Äng-kê-lát-đơ), theo thần thoại cổ Hy Lạp, là một trong những người khổng lồ đã chiến đấu với các vị thần trên núi Ô-lim-pơ.–292.

83 Đoạn trích có cải biên trong "Thơ hai câu" của Lút-vích xứ Ba-vi-e.

Những câu thơ của Lút-vích I vua xứ Ba-vi-e, sau này đã hoàn toàn bị lãng quên, là điển hình cho loại thơ cầu kỳ và không có nội dung.–293.

84 "*Leipziger Allgemeine Zeitung*" ("Báo phổ thông Lai-pxích") là tờ báo ra hàng ngày ở Đức, xuất bản từ năm 1837. Đầu những năm 40 của thế kỷ XIX, là tờ báo tư sản tiến bộ. Tờ báo bị cấm trong phạm vi nước Phổ theo sắc lệnh của nội các ngày 28 tháng Chạp 1842, song vẫn phát hành ở Dắc-den cho đến ngày 1 tháng Tư 1843. Đề từ của tờ báo là câu: "Chân lý và pháp quyền, tự do và pháp luật".–293.

85 Hội kín của những người Các-bô-na-ri ở Pháp được thành lập vào cuối năm 1820–đầu năm 1821 rập theo khuôn mẫu một hội cùng tên ở nước I-ta-li-a. Những tổ chức cơ sở của hội này được gọi là "những văng-tơ". Những hội viên Các-bô-na-ri Pháp tập hợp trong hàng ngũ mình những đại biểu của nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau, tự đặt ra mục đích là đánh đổ nền quân chủ triều đại Buốc-bông. Năm 1822, hội đã tổ chức một vụ âm mưu để tiến hành khởi nghĩa đồng loạt trong những đội quân đồn trú thuộc nhiều thành phố (Ben-pho, La Rô-sen, v.v.). Sau khi âm mưu bị thất bại và một số thủ lĩnh bị xử tử, hội những người Các-bô-na-ri trên thực tế đã ngừng hoạt động.–295.

86 *Mu-xi-út Xkê-vô-la* là một vị anh hùng thần thoại của La Mã thời cổ; theo truyền thuyết, vị anh hùng này, để chứng tỏ lòng dũng cảm và lòng yêu nước của những người La Mã, đã đốt cháy tay phải của mình trước mắt vua Ê-tơ-ru-ri-a đang vây hãm thành La Mã vào năm 507 trước công nguyên.–296.

87 "*Le Siècle*" ("Thế kỷ") là tờ báo ra hàng ngày, phát hành ở Pa-ri từ năm 1836 đến năm 1939. Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, tờ báo phản ánh những quan điểm của một bộ phận trong giai cấp tiểu tư sản chỉ đưa ra yêu sách về những cải cách hợp hiến ôn hòa mà thôi.–296.

88 *Phái "Nước Đức trẻ"* là đại biểu của nhóm văn học "Nước Đức trẻ" ra đời vào những năm 30 của thế kỷ XIX ở Đức và chịu ảnh hưởng của Hai-nơ và Béc-nơ. Trong những tác phẩm nghệ thuật và chính luận của mình, những nhà văn của nhóm "Nước Đức trẻ" (Gút-xcốp, Vin-bác, Mun-tơ, v.v.) đã phản ánh tâm trạng đối lập của giai cấp tiểu tư sản, đã lên tiếng bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng và tự do báo chí. Một số đại biểu của nhóm "Nước Đức trẻ" đã truyền bá tư tưởng

giải phóng người Do Thái. Quan điểm của những người thuộc nhóm "Nước Đức trẻ" có đặc điểm là chưa trưởng thành về mặt tư tưởng và chưa kiên định về mặt chính trị; chẳng bao lâu, đa số trong bọn họ đã thoái hóa thành những phần tử tự do tư sản tầm thường.–304.

89 Có ý nói tới cuộc khởi nghĩa tự phát của thợ dệt thành phố Pra-ha nổ ra vào cuối tháng Sáu 1844. Các sự kiện ở Pra-ha đã gây nên những phong trào phản đối của công nhân của nhiều trung tâm công nghiệp khác của xứ Séc (Li-bê-rét, Li-pa thuộc Séc, v.v.). Phong trào của công nhân kèm theo sự phá hoại công xưởng và phá hủy máy móc đã bị quân đội chính phủ đàn áp tàn khốc.–306.

90 "Những người bạn của ánh sáng" là một giáo phái chống lại chủ nghĩa kiến thành mang tính chất cực kỳ thần bí và giả nhân giả nghĩa đang thống trị trong giáo hội Tin lành chính thống. Giáo phái đối lập này là một trong những hình thức biểu hiện sự bất mãn của giai cấp tư sản Đức vào những năm 40 của thế kỷ XIX đối với chế độ phản động ở Đức.–311.

91 Gơ-tơ. "Phau-xơ" phần I, cảnh một ("Bóng đêm").–315.

92 Äng-ghen có ý nói tới cuốn sách: "*Système de la nature ou Des Loix Monde Physique et du Monde Moral*". Par M. Mirabaud, Secrétaire Perpétuel et l'un des Quarante de l'Académie Franç. Londres. 1770 ("Hệ thống của tự nhiên, hay Về những quy luật của thế giới vật chất và của thế giới tinh thần". Tác phẩm của ông Mi-ra-bô, thư ký thường trực và một trong số bốn mươi Viện sĩ hàn lâm Pháp. Luân Đôn, 1770). Tác giả thực sự của cuốn sách này là nhà duy vật Pháp P. A. Hôn-bách; để giữ bí mật ông đã đề trên quyền sách của mình họ tên của vị thư ký Viện hàn lâm Pháp G. B. Mi-ra-bô đã chết từ năm 1760.–316.

93 Trích từ bài thơ "Tối hậu thư" của Gơ-tơ (Tập thơ "Chúa trời và thế giới").–317.

94 Vỡ bi kịch "Ca-tôn" của nhà văn Anh A-đi-xon viết vào năm 1713; tiểu thuyết của Gơ-tơ "Sự đau khổ của chàng Véc-te trẻ tuổi" viết vào năm 1774.–318.

95 *Những nghị quyết hiệp bang năm 1819* là một loạt những nghị quyết phản động, được soạn thảo vào tháng Tám 1819 tại Các-xbát (Các-lô-vi Va-ri) trong hội nghị đại biểu các quốc gia thuộc Hiệp bang Đức. Các nghị quyết này quy định thi hành trong tất cả các quốc gia Đức chế độ kiểm duyệt, chế độ giám sát cực kỳ nghiêm ngặt đối với các trường đại học, cấm lập các đoàn thể sinh viên, thành lập ủy ban điều tra trung ương để điều tra những người bị tình nghi thuộc phe đối lập (được gọi là "những kẻ mỵ dân"). Người đề xướng ra những biện pháp cảnh sát ấy là thủ tướng Áo Mét-téc-ních.–319.

96 Có ý nói tới cuốn sách do Buy-sê và Ru La-véc-nơ xuất bản "Histoire parlementaire de la révolution française, ou Journal des assemblées nationales, depuis 1789 juspu'en 1815". T. I–XI., Paris, 1834-1838 ("Lịch sử nghị viện của cách mạng Pháp, hay là Nhật ký của những Nghị viện quốc dân từ năm 1789 đến năm 1815". Các tập I–XI, Pa-ri, 1834–1838).–320.

97 Ngày 9 tháng Nóng là ngày nổ ra cuộc đảo chính cách mạng ở Pháp ngày 27 tháng Bảy 1794, dẫn đến việc đánh đổ chính phủ của phái Gia-cô-banh và dẫn đến việc thiết lập nền thống trị của giai cấp đại tư sản phân cách mạng.

Ngày 18 tháng Sương mù là ngày xảy ra cuộc đảo chính ngày 9 tháng Mười một 1799, kết thúc quá trình phân cách mạng của giai cấp tư sản ở Pháp; kết quả của cuộc đảo chính là chế độ độc tài của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ được thiết lập.–320.

98 G. W. F. Hegel. "Vorlesungen über die Geschichte der Philosophie", Th. III; Werke, 2-te Aufl. Bd. XV, Berlin, 1844 (G. V. Ph. Hê-ghen. "Các bài giảng về lịch sử triết học", phần III; Toàn tập, xuất bản lần thứ hai, t. XV, Béc-lin, 1844).–320.

99 Đây là nói về bài báo của Grun "Chính trị và chủ nghĩa xã hội".

"*Rheinische Jahrbücher zur gesellschaftlichen Reform*" ("Niên giám tỉnh Ranh về các vấn đề cải cách xã hội") là tạp chí do nhà chính luận cấp tiến H. Puýt-man xuất bản; ra tất cả được hai tập, tập thứ nhất ở Đác-mơ-stát vào tháng Tám 1845, tập thứ hai ở thị trấn Ben-Vi-u tại vùng biên giới Thụy Sĩ–Đức vào cuối năm 1846. Với ý định giành lấy trận địa để tuyên truyền những quan điểm cộng sản của mình tại Đức, Mác và Ăng-ghen cho rằng cần phải lợi dụng tạp chí này vào các mục đích ấy. Trong tập thứ nhất đã đăng "Các bài phát biểu ở En-bơ-phen" của Ph. Ăng-ghen, ở tập thứ hai–bài "Ngày hội của các dân tộc ở Luân Đôn" của ông (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 2, tr.716-745 và 788-805). Tuy nhiên, khuynh hướng chung của tờ niên giám này do bọn đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính" tham gia tạp chí này định đoạt; do đó Mác và Ăng-ghen đã phê phán kịch liệt tạp chí này trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" của mình (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1986, t. 3, tr.25-740).–321.

100 Xem tác phẩm của C. Mác "Về vấn đề Do Thái" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr.547-558)–321.

101 Gơ-tơ. "Phau-xơ", phần một, cảnh bốn ("Phòng của Phau-xơ").–322.

102 Xem tác phẩm của C. Mác "Bàn về vấn đề Do Thái" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr.553-555).–322.

103 Xem tác phẩm của C. Mác và Ăng-ghen "Gia đình thần thánh, hay là Phê phán sự phê phán có tính phê phán. Chống Bru-nô, Bau-ơ và đồng bọn" (C. Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 2, tr.188-204).–323.

104 Ch. Fourier. "Traité de l'association domestique-agricole". T. I–II, Paris–Londres, 1822 (S. Phu-ri-ê. "Khái niệm về hiệp tác nội trợ–nông nghiệp". Các tập I–II, Pa-ri–Luân Đôn, 1822).–324.

105 Gơ-tơ "Thư gửi từ Thụy Sĩ" phần thứ nhất. Tác phẩm này do Gơ-tơ viết sau khi tiểu thuyết "Sự đau khổ của chàng Véc-tơ trẻ tuổi" đã xuất bản và viết dưới hình thức những mẫu thư dường như tìm được trong tập giấy tờ của nhân vật chính trong tiểu thuyết này.–322.

106 *Frankfurter Gelehrte Anzeigen* ("Chỉ dẫn khoa học ở Phran-phuốc") là tạp chí Đức xuất bản ở Phran-phuốc từ năm 1772 đến năm 1790; năm 1772, trong ban biên tập tạp chí này có Gơ-tơ, Héc-đơ và những nhà văn, nhà bác học tiền bộ khác.–334.

107 Trích từ tập thơ của Gơ-tơ "Thơ trào phúng của Vơ-ni-đơ". –336.

108 Gơ-tơ. "Héc-man và Đô-rô-tê", khúc ca IX.–337.

109 G. W. F. Hegel. "Vorlesungen über die Philosophie der Geschichte". Einleitung (G. V. Ph. Hê-ghen. "Những bài giảng về lịch sử triết học". Lời tựa).–338.

110 Gơ-tơ. "Về vạn vật học. Những suy nghĩ riêng và những câu cách ngôn" (trích trong tập thơ "Những châm ngôn trong văn xuôi").–339.

111 "*Cái bụng*" của nghị viện Pháp–xem chú thích 77.–339.

112 Gơ-tơ. "Sự châm biếm ôn hòa". Chương IV.–342.

113 *Gi-bơ-lanh* là một chính đảng được thành lập ở I-ta-li-a vào thế kỷ XII, trong thời kỳ đấu tranh giữa các giáo hoàng La Mã và các hoàng đế Đức. Chủ yếu gồm bọn quý tộc phong kiến ủng hộ hoàng đế, đảng này đã tiến hành một cuộc đấu tranh ác liệt với đảng Ghen-phơ của giáo hoàng đại biểu cho những người cầm đầu lớp trên của tầng lớp buôn bán và thợ thủ công ở các thành phố I-ta-li-a. Các đảng Gi-bơ-lanh và Ghen-phơ tồn tại cho đến thế kỷ XV. Đan-tơ cho rằng quyền lực của hoàng đế là một thủ đoạn khắc phục tình trạng cát cứ phong kiến ở I-ta-li-a nên đã gia nhập đảng Gi-bơ-lanh từ năm 1302.–347.

- 114 Hai câu thơ đã cải biên trích từ bài thơ của Gơ-tơ "Vanitas! vanitatum vanitas!" ("Hư vô! Hư vô trong hư vô!"). –347.
- 115 Trích trong bài thơ bốn câu của Gơ-tơ "Cảnh cáo" (trong tập thơ "Theo tinh thần thơ trào phúng").–350.
- 116 F. Bastiat. "Sophismes économiques". Xuất bản lần đầu tiên ở Pa-ri năm 1846.–355.
- 117 A. Blanqui "Histoire de l'économie politique en Europe depuis les anciens jusqu'à nos jours" (A. Blăng-ki. "Lịch sử của khoa kinh tế chính trị ở châu Âu từ thời cổ đến nay"). Xuất bản lần đầu tiên ở Pa-ri năm 1837.–356.
- 118 Ám chỉ những nghĩa vụ mà Bao-ring hoàn thành với tư cách là người thực hiện di chúc của Ben-tam, người đã di chúc lại rằng nên sử dụng bộ xương của ông ta vào những mục đích khoa học.–256.
- 119 *Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc* do các chủ xưởng ở Man-se-xtơ là Cốp-den và Brai-tơ thành lập vào năm 1838. Sau khi đưa ra yêu sách mật dịch hoàn toàn tự do, Đồng minh đã đòi hủy bỏ được các đạo luật về ngũ cốc (xem chú thích 9) nhằm hạ tiền lương công nhân và làm suy yếu địa vị kinh tế và chính trị của tầng lớp quý tộc chiếm hữu ruộng đất. Trong cuộc đấu tranh của mình chống lại bọn địa chủ, Đồng minh đã tìm cách lợi dụng quần chúng công nhân. Nhưng chính vào thời kỳ này, những công nhân tiên tiến của nước Anh đã bước vào con đường của một phong trào công nhân độc lập đã thành hình về mặt chính trị (phong trào Hiến chương).–357.
- 120 Ch. Dunoyer. "De la liberté du travail, ou Simple exposé des conditions dans lesquelles les forces humaines s'exercent avec le plus de puissance". T. I–III, Paris, 1845 (S. Đuy-noay-ê. "Về tự do lao động, hay là Bản trình bày đơn giản về những điều kiện trong đó lực lượng con người phát huy tác dụng tới mức cao nhất". Các tập I–III, Pa-ri, 1845).–359.
- 121 Bản tường thuật các phiên họp tiếp theo của đại hội không được đăng trên tờ "Deutsche-Brüsseler-Zeitung". Về các phiên họp này, xem bài báo của Ăng-ghe-n "Đại hội Bruy-xen về vấn đề mật dịch tự do" đăng trên báo "Northern Star" (xem tập này, tr.364-378).–359.
- 122 Tác phẩm "*Phái thuế quan bảo hộ, phái mật dịch tự do và giai cấp công nhân*" là một phần của bài nói do Mác chuẩn bị để phát biểu tại đại hội các nhà kinh tế học ở Bruy-xen. Mác không được phát biểu tại đại hội và sau khi đại hội bế mạc, đã chỉnh lý bài nói để đưa cho báo chí và đã được đăng trên tờ báo Bi "Atelier Démocratique" ("Công xưởng dân chủ") ngày 29 tháng Chín 1847. Chúng

tôi chỉ có được bản dịch tiếng Đức của phần đầu bài ấy do I. Vây-đơ-mai-ơ, bạn của Mác và Ăng-ghe-n, công bố vào năm 1848 ở Ham cùng với bản dịch của bài nói khác của Mác về mật dịch tự do viết ngày 9 tháng Giêng 1848 (xem tập này, tr. 569- 590), Vây-đơ-mai-ơ đã bỏ phần cuối của bài nói, viện cớ rằng nội dung phần này trùng với bài nói ngày 9 tháng Giêng. Nội dung bài nói của Mác cũng được dẫn ra trong bài báo của Ăng-ghe-n "Đại hội Bruy-xen về vấn đề mật dịch tự do" (xem tập này, tr.372-378).–360.

- 123 Có ý nói tới cuốn sách: G. Gülich. "Geschichtliche Darstellung des Handels, der Gewerbe und des Ackerbaus der bedeutendsten handeltreibenden Staaten unserer Zeit". Bd. I–V, Jena, 1830–1845 (G. Guy-lich. "Sự mô tả về mặt lịch sử về thương nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp của những nước thương nghiệp quan trọng nhất trong thời đại chúng ta". Các tập I–V, I-ê-na, 1830–1845).–360.

- 124 "*The Economist*" ("Nhà kinh tế học") là tạp chí Anh ra hàng tuần về các vấn đề kinh tế và chính trị, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1843; là cơ quan ngôn luận của giai cấp đại tư sản công nghiệp.–364.

- 125 "*The league*" ("Đồng minh") là tờ tạp chí tư sản Anh, cơ quan ngôn luận của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1843–1846.

"*The Manchester Guardian*" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ") là tờ báo tư sản Anh, cơ quan ngôn luận của những người ủng hộ chính sách mật dịch tự do (phái mật dịch tự do), sau này là cơ quan ngôn luận của đảng tự do; xuất bản ở Man-se-xtơ từ năm 1821.–365.

- 126 Tháng Tám 1842, Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc đã chủ tâm xúi giục công nhân hành động hòng lợi dụng phong trào Hiến chương vào cuộc đấu tranh với chính phủ và bọn địa chủ quý tộc. Nhưng quy mô rộng lớn của những cuộc bãi công và của những phong trào phản đối đã làm cho giai cấp tư sản tự do run sợ và bọn này đã ủng hộ đàn áp công nhân. Hành vi khiêu khích của phái cấp tiến tư sản và phái tự do đã đẩy nhanh sự phân liệt giữa phái Hiến chương và bọn chúng.–369.

- 127 Có ý nói tới vụ đàn áp đẫm máu đối với những cuộc khởi nghĩa của công nhân thành phố Li-ông vào năm 1831 và năm 1834, cũng như đến vụ tàn sát xảy ra đầu năm 1874 tại Buy-dan-xe (tỉnh Anh-đơ-rơ) do quân đội chính phủ tiến hành chống lại những công nhân bị đối tấn công vào các xe chở lúa mì và kho lương thực của bọn đầu cơ.–369.

- 128 Có ý nói tới các cuốn sách: K.Heinze. "Die Preußischen Bürokratie". Darmstadt,

- 1845 (C.Hai-nơ-txen. "Tầng lớp quan liêu Phổ", Đắc-mơ-stát, 1845) và J.Venedey. "Preussen und Preussenthum". Mannheim, 1839 (G. Vê-nê-dây. "Nước Phổ và chế độ Phổ". Man-hem, 1839).-380.
- 129 Hai-nơ-txen hình dung nước Đức tương lai là một liên bang cộng hòa gồm những khu tự trị, tương tự như Liên bang Thụy Sĩ. Vào thời bấy giờ nhiều nhà dân chủ tiểu tư sản cũng đưa chính cái nội dung ấy vào khẩu hiệu thống nhất nước Đức mà biểu tượng là lá cờ đen – đỏ – vàng. Mác và Ăng-ghe-n đã nhìn nhận rằng sự giải thích như vậy đối với khẩu hiệu thống nhất nước Đức là biểu hiện của tính thiển cận tiểu tư sản và sự bất lực đối với cuộc đấu tranh triệt để chống chủ nghĩa phân lập và tình trạng phân tán. Đối lập với điều này, hai ông đã đưa ra yêu sách về một nền cộng hòa thống nhất, tập trung và dân chủ ở Đức.-382.
- 130 Ăng-ghe-n đã liệt kê một loạt cuộc khởi nghĩa nông dân lớn thời trung cổ: cuộc khởi nghĩa Uất Tai-lơ (1381) và Giếch Cây-đơ (1450) ở Anh, cuộc khởi nghĩa nông dân ở Pháp năm 1358 (Giắc-cơ-ri) và cuộc chiến tranh nông dân ở Đức vào những năm 1524 – 1525. Trong những năm tiếp theo, trên cơ sở nghiên cứu lịch sử đấu tranh của nông dân chống chế độ phong kiến và kinh nghiệm của những cuộc nổi dậy cách mạng của nông dân trong thời kỳ cách mạng 1848 – 1849, Ăng-ghe-n đã thay đổi sự đánh giá của mình về tính chất của những phong trào nông dân. Trong tác phẩm "Chiến tranh nông dân ở Đức" (1850) và trong các tác phẩm khác, Ăng-ghe-n đã chỉ ra tính chất cách mạng giải phóng của những cuộc khởi nghĩa nông dân và vai trò của nông dân trong sự nghiệp phá vỡ những nền tảng của chế độ phong kiến.-385.
- 131 *Xten-to* là một nhân vật trong tác phẩm "I-li-át" của Hô-me; là một dũng sĩ được trời phú cho một giọng sang sảng khác thường.-389.
- 132 Có ý nói tới cuốn sách: J. Fröbel. "System der socialen Politik", Zweite Auflage der "Neuen Politik". Th. I-II, Mannheim, 1847 (Gi. Phruê-be. "Hệ thống chính trị xã hội". Cuốn "Chính trị mới", xuất bản lần thứ hai. Phần I – II, Man-hem, 1847). Lần xuất bản thứ nhất mang tên "Neue Politik" được xuất bản năm 1846 dưới bút danh I-u-ni-út.-390.
- 133 *Phái Ánh sáng* (theo nghĩa đen "những người soi sáng") là những hội viên của một hội kín thành lập ở Ba-vi-e năm 1776 và gia nhập các tổ chức của tổ chức Phrăng-ma-xông. Hội gồm những phần tử thị dân và quý tộc thuộc phái đối lập bất mãn với chính thể chuyên chế của công quốc. Đồng thời phái Ánh sáng có đặc điểm là sợ bất kỳ phong trào dân chủ nào, điều này được phản ánh trong điều lệ

- của họ, điều lệ này biến những hội viên thường của hội thành công cụ mù quáng của những thủ lĩnh. Năm 1784, hội đã bị các nhà đương cục xứ Ba-vi-e phá tan.-398.
- 134 Hai-nơ. "Át-ta Tơ-rôn", chương 24.-402.
- 135 "Der Heinzen'sche Staat. Eine Kritik von Stephan". Bern, 1847, Gedruckt bei E.Rätzer.-403.
- 136 Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin Liên Xô (trước đây) đặt.-404.
- 137 J. Noakes. "The Right of the Aristocracy of the Soil". London, 1847 (Gi. Nốc-xơ. "Quyền hạn của giai cấp quý tộc đối với ruộng đất"). Luân Đôn, 1847.-404.
- 138 Việc dự định xuất bản tờ báo ra hàng ngày của phái Hiến chương "Người dân chủ" ("Democrat") không thực hiện được.-405.
- 139 Chỉ một nhóm nhỏ những người có quyền bầu cử mới có thể được tham gia bỏ phiếu (xem chú thích 8).-405.
- 140 "*L'Atelier*" ("Xưởng thợ") là tạp chí Pháp ra hàng tháng, cơ quan ngôn luận của thợ thủ công và công nhân chịu ảnh hưởng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1840 đến năm 1850; những người trong ban biên tập tạp chí này là những đại biểu của công nhân cứ ba tháng phải bầu lại một lần.-408.
- 141 Có ý nói tới bài báo của Hai-nơ-txen "Ein "Repräsentant" der Kommunisten" ("Đại biểu" của những người cộng sản"), đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" số 84, ngày 21 tháng Mười 1847.-411.
- 142 *Phra-xôn* là một nhân vật trong vở hài kịch "Hoạn quan" của nhà soạn kịch La Mã Tê-ren-xi; một chiến binh khoác lác và ngu ngốc.-412.
- 143 *Xô-lô-môn* và *Mác-côn-phơ* (hay là Mô-rôn-phơ) là những nhân vật trong các truyện hài hước Đức (những truyện ngắn trào phúng Đức) ở các thế kỷ XIV và XV; Xô-lô-môn là hình tượng một ông vua sáng suốt nhưng không thực tế, Mác-côn-phơ là hình tượng một nông dân lười cá.-412.
- 144 *Quyn-tơ Phích-xlanh* là nhân vật chính trong tiểu thuyết của Giăng Pôn (bút danh của I. P. Ph. Rích-stơ) "Cuộc đời của Quyn-tơ Phích-xlanh"; nhân vật này là một giáo viên tiểu học.-416.
- 145 Có ý nói tới bài luận chiến của C. Hai-nơ-txen đăng trên những trang báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" (số 77 ngày 26 tháng Chín 1847) chống lại

- những đại biểu của chủ nghĩa cộng sản khoa học, bài này khiến Ăng-ghe-nh phải đăng bài báo của mình "Những người cộng sản và Các Hai-nơ-txen" để trả lời.-417.
- 146 Về các công xã thời trung cổ, xem "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", các chú thích của Ăng-ghe-nh viết cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888 và cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890 (xem tập này, tr.599).-425.
- 147 Mác có ý nói tới những người "Lê-ven-le chân chính" (những người "bình quân chủ nghĩa chân chính"), hay là "những người đích-gơ" ("thợ đào đất") – những đại biểu có khuynh hướng cực tả trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh ở thế kỷ XVII. "Những người đích-gơ" đại biểu cho lợi ích của những tầng lớp nghèo nhất ở nông thôn và ở thành thị, họ đã đưa ra yêu sách đòi xóa bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất, tuyên truyền tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản bình quân nguyên thủy và mưu toan thực hiện tư tưởng đó bằng cách canh tác tập thể các ruộng đất của công xã.-427.
- 148 Ph. Buonarroti. "Conspiration pour l'égalité dite de Babeuf". T. I-II, Bruxelles, 1828 (Ph. Bu-ô-na-rô-ti. "Vụ âm mưu vì bình đẳng, được gọi là âm mưu của Ba-bốp". Các tập I-II, Bruy-xen, 1828). Cuốn sách của Bu-ô-na-rô-ti đã tạo điều kiện cho sự khôi phục truyền thống của Ba-bốp trong phong trào công nhân cách mạng.-427.
- 149 Mác trích dẫn bản báo cáo của tiểu ban điều tra hiệu lực của đạo luật về người nghèo do Mê-rê-đít làm chủ tịch, bản báo cáo này được trình trước hạ nghị viện thuộc quốc hội lập pháp Pen-xin-va-ni vào ngày 29 tháng Giêng 1825. Bản báo cáo được đăng trên "Register of Pensilvania" ("Tập chí Pen-xin-va-ni") vào tháng Tám 1828.-429.
- 150 "Niles' Weekly Register" ("Tuần báo Nai-xơ") – tờ tạp chí tư sản ra hàng tuần viết về những vấn đề chính trị, kinh tế, lịch sử và địa lý; xuất bản ở Ban-ti-mo vào những năm 1811 – 1849.-429.
- 151 Có ý nói tới cuốn sách: F. List. "Das nationale System der politischen Oekonomie". Stuttgart und Thübingen, 1841 (Ph. Lixtơ. "Hệ thống quốc dân của khoa kinh tế chính trị". Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1841).-430.
- 152 Sếch-xpia. "Vua Hen-ri IV", phần thứ nhất, hồi II, cảnh bốn.-431.
- 153 Có ý nói tới những đạo luật phân động do Chính phủ Pháp ban hành vào tháng Chín 1835. Những đạo luật này hạn chế hoạt động của tòa án bồi thẩm và đề ra những biện pháp nghiêm ngặt đối với xuất bản phẩm. Đối với xuất bản phẩm, những đạo luật này đã quy định tăng thêm tiền ký quỹ đối với những xuất bản phẩm định

- kỳ và quy định những hình thức phạt tù và những khoản tiền phạt nặng đối với những bài phát biểu chống lại chế độ tư hữu và chế độ nhà nước hiện tại.-441.
- 154 *Phôn-ta-nen* hoặc giặc một loại loét gây ra một cách nhân tạo ở ngoài da; trong y học thời trung cổ người ta coi đây là một biện pháp để rút hết "những chất độc".-442.
- 155 Xem C. Mác "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời nói đầu" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nh. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.569-590).-442.
- 156 Có ý nói tới cuộc khởi nghĩa của thợ dệt ở Xi-lê-di vào các ngày 4 – 6 tháng Sáu 1844 – trận giao chiến có tính chất giai cấp với quy mô lớn đầu tiên giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ở Đức, cũng như cuộc khởi nghĩa của công nhân vùng Séc vào nửa cuối tháng Sáu 1844 (xem chú thích 89).-443.
- 157 Có ý nói tới các bài hát được hát trong thời gian cử hành lễ Hăm-bắc, tức là cuộc biểu tình chính trị ngày 27 tháng Năm 1832 tại lâu đài Hăm-bắc ở phan-xơ thuộc xứ Ba-vi-e, do những đại biểu của giai cấp tư sản tự do và cấp tiến Đức tổ chức. Những người tham gia buổi lễ đã lên tiếng kêu gọi toàn thể người Đức hãy đoàn kết lại để chống lại bọn vua chúa Đức nhằm đấu tranh đòi những quyền tự do tư sản và những cải cách về mặt hiến pháp.-443.
- 158 Đây là nói đến phái Gi-rông-đanh- đảng của giai cấp đại tư sản, - những kẻ vào mùa hè năm 1793 đã gây ra cuộc phiến loạn phản cách mạng chống lại chính phủ của phái Gia-cô-banh, dưới lá cờ bảo vệ quyền tự trị và lập liên bang cho các tỉnh. Sau khi cuộc nổi loạn bị đàn áp, nhiều thủ lĩnh của phái Gi-rông-đanh (trong số đó có Bác-ba-ru) bị tòa án cách mạng xét xử và bị kết tội tử hình.-448.
- 159 Ủy ban cứu nguy xã hội - Cơ quan trung ương của chính phủ cách mạng Pháp trong thời kỳ chuyên chính Gia-cô-banh (2 tháng Sáu 1793 – 27 tháng Bảy 1794).-448.
- 160 Có ý nói tới bộ sách viết cho thiếu nhi của nhà sư phạm tư sản Đức I.H.Cam-pe, đặc biệt là cuốn sách "Tìm ra châu Mỹ" của ông có mục kể về những bộ tộc In-ca ở Pê-ru và về việc người Tây Ban Nha chinh phục nước này.-448.
- 161 "Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông") là tờ báo phân động ra hàng ngày ở Đức, thành lập năm 1789; từ năm 1810 đến năm 1882, xuất bản ở Au-xbuốc. Năm 1842, báo đã tuyên tạc những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội không tưởng; sự tuyên tạc đó đã bị Mác bóc trần trong bài báo "Chủ nghĩa cộng sản và tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc" của ông đăng trên tờ "Rheinische Zeitung"

vào tháng Mười 1842 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, 1995, tr.168-173).- 450.

162 Tác phẩm "Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản" của Ph. Ăng-ghe-n là bản dự thảo cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản. Vấn đề soạn thảo cương lĩnh dưới dạng cầm nang (dưới hình thức câu hỏi và trả lời) đã được thảo luận ngay từ trước đại hội lần thứ nhất, tại đó Liên đoàn những người chính nghĩa đã được cải tổ và đổi tên thành Liên đoàn những người cộng sản (tháng Sáu 1847). Tháng Chín 1847, Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản ở Luân Đôn (Sáp-phơ, Bau-ơ, Môn) đã phân phát bản dự thảo "Cầm nang về chủ nghĩa cộng sản" cho các khu bộ và chi bộ thuộc Liên đoàn. Văn kiện này còn mang những dấu vết ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng nên không làm cho Mác và Ăng-ghe-n hài lòng, và cả bản dự thảo "đã được chỉnh lý" do M. Hét-xơ, một người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" soạn thảo tại Pa-ri cũng vậy. Ngày 22 tháng Mười tại phiên họp của ban chấp hành khu bộ Liên đoàn những người cộng sản ở Pa-ri, Ăng-ghe-n đã phê phán kịch liệt bản dự thảo của Hét-xơ và đã làm cho nó bị bác bỏ. Ăng-ghe-n được giao soạn một dự thảo mới. Bản dự thảo ấy chính là "Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản" được viết sau đó không lâu.

Coi "Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản" chỉ là bản sơ thảo cương lĩnh, Ăng-ghe-n trong bức thư gửi Mác ngày 23 – 24 tháng Mười một 1847 đã nêu ra ý nghĩ cho rằng soạn thảo cương lĩnh dưới hình thức "Tuyên ngôn cộng sản" là hợp lý và bác bỏ cái hình thức cầm nang đã lỗi thời. Tại đại hội lần thứ hai của Liên đoàn những người cộng sản (29 tháng Mười một – 8 tháng Chạp 1847) Mác và Ăng-ghe-n đã bảo vệ những cơ sở khoa học của cương lĩnh của đảng vô sản, đại hội này đã giao cho hai ông soạn thảo cương lĩnh dưới hình thức tuyên ngôn. Khi viết "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", những nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã sử dụng nhiều luận điểm nêu ra trong "Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản". - 456.

163 Trong bản thảo, ở chỗ trả lời câu hỏi thứ 22 cũng như trả lời câu tiếp theo, tức câu thứ 23, có ghi mấy chữ "giữ nguyên như cũ". Rõ ràng, điều đó có nghĩa là câu trả lời được giữ nguyên như đã được trình bày trong một trong những bản sơ thảo cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản mà người ta không còn giữ được cho đến nay.- 476.

164 Bài báo này do Ăng-ghe-n viết cho báo "Réforme" cũng được đăng trên cơ quan

ngôn luận của phái hiến chương là tờ "Northern Star" số 524, ngày 6 tháng Mười một 1847.

Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.- 481.

165 Bữa tiệc được tổ chức ở Luân Đôn ngày 25 tháng Mười 1847 là để chúc mừng lãnh tụ của phái Hiến chương Phéc-giuýt Ô' Cô-no và nhiều nhà hoạt động thuộc phái cấp tiến được bầu vào nghị viện.

Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.- 485.

166 Yêu sách đòi thực hiện cái gọi là *quyền bầu cử đầy đủ* có đặc điểm nổi bật là cực kỳ mơ hồ và có thể giải thích theo nhiều cách khác nhau, và do những đại biểu của giai cấp tư sản cấp tiến Anh đưa ra đầu những năm 40 của thế kỷ XIX. Khi đưa ra yêu sách này, những người cấp tiến tư sản tìm mọi cách làm cho công nhân xa rời cuộc đấu tranh đòi thực hiện cương lĩnh xã hội và chính trị của phái Hiến chương và cố làm cho phong trào công nhân phải chịu ảnh hưởng của họ.-485.

167 *Hội Hiến chương toàn quốc* được thành lập vào tháng Bảy 1840, là đảng của công nhân có tính chất quần chúng đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân; trong những năm cao trào của phong trào Hiến chương hội có tới bốn vạn hội viên. Trong hoạt động của hội có hiện tượng hội viên thì thiếu sự thống nhất về tư tưởng và sách lược, còn đa số lãnh tụ của phong trào Hiến chương thì mang hệ tư tưởng tiểu tư sản. Sau khi phong trào Hiến Chương thất bại vào năm 1848, hội lâm vào tình trạng suy sụp và đến những năm 50 thì ngừng hoạt động.- 487.

168 Đây là nói về cuộc cải cách luật bầu cử được hạ nghị viện Anh thông qua vào năm 1831 và được sự phê chuẩn cuối cùng của thượng nghị viện vào tháng Sáu 1832. Cuộc cải cách nhằm chống lại sự độc quyền về chính trị của tầng lớp quý tộc ruộng đất và tài chính và mở đường cho các đại biểu của giai cấp tư sản công nghiệp vào nghị viện. Giai cấp vô sản và giai cấp tiểu tư sản là lực lượng chủ yếu trong cuộc đấu tranh đòi cải cách, đã bị giai cấp tư sản tự do đánh lừa và không được quyền bầu cử.- 488.

169 Đoạn trích trong bản tuyên ngôn của La-mác-tin được đăng trên báo "Northern Star" số 523, ngày 30 tháng Mười 1847.- 489.

170 "*Le Bien Public*" ("*Lợi ích xã hội*")- báo Pháp, cơ quan ngôn luận của những người cộng hòa tư sản ôn hòa; xuất bản từ tháng Tám 1843 đến tháng Chạp 1848 (thoạt

tiên ở Ma-côn, từ tháng Năm 1848 ở Pa-ri), La-mác-tin đã tham gia sáng lập và xuất bản tờ báo.- 493.

171 Bài báo này được viết nhân nổ ra cuộc nội chiến ở Thụy Sĩ, do bảy bang Thiên chúa giáo gây ra. Những bang lạc hậu về mặt kinh tế ấy ngay từ năm 1843 đã thành lập một đồng minh riêng rẽ – Đồng minh đặc biệt – nhằm mục đích chống lại những cải cách tư sản tiến bộ ở Thụy Sĩ và bảo vệ những đặc quyền của giáo hội và của những tín đồ dòng Tên. Đứng đầu Đồng minh đặc biệt là giới tăng lữ Thiên chúa giáo và bọn quý tộc lớp trên ở các thành thị. Những mưu đồ phản động của Đồng minh đặc biệt đã vấp phải sự phản kháng của phái cấp tiến và phái tự do thuộc giai cấp tư sản, vào giữa những năm 40 những phái này đã chiếm được ưu thế ở đa số các bang và trong quốc hội Thụy Sĩ. Tháng Bảy 1847, quốc hội đã thông qua nghị quyết về việc giải tán Đồng minh đặc biệt, đây là cái cớ để Đồng minh đặc biệt vin vào để tiến hành vào đầu tháng Mười một những hành động quân sự chống lại các bang khác. Ngày 23 tháng Mười một quân đội của Đồng minh đặc biệt bị quân đội của chính phủ liên bang đánh bại. Do có thắng lợi đó và hiến pháp mới được thông qua vào năm 1848, nước Thụy Sĩ được cải tổ từ một liên minh quốc gia thành một quốc gia liên bang.-494.

172 *Vin-hem Ten-lơ*- nhân vật trong truyền thuyết dân gian nói về cuộc chiến tranh giải phóng của những người Thụy Sĩ chống lại các triều đại Hấp-xbước vào cuối thế kỷ XIII-đầu thế kỷ XIV; truyền thuyết miêu tả ông đã giết tên toàn quyền người Áo bằng một phát tên bắn rất trúng đích.

Vin-ken-rít – một chiến binh Thụy Sĩ nửa truyền thuyết; theo truyền thuyết, trong lúc quân Thụy Sĩ giao chiến với quân đội của công tước Áo Lê-ô-pôn III gần vùng *Dem-pa-khơ* (bang Luy-xéc) ngày 9 tháng Sáu 1386, Vin-ken-rít đã hy sinh thân mình nên quyết định kết cục trận đánh có lợi cho phía Thụy Sĩ.

Muốc-tanh là thành phố thuộc bang Phrây-buốc ở Thụy Sĩ, nơi diễn ra trận đánh giữa quân Thụy Sĩ với quân đội của công tước Các-lơ Đũng cảm xứ Buốc-gun-đi ngày 22 tháng Sáu 1476, trận đánh kết thúc bằng thắng lợi của quân Thụy Sĩ.-494.

173 Khi nói "Nước Thụy Sĩ cổ". Ăng-ghen có ý nói đến những bang miền núi của Thụy Sĩ; vào những thế kỷ XIII - XIV những bang này tạo thành hạt nhân đầu tiên của Liên bang Thụy Sĩ.-495.

174 Đây là nói đến trận đánh ở rừng Tơ-tô-buốc (năm thứ 9 sau công nguyên) giữa những bộ lạc Đức khởi nghĩa chống bọn xâm lược La Mã và những người La Mã. Trận đánh kết thúc bằng thất bại của quân La Mã.-495.

175 Ngày 15 tháng Mười một 1315, ở vùng *Moóc-hác-tanh* đã diễn ra trận đánh giữa đội dân binh Thụy Sĩ và quân đội của Lê-ô-pôn Hấp-xbước, kết thúc bằng thắng lợi của người Thụy Sĩ.-496.

176 *Ma-ra-phông, Pla-tây và Xa-la-min*- những nơi xảy ra những trận đánh lớn thời kỳ chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư (những năm 500 - 449 trước công nguyên), kết cục là quân Hy Lạp thắng trận.-496.

177 *Lời thề Gruýt-li* – một trong những truyền thuyết xung quanh việc thành lập Liên bang Thụy sĩ, mà cơ sở là bản hiệp ước ký kết năm 1291 giữa ba bang miền núi – Svi-xơ, U-ri và Un-tơ-van-den. Theo truyền thuyết, đại biểu của ba bang đã họp mặt ở thảo nguyên Gruýt-li (hay là Ruýt-li) năm 1307 và thề trung thành với Liên bang trong cuộc đấu tranh chung chống ách đô hộ của nước Áo.-496.

178 *Grăng-xon* – thành phố thuộc bang Va-át-tơ, gần thành phố này ngày 2 tháng Ba 1476 bộ binh Thụy Sĩ đã đánh bại công tước Các-lơ Đũng cảm xứ Buốc-gun-đi.

Năng-xi – thành phố ở đông - bắc nước Pháp, dưới chân tường thành này ngày 5 tháng Giêng 1477, quân đội của Các-lơ đũng cảm đã bị các đội quân người Thụy Sĩ, Lo-ren-nơ, An-da-xơ và Đức đánh bại.-497.

179 *Ăng-ti-nô-út* – cận thần của hoàng đế La Mã A-đri-an (thế kỷ II sau công nguyên) nổi bật về vẻ đẹp tuyệt trần của mình.-500.

180 *Stau-pha-khơ* – một nhân vật nửa truyền thuyết trong cuộc chiến tranh giải phóng của người Thụy Sĩ chống lại các triều đại Hấp-xbước vào cuối thế kỷ XIII – đầu thế kỷ XIV; truyền thuyết đã dành cho ông vai trò của một trong những người sáng lập ra Liên bang Thụy Sĩ.-501.

181 Bản tường thuật về bữa tiệc ở Sa-tô-Ru-giơ được đăng trên báo "Northern Star" số 508, ngày 17 tháng Bảy 1847.-507.

182 *Le Constitutionnel* ("Người lập hiến") – tờ báo tư sản Pháp ra hàng ngày ở Pa-ri từ năm 1815 đến năm 1870; trong những năm 40 là cơ quan ngôn luận của cánh ôn hòa thuộc phái Oóc-lê-ăng; trong thời kỳ cách mạng 1848-1849 đã đại biểu cho những quan điểm của giai cấp tư sản phản cách mạng, tập hợp xung quanh Chi-e; sau cuộc đảo chính tháng Chạp 1851 là tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ.-511.

183 Những sự kiện mà Ăng-ghen miêu tả đã xảy ra ở Pa-ri vào cuối tháng Tám – nửa đầu tháng Chín 1847. Nguyên nhân là vụ xung đột giữa công nhân và chủ xưởng đóng giày ở phố Xanh-Ô-no, do tên chủ này định gian lận tiền công của một công nhân.-541.

184 L.Blanc. "Organisation du travail". Cuốn sách được xuất bản lần đầu ở Pa-ri năm 1840.-515.

185 Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.-517.

186 "*Những người dân chủ anh em*" – hội dân chủ quốc tế do những đại biểu của cánh tả trong phong trào Hiến chương và những người cách mạng lưu vong (những hội viên của Liên đoàn những người chính nghĩa, v.v.) thành lập ở Luân Đôn năm 1845 với mục đích thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa phong trào dân chủ của các nước. Mác và Ăng-ghe-nơ đã tham gia chuẩn bị cuộc họp những người dân chủ của các nước vào ngày 22 tháng Chín 1845, tại cuộc họp này trên thực tế Hội đã được thành lập. Do có việc phải rời Luân Đôn nên Mác và Ăng-ghe-nơ đã không tham dự được. Hai ông đã giữ quan hệ thường xuyên với hội "Những người dân chủ anh em", tích cực tham gia việc giáo dục hội viên của hội – đặc biệt là những nông công vô sản của hội, sau này đã gia nhập Liên đoàn những người cộng sản năm 1847 - theo tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa cộng sản khoa học, và cũng thông qua hội mà phát huy ảnh hưởng tư tưởng đối với phong trào Hiến chương. Những quan điểm chưa chín chắn về mặt lý luận của các hội viên của hội đã bị Mác và Ăng-ghe-nơ phê phán.

Sau thất bại của phái Hiến chương vào năm 1848, hoạt động của hội đã suy yếu đi nhiều và đến năm 1853 thì hoàn toàn tan rã.-518.

187 *Đồng minh quốc tế*, hay là Đồng minh quốc tế nhân dân – hội do phái cấp tiến tư sản và phái tự do chủ trương mật dịch tự do ở Anh thành lập ở Luân Đôn năm 1847. T. Cu-pơ, V. Phốc-xơ, Đ. Bao-ring và cả nhà chính luận dân chủ, nhà thơ và nhà điêu khắc U. Lin-tơn đã tham gia vào việc thành lập Đồng minh và vào hoạt động của tổ chức này. Một số người dân chủ tư sản trong số những người I-ta-li-a, Hung-ga-ri và Ba Lan lưu vong, đặc biệt là Đ. Mát-di-ni, đã gia nhập hội; Đ. Mát-di-ni là một trong những người đề xướng ra việc thành lập Đồng minh. Hoạt động của Đồng minh thu gọn vào việc tổ chức những cuộc mít-tinh, thuyết trình về các vấn đề quốc tế và phổ biến rộng rãi thơ văn trào phúng, đến năm 1848 đã ngừng hoạt động.-518.

188 Năm 1840, Chính phủ Pháp viện cớ củng cố việc bố phòng thủ đô về phòng kẻ thù bên ngoài xâm nhập, đã bắt tay vào việc xây dựng xung quanh Pa-ri một loạt những đồn lũy biệt lập. Dựa vào những thành lũy ấy, tập đoàn cầm quyền của triều đại thống Bảy tính chuyện bảo đảm an toàn cho bản thân chống lại các cuộc khởi nghĩa của nhân dân. Các giới dân chủ đã phản đối kịch liệt việc xây dựng những

"Ba-xti-ơ" mới ở Pa-ri. Nhưng đại bộ phận đại biểu của phái đối lập tư sản, trong số đó có cả những người ủng hộ tờ "National", đã ủng hộ việc xây dựng những đồn lũy, biện bạch cho việc đó bằng những lý do quốc phòng.-524.

189 Bài tiếp theo của Ăng-ghe-nơ viết về phong trào đòi cải cách ở Pháp, được đăng trên báo "Northern Star" ngày 18 tháng Chạp 1847. Trong lần xuất bản này, chúng tôi in bài ấy theo bản đăng trên báo "'Deutsche-Brüsseler-Zeitung" (xem tập này, tr.543-547).-525.

190 Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.-526.

191 Bài viết của Ăng-ghe-nơ được thảo dưới dạng một bức thư gửi tổng biên tập báo "Réforme".

Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.-530.

192 *Hội dân chủ* thành lập ở Bruy-xen vào mùa thu năm 1847, đã tập hợp trong hàng ngũ mình những nhà cách mạng vô sản, chủ yếu là trong số những nhà cách mạng lưu vong Đức và những phần tử tiên tiến thuộc lực lượng dân chủ tư sản và tiểu tư sản. Mác và Ăng-ghe-nơ đã đóng một vai trò tích cực trong việc thành lập Hội. Ngày 15 tháng Mười một 1847, Mác được bầu làm phó chủ tịch của Hội, nhà dân chủ Bi L.Giô-tơ-răng được đưa lên giữ chức chủ tịch Hội. Nhờ ảnh hưởng của Mác, Hội dân chủ Bruy-xen đã trở thành một trong những trung tâm lớn của phong trào dân chủ quốc tế. Trong những ngày cách mạng tư sản tháng Hai ở Pháp cánh vô sản của Hội dân chủ Bruy-xen đã tổ chức vũ trang cho công nhân Bi và phát động cuộc đấu tranh cho một nền cộng hòa dân chủ. Nhưng sau khi Mác bị trục xuất khỏi Bruy-xen vào đầu tháng Ba 1848, và những phần tử cách mạng nhất của Hội bị các nhà cầm quyền Bi đàn áp, những người dân chủ tư sản Bi không lãnh đạo được phong trào của quần chúng lao động chống chính thể quân chủ. Hoạt động của Hội dân chủ đã mang tính chất hẹp hòi, thuần túy địa phương hơn và đến năm 1849 thì thực tế phải đình chỉ.-530.

193 Bài tiểu luận này do C. Mác viết để đáp lại chiến dịch vu cáo chống lại những người cách mạng lưu vong sống ở Bi, do nhà chính luận tiểu tư sản Bi tên là A. Béc-ten-xơ phát động và bị giới tăng lữ phản động lợi dụng.

Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.-533.

194 *Hội công nhân Đức* do Mác và Ăng-ghe-nơ thành lập ở Bruy-xen vào cuối tháng

Tám 1847 nhằm mục đích giáo dục chính trị cho công nhân Đức sống ở Bỉ, và tuyên truyền trong họ những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học. Dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăng-ghe-nen và những bạn chiến đấu của hai ông, Hội đã trở thành trung tâm hợp pháp tập hợp những lực lượng vô sản cách mạng ở Bỉ. Những phần tử ưu tú của Hội đã gia nhập chỉ bộ Bruy-xen của Liên đoàn những người cộng sản. Hội đã đóng một vai trò nổi bật trong việc thành lập Hội dân chủ Bruy-xen. Hoạt động của Hội công nhân Đức ở Bruy-xen đã bị đình chỉ sau khi xảy ra cuộc cách mạng tư sản tháng Hai 1848 ở Pháp ít lâu do các hội viên của Hội đã bị cảnh sát Bỉ bắt bớ và trục xuất.-534.

195 "*Journal de Bruxelles*" ("Báo Bruy-xen") – tờ báo của giới tăng lữ bảo thủ Bỉ, cơ quan ngôn luận của giới tăng lữ Thiên chúa giáo xuất bản từ năm 1820.-534.

196 *Congregatio de propaganda fide* (Hội tuyên truyền tín ngưỡng) - một tổ chức Thiên chúa giáo do giáo hoàng thành lập vào thế kỷ XVII nhằm mục đích truyền bá đạo Thiên chúa ở tất cả các nước và đấu tranh với dị giáo. Hội là một trong những công cụ của chính sách phân động của Tòa thánh La Mã và của giới tăng lữ Thiên chúa giáo.-534.

197 Mác có ý nói tới bài tường thuật đăng trên báo "Northern Star" ngày 4 tháng Chạp 1847 về cuộc họp ở Luân Đôn ngày 29 tháng Mười một 1847 để kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830. Trong bài tường thuật này, diễn văn của Mác tại cuộc họp trên được trình bày dưới dạng tóm tắt và không chính xác. Văn bản đầy đủ và chính xác hơn của bài diễn văn này được đăng trên báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" ngày 9 tháng Chạp 1847 (xem tập này, tr.526-527).-535.

198 *Phe đối lập của triều đại* – nhóm đối lập trong hạ nghị viện Pháp thời kỳ nền quân chủ tháng Bảy. Những đại biểu của nhóm này phản ánh tâm trạng của phái tự do trong giai cấp tư sản công nghiệp và thương nghiệp, chủ trương thực hiện cải cách bầu cử ôn hòa, vì coi đó là biện pháp để phòng ngừa cách mạng và duy trì triều đại Oóc-lê-ăng. Thủ lĩnh của phái đối lập của triều đại là Ô-đi-lông Ba-rô.-539.

199 *Óc-tơ-roa* - những thứ thuế nhập thị đánh vào những nhu yếu phẩm nhập vào thành phố.-540.

200 *Những người cộng sản duy vật chủ nghĩa* – những hội viên của Hội những người cộng sản – duy vật, một tổ chức bí mật có tính chất âm mưu, do công nhân Pháp thành lập vào những năm 40 của thế kỷ XIX. Chịu ảnh hưởng của tư tưởng của Tê-ô-đô Đê-da-mi, một đại biểu của khuynh hướng cách mạng và duy vật trong chủ nghĩa cộng sản không tưởng ở Pháp. Vụ án xử những hội viên của Hội những

người cộng sản – duy vật tiến hành vào tháng Bảy 1847 và kết thúc bằng việc kết án họ tù dài hạn.-541.

201 Bài báo "Bài diễn văn của Lu-i Blăng trong bữa tiệc ở Đì-giông" – một biến thể của bài viết của Ăng-ghe-nen "Phong trào đòi cải cách ở Pháp. – Bữa tiệc ở Đì-giông" đăng trên tờ "Northern Star" ngày 18 tháng Chạp 1847. Tờ "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" đã đăng biến thể của mình dưới hình thức trích đăng bài viết trên từ tờ "Northern Star".-543.

202 Để tập trung sự chú ý chủ yếu ở bài báo này vào việc vạch trần luận điểm dân tộc chủ nghĩa của Lu-i Blăng về cái gọi là vai trò khai hóa đặc biệt của nước Pháp, trong cuộc bút chiến với Blăng, Ăng-ghe-nen đã không đề ra cho mình nhiệm vụ vạch trần tính chất thực sự của "nền văn minh" tư sản mà các nước tư bản chủ nghĩa truyền bá ở các nước lạc hậu về kinh tế. Trong những bài báo và thư từ viết về Ấn Độ, Ai-rơ-len, Trung Quốc, I-ran, v.v., Mác và Ăng-ghe-nen đã chỉ ra rằng việc thu hút các nước ấy vào quỹ đạo của những quan hệ tư bản chủ nghĩa đã diễn ra bằng con đường nô dịch hóa thực dân của nước Anh và các nước tư bản chủ nghĩa khác đối với các nước trên, bằng con đường biến những nước đó thành vật phụ thuộc chuyên cung cấp nguyên liệu - nông nghiệp cho chính quốc, bằng con đường cướp bóc trắng trợn tài nguyên thiên nhiên của họ và bằng sự bóc lột tàn bạo của bọn thực dân đối với quần chúng nhân dân các nước ấy. Năm 1853 C. Mác đã viết trong bài báo "Những kết quả tương lai của sự thống trị của Anh ở Ấn Độ": "Sự giả dối thậm tệ và tính dã man vốn có của nền văn minh tư sản sẽ lộ ra trần trụi trước mắt chúng ta khi chúng ta quan sát nền văn minh ấy không phải ở ngay chính quốc, nơi mà nó mang những hình thức đáng kính, mà quan sát nó ở các thuộc địa, nơi mà nó lộ rõ một cách không che giấu" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.9, tr.291-292).-545.

203 Năm 1846, chính phủ Ghi-đô đã thành công trong việc làm cho người kế thừa ngai vàng Tây Ban Nha kết hôn với người con trai út của Lu-i-Phi-líp và làm thất bại dự định của nước Anh muốn làm cho hoàng thân Lê-ô-pôn Cô-buốc-gơ kết hôn với nữ hoàng Tây Ban Nha I-da-ben-la II. Trong thời gian nội chiến ở Thụy Sĩ năm 1847, bộ trưởng Bộ ngoại giao Anh Pan-móc-xton đã trả thù cho sự thất bại ấy của nền ngoại giao Anh. Một mặt thì xúi giục Ghi-đô đưa ra dự án về sự can thiệp của năm cường quốc ủng hộ Đồng minh đặc biệt, đồng thời mặt khác y lại bí mật góp phần tiêu diệt tổ chức này. Những thủ đoạn ngoại giao của Ghi-đô đã bị thất bại hoàn toàn.-552.

204 Vụ đàn áp công nhân *Li-ông* đã xảy ra trong thời gian công nhân dệt ở Li-ông khởi nghĩa vào những năm 1831 và 1834.

Tháng Tám 1842, tại *Pre-xtơ* đã xảy ra cuộc xung đột đẫm máu giữa công nhân và quân đội Anh – đó là một trong những sự kiện trong phong trào phản đối tự phát của phái Hiến chương bùng nổ tại nhiều trung tâm công nghiệp của nước Anh thời bấy giờ.

Lan-ghen-bi-lao- một làng ở Xi-lê-di, một trong những trung tâm khởi nghĩa của thợ dệt Xi-lê-di tháng Sáu 1844 và cũng là nơi họ bị quân đội chính phủ đàn áp.

Tại *Pra-ha*, vào mùa hè năm 1844, quân đội chính phủ đã đàn áp công nhân khởi nghĩa.-556.

205 Có ý nói tới Bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền mở đầu cho bản hiến pháp cộng hòa năm 1793. Hiến pháp này do Hội nghị Quốc ước soạn thảo, Hội nghị được triệu tập sau khi nền quân chủ bị lật đổ ngày 10 tháng Tám 1792 ở Pháp.-558.

206 "*Chant du départ*" ("Hành khúc") – một bài hát cách mạng thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII; về sau cũng được phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân Pháp.-559.

207 Có ý nói tới bản Hiến chương lập hiến (Charte constitutionnelle), được thông qua sau cách mạng tư sản 1830 ở Pháp và là đạo luật cơ bản của nền Quân chủ tháng Bảy.-560.

208 Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.-562.

209 *Quận nhà vua* – tên gọi tiếng Anh của công quốc Ôp-pha-li (miền Trung Ai-rơ-len) do bọn xâm lược Anh đặt cho vào giữa thế kỷ XVI để kỷ niệm vua Tây Ban Nha Phi-líp II, chồng của nữ hoàng Ma-ri Tuy-đơ.-562.

210 *Sự hợp nhất Anh – Ai-rơ-len* là do Chính phủ Anh áp đặt cho Ai-rơ-len sau khi đã đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Ai-rơ-len năm 1788. Sự hợp nhất có hiệu lực từ ngày 1 tháng Giêng 1801, nó đã tiêu diệt những dấu vết cuối cùng của chế độ tự trị ở Ai-rơ-len và xóa bỏ nghị viện Ai-rơ-len. Từ những năm 20 của thế kỷ XIX việc yêu cầu thủ tiêu sự hợp nhất (Repeal of Union) đã trở thành khẩu hiệu phổ biến nhất ở Ai-rơ-len. Tuy nhiên, phái tự do tư sản (Ở Cô-nen và v.v.) cầm đầu phong trào dân tộc đã coi việc tuyên truyền cho việc thủ tiêu sự hợp nhất chỉ là một biện pháp để giai cấp tư sản Ai-rơ-len đạt được một số nhượng bộ nhỏ nhất của Chính phủ Anh mà thôi. Năm 1835, Ở Cô-nen, sau khi đã câu kết với phái cấp

tiến Anh, đã hoàn toàn ngừng công tác tuyên truyền này. Nhưng do tác động của phong trào quần chúng, phái tự do Ai-rơ-len đã buộc phải thành lập vào năm 1840 Hội Ri-pi-lơ và họ ra sức hướng Hội này vào con đường thỏa hiệp với những giai cấp thống trị ở Anh.-564.

211 "*Phòng hòa giải*" - nơi hội họp công chúng ở Đu-blin.-567.

212 Có ý nói tới đơn thỉnh nguyện quốc dân do phái Hiến chương đưa ra nghị viện vào tháng Năm 1842; ngoài yêu sách đòi thông qua Hiến chương nhân dân, đơn thỉnh nguyện còn bao hàm nhiều yêu sách khác, trong đó có yêu sách đòi hủy bỏ sự hợp nhất Anh - Ai-rơ-len năm 1801. Đơn thỉnh nguyện đã bị nghị viện bác bỏ.-568.

213 Tác phẩm của C. Mác "*Diễn văn về mâu dịch tự do*" được công bố tại Bruy-xen vào đầu tháng Hai 1848 bằng tiếng Pháp, đã được người bạn và học trò của Mác và Ăng-ghen là Vây-đơ-mai-ơ dịch ra tiếng Đức và xuất bản ở Đức cũng vào năm 1848. Năm 1885, theo ý muốn của Ăng-ghen, tác phẩm này được in thành phụ lục cho cuốn "Sự khốn cùng của triết học" xuất bản bằng tiếng Đức lần đầu và từ đó trở đi đã được tái bản nhiều lần như một phần của cuốn sách ấy. "Diễn văn về mâu dịch tự do" được in bằng tiếng Nga lần đầu theo bản dịch của Plê-kha-nốp dưới hình thức một cuốn sách lẻ do nhóm "Giải phóng lao động" phát hành ở Giơ-ne-vơ. Năm 1889 tại Mỹ người ta đã xuất bản tác phẩm này ở Bô-xtơn thành sách riêng có kèm theo lời tựa của Ăng-ghen, lời tựa này trước đó (vào tháng Bảy 1888) đã được đăng bằng tiếng Đức trên tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới") dưới dạng một bài báo riêng có nhan đề "Chế độ thuế quan bảo hộ và mâu dịch tự do".-569.

214 *Đạo luật ngày lao động 10 giờ* – xem chú thích 51.-575.

215 Mác trích dẫn tác phẩm của Ri-các-đô xuất bản bằng tiếng Pháp "Des principes de l'économie politique et de l'impôt". Traduit de l'anglais par F.-S. Constancio, avec des notes explicatives et critiques par J.-B. Say. T. I, Paris, 1835, p. 178 – 179.-577.

216 A. Ure. "Philosophie des manufactures, ou Économie industrielle". T. I, Bruxelles, 1836, p. 34.-583.

217 "*Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*"-văn kiện có tính cương lĩnh vĩ đại nhất của chủ nghĩa cộng sản khoa học. "Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng cả một pho sách lớn: tinh thần của nó cho tới nay còn cổ vũ và thúc đẩy toàn bộ giai cấp vô sản có tổ chức và chiến đấu của thế giới văn minh" (*Lê-nin*). "Tuyên ngôn của Đảng cộng

sản" do C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n viết với tính cách là cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản, được công bố lần đầu ở Luân Đôn vào tháng Hai 1848 thành một bản in riêng gồm 23 trang. Vào tháng Ba – tháng Bảy 1848, "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được đăng trên cơ quan ngôn luận dân chủ của những người lưu vong Đức là tờ "Deutsche Londoner Zeitung" ("Báo Đức ở Luân Đôn"). Bản tiếng Đức của tác phẩm này được tái bản trong cùng năm 1848 ở Luân Đôn dưới dạng một cuốn sách lẻ gồm 30 trang, trong đó một số chỗ in sai của lần xuất bản đầu tiên được đính chính và những dấu chấm, phẩy được hoàn thiện hơn. Bản này về sau được Mác và Ăng-ghe-n lấy làm cơ sở cho những lần xuất bản sau này có sự đồng ý của tác giả. Năm 1848 "Tuyên ngôn" cũng được dịch ra nhiều thứ tiếng châu Âu (Pháp, Ba Lan, I-ta-li-a, Đan Mạch, Phla-măng và Thụy Điển). Tên của các tác giả cuốn "Tuyên ngôn" không được nêu lên trong các bản in năm 1848; tên của các tác giả được nêu lên lần đầu trên báo chí vào năm 1850 khi bản dịch tiếng Anh của "Tuyên ngôn" được đăng trên cơ quan ngôn luận của phái Hiến chương là tờ "Red Republican" ("Người cộng hòa đỏ") trong lời tựa do tổng biên tập của tạp chí đó là Gi. Hác-ni viết.

Năm 1872, một bản in mới của "Tuyên ngôn" bằng tiếng Đức với những chỗ sửa chữa nhỏ của tác giả và với lời tựa của Mác và Ăng-ghe-n đã ra mắt. Trong lần xuất bản này, cũng như trong các lần xuất bản bằng tiếng Đức tiếp theo vào năm 1883 và 1890, sách được ra với nhan đề là "Tuyên ngôn cộng sản".

"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được xuất bản bằng tiếng Nga lần đầu vào năm 1869 ở Giơ-ne-vơ theo bản dịch của Ba-cu-nin là người đã xuyên tạc nội dung của "Tuyên ngôn" ở nhiều chỗ. Những thiếu sót của lần xuất bản đầu tiên được khắc phục trong lần xuất bản năm 1882 ở Giơ-ne-vơ theo bản dịch của Plê-kha-nốp. Bản dịch của Plê-kha-nốp đã đặt cơ sở cho việc truyền bá rộng rãi những tư tưởng của "Tuyên ngôn" ở nước Nga. Mác và Ăng-ghe-n coi việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở Nga có ý nghĩa lớn lao nên đã viết lời tựa riêng cho lần xuất bản này.

Sau khi Mác mất, "Tuyên ngôn" đã được xuất bản nhiều lần, và đều được Ăng-ghe-n xem lại: năm 1883 xuất bản bằng tiếng Đức với lời tựa của Ăng-ghe-n; năm 1888 xuất bản bằng tiếng Anh theo bản dịch của X. Mu-rơ, do Ăng-ghe-n hiệu đính và bổ sung thêm lời tựa cùng với các chú thích của ông; năm 1890 xuất bản bằng tiếng Đức với lời tựa mới của Ăng-ghe-n. Ăng-ghe-n cũng viết một số chú thích cho lần xuất bản này. Năm 1885, báo "Socialiste" ("Người xã hội chủ nghĩa") đã đăng bản dịch tiếng Pháp của "Tuyên ngôn" do con gái của Mác là Lô-ra La-phác-gơ dịch và được Ăng-ghe-n xem lại. Ăng-ghe-n đã viết lời tựa cho lần xuất bản bằng

tiếng Ba Lan năm 1892 và cho lần xuất bản bằng tiếng I-ta-li-a năm 1893 của "Tuyên ngôn".- 591.

218 Ăng-ghe-n cũng đưa chú thích này vào lần xuất bản bằng tiếng Đức của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" năm 1890, chỉ bỏ đi câu cuối cùng.-596.

219 Trong những tác phẩm viết sau này, Mác và Ăng-ghe-n đã dùng những khái niệm chính xác hơn do Mác đưa ra: "giá trị sức lao động", "giá cả sức lao động" thay cho những khái niệm "giá trị lao động", "giá cả lao động" (xem lời tựa của tập này, trong Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, tiếng Nga, tr. IX).-605.

220 *Những người theo phái chính thống Pháp và nhóm "Nước Anh trẻ"* – xem chú thích 32.-630.

221 *Phái cải cách* – xem chú thích 31.-643.

222 Có ý nói tới cuộc cách mạng tư sản ở Bỉ (mùa thu năm 1830) dẫn đến việc nước Bỉ tách ra khỏi Vương quốc Hà Lan và việc thiết lập ở nước này chế độ quân chủ lập hiến tư sản đứng đầu là vương triều Cô-buốc-gơ.

Sau cách mạng tư sản tháng Bảy ở Pháp, phong trào đòi những cải cách tự do cũng được đẩy mạnh ở Thụy Sĩ. Trong nhiều bang, những người tự do và những người cấp tiến đã đạt được một số sửa đổi về hiến pháp địa phương theo tinh thần tự do.-647.

223 Tháng Hai 1831 ở Mô-dê-na, Rô-ma-nơ thuộc vùng đông - bắc vùng đất Tòa thánh và ở Pác-ma đã nổ ra cuộc khởi nghĩa do những phần tử cách mạng của giai cấp tư sản I-ta-li-a phát động dưới khẩu hiệu thống nhất nước I-ta-li-a và đánh đuổi bọn ngoại bang. Cuộc khởi nghĩa đã bị quân đội Áo và những lực lượng của các chính phủ phản cách mạng ở I-ta-li-a đàn áp.-648.

224 Âm chi vua Phri-đrich-Vin-hem IV.

"Berliner politisches Wochenblatt" ("Tuần báo Béc-lin") là một cơ quan ngôn luận phản động cực đoan, xuất bản từ năm 1831 đến năm 1841; được sự ủng hộ và che chở của thái tử Phri-đrich-Vin-hem (từ năm 1840 là vua Phri-đrich-Vin-hem IV).-648.

225 Từ năm 1833, ở Han-nô-vơ, bản hiến pháp được thông qua do ảnh hưởng của phong trào tự do tư sản, bắt đầu có hiệu lực. Nhà sử học tư sản Đan-man đã tham gia xuất sắc vào việc soạn thảo bản hiến pháp. Năm 1837, vua xứ Han-nô-vơ, dựa vào giới địa chủ phản động, đã hủy bỏ bản hiến pháp và đến năm 1840 đã thi

hành một đạo luật mới rút hẹp tới mức tối thiểu những quyền hạn của các cơ quan đại nghị.-648.

226 *Hội nghị Viên* của những bộ trưởng nhiều quốc gia Đức được triệu tập vào năm 1834 theo sáng kiến của thủ tướng Áo Mết-téc-ních và của giới cầm quyền Phổ nhằm thi hành những biện pháp chống lại phái đối lập tự do và phong trào dân chủ. Những nghị quyết của hội nghị đã quy định hạn chế quyền hạn của các cơ quan đại nghị ở những quốc gia Đức có những cơ quan này, tăng cường kiểm duyệt, thiết lập một sự giám sát nghiêm ngặt hơn đối với các trường đại học và tiến hành đàn áp những người tham gia các tổ chức sinh viên thuộc phái đối lập.-648.

227 Đây là nói đến những cái gọi là những Tiểu ban liên hợp gồm đại biểu của các hội đồng dân biểu hàng tỉnh họp vào tháng Giêng 1848 để thảo luận dự án của bộ luật hình sự mới. Qua việc triệu tập các tiểu ban này, Chính phủ Phổ dự tính làm ra vẻ chuẩn bị cho cái cách để xoa dịu dư luận xã hội đang sục sôi. Hoạt động của các tiểu ban đã bị ngừng lại do có những cuộc nổi dậy cách mạng vào đầu tháng Ba ở Đức.-650.

228 Âm chỉ lời tuyên bố của Phri-đrich-Vin-hem IV trong bài diễn văn của ông ta khi khai mạc Nghị viện liên hợp ngày 11 tháng Tư 1847 nói rằng ông ta là "người kế vị của một ngôi vua không thể bị suy yếu và có bốn phận phải truyền lại ngai vàng ở trạng thái không thể bị suy yếu cho những người nối ngôi ông ta". -650.

229 *Hội đồng tư vấn La Mã*, hay là hội đồng nhà nước La Mã là một cơ quan tư vấn do giáo hoàng Pi IX thành lập vào cuối năm 1847. Hội đồng tư vấn gồm đại biểu của những địa chủ tự do và của giai cấp tư sản công – thương nghiệp.-651.

230 *Pi-phê-ra-ri* (từ chữ "píp-phê-rô" – một thứ nhạc khí thổi của I-ta-li-a) là những người chặn cừ ở các sườn núi Ap-pen-nanh thuộc miền Trung nước I-ta-li-a.

Lát-xa-rô-ni là những phần tử vô sản lưu manh, thoái hóa về giai cấp, bị khinh bỉ trong dân cư vương quốc Na-plơ; bọn Lát-za-rô-ni đã nhiều lần bị giới quân chủ phản động lợi dụng trong cuộc đấu tranh chống phong trào tự do và dân chủ.-652.

231 Có ý nói tới cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Mê-hi-cô vào những năm 1846 – 1848 do bọn chủ nô – chủ đồn điền Mỹ và giai cấp đại tư sản có những tham vọng xâm chiếm đất đai của Mê-hi-cô, gây ra. Kết quả cuộc chiến tranh này: Hợp chúng quốc Mỹ đã xâm chiếm được gần một nửa lãnh thổ Mê-hi-cô, trong đó có toàn bộ vùng Téch-dát, Bắc Ca-li-phoóc-ni-a, Tân Mê-hi-cô và những vùng khác.

Mác và Ăng-ghe-n trong những năm tiếp đó đã nghiên cứu cặn kẽ lịch sử xâm

lược của Hợp chúng quốc Mỹ chống Mê-hi-cô và các nước khác thuộc lục địa châu Mỹ. Năm 1861, trong bài báo "Nội chiến ở Bắc Mỹ", Mác đã nhận định chính sách của các giai cấp thống trị ở Hợp chúng quốc Mỹ đối với các nước châu Mỹ La-tinh là chính sách xâm lược với mục đích trắng trợn là xâm chiếm những vùng đất mới để bành trướng chế độ nô lệ và sự thống trị của bọn chủ nô.-657.

232 Dự án nối liền Thái Bình Dương với vịnh Mê-hi-cô bằng cách đào một con kênh qua eo đất Tê-oan-tê-pếch đã nhiều lần được nêu ra ở Hợp chúng quốc Mỹ nhằm khống chế những con đường buôn bán và thị trường ở Trung Mỹ. Nhưng vào những năm 70 của thế kỷ XIX, bọn tư bản Mỹ cho rằng đầu tư vốn vào việc xây dựng đường sắt ở Mê-hi-cô thì ít tốn kém hơn, nên đã từ bỏ dự án nói trên.-658.

233 Trích từ bài thơ của Hai-nơ "Hiệp sĩ Ô-láp-phơ".-660.

234 Có ý nói tới những sự kiện cách mạng đầu những năm 20 thế kỷ XIX ở các vương quốc Na-plơ và Xác-đi-ni và cuộc khởi nghĩa ở Rô-ma-nơ vào tháng Hai 1831 (xem chú thích 223). Tháng Bảy 1820, ở Na-plơ, những nhà cách mạng tư sản Các-bô-na-ri đã phát động một cuộc khởi nghĩa chống lại chế độ chuyên chế và đạt được việc thi hành một hiến pháp tự do ôn hòa. Tháng Ba 1821 đã nổ ra cuộc khởi nghĩa ở vương quốc Xác-đi-ni (Pi-ê-mông). Phái tự do lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã công bố một hiến pháp và mưu toan lợi dụng phong trào chống lại nền đô hộ của Áo ở miền Bắc nước I-ta-li-a để thống nhất đất nước dưới chính quyền của vương triều Xa-voa đang cai trị ở Pi-ê-mông. Do có sự can thiệp của các cường quốc thuộc Liên minh thần thánh và sự chiếm đóng của quân đội Áo ở Na-plơ và Pi-ê-mông nên chế độ chuyên chế đã được khôi phục ở cả hai vương quốc này.-664.

235 Đây là nói đến những cuộc xung đột ở Ga-li-xi do nhà cầm quyền Áo xúi giục, nổ ra giữa nông dân và nghĩa quân của tầng lớp quý tộc Ba Lan trong thời kỳ khởi nghĩa ở Cra-cốp năm 1846 (xem chú thích 19).- 664.

236 Tháng Bảy 1847, các nhà cầm quyền Áo ở I-ta-li-a, vì lo ngại trước phong trào nhân dân đang lên mạnh ở quốc gia La Mã (vùng đất Tòa Thánh), nên đã đem quân đến thành phố Phê-ra-ra ở biên giới vùng đất Tòa thánh. Ở ngay La Mã, bọn Áo đã ủng hộ những giới phản động đang ra sức tìm cách hủy bỏ những cái cách tự do của Pi IX. Việc chiếm đóng Phê-ra-ra đã gây nên một làn sóng phản nộ ở khắp nước I-ta-li-a, điều này đã buộc Chính phủ Áo phải nhanh chóng rút quân về.-664.

237 *Pra-te-rơ* là một công viên ở Viên.-670.

238 "*Le Débat Social*" ("Tranh luận xã hội") là một tờ báo Bì ra hàng ngày, cơ quan

ngôn luận của phái cấp tiến và phái dân chủ tư sản; xuất bản ở Bruy-xen từ năm 1844 đến năm 1849.-672.

239 "*L'Indépendance*" là tên gọi tắt của tờ báo tư sản Bỉ ra hàng ngày "*L'Indépendance belge*" ("*Độc lập của Bỉ*"); thành lập ở Bruy-xen năm 1831, trong những năm 40 của thế kỷ XIX, là cơ quan ngôn luận của phái tự do.-672.

240 *Đồng minh* (thành lập năm 1841) và *Hội liên hiệp tự do* (thành lập năm 1847) là những tổ chức chính trị tư sản ở Bỉ có khuynh hướng tự do.-674.

241 F. Guizot. "*Histoire générale de la civilisation en Europe, depuis la chute de l'empire romain jusqu'à la révolution française*" (Ph. Ghi-dô. "*Thông sử về nền văn minh ở châu Âu từ thời Đế quốc La Mã sụp đổ đến cuộc cách mạng Pháp*"). In lần đầu tiên trong cuốn sách: F. Guizot. "*Cours d'histoire moderne*". Paris, 1828 (Ph. Ghi-dô. "*Giáo trình lịch sử cận đại*". Pa-ri, 1828).-675.

242 Có ý nói tới bản hiệp định ký kết vào tháng Mười một 1847 giữa vua xứ Xéc-di-ni, giáo hoàng và công tước xứ Tô-xca-nơ về việc triệu tập hội nghị các quốc gia ở I-ta-li-a để thành lập Liên minh thuế quan. Dự án thành lập Liên minh thuế quan I-ta-li-a phù hợp với nguyện vọng của giai cấp đại tư sản I-ta-li-a muốn thống nhất nước I-ta-li-a "từ bên trên" dưới hình thức một liên minh các vua chúa do giáo hoàng hoặc vương triều Xa-voa đứng đầu. Tuy nhiên, tiến trình các sự kiện của cách mạng tư sản những năm 1848 – 1849 ở I-ta-li-a và thắng lợi của lực lượng phản cách mạng năm 1849 đã làm cho kế hoạch này bị phá sản.-677.

234 Phong trào của nhân dân Đức trong các công quốc Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ chống lại bản hiến pháp thống nhất cho Đan Mạch và các công quốc (dự thảo hiến pháp được công bố ngày 28 tháng Giêng 1848) trước cách mạng năm 1848 là một phong trào xét về mục đích thì mang tính chất phân lập và không vượt ra khỏi khuôn khổ của phe đối lập tự do ôn hòa. Phong trào này hướng vào việc thành lập ở miền Bắc nước Đức thêm một quốc gia Đức nhỏ nữa làm chừa hầu cho nước Phổ phân động. Trong thời kỳ cách mạng 1848 – 1849, tình hình có thay đổi. Dưới ảnh hưởng của những sự kiện cách mạng ở Đức, phong trào dân tộc ở Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ đã mang tính chất cách mạng, tính chất giải phóng. Cuộc đấu tranh đòi tách Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ ra khỏi Đan Mạch đã trở thành một bộ phận cấu thành của cuộc đấu tranh của tất cả các lực lượng tiến bộ ở Đức vì sự thống nhất dân tộc trong cả nước và được Mác và Ăng-ghe-ni-ên kiên quyết ủng hộ.-681.

244 Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.-684.

245 Có ý nói tới Liên minh Ai-rơ-len do những phần tử cấp tiến và dân chủ của phong trào dân tộc Ai-rơ-len thành lập vào tháng Giêng 1847, những phần tử này đã rời bỏ Hội Ri-pi-lơ, vì bất mãn với chính sách thỏa hiệp của Ô' Cồ-nen. Đa số trong số họ thuộc nhóm "Nước Ai-rơ-len trẻ" thành lập vào năm 1842 gồm những đại biểu của tầng lớp trí thức tư sản và tiểu tư sản Ai-rơ-len. Cảnh tả, cách mạng của Liên minh Ai-rơ-len đã ủng hộ cuộc khởi nghĩa nhân dân chống lại nền đô hộ của Anh và ra sức kết hợp cuộc đấu tranh vì độc lập của Ai-rơ-len với cuộc đấu tranh cho những cải cách dân chủ. Hoạt động của Liên minh Ai-rơ-len đã chấm dứt vào mùa hè năm 1848 sau khi giới cầm quyền Anh đàn áp cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Ai-rơ-len.-688.

246 "*La Riforma*" ("*Cải cách*") là một tờ báo I-ta-li-a mang khuynh hướng dân chủ – tư sản, xuất bản ở thành phố Lúcc-ca từ tháng Mười một 1847 đến đầu năm 1850.-695.

247 Âm chỉ tờ "*Allgemeine Zeitung*" xuất bản ở Au-xbuốc, trên bờ sông Lê-khơ.-695.

248 A. Phô-len – nhà soạn nhạc; lời của bài hát là của nhà thơ Phri-đrich-xen.-697.

249 Có ý nói tới kế hoạch do thống chế Giê-rác soạn thảo và được thông qua vào năm 1840 về sự bố trí và hành động của quân đội chính phủ nếu xảy ra khởi nghĩa ở Pa-ri.-701.

250 Sau khi chính phủ Ghi-dô bị sụp đổ vào ngày 23 tháng Hai 1848, những người ủng hộ vương triều Oóc-lê-ăng đã mưu toan thành lập nội các gồm những người quân chủ ôn hòa thuộc phái Oóc-lê-ăng (Chi-e, Bi-ô, v.v.) đứng đầu là bá tước Mô-lê. Song, nhờ có những thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nhân dân ở Pa-ri, nên mưu toan duy trì chế độ quân chủ Oóc-lê-ăng đã bị thất bại.-702.

251 Trong chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa Pháp, thành lập ngày 24 tháng Hai 1848, phần lớn các chức vị đều thuộc về các nhà cộng hòa tư sản (La-mác-tin, Duy-pông-dờ l'Ô-rơ, Crê-mi-ơ, A-ra-gô, Ma-ri và hai nhà hoạt động của tờ "*National*" mà Ăng-ghe-ni-ên đã nhắc tới: Ma-ra-xơ và Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ). Trong thành phần chính phủ, ngoài số đó còn có ba đại biểu của phái "*Réforme*" – những người dân chủ tiểu tư sản Lơ-đruy-Rô-lanh, Phlô-công và nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Lu-i Blăng cũng như người thợ máy An-be (tên thật là Mác-tanh). "Những bộ trưởng xã hội chủ nghĩa" Lu-i Blăng và An-be, như ít lâu sau mọi người đều thấy rõ, đã đóng vai trò là vật phụ thuộc thâm hại của chính phủ tư sản.-702.

252 Có ý nói tới lập trường hai mặt của các nhóm thuộc phái Oóc-lê-ăng Pháp trong vấn đề Bỉ vào đầu những năm 30 của thế kỷ XIX. Một mặt thì bí mật áp úm mưu đồ sáp nhập nước Bỉ, mặt khác các nhóm ấy lại xúi giục người Bỉ đấu tranh đòi

tách khỏi Hà Lan. Cũng trong thời gian ấy, ở hội nghị năm cường quốc (Anh, Pháp, Nga, Áo và Phổ) tại Luân Đôn, các nhóm này đã câu kết với những nước ủng hộ Hà Lan, làm phương hại đến lợi ích của nước Bỉ. Do đó, người Bỉ đã phải chấp nhận những điều kiện bất lợi trong hiệp ước với vua Hà Lan (chính thức được ký vào tháng Năm 1833) và phải nhượng cho Hà Lan một phần lãnh thổ.-711.

253 Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.-714.

254 Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin Liên Xô (trước đây) đặt.-717.

255 Bài báo này của Ph. Ăng-ghe-nơ do các cán bộ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức phát hiện và cho đăng trên tạp chí "Einheit" số 8, tháng Tám 1955. Theo ngày viết thì bài báo thuộc về các tác phẩm nằm trong tập 2 của C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ Toàn tập. Nhưng khi bài này được công bố, thì tập 2 đã xuất bản rồi, còn tập 3 với nội dung không liên quan gì về mặt chủ đề với bài báo này thì đang được in. Vì vậy bản dịch tiếng Nga của bài báo này được in trong tập 4 vào phần bổ sung, vì bài báo đã phần nào vượt ra khỏi phạm vi trình tự thời gian của bản văn chính của tập này.-720.

256 Dự án ban hành biểu thuế suất linh hoạt do nội các Ca-ninh thuộc đảng bảo thủ soạn thảo và được nội các Oen-lin-ơ-nơ cũng thuộc đảng bảo thủ ban hành thành một đạo luật vào năm 1828 sau khi đã sửa đổi chút ít.-722.

257 "*The Anti – Bread – Tax Circular*" ("Thông tri chống thuế lúa mì") là cơ quan ngôn luận của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, ban đầu gọi là "*The Anti – Corn – Law Circular*" ("Thông tri chống những đạo luật về ngũ cốc"); ra 2 tuần 1 lần ở Man-se-xơ từ năm 1839 đến năm 1843.-723.

258 Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản mà Mác và Ăng-ghe-nơ tích cực tham gia soạn thảo đã được thảo ra vào tháng Sáu 1847 tại đại hội lần thứ nhất của Liên đoàn. Sau khi được các chi bộ của Liên đoàn thảo luận, điều lệ này lại được đại hội lần thứ hai xem xét và cuối cùng được phê chuẩn ngày 8 tháng Chạp 1847.-732.

259 Có ý nói tới bức thư của hội "Những người dân chủ anh em" gửi Hội dân chủ Bruy-xen, đăng trên tờ "Northern Star" ngày 11 tháng Chạp 1847 và trên tờ "Deutsche – Brüsseler-Zeitung" ngày 26 tháng Chạp 1847. Những đề nghị về việc đặt liên lạc thường xuyên hơn giữa những người dân chủ các nước và về việc chuẩn bị triệu

tập đại hội dân chủ quốc tế, đã được các đại diện của hội "Những người dân chủ anh em" thảo luận với Mác đang hoạt động với danh nghĩa là Ban chấp hành của Hội dân chủ trong thời gian Mác và Ăng-ghe-nơ ở Luân Đôn vào cuối tháng Mười một – tháng Chạp 1847.-740.

260 Bức thư của hội "Những người dân chủ anh em" gửi công nhân Anh và Ai-rơ-len ngày 3 tháng Giêng 1848 được đăng trên báo "Northern Star" ngày 8 tháng Giêng 1848. Khi đề cập tới vấn đề quốc phòng của Anh, các tác giả của văn kiện này đã bóc trần những mưu đồ của giới tư sản Anh hòng lôi kéo giai cấp công nhân ra khỏi cuộc đấu tranh đòi những cải cách dân chủ bằng cách tuyên truyền mang tính chất sô-vanh và tung tin rằng nước Pháp dường như đang chuẩn bị tấn công lên các đảo của nước Anh. Bức thư đã kêu gọi công nhân kiên quyết đập lại "bọn âm mưu đang ra sức xúi giục các dân tộc chống lại nhau", với những lời bịa đặt như nhuốc là dường như con người ở các nước khác nhau vốn là "kẻ thù bẩm sinh" của nhau rồi. Như bức thư chỉ rõ, chỉ có trao cho nhân dân Anh những quyền dân chủ và tự do mới là thực sự củng cố khả năng phòng thủ của nước Anh.-742.

261 Cái cớ viện ra để trục xuất Ăng-ghe-nơ là ông đã phát biểu ý kiến tại bữa tiệc mừng năm mới của những người cách mạng Đức lưu vong ngày 31 tháng Chạp 1847 tại Pa-ri. Tham dự bữa tiệc này có nhiều công nhân và thợ thủ công, Ăng-ghe-nơ đã tuyên truyền cách mạng trong họ, điều này đã làm cho các nhà cầm quyền Pháp lo lắng. Vào cuối tháng Giêng 1848, cảnh sát Pa-ri đã khủng bố Ăng-ghe-nơ, viện cớ rằng trong bài diễn văn của ông có những lời ám chỉ chính trị mang tính chất chống chính phủ. Ngày 29 tháng Giêng 1848, Ăng-ghe-nơ đã nhận được lệnh phải rời khỏi nước Pháp trong vòng 24 giờ, nếu không thì bị giao nộp cho cảnh sát Phổ. Đồng thời với việc trục xuất Ăng-ghe-nơ kèm theo việc các nhà chức trách cảnh sát đang đem đốt nhập vào phòng ông, còn có nhiều vụ bắt bớ trong công nhân Đức lưu vong bị tình nghi là theo chủ nghĩa cộng sản. Mặc cho có những lời giải thích có tính chất vu cáo do báo chí của chính phủ truyền đi, những tin tức về những nguyên nhân thực sự của việc trục xuất Ăng-ghe-nơ vẫn được đưa lên các trang báo đối lập.

"*Le Moniteur Parisien*" ("Người truyền tin Pa-ri") – trong những năm 40 của thế kỷ XIX là tờ báo ra hàng ngày vào buổi chiều, là cơ quan ngôn luận bán chính thức.-743.

262 *Câu lạc bộ công nhân Đức* được thành lập ở Pa-ri ngày 8 - 9 tháng Ba 1848 theo sáng kiến của những người lãnh đạo Liên đoàn những người cộng sản. Mác đã đóng vai trò lãnh đạo trong hội này. Mục đích của việc thành lập Câu lạc bộ là

đoàn kết công nhân lưu vong Đức ở Pa-ri, giải thích cho họ hiểu sách lược của giai cấp vô sản trong cách mạng dân chủ – tư sản, đồng thời chống lại những mưu đồ của những người dân chủ tư sản và tiểu tư sản hòng dùng sự tuyên truyền dân tộc chủ nghĩa để mê hoặc công nhân và lôi kéo họ vào cái kế hoạch phiêu lưu là xâm nhập nước Đức bằng những quân đoàn tình nguyện. Câu lạc bộ đã làm nhiều việc về mặt tổ chức đưa công nhân Đức từng người một trở về tổ quốc để tham gia cuộc đấu tranh cách mạng ở đó.-752.

263 Có ý nói tới bản dự thảo điều lệ của Câu lạc bộ công nhân Đức.-753.

264 Tại trường tập ngựa đã tiến hành những cuộc họp của Hội dân chủ Đức được thành lập ở Pa-ri sau cách mạng tháng Hai 1848. Những người dân chủ tiểu tư sản đứng đầu hội ấy như Héc-vếch, Boóc-stét, Đếch-cơ, v.v. đã tuyên truyền cho việc thành lập quân đoàn tình nguyện gồm những người lưu vong Đức để xâm nhập vào Đức. Họ dự định dùng cách ấy để tiến hành cách mạng ở Đức và thiết lập chế độ cộng hòa. Mác và Ăng-ghen đã kiên quyết lên án kế hoạch phiêu lưu ấy.-754.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP
CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

(Tháng Năm 1846 - tháng Ba 1848)

1846

Mùa xuân

Trong thời gian lãnh đạo Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen, Mác và Ăng-ghen đấu tranh cho sự thống nhất về tư tưởng và tổ chức của những đại biểu tiên tiến của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa các nước nhằm mục đích chuẩn bị cơ sở cho việc thành lập chính đảng vô sản.

5 tháng Năm

Mác viết thư cho Pru-đông, đề nghị Pru-đông làm ủy viên thông tin Pháp của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen và tham gia thảo luận những vấn đề lý luận và sách lược của phong trào công nhân. Qua bức thư trả lời của Pru-đông ngày 17 tháng Năm, Mác đã thấy rõ những bất đồng căn bản giữa ông và Pru-đông và ông đã từ bỏ ý định đặt quan hệ với phong trào công nhân Pháp thông qua Pru-đông.

11 tháng Năm

Tại phiên họp của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen, bản thông tri chống G.Cri-ghê, một phần tử thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính", do Mác và Ăng-ghen viết đã được thông qua. Thông tri được phân phát cho tất cả các ủy ban thông tin cộng sản.

Mùa hè

Mác và Ăng-ghen đã hoàn thành những chương cơ bản của "Hệ tư tưởng Đức". Việc in bản thảo ở Đức không thể thực hiện được do các điều kiện kiểm duyệt, và cũng do sự phản đối của các đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính" Đức.

15 tháng Sáu

Mác và Ăng-ghen viết thư gửi G.A. Quét-ghen nhằm mục đích đặt

	quan hệ thông tin đều đặn giữa Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen và những người ủng hộ các quan điểm xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa ở Vúp-pơ-tan.
17 tháng Bảy	Mác và Ăng-ghe-ni viết "Thư chúc mừng của những người dân chủ - cộng sản Đức ở Bruy-xen gửi ông Phéc-giuýt Ô' Cô-no". Bức thư được đăng trên báo của phái Hiến chương, tờ "The Northern Star" ("Ngôi sao bắc đầu") ngày 25 tháng Bảy.
1 tháng Tám	Trong bức thư gửi nhà xuất bản C.V.Le-xke, Mác thông báo về kế hoạch của mình để hoàn thành tác phẩm "Phê phán chính trị và khoa kinh tế chính trị". Tác phẩm vẫn chưa viết xong.
15 tháng Tám	Theo sự ủy nhiệm của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen, Ăng-ghe-ni đến Pa-ri với mục đích tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản trong công nhân – hội viên những chi bộ Pa-ri thuộc Liên đoàn những người chính nghĩa, nhằm tổ chức ủy ban thông tin và đấu tranh chống chủ nghĩa Vai-tlinh, chủ nghĩa Pru-đông, "chủ nghĩa xã hội chân chính".
Giữa 15 và 19 tháng Tám	Ăng-ghe-ni làm quen với nhà cộng sản không tương Pháp E.Ca-bê.
19 tháng Tám	Ăng-ghe-ni gửi thư cho Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen về tình hình phong trào công nhân Đức ở Pa-ri và báo chí xã hội chủ nghĩa Pháp. Từ đó về sau, Ăng-ghe-ni đã báo cáo đều đặn với Ủy ban về sự phát triển của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa Pháp, cũng như cả về tình hình các nhóm công nhân Đức.
Khoảng 1 tháng Chín	Ăng-ghe-ni viết bài về tình hình ở Pháp. Bài này đã được đăng trên tờ "Northern Star" ngày 5 tháng Chín.
Tháng Chín	Trong những bức thư gửi Mác, Ăng-ghe-ni phê phán những quan điểm tiểu tư sản của Pru-đông.
Tháng Mười	Trong ba cuộc họp của công nhân Đức ở Pa-ri, Ăng-ghe-ni đã lên tiếng phê phán những điều không tương tiểu tư sản của Pru-đông và những tư tưởng tiểu thị dân của Các Grun, một phần từ thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính". Do hoạt động của Ăng-ghe-ni, đa số hội viên các chi bộ Pa-ri của Liên đoàn những người chính nghĩa đã rời bỏ "chủ nghĩa xã hội chân chính" và chủ nghĩa Pru-đông.

Khoảng giữa tháng Mười	Ăng-ghe-ni nghiên cứu tác phẩm của L.Phoi-ơ-bắc "Bản chất của tôn giáo" và ghi tóm tắt những ý kiến phê phán đối với triết học của Phoi-ơ-bắc.
Khoảng 20 tháng Mười	Những người cộng sản ở Bruy-xen viết bản thông tri thứ hai chống Cri-ghe, do Mác ký tên. Nguyên bản của thông tri này không còn giữ lại được.
Tháng Chạp	Các nhà chức trách ở Pa-ri ra lệnh cho cảnh sát theo dõi Ăng-ghe-ni.
28 tháng Chạp	Trong thư gửi nhà văn học Nga P.V.An-nen-cốp, Mác phê phán quyển sách ông vừa mới đọc xong "Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế, hay là Triết học về sự khốn cùng" của Pru-đông và nhân đó ông đã trình bày những luận điểm quan trọng nhất của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

1847

Tháng Giêng – 15 tháng Sáu	Mác viết tác phẩm "Sự khốn cùng của triết học. Trả lời cuốn "Triết học về sự khốn cùng" của Pru-đông".
Tháng Giêng – Tháng Tư	Ăng-ghe-ni viết tác phẩm "Những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính"" làm phần bổ sung cho tập hai của "Hệ tư tưởng Đức".
20 tháng Giêng	Ủy ban Luân Đôn của Liên đoàn những người chính nghĩa cử đại biểu của mình là I.Môn đến Bruy-xen gặp Mác và đến Pa-ri gặp Ăng-ghe-ni để đề nghị hai ông gia nhập Liên đoàn. Mác và Ăng-ghe-ni đồng ý gia nhập Liên đoàn sau khi thấy rõ rằng những người lãnh đạo Liên đoàn sẵn sàng cải tổ lại Liên đoàn và chấp nhận những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản khoa học làm cơ sở cho cương lĩnh của Liên đoàn.
Cuối tháng Hai	Ăng-ghe-ni viết bài báo "Hiến pháp Phổ". Bài báo được đăng trên tờ "Northern Star" ngày 6 tháng Ba.
Tháng Ba – Tháng Tư	Ăng-ghe-ni viết tác phẩm về vấn đề lập hiến ở Đức.
3 tháng Tư	Mác viết bài bình luận trong đó ông bác bỏ những lời vu cáo chống lại ông của tờ "Trier'sche Zeitung" ("Báo Tơ-ria") do C. Grun xúi

		giục. Bài này được đăng ngày 8 tháng Tư trên tờ "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" ("Báo Bruy-xen – Đức") và ngày 9 tháng Tư trên tờ "Trier'sche Zeitung".
<i>Đầu tháng Sáu</i>		Ăng-ghen tham gia tích cực vào công việc của Đại hội lần thứ nhất của Liên đoàn những người cộng sản ở Luân Đôn. Đại hội thảo luận bản điều lệ mới. Liên đoàn những người chính nghĩa được đổi tên thành Liên đoàn những người cộng sản, khẩu hiệu trước đây của Liên đoàn "Tất cả mọi người đều là anh em" nay được đổi thành: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!". Đại hội kết thúc, Ăng-ghen trở lại Pa-ri.
<i>26 tháng Sáu</i>		Ăng-ghen viết bài "Ngày tàn và giờ sụp đổ đã gần của Ghi-dô. – Lập trường của giai cấp tư sản Pháp". Bài này được đăng trên báo "Northern Star" ngày 3 tháng Bảy.
<i>Đầu tháng Bảy</i>		Cuốn sách của Mác "Sự khốn cùng của triết học. Trả lời cuốn "Triết học về sự khốn cùng" của Pru-đông" được xuất bản.
<i>Khoảng tháng Bảy</i>	27	Ăng-ghen rời Pa-ri đến gặp Mác ở Bruy-xen để bàn về công việc của Liên đoàn những người cộng sản.
<i>5 tháng Tám</i>		Dưới sự lãnh đạo của Mác, chi bộ và khu bộ của Liên đoàn những người cộng sản được thành lập ở Bruy-xen. Mác được bầu làm chủ tịch chi bộ và làm ủy viên của ban chấp hành khu bộ.
<i>Cuối tháng Tám</i>		Mác và Ăng-ghen tổ chức ở Bruy-xen Hội công nhân Đức trong đó hai ông mở rộng việc tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học.
<i>Tháng Tám – Tháng Chín</i>		Chương do Mác viết trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" mang nội dung phê phán cuốn sách của Grun "Phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ" được đăng thành một bài báo riêng trên tạp chí "Das Westphälische Dampfboot" ("Tàu thủy Ve-xơ-pha-li").
<i>12 tháng Chín</i>		Báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" đăng bài "Chủ nghĩa cộng sản của báo "Rheinischer Beobachter"" của Mác và phần đầu bài phê bình của Ăng-ghen "Chủ nghĩa xã hội Đức dưới dạng thơ và văn xuôi". Từ thời gian đó trở đi, Mác và Ăng-ghen bắt đầu cộng tác thường xuyên với báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung". Dưới ảnh hưởng của Mác và Ăng-ghen, tờ báo đã trở thành cơ quan tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và tư tưởng dân chủ.

<i>16 – 18 tháng Chín</i>		Mác và Ăng-ghen tham dự đại hội quốc tế của những nhà kinh tế học ở Bruy-xen. Mác chuẩn bị bài nói, nhưng người ta không cho phát biểu vì sợ nội dung cách mạng trong bài nói đó. Bài diễn văn mà Mác dự định đọc được đăng ngày 29 tháng Chín trên báo "Atelier Démocratique" ("Công xưởng dân chủ") ở Bruy-xen, cũng như trong bài báo "Đại hội Bruy-xen về vấn đề mậu dịch tự do" của Ăng-ghen đăng trên báo "Northern Star" ngày 9 tháng Mười.
<i>27 tháng Chín</i>		Ăng-ghen tham dự bữa tiệc quốc tế của những người dân chủ ở Bruy-xen. Tại bữa tiệc này, nghị quyết về việc thành lập Hội dân chủ đã được thông qua.
<i>3 và 7 tháng Mười</i>		Báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" đăng hai bài luận chiến của Ăng-ghen dưới nhan đề chung là "Những người cộng sản và Các Hai-nơ-txen".
<i>Giữa tháng Mười</i>		Từ Bruy-xen, Ăng-ghen trở lại Pa-ri và tham gia thành lập và cùng cổ các tổ chức địa phương của Liên đoàn những người cộng sản. Ông được giao công tác thông tin của ban chấp hành khu bộ của Liên đoàn.
<i>Nửa cuối tháng Mười</i>		Ăng-ghen đặt quan hệ với những người dân chủ Pháp tập hợp xung quanh báo "La Réforme" ("Cải cách"). Ông thỏa thuận với ban biên tập về việc viết cho tờ báo này những bài làm sáng tỏ tình hình ở Anh và ở Đức và sự phát triển của phong trào Hiến chương. Việc đăng bài báo vào ngày 26 tháng Mười về cuộc khủng hoảng thương nghiệp ở Anh mở đầu cho sự cộng tác của Ăng-ghen với báo "Réforme", sự cộng tác này kéo dài cho đến tháng Giêng 1848.
<i>18 tháng Mười</i>		Ban chấp hành trung ương Luân Đôn của Liên đoàn những người cộng sản đề nghị khu bộ Bruy-xen cử đại biểu đi dự đại hội lần thứ hai của Liên đoàn và tỏ ý mong muốn Mác tham dự đại hội.
<i>22 tháng Mười</i>		Tại hội nghị ban chấp hành khu bộ của Liên đoàn những người cộng sản ở Pa-ri, Ăng-ghen đã phê phán gay gắt bản dự thảo cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản do M.Hét-xơ, một phần từ thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính", biên soạn. Ban chấp hành đã giao cho Ăng-ghen biên soạn một dự thảo cương lĩnh mới.
<i>Cuối tháng Mười</i>		Mác viết bài "Sự phê phán có tính dạy đạo đức và đạo đức có tính phê phán. Bàn về lịch sử của văn hoá Đức. Chống Các Hai-nơ-txen".

	Bài báo được đăng trên nhiều số của tờ "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" từ 28 tháng Mười đến 25 tháng Mười một.
<i>Cuối tháng Mười – tháng Mười một</i>	Theo sự ủy nhiệm của ban chấp hành khu bộ Pa-ri của Liên đoàn những người cộng sản, Ăng-ghe-nhien biên soạn dự thảo cương lĩnh của Liên đoàn dưới nhan đề "Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản".
<i>Đầu tháng Mười một</i>	Ăng-ghe-nhien viết bài "Phong trào đòi cải cách ở Pháp". Bài báo được đăng trên tờ "Northern Star" ngày 20 tháng Mười một.
<i>14 tháng Mười một</i>	Ăng-ghe-nhien được cử làm đại biểu của khu bộ Pa-ri của Liên đoàn những người cộng sản đi dự đại hội lần thứ hai của Liên đoàn.
<i>15 tháng Mười một</i>	Tại cuộc họp của Hội dân chủ Bruy-xen, Mác được bầu làm phó chủ tịch Hội.
<i>23 – 24 tháng Mười một</i>	Ăng-ghe-nhien viết thư cho Mác đề nghị soạn thảo cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản dưới hình thức một bản tuyên ngôn, được gọi là "Tuyên ngôn cộng sản".
<i>27 tháng Mười một</i>	Mác từ Bruy-xen và Ăng-ghe-nhien từ Pa-ri đi Luân Đôn để tham dự đại hội lần thứ hai của Liên đoàn những người cộng sản. Hai ông gặp nhau ở Ô-xten-đơ, và thảo luận vấn đề cương lĩnh của Liên đoàn ở đó.
<i>29 tháng Mười một</i>	Mác và Ăng-ghe-nhien tham dự cuộc mít-tinh quốc tế ở Luân Đôn do hội "Những người dân chủ anh em" tổ chức để kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830. Mác chuyển bức thư của Hội dân chủ Bruy-xen đến hội "Những người dân chủ anh em" về việc đặt quan hệ chặt chẽ hơn giữa hai tổ chức. Tại cuộc mít-tinh, Mác và Ăng-ghe-nhien đã đọc diễn văn về Ba Lan. Những bài tường thuật về cuộc mít-tinh kèm theo văn bản những bài nói của Mác và Ăng-ghe-nhien được đăng trên các báo "Northern Star" ngày 4 tháng Chạp, "Réforme" ngày 5 tháng Chạp và "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" ngày 9 tháng Chạp.
<i>28 tháng Mười một – 8 tháng Chạp</i>	Mác và Ăng-ghe-nhien tham gia tích cực vào công việc của đại hội lần thứ hai của Liên đoàn những người cộng sản. Sau những cuộc tranh luận kéo dài và sôi nổi, những quan điểm của Mác và Ăng-ghe-nhien được tất cả mọi người hoàn toàn chấp nhận. Đại hội giao cho Mác và Ăng-ghe-nhien nghiên cứu soạn thảo cương lĩnh của Liên đoàn những

	người cộng sản dưới hình thức tuyên ngôn, và phê chuẩn Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản.
<i>30 tháng Mười một</i>	Mác và Ăng-ghe-nhien phát biểu ý kiến tại cuộc họp của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn. Trong bài diễn văn của mình, Mác thông báo về hoạt động của Hội công nhân Đức ở Bruy-xen.
<i>7 tháng Chạp</i>	Tại cuộc họp của Hội giáo dục công nhân Đức, Ăng-ghe-nhien đọc bản báo cáo về các vấn đề kinh tế.
<i>Giữa ngày 9 tháng Chạp và cuối tháng Chạp</i>	Khi đại hội lần thứ hai của Liên đoàn những người cộng sản kết thúc, Mác và Ăng-ghe-nhien bắt tay soạn thảo "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản".
<i>Khoảng 13 tháng Chạp</i>	Mác từ Luân Đôn trở về Bruy-xen.
<i>Khoảng 15 tháng Chạp</i>	Ăng-ghe-nhien viết bài báo phê phán bài phát biểu của Lu-i Blăng tại bữa tiệc ở Đì-giông. Bài báo này được đăng trên tờ "Northern Star" ngày 18 tháng Chạp và trên báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" có sửa đổi chút ít – ngày 30 tháng Chạp.
<i>17 tháng Chạp</i>	Ăng-ghe-nhien rời Luân Đôn đi Bruy-xen.
<i>Nửa cuối tháng Chạp</i>	Mác đọc những bài giảng về lao động làm thuê và tư bản tại Hội công nhân Đức ở Bruy-xen. Ngoài những tài liệu khác chuẩn bị cho các bài giảng, Mác còn soạn bản sơ thảo "Tiền công".
<i>Khoảng 20 tháng Chạp</i>	Hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn ủy nhiệm cho Ăng-ghe-nhien làm đại biểu của Hội ở Pa-ri.
<i>20 tháng Chạp</i>	Tại cuộc họp của Hội dân chủ Bruy-xen, Mác báo cáo về cuộc mít-tinh kỷ niệm cuộc cách mạng Ba Lan năm 1830 ở Luân Đôn và đọc lời chào mừng của hội "Những người dân chủ anh em". Tại cuộc họp này, Ăng-ghe-nhien đã được bầu làm đại biểu của Hội dân chủ tại Pa-ri.
<i>Cuối tháng Chạp</i>	Ăng-ghe-nhien rời Bruy-xen đi Pa-ri.
<i>31 tháng Chạp</i>	Mác tham dự tiệc mừng năm mới của Hội công nhân Đức ở Bruy-xen. Ăng-ghe-nhien phát biểu tại tiệc mừng năm mới của những người cách mạng Đức lưu vong ở Pa-ri.

1848

9 tháng Giêng	Mác đọc diễn văn về mâu dịch tự do tại đại hội công chúng của Hội dân chủ Bruy-xen. Hội nghị đã thông qua nghị quyết xuất bản diễn văn của Mácc thành một cuốn sách riêng. Cuốn sách đã được phát hành vào những ngày đầu tháng Hai 1848.
Nửa cuối tháng Giêng	Mác hoàn thành việc biên soạn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Cuối tháng Giêng, bản thảo được gửi đi in ở Luân Đôn.
23 tháng Giêng	Tờ "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" đăng bài báo của Ăng-ghe-n "Các phong trào năm 1847".
27 tháng Giêng	Tờ "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" đăng bài báo của Ăng-ghe-n "Bước đầu của sự cáo chung của nước Áo".
29 tháng Giêng	Chính phủ Pháp trục xuất Ăng-ghe-n khỏi nước Pháp vì ông đã hoạt động cách mạng trong công nhân ở Pa-ri.
31 tháng Giêng Tháng Hai	Ăng-ghe-n đến Bruy-xen. Mác chuẩn bị đưa in những bài giảng của mình về lao động làm thuê và tư bản mà ông đã giảng tại Hội công nhân Đức ở Bruy-xen. Một phần những bài giảng ấy được đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" vào tháng Tư 1849 dưới đầu đề "Lao động làm thuê và tư bản".
13 tháng Hai	Mác tham dự cuộc họp của Hội dân chủ Bruy-xen. Cuộc họp đã thảo luận vấn đề triệu tập đại hội dân chủ quốc tế và thông qua bức thư trả lời hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn, do Mácc và những ủy viên khác trong Ban chấp hành của Hội ký tên.
20 tháng Hai	Tại cuộc họp của Hội dân chủ Bruy-xen, Ăng-ghe-n báo cáo về việc Chính phủ Pháp truy nã những người dân chủ và về những tình tiết trong việc ông bị trục xuất khỏi Pa-ri.
22 tháng Hai	Mác và Ăng-ghe-n đọc diễn văn tại cuộc họp long trọng ở Bruy-xen do Hội dân chủ tổ chức để kỷ niệm lần thứ hai cuộc khởi nghĩa Cra-cốp. Các bài diễn văn của Mácc và Ăng-ghe-n được đăng vào tháng Ba 1848 trong tập sách kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Cra-cốp.

Khoảng 24 tháng Hai	Bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được xuất bản ở Luân Đôn.
25 tháng Hai – đầu tháng Ba	Mác và Ăng-ghe-n tham gia tích cực vào phong trào cộng hòa ở Bỉ được mở rộng dưới ảnh hưởng của cách mạng tháng Hai ở Pháp. Mácc đã cấp tiền riêng của mình cho việc vũ trang công nhân Bruy-xen.
25 – 26 tháng Hai	Ăng-ghe-n viết bài báo "Cuộc cách mạng ở Pa-ri". Bài báo được đăng trên tờ "Deutsche-Brüsseler-Zeitung" ngày 27 tháng Hai. Do có cuộc cách mạng ở Pháp, Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản ở Luân Đôn đã giao toàn quyền cho ban chấp hành khu bộ Bruy-xen do Mácc Lãnh đạo.
Khoảng 27 tháng Hai	Mác và Ăng-ghe-n tham dự cuộc họp của Hội dân chủ Bruy-xen, cuộc họp này đã ra nghị quyết đòi các nhà chức trách thành phố vũ trang cho công nhân Bruy-xen. Cuộc họp cũng đã thông qua những nghị quyết về việc triệu tập những cuộc họp hàng ngày của Hội và về việc đặt liên hệ định kỳ với những người dân chủ các nước khác.
27 tháng Hai	Mác cùng với những ủy viên khác của ban chấp hành Hội dân chủ Bruy-xen ký vào bức thư gửi tổng biên tập báo "Northern Star" và thư ký hội "Những người dân chủ anh em" là Gi. Hác-ni cũng như bức thư chúc mừng gửi chính phủ lâm thời nước Cộng hòa Pháp.
Khoảng 1 tháng Ba	Ủy viên của chính phủ lâm thời nước Cộng hòa Pháp Ph. Phlô-công thông báo bằng công văn cho Mácc biết về việc đã hủy bỏ lệnh trục xuất Mácc của chính phủ Ghi-dô và mời ông trở lại nước Pháp.
3 tháng Ba	Mác nhận được lệnh của nhà vua bắt phải rời nước Bỉ trong vòng 24 giờ. Ban chấp hành trung ương Bruy-xen của Liên đoàn những người cộng sản thông qua quyết định rời trung tâm hoạt động của Liên đoàn đến Pa-ri. Mácc được ủy nhiệm thành lập ở Pa-ri một Ban chấp hành trung ương mới.
Đêm ngày 3 rạng ngày 4 tháng Ba	Trong khi Mácc chuẩn bị ra đi thì cảnh sát đột nhập phòng ở và bắt ông đi. Ngày 4 tháng Ba, vợ Mácc cũng bị bắt. Sau 18 giờ bị giam, Mácc và gia đình buộc phải lập tức rời nước Bỉ.
5 tháng Ba	Mác đến Pa-ri. Tham gia tích cực vào chiến dịch phản kháng việc truy nã Mácc và những người lưu vong chính trị khác ở Bỉ, Ăng-ghe-n

	viết gửi ban biên tập báo "Northern Star" một bức thư vạch trần hành động của Chính phủ Bỉ. Bức thư của Ăng-ghen được đăng ngày 25 tháng Ba.
6 tháng Ba	Mác dự cuộc họp của công nhân Đức ở Pa-ri được triệu tập nhân có những sự kiện cách mạng ở Pháp.
6 tháng Ba – giữa tháng Ba	Mác đấu tranh chống kế hoạch phiêu lưu do những người dân chủ tiêu tư sản (Héc-vếch, Boóc-stét, v.v.) đưa ra là thành lập ở Pa-ri một quân đoàn vũ trang gồm những người Đức lưu vong để xâm nhập trở về Đức và làm cách mạng ở đó. Trái với điều đó, Mác đã nêu ra ý kiến đưa công nhân Đức trở về tổ quốc từng người một để tham gia phong trào cách mạng ở các địa phương.
8 tháng Ba	Bức thư của Mác về việc ông bị trục xuất khỏi Bruy-xen được đăng trên báo "Réforme". Mác tham dự hội nghị của chi bộ Pa-ri thuộc Liên đoàn những người cộng sản, hội nghị đã thông qua nghị quyết về việc thành lập khu bộ Pa-ri thuộc Liên đoàn và về việc thành lập hội công nhân công khai lấy tên là Câu lạc bộ công nhân Đức. Mác được Ủy nhiệm biên soạn dự thảo điều lệ của Câu lạc bộ.
9 tháng Ba	Tại hội nghị của chi bộ Pa-ri thuộc Liên đoàn những người cộng sản, bản dự thảo điều lệ của Câu lạc bộ công nhân Đức do Mác biên soạn được thông qua.
11 tháng Ba	Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản được thành lập ở Pa-ri. Mác được bầu là chủ tịch. Ăng-ghen, đang ở Bruy-xen, được bầu vắng mặt vào Ban chấp hành trung ương.
19 tháng Ba	Ban chấp hành khu bộ Luân Đôn của Liên đoàn những người cộng sản gửi cho Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn ở Pa-ri 1 000 bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản".

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

- A-bi-béc* (Abyberg), I-ô-han Tê-ô-đo (1795 – 1869)– nhà hoạt động chính trị Thụy Sĩ, người đứng đầu đảng bảo thủ ở bang Svi-xơ.- 495.
- A-di-xơn* (Addison), Giô-dép (1672 – 1719) – nhà văn và nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những bậc tiền bối của những nhà khai sáng tư sản Anh.-318.
- A-lác* (Allard) – nhà dân chủ Pháp.- 716.
- A-ra-gô* (Arago), Ê-chiên (1803 – 1892) – nhà hoạt động chính trị, nhà văn và nhà dân chủ Pháp; năm 1848 là ủy viên của chính phủ lâm thời, trong đó ông gia nhập phái cộng hòa tư sản.- 526.
- A-ri-ô-xtô* (Ariosto), Lô-đô-vi-cô (1474 – 1533)- nhà thơ lớn I-ta-li-a trong thời phục hưng.- 430.
- A-xơ* (Asher), Các Vin-hem (1798 – 1864) – luật gia tư sản và nhà kinh tế học Đức.- 371.
- Ăc-cu* (Harcourt), Phrăng-xoa Ô-giê-n Gia-bri-en, công tước Đờ (1786 - 1865) – nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao Pháp, người theo phái tự do, người ủng hộ chính sách mật dịch tự do.- 371.
- Ăc-ke-xđây-cơ* (Ackersdyck)- nhà kinh tế học tư sản Hà Lan.- 371.
- Ăc-nốt* (Arnott), Giôn- nhà hoạt động của phong trào Hiến chương.- 530.
- Ai-sơ-hoóc* (Eichhorn), I-ô-han An-brê-stơ Phri-drích (1779 – 1856)- nhà hoạt động nhà nước Phổ, bộ trưởng Bộ tôn giáo, giáo dục và y tế ở Phổ (năm 1840 – 1848).- 273,287.
- An-be* (Albert) (tên thật là A-lếch-xan-đrơ Mác-tanh) (1815 – 1895) – công nhân Pháp, người tham gia các nhóm cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ quân chủ tháng Bảy, năm 1848 là ủy viên của chính phủ lâm thời.-702.

An-đéc-xơn (Anderson), A-đam (khoảng 1692 – 1765) – nhà kinh tế học tư sản Xcốt-len, tác giả của tác phẩm về lịch sử thương mại.-111.

Át-kin-xơn (Atkinson), Uy-li-am – nhà kinh tế học Anh những năm 30-50 của thế kỷ XIX, người chống lại trường phái cổ điển của khoa kinh tế chính trị tư sản, người theo phái thuế quan bảo hộ.-142-143.

Ăng-ghen (Engels), Phri-đrích (1820 – 1895) (các tài liệu tiểu sử).-9, 10, 37, 38, 43, 55, 61, 125, 352, 359, 366, 408, 411, 423, 440, 446-450, 453, 454, 481, 485, 513, 520, 524, 528, 529, 551, 596, 710, 739, 743, 750.

B

Ba-bốp (Babeuf), Grắc-cút (tên thật là Phrăng-xoa Nô-en) (1760-1797) – nhà cách mạng Pháp, đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa cộng sản không tưởng và bình quân, người tổ chức vụ âm mưu của "phái bình đẳng".-427, 640.

Ba-lanh (Ballin), Phê-lích-xơ (sinh khoảng 1802) – nhà hoạt động của phong trào dân chủ Bỉ, hội viên hội dân chủ Bruy-xen.- 748.

Ba-rô (Barrot), Ô-đi-lông (1791 – 1873) – nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, trước tháng Hai 1848 cầm đầu phái tự do đối lập ủng hộ vương triều; tháng Chạp 1848 – tháng Mười 1849 đứng đầu nội các, nội các này dựa vào sự liên minh phân cách mạng của các phái quân chủ.-46, 265, 511, 516, 520-524, 539, 540, 559, 560, 699.

Ba-tay (Bataille) – công nhân Bỉ, người tham gia phong trào công nhân và phong trào dân chủ ở Bỉ. Hội viên Hội dân chủ Bruy-xen.-748.

Ba-xti-a (Bastiat), Phrê-đê-rích (1801 – 1850) – nhà kinh tế học tầm thường Pháp, kẻ tấn dương một cách cuồng nhiệt chủ nghĩa tư bản.-355, 365.

Bác-ba-ru (Barbaroux), Sác-lơ Giăng (1767 – 1794)- nhà hoạt động cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, người theo phái Gi-rông-đanh.-448.

Bác-ten-xơ (Bartels), A-Đôn-phơ – nhà chính luận tiểu sử tư sản Bỉ, từ năm 1844 đến năm 1846 là tổng biên tập báo "Débat Social".-352.

Bác-ten-xơ (Bartels), Giuy-lơ- luật sư Bỉ.-533, 534.

Bao-rinh (Bowring), Giôn (1792 – 1872) – nhà hoạt động chính trị Anh, nhà ngôn ngữ và tác gia, môn đồ của Ben-tam, người ủng hộ mậu dịch tự do; những năm

50 là một quan chức lớn trong chính quyền thực dân, đã thực hiện chính sách thực dân của Anh ở Viễn Đông.-356, 364, 365, 369-371, 519, 569, 575, 578, 580-583.

Báp-bít-giơ (Babbage), Sác-lơ (1792 – 1871)- nhà toán học và nhà cơ học Anh, nhà kinh tế học tư sản.-219.

Bau-ơ (Bauer), Bru-nô (1809 – 1882) – nhà triết học duy tâm Đức, một trong những nhân vật nổi tiếng của phái Hê-ghen trẻ, phần tử cấp tiến tư sản; sau 1866 là người theo phái tự do – dân tộc chủ nghĩa.-61.

Bau-ơ (Bauer), Hen-rích – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế, một trong những người lãnh đạo của Liên đoàn những người chính nghĩa, ủy viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, thợ đóng giày; năm 1851 lưu vong sang Áo.-751, 752.

Ben-tam (Bentham), Giê-rê-mi (1748 – 1832)- nhà xã hội học tư sản Anh, nhà lý luận chủ nghĩa vị lợi.-356.

Bê-răng-giê (Béranger), Pi-e Giăng (1780 – 1857)- nhà thơ dân chủ lớn của Pháp, tác giả của những tác phẩm trào phúng mang tính chất chính trị.-748.

Bêch (Beck), Céc-lơ (1817 – 1879) – nhà thơ tiểu tư sản Đức, vào giữa những năm 40 là đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính".-298-311.

Bi-ô (Billault), Ô-guy-xtơ A-đôn-phơ Ma-ri (1805 – 1863)- nhà hoạt động chính trị Pháp, một phần tử quân chủ ôn hòa theo phái Oóc-lê-ăng; sau năm 1851 theo phái Bô-na-pác-tơ.-702.

Blăng (Blanc), Lu-i (1811 – 1882) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản và nhà sử học Pháp, nhà hoạt động cách mạng những năm 1848 – 1849, giữ lập trường thỏa hiệp với giai cấp tư sản.-515, 524, 543-547, 644, 702.

Blăng-ki (Blanqui), A-đôn-phơ (1798 – 1854)- nhà kinh tế học tư sản Pháp và nhà nghiên cứu lịch sử các học thuyết kinh tế, đại biểu của khoa kinh tế chính trị tầm thường.-123, 318, 357, 353, 365.

Ble-xinh-ton (Blessington), Mác-ghê-rít, nữ bá tước (1789 – 1849)- nhà văn Anh theo khuynh hướng tự do.-43.

Boa-ghin-be (boisguillebert), Pi-e (1646 – 1714)- nhà kinh tế học Pháp, tiền bối của phái trọng nông, người sáng lập ra khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển ở Pháp.-142, 165.

Boóc-nơ (Born), Xê-phan (tên thật là Xi-môn Bút-tơ-min-sơ) (1824 – 1898)- công

nhân xếp chữ người Đức, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, trong thời kỳ cách mạng 1848 – 1849 ở Đức là một trong những đại biểu đầu tiên của chủ nghĩa cải lương trong phong trào công nhân Đức; sau cách mạng đã xa rời phong trào công nhân.-403, 455, 751, 753.

Bóc-nơ (Borne), Lút-vích (1786 – 1837) - nhà chính luận và nhà phê bình Đức, một trong những đại biểu xuất sắc của phái đối lập tiêu tư sản cấp tiến; về cuối đời là người ủng hộ chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo.-16, 329, 351.

Bô-đô (Baudeau), Ni-cô-la (1730 – 1792)- lĩnh vực Pháp, nhà kinh tế học, người ủng hộ phái trọng nông.-181.

Bô-ling-brốc (Bolingbroke), Hen-ri (1678 – 1751)- nhà triết học thần luận Anh và nhà hoạt động chính trị, một trong những thủ lĩnh của đảng bảo thủ.-545.

Bô-mông Đơ la Bon-ni-ni-e (Beaumont de la Bonnière), Guy-sta-vơ (1802 – 1866)- nhà chính luận tư sản và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái tự do ôn hòa; vào những năm 1848 – 1851 là người theo phái cộng hòa tư sản.-511, 516.

Bô-nan (Bonald), Lu-i Ga-bri-en Ăm-broa-dơ, tử tước Đờ (1754 – 1840)- nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, người theo phái quân chủ, một trong những nhà tư tưởng của giới phản động quý tộc và tầng lữ trong thời kỳ Phục tích.-685.

Brai-tơ (Bright), Giôn (1811 – 1889)- chủ xưởng ở Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, người ủng hộ chính sách mật dịch tự do, một trong những người sáng lập ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc; từ cuối những năm 60 là một trong những thủ lĩnh của đảng tự do; là người giữ nhiều chức vụ bộ trưởng trong nội các của đảng tự do.-569, 654.

Brau-nơ (Brown), Uy-li-am (1784 – 1864) – thương gia và chủ ngân hàng người Anh, là người ủng hộ mật dịch tự do.-364-365.

Brây (Bray), Giôn Phren-xít (1809 – 1895)- nhà kinh tế học Anh, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, môn đồ của Ô-oen; là công nhân làm nghề in.-144-151, 153, 154.

Bu-ô-na-rô-ti (Buonarroti), Phi-líp (1761 – 1837)- nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cách mạng ở Pháp cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX; nhà cộng sản không tưởng, bạn chiến đấu của Ba-bốp.-427.

Búc-phin-cơ (Buchfink) – thành viên của Liên đoàn những người cộng sản.-751.

Buốc-bông (dòng họ) – triều vua ở Pháp (1589 – 1792, 1814 – 1815 và 1815 – 1830).-502.

Buy-sê (Buche), Phi-líp (1796 – 1865) – nhà hoạt động chính trị và nhà sử học Pháp, một phần tử cộng hòa tư sản, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo.- 319, 335.

C

Ca-bê (Cabet), Ê-chiê (1788 – 1856)- nhà chính luận Pháp, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cộng sản không tưởng hòa bình, tác giả của cuốn "Cuộc hành trình tới I-ca-ri".-16, 64, 536, 541, 542.

Ca-ninh (Canning), Gioóc-giơ (1770 – 1827)- nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Anh, một trong những thủ lĩnh của đảng bảo thủ, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1807 – 1809), (1822 – 1827), thủ tướng (1827).-722.

Ca-ren (Carrel), Ác-măng (1800 – 1836)- nhà chính luận tư sản Pháp, một phần tử tự do; là một trong những người sáng lập và tổng biên tập báo "National".-261.

Các-lơ Au-gu-xtơ (1757 – 1828) – đại công tước xứ Đắc-den-Vây-ma.-344.

Các-nô (Carnot), La-da-rơ Ip-pô-lit (1801 – 1888) – nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa.-540, 558, 559.

Các-nô (Carnot), La-da-rơ Ni-cô-la (1753 – 1823)- nhà toán học Pháp, nhà hoạt động chính trị và quân sự, một phần tử cộng hòa tư sản; trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII gia nhập phái Gia-cô-ban, tham gia cuộc lật đổ phản cách mạng ngày 9 tháng Nóng.-560.

Cam-pan (Campan) – nhân viên Phòng thương mại ở Boóc-đô, một người ủng hộ chính sách mật dịch tự do.-358.

Cam-pe (Campe), I-ô-a-khim Hen-rích (1746 – 1818)- nhà văn tư sản Đức, nhà sư phạm và nhà ngôn ngữ học; tác giả của những cuốn sách viết cho thanh thiếu niên.-448, 450.

Cam-pơ-hau-den (Camphausen), Lu-đôn-phơ (1803 – 1890) – chủ ngân hàng ở Đức, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do vùng Ranh; từ tháng Ba – tháng Sáu 1848 là thủ tướng Phổ, kẻ thực hiện chính sách phân bội bắt tay với thế lực phản động.-444.

Can-tơ (Kant), I-ma-nu-en (1724 – 1804) – nhà triết học nổi tiếng Đức, cha đẻ của chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX.-212, 328.

Cây-đơ (Cade), Giếch (chết năm 1450) – lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa chống phong kiến của nông dân và thợ thủ công Anh ở miền nam nước Anh năm 1450.-385.

Chi-e (Thiers), A-đôn-phơ (1797 – 1877)- nhà sử học tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp, thủ tướng (1836 – 1840), tổng thống nước Cộng hòa (1871 – 1873); tên đạo phủ của Công xã Pa-ri.-46, 268, 522, 523, 553, 554, 561.

Clai-xơ (Kleist), Hen-rích (1777 – 1811)- nhà thơ và nhà soạn kịch Đức, đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn phản động.-303.

Clô-ốt-xơ (Cloots), A-na-hác-xít (1755 – 1794)- nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, gần gũi với những người Gia-cô-banh theo phái tả; trước cách mạng là nam tước Phổ.-535.

Clốp-stốc (Klopstock), Phri-đrich Gôt-líp (1724 – 1803) – nhà thơ Đức, một trong những đại biểu đầu tiên của phong trào Khai sáng tư sản ở Đức.-324.

Cô-buốc-gơ- xem *Lê-ô-pôn I*.

Cô-cle (Cocle), Sê-lê-xti-nô Ma-ri-a (1783 – 1857)- nhà thần học và nhà hoạt động nhà nước phản động I-ta-li-a, cha cố của vua Na-pơ Phéc-đi-năng II.-679.

Cô-txê-bu (Kotzebue), Au-gu-xơ (1761 – 1819)- nhà văn và nhà chính luận phản động Đức.-311.

Côn-be (Colbert), Giăng Ba-ti-xơ (1619 – 1683)- nhà hoạt động nhà nước Pháp, tổng thanh tra (1665 – 1683), trên thực tế đã chỉ đạo chính sách đối ngoại và đối nội của Pháp; người thực hiện chính sách trọng thương nhằm củng cố chế độ quân chủ chuyên chế.-598.

Công-xtăng-xi-ô (Constancio), Phrăng-xít-cô Xô-la-nô (1772 – 1864)- bác sĩ Bồ Đào Nha, nhà ngoại giao và nhà văn; đã dịch những tác phẩm của các nhà kinh tế học Anh ra tiếng Pháp.-108, 119.

Cốp-bét (Cobbett), Uy-li-am (1762 – 1835) – nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa cấp tiến tiêu tư sản, đấu tranh cho việc dân chủ hóa chế độ chính trị ở Anh.-482.

Cốp-đen (Cobden), Ri-sốt (1804 – 1865)- chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, đã ủng hộ chính sách mậu dịch tự do, một trong những người sáng lập ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc.-676.

Cri-ghê (Kriege), Héc-man (1820 – 1850)- nhà báo Đức, đại biểu của "chủ nghĩa xã

hội chân chính", vào nửa cuối những năm 40 đứng đầu nhóm những người theo phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" Đức ở Niu Oóc.-9, 12-31.

Cri-xti-an VIII (1786 – 1848)- vua Đan Mạch (1839 – 1848).- 680.

Cu-pơ (Cooper), Tô-mát (1759 – 1840)- nhà bác học và nhà hoạt động chính trị Mỹ, nhà khai sáng tư sản; đại biểu xuất sắc của khoa kinh tế chính trị tư sản ở Mỹ.-167, 428.

Cu-pơ (Cooper), Tô-mát (1805 – 1892) – nhà thơ và nhà báo Anh, một phần tử cấp tiến tiêu tư sản, đã tham gia phong trào Hiến chương vào đầu những năm 40; sau này là người truyền bá đạo Cơ Đốc.-43.

D

Dai-lơ (Seiler), Xê-ba-xti-an – nhà chính luận Đức, năm 1846 là ủy viên của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, đã tham gia cách mạng 1848 – 1849 ở Đức.-9, 10.

Dắc-xơ (Sax) – thành viên Liên đoàn những người cộng sản.-754.

Đ

Đa-lăm-be (D'Alembert), Giăng (1717 – 1783)- nhà triết học và nhà toán học Pháp, một trong những đại biểu nổi tiếng nhất của phái Khai sáng tư sản thế kỷ XVIII.-545.

Đa-vít (David), Cri-xti-an Ghê-oóc Na-tan (1793 – 1874)- nhà kinh tế học tư sản và nhà hoạt động chính trị Đan Mạch, phần tử tự do.-354.

Đa-xi (Dassy)- nhà dân chủ Bỉ, thành viên của Hội dân chủ Bruy-xen.-709.

Dan-man (Dahlmann), Phri-đrich Cri-xtốp (1785 – 1860)- nhà sử học tư sản và nhà hoạt động chính trị Đức, phần tử tự do.-273, 648.

Dan-tơ A-li-ghi-e-ri (A-li-ghi-o-ri) (Dante Alighieri) (1265 – 1321) - nhà thơ vĩ đại I-ta-li-a.-346.

Đe-rơ (Daire), Ó-gien (1798 – 1847) – nhà kinh tế học Pháp, người xuất bản các tác phẩm kinh tế chính trị học.-142, 166.

Đê-da-mi (Dezamy), Tê-ô-đo (1803 – 1850) – nhà chính luận Pháp, đại biểu xuất sắc cho khuynh hướng cách mạng của chủ nghĩa cộng sản không tưởng.-16.

Đêch-cơ (Decker)- nhà dân chủ tiểu tư sản Đức.-751.

Đên Ca-rét-tô (Del Carretto), Phrăng-tse-xcô Xa-vê-ri-ô (khoảng 1777-1861)- nhà hoạt động chính trị phản động I-ta-li-a, bộ trưởng cảnh sát của Vương quốc Na-plơ (1831 – tháng Giêng 1848).-677.

Đi-đơ-rô (Diderot), Đe-ni (1713 – 1784)- nhà triết học Pháp nổi tiếng, đại biểu của chủ nghĩa duy vật máy móc, người theo chủ nghĩa vô thần, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp, nhà khai sáng, là người đứng đầu phái bách khoa toàn thư.-545.

Đích-ken-xơ (Dickens), Sác-lơ (1812 – 1870) – nhà văn hiện thực nổi tiếng Anh.-25.

Đơ-giốc-giơ (Degeorge), Phrê-đê-rích (1797 – 1854)- nhà chính luận tư sản Pháp, phản tử cộng hòa ôn hòa.-539.

Đơ-lăng-lơ (Delangle), Clôt An-phông-xơ (1797 – 1869) – luật gia và nhà hoạt động chính trị phản động Pháp; từ năm 1847 đến cách mạng tháng Hai 1848 là viện trưởng Viện công tố.-540.

Đơ Me-xơ-rơ (De Maistre), Giô-đép (1753 – 1821) – nhà văn Pháp, người theo chủ nghĩa quân chủ, một trong những nhà tư tưởng của giới phản động quý tộc và tăng lữ, kẻ thù điên cuồng của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.-686.

Đơn-côm-bơ (Duncombe), Tô-mát Xlinh-xbi (1796 – 1861) – nhà hoạt động chính trị Anh, một phần tử cấp tiến tư sản, những năm 40 đã tham gia phong trào Hiến chương.-259, 551.

Đrô-đơ (Droz), Phrăng-xoa Cxa-vi-ê Giô-đép (1773 – 1851) – nhà sử học tư sản Pháp, nhà triết học và nhà kinh tế học.-123.

Đruên Đơ Luy-xơ (Drouyn de Lhuys), Ê-đu-a (1805 – 1881)- nhà hoạt động chính trị Pháp, những năm 40 là người quân chủ ôn hòa thuộc phái Oóc-lê-ăng; sau năm 1851 là người theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng Bộ ngoại giao 1848 – 1849, 1851, 1852 – 1855, 1862 – 1866.-510.

Đuê-xbéc (Duesberg), Phran-xơ (1793 – 1872)- nhà hoạt động nhà nước phản động Phổ, từ 1846 đến cách mạng tháng Ba 1848 là bộ trưởng Bộ tài chính.-281.

Duy-ma (Dumas), Giăng Ba-ti-xơ (1800 – 1884) – nhà hóa học Pháp.-315.

Duy-noay-ê (Dunoye), Sác-lơ (1786 – 1862)- nhà kinh tế học tư sản tầm thường và nhà hoạt động chính trị Pháp.-136, 358, 364.

Duy-pông-Đơ-l'Ô-rơ (Dupont de L'Eure), Giắc-cơ Sác-lơ (1767 – 1855)- nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử tự do; người tham gia cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII và cách mạng 1830; vào những năm 40 là người gần gũi với phái cộng hòa tư sản ôn hòa; 1848 là chủ tịch chính phủ lâm thời.-702.

Duy-sa-ten (Duchâtel), Sác-lơ (1803 – 1867) – nhà hoạt động nhà nước phản động Pháp, bộ trưởng Bộ nội vụ (1839 – 1840, 1840 – tháng Hai 1848).-44, 259-264, 268, 269, 296, 699, 712.

Duy-sa-tô (Duchateau)- nhà công nghiệp Pháp, người ủng hộ thuế quan bảo hộ.-357, 365.

Duy-véc-gi-ê Đờ Hô-ran (Duvergier de Hauranne), Prô-xpe (1798 – 1881) – nhà hoạt động chính trị theo phái tự do và nhà chính luận Pháp.-554.

E

En-glơ (Engler)- thành viên của Liên đoàn những người cộng sản.-751.

Êt-mơn-xơ (Edmonds), Tô-mát Rao (1803 – 1889)- nhà kinh tế học Anh, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, đã sử dụng học thuyết của Ri-các-đô để đưa ra những kết luận về chủ nghĩa xã hội.-145.

Êp-xơ (Epps), Giôn (1805 – 1869)- bác sĩ và nhà hoạt động xã hội Anh, phần tử cấp tiến tư sản.-485-488.

G

Gác-ni-ê – Pa-giê-xơ (Garnier- Pagès), Lu-i Ăng-toan (1803 – 1878)- nhà hoạt động chính trị Pháp, là người cộng hòa tư sản theo phái ôn hòa, năm 1848 là ủy viên của chính phủ lâm thời.-539, 552, 555, 556, 558, 702.

Gác-ni-ê-Pa-giê-xơ (Garnier-Pagès), Ê-chiê-n Giô-đép Lu-i (1801 - 1841)- nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà dân chủ tư sản, là người cầm đầu phái đối lập cộng hòa sau cuộc cách mạng 1830.-555.

Ghe-xne (Geßner), Xa-lô-mông (1730 – 1788)- nhà thơ và họa sĩ Thụy Sĩ, đại biểu của nền thi ca điền viên xa rời cuộc sống.-419.

Ghéc-vi-nút (Gervinus), Ghê-oóc Gôt-phrít (1805 – 1871)- nhà sử học tư sản Đức, phần tử tự do.-273.

Ghi-dô (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787 – 1874)- nhà sử học tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp, từ năm 1840 đến năm 1848 trên thực tế chỉ đạo chính sách đối nội và đối ngoại, là người đại biểu cho những lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính.-45, 259, 262, 265, 268, 269, 551-556, 595, 648, 675, 685, 699-702.

Gi-gô (Gigot), Phi-lip (1820 – 1860)- người tham gia phong trào công nhân và dân chủ Bỉ, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, vào những năm 40 là người gần gũi với Mác và Ăng-ghe-n.-709, 710, 712, 731, 750.

Gi-rác-đanh (Girardin), A-lếch-xan-đơ-rơ (1776 – 1855)- tướng Pháp; cha của Ê-min Đờ Gi-rác-đanh.-262.

Gi-rác-đanh (Girardin), Ê-min đờ (1806 – 1881)- nhà chính luận tư sản và nhà hoạt động chính trị Pháp; về mặt chính trị là người vô nguyên tắc cực đoan; trước cách mạng 1848 – 1849 thuộc phái đối lập với chính phủ Gi-đô.-259-264, 506, 553.

Giăng Pôn (Jean Paul) (bút danh của I-ô-han Pau-lơ Phri-đrich Ri-stơ) (1763 – 1825) – nhà văn trào phúng tiểu tư sản Đức.-416.

Giép-phéc-xơn (Jefferson), Tô-mát (1743 – 1826)- nhà hoạt động chính trị và nhà văn Mỹ, đại biểu xuất sắc của phong trào khai sáng tư sản, nhà tư tưởng của các nhóm dân chủ thuộc giai cấp tư sản Mỹ trong cuộc chiến tranh giành độc lập cho những nước thuộc địa Bắc Mỹ, tổng thống Hợp chúng quốc Mỹ (1801 – 1809).-413.

Giê-rác (Gérard), Ê-chiê-n Mô-ri-xơ (1773 – 1852)- nguyên soái và nhà hoạt động nhà nước Pháp người theo phái Oóc-lê-ăng.-701.

Giê-rôn (Jerrold), Đu-gla-xơ Uy-li-am (1803-1857)- nhà văn hài hước và nhà soạn kịch tư sản Anh.-43.

Giéc-xơn (Jackson), Sác-lơ Tô-mát (1805 – 1880)- bác sĩ và nhà hóa học Mỹ; người đã sử dụng ê-te làm thuốc gây mê.-331.

Gioóc-giơ Xăng (George Sand) (1804-1876)- nhà văn nữ Pháp nổi tiếng, tác giả của nhiều tiểu thuyết viết về các đề tài xã hội, người đại biểu cho khuynh hướng dân chủ trong chủ nghĩa lãng mạn.-258.

Giô-tơ-răng (Jottrand), Luy-xiêng Lê-ô-pôn (1804 – 1877) – luật gia và nhà chính luận Bỉ, vào những năm 40 là người dân chủ tiểu tư sản; đại biểu của Hội dân chủ Bruy-xen.-706-710, 712, 742, 747.

Giôn-xơ (Jones), Êc-ne-xơ Sác-lơ (1819 – 1869)- nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Anh, nhà thơ vô sản và nhà chính luận, một trong những lãnh tụ của cánh tả trong phong trào Hiến chương, bạn của Mác và Ăng-ghe-n.-487, 531, 550.

Giu-vê-nan (Đê-xi-mút Giu-ni-út Giu-vê-na-lít) (sinh vào khoảng những năm 60 – chết sau năm 127) – nhà thơ trào phúng nổi tiếng La Mã.-134.

Gơ-tơ (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749 – 1832)- nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức.-311-318, 322-350, 418.

Grê-hêm (Graham), Giêm-xơ Rô-béc Gioóc-giơ (1792 – 1861)- nhà hoạt động nhà nước Anh, người theo phái Pin (phần tử bảo thủ ôn hòa), những năm 1841 – 1846 là bộ trưởng Bộ Nội vụ trong nội các của Pin.-259, 265.

Grếch (Greg), Uy-li-am Rát-bôn (1809 – 1881)- nhà công nghiệp và nhà chính luận Anh, người ủng hộ mật dịch tự do.-571-576, 588.

Grun (Grun), Các (1817 – 1887)- nhà chính luận tiểu tư sản Đức, giữa những năm 40 là một trong những đại biểu chính của "chủ nghĩa xã hội chân chính".-61, 313-326, 320-352, 392, 393, 453, 637.

Guy-lich (Gulich), Gu-xtáp (1791 –)- nhà kinh tế học tư sản và nhà sử học Đức, người ủng hộ thuế quan cấm chi.-361.

Guy-a-xcô (Guasco) Đờ – người tham gia phong trào dân chủ và công nhân Bỉ; làm nghề thợ mộc.-709.

H

Ha-rinh (Harring), Ha-rô (1798-1870) - nhà văn Đức, một phần tử cấp tiến tiểu tư sản.-24, 25, 31.

Hác-ni (Harney), Gioóc-giơ Giuy-li-an (1817 – 1897)- nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Anh, một trong những lãnh tụ của cánh tả trong phong trào Hiến chương; là tổng biên tập báo "Northern Star"; có liên hệ với Mác và Ăng-ghe-n.-405, 488, 532, 549, 550, 744.

Hác-vây (Harvey), Uy-li-am (1578 – 1657)- bác sĩ nổi tiếng người Anh, một trong những người sáng lập ra môn sinh lý khoa học, người phát hiện ra hệ tuần hoàn máu.-231.

Hắc-xơ-hau-den (Haxthausen), Au-gu-xơ (1792 – 1866)- quan lại và nhà văn Phổ, tác giả của tác phẩm miêu tả những tàn dư của chế độ công xã trong quan hệ ruộng đất ở Nga, về quan điểm chính trị là kẻ phản động ủng hộ chế độ nông nô.-596.

Hai-nơ (Heine), Hen-rích (1797-1856)- nhà thơ cách mạng Đức vĩ đại.-304, 305, 401, 660.

Hai-nơ-xten (Heinzen), Các (1809 – 1880)- nhà chính luận Đức theo khuynh hướng cấp tiến, phần tử cộng hòa tiểu tư sản.-379-403, 411-427, 430-436, 438-455.

Han-dơ-man (Hanseemann), Đa-vít (1790 – 1864)- nhà tư bản lớn, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do vùng Ranh; tháng Ba – tháng Chín 1848 là bộ trưởng Bộ tài chính Phổ, đã thực hiện chính sách phân bội bắt tay với thế lực phản động.-444.

Hanh-béc (Heilberg), Lu-i (sinh năm 1818)- nhà báo Đức, một nhà hoạt động chính trị lưu vong ở Bruy-xen, năm 1846 là ủy viên của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen.-9, 10.

Hăng-ri (Henry), Giô-dép (sinh khoảng 1795)- một nhà doanh nghiệp Pháp; tháng Bảy 1846 đã mưu sát Lu-in Phi-líp, bị kết án tù chung thân.-44.

Héc-man (Hermann)- thành viên của Liên đoàn những người cộng sản.-751, 752.

Hen-rích LXXII Rây-xơ Lô-ben-stây-nơ E-béc-xđoóc-phơ (1797 – 1853)- hầu tước cầm quyền ở tiểu công quốc Đức Rây-xơ thuộc ngành thứ (1822 – 1848).-454.

Hết-xơ (Heß), Mô-dét (1812 – 1875)- nhà chính luận tiểu tư sản Đức, giữa những năm 40 là một trong những đại biểu chính của "chủ nghĩa xã hội chân chính".-325.

Hê-be (Hébert), Mi-sen Pi-e A-lếch-xi (1799 – 1887)- luật gia và nhà hoạt động nhà nước bảo thủ Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, bộ trưởng Bộ tư pháp (1847 – tháng Hai 1848).-265, 699.

Hê-ghen (Hegel), Ghê-oóc Vin-hem Phri-đrích (1770 – 1831)- nhà triết học Đức nổi tiếng theo chủ nghĩa duy tâm khách quan, người nghiên cứu một cách toàn diện hơn cả phép biện chứng duy tâm.-180, 181, 184-190, 192, 320, 324, 327, 337, 346, 381, 419.

Hin-đi-sơ (Hilditch), Ri-sác- nhà kinh tế học tư sản Anh giữa thế kỷ XIX.-243.

Hoóc-nơ (Horne)- thành viên Liên đoàn những người cộng sản.-751.

Hô-me – nhà thơ cổ Hy Lạp viết sử thi nửa thần thoại, tác giả của "I-li-át" và "Ô-di-xê".-414, 416.

Hôn-bách (Holbach), Pôn Hăng-ri (1723 – 1789)- nhà triết học nổi tiếng Pháp, đại biểu của chủ nghĩa duy vật máy móc, người theo chủ nghĩa vô thần, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp.-316, 321, 322.

Hốp (Hope), Ghê-oóc (1811 – 1876) – diễn chủ Anh, là người ủng hộ mậu dịch tự do.-572, 588.

Hốp-hau-dơ (Hobhouse), Giôn Cam (1786 – 1869)- nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử tự do chủ nghĩa.-41.

Hốp-xơ (Hobbes) Tô-mát (1588 – 1679)- nhà triết học nổi tiếng Anh, đại biểu của chủ nghĩa duy vật máy móc; những quan điểm chính trị xã hội của ông nổi bật bởi xu hướng phân dân chủ rõ rệt.-287.

Hốt-xkin (Hodgskin), Tô-mát (1787 – 1869)- nhà kinh tế học và nhà chính luận Anh; người bảo vệ lợi ích của giai cấp vô sản và phê phán chủ nghĩa tư bản xuất phát từ lập trường của chủ nghĩa xã hội không tưởng, đã vận dụng học thuyết của Ri-các-đô để đưa ra những kết luận mang tính chất xã hội chủ nghĩa.-145.

Hơ-xkít-xơn (Huskisson), Uy-li-am (1770 – 1830)- nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng bảo thủ, bộ trưởng thương mại (1823- 1827), người chủ trương có những nhượng bộ về kinh tế đối với giai cấp tư sản công nghiệp.-253, 722.

Huê-gơ (Höger), Vin-hem – thành viên của Liên đoàn những người cộng sản.-752.

I

I-a-cô-bi (Jacoby), I-ô-han (1805 – 1877)- nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Đức, nhà dân chủ tư sản; năm 1848 là một trong những thủ lĩnh của cánh tả trong Quốc hội Phổ, những năm 70 tham gia phái những người dân chủ – xã hội.-389.

I-phan-đơ (Iffland), Au-gu-xơ Vin-hem (1759 – 1814)- diễn viên và nhà hoạt động sân khấu Đức, tác giả của những vở kịch lý tưởng hóa chế độ phản động Đức và tiềm nhiễm đạo đức tiểu thị dân.-311.

I-tơ-xơ-stanh (Itzstein), I-ô-han A-đam (1775 – 1855)- nhà hoạt động chính trị Đức, một trong những người lãnh đạo của phái đối lập tự do trong nghị viện Ba-đem.-338.

I-u-ác-tơ (Ewart), Uy-li-am (1798 – 1869)- nhà hoạt động chính trị tự do chủ nghĩa ở Anh, người ủng hộ chính sách mật dịch tự do.-357, 364, 407.

I-u-rơ (Ure), En-driu (1778 – 1857)- nhà hóa học Anh, nhà kinh tế học tầm thường, người ủng hộ chính sách mật dịch tự do.-220 - 263, 583.

K

Kê-nê (Quesnay), Phrăng-xoa (1694 – 1774)- nhà kinh tế học vĩ đại Pháp, người sáng lập ra trường phái trọng nông; là bác sĩ.-180, 181, 584.

Kin (Keen), Sác-lơ- một thành viên của phong trào Hiến chương, một trong những người lãnh đạo hội "Những người dân chủ anh em".-532, 550.

L

La Xa-gra (La Sagra), Ra-mông Đờ (1798 – 1871)- nhà kinh tế học tư sản, nhà sử học và nhà khoa học tự nhiên Tây Ban Nha, một phần tử tự do.-364.

La-bi-ô (Labiaux)- nhà dân chủ Bỉ, hội viên Hội dân chủ Bruy-xen.-748.

La-li-Tô-lăng-đan (Lally – Tollendal), Tơ-rô-phin Giê-ra (1751 – 1830)- nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, thuộc nhóm những người theo chủ nghĩa bảo hoàng ôn hòa, là đại biểu của giai cấp đại tư sản và tầng lớp quý tộc đã tư sản hóa.-445.

La-mác-tin (Lamartine), An-phông-xơ (1790 – 1869)- nhà thơ, nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Pháp, vào những năm 40 là một phần tử tự do, một trong những thủ lĩnh của phái cộng hòa tư sản ôn hòa; năm 1848 là bộ trưởng Bộ ngoại giao và trên thực tế đã từng đứng đầu chính phủ lâm thời.-489-492, 536, 537, 702.

La-mơ-ne (Lamennais), Phê-li-xi-tê (1782 – 1854)- mục sư, nhà chính luận Pháp, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo.-16, 29.

Láp-phit-tơ (Laffite), Giắc-cơ (1767 – 1844)- chủ ngân hàng lớn và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, đại biểu của giai cấp tư sản tài chính.-44, 296.

Lát-xan (Lassalle), Phéc-di-năng (1825 – 1864)- nhà chính luận tiểu tư sản và luật sư Đức, đã tham gia phong trào công nhân, một trong những người sáng lập ra

Liên đoàn công nhân toàn Đức (1863), là người ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ bên trên" dưới quyền lãnh đạo của nhà nước Phổ phản cách mạng, là người mở đầu cho khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong lực lượng dân chủ xã hội Đức.-125.

Lét-xinh (Lessing), Gốt-hôn Ê-phrai-mơ (1729 – 1781)- nhà văn, nhà phê bình và nhà triết học vĩ đại Đức, một trong những nhà khai sáng xuất sắc của thế kỷ XVIII.-324, 325.

Lê-lê-ven (Lelewel), I-ô-a-khim (1786 – 1861)- nhà sử học xuất sắc và nhà hoạt động cách mạng Ba Lan; đã tham gia cuộc khởi nghĩa những năm 1830 – 1831 ở Ba Lan, một trong những lãnh tụ của cánh dân chủ trong hàng ngũ những người lưu vong Ba Lan.-691, 748.

Lê-ô-pôn I (1790 – 1865)- vua Bỉ (1831 – 1865).-712, 714-715.

Lê-ô-pôn II (1797 – 1870)- đại công tước ở Tô-xca-nơ (1824 – 1859).-651.

Lê-vê-ri-ê (Leverrier), Uốc-banh Giăng Giô-dép (1811-1877)- nhà nông học Pháp nổi tiếng.-331.

Li-bích (Liebig), I-u-xtút (1803 – 1873)- bác học Đức nổi tiếng, một trong những người sáng lập ra môn nông hóa.-316.

Li-xơ (List), Phri-drích (1789-1846)- nhà kinh tế học tư sản tầm thường Đức, người chủ trương thực hiện chế độ thuế quan bảo hộ cực đoan.-360, 361, 373, 430.

Lô-đéc-đan (Lauderdale), Giêm-xơ, bá tước (1759 – 1839)- nhà hoạt động chính trị và nhà kinh tế học Anh, người phê bình học thuyết của A. Xmit xuất phát từ lập trường của khoa kinh tế chính trị tầm thường.-108, 109, 122, 172, 173.

Lơ Ác-đi đờ Bô-li-ơ (Le Hardy de Beaulieu), Giăng Sác-lơ Ma-ri Giô-dép (1816 – 1871)- nhà kinh tế học tư sản Bỉ, người ủng hộ chính sách mật dịch tự do.-352, 676.

Lơ-đruy-Rô-lanh (Ledru-Rollin), A-lếch-xăng-đơ Ô-quy-xơ (1807 – 1874)- nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của phái dân chủ tiểu tư sản, tổng biên tập báo "Réforme", năm 1848 là ủy viên chính phủ lâm thời.-520, 523, 524, 552, 556-561, 644, 702.

Lơ-mông-tây (Lemontey), Pi-e Ê-đu-a (1762 – 1826)- nhà sử học, nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII đã gia nhập cánh hữu, phản cách mạng trong Quốc hội lập pháp (1791 – 1792).-209, 223.

Lu-cre-xơ (Ti-tút Lu-cre-xơ Ca-rút) (khoảng 99 – 55 trước công nguyên)- nhà triết học xuất sắc và nhà thơ, nhà duy vật của La Mã, người theo chủ nghĩa vô thần.-187.

Lu-i XI (1423 – 1483)- vua Pháp (1461 – 1483).-545, 547.

Lu-i XIV (1638 – 1715)- vua Pháp (1643 – 1715).-165, 346.

Lu-i XV (1710 – 1774)- vua Pháp (1715 – 1774).-180, 268.

Lu-i XVI (1754 – 1793)- vua Pháp (1774 – 1792), bị xử tử trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.-286-289, 445, 502.

Lu-i-Phi-líp (1773 – 1850)- công tước Oóc-lê-ăng, vua Pháp (1830 – 1848).-45, 46, 269, 296, 297, 507-510, 521-524, 547, 553, 554, 661, 701.

Lút-vích I (1786 – 1868)- vua xứ Ba-vi-e (1825 – 1848).-293, 304, 325.

M

Ma-bli (Mably), Ga-bri-en (1709 – 1785)- nhà xã hội học Pháp nổi tiếng, đại biểu cho chủ nghĩa cộng sản không tưởng và bình quân.-446.

Ma-lu-ê (Malouet), Pi-e Vích-to (1740 – 1814)- nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII thuộc nhóm những người theo chủ nghĩa bảo hoàng ôn hòa, những đại biểu của giai cấp đại tư sản và tầng lớp quý tộc đã tư sản hóa.-445.

Ma-ra-xtơ (Marrast), Ác-măng (1801 – 1852)- nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những thủ lĩnh của phái cộng hòa tư sản ôn hòa, tổng biên tập báo "National"; năm 1848 là ủy viên chính phủ lâm thời và là thị trưởng Pa-ri.-702.

Ma-ri (Marie), A-lêch-xăng-đơ (1795 – 1870)- luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, một phần tử tự do, người theo phái cộng hòa tư sản ôn hòa, năm 1848 là ủy viên chính phủ lâm thời.-511, 523.

Mác (Marx), Các (1818 – 1883)- (các tài liệu tiểu sử).-9, 10, 37, 38, 43, 59-62, 101, 124, 322, 370, 371, 390, 393, 442, 530, 531, 534, 705-709, 711-713, 731, 742, 743, 747-754.

Mác (Marx), Gien-ni, họ thời con gái là Phôn Ve-xtơ-pha-len (1814 – 1881)- vợ của Các Mác, người bạn trung thành và trợ thủ của ông.-709, 712, 713.

Mắc-A-đam (Mac-Adam)- nhà hoạt động của hội phát triển nghề trồng lan ở Ai-rơ-len, người ủng hộ chính sách mậu dịch tự do.-371.

Mác-Grát (Mac-Grath), Phi-líp- nhà hoạt động của phong trào Hiến chương, vào những năm 40 của thế kỷ XIX là ủy viên Ban chấp hành Hội Hiến chương toàn quốc.-487.

Man-tút (Malthus), Tô-mát Rô-bớt (1766 – 1834)- linh mục Anh, nhà kinh tế học phản động, nhà tư tưởng của tầng lớp quý tộc chiếm hữu ruộng đất đã tư sản hóa, kẻ tán dương chủ nghĩa tư bản, là người tuyên truyền thuyết dân số có tính chất chống nhân loại.-377.

Manh-xơ (Maynz), Các Gu-xtáp (1812 – 1882)- luật gia Đức, giáo sư trường Đại học tổng hợp Bruy-xen, hội viên Hội dân chủ Bruy-xen.-748.

Mau-rơ (Maurer), Ghê-oóc Lút-vích (1790 – 1872)- nhà sử học tư sản Đức, nhà nghiên cứu chế độ xã hội Đức thời cổ đại và thời trung cổ.-596.

Mắc-cu-lốc (Mac Culloch), Giôn Ram-xi (1789 – 1864)- nhà kinh tế học tư sản Anh; đại biểu của khoa kinh tế chính trị tầm thường.-318.

Men-txen (Menzel), Vôn-phgang (1789 – 1873)- nhà văn phản động và nhà phê bình văn học Đức, một phần tử dân tộc chủ nghĩa.-328, 350.

Mét-téc-ních (Metternich), Clê-men-xơ, hầu tước (1773 – 1859)- nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1809 – 1821) và thủ tướng (1821 – 1848), kẻ phản động điên cuồng, một trong những người tổ chức ra Liên minh thần thánh.-595, 647, 661, 668, 669, 678, 679, 687, 716.

Mê-li-nê (Mellinet), Phrăng-xoa (1768 – 1852)- tướng Bì, gốc Pháp; người tham gia tích cực vào cuộc cách mạng tư sản Bì năm 1830 và phong trào dân chủ ở Bì, chủ tịch danh dự của Hội dân chủ Bruy-xen.-748.

Mê-rê-đít (Meredith), Uy-li-am Mo-ri-xơ (1799 – 1873) – luật gia tư sản và nhà hoạt động nhà nước Mỹ.-429.

Mi-ra-bô (Mirabeau), Ô-nô-rê Ga-bri-en (1749 – 1791)- nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu cho lợi ích của giai cấp đại tư sản và tầng lớp quý tộc đã tư sản hóa.-445.

Mi-slô (Michelot) – nhà dân chủ Pháp, hội viên hội "Những người dân chủ anh em".-530.

Min (Mill), Giêm-xơ (1773 – 1836)- nhà kinh tế học tư sản và nhà triết học Anh, kẻ tầm thường hóa học thuyết Rì-các-đô, về mặt triết học là người kế thừa Ben-tham.-243.

Min (Mill), Giôn Xtiut-ác (1806 – 1873)- nhà kinh tế học tư sản và nhà triết học thực chứng Anh, kẻ hậu bối của trường phái cổ điển của khoa kinh tế chính trị.-166.

Min-tơn (Milton), Giôn (1608 – 1674)- nhà thơ xuất sắc và nhà chính luận Anh, nhà hoạt động cách mạng tư sản Anh nổi tiếng thế kỷ XVII, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản mang tư tưởng cộng hòa.-545.

Mo-rơ (More), Tô-mát (1478 – 1535)- nhà hoạt động chính trị Anh, chủ tịch thượng nghị viện kiêm quốc vụ khanh, nhà văn nhân đạo, một trong những đại biểu đầu tiên của chủ nghĩa cộng sản không tưởng, tác giả của cuốn "Sự không tưởng".-321.

Moóc-dơ (Morse), Ác-tua- người ủng hộ chính sách mật dịch tự do ở Anh.-572, 573, 588.

Moóc-gan (Morgan), Luy-xơ Hen-ri (1818 – 1881)- bác học Mỹ nổi tiếng, nhà dân tộc học, nhà khảo cổ học và nhà sử học về xã hội nguyên thủy, người theo chủ nghĩa duy vật tự phát.-596.

Mô-lê (Mô-lê), Lu-i Ma-chi-ơ, bá tước (1761 – 1855)- nhà hoạt động nhà nước Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, thủ tướng (1836 – 1837, 1837 – 1839), những năm 1848 – 1851 là một trong những thủ lĩnh của "đảng trật tự" quân chủ – bảo thủ.-268, 702.

Môn (Moll), I-ô-dép (1812 – 1849)- nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và thế giới, làm nghề chữa đồng hồ; một trong những người lãnh đạo của Liên đoàn những người chính nghĩa, ủy viên Ban chấp hành Liên đoàn những người cộng sản, người tham gia cuộc cách mạng 1848 – 1849, đã bị giết trong thời kỳ khởi nghĩa Ba-đen - Phan-xơ.-752.

Mu-ni-e (Mounier), Giăng Giô-dép (1758 – 1806)- nhà hoạt động chính trị Pháp; trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII thuộc nhóm những người theo chủ nghĩa bảo hoàng ôn hòa, những đại biểu của giai cấp đại tư sản và tầng lớp quý tộc đã tư sản hóa.-445.

Muóc-ne (Murner), Tô-mát (1475 – 1537)- nhà văn trào phúng và nhà thần học Đức, lên tiếng chống cải cách tôn giáo; được những người ủng hộ phái Lu-the gọi là "người truyền giáo ngốc nghếch".-413.

Muy-lơ (Müller), I-ô-han (1752 – 1809)- nhà sử học Đức, tác giả của những tác phẩm viết về lịch sử thế giới và lịch sử Thụy Sĩ, đại biểu cho các quan điểm của các giới tiểu tư sản bảo thủ.-496.

N

Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ (1769 – 1821)- hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815).-71, 73, 189, 321, 329, 662, 668, 671, 685, 688.

Nai-lơ-xơ (Niles), He-di-cai-a (1777 – 1839)- nhà báo tư sản Mỹ, người xuất bản tạp chí "Niles Weekly Register".-429.

Nen-xơn (Nelson), Gô-ra-xi-ô (1758 – 1805)- đô đốc, một tướng lĩnh quan trọng của hạm đội Anh.-501.

Ni-cô-lai I (1796 – 1855)- hoàng đế Nga (1825 – 1855).-664.

Nốc-xơ (Noakes), Giôn – nhà chính luận cấp tiến Anh.-404.

O

Oóc-lê-ăng, công tước – xem *Lu-i Phi-líp*.

Ô-boóc-xki (Oborski), Lút-vích (1787 – 1873)- một nhà hoạt động chính trị Ba Lan lưu vong ở Luân Đôn, hội viên của hội "Những người dân chủ anh em".-532.

Ô' Cô-nen (O' Connell), Đa-ni-en (1775 – 1874)- luật sư Ai-rơ-len và nhà hoạt động chính trị tư sản, thủ lĩnh của cánh hữu tự do chủ nghĩa trong phong trào giải phóng dân tộc.-562-565, 567, 689.

Ô' Cô-nen (O'Connell), Giôn (1810 – 1858)- nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, một phần tử tự do chủ nghĩa, con trai của Đa-ni-en Ô' Cô-nen.-562, 563, 567.

Ô' Cô-nen (O'Connell), Mo-ri-xơ (chết năm 1853)- nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, phần tử tự do chủ nghĩa, con trai của Đa-ni-en Ô' Cô-nen.-562.

Ô' Cô-nen (O'Connell), Moóc-gan (1804 – 1885)- nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, người chống lại cuộc đấu tranh đòi hủy bỏ sự hợp nhất Anh – Ai-rơ-len năm 1801, con trai của Đa-ni-en Ô' Cô-nen.-562.

Ô' Cô-no (O'Connor), Phéc-giuyt (1794 – 1855)- một trong những thủ lĩnh của cánh tả trong phong trào Hiến chương, người sáng lập và tổng biên tập báo "Northern Star"; sau năm 1848 là người theo chủ nghĩa cải lương.-41-43, 405, 481-488, 548, 549, 563-568, 742.

Ô-di (Hody)- trưởng cơ quan an ninh ở Bruy-xen.-714, 715.

Ô-oen (Owen), Rô-bóc (1771 – 1858)- nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Anh.-640, 642.

Ôc-xen-banh (Ochsenbein), I-ô-han Un-rích (1811 – 1890)- nhà hoạt động nhà nước tư sản Thụy Sĩ, một trong những lãnh tụ của phái cấp tiến và phái tự do Thụy Sĩ trong thời kỳ nội chiến năm 1847, người đứng đầu chính phủ liên bang (1847 – 1848).-669.

P

Pác-ny (Parny), Ê-va-ri-xơ Đê-di-rơ, từ tước (1753 – 1814)- nhà thơ Pháp.-349.

Pan-móc-xton (Palmerston), Hen-ri Giôn (1784 – 1865)- nhà hoạt động nhà nước Anh, bắt đầu hoạt động là người theo đảng bảo thủ, từ năm 1830 là một trong những thủ lĩnh của phái cấp tiến, dựa vào những phần tử phản động nhất của phái này, là bộ trưởng Bộ ngoại giao (1830 – 1834, 1835 – 1841 và 1846 – 1851), bộ trưởng Bộ Nội vụ (1852 – 1855) và thủ tướng (1855 – 1858 và 1859 - 1865).-405, 552, 680.

Pét-ti (Petty), Uy-li-am (1623 – 1687)- nhà kinh tế học và nhà thống kê học xuất sắc người Anh, người sáng lập ra khoa kinh tế chính trị cổ điển ở Anh.-248.

Pê-le-xinh (Pellering), Giảng (1817 – 1877)- một trong những người tham gia tích cực vào phong trào công nhân ở Bỉ, hội viên của Hội dân chủ Bruy-xen, làm nghề đóng giày.-748.

Pha-ra-đây (Faraday), Mai-cơn (1791 – 1867)- bác học nổi tiếng người Anh, nhà vật lý và nhà hóa học.-316.

Phéc-di-năng I (1793 – 1875) - hoàng đế Áo (1835-1848).-663, 664, 695.

Phéc-di-năng II (1810 – 1859) - vua Na-plơ (1830-1859).-501, 651, 679.

Phéc-guy-xơ (Ferguson), A-đam (1723 – 1816)- nhà sử học tư sản Xcôt-len, nhà triết học và nhà xã hội học.-209.

Phê-đơ (Faider), Vích-to – luật sư và nhà hoạt động chính trị Bỉ, nhà dân chủ tư sản.-352, 355.

Phi-líp I (khoảng 1052 – 1108)- vua Pháp (1060 – 1108).-160-161.

Phi-sơ (Fischerr), F. – thành viên của Liên đoàn những người cộng sản.-750.

Phlô-công (Flocon), Phéc-di-năng (1800 – 1866)- nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những tổng biên tập báo "Réforme", năm 1848 là ủy viên chính phủ lâm thời.-520, 523, 524, 553, 558, 559, 702.

Phlô-ri-ăng (Florian), Giảng Pi-e (1755 – 1794)- nhà văn và nhà thơ Pháp, một trong những đại biểu của nền thi ca quý tộc suy đồi, tác giả của trường ca về Vin-hem Ten-lơ.-496.

Phoi-ơ-bắc (Feuerbach), Lút-vích (1804 – 1872)- nhà triết học duy vật Đức lớn nhất trước Mác.-61, 314, 325, 327, 381, 383.

Phô-ghen (Vogel)- thành viên của Liên đoàn những người cộng sản.-752.

Phô-gle (Vogler)- thành viên của Liên đoàn những người cộng sản.-752.

Phô-len (Follen), Au-gu-xơ A-đôn-phơ Lút-vích (1794 – 1855)- nhà chính luận và nhà thơ Đức, người tham gia cuộc chiến tranh chống Pháp thời Na-pô-lê-ông, sau năm 1815 tham gia phong trào chống đối của sinh viên.-697.

Phrai-li-grát (Freilirath), Phéc-di-nan (1810 – 1876)- nhà thơ Đức, bước đầu hoạt động là người theo chủ nghĩa lãng mạn, sau đó là nhà thơ cách mạng, những năm 1818 – 1849 là một trong những biên tập viên của báo "Neue Rheinische Zeitung", thành viên của Liên đoàn những người cộng sản; vào những năm 50 đã từ bỏ đấu tranh cách mạng.-380.

Phran-tơ I (1768 – 1835)- hoàng đế Áo (1792 – 1835), trước năm 1806 mang tước hiệu hoàng đế của Đế chế La Mã thần thánh.-661, 664, 668, 669.

Phrê-đê-rích VII (1808 – 1863)- vua Đan Mạch (1848 – 1863).-680.

Phri-đrich-Vin-hem II (1774 – 1797)- vua Phổ (1786 – 1797).-336.

Phri-đrich-Vin-hem III (1770 – 1840)- vua Phổ (1797 – 1840).-48.

Phri-đrich-Vin-hem IV (1795 – 1861)- vua Phổ (1840 – 1861).-33, 36, 39, 40, 48, 50, 52, 53, 58, 90, 91, 287, 288, 324, 445, 647-650, 655, 680.

Phrê-ben (Fröbel), I-u-li-út (1805 – 1893)- nhà chính luận Đức và người xuất bản sách báo tiến bộ, phần tử cấp tiến tiểu tư sản; đã tham gia cuộc cách mạng 1848 – 1849 ở Đức, nghị sĩ của Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; sau này là phần tử tự do chủ nghĩa.-390.

Phu-ri-ê (Fourier) Sác-lơ (1772 – 1837)- nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp.-640, 642.

Phun-đơ (Fould), A-sin (1800 – 1867)- chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, sau này theo phái Bô-na-pác-tơ, trong thời gian 1849 – 1867 đã nhiều lần giữ chức bộ trưởng Bộ tài chính.-45, 506.

Phuyn-si-rông (Fulchiron), Giăng Clô-đơ (1774 – 1859)- nhà tư bản lớn và nhà hoạt động chính trị bảo thủ Pháp, người cuồng nhiệt bảo vệ lợi ích của tầng lớp quý tộc tài chính.-506.

Pi IX (1792 – 1878)- giáo hoàng La Mã (1846 – 1878).-649, 651, 653, 654, 678.

Pi-các (Picard), An-be- luật sư và nhà hoạt động chính trị Bì, hội viên của Hội dân chủ Bruy-xen.-742.

Pin (Peel), Rô-bóc (1788 – 1850)- nhà hoạt động nhà nước Anh, người theo phái bảo thủ ôn hòa, thủ tướng (1841 – 1846), được sự ủng hộ của phái tự do đã thực hiện việc hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc (1846).-648, 675, 722, 723, 726.

Plây-phê (Playfair) (1818 – 1898)- nhà hóa học Anh.-316.

Pru-đông (Proudhon), - Pi-e Giô-đép (1809 – 1865)- nhà chính luận Pháp, nhà kinh tế học tầm thường và nhà xã hội học, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những cha đẻ của chủ nghĩa vô chính phủ.-16, 59-62, 101-120, 121-142, 144, 150, 154-200, 204-215, 216-220, 224-237, 241-253, 330, 331, 342, 401, 638.

Q

Quết-ghen (Köttgen), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1805 – 1882)- họa sĩ và nhà thơ Đức, vào những năm 40 tham gia phong trào công nhân, có quan điểm gần gũi với "chủ nghĩa xã hội chân chính".-35, 36.

Quy-bi-e-rơ (Cubières), A-mê-đê Lu-in (1786 – 1853)- tướng Pháp và nhà hoạt động nhà nước, người theo phái Oóc-lê-ăng; năm 1839 và năm 1840 là bộ trưởng Bộ chiến tranh, năm 1847 bị cách chức vì tội ăn hối lộ và tham gia những vụ gian lận.-259, 260.

R

Rau-cli-phơ (Rowcliffe), Uy-li-am – phần tử cấp tiến Anh, vào những năm 40 của thế kỷ XIX gia nhập phái Hiến chương.-406.

Ri-các-đô (Ricardo), Đa-vít (1772 – 1823)- nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển.-106, 107, 117-125, 128, 129, 139, 144, 163-166, 172, 181, 203, 234-242, 375, 376, 438, 576, 584.

Ri-sơ-li-ơ (Richelieu), Ác-măng Giăng (1585 – 1642)- nhà hoạt động nhà nước lớn nhất của Pháp trong thời kỳ tồn tại chế độ chuyên chế, là hồng y giáo chủ.-545.

Rít-tinh-hau-den (Rittinghausen), Mô-ri-txơ (1814 – 1890)- nhà chính luận, nhà dân chủ tiểu tư sản Đức; vào những năm 1848 – 1849 đã làm việc trong tòa soạn báo "Neue Rheinische Zeitung", thành viên của Quốc tế I, sau này là thành viên của Đảng dân chủ - xã hội Đức (đến năm 1884).-355, 356, 365, 372.

Rô-bác (Roebuck), Giôn Ác-tu-a (1801 - 1879) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, là phần tử cấp tiến.- 259.

Rô-gi-ê (Rogier), Sác-lơ La-toa (1800 – 1885)- nhà hoạt động nhà nước tư sản Bì, phần tử tự do ôn hòa; vào những năm 1847 - 1852 là bộ trưởng Bộ nội vụ.-714, 715, 716.

Rôn-ngơ (Ronge), I-ô-han-nét (1813 – 1887)- linh mục Đức, một trong những người sáng lập ra phong trào "những người Thiên chúa giáo Đức" chủ trương làm cho đạo Thiên chúa thích ứng với nhu cầu của giai cấp tư sản Đức.-311.

Rốt-sin (Rothschild), Giêm-xơ (1792 – 1868)- người đứng đầu gia đình Rốt-sin, một gia đình chủ ngân hàng ở Pa-ri.-44-47, 269, 506.

Rốt-sin (Rothschild), Xô-lô-mông (1774 – 1855)- người đứng đầu gia đình Rốt-sin, một gia đình chủ ngân hàng ở Viên.-667, 679.

Rốt-sin(Rothschild), Sác-lơ (1788 – 1855)- một trong những đại biểu của các chủ ngân hàng thuộc dòng họ Rốt-sin.-670.

Rốt-sin (dòng họ)- dòng họ cha truyền con nối những chủ ngân hàng có ngân hàng ở nhiều nước châu Âu.-291-302.

Rốt-xi (Rossi), Pen-lê-gri-nô (1787 – 1848)- nhà kinh tế học tư sản, luật gia và nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a, đại biểu của khoa kinh tế chính trị tầm thường; một thời gian dài sống ở Pháp.-124, 232.

Ru-gơ (Ruge), Ác-nôn (1802 – 1880)- nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, phần tử cấp tiến tư sản; năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc thuộc cánh tả, sau năm 1866 là người theo chủ nghĩa dân tộc – tự do.-273, 381, 395, 396, 448, 452.

Ru-mi-nhi (Rumigny), Ma-ri I-pô-lit Đờ, hầu tước (1784 – 1871)- nhà ngoại giao Pháp.-704.

Rút-xô (Rousseau), Giăng Giắc (1712 – 1778)- nhà khai sáng nổi tiếng người Pháp, nhà dân chủ, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản.-445, 446, 545.

S

Sác-lơ I (1600 – 1649)- vua Anh, bị xử tử trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII.-289.

Sác-lơ II (1630 – 1685)- vua Anh (1660 – 1685).-248.

Sác-lơ X (1757 – 1836)- vua Pháp (1824 – 1830).-504.

Sác-lơ An-be (1798 – 1849)- vua xứ Xác-đi-ni (1831 – 1849).-651, 678.

Sáp-phơ (Schapper), Các (khoảng 1812-1870) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế, một trong những người lãnh đạo của Liên đoàn những người chính nghĩa, thành viên của Ủy ban trung ương Liên đoàn những người cộng sản, là người tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849; năm 1850 là một trong những thủ lĩnh của nhóm "cánh tả" một nhóm biệt phái trong thời kỳ phân liệt của Liên đoàn những người cộng sản; năm 1856 lại gần gũi với Mác; thành viên của Tổng hội đồng Quốc tế I.-530-532, 550, 739, 751-754.

Séc-buy-li-ê (Cherbuliez), Ăng-toan Ê-li-dê (1797-1869) – nhà kinh tế học Thụy Sĩ, môn đồ của Xi-xmôn-di, đã kết hợp học thuyết của Xi-xmôn-di với các yếu tố của học thuyết Ri-các-đô. –243.

Sép-tơ-xbơ-ri (Shaftesbury), An-tô-ni, bá tước (1671-1713)- nhà triết học và đạo đức học Anh, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa thần luận; nhà hoạt động chính trị, người thuộc đảng cấp tiến.-545.

Sê-ri-đan (Sheridan), Ri-sốt Brinh-xli (1751-1816)- nhà soạn kịch và nhà hoạt động chính trị Anh, đại biểu của cánh cấp tiến trong đảng dân quyền.-259.

Sếch-xpia (Shakespeare), Uy-li-am (1564-1616)- nhà văn Anh vĩ đại.-315, 414, 415, 431.

Si-linh (Schilling)- thành viên của Liên đoàn những người cộng sản.-751.

Si-lơ (Schiller), Phri-đrich (1759-1805)- nhà văn Đức vĩ đại.-305, 324, 325, 496,500.

Slê-ghen (Schlegel), Au-gu-xơ Vin-hem (1767-1845)- nhà thơ, nhà dịch thuật, nhà

nhà nghiên cứu lịch sử văn học, một trong những đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn phản động.-415.

Stai-ken-sơ (Steingens), Du-ít-béc Hen-rích Héc-man (sinh khoảng năm 1817) – người tham gia phong trào công nhân Đức ở Bruy-xen, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản; làm nghề sơn.-750.

Stiéc-nơ (Stirner), Ma-khơ (bút danh của Ca-xpa Smít) (1806-1856)- nhà triết học Đức, người thuộc phái Hê-ghen trẻ, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cá nhân tư sản và chủ nghĩa vô chính phủ .-61, 381, 400.

Stoóc-sơ, An-drây Các-lô-vích (Hen-rích) (1766-1835) – nhà kinh tế học tư sản Nga, nhà thống kê và nhà sử học, thành viên của Viện hàn lâm khoa học Pê-téc-bua, hậu bối của trường phái cổ điển của khoa kinh tế chính trị. – 113.

T

Ta-lây-răng-Pê-ri-go (Talleyrand-Périgord), Sác-lơ Mo-ri-xơ, hầu tước (1754-1838)- nhà ngoại giao Pháp nổi tiếng, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1797-1799, 1799-1807, 1814-1815), đại biểu Pháp tại Hội nghị Viên (1814-1815); là người nổi tiếng về tính cực kỳ vô nguyên tắc trong chính trị và hám lợi.-661.

Tai-lơ (Tyler), Uốt (chết năm 1381)- lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất ở Anh năm 1381.-385.

Tê-đê-xcô (Tedesco), Vích-to (1821-1897) – luật sư Bỉ, nhà dân chủ cách mạng và nhà xã hội chủ nghĩa, người tham gia phong trào công nhân, những năm 1847-1848 đã gần gũi với Mác và Ăng-ghen.-532, 709.

Tê-ren-xi (Pu-bli-út Tê-ren-xi-út A-phơ) (khoảng 185-159 trước công nguyên)- nhà soạn kịch nổi tiếng của La Mã.-412.

Tếch-xơ (Tex), Coóc-nê-lít An-ne, đen (1795-1854) – nhà luật học tư sản Hà Lan, đồng thời là người nghiên cứu những vấn đề kinh tế chính trị.-371.

To-van-xen (Thovaldsen), Béc-ten (1768-1844)- nhà điêu khắc nổi tiếng của Đan Mạch.-503.

Tôm-xơn (Thompson), Tô-mát Pê-rô-nét (1785-1869)- nhà hoạt động chính trị tư sản Anh, nhà kinh tế học tầm thường, người ủng hộ chính sách mậu dịch tự do.-358, 365, 366, 518.

Tôm-xơn (Thompson), Uy-li-am (khoảng 1785-1833) – nhà kinh tế học Ai-rơ-len, đã sử dụng học thuyết của Ri-các-đô để đưa ra những kết luận mang tính chất xã hội chủ nghĩa; môn đồ của Ô-oen.-145.

Tsu-đi (Tschudi), Ê-gi-đi (1505-1572)- nhà biên niên sử Thụy Sĩ và nhà hoạt động chính trị phân động, người chống lại phong trào cải cách, đại biểu cho lợi ích của các giới gia trưởng – quý tộc thuộc các bang của Thụy Sĩ cổ.-496.

Túc-cơ (Tooke), Tô-mát (1774-1858)- nhà kinh tế học tư sản Anh, thuộc trường phái cổ điển, đã phê phán học thuyết tiền tệ của Ri-các-đô.-166.

U

Uê-cli (Wakley), Tô-mát (1795-1862) – bác sĩ và nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến tư sản.-563.

Uôn-pôn (Walpole), Rô-bớt (1676-1745)- nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh phái cấp tiến, thủ tướng (1721-1742), người mở đầu cho chế độ những nội các độc lập với nhà vua và dựa vào phe đa số trong nghị viện; chuyên dùng thủ đoạn mua chuộc.-371.

Uy-li-am III, Ô-răng-giơ (1650-1702)- thống đốc Hà Lan (1672-1702), vua Anh (1689-1702).-234.

Uyn-xơn (Wilson), Giêm-xơ (1805-1860) – nhà kinh tế học tư sản và nhà hoạt động chính trị Anh, người ủng hộ chính sách mậu dịch tự do, người sáng lập và tổng biên tập tạp chí "Economist".-532.

Uyn-xơn (Wilson)- người tham gia phong trào Hiến chương ở Anh.-364, 365, 371, 372.

V

Vai-tlinh (Weitling), Vin-hem (1808-1871)- nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức trong thời kỳ phong trào còn phôi thai, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng; làm nghề thợ may.-9.

Văng đơ Ca-xten (Van de Casteele)- chủ xưởng ở Li-lơ, người ủng hộ chính sách mậu dịch tự do.-371.

Ve-xơ-pha-len (Westphalen), Êt-ga phôn (sinh năm 1819)- em trai của Gien-ni Mác, năm 1846 tham gia Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen.-9, 10.

Véc-thơ (Weerth), Ghê-oóc (1822-1856)- nhà thơ vô sản và nhà chính luận Đức, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, những năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên của báo "Neue Rheinische Zeitung"; bạn của Mác và Ăng-ghe-n.-36, 354, 366-372.

Ven-cơ (Welcker), Các Tê-ô-đo (1790-1869)- luật gia Đức, nhà chính luận thuộc phái tự do, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa hữu khuynh.-338.

Vê-nê-đây (Veneday), I-a-cốp (1805-1871) – nhà chính luận cấp tiến và nhà hoạt động chính trị Đức, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc thuộc cánh tả; sau cách mạng 1848-1849 là phần tử tự do.-380, 751.

Vi-lăng (Wieland), Cri-xtốp Mác-tin (1733-1813)- nhà văn Đức trong thời kỳ Khai sáng tư sản.-324.

Vin-lơ-nơ-vơ-Bác-giơ-mông (Vileneuve-Bargemont), Giảng Pôn An-băng, từ tước Đờ (1784-1850) – nhà hoạt động chính trị phân động và nhà kinh tế học Pháp, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội phong kiến.-199.

Vít-tơ (Witt), I-an Đờ (1625-1672)- nhà hoạt động nhà nước Hà Lan, trên thực tế là tình trường của Hà Lan (1653-1672), là người đại biểu cho những lợi ích của giai cấp tư sản thương nghiệp lớn.-371.

Vô-lốp-xki (Wolowski), Lu-i (Lút-vích) (1810-1876) – nhà kinh tế học tầm thường và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, gốc là người Ba Lan.-355, 356, 364, 365, 371, 372.

Vôn-phơ (Wolff), Vin-hem (1809-1864) – nhà cách mạng vô sản Đức, nhà hoạt động xuất sắc của Liên đoàn những người cộng sản. Những năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên của báo "Neue Rheinische Zeitung"; là bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-n.-705, 709, 731.

Vôn-phơ (Wolf), Phéc-đi-năng – nhà chính luận Đức, năm 1846 là ủy viên của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen; thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, những năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên của báo "Neue Rheinische Zeitung"; sau cách mạng 1848-1849 đã rời khỏi Đức lưu vong ra nước ngoài, sau này đã từ bỏ hoạt động chính trị.-9, 10, 37, 38.

Vôn-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (1694-1778)- nhà triết học thần luận, nhà văn trào

phúng, nhà sử học Pháp, đại biểu xuất sắc của phái Khai sáng tư sản thế kỷ XVIII, là người đầu tranh chống chế độ chuyên chế và đạo Thiên chúa.-160, 235, 545.

X

Xanh-Xi-mông (Saint-Simon), Hăng-ri (1760-1825) – nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp.-640.

Xát-lơ (Sadler), Mai-cơ Tô-mát (1780-1835) – nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị Anh, nhà từ thiện tư sản, tham gia đảng bảo thủ.- 168.

Xây (Say), Giăng Ba-ti-xơ (1767-1832)- nhà kinh tế học tư sản Pháp, đại biểu của khoa kinh tế chính trị tầm thường.-108, 117, 131, 164, 209, 364, 375.

Xây (Say), Ô-rát (1794-1860)- nhà kinh tế học tầm thường Pháp.-364.

Xéc-van-tét Đờ Xa-vê-đra (Cervantes de Saavedra), Mi-ghen (1547-1616)- nhà văn hiện thực nổi tiếng của Tây Ban Nha.-413.

Xê-ni-o (Senior), Nat-xô Uy-li-am (1790-1864) – nhà kinh tế học tầm thường Anh, kẻ thù điên cuồng chống lại phong trào công nhân.-167, 473.

Xi-ây-ét (Sieyès), Ê-ma-nu-en Giô-đép (1748-1836) – linh mục Pháp, nhà hoạt động của cách tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu của giai cấp đại tư sản.-28.

Xi-xmôn-đi (Sismondi), Giăng Sác-lơ Lê-ô-na Xi-môn-đơ Đờ (1773-1842)- nhà kinh tế học Thụy Sĩ, đã đứng trên lập trường tiểu tư sản để phê phán chủ nghĩa tư bản.-107, 108, 140, 143, 210, 632.

Xít-ni (Sydney), An-giéc-nơ (1622-1683)- nhà hoạt động chính trị và nhà văn Anh, người tham gia cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, trong thời kỳ Phục tích là một trong những lãnh tụ của phái đối lập cấp tiến, người ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến.--455.

Xmit (Smith), A-đam (1723-1790) – nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển.-106, 115-121, 130, 158, 204, 209, 218, 221, 233, 375, 438, 451.

Xô-đê (Sauzet), Giăng Pi-e (1800-1876) – luật sư và nhà hoạt động chính trị bảo thủ Pháp, thuộc phái Oóc-lê-ăng, chủ tịch hạ nghị viện (1839 – tháng Hai 1848).-296.

Xpin-hoóc-nơ (Spilthoorn), Sác-lơ Lu-i (1804-1872)- luật sư Bỉ, nhà hoạt động nổi

tiếng của phong trào dân chủ, đã tham gia cuộc cách mạng tư sản Bỉ năm 1830, hội viên của Hội dân chủ Bruy-xen, chủ tịch Hội dân chủ ở Gan-tơ.-748.

Xtéc-bi-xki (Sterbitki)- thành viên của Liên đoàn những người cộng sản.-351, 352.

Xti-phen-xơ (Steffens), Hen-rích (1773-1845)- nhà tự nhiên học, nhà triết học theo phái Sê-linh và nhà văn Đức, gốc là người Na Uy, tác giả của những tiểu thuyết về cuộc sống của nhân dân Na-Uy.-500.

Xtiu-át (Steuart), Giêm-xơ (1712-1780)- nhà kinh tế học tư sản Anh, một trong những đại biểu cuối cùng của chủ nghĩa trọng thương.-233.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông") (Au-xbuốc).-450, 532, 695.

"The Anti-Bread-Tax Circular" ("Thông tri chống thuế lúa mì") (Man-se-xtơ).-722.

"L' Atelier, organe spécial de la classe laborieuse, rédigé par des ouvriers exclusivement" ("Xưởng thợ, cơ quan đặc biệt của giai cấp lao động, chỉ do công nhân biên tập") (Pa-ri).-408, 409.

"Berliner politisches Wocnenblatt" ("Tuần báo Béc-lin").-648.

"Le Bien Public" ("Lợi ích xã hội") (Ma-côn).-493, 538.

"Le Constitutionnel" ("Người lập hiến") (Pa-ri).-510, 521, 553.

"Débats" – xem "Journal des Débats politiques et littéraires".

"Le Débat Social, organe de la démocratie" ("Tranh luận xã hội, cơ quan của phái dân chủ") (Bruy-xen).-672, 676, 745.

"Deutsche-Brüsseler-Zeitung" ("Báo Bruy-xen - Đức").-53, 62, 95, 270, 290, 352, 359, 378, 390, 403, 413, 418, 421, 426, 430, 446, 505, 529, 532, 535, 538, 547, 568, 660, 671, 676, 683, 694, 703, 705, 743.

"Deutsche-Französische Jahrbücher" ("Niên giám Pháp – Đức") (Pa-ri).-62, 125, 321, 322, 442.

"The Economist" ("Nhà kinh tế học") (Luân Đôn).-364.

"L'Époque" ("Thời đại") (Pa-ri).-263.

"Frankfurter Gelehrte Anzeigen" ("Chỉ dẫn khoa học Phran-phuốc").-334.

"The Globe and Traveller" ("Trái đất và nhà du hành") (Luân Đôn).-48, 409, 483.

"L'Indépendance belge" ("Độc lập của Bỉ") (Bruy-xen).-672.

"Journal de Bruxelles" ("Báo Bruy-xen").-535.

"Journal des Débats politiques et Littéraires" ("Báo tranh luận chính trị và văn học") (Pa-ri).-48, 507, 532, 552, 553, 686.

"The League. The Exponent of the Principles of Free Trade, and the Organ of the National Anti-Corn-Law League" ("Liên đoàn. Người cổ vũ các nguyên tắc mật dịch tự do và cơ quan của Hội liên hiệp quốc gia chống những đạo luật về ngũ cốc") (Luân Đôn).-365.

"Leipziger Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông Lai-pxích").-293.

"Lloyd's Weekly London Newspaper" ("Tuần báo Lôi-đơ ở Luân Đôn").-483.

"Manchester Examiner" ("Người quan sát Man-se-xtơ").-483.

"The Manchester Guardian" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ").-365, 410.

"Le Moniteur Parisien" ("Người truyền tin Pa-ri).-743.

"Le National" ("Báo Dân tộc") (Pa-ri).-45, 47, 260, 507, 508, 513, 520-525, 539-542, 552-561, 702.

"Niles' Weekly Register" ("Tuần báo Nai-xơ") (Ban-ti-mo).-483.

"Nonconformist" ("Người không theo quốc giáo") (Luân Đôn).-483.

"The Northern Star" ("Sao Bắc Đẩu"). (Luân Đôn).-34, 40, 42, 43, 46, 47, 55, 58, 269, 378, 404, 405, 410, 481-483, 487, 488, 493, 507, 516, 525, 530-532, 535, 543, 544, 547, 548, 561, 566, 704, 710, 742, 744.

"Nottingham Mercury" ("Người truyền tin Nốt-tinh-hêm").-483.

"The Peoplés Journal" ("Tập chí nhân dân") (Luân Đôn).-43.

"La Presse" ("Báo chí") (Pa-ri).-410.

"La Réforme" ("Cải cách") (Pa-ri).-46, 47, 65, 407, 484, 488, 490, 491, 508, 514, 519, 520-525, 532, 539-542, 551-561, 565, 644, 703, 711, 713, 716, 748.

"Register" – xem "Niles' Weekly Register".

"Rhei-und Mosel-Zeitung" ("Báo Ranh và Mô-den") (Cô-blen-txơ).-59.

"Rheinische Jahrbücher zur gesellschaftlichen Reform" ("Niên giám tỉnh Ranh về các vấn đề cải cách xã hội") (Đác-mơ-stát).-321.

"Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe" ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") (Khuên).-59.

"Rheinische Beobachter" ("Người quan sát tỉnh Ranh") (Khuên).-270, 271, 275, 276-281, 288.

"*La Riforma*" ("Cải cách") (Lúc-ca).-695-698.

"*Le Siècle*" ("Thế kỷ") (Pa-ri).-296, 511, 512, 553.

"*Star*" – xem "*The Northern Star*".

"*Telegraph für Deutschland*" ("Điện tín nước Đức") (Hăm-buốc).-727.

"*The Times*" ("Thời báo") (Luân Đôn).-47, 368, 532.

"*Trier'sche Zeitung*" ("Báo Tơ-ria").-50, 62, 278, 393.

"*L'Union monarchique*" ("Liên minh quân chủ") (Pa-ri).-538.

"*Der Volks-Tribun*" ("Diễn đàn nhân dân") (Niu -Oóc).-9-11, 14-20, 23, 27, 29, 30.

"*The Weekly Dispatch*" ("Tin nhanh hàng tuần") (Luân Đôn).-483.

"*Das Westphälische Dampfboot*" ("Tàu thủy Ve-xtơ-pha-li") (Pa-đéc-boóc-nơ).-60.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nhà xuất bản</i>	7
C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Thông tri chống Cri-ghê	9
<i>Phần thứ nhất.</i> Việc biến chủ nghĩa cộng sản thành những lời mê sảng về tình yêu	11
<i>Phần thứ hai.</i> Khoa kinh tế chính trị của tờ "Volks – Tribun" và thái độ của nó đối với tổ chức "Nước Mỹ trẻ"	17
<i>Phần thứ ba.</i> Những lời huênh hoang siêu hình	21
<i>Phần thứ tư.</i> Sự ve vãn tôn giáo	24
<i>Phần thứ năm.</i> Sự phát triển của cá nhân Cri-ghê	30
Ph. Ăng-ghe-n. Việc vi phạm hiến pháp Phổ	33
C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Thư của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen gửi G.A.Quết-ghe-n	35
Ph.Ăng-ghe-n. Vấn đề ngân hàng Phổ	39
C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. Thư chúc mừng của những người dân chủ – cộng sản Đức ở Bruy-xen gửi ông Phéc-giuýt Ô' Cô-no	41
Ph. Ăng-ghe-n. Chính phủ và phái đối lập ở Pháp	44
Ph. Ăng-ghe-n. Hiến pháp Phổ	48
C.Mác. Tiểu luận chống Các Grun	59
Ph. Ăng-ghe-n. Vấn đề hiến pháp ở Đức	63
§I	63
§II. Status quo và giai cấp tư sản	68
Ph. Ăng-ghe-n. Chế độ thuế quan bảo hộ hay là chế độ mậu dịch tự do	90

C.Mác. Sự khốn cùng của triết học. Trả lời cuốn "Triết học về sự khốn cùng" của Pru-đông	97
Lời nói đầu.....	101
<i>Chương một.</i> Một phát kiến khoa học.....	103
§I. Sự đối lập giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi	103
§II. Giá trị cấu thành hay giá trị tổng hợp.....	116
§III. Việc ứng dụng quy luật tỷ lệ giữa các giá trị	154
A. Tiền tệ.....	154
B. Số dư thừa do lao động đem lại	166
<i>Chương hai.</i> Phép siêu hình của khoa kinh tế chính trị	180
§I Phương pháp.....	180
Nhận xét thứ nhất	181
Nhận xét thứ hai.....	187
Nhận xét thứ ba.....	188
Nhận xét thứ tư	189
Nhận xét thứ năm	192
Nhận xét thứ sáu	194
Nhận xét thứ bảy và cuối cùng.....	200
§II. Phân công lao động và máy móc.....	206
§III. Cạnh tranh và độc quyền	224
§IV. Quyền sở hữu ruộng đất hay địa tô	234
§V. Những cuộc bãi công và những liên minh của công nhân.....	248
Ph. Ăng-ghen. Ngày tàn và giờ sụp đổ đã gần của Ghi-dô.- Lập trường của giai cấp tư sản Pháp	259
C.Mác. Chủ nghĩa cộng sản của báo "Rheinischer Beobachter"	270
Ph. Ăng-ghen. Chủ nghĩa xã hội Đức dưới dạng thơ và văn xuôi.....	291
1. Các-lơ Béch. "Những bài hát về người nghèo", hay là thơ ca của "chủ nghĩa xã hội chân chính"	291
2. Các Grun. "Bàn về Gơ-tơ theo quan điểm con người". Đắc-mơ-stát, 1846.....	313
Ph.Ăng-ghen. Đại hội các nhà kinh tế học	352
C.Mác. Phái thuế quan bảo hộ, phái mậu dịch tự do và giai cấp công nhân	360
Ph. Ăng-ghen. Đại hội Bruy-xen về vấn đề mậu dịch tự do.....	364

Ph.Ăng-ghen. Những người cộng sản và Các Hai-nơ-txen.....	379
Bài thứ nhất.....	379
Bài thứ hai	390
Ph.Ăng-ghen. Cuộc khủng hoảng thương nghiệp ở Anh. – Phong trào Hiến chương-Ai-rơ-len	404
Ph.Ăng-ghen. Chủ và thợ ở Anh. Gửi các biên tập viên công nhân của tờ "Atelier"	408
C.Mác. Sự phê phán có tính dạy đạo đức và đạo đức có tính phê phán. Bàn về lịch sử văn hoá Đức. Chống Các Hai-nơ-txen	411
Ph. Ăng-ghen. Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản.....	456
Ph.Ăng-ghen. Cương lĩnh ruộng đất của phái Hiến chương	481
Ph.Ăng-ghen. Bữa tiệc của phái Hiến chương nhân cuộc bầu cử năm 1847	485
Ph.Ăng-ghen. Bản tuyên ngôn của ông La-mác-tin.....	489
Ph.Ăng-ghen. Nội chiến ở Thụy Sĩ.....	494
Ph.Ăng-ghen. Phong trào đòi cải cách ở Pháp	506
Ph.Ăng-ghen. Phong trào Hiến chương	517
Ph.Ăng-ghen. Sự phân liệt trong hàng ngũ của phái cải cách.- Các tờ báo "Réforme" và "National".- Những thành tựu của phong trào dân chủ	520
C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Bàn về Ba Lan. Những bài diễn văn trong cuộc mít-tinh quốc tế ở Luân Đôn, kỷ niệm 17 năm cuộc khởi nghĩa của Ba Lan năm 1830, ngày 29 tháng Mười một 1847	526
Diễn văn của Mác.....	526
Diễn văn của Ăng-ghen.....	528
Ph.Ăng-ghen. Kỷ niệm cuộc cách mạng Ba Lan năm 1830.....	530
C.Mác. Tiểu luận chống A. Béc-ten-xơ.....	533
C.Mác. La-mác-tin và chủ nghĩa cộng sản.....	536
Ph.Ăng-ghen. Các báo "Réforme" và "National".....	539
Ph.Ăng-ghen. Bài diễn văn của Lu-i Blăng trong bữa tiệc ở Đì-giông.....	543
Ph.Ăng-ghen. Sự cổ động của phái Hiến chương.....	548

Ph.Ăng-ghen. Đa số "đã được thỏa mãn". – Dự án "cải cách" do Ghi-dô đưa ra.- Những quan điểm lạ lùng của ông Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ.- Bữa tiệc dân chủ ở Sa-lôn. – Bài diễn văn của ông Lơ-druy-Rô-lanh.- Đại hội dân chủ.- Bài diễn văn của ông Phlô-công.- Các tờ báo "Réforme" và "National"	552
Ph.Ăng-ghen. Đạo luật đặc biệt đối với Ai-rơ-len và phái Hiến chương	562
Ph.Ăng-ghen. Phéc-giuýt Ô' Cô-no và nhân dân Ai-rơ-len	566
C.Mác. Diễn văn về mặt dịch tự do, đọc tại cuộc họp công khai của Hội dân chủ Bruy-xen, ngày 9 tháng Giêng 1848	569
C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản	591
§I. Tư sản và vô sản	596
§II. Những người vô sản và những người cộng sản	614
§III. Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa	629
1. Chủ nghĩa xã hội phân động	629
a) Chủ nghĩa xã hội phong kiến	629
b) Chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản	632
c) Chủ nghĩa xã hội Đức hay chủ nghĩa xã hội "chân chính"	633
2. Chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản	637
3. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tương – phê phán	639
§IV. Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập	644
Ph. Ăng-ghen. Các phong trào năm 1847	647
Ph. Ăng-ghen. Bước đầu của sự cáo chung của nước Áo	661
C.Mác. Tờ "Débat Social" số ra ngày 6 tháng Hai viết về Hội dân chủ	672
Ph.Ăng-ghen. Ba Hiến pháp mới	677
C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Về vấn đề Ba Lan. Những bài diễn văn trong cuộc họp long trọng ở Bruy-xen, kỷ niệm lần thứ hai cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp năm 1846, ngày 22 tháng Hai 1848	684
Diễn văn của Mác	684
Diễn văn của Ăng-ghen	689
Ph.Ăng-ghen. Vài lời nói với báo "Riforma"	695
Ph.Ăng-ghen. Cuộc cách mạng ở Pa-ri	699
Ph.Ăng-ghen. Thư gửi ông tổng biên tập báo "Northern Star"	704
C.Mác. Thư gửi ông tổng biên tập báo "Réforme"	711

C.Mác. Sự truy nã những người nước ngoài ở Bruy-xen	714
Ph. Ăng-ghen. Tình hình ở Bỉ	717
<i>Phần bổ sung</i>	
Ph. Ăng-ghen. Lịch sử những đạo luật về ngũ cốc ở Anh	720

PHỤ LỤC

Bản ghi chép của Mác về việc thành lập chi bộ và khu bộ Bruy-xen của Liên đoàn những người cộng sản, ngày 5 tháng Tám 1847	731
Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản	732
Hội dân chủ Bruy-xen gửi hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn	740
Trích bài tường thuật của tờ "Deutsche- Brüsseler- Zeitung" về cuộc họp của Hội dân chủ ngày 20 tháng Hai 1848	743
Gửi ông Giuy-li-an Hác-ni, tổng biên tập báo "Northern Star", bí thư hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân đôn	744
Gửi các ông ủy viên trong chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa Pháp	746
Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản ngày 3 tháng Ba 1848	749
Biên bản cuộc họp của chi bộ Pa-ri của Liên đoàn những người cộng sản ngày 8 tháng Ba 1848	751
Biên bản cuộc họp của các chi bộ Pa-ri thuộc Liên đoàn những người cộng sản ngày 9 tháng Ba 1848	753
<i>Chú thích</i>	755
<i>Thân thể và sự nghiệp của C.Mác và Ph. Ăng-ghen</i>	799
<i>Bản chỉ dẫn tên người</i>	809
<i>Bản chỉ dẫn các xuất bản phẩm định kỳ</i>	838

PHỤ BẢN

Biểu họa của Ph.Ăng-ghen về sắc từ của Phri-đrich-Vin-hem IV trong buổi khai mạc Nghị viện liên hợp ở Béc-lin, ngày 11 tháng Tư 1847	53

Bìa của lần xuất bản đầu tiên cuốn "Sự khốn cùng của triết học".....	99
Một trang của báo "Deutsche- Brüsseler-Zeitung" có đăng bài của C.Mác "Chủ nghĩa cộng sản của báo "Rheinischer Beobachter"" và phần đầu bài khái luận của Ph.Ăng-ghen "Chủ nghĩa xã hội Đức dưới dạng thơ và văn xuôi".....	giữa trang 270-271
Bìa trong của lần xuất bản thứ nhất tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"	593
Trang bìa nháp của tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"	621
Bìa ngoài cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1848 (gồm 30 trang).....	giữa trang 630-631